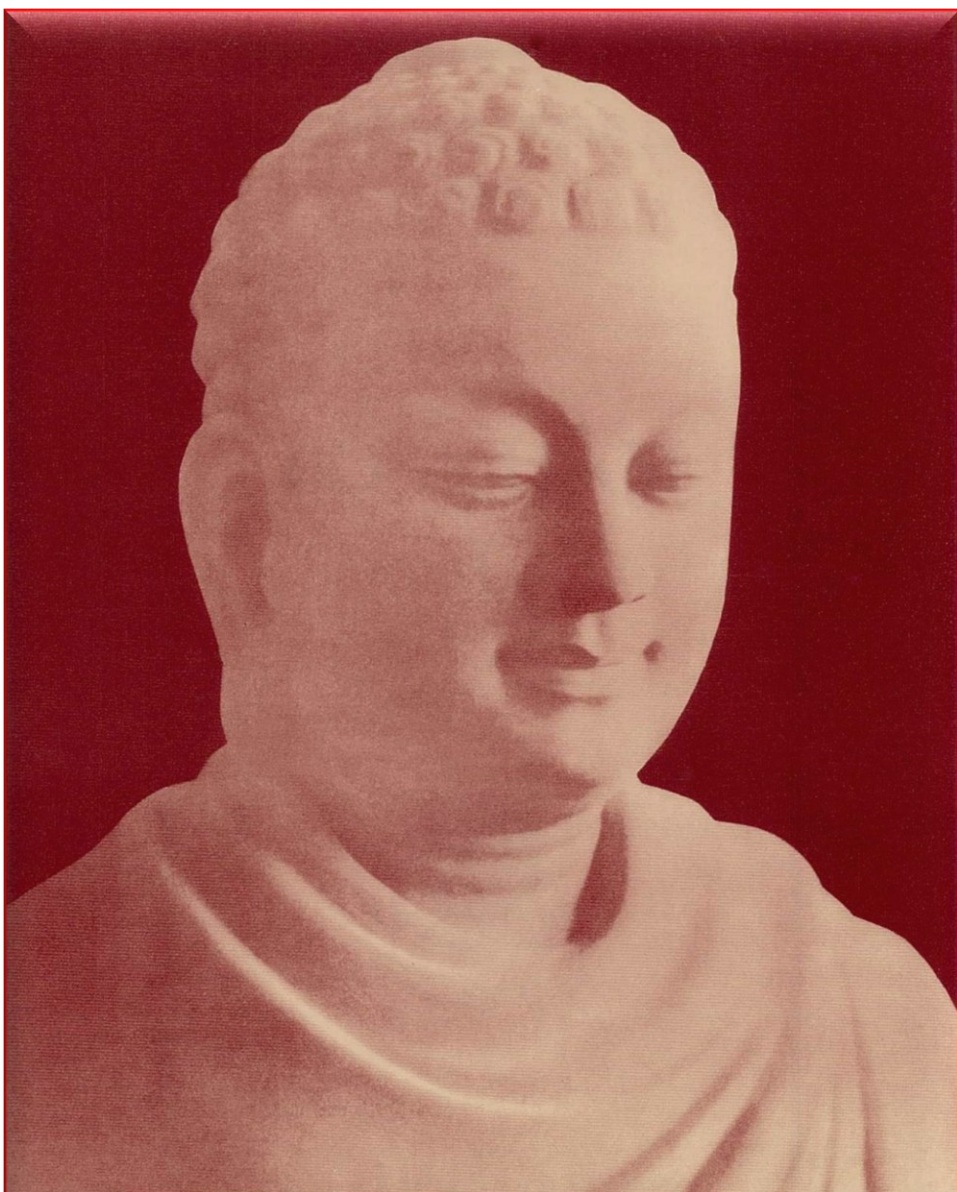


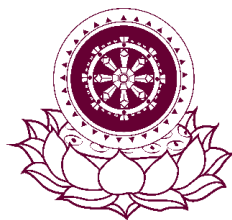


NAM - MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

BỘ BẢN DUYÊN 8 – T 17

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 17

BỘ BẢN DUYÊN
VIII



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 17

**BỘ BẢN DUYÊN
VIII**

SỐ 212 → 219

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

- 1. Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
- 2. Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
- 3. Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đẳng Tối Chánh Giác...
- 4. Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

- 1. Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ân quang, rừng Thi lợi...
- 2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
- 3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
- 4. Chủng loại:** chư Thiên
- 5. Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāḷi)

- 1. Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
- 2. Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
- 3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
- 4. Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
- 5. Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāḷi)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC

BỘ BẢN DUYÊN 8 – T017

SỐ 212	11
KINH XUẤT DIỆU	11
QUYỂN 1	11
Phẩm 1: Vô Thường (Phần 1).....	11
QUYỂN 2	48
Phẩm 1: Vô Thường (Phần 2).....	48
QUYỂN 3	87
Phẩm 1: Vô Thường (Phần 3).....	87
QUYỂN 4	129
Phẩm 2: Dục	129
QUYỂN 5	167
Phẩm 3: Ái.....	167
Phẩm 4: Không Buông Lung (Phần 1)	194
QUYỂN 6	204
Phẩm 4: Không Buông Lung (Phần 2)	204
Phẩm 5: Buông Lung (Phần 1)	226
QUYỂN 7	242
Phẩm 5: Buông Lung (Phần 2)	242
QUYỂN 8	279
Phẩm 6: Niệm.....	279
QUYỂN 9	315
Phẩm 7: Giới.....	315
QUYỂN 10	350
Phẩm 8: Học	350
Phẩm 9: Phi Bácg (Phần 1)	374
QUYỂN 11	390
Phẩm 9: Phi Bácg (Phần 2)	390
Phẩm 10: Hạnh	403
QUYỂN 12	431
Phẩm 11: Tín	431
QUYỂN 13	472
Phẩm 12: Sa-Môn.....	472

Phẩm 13: Đạo (Phần 1).....	495
QUYỂN 14	508
Phẩm 13: Đạo (Phần 2).....	508
Phẩm 14: Lợi Dưỡng (Phần 1)	532
QUYỂN 15	541
Phẩm 14: Lợi Dưỡng (Phần 2)	541
QUYỂN 16	575
Phẩm 15: Phần Nộ.....	575
QUYỂN 17	608
Phẩm 16: Duy Niệm	608
Phẩm 17: Tập (Phần 1).....	635
QUYỂN 18	646
Phẩm 17: Tập (Phần 2).....	646
Phẩm 18: Thủy	664
QUYỂN 19	677
Phẩm 19: Hoa.....	677
Phẩm 20: Mã Dự.....	695
QUYỂN 20	708
Phẩm 21: Giận Dữ.....	708
Phẩm 22: Như Lai (Phần 1).....	729
QUYỂN 21	746
Phẩm 22: Như Lai (Phần 2).....	746
Phẩm 23: Văn.....	758
Phẩm 24: Ngã.....	770
QUYỂN 22	785
Phẩm 25: Nói Rộng	785
Phẩm 26: Thân (Gần gũi)	800
QUYỂN 23	821
Phẩm 27: Nê-Hoàn	821
QUYỂN 24	857
Phẩm 28: Quán (Suy xét)	857
QUYỂN 25	890
Phẩm 29: Ác Hạnh	890
QUYỂN 26	929
Phẩm 30: Song Yếu.....	929
QUYỂN 27	964
Phẩm 31: Lạc (Vui)	964
QUYỂN 28	999

Phẩm 32: Tâm Ý.....	999
QUYỂN 29.....	1036
Phẩm 33: Sa-Môn.....	1036
Phẩm 34: Phạm Chí (Phần 1).....	1060
QUYỂN 30.....	1074
Phẩm 34: Phạm Chí (Phần 2).....	1074
SỐ 213.....	1108
PHÁP TẬP YẾU TỤNG KINH.....	1108
QUYỂN 1.....	1108
Phẩm 1: Hữu Vi.....	1108
Phẩm 2: Ái Dục.....	1114
Phẩm 3: Tham.....	1117
Phẩm 4: Phóng Dật.....	1120
Phẩm 5: Ái Lạc.....	1126
Phẩm 6: Tri Giới.....	1129
Phẩm 7: Thiện Hành.....	1132
Phẩm 8: Ngữ Ngôn.....	1135
Phẩm 9: Nghiệp.....	1137
Phẩm 10: Chánh Tín.....	1140
Phẩm 11: Sa-Môn.....	1143
QUYỂN 2.....	1146
Phẩm 12: Chánh Đạo.....	1146
Phẩm 13: Lợi Dưỡng.....	1149
Phẩm 14: Oán Gia.....	1152
Phẩm 15: Úc Niệm.....	1154
Phẩm 16: Thanh Tịnh.....	1158
Phẩm 17: Thủy Dụ.....	1161
Phẩm 18: Hoa.....	1164
Phẩm 19: Mã Dụ.....	1168
Phẩm 20: Sân Hận.....	1170
Phẩm 21: Như Lai.....	1173
Phẩm 22: Đa Văn.....	1176
Phẩm 23: Tự Kỷ.....	1179
QUYỂN 3.....	1184
Phẩm 24: Quảng Thuyết.....	1184
Phẩm 25: Thiện Hữu.....	1189
Phẩm 26: Viên Tịch.....	1192
Phẩm 27: Quán Sát.....	1197

Phẩm 28: Tội Chương	1203
Phẩm 29: Tương Ứng	1208
QUYỂN 4.....	1216
Phẩm 30: Lạc.....	1216
Phẩm 31: Hộ Tâm.....	1223
Phẩm 32: Bí-Sô	1230
Phẩm 33: Phạm Chí.....	1239
SỐ 214.....	1251
PHẬT NÓI KINH CHÓ DỮ.....	1251
SỐ 215.....	1255
PHẬT NÓI KINH THÍ DỤ BẦY TRÂU.....	1255
SỐ 216.....	1258
PHẬT NÓI KINH CHUYỆN CÁ LỚN	1258
SỐ 217.....	1262
PHẬT NÓI KINH THÍ DỤ.....	1262
SỐ 218.....	1265
PHẬT NÓI KINH VUA QUẢN ĐẢNH.....	1265
SỐ 219.....	1267
PHẬT NÓI KINH THẦY THUỐC.....	1267



LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 17

BỘ BẢN DUYÊN

8

SỐ 212

(QUYỂN 1 → 30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 212

BÀI TỰA KINH XUẤT DIỆU

Kinh Xuất Diệu do Bồ-tát Bà-tu-mật Cừu Pháp Cứu soạn, tập thành một ngàn chương, gồm ba mươi ba phẩm, gọi là Pháp Cú Lục. Kinh vốn gồm nhiều phần phức tạp được giải thích ra gọi là Xuất Diệu. Danh từ Xuất Diệu cữ dịch là Thí Dụ, tức bộ thứ sáu trong mười hai bộ kinh.

Năm thứ mười chín niên hiệu Kiến nguyên đời Tiền Tần (*Phù Tần*) có Sa-môn Tăng-già-bạt-trừng, người nước Kế-tân bên Ấn độ, vượt ngọn Thông lĩnh, qua sa mạc vùng Tây bắc Trung hoa, chẳng ngại đường xá xa xôi muôn dặm, đến Trường an. Kiến thức của ngài thật sâu rộng tuyệt luân. Thầy ngài (*có lẽ là Đại An*) coi ngài là pháp khí nên rất kính trọng ngài. Ngài giảng pháp cũng rất cao sâu, trong khoảng bốn năm, sư đã giảng cho vua nghe biết bao điều cốt yếu siêu dị cùng những tạp sự đặc kỳ. Nhưng sau đó chẳng bao lâu, Tam Tần sụp đổ, sư phải tránh nạn nơi đất Đông Chu. Về sau vào khoảng năm thứ tư niên hiệu Hoàng sơ đời Hậu Tần sư quay về Y lạc, định trở về quê cũ nên phải nấn ná nơi kinh đô. Nhìn con đường trước

mất mà lòng những than thở vì kinh Pháp Cú chưa hoàn bị mà kinh Xuất Diệu cũng chưa xong, tâm trí sư luôn nghĩ ngợi băn khoăn, lòng dạ luống ôm ắp niềm khoắc khoải khôn nguôi.

Có quan Thái úy Diêu Mân lòng thành khẩn nghe chuyện vui mừng không kịp đợi vời sư đến, đi gặp người ngay. Mùa thu năm thứ năm niên hiệu Hoàng sơ, Thái úy thỉnh cầu sư bắt đầu việc phiên dịch, đến mùa xuân năm thứ năm Hoàng sơ là xong. Trong công việc phiên dịch này, Bạt-trùng cầm nguyên bản tiếng Phạm, Trúc Phật Niệm dịch và Đạo Nghi ghi chép. Làm cho bản dịch bóng bẩy như ngọc bích họ Hòa là phần việc của hai sư Phật Niệm và Đạo Nghi, phần sư Bạt-trùng rà soát lại bao quát phần thiên pháp mà kiểu chính cho hoàn bị. Thời đó không có gì để nương tựa, chỉ căn cứ vào nguyên bản tiếng Phạm mà thôi. Xưa có bốn quyền mà phần ích lợi cũng đã nhiều. Nay có được quyền dịch này giải thích đầy đủ, đọc nó hiểu được rõ ràng vậy!

Tôi từ Võ đương khăn gói rong ruổi đến chốn kinh đô Văn vật để học hỏi cùng tham quan phong hóa, được tham dự vào việc rà soát lại bản in, nhân đó viết lời tựa.

Ngày 12 tháng 8 năm đầu niên hiệu Hoàng thi (399),

Tăng Duệ viết lời tựa đầu sách.

GIỚI THIỆU KINH XUẤT DIỆU

I. Kinh Xuất Diệu:

Gồm ba mươi quyển (hoặc hai mươi bốn quyển) do Tôn giả Pháp Cú (Dharmatrāta) soạn và do Trúc Phật Niệm cùng Tăng-già-bạt-trưng hợp dịch. Sách hoàn thành trong khoảng Vĩnh hòa năm thứ sáu cho đến Nghĩa hy thứ mười ba đời Đông Tấn (350-417) và còn có tên là Xuất Diệu luận. Sách được chép vào quyển thứ bốn Đại Tạng Kinh và thuộc dạng chú thích các bài kệ ở các kinh rồi qua thí dụ hoặc truyện tích tập hợp lại mà viết thành, chia ra làm ba mươi bốn phẩm. Tên cũ Xuất Diệu là Thí Dụ (Avadāna) dịch âm là A-bà-đà-na là quyển thứ sáu trong mười hai bộ kinh của Phật giáo, mục đích nhằm trợ giúp cho việc lý giải giáo lý bằng cách dùng thí dụ hoặc ngụ ngôn để thuyết minh. Toàn quyển kinh qua các thí dụ mà thuyết minh lẽ vô thường của nhân sinh, lấy việc tu hành giới, định, tuệ để tích tập căn lành mà đạt đến đạo lý giải thoát, có nội dung tương tự kinh Pháp Cú. Quyển sáu kinh này định nghĩa chữ Xuất Diệu như sau: “Gọi là Xuất Diệu tức từ phẩm thứ nhất “Vô thường” cho đến phẩm cuối cùng “Phạm chí”, kinh đã thu thập yếu tạng của các kinh khác, diễn giải tỏ rõ ra để dạy dỗ đời sau, cho nên gọi là Xuất Diệu”.

II. Bồ-tát Pháp Cú:

Trong bài tựa kinh Xuất Diệu, Tăng Duệ ghi sách do Bồ-tát Bà-tu-mật Cử Pháp Cứu soạn. Nhưng Phật học sử cũng ghi Pháp Cứu là từ dịch theo ý của chữ Đạt-ma-đa-la (Dharmatrāta), cũng còn gọi là Đàm-ma-đa-la, là Luận sư của Nhất thiết hữu bộ, ra đời kế tiếp các ngài Bà-tu-mật (*dịch ý Thế Hữu*) và Cù-sa (*dịch ý Diệu Âm*). Sách Đại Tỳ-bà-sa luận quyển thứ bảy mươi bảy cũng cho sư là một trong bốn vị Luận sư thuyết về Nhất thiết hữu bộ, hoặc cho sư là một trong bốn vị Đại luận sư của Bà-sa hội. Nhưng ở các sách Câu-xá luận, hoặc Tôn giả Bà-tu-mật Bồ-tát Tập luận hay Tỳ-bà-sa luận thì phần nhiều dùng tên Đại đức Pháp Cứu, Tôn giả Pháp Cứu, Tôn giả Đàm-ma-đa-la để dẫn dụng luận thuyết của các vị Luận sư đó, có nghĩa Pháp Cứu với họ là một. Nhưng mặt khác, kinh Pháp Cú lại ghi là do Đại đức Pháp Cứu soạn. Do đó rất khó mà xác định Bà-tu-mật Cử Pháp Cứu là một hoặc hai người và sự tích của tác giả kinh Xuất Diệu cũng không có gì rõ ràng cả.

III. Tăng-già-bạt-trùng:

Tăng-già-bạt-trùng, Sankrist là Samghabhūti, dịch theo ý là Chúng Hiện, là Tăng nhân dịch kinh đời Đông Tấn, người nước Kế-tân miền Bắc Ấn độ. Sư là người lâu thông tam tạng, bác lãm quần điển, tinh thông thiên học, lại chuyên tụng đọc A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận, quán thông diệu chỉ. Sư là người có chí đi xa nên vào khoảng năm thứ mười

chín niên hiệu Phù tần Kiến nguyên (383), sư vượt dãy Thông lĩnh, xuyên sa mạc Tây bắc Trung hoa đến Trường an, cùng với Đạo An, Đàm-ma-nan-đề, Phật-đồ-la-sát, Triệu Chính dịch A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa luận. Năm thứ hai mươi Phù tần Kiến nguyên lại theo lời yêu cầu của Triệu Chính cùng Đàm-ma-nan-đề, Tăng-già-đề-bà và Trúc Phật Niệm dịch bộ tập luận mười quyển của Tôn giả Bà-tu-mật Bồ-tát. Không bao lâu sau đó sư lại theo yêu cầu của Triệu Chính, tại chùa Thạch dương ở Trường an dịch tập kinh ba quyển của Tăng-già-la-sát. Sau đó đất Quang trung đại loạn, sư tạm lánh nạn vùng Đông Tấn.

Năm thứ tư niên hiệu Hoàng sơ đời Diêu Tần (397) sư quay trở về vùng Y lạc. Mùa thu năm thứ năm niên hiệu Hoàng sơ, đáp lời thỉnh cầu của Thái úy Diêu Mân, sư cùng Trúc Phật Niệm dịch kinh Xuất Diệu ba mươi quyển. Sư là người giới đức nghiêm túc, ly trần thoát tục, Tăng chúng vùng Quang trung đều coi sư là tấm gương sáng. Về sau không biết sư tịch thế nào.

IV. Thông Lĩnh:

Tên một dãy núi phát mạch từ vùng Tân cương chạy dài đến Bồ lô, còn được gọi là Côn luân hay Thiên sơn. Núi cao trùng điệp rất khó trèo qua.

V. Lưu Sa:

Chỉ dãy sa mạc to lớn vùng Tây bắc nước

Trung hoa, vượt qua thật thiên nan vạn khổ.

VI. Tiên Sư:

Đây là lời gọi của Tăng Duệ, tỏ ý tôn vọng thầy mình, có lẽ là Đại An chứ chữ Tiên Sư không phải chỉ thầy của Tăng-già-bạt-trùng.

VII. Đông Chu:

Tức chỉ vùng đất Đông Tấn.

VIII. Tăng Duệ:

Tăng nhân đời Đông Tấn, người Trường lạc, Ngụy quận, năm sinh, ngày mất không rõ, là một trong Tứ thánh đất Quang trung. Thuở nhỏ sư đã có chí xuất trần, năm mười tám tuổi xuống tóc thờ Tăng Hiền làm thầy, đến năm hai mươi tuổi đã bác thông kinh luận. Khi nghe Tăng Lãng giảng kinh Phóng Quang Bát-nhã thì sư thường hay vặn hỏi những chỗ nghi ngờ khiến Tăng Lãng phải ngợi khen tài. Năm hai mươi bốn tuổi sư chu du các nước giảng đạo thính chúng rất đông, nhưng sư vẫn than là thiên pháp chưa được lưu truyền. Kịp đến tháng chạp năm thứ ba niên hiệu Hoằng thi đời Diêu Tần (401), Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập đến Trường an, sư bèn theo ngài thọ thiên pháp, nhờ thầy truyền dạy pháp yếu, luyện tập chuyên cần đêm ngày. Quan tư đồ Diêu Tung rất khế trọng sư. Tần chúa Diêu Hưng cũng ca tụng tài sư. Sư từng cùng nhóm Tăng Triệu tham đính các kinh do Cưu-ma-la-thập dịch. Đời sau cho sư là một trong

bốn Đại đệ tử của La-thập (*Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung và Tăng Duệ*). Khi La-thập dịch kinh Pháp Hoa đến chỗ chuyển thành câu văn Hán “Thiên kiến nhân, nhân kiến thiên” thấy trúc trắc phải suy đi nghĩ lại, thì sư kiến nghị nên dịch là “Nhân thiên giao tiếp, lưỡng đắc tương kiến” được La-thập vui vẻ nhận ngay và câu chuyện trên lập tức trở thành giai thoại nhất thời. Sau La-thập đưa Thành Thật luận cho sư giảng thuyết, chỉ ý của sư rất khế hiệp ý của La-thập.

Bình sinh sư viết rất nhiều lời tựa cho các quyển kinh dịch từ Phạm và Hán như Pháp Hoa Kinh Hậu Tụ, Đại Trí Độ Luận Tụ, Tỳ-ma-la-cật-đề Kinh Nghĩa Số Tụ, Tụ Tại Vương Kinh Hậu Tụ, Quang Trung Xuất Thiên Kinh Tụ mà nay hãy còn lưu hành và một số bài tựa nay đã mất như Thành Thật Luận Tụ, Bách Luận Tụ, Tư Ích Kinh Nghĩa Số Tụ. Ngoài ra, do bài tựa kinh Đại Phẩm do sư soạn mà người đời biết được vị thầy mà sư thờ chính thức là Đạo An, mặc dù trong suốt cuộc đời sư còn học đạo với một số các thiền sư khác là Đạo Hiền, Đạo Lăng và Cưu-ma-la-thập.

IX. Trúc Phật Niệm:

Tăng nhân đời Đông Tấn, người Lương châu (*Cam túc, Vũ uy*). Xuất gia từ thuở còn thơ, ý chí học đạo nghiệp rất kiên định. Ngoài việc học tập các kinh, sư còn nghiên cứu sâu rộng ngoại điển. Khoảng niên hiệu Phù tần Kiến nguyên (365-384),

các ngày Tăng-già-bạt-trùng và Đàm-ma-nan-đề cùng đến Trường an và theo yêu cầu của Triệu Chính, Bạt-trùng phiên dịch Bà-tu-mật Sở Tập Luận, Nan-đề dịch Vương Tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên Kinh, Tăng Nhất A-hàm Kinh, Trung A-hàm Kinh, còn sư thì phụ trách nhiệm vụ truyền ngữ. Theo sách Lương Cao Tăng truyện thì khoảng thời gian 399 đến 416, tức thời Diêu Tần Hoàng thi, sư dịch cả thảy năm bộ kinh là Bồ-tát Anh Lạc Kinh, Thập Trụ Đoạn Kết Kinh, Xuất Diệu Kinh, Bồ-tát Xứ Thai Kinh, Trung Âm Kinh được đời gọi là bậc Tông sư trong ngành dịch kinh đời Phù và Diêu Tần.

Theo quyển hai, sách Tam Tạng Ký Tập thì ngoài năm bộ vừa kể sư còn dịch thêm Kinh Vương Tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên, Bồ-tát Anh Lạc Bốn Nghiệp Kinh, Trì Nhân Bồ-tát Kinh, Đại Phương Đẳng Vô Tướng Kinh, Bồ-tát Phổ Xứ Kinh, Thập Tụng Tỳ-kheo-ni Giới... Sau sư viên tịch ở Trường an. Năm tịch và niên thọ đều không rõ.

Cư sĩ Lý Việt Dũng viết lời giới thiệu.

SỐ 212

KINH XUẤT DIỆU

*Biên soạn: Tôn giả Pháp Cứu soạn.
Hán dịch: Đời Diêu Tần, Sa-môn Trúc
Phật Niệm, người đất Lương châu.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: Vô Thường (Phần 1)

Thuở ấy, Đức Phật trụ tại nước Ba-la-nại, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Trong đời vị lai sẽ có loài chúng sinh sống lâu đến tám muôn bốn ngàn tuổi. Lúc bấy giờ, loại chúng sinh sống tám muôn bốn ngàn tuổi ấy, trong cõi Diêm-phù này, mọi người cùng chung sống một nơi, lúa thóc trúng mùa, nhân dân đông đúc, tiếng chó sủa, tiếng gà gáy hòa quyện với nhau.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, lúc bấy giờ con gái đến năm trăm tuổi mới đi lấy chồng. Lúc ấy, có vị vua tên Nhương Khư có đầy đủ bảy báu cai trị nhân dân bằng chánh pháp, không làm những điều tà vạy. Nhà vua có một chiếc xe báu bằng lông chim tự nhiên, cao cả ngàn khuỷu tay, rộng mười sáu khuỷu tay. Vua cho sửa sang trang hoàng bằng

nhiều chuỗi ngọc quý báu. Rồi giữa chốn đông người, vua phân của bố thí, không hề tiếc rẻ, tạo lập công đức, dẫn đầu mọi người, các vị đặc đạo từ phương xa đến ở lại, hoặc chỉ tạt qua nghỉ đêm vua đều cúng dường. Ai cần món gì, vua đều ban cho hết mà lòng không hối tiếc.

Lúc con người sống tám muôn bốn ngàn tuổi ấy, có Đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn, cũng như Ta ngày nay, thành Vô Thượng Chánh Chân Đăng Chánh Giác, đủ mười hiệu. Đức Phật ấy thường hộ trì vô số trăm ngàn vị Tỳ-kheo cũng như Ta ngày nay hộ trì vô số trăm ngàn vị Tỳ-kheo và các đại chúng. Ngài rộng nói pháp sâu xa, thượng, trung, hạ đều lành, nghĩa lý nhiệm mầu, thanh tịnh đầy đủ, tu hành phạm hạnh cũng như Ta ngày nay vì các đại chúng rộng nói pháp sâu xa thượng, trung, hạ đều lành, nghĩa lý nhiệm mầu, thanh tịnh đầy đủ, tu hành phạm hạnh.

Rộng nói về việc Đức Di-lặc hạ sinh, như lời Đức Phật dạy, có kinh tên Lục Cảnh Lạc Đạo. Trong kinh ấy nói:

“Nếu con người sinh vào kiếp ấy, nếu mắt thấy sắc thì chỉ thấy sắc lành, không thấy sắc xấu, thấy điều đáng yêu chứ không thấy điều không đáng yêu, thấy điều đáng kính chứ không thấy điều

không đáng kính, thấy điều đáng nghĩ chứ không thấy điều không đáng nghĩ, thấy sắc đẹp chứ không thấy sắc không đẹp. Các chúng sinh ấy tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết trơn láng, ý biết pháp, cho đến trời Đế Thích cũng lại như thế”.

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn đến giảng đường lớn bên bờ ao Di hâu thuộc nước Tỳ-xá-ly. Lúc ấy, có rất nhiều chàng trai xứ Tỳ-xá-ly đều cùng nghĩ rằng: “Chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Đức Thế Tôn thăm hỏi và đánh lễ Ngài.” Trong số các thanh niên ấy có người cỡi ngựa xanh, che lọng xanh, y phục cũng màu xanh, có người cỡi ngựa màu vàng, màu xanh, màu đỏ, màu trắng, y phục đều màu trắng. Họ lên đường với tiếng chuông trống hòa nhau, tấu trời kỹ nhạc, trước sau theo nhau đến chỗ Thế Tôn. Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy nên biết, nếu ai chưa thấy các vị trời dạo chơi đến khu vườn ở phía sau tám gôi thì hôm nay nên nhìn các chàng thanh niên này, y phục, ngựa xe của họ sánh với các vị trời, chẳng khác gì nhau. Vì sao vậy? Vì các vị trời ăn mặc cũng giống như họ.

Bảy giờ, có hàng trăm ngàn người đang ngồi trong giảng đường ai nấy đều suy nghĩ: “Chúng ta nên phát lời thệ nguyện chân thành, khiến cho đời sau chúng ta được sinh lên cõi người, cõi trời,

thường mặc pháp phục này không bao giờ xa rời, để đời sau có Đức Phật ra đời, được nghe pháp sâu xa, lìa hẳn khổ não, đạt an vui Niết-bàn”. Đức Như Lai biết rõ tâm niệm của chúng sinh cầu sinh trong ba cõi thì không thể nào dứt hẳn khổ não, Ngài liền nói bài kệ này cho đại chúng nghe:

*Hành pháp vô thường
Là pháp hoại diệt
Không thể nương cậy
Biến đổi không ngừng.*

Nghe bài kệ ấy, trăm ngàn chúng sinh nhiều không thể tính kể ngay trong thời pháp ấy dứt hết lậu hoặc, mở tỏ tâm ý, đều chứng được đạo quả.



Thuở xưa, có bốn vị Bà-la-môn đều chứng được thần thông, có khả năng bay đi, thần túc vô ngại. Bốn vị Phạm chí này nói với nhau rằng:

— Có người đem thức ăn ngon đến cúng dường Sa-môn Cù-đàm thì được sinh lên cõi trời, không lìa ngôi nhà hưởng phước, còn ai nghe pháp của Ông ta thì vào được cửa giải thoát. Ngày nay chúng ta chỉ ham phước trời, không mong giải thoát nên không cần nghe pháp.

Rồi họ ra đi, mỗi người đem một hộp đường phèn ngon ngọt. Một người trước đến chỗ Như Lai, dâng cúng lên Ngài. Nhận xong, Đức Như Lai nói cho vị Phạm chí này nghe bài kệ:

– “Các hành vô thường”.

Vừa nghe xong, vị này lấy tay bịt tai lại. Lần lượt đến người thứ hai tới chỗ Như Lai dâng đường phèn lên cúng dường, Đức Như Lai lại nói kệ rằng:

– “Là pháp hưng suy”.

Nghe xong, Phạm chí lấy tay bịt tai lại. Lại đến người thứ ba tới chỗ Như Lai dâng đường phèn lên cúng dường, Đức Như Lai nhận xong lại nói bài kệ:

– “Hễ sinh, có chết”.

Nghe xong, vị Phạm chí lấy tay bịt tai lại. Và đến người thứ tư dâng đường phèn lên cúng dường, Đức Như Lai nhận xong lại nói bài kệ:

– “Diệt này là vui”.

Nghe xong, vị này lấy tay bịt tai lại. Sau đó, họ đều từ giả Như Lai ra về. Quán sát biết tâm ý họ, là những người đáng được độ, Đức Như Lai bèn dùng phương tiện quyền xảo ẩn mình không hiện.

Bốn vị Phạm chí nọ đến một nơi rồi nói với nhau:

– Dù đã cúng dường cho Sa-môn Cù-đàm nhưng tâm ý chúng ta còn mù mờ, không biết Ngài đã dạy những gì.

Trước tiên, họ hỏi người dâng cúng thứ nhất:

– Anh nghe Ngài dạy những gì?

Đáp:

– Tôi nghe Ngài dạy rằng: “Các hành vô

thường”. Nghe câu ấy rồi, tôi liền lấy tay bịt kín tai, không thừa nhận nó.

Sau đó họ hỏi người thứ hai:

– Anh nghe Như Lai dạy điều gì?

Người này nói:

– Tôi đến chỗ cúng dường đường phèn xong, Ngài nói với tôi câu kệ rằng: “Là pháp hưng suy”. Nghe câu ấy tôi liền lấy tay bịt kín tai và cũng không thừa nhận nó.

Họ hỏi tiếp người thứ ba:

– Anh nghe Như Lai dạy điều gì?

Người này nói:

– Tôi đến chỗ Như Lai cúng dường đường phèn xong, Ngài nói với tôi câu kệ rằng: “Hễ sinh, có chết”. Nghe câu ấy tôi liền lấy tay bịt kín tai và cũng không thừa nhận nó.

Cuối cùng họ hỏi người thứ tư:

– Anh nghe Như Lai dạy điều gì?

Anh này đáp:

– Tôi đến chỗ Như Lai cúng dường đường phèn xong, Ngài nói với tôi câu kệ rằng: “Diệt này là vui”.

Bốn người nói bài kệ ấy xong, tâm ý liền được mở tỏ, chứng quả A-na-hàm. Lúc ấy, tự biết mình đã chứng được đạo, bốn vị này liền tự trách và vội vàng đến chỗ Như Lai, trán lạy sát dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên. Giây lát họ lui lại ngồi

xuống và bạch Thế Tôn:

– Cúi xin Đức Như Lai cho phép chúng con được xuất gia làm Sa-môn.

– Đức Thế Tôn bảo họ:

– Lành thay! Tỳ-kheo, hãy mau tu phạm hạnh. Lúc đó, tóc trên đầu các vị ấy tự rơi rụng, áo đang mặc bỗng biến thành ca-sa, liền chứng quả A-la-hán trước mặt Phật.



Khi sắp vào Niết-bàn, Đức Phật bảo ngài Đại Ca-diếp và A-na-luật:

– Tỳ-kheo các thầy nên vâng giữ giáo pháp của Ta, cung kính phụng thờ lời Phật dạy. Hai vị chớ nên diệt độ sớm, trước phải kết tập Kinh, Luật, Luận và Tập tạng quý báu rồi mới nên nhập diệt.

Nói rộng cho đến câu cúng dường xá-lợi xong. Hai Tôn giả liền mở rộng việc kết tập kinh điển, với năm trăm vị A-la-hán đã giải thoát, những vị thông minh lanh lợi đầy đủ các công hạnh cùng nhóm họp một nơi, thiết lập một tòa Sư tử cao đẹp cho ngài A-nan rồi thỉnh ngài A-nan lên tòa. Sau khi ngài A-nan lên tòa, đại chúng hỏi ngài:

– Đầu tiên, Đức Phật nói pháp ở đâu?

Lúc đó ngài A-nan mở đầu: “Tôi nghe như vậy, một thuở nọ...”, vừa dứt câu ấy thì năm trăm vị La-hán đều từ ghế dây đứng dậy, quỳ thẳng dưới đất bảo:

– Chính chúng tôi thấy Như Lai nói pháp, sao hôm nay nói là: “Tôi nghe như vậy một thuở nọ...”

Rồi toàn thể đều cất tiếng than khóc buồn thương. Lúc đó ngài Đại Ca-diếp liền bảo ngài A-nan:

– Kể từ hôm nay trở đi, khi nói pháp sâu xa đều phải nói: “Tôi nghe như vậy”, chớ không được nói thấy.

Khi Đức Phật ở trong vườn Nai, chỗ của các Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại, Ngài bảo năm thầy Tỳ-kheo: “Nguồn gốc của khổ này vốn là điều chưa ai được nghe, chưa ai được thấy”. *Nói rộng như Kinh bản*. Khi mọi người đã kết tập khế kinh xong, Tôn giả Ca-diếp lại hỏi ngài A-nan:

– Đức Như Lai nói ra Giới luật lần đầu tiên ở đâu?

Ngài A-nan đáp:

– Tôi nghe Đức Phật nói như vậy: Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyet, con của ông Ca-lan-đà là Tu-trần-na xuất gia học đạo làm Tỳ-kheo, đầu tiên phạm Luật, cho đến pháp không thể vượt qua. *Nói rộng như trong Giới luật*.

Ngài Ca-diếp lại hỏi ngài A-nan:

– Đức Như Lai giảng nói A-tỳ-đàm lần đầu tiên ở đâu?

Ngài A-nan đáp:

– Tôi nghe Đức Phật nói như vậy: Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong giảng đường Phổ tập bên cạnh ao Di hâu, thuộc thành Tỳ-xá-ly. Bảy giờ Đức Thế Tôn thấy rõ gốc ngọn nhân duyên của dân Bạt-kỳ, bèn bảo các Tỳ-kheo rằng: “Ai tâm không còn năm thứ sợ hãi, tức giận, thì sẽ không bị đọa vào đường ác, cũng không bị đọa vào địa ngục...”. *Nói rộng như trong luận A-tỳ-đàm.*

Đầu hôm đại hội kết tập A-tỳ-đàm, gần sáng nói kinh Xuất Diệu và nói bài kệ về ngủ nghỉ và tỉnh thức. Vì sao Ngài nói về ngủ nghỉ và tỉnh thức?

Như lời Đức Thế Tôn, Đẳng Chánh Giác dạy thì sự ngủ nghỉ làm hao tổn mạng sống. Nó làm mê lầm, thương tổn, không thành tựu quả chứng. Khi chết rồi không thể cứu, không được sinh lên những cõi tốt đẹp. Vì sao? Vì như người thức tỉnh thì có khả năng tu đức, trồng nhiều gốc lành, trái lại kẻ ham mê ngủ nghỉ thì mất hết những việc vừa nói, nên gọi là mê lầm.

Lúc bấy giờ, giữa pháp hội có người nói:

– Như lời Đức Phật dạy, nếu có chúng sinh trong lúc tỉnh thức thì nhớ đến nhiều việc, còn trong khi ngủ thì điềm nhiên không còn nghĩ gì cả.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

– Chỉ ngủ nghỉ không tỉnh thức làm sao mà hiểu được! Cho nên Phật dạy đánh đuổi ngủ nghỉ, luôn nghĩ đến tỉnh thức. Như Phật nói kệ về ngủ nghỉ và

tỉnh thức, phải vui mừng mà suy nghĩ lời dạy ấy¹. Những gì Ta nói, các vị phải chuyên ý nhất tâm, chớ có loạn tưởng. Nhờ tâm ý dừng định mà tránh được làm lạc và có khả năng nhận lãnh giáo pháp. Cho nên nói rằng: Phải lắng nghe lời Ta nói, để soạn ghi Xuất Diệu.

Nói về Xuất Diệu thì chư Phật Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng ở đời quá khứ đều khen ngợi pháp nghĩa của Xuất Diệu. Như Lai Thế Tôn cũng gọi là Tối Thắng. Sao gọi là Tối Thắng? Thắng là vì vượt khỏi các pháp kết sử bất thiện, vượt khỏi dâm, nộ, si, vượt khỏi tất cả sự trói buộc của sinh tử, vượt hơn chín mươi sáu thứ tà thuật của ngoại đạo dị học như Ni-kiền Tử... vượt trội hơn hết những điều vừa nói nên gọi là Tối Thắng. Pháp Xuất Diệu này được giảng nói thông suốt không bị vấp vấp, truyền rộng ý nghĩa tốt đẹp của nó cho cả trời, người. Cho nên nói là soạn ghi Xuất Diệu. Như lời Đức Thế Tôn dạy, là giảng nói thông suốt không vấp vấp.

*Như Thế Tôn dạy
Tất cả thông suốt
Vị Tiên thương xót
Chỉ còn đời này.*

Như lời Đức Thế Tôn dạy thì thông đạt giảng nói, không bị vấp vấp, nên gọi là Thế Tôn nói. Về

1. Nhờ vui nên trong tâm hớn hở, nhờ mừng nên tâm ưa pháp lành phát sinh, cho nên nói là nên vui mừng suy nghĩ mà nghe.

thông suốt tất cả thì trí Nhất thiết đạt được tất cả thị hiện, tất cả thông suốt, phân biệt tất cả các nghĩa. Tự tại trong sáu thứ thần thông, thành đạo quả Vô thượng. Sáu thứ thần thông của Như Lai, bậc La-hán không thể sánh kịp. Đức Phật là Bạc Tội Thắng Tội Thượng đã vượt qua tất cả, có khả năng phân biệt tất cả pháp tướng nên nói là thông suốt tất cả. Bạc Tiên Nhân thương xót là người làm thỏa mãn tất cả hy vọng của chúng sinh còn trong sinh tử, tưởng như cha mẹ, là tâm thương xót, là tâm che chở mọi loài. Thế nên, chư Phật Thế Tôn cũng được gọi là Tiên Nhân, tu đạo thần túc cũng gọi là Tiên nhân, người có đầy đủ các công đức cũng gọi là Tiên nhân, người tu tập pháp lành trong đêm dài sinh tử cũng gọi là Tiên nhân. Do vậy mới nói: Bạc Tiên Nhân thương xót.

Chỉ còn thân này, nghĩa là thân nương bốn đại, căn bản không còn gì khác, cũng không có bờ mé, cũng không sinh ra, như thân Phật hiện tại đang nói pháp. Nay A-nan, thầy nên biết đây là cảnh giới cuối cùng, đây là lần cuối cùng Ta không còn nhập bào thai, hình thể nhận chịu cuối cùng chính là bản thân Ta ngày nay. Nay A-nan, thầy không còn thấy Ta thọ thân bất cứ ở nơi nào nữa, thọ thân này là biên giới của sự khổ. Thế nên nói rằng: “Chỉ còn thân này”.



Các hành vô thường,

*Là pháp hưng suy,
Hễ sinh, có chết,
Diệt này là vui.*

Thuở xưa, các Phạm chí, mỗi vị đọc tụng pháp của thầy mình, chia làm hai bộ. Một bộ cho rằng muôn vật đều có, bộ khác cho rằng muôn vật đều không. Bộ cho muôn vật là có đã được Như Lai phân biệt rõ và dứt trừ sự do dự và tâm hy vọng của họ, Ngài nói cho họ biết: “Các hành vô thường”. Những người chấp “có” tự làm bài kệ rằng:

*Dùng thanh kiếm bén
Sát hại chúng sinh
Không có thiện, ác
Chết thân không đổi,
Đổi với thân thể
Kiếm bén vung lên
Không hại được mạng.
Mặt đất thường còn
Phong giới không đắm
Chịu nhiều khổ vui
Mạng căn cũng thế,
Dù cho kiếm bén
Múa loáng qua lại
Cũng không thấy có
Quả báo thiện ác.
Dù giết cha mẹ
Không báo thiện, ác*

*Hướng là việc khác
Mà có quả sao?*

Giống như nhốt đầy chim sẻ vào cái bình, có người đập bể bình, chim sẻ bay đi, giết hại chúng sinh, mạng chúng bay xa, chẳng làm tổn hại gì. Muốn chúng sinh dứt bỏ tà kiến ấy nên Đức Như Lai nói rằng: “Các hành vô thường”, không thể nương cậy, thay đổi không dừng là pháp hoại diệt. Mạng sống như sương buổi sớm, tạm có rồi mất, cho nên nói: “Các hành vô thường”.

Nghe vậy, cho rằng muôn vật đều không, mừng rỡ bảo nhau rằng như vậy là giống như chủ trương của chúng ta. Quán xét biết tâm bọn họ như vậy, nên Như Lai nói: “Là pháp hưng suy”. Hưng suy là có thịnh có suy, có sum họp² thì có chia lìa. Không có thân này thì thôi, nhưng đã thọ thân này rồi thì không thể tránh khỏi. Các Phạm chí ấy lại nghĩ rằng: “Nếu pháp suy hao kia không còn sinh nữa thì đó là đúng với chủ trương của chúng ta rồi”.

Do vậy, Đức Thế Tôn nói lại ý nghĩa ấy là: “Hễ sinh, có chết” xoay vần không ngừng. Năm ấm cùng nương tựa giúp nhau mà có ra đời sống, chỉ có mất tuệ quán xét mới phân biệt được, giống như ánh sáng mặt trời chiếu qua khe, ta thấy vô số bụi nhỏ không thể nào đếm hết. Thân năm ấm lầy lùng này bị các hành pháp ép ngặt, làm cho trôi lăn trong

2. Hiệp hội hữu ly: Trong đoạn này chữ hội nghĩa là sẽ, phải. Đương nhiên nghĩa là: Có sum họp thì phải có chia lìa, chứ không nên hiểu hiệp hội là từ đôi có nghĩa là hội họp được!

sinh tử, không lúc nào ngừng nghỉ. Cho nên nói: “Hễ sinh, có chết”.

“Diệt này là vui”, nghĩa là hết hẳn lòng tham dục, không còn ý đả trước thường được yên ổn, an vui bậc nhất, tâm không còn sinh diệt, thành tựu nghĩa bậc nhất. Đó là cái vui vô dục, cái vui vô vi, cái vui vô lậu. Cái vui diệt hết cái vui cho nên nói: “Diệt này là vui”.



*Có gì cười vui
Niệm thường lấy lòng
Chìm sâu tắm tối,
Sao không tìm đèn.*

Thuở ấy Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Sau khi ăn xong vào lúc xế trưa, có chúng Tỳ-kheo, trời Đế Thích, nhân dân, bốn chúng đệ tử muốn nghe Như Lai nói pháp cam lộ thì từ phương khác có bảy vị đạo sĩ dị học Bà-la-môn, tóc râu họ đều bạc trắng, chống gậy, rên rỉ mà đi đến chỗ Phật. Họ cúi đầu đánh lễ chấp tay bạch Phật:

– Chúng con từ phương xa đến đây mong được Thánh Nhân giáo hóa. Từ lâu, chúng con hiến mình cho đạo thuật cạn cợt. Hôm nay, chúng con đến đây thấy được Thánh Nhân, mong được làm đệ tử Ngài dứt được các khổ đau.

Đức Phật liền xuất gia cho họ làm Sa-môn, dạy

bảy vị cùng ở chung một phòng. Nhưng bảy vị này nghĩ rằng mình thấy được Thế Tôn là đã đắc đạo quả, nên họ không còn nhớ nghĩ đến sự vô thường biến đổi, bèn cùng ngồi trong phòng chỉ nghĩ đến việc đời. Họ nhỏ to xâm xì, cười hô hô, không màng đến sự nên hư. Mạng sống thì ngày càng bị thu ngắn, chẳng hẹn với ai, thế mà bảy vị này chỉ lo cười cợt giỡn hớt, phóng ý buông lung, không nghĩ đến vô thường. Bấy giờ Đức Thế Tôn bước vào phòng họ quở trách:

– Các vị có lòng cầu đạo đến đây mong cầu đạo vô vi độ đời, sao lại mãi cười cợt to tiếng. Tất cả chúng sinh thường cậy vào năm việc. Những gì là năm?

- Một là cậy vào tuổi trẻ.
- Hai là cậy vào sắc đẹp.
- Ba là cậy vào thế lực.
- Bốn là cậy vào tài năng.
- Năm là cậy vào gia thế quý tộc.

Bảy vị nhỏ to xâm xì cười lớn như vậy là cậy vào cái gì?

Nhân đó, Đức Thế Tôn liền đọc bài kệ:

*Có gì cười vui
Niệm thường lấy lòng
Chìm sâu tăm tối
Sao không tìm đèn.*

Có gì cười vui: Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo bảy

vị này: “Bảy vị đến đạo tràng này, đạo Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, các vị chưa chứng đắc.” Phật lại bảo họ: “Trước kia Ta có dạy rằng ai chưa có khả năng dứt sạch hết phiền não thì không đáng kể nương cậy. Các vị thọ thân, chưa khỏi sự trôi buộc, luôn chung sống với năm ấm rần rít thì tại sao các vị cứ lo nhỏ to xâm xì cười lớn như vậy? Phải nghĩ rằng cái khổ ấy nhiều kiếp chưa dứt trừ, cứ hừng chí giốn cột là đã thành bụi nhơ. Khổ thay, các thầy thật khó tỉnh ngộ.” Cho nên nói: “Có gì cười vui?”. Đó là lời chỉ dạy của Đức Thế Tôn.

Niệm thường lấy lòng: Thế nào là “lấy lòng”? Vì lửa vô thường cháy hừng hực. Lửa khổ cũng cháy hừng hực, sầu lo khổ não cũng là lửa cháy hừng hực. Vì sao mà biết nó đang cháy hừng hực? Ấy là do lòng ham muốn, giận dữ, ngu si, phách lối, ghen tị, nghi ngờ mà thấy lửa cháy hừng hực. Cho nên nói: “Niệm thường lấy lòng”.

Chìm sâu tăm tối: Giống như người đi trong đêm không thấy một vật nào cả, hay như người sinh ra đã mù không có mắt, không thấy màu đen, màu vàng. Sự tăm tối như vậy cũng chẳng đáng nói. Cái gọi là tối tăm nhất chính là cái ngu tối bó chặt khắp toàn thân không còn sót một chỗ nào, đó là sự tối tăm rộng lớn bao phủ chúng sinh, không còn phân biệt được cái gốc cốt yếu của thiện ác, không phân biệt được sự khác nhau giữa trắng và

đen, ràng buộc và giải thoát, đạo pháp và thế tục, cũng không biết được đường ác, đường lành, xuất ly sinh tử, diệt hết phiền não, cho nên nói: “Chìm sâu tăm tối”.

Không chịu tìm đèn: Thế nào là đèn? Đó là đèn trí tuệ. Dùng đèn trí tuệ ấy để soi sáng cái gì? Đáp: Biết kết sử nổi lên thì dùng đạo pháp để dứt bỏ. Phân biệt rõ cội gốc đường ác, đường lành, ra khỏi sinh tử, phân biệt rõ sự khác nhau giữa trắng và đen, ràng buộc và giải thoát, đạo pháp và thế tục, khéo phân biệt đường ác, đường lành, ra khỏi sinh tử, diệt hết phiền não. Trí tuệ ấy soi chiếu các pháp, không chỗ nào là không soi sáng. Thế mà lại nỡ bỏ đi trí tuệ ấy mà đi vào chỗ tăm tối mờ mịt. Cho nên nói: “Sao không tìm đèn sáng”.



*Các loài hữu hình,
Tản lạc các phương
Xương màu bồ câu
Có gì vui đâu?*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một thầy Tỳ-kheo lạ mỗi ngày đến con đường bên gò mả trên cánh đồng hoang ở ngoại thành, thầy lẩn theo ruộng của người khác mà đến nơi đó. Người chủ ruộng thấy vậy rất giận dữ, nghĩ rằng sao đạo sĩ này ở đâu mà hằng ngày cứ qua lại đây không lo

tu tập gì cả. Ông liền chặn hỏi Đạo nhân:

— Ông là khát sĩ ở đâu mà lại tự do qua lại trong ruộng tôi đến đổi thành lồi mòn như thế?

Đạo nhân đáp:

— Tôi có vụ tranh tụng cần tìm người làm chứng.

Lúc ấy, người chủ ruộng này có túc duyên liên quan đáng được độ. Thế nên ông lén theo sau chân Đạo nhân. Đến nơi, ông thấy trong khoảng rộng của gò mả, hài cốt bừa bãi sinh trưng hôi thối rệu rã, chim thú tranh nhau rỉa ăn làm xương vương vãi khắp nơi. Có thây bị ăn nửa chừng, có thây bị ăn hết, có xác bị trùng dế bới móc giò tửa rút rỉa, nồng nặc hôi thối, khó ai dám đến gần. Điều, quạ, chồn, cáo, chó, cú vọ, kên, bồ cắt ăn tươi nuốt sống xác chết. Thầy Tỳ-kheo chỉ tay bảo người chủ ruộng:

— Đám chim thú ấy chính là người làm chứng của tôi đây.

Vị ấy hỏi:

— Đám chim thú này là người làm chứng, nhưng thầy tranh tụng với ai chứ?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

— Chính tâm tôi bị bệnh bởi nhiều phiền não tai hại. Nay tôi đến đây quán sát rõ các hài cốt phơi bày dơ bẩn đây, rồi tôi trở về phòng quán xét tự thân mình, thấy từ đầu cho đến chân thật không

khác gì chúng. Nhưng tâm ý này cứ luôn rong ruổi theo các pháp huyền ảo, hư ngụy: Sắc, thanh, hương, vị, sự xúc chạm trơn láng. Nay tôi muốn ngăn chặn từ cái gốc của tâm ấy³. Nay tôi là phàm phu chưa thoát khỏi mọi trói buộc, nhưng tên giặc tâm này nó không chịu tuân lệnh tôi. Do vậy mà hằng ngày tôi phải đến chốn gò mả hoang vắng này, dùng pháp bất tịnh thuyết phục tâm tôi để cuối cùng khiến cái tâm bất định bùng nổ rồi loạn kia, nay phải sửa đổi, không gây các ác duyên.

Sau khi nghe lời Đạo nhân dạy, người chủ ruộng này lấy tay gạt nước mắt, nghẹn ngào than thở.

Về ông chủ ruộng, đời Phật Ca-diếp, ông đã tu pháp quán bất tịnh suốt mười ngàn năm, ngay lúc ấy, ông đã phân biệt được ba mươi sáu vật xấu xa như nhớp. Lúc bấy giờ thầy Tỳ-kheo và ông chủ ruộng kia, ngay tại chỗ nghĩa địa hoang vắng đáng sợ ấy đều chứng được đạo Tu-đà-hoàn.

Lúc bấy giờ, với Thiên nhãn trong sạch không vết bợn, Đức Thế Tôn nhìn thấy quả chứng của hai người là do nhân duyên đời trước. Muốn chỉ bày cho kẻ hậu học, để đời sau và hiện đời càng được sáng tỏ về lý ấy, cũng như chánh pháp tồn tại lâu dài, không đứt mất nửa chừng nên Đức Phật nói bài kệ trên.

3. Tâm kia phải biết mà phát khởi ý niệm ấy, đừng để dẫn ta vào chốn địa ngục, ngạ quỷ.

Các loài hữu hình: Gồm có các phần như: tay, chân, cánh tay, cùi chỏ, eo lưng, khoang bụng, đùi về, bắp tay, mắt cá chân, gót chân, đầu lâu, mỗi thứ nằm mỗi nơi. Cho nên nói những phần hình các loài hữu hình, tản lạc các phương.

Hình hài thân này như gỗ đá vô tri giác, nhưng vốn được yêu thích, tâm lúc nào cũng lo trang sức, tô điểm cho đẹp với hương hoa, phấn sáp xông ướp, nay thì tản lạc, mỗi món một nơi.

Xương màu bồ câu: Vốn là cái mà trăm ngàn ức chúng sinh thương yêu, ngắm nhìn mãi không chán, nhưng nay thì cũng chính nó mà trăm ngàn ức chúng sinh đều cho là đồ thấp hèn, vừa thấy đã ghê khiếp đến nổi óc. Cho nên nói: “Xương màu bồ câu”.

Có gì vui đâu: Đời nói có vui, thì đó là phàm phu ngu mê lầm lạc. Cái mà người trí vật bỏ thì kẻ ngu lại ưa thích. Người trí cho là hổ thẹn xấu xa thì kẻ ngu lại nâng niu, thỏa mãn không chịu xả bỏ.



*Nếu như đầu hôm
Thức vào thai mẹ
Hôm sau đời đời
Đi mãi không về.*

Như lời Đức Phật dạy thì có ba thứ hữu vi. Tướng các pháp hữu vi luôn hưng suy biến đổi. Có người hỏi:

– Nếu muôn vật là thường còn thì tại sao thân ma hài cốt không tồn tại lâu dài? Một trăm hai mươi thời là một ngày đêm, nếu như hình hài kia còn mãi trên thế gian thì thân thể người ta sẽ đầy tràn thế giới?

Đáp rằng:

– Vì chúng sinh kia cùng căn đồng sinh và cùng căn đồng diệt nên hình hài không thể tồn tại lâu dài được, trên cõi đời này, nếu như chúng sinh cùng căn đồng diệt cùng căn đồng sinh thì hài cốt sẽ còn lâu trên cõi đời này. Lại nữa, cùng thức đồng sinh cùng thức đồng diệt thì lúc ấy hài cốt không tồn tại lâu dài trên thế gian. Nếu chúng sinh cùng thức đồng diệt cùng thức đồng sinh thì lúc bấy giờ hình hài sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian này.

Lại hỏi:

– Nếu sự già nua tồn tại lâu trên thế gian này, thì tại sao trẻ mới sinh tóc lại không bạc?

Đáp rằng:

– Ấy là bởi đầu tóc có màu trắng thôi chứ không có nghĩa là già nua, suy yếu. Nghĩa này hiểu thế nào? Lúc nương vào các căn thức kia để thọ thân thì liền đó đã có sự biến đổi màu sắc của sự suy yếu già nua rồi. Cho nên mới có việc tóc trắng sinh ra, giống như rượu, bơ, dầu mè có cặn lóng bên dưới. Lúc thọ thân cũng lại như vậy, liền khi ấy đã có sắc suy yếu mà sinh ra tóc bạc vậy. Cho

nên nói: “Nếu như đầu hôm, Thức vào thai mẹ”. Như thức của trai hay thức của gái vào thai mẹ là căn cứ vào thời điểm đó, hoặc sinh hoặc diệt, trải qua cả trăm ngàn sự biến đổi, sinh diệt, không dứt, giống như bánh xe quay, không thể tính đếm. Chỉ có Thiên nhãn mới thấy được mà thôi. Lúc đó thức đi (*chết*) hay đến (*sinh thân mới*), việc ấy không thần chú hay kỹ thuật nào ngăn chặn được. Ra đi thì hun hút nhưng đến thì cũng chẳng có dấu vết gì. Thức ở trong thai mẹ, sinh diệt không dừng cũng như vậy, như dòng nước chảy xuôi về Đông không bao giờ chảy ngược lại phía Tây. Thần thức trong bào thai hễ ra đi rồi thì không bao giờ trở lại. Chỉ có Thiên nhãn mới thấy rõ được thần thức trong bào thai đến hay đi.



*Sáng vừa mới thấy
Tối đã mất rồi.
Hôm qua mới đó
Giờ đã không còn
Ta đang tuổi trẻ
Không cạy vào đâu.
Tuổi trẻ cũng chết
Trai gái vô số.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Sáng hôm ấy, đến giờ Tôn giả A-nan đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Xa thấy ngoài cổng thành có các

chàng trai trôi kỹ nhạc vui chơi. Tôn giả A-nan khát thực xong định ra khỏi thành thì thấy chàng ca sĩ nọ đã chết. Đám đông vừa khiêng xác vừa kêu gào khóc than thảm thiết. Lúc ấy Tôn giả A-nan thầm nghĩ: “Lạ thật, sự biến đổi vô thường đến nhanh như thế ư? Vừa rời vào lúc sáng sớm, ta vào thành khát thực, thấy chàng trai này vui chơi với năm thứ nhạc, giống như vị vua trời, thế mà giờ đây đã bị vô thường bắt đi?” Ra khỏi thành, Tôn giả A-nan về đến tinh xá Kỳ hoàn vén y rửa sạch tay chân, đến chỗ Thế Tôn, lễ sát chân Ngài rồi đứng sang một bên. Rồi Tôn giả A-nan quỳ thẳng, chắp tay, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vừa rời vào buổi sáng, khi vào thành khát thực, con trông thấy một chàng trai trôi kỹ nhạc, tự vui chơi năm dục. Khát thực xong trở về, con thấy chàng trai kia đã chết. Đám đông khiêng xác đi, gào khóc thảm thiết. Bạch Thế Tôn, lúc ấy con nghĩ: “Lạ thật, sự biến đổi vô thường sao đến nhanh như thế ư? Vừa rời vào lúc sáng sớm, ta vào thành khát thực, thấy chàng trai ấy còn vui chơi với năm thứ nhạc giống như vị vua trời, thế mà giờ đây đã bị vô thường bắt đi?” Điều mà hôm nay con trông thấy thật quá lạ lùng, chưa bao giờ thấy.

Đức Thế Tôn bảo:

– Nay A-nan, việc ấy đâu có gì là lạ? Việc mà Ta thấy còn kỳ lạ hơn việc người thấy bội phần.

Lúc nọ, đến giờ, Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực thì lúc ấy, này A-nan, Ta cũng thấy có một chàng hát ca năm thứ nhạc vui chơi trước công tinh xá Kỳ hoàn. Bảy giờ, Ta vào thành khát thực, khát thực xong trở ra khỏi thành, Ta thấy chàng trai nọ vẫn còn đang ca hát vui chơi ở đó, y như cũ. Đó là điều Ta thấy, đặc biệt hơn ông bội phần.

Lúc ấy Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

– Đó là việc bình thường, đâu có gì là lạ?

Đức Phật bảo ngài A-nan:

– Mạng sống con người qua nhanh như gió khó kiềm giữ lại được. Thế thì lời ông vừa nói có gì là lạ⁴?

Lúc đó Đức Thế Tôn quán sát nghĩa này, nghiên cứu tận gốc ngọn vô thường, muốn giúp các Tỳ-kheo thấy rõ pháp này, lại vì muốn cho chúng sinh đời sau biết rõ thêm, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian nên Đức Thế Tôn liền nói bài kệ Xuất diêu:

Sáng vừa mới thấy

Tôi đã mất rồi.

Hôm qua mới đó

Giờ đã không còn.

Ta đang tuổi trẻ

Không cậy vào đâu.

Tuổi trẻ cũng chết

4. Chú ý Phật khởi tri A-nan sống chết tức tốc, vậy chuyện thấy người ca sĩ vừa chết đâu có gì lạ.

Trai gái vô số.

Sáng vừa mới thấy, tối đã mất rồi: Nghĩa là có hàng trăm, ngàn loài chúng sinh, buổi sáng thấy đó, nhưng tối thì đã mất. Có những chúng sinh nhờ suy nghĩ so lường, căn lành đầy đủ, tâm không làm loạn, tự biết mạng sống như lửa xẹt từ đá, nó nháng qua rồi tắt mất, thì ai lại sinh tâm tham đắm nó. Chỉ có kẻ thiếu hiểu biết, hạng phàm phu ngu tối mới sinh tâm tham đắm mà thôi.

Hôm qua mới đó, giờ đã không còn: Nghĩa là hôm qua còn thấy đi đứng tới lui, nêu những người ấy biết suy nghĩ, gây trồng các công đức, tâm hằng hái sữa đời lỗi lầm, bên trong tự nghĩ không có gì đáng vui. Cho nên nói: “Sáng vừa mới thấy, tối đã mất rồi. Hôm qua mới đó, giờ đã không còn”.

Ta đang tuổi trẻ, không cậy vào đâu: Là như kẻ ngu thiếu hiểu biết tự ý vào sức mạnh của mình, tha hồ tự tung tự tác theo ý thích, không nghĩ đến sau này. Tự cho mình trẻ đẹp hơn người, còn kẻ khác thì xấu xí hèn hạ, không đáng làm bạn với mình, vì mình tiêu biểu cho trẻ, đẹp, giàu có, danh vọng hơn mọi người. Tự ý vào sức khỏe mạnh mẽ của mình, không cần làm bạn với ai, muốn gì được nấy, không ai chống cự lại nổi, tha hồ làm theo ý muốn, không né tránh cả đến bọn cường hào khác. Những người này không nghĩ đến cái chết chợt tới, không thấy được tai họa sinh tử khổ não. Cho nên nói: “Ta đang trẻ tuổi, không cậy vào đâu”.

Tuổi trẻ cũng chết, gái trai vô số: Giả sử vô số loài chúng sinh gái trai, lớn nhỏ, mà thọ thân hình khí lực sung mãn, của cải vô số, tha hồ làm theo ý muốn, tuổi trẻ sức mạnh. Nhưng trong cuộc đời này, số chết trẻ lại nhiều hơn số chết già. Nói nhau mà ra đi như vậy, nhưng người chết ấy trước khi còn sống họ không biết tu các công đức, gốc của các điều lành không chỗ nương cậy, từ đời này đến đời sau phải trôi lăn trong năm đường ác, không lúc nào dừng nghỉ. Cho nên nói rằng: “Tuổi trẻ cũng chết, gái trai vô số. Trong thai đã hư, mới ra thai đã chết, có khi ra đời ít lâu rồi chết, có hài nhi chết khi đang còn bồng trên tay”.

Người trẻ chết là hạng trung gian, dần dần theo thứ lớp như trái cây đợi chín. Một đời người là sáu vạn năm hay sáu ngàn năm (*dài ngắn khác nhau*), trong khi sinh ra đã ẩn chứa sự hoại diệt, ấy là bởi việc hại người kiếp trước. Chử người ở đây là chỉ cho các vua chúa, nhà giàu, bậc đạo sư, người đi buôn, cha mẹ, bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Kẻ nào khởi tâm ác, giết hại những người kẻ trên thì hoặc đọa địa ngục A-tỳ, hoặc ngục nóng dữ dội, hoặc ngục kêu khóc, hoặc ngục kêu khóc dữ dội, hoặc ngục Đẳng hoặc, hoặc ngục Hắc thành... Khi hết tội ở địa ngục thì sinh vào loài lục súc, trải qua nhiều kiếp sinh tử qua lại. Đến khi được sinh làm người thì nửa chừng cũng chết trong bào thai. Cho nên nói: “Trong thai đã hư” là vậy.

“Vừa ra khỏi thai đã chết”, nghĩa là có chúng sinh vừa ra khỏi thai mẹ thì chết. Hoặc có chúng sinh, trước muốn làm các công đức, nhưng chưa làm được, vừa ra khỏi lòng mẹ thì chết. Ấy là do đời trước khởi tâm ác giết hại người làm phước kia. Cho nên nói: “Vừa sinh ra đã chết”. Còn câu: “Có khi ra đời ít lâu rồi chết” chỉ cho loại chúng sinh tu các công đức, đối với các chùa tháp lập ra vườn cây trái, ao tắm, làm cầu, làm nhà xí, nhưng việc làm chưa xong thì bị người giết hại, đó là do đời trước hại người phước đức. Chết rồi đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ trải qua thời gian lâu dài, khi được sinh làm người thì chỉ mới sinh ra khỏi bào thai, cái chết đã ập đến rồi. Cho nên nói: “Có khi ra đời ít lâu rồi chết”.

Câu: “Chết khi đang còn bông trên tay” là chỉ hạng chúng sinh đối với chùa tháp đã tu, đã lập các công đức như lập vườn cây trái, ao tắm, làm cầu, làm nhà xí, việc làm vừa xong, công đức chưa được bao lâu thì bị người giết hại. Ấy là do đời trước khởi tâm giết hại người làm phước kia, nên sau khi chết, đọa vào địa ngục. Tội địa ngục hết rồi thì đọa vào súc sinh, sau đó được sinh lên làm người. Lúc mới còn hài nhi bông trên tay chưa phân biệt được màu trắng màu đen thì đã bị chết non rồi. Thế nên kệ nói:

*Người già, tuổi trẻ
Và hạng trung bình*

*Lần lượt đến phiên
Như trái chờ chín.*

Xưa, Tôn giả Mã Thanh cũng có nói kệ rằng:

*Có người chết trong thai,
Có kẻ vừa sinh chết
Tuổi trẻ không khỏi chết,
Già suy cam chịu vậy.
Như cây nở hoa nhiều
Khi đậu trái thật hiếm
Chỉ người chỉ buông hết
Thân chết chẳng nữa gọi.*

Như loại cây có trái kia lúc nào cũng phát triển thật tốt, hoa nở sum suê, nhưng gặp cơn gió thổi thì bông rụng cả, đậu trái được không bao nhiêu. Hoặc đã đậu trái rồi, nhưng gặp cơn mưa đá cũng bị rụng đi. Có khi mới tượng nụ, chưa thành bông cũng bị rụng rồi. Có khi thành bông rồi cũng bị rụng mất. Rồi những bông đã thành trái ấy cũng đợi chín mà rụng theo. Loài chúng sinh cũng vậy. Trong trăm ngàn thân chúng sinh kia thì cũng chỉ một, hai trường hợp ở trong thai, sinh ra, lớn lên, rồi già nua, nhưng rồi cũng đi vào con đường tử biệt ấy, nào ai tránh khỏi tai họa kia. Và trong trăm ngàn kiếp sống ấy, kẻ thọ tới già mới chết chỉ một hai người, còn kẻ chết lúc còn trẻ nhiều không kể hết. Cho nên nói:

Người già tuổi trẻ

*Và hạng trung bình
Lần lượt đến phiên
Như trái chờ chín.*



*Mạng như trái chờ chín
Thường lo lúc rơi rụng
Đã sinh thì có khổ
Ai tránh được tử thân?*

Thuở nọ, vua Ác Sinh Minh, một hôm với xa giá chinh tề cùng đoàn hộ tòng ra dạo chơi ở hậu viên, ngắm xem những hàng cây ăn trái thẳng tắp trên đường. Tục lệ nước này trái thật chín mới ăn, không ăn trái sống. Lúc ấy, vua ra lệnh cho người giữ vườn:

– Trái cây nào dù lớn hay nhỏ hễ rụng xuống đất rồi thì không được lượm dâng vua. Kẻ nào phạm luật ấy sẽ bị chém đầu.

Lúc ấy người giữ vườn thầm nghĩ: “Vua Ác Sinh Minh này quá bạo ngược, không đạo đức, giết hại người không tâm thương xót. Nếu ta phạm luật ấy thì sẽ chết bất cứ lúc nào thôi, không tránh khỏi nguy khốn. Nay, cây trong vườn này rất sai trái, nhưng số trái đậu trên cây rất ít mà số trái rụng xuống đất thì nhiều. Nếu vua đòi ta dâng trái, thì không biết lấy đâu mà ra, chi bằng ta trốn đi xuất gia học đạo hay hơn”. Thế rồi, anh leo tường ra ngoài, đến chỗ Đức Phật, năm vóc gieo sát đất, xin

Ngài cho làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp nhận cho anh ta xuất gia. Nhưng anh ta cứ lặng yên, không tọa thiền tụng kinh gì cả, cũng không học giới luật, A-tỳ-đàm, tự cho hành đạo như vậy là đủ, cũng không nghĩ đến việc rồi rảnh đi kinh hành, đọc tụng mười hai yếu quyết nhọc nhằn khó được. Chỉ dựa vào ba việc, không nghĩ đến tương lai, trong tâm vui mừng cho rằng: “Ta đã thoát khỏi sự khổ của thân, giờ đây ta nên an vui, đâu cần biết đến những việc khác!”

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán biết tâm trạng của vị Tỳ-kheo ấy, muốn giúp thầy thoát khỏi khổ nạn, giúp thầy được ở yên trong ngôi nhà pháp lành, để nhỏ gốc khổ sinh tử, đưa vào đường giải thoát, không còn lui sụt. Lúc bấy giờ, giữa đại chúng, Đức Phật liền nói bài kệ Xuất diêu:

*Mạng như trái chò chín
Thường lo lúc rơi rụng
Đã sinh thì có khổ
Ai tránh được tử thân?*

Lúc ấy vị Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật dạy, trong tâm tự trách, cảm thấy hổ thẹn, rồi ở nơi vắng vẻ, tư duy những lỗi lầm cũ, quán chiếu chánh đạo, ngay tại chỗ ngồi chứng được quả A-la-hán.



*Như người thợ gốm
Nặn đất thành đồ*

*Tất cả phải bẽ
Mạng người cũng thế.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy có một người thợ gốm làm các đồ vật bằng sứ, anh không từ chối bất cứ món hàng nào có hình dáng khó nặn. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la ra lệnh các thợ gốm làm các món đồ dùng. Vì người thợ gốm bận nhiều công việc nên cuối cùng không xong món đồ. Nghe vậy, vua Ba-tư-nặc nổi giận, bảo các quan đến nhà người thợ gốm đập vỡ hết các món đồ gốm của người thợ. Sợ bị mất mạng nên anh thợ đồ gốm này lén bỏ trốn qua nước Ca-thi. Ở đây, anh lại làm các thứ đồ gốm. Biết vậy, vua Ba-tư-nặc lại sai quan đến đó đập vỡ hết đồ gốm của anh ta. Anh này lại trốn sang nước Câu-tát-la. Ở đây, anh lại làm các thứ đồ gốm. Nghe tin, vua Ba-tư-nặc lại sai các quan đến đó đập phá hết đồ gốm của anh ta. Lúc ấy tài sản đã hết sạch, người thợ này hết phương sinh sống. Cơm không no, quần áo không đủ che thân, thường sợ vua Ba-tư-nặc bắt giết. Anh lẩn trốn vào núi sâu, rồi sau đó đến chỗ Đức Phật xin nhập đạo. Đức Phật im lặng, cho phép xuất gia. Nhưng rồi, vị Tỳ-kheo này không đề tâm quán chiếu tu tập, cho rằng mình đã thoát khỏi khổ nạn, không còn sợ bị vua giết, ở nơi vắng vẻ không tư duy đạo đức, cũng không học kinh, luật, luận, cũng không phân biệt nghĩa lý;

không chịu tu tập đạo pháp xuất thế, không tọa thiền, tụng kinh, giúp đỡ các việc; bỏ cả ba việc, không siêng năng tu tập, cho rằng hành đạo bấy nhiêu là đủ rồi; không hăng hái tinh tấn cầu pháp của bậc Thượng nhân; pháp chưa chứng không siêng năng cầu chứng, quả chưa đắc cũng không siêng năng cầu chứng. Đức Như Lai Thế Tôn dùng Tam đạt trí mà quán sát tâm lý vị Tỳ-kheo này, Ngài dần dần giáo hóa xé tan lưới ngò vục. Ngài bảo:

– Thầy đã bỏ nghề làm đồ gốm rồi, khỏi buồn lo vì mất mạng, chỉ có thân năm ấm lầy lừng như đồ gốm. Ấy là nỗi lo sợ lớn lao, không thể tránh khỏi nạn ấy. Đồ gốm dù bể vẫn không sợ, là bị dọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thân năm ấm lầy lừng này là hình thức đồ gốm, nếu trước không làm các công đức, phước nghiệp, không tu các gốc lành thì không biết nương cậy vào đâu, cũng không có chỗ để trở về. Thế nên thường phải lo sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát nghĩa này, thấu suốt gốc ngọn, thấy rõ nghĩa này rồi vì muốn chư Tỳ-kheo dứt hẳn mọi thắc mắc và cũng muốn chúng sinh đời sau này thấy rõ chánh pháp tồn tại lâu dài. Khi ấy, ở trước đại chúng, Ngài liền nói bài kệ:

*Như người thợ gốm
Nạn đất thành đồ*

*Tất cả phải bể
Mạng người cũng thế.*

Các món đồ dù nung hay chưa nung cũng đều phải bị vỡ, dần dần sẽ trở thành cát bụi, không nên tham đắm. Các loài chúng sinh thọ thân năm ấm này là món đồ sẽ bị vỡ, dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Chiên-đà-la thọ thân hình, sống lâu chết yếu, giàu có, nghèo hèn, tươi đẹp, xấu xí, hay giàu sang, thấp hèn, khôn hay ngu, tất cả đều đi đến chỗ chết. Vô thường biến đổi đều sẽ vất bỏ. Thầy Tỳ-kheo ở nơi chỗ vắng kia nghe những lời giáo huấn của Như Lai, liền hiểu rõ lý vô thường, thấu suốt nguồn gốc tội phước, hiểu được sự thay đổi hưng suy, vâng theo hạnh diệt độ, thầy liền ở trước Phật chứng quả A-la-hán.



*Như trên khung dệt
Thoi dệt qua, lại
Chỉ dần dần hết
Mạng người cũng thế.*

Thuở xưa, có người giỏi nghề dệt len, nhưng dệt trong giây lát là anh tỏ vẻ mệt mỏi. Nhiều lần được người cha nhắc nhở, nhưng anh bảo cứ thông thả có gì phải gấp. Vừa dệt xong tám lụa, anh không dệt nữa. Cha anh bảo:

– Dệt xong rồi con còn phải làm những việc khác nữa chứ.

Người cha nói như vậy cả mấy mươi lần, đứa con thần thức bị thác loạn nên sau đó bẻ gan chết trước mặt bố. Thấy con chết, người cha bèn bỏ cả gia nghiệp, xuất gia học đạo. Dù đã xuất gia học đạo, thầy Tỳ-kheo lòng vẫn nhớ con không nguôi, cũng không tư duy đạo đức, chuyên tâm thiền định cầu pháp Thượng thừa, cũng không suy nghĩ Khế kinh, Giới luật, A-tỳ-đàm, cũng không ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng, lòng cứ nhớ thương đứa con đã chết. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng Tam đạt trí quán biết tâm ý thầy Tỳ-kheo ấy, thấu rõ gốc ngọn, quán rõ ý nghĩa ấy rồi và muốn giúp các Tỳ-kheo dứt hết mọi ngờ vực, khiến cho chúng sinh đời sau thấu rõ chánh pháp sáng suốt tồn tại lâu dài trên thế gian, nên trước đại chúng Đức Phật nói bài kệ Xuất diệu:

*Như trên khung dệt
Thoi dệt qua, lại
Chỉ dần dần hết
Mạng người cũng thế.*

Tất cả muôn vật đều đi đến chỗ chết, vô thường thay đổi đều được vớt bỏ ngoài gò mả chôn đồng hoang.

Thầy Tỳ-kheo kia nghe những lời giáo huấn ấy của Như Lai, liền hiểu rõ lý vô thường, thấu suốt nguồn gốc tội phước, hiểu được sự thay đổi hưng suy, vâng theo hạnh diệt độ, liền ở trước Phật chứng được quả A-la-hán.



*Như kẻ tử tù
Dẫn qua chợ búa
Dẫn vào cũi chết
Mạng người cũng vậy.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc đó vua Ba-tư-nặc, quốc vương nước Kiền-tát-la ra lệnh cho lính canh ngục hãy đem hết bọn trộm cướp chiếu theo luật đem ra chợ xử tử hết. Lúc ấy, có một tên trộm ở trong đám đông liền trốn thoát, rồi y mượn pháp phục giả làm Sa-môn. Trong tâm tên trộm này luôn nghĩ làm vậy là mình đã thoát khỏi nguy hiểm, không còn lo sợ bị vua giết hại. Ở nơi vắng vẻ, không suy nghĩ đạo đức, không học kinh, luật, luận, cũng không thông hiểu được nghĩa lý, các đạo pháp hóa độ thế gian, cũng không ngồi thiền tụng kinh, làm việc giúp chúng, xa lìa ba việc, không siêng năng tu tập, cho rằng tu đạo như vậy là đủ rồi, không mạnh mẽ tinh tấn cầu pháp của bậc Thượng nhân. Quả chưa chứng, không siêng năng cầu chứng, những điều chưa được cũng không siêng năng tìm cầu cho được. Đức Như Lai dùng Tam đạt trí quán biết tâm thầy Tỳ-kheo ấy, dần dần giáo hóa, xé tan lưới ngò vực của vị ấy. Ngài dạy:

– Phải dứt trừ nạn của giặc sinh tử, vì nó còn động nhiều oan trái khác nữa. Cái thân năm ấm lầy lừng này trôi lăn trong năm đường không có ngày

ngủ, bị phiền não kết sử giết hại, đọa vào đường ngã quỷ, súc sinh.

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn quán xét ý nghĩa này, thấu suốt gốc ngọn, muốn cho các thầy Tỳ-kheo dứt hết mọi ngờ vực, khiến cho chúng sinh đời sau thấy được chánh pháp sáng suốt tồn tại lâu dài, nên Ngài nói bài kệ này:

*Như kẻ tử tù
Đẫn qua chợ búa
Đàn vào cũi chết
Mạng người cũng vậy.*

Bảy giờ thầy Tỳ-kheo kia ở nơi thanh vắng suy nghĩ, so lường, tự trách mình, hiểu rõ muôn vật đều vô thường, sống không bao lâu rồi cũng trở về cũi chết, sự thay đổi về hưng suy nào phải chuyện mới mẻ gì, mà đã có từ lâu. Ở trước Đức Phật, vị Tỳ-kheo ấy ăn năn hối cải, chứng được quả A-la-hán.



*Như dòng sông chảy
Không hề trở lại
Mạng người cũng vậy
Đi không trở lại.*

Ngày xưa, có đám đông người ra ngồi bên bờ sông, quan sát dòng nước đã giết hại biết bao nhiêu người, hoặc cha mẹ, vợ con, trai gái bị té xuống sông cũng chết vô số lượng. Người được vớt cứu chỉ bằng một phần vạn. Lần nọ, có một người bị

chìm xuống nước sâu được cứu sống bèn đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp nhận, cho phép nhập đạo, nhưng thầy Tỳ-kheo ấy không biết suy nghĩ đạo lý, cho rằng mình thoát khỏi tai nạn chết hụt, không còn sợ chết chìm nữa, ở nơi thanh vắng không suy tư đạo đức, không học Khế kinh, Giới luật, luận A-tỳ-đàm, không tìm hiểu nghĩa lý sâu sắc, các pháp ra khỏi thế gian, không tu tập ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng, liả hẩn ba việc, cho rằng hành đạo như vậy là đủ rồi, không mạnh mẽ tinh tấn cầu pháp của bậc Thượng nhân, quả chưa chứng không siêng năng cầu chứng, những điều chưa được cũng không siêng năng tìm cầu cho được. Đức Như Lai Thế Tôn dùng Tam đạt trí quán sát tâm thầy Tỳ-kheo này, dần dần giáo hóa, xé tan lưới ngò vực, Ngài liền nói với thầy Tỳ-kheo:

– Tránh khỏi nạn giặc sinh tử còn đọng nhiều hoạn nạn khác, thân năm ấm lấy lòng này trôi lăn trong năm đường không ngừng nghỉ, bị các kết sử giết hại, đọa vào đường ngạ quỷ, súc sinh.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát ý nghĩa này, tìm xét gốc ngọn, khiến cho các Tỳ-kheo dứt hẳn ngò vực, khiến chúng sinh đời vị lai thấy được chánh pháp sáng tỏ, tồn tại lâu dài, nên Phật nói bài kệ trên.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 2

Phẩm 1: Vô Thường (Phần 2)

*Như dòng sông chảy
Không hề trở lại
Mạng người cũng vậy
Đi không trở lại.*

Thầy Tỳ-kheo kia nghe Đức Phật dạy rồi trong tâm tự hổ thẹn, biết ra tất cả muôn vật đều trở về chỗ vô thường tử biệt, thay đổi không có gì lâu dài, khổ về thương yêu mà phải chia lìa, oán ghét mà phải gặp nhau, nên suy nghĩ rằng không có ta, không có người, không có mạng sống, tâm ý chuyên chánh hướng về Niết-bàn. Bị nước sông nhận chìm không có gì đáng nói, chỉ có dòng sông chết nhận chìm nhiều kiếp không thoát ra được, phải tìm phương cách ra khỏi dòng sông chảy xiết ấy. Sau khi nghe lời Phật dạy, thầy Tỳ-kheo kia tâm ý mở tỏ, dứt mọi ý nghĩ xằng bậy, ở trước Đức Phật liền dứt bỏ được nạn sinh tử, chứng được quả A-la-hán, ba lần tự nói lành thay, do ý nguyện phước báu mà được. Bây giờ, vô số chúng sinh

trong pháp hội nghe vị Tỳ-kheo này chứng quả A-la-hán nên họ đều phát sinh hạnh vô dục thanh tịnh, đều chứng quả Tu-đà-hoàn.



*Công lao tu tập
Nhiều kiếp mới được
Que vạch, nước rẽ
Rút que, nước hợp.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Cam-lê, thành Tỳ-da-ly. Lúc ấy rất đông các vị Tỳ-kheo đang ngắm nhìn phong cảnh đất nước này, dân giàu nước mạnh, sự ăn ở được bình yên, ai nấy sống thỏa tình thích ý với lúa thóc lương thực tràn đầy, nhưng không tuân theo pháp luật, trên dưới chống đối nhau, ai cũng cho mình là chân chánh. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn vì lòng thương xót sự ngu mê của họ, nên Ngài dùng nhiều phương cách dẫn dắt để họ được pháp vị. Đức Phật liền nhóm họp đại chúng bảo các Tỳ-kheo:

— Ai là người có trí tuệ thì qua thí dụ sau đây sẽ tự hiểu. Như đất nước này chợt bị chìm ngập trong làn nước bao la không còn chứa một chỗ nào hết, trong cõi nước đó, có một con rùa mù sống ở trong nước trong vô số trăm ngàn kiếp không thể tính kể, trên mặt nước có một mảnh ván bằng khuỷu tay với một cái lỗ, bị gió trôi dạt. Con rùa mù nọ một trăm năm mới trời đầu lên ở hướng Đông, thấy gió

thổi tấm ván về hướng Nam. Này các thầy, con rùa mù nọ có chui được vào cái lỗ ấy không?

– Dạ không! Bạch Thế Tôn.

– Rồi lại một trăm năm nữa, con rùa ấy trôi lên ở phía Nam, nhìn thấy gió dạt tấm ván ấy bên phía Tây. Này các thầy, con rùa mù nọ có chui được vào lỗ ván ấy không?

– Dạ không! Bạch Thế Tôn.

– Bốn hướng nhìn và trôi dạt cứ thế xa nhau, các thầy nghĩ sao, con rùa mù ấy có cơ may chui vào được cái lỗ của tấm ván chăng?

– Dạ không! Bạch Thế Tôn.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thế thì trọn kiếp, con rùa mù kia có gặp được lỗ tấm ván không?

Đức Thế Tôn bảo:

– Việc ấy hẳn là khó vô cùng, nhưng vẫn có lúc gặp được. Làm thân súc sinh đã khó, từ súc sinh mà được làm thân người lại càng khó hơn. Các thầy phải biết thân người khó được. Có khi được thân người mạng sống lại ngắn ngủi, không giống người xưa tuổi thọ vô lượng. Khi Đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, là Bạc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Sau khi Ngài nhập diệt, con người sống đến bảy vạn tuổi. Rồi lại có Phật Thi-khí ra đời, là Bạc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Sau khi Ngài nhập diệt, con người sống đến sáu vạn tuổi. Bây giờ có Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-xá-phù Như Lai, là Bạc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện. Sau khi Ngài nhập diệt, con người sống đến năm vạn tuổi. Bây giờ có Đức Phật hiệu là Ca-cưu-lưu Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đủ mười hiệu xuất hiện ra đời. Sau khi Ngài nhập diệt, con người sống đến bốn vạn tuổi. Bây giờ có Đức Phật hiệu Ca-na-ca Mâu-ni Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đủ mười hiệu ra đời. Sau khi Ngài nhập diệt, con người sống được hai vạn tuổi. Lại có Đức Phật Ca-diếp Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đủ mười hiệu. Sau khi Ngài nhập diệt, con người sống được một trăm tuổi. Nay Ta ra đời hiệu là Thích-ca Văn Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đủ mười hiệu. Các Tỳ-kheo nên biết, số người sống lâu hơn một trăm tuổi chẳng là bao, còn số sống khoảng trăm tuổi là thường có. Cho nên bảo rằng: Công lao tu tập, nhiều kiếp mới được.

Người xưa nhờ tu nhân tích đức nên tuổi thọ vô lượng, các hạnh lành đầy đủ, không có bệnh tật, ôn dịch, khí độc. Người dân sống lâu tám vạn bốn ngàn tuổi. Thời ấy chỉ có ba tật nạn là tâm dục, đói khát, già yếu. Còn đời nay, năm trước lấy lưng, tuổi

thọ con người rất ngắn, với bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh ràng buộc thân người. Tôn giả Mã Thanh cũng có bài kệ:

*Các nạn nhóm thành thân
Già chết luôn rình rập
Gươm độc, lửa hừng cháy
Phải chống đỡ vạn bệnh.*

Cho nên nói:

*Công lao tu tập
Nhiều kiếp mới được
Que vạch, nước rẽ
Rút que, nước hợp.*

Như hiện nay, mạng sống con người mong manh không giữ gìn lâu được. Thế thì ai là người còn ham mến cái đời sống này? Chỉ có kẻ phàm phu thiếu hiểu biết mới thích sống trong ba cõi. Người dân nghe xong những điều Đức Phật dạy đều phát tâm thanh tịnh, tu hạnh không lui sụt.



*Như người cầm gậy
Lùa trâu đi ăn
Già chết cũng vậy
Nó nuôi mạng trùng.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong thành La-duyệt, nước Ma-kiệt-đà, Ngài cùng A-nan đắp y, ôm bát đi khát thực. Trên đường, Ngài thấy người nọ lùa cả ngàn con trâu ra đồng cỏ tốt rồi y đốt khói canh

giữ trâu. Đức Phật hỏi ngài A-nan:

– Thầy có thấy người kia lừa bầy trâu chẳng?

Ngài A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bầy trâu này trước kia có đến cả ngàn con, nhưng bởi thả ra đồng chăn giữ không cẩn thận nên bị cọp, thú dữ nhìn thấy bắt ăn thịt hơn phân nửa rồi. Số còn lại không biết lo gì cả cứ thả nhiên húc cụng, đầu đá lẫn nhau, kêu rống inh ỏi. Thương thay sự ngu si vô trí của chúng sao mà quá lắm vậy!

Đức Phật bảo A-nan:

– Con người sống ở thế gian này cũng giống như vậy. Chấp cái tôi, cái ta, không biết vô thường, tham đắm năm dục, nuôi dưỡng thân này thỏa thích tình ý mà tàn hại lẫn nhau, không biết vô thường rình rập đến bất cứ lúc nào. Họ mờ mịt nào biết chuyện gì xảy ra, có khác gì bầy trâu nọ. Dù được nước ngọt, cỏ non nuôi thân, nhưng đó là rút ngắn mạng sống chứ có ích gì cho bản thân mình.

Đức Phật trở về tinh xá, do sự việc trên nên Ngài khuyên dạy bốn chúng đệ tử. Trong số đó có hơn hai trăm người nghe pháp tâm ý khai ngộ, chứng được sáu thứ thần thông, đắc quả A-la-hán. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Có người nghe được lời dạy này mà được giải

thoát, có người nghe rồi dùng trí tuệ nhiệm mầu suy nghĩ mà được giải thoát, có người nghe qua thí dụ mà được giải thoát. Có người ngu dốt, nghe một câu kệ mà được độ thoát, ấy là nhờ thí dụ vậy. Bài kệ này nói nhằm vào ý nghĩa đó, mỗi người tùy theo sự hiểu biết mà được độ thoát. Cho nên nói: *Như người cầm gậy... là như thế.*



*Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm theo
Như cá cạn nước
Nào có vui gì*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Người ta sống trên đời việc làm khác nhau, sự hiểu biết cũng khác nhau. Một ngày trôi qua thì mạng sống cũng giảm theo. Dù sống trăm tuổi, nhưng ngủ nghỉ cũng mất hết phân nửa thời gian. Đức Phật bèn nói cho hội chúng nghe bài kệ:

*Phàm người muốn lập đức
Ngày đêm không để hở
Đêm ngày nhanh như chớp
Mạng người mau cũng vậy.*

Lúc ấy người đến tham dự hội quán sát rõ nghĩa ấy mà áp dụng tu hành. Trong một ngày đêm trôi qua có biết bao cơ duyên đưa đến tử biệt. Kẻ ngu nường tựa, đắm nhiễm thân này. Các vị phải siêng năng nhớ nghĩ, phát tâm mạnh mẽ, đừng để mất

thân này. Cho nên nói:

*Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm theo
Như cá cạn nước
Nào có vui gì.*

Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy phải biết rõ lẽ thật ấy. Sông lớn, biển rộng còn có lúc khô, cá lớn ở sâu muôn tầm còn phải phoir lưng lên, huống gì là nước ít thì làm sao không như thế được? Cũng có lúc mưa cuộn nước lũ tràn ngập các ngòi rãnh, nước cuốn băng băng chảy xiết, tiếng vang âm âm khắp bốn phía. Người bên bờ kia gọi người bên bờ này không nghe tiếng nhau. Nhưng rồi, cũng có lúc khe ngòi cạn khô, không một giọt nước nào. Dù chúng sinh trong bốn đường với hình thù khác nhau, nhưng sự sống của ai này cũng giảm như cá cạn nước nào có vui gì đâu? Có chúng sinh tuổi thọ rất dài lâu, như chư Thiên sống lâu tám muôn bốn ngàn kiếp, địa ngục sống lâu một kiếp, súc sinh có tuổi thọ đồng với địa ngục. Còn ngạ quỷ có tuổi thọ không hạn lượng. Như Tôn giả Mãn Nguyên đến giờ đắp y ôm bát vào thành Phất-ca-la khát thực, thời thầy gặp một ngạ quỷ đứng tựa ở cửa thành ấy. Thầy bèn hỏi:

– Người đứng đây để làm gì?

Quỷ nói:

– Thầy có thấy con không?

Thầy Tỳ-kheo nói:

– Ta thấy người.

Quý lại nói:

– Chồng con vào thành đến giờ vẫn chưa trở ra, con đứng đây đợi.

Thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Chồng người vào thành để làm gì?

Quý nói:

– Trong thành này có vị trưởng giả mắc bệnh ung thư lâu ngày, bữa nay u nhọt vỡ mủ, máu chảy đầm đìa, chồng con dắt theo hai ngựa quý khác đến đó để ăn uống máu mủ mà sống.

Thầy Tỳ-kheo lại hỏi:

– Chồng người đến thành này bao nhiêu lần rồi?

Vì thành này tọa lạc gần bên bờ sông nên quý giơ tay chỉ thành và nói với thầy Tỳ-kheo rằng:

– Bờ bên này và bờ bên kia thành này bồi lở đến nay đã bảy lần rồi, chồng con đã vào thành suốt cả thời gian ấy.

Như vậy, tuổi thọ của ngựa quý dài lâu không thể tính kể, cũng không hạn định được. Còn loài người thì tuổi thọ cao nhất là trăm năm, tuy có hơn cũng không được bao người. Cho nên nói:

Như cá cạn nước

Có vui thú gì?

Lời ấy nhắc ai nấy biết đừng để mình bị rơi vào

bốn đường.



*Đêm dài mất ngủ,
Đường xa mỗi mệt
Ngu sinh tử dài
Không biết chánh pháp.*

Thuở ấy Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Có bốn hạng người đêm ngủ ít mà thức nhiều, bốn hạng đó là: Gái nhớ trai, đêm ngủ ít mà thức nhiều; hai là trai nhớ gái, đêm ngủ ít mà thức nhiều; ba là kẻ trộm, đêm ngủ ít mà thức nhiều; bốn là Tỳ-kheo tu tập thiền định siêng tu chánh pháp, đêm ngủ ít mà thức nhiều.

Thuở Đức Phật ngự tại Kỳ hoàn A-na-luật-mân-a-lam, thuộc thành Xá-vệ, có một vị Phạm chí nhờ tạo lập công đức đời trước, cơ duyên được độ đã đến, ông ấy chợt nghe câu kệ: “Ngu sinh tử dài”, nhưng vị Phạm chí này có nhiều tài sản vật báu, tôi tớ hầu hạ, gia nghiệp đầy đủ, thê thiếp xinh đẹp bậc nhất trên đời, dung nhan không hề khiếm khuyết. Bấy giờ vị Phạm chí suy nghĩ: “Ta nên đến chỗ Như Lai, hỏi rằng đời vị lai có bao nhiêu vị Phật”. Sau khi ra khỏi thành, vị Phạm chí đến tỉnh xá Kỳ hoàn, tới chỗ Đức Phật, ông thưa hỏi rồi đứng sang một bên, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con có điều muốn hỏi, nếu Thế Tôn cho phép con mới dám trình bày.

Đức Thế Tôn bảo:

– Ông cứ tự nhiên hỏi, Như Lai sẵn sàng giải đáp.

Vị Phạm chí thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời tương lai sẽ có bao nhiêu vị Phật ra đời?

Đức Thế Tôn trả lời:

– Đời tương lai các Đức Phật sẽ ra đời nhiều như cát sông Hằng.

Nghe Đức Phật nói vậy, vị Phạm chí chiêm ngưỡng Đức Phật, trong lòng vô cùng vui mừng hớn hở, phát sinh tâm lành: “Các Đức Phật ở tương lai nhiều như cát sông Hằng, ta ở trong pháp của các Đức Phật ấy tu phạm hạnh, làm các công đức, phước lành không mệt mỏi. Hiện nay có nhiều của cải vật báu, kẻ hầu người hạ, gia nghiệp đầy đủ. Vợ con xinh đẹp không hai trên đời. Nay ta nên lập đàn bố thí gia nghiệp này. Ai xin gì cho nấy, không trái ý muốn của họ”. Vị Phạm chí nghe Phật khuyên dạy xong, đi quanh Phật ba vòng rồi chấp tay chào từ biệt ra về.

Trên đường về chưa được bao xa thì Phạm chí chợt nghĩ: “Lúc nãy ta chỉ hỏi Phật về các Đức Phật đời vị lai mà quên hỏi các Đức Phật đời quá khứ. Bây giờ ta phải trở lại chỗ Thế Tôn để hỏi về các

Đức Phật đời quá khứ”. Vị Phạm chí liền trở lại chỗ Đức Phật, thưa hỏi rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời quá khứ có bao nhiêu Đức Phật?

Đức Phật bảo:

– Các Đức Phật ở đời quá khứ nhiều như cát sông Hằng.

Nghe vậy, vị Phạm chí quỳ trước Phật buồn khóc, than rằng:

– Con bị sinh tử ngu si trói chặt lâu dài, nên không được gặp hằng sa chư Phật. Ôi đó là khổ gì?

Rồi ông gieo mình vạt vãi tự trách:

– Ấy là bởi con sống đời buông lung không có cội gốc chắc thật khiến con mãi là phàm phu, hoặc ở trong cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu khổ đêm dài với núi đao, rừng kiếm, xe lửa, lò than, hay bị đè bẹp dưới núi tuyết, hết kiếp mới được thoát khỏi, hoặc ở trong địa ngục lửa cháy chịu đau khổ vô lượng. Tuy được sinh lên làm người nhưng lại sinh ở vùng biên địa, nên dù có Phật ra đời cũng không được gặp. Trước đây có thầy Tỳ-kheo dạy con rằng: “Ngu si sống trong đêm dài sinh tử”, lời ấy quả là chân thật. Nay con hết lòng quy y Như Lai và cũng quy y đối với chư Phật tương lai. Con thấy ruộng vườn, vợ con đều là cái bên ngoài, tại sao mình lại tham đắm nó mà bỏ mất lời dạy của

bậc Thánh.

Lúc bấy giờ vị Phạm chí cung kính chấp tay, quỳ thẳng trước Phật mà bạch:

– Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con nhập đạo, được tu phạm hạnh.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các vị hãy dạy trao oai nghi độ cho vị Phạm chí này làm Tỳ-kheo.

Vị ấy thọ giáo liền được độ làm Sa-môn. Sau đó, vị Tỳ-kheo này ở nơi thanh vắng suy nghĩ so lường sự tu tập của các bậc Thượng nhân. Cho nên người thuộc dòng họ cao quý đi xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia với lòng tin vững chắc, tu phạm hạnh cao thượng, giữ thân lập chứng để tự an vui, sinh tử đã chấm dứt, phạm hạnh đã xong, việc phải làm đã làm, không còn thọ thân nữa. Biết rõ như thật, đạt được đạo quả, chứng quả A-la-hán trong cảnh giới vô dư.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát nghĩa này, suy nghĩ gốc ngọn, muốn cho các Tỳ-kheo mau được diệt độ, vì chúng sinh đời sau mà hiện bày chánh pháp sáng tỏ, làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian này, nên Thế Tôn nói lại cho Phạm chí bài kệ này:

*Đêm dài mất ngủ
Đường xa mỗi mệt
Ngu sinh tử dài*

Không biết chánh pháp.*Không thể cậy con**Hay cậy cha anh**Bị chết vây ngặt**Chẳng nhờ ai được.*

Thuở ấy Đức Phật ngự trong tinh xá Thạch thất, ở phía Bắc đạo tràng vườn Lam-lê, thuộc nước Ma-kiệt-đà. Lúc ấy, có một chàng thanh niên chuẩn bị ghe thuyền theo người dẫn đường ra biển tìm châu báu. Những kẻ ít vốn cũng dong thuyền cùng đi. Họ bố thí thức ăn cho kẻ nghèo, Sa-môn, Bà-la-môn. Họ ra biển tìm được nhiều châu báu, trở về được bình yên, cùng nhau vui chơi, ăn uống vui vẻ mỗi ngày không dứt. Nhưng trong số ấy, có một chàng trai ăn uống hăm hút, chỉ ăn gạo rang mà thôi, không thay đổi nếp sống hằng ngày của mình. Nhưng anh ta lại là người tìm được nhiều tài sản vật báu vô lượng. Lúc ấy, người dẫn đường bảo anh ta:

– Hiện nay anh là người có nhiều châu báu nhất, ít ai sánh bằng, vì sao anh ăn xài đăm bạc khốn khổ như vậy? Người ta sống trên đời này, phải thực hành hai việc là bố thí và ăn uống.

Nghe vậy, anh này không chấp nhận lại sinh oán hận, lo buồn. Anh nói với người dẫn đường rằng:

– Nếu tôi ăn xài thì còn đâu để nuôi vợ con.

Về sau, anh gặp bệnh ngặt nghèo, chẳng về đến nhà được mà phải bỏ mạng giữa đường. Người dẫn đường kia bèn nói bài kệ:

*Phàm kẻ bỏn xẻn
Chất chứa tiền của
Gây nên oán thù
Dè đâu chết đến.*

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không tí bợn nhơ thấy người thanh niên đi tìm châu báu chết giữa đường. Do sự việc ấy, Đức Thế Tôn quán sát nghĩa, suy nghĩ ngọn nguồn, giúp cho các Tỳ-kheo thị hiện diệt độ, vì các chúng sinh đời sau mà thị hiện chánh pháp sáng suốt, tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Phật nói bài kệ:

*Không thể cậy con
Hay là cha anh
Bị chết vây ngặt
Chẳng nhờ ai được.*

Lúc ấy đại chúng nghe Đức Phật nói kệ xong, tâm ý đều mở tỏ, hăng hái lập công tu đức, cứu giúp người nghèo thiếu, trì trai giữ giới, ba tháng trường trai hằng năm không hề sai chạy, bốn việc cúng dường như y phục, cơm gạo, giường ghế, đồ nằm, thuốc men chăm sóc bệnh nhân. Ai cần quần áo thì cho quần áo, cần thức ăn cho thức ăn, bảy thứ vật báu như vàng bạc, lưu ly, xà cừ, mã não,

trần châu, hồ phách, ai xin gì cho nấy không trái ý họ. Những vị từ xa đến ở lâu hay ở qua đêm đều được cung cấp đầy đủ. Cả đến hương hoa, đồ trang sức cũng ban cho mà không chút tiếc rẻ. Vô số đại chúng chán ngán sự sinh tử, dứt bỏ tham đắm, chấp trước, tín tâm vững chắc, xuất gia tu đạo, tu pháp tăng thượng không hề lui sụt, rồi lần lượt chứng được quả A-la-hán.



*Trăm ngàn chẳng một
Dòng dõi gái trai
Chất chứa của cải
Rồi đều tan biến.*

Người sống trên đời, bôn ba rong ruổi khắp nơi, tiền của, lòng ham muốn không biết thỏa mãn, dù nắng hè thiêu đốt, giá rét ngày đông, đói khát khổ đau, khôn khó lo buồn, được một mất muôn, vậy mà vẫn cảm thấy vui. Họ làm hết mình nhưng khó đạt kết quả, tâm ý không mở tỏ. Đã không dám ăn tiêu, cũng không bố thí cho ai, dù của cải tràn đầy, cũng không khác gì kẻ nghèo thiếu. Còn người ngồi thiền dù đem bảy báu trang sức, tuy mắt nhìn thấy, nhưng lòng không vui. Bởi tâm bôn xěn keo kiệt nên trôi lăn trong sinh tử, hết đời này qua đời khác.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn trong sạch không tí bợn nhơ thấy chúng sinh rong

ruổi khắp nơi tham cầu tiền của, không biết nghĩ đến ngày mai, ấy đều là do si mê, thấy biết sai lầm. Do sự việc trên, Đức Thế Tôn quán xét ngọn nguồn, dẫn dắt chúng Tỳ-kheo đến với pháp mâu, cũng vì chúng sinh đời sau thị hiện chánh pháp sáng rõ, làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, được ba đời chư Phật hộ trì, nên Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Trăm ngàn chẳng một
Dòng dõi gái trai
Chất chứa của cải
Rồi đều tan biến.*

Bấy giờ, cả mấy ngàn muôn người trong hội chúng nghe lời Phật dạy, lắng tâm, nghe nhận, tùy theo sự ghi nhớ mà được thành quả chứng.



*Thường rồi cũng hết
Cao rồi cũng rơi
Hợp phải có tan
Sinh phải có chết.*

Thuở ấy Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc đó, có một vị Phạm chí lạ đến chỗ Đức Phật chào hỏi xong, ngồi qua một bên, thưa Đức Phật:

— Con có điều muốn hỏi, xin Đức Thế Tôn cho phép.

Đức Phật bảo:

– Ông cứ tự nhiên hỏi, Như Lai sẽ giải thích.

Vị Phạm chí bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, vì sao mà chúng sinh đời này chuyển sang mỏng manh rồi thành tồn giảm? Ở thế gian không được hưng thịnh như vậy?

Đức Phật bảo Phạm chí:

– Có ba nguyên nhân khiến chúng sinh chuyển sang mỏng manh, rồi thành tồn giảm, làm cho thế gian không thịnh vượng nữa. Ba nguyên nhân ấy là gì?

Chúng sinh đời nay tham dục, không giữ đạo đức, bòn xén chấp chặt, quen theo tà kiến điên đảo. Chúng sinh này bị ba điều ấy làm ô nhiễm, gió mưa trái mùa, tai ương khí độc lan tràn, ngũ cốc mất mùa, hư hại không gặt hái được. Thức ăn của họ dù chín hay sống chứa đầy mầm bệnh tật lan tràn, khiến người chết chập chùng không thể kể hết. Đây Phạm chí, đó là nguyên nhân thứ nhất.

Nguyên nhân thứ hai khiến chúng sinh đời nay chuyển sang mỏng manh, rồi thành tồn giảm như vậy, khiến đời sống không thịnh vượng, rồi gió mưa trái mùa, tai ương khí độc lan tràn, ngũ cốc mất mùa, hư hại không gặt hái được. Không đến ngày chín, nằm non không sinh, khiến nhân dân đói khổ, chết chóc quá nhiều. Đây Phạm chí, đó là nguyên nhân thứ hai.

Nguyên nhân thứ ba khiến chúng sinh đời nay

chuyển sang mỏng manh, rồi thành tổn giảm, khiến đời sống không thịnh vượng. Lại nữa, này Phạm chí, như hiện nay trong nước vua tham dục, không giữ đạo đức, bòn xén cháp chặt, lại quen theo tà kiến sai lầm, cai trị nhân dân không đúng luật pháp, tranh giành đất đai vô độ, mang quân đến biên giới đánh nhau, gây tổn thất cho nhau, gươm giáo cung tên bắn nhau, sát hại vô số không thể kể xiết. Này Phạm chí, đó là nguyên nhân thứ ba.

Ba nguyên nhân ấy khiến cho chúng sinh mắc phải tai ương, đói khổ lan tràn, chém giết vô đạo.

Nói xong, Đức Phật bảo ngài Mục-liên:

– Lưng Ta đau, cần phải về tịnh thất nghỉ. Ông nên bàn luận với vị Phạm chí này, để người đến dự hội, dứt hết thắc mắc.

Ngài Mục-liên đáp:

– Xin vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Lúc ấy Đức Thế Tôn xếp y Tăng-già-lê, lấy y Uất-đa-la gói đầu, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, buộc niệm trong sự sáng suốt. Bấy giờ, ngài Mục-liên nói với Phạm chí:

– Ngài nên lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Phạm chí đáp:

– Tôi rất muốn nghe.

Ngài Mục-liên nói bài kệ:

*Hãy xem đất nước này
Và các loại cây trái*

*Sông phát nguồn từ núi
 Sông biển chảy không ngừng.
 Người xưa cố gìn giữ
 Nhưng nay họ đâu rồi?
 Xin quay bánh xe pháp
 Chỉ rõ cho trời người.
 Nào ai ưa sự chết
 Rót cuộc họ về đâu?
 Muốn tìm người xưa cũ
 Nay nào thấy một ai?*

Nói rộng như văn xưa. Phạm chí nghe xong tâm ý mở tỏ, đi trên vết đạo màu. Cho nên lời kệ trên nói:

*Thường rồi cũng hết
 Cao rồi cũng rơi
 Hợp phải có tan
 Sinh phải có chết.*

Bài kệ này nói lên ý nghĩa vừa nói.

Thuở ấy, Đức Phật ngự tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy, có một người đàn bà góa vừa chết đứa con. Bà buồn bã sầu khổ, bàng hoàng điên dại, không còn biết gì, giống như người khùng. Bà ra khỏi thành đến tỉnh xá Kỳ hoàn vì bà nghe người ta nói Phật là vị Đại Thánh được trời người tôn kính, Ngài giảng kinh nói pháp làm cho người ta trút sạch nỗi khổ sầu. Ngài nhìn thấy tất cả và thông suốt tất cả. Vì thế người đàn

bà góa này bèn đến chỗ Đức Phật, đánh lễ, quỳ thẳng, bạch Phật:

– Thưa Ngài, con vốn hiếm muộn, chỉ có một đứa con, thế rồi bất thần bị bệnh nặng, bỏ mẹ ra đi. Tình mẹ thương con quá nặng không chịu đựng nổi cảnh ấy. Cúi mong Ngài thương xót, rũ sức thần khai hóa cho con được hết nỗi sầu khổ.

Đức Phật bảo:

– Bà hãy mau vào thành, đi qua khắp các hang cùng ngõ hẻm, đến nhà nào chưa từng có ai chết mà xin tí lửa rồi đem về đây cho Ta.

Nghe dạy như vậy, bà vui mừng hơn hờ ra đi. Vào thành Xá-vệ, ghé vào một con hẻm, rồi qua nhà nào bà cũng hỏi:

– Nhà ông chưa từng có ai chết phải không? Tôi muốn xin tí lửa đem về cứu con tôi sống lại.

Ai nấy đều bảo:

– Ông bà tổ tiên chúng tôi xưa kia, nay làm sao còn được! Sao bà lại hồ đồ đến đây hỏi chuyện xằng bậy như thế.

Nhà nào bà đến cũng đều nói từng có người chết cả. Bà phờ phạc mệt mỏi vì không tìm được điều cầu xin, đành trở về tay không. Bà bỗng đưa bé đến chỗ Đức Phật đánh lễ dưới chân Ngài và thưa:

– Con vâng lời Ngài dạy vào thành, đến từng nhà xin lửa, ai cũng đều bảo nhà họ từng có người

chết, cho nên con đành phải về tay không.

Đức Phật bảo bà ta:

– Người ta sống trên cõi đời này, có bốn việc không thể giữ gìn lâu dài. Bốn việc ấy là: Một là cái gì thường rồi sẽ đi đến vô thường. Hai là giàu sang rồi sẽ nghèo hèn. Ba là có sum họp ắt có lìa tan. Bốn là khỏe mạnh rồi cũng phải chết. Tất cả đều đi đến cái chết, bị cái chết dắt đi là một tai họa mà không một ai thoát khỏi.

Đức Phật bảo bà:

– Giờ đây bà đừng lo buồn nữa. Phải lo bố thí, giữ giới, tu bát quan trai vào các ngày trong tháng, mùng tám, mười bốn, mười lăm trong tháng, rồi tùy theo khả năng của mình mà bố thí cho người nghèo thiếu, cho các Sa-môn, Bà-la-môn từ xa đến, ở lại, hoặc ghé qua. Làm vậy thì được phước không lường.

Bà ấy liền bạch Phật:

– Tình thương con đã ăn sâu vào xương tủy, vì nó mà con không còn tiếc mạng sống.

Lúc bấy giờ, vì muốn làm cho tâm trí người đàn bà này được tỏ ngộ, Đức Phật liền hóa ra bốn hồ lửa thật lớn bao quanh bà ta. Bị nóng quá, bà bèn đưa đứa bé ra che cho thân mình. Bà la toáng lên vì không chịu nổi sức nóng. Đức Phật liền hỏi bà:

– Hồi nãy, bà bảo bà thương con đến tận xương tủy, thà chịu chết chứ không để con chết. Nhưng

rồi bị lửa ép ngặt không thể chịu nổi, đáng lẽ bà ráng chịu đựng chứ sao lại đưa đứa bé ra che cho thân mình. Lửa nhỏ ở thế gian nào đáng nói chi! Lửa ở địa ngục thiêu đốt đau khổ khôn lường. Súc sinh khổ vì sống trong ngu si mê hoặc, ngạ quỷ khổ vì mãi bị đói khát do ít phước. Người có khả năng làm lợi ích cho mình thì phải lo hành đạo, tu các việc lành như bố thí, trì giới, nhẫn nhục thì sẽ không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu các khổ não, được hưởng phước trời người, dần đến Niết-bàn.

Bấy giờ người đàn bà nghe Đức Phật nói pháp mâu cao cả như vậy, bèn tự suy nghĩ, trong tâm tự trách, gạt bỏ được ân ái, dứt hết mọi bám víu, bèn nghĩ rằng cõi đời này không có gì vui. Bà thấy rõ cái khổ của thân năm ấm lấy lòng. Ngay ở trước Đức Phật bà liền dứt sạch phiền não, được mắt pháp thanh tịnh, chứng quả Tu-đà-hoàn. Bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát rạch ròi ý nghĩa ấy, thấu rõ gốc ngọn, giảng nói pháp yếu cho chúng sinh đời sau nên ở trước đại chúng liền nói bài kệ:

*Thường rồi cũng hết
Cao rồi cũng rơi
Hợp phải có tan
Sinh phải có chết.
Chúng sinh cũng thế
Đều phải bỏ mạng
Đọa theo tội gây*

Tự chịu tội phước.

Tất cả chúng sinh có hình dạng từ loại bò, bay, cựa động, bò trườn ngoằn ngoèo, chạy nhảy cho đến thở hít, đều trở về chỗ tiêu ma, không tránh khỏi cái chết, tùy theo việc mình đã làm mà chịu quả báo, làm lành thì hưởng phước, làm ác thì chịu họa, như bóng theo hình, không thể trốn được? Do sự việc trên, nên Đức Phật nói bài kệ này:

*Làm ác đọa địa ngục
Làm lành được sinh Thiên
Người nào tu nghiệp lành,
Vô lậu nhập Niết-bàn.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt. Lúc ấy, trong thành đang bị bệnh thời tiết, ôn dịch độc hại hoành hành khắp nơi. Người dân chết nhiều vô kể. Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không chút tì vết thấy những kẻ làm ác khi chết đọa vào địa ngục. Lại có vị Tỳ-kheo vì nhàm chán họa sinh tử và quán thấy thân bốn đại này không có gì đáng tham đắm, hôi thối khó đến gần, vị ấy liền thị tịch bằng cách nhập vào Niết-bàn vô dư. Khi ấy, Đức Thế Tôn quán sát ý nghĩa này, thấu suốt ngọn ngành, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau và giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên cõi đời mà Đức Thế Tôn nói bài kệ trên. Nghe Đức Phật nói kệ xong, cả đại hội đều phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.



*Trên không hay xuống biển
Chẳng thể vào khe núi
Chẳng bắt cứ nơi nào
Mà tránh khỏi thần chết.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành Vương xá. Lúc ấy có bốn anh em Phạm chí nọ, ai nấy đều chứng được năm thứ thần thông nên ai cũng biết mình không thể còn sống bao lâu nữa, chỉ còn bảy hôm nữa thôi. Họ cùng suy nghĩ bàn với nhau rằng: “Anh em bọn ta đều có được năm thứ thần thông, ai cũng có thể dùng thần lực của mình làm nghiêng đổ trời đất này, hay hiện thân thật to lớn, đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng. Dời núi, ngăn sông, không có chuyện gì chúng ta không làm được, vậy chẳng lẽ chúng ta không trốn được cái nạn chết này sao?”

Người anh cả nói:

– Ta sẽ ra biển trốn vào khoảng giữa mực nước biển, quỷ vô thường đâu biết ta ở đâu!

Người thứ hai nói:

– Tôi sẽ chui vào bụng núi Tu-di, rồi khép kín mặt ngoài núi không chừa kẽ hở thì quỷ vô thường đâu biết ở đâu!

Người thứ ba nói:

– Tôi sẽ bay lên hư không, ẩn mình không dấu vết thì quỷ vô thường biết tôi ở đâu!

Người thứ tư nói:

– Tôi sẽ trốn vào trong chợ, mọi người mua bán đông đảo, chẳng ai biết ai thì quỷ vô thường chỉ bắt được cùng lắm là một người nào đó, làm sao bắt được cả bốn anh em ta!

Bàn luận xong, cả bốn người cùng đến từ biệt nhà vua, thưa:

– Chúng tôi tính biết chỉ còn sống bảy hôm nữa thôi, nên mỗi người tự tìm cách trốn tránh mong được nhiều phước.

Nhà vua liền bảo:

– Hãy khéo làm thăng tiến phước đức của mình.

Thế rồi họ giã biệt nhau, ai nấy tìm đến nơi mình đã định. Đúng bảy hôm thì tất cả đều bỏ mạng tại nơi mình đang ở. Người anh thứ ba ở trên hư không thì rơi xuống như trái chín tự nhiên héo rụng. Người quản lý chợ báo lên vua rằng có một Phạm chí vừa mới chết trong chợ. Vua liền tỉnh ngộ nhận thấy họa phước vô thường. Bốn người cùng trốn mà nay một người đã chết thì ba người còn lại làm sao trốn thoát!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không chút tì vết mà biết rõ bốn vị Phạm chí muốn trốn tránh vô thường, ai cũng mong sống ở đời mà tránh khỏi nạn chết, nhưng mạng số đã định nên không ai trốn được. Đức Thế Tôn do sự

việc trên tìm xét gốc ngọn nghĩa lý, muốn thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau và muốn chánh pháp tồn tại lâu dài trên cõi đời mà Ngài nói bài kệ này trước đại chúng:

*Trên không hay xuống biển
Chẳng thể vào khe núi
Chẳng bắt cứ nơi nào
Mà tránh khỏi thân chết.*



*Già bị đau nhức
Chết, ý ra đi
Vui nhà, ngục trời
Tham, đời không dứt.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyet. Có rất nhiều thầy Tỳ-kheo bạch với Đức Thế Tôn:

– Hôm nay, xin Như Lai cho chúng con biết từ nhận thức cuộc đời như thế nào mà Ngài đã từ bỏ cái đẹp nhất, cái vui nhất của cõi đời để xuất gia học đạo?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói rộng về Sinh kinh cho các thầy Tỳ-kheo nghe:

– Các thầy hãy lắng nghe kỹ, suy nghĩ cho sâu, ghi nhớ vào lòng. Hôm nay Ta sẽ nói pháp rất nhiệm mầu.

Các Tỳ-kheo đều thưa:

– Chúng con rất muốn nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

– Bây giờ Ta sẽ nói rộng cho các thầy nghe về Sinh kinh. Các thầy nên biết! Vua cha Ta là vua Chân Tịnh ra lệnh cho các quan rằng: “Hôm nay ta muốn ra hậu viên ngắm cảnh vui chơi, hãy mau sửa soạn xa giá đẹp để sang trọng”. Bấy giờ, vị quan đến trước vua Chân Tịnh thưa rằng: “Tâu Đại vương, Thái tử muốn ra hậu viên ngắm cảnh dạo chơi nên đã bảo sửa soạn xa giá sang trọng, xinh đẹp rồi”. Nghe vậy, vua vui mừng hơn hở, không tự kiềm chế được. Vua liền bảo vị quan rằng: “Ta cho phép Thái tử ra hậu viên dạo chơi ngắm cảnh, để nhờ đó Thái tử dẹp bỏ những ý tưởng lo buồn”. Rồi Ta lên xe ra đi cùng ba mươi bộ quân, trong đó ngoài bộ xa đi trước dẫn đường và đi sau, còn có hai bên mỗi bên là mười lăm bộ. Bấy giờ Ta đến hậu viên ngắm cảnh dạo chơi, gặp một cụ già thân hình suy yếu, thần sắc thay đổi, da dòn mặt nhăn, đang chống gậy rên rỉ mà lê bước. Lúc ấy, Ta hỏi người đánh xe rằng: “Đây là ai mà thân hình suy yếu, thần sắc thay đổi đến thế?” Người đánh xe thưa: “Đó là một người già, thưa Thái tử.” Ta hỏi: “Già là sao?” Người đánh xe thưa: “Già là thân hình biến đổi, tuổi cao, mạng sống chỉ còn trong một sớm một chiều. Từ hao mòn mà dần dần đến với cái chết, nên gọi là già”.

Này các Tỳ-kheo, lúc đó Ta lại hỏi người đánh xe: “Ta cũng sẽ già suy như thế không?” Người

đánh xe thừa: “Bạc tôn quý như Ngài và trời, người đều phải già suy, không ai tránh khỏi”. Lúc đó, Ta nghĩ rằng: “Hễ ai đã có thân thì phải chịu tai họa này, nghèo hèn hay giàu sang cũng đều như vậy cả”. Ta liền bảo người đánh xe hãy lui xe trở về cung. Ở trong cung, Ta tự giữ sự thanh tịnh mà suy nghĩ về đạo đức.

Lúc bấy giờ, vua cha Ta hỏi người đánh xe: “Thái tử đi dạo chơi ngắm cảnh có vừa lòng chẳng?” Người đánh xe thưa: “Thái tử đi dạo chơi nhưng chưa tới hậu viên”. Vua hỏi người đánh xe: “Sao không đưa Thái tử tới hậu viên ngắm cảnh?” Người đánh xe thưa vua rằng: “Ra đi, giữa đường thì Thái tử gặp một người già thân hình suy yếu, thần sắc thay đổi, nên Ngài lo nghĩ và bảo quay về”. Nghe vậy, vua Chân Tịnh tỏ vẻ chán nản. Vua nói: “Ta đã ra lệnh trước cho mọi người ở trên đường phổ rằng không được để cho Thái tử nhìn thấy mọi cái gì dơ bẩn, xấu xa. Nếu để cho Thái tử nhìn thấy thì trong khoảng bảy căn nhà ở đó đều bị giết”. Vua liền sai người đi xem xét, nhưng không có nhà nào cả. Vì sao? Vì trời Tịnh cư hóa ra ông lão ấy.

Này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ: “Tuổi già suy yếu chẳng phải hôm nay mới có. Con người khi vừa lọt lòng mẹ, có thân hình là đã có sự già suy rồi, từ khi lọt lòng mẹ rồi đi chập chững ra vào, lớn lên khỏe mạnh, dần dần trở nên suy yếu đều

phải gặp tai họa này”.

Này các Tỳ-kheo, lúc đó, Ta thầm nói bài kệ:

*Lúc trẻ ý khỏe mạnh
Bị già nua ép ngặt
Hình dung thật khô héo
Hơi tàn nương gậy bước.*

Này các Tỳ-kheo, Ta đi dạo chơi gặp cảnh già ấy đầu tiên. Vài hôm sau, Ta lại bảo người đánh xe rằng: “Ta muốn ra hậu viên dạo chơi, ngắm cảnh, vậy hãy mau sửa soạn xe giá.”

Người đánh xe liền đến trước mặt vua Chân Tịnh mà tâu rằng: “Tâu Đại vương, Thái tử muốn đến hậu viên dạo chơi ngắm cảnh. Ngài đã bảo sửa soạn xe giá đầy đủ cả rồi”. Nghe tâu như vậy, vua vui mừng khôn xiết, bèn bảo quan phụ tá: “Ta cho phép Thái tử ra hậu viên ngắm cảnh, dạo chơi, để dứt bỏ những ý nghĩ lo buồn.” Ta liền lên xe, ra đi cùng với ba mươi bộ quân, hai bên mỗi bên có mười lăm bộ, không kể xe dẫn đường và xe đi sau.

Này các Tỳ-kheo, trên đường đến hậu viên để ngắm cảnh, dạo chơi, Ta gặp một người bệnh, thân hình gầy ốm, đang nằm nôn ọe, đại tiểu tiện. Ruồi nhặng bu đầy mình, từ bụng nước vàng rỉ ra hôi thối, chẳng ai dám đến gần.

Này các Tỳ-kheo, lúc ấy Ta hỏi người đánh xe rằng: “Đây là ai?” Người đánh xe thưa: “Đó là người bệnh”. “Bệnh là sao?” Đáp rằng: “Bệnh là

bởi phong đại, hỏa đại trong thân lũng lầy, tâm không thấy vui. Các bệnh nhóm họp ăn thì không tiêu, ghét nghe tiếng người nói, nên gọi là bệnh”. Bấy giờ Ta hỏi người đánh xe: “Ta có mắc phải tai họa ấy không?” Người đánh xe thưa: “Từ bậc Tôn quý như Ngài cho đến cả trời, người ai cũng phải bệnh cả”.

Này các Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: “Hễ ai có thân là phải chịu tai họa bệnh này, không tránh khỏi được. Thế thì còn đến hậu viên ngắm cảnh để tìm cái gì nữa?” Ta bèn ra lệnh cho xe lui về cung. Trong lòng lắng sâu suy nghĩ, Ta muốn tìm cách dứt bỏ tai họa ấy.

Lúc bấy giờ vua Chân Tịnh hỏi người đánh xe: “Thái tử ra hậu viên ngắm cảnh, dạo chơi có vừa ý chẳng?” Người đánh xe thưa vua: “Thái tử chưa đi tới hậu viên.” Vua hỏi người đánh xe rằng: “Tại sao không đưa Thái tử đến hậu viên ngắm cảnh?” Người đánh xe thưa rằng: “Trên đường đến đó, Thái tử gặp một người bệnh, thân thể gầy ốm, đang nằm nôn ọe, đại tiểu tiện, ruồi nhặng bu đầy mình. Bụng y rỉ ra nước vàng hôi thối, không ai dám đến gần”. Nghe vậy vua Chân Tịnh chán nản. Vua bảo: “Ta đã ra lệnh trước cho mọi người trên đường phố rằng không được để cho Thái tử nhìn thấy những cái gì xấu xí, hôi thối. Nếu để cho Thái tử nhìn thấy thì trong khoảng bảy căn nhà ở đó đều bị giết”. Vua liền sai người đi xem xét, thì không thấy có nhà

nào cả. Vì sao? Vì do trời Tịnh cư biến hóa ra người bệnh.

Này các Tỳ-kheo lúc đó, Ta nghĩ như vậy: “Hễ có thân thì phải có bệnh. Bệnh vốn có từ đời nào, chứ không phải mới có đây”. Lúc ấy vua Chân Tịnh liền nghĩ như vậy: “Những điềm báo trước khi Thái tử đi dạo chơi làm Thái tử lo nghĩ về cõi đời này, không vui thú gia đình, sẽ xuất gia. Vậy, bây giờ ta phải tăng thêm số người hầu hạ, bảo vệ bên cạnh để làm vui lòng Thái tử.”

Sau đó vài ngày, Ta lại bảo người đánh xe: “Ta muốn đi dạo chơi ngắm cảnh, hãy mau sửa soạn xa giá”. Nghe tin ấy, vua Chân Tịnh vui mừng hơn hờ không kiềm chế được, bèn bảo quan phụ tá: “Cho phép Thái tử đến hậu viên dạo chơi, ngắm cảnh để Thái tử dứt bỏ những ý nghĩ lo buồn.” Rồi Ta liền lên xe, ra đi với ba mươi bộ quân, gồm hai với mỗi bên mười lăm bộ và không kể xe dẫn đầu và xe đi sau.

Này các Tỳ-kheo, trên đường đi đến hậu viên, Ta gặp một người chết. Bà con họ hàng đang kêu khóc quanh xác chết, ai nấy đầu tóc rối bù, than trời trách đất.

Này các Tỳ-kheo, lúc ấy Ta hỏi người đánh xe: “Người này là ai? Tại sao bà con họ hàng đều đầu bù tóc rối như vậy? Họ kêu khóc than trời trách đất quanh kẻ ấy như thế?” Người đánh xe thưa rằng:

“Đó là người chết”. Ta hỏi: “Chết là sao?” Người đánh xe thưa: “Chết là xa lìa người yêu mến, mạng sống không còn nữa. Vĩnh biệt hẳn bà con họ hàng và cả cõi đời này. Lúc ấy thì phong đại đã ngừng, hỏa đại đã tắt, thủy đại không còn hoạt động, địa đại bắt đầu tan rã, mọi thứ đi về một ngã. Thần thức đi rồi thì cái xác như khúc cây khô, không còn hay biết gì. Đó là chết.”

Này các Tỳ-kheo, bấy giờ Ta hỏi người đánh xe rằng: “Ta có bị chết như thế không?” Người đánh xe thưa: “Từ bậc tôn quý như Ngài cho đến cả trời, người đều phải chết cả, không ai thoát khỏi.”

Này các Tỳ-kheo, lúc ấy Ta nghĩ rằng: “Hễ là người sống trên đời này thì đều phải chết. Thế thì Ta đến hậu viên ngắm cảnh để tìm cái gì nữa?” Ta liền bảo người đánh xe lui trở về cung. Rồi trong lòng lắng sâu suy nghĩ, Ta muốn tìm cách dứt bỏ tai họa chết ấy.

Lúc bấy giờ vua Chân Tịnh hỏi người đánh xe: “Thái tử đến hậu viên ngắm cảnh, dạo chơi có vừa ý chăng?” Người đánh xe thưa rằng: “Thái tử đến hậu viên ngắm cảnh, dạo chơi, nhưng Ngài chưa đến đó, vì giữa đường đi, Ngài gặp một người chết liền quay xe trở về cung”. Nghe nói vậy, vua Chân Tịnh chán nản. Vua nói: “Ta đã ra lệnh trước cho mọi người trên đường phố rằng không được để Thái tử nhìn thấy mọi thứ xấu xí, hôi thối. Nếu để

Thái tử nhìn thấy thì trong khoảng bảy căn nhà xung quanh đó đều bị giết”. Vua liền sai người đi xem xét, thì không thấy có nhà nào cả. Vì sao? Vì người chết đó là do trời Tịnh cư biến hóa ra.

Này các Tỳ-kheo, lúc ấy Ta nghĩ rằng: “Ôi, già, bệnh, chết không sao tránh khỏi được. Nay Ta phải tìm cách khôn khéo mới được, Ta bèn đi xuất gia học đạo.”

Này các Tỳ-kheo, Ta bỏ hết, xuất gia cầu đạo Vô thượng và thành Chánh giác Tối thượng. Nay Ta đã thành Phật độ thoát cho cả muôn dân, là do Ta tích lũy các công hạnh không có tâm luyến tiếc. Hôm nay Ta xuất hiện ở đời và tự mình tu thành Chánh giác.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán sát ý nghĩa trên, tìm xét đến gốc ngọn, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, cũng giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Già thấy đau nhức
Chết, ý ra đi
Vui nhà, ngục trói
Tham, đời không dứt.*

Các thầy Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói xong, vui mừng hơn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lạy Phật rồi lui ra.



*Già thân đổi thay
Như chiếc xe cũ
Pháp dứt được khổ
Phải gắng công học.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thành Xá-vệ. Lúc ấy, có rất nhiều vị Tỳ-kheo bạch Phật:

– Ngày nay, Như Lai tuổi đã cao, da đã nhăn, không còn như xưa kia.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đúng vậy, đúng như lời các thầy nói. Nay Ta tuy tuổi đã già, nhưng luôn giữ giới, tu phạm hạnh. Các thầy coi thân Như Lai nằm an ổn trên giường cao hay lúc Như Lai đi khắp bốn biển, tuy các thầy luôn luôn lấy lòng tôn kính để báo đáp ân sâu, nhưng từ xưa đến nay, Ta tu hành tâm không kiêu ngạo, nên đã chứng đắc quả Phật. Ta há chẳng bảo rằng thân này già thì hình sắc biến đổi như một chiếc xe đã cũ ư? Cái gọi là xe cũ đây được nhà vua làm ra, hoặc dùng vàng bạc chạm khắc làm ra. Hoặc dùng thủy tinh, lưu ly chen vào các khoảng cách, nhưng trải qua nhiều năm dù tốt rồi cũng phải hư hỏng, huống chi thân bốn đại này do gân xương chẳng chít, máu huyết lưu thông và do nhiều vật gom lại mà thành cái thân này, cha mẹ tạo ra, mười tháng cưu mang ẵm bồng, ôm ấp, tránh ướt, trông nom từng lúc mới được thân này. Chỉ có bậc Minh

trí mới có khả năng trừ cái khổ này bằng cách dùng chánh pháp dạy bảo kẻ chưa giác ngộ. Thêm vào đó là dùng phương cách tạm thời thích ứng cho mọi nơi mà giảng dạy. Hãy gắng sức tu học, xứng đáng với lời chỉ dạy của Đức Thế Tôn. Dùng sự không đua nịnh để dứt bỏ vọng kiến. Không phạm những lỗi lầm của thân, miệng, ý. Dùng nghĩa bậc nhất để trang bị tất cả. Luôn luôn dạy dỗ chúng sinh không gây ra các tội lỗi mà sa đọa, giúp họ không còn lo lắng sợ sệt nữa. Nghĩa là đệ tử Phật, Thế Tôn, Như Lai, giáo huấn đệ tử thì lấy giới cấm để ngăn ngừa lỗi quấy.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết nội tâm của các thầy đã có chỗ hướng về, tìm xét gốc ngọn, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Đức Thế Tôn ở trước đại chúng nói bài kệ này:

*Già thân đổi thay
Như chiếc xe cũ
Pháp dứt được khổ
Phải gắng công tu.*

Các thầy Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói xong vui mừng làm lễ rồi lui ra.



*Than ôi! Già đến
Sắc hình biến đổi
Niên thiếu như ý*

Già bị dập vùi.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt. Lúc ấy Tôn giả A-nan đáp y ngay ngắn trịch bày vai bên trái, đến trước Đức Phật, quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con thấy thân tướng Như Lai đã biến đổi, các căn đã nhăn nheo, hình trạng đang từ từ khô héo. Các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân không còn tốt đẹp như ngày nào.

Đức Phật bảo ngài A-nan:

– Đúng vậy, đúng như lời thầy vừa nói, cái già có khả năng biến đổi dung nhan xinh đẹp khác thường trở thành xấu xí quái dị. Các giác quan đầy đủ, cái già biến đổi thành thiếu khuyết. Cái già kết bạn với bệnh tật và cùng sánh vai với cái chết. Cái già làm cho người trẻ đẹp, mạnh khỏe, giàu sang tiền của tràn đầy trở thành thiếu hụt, giảm sút. Cái già làm cho người thân thể cân đối, bên trong sức mạnh tràn đầy thành lưng khòm, phải chống gậy mà đi. Cái già làm cho làn tóc xanh mượt như màu mật ong chừa, hoặc là màu đen nhánh biến thành bạc trắng, rụng không còn sợi nào. Cái già làm cho mắt như mắt trâu đầu đàn với tròng trắng tròng đen rạch ròi biến đổi thành màng mây trắng đục. Cái già làm cho vàng trán láng bóng như ánh dầu dưới ánh sáng mặt trời biến đổi thành khuôn mặt nhăn

neoh như da bị nám. Cái già làm cho hàm răng trắng bóng như ngọc, sáng như tuyết, mịn màng như sữa bò mới vắt hay bóng mượt như cái bụng nồn nà đầy hơi của loài mực nang, mà răng trên, dưới lại sát đều nhau, nhìn hoài không biết chán bị biến đổi thành lung lay, xiêu lệch rồi rụng, hay bị sâu siết đau nhức vô cùng.

Tóm lại, ngay cả đối với loài Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, loài người và chẳng phải loài người đều bị cái già biến đổi thành hao mòn suy yếu, không còn lòng hăng hái trẻ trung nữa. Bệnh khổ nhất trong các thứ bệnh không gì hơn bệnh già. Cho nên nói:

*Than ôi, già đến
Sắc hình biến đổi
Niên thiếu như ý
Già đến dập vùi.*

Thân Đức Như Lai, Thế Tôn được trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Bao quanh thân Ngài là vàng ánh sáng tròn, lan tỏa ra bảy thước, không chỗ tối nào không được soi rọi. Ngài lại có tiếng nói với tám âm thanh làm rung chuyển khắp mười phương. Thế mà nó còn bị cái già bệnh hành hạ dày xéo, huống gì là người phạm phu thì làm sao tránh khỏi cái già? Do sự việc này, Đức Thế Tôn suy tìm đến gốc ngọn, thị hiện ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế

gian, nên Đức Phật ở trước đại chúng nói bài kệ trên.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 3

Phẩm 1: Vô Thường (Phần 3)

Dù sống trăm tuổi

Rồi cũng chết đi

Bị già ép ngặt

Bệnh khổ tới cùng.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Ngài giảng nói rộng giáo pháp cho các loài chúng sinh Trời, Người, Rồng, Quỷ. Lúc bấy giờ mẹ vua Ba-tư-nặc già hơn một trăm hai mươi tuổi bỗng bị bệnh nặng không thuốc men nào trị lành, cũng vái thánh thần cũng không cứu được, nên mấy hôm sau thì bà qua đời. Vua và các quan chôn cất bà theo pháp luật của triều đình, với dầu, bơ, hương hoa, các thứ cúng dường. Vua an trí thi hài bà trong thần miếu, cất người trông coi cúng bái, canh giữ. Tang lễ xong, trên đường về, vua ghé qua chỗ Đức Phật, giữ đúng theo phép vua, ngài và các quan cởi bỏ năm thứ trang sức, tiến đến làm lễ dưới chân Phật. Đức Phật mời vua ngồi rồi hỏi:

– Vua đến đây với y phục còn lấm bụi, thân hình thay đổi. Có chuyện chi mà đến đổi như vậy?

Vua bạch Phật:

– Quốc thái phu nhân hơn một trăm hai mươi tuổi của con bỗng bị bệnh nặng rồi qua đời. Con đưa linh cữu người tần táng vừa xong, trên đường trở về, con ghé qua kính viếng Thế Tôn.

Đức Phật dùng Tam đạt trí biết việc ấy liền hỏi vua:

– Thế nào đại vương, người sinh ra trên đời này, có ai sống hoài chẳng chết không?

Vua bạch Phật:

– Người ta sinh ra trên cõi đời này không ai là không chết.

Đức Phật bảo vua:

– Từ xưa đến nay, có năm thứ đáng sợ mà không ai tránh khỏi. Một là không ai tránh khỏi cái già, hai là không ai tránh được bệnh hoạn, ba là không ai trốn tránh được chết, bốn là không ai trốn tránh khỏi sự hao mòn, năm là không ai tránh khỏi sự chấm dứt. Thế đó đại vương, là năm thứ không ai tránh khỏi. Nó không chờ đợi ai, muôn vật là vô thường, khó giữ lâu được. Một ngày qua đi, mạng sống con người cũng thế, như năm dòng sông miệt mài chảy suốt đêm ngày không ngừng nghỉ. Mạng sống con người cũng trôi qua mau như vậy.

Lúc bấy giờ Đức Phật lần lượt nói pháp nhiệm

mâu cho vua Ba-tư-nặc nghe; giảng nói về điều cốt yếu của lòng tin không lui sụt, như nói về bố thí, giữ giới thì được sinh lên cõi trời còn nếu nghĩ những việc dâm dục bất tịnh thì phải rơi vào đại họa.

Đức Phật nói với vua:

– Đại vương nên biết, sinh là có già, bệnh phải héo xầu, có hội ngộ thì có chia lìa, đó là lẽ thường trong đời. Mạng sống con người qua mau như tia chớp, như đập đá nháng lửa, nào có gì đáng vui. Là pháp suy hao, biến đổi mà lại muốn cho tồn tại lâu dài thì không thể có được.

Khi ấy, nhân sự việc trên, Đức Thế Tôn thấu suốt gốc ngọn, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Ngài liền ở trước đại chúng nói bài kệ này cho vua Ba-tư-nặc nghe:

*Dù sống trăm tuổi
Rồi cũng chết đi
Bị già ép ngặt
Bệnh khổ tột cùng.*

Đức Phật bảo nhà vua:

– Nay đại vương, cuộc đời này có những việc ấy, không còn gì thường còn, tất cả đều trở về với sự chết. Không ai thoát khỏi. Từ ngàn xưa, như bậc vua chúa, chư Phật, các vị chân nhân, các vị tiên đã chứng được năm thứ thần thông, tất cả đều đã

đi qua, không còn ai tồn tại được. Đừng buồn rầu thương tiếc người chết một cách vô ích mà hãy vì họ làm những việc phước lành, không biết mệt mỏi. Phước ấy theo người chết như thực phẩm đối với người làm ruộng. Nhân sự việc này vua nên làm các việc phước lành. Phước giúp đỡ người như người nương gậy cứng mà bước đi.

Đức Phật giảng xong thì vua cùng bốn chúng và những vị đã đến tham dự pháp hội đều vui mừng, quên hết mọi ưu phiền, thoát nhiên khai ngộ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi ba vòng quanh Đức Phật, rồi làm lễ mà ra về.



*Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm theo
Như cá cạn nước
Nào có vui gì.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, biển lớn ở phía Nam sóng thần bỗng dâng cao dữ dội, có ba con cá to vượt khỏi vùng biển bơi ngược lên nguồn thượng, sống trong khoảng nước cạn. Chúng bảo nhau: “Ba đứa chúng ta sống chết nguy hiểm, hiện giờ nước tràn chưa rút, ta hãy mau bơi ngược lên thượng nguồn trở về biển”. Nhưng rồi có một chiếc thuyền chắn ngang, khiến chúng không lội qua được. Con cá thứ nhất dùng hết sức lực phóng qua

được chiếc thuyền, con cá thứ hai lại nương vào đám cỏ mà vượt qua được, con cá thứ ba thì yếu sức không qua nổi nên bị người câu cá bắt được. Lúc ấy, người câu cá nói bài kệ:

*Cá thứ nhất không thể
Ắt sẽ bị nguy hại
Nương vào đám cỏ dại
Mạng nó được thoát chết.
Con thứ hai cũng thoát
Nên thành thoi bơi lội.
Ngu ở eo nước cạn
Đành bị người câu bắt.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết thấy ba con cá kia nhảy sóng thoát thân, nhưng hai con thoát được sống, một con mắc cạn. Lại thấy người câu cá làm bài kệ ấy. Nhân sự việc ấy, Đức Thế Tôn suy tìm cội nguồn, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau và muốn cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian này, Ngài liền nhóm họp đại chúng mà nói kệ rằng:

*Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm theo
Như cá cạn nước
Nào có vui gì?*

Nói ngày nay đã qua là kể từ hàng Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ dù trẻ tuổi, trung niên hay

già nua đều sống ngang nhau trong thời hạn một ngày ấy. Ai cũng bị tổn giảm bởi sự trôi chảy của ngày đêm không ngừng nghỉ. Thân mạng thay đổi, khí lực suy yếu. Sự biến đổi ấy mau chóng hơn cá trong hồ cạn nước. Hoặc như các loài chim đang bay trên lưng trời như chim đào sông, chim cút trắng, chim quán, chim sẻ xanh, hạc nước, quạ, gà ô, cũng đều bị thợ săn, gái trai ở đời đuổi vào lưới rập bắt, hoặc bắt bằng lưỡi câu có mồi. Sống ở chỗ nước cạn thì suốt cuộc đời cả vạn nỗi lo. Sinh ra trong nước thì chết trong nước. Khổ nạn đầy đây, có gì đáng vui? Cho nên nói:

Như cá cạn nước

Nào có vui gì?



Đi chẳng trở về

Đêm ngày gắng sức

Như cá bị nướng

Sống khổ, chết nạn.

Thuở ấy, Đức Phật ngự tại đạo tràng Thiện thắng, nước Ma-kiệt-đà. Ở đây, các nhà tu hành nhóm họp ở trên núi cao, hoặc ẩn mình trong hang sâu không xuất hiện, nhưng các người tu hành kia, luôn luôn hành đạo, xem xét thời tiết. Khi tiết xuân về khắp nơi cây cối đâm chồi nảy lộc, lấp lánh như thủy tinh, dần dần nở ra những cánh hoa rực rỡ. Các khe suối nước chảy trong vắt, lặng yên không

tiếng động.

Lúc ấy vị đạo sĩ trong tâm tự nghĩ: “Thời gian không thể vay mượn, muôn vật đều sống”. Lúc bấy giờ, người tu hành xuống núi vào xóm làng, khát thực từng nhà, ông thấy gái trai ai nấy ăn uống linh đình cùng nhau vui chơi. Vị tu hành hỏi:

– Họ là ai vậy?

Người kia đáp:

– Ở nhà đó, làng đó, tên họ như vậy, con nhà đó, do cha mẹ họ sinh ra.

Lúc ấy, vị tu hành tự nghĩ: “Hiện giờ muôn vật này đều đang đâm chồi nảy lộc, biết rằng muôn vật lớn lên từng ngày. Ta phải trở về núi vắng, lặng yên mà tu hành”. Mỗi khi tiết thu sang, vị tu hành lại xuống núi vào xóm làng khát thực từng nhà, thấy các cây cối đều trụi lá. Sương tuyết bao phủ, lá rụng cứng đờ. Ông lại thấy các khe lạch nước bị khô cạn, cứng ngắt đến nỗi ngón tay chọt không lúng. Lúc ấy vị tu hành này trong tâm tự nghĩ: “Hiện nay, bên ngoài muôn vật đang điêu tàn, rơi rụng, không còn sum suê. Chân thật thay, lời nói ấy!” Ông lại thấy trong thôn xóm, thành quách, gái trai lớn bé dắt dìu nhau đi, gục đầu xoa tóc, đầm ngực lớn tiếng kêu khóc không thôi. Bấy giờ vị tu hành hỏi họ:

– Người ấy là ai mà buồn thương, kêu khóc thảm thiết như thế?

Họ trả lời:

– Thôn đó, nhà đó, con trai chết, con gái chết, hoặc cha mẹ qua đời, thế nên người trong thôn xóm buồn khóc như thế.

Nghe nói vậy, vị tu hành tự suy nghĩ: “Hiện nay, trong lòng người cũng đang điêu tàn. Vậy nên biết rằng dù bên trong hay bên ngoài, mọi vật đều đi tới sự hao mòn suy kém.”

Đạo nhân bèn trở về núi sâu, ngồi kiết già tư duy. Có lúc ông ngồi trên giường dây, có lúc ông ngồi dưới gốc cây, với tâm ý chuyên nhất không khởi loạn tưởng. Ngài quán xét tính chất trong ngoài đều vô thường, bèn khởi ý tưởng mặt trời xoay chuyển không ngừng. Mặt trời xoay chuyển là gì? Là tính từ mùa xuân đến mùa thu, từ mùa thu đến năm, tính từ năm đến tháng, tính từ một tháng đến nửa tháng, tính từ nửa tháng đến vài ngày, tính từ vài ngày đến giờ, tính từ giờ đến ngày đêm, tính ngày đêm đến sự chuyển động, tính từ chuyển động đến hơi thở ra vào, tính hơi thở ra vào đến tận vô dư, cho đến hết tận, mới biết là tận không, muôn vật không có. Khi đã biết không có thì biết được cái gì khởi dậy từ cái gốc diệt, cũng không dấu vết. Thỉnh thoảng người tu hành hạnh khởi lên dấu vết diệt, không có dấu vết, mới giác ngộ rằng tất cả Như Lai không thường còn, cũng không có hang ổ gì. Có lúc người hành quán xét những việc đã làm từ trước, trải bao tháng ngày mới tiêu diệt hết, nhớ

lại lời Phật dạy: “Nhu Lai cũng nói vô thường là khổ”. Bấy giờ, vị tu hành ấy suy nghĩ rằng: “Sinh tử như vậy, ai dám khẳng định là vui?” Tâm đã chán ngán, không để mình bị dính trong bốn cuồng lưu tham ái, mong đến Niết-bàn, chóng được diệt độ. Trong thời gian đó chứng được các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết mà thấy người tu hành ấy đang ở trong núi sâu, siêng năng tu đạo không làm đứt mất dòng Thánh, từ sự việc ấy, tìm tới ngọn ngành, vì muốn chỉ bày ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Đức Phật nhóm họp đại chúng mà nói bài kệ:

*Đi chẳng trở về
Đêm ngày gắng sức
Như cá bị nường
Sống khổ, chết nạn.*



*Đời người tựa ngày đêm
Hoặc dừng hay đi khắp
Như dòng sông chảy xiết
Trôi xuôi không ngược dòng.*

Thuở ấy Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Các Đức Phật, Thế Tôn thường khi thuyết pháp là quán xét tâm ý

người tùy lúc, tùy hoàn cảnh thích đáng. Các Ngài nhận thấy: Có chúng sinh cho thân mình là thường. Thân năm ấm này hôm qua và ngày nay không có gì đổi khác. Kẻ ngu tâm ý mê mờ nên mới cho rằng thân năm ấm không bị già suy giống như dòng sông chảy xiết, dòng nước chảy trước không phải là dòng nước chảy sau, dòng nước chảy sau không phải là dòng nước chảy trước. Đi thì đi mãi tới thì cũng chẳng ngừng, đời người cũng như thế, cuộc sống trước không giống cuộc sống sau, cuộc sống sau không giống cuộc sống trước. Những ai tu tập công đức như hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di quán thân bốn đại này đổi thay mau chóng như nước sông chảy xiết, suy nghĩ rõ ràng để đạt đến cảnh giới vô lậu. Hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thì chứng quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm. Hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thì chứng quả A-la-hán.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh không chút tì vết, thấy bốn bộ chúng phân biệt rõ về thân năm ấm sẽ đi về đâu. Bấy giờ Thế Tôn tìm tới ngọn ngành của sự việc, làm ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Ngài nhóm họp chúng Tăng mà nói bài kệ:

*Đời người tựa ngày đêm
Hoặc dừng hay đi khắp
Như dòng sông chảy xiết*

Trôi xuôi không ngược dòng.

Bốn bộ chúng nghe lời Phật dạy, vui mừng mà lui ra.



*Già thì thân suy
Bệnh mà qua đời
Thân xác mục rã
Chết lẽ tất nhiên.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong đại giảng đường Phổ tập, bên cạnh ao Di hâu, thuộc thành Tỳ-xá-ly. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hoặc có chúng sinh tự cậy vào sức trai trẻ, không ai địch nổi, hoặc có người ỷ rằng mình chưa hề bệnh hoạn mà cho rằng mình mạnh khỏe mãi, hoặc có người cậy vào tiền của giàu có vô lượng, hoặc có người cậy vào dòng họ giàu sang đầy đủ. Hoặc có người già sống trong đại chúng bị chê bai là đồ bỏ đi.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn quán xét tâm ý con người thường vương vào phải, trái. Muốn giúp cho chúng sinh sửa đổi lỗi lầm nên Ngài nói bài kệ này. Lúc ấy các chàng thanh niên thành Tỳ-xá-ly nghe lời dạy ấy thì có người sinh khởi ý niệm vô thường, vô ngã. Người khác thì sinh khởi ý niệm về bất tịnh, chỉ quán. Có người thì có ý niệm về An ban thủ ý, hay Đánh pháp, Noãn pháp, Nhẫn pháp, Thế gian đệ nhất pháp. Có người chứng quả Tu-đà-

hoàn, Tư-đà-hàm. Có người phát tâm cầu đạo Vô thượng, hoặc có người cầu đạo Bích-chi-phật, đạo A-la-hán.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng bài kệ này giáo hóa vô số thanh niên thành Tỳ-xá-ly. Nhân sự việc này, muốn tìm ngọn ngành, muốn làm ngọn đèn sáng cho đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Đức Phật ở trước đại chúng nói bài kệ:

*Già thì thân suy
Bệnh mà qua đời
Thân xác mục rã
Chết lẽ tất nhiên.*

Nghe Đức Phật nói xong, các thanh niên Tỳ-xá-ly làm lễ rồi ra về.



*Thân này không bền
Trở về với đất
Thần thức lìa rồi
Chỉ còn bộ xương.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Cam-lê, thành Tỳ-xá-ly. Lúc ấy có nàng A-phạm-hòa-lợi tự cạy vào sắc đẹp trên đời không hai của mình. Nếu so lên thì bằng Tiên nữ còn so xuống thì vượt hết mọi người. Thân tướng xinh xắn đẹp đẽ, nhìn mãi không biết chán. Lại thêm của tiền trong nhà thì không thể tính kể với ngọc ngà bảy báu tràn đầy.

Lúc bảy giờ A-phạm-hòa-lợi sửa soạn một chiếc xe sang trọng, nàng tự trang điểm lộng lẫy, tắm gội bằng nước hoa thơm, rồi nàng đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lạy dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên. Lúc ấy, có rất nhiều Tỳ-kheo lòng còn là phàm phu chưa đoạn ái dục, khi thấy A-phạm-hòa-lợi đến chỗ Phật thì động tâm ái dục, nổi dậy ý nghĩ bất tịnh. Đức Phật biết tâm ý họ, Ngài liền bảo:

– Thế nào các thầy Tỳ-kheo, A-phạm-hòa-lợi với thân bốn đại hôi hám, là vật dơ bẩn, không có gì đáng ham muốn cả. Các thầy nên biết, cô A-phạm-hòa-lợi sẽ sống không lâu.

Quả nhiên, khi nàng đang nằm trên giường cao sang rộng đẹp với y phục thơm ngát đáng giá cả một ức, bỗng nhiên nàng qua đời trên chiếc giường cao sang ấy, rồi thi thể được đem ra gò mả cách đó một do-tuần. Lúc ấy, nghe vậy, các thầy Tỳ-kheo lấy làm ngạc nhiên. Cái chết sao mà đến quá nhanh, không kể già hay trẻ. Người này xinh đẹp trên đời ít có, nay thân hình kiều diễm ấy bị đem vất bỏ ngoài gò mả.

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn nhân sự việc ấy thấu suốt ngọn ngành, muốn làm ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Đức Phật liền ở trước đại chúng nói bài kệ này. Trong bốn bộ chúng, sau khi nghe dạy bài kệ này, có người chợt sinh khởi ý niệm vô thường, vô ngã, người khác thì sinh khởi

ý niệm về bất tịnh quán, chỉ quán. Có người thì có ý niệm về An ban thủ ý, hay Đánh pháp, Noãn pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp. Có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, có người phát tâm cầu đạo Vô thượng. Có người cầu đạo Bích-chi-phật, đạo A-la-hán.

Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng bài kệ này giáo hóa vô số thanh niên thành Tỳ-xá-ly. Vì nhân duyên ấy, Ngài nói bài kệ:

*Thân không bền lâu
Trở về với đất
Thân thức là rồi
Chỉ còn bộ xương.*

Lúc bấy giờ các đại chúng nghe lời Phật dạy, vui mừng mà ra về.



*Thân chẳng giá trị
Chỗ rịn hôi thối
Bị bệnh ép ngặt
Thêm khổ già chết.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Ni-câu-loại, thuộc nước Ca-duy-la. Người dân nước này thường ỷ cậy vào dòng họ giàu có, thân thể luôn khỏe mạnh cường tráng. Tự khoe khoang việc làm của mình trên đời không ai sánh kịp. Trong bọn họ có một người thuộc dòng dõi khỏe mạnh, nhưng thân anh ta bỗng nổi ghẻ lở, máu tanh rịn chảy ra ngày

đêm không ngừng, hơi thổi dơ bản, khiến anh đau nhức khổ não, hễ ai thấy thì đều gớm ghiếc bịt mũi. Biết rõ tâm trạng anh ấy nên Đức Phật bảo:

– Hễ sống làm người cùng mang thân bốn đại này, thì sáu giác quan tuôn ra chất nước dơ, thân của tất cả mọi người đều giống như căn nhà chứa đầy khổ loạn, đâu có lúc nào dứt được muôn mối khổ não lo buồn.

Lúc ấy những người thuộc dòng họ Thích nghe Đức Phật dạy như vậy thì có người chợt sinh khởi niệm vô thường, vô ngã, người khác thì sinh khởi ý niệm bất tịnh, chỉ quán. Có người thì có ý niệm An ban thủ ý, hay Đánh pháp, Noãn pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp. Có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, có người phát tâm cầu đạo Vô thượng. Có người cầu đạo Bích-chi-phật, đạo A-la-hán. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng bài kệ này giáo hóa những người trong dòng họ Thích.



Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một vị trưởng giả thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng đến nhà ông thọ thực. Đến giờ, các thầy Tỳ-kheo đến nhà ông, riêng Đức Phật thì không đến, có người mang phần thức ăn về cho Ngài. Sở dĩ Như Lai nhờ người mang thức ăn về cho Ngài là vì có hai nguyên do: Một là Đức Phật muốn nói pháp cho

các trời nghe, hai là Ngài muốn săn sóc người bệnh.

Sau khi thấy các Tỳ-kheo đã đi thọ thỉnh, Đức Phật lấy chìa khóa lớn mở cửa một phòng thì Ngài thấy một thầy Tỳ-kheo bị bệnh rất nặng, nằm tại chỗ mà đại tiểu tiện, không nghiêng mình xoay trở gì được. Đức Thế Tôn đã biết nhưng cố hỏi:

– Thầy bệnh gì mà nằm trên giường đại tiểu tiện tại chỗ, không xoay trở gì được như thế?

Thầy Tỳ-kheo ấy vốn tính chân chất thực thà, lòng không chút gian dối, trả lời Đức Phật:

– Bản tính con ngu tối, lại thêm lười biếng, khinh mạn, từ bao lâu nay con không hề chăm sóc giúp đỡ ngó ngàng đến ai, thế nên giờ đây không ai chăm sóc con. Giờ đây, con hết sức cô đơn, không người nương cậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cúi xuống ẵm thầy Tỳ-kheo ra khỏi phòng, rồi Ngài dọn sạch đồ bất tịnh, giặt giũ đồ ngồi, lại lấy nước sạch tắm rửa thầy Tỳ-kheo này, thay y phục, trải đồ ngồi mới, rồi nâng thầy Tỳ-kheo này đặt lại trong phòng như cũ.

Đức Như Lai đang tay làm gối, rồi bảo thầy Tỳ-kheo ấy:

– Thầy không siêng năng cầu pháp tăng thượng. Nếu siêng năng cầu pháp tăng thượng thì ai chưa đạt sẽ đạt, ai chưa được pháp thì sẽ được pháp, ai chưa chứng quả thì sẽ chứng quả. Nếu ai

không hết lòng lãnh thọ pháp này thì chịu nhiều khổ não dữ dội!

Bấy giờ, Đức Phật lần lượt nói với thầy Tỳ-kheo các pháp rất nhiệm mầu. Ngài dùng mọi cách để khiến thầy Tỳ-kheo siêng năng suy nghĩ về đạo đức. Nói xong, Đức Phật liền đứng dậy, trở về phòng, khép cửa lại. Sau đó, Ngài đến giảng đường Phổ hội và bảo các thị giả:

– Các ông nên mau chóng đi mời tất cả các thầy Tỳ-kheo có mặt trong thành Xá-vệ này mau nhóm họp tại giảng đường Phổ hội.

Sau khi chúng Tỳ-kheo đã nhóm họp, Đức Phật liền dạy:

– Nay các thầy Tỳ-kheo, hiện giờ ở đây các thầy không có cha mẹ, anh em, cũng không có chị em gái, cũng không có bà con họ hàng, nếu không chăm sóc cho nhau, không quan tâm đến nhau thì thật không nên. Rồi đây, hàng ngoại đạo, dị học, Phạm chí mà nghe biết được, họ sẽ chê cười chúng ta rằng: “Sa-môn của Cù-đàm không có mảy may tâm xót thương, coi mạng sống con người như sỏi đá. Kẻ bệnh nặng gần chết vẫn không ai chăm nom, săn sóc!” Trong khi đó, pháp của Ta thì trang nghiêm, trên dưới hòa thuận. Nếu các thầy vô tình như thế thì đã làm sai lệch pháp chế của Ta. Vậy từ nay trở đi, đệ tử hầu thầy phải kính thờ thầy như cha mẹ, đến chết cũng không bỏ thầy. Còn thầy thì

coi đệ tử như hơi thở của mình, lúc nào cũng giữ gìn hơi thở, đến chết cũng không rời bỏ. Thầy trò kính thương lẫn nhau, nghĩa ân suốt kiếp. Mọi vật dụng có được thì chia nhau bình đẳng. Nếu không có vật dụng cần thiết thì đến nhà tín thí, khuyến khích họ tu phước. Nếu ít người quen biết thì nên đến những nhà buôn bán, mà khát thực. Khát thực có món ngon thì đem về cho người bệnh, còn món dở thì mình ăn. Ai chăm sóc người bệnh là chăm sóc cho chính mình. Công đức của việc làm ấy không sai chạy.

Nói về thầy Tỳ-kheo bệnh nặng kia, sau khi Đức Thế Tôn ra khỏi phòng không bao lâu, thầy ấy liền suy nghĩ: “Thân bốn đại này chính là nơi nhóm họp của bao thứ khổ, thế thì có giá trị gì đâu, nó luôn rịn ra những chất dơ bẩn. Bị bệnh ép ngặt, không thoát khỏi già chết. Nay ta phải hết sức cẩn trọng tu hành theo lời Phật dạy.” Ngay lúc ấy thầy Tỳ-kheo này xả bỏ thân mạng, nhập Niết-bàn vô dư.

Lúc bấy giờ, có rất nhiều vị Tỳ-kheo lấy chìa khóa mở cửa phòng thì thấy thầy Tỳ-kheo ấy đã qua đời. Các thầy cùng đến bạch Phật:

– Thầy Tỳ-kheo bị bệnh nặng kia đã chết rồi. Không biết thần thức thầy sinh về đâu, thuộc đường nào trong sáu cõi?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thầy Tỳ-kheo bệnh ấy vốn chứa nhóm nhiều hạnh lành, Ta vừa giảng pháp cho thầy nghe thì tâm ý thầy liền mở tỏ. Sau đó, thầy phát tâm mạnh mẽ quán pháp từ cạn tới sâu rành mạch thứ lớp. Thầy Tỳ-kheo có dòng dõi cao quý ấy giờ đã nhập Niết-bàn. Các thầy nên cùng đường xá-lợi thầy Tỳ-kheo ấy.

Sau khi quán xét ý nghĩa ấy, muốn chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, làm ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, nên Đức Thế Tôn ở trước đại chúng nói bài kệ:

*Thân chẳng giá trị
Chỗ rịn hơi thối
Bị bệnh ép ngặt
Thêm khô già chết.*

Đại chúng nghe pháp xong, vui mừng thực hành.



*Thân rịn chất hơi thối
Các bệnh tật nhóm họp
Không hoạn, vắng lặng nhất
An ổn đừng nghĩ mãi.*

Thân rịn chất hơi thối: Những chất nhơ bẩn của thân thì không ai thích nhìn thấy. Như các thứ ghê lở đau nhức, luôn tươm ra các chất nhơ bẩn, chúng đứng đầu các thứ bất tịnh. Pháp vô thường biến đổi sẽ bị tan biến. Trong các thứ khổ não thì

thân này là khổ nhất. Nên tìm phương tiện tốt nhất để thoát ra khỏi thân bốn đại này. Phải giỏi tìm được trí tuệ để ra khỏi ba cõi, tất cả các khổ não đều dứt hết, nên gọi là tận, đã rồi không thì vắng lặng, cũng không còn hai bên: sinh và diệt, dính mắc hay cắt đứt.

Không hoạn, vắng lặng nhất, an ổn không còn ý niệm buồn hay vui, một sự an ổn dừng nghỉ hoàn toàn, vắng lặng bậc nhất, nhập Niết-bàn vô dư.

Lúc ấy những người trong hội nghe Đức Phật nói nghĩa này, đều vui mừng tin nhận, làm lễ Phật rồi lui.



*Nắng nóng cũng thế
Tuyết lạnh cũng vậy
Kẻ ngu lo toan
Nào biết thay đổi.*

Ngày xưa, có vị trưởng giả xây cất nhiều nhà cửa, xuân, hạ, thu, đông đều xây nhà, mặc tình làm theo ý mình, không giữ giới cấm. Ba tháng trong năm, sau này mỗi tháng đều phớt lờ không dè chừng gì cả. Tiền của vô số, nhưng lại rất keo kiệt không hề bố thí cho ai, cũng không cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, cũng không tin rằng có đời này, đời sau, mặc tình buông lung, tham lam keo kiệt khó giáo hóa. Không biết đạo đức, không màng đến vô thường, ông thích cất nhà đẹp, lầu

trước dinh sau, nhà hóng mát, nhà ẩm cho mùa đông, tòa dọc tòa ngang hơn mười dãy tòa. Thời tiết gió lạnh cắt da nên ông quá đời.

Đức Phật dùng Thiên nhãn thanh tịnh không chút tì vết, Ngài thấy ông trưởng giả đột nhiên qua đời. Trong những ngày còn sống, ông không có lòng thương người, ban bố cho chúng sinh, chỉ có việc bắt người khác phải làm việc nặng nhọc. Ý muốn xây thành quách quy mô rất cuộc nào được mãn nguyện!

Bấy giờ, ở trước đại chúng, Đức Phật muốn chỉ bày nghĩa ấy, nêu lên nguồn cội, cũng muốn chúng sinh đời sau thấu hiểu vô ngại, lại muốn nêu lên cái đáng khen thì được chính miệng thần của chư Phật, Thế Tôn hiện tại, quá khứ khen tặng, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian nên Đức Phật liền nhóm họp đại chúng mà nói kệ:

*Nắng nóng cũng thế
Tuyết lạnh cũng vậy
Kẻ ngu lo toan
Nào biết thay đổi.*

Bấy giờ những người trong hội nghe lời Đức Phật dạy liền vui mừng thực hành.



*Sinh con mừng vui,
Thương yêu không rời
Kẻ say gặp lũ*

Phải bị chết chìm.

Ngày xưa, có một cư sĩ tiền của giàu có vô số, kho tàng đầy ngập bảy báu, có đủ bảy báu như vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách. Tỏi tở, voi ngựa, xe cộ, lúa thóc chứa đầy kho lẫm, không thiếu thứ gì. Chỉ thiếu có một điều, ấy là không có con nối dõi tông đường mà thôi. Để sinh được con, ông bà đi cầu khẩn cúng vái khắp các Thần linh. Trên thì ông lạy lục các thần như thần coi nhà cửa, thần coi thành, thần coi bậc thềm, thần coi bờ ruộng, ông cũng quỳ lạy các thần tổ tiên, ông bà cha mẹ, thần núi, thần cây, thần trời đất. Dưới thì ông cũng quỳ lạy các thần ở chỗ dơ dáy, gò nông, mả mồ. Dù chí thành như vậy, nhưng ông vẫn không mãn nguyện vì chưa sinh được con. Rồi đêm ngày buồn rầu lo lắng dần dần sinh bệnh. Ông nghĩ: “Hiện nay trong nhà ta của cải vô số, những châu báu hiếm có đều ở trong nhà ta. Thế mà không có con để nối dõi. Nếu chẳng may ta qua đời thì tất cả của cải này sẽ sung vào của công.” Nghĩ đến tương lai đau xót ấy, nhưng ông vẫn không biết tính sao. Nhưng may mắn thay, bệnh ông dần dần thuyên giảm. Ít lâu sau, vợ ông sinh được một đứa con trai, thân tướng khôi ngô ít có trên đời, mặt tươi như hoa đào, đầy đủ các tướng tốt. Cha mẹ thấy vậy vui mừng hơn hở. Ông mời bà con chòm xóm trong làng ăn uống vui chơi, đờn ca múa hát vui chơi suốt ngày. Sau

đó, ngủ say như chết, không còn biết gì nữa cả. Lúc ấy, có cơn lũ lụt từ đâu tràn về dâng cao, nhận chìm chết hết, không còn ai sống sót.

Lúc bấy giờ Đức Phật dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết, Ngài thấy rõ sự thành bại của vị trưởng giả kia. Nhân sự việc ấy, Ngài suy tìm tận ngọn ngành, muốn cho chúng sinh đời sau hiểu rõ sự việc một cách thông suốt, lại muốn nêu lên cái đáng khen thì được chính miệng thần của chư Phật Thế Tôn hiện tại, quá khứ khen tặng, cũng khiến chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, Đức Phật liền nhóm họp đại chúng nói bài kệ:

*Sinh con mừng vui,
Thương yêu không rời
Kẻ say gặp lũ
Phải bị chết chìm.*

Các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, vui mừng thực hành.



*Có con, có của
Kẻ ngu miệt mài
Thân chẳng của ta
Nói gì con, của!
Ngu dại hết sức
Tự cho mình khôn
Ngu mà bảo khôn
Ấy là quá ngu.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong giảng đường cao lớn bên cạnh ao Di hâu, thuộc thành Tỳ-xá-ly.

Lúc ấy, ở đó có nhiều thanh niên bắn cung rất giỏi, họ bắn đầu các mũi tên dính thẳng vào nhau. Trong những người giỏi bắn tên, họ là những người tài giỏi nhất. Họ tự cậy vào dòng họ cao quý, đời không ai bằng. Họ cho rằng khắp nơi trong cõi Diêm-phù-lợi này không còn ai bằng họ. Cái chính đáng lo là người cha nghĩ rằng: “Ngày nay, trên đời không ai sánh bằng con ta, thì đâu có kẻ gian tặc nào dám khi dễ bọn ta”. Người con cũng suy nghĩ là: “Cha ta có nghề giỏi thì chắc chắn sẽ thắng mọi người”. Thế rồi, người nào cũng ỷ lại, cuối cùng thì không ai tự cứu mình được. Cái chết chợt đến thì lo chạy vạy khắp nơi. Cho nên có lời tụng rằng:

Ganh nhau dòng dõi mạnh

Nhìn nhau như anh em

Lúc thân chết đuổi dôn

Bị hại không đường trốn.

Thân chết có số loại

Bà con phải cứu nhau.

Chứa tiền của quá nhiều

Bị giặc cướp nhiều hại.

Lửa cháy, dùng nước tắt

Lấy lọng che ánh sáng.

Giận lấy thuốc độc trừ

Bùa chú đẹp tà vạy.

Voi dữ dùng móc khiến

*Chăn trâu lấy roi quất
Các việc này đều vui
Chết đến khó giữ được.*



*Thế lực vô thường
Không thể nương cậy
Biết chết mất mạng
Nhưng không giữ lâu
Tất cả đều hết
Kẻ không hiểu biết
Bị đời chê bai
Trôi lăn các nẻo.*

Lúc ấy, những người thuộc dòng họ Thích trong nước Ca-tỳ-la-vệ nghe Đức Phật nói, họ biết tài nghệ bắn cung của mình không ai địch nổi. Thế nên trong trận đánh nhau với vua Lưu Ly, họ đã bắn tên rất tài tình. Địch có người bị trụi hết lông mày, có kẻ không còn râu tóc, nhưng không bị thương tổn gì cả. Sau đó, vua Lưu Ly muốn rút quân về, các quan liền đến can ngăn:

– Những người thuộc dòng họ Thích này vâng giữ Giới luật đều chứng đạo quả, tuy họ có tài bắn cung giỏi, nhưng họ không làm tổn hại ta.

Lúc ấy vua Lưu Ly tiến quân tới, còn quân dòng họ Thích thì rút lui. Họ giữ chặt cửa thành, sai sứ đến thưa với Đức Phật:

– Hôm nay tình thế nguy cấp lắm, vì vua Lưu

Ly tấn công tới.

Đức Thế Tôn bảo:

– Nếu mở cửa thì sẽ bị tổn hại, còn đóng cửa thì không bị tổn hại gì!

Khi vị sứ giả kia trở về tới chỗ dòng họ Thích rồi bèn bảo với họ là Đức Thế Tôn có dạy: “Nếu mở cửa thì bị vua Lưu Ly đánh phá giết hại, còn không mở cửa thì ông ta chẳng làm gì được”. Nghe lời ấy, các vị thuộc dòng họ Thích đóng chặt, canh gác nghiêm ngặt các cửa ra vào. Lúc đó vua Lưu Ly đóng quân ngoài cửa thành, bảo những người thuộc dòng họ Thích:

– Hãy mở cửa thành cho mau, hai bên sẽ hòa thuận, không có việc giết hại nhau.

Bên trong thành, những người dòng họ Thích, bị nghiệp đời trước kéo lôi nên họ đòi mở cửa, còn những người không có nợ đời trước thì đòi phải vâng lời Như Lai dạy là không được mở cửa.

Trước đó, ở bên ngoài thành có tướng Xá Mã Thích, đã đánh nhau với vua Lưu Ly, giết chết bảy muôn người, khiến voi chĩa ngà đâm chết vô số chúng sinh. Tướng Xá Mã Thích bảo vua Lưu Ly:

– Thằng con của nô tỳ hoàng gia sinh ra kia, người chớ có rút lui! Để ta vào thành chuẩn bị chiến cụ sẽ đánh nữa.

Lúc ấy nghe Xá Mã Thích đã giết hại quá nhiều người, những người dòng họ Thích trong thành

liền cho người gọi Xá Mã Thích đến quở trách bảo phải ngưng tay:

– Người chẳng phải thuộc dòng họ Thích mà tự xưng họ Thích, làm ô nhiễm dòng họ Thích, người đã làm nhơ danh, vậy hãy ra khỏi nước, không được ở trong thành này. Hãy đi lẹ đi, chớ đứng đó!

Lúc ấy Xá Mã Thích ra khỏi thành. Bấy giờ vua Lưu Ly thúc giục đòi mở cửa. Những người họ Thích có nợ đời trước mới bảo những người họ Thích kia:

– Phải mau mở cửa thành để coi thằng con của nô tỳ hoàng gia sinh ra kia nó làm gì nào?

Những người họ Thích không có nợ đời trước mới bảo với những người thuộc họ Thích kia:

– Như Lai đã dạy là nếu mở cửa thì bị giết tất cả! Không mở cửa thành thì sẽ an toàn.

Lúc bấy giờ vua Lưu Ly lại thúc giục hãy mở cửa thành. Lúc ấy ông Thích Ma-ha-nam nói với vua Lưu Ly:

– Cho tôi xin một điều, nếu cho phép thì tôi mới trình bày!

Vua Lưu Ly bảo:

– Người cứ nói. Ta sẽ không trái lời.

Lúc ấy ông Ma-ha-nam bước đến tâu vua:

– Cho phép trong thời gian tôi lặn xuống sông thì xin vua hãy thả những người họ Thích ra, cho ai nấy được thoát nạn.

Rồi ông Ma-ha-nam nhảy xuống sông, cột tóc mình vào gốc cây và chết chìm dưới đáy nước. Trong thời gian ấy, người họ Thích được thả cho chạy thoát. Sau đó vua Lưu Ly cho người lặn xuống tìm xem tại sao cậu Thích Ma-ha-nam lại ở lâu dưới nước như thế. Người lặn bèn xuống tìm, sau đó nổi lên thưa:

– Ông Thích Ma-ha-nam đã chết dưới đáy nước.

Lúc bấy giờ vua Lưu Ly đem bảy muôn người họ Thích đã chứng quả Tu-đà-hoàn ra chôn sống, rồi còn cho voi dậm đạp chết hết. Ấy là những người họ Thích có nợ đời trước, đành phải chịu chết, không cậy nhờ vào đâu được. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thanh niên Tỳ-xá-ly:

– Hư không có thể trở thành đất, đất có thể trở thành hư không. Một khi nợ đời trước đã chín muồi thì không trốn chạy đi đâu được.

Nhân sự việc ấy, Đức Phật tìm hiểu tận ngọn nguồn, làm ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Chẳng nhờ được con
Chẳng nhờ cha anh
Bị chết bức ngặt
Chẳng nhờ được ai.*

Hàng tứ chúng nghe Đức Phật nói xong, vui mừng làm lễ rồi lui.



*Điều đúng nên làm đúng
 Làm đúng việc thành đúng
 Mọi người tự mệt nhọc
 Nào hay già chết đến.
 Đói khát thiếu nước uống
 Như nai khát chạy quanh
 Bị thợ săn bắn trúng
 Không nghĩ dứt ái dục.
 Không tìm phương tiện hay
 Phân tích thân hình này
 Già chết bỗng chợt đến
 Không đến được Niết-bàn.*

Tất cả chúng sinh ý chí và hành động khác nhau, việc làm cũng khác nhau, nên việc tu căn lành cũng không đáng nói. Nhiều người chăm lo chuyện bên ngoài, không lo nội pháp, không lo mình sẽ chết, cứ tưởng ta sống hoài.

Ngày xưa, ở nước Kế-tân có hai anh em nọ, một người xuất gia tu chứng quả A-la-hán, một người ở nhà trông coi gia nghiệp. Bấy giờ, người anh thường tới nhà em khuyên lơn, dạy bảo rằng:

— Em nên bố thí, giữ giới, làm các việc lành, còn sống thì được tiếng khen, sau khi chết thì sinh vào cõi tốt đẹp.

Người em đáp:

— Anh đã bỏ nhà làm Đạo sĩ, không lo việc quan, không nghĩ đến cha mẹ, vợ con, cũng không nghĩ đến tài sản gia nghiệp. Nếu như bị mắng nhiếc làm nhục cũng không buồn rầu. Khi có chuyện vui sướng thì cũng không mừng rỡ.

Người anh nhiều lần khuyên lơn dạy bảo, nhưng người em vẫn không nghe lời. Về sau, người em mắc bệnh chết bất ngờ, bị đọa làm trâu, bị chủ bắt chở muối vào thành. Lúc ấy người anh là A-la-hán từ trong thành đi ra, liền đến bên con trâu mà nói kệ:

*Chở mang rất nặng nhọc
 Bước đi không biếng nhác
 Bị người đánh sai khiến
 Ngày nay bị khốn khổ.
 Xỏ mũi cột dây dầm
 Lưng ung nhọt ghẻ lở
 Bị ruồi nhặng bu chích
 Ngày nay bị khốn khổ.
 Ăn toàn là cỏ úa
 Uống nước mưa đọng sinh
 Roi vọt chẳng rời mình
 Ngày nay bị khốn khổ.
 Đã làm thân súc sinh
 Phương cách nào thoát ra?
 Vậy hãy chuyên tâm niệm
 Tam-miêu-tam-bồ-đề.*

Nghe bài kệ ấy, con trâu buồn bã không vui. Người chủ liền hỏi Đạo nhân:

– Ông nói gì mà khiến trâu tôi buồn bã như thế?

Đạo nhân thưa:

– Con trâu này vốn là em tôi.

Nghe vậy, người chủ trâu thưa với đạo sĩ:

– Em ngài, xưa kia là chỗ rất thân thiết với tôi.

Đạo nhân nói:

– Ngày xưa em tôi còn mắc nợ của ông một đồng tiền muối.

Bấy giờ, người chủ trâu bảo trâu:

– Giờ đây, ta thả người, người không còn phải làm việc cho ta nữa.

Lúc đó con trâu liền nhảy xuống vực sâu, dốc lòng nghĩ đến Phật, sau khi chết nó được sinh lên cõi trời. Có những chúng sinh mê luyện cõi đời, đắm say của cải, không biết làm lành, nên sau khi chết đọa vào loài ngựa quỉ. Có những người xuất gia học đạo, cắt đứt ân ái, bỏ tám việc ở đời, tu tâm thanh tịnh.

Giống như câu chuyện về thái tử và cô gái dòng Chiên-đà-la. Cô đeo chuỗi anh lạc, nhan sắc xinh đẹp như gái trời. Nhìn qua, thái tử muốn cưới làm vợ, nhưng vua cha bảo:

– Theo luật pháp triều đình thì không được cưới người giai cấp khác, không được kết hôn với dân thường, luôn phải kết hôn với hàng trưởng giả, cư

sĩ.

Thái tử thưa với vua cha:

– Nếu không cưới được cô gái ấy thì con sẽ tự sát, không thể sống trên cuộc đời này nữa.

Nghe lời đó, giống như đang ăn mà bị mắc nghẹn, nuốt vào không được mà nhả ra cũng không xong, vua liền cho người đến nhà cô gái Chiên-đà-la, nói với cha mẹ cô ta:

– Các người phải gả con gái cho thái tử.

Bà mẹ cô gái nói:

– Nếu thái tử bằng lòng theo thói quen của giai cấp chúng tôi là sát sinh thì tôi mới bằng lòng gả con gái cho.

Sứ giả về tâu, vua bèn bảo thái tử:

– Con phải làm việc sát sinh, bỏ cách sống hoàng gia mà sống theo thường dân. Vì sao lại phải sát sinh để cưới được cô gái ấy?

Thái tử thưa:

– Khi tâm đã tham muốn thì làm việc sát sinh không khó.

Thái tử liền bỏ hoàng cung mà đến nhà sát sinh để xin cưới cô gái. Thái tử phải làm những công việc nặng nhọc như đốn củi, hái rau, mang gùi, quét dọn. Cứ làm thế trải qua thời gian khá lâu.

Một lần, vị quan đại thần bậc nhất ra khỏi thành, trông thấy thái tử, ông hỏi:

– Thái tử đã cưới được cô gái ấy chưa?

Thái tử trả lời:

– Bạn rộn nhiều công việc, nên tôi quên mất cô gái, không còn nhớ nữa.

Quan đại thần lại hỏi:

– Xâu chuỗi ngọc anh lạc thơm ấy hiện giờ ở đâu?

Thái tử trả lời:

– Tôi cũng quên mất, chẳng nhớ nó ở đâu.

Quan đại thần thưa thái tử:

– Chẳng những không cưới được vợ, cũng không được xâu chuỗi ngọc, lại mất cả ngôi vua, không đạt kết quả gì, giờ phải làm sao đây?

Nghe vậy, thái tử rơi lệ, buồn bã không vui. Câu chuyện ngụ ngôn này, kể cho mọi người nghe ắt có lợi ích lâu dài.

Còn có thái tử, trưởng giả, cư sĩ xuất gia học đạo, làm các công đức, mong cầu chứng quả A-la-hán, gỡ mình ra khỏi mọi trói buộc ở đời, sống trong cõi dục mà vẫn không dính mắc vào dục, giải thoát kia đây, phân biệt vô minh trí tuệ giải thoát vô ngại, giải thoát thành tựu được thật nghĩa cao quý.

Cha mẹ, anh em thường chê trách người xuất gia. Họ nói:

– Trong loài người hèn kém nhất thì không gì hơn kẻ xuất gia. Đền từng nhà xin ăn cho đó là việc bình thường. Bị mọi người chế nhạo cười chê, đâu

có gì đáng vui? Có lẽ người ta đã dùng bùa chú biến người thành kẻ ăn xin, chỉ bằng làm người tại gia mà hưởng thú vui năm dục. Ta lập đàn bố thí cầu phước không mệt mỏi, cung cấp cả tương lai, quá khứ và hiện tại, ban phát cho người nghèo cùng thấp kém, cúng dường cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn, lũ khách đi xa. Bốn thứ cúng dường là y phục, thức uống ăn, giường nằm, thuốc men, ai cần áo mặc cho áo mặc, ai cần cơm ăn cho cơm ăn. Hương xông, tràng hoa, khăn tay, sáu món thường dùng trong nhà, đều cung cấp đầy đủ. Xuất gia rất cực khổ?

Bây giờ, những người học đạo bèn nói với bà con họ hàng:

– Ý chí chúng tôi là muốn học đạo, không thích sống đời tại gia bị ràng buộc vào mọi chuyện đời.

Bà con họ hàng bèn bảo:

– Nếu không ưa thích cuộc sống thế tục thì cứ việc xuất gia.

Rồi những người này bỏ nhà đi học đạo, nhưng họ lại học tập những điều không cốt yếu, không tu hành giáo theo chánh nghiệp, trải thời gian dài, bà con họ hàng đến thăm bèn hỏi:

– Quý vị đã chứng quả A-la-hán chưa?

Các Đạo nhân thưa:

– Từ khi học đạo đến giờ, nay chúng tôi mới nghe danh từ A-la-hán.

Người bà con lại hỏi:

– Lìa bỏ ái dục, không chấp ngã chấp pháp, dứt bỏ vô minh, trí tuệ giải thoát, giải thoát vô ngại, thành tựu được thật nghĩa cao quý, những pháp đầy đủ vừa kể, các vị đạt tới hay chưa?

Các Đạo nhân đáp:

– Các pháp như thế, chúng tôi chưa đạt được. Tên các pháp ấy chúng tôi còn không biết hướng gì là thực hành?

Bà con họ hàng cùng hỏi:

– Tại sao các vị đã bỏ nhà, bỏ tài sản, bỏ cả bà con họ hàng, bỏ cả ân ái để đi xuất gia, nhưng lại tu học những pháp không phải chánh pháp, không khác gì người thế tục?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết thấy những lời đối đáp qua lại giữa những đạo sĩ và bà con họ hàng. Ngài biết những đạo sĩ kia học pháp tà, không tu theo chánh lý. Muốn đến giáo hóa họ, Ngài liền hiện đạo lực.

Đức Phật nhân việc ấy, muốn tìm tới ngọn ngành, thị hiện ngọn đèn sáng cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Đức Thế Tôn ở trước hội chúng, nói bài kệ:

*Điều đúng nên làm đúng
Làm đúng việc thành đúng*

*Mọi người tự mệt nhọc
Nào hay già chết đến.*

Lúc bấy giờ Tôn giả Mã Thanh lại nói bài kệ:

*Tắm gội trau chuốt thân
Ngu khờ không tu thiện
Cái chết bỗng nhiên đến
Như mẹ bỗng con chết.*

Người ta sống hơn thua, tranh nhau phải, trái, cứ làm theo thói tà, không thuận theo chánh pháp.

Xưa, có hai vợ chồng nọ, chàng trai thì khôi ngô, nàng thì xinh đẹp, đủ các tướng tốt đẹp, các căn đều vắng lặng. Họ cùng kính yêu chiều chuộng nhau, không hề thỏa mãn. Như lời kinh chép thì: Hai vợ chồng bỗng nhiên bị mù mắt, không còn trông thấy nữa. Hai vợ chồng càng quuyền luyến nhau sợ bị người lừa gạt. Chồng sợ mất vợ, vợ sợ mất chồng. Cả hai cùng ngồi bên nhau canh chừng cho nhau không rời xa giây lát. Lúc ấy bà con họ hàng đi khắp nơi tìm thầy về chữa bệnh cho họ. Thời gian sau, cả hai được sáng mắt ra. Chồng thấy nhan sắc vợ thay đổi, không giống như xưa, liền lên tiếng hỏi:

– Ai đã làm thay đổi vợ tôi?

Trong khi đó, vợ thấy dung mạo chồng thay đổi, không giống như xưa, cũng lên tiếng hỏi:

– Ai đã làm thay đổi chồng tôi?

Bà con họ hàng bèn giải thích:

– Dung mạo thời trẻ trung đổi thay trong từng ngày, khi ốm, sức tàn, da dòn, mặt nhăn, mỗi ngày mỗi khác. Thân hình đã già nua mà mong thấy lại sắc trẻ thiếu niên thì khác gì dùi nước đá mong lấy lửa, chẳng là sai lầm lắm ư? Sao hai người cứ kêu khóc mà không nhận ra nhau như thế?

Soi vào gương thì thấy dung nhan thay đổi. Than ôi! Già đến nơi, sắc đẹp không dừng lâu. Oai dung tuyệt vời thì một mai đã khác. Không biết mà cứ lo lắng buồn rầu chỉ càng thêm khổ. Nhân việc này mà Tôn giả Đàm-ma-dã-thế-lợi nói bài tụng rằng:

*Giống như người ngủ mê
Trộm khoét tường lấy của
Của tiền mất nào biết
Biết rồi, tìm khắp nơi.
Ngu, ít học buông lung
Tự trảm trong ao tối
Không thấy trộm, mất của
Chống giặc già, không đức.*

Cho nên nói: “Quen theo thói tà, trái đạo, mất pháp, bất chợt già chết đến.”

Bấy giờ, mọi người nghe lời ấy đều vui mừng ra về.



*Cho nên tu thiên định
Hết sinh, không nhiệt não*

*Tỳ-kheo chán ma quân
Từ đó, thoát sinh tử.*

Như Lai nói về: “Vô thường biến đổi, các Tỳ-kheo nghe đều chán ngán muốn lìa bỏ thân này, vì nó là gốc rễ gìn giữ các nhập.”

Đức Thế Tôn dạy bảo truyền trao chánh nghiệp, tu tập chánh pháp, hoặc khi ở gò mả, dưới gốc cây, hay khi kinh hành ở chỗ trống, ngồi thiền tu định, chớ nên biếng trễ. Bây giờ không siêng năng, về sau ăn năn vô ích. Đó là giới cấm của Tỳ-kheo, cho nên nói rằng:

*Cho nên tu thiền định
Hết sinh, không nhiệt não*

Từ sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, đầu hôm, nửa đêm, gần sáng, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo khi đi, đứng, nằm, ngồi, tới, lui, ngủ, thức, phải luôn nhớ nghĩ thực hành Tam-muội không xen hở. “Hết sinh, không nhiệt não” nghĩa là thân, miệng, ý không nóng bức, không bị lửa kết sử thiêu đốt, tinh tấn, mạnh mẽ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đầu bị cháy, áo bị cháy phải đề phòng ra sao?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Cứu đầu, giữ áo là đề phòng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Không đúng. Như Lai nói là phải nhìn kỹ đầu và áo. Lại còn phải tìm cách dùng pháp lành để dứt bỏ pháp ác, phải dụng ý cho bền chắc. Đối với pháp

lành, hoàn toàn không nên vượt qua đầu mối. “*Hết sinh, không nhiệt nã*”: Sinh là tiếp tục còn đời sống, già, bệnh, chết vẫn còn sinh. Buồn rầu, khổ não, qua lại đều có sinh.

Nên khi Phật nói phẩm Vô thường thì Tôn giả A-nan liền nói bài tụng:

*Ta nghe việc thuở nọ
Như Lai nói Xuất Diệu
Chúng sinh còn tăm tối
Dùng lòng thương cứu giúp.*

Nói vô thường thì bản thân câu nói, ý vị câu nói, câu văn nói, nghĩa của câu nói phải đầy đủ thì miệng nói mới không lầm lỗi.

Câu “Nghe một thuở nọ”: Tôi âm trì đều hết, có khả năng phân biệt tất cả. Chính từ mạng sống có thân hình mà chịu bao hoạn nạn. Tôi nghe Đức Phật nói sự việc một thuở nọ, như thế chuyên tâm không rối loạn, cũng không có ý niệm nào khác xen vào. Tìm cầu pháp lành căn bản để chỉ bày con đường cho chúng sinh ngu tối. Chúng sinh ở trên đời này giống như người bị mù bẩm sinh không có mắt thì mở mắt cho họ được thấy, dùng tâm Đại từ nhỗ sạch gốc khổ cho họ. Coi chúng sinh như cha mẹ, giảng nói ý nghĩa trên.



*Phải hiểu cú nghĩa sâu
Khéo trau dồi đạo đức*

*Mới dứt được các khổ
Đạt tới chỗ vô dư.*

Hoặc lấy nghĩa lý câu văn mà dứt bỏ kết sử, không lấy ý vị cũng như nguyên câu văn. Trong kinh Phật cũng nói: “Không tu tập vô lậu thì sao gọi là đúng chánh pháp, vô kết, trừ lậu, không sinh mà nói là sinh”. Đó không phải kinh Phật, hoặc tụng kinh Phật mà không dứt bỏ kết sử.

Cho nên Đức Thế Tôn nói: “Phải hiểu cho sâu ý nghĩa câu văn.”

Lúc bảy giờ, Tôn giả La-vân đến chỗ Đức Phật, lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, xin Như Lai nói pháp cho con nghe để dứt bỏ tâm hữu lậu mà mau chóng được giải thoát.

Đức Thế Tôn bảo La-vân:

– Thầy hãy suy nghĩ các bài về Nhân duyên tạp, sau đó tụng, tụng xong hãy trở lại chỗ Như Lai.

Sau khi tụng Nhân duyên tạp tụng một cách nhuần nhuyễn, La-vân liền đến chỗ Phật, bạch với Phật rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn, con đã tụng Nhân duyên tạp tụng, nhưng tâm hữu lậu chưa giải thoát.

Đức Phật bảo La-vân:

– Thầy nên tụng Ngũ thanh âm tạp tụng.

Vâng lời ấy, La-vân liền tụng Ngũ thanh âm. Lại nhân lúc khác, La-vân đến chỗ Đức Phật, bạch

Phật:

– Con tụng Ngũ thanh ẩm xong, nhưng tâm hữu lậu chưa giải thoát.

Đức Phật bảo La-vân:

– Người hãy tụng Lục cánh lạc tạp tụng.

Vâng lời dạy, La-vân tụng Lục cánh lạc. Thừa thì giờ, La-vân lại đến chỗ Đức Phật bạch Phật:

– Con đã tụng Lục cánh lạc, nhưng tâm hữu lậu chưa giải thoát.

Bây giờ Đức Phật bảo La-vân:

– Thầy phải quán xét ý nghĩa của nó.

Vâng lời dạy ấy, La-vân tự mình suy nghĩ rõ ràng ý nghĩa ấy, dần dần dứt hẳn kết sử, chứng quả A-la-hán. Ấy là nhờ phân biệt ý nghĩa, cho nên vượt thứ bậc mà chứng quả, dứt hữu lậu thành vô lậu.

Do thế Tôn giả A-nan nói:

– Nhờ hiểu sâu sắc ý nghĩa của câu, khéo trau dồi đạo đức, dùng chánh đạo cắt đứt kết sử, dứt bỏ bảy sử trói buộc, hết hẳn không còn sót, ấy gọi là Niết-bàn. Diệt hết, không còn sinh diệt, không còn dính mắc, dứt bỏ, được an ổn vui sướng. Cho nên nói khéo trau dồi đạo đức mới dứt các nỗi khổ. Khổ là khổ về sinh, về già, về bệnh, về chết, về thương yêu phải chia lìa, về oán ghét mà phải gặp nhau... được đến chỗ vô dư, vô dư là nghĩa bậc nhất, vô thượng, không có lỗi lầm.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 4

Phẩm 2: Dục

*Dục, ta biết gốc người
Ý từ tư tưởng sinh
Ta không nghĩ tưởng người
Thì người sẽ không có.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cùng thị giả A-nan đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Khát thực xong trở ra ngoài thành thì có một phụ nữ ẵm con, mang bình đến giếng múc nước. Lúc đó, có một chàng trai trẻ, hình dáng khôi ngô, ngồi cạnh giếng khảy đàn vui chơi. Người phụ nữ bỗng khởi dục tâm, mê đắm chàng trai nọ. Chàng trai nọ dục ý lầy lùng, cũng say mê người nữ ấy. Trong khi dục tình đang dâng mê hoảng, người phụ nữ lấy dây cột cổ đứa con rồi đem treo nó dưới giếng. Sau đó nàng quay lại kéo đứa bé lên khỏi giếng thì nó đã chết. Nàng rất đau khổ kêu trời, nước mắt tuôn rơi và nói bài tụng:

*Dục, ta biết gốc người
 Ý từ tư tưởng sinh
 Ta không nghĩ tưởng người
 Thì người sẽ không có.*

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn bảo ngài A-nan:

– Bài kệ thầy vừa nghe ấy do hằng sa chư Phật nói. Thầy nên học thuộc, chiều nay nhóm họp đại chúng, thầy sẽ đọc bài kệ ấy trước đại chúng.

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn sau bữa ngộ trai, Ngài xếp ba y. Sau khi đại chúng nhóm họp đông đủ trong giảng đường, Đức Phật đến ngồi giữa đại chúng, rồi Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Sáng nay, Ta cùng A-nan vào thành khát thực, sau đó trở ra ngoài thành. Ta thấy một phụ nữ tay ẵm con, tay cầm bình ra giếng múc nước. Cách giếng không xa có một thanh niên đang khảy đàn vui chơi. Hai người nhìn nhau, đều khởi tâm dâm dục, nhìn nhau đắm đuối, mắt không rời. Khi ấy vì mê mờ, người đàn bà nọ cột cổ đứa bé treo dưới giếng. Sau khi thỏa tình, người đàn bà vội đến kéo đứa bé lên nhưng nó đã chết. Người đàn bà ấy buồn bã kêu khóc liền nói kệ rằng:

*Dục, ta biết gốc người
 Ý từ tư tưởng sinh
 Ta không nghĩ tưởng người
 Thì người sẽ không có.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lửa dâm lây lòng, có khả năng thiêu đốt các cội gốc lành. Kẻ hoang dâm thì không còn biết gì đến thiện ác, cũng không phân biệt được đâu là pháp thanh bạch, không biết đâu là con đường ràng buộc và xuất ly. Hạng người này không biết xấu hổ. Họ làm cho thân tộc và phải chịu hình phạt nhục nhã. Việc gì thiếu tính chất dâm thì không hợp ý muốn của họ. Có người vì dâm dục mà giết hại cha mẹ, anh em, chị em, khiến họ phải chịu tai ương. Có kẻ vì tội dâm dục và năm tội nghịch bị vua chúa giết chết, phải chịu quả báo xấu ác. Chính những người ấy mang tội nặng, họ còn làm liên lụy đến bà con họ hàng, khác gì lửa cháy đồng trống, cháy lan đến cả cây bên đường. Con người do lòng dâm dục mà trái lời Phật dạy, khinh chê Giáo pháp, hủy báng Thánh tăng, bị các Thánh hiền quả trách. Giờ đây Ta sẽ nói về cội gốc của việc phạm dâm, các thầy hãy lắng nghe.

Xưa, có một người mắc chứng gian dâm không dứt. Cha mẹ chỉ sinh được một mình anh ta. Thế rồi, một đêm vắng người, trời âm u sấm chớp, anh ta vẫn mang dao, cầm cung tên mà đi đến nhà dâm nữ nọ trong ngôi làng kia. Biết việc này, người mẹ bèn chặn anh ta lại mà can ngăn rằng:

– Đêm hôm tăm tối, sấm chớp vang trời, nếu không làm được xong việc thì người ta sẽ giết con. Kiếp trước vì ít phước nên nay mẹ chỉ có một mình con. Nếu con có bề nào thì mẹ biết nương cậy vào

ai?

Y nói với mẹ rằng:

– Con phải đi ngay, không thể chần chờ!

Biết ý con, người mẹ liền sụp xuống lạy con và nói:

– Hiện giờ trời tối lắm, con hãy nán lại, mai sẽ đi.

Y bảo mẹ rằng:

– Hãy mau buông ra cho tôi đi, nếu trái ý, tôi sẽ giết bà đó.

Người mẹ nói:

– Thà mẹ bị con giết chứ mẹ không chịu đựng nỗi khi thấy con bị kẻ khác giết.

Y bảo:

– Bà hãy buông tôi ra để tôi đến nhà nàng. Nếu bà không nghe, tôi giết bà ngay bây giờ.

Người mẹ nói:

– Chết thì chết chứ mẹ nhất định không buông con ra.

Đứa con ngỗ nghịch liền rút dao đâm người mẹ chết tươi, mà y không hề lo nghĩ tới kiếp sau tai ương sẽ đổ tới rất nặng nề. Rồi y chạy ngay đến nhà cô gái nọ kêu cửa. Cô gái liền hỏi:

– Anh là ai?

Rồi cô ta nói kệ rằng:

Dâm nộ, các căn suy

*Do tưởng, mà sai lầm
Không nghĩ đến các việc
Bị ngu tối che đậy.
Nay anh giết cả mẹ
Nép mình như tôi tớ
Nhón chân đợi cửa ngoài
Như đây tớ để sai.*

Lúc ấy, từ xa trông thấy anh nọ, cô gái liền hỏi:

– Anh giết mẹ rồi phải không?

Đáp:

– Phải.

Cô gái nói:

– Sao anh lại giết mẹ?

Chàng nọ đáp:

– Bà ấy không chịu buông ra để tôi tới đây với cô.

Cô gái bảo:

– Thôi, ông không được vào nhà tôi.

Bấy giờ cô gái nói kệ rằng:

*Ôi, bội ân nuôi dưỡng
Giết mẹ gây tội lỗi
Không muốn thấy mặt ông
Mau đi khỏi nhà tôi.
Cha mẹ nuôi ẵm bồng
Vì con chịu các khổ
Giết mẹ đi trên đất
Đất không rút chết ông.*

*Vì mình, không chút tình
 Làm hại đến thân tộc.
 Tôi chỉ là người đứng,
 Thì được ân đức gì.*

Lúc ấy chàng nọ lại bảo:

– Vì cô mà ta giết mẹ, gây ra tội không cùng.
 Xin hãy tha thứ, mở cửa cho ta vào nói với nàng
 vài lời rồi ta sẽ trở về.

Cô gái liền nói:

– Hãy nghe kệ của ta.

*Thà nhảy xuống hố lửa,
 Gieo mình xuống vực sâu,
 Để cho rắn cắn chết,
 Chứ không gần kẻ ngu.*

Rồi, hai người chia tay nhau. Trở về nhà, trên đường, chàng nọ bị ăn cướp giết chết. Sau khi chết, bị đọa vào ngục A-tỳ chịu tội trong vô số kiếp. Dâm là một chứng bệnh đưa đến vô lượng tai ương. Từ ít dần chứa nhóm thành nhiều, đưa đến thiêu đốt thân, tự mình lại làm hại đến kẻ khác, không được một cuộc sống trọn lành. Như chính mình uống thuốc độc lại còn bắt kẻ khác uống, cho nên nói: “Không nên làm việc dâm.”



*Ái dục sinh lo
 Ái dục sinh sợ
 Nếu không ái dục*

Không còn lo sợ.

Ái dục sinh lo: Như vợ bị chết, hoặc bị kẻ khác cướp đoạt, hoặc nuôi chồng bị bệnh lâu ngày, hoặc là chồng đi xa lâu ngày không về, cho nên nói: Ái dục sinh lo.

Ái dục sinh sợ: Vợ đẹp bị bọn người giàu có, có thể lực chiếm đoạt, hoặc vợ mắc bệnh lâu ngày mà mạng sống có thể chấm dứt bất cứ lúc nào, hay phải đi nơi khác kiếm sống. Cho nên nói: Ái dục sinh sợ.

Nếu không ái dục: Thế nào là không có ái dục? Đó là bậc đã chứng quả A-na-hàm, A-la-hán. Riêng hai bậc này thì không còn gì để họ lo và sợ nữa. Tại sao vậy? Vì họ đã thoát ra khỏi mọi lo toan nên không còn sợ gì nữa. Cõi Dục và Sắc thì còn lo, sợ. Bậc A-na-hàm thì đã dứt hết lo sợ ở cõi Dục, bậc A-la-hán thì dứt hết mọi kết sử của ba cõi. Cho nên nói: “Nếu không ái dục, không còn lo sợ”.



Ham vui sinh lo

Ham vui sinh sợ

Không còn ham vui

Thì không lo sợ.

Ham vui sinh lo: Xương trời kỹ nhạc, vui chơi năm dục bị vua ghét, đoạt lấy nhạc khí, từ đó sinh lo. Hoặc bị vua sai đi xa, phải đến một nơi khác nên sinh tâm lo lắng, hoặc mang bệnh lâu ngày đây

dưa, phải đắp mền liên miên thành mờ mắt, sợ phải chết nên sinh tâm lo sợ. Hạng người trước vì nhạc khí mà bị mất mạng. Lại có hàng vua chúa mất nước, mất ngôi, việc này không do mình gây ra, nhớ lại xưa kia từng vui chơi nơi sang trọng, bèn sinh sầu lo rồi mang bệnh nặng. Hoặc bị kẻ thù cũ ngày đêm rình rập để giết mình, bắt mình, nên cứ nghĩ mà lo buồn, khổ não. Cho nên nói: Ham vui sinh lo, ham vui sinh sợ.

Thế nào là *không còn ham vui*? Bạc A-na-hàm, A-la-hán đã dứt bỏ năm thứ dục lạc, vui với chánh pháp.

Như lần nọ, Nan-đà bạch Phật:

– Không thấy Tôn-đà-lợi, trong tâm con không vui.

Đức Thế Tôn dạy Nan-đà rằng:

Không chán, có gì đủ

Không đủ, có gì vui

Không vui, có gì yêu

Không yêu, có gì vui.

Lòng người buông thả

Không biết nhàm đủ

Tâm thường lấy lòng

Bao giờ ngừng nghỉ?

Nên giờ đây người phải suy nghĩ, quán xét những ý nghĩ bất tịnh bên trong thì sẽ được giải thoát từ tâm giác ngộ ấy. Hiện giờ, ông chưa được

giải thoát chính là do không biết suy xét những ý nghĩ đó. Do không chịu suy nghĩ nên dâm, nộ, si mới lấy lòng.

Thế rồi, Nan-đà cố gắng tinh tấn, nhất tâm suy xét pháp bất tịnh dơ bẩn. Vì sao? Vì làm được thân người là khó, gặp được bậc Thánh hiền cũng khó. Các cơ quan trong thân không bị khuyết tật cũng khó. Gặp được chư Phật ra đời cũng không được gặp, như hoa Ưu-đàm-bát phải đúng lúc mới xuất hiện. Muốn nghe chánh pháp cũng không được nghe. Trạng thái vắng lặng vô vi thường lạc an ổn đều nhờ chánh pháp mà được đến bờ bên kia. Thế nên Nan-đà nhờ suy nghĩ chánh pháp và những ý tưởng bất tịnh một cách cẩn thận nên đạt được cảnh giới vô vi. Cho nên nói:

Ham vui sinh lo

Ham vui sinh sợ

Không còn ham vui

Thì không lo sợ

Đức Phật lại nói bài kệ rằng:

Trái, trước ngọt sau đắng

Dâm, nộ cũng như vậy

Sau chịu báo đau khổ

Trải qua vô số kiếp.

Kẻ ngu chịu nấu, đốt

Thường sống trong lửa hừng

Bị cai ngục giam giữ

Như móc sắt khiến voi.

Như xưa Đức Phật đã dạy về sự khổ của thân năm ấm cho các đệ tử nghe. Trong kinh dạy rằng: “Những kẻ ham mê dục lạc cùng khen tặng nhau:

– Sa-môn Cù-đàm, Bà-la-môn, thường nói về việc dự phòng việc xảy ra trong tương lai, cho dục là ô uế bất tịnh, không như chúng ta, lòng say mê sắc đẹp, vui chơi với năm thứ dục lạc, mịn màng trơn láng, có lỗi làm gì đâu?

Nếu có chúng sinh nào chấp chặt vào những lý lẽ trên mà làm những việc bất thiện thì sau khi chết phải đọa vào địa ngục. Khi đọa vào địa ngục rồi, bây giờ họ mới tỉnh ngộ ăn năn tự trách: “Chúng ta là những kẻ không chịu tin Sa-môn, Bà-la-môn”. Các Ngài dạy rằng: “Dâm dục là hành vi nhơ nhớp, bất tịnh. Chính bởi hành vi dâm dục nhơ nhớp ấy mà phải chịu vô lượng khổ, chẳng có ngày thoát khỏi, chính mình gây ra thì oán trách ai?” Cho nên nói: “Ăn trái, trước ngọt sau đắng.” Như ta bỏ vào miệng một trái gì đó ngon ngọt, khi ăn lòng rất vui sướng, nhưng sau đó thì bị bệnh.

Sau đây là nói thí dụ để người có trí hiểu rõ hơn: Như có người trí nhờ siêng năng cố gắng mà thành tựu đạo nghiệp, hoặc có người trí quả trách, cấm ngăn, hoặc có người trí nhờ quán xét chí hướng tiến lên của mình mà được hóa độ, hoặc có người trí được dạy bảo khuyên gắng dần dần mà

được hóa độ, hoặc có người trí do đi nhiều nơi xa nhìn thấy sự đời mà tự tỏ ngộ...

Đức Thế Tôn quán xét tâm nhiễm của mỗi người mà Ngài biết cách chữa trị như thế nào để bóc thuốc. Nhờ đó mà chúng sinh dần dần được tỏ ngộ. Nhờ vâng giữ lời dạy của Như Lai mà biết xấu hổ giữ mình, lần hồi dứt hết phiền não, tâm được giải thoát. Sau đó mới biết rằng dâm dục là một thứ bệnh, trước ngọt nhưng sau thì đắng.



*Ngục bằng sắt, đồng, thiếc
Nhưng cũng chưa chắc chắn
Mê đắm sắc đẹp kia
Ngục này mới chắc chắn.*

Xưa, có kẻ mắc tội bị giam trong ngục sắt. Anh tìm nhiều cách mong khỏi tội, hoặc dựa vào thế lực mạnh mẽ, hoặc dựa vào của cải, hoặc dựa vào dòng họ để được trắng án. Trong khi đó, ngôi nhà ngục ái dục trời buộc, phạm phu không thể thoát ra được. Chỉ có chư Phật ra đời dùng lửa trí tuệ thiêu đốt rừng bụi kết sử bao la, dùng kiếm bén chặt gọn cội gốc bầy kết sử, sau đó mới được giải thoát.

Ngày xưa, có một kẻ phạm tội, bị bắt trời, gặp dịp chúng Tăng đang nói pháp. Y xin lính tạm thời dừng lại cho y đến nghe pháp. Nửa đêm thanh vắng, y gặp một thầy Tỳ-kheo tụng kinh, đến đoạn nói về bị già trời buộc, bị sinh trời buộc, bị bệnh

trói buộc, bị chết trói buộc, đời này bị trói buộc, đời sau bị trói buộc. Sau đó, y nhờ bà con cầu xin nhà vua tha tội nên y được thả. Bấy giờ, bà con, người quen, bạn bè cùng đến nhà y ăn mừng chia vui. Họ bảo:

– Nghe anh khỏi tội nên vội vã đến chia vui.

Anh ta mới báo với mọi người:

– Sao các vị làm lạc như thế? Tối hôm rồi, nhờ nghe một thầy Tỳ-kheo tụng kinh mà tôi biết rằng mình bị trói buộc còn hơn cả nhà vua.

Những vị này bèn nói:

– Anh vừa được thả ra, sao lại nói chuyện làm lẫn như thế?

Anh ta bảo:

– Tôi không hề làm lẫn. Chỉ các vị mới làm lẫn đấy thôi. Cái trói cột mà tôi đang bị ràng buộc đây thì dù nhà vua cũng không mở được. Các vị bà con, nếu có thương tôi thì hãy cho tôi xuất gia, học đạo.

Bà con họ hàng khuyên can anh hết sức. Họ nói:

– Cha mẹ, bà con, con trai, con gái đều giàu sang đủ cả, cố sao anh lại từ bỏ, ham mê học đạo làm gì?

Người ấy đáp:

– Tôi đã có thế nguyện xuất gia học đạo từ trước.

Bà con họ hàng lại khuyên bảo hãy bỏ ý định

ấy đi. Bảy ngày sau, anh hết mệt mỏi, sức khỏe bình phục. Khi ra khỏi nhà thì anh chợt gặp thầy Tỳ-kheo tụng kinh trong đêm thanh vắng nọ và ngài đọc bài kệ rằng:

*Ngục bằng sắt, đồng, thiếc
Nhưng cũng chưa chắc chắn
Mê đắm sắc đẹp kia
Ngục này mới chắc chắn.*

Sau đó, anh lại trở về nhà nói với bà con:

– Chí hướng của tôi không thích sống đời tại gia, xin cho tôi được xuất gia tu học phạm hạnh vô thượng.

Lúc ấy bà con họ hàng liền cho anh xuất gia học đạo, tiến tu phạm hạnh đêm ngày không ngừng nghỉ, chứng được quả A-la-hán, thoát hẳn mọi trói buộc, không còn trôi lăn trong vòng sinh tử nữa.



*Bị nhốt ngục vững chắc
Ở mãi chẳng chịu ra
Cốt yếu cắt đứt nó
Không ngoài cắt ái dục.*

Bị nhốt ngục vững chắc: Quyên luyện, đắm mê ân ái đều gọi là trói buộc. Chỉ có chư Phật ra đời, giữ gìn tâm kim cương vững chắc khó phá hoại, trang nghiêm bằng mọi công đức, dứt bỏ hết mọi điều ác, tránh xa các điều kiện gây tội thì mới cắt đứt được các điều ác. Cho nên nói: Bị nhốt ngục

vững chắc.

Ở mãi chẳng chịu ra, nghĩa là ở trong thế gian, trong ba cõi, trong bốn sinh, trong ba đường, ở đây sẽ nói thí dụ để rồi qua đó, người trí nhờ thí dụ mà tự hiểu.

Thuở xưa, có một vị vua, thi ân bố đức khắp trong nước, người tội trối nhiều lớp trong ngục đều được thả hết... Trong số những người tội ấy, có nhiều người chán ngán cảnh trối nhốt, không chịu đựng được cảnh sống lao tù, tâm ý họ cứ mong chóng được thoát ra, không bao giờ muốn ở lại trong đó, cũng có nhiều người khác lại thích sống trong lao tù, tâm ý họ ưa thích được nghe những tiếng kêu khổ não, cho nên họ quyết ở mãi trong đó, không chịu thoát ra. Vì thế nói rằng: “Ở mãi chẳng chịu ra”. Ở mãi là được vua phóng thích ban ân mà không chịu về.

Nhờ công đức lành chứa nhóm từ đời trước, nên đời này cắt đứt được. Cho nên nói cốt yếu cắt đứt nó, tức không để tâm quyến luyến anh em, tài sản, bà con, chuyên tâm dứt bỏ ái dục, ái dục đã dứt hẳn, không còn dư thừa, vượt qua tám việc thế gian bằng hai điều minh thệ. Thế nào là hai điều minh thệ? Thứ nhất là trí tuệ, thứ hai là tận thệ. Dùng hai thệ nguyện ấy mà độ chúng sinh.



Các sắc đẹp thế gian

*Đó không gọi là dục
Dục tồn tại lâu dài
Chỉ người hiền biết rõ.*

Thuở xưa khi còn ở đời, các Tỳ-kheo bảo nhau:

– Chúng ta nên tách khỏi chúng Tăng mà đi khát thực riêng ở nhân gian. Vì sao? Vì các Tỳ-kheo tu hạnh khát thực đi khắp nhân gian sẽ nhờ đó mà nhìn thấy nhiều sắc đẹp lộng lẫy, tai được nghe những âm thanh hay lạ, mũi ngửi những mùi thơm quý, thân xúc chạm sự trơn láng mịn màng.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thanh tịnh không chút tì vết Ngài nghe được những lời các Tỳ-kheo bảo nhau như vậy, Ngài biết họ sinh tâm đắm nhiễm sự vinh hoa ở đời. Đức Thế Tôn liền nhóm họp đại chúng ở giảng đường Phổ hội. Các Tỳ-kheo liền nhóm họp trong giảng đường. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thế nào các thầy Tỳ-kheo? Ta đã từng nói cho các thầy nghe về việc khát thực. Tỳ-kheo đi vào nhân gian thì mắt thấy những sắc đẹp lộng lẫy, tai nghe những âm thanh hay, mũi ngửi mùi lạ, thân xúc chạm những gì trơn láng mịn màng! Vì sao tâm các thầy lại lao chao như thế? Các thầy nghĩ đến sắc, thanh, hương, vị, xúc thì giống như ngọn lửa đang bốc cao dữ dội mà còn chế thêm dầu thì tất nhiên ngọn lửa lại càng bốc cao hơn. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, các thầy phải tự cấm ngăn.

Ra ngoài khát thực thì tâm phải luôn dè chừng. Nhận của người khác cho đâu phải là việc dễ dàng? Người tín thí phải chạy vạy khắp nơi, cực lòng khổ công mới có được tiền của, rồi nhín ăn bớt mặc mà đem bố thí vì nghĩ rằng đời sau mình sẽ được hưởng phước. Thế nên, nay các thầy ít phước e rằng khó tiêu. Khi thấy người đàn-việt đến bố thí thì phải có ý tưởng không muốn nhận lãnh hơn là nhận lãnh của bố thí ấy. Phải tự quán xét với ý tưởng rằng thân ta đang mang bệnh nặng, mà vật thí kia giống như thuốc. Phải nghĩ nơi nhàn nhả giống như gặp xác chết, nên phải thường buộc niệm vào việc tu các gốc lành. Khi thấy các người nữ thì coi như đó là những mồi mả. Như vậy, so sánh với những người đi trong nhân gian khát thực, tâm tham đắm các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, mà lại nương tựa vào đạo thì họ đáng gọi là bọn cướp nguy hiểm.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ngài Ma-ha Câu-hi-la rằng:

– Ngài nghĩ thế nào? Mắt là tướng của sắc hay sắc là tướng của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, xúc chạm, pháp cũng như vậy. Pháp là tướng của ý hay ý là tướng của pháp?

Bấy giờ ngài Ma-ha Câu-hi-la bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Mắt không phải là tướng của sắc, sắc không

phải là tướng của mắt. Cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy; ý không phải là tướng của pháp, pháp không phải là tướng của ý. Cái gọi là tướng là bởi lòng chạy theo tham dục, đó gọi là tướng. Lại dẫn thí dụ để tự hiểu: Như trâu trắng, trâu đen cùng bị cột ở một nơi, hoặc chúng cùng bị cột bởi một cái ách, tương đương với sự trói buộc. Thưa Xá-lợi-phất, ngài nghĩ sao? Có nhiều người bảo trâu trắng trói buộc trâu đen hoặc trâu đen trói buộc trâu trắng. Vậy, hai con có trói cho nhau không?

Đáp:

– Không trói cột nhau.

– Thưa ngài Xá-lợi-phất, chẳng phải trâu trắng trói cột trâu đen, cũng chẳng phải trâu đen trói cột trâu trắng, mà cái trói cột chính là sợi dây, hoặc cái dây dầm, hoặc là cái ách, đó mới thật là cái trói buộc.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, cũng thế đó, mắt không phải là tướng của sắc, sắc không phải tướng của mắt, cho đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Ý chẳng phải là tướng của pháp, pháp không phải là tướng của ý. Trong đó, do chạy theo lòng tham dục, đó gọi là tướng. Cho nên nói: Các sắc tốt đẹp thế gian, đó không gọi là dục.



*Dục thế gian vô thường
Dục bên trong là thường*

*Nó diệt, không thọ sinh
Không thọ sinh đường khác.*

Dục thế gian vô thường: Dục là vô thường vì nó là pháp suy hao, đổi thay không dừng, không nương cậy được. Cái ham muốn ở cõi đời không dừng lâu, hoặc chết hoặc mất, hay bị kẻ khác chiếm đoạt. Cho nên nói không thường còn, không thể giữ lâu được. Trong khi đó, cái dục bên trong rất vững chắc, vì nó nhiễm vào thần thức. Tâm là đầu nguồn của mọi tai họa, gây họa đến thân và miệng. Cho nên nói: “Dục bên trong là thường.”

Dục như kẻ cường hào rình rập giết hại mạng sống, cái dục ấy mới khó chế ngự. Không thể dùng sức mình mà giữ lại không cho nó đi vào ba cõi, cũng không thể tự ý muốn tạo đời này, đời sau. Cho nên nói: “Dục tồn tại lâu dài, chỉ người hiền biết rõ.”



*Dục sinh hạnh vô lậu
Ý nguyện thường đầy đủ
Tâm không bị dục trói
Đó là bậc Thượng lưu.*

Dục sinh hạnh vô lậu: Dục vừa là thiện vừa là bất thiện. Nếu dục thiện thì hữu lậu hoặc vô lậu. Dục vô lậu thì dứt mọi tham ái, trong đó không kể đến hữu lậu. Ý nguyện thường đầy đủ là: Tất cả các pháp thiện lúc nào cũng tràn ngập trong lòng.

Tâm không bị dục trói: Tâm vô dục không đắm nhiễm tâm dục, cũng không bị làm ô uế.

Cho nên nói: “Tâm không bị dục trói.”

Đó là bậc thượng lưu: Chính là quả A-na-hàm. Tại sao? Vì nói quả A-na-hàm, vì nói năm kết phần dưới, vì nói cắt đứt dục ái, nên cũng nói: Đó là bậc thượng lưu.



*Người trí không vượt bậc
Dần dần nắm chút chút
Thợ khéo cắt bỏ thô
Trừ sạch mọi nhớ nhớp.*

Người trí không vượt bậc: Biết sâu rộng chuyện xưa nay, phân biệt phải trái. Đối với trí tuệ không hề tổn giảm, bản tánh siêng năng không biếng nhác. Cho nên nói: Người trí không vượt bậc.

Dần dần nắm chút chút: Dần dần ngày càng tiến tới, không dừng nghỉ giữa đường, giống như người thợ giỏi kia cứ đẽo gọt những chỗ dư thừa mỗi ngày một chút, lâu ngày thành món đồ đẹp. Người ta loại bỏ phần cấu uế của tâm cũng giống như vậy, nên được các vị Trời, A-tu-luân, Chân-đà-la, Ma-hu-lặc kính phục khen ngợi.



*Xe cũ gặp thợ giỏi
Khéo sửa chữa trang hoàng*

*Sống trong dục, diệt dục
Sau được an ổn mãi.*

Xe cũ gặp thợ giỏi: Hãy xem chiếc xe cũ được sửa sang lại, khiến xe lại chở nặng đường xa mà không trục trặc gì cả, từ đó thành hai ý nghĩa. Thế nào là hai ý nghĩa? Một là tiếng khen y được đồn xa, hai là, y thu về được nhiều tiền của. Thầy Tỳ-kheo giỏi cũng lại như thế, chỉ cần dứt bỏ tâm dục thì được hai tiếng khen, một là tiếng lành đồn xa, các trời khen ngợi, hai là trong pháp hiện tại, được vô lượng an vui, cho nên nói:

*Xe cũ gặp thợ giỏi
Khéo sửa chữa trang hoàng
Sống trong dục diệt dục
Sau được an ổn mãi.*

Khi ấy, toàn thể hội chúng nghe lời Phật dạy, đều vui mừng mà lui.



*Muốn được mọi điều vui
Nên dứt bỏ ái dục
Đã dứt bỏ ái dục
Được vui mãi vô cùng.*

Nếu có chúng sinh muốn được mọi niềm vui thì phải nhớ nghĩ bốn chi, năm chi của Thiên lạc hạnh, Thần thông lạc, Đạo xuất yếu lạc. Người ấy phải nhớ nghĩ dứt bỏ hết mọi thứ lạc, đã bỏ hết các dục, được nhiều công đức, hưởng vui vô cùng, được vui

tự tại, được niềm vui phước nghiệp, hiện tại của cải thế tục không hề thiếu thốn. Xưa kẻ ngoại đạo dị học, họ đều nói như vậy: Hai bên người và dục cùng gặp nhau thì người ấy liền thanh tịnh, liền được giải thoát, cũng được xuất ly. Lại có người nói là muốn có nhiệm mầu, muốn có thanh tịnh thì nên vui chơi với dục, đừng nên thỏa mãn, đừng nên thấy đủ. Dục còn dứt mọi nghi ngờ cho họ, cho nên nói: Sống trong dục, diệt dục, sau được an ổn mãi.



*Không biết dục đáng chán
Thì làm sao tu thiên?
Ăn năn tìm gốc hạnh
Trí tuệ trị mới dứt.*

Nếu có chúng sinh không xua đuổi được ham dục thì tâm bèn sinh như bản, khác nào người đứng gần hồ lửa lớn, càng gần càng bị nóng. Để tránh sự nóng bức ấy, thì phải tìm cách dập tắt ngọn lửa kia đi. Người ta cũng như vậy, hề không nghĩ tới dục thì dục tự nhiên dập tắt. Như thuốc độc có màu sắc tươi đẹp lại thơm ngọt, người mắc bệnh uống vào thì thông cổ dễ nuốt, nhưng vào bụng không bao lâu thì phải bỏ mạng. Tham dục cũng như vậy. Đương thời thì lòng dạ ham thích, hành dục không đúng pháp, nên sau khi chết phải đọa vào địa ngục.

Ở đây xin dẫn thí dụ, người trí nhờ thí dục mà tự hiểu: Ngày xưa, ở cõi Diêm-phù-lợi này, có vua

Đánh Sinh xuất hiện ở đời, sống đến mười bốn ức tuổi. Bây giờ vua Đánh Sinh đi dạo chơi khắp nơi, lên đến tầng trời Đao-lợi. Lúc ấy vừa có ba mươi sáu vị trời qua đời, nên vua Đánh Sinh sống luôn ở tầng trời ấy. Trải qua một thời gian lâu, vua Đánh Sinh nghĩ rằng: “Tuổi thọ của ta lâu hơn cả tuổi trời. Chính mắt ta trông thấy ba mươi sáu vị trời đều qua đời. Vì vậy, bây giờ ta phải giết Thích Đề-hoàn Nhân. Như thế là ta trị vì hết mọi tầng trời, làm vua cả trời, người, như vậy không vui sướng hay sao?” Vì ý tưởng bất chánh ấy mà vua Đánh Sinh mất thần thông, liền bị rớt trở xuống cõi Diêm-phù-lợi này, thân thể đau nhức, chịu khổ trăm bề.

Lúc bấy giờ, các quan hỏi thăm vua:

– Nay vua bệnh nặng, có thể qua đời. Vậy, nếu có người dân nào đến hỏi là lúc sắp lìa đời, vua Đánh Sinh có để lại lời dạy gì, thì nói sao đây?

Lúc ấy, vua Đánh Sinh bảo các quan rằng:

– Nếu có người dân nào đến hỏi thì các khanh nên đáp như vậy: “Vua Đánh Sinh ham mê năm dục, bảy báu không biết thỏa mãn. Vua Đánh Sinh có cả ngàn đừa con nhưng không biết thỏa mãn. Vua Đánh Sinh cai trị khắp cả dân chúng mà không biết đủ, nên nay đành phải chết. Vua Đánh Sinh ở trong cung mưa xuống bảy chất báu suốt bảy đêm bảy ngày mà không biết đủ, nên nay đành phải chịu

chết. Vua Đảnh Sinh đi dạo chơi, lên đến tầng trời Đao-lợi, rồi sinh ác ý muốn giết vua trời Thích Đề-hoàn Nhân, nên nay đành chịu chết”.

Cho nên mới có bài kệ rằng:

*Không biết dục đáng chán
Thì làm sao tu thiền?
Ăn năn tìm gốc hạnh
Trí tuệ trị mới dứt.*

Lúc bấy giờ, những người tham dục đến pháp hội đều lìa bỏ ái dục, không còn tâm tham đắm, đều phát tâm đạo Vô thượng chánh chân.



*Người trí biết chán, đủ
Không còn nghĩ ái dục
Người dùng trí nhàm chán
Không theo dấu ái dục.*

Người trí biết chán, đủ: Vì sao người trí biết chán đủ? Vì người này cùng ở chung trong ngôi nhà pháp với các Đức Thế Tôn, với chân nhân La-hán, nhìn thấy các hạnh bất tịnh mà khởi tâm nhàm chán. Các ngài dứt hết các khổ, biết rõ cội gốc của khổ. Các Đức Phật, Thế Tôn suy nghĩ bằng trí tuệ. Cho nên nói: Người trí biết chán, đủ, không còn nghĩ ái dục. Vì biết rõ thực thể của ái dục, nên không gần gũi ái dục. Những gì mà trước kia mình mê đắm nó thì nay đã lìa bỏ nó. Người trí luôn luôn cẩn thận, không đắm nhiễm ái dục.

Lúc bấy giờ, mọi người trong hội nghe nói về ái dục này đều sinh khởi ý tưởng về bất tịnh, ngay nơi chỗ mình ngồi liền đạt được Tổng trì.



*Người tham đắm ái dục
Quen làm việc phi pháp
Không nghĩ sự chết đến
Tưởng mình sống lâu dài.*

Thuở ấy, Đức Phật đang ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy, có một chàng trai nhà nghèo, túng thiếu tiền của nên phải làm mướn vất vả khắp bốn phương, bỗng tìm được báu vật. Báu vật tìm được nhiều vô kể, anh bèn từ phương xa trở về nhà, cùng cha mẹ bà con vui hưởng thỏa thích. Anh khoe khoang với mọi người:

– Của báu tôi tìm được đáng giá bằng mấy ức, giờ đây ta sẽ cưới con gái nhà giàu sang. Nàng ấy là người trẻ tuổi khỏe mạnh, không mập, không ốm, không đen, không trắng, hội đủ nét dễ thương của người con gái, vốn đã xinh đẹp, sắc mặt như hoa đào, lại thêm trang điểm thân mình bằng phấn sáp, hương hoa.

Cả ngày vợ chồng quán quýt vui chơi không rời nhau. Ăn uống toàn những thức ngon, mỗi ngày đều đổi món, giết hại sinh vật nhiều không thể tính kể. Mặc tình buông lung thỏa thích hơn các bạn

cùng trang lú. Thế rồi, cô vợ ngã bệnh nặng liền qua đời, thấy vợ qua đời, tâm anh ta hoảng loạn, hóa ra điên dại chạy khắp hang cùng ngõ hẻm, vừa đi vừa oán trách rằng:

– Sao mà khổ đến thế? Thần chết không có lòng nhân đạo đã giết chết vợ ta. Cả đến bà con cũng mang lòng ganh ghét ta, ai nấy đều có ý muốn chiếm đoạt vợ ta, nhưng sợ bề chuyện nên đã âm mưu hãm hại vợ ta.

Anh ta cứ ngày ngày oán trách như thế không thôi.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn trong sạch không chút tì vết, Ngài thấy chàng trai ấy oán than trách mắng, đi khắp hang cùng ngõ hẻm với tâm ý mê muội, không còn biết đâu là lẽ chân chính. Khi ấy Đức Thế Tôn muốn hiển bày ý nghĩa ấy, tìm xét đến ngọn nguồn, thị hiện ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, các Đức Như Lai đã nói chắc điều ấy, nên Đức Thế Tôn nói chắc lại điều ấy ở trước đại chúng bằng bài kệ như sau:

*Người tham đắm ái dục
Quen làm việc phi pháp
Không nghĩ cái chết đến
Tưởng mình sống lâu dài.*

Bấy giờ, mọi người trong chúng hội nghe kệ ấy

xong, đều đạt được mắt pháp thanh tịnh, dứt sạch các bụi nhơ.



*Người ngu bị tham trói
Không cầu đến bờ kia
Vì tham tiền, tham sắc
Vừa hại người, hại mình.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một vị trưởng giả tên Nan-đà, có nhiều tài sản vật báu như: vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã nã, san hô, hổ phách, voi ngựa, xe cộ, kẻ ăn người ở, y phục, ruộng vườn nhiều không kể xiết. Ông là người giàu có nhất nước, không còn ai hơn. Dù sống trong sự vinh hoa giàu sang thế ấy, nhưng ông không có lòng tin mà còn tham tiếc ganh tị. Bảy lớp cổng lớn cửa nhỏ đều cho người canh gác cẩn thận, có ai đến không thể bừa bãi cho vào trong sân. Phía trên thì ông cho trùm lưới sắt, không cho chim chóc bay vào ăn lúa thóc. Dưới bốn phía chân tường thì ông cho trát vữa, phòng ngựa chuột bọ đào hang vào cắn phá đồ đạc.

Nhưng rồi con vô thường cũng đến với trưởng giả. Ông chỉ có một người con trai duy nhất là Chiên-đàn Hương, liền gọi nó đến dạy rằng:

— Nay cha đau nặng chắc không qua khỏi! Sau khi ta chết, tất cả của cải bảy báu chớ tiêu xài

hoang phí, dùng cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn. Nếu họ có đến khát thực thì chớ cho một đồng xu nào hết, tiền của báu vật này nuôi đến bảy đời cha mẹ.

Dạy bảo xong những lời ấy thì trưởng giả qua đời, thần thức liền thác sinh vào bụng người đàn bà mù dòng Chiên-đà-la trong thành Xá-vệ. Tám, chín tháng sau bà sinh một đứa bé cũng mù bẩm sinh. Người hàng xóm hỏi sinh trai hay sinh gái? Bà đáp là con trai. Bà mẹ nghĩ rằng ta bị mù lòa, sinh con trai thì nó sẽ giúp đỡ, nuôi dưỡng ta sau này. Người hàng xóm bảo rằng dù con trai nhưng hai mắt nó lại mù. Nghe vậy, bà mẹ đau khổ gấp bội, khóc than thảm thiết, nói:

– Ta mù con cũng mù, cả hai không có mắt, gặp đứa thua thiệt này, ta càng đau khổ thêm.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn đang cùng thị giả A-nan đang đi kinh hành ngoài cửa tinh xá Kỳ hoàn. Đức Thế Tôn đưa tay chỉ, nói rằng:

– Tai họa, tai họa! Lúc ấy A-nan chấp tay, quỳ thẳng bạch Phật:

– Vừa rồi Đức Thế Tôn nói tai họa, là vì duyên cớ gì, con muốn được nghe.

Đức Phật bảo A-nan:

– Thầy có nghe trong thành Xá-vệ có vị trưởng giả Nan-đà không?

A-nan bạch Phật:

– Trong thành Xá-vệ có vị trưởng giả ấy, nhưng ông ta qua đời đã lâu rồi.

Đức Thế Tôn nói:

– Thần thức ông ấy đã trở về trong thành Xá-vệ, làm con của người dòng Chiên-đà-la, khi sinh ra hai mắt đã mù. Gia nghiệp ngày trước giàu có vô kể, nay xem ra thì nó vẫn còn đầy, nào voi ngựa bảy báu không kể xiết, nhưng ông lại có tâm tham tiếc, ganh ghét, cho nên ta nói đó là tai họa.

Ngài A-nan bạch Phật bằng bài kệ:

*Sinh tử thật đáng sợ
Huyễn hóa không chân thật
Có thành thì có bại
Người trí ai lại vui.*

Lúc ấy, bà mẹ mù nuôi đứa nhỏ đến tám chín tuổi, nó đã đi xin ăn được, bà đưa cho nó một cây gậy, một đồ đựng thức ăn và bảo:

– Ta đã nuôi con khôn lớn, nay con đi đây đó được rồi thì nên tự đi kiếm sống, không nên ngồi ở đây, không nên ở đây. Mẹ cũng mù lòa, vì ta tuy mù mắt vẫn phải đi xin để nuôi sống.

Bảy giờ thẳng bé đi xin ăn từng nhà, lần hồi đến nhà trưởng giả Chiên-đàn Hương. Nó đứng ngoài cửa nói bài kệ:

*Đã bị đói ép ngặt
Lại còn đui mù nữa
Các khổ không manh mối*

Ai thương xin bố thí.

Người giữ cửa nghe lời than ấy nổi giận dùng đòn, liền bước đến nắm tay đứa bé quăng xuống hố sâu. Nó bị thương vai trái, lại bị đánh bẻ đầu. Những đồ ăn xin được văng tung tóe dưới đất. Lúc ấy, có người đến cạnh hố thấy vậy rất thương xót, liền đến nhà bà mẹ mù của đứa bé nói:

– Con bà bị tên giữ cửa đánh rất khổ sở, rách vai, bẻ đầu, đau đớn không thể chịu nổi.

Nghe vậy, bà mẹ liền chống gậy quờ quạng đến chỗ đứa con mù ẵm nó đặt trên đùi, rồi nói bài kệ rằng:

*Con có tội lỗi gì
Hãy mau nói ra đi
Ai đã đánh con tôi
Gây ra đau thương này?*

Đứa bé đáp rằng:

*Vừa rồi con đi xin
Đến nhà Chiên-đàn nợ
Mới vừa đứng ngoài cửa
Đã gặp tay hung bạo.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thương xót chúng sinh như cha mẹ thương con, nên Ngài khởi tâm Đại bi muốn cứu giúp kẻ khốn khổ. Thế nên sau khi ăn trưa xong, Ngài đắp y trang nghiêm, dẫn đầu các Tỳ-kheo đi vào thành Xá-vệ, đến ngoài cổng nhà trưởng giả Chiên-đàn. Lúc ấy, các trưởng giả

và dân chúng trong thành thấy Như Lai vào thành không đúng thời, họ nghĩ: “Chắc có duyên có chi đây, hoặc là ngài nói về việc quá khứ hiện tại tương lai”, họ liền đi theo sau Như Lai, cùng đến trước cửa nhà trưởng giả Chiên-đàn, tới chỗ đưa bé mù. Trưởng giả Chiên-đàn Hương nghe tin Như Lai đến liền ra ngoài cửa, trán lạy sát chân Phật, rồi đứng một bên. Lúc ấy Đức Thế Tôn thấy đại chúng đã nhóm họp, lại thấy trưởng giả Chiên-đàn đứng ở ngoài cửa nên Đức Phật lại giảng nói về tham tiếc, ganh tị chịu vô lượng tội. Ngài lại nói về bố thí được phước báu vô lượng. Ngài muốn cho họ lìa khỏi nghiệp, không còn đắm mê ba cõi, chỉ nẻo Niết-bàn, hướng về đạo vô vi.

Bấy giờ, Đức Phật hỏi đứa bé:

– Người có phải Nan-đà chăng?

Đứa bé đáp:

– Con thật là Nan-đà.

Đức Phật hỏi lại:

– Người có phải Nan-đà chăng?

Nó liền nói:

– Con thật là Nan-đà.

Người trong thành nghe chuyện Đức Phật và đứa bé hỏi đáp như vậy, ai cũng ngạc nhiên, vì sao trưởng giả Nan-đà mà có thân hình như vậy?

Lúc ấy Đức Thế Tôn muốn cứu khổ địa ngục cho trưởng giả Chiên-đàn, nên Ngài dạy phải dứt

bỏ tâm tham tiếc mà tạo ruộng phước. Đức Phật bảo Chiên-đàn Hương bằng bài kệ:

*Xưa cha, nay Nan-đà
Tham tiếc tự trói mình
Vốn không làm việc lành
Gặp các nỗi khổ này.
Giả như giờ chết đi
Sẽ đọa ngục Vô trạch
Là nhà giam kẻ ác
Bị duyên xưa trói buộc.*

Khi ấy trưởng giả Chiên-đàn buồn khóc rơi lệ không kiềm chế được, trán lạy sát chân Phật mà bạch:

– Cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót cứu vớt tội căn, mong được phước thừa của Như Lai. Con kính thỉnh cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Cúi xin Thế Tôn nạ thọ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh cầu của trưởng giả.

Sáng hôm sau, Đức Thế Tôn đáp y, ôm cầm bát, dẫn đầu đoàn các Tỳ-kheo đến nhà vị trưởng giả kia, mỗi Tỳ-kheo đều ngồi theo thứ lớp. Chính tay trưởng giả lấy nước cho Đức Phật rửa tay rồi dâng cơm. Sau khi Đức Phật và đại chúng thọ thực xong, trưởng giả đem nước sạch đến để Đức Phật và đại chúng rửa tay, rồi ông đặt một cái ghế nhỏ và ngồi trước mặt Như Lai để nghe pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng phương tiện quyền xảo, lần lượt nói các pháp mầu nhiệm cho trưởng giả nghe, hoặc luận giảng về tạng sâu kín của Như Lai như luận về bố thí, luận về giữ giới, luận về phước sinh Thiên, luận về dục, bất tịnh, hành dâm là nhơ bẩn. Đức Phật cứ như thế mà giảng nói các pháp không thể suy nghĩ bàn luận.

Trưởng giả ngay nơi chỗ ngồi các phiền não đều tan biến, được mắt pháp thanh tịnh pháp nhãn. Trưởng giả tự xét thấy mình đắc pháp, thấy pháp, phân biệt rõ các pháp, không còn sợ hãi, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đánh lễ dưới chân Đức Phật, bạch:

— Giờ đây con xin Như Lai cho con thọ Tam tự quy, quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay trở đi, con xin được phép làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không còn sát sinh. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn quở trách trưởng giả Nan-đà, Ngài bèn nói bài kệ:

*Kẻ ngu tan tiền của
Cũng không phải vì mình,
Kẻ ngu tham tiền của
Tự đắm chìm thành ngục.
Tham như vậy vô ích
Nên biết si sinh tham
Ngu vì thế hại hiền,
Như thủ lĩnh chiếm đất.*

Kẻ ngu tan tiền của: Đã hết, đã diệt, không sót

thứ gì. Cho nên nói tan tiền của. Kẻ ngu không có trí tuệ, không có sự giác biết, nên họ chứa nhóm của cải, không dám tiêu xài, cũng không bố thí cho ai. Người ngu trong những người ngu thì không ai ngu hơn kẻ ấy. Người ta có tiền của thì bố thí kẻ khác hoặc tự mình ăn xài, nhưng ông trưởng giả này thì chính mình không dám ăn xài, cũng không cho ai bao giờ. Tự không vì mình chính là tham tiếc ganh tị. Nó trói chặt tâm, không tài nào gỡ nổi, cũng không thể tự mình hành động được. Kẻ ngu tham lam tài vật, tâm ái bị đắm nhiễm, không thể lìa bỏ. Cho nên: Người trí bỏ dục để giữ sự vắng lặng. Vì thế nên nói:

*Tham như vậy vô ích
Nên biết si sinh tham.
Ngu vì thế hại hiền
Như thủ lĩnh chiếm đất.*

Bấy giờ, mọi người trong hội nghe Đức Phật nói rồi, vui mừng mà lui.



*Trời mưa bảy báu
Vẫn muốn chưa vừa
Vui ít khổ nhiều
Biết rõ là khôn.*

Bài kệ này, ngày xưa Đức Phật nói cho vua Đảnh Sinh nghe. Lúc bấy giờ cung vua Đảnh Sinh trời mưa bảy báu suốt bảy ngày đêm, vua nhìn thấy

cảnh ấy nhưng tâm không biết thỏa mãn, không biết đủ. Kẻ tham dục thì khổ nhiều, vui ít. Lúc ấy vua Đánh Sinh dạo chơi trên cõi trời, hưởng năm thứ dục lạc cõi trời, dạo chơi khắp nơi, vui sướng vô cùng. Nhưng khi biết mình sắp chết, ông chịu khổ vô lượng. Người trí biết suy nghĩ nên luôn đề phòng chuyện chưa xảy ra. Cho nên nói: Biết rõ là người khôn.



*Dù dục cõi trời
Vẫn bỏ không tham
Vui là ân ái
Chính đệ tử Phật.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Ni-câu-loại, nước Ma-đầu-la. Lúc ấy, có một thầy Tỳ-kheo ngồi thiền trong tịnh thất, thân thể không nhúc nhích. Lại có một con rắn độc nằm khoanh tròn dưới giường. Thầy Tỳ-kheo đang bị cơn buồn ngủ ép ngặt nên thầy gục lên gục xuống. Con rắn độc thấy vậy nghĩ rằng: “Nếu người này nhìn thấy ta sẽ sợ hãi mà giết ta”. Con rắn liền cất mình lên phun nọc độc vào thầy Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Thầy Tỳ-kheo chết, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Các ngọc nữ cõi trời đều đến vây quanh hầu hạ. Vị vua trời này bảo:

— Các cô chớ đến gần ta. Nếu đến gần sẽ phạm giới cấm.

Các ngọc nữ nghĩ: “Tiền thân của vị trời này có lẽ là bậc Sa-môn, được sinh lên đây để hưởng phước báo cõi trời.”

Lúc ấy các Thiên nữ, mỗi người cầm một gương soi đưa ra phía trước. Nhìn qua gương, vị trời này thấy mình mặc áo nhà trời, đầu đội mũ trời. Vị trời tự nghĩ: “Than ôi, ta đã thay đổi hình dạng. Tại sao ta bỏ thân người mà sinh lên cõi trời này?” Ông buồn bã khóc lóc, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi qua các tầng trời, thấy những người hầu hạ theo sau, có người đẹp có người xấu. Cứ theo lối đi, ông đến khu vườn nọ, tới ngồi dưới một gốc cây. Ông ngồi ngay thẳng suy nghĩ, nhập vào chánh định. Lúc đó, từ ao nước có giống chim lạ, nhắm vào ông mà kêu tiếng buồn thảm, tiếng buồn vang xa, loại chim này có nhiều hình dáng màu sắc khác nhau. Muốn cầu thành đạo không thể được. Bảy giờ, vị trời này tuổi thọ đã hết, từ cõi trời Tam thập tam ông sinh trở lại cõi Diêm-phù-lợi, đến chỗ Đức Phật, lạy sát chân Phật, chấp tay hướng về Phật hỏi nghĩa bằng bài kệ:

*Thiên nữ đông đảo kia
Theo hầu có xấu, đẹp
Hậu viên, bị mê hoặc
Làm sao mà cứu vớt?*

Bạch Ngài, cuối cùng con chưa thấy được chân đế thì đã qua đời. Tuy sinh lên cõi trời hưởng phước báo cõi trời, hết phước thì sinh vào địa ngục

Thái sơn, cứ xoay vần thế ấy, không ngừng nghỉ. Hôm nay lâm vào đường cùng, không nơi hướng về, xin nương cậy vào lòng thương xót của Đức Như Lai. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng bài kệ đáp:

*Đạo là nhắm đường thẳng
Mới được gọi không sợ
Xe đi không trục trặc
Quán pháp mà thành tựu.*

Vị vua trời nghe Đức Phật nói, ngay tại chỗ ngồi bao nhiêu bụi nhơ phiền não đều tan hết, chứng được mắt pháp thanh tịnh. Ông vui mừng hơn hở không kiềm chế được, bèn đi bảy vòng quanh Phật, làm lễ rồi lui ra. Lúc ấy Đức Thế Tôn quán sát ý nghĩa này, thấu suốt ngọn ngành, muốn thị hiện ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, cũng khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian nên Đức Phật ở trước đại chúng nói bài kệ rằng:

*Dù dục cõi trời,
Vẫn bỏ không tham.
Vui là ân ái,
Chính đệ tử Phật.*

Bấy giờ, hội chúng nghe lời Phật dạy, vui mừng rồi lui.



*Các núi đều thành vàng
Giống như núi Thiết vi*

*Đó vẫn chưa thỏa mãn,
Chỉ Thánh nhân biết rõ.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn cũng nói bài kệ này cho vua Đảnh Sinh nghe. Người chưa cắt đứt ái dục thì ý cứ muốn xây thành quách nơi này xứ nọ, xong một cái lại muốn cái thứ hai. Ý tham không biết thỏa mãn. Vua Đảnh Sinh kia do tâm tham đắm nên núi lớn nhất trong các núi không núi nào hơn núi Thiết vi, đều hóa thành vàng đầy ngập thế giới đi nữa thì vẫn không thỏa mãn.



*Không xét cội nguồn khổ
Ái sinh sao cắt được?
Ái dục như mũi nhọn
Tinh tấn tu học giới.*

Không xét cội nguồn khổ, nghĩa là có các chúng sinh rong ruổi khắp nơi, trải bao hiểm nạn, hoặc cọp, sói, cướp, rắn độc, quỷ dữ, gai góc, chốn rừng sâu không dấu chân người qua lại, hoặc bị đao kiếm cắt, mổ. Có người ra biển gặp vô số tai nạn, như gió bão, sóng giạt, gãy cột buồm, thuyền to bị lủng. Hoặc gặp núi đen quỷ mị, trôi giạt vào cõi nước quỷ La-sát. Vì thế cho nên nói: Không xét cội nguồn khổ.

Ái sinh sao cắt được, nghĩa là do tham dục xoay vần sinh ra nhau.

Ái dục như mũi nhọn, nghĩa là kết sử cũng gọi

là mũi nhọn, thân bốn đại cũng gọi là mũi nhọn. Người ta bị hai mũi nhọn này đâm, không ra khỏi vòng sống chết, chịu các khổ não. Mũi nhọn cũng gọi là mũi nhọn ái dục, cũng gọi là mũi nhọn kiến chấp.

Tinh tấn tu học giới, nghĩa là tinh tấn là trí tuệ, giảng nói nghĩa sâu kín, bỏ sai lầm, trở về với chân chính, trí tuệ đầy đủ.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 5

Phẩm 3: Ái

*Người không tu chỉ quán
Dục nặng quán thanh tịnh
Càng tăng thêm yêu đắm
Trói buộc càng sâu chặt.*

Người không tu chỉ quán: Nếu có người không khéo quán sát sự đắm nhiễm nên thân tâm họ bị trói cột, không thể mở ra được. Đang trong hoàn cảnh ấy thì không thể suy nghĩ đến pháp lành, cho nên nói: Người không tu chỉ quán không thể đến với đạo.

Dục nặng quán thanh tịnh: Hoặc có chúng sinh đắm nhiễm ái dục chứ không đắm nhiễm kết sử, hoặc có người đắm nhiễm cả hai là kết sử và ái dục, hoặc có người không đắm nhiễm cả hai thứ ấy.

Tại sao chúng sinh đắm nhiễm ái dục mà không đắm nhiễm kết sử? Ấy là vì người này, từ đầu đã quen với ái dục, về sau không còn phạm. Đó là đắm nhiễm ái dục mà không đắm nhiễm kết sử. Lại có

người thường quen sống với kết sử, không xa lìa, đó gọi là quen đấm kết sử mà không đấm nhiễm ái dục.

– Thế nào là vừa đấm nhiễm kết sử mà cũng vừa đấm nhiễm ái dục? Là vì chúng sinh này vừa sống quen với ái dục và với kết sử, nên gọi là vừa sống quen với ái dục vừa quen sống với kết sử.

– Thế nào là không quen sống với ái dục cũng không quen sống với kết sử? Nghĩa là nếu có chúng sinh đã cắt đứt ái ân, không còn dính mắc phiền lụy ở đời, họ giữ không cho mình gần với phiền lụy. Lại có người từ đầu đến chân, luôn luôn dính mắc thân và mọi vật, từ bàn tay đẹp, hàm răng trắng, móng tay bóng, mái tóc mượt xanh biếc... Từ đó ham thích nó, say đắm không lìa bỏ được. Vì vậy, gốc ái dục càng tăng khiến sự trói buộc trở nên vững chắc thêm. Về bị các kết sử trói buộc, ở đây xin nói thí dụ để qua đó, người trí sẽ tự hiểu, như có người bị trói bằng hai sợi dây, một sợi bằng da, sợi kia bằng râu rồng. Khi anh này đến bên lửa nóng thì sợi dây da căng lên, còn sợi dây long tu thì giãn. Nếu anh này xuống nước thì sợi dây da giãn ra, sợi dây long tu căng ra. Người chưa cắt đứt ái dục cũng như vậy, bị trói bằng hai sợi dây. Hai sự trói buộc đó là gì? Đó là ái trói buộc, hai là kiến kết trói buộc. Có khi chúng sinh suy tư phép quán bất tịnh, thì dây ái giãn, dây kiến kết lại căng. Còn khi chúng sinh suy tư An ban thủ ý (*sổ tức quán*)

thì kiến kết giãn, ái kiến kết lại căng. Cho nên nói: Trói buộc càng sâu chặt.



*Nếu ai ưa chỉ quán,
Chuyên tâm quán bất tịnh,
Ái kia bị đứt trừ,
Như vậy kết sử diệt.*

Nếu ai ưa chỉ quán: Nếu có người không thích nghĩ đến các điều bất thiện mà chỉ suy nghĩ các điều thiện, thường gần gũi người tu học, không rời buộc niệm. Trước hết là tu quán bất tịnh, tự nhớ lại những gì mà trước đây mình ham thích như tóc lông răng móng, từ đầu đến chân, đều là cái của ta. Kế đó, suy nghĩ các thứ ấy đều là dơ uế, bất tịnh, cả ba mươi sáu vật trong thân đều không đáng tham đắm, phân biệt rõ ràng từng vật một, thì liền được bất tịnh quán thân, ý quán thân dừng, ý pháp trong ngoài.

Ái kia bị đứt trừ: Dùng trí tuệ trong sạch dứt bỏ hết ái nhiễm, suy nghĩ các thứ bất tịnh, liền dứt bỏ hết ái nhiễm, không còn bị nó trói buộc, dứt bỏ hẳn các kết sử, không bao giờ gần gũi nó nữa, cho nên nói: Như vậy kết sử diệt.



*Vì lười ái tự che
Vì màn ái tự phủ
Mặc tình trói trong ngục*

*Như cá chui vào rọ
Bị già chết rình rập
Như ghé đeo vú mẹ.*

Vì lưới ái tự che: Cái lưới bao trùm mắt người, làm trí tối, không sáng suốt, không thể ra khỏi luân hồi, đạt đạo vô vi. Khi bị lưới bao trùm thì không thể chuyên tâm suy nghĩ vì đã bị lưới vô minh che kín.

Vì màn ái tự phủ: Bị trói chặt trong ái, không có ngày ra. Như lửa than hừng bị vùi dưới tro, người không thấy nên dậm đạp lên, khi bị phỏng chân mới biết, người bị ái dục bao trùm cũng như vậy. Như chiếc grom bén đẽ ngựa lên, người không có mắt, đưa tay chụp lấy thì bị chảy máu tay. Các loài chúng sinh cũng giống như thế. Họ bị ái kết che kín nên không còn thấy được pháp thiện, bất thiện. Từ đó, sinh khởi lo buồn khổ não, trôi lăn trong vòng sống chết, không ra khỏi năm đường, cho nên nói: Vì màn ái tự phủ.

Mặc tình trói trong ngục: Có các chúng sinh cứ mặc tình buông lung, sông trái chánh giáo, nên bị ái trói cột. Nếu không còn buông lung thì liền ra khỏi sự trói cột ấy.

Như cá chui vào rọ: Như người chài lưới tung lưới bắt cá, khi cá vướng vào lưới thì hết đường ra. Chúng sinh ham ái dục cũng như vậy. Họ không làm pháp lành, làm những điều ô trược, bất chính.

Khi Đức Như Lai nói pháp, giữa hội chúng cũng có những người như cá chui vào rọ, không có lúc nào ra khỏi. Các loài chúng sinh ham mê ái dục cũng như vậy. Họ bị ái kết quán chặt, nên không thể đến được đạo Niết-bàn vô vi.

Lúc ấy, những người chài lưới nghe lời Phật nói, họ đều kinh ngạc, vì họ có cảm giác rằng Như Lai nói pháp không phải cho ai khác mà cho chính họ. Ai nấy đều ăn năn trách mình, sửa đổi cuộc sống, rèn luyện tu tập không làm ác nữa, cho nên nói: Như cá chui vào rọ.

Pháp mà chư Phật thường nói là để dẫn dắt những chúng sinh có duyên, chứ không phải là nêu nghĩa suông. Cũng như thầy thuốc trước xét nguyên do căn bệnh, rồi sau mới bốc thuốc. Thầy thuốc xem bệnh nặng hay nhẹ qua hình tướng, sắc mặt, màu da rồi mới cho thuốc. Thuốc mà ông đưa không thêm, không bớt, mà là tùy theo căn bệnh. Tại sao vậy? Vì e không cho đúng thuốc thì bệnh không khỏi. Chư Phật, Thế Tôn nói pháp cho chúng sinh nghe cũng như vậy, các Ngài xem xét tâm ý mà mọi người hướng đến, biết họ mắc bệnh nặng hay nhẹ, rồi mới nói pháp, khiến tâm họ được mở tỏ. Các Ngài không giảm bớt, chỉ nhằm vào những điều cốt yếu mà nói, để dứt trừ tất cả kết sử. Đức Phật xem xét tâm chúng sinh, nếu cần một bài kệ thì nói một bài kệ. Nếu họ cần năm câu thì nói năm câu. Nếu họ cần một câu, nửa câu thì nói một

câu, nửa câu.

Lúc ấy Đức Phật xem xét tâm người chài lưới nên nói bài kệ đó. Đối với những người sống tự do buông lung thì Ngài nói cho họ là cái già chết đang rình rập họ, như trâu nghé cứ tìm bám vú trâu mẹ, như nghé mới được xỏ lòng tâm nó không bao giờ rời mẹ. Chúng sinh cũng như vậy, họ bị già chết đuổi theo mãi như bóng đi theo hình. Nếu chúng sinh căn tánh bén nhạy, khéo quán sát rõ ràng thì họ ngộ sẽ thoát khỏi mọi khổ não, làm cho gốc lành thêm lớn mạnh. Còn những chúng sinh căn tánh chậm lụt, không biết quán xét thì không thành công điều gì, cho nên nói: Bị già chết rình rập, như nghé đeo vú mẹ.



*Người tâm ý buông lung
Giống như cây Ma-lâu
Đi khắp mọi nơi chốn
Như vợ n chuyen kiem trai.*

Người tâm ý buông lung: Hàng Sát-đế-lợi, trưởng giả, cư sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, đồng niên, thanh niên, trung niên đến già cả, những ai chưa đạt đạo để tâm ý buông lung, làm cho gốc rễ ái dục thêm lớn, như cây Ma-lâu, khi cây này mới lớn thì nó đã bị dây leo quấn chằng chịt nên khi cao lớn thì nó bị khô chết. Người có tâm ái dục cũng như vậy, tâm ái dục này đốt cháy hết gốc rễ

chúng sinh, cho nên nói: Giống như cây Ma-lâu.

Đi khắp mọi nơi chốn: Trôi lăn trong năm đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... như bánh xe quay, cho nên nói: Đi khắp mọi nơi chốn.

Như vượn chuyền kiếm trái: Khi, vượn đi tìm hái trái cây, nó chuyền cây này qua cây khác, đi từ khu rừng này đến khu rừng nọ, cho nên nói: Như vượn chuyền kiếm trái.



*Từ ái dục đượm nhuần
 Tư tưởng sinh lan tràn
 Ái dục sâu không đáy
 Già chết lại càng thêm.*

Từ ái dục đượm nhuần: Dòng chảy tràn của ái dục như mạch suối phun. Các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhớ lại vốn đã tạo ra năm thứ dục lạc vui chơi, cho nên nói: Từ ái dục đượm nhuần. Thứ đượm nhuần của bơ, dầu, mỡ không gọi là đượm nhuần vì những sự đượm nước ướt ấy có thể trừ sạch bằng cách lấy tro, đất chà bỏ đi. Còn chất đượm ướt của ái dục thì chỉ có Đức Phật, Thế Tôn ra đời mới khả năng cắt đứt nó được bằng dao trí tuệ. Cho nên nói: Từ ái dục đượm nhuần.

Tư tưởng sinh lan tràn: Sự hừng hực của lửa nóng cũng không hơn tư tưởng. Lửa gây phỏng lở có thể chữa trị, bị cháy bởi lửa tư tưởng thì không thể chữa trị được. Nếu ai giết cha mẹ, ăn trộm, dâm

dật gây ra các tội lỗi thì dù chư Phật, Thế Tôn cũng không chữa trị được, cho nên nói: Tư tưởng sinh lan tràn.

Già chết lại càng thêm: Đời sống có thân ắt phải lo buồn về thân. Già có bốn trăm lẻ bốn bệnh đau nhức. Chết thì có gió độc làm hại, cho nên nói: Già chết lại càng thêm.



*Chúng sinh quẩn trong ái
Như thỏ bị mắc bẫy
Bị kết sử quẩn chặt
Luôn luôn chịu khổ não.*

Chúng sinh quẩn trong ái: Ái dục là kẻ dẫn đường đi trước dẫn dắt chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, không ra khỏi ba cõi.

Như thỏ bị mắc bẫy: Bị mắc vào lưới, thỏ nhảy lung tung nhưng không có lối thoát. Chúng sinh cũng như vậy, họ bị ái dục làm mê hoặc trôi lăn trong sinh tử, lên xuống khắp năm đường, chìm sâu trong bốn dòng.

Bị kết sử quẩn chặt: Chúng sinh bị lưới ái dục trói chặt, không thể thoát khỏi vòng sống chết.

Người ngu chịu khổ; thân, miệng, ý của họ hành động không chân chánh, không phân biệt thiện ác, thọ thân trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên nói: Luôn luôn chịu khổ não.



*Chúng sinh bị ái khiến
Đắm nhiễm trong ba cõi
Tìm cách cầu giải thoát
Quyền biến mới thoát được.*

Chúng sinh bị ái khiến: Bị ái dục sai khiến, bị kết sử buộc ràng, cho nên nói: Chúng sinh bị ái khiến.

Đắm nhiễm trong ba cõi: Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

Tìm cách cầu giải thoát: Thế nào là tìm cách? Vì chúng sinh bị ái dục sai khiến, bị nghiệp sai khiến, vô minh sai khiến, tà kiến sai khiến, cứ thế chúng sinh đắm nhiễm các sử, làm sao thoát khỏi khổ não sinh tử? Giống như có hai con trâu cùng bị cột vào một cái ách, có người theo sau quất roi thì làm sao không kéo nặng đi tới cho được? Chúng sinh cũng lại như vậy. Bốn dòng là sức nặng, bị gài cứng trong bốn ách đó, thì làm sao thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết được?

Quyền biến mới thoát được: Phải tìm cách, đang sống chung với cha mẹ, anh em, bà con, nhưng khi cái chết đến thì chia lìa nhau, cho nên nói sinh, già, bệnh, chết ép ngặt, phải khéo tìm cách thoát ra. Các chúng sinh chưa dứt hết ái dục thì mãi mãi họ bị sinh, già, bệnh, chết đuổi theo sau. Người đã hết ái dục thì không còn sinh, già, bệnh, chết nữa, cho nên nói: Quyền biến mới thoát

được sinh, già, bệnh, chết.



*Nếu diệt được ái kia
Ba cõi không còn ái
Tỳ-kheo đã dứt ái
Vắng lặng vào Niết-bàn.*

Nếu diệt được ái kia: Ái là căn bệnh khiến mọi thứ khổ nhóm họp lại. Nếu diệt được ái dục thì trời, người đều khen ngợi, cho nên nói: Nếu diệt được ái kia.

Ba cõi không còn ái: Đã dứt hết ái, dứt hết nhiệt, dứt hết các não, dứt hết buồn lo. Ba cõi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cho nên nói: Ba cõi không còn ái.

Tỳ-kheo đã dứt ái: Các chúng sinh bị ái dục ràng rịt, bó buộc, lôi kéo, Tỳ-kheo phá mọi kết sử nên gọi là Tỳ-kheo. Người đắp y, ôm bát cũng gọi là Tỳ-kheo, cho nên nói: Tỳ-kheo đã dứt ái.

Vắng lặng vào Niết-bàn: Niết-bàn không có nơi chốn. Không có cảm thọ, không còn tư tưởng dính mắc, nên gọi là vào Niết-bàn. Niết-bàn không có hình bóng kết sử, cũng không có hình bóng của sự tái sinh, cho nên nói: Vắng lặng vào Niết-bàn.



*Vì ái cam chịu khổ
Tham dục đắm thế gian
Sâu lo ngày đêm dài*

Như cỏ dại bò lan.

Vì ái cam chịu khổ: Các chúng sinh tâm thú hướng về đâu thì không thể lìa bỏ, có nhiều thứ họa hại, không thứ gì không đắm nhiễm, cho nên nói: Vì ái cam chịu khổ.

Tham dục đắm thế gian: Khó bỏ khó lìa, ôm ấp mãi, không quên thế gian. Năm ấm cũng gọi là thế gian. Cảm thọ lấy lòng, cũng gọi là thế gian, cho nên nói: Tham dục đắm thế gian.

Sâu lo ngày đêm dài: Thường có lo buồn tai họa, có phiền não nóng bức, có bệnh tật, ở đây nêu thí dụ đề qua đó, người trí nhờ thí dụ mà tự hiểu.

Như cỏ dại bò lan: Ngày càng bò lan ra như cỏ dại.



*Người bị ân ái lừa
Không thể bỏ tình dục
Nhiều ái dục, buồn lo
Như nước đầy mặt ao.*

Người bị ân ái lừa: Ngục tù ân ái cứng chắc, nhiều kiếp không hư hoại, nó tiềm ẩn trong tâm thức không bao giờ lìa bỏ. Vì ân ái này nên không thể vượt thứ lớp chứng quả. Hễ đắm nhiễm ân ái thì không thể trở lại, không thể chế ngự, giữ gìn hay tiêu diệt nó được, cho nên nói: Người bị ân ái lừa.

Nhiều ái dục buồn lo: Do ân ái này mà các khổ

não thêm nhiều, thấm sâu vào xương tủy. Như dòng nước chảy đổ trút xuống ao, cũng như hoa sen không thấm nước. Việc này cũng như vậy, ân ái trói buộc, tâm ôm ấp mãi. Lấy nước giải thoát để gột sạch tâm ái kia thì khôn thay, tâm ấy không chịu dính nước. Cho nên nói: Như nước đầy mặt ao.



*Các hiền, giờ Ta nói:
Cả chúng hội đều nghe
Cùng nhỏ bỏ gốc ái
Như chọn vị Tế tân
Đã nhỏ bỏ gốc ái
Còn gì mà lo sợ.*

Các hiền, giờ Ta nói: Ta chỉ cho Như Lai, là Bạc Nhất Thiết Trí, đầy đủ ba đạt, sáu thông, các tướng tốt, phân biệt rõ các pháp. Các hiền là chỉ cho đại chúng, các vị này đã đầy đủ các pháp mà các bậc Thánh hiền đã thực hành. Bạc Nhân hiền này đã ra khỏi ba cõi, những gì cần làm đã làm xong, cho nên nói: Các hiền.

Cả chúng hội đều nghe: Chúng hội chỉ cho hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đều nhóm họp một nơi suy nghĩ cội gốc các pháp. Những điều mà tâm mong mỏi đều được như nguyện, cho nên nói: Chúng hội đều nghe.

Cùng nhờ bỏ gốc ái: Vô minh là gì? Như đã nói, là những ai hướng về năm đường, từ đời này đến đời sau do vô minh là cội gốc, đều do tham dục sinh ra. Lại có chỗ nói: Trước có tâm ngu si sau đó mới sinh ái nhiễm, đắm trước, cho nên nói: Cùng nhờ bỏ gốc ái.

Như chọn vị Tế tân: Sở dĩ nói chọn vị Tế tân là có hai nguyên nhân: Một là nó chữa bệnh, hai là dễ mua bán. Suy nghĩ chọn kỹ thứ tốt mới lấy để trị bệnh và bán có lời nhiều. Người tu hành cũng như vậy. Cội rễ ái dục rất cứng chắc ăn sâu, phải dùng trí tuệ để phân biệt, tu hành phải làm. Chúng sinh liền được giáo hóa, nhờ đó mà thành tựu. Nhờ hết gốc rễ ái dục thì chứng quả A-la-hán, cho nên nói: Như chọn vị Tế tân.

Đã nhờ bỏ gốc ái: Gốc ái chỉ cho các kết sử khác ngoài cảnh lá vô minh, nên gọi là gốc ái.

Còn gì mà lo sợ: Hễ có lo là có sợ, nay không có lo thì còn sợ thứ gì? Lo buồn chỉ có ở cõi Dục mà không có ở cõi Sắc và Vô sắc? Vì sao? Trả lời: Vì tánh chất hai cõi kia là không có lo buồn. Sở dĩ sinh ra lo buồn là vì có cha mẹ, đất nước, thành quách, vợ con, tôi tớ, kẻ ăn người ở, thóc lúa, ruộng nhà, tiền của, các gia nghiệp này đều là đầu mối của lo buồn, nếu hoàn toàn không có các thứ ấy thì không có lo buồn, cho nên nói: Nhờ bỏ gốc ái.



Có ái nên có chết
Gây ra nhiều thân thuộc
Bước trên đường lo dài
Khổ ái thường mang ách.
Vì người tu hành
Không gần người tục
Trước chặt gốc ái
Đừng cho rễ bám
Chớ như cắt cỏ
Làm ái mọc lại.

Có ái nên có chết: Như chúng sinh chưa dứt bỏ ái dục, còn đầy đủ các kết sử, ái dục nằm trong ấy, cho nên nói: hễ chúng sinh nào tham cầu không thỏa mãn thì đều do tâm ái. Muốn sinh trong ba cõi cũng bởi tâm ái, ý tham đắm vợ con, tài sản đều do tâm ái, cho nên nói: còn ái nên có chết, gây ra nhiều thân thuộc.

Bước trên đường lo dài: Những gì đã qua không thể tìm lại. Các chúng sinh trôi lăn trong năm đường: sinh tử, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chết nơi này sinh nơi khác, thân nương bốn đại bị ái kết ràng buộc, cho nên nói: Bước trên đường lo dài.

Khổ ái thường mang ách: Chịu thân hình từ bào thai này sang bào thai khác mãi mãi như vậy. Sống trong bào thai nóng bức, xung quanh là phân dơ bẩn hôi thối bất tịnh, thế mà cứ chui vào bào thai mãi, không hề biết nhàm chán, không hề biết

hồ thẹn, cho nên nói: Phải dùng cách thức khôn khéo tu đạo, không gần người thế tục. Thường thường nghĩa là đời đời qua lại không dứt, sinh ở nơi này, chết ở nơi khác. Đời này nghĩa là thân hiện tại này, đời kia là sinh vào đường khác. Đời này là thân người này, đời kia là năm đường. Cho nên nói: Trước chặt gốc ái, đừng cho rễ bám.

Thường ở trong năm đường, sinh vào năm đường lại có nặng nhẹ. Có phước là nhẹ, không phước là nặng. Dù có nặng, nhẹ nhưng không có gì hơn là có đạo. Trung đạo vô vi thì không có nặng nhẹ, không còn sinh hay diệt, dính mắc hay cắt đứt, không còn ai mong trở lại con đường dơ uế kia nữa.

Chớ như cắt cỏ, vì là cắt ngọn, nên cắt xong chúng lại mọc lên mạnh mẽ mãi mãi không chết.



*Vô dục, không lo sợ
Thảnh thơi không buồn rầu
Dứt dục, kết sử hết
Ra hỷ vực luân hồi.*

Vô dục, không lo sợ: Bạc Thánh đã thoát khỏi ái dục nên không còn sợ sệt, lo buồn, được thảnh thơi, cho nên nói: Vô dục, không lo sợ.

Thảnh thơi không buồn rầu: Khi đã dứt hẳn các ái dục, không còn dư sót, nếu có chúng sinh nào không thể lìa bỏ ái dục thì giống như dòng sông chảy miệt mài ra biển không kể ngày đêm.

Cho nên nói: Thanh thời không buồn rầu. Vì đã dập tắt hết ái dục nên danh cũng mất, thể cũng hết, không còn gốc rễ.

Dục dứt trừ, kết sử mở, vĩnh viễn khỏi vực luân hồi, không còn sinh trở lại chốn phiền muộn nữa, vừa là hành động không tạo tác, vừa là chẳng phải hành động, không tạo tác, cho nên nói: Ra hẳn vực luân hồi.



*Các trời và loài người
Nương vào ái mà sống
Ái đâu, kết sử đó
Thời gian trôi không ngừng
Ngày qua lại sinh lo
Vào ngục mới tự biết.*

Các trời và loài người: Vì sao lại nói trời và người? Bởi cả hai đều bị ái dục sai khiến. Nếu sinh làm trời thì được cung nữ hầu hạ, vui thú với nhau, đến nỗi ngó phía Đông thì quên phía Tây. Còn nếu sinh làm người thì đảm nhiệm nhiều thứ. Lo nuôi vợ con lòng không lìa bỏ. Nếu đọa vào địa ngục, chịu các khổ não thì không còn tâm ái. Còn ngựa quỉ, súc sinh tuy có tâm ái nhưng nhỏ nhặt, không đáng nói. Chỉ có trời và người là tâm ái nặng nhất, cho nên nói: Các trời và loài người.

Nương vào ái mà sống: Chúng sinh nương tựa vào ái dục mà sống ô nhiễm, tức cùng sống chung

với ái, cho nên nói: Nương vào ái mà sống.

Ái đâu, kết sử đó: Như có người muốn qua sông biển, nếu người dẫn đường đúng thì kẻ đi theo cũng đúng, ái cũng như vậy, nếu đọa vào ba đường ác thì kết sử cũng đi theo, cho nên nói: Ái đâu, kết sử đó.

Thời gian trôi không ngừng: Trong khoảng một thời gian sinh vào chôn nhân gian, nơi kinh đô đất đai bằng phẳng thì gieo được nhiều căn lành, không có núi sông, vách đá, sản sinh ra nhiều vật quý lạ, có lòng tin vững chắc với Phật pháp, có tâm suy nghĩ, xót thương mọi loài, gieo trồng cội gốc công đức, chư Phật ra đời làm hưng thịnh đất nước ấy. Dù sống nơi thành thị cũng trở thành quá khứ, không thể sống mãi được, cho nên nói: Thời gian trôi không dừng.

Ngày qua lại sinh lo: Đó là nơi biên giới, sinh sau thời Phật, ở vào tám nơi không yên ổn. Truy tìm gốc ngọn, tự thẹn, không được sinh vào nơi có Phật pháp lưu hành, bèn sinh ra lo buồn khổ não, đầm ngực kêu la khi nhớ đến những việc trôi qua, cho nên nói: Ngày qua lại sinh lo.

Vào ngục mới tự biết: Than ôi! Già khổ, khi còn ở nhân gian, chúng ta nghe nói người học đạo tu thiện được phước, làm ác thì đọa vào địa ngục. Kẻ quen sống với tâm ái thì tự gieo rắc bệnh khổ trong ba cõi. Các vị Sa-môn cũng nói: Ai giữ năm

giới cấm, tu mười điều lành sẽ được sinh lên cõi trời hay sinh vào cõi người, chúng ta ngu si, không nghe theo lời dạy ấy, nên ngày nay phải vào địa ngục chịu các khổ não, nào núi đao rừng kiếm, xe lửa lò than, tất cả đều do tâm ái dục mà ra, cho nên nói: Vào ngục mới tự biết.



*Theo dòng ái không dừng
Thân bị lưới dục trùm
Cảnh nhánh thêm đỏi khát
Càng chịu khổ thêm nhiều.*

Theo dòng ái không dừng: Thế nào là theo? Nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, người, trời đều theo với ái. Đời sau, khi có thân thì ái đã vào, cũng duyên theo cảnh giới mà muôn pháp từ đó sinh ra. Cho nên gọi là theo. Dòng ái trôi giống như dòng sông chảy về biển. Dòng ái trôi cũng như vậy. Nó làm chảy ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên nói dòng ái. Không dừng thì cũng như hạt lúa giống, khi gieo xuống đất thì nó biến đổi theo thời tiết, tưới bón, nảy mầm, lớn lên. Hạt giống ái cũng như vậy. Nó đầy khắp thân người, theo thời gian chuyển biến tăng thêm các bất thiện căn. Ái dục không trụ trong ba cõi mà trôi lăn trong tứ sinh, bốn ba trong năm đường, cho nên nói là không dừng. Thân này (ám căn) là thân năm ấm lầy lù, sâu chắc khó lay động. Như nói thân này là gốc của si mê, vô thường, khổ, không, vô ngã cũng chính

là nó cho nên gọi là Âm căn. Còn dục thì có hai thứ: Trên thì trên tận mé không, dưới thì khắp cả các cảnh giới trong mười phương các cõi nơi nào cũng có dục. Loại thứ hai là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh duyên với dục, không thể dứt bỏ, nên gọi là dục.

Lưới trùm thì giống như người ta dùng lưới giăng bắt chim, hay dùng bẫy để bắt nai, hay đào hố sâu bắt hổ. Nếu chim thú nào gặp các nạn ấy thì không thể nào thoát được. Chúng sinh cũng như thế. Khi họ bị lưới dục phủ trùm thì không còn thấy thiện, ác. Ý thường ham thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Khi bị ái quán chặt, thì không thể lìa bỏ. Những ai bị rơi vào lưới ái thì chánh đạo hư hoại, không đến chỗ rốt ráo. Cho nên nói: Lưới ái bao trùm như dây leo quán chằng chịt vào cây tới ngọn, làm cho cây khô héo. Ái cũng như thế. Nó tràn ngập thân người từ đầu đến chân, không chừa trống chỗ nào. Như người bị lọt xuống hầm phân thì cả thân mình họ đều bị dính dơ. Người hiểu biết muốn cứu giúp họ, thì y nhìn khắp coi có chỗ nào còn sạch rồi kéo người đó lên. Nếu kẻ ấy không còn chỗ nào sạch thì cũng có thể tìm cách khác kéo y lên được. Nhưng nếu người nào bị tâm ái tràn khắp thân thể thì không thể chữa trị được, cho nên nói: Cành nhánh ái tăng thêm.

Về đói khát, nếu người đời đói khát thì dùng nước uống cứu mạng sống hoặc họ ăn rễ cây, trái,

hoặc dùng hơi thở mà phục hồi, hoặc dùng cây cỏ, thuốc, thần chú giúp họ kéo dài tuổi thọ. Nhưng cái tâm ái này đòi khát thì dù uống hết nước bốn biển đi nữa cũng không thể làm cho cơn khát ái nguôi đi được, dù chỉ một chút, cho nên nói: Khát ái rất khó cứu khỏi.

Ái khô là chỉ cho ái chưa được dứt hết. Nó luôn luôn tăng thêm các nguồn khổ, cho nên nói: Càng chịu khổ thêm nhiều.



*Nhỏ cây không tận gốc
Thì nó vẫn mọc lại
Dứt ái không tận gốc
Thì khổ cứ sinh mãi.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có người giữ vườn đang coi vườn cho quan. Ngay giữa vườn có một loài cây rất độc. Nếu có chàng trai, cô gái nào vào vườn ngắm cảnh dạo chơi mà đến nghỉ dưới gốc cây ấy thì bị nhức đầu như muốn bẻ ra, hoặc đau thắt lưng, hoặc có khi chết liền dưới gốc cây.

Người giữ vườn biết nó là cây độc, lại thấy nhiều người chết vì nó, nên bèn lấy búa cán dài hơn trượng, đứng ở đằng xa mà chặt nó. Nhưng chưa đầy mười ngày sau thì cây ấy lại mọc lên như cũ, thân lên cao, cành lá sum suê, ai nhìn thấy cũng

đều vui thích. Một số người không biết, chưa từng bị nạn bởi nó gây ra nên cùng đến dưới cây nghỉ mát, nhưng bóng chưa xé thì họ đã bị tai ương.

Ngày khác, người giữ vườn lại vác búa đến đốn cây, nhưng chưa bao lâu, cây lại mọc lên như cũ, càng sum suê tốt tươi hơn nhiều. Cứ như thế đốn cây rồi cây cứ mọc lên như cũ. Họ hàng, vợ con người giữ vườn vì ham thích bóng mát cây ấy nên đều bị chết. Người giữ vườn trơ trọi một mình, đêm ngày buồn rầu than thở. Rồi đi đường anh gặp một người hiểu biết, anh liền trình bày hết nỗi cay đắng khổ não của mình. Bấy giờ, người hiểu biết bảo anh ta rằng:

– Tất cả nỗi đau khổ ấy là chính do anh gây ra. Anh nên biết rằng, muốn ngăn lũ thì người ta phải đắp đê cho cao, muốn đốn cây cho chết thì phải đào tận gốc. Việc làm của anh chỉ khiến cho nó mọc thêm, đâu gọi là đốn cây? Bây giờ, anh phải mau trở về đào bỏ gốc rễ của nó đi.

Lúc đó, người giữ vườn tâm ý mê loạn lại sợ chết đến. Anh nghĩ: “Nếu khi ta chết rồi thì quan sẽ cắt người khác đến đó giữ vườn, dòng họ nhà ta vốn đã tuyệt diệt giờ lại không còn ai kế thừa ta. Vậy, chi bằng lén trốn đi xuất gia học đạo”. Nghĩ rồi, anh liền đến tỉnh xá Kỳ hoàn nước Xá-vệ, đến xin các Đạo nhân làm Sa-môn. Nhờ căn lành gieo trồng kiếp trước nên anh giữ vườn kia tâm ý trở nên thuần thực, đáng được cho vào sống đời phạm

hạnh. Khi Đức Phật trở về, Ngài thấy vị Tỳ-kheo này liền ở trước đại chúng nói bài kệ:

Nhỏ cây không tận gốc

Thì nó vẫn mọc lại

Dứt ái không tận gốc

Thì khổ cứ sinh mãi.

Khi nghe bài kệ ấy, vị Tỳ-kheo kia nhớ lại những việc đã qua, liền tỉnh ngộ tự tâm. Bên trong thầy tự quở trách mình, suy tư hoạn nạn của thân bốn đại như nhóp, nhớ lại cây độc kia, bao lần đốn chặt bao lần nó lại mọc ra, không chết hẳn. Nay thân bốn đại này so với cây ấy có khác gì. Rễ ái dục rất vững chắc, nếu không đào bỏ thì cành lá không chết hẳn, sẽ phải chịu sinh, già, bệnh, chết mãi thôi, chết chỗ này sinh chỗ khác, chết nơi kia sinh nơi đây xoay vần mãi như vậy, không bao giờ ngừng nghỉ. Như cây độc kia chưa nhổ tận gốc, nên nó còn hại mọi người. Kết sử ái dục này cũng như vậy, nó giết hại mạng sống còn làm tổn hại bản tính trí tuệ.

Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo liền quán xét kỹ thân năm ấm này, từ đầu đến chân, không có chỗ nào đáng ưa thích, liền chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán, ngay tại chỗ ngồi, chứng được sáu phép thần thông. Lòng cảm kích vô hạn, nên ở trước đại chúng, ba lần thầy tự nói:

– Đáng mừng thay, đạo không xa tí nào! Nương nhờ ân đức bậc Thánh mà con dứt hết phiền não.

Vị ấy liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi quanh Đức Phật ba vòng, rồi trở lại chỗ ngồi cũ mà hiện mười tám thứ thần biến và nhập Niết-bàn.



Cũng như người vót tên

Lại tự bị tên hại

Tên bên trong cũng vậy

Tên ái hại chúng sinh.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Cam-lê, nước Ma-kiệt. Lúc ấy, trong hang Thạch thất ở phía Bắc kinh thành, có rất nhiều thợ săn vào núi săn bắn. Họ giăng lưới khắp nơi, giết hại vô số hươu nai, rồi trở về trên núi.

Lúc bấy giờ, có một con nai rơi vào bẫy, nó kêu lên thật lớn. Nghe vậy đám thợ săn chạy đến, cả đám rơi vào bẫy, bị thương nhiều không kể xiết, ai không chết, cũng mang thương tích nặng, đau nhức không thể diễn tả. Họ cùng dìu đỡ những người nặng nhất về lều. Họ tìm thuốc cao mỡ bôi chữa trị vết thương. Bà con quen biết cùng đến chôn cất tử tế những xác được đưa về, xong xuôi mới trở về nhà mình.

Khoảng mười ngày sau, những người bị thương biết các vết thương đã khép miệng, nhưng ai cũng đều chán sự việc đi săn, nhờ đời trước đã gieo trồng

các nghiệp lành, nên họ liền bỏ nhà, đi học đạo, làm Sa-môn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói pháp cho vô số trăm ngàn người vây xung quanh Ngài nghe. Ngài muốn nhổ bỏ gốc cũ cho những người này bèn chỉ bày, dạy răn cho họ tu các công đức, để thoát hẳn sinh tử, thường được hưởng phước, nên ở trước đại chúng, Ngài liền nói kệ:

*Cũng như người vót tên
Lại tự bị tên hại
Tên bên trong cũng vậy
Tên ái hại chúng sinh.*

Lúc ấy những người thợ săn nghĩ: “Tuy đã thành Sa-môn nhưng chúng ta không tự biết việc vót tên lại tự bị tên hại. Hôm nay, Như Lai làm sáng tỏ việc chúng ta là đám thợ săn bị chính tên mình vót trở lại tự hại”, nên rất hổ thẹn, tự ăn năn lỗi cũ. Rồi ở nơi vắng vẻ, họ suy tư chánh quán, nhiếp tâm không cho tán loạn, xứng đáng là con nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, tự thân chứng đắc nên tự vui mừng, sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh, biết rõ như thật. Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo đều chứng quả A-la-hán, được sáu thứ thần thông, không còn gì ngăn ngại, nên nói bài kệ này:

Phải giác biết được rằng,

*Khổ ái tạo đời này
Không dục, không ý tưởng
Tỳ-kheo chuyên nghĩ độ.*

Phải giác biết được rằng: Ái đứng đầu mọi căn bệnh, giống như thành quách dân chúng nhóm họp về đó, nương ở trên đất đai mà sống. Tại sao gọi ái là đứng đầu mọi căn bệnh? Như lời Phật dạy: “Ở địa ngục chịu khổ khó thể tính lường, đều do ái gây nên. Ở địa ngục chịu các khổ não đều do bệnh ái, những kẻ sát sinh cũng bởi ái thúc giục. Những kẻ ăn trộm, dâm dật, nói láo làm mười việc không lành cũng như vậy, đều do tâm ái mà tạo ra các điều ác. Gây ra đủ mười điều ác thì chết đọa vào địa ngục với mười ba thứ lửa thiêu đốt thân mình”.

Mười ba thứ lửa là: Có hai núi lửa từ phía trước chui vào bụng rồi xuyên qua xương sống. Lại có hai núi lửa, từ phía sau chui vào xương sống, rồi chui ra khỏi bụng. Lại có hai núi lửa từ hông trái chui qua hông phải rồi ra ngoài. Lại có hai núi lửa, từ hông phải chui qua hông trái rồi ra ngoài. Lại có hai núi lửa, từ dưới chui lên rồi ra ngoài. Lại có hai núi lửa từ trên chui xuống rồi ra ngoài. Còn núi lửa thứ mười ba là gì? Núi này do thân tạo ra, đó chính là núi khát ái.

Mười hai núi lửa kia, dù đau đớn, nhưng có thể chịu đựng nổi, còn riêng núi lửa khát ái do thân mình tạo ra thì không thể trị liệu được. Như trong kinh chép: “Ngục tốt A-bàng hỏi những người tội

nặng rằng: “Các người từ đâu đến đây?”. Người tội đáp: “Chúng tôi đói quá nên không biết từ đâu đến”. Lúc ấy ngục tốt lấy những hòn sắt nóng buộc các người tội phải nuốt trôi. Sau đó ngục tốt lại hỏi người tội rằng: “Các người từ đâu đến đây?”. Đáp: “Chúng tôi quá khát, nên cũng không biết từ đâu đến”. Bấy giờ ngục tốt đẽ người tội nằm ngửa ra, múc đồ nước đông sôi vào miệng người tội, đốt cháy cả mồm, cổ họng, rồi chảy xuống dưới”. Tóm lại, ở địa ngục có muôn thứ đau đớn, khổ não. Đọa làm súc sinh cũng chịu vô số khổ não. Súc sinh chịu khổ ra sao? Như trong kinh chép: “Bấy giờ thầy Tỳ-kheo bị đọa làm súc sinh, chịu các khổ não. Các Tỳ-kheo nên biết: nếu có chúng sinh đọa làm súc sinh, thì sinh ra trong sự mờ mịt, lớn lên trong sự mờ mịt, chết đi cũng trong sự mờ mịt. Những việc ấy là sao? Ấy là sâu trùng dưới đất do đời trước ham dâm dục, thân, miệng, ý làm ác, nên sau khi chết đọa làm trùng sâu dưới đất.” Cho nên nói: Sinh ra trong sự mờ mịt, lớn lên trong sự mờ mịt, chết đi cũng trong sự mờ mịt. Nay các Tỳ-kheo, chúng sinh bị đọa làm súc sinh rất đau khổ khó chịu đựng nổi. Hoặc có chúng sinh nương vào bốn đại sinh ra, lớn lên bằng bốn đại, qua đời bằng bốn đại. Đó là loài nào? Đó là loài bào trùng, đều do đời trước ham đắm ái vị, thân, miệng, ý tạo ác, chết đọa làm loài bào trùng. Nương bốn đại sinh ra, lớn lên bằng bốn đại, chết đi bằng bốn đại. Nay

các Tỳ-kheo, loài súc sinh rất đau khổ khó có thể chịu nổi. Các Tỳ-kheo nên biết, lại có chúng sinh bị đọa làm chúng sinh, hề nghe mùi thối của phần dãi thì chúng chạy đến, nói rằng chúng ra ăn đồ ăn uống này, vì những đồ ăn uống này là loài gà, vịt, heo, chó, lừa, ngựa, chồn, chim, quạ...

Các Tỳ-kheo nên biết, loài ngạ quỷ rất khổ. Khổ của ngạ quỷ như thế nào? Hoặc có quỷ đói ăn nuốt râu tóc hay lông lá, trên thân người, hoặc ăn răng hay móng tay, móng chân, hay ăn chất bẩn bám trên thân, da non, da dày, cho đến gân xương, tim, lá lách, thận, gan, mật, ruột già, ruột non, dạ dày, phân, óc, tủy, nước mắt, mồ hôi, đàm dãi, nước mũi, máu mủ, mỡ, mật đắng, nước tiểu. Những loài quỷ đói ấy phải ăn như thế, chịu nhiều đau khổ, đều bởi thân đời trước ham thích ái vị, tham lam bỏn xẻn, ăn một mình. Nếu có cho người khác ăn thì mắng chửi, nguyên rủa rằng: “Chúng bây ăn đồ của tao như ăn máu mủ, phần dãi.” Thế nên sau này đọa làm ngạ quỷ phải ăn những đồ dơ như thế.

Lại có loài ngạ quỷ lúc còn làm người giành ăn một mình không biết mắc cỡ, không bố thí cho ai dù chỉ một hạt gạo. Nếu thấy người khác cho thì đến ngăn cản. Do đó, sau làm ngạ quỷ suốt trong thời gian dài, tai không hề nghe hai chữ ăn uống, huống gì là được ăn! Khổ của loài ngạ quỷ này, không thể nói hết.

Ba đường ác ấy chịu khổ vô lượng. Đó là bởi

đời trước tâm ái quá nặng, gieo nhân cho những khổ ấy, cho nên Đức Phật nói: “Ái là đầu mối các căn bệnh.”

Khổ ái tạo đời này: Không có dục thì không có tướng, đã dứt bỏ ái dục, không còn sót lại chút nào hết, như ói mưa hết, xả bỏ hết thì không còn cội gốc của các bệnh khổ não, cho nên nói: “Không có dục thì không có tướng.”

Tỳ-kheo chuyên nghĩ độ: Tỳ-kheo chuyên tâm, từ đầu không rối loạn, lìa bờ bến đến chỗ không bờ bến. Từ bờ bên này sang bờ bên kia mà vào cảnh giới Niết-bàn, mát mẻ không còn nóng bức, tắt cả tâm luyến ái đều dứt hết, không còn sinh khởi, cho nên nói: Tỳ-kheo chuyên nghĩ độ.



Phẩm 4: Không Buông Lung (Phần 1)

*Giới là đường cam lộ
Buông lung là nẻo chết
Không tham thì không chết
Mất đạo là tự chôn.*

Giới là đường cam lộ: Người sống không buông lung thì dù chết đi nhưng không bao giờ chết. Xưa, có một thầy Tỳ-kheo đầy đủ đức hạnh, sáu thời hành đạo, không mảy may thiếu sót. Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng, đều siêng năng tinh tấn, không hề mệt mỏi. Cứ vậy, qua thời gian lâu, khối hơi kết đầy lồng ngực, bị đau tim. Nhiều thầy thuốc

chữa trị, nhưng vẫn không trị khỏi. Rồi thầy đột ngột qua đời. Có một vị Ưu-bà-tắc thông minh tài giỏi, không việc gì không biết, ông đến trước chúng Tỳ-kheo mà đọc bài kệ trên.

Người tu học thiền định dù thân xác có tan biến thì cứ tan biến nhưng đời sau vẫn không cho là tan biến mà vẫn coi như tồn tại. Vì sao? Vì người không tu học thiền định thì chính mình đã không đạt đạo thì làm sao cứu giúp được kẻ khác? Vì sao? Nếu tự mình không đạt đạo mà thọ nhận của tín thí y phục, cơm nước, giường chõng, thuốc men, thì không thể tiêu hóa, đền đáp ân nghĩa thí ấy, sau khi chết sẽ phải đền trả, không thể cứu giúp người khác. Còn khiến thí chủ không được phước báo, không làm rạng rỡ Phật pháp, dù đạo pháp còn đó, nhưng ngày một suy hao. Khi chánh pháp ẩn khuất thì ngoại đạo phát triển. Những việc như thế đều là do nguyên nhân chính yếu làm hư hoại Phật pháp. Cho nên nói: Giới là đường cam lộ, buông lung là nẻo chết.

Lại giải thêm về **buông lung là nẻo chết**: Người sống buông lung thì gây ra nhiều lầm lỗi, gieo trồng nhiều gốc rễ bất thiện cho cả đời này và đời sau. Tôn giả Mã Sư cũng có dạy: “Người hiểu biết xả bỏ sự buông lung như vất bỏ thuốc độc”. Sống buông lung thì gây nhiều lỗi lầm cho đời này và đời sau. Người trí tìm xét cội nguồn, suy cứu cái gốc của sự buông lung mà than rằng: Buông lung

khác gì con chuột chết đuối trong bình bơ.

Ngày xưa, có một vị trưởng giả đem hũ bơ để trên lầu cao, nhưng hũ đầy không kỹ nên bị chuột chui vào hũ bơ. Rồi suốt đêm ngày, nó mãi ham ăn bơ, không chịu ra khỏi hũ. Khi bơ hết dần thì thân thể con chuột càng lớn ra, chiếm trọn cả hũ, da lông có màu giống như màu bơ. Rồi có người đến nhà ông trưởng giả mua bơ. Ông liền lên lầu đem hũ bơ đặt trên lò lửa. Con chuột nằm trong hũ bơ thì đầu lộn xuống, mình quay lên, nên nó đành chịu chết trong hũ và nó biến thành bơ trong bình. Ông bán cho người mua được vài đấu bơ. Xương chuột chìm xuống dưới, đầu lâu và chân thì rã rời. Ông trưởng giả thấy vậy nghĩ rằng: “Khi ta lấy bơ không đầy nắp bình, nên chuột chui vào ăn bơ, rồi nó ở luôn trong bình, không chịu nhảy ra. Bơ hết, chuột chết là lẽ tất nhiên”. Ông trưởng giả lại nghĩ: “Sống buông lung gây ra nhiều lỗi lầm cũng lại như vậy, đạo và tục chẳng khác gì nhau”.

Chẳng khác thế tục là như thế nào? Ấy là bọn xén tham lam, không bố thí, không giữ trai giới, không tu pháp bát quan trai. Ba tháng trong năm, sáu ngày trong tháng thường không giữ gìn. Tuy sống trên đời mà không ích lợi gì cho đạo pháp cả. Khi chết rồi, đời sau phải chịu nhiều tai họa, đọa vào tám chỗ không an ổn, chịu khổ não không thể kể hết. Đó là sự buông lung của kẻ tục mà phải chịu khổ như thế. Còn sự buông lung của người tu đạo

thì thế nào? Là người học đạo, bên ngoài mặc pháp phục, mà bên trong thì gian trá, cũng không tu học kinh điển, không sống theo chánh pháp, không tu thiền định, suy nghĩ giới luật. Uổng phí công lao, không được kết quả gì. Đời hiện tại không chứng quả thì kiếp sau càng dồn chứa lắm lỗi, cho nên nói: Buông lung là nẻo chết.

Không tham thì không chết: Tuy đã chết nhưng không coi là chết. Vì sao? Vì người sống không buông lung, nên sau khi chết người ấy sẽ sinh lên cõi trời hưởng phước vô lượng, sống lâu không chết, tâm ý mạnh mẽ, không hề mê lầm, cũng không chết nửa chừng, không có nỗi lo về cái chết, cho nên nói: Không tham thì không chết.

Mất đạo là tự chôn: Quen thói sống buông lung, không hề lo nghĩ điều ác trước, sau và ở giữa, không sống theo người già thánh thiện, mà đi ngược lại cái thuật sống thọ của bậc Thánh hiền. tự cho mình là phải, không nghe ai can ngăn, cho rằng mọi việc mà mình làm là đúng, những việc người khác làm là sai. Không nuôi sống thân mạng bằng trí tuệ, cho nên nói: Mất đạo là tự chôn.



*Trí giữ đạo là hơn
Trọn đời không buông lung
Không tham được vui mừng
Nhờ đó được vui đạo.*

Trí giữ đạo là hơn: Đối với các công đức thì trí tuệ hơn hết, là trên hết. Người trí tự sửa mình, không để một điều lành nào thất thoát. Có khả năng phân biệt rành những hành động nào đưa đến các cõi, các đường. Người trí thông minh, không có mê lầm, nên thường được trời và người khen ngợi, làm lợi ích cho Phật pháp, chánh pháp không đoạn diệt, cho nên nói: Trí giữ đạo là hơn.

Trọn đời không buông lung: Đã lìa được buông lung thì không gây những lỗi cũ, tâm ý vui mừng, mến mộ pháp lành tâm không biết chán, cho nên nói: Trọn đời không buông lung.

Không tham được vui mừng, nhờ đó được vui đạo: Đạo Thánh hiền là không buông lung, các thói quen và nhân duyên cũ đều dứt hết. Không còn ưa thích sinh trong ba cõi, cho nên nói: Nhờ đó được vui đạo.



*Thường phải nghĩ nhớ đạo
Tự gắng, giữ chánh hạnh
Kẻ mạnh được giải thoát
Tốt đẹp không gì hơn.*

Thường phải nghĩ nhớ đạo: Ngồi thiền từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, buộc niệm trước mặt, tâm không loạn động, từ đầu đến cuối và từ cuối đến đầu, suy nghĩ quán xét những chất bất tịnh chảy ra từ trong thân người này. Cho nên nói: Thường phải

nghĩ nhớ đạo.

Tự gắng, giữ chánh hạnh: Ý thường hằng hái, tâm không hồi hận giữa chừng, vượt khỏi sinh tử, những gì chưa đạt thì cố đạt được, pháp chưa chứng được thì mau chứng được, cho nên nói: Tự gắng, giữ chánh hạnh.

Kẻ mạnh được giải thoát: Đó là chư Phật, Thế Tôn và đệ tử Phật, an trụ vững chắc trong chánh pháp, tâm khó có gì phá hoại được, dứt bỏ các pháp ác và hạnh bất tịnh, dần dần đến Niết-bàn, được an ổn mãi. Cho nên nói: Kẻ mạnh được giải thoát.

Tốt đẹp không gì hơn: Những điều mà Như Lai làm đều tốt đẹp lợi ích, việc làm của Ngài đều tốt đẹp, có công năng hàng phục ngoại đạo, dị học, tất cả sinh tử. Những thứ không tốt đẹp, lo buồn như vết lằn của bánh xe, từ xưa đến giờ không ngừng nghỉ. Không gì hơn là không có pháp nào vượt hơn pháp này, cho nên nói: Tốt đẹp không gì hơn.

Nếu biết tự ngăn cấm buông lung thì liền trở thành Thánh hiền, là đã bước lên ngôi nhà trí tuệ, bỏ hết nguy nạn thì liền được an ổn, dùng trí tuệ soi xét kẻ ngu thì như núi và đồng bằng. Thế nên cần phải bỏ thói kiêu căng ngạo mạn, người trí rèn mãi tuệ sáng cho nên dứt bỏ được kiêu mạn. Người có mắt quán xét thói buông lung, không chân thật, không thật có, không đáng nương cậy, cho nên nói: Phải suy nghĩ mà xả bỏ thói buông lung, đó mới

gọi là người có hiểu biết.

Chẳng nhận học hỏi nơi ai khác mà ứng đối không ai hơn, không nhờ sắc tướng nào khác mà tự giác, ấy gọi là hiểu biết. Bản tính nhanh nhẹn, gặp việc là có thể ứng phó liền. Tuy học rộng hiểu nhiều, nhưng bên ngoài thì khiêm tốn học hỏi. Đó mới gọi là người hiểu biết. Rèn luyện trí tuệ sáng suốt.

Thuở ấy, Tôn giả Mục-liên đích thân hóa độ hai đệ tử mới xuất gia học đạo. Một người là con nhà thợ giặt đi xuất gia, người kia là con nhà thợ sắt đi xuất gia. Lúc ấy, ngài Mục-liên dần dần dạy hai vị đệ tử rằng: Trước hết là anh thợ sắt nên rèn luyện pháp thiền, khéo suy nghĩ quán sát chất bất tịnh như bản. Còn anh thợ giặt, thì nên tu tập pháp An ban thủ ý (đếm hơi thở). Hai vị này ngày đêm tinh tấn tu tập nhưng không kết quả. Cứ hành trì như vậy, suốt mười hai năm nhưng chẳng được gì. Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất thấy việc tu của hai người ấy không đạt kết quả, bèn bảo ngài Mục-liên:

— Thầy dạy đệ tử không đúng pháp môn. Dạy thì nên dùng pháp mà lại dạy buông lung, nay thầy chưa rõ pháp hành đúng thời cơ. Đối với người thợ giặt xuất gia thì nên dạy pháp quán bất tịnh. Vì sao? Vì người này có ý niệm thanh tịnh, sạch sẽ từ lâu cho nên khi nghe nói pháp quán bất tịnh thì sẽ hiểu ngay, không có gì trở ngại hết. Còn đối với người thợ sắt xuất gia làm Tỳ-kheo, thì nên dạy

phép An ban thủ ý. Vì sao? Vì thầy này tay cầm ống thụt lửa lò rèn, biết rõ hơi nhiều hay ít, nên với việc kiểm soát hơi thở tâm sẽ được giác ngộ.

Khi ấy ngài Mục-liên nghe theo lời ngài Xá-lợi-phất mà dạy thì hai vị đệ tử kia liền được khai ngộ. Cho nên nói: Nếu ngăn chặn được sự sống buông lung thì ngay đó thành bậc Hiền. Đã bước chân lên ngôi nhà trí tuệ, nghĩa là các bậc Hiền thánh khi đã bước chân lên ngôi nhà trí tuệ thì nhìn thấy những người tu hành còn phàm phu như cỏ cây ngoài đồng hoang, các ngài dùng tâm Đại bi nhuần thấm họ, không còn sót ai. Như ở trên đời này, nhà cửa cao sang của những dòng họ cao quý thì dân thường rất ưa thích, các bậc Hiền thánh cũng như vậy, khi đã bước chân lên ngôi nhà Hiền thánh, thì các Ngài thấy chúng sinh sống quen những điều không chân chánh, lo nghĩ rằng chúng sinh chưa thoát được các nỗi khổ, lại còn quen thói mê đắm buông lung, hoặc đối với người trí tuệ buông lung thì tâm ở trong thiền, ý cũng ở trong thiền, luôn nghe theo lời răn dạy của thầy tổ, không bao giờ làm trái lời. Đó gọi là trí tuệ không buông lung. Vì thế mà biết rằng: Nếu không tu tập thiền định thì không do đâu được giải thoát. Cho nên nói: Bỏ hết nguy nạn thì liền được an ổn, người có trí tuệ sáng suốt quan sát kẻ ngu thì như núi cao nhìn xuống đồng bằng, là vì người đứng trên núi cao nhìn xuống đồng bằng khắp nơi chốn thì không nơi

nào là không thấy. Còn người đứng bên dưới đồng bằng nhìn lên thì không thấy được gì. Người ngu so với Thánh hiền cũng như vậy. Vì tâm mê chấp chặt nên người ngu không hiểu biết được gì. Họ cần phải nhờ Thánh hiền chỉ dạy mới được khai ngộ.



*Phát hành không buông lung
Kiềm mình, điều khiển tâm
Tuệ là vàng sáng chói
Không rơi lại vực sâu.*

Phát hành không buông lung: Khi mới bắt đầu tu hành phải dụng tâm siêng năng không mệt mỏi. Vì nếu mới phát hành mà ý chí yếu đuối thì không gọi là phát hành. Chỉ có những ai mạnh mẽ mới mong đạt kết quả. Cho nên nói: Phát hành không buông lung. Dù siêng năng tinh tấn nhưng vẫn còn buông lung thì không tựu đạo quả vô thượng, cho nên nói: Không buông lung là vậy.

Kiểm mình, điều khiển tâm: Kiểm chế mình là giữ giới cụ túc thanh tịnh. Điều tâm nghĩa là giữ ý không cho loạn động, không hề có tà niệm, cho nên nói: Kiểm mình, điều khiển tâm.

Tuệ là vàng sáng chói: Trong khoảng thời gian búng ngón tay đã làm xong bốn việc. Bốn việc ấy là: Một dứt bỏ vô minh, hai đốt thân năm ấm, ba đốt cháy mỡ sống, bốn nhổ tận gốc ái. Giống như

trí tuệ sáng suốt thì trong thời gian búng ngón tay đã làm xong bốn việc cũng như vậy. Làm xong bốn việc là: dứt bỏ vô minh, đốt thân năm ấm, đốt cháy mở sống, nhổ tận gốc ái. Đạo của Thánh hiền sáng rõ cũng như vậy, trong khoảng thời gian búng ngón tay đã làm xong bốn việc là dứt bỏ vô minh, đốt cháy mở sống, nhổ tận gốc ái, đốt thân năm ấm. Không bị kẻ ngu si khuất phục nên họ thành tựu được đạo Thánh hiền sáng suốt. Nhờ ánh sáng của đạo soi đường nên tà ma ngoại đạo không thể làm lay động tâm họ, cho nên nói: Chẳng còn rơi vực sâu.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 6

Phẩm 4: Không Buông Lung (Phần 2)

Thường sinh khởi chánh niệm

Làm thiện, ác dễ hết

Dùng pháp thọ tự ngăn

Không phạm, tiếng lành thêm.

Thường sinh khởi chánh niệm: Người tu hành sinh khởi những ý tưởng rối loạn thì việc làm của mình không thành công. Tôn giả Đồng Tử Biện nói rằng: “Ý niệm trút vào công việc, nhưng tâm hối tiếc dự dự thì không thành công”. Ý thức mạnh mẽ, chuyên nhất tâm niệm thì không có việc gì không đạt kết quả. Người tu hành cũng như vậy. Tâm nhớ tưởng điều lành nhưng không thực hành thì không thể đến bờ giải thoát được; cho nên nói: Thường sinh khởi chánh niệm.

Làm thiện, ác dễ hết: Thân làm việc thanh tịnh, miệng nói lời thanh tịnh, ý nghĩ những điều thanh tịnh. Những gì là không thanh tịnh? Đó là bốn thứ điên đảo: Vô thường mà cho là thường là điều điên đảo thứ nhất; khổ mà cho là vui là điều điên đảo

thứ hai; bất tịnh mà cho là tịnh là điều điên đảo thứ ba và vô ngã mà cho là ngã là điều điên đảo thứ tư. Bốn pháp không tương ưng với bốn thứ điên đảo này nên được gọi là Tịnh, cho nên nói: Làm thiện, ác dễ hết. Khi các kết sử đã hết thì thân thể mát mẻ, không còn nóng bức khổ não, cũng gọi đó là ác hết.

Dùng pháp thọ tự ngăn: Ngăn nghĩa là ngăn thân, miệng, ý. Nuôi lớn bằng chánh pháp, nên không làm việc không đúng pháp. Dùng chánh pháp cầu sống lâu nên không làm việc không đúng pháp, cho nên nói: Dùng pháp thọ tự ngăn.

Không phạm, tiếng lành thêm: Tiếng khen đồn khắp tám biển, công đức trùm khắp mười phương. Hễ ai nghe đến đều kính tin, vâng theo lời dạy, cho nên nói: Không phạm, tiếng lành thêm.



Chuyên tâm không buông lung

Ý tu giới Năng Nhân

Không có khó, lo buồn

Tâm loạn được dừng nghỉ.

Chuyên tâm không buông lung: Nếu cứ quen thói dục thì ý hoạt động mãnh liệt trong giới cấm vẫn còn kẽ hở. Ngày xưa, đệ tử Phật là Tỳ-kheo Nhị Thập Ưc Nhĩ tự thầm răn mình rằng: “Trong hàng đệ tử Phật, ta là người đứng đầu về tinh tấn mạnh mẽ. Nhưng đối với pháp vô lậu thì tâm chưa giải thoát. Cơ ngơi gia nghiệp của ông bà cha mẹ

ta nhiều không kể xiết, nếu nay ta học đạo không được gì thì tốt hơn là nên trở về nhà, bỏ ba pháp y, sinh hoạt như người đời, vui với năm dục, bố thí cho những người nghèo thiếu. Chứ tinh tấn giữ giới gian khổ biết bao mà không được như ý nguyện.”

Đức Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe suốt, không chút tì vết, Ngài nghe thầy Tỳ-kheo Nhị Thập Úc Nhĩ muốn hoàn tục, sống đời tại gia, Ngài liền tự tinh xá Kỳ hoàn biến mình đến ngay chỗ Tỳ-kheo Úc Nhĩ, hỏi Tỳ-kheo Úc Nhĩ rằng:

– Thế nào Nhị Thập Úc Nhĩ? Thầy nghĩ như thế, lại tự cho rằng trong hàng đệ tử Phật, mình đứng đầu về tinh tấn mạnh mẽ. Nhưng đối với pháp vô lậu thì tâm thầy chưa giải thoát. Cơ ngơi gia nghiệp của ông bà cha mẹ thầy nhiều không kể xiết, nếu nay thầy học đạo không đạt kết quả thì tốt hơn là nên trở về nhà, bỏ ba pháp y, sinh hoạt như người đời, vui với năm dục, bố thí cho những người nghèo thiếu, tinh tấn giữ giới chỉ tự làm khô như thế này. Thầy nhớ lại coi có nói những lời ấy chẳng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, con có nghĩ như vậy.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo Nhị Thập Úc Nhĩ:

– Bây giờ Ta hỏi thầy ý nghĩa của nội pháp, thầy hãy trả lời từng ý một. Thế nào Nhị Thập Úc Nhĩ? Xưa kia, khi còn tại gia, thầy đánh đàn cầm

rất giỏi, đàn cầm hòa với tiếng ca, tiếng ca hòa với đàn cầm, âm hưởng hợp nhất tạo thành một ca khúc phải không?

Đáp:

– Bạch Ngài, đúng như vậy.

Đức Phật hỏi:

– Thế nào, nếu dây đàn căng quá hay dòn quá thì có tạo nên âm thanh hay chăng?

Đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, không.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Thế nào? Nếu dây đàn không căng không dòn thì có tạo nên âm thanh hay chăng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, sẽ tạo nên âm thanh hay.

Đức Phật bảo:

– Tỳ-kheo tu hành với tinh tấn mạnh mẽ quá mức thì sẽ sinh biếng nhác. Nếu biếng nhác, không tinh tấn thì lại sinh trễ nải. Cho nên, bây giờ, thầy không nên siêng năng quá mức mà cũng không nên biếng nhác, nên giữ mức vừa chừng thì đạt được kết quả, tâm hữu lậu sẽ được giải thoát.

Dạy như thế xong, Đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và trở về tịnh xá. Tôn giả Nhị Thập Úc Nhĩ đến nơi thanh vắng chuyên tâm suy nghĩ tự cảm thấy tha thiết, cho nên người con nhà dòng dõi cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu

pháp vô thượng kia dứt hết hữu lậu, thành vô lậu, đối với Niết-bàn vô dư, ngài chứng quả A-la-hán; cho nên nói: Chuyên tâm không buông lung.

Ý tu giới Năng Nhân: Năng Nhân chỉ cho chư Phật, Thế Tôn. Giới chỉ cho hai trăm năm mươi giới oai nghi nội cấm, chư Phật răn dạy từng câu từng nghĩa, đều là cấm luật, đều là giới. Phải rèn luyện điều này, bỏ điều này, phải xa lìa điều ấy, thành tựu điều ấy, cho nên nói: Ý tu giới Năng Nhân.

Không có khổ lo buồn: Hễ người xuất gia mà trong tâm lười biếng, không tu đạo pháp vô thượng, lại đắm nhiễm sâu vào cuộc đời phàm lụy, không xa lìa thế tục thì sinh ra lo buồn. Lại nữa sống trái luật, phạm giới cấm cũng sinh lo buồn. Người tu hành nhận của tín thí, tham ăn uống không biết thỏa mãn, không tụng kinh, ngồi thiền, định ý, không nhớ nghĩ đến đạo đức, không giáo hóa ai, không làm các việc giúp chúng, hạng người sống như vậy, cũng sinh ra lo buồn. Thế nào là sống không lo buồn? Là năm Căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) có sức mạnh đối với pháp thiên, không thiếu sót. Nhờ vậy mà vượt thứ bậc, đến cảnh giới vô vi vào ngôi nhà không lo buồn, vắng lặng vui sướng, cho nên nói: Không có khổ lo buồn.

Tâm loạn được dừng nghỉ: Dừng nghỉ là mất hẳn, không còn sinh khởi. Cũng không còn sinh khởi hay diệt trừ, tham đắm hay dứt bỏ đối với ba

cồi nóng bức, bệnh ẩm trì nhập không còn sinh khởi. Nhờ khéo tu thiền định nên đến được nhà vô ưu, tâm ý chuyên nhất không còn loạn động. Thường có niệm lành và nhân duyên tốt. Cho nên nói: Tâm loạn được dừng nghỉ.



*Không gần pháp thấp hèn
Không gần kẻ buông lung
Không trông cậy tà kiến
Không nuôi lớn việc ác.*

Không gần pháp thấp hèn: Pháp thấp hèn là gì? Là tất cả các kết sử, tất cả hành động xấu, tất cả tà kiến, tất cả điên đảo, nếu có chúng sinh gần gũi những pháp ấy thì sẽ gây ra các điều ác. Cho nên người hiểu biết thì không gần gũi, nó cũng không sống với nó, cũng không nói chuyện qua lại với nó, không nằm ngồi đi đứng với nó, mà nên xa lánh nó như xa lìa lửa đang cháy; cho nên nói: Không gần pháp thấp hèn.

Không gần kẻ buông lung: Người tu hành mà buông lung thì sự nghiệp loạn động, sinh ra các tai họa, làm bạn với những kẻ xấu, với sự giúp đỡ của mười điều ác, thật ra chẳng thân thiết mà giả như bạn bè, nước mắt giả vờ rơi lả chả mà bên trong tính chuyện tội ác, lời lẽ ngọt ngào mà bên trong chứa đầy gươm đao, những kẻ buông lung như thế thì đừng nên gần gũi mà phải xa lìa chúng. Trước

ngọt mà sau đắng, thì bậc Thánh nhân không theo, cho nên nói: Không gần kẻ buông lung.

Không trông gốc tà kiến: Bệnh về tà kiến có đến muôn thứ. Như trong kinh nói không kể đời này đời sau, không kể cha mẹ, La-hán, không kể kẻ tu hành đắc đạo, tất cả đều bỏ lời chân thật của Đức Phật mà chạy theo những lời đẹp dễ thể gian, làm thơ phú để dối trá ca ngợi cảnh sống nhàn hạ trống rỗng, sống không hợp pháp, bỏ gốc theo ngọn, xa lìa chân thật, sống dối trá, quen điên đảo, bảo rằng chư Phật, Thế Tôn, Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn là không thật, không có, chê bai sáu độ mà ca ngợi hạnh tà. Những việc kể trên rất tà kiến. Vì sao? Vì họ cho thật là giả, cho giả là thật.

Khi còn tại thế, chính miệng vàng của Đức Phật nói rằng: “Đối với kẻ ngu si thì những điều không đáng nhận lãnh, lại nhận lãnh. Họ thấy ngược lại và gièm chê rằng: Ai nói? Như thế, chẳng những họ tự nhảy xuống vực sâu mà còn làm cho bao kẻ khác rơi xuống vực sâu nữa. Trời, người đều không cung kính những người ấy. Còn thêm thói bất chúc ngoại đạo dị học mà vẽ bùa đọc chú, trấn ếm ma quỷ, chọn lựa ngày giờ tốt, sai khiến quỷ thần, làm nhiều phương thuật lạ lùng. Những việc ấy đều là tà thuật. Người có mắt không nên tu tập”.

Đức Phật nói thí dụ rằng: Có người nọ tham ăn thịt rắn, y tìm kiếm khắp nơi, dùng tay bắt rắn,

nhưng lại nắm đuôi rắn, rắn quay đầu cắn vào tay, nọc độc chạy khắp cơ thể, người ấy chết liền. Người ấy chết là bởi không biết cách bắt rắn. Đối với kẻ ngu cũng lại như vậy. Điều sai làm thì cho là đúng, điều đúng thì bảo là sai, cho nên nói: Không trồng cây tà kiến.

Không nuôi lớn việc ác: Về đời thì có ba thứ là: Đời chúng sinh, đời thân xác, đời ba cõi. Về đời chúng sinh thì gồm có loài một chân, hai chân, ba chân, bốn chân và nhiều chân, có sắc hoặc không có sắc, có tướng hoặc không có tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng. Đó là đời chúng sinh. Về đời thân xác thì gồm năm ấm ở cõi Dục, cõi Sắc và bốn ấm ở cõi Vô sắc. Đó là đời thân xác. Đời ba cõi là Tam thiên đại thiên cho đến vô biên cõi, từ một mà đến ba ngàn đại thiên thế giới. Đó là đời ba cõi. Nếu có chúng sinh theo thói tà kiến thì kéo dài ở thế gian, sinh ra các thứ như xấu. Kéo dài đời địa ngục, đời ngạ quỷ, đời súc sinh. không trồng cây tà kiến là không sống theo ba đời nói trên, cho nên nói: Không nuôi lớn việc ác.



*Đạo chánh kiến tăng thượng
Trí tuệ tục quán sát
Thì trong trăm ngàn đời
Không hề đọa đường ác.*

Đạo chánh kiến tăng thượng: Những ai biết rõ cội gốc tà kiến thì họ từ bỏ hẳn, dù cho ai đó có hóa thành Phật, đứng trước mặt họ giảng nói điên đảo mà bảo rằng đó là chánh pháp thì người chánh kiến vẫn giữ tâm vững chắc không chấp nhận những luận điệu ấy. Vì sao? Vì chánh kiến khó ai làm phá hoại được. Dù cho ác ma Ba-tuần hay các nhà ảo thuật có biến hóa ra bao nhiêu thứ để khủng bố, thì người thiện nam vẫn không thay đổi, vẫn không nao núng tâm hồn. Họ luôn tu sửa chánh kiến, ý không xao động. Đó là chánh kiến thế tục, không phải nghĩa bậc nhất, cho nên nói: Đạo chánh kiến tăng thượng, trí thế tục quán sát.

Thì trong trăm ngàn đời: Như lời Phật dạy: “Ta không hề thấy ai thực hành chánh kiến mà lại đọa vào đường ác trong trăm ngàn kiếp, điều ấy Ta chưa từng nghe”. Họ sinh nơi nào là được gặp Thánh hiền nơi đó. Họ không bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên nói: Thì trong trăm ngàn đời, không hề đọa đường ác.



*Người tu tập buông lung
Kẻ ngu quên đùa bỡn
Thiên định không buông lung
Như người giữ kho báu.*

Người tu tập buông lung: Giữ chắc tâm mê của mình, không sống đúng theo chánh ý, cho việc

mình làm là đúng, việc người làm là sai. Họ gần gũi kẻ tầm thường lòng vòng trong phạm vi ấy, như được cho đồ quý báu, không thể lìa bỏ; cho nên nói: Người tu tập buông lung.

Kẻ ngu quen đùa bốn: Như đứa trẻ còn dại khờ chưa phân biệt được trắng đen, giả thật, những cái không được sờ mó vào thì chúng cứ sờ mó vào, như lửa hay rắn độc.

Thiền định không buông lung: Thiền định gom hết tư tưởng thông suốt từ trong đến ngoài suốt bảy đại thất, dùng thiền thụ, thiền cú, pháp trượng để kiểm soát tâm người ngồi thiền. Tùy thời tiến lên mãi không để mất pháp thiền. Thế nào là định? Định là ý không lui lại mà ngày càng tiến lên. Trong hai mươi một ngày tâm ý vắng lặng không nghĩ tưởng. Đại thất là bảy lần bảy bốn mươi chín ngày, suốt thời gian ấy tinh tấn tâm không rối loạn liền được thiền định, nếu ý loạn thì mất thứ lớp, lại phải bắt đầu từ một, đến bảy đại thất.

Thiền thụ (ngủ thiền) là dùng cục đá dằn lên đầu hay lấy dây cột vào mép tai, khi gục xuống thì liền thức dậy.

Thiền cú là thiền sư tay cầm cây roi thiền hễ ai ngủ gục đi ngang dùng roi đánh, roi chuyển đánh vào người khác khiến họ tự thức dậy.

Pháp trượng là dùng gậy đánh thức người ngủ

gục. Xoay vần giúp họ thức để ngồi thiền, cho nên nói: Thiền định không buông lung.

Như người giữ kho báu: Người giữ kho báu kia như thầy Tỳ-kheo giữ chắc thiền định, không lơ lửng. Nếu bị loạn động thì phải gom ý lại ngay. Người giữ kho kia cũng vậy. Lúc nào y cũng coi ngó xem xét kho báu. Mọi vật quý, từ bảy báu cho đến trâu, dê, tiền của, đầy tớ vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hồ phách; luôn luôn coi ngó, không để mất mát, cho nên nói: Như người giữ kho báu.

Người tu tập buông lung, kẻ ngu quen đùa bỡn, nhưng khi có thiền định thì không còn buông lung, liền dó dứt hết hữu lậu. Dứt hết hữu lậu là người tu hành kia bên trong tự suy nghĩ rằng: “Hữu lậu là chứng bệnh gây ra nhiều lầm lỗi, tạo ra các kết sử dính mắc vào ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc. Ta bị dính mắc vào các kết sử ấy nên bị buộc ràng trong sinh tử, biết chắc những thứ ấy đều là giả dối, không đưa đến giải thoát rốt ráo. Việc cốt yếu của ta ngày nay là phải dứt bỏ chúng. Phải diệt sạch những thứ đang có, không để chúng phát sinh trong tương lai, cũng không tạo thêm nghiệp mới, không sống theo lối cũ”. Cho nên nói: Liền có khả năng dứt sạch hữu lậu.



Không tham, không ưa tranh

*Cũng không đắm dục lạc
Nhớ nghĩ: không buông lung
Mới an vui hoàn toàn.*

Không tham, không ưa tranh: Không chạy theo thói quen buông lung, cũng không chung sống với nó. Thấy ai quen sống buông lung thì không vui theo họ, lại còn khuyến tấn họ từ bỏ buông lung, chính mình cũng không gần gũi hạng người sống buông lung ấy, cho nên nói: Không tham, không ưa tranh.

Cũng không đắm dục lạc: Ngoài đạo dị học khen ngợi dục lạc, dị học tự nói dục là tươi đẹp, là thanh tịnh, không chút tì vết. Cho nên, họ rủ nhau ăn chơi vui thú để làm thỏa mãn các giác quan, cho rằng sống theo dục lạc là không có tội lỗi, cho việc làm như bản mà cho là trong sạch. Vì sao? Vì họ bảo, nếu không có dục thì đâu có thân này, không có dục thì làm sao có ta? Trong khi đó, Đức Như Lai dạy rằng: Nghĩa ấy không đúng, dục cần phải dứt bỏ chứ sao lại còn khen ngợi? Vì sao? Vì dục là bà mẹ sinh ra mọi ham muốn, cho nên nói: Cũng không đắm dục lạc.

Nhớ nghĩ: không buông lung, mới an vui hoàn toàn, nhờ dứt hẳn các kết sử nên thân nhiên an vui. Các bậc vua chúa, quan lớn, trưởng giả, cư sĩ, chất chứa tài sản muôn ức, tha hồ vui chơi cho đó là được vui vô cùng. Nhưng thật ra, thói quen ấy không phải là pháp an vui, vì ngày nay thỏa dạ,

nhưng ngày sau lại khổ não, muốn ra khỏi cũng không được và thật là nguy hiểm. Chỉ khi nào tất cả các kết sử đều dứt hẳn, không còn sót chút nào, thì khi đó mới được an vui hoàn toàn. Không có gì làm lay động được, không còn lợi qua bốn vũng khổ nạn là sinh, già, bệnh, chết. Dù đã được ba đạt, sáu thần thông đi nữa vẫn không có khả năng dời sự an vui ấy đến bên chỗ nguy hiểm được, cho nên nói: Mới an vui hoàn toàn.



*Không lúc nào buông lung
Chế ngự, hết các lậu
Buông lung mà được dịp
Như sư tử chụp nai.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Những ai chưa dứt hết hữu lậu thì không có nơi nào nương cậy được hết. Bài kệ ấy cũng có câu rằng: Không lúc nào buông lung. Sống với thân bốn đại này cũng giống như sống chung với rắn độc. Từ giờ trở đi, các thầy phải siêng năng tinh tấn tìm cách ra khỏi nhà ngục ấy. Vì sao cứ buông lung làm mất hẳn gốc đạo màu như vậy? Đã trải qua vô số sự khổ nhiều, vui ít, thì sao cứ ở trong đó, vẫn mãi sống với trần lao? Lửa sinh tử cháy bởi bởi không có chỗ trốn tránh đâu, tại sao cứ ở trong

đó mà sống với buông lung?

Cho nên nói: Không lúc nào buông lung.

Chế ngự hết các lậu: tất cả các thầy dù đã chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm nhưng vẫn chưa dứt phiền não, ái dục vẫn chưa hết sạch. Dù các thầy không đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh nhưng hễ dục chưa hết thì vẫn chưa có chỗ nào để nương cậy được hết. Vì nỗi sợ sệt lớn lao vẫn còn sờ sờ ở đó, là gì? Là ma vậy. Bọn ma xấu Ba-tuần vẫn ngày đêm theo dõi rình rập chỗ sơ hở kẻ ngu sống buông lung trên đời này. Bọn chúng luôn hơn hở đuổi theo sau người ấy, vì nó muốn người ấy. Cho nên nói: Buông lung ma được dịp.

Như sư tử (vồ) chụp nai: Như nai con mới đẻ, nó luôn chạy nhảy theo bên mẹ, tung tăng khắp nơi. Vì thương con nên nai mẹ không dám bỏ đi đâu xa. Bảy giờ sư tử đầu đàn muôn thú biết rõ nai mẹ không bao giờ rời xa con, nên nó chạy đến vồ chụp. Nai mẹ, nai con đều chết. Vì sao? Vì nai mẹ thương con nên sư tử được dịp. Ai chưa dứt hết ái dục thì cũng như vậy. Nghe lời dạy chân thiết này, các thầy phải chán sợ nỗi khổ nạn kia. Hãy quán xét các pháp như huyễn, như hóa. Rồi nên tìm chỗ thanh vắng mà tĩnh lặng suy nghĩ với ý chí không dôi đôi. Phải dứt bỏ tâm ái dục, không còn nhiễm lại trần cấu. Khi dứt hết tâm ái dục thì liền chứng quả A-na-hàm, lại hăng hái tiến lên, không hối tiếc giữa chừng, mà cùng khuyến khích thúc đẩy nhau

tinh tấn suy xét nguồn gốc các khổ, chừng ấy dứt hết trói buộc, đạt lậu tận thông, chứng quả A-la-hán, cho nên nói:

*Không lúc nào buông lung.
Chế ngự, hết các lậu.
Buông lung mà được dịp
Như sư tử chụp nai.*



*Buông lung có bốn việc
Thích dâm dục vợ người
Hiểm nguy không phước lợi
Hủy ba, dâm dật bốn.*

Buông lung có bốn việc: Kẻ mê đắm ái dục thì sống bất cứ đâu, tâm thường thỏa thích cái vui hèn hạ mà cho là quý báu. Dùng trí sáng mà xem xét, thì đó là nhơ nhớp hữu lậu, không được công đức gì. Đêm ngủ không yên, ưa nghe những lời mắng nhiếc, địa ngục, là bốn việc.

Thích dâm dục vợ người thì gây ra bao tội ác, nói không thể hết. Thân này cũng như thân đời sau, hiện tại bị người khinh ghét. Tại sao nói hiện tại bị người khinh ghét? Sở dĩ bị người khinh ghét là y bị pháp vua bắt nhốt, hay bị người chồng kia bắt được, hoặc bị nhốt trong ngục thì suốt ngày bị roi vọt tơi bời, tra khảo độc địa, khổ não vô số. Sau khi chết đọa vào địa ngục cây có lá hình kiếm. Trong địa ngục này, người tội thấy trên cây có lá

hình kiếm hiện lên các cô gái xinh đẹp, hấp dẫn như các cô gái cõi trời. Thấy thế, lòng dạ người tội nổi lên ham muốn tột cùng, muốn thông dâm với các cô gái xinh đẹp ấy, bèn cùng nhau leo lên cây kiếm thì những nhánh cây chĩa xuống đâm vào cơ thể họ, đau đớn không tả nổi. Muốn leo lên nữa thì không leo lên được. Bỗng các cô gái xinh đẹp lại ở dưới đất, người tội từ xa trông thấy các cô gái ở dưới đất lòng rộn lên vui thích, liền tuột xuống thì bị các nhánh kiếm kia đâm ngược trở lên làm tan nát cơ thể họ, chỉ còn bộ xương, không có thịt. Họ lớn tiếng kêu la, muốn chết nhưng chết không được. Tội khổ chưa hết thì thân thể lại sinh thịt đầy đặn. Ấy đều bởi ham mê dâm dục mà đưa đến nỗi khổ ấy. Cứ như thế trải qua ngàn muôn ức năm, cứ phải chịu đau khổ như vậy mà không chết được. Kẻ ham mê dâm dục đều vào ngục chịu tội như vậy cho hết tội ấy. Nếu ai còn lòng ham mê dâm dục thì đọa làm súc sinh. Loài súc sinh có thứ dâm dục có mùa, có thứ dâm dục không có mùa nào cả. Loại dâm dục có mùa là loại chúng sinh tuy có phạm dâm nhưng không ô phạm vợ người, ý dâm nhẹ ít, không bị dày vò quá lắm với sự dâm dục. Còn loại dâm dục không có mùa nào cả là chúng sinh khi làm người trên đời tâm dâm dục quá nặng, thường ô phạm các cô gái khác, nên nay làm súc sinh với ý dâm tràn đầy, vì vậy dâm dục không có tiết mùa, nên sinh vào súc sinh nặng về ý dục. Vì vậy mà

dâm dục không có mùa thì đọa vào súc sinh chịu tội như thế. Chúng sinh tham dâm dục đọa vào loài ngạ quỷ, vì dâm dật mà đánh nhau, cho đến A-tu-luân đánh nhau với các trời thì cũng bởi tham dâm. Ô phạm vợ người, đọa vào ngạ quỷ chịu khổ như thế. Kẻ tham dục khi sinh làm người thì vợ và con gái mình đều gian dâm vô độ, chơi bời trác táng không thể ngăn cấm. Những kẻ cưỡng dâm, loạn dâm không kể tôn ti, thân sơ thì đời sau dù được làm người nhưng không có bộ phận sinh dục, hoặc hai hình hoặc không có cả hai, hay nếu có thì không hoàn toàn. Các loại dâm dật như thế là đều là do phạm dâm không kể cao thấp. Người ham mê dâm dục nếu được sinh lên cõi trời thì gặp tai biến của năm tai dịch thủy ứng, con gái của vua trời tư tình vui thú với người khác, vua trời thấy vậy trong lòng đau khổ như bị lửa đốt. Tự nghĩ rằng, chính ta do lòng dâm nên khi thấy ngọc nữ bèn sút dây lưng. Tâm ý lầy lừng, sinh ý nghĩ không lành, chết đọa vào địa ngục. Đó bởi làm điều không phước lợi nên đọa vào năm đường ác. Theo hình dạng từng loài mà chịu khổ khác nhau, cho nên nói: Nguy hiểm không phước lợi.

Hủy ba dâm, bốn dật: Lúc phạm dâm thì người ấy thường lo sợ, biết phạm dâm là tội nặng, nhưng dù chết vẫn không sửa đổi. Họ phạm đủ ba nghiệp thân, miệng, ý, bị những lời mắng nhiếc, lời ác độc. Có khi người dâm dật không quen biết với người

nữ nọ, liền đến xâm phạm, bị người nữ này mắng nhiếc, có khi y và người nữ ấy đã quen biết, trước có chuyện vãn với nhau, bị chồng cô gái bắt được, mắng nhiếc. Cho nên nói bị mắng nhiếc làm nhục là ba, đọa địa ngục nữa là bốn. Trong địa ngục, việc hành hạ người tội đâu phải chỉ có một, cho nên nói địa ngục nữa là bốn.



*Không phước lợi, đọa ác
Sợ, thì sợ vui ít
Pháp vua gia tội nặng
Giữ tâm, xa vợ người.*

Không phước lợi, đọa ác: Con đường ác phải đến là đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu vô lượng khổ não.

Sợ, thì sợ vui ít: ở đây xin dẫn câu chuyện. Xưa em trai vua A-dục là Thiện Dung ra khỏi thành đi săn vào núi sâu, thấy các Phạm chí lửa thể lộ lộ để cầu thần tiên. Họ đày đọa thân xác để mong hưởng phước trời, họ ăn lá cây. Những ai siêng năng mạnh mẽ thì ngày ăn một lá, kẻ yếu ớt thì ngày ăn bảy lá, hoặc có người ăn sáu, năm, bốn, ba, hai, một lá. Người ăn bảy lá thì uống bảy hớp nước, sáu lá thì sáu hớp nước, năm lá thì uống năm hớp nước, cho đến bốn, ba, hai, một lá thì uống bốn, ba, hai, một hớp nước. Nếu không có nước thì hớp bảy hớp không khí. Người ăn sáu lá thì hít sáu hơi; người

ăn năm lá thì hít năm hơi, đến bốn, ba, hai, một thì hít bốn, ba, hai, một hơi.

Số Phạm chí ấy nằm trên gai nhọn hoặc nằm trên tro đất, nằm trên đá, nằm trên chày. Em trai vua là Thiện Dung bèn hỏi các Phạm chí:

– Quý vị ở đây hành đạo thì sợ cái gì nhất?

Các Phạm chí trả lời:

– Vương tử nên biết, ở đây hành đạo thì không sợ điều gì, chỉ có bày nai thường tới đây, từng đôi, từng đôi bắt cặp nhau, khiến dâm ý chúng tôi sinh khởi, không thể đè nén nổi.

Nghe xong, vương tử liền sinh ý niệm xấu, ông nghĩ rằng: “Các Phạm chí này hành hạ thân xác phơi mình dưới nắng thiêu, mạng sống nguy hiểm và rất mong manh. Thế mà tâm dâm còn chưa dứt bỏ hết, huống chi các Sa-môn họ Thích, họ ăn uống rất ngon, ngồi trên giường đẹp, mặc y tốt, hương hoa xông ướp thì làm sao chẳng có tâm dục?”.

Nghe em mình bàn luận như vậy, vua A-dục buồn lòng. Vua tự nhủ: “Ta chỉ có một đứa em trai cùng nhau hưởng phước. Sao lại sinh tâm tà kiến như vậy? Ta phải tìm cách để dứt bỏ ý nghĩ xấu của nó, để nó chịu quả báo thì tội ta không phải nhỏ.” Vua liền vào cung ra lệnh cho bọn kỹ nữ theo hầu mình:

– Các nàng hãy trang điểm rồi đến chỗ vương tử Thiện Dung để cùng vui chơi với nó.

Trong khi đó, vua bàn tính với các quan:

– Ta có một mưu kế là khi nào ta ra lệnh cho các khanh giết vương tử Thiện Dung, thì các khanh hãy khuyên can ta là chờ bảy hôm nữa hãy giết.

Bây giờ các thị nữ đến đó vui chơi chưa bao lâu thì vua đích thân đến chỗ vương tử bảo:

– Tại sao nhà ngươi dám tự ý lang chạ với các kỹ nữ thê thiếp của ta.

Với nộ khí bùng bùng, vua liệng bánh xe lên trời, gọi các quan đến bảo rằng:

– Các khanh biết chứ, ta chưa già yếu, cũng không có quân giặc hùng mạnh nào dám đến xâm phạm biên cương của ta. Ta có nghe các bậc Hiền thánh đời xưa dạy rằng: Hễ ai có phước thì bốn biển quy phục. Hễ phước hết, đức mỏng thì kẻ thân tín làm phản, bỏ đi. Ta tự xét, thấy mình chưa hề có lỗi lầm nào, nhưng Thiện Dung, em ta, đã dụ dỗ kỹ nữ thê thiếp của ta mặc tình đùa giỡn, sự thể đã rõ ràng như vậy. Như thế, ta còn nghĩa lý gì nữa? Vậy các khanh hãy đem giết nó giữa chợ.

Các quan can ngăn:

– Dạ, xin đại vương cho phép hạ thân tâu bày! Hiện giờ, vua chỉ có một người em duy nhất. Vua lại không có con cái để nối ngôi. Vậy xin cho phép bảy hôm nữa chúng thần sẽ thi hành theo lệnh vua.

Bây giờ vua bằng lòng nghe theo lời can ngăn của họ. Vua lại mở rộng ân, ra lệnh cho các quan:

– Nay, ta cho phép vương tử mặc áo, đội mũ vua cho đủ uy dung như ta không khác, rồi cho vào cung của ta mà vui chơi ca hát.

Rồi vua ra lệnh cho một vị quan:

– Bắt đầu từ hôm nay, người mặc áo giáp, tay cầm gậy, tay cầm gươm bén, đến đó, bảo với Thiện Dung rằng: Vương tử có biết chăng? Kỳ hạn là bảy ngày, thời gian ấy sẽ đến! Vậy ngài hãy vui chơi thỏa thích! Bây giờ không mặc tình thụ hưởng, sau khi chết, có hối hận cũng vô ích.

Một ngày trôi qua, vị quan kia đến báo chỉ còn sáu ngày. Cứ lần lượt đến báo như vậy, cho đến khi chỉ còn một ngày thì vị quan kia đến thưa với vương tử:

– Vương tử nên biết sáu ngày đã qua rồi, chỉ còn một ngày mai nữa là cái chết sẽ đến với ngài đó. Vậy hãy cố lên mà vui với năm thứ dục lạc. Hết ngày thứ bảy, vua sai sứ gọi vương tử đến.

Vua hỏi:

– Thế nào vương tử? Trong suốt bảy ngày qua, ý chí người có được tự do sung sướng chăng?

Người em trả lời đức vua:

– Xin đại vương biết cho, hạ thần không thấy, không nghe gì hết.

Vua hỏi vương tử:

– Người mặc áo vua vào ở trong cung vua, vui chơi với kỹ nữ, ăn uống ngon lành, tại sao giờ trước

mặt ta, người dám nói láo rằng không thấy, không nghe gì hết.

Người em thưa với vua:

– Người bị tội chết thì dù mạng còn đây nhưng có khác gì người đã chết. Còn lòng dạ nào mà mê đắm năm thứ dục lạc, chung diện ăn mặc?

Vua bảo người em:

– Ôi, lời tâu của người ngu. Nay người có một thân, âu lo trăm mối, một thân mà không còn nghĩ đến ăn uống, nghỉ ngơi, hưởng chi các bậc Sa-môn họ Thích, người ta phải lo nghĩ đến ba đời. Thân này chết rồi lại thọ thân khác. Cả ức trăm ngàn đời nối nhau chịu khổ. Nhớ lại nỗi khổ não kia mà tâm ý lầy lừng, hoặc nhớ lại đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Khi được làm người thì phải làm tội tở cho kẻ khác. Hoặc có khi sinh vào nhà nghèo, thiếu ăn thiếu mặc. Nhớ lại những cay đắng ấy, nên mới xuất gia học đạo, tìm pháp vô vi để tu giải thoát. Nếu không tinh tấn thì phải trở lại nạn khổ nhiều kiếp.

Bấy giờ vương tử đến trước vua thưa:

– Hôm nay, nghe vua chỉ dạy nên tâm em được khai ngộ. Sinh, già, bệnh, chết thật là điều đáng chán vì nó gây ra lo buồn khổ não, trôi lăn không dừng. Cúi mong đại vương cho phép em được học đạo, khéo tu phạm hạnh.

Vua bảo với người em:

– Người nên biết đã đúng lúc.

Liên đó, vương tử từ giã vua đi xuất gia làm Sa-môn. Ông vâng làm theo lời răn dạy của Sư trưởng, tu tập đêm ngày không ngừng nghỉ. Sau đó, ông chứng quả Tu-đà-hoàn rồi lần tới quả A-la-hán, thấy suốt sáu đường, không còn gì trở ngại, cho nên nói: Sợ thì sợ ít vui.

Pháp vua gia tội nặng: Bây giờ, người ham mê dâm dục kia thường làm những việc nhơ nhớp, nên bị phép vua trị tội. Tất cả tài sản đều sung cho cửa quan. Y bị cắt tóc, tra khảo bằng roi gậy, khổ đau vô lượng. Hoặc bị nhốt vào ngục nhiều năm không được thả ra. Trị tội bằng năm thứ hình cụ là dây thừng, roi da, gậy gộc ngày ngày bị tra khảo, làm cho thân hình lở loét, máu mủ hôi thối khó đến gần. Ruồi nhặng bu cắn không biết né tránh vào đâu. Nằm ra đó mà tiểu tiện, muốn chết mà chết không xong. Ấy là kết quả của hành động dâm dật bất tịnh. Chết rồi bị đọa vào địa ngục khó có ngày ra.



Phẩm 5: Buông Lung (Phần 1)

*Bốn tánh không tự làm
 Tình biết không tự làm
 Không nghĩ con đường tắt
 Kẻ ngu cố gắng tìm.*

Bốn tánh không tự làm: Cái đáng làm lại không làm, cái không nên làm lại cứ làm, nên bị

người chê bai, hoặc làm theo lời kẻ khác mà chính mình không quyết định được. Do đó, đưa đến rối loạn, làm những việc buông lung. Cho nên nói: Bỏ tánh không tự làm.

Tình biết không tự làm: Nhìn biết việc ấy có hại cho mình, phá hoại chánh nghiệp, dẫn vào chốn tối tăm, cho nên nói: Tình biết không tự làm.

Không nghĩ con đường tắt: Không phải chỉ đêm ngày suy tính sông mà được của cải, khi thân chẳng chịu làm thì mọi mong ước không đạt kết quả, không thành tựu việc gì, cho nên nói: Không nghĩ con đường tắt là vậy.

Kẻ ngu cố gắng tìm: Việc làm của người ngu thì ít chất tuệ, không thông minh sáng suốt, không thể quyết đoán, không có phương cách. Sống ở đời thì không cư xử trọn nghĩa đời, sống trong đạo thì không cư xử trọn nghĩa đạo, cho nên nói: Kẻ ngu cố gắng tìm.



*Như xe đi đường
Không theo đường bằng
Theo đường tắt nguy
Khổ, trục xe gãy.*

Như xe đi đường: Xưa, có rất nhiều người cùng mười người lái buôn đi tìm châu báu rồi trở về nhà. Lúc ấy, có một người dùng xe chở của báu. Trong đó có vô số các thứ ngọc sáng vô giá. Xe

chở nặng chạy khắp khinh nên tụt lại sau, mất dấu các xe bạn. Tới thì không thấy các xe bạn còn thoái lui thì sợ bị cướp giựt nên người đánh xe cho xe chạy vào lối tắt. Đi chưa được mấy dặm thì xe bị sụp xuống lạch nước sâu, đùm và trục gãy tan. Lại nhằm chỗ đồng trống không có dân ở. Y đấm ngực kêu gào oán trách vu vơ, chỉ biết nhìn xe mà kêu khóc, không có cách nào tự cứu, không nghĩ cách báo cho người gần xa biết, cũng không chịu sửa chữa xe hư.

Bây giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn không tì vết, Ngài nhìn thấy người bạn lạc kia, đang kêu gào than khóc giữa đồng trống với chiếc xe gãy trục bể đùm ấy. Khi ấy, biết người kia đáng được độ thoát, Ngài sai một hóa nhân đến chỗ đồng trống ấy, ngồi kiết già trên hư không, người mắc nạn nhìn thấy người ngồi trên hư không, liền hướng lên mà cầu nguyện: “Hiện giờ con đang bị ách nạn, xin cứu giúp con đến nơi yên ổn.” Bây giờ hóa nhân liền dùng sức thần đưa cả của cải lẫn người này bỗng nhiên đến bên ngoài cửa tinh xá Kỳ hoàn. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người đáng được giáo hóa đã về tới ngoài cửa, các thầy nên dẫn đến chỗ Thế Tôn.

Tuân lời, các thầy Tỳ-kheo ra dắt người kia vào gặp Ngài. Người ấy khi thấy Phật thì tâm ý mở tỏ, xin được làm Sa-môn. Vị ấy liền được xuất gia, nghe pháp nhiệm mầu, hiểu rằng thân là vô ngã,

mọi hiện tượng đều không chắc thật, cõi đời này đều là khổ, chỉ có đạo mới chân thật. Trong đại pháp này, không còn nhiệt nảo, tất cả tài sản vật báu đều cúng dường cho Tam bảo. Chính nhờ phước duyên đời trước nên ngày nay con mới được gặp ruộng phước, nước, lửa và mọi tai biến khác không thể làm hại. Lòng càng vui mừng, tâm lành phát sinh.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lần lượt giảng nói các pháp nhiệm mầu, tức giảng dạy về bố thí, giữ giới, sinh lên cõi trời và dục là ý niệm bất tịnh, lậu là những cấu bẩn, thực hành nhiều phương tiện, khuyến khích tinh tấn tu học. Ở trước đại chúng, Đức Phật nói bài kệ này.

*Như xe đi đường
Không theo đường bằng
Theo đường tắt nguy
Khổ, trục xe gãy.*

Nghe bài kệ ấy, các thầy Tỳ-kheo ấy trong tâm tự nghĩ: “Hôm nay, Đức Thế Tôn nói pháp là chỉ nói riêng cho ta chứ không phải cho người khác. Vì sao? Vì như lời kệ nói đều nhắm vào những điều cần khổ mà thân ta phải chịu. Như Lai đều biết hết.” Các Tỳ-kheo này càng cung kính Phật, Pháp, Tăng hơn, tâm ý mở tỏ, chứng quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán, sáu thần thông thấu suốt, mọi ước nguyện đều kết quả. Đã ra khỏi ba cõi, không còn sinh tử.

Lúc bấy giờ, trong đại chúng có những người giữ gìn tâm ý không được vững chắc, muốn phạm cấm giới, quen làm những việc ái dục, trái với oai nghi, không sống theo đường chân chánh. Bấy giờ Đức Thế Tôn biết những gì mà tâm người ấy đang suy nghĩ, muốn làm cho đại chúng quên hết những lo buồn hoạn nạn, dứt bỏ tâm ác, được an ổn vô vi, nên Ngài nói thêm bài kệ nữa như vậy:

*Lìa pháp như thế
Tăng thêm phi pháp
Ngu chấp đến chết
Ắt bị gãy trục.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo đại chúng:

– Như người đi buôn kia đã bỏ đường bằng phẳng mà đi vào con đường tắt mới gặp tai họa gãy trục xe. Hôm nay, trong chúng đây, ai có tâm khác thì cũng như vậy. Họ muốn xa rời chánh pháp mà sống quen theo phi pháp, người ngu cố chấp đến chết, đọa vào đường ác. Các Tỷ-kheo nghĩ sao? Tại sao ở trước Như Lai mà có những suy nghĩ không trong sạch như vậy? Khi đối mặt với già chết thì không chỗ nương cậy, dù có kêu trời khóc lóc cũng không giúp ích gì cho thân thức. Nước mắt dù như sông suối chảy ra khắp bốn biển đi nữa, cũng không cách gì ngăn cản thân thức khỏi đọa vào đường ác. Nay Ta xuất hiện trên đời này là muốn dứt bỏ khổ não cho các chúng sinh. Những ai tham dục thì tự thiêu đốt mình, làm tận diệt dòng họ, đời

này, đời sau sinh về chỗ không yên ổn. Tỳ-kheo các thầy nếu phạm giới cấm thì ở ngay trong giáo pháp của Ta không đạt được giải thoát. Dù chư Phật nhiều như cát sông Hằng đi nữa vẫn không thể cứu được.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy khắp mình nổi ốc, trong tâm sợ hãi, ăn năn tự trách. Đức Phật biết tâm họ đáng được hóa độ nên Ngài lần lượt nói pháp cho họ nghe để xua tan mọi trần lao, được mắt pháp thanh tịnh. Họ lần lượt chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, chứng được thần thông, vượt ra ba cõi, lìa hẳn tám nạn. Bảy giờ, nghe Phật nói xong, đại chúng vui mừng làm lễ rồi lui.



*Hạnh cũng phải chánh
Việc quấy không dự
Nẻo tà thêm cầu
Các lậu lấy lừng
Lậu đã lấy lừng
Bỏ tà, lậu hết.*

Hạnh cũng phải chánh: Tất cả các điều lành, cội gốc phước đức, thiện pháp, gọi là hạnh vậy. Đêm ngày gần gũi kho tàng pháp yếu thì đến được vô vi. Nhưng con người hay bỏ chánh theo tà, những việc không nên làm lại làm, những việc nên làm thì họ lại không làm. Họ đã quen sống với pháp

không lành thì lìa bỏ đường lành, địa ngục gần kề, cho nên nói: Hạnh cũng phải chánh.

Việc quấy không dự: Việc quấy là buông lung, ham mê đắm dục, quen làm những việc không cần thiết, cho nên nói: Việc quấy không dự.

Nẻo tà thêm cầu: Ý theo nghiệp tà vạy không chân chánh thì tâm như con vượn năm cành này bỏ cành kia. Tâm như sông chảy mãi thì ý không chân thật, không yên ở trong pháp lành, như đầu rụng hết tóc thì bông bám vào đâu? Cho nên nói: Nẻo tà thêm cầu.

Các lậu lấy lòng: Như rừng tre trúc lau sậy, như hang hốc lạch sông nước tràn lan khắp cả. Ý không chuyên nhất, tâm thường rong ruổi theo các trần lao, hữu lậu, cho nên nói: Các lậu lấy lòng.

Lậu đã lấy lòng: Lậu trước, lậu sau đâu có khác nhau? Đáp rằng: Không tu pháp lành thì ý thường rong ruổi, ngày đêm thêm nhuần thấm. Không chuyên buộc niệm mà buông lung vui chơi thì chỉ làm cho phiền não thêm lấy lòng, cho nên nói: Lậu đã lấy lòng.

Bỏ tà, lậu hết: Mong xa lìa hẳn, không sống với tà vạy. Chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở quá khứ đâu có ở lâu với chúng ta. Người nào buông lung thì bị trói buộc không giải thoát được. Người trí suy xét những việc làm ấy, biết gốc đạo mất đi từ chỗ buông lung, nên họ luôn luôn suy tư

cầu pháp lành. Muốn tự kính trọng thì trước hết phải kính trọng chánh pháp, cho nên nói: Bỏ tà, lậu hết.



*Nhiều người nương tuệ tạm
Thường nghĩ tai họa thân
Không làm những việc quấy
Không bỏ việc cần làm
Nên suy nghĩ trí tuệ
Các hữu lậu dứt hẳn.*

Nhiều người nương tuệ tạm: Những pháp mà chư Phật, Thế Tôn nói thường là nêu việc thích hợp với căn cơ người nghe chứ không nói những việc luống dối, hoặc nói việc kín đáo mà không nêu tên. Hoặc khi nói cho Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe, có lúc chỉ rõ tên người mà nói, lại có lúc giấu tên người mà nói. Nhưng trong một bài kệ, việc giấu hay nói tên thì không nhất định. Cho nên Như Lai nói pháp không nêu ra việc mà nói. Để tổng kết lại tất cả nên nói kệ này. Hoặc vì răn dạy hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ý thường mạnh mẽ, không hề yếu đuối, không quên bổn thế, ý thường khuyến khích những người chưa đến với đạo, cho nên nói: Nhiều người nương tuệ tạm.

Thường nghĩ tai họa thân: Như trong kinh

Phật dạy, những ai xét nghĩ thân được gọi là bất tử. Nhờ xét nghĩ thân mà đến được đạo Cam lộ. Ai không xét nghĩ thân thì trái phạm với đạo. Những ai suy nghĩ về gốc của thân rõ ràng từng thứ một thì đạt tới đạo Cam lộ, mong ước được kết quả. Về đề án xét nghĩ thân có nói rộng trong kinh. Tôn giả Đàm-ma-thi-lê cũng nói về đề án này. Người nào trong suốt cuộc đời không có các niệm tưởng thì đạt được nhiều ích lợi tốt đẹp, sống trên đời sẽ không có các hoạn nạn nhờ xét nghĩ thân thường xuyên. Người ở núi thì có niệm núi, người ở nhà thì có niệm nhà. Không xa lìa đề án “xét nghĩ thân”, gọi là bậc Vô thượng, dù khi đi, khi đứng vẫn không rời sự xét nghĩ ấy, cho nên nói: Thường nghĩ tai họa thân.

Không làm những việc quấy: Chỗ mà tâm ý con người nhắm tới đều là nhằm đạt tới những việc không đúng pháp. Những gì không nên thuận theo, không nên gàn gỏi thì không gàn gỏi, những gì không nên truyền bá thì không truyền bá. Lại không được nói những chuyện không đúng pháp cho người nghe. Thường nghĩ đến việc lìa bỏ, không ở chung với họ, cho nên nói: Không làm những việc quấy.

Không bỏ việc cần làm: Thường tùy theo trường hợp nhưng không làm mất lời dạy rõ ràng của Phật. Trước, sau, khoảng giữa, xưa nay chưa hề trái đạo, cho nên nói: Không bỏ việc cần làm.

Nên suy nghĩ trí tuệ: Những loài có hình dạng thì phải chuyên nhất tâm suy nghĩ trí tuệ, dùng trí tuệ dứt các kết sử, giống như người làm vườn, tay trái nắm cỏ, tay mặt cắt nó. Người có trí tuệ cũng như thế, giữ niệm vững chắc, tâm không dời đổi, trí tuệ phân biệt, trí tuệ cắt đứt. Nhận thức mọi sự vật, biết cái nào chân nguy, gọi là trí, giảng nói pháp mầu thì gọi là tuệ, cho nên nói: Nên suy nghĩ trí tuệ.

Các hữu lậu dứt hẳn: Nơi nào có trí tuệ sáng soi thì nơi ấy bao nhiêu kết sử đều tan biến và khi đã trừ hết, nhỏ sạch cội rễ kết sử thì không còn sinh tử nữa, cho nên nói: Các hữu lậu dứt hẳn.



*Được gọi người trì pháp
Không cần thuộc nhiều kinh
Những gì nghe dù ít
Đủ làm tròn pháp thân.
Đó gọi người trì pháp
Dùng pháp tự nuôi sống.*

Được gọi người trì pháp: Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Thầy nên đến dạy dỗ đại chúng, giảng nói rõ cho người mới học nghe về ý nghĩa của pháp cao sâu. Vì sao? Vì những gì mà thầy răn dạy chính là những điều Ta răn dạy, những pháp vị mà thầy giảng nói chính là những pháp vị mà Ta giảng nói.

Lúc ấy Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Hiện giờ, các Tỳ-kheo mới học đạo khó có thể giác ngộ, như sáng sớm hôm nay, có hai thầy Tỳ-kheo tranh cãi. Một người luận về không, là đệ tử của Mục-liên, còn vị kia khéo nói, là đệ tử của A-nan, cả hai đều chấp vào chỗ hiểu biết của mình, cùng tranh cãi phải quấy với nhau, hai người cùng đấu lý coi ai thắng, ai thua, ai nghĩa lý nhiều, ai nghĩa lý ít.

Lúc bảy giờ, Đức Thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo mau đi gọi vị đệ tử Mục-liên luận về không và vị đệ tử A-nan khéo nói đến chỗ Như Lai. Vị Tỳ-kheo nghe Như Lai dạy liền đi gọi hai vị kia đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, hai vị đánh lễ sát chân Phật rồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo hai vị:

– Thế nào các thầy, các thầy có từng nghe Như Lai dạy trước đại chúng rằng có nên cùng người khác đấu lý hơn thua chăng?

Hai thầy đáp:

– Bạch Thế Tôn, không.

– Hai thầy là người không hiểu biết. Tại sao đối với giáo pháp cao cả mà lại tranh hơn thua?

Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ trên ở trước đại chúng, rằng:

*Được gọi người trì pháp
Không cần phải thuộc nhiều
Nhưng gì nghe dù ít*

*Đủ làm tròn pháp thân
Đó gọi người trì pháp
Dùng pháp tự nuôi sống.*

Nếu có ai lanh lợi thuộc một câu rồi suy nghĩ phân tích ý nghĩa nó thì sẽ dứt trừ hết hữu lậu mà vượt các thứ lớp chứng đắc đạo quả, đạt tới đạo quả thì không bao giờ còn ái dục, mọi kết sử đều dứt sạch. Nếu chưa đạt được thì phải tìm cách để đạt cho được. Chưa được chứng quả thì tìm cách để được chứng quả. Những người làm được như thế mới gọi là học rộng, gọi là trì pháp, vì họ đã nhờ pháp, thứ lớp tu tập theo pháp, chứng được pháp, hướng về giáo pháp. Suy nghĩ mỗi thứ, dạy bảo đúng pháp, không hề sai trái thiếu sót, cho nên nói: Trì pháp không cần phải thuộc nhiều. Dù nghe ít nhưng làm tròn pháp thân là được.



*Dù tụng tập nhiều nghĩa
Buông lung không theo chánh
Như đếm trâu người khác
Không được việc Sa-môn.*

Dù tụng tập nhiều nghĩa: Thuở xưa, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy, có một thầy Tỳ-kheo lạ từ nơi xa đến chỗ Thế Tôn. Thầy làm lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Giây lát, thầy Tỳ-kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi, tiến đến bạch Phật:

– Con nghe nói Tỳ-kheo học rộng, vậy có bao nhiêu vị được gọi là Tỳ-kheo học rộng? Như Lai nói Tỳ-kheo học rộng vậy phải đến một mức độ nào mới gọi là Tỳ-kheo học rộng?

Đức Phật trả lời thầy Tỳ-kheo:

– Các pháp Ta nói từ trước đến nay khó có thể tính kể được (*nhưng gồm trong mười hai thể loại là*):

1. Khế kinh: Văn trường hàng, nghĩa vị sâu xa.
2. Tụng: Lời lặp lại lần thứ hai để khỏi mất ý chính.

3. Ký: Nói về bốn bộ chúng, bảy vị Phật với bảy đời dòng dõi khi ra đời và lúc nhập Niết-bàn. Lại còn có mười sáu vị Phạm chí lõa hình, có mười bốn vị đã nhập Niết-bàn, hai vị chưa nhập Niết-bàn là Di-lặc và A-kỳ.

4. Kệ: Những bài kệ rải rác trong các kinh, ý nghĩa sâu rộng dồi dào.

5. Nhân duyên: Gặp nhân duyên thì nói, không có nhân duyên thì không nói.

6. Xuất diệu: Từ phẩm Vô thường đến phẩm Phạm chí, thu nhặt các yếu lý trong các kinh rồi giảng rộng ý nghĩa đó để dạy cho người mới học, nên gọi là Xuất diệu (Thí dụ).

7. Thành sự: Nói “Thành” nghĩa là như người trì luật ghi chép những điều phạm luật, nên gọi là thành sự.

8. Hiện pháp (Bổn sự): Nói “Hiện” nghĩa là ghi các việc bây giờ với mắt thấy tai nghe, nên gọi là Hiện.

9. Sinh kinh (Bổn sinh): Nói “Sinh kinh” là như tiền thân của Bột Lộc mẫu, kể ra một đời, nhiều đời, đến trăm ngàn đời, gọi là Sinh kinh.

10. Phương đẳng: Trước thì tóm lược rồi sau giảng rộng, bao gồm mọi việc.

11. Vị tăng hữu pháp: Như Tôn giả A-nan dùng pháp vị tăng hữu khen ngợi công đức của Như Lai.

12. Nghĩa kinh: Sở dĩ nói nghĩa là vì nghĩa của Khế kinh, nghĩa của kệ, tất cả đều thông suốt, không ngăn ngại.

Tỳ-kheo học rộng phải nghe hết những điều vừa kể trên. Lại nữa, nếu thầy Tỳ-kheo ấy là con nhà dòng dõi, dốc lòng kính tin, chỉ cần bốn câu kệ mà đọc tụng lanh lợi, thông suốt thì mọi pháp đều thành tựu. Đến với pháp, hướng về chánh pháp, lấy pháp để chứng được pháp, mỗi mỗi đều suy nghĩ, dạy bảo đúng pháp, không sai trái, thiếu sót. Tỳ-kheo nào đến ngang mức ấy mới gọi là học rộng. Còn như đọc thuộc nhiều, biết nhiều các kinh, nhưng không sống theo pháp ấy, không theo lời dạy của pháp ấy mà lại tự mình làm khác đi, làm cho pháp bị tổn hại thì không gọi là học rộng.

Đức Như Lai nói cho các Tỳ-kheo nghe một thí dụ:

Xưa có một người chăn bầy trâu nhiều con, bỏ trâu mình, đi đếm trâu kẻ khác rồi lại cho là trâu của mình. Như thế trâu mình đi lang thang gặp thú dữ ăn thịt hoặc lạc mất trong đồng cỏ, mỗi ngày có mất mát hao giảm mà không hay biết, y liền bị mọi người cười chê. Những kẻ ngu trên đời, không ai ngu hơn các thầy. Nhận bầy trâu của ai khác mà bảo là của mình. Tỳ-kheo học rộng cũng lại như vậy, là chính mình không thuận theo lời dạy của chánh pháp, mà lại đi khuyên người khác thực hành bốn thứ cúng dường như y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc men trị bệnh, lại khuyên tấn người giữ giới tu phước, làm những việc lành sẽ được quả báo tốt đẹp, tạo tội sẽ bị tai ương. Loại Tỳ-kheo học rộng ấy không giữ gìn giới cấm của Sa-môn, bị những người phạm hạnh chê cười. Các thầy Tỳ-kheo phạm hạnh bèn nhóm họp đi đến chỗ các Tỳ-kheo kia mà quở trách, can ngăn:

– Các thầy là người học rộng, hiểu và phân tích chuyện xưa nay rõ ràng, giảng nói những nghĩa sâu xa, nhưng không có khả năng sửa mình cho ngay thì làm sao sửa ngay cho kẻ khác được? Phạm giới cấm của Sa-môn, trái pháp, trái lời Phật dạy, tuy làm kiếp người, trong một đời không có làm lỗi, ai không có tội lỗi, kể cả các trời, thần tiên cũng còn có lỗi. Chỉ có người hiểu biết nhờ biết lo sợ trăm ngàn điều lỗi nên là bậc Thượng hạnh.

Bấy giờ, các vị phạm hạnh nói bài kệ rằng:

*Dù tụng tập nhiều nghĩa
Buông lung không theo chánh
Như đếm trâu của người
Không được việc Sa-môn.*

Bảy giờ, các Tỳ-kheo học rộng vốn là những người thông minh, như áo mới dễ ăn màu, họ chưa bỏ lỗi cũ, giữ tâm ý thanh tịnh dứt hết các lậu, chứng quả A-la-hán, được sáu thần thông, tự tại sống chết, ước nguyện thành tựu.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 7

Phẩm 5: Buông Lung (Phần 2)

*Ta thấy người xa đến
Có đủ các tướng tốt
Ắt là vua cõi đời
Không tôn ai làm thầy.*

Lúc bấy giờ, Bồ-tát hỏi A-lan:

– Sự chứa nhóm học vấn của ngài trải nhiều gian khổ, với mục đích là chứng được pháp gì mới vui thích?

A-lan trả lời:

– Chỗ học vấn của tôi vượt khỏi trời Sắc tướng mà đến Không xứ, ở trong khoảng đó, tôi được vui thích.

Lúc ấy Bồ-tát suy nghĩ: “A-lan không có trí tuệ, chỉ Ta có trí tuệ; A-lan không có lòng tin, chỉ Ta có lòng tin. Thế mà A-lan còn chứng được Không định ấy, hướng gì Ta tinh tấn tu học mà không chứng được quả Vô thượng Đăng chánh giác hay sao?”.

Lúc ấy Bồ-tát tư duy sắc tướng, suy nghĩ kỹ lưỡng, liền được Không định, liền hỏi A-lan:

– Thiên định của thầy chỉ đạt ngang mức Không đó thôi, hay còn vượt khỏi nó?

A-lan nói:

– Định ý mà Bồ-tát học chỉ ngang mức đó mà thôi, không còn loại định nào khác nữa để học.

Bấy giờ Bồ-tát suy nghĩ: “Bây giờ Ta nên tới chỗ ngài Uất-đầu-lam-phát.” Ngài liền đến chỗ của Lam-phát và hỏi rằng:

– Ngài tu học lâu năm, hiện giờ trong pháp môn của ngài, ngài đạt được thứ định nào mà thấy vui thích?

Lam-phát đáp:

– Chỗ tu học của tôi là từ Bất dụng xứ đến Hữu tướng, Vô tướng xứ.

Nghe xong, Bồ-tát liền nhập định. Ngài liền đạt tới Bất dụng xứ, đến Hữu tướng, Vô tướng xứ. Bấy giờ Bồ-tát suy nghĩ: “Ngài Lam-phát không có trí tuệ, chỉ Ta có trí tuệ. Ngài Lam-phát không có lòng tin, chỉ Ta có lòng tin. Thế mà Lam-phát còn chứng được định ấy, huống gì Ta siêng năng tu học mà không chứng được quả Vô thượng Đăng chánh giác ư?”. Ngài bèn suy nghĩ mà nói bài kệ rằng:

*Do tham, chúng sinh chết
Thích được định thế tục
Trôi lăn trong sinh tử*

Vào cõi tối tai họa.

Bấy giờ Bô-tát lại suy nghĩ: “Pháp này không phải là con đường cốt yếu để tới Niết-bàn. Ta phải tìm con đường xuất ly khác”. Ngài lại nói với Lam-phát bài kệ:

*Tôi sẽ bày xác chết
Rõ xương cốt dính nhau
Mục đích tìm phương tiện
Gốc sinh, già, bệnh, chết.*

Bấy giờ Bô-tát liền đi về phía trước, đến một nơi thanh vắng siêng tu khổ hạnh, hành hạ thân xác, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hoặc một hạt gạo, ròng rã như vậy suốt sáu năm liền. Một hôm, Bô-tát định đứng dậy đi, vừa đứng dậy thì bị té nhủi về phía trước. Vừa ngồi thì ngã ngửa ra. Bấy giờ, chư Thiên ở tầng trời Đâu-suất bay xuống giúp đỡ Bô-tát, họ thấy Bô-tát không còn hơi thở ra vào bèn cho là Ngài đã chết hoặc nhập diệt. Họ cảm động xót thương, liền nói bài kệ rằng:

*Giữ chắc tâm nguyện rộng
Cứu đời đến vô vi
Bỏ trôi Đạo-lợi kia
Để rồi chết nơi đây.*

Lúc ấy, có vị trời đến chỗ Bô-tát hỏi:

– Nếu như Ngài đã nhàm chán thức ăn uống có mùi vị trần gian thì xin Ngài hãy dùng thức ăn có mùi vị cõi trời để giữ gìn sức khỏe.

Bảy giờ Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu bây giờ Ta ăn dùng thức ăn có mùi vị cõi trời mà bỏ món ăn của trần gian thì như vậy là không phải lẽ.” Thế nên, Bồ-tát không nhận món ăn có mùi vị cõi trời do chư Thiên hiến cúng.

Rồi cứ thế, Bồ-tát từ tu khổ hạnh này đến khổ hạnh khác suốt sáu năm, rồi một hôm Bồ-tát cảm thấy sức lực mình sa sút trầm trọng, Ngài nghĩ: “Muốn chứng đạo Vô thượng Đăng chánh giác thì không cần phải hành hạ thân xác mới chứng thành đạo quả. Vậy, giờ đây Ta phải ăn uống thức ăn của cõi trần gian này, như gạo, lúa tẻ, mật ong, tiểu mạch, các loại dầu mỡ để xoa thân.” Bảy giờ, Bồ-tát liền nói kệ:

*Nấu rang ướp góc ái
Dùng tâm trí cắt lìa
Tâm là góc muôn tướng
Thân không phải kẻ thù.*

Lúc ấy, đúng như ý Bồ-tát nghĩ, có người đem dâng mật ong, sữa, cháo sữa và dầu mỡ để thoa mình. Lúc ấy, ở hai bên Bồ-tát có hai Phạm chí nữ dâng cúng những vật cần dùng. Lúc ấy hai cô gái này nuôi năm trăm con nghé mới đẻ, cho bú sữa hai trăm năm mươi bò mẹ, xong lại chọn nuôi hai trăm năm mươi con, cho bú một trăm hai mươi lăm bò mẹ, rồi lại chọn một trăm hai mươi lăm bò con cho bú sáu mươi bò mẹ, rồi lại chọn sáu mươi bò con cho bú ba mươi bò mẹ, sau đó lại chọn ba mươi

trâu con cho bú mười lăm trâu mẹ, lại chọn mười lăm bò con cho bú bảy bò mẹ. Cuối cùng chọn nuôi bảy bò con để lấy sữa làm thức ăn cho Bồ-tát. Sữa sôi bung lên cao một nhận rồi rơi lại xuống chỗ. Lúc ấy, có một Phạm chí là người xem tướng, thấy sữa sôi rồi lại rơi xuống chỗ như thế, ông nói rằng:

– Ai lập nguyện mạnh mẽ, ăn cháo sữa này thì sẽ thành đạo Vô thượng Đăng chánh giác.

Rồi hai cô gái lấy chén vàng đựng đầy cháo sữa đem dâng lên Bồ-tát. Bồ-tát nhận thức ăn, ăn xong Ngài múc nước súc miệng rồi thả chén ấy xuống dòng nước. Thích Đề-hoàn Nhân lấy chén đó đem về cõi trời. Đến khi sức khỏe đã hồi phục, Ngài bèn qua sông Ni-liên-thiên. Lúc ấy, bên bờ sông có một người tên Cát Tường đang cầm liềm cắt cỏ. Bồ-tát liền đến nói với Cát Tường:

– Xin cho tôi một bó cỏ để trải đất làm chỗ ngồi thiền.

Cát Tường liền dâng cho Ngài một bó cỏ. Ngài đem đến dưới gốc cây tự trải cỏ ra, rồi ngồi kiết già mà phát nguyện:

– Nay Ta ngồi dưới cây này mãi mãi, khi nào chúng được đạo Vô thượng Đăng chánh giác Ta mới đứng dậy.

Bảy giờ, ác ma dẫn mười tám ức ma quân và con của ma là Tát-đà đến chỗ Bồ-tát. Chúng hiện ra đầu thú mình người, hoặc một đầu mà hai mình,

hoặc hiện ra không biết bao nhiêu hình nào là khi, vượn, sư tử, cọp, tê giác, rắn độc, thú dữ. Chúng vác núi, phun lửa, tay cầm dao kiếm, mâu kích, thuẫn, giáo, đứng choáng cả hư không nhảy múa gầm thét để làm cho Bồ-tát sợ hãi, nhưng nhờ năng lực của tâm Từ bi nên Bồ-tát không hề lay động một mảy lông. Ngài liền chứng Vô thượng Đăng chánh giác, ma quân lui hết. Bảy giờ, Như Lai nhìn đăm đăm vào cây Đạo, mắt không hề nhắm.

Lúc bảy giờ, có ba người đi buôn từ nơi xa đang trở về quê cũ. Chư Thiên cố ngăn xe họ làm cho trục trặc không thể đi qua thẳng đường. Chư Thiên bảo họ:

– Đức Như Lai thành đạo đã bảy ngày, các ông hãy đến hiến cúng thức ăn uống.

Những người đi buôn liền lấy chén đựng đầy mật, sữa, đến chỗ Như Lai dâng lên cúng dường. Như Lai không muốn thọ nhận. Vì sao? Vì Như Lai tự nghĩ: “Nếu Ta đưa tay nhận lấy thức ăn này thì có khác gì Phạm chí ngoại đạo. Vậy Ta phải quán xét chư Phật, Thế Tôn quá khứ dùng vật gì đựng thức ăn?”. Ngài vừa suy nghĩ như vậy thì các vị trời ở trên không trung bạch rằng:

– Chư Phật quá khứ đều dùng bình bát để thọ thực.

Khi nói lời ấy xong thì bốn vị vua trời dâng lên cúng dường Phật bốn cái bình bát mà những người

thợ gốm giỏi cũng không làm được, mà là tự nhiên thành tựu. Bây giờ Như Lai lại nghĩ: “Bốn vị vua trời dâng bốn cái bát, nếu Ta nhận một bỏ ba hay nhận ba bỏ một thì đều trái lẽ. Vậy, giờ đây Ta phải nhận cả bốn, ép thành một cái”.

Bây giờ những người đi buôn kia đem mật, cháo sữa dâng lên cúng dường Như Lai, Như Lai liền chú nguyện:

– Nay người cúng dường thức ăn này cho Ta dùng để được sức khỏe, sẽ khiến cho thí chủ đời đời hưởng phước vui vẻ, không tật bệnh, sống lâu, được mọi điều tốt đẹp. Loài hai chân sống an ổn, loài bốn chân sống an ổn, kẻ từ xa đến an ổn, người sống ở đây an ổn, đêm an ổn, ngày an ổn, giữa ngày an ổn, tất cả loài để trứng an ổn, kẻ sống trong nhà an ổn, không bệnh tật, nội tâm an ổn, tất cả bà con quyến thuộc đều an ổn. Được nhiều thức ăn uống trong sạch. Đời thái bình trăm năm, sống trăm năm.

Khi ấy Đức Thế Tôn trong thời gian bốn mươi chín ngày im lặng không nói pháp. Ngài tự suy nghĩ muốn có người tự đến thỉnh Ngài nói pháp. Khi ấy dân chúng nước Ma-kiệt-đà nghe Bồ-tát đã chứng đạo ngày đêm tha thiết nhớ nghĩ Như Lai. Lúc ấy, trong nước Ma-kiệt-đà dịch khí đang hoành hành, những người đáng được hóa độ thì họ đã chết sinh lên cõi trời đến tám muôn người. Bây giờ Đức Thế Tôn lần đi về phía trước hóa độ, trước

hết là năm vị, kế là mười, kế là ba mươi bảy, kế là mười ba người trong mười ba ngôi làng nọ. Bây giờ, trên cõi Diêm-phù-lợi này đã có sáu mươi vị A-la-hán với Như Lai nữa là sáu mươi một. Khi ấy Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy đi khát thực trong nhân gian, cứ hai người làm bạn với nhau chớ có đi một người. Vì sao? Vì người ta sống trên đời này có người lành lợi có người chậm lụt, không gặp được Sa-môn thì mất cơ hội đạt được Niết-bàn.

Bây giờ Đức Thế Tôn chuyển sang đi đến làng của Phạm chí Uất-tỳ-lê. Ở đó, ngài hàng phục được một ngàn Phạm chí. Sau đó Ngài quay về hướng thành La-duyet.

Vua Bình-sa nghe tin Đức Phật đang đổi hướng đi về phía thành La-duyet mà khát thực trong dân gian, vua liền cho sửa soạn bốn thứ binh định đưa ra ngoài thành đón rước Phật. Các vị trời đóng cửa thành khiến vua không mang quân ra được. Vua liền hỏi những người chung quanh:

– Tại sao dừng lại không tiến ra?

Trên hư không có lời nói:

– Đại vương nên biết, có nhiều người có duyên với Phật nhưng họ đang bị giam nhốt trong ngục tối, nếu nhà vua đại ân xá thả hết họ ra thì nhà vua sẽ được thấy Như Lai.

Lúc ấy vua liền ra lệnh đại xá, tất cả tù nhân

đều được thả ra. Rồi vua liền ra khỏi thành, đến đón rước Đức Như Lai. Đức Như Lai trông thấy vua Bình-sa xuống xe, đi bộ đến chỗ Như Lai, rồi đánh lễ sát chân Ngài, vua xưng tên họ ba lần:

– Con là vua Bình-sa nước Ma-kiệt-đà.

Đức Thế Tôn nói:

– Trước đây, Ta đã biết vua nước Ma-kiệt rồi!

Sau khi mời vua ngồi, Đức Phật lần lượt nói pháp, khiến một muôn hai ngàn người nước Ma-kiệt và tám muôn vị trời đều dứt hết bụi nhơ, đạt được mắt pháp, cho nên nói: Người nước Ma-kiệt không buông lung, được duyên trong sạch mà sinh lên cõi trời.



Không dục được tiếng khen

Người trí hiểu rõ nghĩa

Không buông lung nhiều nghĩa

Được người trí thừa nhận.

Không dục được tiếng khen: Các bậc Hiền thánh có chánh kiến, lại được đệ tử của các Phật, Hiền thánh khen ngợi. Hạng người này có khả năng dẹp bỏ buông lung mà sống với hạnh trong sạch. Người không buông lung đối với các pháp lành được tăng thêm công đức, đạt nhiều ích lợi lớn. Người ở đời từ đời này cho đến đời sau, thường gặp pháp lành, gặp Hiền thánh, nghe pháp liền được giải thoát. Ấy là nhờ không buông lung

mà được tiếng khen như vậy. Bất cứ nơi nào, họ cũng là người tiếp nối dòng giống của Phật, làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian. Cho nên nói: Không dục được tiếng khen.

Người trí hiểu rõ nghĩa: Người học rộng thì vừa biết ý nghĩa thế tục, vừa biết ý nghĩa đạo pháp. Sao gọi là biết ý nghĩa thế tục? Như biết cày ruộng, trồng trọt hay ra biển tìm vật báu, hoặc giỏi thư, văn từ hay tính toán lịch số, hoặc biết khắc bản in sách, cất vào kho tàng, cả đến việc làm sứ giả cho vua mang quốc thư đến các nước gần xa, hoặc giảng hòa hai bên thù nghịch để cả hai cùng sống an lạc. Các ý nghĩa thế tục như vậy mà được thành tựu đều nhờ không buông lung. Thế nào gọi là người trí hiểu rõ ý nghĩa đạo pháp? Ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng. Ngồi thiền là gì? Hễ ai ngồi thiền, nhập định thì chứng được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạt được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng, vô tướng xứ, hoặc được bốn đẳng từ bi hỷ hộ, thần túc, thiên nhĩ, biết tâm người khác nghĩ gì, tự biết kiếp trước của mình, lại thấy chúng sinh chết đây sinh kia. Người không kiêu mạn thì nhập thiền định ý, chứng được các pháp này thành tựu nghĩa bậc nhất. Đó đều là nhờ không buông lung. Còn ai sống buông lung thì không bao giờ thành tựu việc gì cả. Cho nên nói: Người ngồi thiền được nhiều công đức.

Thế nào là tụng kinh mà có đủ khả năng tu tập? Các loại Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, Tập tạng và các thứ kinh điển mà ngoại đạo dị học đọc tụng, có người thuộc hết những thứ ấy, nhưng không bỏn xẻn việc giải cho người khác hiểu. Nếu có người ngoại đạo, dị học đến hỏi thì họ có khả năng trả lời, không còn chỗ nào ngờ vực. Kẻ sống buông lung thì không thể tu tập pháp này, kẻ buông lung thì không thể thành tựu công việc.

Thế nào là làm việc giúp chúng? Đó là người không buông lung, có khả năng khuyên bảo bốn chúng thờ phượng Tam bảo, xây cất chùa tháp, xây cất giảng đường, nhà ấm cho mùa đông, nhà mát cho mùa hè, hay xây cất nhà ăn, tu bổ những nơi xuống cấp, hư hoại, rải bông, thấp nhang, rưới nước quét dọn, rải nước thơm dưới đất, cung cấp những vật dụng cần thiết cho chúng Tăng vị lai, quá khứ, hiện tại. Người sống không buông lung thì có khả năng làm xong những công việc ấy. Trái lại, kẻ sống buông lung thì không làm được gì. Cho nên nói: Người trí hiểu rõ nghĩa.

Không buông lung nhiều nghĩa: Người không buông lung có nhiều của cải, vật báu, giỏi về các thứ kỹ thuật ở đời. Khi bắt tay làm thì muốn trở nên người xuất chúng tiêu biểu. Họ thu thập được nhiều chân châu, xa cừ, mã não, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, châu ma-ni vô giá. Đó là những món có được của người không buông lung ở thế gian.

Còn xuất gia học đạo thì người không buông lung sẽ chứng quả A-la-hán, được trí tuệ nhiệm mầu bậc nhất, nó giúp cho mình chứng được tam-muội Không nhập không, được tam-muội Vô nguyên nhập vô nguyên, được tam-muội Vô tướng nhập vô tướng. Đó là đạt được con đường trọng yếu đưa đến Niết-bàn, đó đều là nhờ không buông lung mà đạt được, cho nên nói: Không buông lung nhiều nghĩa.

Được người trí thừa nhận: Người được gọi là Trí là người có lời nói không có lầm lỗi. Khi nói thường mỉm cười, không có tâm kiêu mạn. Họ có khả năng làm phát sinh các công đức nói trên. Người không có trí tuệ thì không làm nên chuyện gì, cho nên nói: Được người trí thừa nhận.



*Nghĩa còn ở hiện tại
Và còn tới đời sau
Dũng sĩ giảng nói được
Đó là bậc Minh trí.*

Nghĩa còn ở hiện tại: Người không buông lung đối với pháp hiện tại được nhiều tài sản vật báu, hưởng phước tự nhiên, được mọi người nhớ nghĩ, lời nói được người ta nghe theo, vâng theo lời người ấy dạy bảo. Người buông lung thì không được như vậy. Cho nên nói: Nghĩa còn ở hiện tại.

Và còn tới đời sau: Người không buông lung

khi được làm người thì hay bổ thí, giữ giới, tu trai, thấy ai tu hành thì vui mừng. Lấy các pháp lành làm mùi thơm xoa cơ thể, trải trăm ngàn đời dung nhan vẫn tươi đẹp mãi, cho nên nói: Còn tới đời sau.

Dũng sĩ giảng nói được: Thích ứng theo lúc mà không để mất bản chất mình. Dũng sĩ chỉ cho Đức Phật và đệ tử Ngài, cho nên nói: Dũng sĩ giảng nói được.

Đó là bậc Minh trí: Mình có khả năng thành tựu các pháp tu, suy nghĩ chỉ rõ cho kẻ khác, là người dẫn dắt chỉ bày điều lành cho kẻ khác để dứt bỏ điều ác cho họ.



*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Tránh được nạn biển sâu
Như voi thoát bùn lầy.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy vua Batur-nặc có một con voi dữ, qua những chiến trận đều mang về chiến thắng. Nhưng một hôm, nó uống quá nhiều rượu lún xuống bùn sâu. Một số voi lớn và hàng ngàn người kè nhau kéo lên, nhưng không nhúc nhích được nó. Thấy vậy, có một người hiểu biết đến hỏi:

– Các vị đang làm việc gì thế?

Mọi người trả lời:

– Con voi lớn thiện chiến của nhà vua bị sa xuống bùn sâu, với sức mạnh của mấy ngàn voi và rất đông người cùng kéo nó lên, nhưng không nhúc nhích được nó.

Người hiểu biết liền hỏi:

– Trước đây sức mạnh của con voi này thế nào?

Mọi người đáp:

– Sức chiến đấu của con voi này không có giới hạn.

Người hiểu biết bảo mọi người:

– Các vị hãy cho các con voi về, tôi có thể kéo nó ra khỏi bãi lầy mà không cần các con voi ấy. Rồi thì người ấy tập hợp các trống, tù và rồi đánh trống khua chiêng lên inh ỏi như đang trong trận chiến, lại cho mọi người mặc áo giáp, cầm binh khí. Nghe trống dậy voi ngỡ là quân thù đang xâm nhập biên cương, hai bên đang giao chiến nên từ bùn sâu, voi bèn cố hết sức trườn mình lên, nhanh chóng theo quân sĩ chạy khắp bốn phía để chiến đấu.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc hỏi những người đứng bên cạnh:

– Ai đã ra sức kéo con voi ra khỏi bùn lầy như thế?

Mọi người tâu:

– Có một người hiểu biết ở nơi xa đến, người

này đã bày mưu hay mà cứu voi thoát nạn.

Vua liền ban thưởng và cho làm quan phụ tá.

Khi ấy, có rất nhiều Tỳ-kheo tai nghe mắt thấy việc ấy, bèn nghĩ rằng: “Voi thuộc loài lục súc không có trí sáng, rơi vào chỗ nằm chờ chết, nhưng khi nghe tiếng trống trận giục giã, nó từ bùn lầy liền trườn mình lên. Nhưng mọi người chúng ta chìm trong biển sinh tử, không tránh khỏi tai nạn trong năm đường ác, đầy dẫy khổ nạn về sinh, già, bệnh, chết độc hại đáng sợ, nhưng ta lại không thể tự cứu vớt mình được. Cùng nói theo nhau, thân này chết lại chịu thân sau. Hành động theo liên với tội lỗi, trôi lăn mãi trong sáu đường, không lúc nào ra khỏi”.

Từ đó các Tỳ-kheo đêm ngày tinh tấn không màng ăn uống nghỉ ngơi, gấp rút như chữa cháy trên đầu, như tránh kiếp lửa hỏa thiêu, các pháp đốt cháy kết sử, như sắt nung luyện nhiều lần mới thành đao kiếm bén. Con người cũng vậy, kết sử hết, còn lại tâm, hoát nhiên đại ngộ, chứng quả A-la-hán, được sáu thần thông, tự tại sống chết.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết, quán sát, Ngài biết được các Tỳ-kheo ấy giữ ý chí vững bền, lòng tin không lười mỏi, cùng khuyến tấn lẫn nhau. Đức Thế Tôn cũng biết việc voi trận nọ tự trườn lên khỏi bùn lầy. Vì muốn làm ngọn đuốc sáng lớn cho chúng sinh đời

sau, cũng muốn cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, mở rộng đại giáo, xa gần đều nghe, Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ này ở trước đại chúng:

*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
 Buông lung nhiều tội, lo
 Tránh được nạn biển sâu
 Như voi thoát bùn lầy.*

Tỳ-kheo cẩn thận, vui: Tỳ-kheo giữ hạnh, tâm không buông lung cả trong lẫn ngoài đều trong suốt, không có tí vết nhơ bấn. Tâm chí an trụ trong vô vi, vô nhiễm, vô uế, cho nên nói: Tỳ-kheo cẩn thận, vui.

Buông lung nhiều tội, lo: Nguồn gốc của mọi nỗi lo sợ thường do các tội lỗi. Nước mất nhà tan cũng do tội lỗi. Nó giống như lửa, như giặc, như thuốc độc. Người buông lung thì tâm ý điên đảo sai lầm, đọa vào địa ngục, tự mình nhảy xuống vực sâu, lại xúc xiểm kẻ khác nhảy xuống vực sâu, mắc nhiều lo sợ thì không bao giờ có tâm vui vẻ. Cho nên nói: Buông lung nhiều tội, lo.

Tránh được nạn biển sâu: Nạn biển sâu là gì? Đó là ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Từ ba đường ấy, muốn tìm mảy may pháp lành cũng không thể có. Ai có năng lực nhô mình ra khỏi thì được quả Tu-đà-hoàn. Còn muốn thoát ra khỏi nạn ngạ quỷ, súc sinh thì phải lìa các tai hoạn ở đời, không sống chung với tội ác, cho nên nói: Tránh được nạn biển

sâu.

Như voi thoát bùn lầy: Lúc ấy con voi thiện chiến tự nghĩ: “Từ trước đến nay ta được hưởng ân sủng của vua, ăn uống ngon lành. Trước, ta ăn uống rồi đã chiến đấu cho vua, không trận nào không thắng. Ngày nay nếu ta chìm trong bùn lầy này mà không tự thoát ra để chiến đấu cho vua thì tiếng tăm ta sẽ mất, lại làm cho cả nước mang nhục”. Cho nên nói: Như voi thoát bùn lầy.



*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Phá tan hết pháp ác
Như gió thổi lá rơi.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong hang Thạch thất, vườn Cam-lê, nước Ma-kiệt. Bảy giờ, có rất nhiều Tỳ-kheo ở trong chúng, đêm ngày hành đạo. Cây cối sum suê, bóng mát che dày, cả đến ban ngày cũng không nhìn thấy nhau. Bọn trộm cướp ung dung tung hoành làm nhiều việc bạo ngược, làm cho các thầy Tỳ-kheo hành đạo phải lo sợ. Khi tiết thu sang, gió thổi lá rụng hết, nhìn thấy rõ nhau, bọn cướp phải ẩn núp. Bảy giờ các Tỳ-kheo lại nghĩ rằng: “Bởi cây lá sum suê, bóng mát che dày nên bọn giặc mới tha hồ tung hoành. Việc bên ngoài là vậy, việc bên trong cũng thế. Râu tóc răng móng, hình dung đẹp đẽ bên ngoài đầy các kết sử,

gian trá, ái dục, phóng dăng. Chúng rình rập cơ hội thuận tiện cướp đoạt hết của cải pháp lành.”

Đến giờ, rất đông các Tỳ-kheo ôm bát vào thành khất thực, rồi trở về tinh xá, trải đồ ngồi, giữ gìn tâm ý, buộc niệm trước mặt, suy nghĩ phương cách để đánh gục giấc kết sử, dần dứt bỏ mọi nhơ bẩn, ái dục cõi Dục, ái dục cõi Sắc, ái dục cõi Vô sắc.

Bảy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, không chút tì vết, Ngài thấy các Tỳ-kheo khuyên tấn lẫn nhau với tâm tha thiết. Rồi mỗi vị tìm nơi thanh vắng suy nghĩ, tìm cách dứt bỏ ái dục cõi Dục, ái dục cõi Sắc, ái dục cõi Vô sắc. Khi ấy, muốn chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian và muốn làm ngọn đuốc sáng lớn cho chúng sinh đời sau, muốn mở mang đại giáo cho xa gần đều được nghe, nên Đức Phật, ở trước đại chúng nói bài kệ này:

*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Phá tan hết pháp ác
Như gió thổi lá rơi.*

Kết sử dù gom nhóm nhiều nhưng bị lửa trí tuệ đốt cháy. Điều ấy không do thầy dạy mà do tự nhiên giác ngộ. Nếu kẻ hậu học mà thực hành theo pháp ấy thì đó là bậc thượng trong những người tu học. Còn nếu thọ học với thầy mà không tiến bộ thì

đó là bậc hạ trong những người tu học. Như vậy, các thầy hãy cầu học theo bậc thượng, chớ học theo bậc hạ.



*Tỳ-kheo cần thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Dù kết sử trói chặt
Nhưng lửa tuệ đốt trụi.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong hang Thạch thất, vườn Cam-lê, nước Ma-kiệt. Bấy giờ, có rất đông Tỳ-kheo đêm ngày hành đạo. Nơi đây cỏ cây rậm rạp, không nhìn thấy nhau. Bọn cướp tha hồ tung hoành, bạo ngược, làm cho các Tỳ-kheo hành đạo phải lo sợ. Khi tiết thu sang, gió thổi lá rụng hết. Nhìn thấy rõ nhau, bọn cướp phải ấn núp. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Bởi cây sum suê dày đặc nên bọn cướp mới tha hồ tung hoành. Việc bên ngoài là vậy, huống nữa là việc bên trong, tóc lông răng móng, hình dung đẹp đẽ bên ngoài che đậy của kết sử, gian trá, ái dục phóng đảng bên trong. Chúng rình rập cơ hội thuận tiện cướp đoạt hết của cải pháp lành”.

Đến giờ, rất đông các Tỳ-kheo ôm bát vào thành khất thực, rồi trở về tinh xá, trải đồ ngồi, giữ gìn tâm ý, buộc niệm trước mặt, suy nghĩ phương cách để đánh gục giấc kết sử, dần dứt bỏ mọi nhớ bản, cắt đứt ái dục cõi Dục, ái dục cõi Sắc, ái dục

cõi Vô sắc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn, không chút tì vết, Ngài thấy các Tỳ-kheo khuyến tấn lẫn nhau với tha tâm thiết. Rồi mỗi vị tìm nơi thanh vắng suy nghĩ tìm cách dứt bỏ ái dục cõi Dục, ái dục cõi Sắc, ái dục cõi Vô sắc. Khi ấy Đức Thế Tôn muốn cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian và muốn làm ngọn đuốc sáng lớn cho chúng sinh đời sau, mở mang đại giáo cho xa gần đều được nghe, nên Đức Phật, ở trước đại chúng nói bài kệ này:

*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Dù kết sử trói chặt
Nhưng lửa tuệ đốt trụi.*

Giống như lửa đồng trống thiêu rụi hết cỏ rậm, không còn sót thứ gì. Việc này cũng vậy, dứt trừ kết sử cõi Dục, không còn để lại chút gì.



*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Mỗi người theo thứ lớp
Dứt hết các kết sử.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong hang Thạch thất, vườn Cam-lê, nước Ma-kiệt.

Bấy giờ, có rất đông Tỳ-kheo ngày đêm hành đạo. Đến giờ, các thầy vào thành khát thực. Giữa

đường, các thầy gặp lúc vua thu thuế, lấy lời đem vào kho vua. Thấy vậy, các thầy Tỳ-kheo nghĩ: “Vua ra lệnh thì nhân dân đều phải tuân hành. Huống chi nay Như Lai có kho tàng vô lượng của báu, đó là những gì? Đó gọi là bốn Ý ngăn, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Trục hành. Có các đạo pháp ấy thì các kết sử bị đứt trừ. Đạo ấy tốt đẹp không có gì cao hơn.” Cho nên nói:

*Mỗi người theo thứ lớp
Đứt hết các kết sử.*



*Tỳ-kheo cẩn thận vui
Buông lung nhiều tội, lo
Hiếu thảo nghĩa từng câu
Hành dứt, an ổn mãi.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong hang Thạch thất, vườn Cam-lê, nước Ma-kiệt.

Lúc ấy, đến giờ, có rất đông Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành khát thực. Các thầy thấy các vương tử, con trưởng giả đông đến mấy mươi vị. Họ đang cùng học bắn tên, đánh xe, quất roi. Những mũi tên lớp lớp cắm phập vào nhau, không bay lọt ra ngoài. Thấy vậy, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: “Các vương tử con nhà quý tộc học bắn cung mong được tiếng khen, để khi có giặc thì ngăn chặn, không để chúng lọt vào đất nước. Dù học nghề ấy, nhưng nếu

không rành giỏi thì khả năng chỉ bằng tơ tóc. Phân tích suy nghĩ về Tứ đế thì phải buộc nó vào lòng, đó mới là học thuật.”

Các Tỳ-kheo sau khi khát thực, ra khỏi thành, trở về tịnh xá, rửa tay chân, trải đồ ngồi, ngồi kiết già, buộc niệm trước mặt, ngày đêm không nghỉ ngơi, liền thấy được Tứ đế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn trong suốt, không chút tì vết, Ngài thấy các Tỳ-kheo khuyến tấn lẫn nhau với tâm tha thiết. Rồi mỗi vị tìm nơi thanh vắng suy nghĩ để dứt bỏ ái dục cõi Dục, ái dục cõi Sắc, ái dục cõi Vô sắc. Khi ấy Đức Thế Tôn muốn cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian và muốn làm ngọn đuốc sáng lớn cho chúng sinh đời sau, mở mang đại giáo cho xa gần đều được nghe, nên Đức Phật ở trước đại chúng, nói bài kệ này:

*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Hiểu thấu nghĩa từng câu
Hành dứt, an ổn mãi.*



*Tỳ-kheo cẩn thận, vui
Buông lung nhiều tội, lo
Gây chuyện bé xé to
Chứa ác vào hố lửa.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-

đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bảy giờ đệ tử Phật là Câu-đề đối với quả vị A-la-hán thì chúng đắc rồi lui sụt đến sáu lần, đến lần thứ bảy khi biết mình đã chứng. Ông liền tìm gươm bén tự sát vì sợ bị lui sụt lần nữa. Bảy giờ ác ma Ba-tuần chạy khắp nơi tìm kiếm thầy Tỳ-kheo này, vì chúng không biết thần thức thầy ở đâu, không biết thần thức sinh nơi nào, chúng đến hỏi Phật, đã tìm kiếm thần thức thầy ấy khắp nơi, nhưng không biết ở chỗ nào, tìm kiếm Câu-đề cũng không thấy thầy ấy ở đâu. Đức Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo Câu-đề đã diệt độ, thần thức thầy ở trong không và hợp thể với không.

Nghe vậy, ác ma sinh tâm uất hận độc ác, cất mình nhảy xuống ao tắm Thanh liên hương. Nước trong ao sôi lên dữ dội, các loài như ba ba, các đà đều chết hết. Lúc ấy Tỳ-kheo Câu-đề với đạo quả thì chúng đắc rồi lui sụt đến sáu lần. Các vị A-la-hán thấy Câu-đề lui sụt đạo quả cũng sợ mình bị lui sụt như thế. Do đó, suốt đêm ngày các vị hết sức siêng năng tu đạo Hiền thánh, hiện ở trước mắt.

Bảy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn trong suốt, không chút tì vết, Ngài thấy các Tỳ-kheo đắc đạo mỗi vị tự siêng năng tinh tấn đối với quả chứng sợ sẽ lui sụt. Và muốn cho đại pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, cũng muốn làm ngọn đuốc sáng lớn cho chúng sinh đời sau, nên ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Tỳ-kheo cần thận, vui
 Buông lung nhiều tội, lo
 Gây chuyện bé xé to
 Chứa ác vào hố lửa.
 Giận dữ bùng bùng
 Nước lạnh bùng sôi
 Ác đến, tội kéo
 Chịu báo vô cùng.*



*Ngày đêm phải tinh tấn
 Giữ giới cấm cho bền
 Được bạn lành kính trọng
 Bạn ác không nhớ nghĩ.*

Ngày đêm phải tinh tấn: Vì sao? Vì nói tinh tấn xa lìa tướng mạo phi pháp, xa lìa pháp bất thiện, tinh tấn đối với pháp lành, tinh tấn để diệt hữu lậu tà kiến, mọi điên đảo, nghi ngờ, do dự cũng đều dứt bỏ hết. Lại tìm cách dứt bỏ các tập khí kết sử, cho nên nói: Ngày đêm phải tinh tấn.

Giữ giới cấm cho bền: Khéo nhớ nghĩ tu tập các oai nghi của thân, miệng, ý. Tâm như kim cang không gì phá vỡ được. Giữ cấm giới bền chắc thì ngoại tà không được dịp làm hại. Giới cấm là hai trăm năm mươi giới, giữ gìn bền bỉ, không nên biếng trễ. Phòng ngừa, kiêng dè, phải cố gắng không một lần bỏ quên pháp. Nếu dâm, nộ, si nổi lên thì phải dứt trừ không cho chúng sinh khởi, cho

nên nói: Giữ giới cấm cho bền.

Được bạn lành kính trọng, bạn ác không nhớ nghĩ: Bạn lành là người có chánh kiến, tu hành các pháp chân chánh đều thành tựu. Được mọi người kính trọng hết lòng, nhớ nghĩ không sống buông lung, cho nên nói: Được bạn lành kính trọng. Bạn ác là bạn xấu. Họ bỏ lành, theo ác, khi thấy người hiền, người tu đạo đức thì tâm ganh ghét, không muốn nghe nhìn, cho nên nói: Bạn ác, không nhớ nghĩ.



*Không nhớ nghĩ, buông lung
Cũng không luyện pháp tu
Ngủ nghỉ không biết thức
Đó là vào vực sâu.*

Không nhớ nghĩ, buông lung: Vui nhiều thì làm quên tánh ý, tâm làm loạn, sự bố thí không còn. Ý nghĩ lành tàn rụi, ý nghĩ ác gia tăng. Ý nghĩ ác đã sinh thì rơi vào đường ác, bị mọi người ghét bỏ. Người buông lung thì ngày đêm suy nghĩ ta phải bỏ cái này, lấy cái kia, hoặc sinh tâm hãm hại kẻ khác, khởi lên bao ý niệm, cho nên nói: Không nhớ nghĩ, buông lung.

Không nhớ nghĩ đến tu hành thì ý thường biếng nhác. Đã có tâm biếng nhác thì bị đạo lần tục đều bỏ đi. Thế nào là thế tục bỏ đi? Như trong khế kinh của Phật có nói: Con ông trưởng giả là người lười

biếng, mắc sáu pháp phi nghĩa bị tội với luật pháp. Sáu pháp phi nghĩa ấy là:

1. Việc phải làm ngay mà không chịu làm.
2. Việc làm giải đãi mà không làm vì cho là mới ăn no.
3. Việc nên làm mà không làm vì lấy có đang quá đói.
4. Việc nên làm mà không làm vì lấy có đang nóng quá.
5. Việc nên làm mà không làm vì lấy có đang lạnh quá.
6. Việc nên làm mà không làm...

Đó gọi là con ông trưởng giả là người lười nhác⁵, mắc sáu pháp phi nghĩa bị tội đối với luật pháp, không đến được con đường Vô thượng chân chánh, cho nên nói: Thế tục bỏ đi.

Thế nào là đạo pháp bỏ đi? Đó là Tỳ-kheo không đọc tụng Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm và Tập tạng, không ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng. Đối với pháp hiện tại, không đến chỗ rốt ráo, không chịu tu tập. Đối với việc đời, việc đạo không hoàn toàn tu tập. Sao gọi là không tu tập đối với việc đời? Ý không gấp rút tạo dựng mệnh tài và phi mệnh tài. Mệnh tài là: Voi ngựa trâu dê, đầy tớ, kẻ hầu, người sai khiến. Phi mệnh tài là tiền của vàng bạc, bảy báu, lúa thóc, ruộng vườn, các vật

5. Mạn nọa là lười biếng trễ, nhác, không hàm nghĩa phách lối.

nuôi sống. Những tài sản ấy cất giấu không chắc nên bị trộm cướp. Đó gọi là không lo liệu việc đời. Không tu tập đối với đạo pháp là không giữ gìn các giác quan của mình. Niệm trước được niệm sau, các niệm nối nhau, niệm ác theo ngay, không dung niệm lành. Như nước trên núi chảy xuống, có người muốn cắt đứt giữa chừng, không cho chảy nữa, thì không bao giờ làm được. Người buông lung cũng lại như vậy. Các niệm ác nối theo nhau không dứt. Có người muốn làm phát sinh niệm lành ở khoảng giữa hai niệm trước và sau, cũng không bao giờ được. Vì sao? Vì các niệm ác nối nhau không bao giờ dứt. Cho nên nói: Cũng không luyện pháp tu.

Ngủ nghỉ không biết thức: Giống như có người thỉnh thoảng đang nghe pháp giữa đại chúng, thì bị ngủ gục. Có khi đang nói chuyện với người thì ngủ thiếp đi. Chỉ có người hiểu biết mới biết cách khuyên bảo. Hoặc hết lòng can ngăn, hoặc dùng lời mắng nhiếc, hoặc dùng phương cách là trước nổi giận sau ngọt ngào. Cho nên, Đức Thế Tôn xuất hiện trên cõi đời sôi bỏng giảng nói cho mọi người nghe về pháp sinh tử như lửa nóng cháy hừng. Nếu biết rõ được cội nguồn của khổ thì không còn các tai hoạn này. Nếu không có phương pháp khéo léo cầu các pháp lành thì mỗi ngày một suy hao, mà hữu lậu thì lại thêm nhiều, cho nên nói: Ngủ nghỉ không biết thức.

Đó là vào vực sâu: Giới có hai nghiệp: một là hai trăm năm mươi giới thanh tịnh như vàng vòng, hai là đối với các pháp lành, không tu học tất cả, không cầu hết hữu lậu, chứng được vô lậu, cũng không cầu Tu-đà-hoàn hướng, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hướng, chứng quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm hướng, chứng quả A-na-hàm, A-la-hán hướng, chứng quả A-la-hán. Đối với các pháp ấy, không chịu tu tập, đó là tự mình rớt xuống vực sâu, không đến chỗ rốt ráo. Đó là kẻ tu hành rơi vào vực sâu. Còn kẻ tục rơi vào vực sâu là sao? Đó là những người sống ở thế tục mà không tập cỡi voi, phi ngựa, cầm móc câu, nắm dây cương chiến đấu với kẻ thù, nên tiến, nên lui ra sao, đều không chịu rèn luyện. Tự mình làm chìm mất tên tuổi tiếng tăm, không thành tựu gia nghiệp, cho nên nói: Đó là vào vực sâu.



*Thường dứt bỏ tội trước
 Khiến không mất chánh niệm
 Không khởi tâm kiêu ngạo
 Ưa tu những pháp lành
 Pháp lành khéo ngủ yên
 Đời này như đời sau.*

Thường dứt bỏ tội trước: Như người từng xuống biển, họ biết rõ mọi ngõ ngách hố sâu của những chỗ phải đi qua. Chỗ này, chỗ nọ..., chỗ rượu chè, nơi đánh bạc chơi bời, nhà bán dâm. Các

nơi đó, phải lo xa lánh. Nếu ra biển gặp trái Ma-đàn-na cũng chớ ăn, nếu ăn trái ấy thì không thể thu lượm được châu báu. Người giữ giới luật cũng như thế. Phải chỉ rõ đường thẳng cho mọi người. Thường xa lánh những nơi phi pháp. Nếu vào những nơi phi pháp thì không thể đón nhận được pháp sâu xa. Như người vốn không rành đường sá mà muốn đi qua đó thì chắc chắn sẽ gặp nhiều trở ngại, mất mát của cải. Ai đi theo đường lớn, không theo lối tắt cong queo thì được về nhà bình yên. Nội pháp cũng như vậy, nếu giữ gìn pháp lành thì điều ác từ bên ngoài không xâm nhập được. Thường nhớ nghĩ, tư duy, không bao giờ lãng quên niệm bên trong. Cho nên nói: Thường dứt bỏ tội trước, khiến không mất chánh niệm.

Thế nào là *không khởi tâm kiêu ngạo*? Lúc nào cũng thường giữ gìn chánh niệm, không khởi tâm ganh ghét, phách lối. Thường giữ tâm mạnh mẽ, không biếng trễ. Tâm chí không buông lung, tu tập các pháp, đầy đủ mọi điều lành. Như người dùng sĩ mặc áo giáp, cầm gậy có khả năng lướt qua mọi hoạn nạn bên ngoài. Tâm không yếu hèn, tay cầm cung tên chân không lùi bước, thì không còn lo sợ bất cứ kẻ địch nào. Thầy Tỳ-kheo cũng như vậy, phải giữ tâm bền chặt, phát thệ nguyện rộng lớn, tự kiểm chế mình, giết giặc kết sử, không còn ngờ vực. Cho nên nói: Không khởi tâm kiêu ngạo.

Thế nào gọi là *wa tu những pháp lành*? Pháp

thì gồm pháp lành, không lành, vô ký. Đức Thế Tôn nói: Phải nhớ dứt bỏ bất thiện, vô ký mà lo tu pháp lành. Vì sao? Vì pháp ác đưa người ta vào chỗ ác, pháp vô ký khiến người ta rơi vào ngu si mê lầm, pháp lành đưa người ta sinh vào cõi trời, cõi người, hoặc vào cảnh giới vô vi Niết-bàn. Cho nên nói: Ua tu những pháp lành.

Thế nào là *pháp lành khéo ngủ yên*? Không còn sợ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu bị ai làm nhục cũng không sợ hãi. Ngủ thì lặng yên, thức dậy thanh thản, cho nên nói: Pháp lành khéo ngủ yên.

Đời này như đời sau: Đời này không còn lo âu khổ não. Vì sao? Vì khéo tu pháp lành đó thôi! Đời sau sinh ra được gặp Hiền thánh, không xa lìa các chỗ lành. Đó là bởi đời đời nối tiếp nhau khéo tu các pháp lành mà có được như vậy, cho nên nói: Đời này như đời sau.



*Suy nghĩ không buông lung
Làm nhân, học theo nhân
Nhờ đó hết lo buồn
Thường nhớ nghĩ diệt ý.*

Suy nghĩ không buông lung: Lìa bỏ năm thứ ràng buộc, không ở trong năm đường, suốt ngày suy nghĩ pháp dẫn dắt Tỳ-kheo, tu giữ giới cấm. Giới có hai nghiệp là hai trăm năm mươi giới và

Nhu thuận giới, tức phải ăn nói mềm mỏng, không có tâm hại người. Nhận lãnh những lời răn dạy của các vị Phạm hạnh, những lời dạy nghe được phải vâng giữ. Không đánh mất con đường xuất ly sinh tử của bậc Thánh, cho nên nói: Suy nghĩ không buông lung.

Làm nhân, học theo nhân, nhờ đó hết lo buồn: Định tâm không loạn, bên trong có lòng nhân từ che chở chúng sinh. Không quen theo thói ái dục, giận dữ, ngu si, chỉ nghĩ cách dứt bỏ ái dục để bước vào ngôi nhà Tịch tĩnh, cho nên nói: Học và làm theo nhân, nhờ đó hết lo buồn.

Thế nào là ***thường nhớ nghĩ diệt ý***? Là thường phải chuyên niệm, giữ ý không cho lãng xãng. Chớ tìm lỗi người, kiêu hãnh khoe mình. Đã được chánh định thì tà ma bên ngoài không phá được. Ác ma Ba-tuần không có dịp làm hại. Ác ma này thay đổi y phục biến thành cha mẹ, anh em đi đến để gạt gẫm người thiện nam, nhưng không được dịp. Khi tâm đã được định thì không bao giờ quên mất pháp lành vô lậu. Khi đã được pháp lành thì liền thọ danh hiệu Như Lai. Khi đã thọ danh hiệu thì Phật pháp được tồn tại lâu dài, cho nên nói: Thường nhớ nghĩ diệt ý.



Khéo cầu xuất ly

Thuận theo pháp Phật

*Phải diệt ma chết
Voi ra nhà đẹp.*

Khéo cầu xuất ly: Mau tìm cách thức, giỏi tìm bạn bè, chán họa sinh tử, dứt bỏ tham dục, lại suy nghĩ quán xét những vật bất tịnh thường rịn ra. Dù đang sống trong sinh tử nhưng tâm không đắm nhiễm sinh tử. Xuất ly nghĩa là xuất ly sinh tử, cũng xuất ly ba cõi, không còn sinh trở lại. Xuất ly cũng chính là xuất gia học đạo, vất bỏ gia đình, sản nghiệp, tu theo đạo Vô thượng. Xuất ly là phơi bày chí khí trong sáng của mình, không tìm cách che đậy, cho nên nói: Khéo cầu xuất ly.

Thuận theo pháp Phật: Thế nào là thuận theo pháp Phật? Là giữ gìn chánh kiến, không theo tà kiến, tương ưng với sự thực hành, không thiếu tâm đạo. Tương ưng với sự thực hành chính là chứng quả A-la-hán. Không thiếu tâm đạo nghĩa là phải dứt bỏ các kết sử, các pháp bất thiện, các tà kiến điên đảo. Nếu làm trái các điều vừa nói thì không tương ưng với Phật pháp, cho nên nói: Thuận theo Phật pháp.

Phải diệt ma chết: Thế nào là ma chết? Chính là một trăm lẻ tám kết sử. Phải tìm cách dứt bỏ, không để chúng sinh ra nữa. Lại nói về thế nào là bọn ma chết? Đó là sinh, già, bệnh, cũng phải tìm cách dứt bỏ không để chúng tái sinh. Giương cao ngọn cờ thế nguyện rộng lớn, đánh trống Tứ đẳng (Tù, Bi, Hy, Xả), kêu gọi những người được hóa độ

hãy từ bỏ sinh, già, bệnh, chết, treo phướn giải thoát, phát tiếng nói lớn vang khắp thế giới, thông báo cho các loài bò bay máy cựa biết rằng nay Ta đã thành đạo Đẳng chánh giác. Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh. Phải biết đúng như thật. Các thầy cũng phải như Ta là nhỏ sạch cội gốc sinh tử, bước vào thành vô úy, không còn bị các phiền não làm trôi lăn trong vòng sinh tử, cho nên nói: Phải diệt ma chết (kết sử).

Voi ra nhà đẹp: Xưa, có một người bắt được một con voi lớn, xiềng chân bằng xích sắt, đem dâng cho vua Ba-tư-nặc. Voi này rất hung dữ, giết hại nhân dân nhiều không tính kể. Có người đánh lại nó, nó phá chợ búa, nhổ hết cây trái, không thể ngăn cản nổi. Vua Ba-tư-nặc sai nhiều người vây bắt trói nó lại, bỏ nhốt vào nhà đẹp, trói chặt không cho ăn uống để trừng phạt sự hung dữ của nó.

Bây giờ, nhà vua lại cho chuẩn bị các voi dữ khác, đều đeo khí giới⁶ để đi đánh trận. Theo pháp đánh trận bằng voi thì lúc xung trận cùng la lên cho có khí thế. Bây giờ voi đang bị buộc trói ấy nghe tiếng la nọ, nó biết là đang có giặc xâm phạm cõi bờ. Nó rất giận dữ giựt đứt dây khóa mà xông ra, phá tan ngôi nhà đẹp, rong ruổi khắp nơi để chiến đấu với quân địch. Ai nấy thấy vậy đều kinh hoàng

6. Gắn đủ thứ khí giới vào thân voi, như cặp song kiếm vào ngà, dao găm vào lỗ tai, đao thương vào đuôi vào chân v.v...

lo sợ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng dùng Thiên nhãn trong suốt, không chút tì vết, Ngài thấy con voi bị xiềng nọ thoát chạy được đem hết mạng sống đối đầu với quân địch, nó muốn tiêu diệt hết để tìm an vui mãi mãi. Đức Như Lai muốn làm sáng tỏ đức dũng cảm của nó để chúng sinh đời sau thấy tỏ được ý nghĩ trong sáng đó và cũng muốn chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ này:

*Khéo cầu xuất ly
Thuận theo pháp Phật
Phải diệt ma chết
Voi ra nhà đẹp.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Voi mạnh xuất hiện thì chắc chắn có lợi ích. Dù là thú nuôi, nhưng nó vốn có cái hiểu rất sâu sắc, sinh ra chỗ có tám nạn, xa lìa nhân nghĩa, khi nghe tiếng nhiều con voi được trang bị vũ khí đi đánh bọn giặc xâm lấn biên giới, nhất tề rống lớn lên, con voi của vua còn biết giựt đứt dây cột, rong chạy khắp nơi, sợ không tránh được nạn súc vật ngu tối mà còn được như vậy, huống nữa là Tỳ-kheo các thầy, luôn luôn theo hầu Như Lai, nghe cú nghĩa, vị nghĩa, cú thân, vị thân mà các thầy lại không có khả năng dứt bỏ mọi dính mắc kết sử, thoát hẳn sinh tử, lại tự cột trói trong lao ngục như

thế?

Ngài lại bảo bốn bộ chúng:

— Mọi sự trói buộc ở thế gian không gì bền chắc, hiểm nguy, làm hao mòn đạo pháp. Không thể lìa bỏ gia đình, dứt bỏ quyền thuộc, bỏ mọi ràng buộc dính líu với thế tục, tự không nhớ nghĩ đến đạo, lại không giáo hóa kẻ khác thực hành đạo ấy. Voi kia bị cột trói chưa qua mười hôm, nhưng nó đã tự tìm cách thoát khỏi mà được an ổn vô vi. Các vị đắm nhiễm sinh tử. Nhớ lại chuyện chịu tám thân vô số kiếp thì thân này chất cao như các núi non trong mười phương. Mắt thấy người chết mà đổ lệ nhiều như nước bốn biển trong mười phương. Số tóc mà con người dứt bỏ lại nhiều như số cỏ tươi trong mười phương, vậy mà còn chưa tránh được các tai nạn. Như người phạm trọng tội, một năm ba lần đổi nhà giam, được thả ra rồi lại bị nhốt vào, vì y không biết sửa đổi tội lỗi để được thả ra hẳn. Tại sao các vị lại tham đắm buông lung, không cầu giải thoát, thường ở tại gia, tiếp xúc, sống với biết bao ô uế, lo nuôi vợ, nuôi con nặng nề. Phải tìm cách hay để dứt bỏ tâm dính mắc ấy.

Bây giờ, mọi người được mở tỏ tâm ý, xin xuất gia nhập đạo. Họ bảo nhau: “Chúng ta phải dứt bỏ mọi trói buộc thế tục, lại phải dứt bỏ sự trói buộc sinh tử nữa.” Rồi họ chuyên tâm tinh tấn đêm ngày không ngừng nghỉ, ai nấy lần lượt chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Bấy giờ, Như Lai thấy các Tỷ-kheo đều thấy được đạo, Ngài vui mừng khen ngợi:

– Lành thay! Là những người con nhà dòng dõi phải làm những việc chân chánh, thế nên những người con nhà dòng dõi đã cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu phạm hạnh vô thượng, sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh. Biết một cách như thật. Thọ nhận của tín thí không luống uổng, rất xứng đáng làm ruộng phước cho người. Không phải chỉ bây giờ riêng Ta mới khen ngợi các vị, mà các vị đắc đạo khác cũng đều khen ngợi các người. Các vị có khả năng tự độ, lại có khả năng làm lợi ích cho kẻ khác. Xoay vần làm lợi ích cho nhau thì hạt giống Phật không bị đoạn dứt. Chánh pháp cũng được tồn tại lâu dài trên thế gian, nếu có chúng sinh bố thí kịp thời y phục, thức ăn, giường chõng, thuốc men thì được phước vô lượng, không thể tính kể.



*Nếu đối với chánh pháp
Không còn tâm buông lung
Dứt sinh, già, bệnh, chết
Vượt khổ qua bờ kia.*

Nếu đối với chánh pháp này mà bên trong tu học đều là chánh pháp. Không có tâm buông lung, mặc tình tha hồ không còn vào bào thai, thọ sinh

nhiều kiếp. Dù phải tái sinh thì cũng sinh vào trung quốc, dứt hết gốc khổ. Vì vậy Ta nói về nguồn cội của khổ, cho nên nói bài kệ rằng:

*Nếu đối với chánh pháp
Không còn tâm buông lung
Dứt sinh, già, bệnh, chết
Vượt khổ qua bờ kia.*



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 8

Phẩm 6: Niệm

*Nghĩ mừng sinh lo
Nghĩ mừng sinh sợ
Không có nghĩ mừng
Còn lo, sợ gì?*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một Phạm chí ngoại đạo, vốn ít con cái, chỉ có duy nhất một đứa con trai, nhưng rồi thằng bé chợt chết đi. Đêm ngày thương nhớ con, Phạm chí không còn thiết gì đến ăn uống, cởi hết áo quần, kêu gào thảm thiết nơi gò mả, thường nhớ mãi những nơi trước đây con mình đi đứng tới lui. Thế rồi, vị Phạm chí ra khỏi thành Xá-vệ, tới tinh xá Kỳ hoàn, đến chỗ Phật ngự. Phạm chí thăm hỏi Đức Thế Tôn và ngồi sang một bên. Đức Phật hỏi vị Phạm chí:

— Hôm nay Phạm chí các căn bất định, tâm ý bồn loạn, vậy có việc gì thế?

Vị Phạm chí bạch Phật:

— Bạch Đức Thế Tôn, tôi có một đứa con, nó đã

chết bỏ tôi, tôi muốn chết theo nó mà không được, nên đành sống đây thôi, vì thế các căn làm sao được yên ổn, tâm ý không bán loạn cho được? Tôi đã chăm nom, nuôi dạy nó từ bé, mong nó sớm lớn khôn. Thế mà nay nó đã chết, khiến lòng tôi buồn khổ, không thể khuây khỏa nổi. Từ lúc nó chết đến giờ, đêm ngày thương nhớ, tôi không còn thiết gì đến ăn uống, nghỉ ngơi, cởi hết quần áo, kêu gào khóc than bên gò mả, nhớ mãi những nơi trước kia con tôi đi đứng, tới lui.

Đức Thế Tôn bảo:

– Thế đó, Phạm chí, đúng như lời ông kể, tất cả buồn rầu khổ não đều phát sinh từ ân ái.

Nghe vậy, vị Phạm chí bạch Phật:

– Không phải như lời Cù-đàm nói, người đời ân ái sinh tâm vui mừng.

Bấy giờ vị Phạm chí nghe Đức Phật nói không đồng ý, liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi không ngoảnh đầu lại. Trên đường về, đi ngang qua xóm cờ bạc, vị Phạm chí thấy hai người đang ngồi đánh bài vui chơi, ông liền nghĩ: “Con người ta sống ở đời này, tài cao, trí tuệ, hiểu biết, những việc xưa nay, ngay cả những việc sâu kín thì không ai hơn nổi đám cờ bạc này. Vậy bây giờ ta hãy hỏi hai ông này về điều mà Sa-môn Cù-đàm nói coi họ nghĩ sao?”. Nghĩ rồi, Phạm chí đem lời Đức Phật dạy hỏi hai người cờ bạc này. Hai người này bảo:

– Đúng thế, đúng thế! Đúng như lời ông nói, ân ái và sum họp đều sinh vui mừng.

Nghe lời hai ông này hợp với ý mình, Phạm chí hớn hở liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, tiếp tục ra về.

Cuộc đối thoại trên lần lượt được kể lại, thấu đến tai vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc bảo phu nhân Mạt-lợi:

– Khanh có nghe Sa-môn Cù-đàm nói rằng tất cả mọi buồn rầu khổ não đều phát sinh từ ân ái, hội họp, hay không?

Phu nhân thưa:

– Đúng như lời vua vừa hỏi.

Vua liền bảo phu nhân:

– Khanh là đệ tử của Cù-đàm, Cù-đàm là Thầy của khanh, thì khanh phải nói rằng tất cả mọi buồn rầu khổ não đều phát sinh từ lòng ân ái và hội họp thôi! Nay phu nhân, nên biết rằng: ân ái và hội họp đều sinh vui sướng, trong tâm sung sướng, cùng nhau hưởng lạc thú, vì sao lại nói rằng phát sinh ra buồn rầu khổ não?

Lúc ấy phu nhân bước đến trước mặt vua mà thưa:

– Cúi xin đại vương hãy nghe những lời mọn thần thiếp trình bày đây, nếu vua ưng nghe thì thiếp mới dám thưa.

Vua bảo phu nhân:

– Phu nhân cứ nói.

Phu nhân bèn thưa với vua:

– Phải chăng lúc nào đại vương cũng nhớ nghĩ đến vương nữ Bà-kỳ-lợi, cả đến đại tướng quân Lưu Ly và cả đến phu nhân Vũ Kiều Sát-lợi phải chăng?

Vua bảo phu nhân:

– Ta vô cùng yêu thương nhớ nghĩ đến vương nữ Bà-kỳ, đại tướng quân Lưu Ly và phu nhân Vũ Kiều Sát-lợi. Tình yêu thương ấy không xen hở phút giây nào.

Phu nhân thưa với vua:

– Đại vương nghĩ sao nếu những người ấy biến đổi và chết đi thì đại vương có buồn sầu khổ não chăng?

Vua bảo phu nhân:

– Nếu những người ấy mà biến đổi và chết đi thì trăm sẽ buồn rầu đau khổ, không thể nói được.

Phu nhân thưa với vua:

– Vua có thật yêu thương thiếp chăng?

Vua bảo phu nhân:

– Ta vô cùng yêu thương khanh.

Phu nhân thưa:

– Nếu thiếp biến đổi và chết đi thì vua có buồn rầu không?

Vua bảo phu nhân:

– Ta vô cùng buồn khổ, không còn thiết gì đến

ăn uống, ngủ nghỉ, tâm thần rối loạn, hoặc là trở thành điên dại.

Phu nhân hỏi:

– Thế nào, vua có thương nghĩ đến người dân trong nước Ca-thi Câu-tát-la này chăng?

Vua bảo phu nhân:

– Ta rất thương mến họ. Vì sao? Vì hôm nay ta đang vui hưởng năm thứ dục lạc sung sướng như vậy là đều do mọi người dân trong nước Câu-tát-la mang lại.

Phu nhân hỏi:

– Đại vương nghĩ sao, nếu như mọi người dân trong đất nước Câu-tát-la này biến đổi và chết đi thì đại vương có buồn sầu khổ não chăng?

Vua bảo phu nhân:

– Nếu không có muôn dân kia thì không có thân ta đây, như thế thì làm sao không sầu khổ cho được chứ?

Phu nhân Mạt-lợi liền nói:

– Như vậy, hôm nay đại vương đã tự thấy rõ cái khổ của sự yêu thương mà phải chia lìa, cái khổ vì ghét mà phải gặp nhau. Những điều mà Đức Như Lai nói chính là ý nghĩa ấy.

Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc tâm ý được mở tỏ, bèn bảo phu nhân:

– Từ nay trở đi, ta là đệ tử của Cù-đàm và Ngài là thầy của ta. Hôm nay ta quy mạng Sa-môn Cù-

đàm, quy mạng Pháp, quy mạng Tỳ-kheo Tăng, trọn đời không còn sát sinh nữa.

Thế nên lời kệ trên nói:

*Nghĩ mừng sinh lo
Nghĩ mừng sinh sợ
Không có nghĩ mừng
Còn chi lo, sợ?*

Nghĩ mừng sinh lo: Như có người bị bệnh, người nuôi bệnh thường sinh lo lắng, sợ rằng bệnh không qua khỏi, hoặc người muốn đến nơi khác, hoặc làm người sứ cho vua, hoặc xuống biển tìm châu báu thì người ở nhà lo lắng sợ rằng người ra đi không được sống còn. Người nhà can ngăn rằng gia đình ta có của cải thừa thãi, đủ sống một đời, tại sao lại phải đi nơi xa xôi gian nan vất vả để mong tìm lấy của báu làm gì. Nếu ông ra đi thì cả hai phía đều lo lắng, nếu người đi được yên ổn thì người ở nhà lo lắng, nếu người ở nhà yên ổn thì cũng lo lắng cho người đi, cho nên lời kệ nói: *Nghĩ mừng sinh ra sợ*.

Không có nghĩ mừng, còn chi lo sợ là sao? Nếu không có nghĩ mừng thì sẽ dứt bỏ được ái dục. Vì sao? Vì gốc ái ở cõi Dục này rất cứng chắc, khó có thể nhổ bỏ nổi. Thế nên lời kệ nói: Không có nghĩ mừng, còn chi lo sợ. Có lo thì có sợ, không lo thì còn sợ điều gì nữa. Vì nếu hết lo thì cũng hết sợ, năm thứ diệt, mười tám thứ diệt là ý nghĩa của

câu trên.

Nghĩ mừng sinh lo, nghĩ mừng sinh sợ, nay đã hết nghĩ mừng thì dứt bỏ mê lầm.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một Phạm chí đang cấy một thửa ruộng lớn, chỉ có một đứa con ở đó giữ ruộng. Rồi trời trút một trận mưa đá làm hư hại hết mạ lúa và giết chết cả đứa bé. Lúc bấy giờ, người Phạm chí buồn khổ vô hạn, ông chạy rong ruổi khắp thành thị, trần truồng, không giày dép, không kẻ sang hèn gì nữa, lần hồi, ông đến tỉnh xá Kỳ hoàn. Nhưng vị Phạm chí này đáng được giáo hóa, Như Lai xét biết điều ấy, Ngài liền biến đất ngoài cửa tỉnh xá thành ruộng lúa, rồi lại biến ra một người giống y như con ông. Thấy vậy, tâm Phạm chí liền được khai ngộ: Ruộng lúa và con ta hiện vẫn còn đây. Thế mà ta luống tự khổ nhọc, vất vả đó đây. Tâm trí ông ổn định trở lại, không còn điên cuồng, ngậy đại nữa. Ông liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Phật thấy ông đã ngồi yên, cũng như chư Phật Thế Tôn trước kia thường nói pháp về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, bốn Đế chân như, thì giờ đây Đức Phật cũng giảng nói mỗi thứ cho Phạm chí nghe, cả đến Thuận nghịch tam-muội, Không, Vô tướng, Vô nguyện rạch ròi mỗi thứ cho ông nghe, khiến cho tâm Phạm chí hoát nhiên đại ngộ, các bụi nhơ đều bị quét sạch, được mắt pháp thanh tịnh. Pháp mà

Phạm chí này đã được, đã thành tựu là pháp không luống dối, là pháp không còn ngờ vực, là pháp trong chúng Như Lai không còn sợ hãi. Ông liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi làm lễ dưới chân Như Lai. Từ nay trở đi thọ ba tự quy y, quy mạng Phật, quy mạng Pháp, quy mạng Tỳ-kheo Tăng, trọn đời không còn sát sinh. Thế nên lời kệ nói: Không còn nghĩ vui, dứt tâm mê lầm, tâm ý lại chánh đều do có sức Phật. Nếu không gặp Phật, mọi sự không thành.



*Người ta mang sầu lo
Đời vô số mối khổ
Đều do nghĩ ái ân
Không nghĩ thì không sợ.*

Người ta mang sầu lo: Tất cả chúng sinh đêm ngày mang buồn lo, nhìn nhau than khóc. Đôi khi mất hồn đưa đến ngây dại, tất cả đều do ân ái, luyến mến gây nên, cho nên lời kệ nói: Người ta mang sầu lo.

Đời vô số mối khổ: Áo không đủ che thân, cơm không đủ no bụng, da mặt vàng mét, mình mẩy dơ bẩn, bà con xa lìa, nghề nghiệp làm ăn sinh sống đều bỏ phế, đều do ân ái gây nên tai họa này. Con người sống ở đời gặp các khổ não cũng do không thể dứt bỏ ân ái. Cho nên lời kệ nói: Đời vô số mối

khổ.

Đều do nghĩ ái ân: Sinh tử lâu dài, gốc khổ khó tìm. Người ngu sống trong ấy không tự hay biết. Con người luyến mến nhau nào phải chỉ một loại, nào nghĩ đến cha mẹ, anh em, thân tộc, người quen biết, nghĩ đến ai chết ai còn rồi, kêu than, khóc lóc, cho nên lời kệ nói: Đều do nghĩ ái ân.

Không nghĩ thì không sợ: Khi người ta bỏ được sự tưởng nhớ không còn luyến mến thì không còn lo buồn khổ não. Có nhà thì lo nhà, có cửa thì lo cửa. Có xe cộ yên mã thì lo xe cộ yên mã. Ai không có xe cộ yên mã thì không có gì bận bịu. Không còn sự tưởng nhớ là sao? Ấy là người đã hết ái dục, dứt hẳn không còn sót. Thế nào là người dứt bỏ ái dục? Người chứng quả A-na-hàm không do hai đường. Đó gọi là người đã dứt bỏ ái dục. Vì không còn tưởng nhớ, vĩnh viễn rốt ráo, không còn trở lại cõi Dục. Phạm phu ái chưa hết nên dù có được năm thứ thần thông đi nữa vẫn chưa ra khỏi ba cõi. Nếu mất thần thông thì giận dữ nổi lên chỉ trong giây lát lại rơi vào đường ác. Rồi phải trải qua nhiều kiếp mới được lại thân người, cho nên lời kệ nói: Không nghĩ thì không sợ.



*Cho nên không sinh nghĩ
Nếu nghĩ, thì ác lụy
Người không còn ràng buộc,*

Không nghĩ, chẳng không nghĩ.

Cho nên không sinh nghĩ: Con người sống ở đời bởi nhớ nghĩ mà sinh ra ân ái, do nhớ nghĩ mà có đổi thay. Các thứ buồn rầu khổ não đều bởi nhớ nghĩ mà sinh ra, cho nên nói: Không sinh nghĩ.

Nếu nghĩ, thì ác lụy là thế nào? Như ở đời có người điên, mang thân bệnh khổ, rồi vì bệnh mà giết năm loại chúng sinh, hoặc giết trăm loại chúng sinh để cầu mong khỏi bệnh, cho là trị liệu đúng, nhưng không biết rằng bệnh là do vô số tội. Hoặc có khi vì người bệnh mà giết súc vật cúng tế hy vọng cứu được mạng sống. Dù cho đem nhốt người bệnh vào trong cái lồng được bao bọc bởi trăm lớp sắt, mỗi lớp đều được bảo vệ tuyệt đối an toàn, cùng nhau tin là không cho thần chết viết giấy khai tử, nhưng sự thật làm vậy không đúng. Tất cả đều do ân ái gây ra tai biến ấy. Hoặc có người là kẻ quen biết hay người thân của mình xa cách quá lâu nay bỗng được trở về nhà, vì nghĩ đến họ, mà giết hại thú vật nhiều không tính kể, chúc mừng lẫn nhau, ấy là cội gốc chất chứa tai ương. Thế nên lời kệ nói: Nếu nghĩ thì ác lụy.

Người không còn ràng buộc: Ràng buộc là thân bị trói, tâm không được thanh thản, như khế kinh nói: Khi chưa hết cái tâm ái đắm nhiễm thì con người vẫn sẽ sinh vào nơi nào đó khi có nhân có duyên, hoặc chết nơi kia sinh nơi đây. Có nhân có duyên thì bị trói, bị cột, bị thắt. Như người hiểu

biết và đưa học trò của người hiểu biết, nếu làm một tràng hoa, thì trước hết họ lấy sợi dây dài làm mỗi chính, rồi trên đó họ mới kết tràng hoa với các bông hoa nối dính nhau mà thành tràng hoa. Cái tâm ái nhiễm chưa dứt hết cũng giống như thế. Có duyên có nhân thì khi chết nơi kia sẽ sinh nơi đây. Có nhân có duyên mà người được chứng quả thì không bị nạn trôi buộc như vậy.

Cho nên nói: Người không còn ràng buộc, không nghĩ, chẳng không nghĩ. Vì đã thoát khỏi cái nóng bức của nhớ nghĩ nên không còn ái ân, được cái vui vô vi, dạo chơi trong nghĩa bậc nhất, cho nên lời kệ nói: Không nghĩ, chẳng không nghĩ.



*Suy nghĩ tìm phương cách
Phi nghĩa không đặt quyền
Tuệ tạm sinh nghĩa lớn
Tự đến bậc đệ nhất.*

Suy nghĩ tìm phương cách: Muốn được tu tập trí tuệ Vô thượng phân biệt nghĩa sâu sắc, không hề lừa dối. Khi đạt được trí tuệ ấy thì không bao giờ còn bị rối loạn, cho nên nói: Suy nghĩ tìm phương cách.

Phi nghĩa không đặt quyền là thế nào? Phi nghĩa cũng không tương ưng với nghĩa sâu này, làm cho người rơi vào đường ác. Nó không làm căn lành lớn mạnh lên được, nên bị những người hiểu

biết chê cười. Nếu sửa đổi lỗi lầm đã qua để được phước vui ở tương lai, thì được trời, người khen ngợi. Những lỗi lầm cũ được tiêu trừ, ngay lúc ấy cũng đủ trông được căn lành cho đời sau, cho nên nói: Phi nghĩa không đặt quyền.

Tuệ tam sinh nghĩa lớn là sao? Nương theo bậc Thiện tri thức mà dạy người chánh kiến, dứt bỏ tà nghiệp, khiến họ không còn tu tập theo dị thuật ngoại đạo, mà chỉ vâng theo chánh kiến trên. Chữ **Nghĩa** nghĩa là trí tuệ vô lậu, nghĩa là thiên định, nghĩa là quán chiếu, cho nên nói: Tuệ tam sinh nghĩa lớn.

Tự đến bậc Đệ nhất: Chư Phật, Thế Tôn là người giữ gìn giới cấm, không buông lung, giữ tâm vững chắc, không rơi vào tà nghiệp, thường dạy chúng sinh phải giữ gìn giới cấm, luôn giữ ba nghiệp, nên nói: Tự đến bậc Đệ nhất.



*Đừng sống với niệm ái
Không sống với bất niệm
Niệm ái không thấy khổ
Không nghĩ ái, lo, khổ
Mà sinh ra buồn rầu
Diệt hết cội gốc người.*

Đừng sống với niệm ái: Thuở xưa, có hai người rất thương kính nhau, không rời xa nhau, đi thì chung bước, chia ngọt xẻ bùi, nhưng rồi họ phải

xa nhau mỗi người một nơi, bởi vẫn nhớ nhau nên họ muốn gặp lại nhau, nhiều lần họ gửi thư, mong được sum họp một nhà. Trong thư một người nói: “Nếu bạn không đến thì tôi buồn khổ lắm.”

Khổ thay, kẻ thù của người này lại là kẻ thân thiết của người kia. *(Anh được mời hỏi bạn thân của mình vốn là kẻ thù của anh mời)*. Anh ta là người mời tôi, vậy bạn có thể cùng đến đó với tôi chẳng? Thế là người bạn thuận theo yêu cầu cùng đến nhà người mời.

Hai người bạn thân xa nhau lâu ngày gặp lại trong lòng rất vui mừng, nhưng khi nhìn thấy kẻ thù của mình cùng đi theo bạn thì trong lòng lại bức tức không vui, nên đưa bạn đến chỗ vắng thủ thi:

– Sao anh lại đi đứng tới lui với kẻ thù của tôi như thế? Điều này tôi không muốn nhìn thấy đâu.

Nghe xong lời ấy, bao nhiêu tình cảm quyến luyến bị sứt mẻ nặng, người được mời bèn cùng bạn mình bỏ ra về. Nhưng sau đó vì thương nhớ nên người bạn lại gửi thư đến hai ba lần như vậy. Người mời lại hỏi bạn tại sao cứ đi chung với kẻ thù của mình như vậy? Anh bạn đáp: “Vì nhớ nhau mà đến, đôi đũa nhau rất trọng hậu, nhưng khi ra về lại quên lời dặn.” Đoạn anh ta lại than: “Nghĩ rằng gặp nhau để được vui vẻ, nhưng khi gặp rồi lại sinh ưu phiền hờn oán, giờ đây tôi biết làm sao cho phải

lẽ, chẳng lẽ không thể thích nghi được cùng lúc với hai người bạn thân hay sao?” Ngay sau đó, người này liền lìa bỏ gia đình vợ con đi xuất gia học đạo.

Lại có trường hợp khác: có người nọ chỉ có một đứa con nhưng lại bị quỷ La-sát bắt mất. Đêm ngày người cha buồn nhớ không nguôi, trong khi đó, đã hơn mười ngày trôi qua, quỷ La-sát đã đưa đứa bé đến chỗ nó ở. Người này vì mất con, sầu khổ đêm ngày nghĩ đến cái chết, không còn thiết sống nữa. Sau đó, quỷ La-sát mang đứa trẻ trả lại. Gặp lại con, người cha vui mừng khôn xiết, cả ngày bỗng bề đứa bé không biết thỏa mãn. Nếu thấy quỷ La-sát thì ông ta lại buồn khổ, nổi óc khắp mình. Mười ngày sau, quỷ La-sát lại đến bắt đứa bé về chỗ nó ở. Người cha lại nhớ thương không nguôi, bỏ cả ăn uống, nghỉ ngơi. Cứ như thế nhiều lần, người cha mang bệnh lo âu trầm trọng. Người cha suy nghĩ thấy rằng nỗi buồn khổ lo lắng của con người thật là muôn mối. Thôi thì nay ta nên bỏ nhà đi học đạo. Ông liền đi xuất gia, nhập đạo.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn muốn cứu độ những người ấy, nên Ngài thị hiện ra quyền tuệ yên ổn vô vi, ở trước đại chúng Ngài nói kệ rằng:

*Đừng sống với niệm ái
Không sống với bất niệm
Niệm ái không thấy khổ
Không nghĩ ái, lo, khổ
Mà sinh ra buồn rầu*

Diệt hết cội gốc người.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

– Ân ái còn không thể luyến mến, huống nữa là những gì không phải ân ái mà lại gần gũi?

Lúc ấy hai vị Tỳ-kheo trong tâm tự nghĩ: “Người mà Như Lai dạy bảo chính là chúng ta. Vậy, ta phải hết lòng tu phạm hạnh vô thượng.” Ngày thì đi kinh hành, đêm thì ngồi thiền, chỉ trong chưa đầy mười ngày, họ đạt được chứng đầu đạo, thân bay lên được, mắt trông thấy thấu suốt, được sáu thứ thần thông, không gì ngăn ngại. Đối với đạo pháp Như Lai có nhiều nghĩ ngợi, họ than rằng: “Ôi, ân ái không đáng nương cậy. Các kết sử dứt hết, chứng quả A-la-hán. Hay thay, phước báo như bóng theo hình. Phước nghiệp như dầu dính áo, thân thì suy yếu, chết đi, nhưng tội phước vẫn còn.”



*Ái niệm đến đời sau
Bè bạn quen thân nhiều
Đêm dài buồn lo nghĩ
Nghĩ chia lìa rất khổ.*

Ái niệm đến đời sau: Tình cha mẹ, anh chị em, bà con trong gia đình và những người quen biết gái, trai, lớn nhỏ, cứ xoay vần mãi từ đời này qua đời khác không ngừng nghỉ. Cho nên nói: Ái niệm dẫn đến đời sau, bè bạn, quen thân nhiều, phải

chìm trong đêm dài sầu lo, khóc than đầu bù tóc rối, đăm ngực áo nảo. Cho nên nói: Đêm dài buồn lo nghĩ.

Nghĩ chia lìa rất khổ: Ái ân mà phải đành chia lìa, hoặc ở nơi xa xôi, hoặc chết mất, mong cầu không được, ước muốn không thành, cho nên nói: Nghĩ chia lìa rất khổ.



*Nghĩ sắc, có sắc đẹp
Thân trời nhưng sống riêng
Quá vui bị hại đến
Thần chết đã ghi sổ.*

Nghĩ sắc, có sắc đẹp: Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Trên hư không có tầng trời tên Hoan lạc. Ở đó, họ xoay vần nhóm họp tấu trời nhạc vui chơi suốt ngày không biết thỏa mãn. Do sự vui sướng quá độ ấy nên sau khi chết, họ sinh xuống cõi này. Các Tỳ-kheo nên biết, còn có tầng trời tên là Hỷ tiếu. Xoay vần nhóm họp lớn tiếng cười vang, suốt ngày không biết chán. Bởi sự vui cười quá độ như vậy nên sau khi chết sinh xuống cõi này, cho nên nói: Nghĩ sắc, có sắc đẹp.

Thân trời nhưng sống riêng: Đêm ngày cười đùa, không còn nghĩ đến phải đối diện với thân chết, cho là thọ hưởng phước trời không bao giờ

hết. Do quá vui mà hại đến việc tấu trời kỹ nhạc, lớn tiếng cười vang, đều là gốc nguy hại, đều phải từ bỏ nó. Tuổi thọ không lâu dài, bị thần chết bắt đi. Tùy hình thái mà ông ta liệu định tội phước, rạch ròi thiện ác. Tội nặng thì quăng vào vạc dầu sôi, tội nhẹ thì bỏ vào đỉnh. Công bằng như mực nước, mẫu mực như khắc cân, cho nên nói: Bị thần chết bắt đi.



*Như người ngày lẫn đêm
Không còn nghĩ ái sắc
Tự đào bỏ rễ sâu
Thì khỏi qua đường chết.*

Như người ngày lẫn đêm: Chuyên ròng một ý niệm, dứt bỏ hẳn không còn sót dục ái của cõi Dục thì ngày tinh tấn, đêm đọc tụng kinh điển, cho nên nói: Như người ngày lẫn đêm.

Không còn nghĩ ái sắc: Đã dứt bỏ hoàn toàn, từ có đến không còn tức giận, cho nên nói rằng: Không còn nghĩ ái sắc.

Tự đào bỏ rễ sâu: Đào bỏ gốc niệm, đào bỏ gốc ái, hoặc đào bỏ cội gốc của sự trói buộc của tình luyến thương, bà con họ hàng. Mặc áo giáp mạnh mẽ, cầm gươm trí tuệ đào tận gốc ba độc, khiến nó không bao giờ còn mọc lại được nữa, cho nên nói: Tự đào bỏ rễ sâu.

Thì khỏi qua đường chết: Yêu mến tài sản

ruộng vườn, bảy báu tiền bạc đều là con đường dẫn về cõi chết. Tâm ý quyền luyến say mê không thể dứt bỏ cũng là nẻo dẫn về cõi chết. Vậy, phải tìm phương cách vượt qua con đường chết mà đến nơi bất tử, cho nên bảo: Thì khỏi qua đường chết.



*Bất thiện dường như thiện
Yêu sắc nói không yêu
Khổ mà ngỡ là vui
Bị buông lung sai khiến.*

Bất thiện dường như thiện: Thiện nghĩa là tâm ham vui, suốt ngày tập quen không chịu dứt bỏ, bị mọi người chê trách. Các điều thiện như thế cần phải dứt bỏ xa lìa. Nó bị người hiểu biết chê bai, bị người hiểu biết từ bỏ, bị người hiểu biết quả trách. Cho nên nói: Bất thiện dường như thiện.

Thế nào gọi là ***yêu sắc nói không yêu***? Yêu là không xem thường, không dối trá, làm cho người buồn rầu, mong muốn không được rồi sinh tâm luyến ái nó mãi, cho nên nói: Yêu sắc nói không yêu.

Thế nào là ***khổ mà ngỡ là vui***? Vui là các cơ quan trong thân vắng lặng, không rối loạn, tâm ý an hòa, không khởi loạn tưởng. Cũng có thể khiến người khác khổ não, vì trước vui sau đó lại lo rầu, cho nên nói: Khổ mà ngỡ là vui.

Bị buông lung sai khiến: Người có tính buông

lung thì tâm không ổn định, vui chơi với bà con họ hàng, sinh tâm vui buồn lẫn lộn, ý nghĩ buông thả, cho nên nói: Bị buông lung sai khiến.



*Ai muốn tự thương mình
Không ở chung kẻ xấu
Điều ấy thật khó làm
Vui là gốc điều ác.*

Ai muốn tự thương mình: Ai muốn tự yêu mình thì trước phải yêu kẻ khác, không được tự yêu thương mình mà làm tổn hại đến mạng sống kẻ khác, cho nên nói: Ai muốn tự thương mình.

Không ở chung kẻ xấu là sao? Trên đời có nhiều nỗi sợ hãi, nếu sống chung với kẻ xấu ác thì tội nặng chồng chất. Không chung sống với kẻ xấu ác có nghĩa là phải giữ thân, miệng, ý trong sạch. Cho nên nói: Không ở chung kẻ xấu.

Điều ấy thật khó làm: Tự mình không tu gốc lành, không giáo hóa tất cả chúng sinh cho họ yên ổn với căn môn mình. Cũng không có khả năng giáo hóa rộng rãi cho người chưa giác ngộ, cho nên nói: Điều ấy thật khó làm.

Vui là gốc điều ác: Người gây tội ác thì không bao giờ có tâm vui. Ngay khi giết hại, họ đã gây ra cội gốc bất thiện, cho nên nói: Vui là gốc điều ác.



Người muốn tự thương mình

*Phải khéo tự giữ gìn
 Như giữ thành biên giới
 Hào sâu chắc như ngục
 Loại trừ ba việc đó
 Người trí phải tự ngộ.*

Người muốn tự thương mình: Như thành trì ngoài biên giới phải thường giữ gìn, tự giữ gìn thân cũng giống như vậy, hoặc sợ giặc từ bên ngoài tấn công vào biên giới, hoặc sợ kẻ thuộc hạ lén lút rình rập làm phản, lại sợ kẻ bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài. Cái thành bên trong nội tâm cũng phải được canh giữ như vậy, thường phải đề phòng ba sự việc. Đó là: lo giặc kết sử bên ngoài tấn công vào biên giới. Lại sợ điều mà tâm nghĩ đồng với trần cảnh bên ngoài. Cái thành của tâm trần lao nguy hiểm, khó giữ gìn, nhiều lo sợ. Một khi đã giữ gìn vững chắc thì không còn lo sợ. Cái thành tâm cũng như thế, giữ gìn vững chắc thì không có lo sợ. Cho nên nói: Người muốn tự thương mình, phải khéo tự giữ gìn, như giữ thành biên giới, hào sâu chắc như ngục, loại trừ ba việc đó, người trí phải tự ngộ.

*Người muốn tự thương mình
 Phải giữ cho vững chắc
 Như giữ thành biên giới
 Trong ngoài đều vững chắc.*

Thuở xưa, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Bây giờ,

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Nếu thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng bảy việc, bốn thứ lương thực đầy đủ giúp cho việc bảo vệ được đầy đủ để làm thì dù ngoại quân có tấn công cũng không làm gì được, trừ trường hợp người bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài. Thế nào gọi là thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng bảy việc? Ấy là những nơi hiểm yếu ở biên giới được phòng vệ vững chắc, không gì lay chuyển nổi. Đó gọi là thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ nhất, nhờ đó giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được. Kế đến là đào hào sâu rộng quanh thành quách ở biên giới, tu bồi rất kỹ lưỡng. Đó gọi là việc thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ hai, nhờ đó mà giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được. Kế đến là thành quách ở biên giới tạo khí thế sẵn sàng đẩy lui quân địch để chuẩn bị chiến đấu. Đó gọi là việc thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ ba, nhờ đó giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được. Kế đến là thành quách ở biên giới phải chứa đủ các thứ vũ khí chiến đấu như cung nỏ, máy phóng bánh xe, đường trút nhựa mật chảy, đá lửa, giáo mác sắc bén, bên trong chuẩn bị con đường để rút lui. Đó gọi là thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ tư, nhờ đó giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được. Lại nữa, bốn mặt thành quách ở biên giới có đặt bốn loại quân là tượng

quân, mã quân, xa quân, bộ quân, trừ trường hợp người bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài. Đó gọi là thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ năm, nhờ đó giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được. Lại nữa, người gác cổng thành ở biên giới phải biết giờ giấc sớm tối, biết hiệu lệnh, phân biệt được kẻ gian người ngay. Người nào biết mặt mới cho vào, không biết mặt thì không cho vào. Đó gọi là thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ sáu, nhờ đó giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được. Lại nữa, thành quách ở biên giới cao chót vót, trong ngoài đều được dọn dẹp trống trải, trừ trường hợp người bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài. Đó gọi là thành quách ở biên giới được bảo vệ bằng việc thứ bảy, nhờ đó giặc ngoại xâm không thể phá vỡ thành được.

Thế nào gọi là trong thành quách ở biên giới bốn thứ lương thực đầy đủ, khiến giặc ngoại xâm không tấn công được? Đó là thành quách ở biên giới phải có nhiều củi, nhiều nước, trừ trường hợp người bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài, đó là đầy đủ loại lương thực thứ nhất, nhờ đó mà giặc ngoại xâm không được dịp thuận tiện tấn công. Lại nữa, thành quách ở biên giới phải dự trữ dồi dào lúa gạo, kho lẫm đầy ắp, trừ trường hợp người bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài, đó là đầy đủ loại lương thực thứ hai, nhờ đó giặc

ngoại xâm không có được dịp thuận tiện tấn công. Lại nữa, thành quách ở biên giới dự trữ nhiều lúa gạo, lúa mì, các thứ đậu, trừ trừ trường hợp người bên trong thông đồng với kẻ địch bên ngoài, đó là đầy đủ loại lương thực thứ ba, nhờ đó giặc ngoại xâm không có dịp thuận tiện tấn công. Lại nữa, thành quách ở biên giới có nhiều thức ăn chín như dầu, mỡ, cá, thịt phơi khô, đầy đủ loại lương thực thứ tư. Phật nói bài kệ này trong ngoài vững chắc khiến kẻ xấu và giặc ngoại xâm không có dịp thuận tiện tấn công, cho nên lời kệ nói: Như giữ thành biên giới, trong ngoài đều vững chắc, phải thường chuyên tâm, trong không tưởng sắc để dứt trừ sắc bên ngoài, ngoài không còn tưởng sắc để dứt trừ sắc bên trong. Trong ngoài không còn tưởng sắc, dứt trừ sắc bên ngoài.

Phải tự giữ gìn

Thời không trở lại

Thời qua sinh lo

Đọa vào địa ngục.

Phải tự giữ gìn: Giữ tâm không tán loạn, các căn vắng lặng, tự thấy lửa sinh tử cháy bởi bởi, tu các pháp lành. Biết thành Niết-bàn mát mẻ vô vi, ngăn ngừa phiền não làm như bản tâm, cho nên nói: Phải tự giữ gìn.

Thời không trở lại: Trong ngàn muôn ức kiếp mới gặp được một thời điểm tốt. Dù gặp lại lần nữa thì hoặc trước, hoặc sau, hoặc sinh ở chốn trung

quốc, gặp gỡ các Thánh hiền, các căn không thiếu, vốn gieo trồng các công đức. Sinh ra đời gặp Phật, duyên lành đời trước của các vị có công năng dứt bỏ kết sử, vượt thứ lớp mà chứng đạo, dứt hết mọi hữu lậu, thành hạnh vô lậu. Cho nên nói: Thời không trở lại.

Thời qua sinh lo: Từ vô số kiếp, chất chứa nghiệp lành cho nên mới gặp thời điểm tốt này. Nếu để thời điểm tốt ấy trôi qua thì có ăn năn cũng không kịp. Có tám việc không thể tấu bày lên vua được. Tám việc là gì? Là khi vua đang có tang thì không thể tấu bày; vua đang bị bệnh không thể tấu bày; vua đang đói, chưa ăn cơm, không thể tấu bày; vua vào cung sâu, không thể tấu bày; hoặc khi vua đang vào trong kho hay đang đi xâm chiếm nước khác, không thể tấu bày; hoặc vua đang cùng bàn bạc với các đại thần, không thể tấu bày. Có người phát hiện việc âm mưu, không thể tấu bày. Vua đang ngồi một mình im lặng, ý đang trù tính việc gì, không thể tấu bày.

Trong đời, có tám điều cấm kỵ, không được nói cho ai biết. Giáo pháp Ta ngày nay cũng lại như thế. Ấy là tám trường hợp không thể phát khởi thiện tâm. Thế nào là tám? Là khi gặp tang ma, thân tộc qua đời thì không thể phát sinh thiện tâm. Trong tám địa ngục, mười sáu cái vạc, núi đao rừng kiếm, xe lửa, lò than cháy rừng rực, nơi đó chúng sinh chịu các khổ não, thân tâm bị đốt cháy, trong

hoàn cảnh ấy, không thể phát sinh thiện tâm nghĩ đến đạo. Hoặc chốn ngạ quỷ, bụng lớn như núi Thái, mỗi bề rộng mấy mươi do-diên, cổ nhỏ như cây kim, thân cao mấy mươi trượng. Lúc ấy, tâm ý hoang mang, chỉ nghĩ đến ăn uống, trong hoàn cảnh ấy, không thể phát sinh thiện tâm nghĩ đến đạo. Còn như sinh lên một trong sáu tầng trời, mặc trăm ức thứ y phục trang nghiêm, ăn thì cam lộ, ngọc nữ vây quanh, nhìn phía Đông thì quên phía Tây, nhìn trái thì quên phải, như đám bánh xe quay nhanh không có đầu mối. Trong hoàn cảnh ấy, không thể phát sinh thiện tâm nghĩ đến đạo. Nếu sinh vào miền biên giới mọi rợ, không có Phật pháp, mọi người không nghe được âm thanh ba pháp, không có tâm chân chánh, không có đức tin vững chắc, nên sống trong tà kiến, hoặc sinh lên cõi trời trường thọ, trong hoàn cảnh ấy, không thể phát sinh thiện tâm, nghĩ đến đạo. Hoặc người tuy sinh ở chốn trung quốc, nhưng tay chân không lành lặn, sáu căn không đủ, hoặc đui điếc, câm ngọng. Trong hoàn cảnh đó, không thể phát sinh thiện tâm, nghĩ đến đạo. Hoặc sinh sau Phật, sinh vào địa ngục ngũ vô gián, trong hoàn cảnh đó, không thể phát sinh thiện tâm không nghĩ đến đạo. Nếu Phật ra đời thì những kẻ ấy sống trong nhà tà kiến, không tin Tam bảo, chỉ tương ưng với điên đảo, trong hoàn cảnh ấy, không thể phát sinh thiện tâm, không nghĩ đến đạo. Ấy là tám trường hợp không

thể phát sinh thiện tâm. Người lành không thể sống với kẻ ác, kẻ ác không thể sống chung với người lành.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Như ngày nay Ta xuất hiện trên thế gian, là Bạc Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác đủ mười hiệu, nói rộng đạo nghĩa thượng, trung, hạ đều lành, ý chí thú hướng đến chỗ diệt độ, độ người chưa được độ. Cho nên nói: Thời qua sinh lo, đọa vào địa ngục.



*Tìm cầu khắp mọi nơi
Quán sát từng niệm tâm
Xem kia giống như đây
Không yêu mình, yêu người
Coi mạng mình như người
Nên không hại người khác.*

Tìm cầu khắp mọi nơi: Tâm nghĩ cả mười phương xem chúng sinh nào không sợ chết, không mang nỗi sợ sệt. Lại nghĩ xem có chúng sinh nào mà tâm họ không nghĩ đến vui, không sợ khổ. Lại xem có những chúng sinh nào có tất cả các hạnh để tự vui sướng, cho nên nói: Tìm cầu khắp mọi nơi.

Quán sát từng niệm tâm: Tâm thường nhớ nghĩ đến cội gốc của việc làm. Việc làm có hai: Một là quán tịnh, hai là quán bất tịnh. Người trí thì

quán tịnh, kẻ ngu thì quán bất tịnh. Cho nên nói: Quán sát từng niệm tâm.

Xem kia giống như đây: Ấy là mọi người dù lớn nhỏ, xấu đẹp, ai cũng đều có bản tính. Mọi người nghĩ đến nhau như nghĩ đến chính thân mình, không khác, cho nên nói: Xem kia giống như đây.

Không yêu mình, yêu người: Thân con người bốn đại như nhau, sự sống giống nhau, không có cao thấp. Mạng sống ai nấy rốt cùng đều bị tan rã. Cho nên nói: Không yêu mình, yêu người, coi mạng mình như người, nên không hại người khác.



*Mọi người đều sợ chết
Sợ roi gậy đánh đập
Lấy thương mình làm dụ
Chớ giết, chớ đánh đập.*

Mọi người đều sợ chết: Chúng sinh trong năm đường trôi lăn theo bốn dòng đều sợ khổ sở, độc hại, nên ai cũng đều tự lo bảo vệ sinh mạng mình.

Đức Thế Tôn dạy: “Nếu biết tự bảo vệ mạng sống của mình thì không nên làm những việc độc ác đánh đập. Kẻ ngang tàng ở thế gian làm bừa mọi tội ác, dùng dao mác gây gộc giết hại nhau. Kẻ cười vui làm điều ác, khiến người kêu gào, khóc lóc chịu đau đớn, trong lòng họ mưu tính chuyện tàn độc gây họa cho cả dòng họ người đang hành hạ mình.”

Cho nên người hiểu biết phải ngăn chặn tai họa khi nó chưa phát sinh. Tạo phúc đức trong sự vô hình, cho nên nói: “Mọi người đều sợ chết, ai cũng sợ roi vọt đau đớn, lấy việc tha thứ mình làm thí dụ, chớ giết, chớ đánh đập. Kẻ giết hại thì chính họ đã rút ngắn mạng sống của họ.” Cho nên các người phải biết tránh xa sự giết hại.



*Như người đi lâu
Xa về an lành
Thân thuộc đều an
Trở về vui mừng.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ.

Trong thành Xá-vệ có một anh nọ tên Chung Khánh, bà con dòng họ đông nhiều không thể tính kể. Bản thân anh thiếu thốn tiền bạc, áo không đủ che thân, cơm không đủ no lòng. Hễ mỗi lần gặp, bà con đều ngoảnh mặt sang chỗ khác, không ngó ngang đến anh. Chung Khánh tự nghĩ: “Kiếp trước phước mỏng nên đời này không gặp may. Tự biết vì quá nghèo nên bà con họ hàng mới lạnh nhạt, lánh xa. Ra đường thì bị người khinh chê, về nhà thì bị vợ con trách móc, thà rằng ta ra khỏi xứ này, đến nơi khác kiếm sống, sống chết bởi số trời, biết phải làm thế nào. Thà đến xứ khác mà chết còn hơn là sống ở quê nhà.”

Thế rồi Chung Khánh bỏ xứ đi đến địa phương khác, làm mướn cho người kiếm sống qua ngày. Nhớ mãi thân phận nghèo túng bị bà con họ hàng lạnh nhạt xa lánh, nên anh ngày đêm siêng năng làm việc quên cả ăn uống ngủ nghỉ. Dần dần anh dành dụm được vô số tài vật như vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, lạc đà, lừa, rồi anh thuê xe chở hết châu báu của cải trở về quê cũ. Bà con họ hàng nghe tin Chung Khánh trở về với nhiều châu báu, đều ra đón tiếp mừng rỡ. Nhưng vì anh xa cách gia đình khá lâu, đầu bù tóc rối, râu ria xồm xoàm, áo quần bẩn thỉu, đi bộ mang tiền của về, nên bà con họ hàng không nhận ra, nên họ mới hỏi:

– Hiện giờ Chung Khánh ở đâu?

Chung Khánh đáp:

– Anh ta đang ở phía sau, chốc lát sẽ đến.

Bà con họ hàng đợi chờ người đi sau, hỏi người đi sau:

– Chung Khánh đang ở đâu?

Người đi sau trả lời:

– Chung Khánh là người đi đầu.

Như vậy, trải qua thời gian rất lâu mà họ không thấy Chung Khánh. Chung Khánh nói là y đang còn ở sau, người phía sau lại nói y đang ở phía trước. Chung Khánh sắp đến nhà nhưng không ai nhận ra Chung Khánh. Nhưng rồi, bà con họ hàng

bắt tên nô bộc của Chung Khánh chỉ cho họ biết. Chùng gặp lại nhau, bà con họ hàng mới bảo:

– Cậu đi quá lâu, nên không nhận ra được. Người thì vẫn là người xưa mà hình dạng đổi thay đến như vậy. Hôm nay, bà con họ hàng có ý đến đón cậu, tại sao cậu lại xem thường, bảo là cậu đang ở phía sau.

Chung Khánh đáp:

– Tôi chẳng phải Chung Khánh. Người ngồi trên xe chở châu báu phía sau mới là Chung Khánh. Ngày xưa, y nghèo khổ tiều tụy, bà con họ hàng khinh miệt, mỗi khi chột gặp mặt liền ngoảnh mặt sang chỗ khác. Hôm nay các vị tìm Chung Khánh có việc gì?

Bà con họ hàng trả lời rằng:

– Chúng tôi đón rước cậu ta, chẳng biết sao ngày nay cậu ta giàu có đến như vậy. Hiện giờ, bà con họ hàng tuy không còn đông đủ như xưa, nhưng chẳng phải đã mất hết.

Khi tới ngoài thành cùng hỏi thăm nhau, rồi Chung Khánh tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới vào thành, về nhà.

Sáng sớm sau, anh từ biệt bà con họ hàng. Vì xa cách Đức Như Lai lâu ngày nên anh muốn đến lễ bái thăm hỏi Ngài. Bà con họ hàng nói:

– Chúng tôi cũng muốn đi theo.

Rồi bà con họ hàng cùng với anh này đến chỗ

Phật, trán lạy sát chân Phật rồi cùng ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thấy mọi người đã ngồi yên, Ngài bèn nói bài kệ rằng:

*Như người đi lâu,
Xa về an lành,
Thân thuộc đều an,
Trở về vui mừng.*

Lúc ấy Chung Khánh và bà con họ hàng vui mừng hơn hở, tâm lành phát sinh. Chung Khánh đứng dậy khỏi chỗ ngồi, quỳ thẳng thỉnh Phật và chúng Tăng về nhà mình thiết trai cúng dường. Đức Như Lai im lặng nhận lời. Sáng hôm sau, đến giờ, Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng đắp y ôm bát, các Tỳ-kheo theo sau Đức Phật cùng đến nhà Chung Khánh, rồi mỗi vị ngồi theo thứ lớp. Chung Khánh tự tay dâng các món ăn uống ngon ngọt. Sau khi đại chúng ăn xong, chính Chung Khánh dâng nước rửa tay, sau đó Chung Khánh lấy một cái ghế nhỏ trước mặt Như Lai để được chú nguyện. Đức Như Lai nói bài kệ:

*Người ưa làm phước
Đời này đời sau
Tự được phước báo
Người thân đến vui.
Khởi từ thánh giáo
Cấm điều bất thiện
Gần đạo dễ mến
Xa đạo ai gần.*

*Gần và không gần
 Chỗ đến khác nhau
 Gần đạo lên trời
 Xa đạo đọa ngục.*

Lúc bảy giờ, Chung Khánh và bà con họ hàng nghe lời Phật dạy tâm ý mở tỏ, ngay tại chỗ ngồi, họ đạt được lòng tin vững chắc.



*Tâm ưa pháp và giới
 Thích tu tập kính tin
 Tự giữ gìn thân mình
 Được mọi người kính mến.*

Tâm ưa pháp và giới: Thế nào là chúng sinh tu tập theo giáo pháp, tu tập các pháp lành, đầy đủ giới luật? Nghĩa là nếu có chúng sinh vâng giữ giới cấm, không mảy may lỗi lầm, nhờ phước giữ giới ấy được sinh lên cõi trời Phạm thiên hưởng phước không cùng tận, đó là do giới thiếu sót, không vâng giữ giới cấm. Vì sao? Vì họ muốn được phước trời. Nếu lại có người vâng giữ giới cấm, không mảy may lỗi lầm, phước đức giữ giới này không cầu sinh lên cõi trời, làm Phạm thiên, Đế Thích, không cầu làm Ma vương, không cầu làm vua Chuyển luân cai trị bốn thiên hạ. Nay ta hồi hướng phước đức giữ giới để cầu quả Vô thượng Đăng chánh giác, đó gọi là đầy đủ giới, cho nên nói: Tâm ưa pháp và giới.

Thích tu tập kính tin: Giữ lòng tin vững chắc, thường vui tu tập, tâm không lo sợ, cũng không rối loạn. Mọi việc làm đều có tâm kính tin, thường sống với sự chân thật, có ghi nhớ, không sống với lơ đãng. Nói ra lời gì đều chí thành, không nói dối người, cho nên nói: Thích tu tập kính tin.

Tự giữ gìn thân mình: Làm điều thiện nghĩa là tự vì mình mà đem của cải bố thí thì tự mình được phước. Vâng giữ giới cấm, tâm không buông lung, mong được an định tâm thần, làm ruộng cật cho đời sau. Giảng nói nghĩa kinh, chọn lấy chỗ đông, dị, cũng vì chính mình. Cho nên nói: Tự giữ gìn thân mình.

Được mọi người kính mến: Người giữ gìn đức hạnh, dù đến xứ nào, cũng được mọi người khen ngợi phước đức của mình. Nhờ mọi người mà tiếng tăm mình được vang xa, cho nên nói: Được mọi người kính mến.



*Được mọi người kính mến
Đều do mình mà ra
Đời nay được khen ngợi
Đời sau sinh cõi trời.*

Được mọi người kính mến: Người mà đức hạnh hoàn toàn thì được tiếng tăm, được hàng ngàn muôn người tôn kính. Lời nói và việc làm đều đáng làm khuôn mẫu cho người noi theo. Đó là do chưa

nhóm đức hạnh không thiếu khuyết, nên nói: Được mọi người kính mến.

Điều do mình mà ra: Người tu hạnh lành mong tránh khỏi ách nạn. Người nhận lãnh của tín thí như áo mền, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men thì phải giữ gìn giới cấm, không để thiếu khuyết. Bên trong có tâm chân thành thì của tín thí bên ngoài mới tiêu hóa được, cho nên nói: Điều do mình mà ra.

Đời nay được khen ngợi: Đức hạnh được trời, người khen tặng đáng kính đáng quý, dù đi đến đâu cũng không trở ngại, cho nên nói: Đời nay được khen ngợi.

Đời sau sinh cõi trời: Sau khi qua đời được sinh lên cõi trời hưởng phước tự nhiên với nhà cao, điện các bằng bảy báu, cho nên nói: Đời sau sinh cõi trời.



*Dạy tu khiến vâng nhận
Ngăn dứt việc phi pháp
Điều người làm lành nhớ
Là xa lìa việc ác.*

Dạy tu khiến vâng nhận: Đối với pháp công đức thì truyền dạy chánh pháp, hễ họ cần tu giáo pháp gì thì giảng nói giáo pháp đó, cho nên nói: Dạy tu khiến vâng nhận.

Ngăn dứt việc phi pháp: Người làm những

việc không đúng pháp bị mọi người ghét bỏ, tâm thường tán loạn, mọi người đều ghét bỏ, phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên nói: Ngăn dứt việc phi pháp.

Điều người làm lành nhớ: Người làm việc lành đầy đủ đức lành, không bao giờ làm cho người khác đọa vào đường ác, cho nên nói: Điều người làm lành nhớ.

Là xa lìa việc ác: Điều phải biết đó là điều ác. Làm những việc không cần thiết thường đi đôi với việc ác. Điều mà tâm nghĩ thì đứng đầu là điều ác, cho nên nói: Nên xa lìa việc ác.



*Người thiện và bất thiện
Cả hai không khác nhau
Bất thiện đọa địa ngục
Người thiện sinh cõi trời.*

Người thiện và bất thiện: Hai hạng người này khác nhau. Hạng thứ nhất thì tốt đẹp, hạng thứ hai thì xấu xa. Hạng thứ nhất thì an định, hạng thứ hai thì tán loạn. Hạng thứ nhất thì hướng về đường lành, hạng thứ hai thì nhắm vào đường ác. Hạng thứ nhất được khen ngợi, hạng thứ hai bị chê bai, cho nên nói: Người thiện và bất thiện.

Cả hai không khác nhau: Ai nấy sống trên đời này, rốt cùng đều đi về chỗ chết, chỉ do chỗ họ tạo nghiệp mới đưa đến kết quả khác nhau ở mai sau,

cho nên nói: Cả hai không khác nhau.

Bất thiện đọa địa ngục: Bọn người xấu ác làm những việc bất thiện do chính họ làm ra rồi lại xúi giục người khác cũng làm giống như mình, cho nên nói: Bất thiện đọa địa ngục.

Người thiện sinh cõi trời: Tứ song bát bối gồm mười hai bậc Hiền sĩ, những vị này tu tập cội gốc thiện, thích đạo nơi cảnh vắng lặng, không ưa cảnh đời phiền toái, cho nên nói: Người thiện sinh cõi trời.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 9

Phẩm 7: Giới

*Người trí giữ giới
Được ba phước báu
Được lợi tiếng thơm
Sau sinh lên trời.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Người trí tuệ cầu ba pháp thì thường phải giữ gìn giới cấm. Thế nào là ba pháp?

1. Để xứng đáng là người lành thì phải cẩn thận giữ giới luật.

2. Dù được lợi dưỡng cũng không nên hưởng hết.

3. Sau khi chết được sinh lên cõi trời.

Đó là người giữ giới. Người thực hành ba pháp này sẽ được phước nói trên.

Lúc bấy giờ, Đức Phật ở trước đại chúng, nói bài kệ:

Người trí giữ giới
 Được ba phước báu
 Được lợi tiếng thơm
 Sau sinh lên trời
 Thường thấy pháp xử
 Giữ giới trong sạch
 Được cái thấy đúng
 Tốt nhất trong tốt.
 Giữ giới thì an
 Khiến thân không nã
 Giác ngủ yên bình
 Thức dậy thường vui.

Lúc ấy, mọi người trong hội nghe lời Phật dạy, vui mừng thực hành.



Giới trọn, già yên
 Giới khéo an ổn
 Tuệ là vật báu
 Phước, ai trộm được.

Giới trọn, già yên: Người giữ giới dù đến tuổi già nua vẫn được trời, rồng, các thần thường theo giúp đỡ. A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hu-lặc, Nhân, Phi nhân, Cưu-bàn-trà, Thất-xa-giá-na, La-sát... các vị ấy thường theo giúp đỡ, bảo vệ bậc Trưởng lão giữ giới, đêm ngày theo bảo vệ như bóng theo hình, cho nên nói: Giới trọn, già yên.

Giới khéo an ổn: Nếu có chúng sinh tin tưởng, hướng về Như Lai thì họ đã đầy đủ cội gốc của lòng tin. Tin có hai việc:

1. Tin không còn ngờ vực.
2. Tin có căn bản.

Không ai có thể làm cho người giữ giới sinh tâm làm điều ác, dù hạng ấy là Sa-môn, Phạm chí, các Bà-la-môn, các trời Phạm, các ma đi nữa. Họ được trời, người cúng dường. Cho nên nói: Giới khéo an ổn.

Tuệ là vật báu: Tuệ cũng gọi là ánh sáng, cũng gọi là sáng tỏ, cũng gọi là bó đuốc, cũng gọi là đèn, cũng gọi là con mắt, cũng gọi là mặt trời, cũng gọi là mặt trăng, cũng gọi là đông lửa lớn, cũng gọi là sự rực rỡ huy hoàng của các pháp. Giống như người đời có nhiều của cải, vật báu trên đời mà được an cư. Vật báu của người trí tuệ cũng như vậy. Gọi là vật báu của con người phải có đủ hai điều là công đức và trí tuệ sáng suốt, cho nên nói: Tuệ là vật báu của con người. Phước ấy không ai ăn trộm được. Như trong kinh Tạp A-hàm ghi: Có vị trời đến chỗ Như Lai hỏi về ý nghĩa này:

– Vật gì lửa không đốt được, vật gì gió thổi không bay, vật gì gió không làm lay động, vật gì nước không nhận chìm, vật gì đất không làm hư, vật gì mà cả vua, trộm cướp, sấm sét cũng không làm hư, vật gì để trong kho không ai giữ mà không

hao tổn?

Lúc ấy, Đức Phật bảo vị trời kia:

– Phước đức lửa không đốt được. Phước gió không động. Phước nước không nhận chìm. Phước đất không làm hư. Phước vua, giặc không cướp được, sấm sét dữ dội không làm hư hại được. Phước để trong kho không ai giữ mà không hao tổn.

Các trời nghe lời Phật dạy vui mừng hơn hở, lại khen ngợi Như Lai bằng bài kệ sau đây:

*Lành thay! Bậc Tối Thắng
Là ánh sáng đời này
Chúng con làm điều lành
Được hưởng phước cõi trời.*

Sau đó, các vị trời lại dùng bài kệ để hỏi lại về việc ấy:

*Gì già được yên?
Gì khéo an ổn?
Gì là vật báu?
Gì không trộm được?*

Đức Thế Tôn đáp bằng bài tụng:

*Giới trọn, già yên
Giới khéo an ổn
Tuệ là vật báu
Phước, ai trộm được.*

Trời, người nghe lời Phật dạy ghi nhớ mãi, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi đi chung quanh Phật ba

vòng, bỗng nhiên họ biến mất trở về cõi trời.



Tu giới, bố thí
Làm phước được phước
Đời này, đời sau
Thường sinh chỗ an.

Tu giới, bố thí: Bồ thí có hai việc: Một là giữ giới vững chắc, tu thêm hạnh bố thí nữa thì tự nhiên được quả báu tốt ở cõi trời, cõi người, tự nhiên được quả báo lành. Hai là bố thí cho người giữ giới thì được nhiều quả báo, cho nên nói: Giữ giới, bố thí.

Làm phước được phước: Hoặc có người giữ giới đầy đủ, nhưng không được học rộng thì được công đức chẳng có gì đáng nói. Lại có người đã giữ giới đầy đủ lại thêm học rộng trí tuệ, làm việc bố thí, thì vị đó được phước vô lượng, cho nên nói: Làm phước được phước.

Đời này, đời sau: Từ đời này đến đời sau, tâm thường an vui, tâm không hối tiếc bỏn xẻn, cho nên nói: Đời này, đời sau.

Thường sinh chỗ an: Hy vọng đầy đủ, tự nhiên hân hoan, tâm ý vui vẻ. Tự biết mình giữ giới đầy đủ, bố thí thanh tịnh chắc chắn nhận được quả báo công đức, không rơi vào đường tà. Lúc nào cũng vui vẻ, không còn phiền não. Bồ thí cho người giữ giới và người học rộng cũng lại như thế, cho nên

nói: Thường sinh chỗ an.



Tỳ-kheo trì giới
Giữ gìn các căn
Ăn uống tiết độ
Ngủ nghỉ tỉnh thức.

Tỳ-kheo trì giới: Giữ tâm vững chắc, không dễ chao đảo, không bị kéo lôi bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên nói: Tỳ-kheo trì giới.

Giữ gìn các căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều đầy đủ không bị khuyết tật, ý không mê lầm, cũng không nghĩ điều gì khác. Nương theo các giác quan mà tu tập công hạnh tuyệt diệu, cho nên nói: Giữ gìn các căn.

Ăn uống tiết độ: Phải biết lường bụng mình, không ăn quá no cũng không tham ăn. Tôn giả Đàm-ma-nan-đề có nói: “Ăn quá no thì tức bụng, ăn quá ít thì đuối sức, ăn uống vừa chừng như cán cân không giác không thiếu.” Tôn giả Tăng-già-la-sát soạn kinh Tu Hành cũng nói như thế. Như có người bắt được nhiều chim, y nhốt trong cái lồng to, thường xuyên chăm sóc, cho ăn đúng giờ. Lông đuôi chim đã mọc dài, thường xuyên cắt bỏ bớt, lựa con mập béo để làm thịt hằng ngày. Trong đó, có một con chim trong tâm tự nghĩ: “Nếu ta ăn nhiều mau béo thì sẽ bị làm thịt, nhưng nếu nhịn đói không ăn thì cũng bỏ mạng. Ta phải tự liệu

chùng, ăn ít, thịt da sa sút, nhưng lông vẫn mềm mại, ta sẽ chui ra khỏi lông.” Như đã nghĩ, nó bèn ăn ít đi. Lông vẫn mềm mại liền thoát như ý muốn. Người tu hành cũng như thế, phải tự tính lường nếu ăn nhiều tâm sẽ bị mờ mịt, không tu hành gì được, không suy nghĩ được pháp lành, làm cho pháp ác thường xuyên tăng thêm. Tham dục, giận dữ, ngu si đều bởi ăn nhiều mà ra, không đạt được mục đích cuối cùng của việc tu tập. Trong kinh, Đức Phật nói người ăn nhiều bị năm thứ khổ. Năm thứ khổ ấy là:

1. Thường đi cầu.
2. Thường đi tiểu.
3. Ngủ nhiều.
4. Thân thể nặng nề không tu hành được.
5. Ăn nhiều khó tiêu.

Người ăn nhiều có năm thứ khổ, tự làm nhọc mình, không đến được chỗ rốt ráo. Cho nên Phật dạy, ăn phải biết tiết chế.

Ngủ nghỉ tỉnh thức: Đêm ngày phải tỉnh giác, buộc tâm ý vào thiền định. Nếu cơn buồn ngủ đến tấn công thì thông một chân xuống giường. Nếu vẫn không xua tan được cơn buồn ngủ thì phải thả thông cả hai chân xuống giường. Nếu buồn ngủ quá thì phải đi kinh hành. Nếu đi kinh hành mà vẫn còn buồn ngủ thì dậy lấy nước rửa mặt. Nếu vẫn chưa tỉnh táo thì hãy ngược mắt nhìn sao trời để tự

thức tỉnh ý chí của mình. Đầu hôm, giữa đêm cho đến rạng sáng đều không được lười biếng, cho nên nói: Ngủ nghỉ tỉnh thức.



Ý thường giác ngộ
Ngày đêm siêng tu
Lậu hết ý ngộ
Đạt được Niết-bàn.

Ý thường giác ngộ: Thân, miệng, ý thường được giác ngộ, dâm, nộ, si khởi lên liền dứt bỏ, không sinh phiền não thì được an ổn, cho nên nói: Ý thường giác ngộ.

Ngày đêm siêng tu: Ban ngày tu thế nào ban đêm cũng tu như thế, ban đêm tu thế nào ban ngày cũng tu như thế. Đầu hôm, giữa đêm, gần sáng cũng như vậy. Giữ tâm chuyên nhất không còn nghĩ gì khác. Chỉ theo về với đạo, tư duy pháp mà tâm nghĩ, cho nên nói: Ngày đêm siêng tu.

Lậu hết ý ngộ: Ý chí mạnh mẽ, cứng rắn thì có khả năng dứt sạch hết phiền não. Người có tâm lười biếng thì không thể dứt sạch phiền não, không thể tinh tấn đối với việc tu tập. Cho nên lui sụt xuống hàng phàm phu. Nhưng người tu hành ấy ngày đêm tinh tấn như cứu lửa đang cháy trên đầu, giữ tâm mạnh mẽ nên không còn lo sợ nguy hiểm, đặt chí nguyện làm đầu là dứt bỏ kết sử, diệt hết lậu hoặc, cho nên nói: Lậu hết ý ngộ.

Đạt được Niết-bàn: Mọi việc phải làm đã làm xong, tai họa phiền não ở đời đã dứt hẳn, không còn sinh trở lại nữa. Mong nhập Niết-bàn, cởi mở hoàn toàn. Mọi trói buộc đắm nhiễm đã làm dơ bẩn con người, làm cho chúng biến mất không hiện khởi nữa. Tiến vào cảnh giới Niết-bàn không hề trở ngại, bỏ nghiệp hiện tại, nhập vào cảnh Niết-bàn, cho nên nói: Đạt được Niết-bàn.



*Người trí giữ giới cấm
Chuyên trau dồi trí tuệ
Tỳ-kheo không phiền não
Chứng quả, dứt hết khổ.*

Người trí giữ giới cấm: Giới không lay động, khéo an trụ vững chắc, cũng không thể dời đổi, người trí dứt bỏ ngu tối, không bao giờ sống trong sự ngu si mê hoặc, như vị tướng hùng mạnh thân mặc áo giáp nhiều lớp, nhưng nếu trong tay không có kiếm thì không thể chiến thắng được cường địch. Còn nếu có kiếm nhưng không có áo giáp nhiều lớp thì cũng không thể hàng phục được cường địch. Còn nếu vị tướng hùng mạnh thân mặc áo giáp nhiều lớp, tay cầm kiếm bén, trước sau được che bọc thì chiến đấu với giặc chắc chắn thắng lợi, không còn ngờ vực. Người tu hành cũng lại như thế, thân mặc áo giáp giới luật, nhưng tâm không có kiếm bén trí tuệ thì không thể giết chết được tên đầu sỏ kết sử. Dù cho có thân trí tuệ

nhưng không có áo giáp giới thì cũng không dứt trừ được kết sử kia, như vị tướng mạnh kia thân mặc áo giáp giới, tâm cầm kiếm tuệ, chiến đấu với kết sử bên bỉ từ đầu đến cuối thì chắc chắn có kết quả, cho nên nói: Người trí giữ giới cấm.

Chuyên trau dồi trí tuệ: Lấy tuệ luyện tâm, khử hết sạch chất dơ bản, như quặng sắt phải được tôi luyện trong lò liên tục nhiều lần thì dù mềm cũng có thể cứng, dù xấu cũng thành tốt, giống như biển cả đêm ngày sôi động, bao nhiêu cặn bã lắng xuống biển thành châu báu. Người tu hành cũng thế, đêm ngày điều khiển tâm không ngừng nghỉ thì chắc chắn chứng quả, cho nên nói: Chuyên trau dồi trí tuệ.

Tỳ-kheo không phiền não: Mặc dù mang hình hài được hun đúc bởi đất trời, nhưng ở trong đó, không bao giờ bị phiền não làm thương tổn. Vì sao? Vì Tỳ-kheo giữ gìn năm căn, được năm lực, tâm không lui sụt thì nguyện ước chắc chắn đạt kết quả. Tỳ-kheo là người dứt bỏ các kết sử, hết hẳn không còn sót. Thân mặc ca-sa, tay ôm bát, tới giờ đến nhà thí chủ với dáng vẻ hỏ thẹn, được bố thí thức ăn không màng ngon dở, chỉ mong được vui Niết-bàn, cho nên gọi là Tỳ-kheo. Vì thế nói rằng: Tỳ-kheo không phiền não.

Chứng quả, dứt hết khổ: Nhỏ sạch cội gốc khổ, dứt không còn sót. Không còn phải trải qua các khổ nạn. Do đó khổ dứt, công đức phước đức

ngày càng phát sinh, cho nên nói: Chứng quả, dứt hết khổ.



*Dùng giới hàng tâm
Giữ ý chánh định
Trong tu chỉ quán
Không quên chánh trí.*

Dùng giới hàng tâm: Thường giữ tâm không để mất chánh niệm, cũng không chơi đùa buông lung, cho nên nói: Dùng giới hàng tâm.

Giữ ý chánh định: Định có ba loại: thiện, bất thiện, vô ký. Người giữ gìn định thiện thì không để cho định bất thiện được dịp thuận tiện làm hại, thường nhớ nghĩ, tư duy: “Nay ta được chánh định thì phải tìm xét rốt ráo nguồn cội, vì sao lại để cho định bất thiện tán loạn xen vào.” Cho nên nói: Giữ ý chánh định.

Trong tu chỉ quán: Thường nghĩ giữ tâm, nhớ sự tỉnh sáng, quét sạch hết u tối như ngọn đuốc sáng. Quán sát gốc ái, tìm xét gốc si, ngăn chặn không phát sinh ra, cho nên nói: Trong tu chỉ quán.

Không quên chánh trí: Khi trí tuệ chiếu soi thì không có cái gì không sáng tỏ. Tâm nghĩ thì trí theo nhau như hai con trâu chung một cái ách, như lậu tận thông khiến thân năng nhẹ. Dùng thân giữ tâm, dùng tâm giữ thân. Thân và tâm tương ưng nhau thì không gì ngăn ngại, dù vách dù đá cũng đi qua

được. Đó là sự luyện tâm nhập vào chỗ vi diệu, rồi luyện chỗ vi diệu nhập vào thân. Tâm nghĩ thì thân làm theo không gì cản ngăn được, cho nên nói: Không quên chánh trí.



Dứt bỏ các cầu

Diệt mạn, không sinh

Trọn đời cầu pháp

Chớ tạm lìa Thánh.

Dứt bỏ các cầu: Các trói buộc cầu nhiễm trong ý thức và các thọ ấm nhập đã hết, đã dứt hẳn, không còn sinh cảnh nhánh cọng lá, cho nên nói: Dứt bỏ các cầu.

Diệt mạn không sinh: Giữ gìn tâm ý, chế ngự và dứt bỏ kiêu mạn, tăng thượng mạn. Hạt giống ấm, hạt giống kiết, cả hai dấu vết này đều tiêu diệt, cho nên nói: Diệt mạn không sinh (*diệt hết kiêu mạn, không cho phát sinh*).

Trọn đời cầu pháp: Nói về thân thì đều là hình thể được kết hợp bởi nhiều thứ, cũng gọi là thân ấm, thân tụ, thân dưỡng sinh. Cũng gọi là thân, bốn sắc bình chủng là voi, ngựa, xa, bộ. Cũng gọi là thân, trong thân không có gì hơn kết thân. Ai có khả năng dứt bỏ kết sử trong thân này mà cầu chánh pháp thì gọi là thoát khỏi trói buộc. Những ai không còn sống theo hữu vi, không nghĩ đến bảy xứ, ba quán, họ là Phật tử chân chánh, tương ưng

với kiên tín, kiên pháp thì có khả năng phá tan được kết tụ, cho nên nói: Trọn đời cầu pháp.

Chớ tạm lìa Thánh: Thường nghĩ rằng từ bậc Thánh hiền được nối tiếp cho tông đồ. Tâm hỷ lạc là chỗ ở của Thánh hiền. Sự kiện việc này có ba trí: Trí thứ nhất là các kết sử đều dứt hết. Trí thứ hai là chứng Niết-bàn hữu dư. Trí thứ ba là chứng Niết-bàn vô dư, cho nên nói: Chớ tạm lìa Thánh.



*Giới, định, tuệ mở
Nên khéo suy nghĩ
Đều đã lìa nhơ
Không họa, trừ cỗi.*

Giới, định, tuệ mở: Người tu hành dùng Giới phẩm, Định phẩm, Tuệ phẩm, ba nghiệp đầy đủ làm chuỗi anh lạc để trang nghiêm thân, dứt bỏ nhóm kết sử thì không có cái gì không dứt bỏ được, giống như vua là người giàu có tài vật, quân lính hùng mạnh, tài năng trí hơn người mới có khả năng an ủi vỗ về dân trong nước, giặc ngoại xâm không làm hại được. Người tu hành ở đây cũng như thế. Ba nghiệp đầy đủ rồi thì phá tan giặc kết sử, không còn nghi nan gì nữa. Giới là lập chí (vững chí), định cột chặt tâm tán loạn, trí tuệ cắt đứt kết sử, cho nên nói: Hiểu giới, định, tuệ.

Nên khéo suy nghĩ: Suy nghĩ ba phẩm đem ngày thực hành, không hề lìa xa, cho nên nói: Nên

khéo suy nghĩ.

Đều đã là nhờ: Điều mở rộng được rất ráo, biết khổ sinh tử, ở trong đó cứu giúp rất thanh tịnh, không tí vết, không các thứ nhờ bản, cho nên nói: Đều đã là nhờ.

Không họa, trừ cỗi: Đã là tai hoạn khổ não sôi trào, dứt bỏ nhân tái sinh trong ba cỗi, không còn thọ thai, biết đúng như thật, cho nên nói: Không họa, trừ cỗi.



*Dựa giải vượt qua
Không còn tái sinh
Vượt cảnh giới ma
Như mặt trời sáng.*

Dựa giải vượt qua: Hành có sáu phẩm, cỗi Dục, cỗi Sắc, cỗi Vô sắc còn bị trói buộc bởi các kết, tự trói buộc bằng si mạn ngu hoặc sinh ra từ cỗi Dục, cho nên nói: Dựa giải vượt qua.

Không còn tái sinh: Người tu hành phải suy nghĩ quán xét, biết rõ một cách như thật, tức tìm phương tiện dứt hẳn kết sử, đã chấm dứt sinh tử thì không còn thọ thai, phạm hạnh đã lập, việc làm đã làm xong, cho nên nói: Không còn tái sinh.

Vượt cảnh giới ma: Từ tầng trời thứ sáu trở xuống đều là cảnh giới ma. Ở cảnh giới này nhiều phiền não, nó làm bít lấp tâm đạo, làm cho con người không đến được chốn vô vi. Trong cỗi

Diêm-phù-lợi này có nhiều loại chúng sinh khác nhau, gọi là Ma-khư, ban ngày ẩn núp, sống trong sinh tạng, thực tạng, rơi vào giới ma, đó là cõi Dục bị ma làm hại, gây ra nhiều họa hoạn. Bậc Hiền thánh đã vượt qua cảnh giới tà ma ấy, cho nên nói: Vượt cảnh giới ma.

Như mặt trời sáng: Như mặt trời chói sáng, không bị che khuất bởi năm thứ: Một là mây, hai là khói, ba là bụi, bốn sương mù, năm là tay của A-tu-luân. Nếu không có năm thứ này thì mặt trời, mặt trăng luôn luôn chói sáng. Các Tỳ-kheo tu hành cũng lại như vậy, phải thoát khỏi sự che đậy của năm ám. Thế nào là năm ám? Một là tham dục, hai là giận dữ, ba là ngủ nghỉ, bốn là vui chơi, năm là ngờ vực. Thầy Tỳ-kheo tu hành phải thoát ra khỏi năm sự che đậy ấy, tâm trí sáng suốt, trong ngoài đều thông đạt, như vàng tử ma, cho nên nói: Như mặt trời sáng.



*Mê hoặc, rong ruổi
Tỳ-kheo xa lánh
Hành giới, định, tuệ
Đầy đủ, không lìa.*

Mê hoặc, rong ruổi: Việc làm của hàng phàm phu mê hoặc đều lộn xộn, như khỉ vượn buông vật này bắt vật kia, tâm như cơn gió mạnh, rong ruổi theo chiều mới, cho nên nói: Mê hoặc, rong ruổi.

Tỳ-kheo xa lánh: Giữ hạnh như nước, nhẫn nhục sự giận tức như đất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo không nương vào dòng họ cao quý, có khả năng tự chế ngự tình cảm, đóng bít sáu giác quan mới gọi là Tỳ-kheo, cho nên nói: Tỳ-kheo tránh ngoài.

Hành giới, định, tuệ: Đêm ngày siêng tu giới, định, tuệ, không sinh tâm buông lung. Người muốn vượt qua biển cả phải nương thuyền to, người muốn đến Niết-bàn phải thực hành giới, định, tuệ. Dứt bỏ pháp bất thiện và thực hành thêm pháp thiện. Nếu Tỳ-kheo nào đi ngược với chánh giáo này, không thuận theo luật pháp thì có hệ lụy đến Phật pháp, Thánh chúng, cho nên nói: Hành giới, định, tuệ, đầy đủ, không lìa.



*Đã không buông lung
Còn không tưởng niệm
Cho nên bỏ mạn
Như vậy không sinh.*

Đã không buông lung: Không rong ruổi theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên nói: Đã không buông lung.

Còn không tưởng niệm: Pháp mà tâm nhớ nghĩ thì trong ấy chỉ có duy nhất là tu thiền định, cũng không còn nghĩ nhớ đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên nói: Còn không tưởng niệm.

Cho nên bỏ mạn (kiêu mạn): Bên trong tu chỉ

và quán, không chế tâm rối loạn, thường nhập thiền định, không cho rong ruổi, chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp và kiêu ngạo, vì thế nói rằng: Cho nên bỏ mạn.

Như vậy không sinh: Như người không còn dính mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, pháp mà tâm nghĩ nhớ cũng như vậy, pháp mà tâm nghĩ nhớ như cơn mưa lớn, như xe đồ lúa. Điều ác mà tâm nhớ nghĩ lại nhiều hơn thế, cho nên nói: Như vậy không sinh.



*Người trí tu vững chắc
Đối với các giới cấm
Thẳng đường đến Niết-bàn
Mau tới cảnh diệt độ.*

Người trí tu vững chắc: Vâng lời Phật khuyên răn, tuân lời thầy dạy dỗ, dứt bỏ tà vạy, trở về đường ngay. Thường giữ tâm vững chắc, không để tâm xấu phá hoại. Cho nên nói: Người trí tu vững chắc.

Đối với các giới cấm: Lúc nào cũng hành đạo, giữ gìn giới cấm. Pháp mà người trí tu hành, người ngu không thực hành được, cho nên nói: Đối với các giới cấm.

Thẳng đường đến Niết-bàn: Dứt hẳn vô vi, cũng không có chỗ bắt đầu hay chấm dứt, vắng lặng vô sinh, cho nên nói: Thẳng đến đường Niết-

bàn.

Mau tới cảnh diệt độ: Giữa đường không còn bị cản trở, như dòng nước chảy xiết đều dồn ra biển cả, cho nên nói: Mau tới cảnh diệt độ.



*Hoa thơm không ngược gió
Nưh Phù dung, Chiên-đàn
Đức thơm bay ngược gió
Hương thơm người đức khắp.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ, lúc đó ngài Đại Ca-diếp đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Ngài Ca-diếp sinh ra và lớn lên từ dòng dõi cao sang, thân thể mềm mại, ăn thì toàn món ngon, chưa từng ăn món dở, ý ngài muốn khai hóa những người nghèo khổ, thế nên ngài hay đến nhà những người nghèo khát thực, xin được thức ăn dở, ăn vào liền phát bệnh. Hơi sinh trong bụng làm cho hạ phong. Lúc ấy, Đức Phật bảo ngài Mục-kiền-liên:

— Nay, thầy hãy theo Ta đi thăm người bệnh.

Ngài Mục-kiền-liên đáp:

— Thừa vâng.

Đức Thế Tôn liền cùng ngài Mục-kiền-liên đến núi Kỳ-xà-quật. Lúc đó ngài Ca-diếp đang ngồi lặng yên trong phòng một mình, không có ai chăm sóc. Đức Như Lai liền vào trong hang ngài Ca-diếp. Thấy Phật, ngài Ca-diếp định đứng dậy, Đức

Thế Tôn liền bảo:

– Hôm nay thầy bị bệnh, hãy ngồi, chớ đứng dậy, vì Ta có đem theo đồ ngồi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi ngài Ca-diếp:

– Nay thầy ngồi một mình trong phòng trống trải, không có người săn sóc, vì sao thầy lại thích ở trong núi vắng vẻ như thế?

Lúc ấy, có Thích Đề-hoàn Nhân đang đứng sau lưng ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp liền bạch Phật bằng bài kệ sau đây:

*Bỏ ngôi vua trời
Làm phước không mỏi
Trong tâm vui mừng
Ngài gắng thăm con.*

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói với Thích Đề-hoàn Nhân bằng bài kệ:

*Thân trời tánh thanh tịnh
Hương thơm tự xoa mình
Vì sao giáng xuống trần
Săn sóc thân hôi nhơ?*

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân chấp tay bạch Phật:

– Con xin lập lại bài kệ sau đây:

*Xin Tôi Thắng biết cho
Giới hương không gì sánh
Nay con nghĩ công đức*

Không kể thân hôi nhơ.

Nhưng ngày nay Thế Tôn là đóa hương hoa trời chói sáng hơn tất cả mà còn ở trong trần lao này làm ích lợi lâu dài cho chúng sinh, hương thơm giới pháp của bậc Hiền thánh là cắt đứt các kết sử, đóng kín cửa tai họa, không còn lọt ra các tham dục. Ngày nay, Đức Thế Tôn là Bạc ấy. Còn hương thơm của phàm tình như thế thì trôi lăn trong sinh tử, trải qua biết bao số kiếp. Nó không thể làm cho con người được vĩnh viễn an lạc. Hương thơm giới pháp của bậc Hiền thánh thì ức ngàn trăm kiếp vẫn còn mãi với thời gian.

Lúc ấy, xét kỹ Thích Đề-hoàn Nhân, Đức Thế Tôn bèn nói kệ:

*Hay lắm! Đế Thích nhân
Ý ông thật ít có
Có thể trong buồng lung
Nhiếp ý tu cội đức.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nhân bài pháp ấy, ở trước đại chúng, Ngài nói bài kệ rằng:

*Hoa thơm không ngược gió
Như Phù dung, Chiên-đàn
Đức thơm bay ngược gió
Hương thơm người đức khắp.*

Mùi thơm của các loại hoa trên thế gian đều là mùi thơm bay thuận chiều gió, không bay ngược chiều gió. Còn mùi thơm của giới đức vừa bay

chiều theo gió và cũng vừa bay ngược chiều gió. Mùi thơm của hoa ở thế gian thì chỉ xông ở cõi Dục, không xông lên đến cõi Sắc, hoặc xông được một phía, không thể xông ba phía còn lại. Mùi thơm của người giữ giới lan tỏa khắp mười phương. Mùi thơm của hoa phải đến gần mới biết được. Mùi thơm của người giữ giới xông lên thẳng đến tầng trời Cứu cánh, cho nên nói: Hoa thơm không ngược gió, hương thơm người đức khắp.



Chiên-đàn rất thơm

Như hoa sen xanh

Dù là thơm thật

Không bằng thơm giới.

Chiên-đàn rất thơm: Theo người đời nói thì gỗ trầm thủy, khắc Chiên-đàn, đều là hương liệu tốt, đó là mùi thơm từ gốc. Mùi thơm của hoa như mùi thơm hoa sen, của Phù dung, của Chiên-bồ-tu-càn-đề, Mạt-tu-càn-đề cho đến hoa giải thoát, hoa thuần nhật tinh, hoa Phân-đà-lợi. Mùi thơm của cả hằng ngàn thứ bông như vậy, nhưng vẫn không sánh nổi với mùi thơm của sự giữ giới. Mùi thơm này hơn cả ngàn vạn lần, triệu triệu lần hơn, không thể thí dụ nổi. Không thể dùng sự suy nghĩ, không thể dùng sự đo lường. Cả ngàn thứ mùi thơm đó, chỉ làm vui một đời người, không thể theo người đến đời sau. Trái lại, hương thơm của sự giữ giới thì bao trùm hiện tại mà còn thơm mãi đến trăm

ngàn kiếp, không bao giờ luống mất, cho nên nói: Dù là thơm thật, không bằng thơm giới.



*Mùi thơm hoa yếu
Không phải thơm thật
Hương thơm giữ giới
Vượt đến cõi trời.*

Mùi thơm hoa yếu: Gỗ Chiên-đàn mộc khắc ở Trung quốc thì quý giá, ở miền biên giới không có. Hương thơm giới đức xông qua các tầng trời, dưới thì xông đến mười phương, lan tỏa khắp thế giới, ở đâu cũng ngửi được mùi thơm, cho nên nói: Mùi thơm hoa yếu, không phải thơm thật.

Hương thơm giữ giới, vượt đến cõi trời: Các vị trời ở tầng trời Đao-lợi, tâm ý buông lung, suy nghĩ tự do mà còn được ngợi khen. Người giữ giới tu thiện được phước, làm ác mắc tội. Các phẩm: giới, định, tuệ, giải thoát kiến tuệ, độ tri kiến, thật đáng kính đáng quý, là đạo Vô thượng. Vì sao? Vì người như thế là bậc thầy dẫn đường của loài người, dẫn dắt chỉ bày con đường chánh, vén màn tăm tối mê muội, giúp người thấy được trí tuệ sáng suốt, cho nên nói: Hương thơm giữ giới, vượt đến cõi trời.



*Giới đủ thành tựu
Định ý vượt qua*

*Ma mê mất đạo
Ma không biết đạo.*

Giới đủ thành tựu: Bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà giới đức đầy đủ, thanh tịnh, không mảy may thiếu sót thì ma vương dù có thể lực mạnh mẽ thống lĩnh cả cõi Dục, độc tôn trong cõi Dục, nhưng chúng không thể biết được quả vị mà bốn bộ chúng này chứng được, chúng cũng không biết được từ đạo quả nào mà được sạch hết lậu kết. Lúc bấy giờ, ác ma nhủ thầm: “Những người mặc áo đen này cạo râu tóc, mặc áo bày vai phải, tu tập thiền định, hoặc có người đã thoát khỏi chấp ngã, hoặc có người vượt qua, không nghe lời ta dạy bảo, hoặc có người vĩnh biệt cõi đời này, không biết thần thức họ ở đâu, hoặc có người biết được nơi họ sẽ đến sau khi chết”. Cho nên nói: Ma mê mất đạo, ma không biết đạo.



*Đạo này là rốt ráo
Đạo này là vô thượng
Hương về được rốt ráo
Dùng thiền định trói ma.*

Đạo này là rốt ráo: An ổn vô vi vui sướng vô cùng. Hương về đạo này, đến cửa Niết-bàn, cho nên nói: Đây là đạo rốt ráo.

Đạo này là vô thượng: Đối với đạo này không

đạo nào ở trên nữa, được Trời, Rồng, Quỷ tôn kính thờ phụng cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất có một Sa-di tên là Thuần Đầu, mới tám tuổi mà đã chứng được sáu thứ thần thông, bay trong hư không, đến suối A-nậu. Có vị Phạm chí tên là Tu-bạt, đã được năm thứ thần thông, cũng đến suối ấy. Lúc bấy giờ con quỷ mặc áo xanh canh giữ suối A-nậu này đã đuổi vị Phạm chí có năm thứ thần thông kia, nó ném gạch đá vào Phạm chí không cho đến gần suối thần. Đúng lúc ấy, Sa-di Thuần Đầu bay đến, bọn quỷ thần mặc áo xanh cả mấy trăm tên đều chạy đến đón rước. Đứa thì thu xếp y, đứa thì đem nước rửa cho Sa-di rửa tay chân, đứa thì lấy khăn mới lau đầu mặt Sa-di, đứa thì đem nước thơm để Sa-di tắm gội. Phạm chí Tu-bạt lớn tiếng hỏi:

— Nay ta đã được năm thứ thần thông, thần đức vô lượng, có sức mạnh dời núi, ngăn sông khiến chảy ngược lại, coi trời đất như viên ngọc trong lòng bàn tay. Từ khi học đạo đến giờ đã hơn một trăm hai mươi năm, thân thể gầy gò khô nhọc, tinh thần hết sức mệt mỏi. Có lúc ta luyện tập Ngũ minh, Tứ xứ, đốt lửa chiếu lên ánh sáng mặt trời. Có khi ta nằm trên phân tro, có khi nằm trên chông gai nguy hiểm, không đạo nào không học qua. Nhưng tại sao ta lại bị đuổi đi, không được đến bên suối? Trong khi chú bé mặc áo đen này mới bảy, tám tuổi miệng còn hôi sữa, thân thể vẫn còn hôi nhơ nhưng tại sao nó lại được tiếp đãi kính trọng

quá mức, tiếp đón, thờ phụng là vì có gì?

Lúc ấy vị quỉ mặc áo xanh nói với Phạm chí:

– Nay vị học sĩ này tuy tuổi trẻ nhưng đã vượt ra ba cõi, chứng được tám phẩm đạo của bậc Thánh hiền. Ông không có những điều ấy cho nên không được kính rước.

Có một vị Bà-la-môn tên là Duyệt-xoa, xây cất một ngôi chùa cũng tên là Duyệt-xoa. Ông thường đem dầu tô cúng chùa thắp đèn. Lúc ấy, có một vị Bà-la-môn từ phương xa đến chùa Duyệt-xoa, nghe Phạm chí Duyệt-xoa tài cao, đức sáng, mà lại kính tin Phật pháp, xây cất cả chùa nữa. Vị này gặp mặt Duyệt-xoa rồi hỏi thăm sự việc. Khi đó có một chú Sa-di đi đến nhận số dầu tô cúng chùa thắp đèn. Có rất nhiều vị Phạm chí mới nói với Bà-la-môn Duyệt-xoa rằng:

– Ông có thể lay người mặc áo hoại sắc này hay không?

Nói chưa dứt lời thì vị Sa-di đã đến. Bà-la-môn Duyệt-xoa liền sụp lạy. Các Phạm chí đều nói với Duyệt-xoa:

– Ông xuất thân từ bốn giai cấp, tài nghệ hơn người, thiên văn địa lý, môn nào cũng luyện tập qua. Thần chú linh cảm, việc nào không làm được. Nay đối với người mặc áo hoại sắc này, xuất thân từ nhiều dòng họ, không được chân chánh, thế mà tại sao ông làm trái pháp luật của giai cấp ta, đi lay

kẻ ấy như vậy? Hơn nữa, ông là người giữ gìn đức hạnh, thanh tịnh tự tu, bên trong chứa đầy đồ sấm, bí kíp, hành đạo ban phước, có nguyện nào không thành đâu. Văn tự chương án, thứ nào cũng hoàn tất. Còn hạnh Phật thì ít ỏi, có gì đáng quý đâu? Ông đã bỏ gốc theo ngọn, điều ấy làm tôi bức mình. Người ta đồn rằng Sa-môn là hạng bần tiện, xảo trá rắc rối, làm mê hoặc người đời, làm những hành việc xấu xa. Họ chỉ lo sung sướng riêng mình, không thể hưởng được phước trời Phạm thiên. Giả sử gặp nhau thì chỉ có đâm vào mặt họ thôi. Vì sao ông gieo năm vốc sất đất cung kính làm lễ họ như vậy? Chính tôi tận mắt nhìn thấy còn lấy làm giận, huống là bậc đại nhân tu học trước há có thể tha thứ cho ông tội này ư?

Duyệt-xoa bảo các Bà-la-môn:

– Xin các ngài bình tĩnh lặng yên nghe tôi nói bài kệ này:

*Đức Hiền thánh khó lường
Tám đường đến vô thượng
Đó phạm hạnh Sa-môn
Do chính Như Lai nói.
Thấy thân này tuy nhỏ
Nhưng chứng đạo Thánh hiền
Cho nên tôi quy y
Vì sao các vị trách?*

Cho nên nói: Đạo này là vô thượng.

Hướng về được rất ráo: Các vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm có khả năng cắt đứt mọi trói buộc âm nhập của cõi Dục. Cho nên nói: Hướng về được rất ráo.

Dùng thiền định trói ma: Người ngồi thiền nhập định, vui trong sự vắng lặng, gom ý vào một chỗ, đếm từng hơi thở ra vào, giữ tâm vững chắc, có khả năng thoát khỏi sự trói buộc của ma, trở lại trói ma. Người nhập định có khả năng sai khiến quỷ thần đến ngay lập tức theo ý mình muốn. Trong kinh, Đức Phật cũng có nói: “Ta quán sát khắp cả cõi trời, cõi người, trong sự ràng buộc vững chắc ấy, không gì hơn bị ma trói buộc, nhưng nhờ lậu tận nên bậc La-hán coi nó chỉ là đứt bỏ sự nhục nhã”. Đời vị lai không còn thọ sinh, cho nên Tỳ-kheo phải tu học như thế, phải tìm phương cách thoát khỏi sự trói buộc vững chắc của ma.



*Dù nói pháp rất ít
Nhưng nhất tâm nghe nhận
Được gọi người hộ pháp
Đứt bỏ dâm, nộ, si
Hết hẳn các kết sử
Đó gọi là Sa-môn.*

Dù nói pháp rất ít: Nói ít nhưng nêu lên được những điều quan trọng và có nghĩa vị tương ưng. Xưa, có hai vị Tỳ-kheo ở trong núi sâu học đạo.

Một vị học rộng còn vị kia thì ít học, kiến thức nông cạn. Vị ít học, giữ giới trọn vẹn, thầy chỉ tụng có một câu kinh thôi. Ngày nào cũng tụng câu ấy và không mong học thêm câu nào khác nữa. Bảy giờ, vị thần trên hư không và thần núi rừng ngày ngày khen ngợi. Các thần muốn được nghe những gì mà thầy Tỳ-kheo này nói. Trong khi đó, vị Tỳ-kheo học rộng kia đọc tụng lớn tiếng những câu kinh ý nghĩa sâu sắc mà mình biết. Các vị thần núi, rừng im lặng không nói gì cả, họ cũng không khen ngợi. Lúc ấy, thầy Tỳ-kheo học rộng liền nổi giận, bảo với vị thần núi:

— Sở học của vị Tỳ-kheo ở sau kia rất cạn cợt, chỉ tụng được có một câu, nhưng được các trời khen ngợi. Còn ta đây học rộng, hiểu nghĩa lý sâu sa, góp nhặt các lời hay trong kinh điển, rồi đem ra tụng học. Thế mà các trời, các thần không nói gì, cũng không khen ngợi!

Các trời, các thần trả lời:

— Sao Tỳ-kheo không tự trách mình mà lại trách chúng tôi? Vị Tỳ-kheo kia dù ít học, nhưng lời nói và việc làm ăn khớp nhau. Còn thầy dù tụng ba tạng kinh đi nữa, nhưng việc thầy làm thì trái với kinh, trái với lời Phật dạy, cũng có bài kệ này:

*Dù nói pháp rất ít
Nhưng nhất tâm nghe nhận
Được gọi người hộ pháp*

Dứt bỏ dâm, nộ, si.

Tỳ-kheo này ăn khớp với pháp, dù chưa dứt hết dâm, nộ, si nhưng nhờ phương tiện rồi sẽ dứt hết. Còn ngài dù học rộng nhưng ngày đêm sống với dâm, nộ, si, tham đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Còn thầy Tỳ-kheo ít hiểu biết kia đêm ngày thiền định, suy nghĩ, tâm không tán loạn, cho nên thầy ấy thường được khen ngợi. Tuy thầy học rộng, nhưng ý không chuyên nhất, cho nên không được khen ngợi.

Thầy Tỳ-kheo nghe các trời nói thế tự cảm thấy hổ thẹn đối với việc mình làm, nghĩ rằng thần núi còn thấy được những hành vi không thực chất của ta huống gì những vị đã đắc đạo có thần thông mà không thấy rõ hay sao? Vậy nay ta tự sửa đổi, suy nghĩ bằng diệu trí, không cho niệm dâm, nộ, si, nổi lên nữa.

Thầy Tỳ-kheo cứ như thế thực hành, lời nói và việc làm ăn khớp nhau, nên được các trời ngày ngày khen ngợi vô lượng. Vì vậy, người biết thực hành theo lời khuyên của bạn lành bằng pháp lành thì chắc chắn thành tựu đầy đủ.

Lúc bấy giờ vị Tỳ-kheo giữ hạnh tinh tấn, biết rõ được pháp nhiệm mầu thế tục, pháp bất tịnh, pháp an ban, pháp Tứ niệm ý chỉ, pháp noãn, pháp đánh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất. Lần lượt chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-

la-hán. Sau khi đắc đạo, thầy Tỳ-kheo đáp tạ các trời, mong được khuyến tấn giúp đỡ để tâm càng trong như vực nước trong biếc. Nay ta đắc đạo là hoàn toàn nhờ vào năng lực thần kỳ giúp đỡ. Biết bao điều lợi ích, biết bao điều thành tựu. Thầy Tỳ-kheo lại nói pháp cho các trời nghe giúp họ tâm ý mở tỏ, được mắt pháp thanh tịnh, cho nên nói:

*Dù nói pháp rất ít
Không buông lung được khen
Buông lung bị chê bai
Người Ma-kiệt không thể
Duyên tịch sinh cõi trời.*

Thuở xưa, cách nay vô số kiếp, có vị Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác. Ở tại thế gian, Ngài giáo hóa những chúng sinh có duyên. Xong, bèn nhập Niết-bàn vô dư. Lúc bấy giờ, đối với Xá-lợi, bốn bộ đệ tử xây tháp bằng bảy chất để tôn kính cúng dường, trải qua nhiều đời các tháp bị sụp đổ không ai tu bổ. Lúc đó, rộng khắp dân chúng trong ấp Nghĩa Hiệp có chín vạn hai ngàn người mà vua Bình-sa là lãnh tụ cao nhất. Vua Bình-sa bảo mọi người rằng:

— Các người phải khuyến khích nhau cùng làm việc phước đức. Phật ra đời khó gặp, thân người khó được. Dù được thân người, nhưng có khi sống ở biên địa ngoài xa, rơi vào những gia đình tà kiến. Vì sao chúng ta mãi tham đắm cái vui trần thế, chi bằng giờ đây, chúng ta phát tâm sửa chữa lại các

ngôi tháp cũ đã sụp lở.

Mọi người đều nghe lệnh vua, liền cùng nhau tu bổ các ngôi tháp sụp lở. Rồi lại cùng nhau phát nguyện: “Chúng ta chung lòng chung sức tu bổ ngôi chùa này, thì dù chỉ được chút ít phước đức, cũng khỏi rơi vào ba đường, tám nạn, lại được sinh lên cõi trời, cõi người, cùng ở chung một nơi, chớ không khác nhau. Lại nghe rằng trong tương lai có Phật ra đời hiệu là Thích-ca Văn, khi Ngài nói pháp lần đầu tiên thì chúng ta là những người đầu tiên được Ngài độ, mà vua là người trước nhất.”

Lúc ấy, chín vạn hai ngàn người này tùy theo tuổi thọ mà lần lượt qua đời, đều được sinh lên tầng trời Đao-lợi. Trải qua nhiều kiếp sau đó, ở cõi Diêm-phù-lợi, có vị Phật ra đời hiệu là Thích-ca Văn, là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng tử ma, vàng ánh sáng tròn bao quanh thân bảy thước. Ngài nói pháp bằng âm thanh có tám tính chất như tiếng chim Yết-tỳ. Lúc ấy chín vạn hai ngàn vị trời kia hưởng hết phước trời, lần lượt sinh xuống nước Ma-kiệt-đà. Vua Bình-sa lên tám tuổi đã nối ngôi vua. Rồi vua trị vì bằng chánh pháp, không chút tà vạy, ủng hộ chánh pháp, ban ân lành xuống khắp, không sát hại sinh mạng. Vua còn lập đàn bố thí cứu giúp kẻ nghèo. Những ai từ xa đến tạm nghỉ lại, vua cũng đều cung cấp cho họ đầy đủ.

Lúc ấy Bô-tát Nho Đồng bỏ tám muôn thể nữ, kể cả ngôi vua. Ban đêm lúc vắng người, Ngài đã bỏ nước ra đi tìm đạo, tự cắt tóc trên đầu. Rồi Ngài bỏ lại chiếc áo quý kể cả con ngựa trắng mà Ngài cỡi, giao hết cho Xa-nặc đem về nước tâu với vua: “Sự sống chết với vô số khổ não mệt nhọc buồn lo. Ngày nay con đi học đạo mong được chứng quả. Nếu nguyện ước đó được thành tựu, con sẽ trở về độ vua cha”. Rồi Bô-tát lại tiến về phía trước. Trên đường đi, Ngài gặp người thợ săn mặc pháp phục giống như Sa-môn. Bô-tát hỏi người thợ săn:

– Pháp phục anh đang mặc gọi là gì?

Người thợ săn đáp:

– Nó tên là ca-sa, mặc vào đi săn, bây nay ngỡ là người tu hành, nên chúng đến gần quây quân không chút sợ hãi. Bọn chúng tôi dùng cách ấy bắt hết giết chúng nuôi sống thân mạng.

Nghe vậy, Bô-tát càng sinh tâm thương xót, Ngài nói:

*Phàm người nương bốn tâm
Cứu giúp loài chúng sinh
Mặc ca-sa Như Lai
Bỏ nhớ lại tạo nơ.*

Giờ đây, tôi muốn đổi với anh chiếc áo đẹp để mà tôi đang mặc trên người này.

Gã thợ săn nói:

– Ngài là con vua sống trong cung sâu thân thể

mềm mại, không hề chịu khổ lạnh, tôi e rằng thân vương tử sẽ bị bệnh.

Bồ-tát đáp:

– Đồi áo này, Ta không cảm thấy khổ vì áo kia là vật tượng trưng cho Thánh hiền.

Gã thợ săn nói:

– Áo của vương tử có giá trị vô số, còn ca-sa này không thể bỏ thí cho ai được. Tại sao vương tử lại muốn đổi lấy nó?

Bồ-tát đáp:

– Khi tôi đã cần dùng thì không kể sang hèn.

Gã thợ săn nói:

– Cái áo này bản thủ hôi hám, thật tình tôi không dám đổi nó cho vương tử đâu.

Bồ-tát nói:

– Thơm hay hôi hễ anh cho thì tôi sẽ đem giặt.

Gã thợ săn liền cởi ca-sa đổi chiếc áo quý của Bồ-tát. Sau khi đắp ca-sa, tay cầm lá hoa sen, Bồ-tát vào thành La-duyet khát thực. Lúc ấy, trong thành có mấy ngàn muôn người đang nhóm họp một chỗ. Vừa thấy Bồ-tát, họ liền giơ tay khen ngợi, người thì nói lành thay, có người nói mặt trời mặt trăng. Hoặc có người chấp tay tự quy mạng, hoặc hỏi thăm:

– Đây là vị trời, hay là Phạm thiên? Hay là Thích Đề-hoàn Nhân?

Mọi người vây quanh khiến Ngài không khát

thực được. Sau cùng Ngài cầm lá sen ra khỏi thành, đi đến Đông Sơn. Mọi người lần lượt đi theo sau Ngài. Lúc ấy, từ trên lầu cao, vua Bình-sa chợt thấy xa xa mọi người đang theo sau Bồ-tát. Vua liền hỏi những vị đứng hầu bên cạnh:

– Những người kia đang kéo vào núi, có chuyện gì thế?

Một vị quan lớn nhận ra Bồ-tát, liền tâu vua:

– Ấy là một người dòng họ Thích, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo, đi đến khắp nơi. Hay đó là một mưu đồ quốc sự, ta nên đến đó bắt y giết quách.

Nghe vậy, vua Bình-sa bảo với vị quan:

– Khanh muốn giữ gìn dòng họ của mình thì chớ nói lời ấy, dòng họ Thích nối ngôi vua làm Chuyển luân thánh vương thì bọn ta chỉ là quan phụ tá. Nếu ông ấy xuất gia học đạo, thành tựu quả vị Phật thì chúng ta nguyện được làm đệ tử hàng đầu của ông và buổi nói pháp đầu tiên của ông, ta sẽ được hóa độ trước nhất.

Rồi vua Bình-sa cho xe chở nhiều thức ăn ngon đi vào núi để vua được gặp Bồ-tát. Vừa thấy Bồ-tát, vua liền bước đến lạy dưới chân Ngài, tự xưng tên họ:

– Tôi là vua nước Ma-kiệt tên là Bình-sa.

Bồ-tát đáp:

– Tôi biết ngài lâu rồi, cần gì phải cung kính

quá như vậy?

Vua Bình Sa thưa:

– Nay tôi xin dâng Ngài chút thức ăn mọn, mong Ngài nhận cho, để nói lên chút lòng quý mến sâu xa.

Bồ-tát im lặng thọ thực, thọ thực xong, vua Bình-sa tự tay dâng nước sạch rửa tay. Vua đến trước Ngài thưa:

– Nếu Ngài chứng đạo Vô thượng thì xin độ cho chúng tôi trước nhất để thoát hẳn sự đau khổ ở thế gian.

Vua Bình-sa liền lễ dưới chân Ngài và tạm biệt ra về. Còn Bồ-tát thì lên đường đến chỗ ông A-lan. Vừa thấy Bồ-tát đến, các đệ tử của ngài A-lan vội vàng vào thưa với thầy mình:

– Hiện có một người tuần tú khác thường sắp đến cửa đạo tràng ta, chắc là đến xin làm học trò thầy. Lúc ấy, A-lan liền gọi các đệ tử mà nói bài kệ đó.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 10

Phẩm 8: Học

Bỏ điều ác thân

Tự sửa việc thân

Người bỏ ác thân

Tu hạnh lành thân.

Bỏ điều ác thân: Tại sao nói là điều ác của thân? Là bên trong tự biết lỗi của mình, nhưng lại đi bới lỗi của kẻ khác, đó là hành vi ác. Khi điều ác tràn đầy bên trong thì sắc mặt sẽ biến khác lạ. Có kẻ dùng tay đánh nhau gây thương tích cho thân hình. Những điều ác ấy đã khiến đời sống bây giờ và mai sau không yên ổn chút nào, rồi hoặc đọa vào ngạ quỷ, súc sinh với hình mạo xấu xí. Nếu được sinh trở lại trong kiếp người thì tài năng cũng không bằng ai.

Có một Phạm chí lạ bị chó cắn, Phạm chí tức giận thân tâm lấy lòng, muốn trừng trị con chó dữ cho nó không còn hung hăng nữa. Cha mẹ bảo Phạm chí:

– Nếu con chó cắn Bà-la-môn, thì Bà-la-môn

có thể cắn lại con chó không?

Phạm chí thừa cha mẹ là phải trị con chó để nó không còn tự do cắn người. Cha mẹ bảo:

– Con không nghe lời ta dạy, mà muốn làm theo ý mình thì tùy. Lúc ấy Phạm chí này bắt con chó trói lại, lấy cây đánh nó. Lúc đánh chó như vậy xảy ra hai điều đáng tiếc là dây trói làm cho chân chó bị thương và vì quá đau làm chó són phân ra. Chúng sinh này cũng giống như vậy. Chuyện bé xé ra to để chuốc hại vào thân. Chư Phật, Thế Tôn che chở chúng sinh với lòng từ rộng lớn, dạy dỗ chúng sinh không nên tranh chấp với nhau. Nhưng chúng sinh không vâng theo nên họ bị những cơn giận dữ trói buộc. Từ đó sinh ra hai chuyện đáng tiếc là bị các thứ khổ trói buộc, rồi lại trải qua nhiều kiếp chịu khổ trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Rồi tuy được sinh lên làm người nhưng thân hình xấu xí. Các khổ não như thế không kể hết được. Vì thế, Đức Thế Tôn nói: “Bỏ điều ác thân”. Bỏ điều ác của thân được công gì? Đáp rằng: Được hai thứ công đức là tiếng khen và gốc lành. Hai công đức đó là:

1. Nếu ở trên cõi trời, thì được hưởng phước tự nhiên với điện đường bằng bảy chất báu lơ lửng giữa hư không.

2. Nếu sinh trong loài người thì thân tướng xinh đẹp, khôi ngô, ai thấy cũng vui mừng, đều đến

nương tựa, chiêm ngưỡng. Giữa chốn đông đảo được hàng ngàn vạn người, tôn kính phụng thờ, như vàng trắng sáng vằng vặc, các sao quy tụ chung quanh. Cho nên nói: Bỏ điều ác thân.

Tự sửa việc thân: Tự sửa việc thân được công đức gì? Được tiếng khen gì? Đáp rằng: Được tiếng khen trong đời này, khi qua đời cũng còn tiếng thơm. Được tiếng khen trong đời này là sao? Như hiện giờ ta đi đứng qua lại, nếu hàng ngàn muôn người trông thấy thì họ cúng dường. Sau khi chết, thì được sinh lên cõi trời. Tự sửa đổi các hành động của thân còn có công đức gì? Đáp rằng: Bọn tà ma quỷ mị cũng không có dịp làm hại. Do vậy tụng rằng:

*Oán thù khắp thế gian
Mong bắt được kẻ thù
Gieo ác trở hại mình
Như rắn tự đầu độc.*

Thân là gốc gây ra mọi đau khổ, tâm là đầu mối của mọi tai họa. Vì thế Đức Thế Tôn nói: “Phải tự sửa việc thân”.

Vì sao nói **người bỏ ác thân**: Nơi hành vi ác hướng đến không phải chân thật. Như Đức Phật đã nói: “Tài sản gian ác, con cái hung dữ, y phục xấu, nơi ở xấu, đất nước ác thì đều gọi là ác”. Hoặc dựa vào người quen biết mà làm ác. Cho nên Đức Như Lai nói: “Người bỏ ác thân”.

Tu hạnh lành thân: Làm lành có hai việc như đã nói. Của cải tốt, con cái hiền lành, y phục đẹp, chỗ ở tốt, đất nước tốt, thân làm việc lành. Đối với Giáo pháp, Phật, Thánh chúng, cha mẹ, tôn trưởng đều sinh tâm tôn kính, không dám xem thường. Cho nên Phật nói: “Tu hạnh lành thân”.



*Giữ lời ác miệng
Tự sửa lời nói
Người bỏ lời ác
Giữ lời làm lành.*

Vì sao nói: ***Giữ lời ác miệng***? Bên trong phải tự biết lỗi mình, nhưng lại còn đi bới móc lỗi của kẻ khác, đó là hành vi ác. Nếu giận dữ, miệng thốt lời chửi mắng, vô cớ gây ra lỗi lầm khiến hàng ngàn muôn người sinh ác ý với mình, thế mà không tự biết, cũng không tỉnh giác. Về sau mắc quả báo xấu ác, thường sinh tâm giận tức. Kẻ mắng nhiếc kia sau đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu khổ vô lượng. Nếu được sinh lên làm người thì thường bị chê bai, lời nói không ai tin.

Người giữ gìn lời nói, tự được phước báo, được sinh lên cõi trời hưởng vui sướng tự nhiên. Nếu sinh làm người sẽ không nghe những lời nói thô tục. Cho nên nói: Giữ lời ác miệng.

Tự sửa lời nói: Được công đức gì? Đáp rằng: Được hàng ngàn muôn người khen ngợi, họ truyền

tụng với nhau rằng người này lương thiện, lời nói, việc làm ăn khớp nhau, không nói lời thô ác. Không tìm lỗi xấu của người khác, không chê bai lỗi người. Lời nói nghiêm nghị, không nói thêm. Cho nên nói: Tự sửa lời nói.

Người bỏ lời ác: Có hai ý nghĩa: hoặc im lặng như Hiền thánh, hoặc nói đúng theo chánh pháp, đúng theo chánh nghĩa. Hễ muốn nói ra lời gì thì trước phải tự xét. Lời nói gây hại cho thân, không phải chỉ riêng một người nào. Nếu thốt ra lời thô tục sẽ bị người chán ghét, đi đứng tới lui, không ai kính nể. Cho nên nói: Người bỏ lời ác.

Giữ lời làm lành: Những người tu theo hạnh lành có lòng thương người, nói năng hòa nhã, dịu dàng, không gây tổn thương tâm ý kẻ khác, nên được mọi người thương mến, tưởng nhớ, cho nên nói: Giữ lời làm lành.



*Giữ ý nghĩ ác
Tự giữ ý nghĩ
Người bỏ nghĩ ác
Giữ ý làm lành.*

Giữ ý nghĩ ác: Trong ba hành thì ý hành đứng đầu. Trong khoảng một niệm của ý có thể làm cho thành quách, xóm làng thành nơi hoang dã. Như trong kinh chép, Đức Phật nói:

– Thế nào cư sĩ, ông có nghe nói lưu sa không

dã, tùy Sa-môn không dã, nhàn tĩnh không dã chẳng?

Trưởng giả bạch Phật:

– Con có nghe lưu sa không dã, tùy Sa-môn không dã, nhàn tĩnh không dã.

Đức Phật bảo cư sĩ:

– Thế nào cư sĩ, ai đã tạo ra lưu sa không dã, tùy Sa-môn không dã này?

Trưởng giả bạch Phật:

– Đều do ý niệm ác của thần tiên, dùng chú thuật tạo ra lưu sa không dã, tùy Sa-môn không dã này. Như kinh Tu Hành chép: “Mười chín người tu hành chánh hạnh, chỉ có một người không chịu ở nơi vắng vẻ và khẩu nghiệp và tâm người ấy xấu ác, người giữ hành không cho người ấy ở chỗ đồng trống vắng vẻ.”

Đức Phật liền bảo ông:

– Ông có tâm ác, cứ nghĩ đến điều bất thiện. Vậy nên ở trong nhân gian đọc tụng kinh sách, làm việc giúp chúng, giữ gìn tâm ý tán loạn thì rồi cũng chứng đạo quả. Dù ở nơi vắng vẻ muốn làm cho ý vắng lặng thì ý nghĩ mới tán loạn, sinh ra hành vi bất thiện, tự đưa đến diệt vong, không đến được con đường lành. Người không giữ ý, chỉ tùy theo ý mà gây ra lỗi thì đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Giả sử được sinh lên làm người, thì sẽ sống ở chỗ thấp kém, bị mọi người ghét bỏ, ai thấy cũng

không vui. Người giữ được tâm ý mình, nếu sinh lên cõi trời sẽ được thọ hưởng giường bằng vàng tự nhiên, ghế ngọc, điện đường bằng bảy thứ báu. Nếu sinh lên làm người thì sẽ được mọi người kính yêu.

Cho nên nói: Giữ ý nghĩ ác.

Tự giữ ý nghĩ: Ý thức rong ruổi thật khó ngăn cấm. Từ ý thức phát sinh ra niệm rồi thành ra việc. Khi thân gặp điều nguy hại thì mọi việc làm tốt đẹp bị lui sụt. Việc tu chứng lui sụt, do đó chuyên xuống phàm phu. Cho nên nói: Tự giữ ý nghĩ.

Người bỏ nghĩ ác thì phải dùng tâm lắng xặng, vắng lặng, không sinh tâm đắm mê, giữ tâm làm đúng, giữ ý chuyên nhất. Cho nên nói: Tự giữ ý nghĩ.

Giữ ý làm lành: Ý nghĩ việc lành, thân tu chánh pháp, miệng nói giáo nghĩa. Hai việc từ ý, cho đến vô vi. Cho nên, nói: Giữ ý làm lành.



Thân bỏ việc ác

Miệng bỏ lời ác

Ý bỏ nghĩ ác

Và các nhớ bản.

Thân bỏ việc ác: Bỏ việc làm ác của thân, dứt hẳn không còn sót lại chút nào. Cho nên nói: Thân bỏ việc ác.

Miệng bỏ lời ác: Khi miệng nói ra không phôi

bày việc ác, cũng không rêu rao việc ác, cho nên nói: Miệng bỏ lời ác.

Ý bỏ nghĩ ác: Ý không nghĩ đến mọi điều ác, không sinh tâm làm hại chúng sinh, cho nên nói: Ý bỏ nghĩ ác.

Và các nhớ bản: Ý thức duyên theo với các pháp bất thiện bên ngoài thì chẳng những không có lợi cho mình mà cũng không có lợi cho kẻ khác. Phải làm cho nó dứt hẳn, không để phát sinh, cho nên nói: Và các nhớ bản.



*Thân làm việc lành
Miệng nói lời lành
Ý nghĩ điều lành
Vô dục, lậu hết.*

Thân làm việc lành: Thân không làm việc ác. Thân có ba việc là không giết hại, không trộm cắp, không dâm dật. Tu ba nghiệp này, sửa đổi hành vi của thân để cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng. Quét dọn, tu bỏ những tháp cũ sụp lở, cho nên nói: Thân làm việc lành.

Miệng nói lời lành: Miệng có bốn lỗi là: không nói dối, không nói lời thô lỗ, không làm cho đôi bên tranh chấp và không thêu dệt. Khen ngợi công đức Phật, khen ngợi Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Chăm sóc cha mẹ, thầy bạn, bậc trưởng lão. Cho nên nói: Miệng nói lời lành.

Ý nghĩ điều lành: Ý có ba lỗi: không ganh ghét, giận dữ, tà kiến. Chỉ làm phát sinh các công đức lành, không điên đảo chạy theo tà kiến, cho nên nói: Ý nghĩ điều lành.

Vô dục, lậu hết: Người không còn dục thì tâm lượng của họ rộng lớn vô hạn. Lậu hết là các ám ái tri nhập không còn phát sinh, không còn khởi lên được nữa, cho nên nói: Vô dục, lậu hết.



*Thân làm việc lành
Miệng, ý cũng vậy
Hiện tại, đời sau
Mãi sinh chỗ lành.*

Thân làm việc lành: Hỏi rằng: Như trên thân đã làm việc lành còn thiếu sót điều gì sao ở đây lặp lại nữa? Đáp rằng: Những người được Như Lai giáo hóa, họ thọ giáo đã nhiều, có những người còn muốn nghe rộng thêm ý nghĩa của nó. Có người lại thích nghe nói đơn giản chỗ cốt yếu. Khái lược về chỗ cốt yếu là nêu lên đại khái nỗi khổ của thân năm ấm này. Nếu muốn nghe rộng về nghĩa này thì phải phân biệt rõ hành động của thân, miệng, ý. Mỗi thứ đều phải theo thứ lớp giải thích nghiệm chứng theo từng loại. Lại có người vừa muốn nghe Đức Phật nói rộng, vừa muốn nghe nói tóm tắt. Cho nên Như Lai giảng rộng bài kệ này như đã nói là: Thân làm việc lành, đó là nói rộng. Câu: Miệng

và ý cũng thế là nói tắt.

Như Lai quán xét ý chúng sinh ưa thích điều gì mà Ngài nói nghĩa ấy giúp họ được ân giáo hóa, đồng thời Ngài cũng muốn cho nguyện vọng của họ được đầy đủ. Các hạnh lành làm lợi ích chúng sinh, thường được thành tựu, nên nói: Thân làm việc lành, miệng, ý cũng thế. Từ đời này cho đến đời sau, mãi mãi được phước vui không cùng, mãi mãi sinh vào chỗ lành, được phước có hai: Phước thế tục và phước vô lậu. Cho nên nói: Mãi sinh chỗ lành.



*Nhân từ không giết
Thường giữ gìn thân
Chỗ ấy bất tử
Thanh thoi không lo.*

Nhân từ không giết: Không bao giờ giết hại và gây phiền muộn cho chúng sinh. Không cướp đoạt tài sản kẻ khác, không xâm phạm vợ kẻ khác. Cái gọi là lòng nhân chính là thực hiện các điều lành của bậc Thánh hiền. Cho nên nói: Nhân từ không giết.

Thường giữ gìn thân: Đêm ngày cẩn thận, chế ngự mọi hành động, của thân như giữ gìn chiếc bình đẹp. Thà chịu mất mạng, chịu bị chết chém, chứ không bao giờ dựa vào thân mạng này mà gây ra những việc không tốt.

Thuở xưa, có gia đình thuộc giai cấp Chiên-đà-lợi sinh được bảy người con trai, sáu người anh đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Người con út vẫn còn là phàm phu. Bà mẹ của những người Chiên-đà-lợi này đã chứng quả A-na-hàm. Bảy anh em đều thọ năm giới, làm đệ tử Phật. Pháp luật nước ấy theo phong tục cũ, việc làm cốt yếu của hạng Chiên-đà-lợi là giết người. Nếu trong nước có người nam người nữ nào phạm tội giết người, dâm dật, trộm cắp và các tội nặng khác thì đều giao cho hạng Chiên-đà-lợi này giết chết. Lúc bấy giờ, vua nước này cho gọi người con lớn đến bảo rằng:

– Hôm nay có người đáng phải tội chết, ngươi hãy đem giết.

Anh này đến trước vua tha thiết trình bày:

– Xin đại vương hãy rộng lòng tha thứ, tôi đã thọ năm giới cấm và làm đệ tử Phật, không dám làm việc giết hại. Tôi luôn giữ mình cẩn thận, không dám nghĩ đến việc quấy, tôi thà chịu chết chứ không phạm giới, dù sát hại loài trùng kiến đi nữa.

Nghe vậy, vua bưng bưng tức giận, bảo anh ta:

– Ngươi là dân, còn ta là vua, tại sao không nghe lời ta dạy mà đi nghe lời phù phiếm của Phật?

Vua liền ra lệnh cho các quan:

– Hãy mau đem tên này ra chợ giết.

Anh này lại tâu với vua:

– Thân tôi là dân của vua, còn tâm tôi là vật của riêng tôi, nên nếu vua muốn giết thì cứ giết.

Vua liền bảo đem ra chợ giết bằng cách bêu đầu. Vua hỏi các quan:

– Ngoài kẻ đáng chết kia còn ai nữa không?

Các quan thưa rằng:

– Y còn sáu đứa em cũng cứng đầu như vậy.

Vua ra lệnh cho các quan lần lượt gọi sáu người kia đến và ra lệnh giết chết. Người kẻ đầu tiên rằng:

– Tôi thọ năm giới, là đệ tử Phật, không dám làm việc giết hại.

Nghe vậy, vua liền nổi giận, lại sai đem anh này đi giết! Lần lượt như thế, sáu anh em đều bị đòi đến và ai cũng tâu vua rằng mình thọ giới nên không dám làm việc giết hại. Vua càng giận dữ hơn, đều bảo đem giết hết. Sau cùng, vua cho gọi đứa con út thì cả hai mẹ con cùng đến. Thấy người mẹ này đến, vua càng giận dữ hơn, bèn hỏi:

– Sáu gã kia chết sao bà không đưa chúng đến, nay tại sao đến phiên thằng út thì bà lại đưa đến?

Bà mẹ tâu vua:

– Xin ngài cho phép để tôi trình bày chút lý do. Sáu đứa trước đều đã chứng quả Tu-đà-hoàn cả rồi, nên cho dù vua nghiền thân chúng ra như bụi, chúng cũng không bao giờ sinh khởi niệm ác dù nhỏ như đầu sợi lông, sợi tóc. Hôm nay, thằng út này vẫn còn là phàm phu. Dù nó đã tu thiện nhưng

thân nó chưa thấm nhuần đạo pháp. Vì tôi nghĩ nó chưa được đạo, có thể mất hồn sợ bị vua giết, tự tiếc thân mạng, phạm giới làm việc giết hại, cho nên tôi mới đưa nó đến đây, nó sẽ phá giới tùy theo lệnh vua phán ra, nếu không có lòng nhân mà làm việc giết hại thì sau khi chết, nó sẽ bị đọa vào địa ngục Thái sơn. Cũng vì thương con nên tôi đưa nó đến đây.

Vua lại hỏi bà mẹ:

– Sáu đứa con của bà đã chết đều chứng quả Tu-đà-hoàn phải không?

Đáp rằng:

– Thừa vâng.

Vua lại hỏi tiếp:

– Còn bà đã chứng được quả gì?

Đáp rằng:

– Tôi đã chứng quả A-na-hàm.

Vua nghe lời ấy liền té xỉu dưới đất. Các quan đỡ vua dậy, lấy nước rảy cho vua tỉnh lại, vua tự oán trách mình: “Ta đã gây ra vô lượng tội lỗi, đã mặc tình cố ý giết hại sáu vị Tu-đà-hoàn. Giờ đây thân tâm nóng bức không yên.” Rồi vua dùng dầu thơm, củi tươi thiêu sáu xác kia, xây sáu ngôi tháp, cung kính cúng dường, sám hối ba ngày, mong tội lỗi kia dần dần vơi bớt. Vua lại cho người đem tài vật cấp cho bà mẹ kia. Đến những ngày trai, vua thường lạy sám hối, mong được nhẹ tội khỏi đọa

địa ngục, cho nên nói: Thường giữ gìn thân.

Bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán giữ gìn giới cấm không chút thiếu sót, còn hàng phàm phu tuy giữ giới, nhưng tâm lăng xăng không thể thường định, cho nên nói: Thường giữ gìn thân.

Chỗ ấy bất tử: Người đã chứng quả, bỏ thân người nam, trở lại được thân người nam, bỏ thân Hiền thánh trở lại được thân Hiền thánh, không bao giờ còn mang nỗi lo sợ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Người chứng quả A-na-hàm thì sinh lên cõi trời, không còn trở lại thế gian. Bậc A-la-hán, dập tắt hẳn mọi sầu não, mọi vương bận đều dứt hết, chứng nhập cảnh vô vi, an nhiên vắng lặng. Cho nên nói: Chỗ ấy bất tử.

Thanh thoi không lo: Sống trong cảnh vô vi, hoàn toàn không còn phiền não, cũng không còn sầu lo khổ não, cũng không còn nỗi luyến tiếc khi chết đi, cho nên nói: Thanh thoi, không lo.



Không giết vì nhân

Thường giữ lời nói

Chỗ ấy bất tử

Thanh thoi, không lo.

Không giết vì nhân: Không bao giờ nghe kẻ khác xúc xiêm bậy mà khởi tâm giết hại, cho nên nói: Không giết vì nhân.

Thường giữ lời nói: Nếu bị mắng nhiếc với lời tục thô bỉ, ác độc vẫn coi đó là trống không, tiếng vang vô hình. Như bậc Hiền thánh, không bao giờ giận dữ. Nếu có giận dữ đi nữa thì đó cũng chỉ là tạm thời phải làm như vậy, chứ không có giận thật. Hay trong tâm ta có giận nhưng không phát ra lời nói và lỡ có nói ra thì phải hết lòng hối hận, cho nên nói: Thường giữ lời nói. Cho nên nói rằng: Thường giữ lời nói, chỗ ấy bất tử, thanh thoi, không lo.



*Không giết vì nhân
Thường thận trọng ý
Chỗ ấy bất tử
Thanh thoi, không lo.*

Người đã được hướng thì dù gặp trăm ngàn khổ não, thân rơi xuống vực thẳm sóng cuộn cuộn, hay rơi vào hố lửa đỏ rực đi nữa, cũng không hề sợ hãi làm cho tâm bị thay đổi. Ngày đêm điều phục tâm mình, không để nó buông lung. Như chiến thắng được kẻ thù, kẻ thù đã bị giết chết mà còn gia hại thêm. Người đã được hướng thì tâm đã dứt bỏ kết sử, nhưng oán thù chưa hết, lại phải suy nghĩ. Người tu hành kia quán tâm thành bại, nơi năm ấm sẽ đến, đời tâm hữu lậu đến cảnh vô lậu. Hiểu rõ lý vô thường, khổ, không, vô ngã, mà đạt được vô lậu, giữ gìn không cho mất. Vì sao? Người tu hành kia thường nghĩ rằng: “Từ nhiều kiếp đến nay, ta bị

đắm nhiễm trong vòng sinh tử, trôi lăn trong cõi đao kiếm. Thường tu tâm này thì không có đầu mối để gây ra tội lỗi. Bị ý thức sai khiến như người sai khiến kẻ giúp việc. Ngày nay, ta đã điều phục được tâm thức, phải gắng sức giữ gìn, không cho buông lung”. Cho nên nói: Không giết vì nhân, thường thận trọng ý, chỗ ấy bất tử, thanh thoi, không lo.



*Giữ thân là mạnh mẽ
Giữ miệng cũng như thế
Giữ ý là mạnh mẽ
Tất cả kết cũng thế
Chỗ ấy gọi bất tử
Thanh thoi, không lo sợ.*

Nói về mạnh mẽ thì đó là hiểu biết sâu rộng những việc xưa nay với tài cao, đức sáng, có đủ mọi kỹ thuật, tương ứng với trí, dứt bỏ các pháp ác. Thân đã tu hành thì không sống với tham dục, cho nên nói: Giữ thân là mạnh mẽ.

Giữ miệng cũng như thế: trước khi nói, phải tươi cười rồi mới nói, làm vậy, sẽ không làm mất lòng người. Cho nên nói: Giữ miệng cũng như thế.

Giữ ý là mạnh mẽ: Tâm ý đã được điều hòa, không còn nghĩ đến việc ác. Cho nên nói: Giữ ý là mạnh mẽ.

Tất cả kết cũng thế: Hỏi rằng: đã cẩn thận với ba việc của thân, miệng, ý rồi, còn chỗ nào thiếu

sót mà lại nói: Tất cả kết cũng thế? Đáp rằng: Như đã nói, trong việc qua lại tới lui, gặp việc cần phải làm thêm, việc nên làm mà không làm. Tất cả việc ấy đều là chuyện phải làm của thân, nhưng còn thiếu sót chưa làm. Vì thế người tu hành phải làm cho đủ các việc ấy. Cho nên nói: Giữ thân là mạnh mẽ. Còn những việc khác của miệng thì nên làm theo giới luật của bậc Thánh hiền, là không tập nói giọng nam, giọng nữ. Tất cả các âm thanh ấy đều không nên luyện tập. Đó gọi là những việc làm khác của miệng. Sao gọi là những việc khác của ý, để tạo nhân duyên cho sự thọ sinh? Đó là những việc khác của ý. Người giữ hạnh kia thấy được những việc như vậy. Các việc khác của thân, miệng, ý đều đầy đủ. Cho nên nói: Tất cả kết cũng thế.

Chỗ ấy gọi bất tử: Niết-bàn vắng lặng, dứt hết ý niệm, không còn tới, lui, sinh, diệt, đầu, cuối. Cho nên nói: Chỗ ấy gọi bất tử.

Thanh thoi, không lo sợ: Sở dĩ nói có lo là do nghĩ đến các thứ áo mặc, cơm ăn, giường gối, đồ ngồi, bệnh tật, thuốc thang, tội tở, voi, ngựa, xe cộ, đất nước, tài sản, vợ con, tất cả các thứ ấy phát sinh ra lo. Không có nó là không còn lo sợ gì nữa. Cho nên nói: thanh thoi, không lo sợ.



Giữ thân cho thật tốt

*Giữ miệng cũng như thế
Giữ ý cho thật tốt
Giữ tất cả cũng thế
Tỳ-kheo giữ tất cả
Thì dứt được nguồn khổ.*

Giữ thân cho thật tốt: Hết lòng giữ gìn thân thì các trời, người đời khen ngợi công đức ấy. Tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần đều khen ngợi công đức ấy, đêm ngày còn khuyến tấn, giúp đỡ cho thành tựu trọn vẹn, cho nên nói: Giữ thân cho thật tốt.

Giữ miệng cũng như thế: Nếu có người làm những việc sai trái, tệ ác, bị người mắng nhiếc, chê bai, nhưng cứ giữ tâm giữ miệng, không đáp lại thì các trời, người đời đều khen ngợi, cho nên nói: Giữ miệng cũng như thế.

Giữ ý cho thật tốt: Nếu bị kẻ khác lấy gây gộc đánh đập, thân thể, lại bị mắng nhiếc, thì người giữ hạnh kia cũng phải giữ tâm cho thanh tịnh, không khởi tâm giận dữ. Các trời, người đời, đều khen ngợi, cho nên nói: Giữ ý cho thật tốt.

Giữ tất cả cũng thế: Đối với các hạnh ngoài thân, miệng, ý đều giữ gìn cẩn thận. Cho nên nói: Giữ tất cả cũng thế.

Tỳ-kheo giữ tất cả: Thầy Tỳ-kheo giữ hạnh ngoài việc giữ gìn thân, ý và các hạnh còn lại khác, thì còn phải giữ oai nghi, lễ tiết đầy đủ, cho nên

nói: Tỳ-kheo giữ tất cả.

Thì dứt được nguồn khổ: Đã giữ đầy đủ các hạnh trên thì làm sao rơi vào đường ác được? Vì giữ đủ các hạnh là đã cắt đứt con đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, dứt bỏ hết mọi nỗi đau khổ trong cõi người, cho nên nói: Thì dứt được nguồn khổ.



*Giữ miệng ý thanh tịnh
Thân không làm điều ác
Ba nghiệp đã thanh tịnh
Là được đạo Tiên nhân.*

Giữ miệng ý thanh tịnh: Trong ba điều bại hoại thì bại hoại về tuổi thọ, bại hoại về kiếp sống, bại hoại về kết sử, được gọi là ba thứ bại hoại. Khi Đức Thích-ca Văn Phật ra đời, người trong đời trước ác này chỉ sống được trăm tuổi. Nó còn lôi kéo các đệ tử không giữ gìn lời nói, gây nhiều lỗi lầm, trái phạm giới cấm. Khi Phật còn ở đời mà giới cấm đã bị hủy phá, huống gì ngàn năm sau, giới luật còn tồn tại hay chẳng? Trong kinh Phật nói: Ngàn năm sau, khi chánh pháp sắp hoại diệt, thì có bảy việc như uế xảy ra trên thế gian. Bảy việc ấy là:

1. Có người giữ giới được trăm năm, thì bị người xấu phá hoại trong giây lát.
2. Người thực hiện tâm Từ bi lâu dài, bị cơn giận dữ nổi lên phá hoại trong giây lát.

3. Oai nghi lao chao không thể sống theo Phật dạy.

4. Tranh hơn thua, phải quấy với nhau.

5. Trong cõi nước, thôn xóm xảy ra tranh chấp kia đây, từ nơi này đến nơi khác.

6. Do tham đắm lợi dưỡng mà gây ra nhiều tật bệnh.

7. Từ phạm phu cho đến bậc A-la-hán, đều bị hủy nhục mà qua đời. Sở dĩ bị hủy báng đều bởi không biết giữ miệng mà ra.

Tôn giả Mãn Túc A-la-hán nói:

– Vì muốn giáo hóa ngạ quỷ mà ta phải đến nơi chúng ở.

Ngài trông thấy một ngạ quỷ hình thù xấu xí, ai thấy cũng đều phát sợ, nổi ốc khắp mình. Thân nó phát ra lửa như một đám cháy to, miệng tuôn ra giòi tửa, máu mủ chảy ròng ròng, mùi hôi thối bốc lên, không ai dám tới gần. Có lúc, lửa trong miệng nó phun ra dài đến mấy mươi trượng. Có ngạ quỷ từ thân thể nó, đến tai, mắt, mũi, tứ chi đều bốc lửa ra đến mấy mươi trượng. Môi nó vảnh lên như môi heo rừng. Thân nó mỗi bề một do-tuần, hai tay tự cào cào, thân mình, kêu gào than khóc chạy tứ tung.

Lúc ấy Tôn giả Mãn Túc hỏi:

– Đời trước ngươi đã gây ra những tội gì mà ngày nay phải chịu nỗi khổ này?

Quỷ đáp:

— Thuở xưa, khi còn ở đời, tôi xuất gia làm Sa-môn mà còn quỵên luyến nhà cửa, tham tiếc không bỏ, thân giữ oai nghi mà miệng buông lời độc ác bản thủ. Hễ thấy thầy Tỳ-kheo nào giữ giới tinh tấn là tôi liền mắng nhiếc, làm nhục, hoặc trề môi chọc ghẹo, hay liếc mắt nhìn khi dễ, hoặc việc phải cho là quấy, việc quấy cho là phải. Tự cậy mình thuộc dòng quý tộc, cho rằng không bao giờ chết, tạo ra vô lượng gốc rễ bất thiện. Thà dao bén cắt lưỡi mình và cam tâm chịu đựng nỗi khổ như vậy từ kiếp này sang kiếp khác, chớ không được phỉ báng thầy Tỳ-kheo tinh tấn, dù chỉ trong một ngày. Nếu khi Tôn giả trở lại cõi Diêm-phù-lợi xin đem hình trạng của tôi đề răn nhắc các thầy Tỳ-kheo, khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chớ nói lời bừa bãi. Nếu gặp thầy Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh phạm hạnh, thì phải nghĩ đến việc khen ngợi công đức ấy. Tôi từ khi chịu cực hình ngạ quỷ đến nay, đã mấy trăm năm, mấy ngàn năm, mấy muôn năm, mấy trăm ngàn muôn năm chịu khổ như vậy, cứ thế mà chịu khổ. Sau khi chết, tôi sẽ đọa vào địa ngục.

Nói xong, ngạ quỷ này kêu gào té lăn xuống đất, như ngọn Thái sơn sụp đổ, trời long đất lở. Đó là do tội lỗi của miệng mà phải chịu như thế. Người khéo giữ lời của miệng thì được phước vô cùng. Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện ở đời, nói pháp giáo hóa xong, Ngài nhập vào cảnh giới Niết-bàn

vô dư. Sau khi Ngài Ca-diếp nhập diệt thì có một vị Tỳ-kheo thông suốt ba tạng tên là Hoàng Nhan. Đại chúng xin thầy chỉ dạy cho kẻ hậu học những pháp nhiệm mầu, chớ nên dạy các pháp khác. Lúc ấy thầy Hoàng Nhan này khinh miệt những lời kia, không nghe yêu cầu của Tăng chúng. Liên đó, khi giảng giải cho kẻ hậu học kinh điển, thầy gọi những người học là: “Hãy mau lên đây đồ voi!”. Rồi đến người thứ hai, thầy gọi là đồ ngựa. Lại gọi người kế là đồ lạc đà, đồ lừa, đồ heo, đồ dê đực, dê thiến, kế đó gọi là đồ sư tử, cọp, chim chóc, gấu. Gọi bằng tên các loại thú như vậy, nhiều không kể xiết. Tam tạng Hoàng Nhan phát ra vô số lời ác như vậy, nên dù có dạy trao nghĩa kinh nhưng không thể tránh khỏi tội. Sau khi chết đọa vào địa ngục, trong mấy ngàn muôn kiếp chịu vô lượng khổ. Vì tội còn sót nên ra khỏi địa ngục thì sinh vào biển cả làm cá, một thân trăm đầu, thân thể rất lớn. Các loài cá khác, thấy nó đều lợi chỗ khác.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thấy rất nhiều Tỳ-kheo cãi vã phải quấy với nhau, không giữ gìn lời nói, có vị dùng lời thô bỉ để chọc giận, có vị nói lời dường như đùa giỡn để gợi lại việc oán thù cũ, hoặc có vị ỷ mình khôn lanh khinh thường kẻ khác, làm cho họ không còn tin phục, có vị nói những điều thấp hèn nhằm gây hiềm khích nhau. Đức Thế Tôn thấy các Tỳ-kheo ấy nói nhiều lời châm chích nhau như vậy, sợ họ sẽ đọa vào tội lỗi, nên Ngài

liền dùng thần thông đem các Tỳ-kheo này đến bờ biển để họ trông thấy con cá to có trăm đầu kia, nhằm dạy cho Tỳ-kheo biết ăn năn, sửa lỗi. Đức Thế Tôn hỏi con cá ấy:

– Người có phải là Hoàng Nhan không?

Con cá thưa:

– Con chính là Hoàng Nhan.

Hỏi ba lần con cá đều xác nhận mình là Hoàng Nhan. Lúc ấy các Tỳ-kheo liền đến trước Phật quỳ xuống bạch:

– Bạch Thế Tôn, chúng con chưa biết vì lý do gì mà qua mấy lần Phật hỏi, con thú này đều xác nhận mình chính là Hoàng Nhan. Cúi xin Đức Thế Tôn giải thích rõ về lý do ấy, để những ai chưa biết được biết rõ. Như Lai thông đạt ba pháp nên không có điều gì Ngài không quán sát tường tận, kể cả việc quá khứ, tương lai, hiện tại, Ngài đều biết rõ. Nếu có người đến gạn hỏi pháp nghĩa thì Ngài sẽ giải thích ngay để dứt trừ mọi ngờ vực.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bèn nói rõ câu chuyện liên quan của ngày xưa cho các Tỳ-kheo nghe:

– Thuở xưa, vô số kiếp trước, lúc đó, người ta sống hai vạn tuổi. Lúc ấy, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp Như Lai, là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác, đủ mười hiệu. Ngài nói pháp giáo hóa sâu rộng không bến bờ. Giáo hóa xong xuôi, Ngài nhập Niết-bàn. Sau khi Ngài nhập Niết-bàn, có vị

Tỳ-kheo thông hiểu ba tạng tên là Hoàng Nhan. Đại chúng xin thầy chỉ dạy cho kẻ hậu học những pháp nhiệm mầu, chớ dạy các pháp khác. Nhưng với tâm tự đại, thầy Tỳ-kheo này khinh miệt mọi người và không nghe lời khuyên của Tăng chúng. Rồi sau đó, khi giảng dạy kinh điển cho người hậu học, thầy gọi những người này với tên của nhiều loại thú vật. Dù giảng kinh, nhưng thầy không khỏi tội. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng trải qua mấy ngàn muôn kiếp. Vì tội còn dư thừa chưa hết, nên sau khi ra khỏi địa ngục, thì sinh vào biển cả làm cá, một thân trăm đầu. Cho nên, Tỳ-kheo phải siêng năng giữ gìn lời nói. Lời nói phải ôn hòa, nhã nhặn, chớ nói lời thô tục. Các thầy hãy nhìn xem con cá kia, cũng bởi lời nói ác mà gánh chịu tội lỗi như thế đó.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, lại tận mắt thấy con cá khổ nọ, nên các thầy thêm phát vững vàng tâm đạo, tự ăn năn sửa đổi những thói quen cũ, nhớ đến mối đại họa của lời nói ác. Người giữ tâm và miệng thì không nói ra lời ác. Cho nên nói: Giữ miệng ý thanh tịnh.

Thân không làm điều ác: Nếu thân làm điều ác thì không được chư Phật, Thế Tôn khen ngợi. Nếu sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì chịu khổ không kể xiết. Nếu thân làm việc lành, làm các công đức thì được chư Phật, Thế Tôn khen ngợi. Nếu sinh lên cõi trời thì được hưởng phước báo tự

nhiên. Nếu dứt bỏ các khổ thì nhập Niết-bàn vô dư. Cho nên nói: Thân không làm điều ác.

Ba nghiệp này thanh tịnh: Việc làm của thân, lời nói của miệng, sự suy nghĩ của ý đều thanh tịnh thì được quả báo gì? Đáp rằng: Được tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần tôn kính phụng thờ, mau đến Niết-bàn vắng lặng, không bị lôi cuốn vào đời sống phàm phu. Là được đạo Tiên nhân; Tiên nhân chỉ cho chư Phật, Thế Tôn. Ngôn giáo giảng nói một lời, một câu, nghĩa bậc thượng, trung, hạ đều đến với đạo. Cho nên nói: Ba nghiệp này thanh tịnh là được đạo Tiên nhân.



Phẩm 9: Phỉ Báng (Phần 1)

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy Ngài nói pháp cho vô số đại chúng vây quanh trước sau Ngài để nghe. Trong thành Xá-vệ có cô Chiên-ma-na-kỳ có mối thù oán sâu đậm với Phật, tội thức không dứt bỏ, cô lấy khúc gỗ độn dưới áo, rồi ra khỏi thành Xá-vệ đến tinh xá Kỳ hoàn. Cô ta từ xa thấy Phật đang nói pháp cho vô số đại chúng nghe, cô vui mừng hơn hở, không kềm xiết, tự nhủ: “Hôm nay, ta phải làm nhục Sa-môn Cù-đàm trước mặt mọi người, khiến thầy của ta sẽ được cúng dường”. Rồi, ở trước đại chúng, cô nói bài kệ:

Nói pháp say lòng người

*Miệng nói vô lượng nghĩa
Làm cho tôi mang bầu
Không hổ việc này sao?*

Lúc ấy, với lời lẽ dịu dàng như giọng hát chim Yết-tỳ, cũng như tiếng Phạm âm, Đức Phật nói câu kệ:

– Nói dối địa ngục kè.

Ma-na-kỳ đáp:

– Làm mà nói không làm.

Đức Phật lại bảo:

– Hai tội sau đều chịu, việc này tự dẫn đi.

Lúc bấy giờ, trong đại chúng, phần đông là các ngoại đạo dị học, Phạm chí lửa thể, ít người tin Phật, nhiều người quen theo thói tà, nên nghe cô ta nói lời ấy là họ tin ngay: Cô gái này, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, thì chắc chắn lời nói đúng là sự thật. Trong khi đó, những người tin theo Phật thì tự nghĩ: “Ngày xưa, Đức Phật ở trong cung, nhưng Ngài đã lìa bỏ ngôi vua cao cả và các thê nữ, mà xuất gia học đạo, thành Bạc Chánh Giác cao tột. Như thế, lẽ nào Ngài lại làm việc ấy với con bé bản thủ này?”

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân đang đứng phía sau Phật, cầm quạt hầu Phật, tự suy nghĩ: “Tại sao cô gái Phạm chí xấu xa này lại sinh tâm hủy báng Như Lai?” Để Thích liền hóa thành một con chuột trắng cắn đứt sợi dây buộc khúc gỗ nọ khiến nó

rơi xuống đất. Mọi người trong chúng ai cũng trông thấy. Trong đó, những người không có tâm kính tin Phật thì lấy làm ngạc nhiên: Tiếng động gì mà chát chúa như thế? Còn những người có tâm kính tin Phật, thì khi nghe tiếng khúc gỗ ấy rơi thì ai cũng vui mừng hơn hở. Có một người liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến nhặt khúc gỗ lên, bảo cô gái:

– Khúc gỗ này là con cô à?

Lúc ấy, tự nhiên đất nứt ra, cô gái này toàn thân rơi vào địa ngục A-tỳ. Lúc ấy bà con cô gái mới đổ xô đi tìm, kêu khóc thảm thiết không nguôi. Những người không có tâm kính tin Phật liền sinh tâm sám hối. Trong khi đó, những người có tâm kính tin Phật thì họ nói với nhau rằng:

– Tội báo của việc phỉ báng là như thế, lĩnh nghiệp trong hiện tại như vậy, vậy đâu thể nói rằng phải chờ đời sau. Nói dối địa ngục kìa. Vốn không mà nói có, chuyện quấy mà bảo là phải, chưa từng biết qua mà bảo đã từng trải. Những người gian dối như thế sẽ bị đọa vào tám địa ngục lớn, bị bỏ vào mười sáu cái đỉnh. Cho nên nói: Nói dối địa ngục kìa.

Làm mà nói không làm: Tội này có hai: Một là thật có làm nên phạm, hai là nói dối có làm nói là không làm. Tội này rất nặng, quả báo vô lượng, cho nên nói: Làm mà nói không làm. Hai tội sau

đều chịu: hai tội nặng này là cội gốc của tai ương, đưa đến tan thân mất mạng. Người trí không bao giờ làm. Cho nên nói: Hai tội sau đều chịu.

Việc này tự dẫn đi: Người đời gây ra những hành vi dơ bẩn là đã gây khổ lụy cho thân. Về sau, phải chịu quả báo, bà con họ hàng không cứu giúp được. Trải qua nhiều kiếp mới được giải thoát, cho nên nói: Việc này tự dẫn đi.



*Người ta ở đời
Búa ở trong miệng
Sở dĩ chém thân
Do lời nói ác.*

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ. Khi ấy, đến giờ khát thực, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đắp y ôm bát, oai nghi khoan thai, xuống núi Linh thú vào thành khát thực. Khát thực xong, hai vị ra khỏi thành La-duyệt-kỳ, chưa về đến nơi, giữa đường gặp mưa to, sấm chớp vang trời, bên đường có một ngôi miếu, phòng xá sâu thăm thẳm, có một cô gái chặn bò đã vào trước đụt mưa ở đó. Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên vào miếu đụt mưa, không nhìn thấy cô gái. Cô gái từ xa trông thấy hai ngài hết hồn té xuống đất. Khi ấy, Tỳ-kheo Cù-ba-lợi cũng vừa đến đụt mưa. Ngài Xá-lợi-phất thấy Tỳ-kheo này bèn bảo ngài Mục-kiền-liên rằng:

– Không ở chung với người ngu, mau rời xa kẻ ác. Tỳ-kheo này là một người ác, ta nên tránh xa.

Rồi hai vị ra khỏi miếu lên đường ngay. Cù-ba-lợi là người đến sau vào sâu trong miếu, thấy trong ấy có cô gái xinh đẹp nằm bất tỉnh dưới đất trong tư thế như vừa bị phạm dâm. Cù-ba-lợi hét lớn:

– Ôi tai họa chưa từng thấy, những người như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên... tự cho mình là trí tuệ thần thông có một không hai trên đời này, trí tuệ thần thông bậc nhất, thế mà tại sao giờ đây họ lại phạm dâm với cô gái chăn bò này? Sự việc đã rõ ràng như vậy, thế thì trên đời nào có ai là bậc Thánh? Điều này chính mắt ta trông thấy, chứ không phải nghe ai nói.

Nắm được việc này ông hớn hờ ra khỏi miếu, dầm mưa đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Ngài rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Cù-ba-lợi đến trước Phật mà bạch rằng:

– Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã làm một việc vô cùng xấu xa, gây ra tội nghiệp phàm phu. Mới vừa rời ra khỏi thành, trên đường về, gặp mưa to, con vào miếu đụt mưa, thấy Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất đã phạm dâm với cô gái chăn bò. Chính mắt con đã trông thấy sự thật ấy, chứ không phải luống dối. Hiện giờ, cô gái nọ vẫn còn đang nằm trong miếu, có thể khám nghiệm được.

Lúc ấy Đức Thế Tôn gọi tên Cù-ba-lợi ba lần

mà bảo:

– Thôi! Thôi! Thầy chớ nói lời đó. Thầy phải phát tâm lành hướng về Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Vì sao? Vì hai vị Hiền giả phạm hạnh đã thành, những việc cần làm, đã làm xong.

Lúc ấy, Cù-ba-lợi lại bạch Phật:

– Nay con tin theo lời Ngài dạy bảo, nhưng điều mà Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đã làm thì thật là dơ bẩn, xấu xa. Con thật thấy hai ông ấy dâm dục, trái phạm đến phạm hạnh.

Đức Phật lại bảo Cù-ba-lợi:

– Hãy thôi! Thầy chớ để mạng căn mình phải bị đọa lạc trước mặt Như Lai. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là những bậc đã vượt qua ba cõi, trong sạch như vàng trời, thì chẳng lẽ còn có tâm dâm dục ấy sao?

Cù-ba-lợi bạch Phật:

– Đúng như lời Như Lai dạy, nhưng chính mắt con thấy hai ông ấy phạm dâm dục. Giờ, Như Lai không tin thì con biết làm sao?

Nói xong, Cù-ba-lợi liền bước đến lễ dưới chân Phật rồi trở về tịnh thất. Cù-ba-lợi lại suy nghĩ: “Chính mắt ta thấy sự thật là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, làm chuyện dơ bẩn. Nhưng giờ đây, Đức Thế Tôn hoàn toàn không tin.” Bấy giờ vào lúc đêm khuya vắng người, bốn vị vua trời đến thất của Cù-ba-lợi, bảo:

– Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là hai bậc Hiền thiện, là ruộng phước của ba cõi, không hề có lỗi lầm. Cớ sao thầy lại sinh tâm phỉ báng họ, tự mang lấy tội khổ như thế?

Vị Tỳ-kheo hỏi:

– Ông là ai?

Đáp:

– Chúng tôi là bốn vị vua trời che chở cho nhân gian.

Vị Tỳ-kheo bảo:

– Các ông là người trời, tại sao bỏ thú vui chơi mà đến núi này làm gì?

Bốn vị vua trời đáp:

– Chúng tôi vì Tỳ-kheo mà đến đây thôi, hãy phát tâm lành đối với hai vị Hiền thiện kia đi.

Vị Tỳ-kheo bảo:

– Các ông hãy trở về cung điện của mình, chớ can dự vào chuyện này.

Bốn vị vua trời liền trở về cung. Bốn vị vua trời đi chẳng mấy chốc, Thích Đề-hoàn Nhân lại đến bảo vị Tỳ-kheo:

– Thầy nên phát tâm lành đối với hai bậc Hiền thiện ấy.

Tỳ-kheo đáp:

– Ông hãy giữ phước trời của mình, đừng can dự đến việc của tôi.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân bèn trở về cõi trời. Phú Phạm thiên lại đến chỗ Tỳ-kheo bảo:

– Thầy nên phát tâm lành đối với hai vị Hiền thiện ấy.

Tỳ-kheo hỏi:

– Ông là ai?

Đáp:

– Ta là Phú Phạm thiên.

Tỳ-kheo bảo:

– Thế Tôn chẳng ghi nhận ông chứng quả A-na-hàm đó sao?

Đáp:

– Đúng vậy.

Tỳ-kheo nói:

– Dù ông đã chứng quả A-na-hàm đi nữa, thì đến đây làm gì?

Phú Phạm thiên liền bỏ đi. Ngay trong đêm ấy, cả thân mình Cù-ba-lợi nổi lên nhiều bọc nước lớn như hạt cải, từ từ to bằng hạt đậu, rồi lớn bằng hạt đào, hạt hạnh nhân, giống như trái tỳ-la. Những bọc nước ấy bị vỡ ra, máu mủ chảy ra hôi thối, không ai dám đến gần, rồi Cù-ba-lợi chết đi, đọa vào địa ngục A-phù-độ, bị cả ngàn con trâu cày trên lưỡi.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Phải cẩn thận giữ gìn lỗi của miệng, chớ buông lời phỉ báng. Mọi sự phỉ báng trên đời này

đều bởi lòng tham lam ganh ghét mà ra. Hôm qua, Tỳ-kheo Cù-ba-lợi đến chỗ Ta bảo rằng: “Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phát... gần gũi người xấu, đã phạm dâm với người nữ”. Ta đã quở trách và ngăn cấm thầy ấy rằng: “Hãy thôi! Thầy chớ nói lời ấy, hãy phát tâm lành đối với hai vị ấy. Ta đã răn dạy như vậy đến hai ba lần. Nhưng tâm phỉ báng của Tỳ-kheo Cù-ba-lợi quá lấy lòng”. Rồi Thích Đề-hoàn Nhân, trời Phú phạm, bốn vị vua trời cũng đến chỗ Tỳ-kheo Cù-ba-lợi, tha thiết khuyên can Tỳ-kheo Cù-ba-lợi rằng: “Thầy hãy phát tâm lành đối với Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phát”. Tỳ-kheo đáp rằng: “Các vị hãy trở về cõi trời của các vị đi. Chính mắt tôi đã trông thấy hai ông ấy làm chuyện nhơ bẩn, như vậy, các vị còn can dự vào việc này làm gì? Các ông nên mau trở về là hơn, chớ lặp lại việc ấy”. Liên đó, các trời trở về cõi trời. Ngay đêm ấy, cả thân mình Tỳ-kheo Cù-ba-lợi nổi lên nhiều bọ nước, máu mủ tươm ra, sau đó chết đi, đọa vào địa ngục A-phù-độ, bị cả ngàn con trâu cày lên lưỡi. Thế nên, Tỳ-kheo phải hăng hái mạnh mẽ giữ gìn lỗi của thân, miệng, ý. Thấy các Tỳ-kheo tinh tấn thì các thầy phải cung kính tiếp đãi như thấy Ta không khác. Rồi, ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ sau đây:

*Người ta ở đời
Búa ở trong miệng
Sở dĩ chém thân*

Do lời nói ác.

Người ta sống ở đời là từ khi ra khỏi thai mẹ, mỗi người tánh ý hoàn toàn khác nhau, bởi do hành vi khác nhau kiếp trước của họ, như có người xách búa bén vào rừng đốn chặt cây cối hoa quả, cỏ thuốc, hủy hoại tất cả. Người ta sống trên đời này cũng vậy. Người ta sống ở đời này không biết giữ gìn lời của miệng, là do tâm sai khiến, các gốc rễ bất thiện đều do lưỡi gây ra. Sống lâu hay chết yểu, đẹp đẽ hay xấu xí cũng bởi tâm niệm phát ra lời nói mà gây ra tội nặng. Cho nên, thầy Tỳ-kheo phải giữ tâm cho bền, thận trọng lời nói. Đó là những gì mà thầy Tỳ-kheo phải học tập. Lúc bấy giờ, các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều vui mừng, thực hành.



*Khen ác, người ác khen
Cả hai đều là ác
Ham tranh cãi, đấu khẩu
Sau đó, không sống yên.*

Khen ác, người ác khen: Tỳ-kheo Cù-ba-lợi khen ngợi công đức của Điều-đạt, nào là tính tình mềm mỏng, tế nhị, là người có hành động chân chính, nào là học vấn sâu xa, trí tuệ rộng rãi, nào là có bốn đức từ bi hỷ xả, giáo hóa chúng sinh. Đại loại như thế, các thầy phải quyết tâm phủ nhận, không nên khen ngợi, cho nên nói: Khen ác, người

ác khen.

Cả hai đều là ác: Tỳ-kheo Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất, đều tu phạm hạnh thanh tịnh, đầy đủ mọi công đức, đã thoát hẳn bụi trần, không còn sống với ái dục, là bậc Trí tuệ rộng lớn, thấu rõ ba đời, nhưng Tỳ-kheo Cù-ba-lợi vì tâm si mê không chịu sửa đổi, cứ khư khư kiến chấp của mình, sinh tâm phỉ báng rằng: Tỳ-kheo Mục-kiền-liên và Xá-lợi-phất đã gây các nghiệp ác. Đại loại như vậy, các thầy phải khen ngợi công đức của hai vị ấy, không nên sinh tâm phỉ báng. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên giữ gìn giới luật nghiêm trang, học vấn sâu rộng, là thầy dẫn đường của loài người. Hai vị ở trước đại chúng nói pháp Vô thượng, đã chứng quả A-la-hán, các lậu hoặc đã hết. Nhưng kẻ gian ác kia đã sinh tâm phỉ báng, không khen ngợi công đức của hai vị ấy. Cho nên nói: Cả hai đều là ác.

Ham tranh cãi, đấu khẩu: người ta sống trên đời này có ngàn muôn tội khổ, như người vì dâm dục ganh ghét nên tâm bồn xển, hoặc vì cờ bạc sinh ra tức giận. Tâm tạo tội đã cứng chắc thì không còn nghĩ đến mọi việc về sau. Thốt ra lời nói đưa đến tai họa, đến nỗi thân phải chết, đọa vào địa ngục Thái sơn, ngạ quỷ, súc sinh, phải chịu các nạn khổ, không bao giờ hết. Dù được làm người nhưng các giác quan không lành lặn, nào là mù, điếc, câm, ngọng, bị mọi người khinh thường. Hoặc sinh vào

nơi biên địa hẻo lánh, sinh ra sau Phật nhập diệt. Tất cả đều do lỗi của miệng mà thân bị tai ương, như củi sinh lửa, lửa trở lại đốt cháy củi. Miệng là cửa ngõ của tội lỗi, lưỡi là cội gốc của tai ương. Cả hai cùng phát lên thì đưa đến cái chết, cho nên nói: Ham tranh cãi, đầu khâu.

Sau đó không sống yên: Chúng sinh sống trong cõi dục, bị lậu hoặc làm cho điên đảo, si mê không có trí tuệ sáng suốt, bị ái dục trói cột, kiêu mạn quần lầy thân, tâm bòn xén ganh ghét sâu nặng. Không đạt được niềm vui của năm thức thân. Không biết chỗ sinh khởi của các khổ, mãi mãi sống trong tăm tối, không tìm được ngọn đèn sáng, cho nên nói: sau đó không sống yên.



*Tranh chút lợi nhỏ
Nhu mất tài sản
Từ đó tranh giành
Khiến tâm nghĩ ác.*

Tranh chút lợi nhỏ: Thuở ấy, có rất nhiều thầy Tỳ-kheo, đến giờ khát thực các thầy đắp y ôm bát vào thành khát thực, thấy có vài mươi người ngồi đánh bài với nhau. Rồi một người ăn, một người thua. Người ăn, đê người thua lột cả áo, rồi hành hạ bằng năm thứ hình phạt độc ác, khiến kẻ thua đau đớn không chịu nổi. Các Tỳ-kheo thấy vậy bèn vào thành Xá-vệ khát thực. Sau khi thọ thực xong

thêu xếp y bát, sửa y phục ngay ngắn đến chỗ Đức Thế Tôn, trán lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch việc ấy lên Đức Thế Tôn:

– Vừa rồi, chúng con vào thành khát thực, thấy hai người nọ ngồi đánh bài. Một người ăn, một người thua. Người thua bị lột áo còn bị đánh đập, đau đớn không chịu nổi.

Nhân đó, Đức Phật bèn nói bài kệ cho các Tỳ-kheo nghe rằng:

– Tranh nhau chút lợi. Nói lợi nhỏ giống như hót bớt một giọt nước trong biển cả, hay bớt một phần bằng hạt cải trong núi Tu-di, làm vơi đi một mảnh đất bằng hạt gạo giữa mặt đất bao la. Và, lại như làm hao tổn một khoảng hư không nhỏ như con muỗi. Nay các Tỳ-kheo, đó có phải là rất ít không?

– Bạch Đức Thế Tôn, đúng là rất ít.

Đức Thế Tôn bảo:

– Việc đánh bài nọ dù là nhỏ nhưng cũng lại như vậy, gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp muôn lần, gấp ức muôn lần không thể thí dụ, so sánh. Thế nên nay các Tỳ-kheo, chỉ vì một việc bé xé ra to rồi tranh chấp nhau. Người thân quen bỗng biến thành xa lạ, tình cốt nhục phải chia lìa. Nếu ai phỉ báng bậc Hiền thánh, Tỳ-kheo giữ giới và phỉ báng Như Lai bằng những việc hư vọng không thật, thì sau

đó họ phải chịu tội, cả ức Phật cũng không cứu nổi, cho nên nói: Tranh chút lợi nhỏ, như mất tài sản, từ đó tranh giành khiến tâm nghĩ ác.



*Trăm ngàn Ni-la-phù
Ba mươi sáu địa ngục
Kẻ phỉ báng Hiền thánh
Từ miệng phát lời ác.*

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo Cù-ba-lợi tự rước lấy tai họa phải đọa vào địa ngục Ni-la-phù. Ở đó, bọn ngục tốt A-băng dùng kèm sắt rút lưỡi Tỳ-kheo, kéo dài ra đến mấy trăm trượng, cán ra cho bằng phẳng rồi dùng đinh sắt đóng lên, dùng ngàn lưỡi cày cho trâu cày qua, đốt lưỡi cày cho đỏ lên rồi cày qua lưỡi. Trong một ngày, trăm ngàn muôn lần chết đi rồi sống lại. Vì sao? Vì tội ác kia chưa hết. Sau đó, Cù-ba-lợi còn phải chịu vô lượng khổ không kể xiết, trong ba mươi sáu địa ngục. Ra khỏi địa ngục, phải đọa vào ngạ quỷ, súc sinh. Trong nhiều muôn ngàn kiếp tội khổ ấy mới hết. Nếu được sinh làm người thì phải chịu mù, điếc, câm, ngọng, sáu giác quan không lành lặn. Lời nói không ngay thật, thường bị phỉ báng. Nếu đi đường thì bị người đánh một cách vô cớ. Cho nên các thầy phải siêng tu đạo đức, cẩn thận, chớ có phỉ báng các Tỳ-kheo Hiền thánh. Phỉ báng bậc Hiền thánh thì phải chịu quả báo đau khổ

như thế. Các Tỳ-kheo nên tu học như thế.

Các thầy Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều vui mừng thực hành.



*Vô đạo đọa đường ác
Tự thêm khổ địa ngục
Xa ngu, tu tâm nhân
Nhớ Đế thì không phạm.*

Vô đạo đọa đường ác: Luống dối không thật, cũng lại không thấy việc chánh, nên cứ luống dối mà sinh ra tai họa, như cô Chiên-ma-na, Tỳ-kheo Cù-ba-lợi... luống dối không thật, phỉ báng bậc Hiền thánh và Tỳ-kheo Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, nên phải chịu quả báo ức kiếp không dứt. Cho nên nói: Vô đạo đọa đường ác.

Tự thêm khổ địa ngục: Phải đọa vào trăm ngàn địa ngục Ni-la-phù, rồi phải đọa vào ba mươi sáu địa ngục Ngũ a-phù, đọa vào địa ngục này chịu đau đớn vô lượng. Bỏ thân ở địa ngục này lại thọ thân trong địa ngục khác, các khổ trong địa ngục lại càng thêm. Cho nên nói: Tự thêm khổ địa ngục.

Xa ngu, tu tâm nhân: Thường có tâm lo sợ, nghe ai phạm giới thì khắp mình nổi ốc. Phải dứt bỏ sự ngu tối, chịu đựng những gì khó chịu đựng, cho nên nói: Xa ngu, tu tâm nhân.

Nhớ Đế thì không phạm: Trừ khử như bản, chấm dứt lỗi lầm, không gì hay bằng Tứ đế. Nếu

chú tâm không tán loạn, suy nghĩ thân mình từ trong chí ngoài đều không có chủ thể, thì sẽ không bị những tiếng phỉ báng, cho nên nói: Nhớ Đế thì không phạm.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 11

Phẩm 9: Phỉ Bá²ng (Phần 2)

*Biết dựa nội tạng
Sống nương Hiền thánh
Ngu đọa đường ác
Vẫn còn tà kiến.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy Ngài đang nói pháp cho mấy ngàn muôn chúng đang ngồi vây quanh trước sau Ngài nghe. Có một thầy Tỳ-kheo lạ, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, hờ áo vai phải, bước đến chấp tay bạch Phật:

– Như Lai đừng nói việc yên nghỉ Niết-bàn, Như Lai đừng xói pháp nhiệm mầu xuất ly của Hiền thánh, trong pháp hiện tại. Như Lai hãy tự an vui trong sự vắng lặng vô vi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy xem kẻ ngu này, tự đọa vào đường ác mất hẳn cả cuộc đời. Không phải ngày nay Tỳ-kheo này mới quở trách, ngăn cản Như Lai, mà từ vô số kiếp lâu xa về trước vào thời Đức Như

Lai Tỳ-bà-thi, thầy Tỳ-kheo này cũng đã quở trách, ngăn cản không cho Đức Phật này nói pháp. Không phải chỉ quở trách, ngăn cản Đức Như Lai Tỳ-bà-thi mà còn quở trách can ngăn Đức Như Lai Thi-khi không cho nói pháp. Kế là quở trách, can ngăn Đức Như Lai Tỳ-xá-tỳ, kế là quở trách can ngăn đối với Đức Câu-lâu Như Lai, đối với Đức Câu-na-hàm Mâu-ni Phật, đối với Đức Ca-diếp Như Lai. Nay Ta là Đức Như Lai thứ bảy, là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, thầy Tỳ-kheo này cũng lại quở trách, ngăn cản không cho nói pháp. Nếu Tỳ-kheo này lóng lạng tâm ý, không quở trách, ngăn cản Như Lai thì ngay tại chỗ ngồi liền dứt sạch hết các bụi nhơ, được mắt pháp thanh tịnh.

Lúc ấy, ở trước đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

*Mắt dịp tốt hôm nay
Lại lập lời thề nguyện
Không thể thấy Thánh Đế
Huống gì được rốt ráo.*

Các Tỳ-kheo nên biết, kẻ phạm phu ngu si này, đối với đạo Hiền thánh đã tự đánh mất bản thân, xa lìa Phật pháp, Thánh chúng.

Biết dựa nội tạng: Kho tàng chánh pháp sâu xa của Như Lai không hề nhiễm. Việc này có ba: Một là A-la-hán, là bậc hoàn toàn dứt hẳn kết sử, trong

ba cỗi. Hai là không còn sinh diệt, không còn mầm mống để sinh vào nơi nào khác. Ba là đối với sự cứng đường của trời, người đều có khả năng tiêu hóa, khiến cho thí chủ trước đây được phước vô cùng. Cho nên nói: Biết dựa nội tạng.

Sống nương Hiền thánh: Có hai bậc Hiền thánh: Một là đầy đủ các căn lành đã thì gọi là Hiền thánh. Hai là đã đầy đủ pháp vô lậu thì gọi là Hiền thánh. Các bậc Hiền thánh này không sống bằng tà kiến mà nương vào trí tuệ nhiệm màu của Phật pháp sâu xa mà sống, cho nên nói: Sống nương Hiền thánh.

Ngu đạo đường ác: Giống như Tỳ-kheo kia quở trách, ngăn cản không cho Như Lai nói pháp, đừng nói đến việc yên nghỉ Niết-bàn, Như Lai đừng nói pháp nhiệm màu xuất ly của Hiền thánh trong pháp hiện tại, Như Lai hãy tự an vui trong sự vắng lặng vô vi. Vì sao phải nói pháp cho đại chúng nghe? Đại loại như thế, kẻ ngu không tự biết đâu là chân thật nên họ tự vờ lấy tai họa, họ muốn dùng nước sôi, lửa cháy để làm nhà ở. Hạng người ấy ta không nên sống chung, chuyện vãn với họ, cho nên nói: Ngu đạo đường ác.

Vẫn còn tà kiến: Tâm còn kiến chấp do dự, sống với điên đảo lâu ngày, ăn khớp với biên kiến. Như trong khế kinh nói: Phật bảo trưởng giả: “Người tà kiến tự họ phạm vào những hành vi của thân như đã nói, phạm vào những lời nói của miệng

như đã nói, phạm vào sự suy nghĩ của ý như đã nói. Ý niệm nổi lên rong ruổi theo muôn mối, hoàn toàn theo tà kiến, không nên gài gủi. Vì theo họ thì căn lành diệt mất, hạt giống ác thêm nhiều. Vì sao? Trưởng giả nên biết, tà kiến là mê lầm chánh pháp, giống như hạt Y-xoa-hoàn, hạt Đế-đa-la và hạt Thi-la-lê, được rải dưới đất, theo thời gian, dần dần được sự thấm nhuần ướt của nước, hơi nóng của lửa, sự vận chuyển của gió, chúng phát triển lớn lên. Đó là những loại cây ăn vào rất đắng, lá cứng nhám lại vừa tanh hôi, không ăn được. Người mắc phải tà kiến cũng giống như vậy, tự phạm vào các hành động của thân, lời nói của miệng, sự suy nghĩ của ý.” Cho nên nói: Vẫn còn tà kiến.



*Trúc tre ra lóng
Lại hại thân nó
Nói lời tốt lành
Không nói lời ác.*

Trúc tre ra lóng: Trúc tre ra lóng vừa to vừa dài. Nếu gặp gió thổi mạnh, chúng nương tựa vào nhau bởi các đốt. Các đốt tự khô mục không còn sống và lớn lên được nữa, lời nói của thầy Tỳ-kheo kia cũng lại như vậy. Chính mình với lấy tội chớ không do ai khác. Cho nên nói: Trúc tre ra lóng, lại hại thân nó.

Nói lời tốt lành: Phải nói những lời nhân từ,

thương xót tất cả, cho nên nói: Nói lời tốt lành.

Không nói lời ác: Nếu nói những pháp bất thiện thì sẽ đưa đến đường ác. Thân mạng con người vẫn còn hành động được, thì lời lẽ phải thông suốt minh bạch. Cho nên nói: Không nói lời ác.



*Theo thiện được giải thoát
Làm ác, không giải thoát
Khéo hiểu là bậc Hiền
Đó là thoát ác nào.
Bậc Thánh hiểu khác hẳn
Như cái hiểu kẻ ngu.*

Theo thiện được giải thoát: Đến nơi giải thoát vô vi thì lời nói phải thiện. Ai nói năng khéo léo hiền lành thì sẽ được mọi người kính trọng, đến bất cứ nơi đâu cũng được nhiều lợi ích, cho nên nói: theo thiện được giải thoát.

Làm ác, không giải thoát: Thường sầu lo, tâm ý phiền não, hay sợ sệt, cho nên nói: Làm ác không giải thoát.

Khéo hiểu là bậc Hiền: Nói giải thoát, chưa hẳn là được giải thoát. Vì có thể bị vua bắt nhốt. Còn giải thoát ở đây thì thân và tâm đều giải thoát, cho nên nói: Khéo hiểu là bậc Hiền.

Đó là thoát ác nào: Sự trói buộc có hai nhân duyên là thân đời này, chuyển đời đến thân đời sau.

Thân đời này thì bị đánh đập khảo tra, xiềng xích trói buộc và chịu khổ đau bởi năm độc. Lại bị kết sử trói buộc, trôi lăn trong năm đường. Trong đó, nếu tự cứu mình được mới gọi là khéo hiểu, cho nên nói: Đó là thoát ác nã.

Bạc Thánh hiểu khác hẳn: Bạc Hiền thánh có hai việc là: Một là đầy đủ cội gốc pháp lành, hai là đầy đủ các pháp vô lậu. Lời dạy bảo do bạc Hiền thánh nói ra, không tự làm tổn hại mình, đời sau không bị khổ nã, cho nên nói: Bạc Thánh hiểu khác hẳn.

Như cái hiểu kẻ ngu: Kẻ ngu quen thói đắm mê theo tà đạo, không đi theo con đường chính, để rồi họ tự dẫn thân vào ba đường dữ. Cho nên nói: Khác cái hiểu kẻ ngu.



*Tỳ-kheo có ý tổn
Lời phải thật, không bừa
Nói nghĩa đúng như pháp
Là lời nói mềm mỏng.*

Tỳ-kheo có ý tổn: Tỳ-kheo giữ gìn miệng, ý, tự mình có khả năng gom nhiếp nó lại. Lời lẽ không nặng nề. Dù đời hay đạo, cũng phải nói cho trúng, không làm phiền nhiều ai, cho nên nói: Tỳ-kheo có ý tổn.

Lời phải thật, không bừa: Nói ít mà trúng nhiều, không trái lời Phật nói. Cuộc sống thế tục

đầy phiền toái, náo động, tâm thường xa lìa, cho nên nói: Lời phải thật, không bừa.

Nói nghĩa đúng như pháp: Nói đầy đủ, cú thân, vị thân, không thiếu sót, cho nên nói: Nói nghĩa đúng như pháp.

Là lời nói mềm mỏng: Nói ra vô lượng nghĩa làm cho người nghe hiểu được vui mừng, những điều nói ra khiến người nghe không cảm thấy nhàm chán và thấy đủ, như trời mưa nước cam lộ, tâm lạnh không nóng nảy, cũng không phải nói với tâm chọn lựa kẻ sang người hèn, mà nói với tâm bình đẳng, không thêm bớt, cho nên nói: Là lời nói mềm mỏng.



*Khéo nói pháp Hiền thánh
Pháp nói đúng pháp, hai
Niệm nói như niệm, ba
Nói để như để, bốn.*

Khéo nói pháp Hiền thánh: Bậc Hiền thánh lập ra giáo pháp chắc chắn là có lý do. Vì muốn tiếp độ chúng sinh tất cả đều được cứu giúp, cho nên nói: Khéo nói pháp Hiền thánh.

Pháp nói như pháp, hai: Trong giáo pháp của bậc Hiền thánh, có sự tồn tại của chánh pháp và phi pháp. Vì sao? Khi nói chánh pháp là làm cho đạo của bậc Hiền thánh, được truyền rộng, nuôi lớn căn lành. Khi nói phi pháp thì làm cội gốc bất thiện

thêm lớn, pháp lành giảm đi. Khéo nói pháp Hiền thánh thì nói đúng như chánh pháp. Cho nên nói: Pháp nói đúng pháp, hai.

Niệm nói như niệm, ba: Nói ra lời nói mềm mỏng thì được người nghe ưa thích và nhớ mãi. Nếu nói ra lời thô bỉ thì làm cho người nghe ghét bỏ. Muốn người ta nhớ mãi lời mình nói thì mình phải nghĩ đến điều thiện. Dù là loài súc sinh đi nữa, nhưng khi nghe lời mắng chửi, chúng cũng sinh tâm buồn bã. Xưa có hai người, mỗi người đều nuôi một con trâu rất khỏe. Một người tự khoe khoang, muốn đo sức trâu mình với trâu anh kia. Nếu ai thua sẽ mất năm trăm đồng tiền vàng. Cuộc đo sức trâu được diễn ra bằng cách cho chúng cày ruộng và một con trâu sức mạnh đã thắng cuộc. Trâu của chủ thách đấu lại thua, người chủ mắng trâu rằng:

– Mày là con trâu dở, hãy gắng sức lên!

Nghe mắng như vậy, trâu liền nằm mẹp ra đất. Anh này thua năm trăm đồng tiền vàng. Qua hôm sau, ông chủ lại trách trâu rằng:

– Mày nổi tiếng là trâu giỏi, ai dè làm tao phải mất tiền, lại xấu hổ với bè bạn.

Trâu thưa với chủ rằng:

– Xin chủ hãy cho tôi đấu sức một lần nữa. Tôi sẽ cố gắng đem hết sức mình, trả lại gấp bội số vàng kia.

Chủ trâu liền thách đồ cày đua một lần nữa. Quả nhiên, như lời trâu nói, ông chủ thu về gấp bội số tiền kia. Ta thấy súc sinh mà còn biết phân biệt lời nói thiện, ác, huống gì là con người mà không phân biệt được lời hay dở hay sao? Cho nên nói: niệm nói như niệm, ba.

Nói đế như đế, bốn: Người ưa thích học đạo rất sợ tai nạn sinh tử trong năm đường. Nó chẳng những gây hao tổn, mà còn không ích lợi cho người học đạo. Vì nếu như thế, sẽ lấp bít con đường đến Niết-bàn, mở ra cánh cửa địa ngục. Đức Như Lai muốn làm sáng tỏ nghĩa màu chân như, cho nên Ngài nói rằng: Nói đế như đế, bốn.



*Cho nên dùng lời nói
Sẽ giúp mình khỏi nạn
Cũng không mắng mọi người
Đó là lời tốt đẹp.*

Cho nên dùng lời nói: Trước khi nói, phải tự suy nghĩ cho mình không bị hại và khiến đời này, đời sau chắc chắn cũng không bị nạn khổ. Nếu thân này trái phạm luật vua một cách nặng nề thì tài sản, ruộng vườn bị sung vào của quan. Hoặc bị cướp mất tài sản, gia nghiệp ngày một hao mòn, mong ước không được toại nguyện, hoặc sau khi chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ở trong địa ngục, không thể chịu nổi năm thứ độc hại. Làm súc sinh

phải mang vác nặng nhọc. Trong cảnh nọ quỉ thì bị đói khát tiêu tụy khổ sở. Vì thế, muốn nói điều gì, phải suy nghĩ cẩn thận, giúp cho đời này, đời sau không bao giờ bị khổ nạn, được vô số chúng sinh hể trông thấy thì họ liền sinh tâm thương mến. Sau khi chết, sinh lên cõi trời hưởng phước tự nhiên, vì thế nói rằng: Cho nên dùng lời nói, sẽ giúp mình khỏi nạn.

Cũng không mắng mọi người: Hoặc có người khùng nói xấu người lương thiện, làm cho họ giận dữ đưa đến mất mạng. Lời nói phải chân thật, không chê Bò-tát và chỗ dở của người khác thì không bao giờ bị người mắng. Cho nên nói: Cũng không mắng mọi người.

Đó là lời tốt đẹp: người tu hạnh lành, lời nói phải đi đôi với việc làm, nếu nói đường chánh đạo đưa đến Niết-bàn thì phải thuận theo lời Phật dạy, gieo giống phước trời. Cho nên nói: Đó là lời tốt đẹp.



*Nói cho hợp ý người
Và khiến họ vui mừng
Không để sinh tâm xấu
Nói ra ai cũng thích.*

Nói cho hợp ý người: Người ta ở đời phải theo phong tục tập quán địa phương, hoặc gặp nhau mở lời nói chuyện, hoặc nghe người nói trước rồi sau

mới trả lời. Làm cho người ta vừa lòng, đúng theo ý muốn. Hoặc tỏ oai bắt nạt làm người ta sợ, hoặc tỏ vẻ yếu hèn quỳ lụy người ta. Phải giữ gìn tâm mình để làm người khác vui lòng. Cho nên nói: Nói cho hợp ý người.

Và khiến họ vui mừng: Nói với người lời gì thì phải khiến họ được lợi ích, họ nghe càng vui mừng hơn. Không bị ai mắng nhiếc hay ai đến làm nhục mình, cho nên nói: Và khiến họ vui mừng.

Không để sinh tâm xấu: Không gây thù oán với ai, không làm những việc bất thiện, cũng không gây những nghiệp ác để bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, phải chịu ba thứ quả báo, cho nên nói: Không để sinh tâm xấu.

Nói ra ai cũng thích: cùng làm việc với ai thì luôn tỏ thái độ khiêm hạ, cung kính họ. Dù khi tranh luận mà có thắng đi nữa vẫn tự coi mình kém cỏi, không bằng người ta, cho nên nói: Nói ra ai cũng thích.



*Lời chỉ thành cam lộ
Nói pháp không ai hơn
Nói thật nghĩa như pháp
Đó là lập gốc đạo.*

Lời chỉ thành cam lộ: Nói pháp cho mọi người nghe thì phải tu các công đức. Pháp của Như Lai sâu xa nhiệm mầu, phải an trụ yên ổn vì thấy được

tất cả hành pháp vô thường, tất cả pháp vô ngã. Niết-bàn là vắng lặng tốt cùng. Khéo chế ngự tâm tán loạn. Nói pháp cho người nghe chớ biếng nhác, cho nên nói: Lời chí thành cam lộ.

Nói pháp không ai hơn: Lời nói ra chân chánh thì đạt lợi ích. Chỗ cốt yếu đi đến đạo nhờ đó được thông đạt, cho nên nói: Nói pháp không ai hơn.

Nói thật nghĩa như pháp: Như nghĩ nhớ bản thể chân thật thanh tịnh cũng không điên đảo, không hề luống dối. Đúng pháp nghĩa là danh cú, thân cú, vị cú, chân như pháp tánh cũng không thay đổi, cho nên nói: Nói thật nghĩa như pháp.

Đó là lập gốc đạo: Pháp lành vô lậu lìa hẳn bụi nhơ, đến cửa giải thoát, được đạo vô ngại, đó là lập gốc đạo.



*Nói đúng như lời Phật
Là sớm được diệt độ
Đoạn dứt được mé khổ,
Là lời nói bậc nhất.*

Nói đúng như lời Phật: Nói bốn cách dừng ý, thấu suốt nguồn gốc sinh tử, buộc niệm chuyên ý. Hoặc nói ý đoạn, tinh tấn không biếng nhác. Hoặc nói thân tức được cả định. Hoặc nói nghĩa gốc mà trong đó đạt được tuệ căn. Hoặc nói ý nghĩa của sức mạnh và đầy đủ sức mạnh. Hoặc nói giác ý khiến đạt được pháp giác ngộ. Hoặc nói tám đường

thẳng phân biệt với tám đường. Cũng lại nói một số các pháp thần danh thân, cú thân, vị thân Như Lai. Hoặc nói tám mươi ngàn các độ, các loài chúng sinh nương vào các độ này mà đến bờ bên kia, cho nên nói: Nói đúng như lời Phật.

Là sớm được diệt độ: Nơi vắng lặng, an lành hoàn toàn, tất cả đều được lợi ích, dứt các khổ lụy, thoát khỏi mọi kết sử, cũng thoát khỏi họa hoạn lo buồn về sinh, già, bệnh, chết, cho nên nói: Là sớm được diệt độ.

Đoạn dứt được mé khổ: Khổ là bởi thân năm ấm lầy lừng, nó dẫn đến nơi năm tối, không thấy được ánh sáng trí tuệ. Khổ có tám thứ là sinh, già, bệnh, chết, oán thù mà phải gặp nhau, yêu mến mà phải chia lìa, cầu mong không toại nguyện. Tóm lại, là khổ của năm ấm lầy lừng. A-tăng-kỳ chúng sinh đã trải qua con đường khổ đến nơi vắng lặng hoàn toàn. Nếu ngày nay chúng sinh lại thực hành diệu quán thì họ vượt khỏi cảnh khổ, đến bờ vô vi, đều do ân đức của Phật, cho nên nói: Đoạn dứt được mé khổ.

Là lời nói bậc nhất: Ngôn giáo được nói ra không có pháp nào hơn nữa. Hàng nhị thừa cũng không theo kịp, lời nói này cứu giúp rộng lớn, vô lượng, cũng phước đức vô biên. Cho nên nói: Là lời nói bậc nhất.



Phẩm 10: Hạnh

*Đã phạm một lỗi
Gọi người nói dối
Không khỏi đời sau
Các ác phát sinh*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đi kinh hành, lần lần Ngài đến phòng La-vân. Vừa thoáng thấy Đức Phật đến, La-vân liền từ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, lau quét chỗ ngồi và lấy nước sạch. Đến nơi, Đức Phật ngồi bên cạnh giường La-vân, lấy nước sạch rửa tay chân. Ngài chừa lại một ít nước dơ bảo La-vân rằng:

- Người có thấy chút nước còn sót này chăng?
- Vâng, con có thấy.

Phật bảo La-vân:

– Sa-môn giữ hạnh cũng như thế, không biết hổ thẹn, không biết sỉ nhục. La-vân nên biết rằng: Nếu có Tỳ-kheo nào như thế thì không có việc ác nào là không làm, không đau khổ nào không gặp, giống như chút nước bẩn này không còn dùng được nữa.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn đổ hết nước ấy xuống đất và bảo La-vân:

- Người thấy Ta đổ nước xuống đất chăng?
- Vâng, con có thấy.
- Kẻ nào cố ý nói dối không biết hổ thẹn, không có tâm sỉ nhục. Hạng người như vậy thì không có

việc ác nào là không làm.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn úp chậu đựng nước xuống đất mà bảo La-vân:

– Người có thấy Ta úp chậu nước chẳng?

– Vâng, con có thấy.

– Nếu người nào cố ý nói dối, không biết hổ thẹn, không có tâm sỉ nhục, hạng người như thế thì không có việc ác nào là không làm.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo La-vân:

– Hôm nay, người phải thực hành tu học như thế, người không được nói dối, dù chỉ để cười đùa trong giây lát, huống gì cố tình nói dối? Như vậy, La-vân phải tu học như thế.

Cho nên nói: Đã phạm một lỗi, gọi người nói dối, có nói trong hai trăm năm mươi giới oai nghi và bảy pháp nội cấm, hễ phạm một thì phải chịu khổ. Cho nên nói: Đã phạm một lỗi, gọi người nói dối.

Không khởi đời sau: Đã mất gốc lành do công đức huân tập ở đời sau. Hễ người nói dối thì mọi người đều biết rõ, huống là nói điều hệ trọng gây tội ác, phải chịu khổ não không nơi nào không trải qua. Cho nên nói: Không khởi đời sau, các ác phát sinh.



*Thà nuốt sắt nóng
Uống nước đồng sôi*

*Chứ không vô giới
Ăn của tín thí.*

Thà nuốt sắt nóng: Như có người cha hung ác nọ nung cho đỏ một viên sắt, rồi bắt con phải nuốt. Làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy cổ họng, cháy bụng. Dù bị khổ ấy mà phải chết, nhưng không dính líu gì đến cái khổ vô lượng trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cho nên nói: Thà nuốt sắt nóng, uống nước đồng sôi.

Chứ không vô giới, ăn của tín thí: Người không giữ giới thì bên ngoài mặc pháp phục, nhưng trong lòng gian trá. Họ tin theo người không có đức hạnh chân thật, tự đại kiêu ngạo, chỉ hiểu biết chút ít mà tự khoe khoang ở đời. Khi nhận của tín thí thì bảo lý đương nhiên phải như vậy, nào có nghĩ đến đời sau phải chịu muôn thứ hình phạt. Thấy ai giữ giới thì sinh tâm khinh miệt người ta, khi chết liền đọa vào đường ác, không còn đủ thân, miệng, ý. Họ cũng không tu tập oai nghi lễ tiết, ra vào tới lui trái với giới cấm, phép tắc, thấy ai được lợi dưỡng thì sinh lòng ganh ghét. Chết liền bị khốn khổ, không có tội nào là không chịu, cho nên nói: Chứ không vô giới, ăn của tín thí.



*Nếu ai sợ khổ
Cũng không ưa khổ
Chớ làm việc ác*

Luôn nghĩ sửa đổi.

Nếu ai sợ khổ: Thân mình đã sợ khổ thì chớ làm cho người khác khổ. Gây khổ cho người thì sau phải chịu quả báo. Thân này như đất, hễ gieo xuống thì gặt quả. Các loài chúng sinh cũng như vậy, tùy theo tội đã gây mà về sau phải chịu quả báo. Tâm người khác nhau như hình tướng của họ, nhưng tội khổ thì cứ đuổi theo thân không chạy trốn đâu được, cho nên nói: Nếu ai sợ khổ, cũng không ưa khổ.

Chớ làm việc ác: Không được đem điều ác đến cho tất cả chúng sinh. Người tự lợi rồi mới làm lợi người, nếu không có khả năng làm lợi ích cho mình thì đâu thể đem lợi ích cho kẻ khác được? Nếu ở nơi ồn náo hay nơi vắng vẻ, hoặc lớn hay nhỏ, thấy hay không thấy, hễ là kẻ ác thì phải xa lìa họ, như tránh kiếp thiêu, cho nên nói: Chớ làm việc ác, luôn nghĩ sửa đổi.



*Cố ý làm ác,
Đã làm, sẽ làm
Không tránh khỏi khổ
Muốn trốn ích gì?*

Cố ý làm ác: Hoặc lại có người đã làm ác, đang làm ác hay mới làm ác. Đã làm là quá khứ, mới làm là hiện tại, sẽ làm là vị lai. Ba đời làm ác nhưng không biết khổ đến, cho nên nói: Cố ý làm ác, đã

làm sẽ làm.

Không tránh khỏi khổ: Các loài chúng sinh thì tâm thích làm ác, mà không biết về sau tội báo sẽ đến. Nếu hiện giờ trái phạm phép vua cấm thì tùy theo tội nặng, nhẹ mà xét xử định tội. Pháp luật ở đây cũng giống như vậy. Cứ quen theo điều ác, không tự thức tỉnh mà buông lung tâm ý, cho nên nói: Không khỏi đau khổ.

Muốn trốn ích gì: Sau khi người chết, vua Diêm-la sai ngục tốt A-bàng đến đón rước thần thức người tội. Thân bị năm vòng dây trói chặt, dẫn đến chỗ vua Diêm-la. Vua hỏi người tội:

– Người có lần nào trông thấy vị sứ trời thứ nhất chẳng?

Đáp:

– Dạ không thấy.

Vua hỏi người tội:

– Thế nào anh kia, khi sống trên đời, anh từng đi qua xóm làng, thành quách, quận huyện, anh thấy nam nữ, cha mẹ bỗng con không thể lìa nó mà đại tiểu được, cha mẹ dành chỗ khô cho con lấy chỗ ướt cho mình, tắm gội rửa ráy, thay áo quần. Anh có thấy những việc ấy chẳng?

Đáp:

– Dạ có trông thấy.

Vua bảo người tội:

– Sao người không lo nghĩ điều ấy? Trong pháp

luật cõi đời, hễ thấy quả báo thiện ác thì phải biết cẩn thận, giữ gìn thân, miệng, ý tu các pháp lành.

Người tội đáp:

– Khi sống trên đời, tâm tôi buông lung, ngu si không biết lẽ chân thật, cho nên những gì tôi đã gây ra thì ngày nay tôi phải chịu quả báo.

Vua bảo người tội:

– Như lời người nói đã gây ra tội thì nay phải chịu quả báo, nếu như người biết kiềm chế buông lung thì khó trái phạm. Tội nghiệp là do chính người gây ra chứ không phải do cha mẹ gây ra, cũng không phải do anh em, bà con họ hàng, Sa-môn, Bà-la-môn gây ra.

Lúc bấy giờ vua Diêm-la dùng lời của vị sứ trời thứ nhất đó mà răn dạy. Rồi dùng lời của vị sứ trời thứ hai răn dạy. Vua hỏi:

– Người có lần nào thấy vị sứ trời thứ hai chẳng?

Đáp:

– Dạ không thấy.

Vua hỏi người tội:

– Thế nào anh kia! Khi sống trên đời, anh từng đi qua xóm làng, quận huyện, thành ấp, anh có thấy nam nữ ôm nhau, nguy khốn, ngồi trên nệm, trên giường, hoặc nằm, hoặc ngồi không?

Người tội thưa:

– Có thấy.

Vua hỏi:

– Thế nào anh kia, tại sao anh không nghĩ những điều ấy? Đối với pháp luật hiện tại, tội anh như thế, phải cẩn thận giữ gìn thân, miệng, ý cho thanh tịnh, tu các pháp lành.

Người tội thưa:

– Khi sống trên đời, tâm ý tôi buông lung, ngu si không biết lẽ chân thật, cho nên những gì mà tôi đã gây ra thì ngày nay tôi phải chịu quả báo.

Vua bảo người tội:

– Như người nói, những gì người gây ra, ngày nay người phải chịu quả báo, nếu như người biết kiềm chế buông lung thì khó trái phạm. Tội là do chính người gây ra chứ không phải do cha mẹ gây ra, cũng không phải do anh em, bà con họ hàng, Sa-môn, Bà-la-môn gây ra, cũng không phải do các trời, người đời xúi giục người gây ra.

Lúc bảy giờ vua dùng lời của sứ trời thứ hai mà dạy bảo, sau đó lại dùng lời của sứ trời thứ ba dạy tiếp:

– Người có lần nào thấy vị sứ trời thứ ba chăng?

Đáp:

– Dạ, không thấy.

Vua hỏi người tội:

– Sống trên đời, anh đã đi qua xóm làng, thành quách, quận huyện, anh có thấy những cụ già chống gậy rên rỉ, bước đi lụ khụ, đầu bạc, răng

rụng, ăn uống khó nhọc, mạng sống trong một sáng, một chiều chăng?

Người tội đáp:

– Dạ, có thấy.

Vua hỏi người tội:

– Thế nào anh kia, tại sao anh không suy nghĩ những điều ấy? Trong pháp hiện tại, việc ấy là như vậy, người phải tự cẩn thận, giữ gìn thân, miệng, ý cho thanh tịnh, tu các pháp lành.

Người tội thưa:

– Khi sống trên đời, tâm ý tôi buông lung, ngu si không biết lẽ chân thật? Những gì mà tôi đã gây ra thì ngày nay tôi phải chịu quả báo.

Vua bảo người tội:

– Như lời người nói, những gì người đã gây ra thì ngày nay phải chịu quả báo, nếu như người biết kiềm chế buông lung thì khó trái phạm. Tội do chính người gây ra chứ không phải do cha mẹ gây ra, cũng không phải do anh em, bà con họ hàng, Sa-môn, Bà-la-môn gây ra, cũng không phải do các trời, người đời xúi giục người gây ra.

Lúc bấy giờ vua Diêm-la dùng lời của vị sứ trời thứ ba mà dạy bảo, sau đó vua dùng lời của vị sứ trời thứ tư dạy tiếp:

– Người có lần nào trông thấy vị sứ trời thứ tư chăng?

Đáp:

– Dạ không thấy.

Vua hỏi người tội:

– Thế nào anh kia, sống ở trên đời, anh từng đi qua xóm làng, thành quách, quận huyện, anh có thấy người nam, nữ chết hay không? Hoặc chết từ một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, thân thể sinh trướng, máu mủ chảy lênh láng. Hoặc bị chim, kên kên, chó sói, cọp ăn thịt, anh có trông thấy chăng?

Tội nhân thưa:

– Dạ có thấy.

– Thế nào, anh kia, tại sao anh không suy nghĩ những điều ấy? Trong pháp hiện tại, việc ấy là như vậy. Phải biết tự cẩn thận, giữ gìn thân, miệng, ý cho thanh tịnh, tu các pháp lành.

Người tội thưa:

– Khi còn sống trên đời, tâm ý tôi buông lung, ngu si không biết lẽ chân thật. Những gì tôi đã gây ra thì ngày nay tôi phải chịu quả báo.

Vua bảo người tội:

– Như lời người nói, những gì người đã gây ra thì ngày nay phải chịu quả báo, nếu như người biết kiềm chế buông lung thì khó trái phạm. Tội do chính người gây ra, chứ không phải do cha mẹ, anh em, bà con họ hàng, Sa-môn, Bà-la-môn gây ra, cũng không phải do các trời, người đời xúi giục người gây ra.

Lúc ấy vua Diêm-la dùng lời của vị sứ trời thứ

tư dạy bảo, sau đó dùng lời của vị sứ trời thứ năm dạy tiếp:

– Người đã trông thấy vị sứ trời thứ năm chưa?

Đáp:

– Dạ, không thấy.

Vua hỏi người tội:

– Thế nào anh kia, khi sống ở trên đời, anh đã đi qua xóm làng, thành quách, quận huyện, anh có trông thấy bọn cướp bị vua bắt trói không? Hoặc chặt tay chân, hoặc xẻo mũi, cắt tai, hoặc lột da, hoặc rút gân, hoặc dùng cưa cưa cổ, hoặc lấy cây nhọn đâm vào bụng, rồi rút ra từ miệng, hoặc nấu đồng chảy ra rồi tạt vào người, hoặc chặt đứt tứ chi, hay treo lộn ngược trên cây cao, bảy hôm sau mới dùng tên bắn chết. Hoặc dùng dây da sống buộc đầu treo ngược, rồi bỏ ngoài đồng hoang. Hoặc mổ bụng moi ruột rồi dòn cỏ vào cho đầy. Người có thấy cảnh ấy không?

Người tội đáp:

– Dạ có thấy.

– Thế nào anh kia, tại sao anh không suy nghĩ những điều ấy? Trong pháp hiện tại, việc ấy là như vậy. Phải tự cẩn thận, giữ gìn thân, miệng, ý cho thanh tịnh, tu các pháp lành.

Người tội thưa:

– Khi sống trên đời, tâm ý tôi buông lung, ngu si không biết lẽ chân thật. Những gì tôi đã gây ra

thì ngày nay tôi phải chịu quả báo.

Vua bảo người tội:

– Như lời người nói, những tội do người gây ra thì bây giờ phải chịu quả báo, nếu như người biết kiềm chế buông lung thì khó trái phạm. Tội do chính người gây ra, chẳng phải do cha mẹ, anh em bà con họ hàng, Sa-môn, Bà-la-môn gây ra. Cũng không phải do các trời, người đời xúi giục người gây ra.

Lúc bấy giờ, vua Diêm-la dùng lời của vị sứ trời thứ năm để dạy bảo, sau đó vua liền giao người tội cho ngục tốt, dẫn y đến vạc nước sôi, tùy theo tội nặng nhẹ mà y bị đẩy vào một trăm ba mươi sáu vạc nước sôi, chịu khổ trải qua nhiều kiếp khó lường, cho nên nói: Muốn trốn ích gì.



*Chẳng lên không, xuống biển
Không thể vào khe núi
Không thể ở nơi nào
Trốn được tội đã gây.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Ni-câu-loại, nước Thích Sí Sáu Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ vua Lưu Ly nhóm họp bốn thứ binh để đánh chiếm nước Xá-di. Ông đem quân chiếm các doanh trại, rồi buộc vua cha phải nhường ngôi, tự lên làm vua. Có một vị quan độc ác tên là Da-lợi, thừa với tân vương:

– Khi vua còn là thái tử, về bên ngoại ở nước Xá-di, đến tinh xá của Phật thì bị dòng họ Thích làm nhục. Lúc ấy, vua có nói rằng: “Nếu ngày nào lên làm vua, ta sẽ giải quyết việc này”, giờ đây đã đến lúc.

Với binh mã hùng mạnh, vua liền ra lệnh với xa giá oai vệ định đi báo thù. Đức Phật biết rõ ý định ấy, Ngài liền đến ngồi dưới gốc cây khô bên vệ đường. Lúc ấy, đích thân vua Lưu Ly dẫn binh mã đi đánh nước Xá-di. Trên đường đi, vua gặp Đức Thế Tôn, liền đến trước Phật thưa rằng:

– Ở đây có nhiều cây cối cành lá sum suê, vì sao Ngài không ngồi đó mà lại ngồi dưới gốc cây khô này?

Đức Phật bảo vua:

– Vì bóng mát của bà con họ hàng dày lắm, không thể lìa bỏ. Ngày xưa, cây này cành lá sum suê, Ta từng qua đây, được thụ hưởng sức che chở bóng mát của nó.

Nghe vậy, vua liền quay trở về. Về đến nơi, vua ra lệnh cho bốn chúng và bảo trên dưới:

– Chúng ta nên lui quân, không tiến đánh nữa. Vì bà con họ hàng mà ngày nay Đức Như Lai đem sức thần che chở cho họ, ta không thể tiến đánh được.

Các quan thưa với vua:

– Đức Như Lai đâu thể ngồi mãi dưới gốc cây

ấy được!

Đức Như Lai thấy vua rút binh, Ngài biết nhân duyên đời trước, không thể tránh khỏi tai họa. Ngài liền dùng trí Túc mạng quán sát nguyên do. Thấy rằng những người thuộc dòng họ Thích chắc chắn phải chịu quả khổ, Ngài liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi mà trở về. Về đến nơi, Ngài ngồi giữa đại chúng Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên thấy Như Lai thương xót cho những người dòng họ Thích nên ngài có vẻ lo lắng, ngài bèn đến trước Phật, bạch:

– Nay vua Lưu Ly đem quân đánh nước Xá-di. Con nghĩ rằng người trong nước ấy phải chịu khổ, con muốn dùng phương tiện để cứu giúp họ. Một là đem hết người nước ấy lên hư không, hai là đem cả nước ấy mà đặt lên mặt biển, ba là đem hết nước ấy mà đặt vào bụng núi Tu-di, bốn là đem cả nước ấy mà đặt trên mặt đất ở xứ khác, khiến vua Lưu Ly không biết họ ở đâu.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

– Ta biết thầy có trí đức, thần túc vô lượng, muốn đem yên ổn lại cho người nước Xá-di, nhưng làm sao thầy đặt họ an ổn với oan gia đời trước được?

Ngài Mục-kiền-liên liền lay Phật rồi lui. Lúc bấy giờ, Đức Phật nói ý nghĩa việc ấy cho đại chúng biết, cũng muốn làm cho chánh pháp tồn tại

lâu dài trên thế gian và muốn chỉ rõ ra rằng: Oan gia đời trước không bao giờ tránh khỏi. Đại chúng nghe Đức Phật nói như thế, buồn bã rơi lệ, thương xót cho việc vua Lưu Ly báo thù cũ. Đức Phật ở giữa đại chúng nói bài kệ rằng:

*Chẳng lên không, xuống biển
Không thể vào khe núi
Không thể ở nơi nào
Trốn được tội đã gây.
Chúng sinh bị khổ não
Không tránh được già chết
Chỉ có người trí nhân
Không nghĩ lỗi của người*

Chúng sinh bị khổ não: Nếu thấy việc phi pháp của người khác thì mình phải thức tỉnh, thầy Tỳ-kheo chỉ nghĩ nhớ năm pháp. Sau đó, làm khơi dậy ý người. Năm pháp là gì? Đó là:

1. Người không thông suốt khế kinh.
2. Người không giữ giới đầy đủ.
3. Người không có tâm định.
4. Người ngu muội, không có trí tuệ.
5. Người chưa dứt hết các lậu.

Cho nên nói: Chúng sinh bị khổ não, không tránh được già chết.

Chỉ người có trí nhân: Muốn sửa đổi cho người thì trước hết mình phải cẩn thận, nếu tự mình ô uế mà muốn sửa đổi kẻ khác thì bị mọi người chê

cười, xem thường việc làm của mình. Cho nên, người hiểu biết hoàn toàn xa lìa điều ấy. Sự trói buộc trong lao ngục không gì bằng sự oan đối của nhân duyên. Trói buộc trong địa ngục thì không trói buộc gì cả, mà đó là chịu quả báo tùy theo tội nặng hay nhẹ mà mình đã gây ra. Cho nên nói: Chỉ người có trí nhân, không nghĩ lỗi của người.



*Nói dối tìm lỗi
Việc đã không chánh
Chê oán người lành
Lấy công đối hiền
Buộc tội người ấy
Là gieo vực sâu.*

Nói dối tìm lỗi: Có người không tự lượng sức mình, trong tâm không suy nghĩ, thường tìm lỗi người, thấy cái xấu thì vui mừng, thấy cái tốt thì không noi theo. Làm những chuyện tà vạy mà cho là chánh, cho nên nói: Nói dối tìm lỗi, việc đã không chánh.

Chê oán người lành: Hoặc có người lương thiện, tâm thích tu học, nhưng áo không đủ che thân, cơm không no bụng, bị kẻ ngu coi thường, họ che lấp đức hạnh tốt của người này, không cho hiển bày ra được. Bởi tội lỗi ấy nên kẻ ngu phải chịu khổ trong một trăm ba mươi sáu địa ngục. Từ ngục này qua ngục khác, phải chịu biết bao khổ não

không thể kể xiết, thức ăn là đồng sôi, nhà ở là vạc nước sôi, máu mủ tanh hôi là bữa ăn thịnh soạn, tủy não là phần sấp. Hết tội địa ngục thì đọa vào loài súc sinh, chịu nhiều thân hình, chí thú khác nhau, hoặc cao, hoặc thấp, ăn cỏ ăn rơm mà phải gánh vác nặng nhọc. Tất cả đều do xung đột mà ra. Nếu đọa vào loài ngạ quỷ thì chỉ ăn không khí, rồi bị dao sắt đâm thủng bụng. Hơi trong bụng tuôn ra rồi chảy trở vào đầu bụng, giống như La-cốc quán không, trong ngoài đều hiện rõ ngoài. Cho nên nói: chê bai, oán ghét người lương thiện, lấy cong vạy để đối đãi người hiền sĩ.

Buộc tội người ấy: Việc mình đã làm theo thân như bóng theo hình. Trôi lặn trong năm đường ác chịu vô lượng khổ não. Đến bất cứ nơi nào cũng không thoát khỏi bốn trói, năm kết. Dù được làm người thì thường bị giam nhốt trong ngục tù, thân bị tra khảo, đánh đập, muốn chết cũng không được, cho nên nói: Buộc tội lỗi cho người ấy, là tự gieo mình vào vực sâu.



Việc làm của người

Có tốt có xấu

Đều là do mình

Không bao giờ mất.

Việc làm của người: Tất cả các loài chúng sinh có hình tướng này, tâm nghĩ, miệng nghĩ, thân

ngĩ, ý nghĩ, cho nên nói: Việc làm của người.

Có tốt có xấu: Hoặc thiện, bất thiện, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc đau khổ, đau vui. Thiện và ác ấy do bởi hành động mà ra, cho nên nói: Có tốt có xấu.

Đều là do mình: Người làm thiện làm ác, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc khổ, hoặc vui đều có quả báo không thể trốn tránh được. Làm lành thì sinh lên cõi trời; làm ác thì đọa xuống địa ngục, cho nên nói: Đều là do mình.

Không bao giờ mất: Việc làm thiện, ác như bóng theo hình, chịu oan đối do hành động, không bao giờ mất. Dù cho trời tan, đất sụp, núi Tu-di sập đổ, nước biển khô, cạn, trời trăng rơi rụng, các vì sao biến mất đi nữa, nhưng quả báo thiện, ác vẫn không mất đi bao giờ. Cho nên có bài tụng rằng:

*Động chuyển, co duỗi
Bóng luôn theo thân
Hoặc đi hoặc đứng
Không rời khỏi thân
Bóng luôn theo hình
Hình cũng theo bóng
Do làm thiện, ác
Không hề lìa nhau
Không bao giờ mất.
Người giữ điều tốt
Biết việc nên làm*

*Chớ chấp việc ấy.
Người cũng chết mất.*

Người giữ điều tốt: Người biết tự sửa đổi thân mình, không nghĩ đến điều hay dở của kẻ khác, cũng không chê cười ai, biết chọn lấy những điều cốt yếu. Nếu gian dối, không thật đối với người thì trong trăm ngàn đời nơi kia sinh nơi đây, thường bị người xem thường, xoay vần chịu quả báo, bị trói buộc không thoát được. Tùy theo những gì mình đã làm mà chịu quả báo, như trồng hạt đắng thì trở trái đắng, trồng hạt ngọt thì trở quả ngọt. Quả báo thiện ác cũng như thế. Làm lành thì sinh lên cõi trời, làm ác thì đọa xuống địa ngục. Cho nên nói: Người giữ điều tốt, biết việc nên làm, chớ chấp việc ấy, người cũng chết mất.



*Không khởi làm ác
Như lính bị chém
Dẫn đi không biết
Đã đọa đường ác
Sau chịu khổ báo
Mới biết nghiệp trước.*

Không khởi làm ác: Người ngu trong suy nghĩ về điều lành. Họ thường nghĩ về mười việc ác như sát sinh, dâm dật..., cho nên nói: Không khởi làm ác.

Như lính bị chém: Không bao giờ có trở lại

thân hình như cũ và tâm được trở lại Vì người ngu nghĩ như vậy: đàn-việt thí chủ vốn tự nghèo thiếu, còn kẻ keo kiệt ganh ghét thì lại giàu có. Do đó, người ngu thấy vậy chê cười. Cứ khư khư chấp chặt tâm không khai ngộ. Cho nên nói: Không khởi làm ác, như lính bị chém.

Dẫn đi không biết, đã dọa đường ác: Không biết những việc làm thiện và ác trong đời này và đời sau, không nghĩ về sau sẽ không có ai che chở cho mình, cho nên nói: Dẫn đi không biết, đã dọa đường ác.

Sau chịu khổ báo, mới biết nghiệp trước: Thuở xưa, có vị cư sĩ sai người nhà làm thịt chim trĩ nấu ăn. Họ bỏ thịt chim trĩ vào nồi rồi mới nhúm lửa. Tình cờ có con rắn độc rớt trong nồi ấy. Theo cách ăn của người cư sĩ thì trước phải hỏi thầy. Thầy bảo:

– Món ấy không nên ăn.

Nhưng cư sĩ không nghe lời thầy bảo, cứ ăn. Qua đêm nọc rắn độc bắt đầu phát sinh tác dụng. Cư sĩ bèn hỏi thầy, thầy bảo:

– Vì không nghe lời ta nên mới ra nông nỗi này.

Lúc ấy vị thầy liền nói bài kệ:

*Ham vị mới trúng độc
Không nghe lời ta bảo
Khốn đốn vì chất độc
Giờ mới tự biết ra.*

Lúc bảy giờ, Đức Thế Tôn nói với hội chúng:

– Nên làm điều này, không nên làm điều kia. Người làm ác, chết đọa vào địa ngục; người tu làm việc lành được phước sinh lên cõi trời. Nhưng đã từ lâu, chúng sinh trong đời này, không nghĩ đến việc vô thường biến đổi, không nghe theo lời dạy rót ráo chân thật của Như Lai, cho ác là thiện, cho phải là quấy.

Bảy giờ Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Tâm ngu không mở tỏ
Quen ác, không nghe ta
Chịu khổ đau địa ngục
Mới nhớ lời chân thật.*

Sau chịu khổ báo, mới biết nghiệp trước: ở địa ngục bị lửa nóng thiêu đốt đau khổ, ở ngục quỷ thì bị khổ đói, ở súc sinh thì thường chịu khổ chờ năng, cho nên nói: Sau chịu khổ báo, mới biết nghiệp trước.



*Hung dữ ngang ngược
Chìm dần tội ác
Ham làm điều ác
Tội báo tự đến*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ.

Lúc ấy vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc. Khi

ngồi trên lầu vắng lặng, vua tự suy nghĩ rằng: “Vì sao chúng sinh không tự suy nghĩ về mình?” Rồi vua lại suy nghĩ tiếp: “Có những người từ thân, miệng, ý nghĩ đều xấu xa điên đảo, ấy là người không biết tự nghĩ về mình. Thế nào là chúng sinh tự nghĩ về mình? Nếu có chúng sinh thân, miệng, ý thực hành sự thanh tịnh thì đó là người biết tự suy nghĩ về mình”. Lúc ấy, trên lầu cao vắng lặng, vua liền đứng dậy, cho sửa soạn xa giá quý báu cùng đoàn hộ giá đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, vua lay sát đất chân Phật rồi ngồi qua một bên. Giây lát, vua từ chỗ ngồi đến trước Phật bạch:

– Mới đây, ngồi trên lầu cao vắng lặng con nảy sinh ý nghĩ: “Chúng sinh nào tự suy nghĩ về mình? Chúng sinh nào không tự suy nghĩ về mình?” Lúc ấy Thế Tôn của con cũng có những suy nghĩ trùng hợp như thế. Có các chúng sinh từ thân miệng, ý nghĩ đều điên đảo xấu xa, ấy là người không tự suy nghĩ về mình. Thế nào là chúng sinh tự suy nghĩ về mình? Nếu có chúng sinh thân, miệng, ý thực hành sự thanh tịnh, ấy là người tự suy nghĩ về mình.

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đúng thế, đúng như lời đại vương nói. Có các chúng sinh thân, miệng, ý không thanh tịnh, đó là họ không biết tự suy nghĩ về mình. Còn người từ thân, miệng, ý đều thanh tịnh là người biết tự suy nghĩ về mình. Vì sao? Đại vương nên biết, có các

chúng sinh không tự suy nghĩ về mình, đó là tự làm tổn giảm, sinh ra các pháp bất thiện. Có các chúng sinh thân, miệng, ý thực hành sự thanh tịnh thì tự vì mình. Vì sao? Vì người ấy tu hạnh thanh tịnh.

Lúc bấy giờ Tôn giả Mã Thanh liền nói bài kệ này:

*Người quen làm điều ác
Không nghĩ tội đời sau
Làm ác chịu tai ương
Hại thân mãi không thôi.*

Cho nên nói: hung dữ ngang ngược, chìm vào tội ác, ham làm điều ác, tội báo tự đến, sinh vào nơi nào cũng phải chịu quả báo xấu ác. Sinh vào địa ngục thì chịu khổ vô lượng do bị đánh bằng roi, bằng gậy. Sinh trong ngạ quỷ khổ vì ngu mê. Sinh trong súc sinh thì phải chịu khổ đèn tội. Nếu sinh lên làm người thì khổ vì thiếu giác quan. Cho nên nói: Ham làm điều ác, tội báo tự đến.



*Người làm việc ác
Không thể tự giác
Ngu si quá mạnh
Sau chịu khổ độc.*

Người làm việc ác, không thể tự giác: Phạm phu ngu mê thường có tâm mê lầm, buông lung làm việc ác, không chịu sửa đổi, cũng không biết qua kiếp sau phải chịu quả báo, cũng như có người

đi trên đường núi hiểm trở, hai bên là vực thẳm, chỉ nhắm mắt mà đi, nào biết gì đến nguy hiểm hoặc phải bỏ mạng. Kẻ phạm phu cũng lại như vậy. Người ta mù quáng không có hiểu biết, cũng không biết về sau phải chịu quả báo, cho nên nói: Người làm việc ác, không thể tự giác.

Ngu si quá mạnh, sau chịu khổ độc: Người hiểu biết có mắt sáng trông nhìn, giống như con đường đi duy nhất có hố lửa đang cháy. Có người đi qua đó nhưng không rõ đường. Người có mắt sáng bèn chỉ bảo cho người đi đường kia rằng: “Giữa đường có hố lửa to, ông không nên đi qua đó. Các anh nên ngừng lại đây, chớ nên đi nữa”. Những người này đã quyết chí nên không tin lời người có mắt sáng nên đều tiếp tục đi và đều rơi xuống hố lửa hết. Họ khổ đau dữ dội, kêu trời gọi đất, ăn năn không còn kịp nữa. Tự nói với nhau rằng: “Người hiểu biết đã dạy bảo nhưng chúng ta không chịu nghe lời. Nay chịu đọa khổ thế này biết trách ai đây?” Chúng sinh này sống điên đảo cũng như vậy. Người nào một mực đi tới sẽ bị người hiểu biết quả trách, ngăn cản không cho đi tới, e sẽ gặp nhiều gian nan, nhiều khổ sở. Nếu các anh vẫn bước tới, chắc chắn sẽ gặp tai nạn, không thể tránh khỏi. Cho nên nói: Ngu si quá mạnh, sau chịu khổ độc.



Người làm việc ác

Trở lại đốt mình
Khóc nước mắt tuôn
Đời sau chịu báo.

Người làm việc ác: Hoàn toàn là việc ác, bất thiện, không đáng nghĩ nhớ, không đáng vui, cho nên nói: Người làm việc ác.

Trở lại đốt mình: Nếu người biết sửa đổi, biết có sàu buồn khổ não, đêm ngày lo nghĩ đưa đến phiền não. Cho nên nói: Người làm việc ác, trở lại đốt mình.

Khóc nước mắt tuôn: Đêm ngày buồn khóc, đầu tóc rối bời, cất tiếng buồn khóc, cho nên nói: Khóc nước mắt tuôn.

Đời sau chịu báo: Chịu khổ vô lượng, không đáng yêu thích và lại có vô số sàu lo khổ não gian nan, trăm ngàn buồn tủi. Cho nên nói: Đời sau chịu báo.



Người lành làm đức
Một ngày thêm nhiều
Quyết tâm làm lành
Phước tự nhiên đến.

Người lành làm đức: Giống như có người thực hành đến nơi đến chốn thì được trời, người cung kính, khen ngợi công đức, đề cao việc thiện ấy. Khắp nơi đều nghe biết, vô số người đến cúng dường, cho nên nói: Người lành làm đức.

Ngày một thêm nhiều: Đêm ngày luôn có niềm vui, không chút sầu lo. Tâm ý hân hoan, không có gì bức bối, cho nên nói: Ngày một thêm nhiều.

Quyết tâm làm lành, phước tự nhiên đến: Nếu sinh lên cõi trời thì phước đức tự nhiên đến, trăm ức cung điện, năm màu đen vàng, vui sướng không cùng cực. Nếu sinh làm người thì hưởng năm thứ dục lạc, vui với đàn ca xướng hát. Tâm ý luôn hân hoan, thanh thoát, không khởi loạn tưởng, cho nên nói: Quyết tâm làm lành, phước tự nhiên đến.



*Cười đùa là ác
Thân cứ việc ấy
Kêu khóc thọ báo
Tùy việc tội đến.*

Cười đùa là ác nghĩa: Hành động thiện, ác đều có nặng nhẹ. Tội mà thân, miệng, ý gây ra không phải chỉ có một thứ. Hoặc chính mình cười đùa làm ác, gây phiền nhiễu cho chúng sinh, không được ở yên ổn. Hoặc dùng những thứ như gạch đá, dao gậy gây tổn thương cho nhau, hoặc hội họp nhau cãi lầy rồi đưa đến kiện thưa, giống như người đòi ưa chơi đá gà, đấu dê, chơi trâu, đấu lạc đà, người đấu, đấu voi, hoặc mắng chửi nhau. Thấy những chuyện ấy, người ta vui sướng không kể xiết, nếu lúc chết đi kêu khóc chịu khổ, cho nên nói: Cười đùa là ác, thân đã gây ra, kêu khóc thọ báo, tùy việc tội đến.



*Ác không báo ngay
Như vắt sữa bò
Tội rình trong tối
Như tro phủ lửa.*

Làm ác không đưa đến quả báo: Người làm ác không phải quả báo đến ngay. Ngày xưa, nước nọ có tục lệ kỳ lạ là khi sinh con, phải đặt nó vào máng cỏ. Nếu lấy cỏ đó để vào trong sữa, thì sữa liền thành lạc, không bị hư theo thời tiết, cho nên nói: Làm ác quả báo không đến ngay, như vắt sữa bò. Nếu không như thế thì nghĩa ấy như thế nào? Đáp rằng: Đối với kẻ ngu si thì bị phiền não thiêu đốt rồi mới tỉnh ngộ.

Tội rình trong tối, như tro phủ lửa: Giống như rắc tro lên than, người không biết, đi qua, dẫm lên đó, dần dần sức nóng truyền tới, mới biết là lửa đã phỏng chân, hạng chúng sinh này cũng lại như thế. Đang khi làm ác thì trong tâm vui sướng. Nếu chết rồi, thì đọa vào đường ác, hình phạt bằng năm thứ khổ độc, chừng ấy tự tỉnh, mới hay là tội đã đến, cho nên nói: Tội rình trong tối, như tro phủ lửa.



*Ác không báo ngay
Như gươm bén kia
Không nghĩ đời sau
Phải chịu báo ấy.*

Ác không báo ngay: Có người quen sống theo gốc rễ tội ác, khi sống được trăm tuổi thì họ y mình sống lâu và cho rằng mình không có tội gì. Họ bảo nhau rằng: “Người làm ác thì ai cũng nói là có tội, nhưng tôi làm ác thì lại sống lâu”.

Có những người hàng thịt, thợ săn sinh tâm phi báng rằng: “Sa-môn Cù-đàm không có đức hạnh chân thật, thích nói dối, hư vọng muôn điều. Cù-đàm dạy đệ tử rằng: Ai sát sinh, hại đến người vật thì sau khi chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu khổ vô lượng”. Bởi thế, nên Đức Thế Tôn nói bài kệ như vậy:

*Làm ác, ác trôi cột
Làm ác không tự biết
Cực ác, biết ác đến
Chịu cội nguồn của ác.*

Đã nghe Phật dạy như vậy, nhưng tên hàng thịt nọ vẫn không sửa đổi, cho nên nói: Ác không báo ngay, như vắt sữa bò, không nghĩ đời sau, phải chịu báo ấy. Khi báo đến cùng lúc với ngục tối, trước mặt mới biết là ác, lại phải trải qua các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên nói: Không nghĩ đời sau, phải chịu báo ấy.



*Như sắt sinh sét
Sét lại ăn sắt
Ác sinh từ tâm*

Trở lại hại thân.

Như sắt sinh sét: như thanh sắt mới và tấm gương trong sáng, hoàn toàn trong sạch không dính chút bụi nhơ. Nhưng người nọ đem sắt cất giấu không kỹ, hoặc chôn dưới đất hoặc để nơi ẩm thấp nên sinh rỉ sét. Đến nỗi vừa chạm đến là hư nát, không còn dùng vào việc gì được nữa. Giống như người mang dao bén, ai nấy kinh sợ, y luôn mang theo mình để phòng thân, không rời nó. Nhưng lúc đó, anh lại bỏ quên, cát không kỹ nên nó bị rỉ sét, chất sắt không còn, khi tìm lại được thì nó không còn giá trị gì, một khi đã bị rỉ sét thì không còn dùng nữa. Cho nên nói: Như sắt sinh sét, sét trở lại ăn sắt. Người tu hành cũng lại như thế. Vì bị tham dục che bít, không nghĩ đến tai ương khổ não đời sau, sống với bọn ác tri thức, không kết bạn với người lành. Vì lý do ấy mà tự phá hoại căn lành, không tu phạm hạnh, dâm dật bất tịnh, tự mình vùi lấp tai họa, chịu quả báo khổ đau. Cho nên nói: Ác sinh từ tâm, trở lại hại thân.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 12

Phẩm 11: Tín

*Của ý: Tín, tâm, giới
Pháp này, Thánh hiền khen
Đạo này minh trí nói
Như thế, sinh cõi trời.*

Của ý: tín, tâm, giới: Người ta sống ở đời có dòng họ trai, dòng họ gái, đó là của cải làm tin. Còn tâm quý, giới là tài sản của ý. Nó là của quý độc nhất của ức trăm ngàn chúng sinh, được mọi người tôn kính, chúng sinh vui theo, không thể lìa bỏ. Cho nên nói: Của ý: tín, tâm, giới.

Pháp này, Thánh hiền khen: Chư Phật, Thế Tôn và Bích-chi-phật đều hoàn thành mọi đức hạnh đến cùng cực, không còn thiếu sót điều gì. Được Hiền thánh khen ngợi, cho nên nói: Pháp này được Thánh hiền khen.

Đạo này minh trí nói: Người minh trí là bậc thông minh sáng suốt, có khả năng giảng nói đạo lý ấy, làm rõ được tôn chỉ quan trọng. Thế nào gọi là đạo? Đạo là gì? Đạo không có hình tướng, không

có âm thanh, tìm dấu tích vết cũng không thấy. Nơi mà người trí đi qua, thì người ngu không thể làm theo được, việc mà người thanh tịnh tu hành thì người uế trược không thể thực hành. Cho nên nói: Đạo này do bậc Trí nói.

Như thế sinh cõi trời: Người ta muốn cầu phước, sống trong sự vô vi, thì phải có tín, có tâm, học rộng, bố thí, trí tuệ, đều sinh lên cõi trời. Hoặc có người nghiêng nặng về lòng tin, nhờ lòng tin mà sinh lên cõi trời thì phước báo không rộng lớn. Hoặc có tâm hổ thẹn, nhờ hổ thẹn mà sinh lên cõi trời, hoặc nhờ giữ giới mà sinh lên cõi trời, hoặc nhờ học rộng mà sinh lên cõi trời, hoặc nhờ bố thí mà sinh lên cõi trời, hoặc nhờ trí tuệ mà sinh lên cõi trời. Phước báo ấy không rộng lớn, hưởng phước ít ỏi, không đáng kể. Hoặc có chúng sinh nhờ giữ giới mà sinh lên cõi trời thì chỉ sống với một Thiên nữ, một kỹ nhạc và bản thân là ba mà thôi. Hoặc có các trời, chư Thiên cùng dùng chung đồ đựng thức ăn. Hoặc có người nhờ giữ gìn một hạnh tu mà sinh lên cõi trời thì khi ăn lấy tay che miệng mà ăn. Còn như tu đầy đủ các hạnh mà sinh lên cõi trời thì khi ăn lấy tay cầm món ăn giơ lên giữa mọi người, không giấu giếm. Còn người giữ giới cầm đầy đủ, có tâm hổ thẹn, học rộng mà sinh lên cõi trời thì Ngọc nữ theo hầu nhiều không thể kể xiết, với cung điện bằng bảy chất báu, mọi điều mong muốn đều được như ý, ca hát, kỹ nhạc hết sức vui

sương. Cho nên nói: Như thế, sinh cõi trời.



*Ngu không tu hạnh trời
Cũng không khen bố thí
Tín thí giúp người lành
Từ đó sinh cõi trời.*

Ngu không tu hạnh trời: Họ keo kiệt, ganh ghét, ngờ vực, tính tình hẹp hòi, xấu xa, không có tâm bố thí, cũng không vun xới ruộng phước tốt cho đời sau. Hơn nữa, họ lại không hăng hái vun bồi gốc công đức. Cho nên nói: Người ngu không biết tu hạnh trời.

Cũng không khen bố thí: Người ngu si tự mình không bố thí, thấy ai bố thí thì nổi giận. Thích làm việc ác, không làm việc lành, gán gủi người ngu. Như đã nói là kẻ ngu không ưa bố thí, đó là điều tối kỵ đối với người hiểu biết. Người ngu thì lòng dạ cố chấp, tính tình ngang bướng, nên dù có bố thí cũng không làm cho tâm ý họ mở sáng ra. Người hiểu biết phân biệt rõ điều đó không quan trọng. Cho nên nói: Cũng không khen bố thí.

Tín thí giúp người lành: Người hiểu biết thực hành tài thí với ý chí mạnh mẽ, còn người tín thí thì hưởng phước không bằng người trí, vì họ mắc bệnh ganh tị, cho nên nói: Tín thí giúp người lành.

Từ đó sinh cõi trời: Nếu từ cõi người mà sinh lên cõi trời, làm vua độc nhất trên ấy, nếu sinh trở

lại nhân gian thì sinh vào nhà giàu sang tốt cùng. Từ đó đi đến cảnh Niết-bàn vắng lặng hoàn toàn, không còn các tai họa sinh, già, bệnh, chết, dứt hẳn phiền não, cũng không dính mắc đến sự dứt bỏ ấy, cho nên nói: Từ đó sinh cõi trời.



*Tín, chân nhân sống lâu
Nghĩ pháp, nơi sống yên
Người thật, ý cao thượng
Thọ trí, hiền trong thọ.*

Thuở nọ, Đức Phật ngự trong nước của quỷ A-la-tỳ. Lúc ấy, trong nước có một con quỷ hung bạo tên là A-la-bà. Nó thường ăn thịt người sống. Một ngày, nó ăn hết mấy mươi kẻ tội tở. Lúc ấy nhân dân trong nước quỷ này, nói với nhau:

– Chúng ta bị con quỷ này ăn thịt, thầy chết bừa bãi đó đây, còn sống không được mấy người. Chúng ta phải cầu xin con quỷ ấy là mỗi nhà theo thứ lớp mỗi ngày chỉ đưa đến một người cho nó ăn mà thôi. Có như vậy, chúng ta mới còn đường sống.

Lúc bấy giờ, như đã bàn tính, mọi người đều đã nói, ai nấy đều xin ân quỷ là một ngày đưa đến một người thôi. Trước hết là nộp bọn tội tở cho hết, rồi kẻ đó mới đến trẻ con.

Lúc đó, có ông trưởng giả Na-ru-la-phụ. Ông vốn hiếm muộn, nhưng một hôm sinh được một bé

traí. Dung mạo khôi ngô, ít có trên đời này. Mặt hồng như hoa đào, ai nhìn cũng không chán. Theo thứ lớp đúng ngày phải nộp bé trai này cho quỷ ăn thịt. Vị trưởng giả này có rất nhiều tài sản quý, voi ngựa bảy báu, không thể kể hết. Vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, thủy tinh, lưu ly. Bảo vật vô giá chứa đầy kho, đích thân Trưởng giả đi vào các hang cùng ngõ hẻm tìm mua kẻ tội tở, để nộp cho quỷ ăn thịt, nhưng ông không mua được.

Lúc ấy trưởng giả hướng về các vị thần trong trời đất, tự trở về nương tựa cầu xin thương xót: “Xin trời thần chớ nỡ bỏ con. Ngày nay, con chỉ sinh có một đứa con được thỏa mãn ước nguyện. Nhưng hôm nay theo thứ lớp phải nộp con mình cho quỷ ăn thịt”. Rồi ông lại hướng về phía xa quy mạng Như Lai Thế Tôn, xin Ngài xót thương, cứu khổ cứu nạn.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn với ba đạt, sáu thông biết rõ tâm trưởng giả đang nôn nóng buồn lo, không biết nương tựa vào ai. Ngài dùng thần lực mà đến nước của quỷ kia. Ngay lúc ấy quỷ A-la-bà nhóm họp các quỷ đến chỗ bốn vị vua. Lúc ấy, có quỷ Ha-đà-la nương hư không bay đến nước quỷ kia. Nhưng dù đã vận dụng hết sức mạnh, nó vẫn không bay đến đó được. Nó thầm nghĩ: “Kể ra với sức mạnh của ta, ta có thể dời đổi núi non, làm đảo lộn cả đất trời. Thần lực của ta đến đâu cũng không

có gì ngăn ngại, ta thường bay qua nơi đây cũng không có khó khăn gì, nhưng vì sao hôm nay lại có sự ngăn ngại như vậy.” Rồi nó liền từ trên không sà xuống nhà con quỷ ăn thịt người kia. Chợt thấy Thế Tôn với viên quang tỏa sáng, quỷ liền đến lạy dưới chân Ngài, đi quanh bên phải ba vòng rồi bỏ đi. Nó đến chỗ con quỷ kia đang nhóm họp các quỷ mà bảo quỷ A-la-bà rằng:

– Nay ông là bậc Hiền sĩ được nhiều lợi ích lớn lao. Vì sao? Vì Đại Sa-môn Cù-đàm đang ngự trong nước ông.

Nghe xong, quỷ này nổi giận phùng phùng, tâm nghĩ, miệng nói:

– Ta sẽ đi, không ở đây nữa, vì ta bị Sa-môn khinh thường

Và nói với quỷ Ha-đà-la:

– Bây giờ tôi phải trở về nhà chiến đấu với Sa-môn ấy. Nếu ta thắng thì không còn Sa-môn Cù-đàm, nếu thua thì ta sẽ chết, không ở trên đời nữa.

Quỷ A-la-bà kéo quân trở về nước mình. Về đến nơi, nó bảo Thế Tôn:

– Hãy ra mau, Sa-môn kia, không được ở đây nữa!

Đức Như Lai liền bước ra.

– Hãy vào, Sa-môn.

Đức Như Lai liền bước vào. Như vậy đến ba lần, Đức Thế Tôn bảo quỷ:

– Ta đã theo ý người ba lần bước ra, ba lần bước vào, còn sự tới lui, Ta không theo ý người. Quý nói với Thế Tôn:

– Nếu Sa-môn không bước ra, tôi sẽ hỏi về pháp nghĩa. Nếu Ngài không đáp được các pháp nghĩa ấy thì tôi đập vỡ bụng ông mà uống máu. Tôi sẽ làm cho máu ông trào ra theo các căn trên mặt. Rồi tôi sẽ trói tay ông, quăng xuống sông.

Đức Như Lai bảo quý:

– Ta chưa từng thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm thiên, Ma vương, các thánh, trời hoặc chẳng phải trời mà có thể đập vỡ bụng Ta và làm cho máu Ta trào ra từ các căn trên mặt. Nếu người muốn hỏi về pháp nghĩa thì giờ đây là lúc đúng, Ta sẽ giải thích cho người nghe từng pháp nghĩa một.

Quý liền dùng kệ hỏi Đức Thế Tôn:

Nghiệp người, gì trên hết?

Hành động nào đem vui?

Điều gì là xuất ly?

Thọ nào trên các thọ?

Đức Thế Tôn đáp bằng kệ:

Tín, chân nhân sống lâu

Nghĩ pháp, nơi sống yên

Người thật, ý cao thượng

Thọ trí, hiền trong thọ.

Lúc bấy giờ quý A-la-bà được nghe chân thật nghĩa ấy của Đức Phật chỉ dạy, tâm hồn được bùng

sáng ra, liền đến trước Như Lai, gieo năm vóc xuống đất tự quy mạng Như Lai:

– Hôm nay, con tự quy mạng dưới chân Đại Samôn, quy mạng Pháp, quy mạng Tỳ-kheo Tăng. Từ nay trở đi con không còn sát sinh, nguyện làm Ưu-bà-tắc.

Đức Thế Tôn bảo:

– Lành thay! Hiền sĩ, người hãy theo Như Lai mà vâng giữ năm giới, trong giáo pháp hiện tại người sẽ được vô lượng quả phúc.

Quỷ thưa với Đức Phật:

– Từ khi chịu thân quỷ đến nay, con thường ăn thịt người sống, không ăn máu thịt thây chết. Nếu con tu giữ năm giới, thì con sống như thế nào đây?

Đức Phật bảo quỷ:

– Từ đây, thẳng về phía Bắc, có vô lượng chúng sinh, ở nước ấy, có tục lạ là khi vua, các quan, cha mẹ bà con, ai chết thì họ dùng dao rạch mặt, hoặc rạch ngực, cánh tay cho máu chảy ra như suối, người hãy đến đó để ăn, sẽ không bị phạm giới và được bảo toàn mạng sống.

Quỷ liền thọ năm giới:

“Là Ưu-bà-tắc thì suốt đời không được giết hại, cũng không nghĩ đến giết hại và cũng không được dạy người khác giết hại. Nếu giữ được thì hãy trả lời: Giữ được.

“Là Ưu-bà-tắc thì suốt đời không được không

cho mà lấy, không được nghĩ không cho mà lấy, không được dạy người không cho mà lấy, nếu giữ được thì hãy trả lời: Giữ được.

“Là Ưu-bà-tắc suốt đời không được dâm dật với vợ người khác, không được dạy người khác dâm dật. Nếu giữ được thì hãy trả lời: Giữ được.

“Là Ưu-bà-tắc thì suốt đời không được nói dối, không được dạy người khác nói dối, làm cho đôi bên tranh chấp. Nếu giữ được thì hãy trả lời: Giữ được.

“Là Ưu-bà-tắc thì suốt đời không được uống rượu, không được nếm rượu, không được dạy người khác uống rượu. Nếu giữ được thì hãy trả lời: Giữ được.”

Lúc bấy giờ trưởng giả Na-ưu-la-phụ ở trong nước quỷ A-la-bà đích thân tắm rửa con tắm gội sạch sẽ, thay áo mới, đem đến nước quỷ giao cho quỷ tướng quân.

Lúc ấy quỷ kia nhận đứa bé rồi trao cho Đức Phật. Đức Phật nhận nó, rồi trao lại cho người cha. Bởi trao từ tay này qua tay khác, nên đứa đặt bé được tên là Bảo Thủ. Do nhân duyên về đứa bé, nên Đức Phật nói bài kệ:

*Tín, chân nhân sống lâu
Nghĩ pháp, nơi sống yên
Người thật, ý cao thượng
Thọ trí, hiền trong thọ.*

Trong khế kinh nói, Đức Phật bảo các Tỷ-kheo: “Nếu thấy bậc trưởng giả giàu sang, có nhiều tài sản vật quý bảy báu đầy đủ, không thiếu món gì, thì nên nghĩ đến gần gũi, nói chuyện luận đạo, nói về công đức bố thí, công đức giữ giới sinh lên cõi trời. Các hạnh ấy, thì lòng tin đứng đầu”. Cho nên nói: Tín, chân nhân sống lâu.

Nghĩ pháp, nơi sống yên: Người nhớ nghĩ đến pháp thì được vui sướng. Có hai thứ vui sướng là vui sướng thể tục và vui sướng nghĩa bậc nhất. Vui sướng thể tục thuộc về thế gian và cõi trời, còn vui sướng nghĩa bậc nhất là niềm vui của bậc Hiền thánh Tứ thiên. Người nhớ nghĩ đến pháp thì được hai thứ vui ấy, cho nên nói: Nghĩ pháp, nơi sống yên.

Người thật, ý cao thượng: Sự sống chết quay vòng mãi, giáp vòng thì trở lại từ đầu, chỉ có quý tín nghĩa là chân thật hơn hết. Nếu người nói dối thì liên sinh mỗi bất hòa trong bà con họ hàng, chết đọa vào địa ngục, với ngàn con trâu cày trên lưỡi họ. Rồi đọa vào ngạ quỷ, súc sinh chịu khổ não vô lượng. Nếu sinh lên làm người thì thường bị phỉ báng, lời nói không ai tin, cho nên nói: Người thật, ý cao thượng.

Thọ trí, hiền trong thọ: Được các quả chứng đối với thế gian không còn tức giận, bỏ hẳn tuổi thọ trong sự sống chết, tiến tới tuổi thọ của bậc Hiền thánh. Tuổi thọ của bậc Hiền thánh là tâm

thường dạo chơi trong trăm ngàn ý thiền. Có khả năng trả lời mọi thắc mắc của nhiều trình độ ngay. Cho nên nói: Thọ trí, hiển trong thọ.



*Nhờ lòng tin được đạo
Tự đến pháp, diệt độ
Khéo nghe, được trí tuệ
Thoát khỏi mọi trói buộc.*

Nhờ lòng tin được đạo: Bạc Thánh hiền có lòng tin không ngờ vực, không bao giờ rời Tam bảo, chỉ một lòng nhớ Phật, tu nghiệp La-hán. Dốc lòng nhớ nghĩ công đức mà Phật đã tu tập. Nếu ai có lòng tin hướng về một trăm vị Tu-đà-hoàn, hướng về một trăm vị Tu-đà-hàm, hướng về một trăm vị A-na-hàm cũng không bằng có lòng tin hướng về một vị A-la-hán, tin rằng vào các bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm đều được sinh lên cõi trời, còn tin vào bậc A-la-hán tức là tin vào con đường tắt dẫn đến Niết-bàn, cho nên nói: Nhờ lòng tin được đạo, tự đến pháp, diệt độ.

Khéo nghe được trí tuệ: Nhận lãnh lời dạy của thầy từ đầu đến cuối, nghiên cứu nghĩa vị, suy nghĩ nghĩa lý, không thể mất bản tể. Thuở xưa, có một thầy Tỳ-kheo tên là Bà-da-la, thích luyện tập những điều lạ kỳ, tìm kiếm những học thuật mầu nhiệm. Thọ pháp thầy, nghĩa lý chưa được bao nhiêu, học thuật của Tỳ-kheo chưa cùng tận pháp

của thầy. Một hôm, thầy ra ngoài gặp khách, uống rượu say rồi trở về nhà, vừa ngồi lên giường thì chân giường gãy ngay. Sợ thầy bị té, người học trò bèn lấy thân mình đỡ chiếc giường, suốt đêm cho đến trời sáng. Vị thầy hỏi đệ tử:

– Anh làm gì vậy?

Người đệ tử trả lời:

– Hôm qua, thầy uống rượu say về nhà, ngồi trên giường thì chân giường bị gãy, con bèn đỡ thân đỡ giường.

Cảm động về ý tốt của người đệ tử, vị thầy bèn nói:

– Bao nhiêu bí quyết của ta, ta sẽ dạy hết cho con, không hề tiếc rẻ.

Sau khi trao hết bí quyết rồi, vị thầy lại thử lòng người đệ tử lần nữa, bèn uống nước muối nóng và mửa ra đầy đất, rồi bảo người đệ tử ăn, lúc đệ tử sắp ăn thì thầy nắm lấy anh lại và bảo:

– Học thuật của con đã thành, được tốt đẹp, lợi ích.

Lúc ấy thầy Tỳ-kheo này mới nhớ lời dạy chân thành của Phật là: Khéo nghe được tuệ. Đáng tin thay lời nói ấy.

Thoát khỏi mọi trói buộc: Có khả năng dứt bỏ hết mọi trói buộc của bảy sự chín kết, thấu hiểu mười hai nhân duyên; hết hắc không còn sót, đã lìa bỏ hoàn toàn, cho nên nói: Thoát khỏi mọi trói

buộc.



*Lòng tin và giới
 Tâm tuệ giữ được
 Mạnh mẽ không sân
 Nhờ đó thoát khổ.*

Lòng tin và giới: Người tu hành giữ vững lòng tin và giới luật, tâm không loạn tưởng, đầy đủ hai nghiệp, thì được mọi người tôn kính. Là người nổi bật giữa mọi người, không ai sánh bằng, giống như vàng trắng sáng tỏ ngự giữa các vì sao. Nếu ai gần gũi với người tu tập có tâm dốc tin thì kẻ ấy sinh vào nơi nào cũng được nhiều tài sản quý, voi ngựa bảy báu không thiếu. Đó là kết quả của lòng tin không gì phá hư nổi. Lại nữa, nếu ai tu hành mà giữ giới không thiếu sót, có tâm tu tập đêm ngày chăm chỉ, như người mang gươm đi trên băng, giữ gìn giới cấm không hề thiếu sót thì ấy là người đứng đầu trong vô số chúng sinh. Sau khi chết sinh lên cõi trời hoặc nơi tốt đẹp, cho nên nói: Lòng tin và giới.

Tâm tuệ giữ được: Thân, miệng, ý không bị tổn thương, suy nghĩ chỉ quán, gom nhiếp tâm tán loạn. Đức Như Lai nói kệ ba nghiệp đầy đủ là: Ngồi ngay thẳng, nhất tâm; đọc tụng nhiều không nhàm mỏi; tùy việc khuyến tấn giúp đỡ. Đó là ba nghiệp đầy đủ. Lại có ba nghiệp là: Một là bố thí,

hai là trì giới, ba là tư duy.

Lòng tin thuộc về bố thí. Giữ giới là không sát sinh, định gồm thâm tư duy. Cho nên nói: Tâm tuệ giữ được.

Mạnh mẽ không sân: Người mạnh mẽ là người làm chủ được các căn, đã nhập vào cảnh giới của Hiền thánh, thù oán, giận dữ không bao giờ còn phát sinh, trong ngoài trong sạch sáng suốt như lưu ly cõi trời. Mọi việc phải làm đã làm xong, không còn tái sinh vào bào thai. Các trí đầy đủ, bên trong hoàn toàn thanh tịnh, bên ngoài giáo hóa không mệt mỏi, cho nên nói: Mạnh mẽ không sân.

Nhờ đó thoát khổ: Người có đủ các công đức như vậy là bậc hiếm có. Vì sao? Vì người ấy đã ra khỏi mọi trói buộc rồi. Dù cho chết đi, tiếng tốt cũng vang xa, cho nên nói: Nhờ đó thoát khổ.



Tin giúp giới thành

Sống bền của tuệ

Mãi mãi hành trì

Đâu cũng được cúng.

Tin khiến giới thành: Ai là người có đủ lòng tin và giới luật? Đáp rằng: Là bậc Hiền thánh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm. Kẻ phạm phước thì đã được lại mất. Vì sao? Ấy là bởi tham dục, giận dữ, ngu si gây ra, bởi theo sống với bạn xấu mà ra, bởi không sống với thầy lành mà ra. Từ đó mà mất hết thời

giờ, mất hết quả báo, mất hết thân mạng. Bạc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm thì không bị những thứ ấy chi phối. Dù cho ai giả làm thân Phật mà đến thử các vị ấy, hay làm bao nhiêu cách biến hóa đi nữa vẫn không làm cho tâm các vị ấy thay đổi, cũng không làm cho họ khuất phục.

Thuở xưa, trong thành Xá-vệ có vị trưởng giả tên là Tỏi Thắng, tài sản vật quý rất nhiều, voi ngựa, bảy báu tràn đầy kho tàng. Nhưng trưởng giả vốn là người keo kiệt, không chịu bố thí. Có người đến xin, ông không cho vào cổng. Người coi cổng phải coi ngó cửa ngõ cho thật chắc chắn, bảy lớp rào đều có bảy lớp cửa như thế. Vách đá cao chót vót để tránh chuột khoét. Ông dùng lồng sắt trùm kín căn nhà mình, vì sợ quạ bay vào phá. Không nuôi chó vì sợ hao thóc gạo.

Lúc bảy giờ Đức Phật bảo ngài A-nan:

– Ông hãy đến đó hàng phục trưởng giả Tỏi Thắng.

Vâng lời Phật dạy, ngài A-nan liền đáp y, ôm bát vào thành Xá-vệ, đến nhà trưởng giả, nói với trưởng giả:

– Đức Như Lai thường nói: Ai bố thí cho người nghèo thiếu thì được năm công đức, gồm có: Một là được sống lâu, hai là đẹp đẽ, ba là mạnh khỏe, bốn là vui vẻ, năm là ăn nói lưu loát. Nếu ai có bố thí sẽ được năm công đức ấy.

Ông trưởng giả suy nghĩ: “Ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm học rộng tài cao, kinh điển mà Ngài nói ra có đến tám vạn bốn ngàn ức voi chở cũng không hết. Hôm nay, vị đệ tử học rộng của Ngài đến nhà ta, ông này chỉ nói bố thí. Như vậy vị này tham đắm của cải, đó là hành động của kẻ ăn xin, không phải là bậc Hiền trí”. Rồi ngài A-nan rút ra các nghĩa kinh, kịp thời giảng nói thích hợp các căn cơ của trưởng giả, nhưng lòng ông trưởng giả nọ cứng như sắt đá không thể lay chuyển được. Ông bảo ngài A-nan:

– Sắp đến giờ Ngọ, ngài đã có nơi thọ thỉnh hay muốn khát thực?

Ngài A-nan đáp:

– Bây giờ tôi chỉ đi khát thực, không có nơi nào thỉnh.

Ông trưởng giả liền nói với ngài A-nan:

– Sắp tới giờ Ngọ rồi, ngài nên biết đúng lúc.

Ngài A-nan liền đứng dậy đi. Sau khi khát thực nơi nhà khác xong, ngài về đến chỗ Đức Thế Tôn, bạch Đức Thế Tôn rằng:

– Vị trưởng giả ấy keo kiệt cứ khư khư theo ý mình nên con không thể hàng phục được.

Sáng hôm sau, Đức Phật bảo ngài A-na-luật:

– Thầy hãy đến đó hàng phục vị trưởng giả keo kiệt nọ.

Vâng lời Phật dạy, ngài A-na-luật đi ngay đến

nhà trưởng giả và gặp trưởng giả, dần dần, ngài nói pháp nhiệm mầu cho trưởng giả nghe, rằng Đức Như Lai là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác thường nói rằng: Ai bố thí cho kẻ nghèo thiếu thì được phước đức vô lượng. Đời này và đời sau, tự nhiên giàu có. Trưởng giả lại nghĩ: “Ta nghe nói ngài A-na-luật từ bỏ dòng dõi sang giàu, xuất gia học đạo, thường nhận cúng dường năm trăm bát, nhưng không hề thỏa mãn. Nay lại đến nhà ta khuyên ta bố thí, thì ông này cũng là người đi xin ăn, không phải là hành động của bậc Hiền thánh”. Trưởng giả liền bảo ngài A-na-luật:

– Sắp đến giờ ngọ rồi xin ngài biết đã đúng lúc.

Ngài A-na-luật liền đứng dậy đi đến khát thực nơi nhà khác, rồi về đến chỗ Đức Thế Tôn, bạch Đức Thế Tôn:

– Vị trưởng giả keo kiệt ấy cứ khư khư theo ý mình nên con không thể hàng phục được.

Đức Phật lại bảo ngài Đại Ca-diếp:

– Thầy hãy đến hàng phục vị trưởng giả tham lam bòn xén kia.

Ngài Ca-diếp vâng lời Phật dạy đến nhà vị trưởng giả gặp ông ta, ngài lại nói pháp nhiệm mầu cho ông trưởng giả nghe rằng Đức Như Lai là Bạc Chí Chân Đăng Giác, thường nói rằng: Nếu ai bố thí cho kẻ nghèo thiếu thì sẽ được năm công đức, sinh ra nơi nào cũng được mọi người kính yêu.

Trưởng giả tự nghĩ: “Ông này xưa kia, lúc ở nhà có chín trăm chín mươi chín con trâu cày ruộng, có sáu mươi thùng đựng thóc bằng vàng, mỗi thùng chứa ba trăm bốn mươi hộc thóc, cưới người con gái đẹp nhất nước Kiềm-tỳ-la làm vợ, rồi bỏ cả sự sang giàu đi xuất gia làm Sa-môn, sao lại đến nhà người khác như kẻ ăn xin, nói những lời khen ngợi việc bố thí, tham đắm của cải”. Ngài Ca-diếp dùng nhiều cách nói pháp, nhưng tâm ông trưởng giả vẫn không khai mở, cũng không thay đổi, trưởng giả nói với ngài Ca-diếp:

– Bây giờ đã sắp tới giờ ngộ, ngài có chỗ thọ thỉnh hay muốn khát thực?

Ngài Ca-diếp nói:

– Tôi không có chỗ thọ thỉnh, chỉ đi khát thực.

Trưởng giả bảo ngài Ca-diếp:

– Bây giờ đã đúng lúc.

Ngài Ca-diếp liền đứng dậy, đi đến khát thực nơi nhà khác và trở về bạch với Đức Thế Tôn:

– Vị trưởng giả bòn xén ấy cứ khư khư không dễ gì phá nổi.

Đức Phật lại bảo ngài Mục-liên:

– Thầy hãy đến hàng phục vị trưởng giả tham lam bòn xén kia.

Vâng lời Phật dạy, ngài Mục-liên liền đến nhà vị trưởng giả kia gặp ông và nói việc bố thí, rằng Đức Như Lai là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác,

thường nói pháp là: Ai bố thí cho người nghèo thiếu thì được phước vô lượng. Đời này và đời sau tự nhiên giàu có. Phật bảo các Tỳ-kheo, nếu có chúng sinh biết được quả báo của việc bố thí cho đến nắm cơm cuối cùng trong bát cũng không ăn, tâm mở rộng bố thí là gieo giống ruộng phước của bậc Hiền thánh, ta chứng minh công đức vô lượng ấy. Trưởng giả tự nghĩ: “Ta nghe nói vị này thần thông vô ngại có khả năng dời cả núi non, làm đảo lộn đất trời, hoặc sáp nhập thế giới khác vào thế giới này, mà các loài chúng sinh không hề hay biết, vậy mà ông ta không thể hiện một phép thần thông cho ta coi, lại đi nói cái phước của việc bố thí. Đó là do tâm tham lam bòn xén còn ngủ ngầm trong lòng ông ta. Ông ta chỉ là người ăn xin không phải là bậc Hiền sĩ”. Ngài Mục-liên lại nói pháp, nhưng vẫn không làm cởi mở được tâm trưởng giả. Trưởng giả bảo ngài Mục-liên:

– Bây giờ đã sắp đến giờ Ngọ. Ngài có nhận lời mời hay chỉ đi khát thực? Phải coi chừng thời giờ.

Ngài Mục-liên liền đi khát thực nơi nhà khác.

Đức Phật lại bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Thầy hãy đến nhà vị trưởng giả tham lam bòn xén kia.

Ngài Xá-lợi-phất liền vâng lời đến nhà trưởng giả gặp ông, sau đó ngài an tọa và bảo trưởng giả:

– Hễ là người có hiểu biết thì phải phân biệt rõ

bốn pháp. Thế nào là bốn trí? Một là phân biệt việc bồ thí, hai là gần gũi thiện tri thức, ba là dứt bỏ bỏn xén ganh tị, bốn là nhớ nghĩ tu hành trí tuệ thông đạt.

Trưởng giả tự suy nghĩ: “Ta nghe vị này đã biện luận hơn mọi người khi mới lên tám tuổi, các vị lỗi lạc đều bị cậu ta chiết phục, không dám đương đầu. Lên mười sáu tuổi cậu ta đã học suốt hết sách vở trong cõi Diêm-phù này, không chuyện gì là không biết, thông suốt những việc xưa nay, giảng nói rành rẽ những điều sâu xa, thiên văn, địa lý, sách ký, đồ sấm, cả đến Phạm chí lịch thuật cũng đều thông đạt. Ông ta là người có trí tuệ bậc nhất trong các đệ tử của Cù-đàm, giảng nói thông suốt giáo pháp nhiệm màu bằng trí tuệ, thế mà nay lại đi nói công đức của việc bồ thí thì ông này cũng là hạng người đi xin ăn không phải là bậc Hiền sĩ.” Trưởng giả hỏi ngài Xá-lợi-phất là có nơi thọ thỉnh hay là muốn khát thực, nên biết đã đúng lúc. Ngài Xá-lợi-phất liền trở về chỗ Đức Thế Tôn, bạch Phật:

— Ông ta cứ khư khư với tâm tham lam bỏn xén, dù cho chất củi cao lên tới trời rồi châm lửa đốt thì tâm ý ông ta vẫn không thay đổi. Cúi mong Đức Thế Tôn đích thân năng lực hàng phục đến nhà trưởng giả ấy, hiện bày oai lực của Phật để dứt bỏ tâm bỏn xén, ngu muội của ông ta.

Lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian ngắn như

người lực sĩ co duỗi cánh tay, Đức Phật đã đến ngồi trong sân nhà ông trưởng giả. Trưởng giả Tối Thắng thấy Đức Phật đến bèn lạy dưới chân Đức Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy Đức Phật bảo trưởng giả:

– Người bồ thí được năm công đức lớn.

Trưởng giả hỏi Đức Phật:

– Vì sao bồ thí được năm công đức lớn?

Đức Phật đáp:

– Loại bồ thí thứ nhất là không sát sinh, đó là loại bồ thí thứ nhất của trưởng giả. Nếu có chúng sinh giữ giới không sát sinh thì đối với tất cả chúng sinh dùng tâm Từ bi che chở họ, cũng không làm họ lo sợ, đó gọi là loại đại thí thứ nhất. Trưởng giả tự nghĩ: “Con người ta sát sinh là do nghèo thiếu, nay ta trong nhà tiền của đầy dẫy, muốn gì có nấy thì còn sát sinh làm gì? Lời nói kia hay lắm, ta phải nghe theo lời dạy bảo ấy”. Nghĩ rồi, ông liền bạch Phật:

– Con nguyện tự quy y, thọ giới pháp của Phật, trọn đời không dám phạm giới sát.

Đức Phật lại bảo trưởng giả:

– Không phạm vào giới không cho mà lấy, nếu có chúng sinh nào giữ giới không cho mà lấy thì đối với tất cả chúng sinh đều dùng tâm Từ bi che chở họ, không làm cho họ lo sợ, đó gọi là loại đại thí thứ hai.

Trưởng giả tự nghĩ: “Trộm cắp tài vật của người ta là do nghèo thiếu mà nay nhà ta thì kho đụn tràn đầy, voi ngựa, bảy báu vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách thì ta trộm cắp tài vật của người khác làm gì? Lời nói kia hay lắm. Ta phải nghe theo lời dạy bảo ấy”. Nghĩ xong, ông liền bạch Phật:

– Con nguyện tự quy y, thọ giới pháp của Phật, trọn đời không dám phạm giới trộm.

Đức Phật lại bảo trưởng giả:

– Nếu có chúng sinh nào không phạm giới trộm thì đối với tất cả chúng sinh dùng tâm Từ bi che chở họ, không làm họ lo sợ, đó là loại đại thí thứ hai.

Đức Phật lại bảo trưởng giả:

– Không được dâm dật, ô phạm đến vợ con người khác. Nếu có chúng sinh nào giữ giới bất dâm này thì đối với tất cả chúng sinh nên dùng tâm Từ bi che chở cho họ, cũng không làm họ lo sợ, đó là loại bố thí thứ ba.

Trưởng giả suy nghĩ: “Người không có vợ mới phạm dâm dật, nay trong nhà ta đầy đầy thể nữ, nếu cần thì có hàng vạn, dù mong vui sướng cũng không thể hưởng hết, có đâu lại đi phạm vào vợ con kẻ khác, lời nói kia hay lắm, ta phải nghe theo lời dạy bảo ấy”. Nghĩ rồi, ông liền bạch Phật:

– Con nguyện tự quy y, thọ giới pháp của Phật,

trọn đời không phạm dâm dật.

Đức Phật lại bảo ông trưởng giả:

– Nếu có chúng sinh nào không phạm dâm dật thời đối với tất cả chúng sinh dùng tâm Từ bi che chở họ, cũng không làm họ lo sợ, đó là loại đại thí thứ ba.

Đức Phật lại bảo trưởng giả:

– Không nói dối là loại đại thí thứ tư.

Trưởng giả suy nghĩ: “Người ta ở đời sở dĩ nói dối là do nghèo thiếu không có khả năng tự nuôi sống, mới lấy sự luống dối gian trá làm nghề sống mới sinh ra nói dối, nay nhà ta tài sản chứa đầy vô số, dài đến cả ức dặm thì còn nói dối làm gì? Lời nói kia hay lắm, ta phải nghe theo lời dạy bảo ấy”. Nghĩ xong, ông liền bạch Phật:

– Con nguyện tự quy y, thọ nhận giới pháp của Phật. Trọn đời không phạm tội nói dối.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Không phạm nói dối thì đối với tất cả chúng sinh dùng tâm Từ bi che chở họ, cũng không làm họ lo sợ, đó là loại đại thí thứ tư.

Đức Phật lại bảo trưởng giả:

– Không được uống rượu, đó là loại đại thí thứ năm. Trưởng giả tự nghĩ: “Người ta uống rượu phạm ba mươi sáu lỗi, tan nhà nát cửa đều do rượu mà ra. Nếu ta uống rượu thì khách khứa lui tới ồn ào phiền phức, đã hao rượu ta lại sinh chuyện gây

gỗ. Lời nói kia hay lắm, ta phải nghe theo lời Phật dạy bảo”. Nghĩ xong, ông liền bạch Phật:

– Con nguyện tự quy y, thọ giới pháp của Phật, trọn đời không phạm uống rượu.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Nếu có chúng sinh nào không phạm uống rượu thì đối với tất cả chúng sinh dùng tâm Từ bi che chở họ, cũng không làm cho họ sợ. Đó là loại đại thí thứ năm.

Lúc ấy, trong tâm trưởng giả suy nghĩ: “Nhu ta là ngoại đạo dị học, bên trong thì cấm không được phạm, nhưng bên ngoài là đệ tử hầu thầy, vâng lời thầy dạy, dù ít hay nhiều, cũng phải có sự báo ân, cúng dường tài sản vật báu cho thầy cần dùng.” Rồi ông vào kho lựa những tấm dạ trắng không được đẹp định dâng lên cho Phật, nhưng những tấm dạ ông chọn được đều là loại rất tốt, ông cứ đổi hoài cả vài mươi lần vẫn không tìm được dạ xấu. Miệng và tâm trái nhau, tâm tham lam bòn xén không chịu mở ra. Ngay lúc ấy, A-tu-luân và các trời cõi trời Đao-lợi đánh nhau, hoặc A-tu-luân thắng trời thua, hoặc trời thắng A-tu-luân thua. Lúc bấy giờ Đức Phật dùng Thiên nhãn trong sạch không vết nhơ thấy các trời đánh nhau với A-tu-luân, lại thấy tâm bố thí và tâm bòn xén của trưởng giả giằng co nhau. Hoặc tâm bố thí thắng, tâm bòn xén thua, hoặc tâm bòn xén thắng, tâm bố thí thua, nên Thế

Tôn bèn nói bài kệ này:

*Thí và đấu ở chung
Việc ấy vắng trí tuệ
Lúc thí, tâm đấu thua
Mau thí vì sao nghĩ?*

Trưởng giả Tồi Thắng nghe Như Lai nói kệ, trong tâm sinh hổ thẹn, bèn dâng lên tám dạ trắng quỳ nhận sự chú nguyện. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lần lượt nói pháp nhiệm màu cho ông nghe, giảng luận về các việc tốt.

Sao gọi là luận? Là luận về việc bố thí, giữ giới, sinh lên cõi trời. Những ham muốn, tư tưởng bất tịnh, phiền não là tai họa lớn. Trưởng giả nghe xong, ngay chỗ ngồi, các trần cấu đều dứt hết, được mắt pháp thanh tịnh. Được pháp là đầy đủ tất cả pháp, phân biệt các pháp đối với pháp của Như Lai thì được vô sở úy (*không còn lo sợ*). Trưởng giả liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, trán lạy sát chân Đức Phật, bạch Phật:

– Con nguyện từ nay trở đi làm Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sinh.

Đức Như Lai im lặng chấp nhận trưởng giả quy mạng Phật, quy mạng Pháp, quy mạng Tỳ-kheo Tăng. Như Lai liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra đi.

Đức Phật đi không bao lâu thì ma Ba-tuần tặc ác hóa thành thân Phật, đến nhà ông trưởng giả, với

thân ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, màu vàng tử ma, viên quang chiếu bảy thước. Thấy vậy, trưởng giả thầm nghĩ: “Nhur Lai vừa đi sao trở lại mau thế.” Tâm tôn kính như thấy Phật nên trưởng giả đánh lễ. Không biết Nhur Lai đã dạy cho trưởng giả những gì, ông Phật giả bèn bảo:

– Ta thấy trưởng giả là bậc tài cao hiểu rộng, phân biệt được căn cơ thú hướng, nhưng xét kỹ trưởng giả là người ngu mê vô trí. Pháp Tứ đế ta vừa nói thật chẳng phải là chân đế, mà đó là pháp điên đảo mà ngoại đạo tu tập.

Nghe qua, trưởng giả biết ngay đó là lời giả dối nên ông liền nói:

– Thôi đi, ông chớ nói lời ấy, ta đã được mắt tuệ, đứng vững trên mặt đất vững chắc, dù ông có biến hóa ra ức ngàn muôn thân đến đây làm cho tâm ta lui sụt thì cũng không bao giờ được. Lửa sáng của con đom đóm đâu thể sánh nổi với ánh sáng mặt trời, gò nông nhà nông sao sánh nổi với núi Tu-di? Ó, quạ, le le, vịt nước, sao bay kịp chim đại bàng? Cái thân hình giả tạo, ô uế của ông giả làm nhà ảo thuật không nên ở đây lâu. Nếu là ma Ba-tuần ông nên biến đi ngay!

Ma Ba-tuần nghe vậy hồ thẹn cả người, bèn biến trở lại thân của nó, theo đường cũ ra đi. Vì thế, nếu có chúng sinh đầy đủ lòng tin và giới luật thì không bao giờ bị ma làm phá hại được, huống gì là

bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm mà lại lui sụt hay sao? Việc ấy không bao giờ có. Nếu còn là phàm phu, chưa có đạo lực, thấy huyễn thân này sẽ bị lui sụt, không thành tựu là vì phàm phu trước được sau đó lại đánh mất. Thế nên lời kệ trước nói: Lòng tin khiến cho giới được thành tựu. Cũng là đời sống của trí tuệ, có khả năng bố thí rất ráo, trong đó không hề có loạn tưởng.

Tu-đà-hoàn thấy để được tám mươi tám kết sử, nhờ tâm bố thí nên dứt bỏ hẳn không còn sót, trừ bảy lần chết, bảy lần tái sinh cõi Dục và một lần chết, một lần tái sinh cõi Sắc, Vô sắc, còn bao nhiêu lần tái sinh khác đều bị chấm dứt hẳn không còn sót. Bậc Tu-đà-hàm nhờ tâm bố thí nên thấy để, dứt trừ được tám mươi tám sử, dâm, nộ, si, mông dãn, trừ việc phải một lần sinh, một lần tử ở cõi Dục thì dứt hẳn không còn sinh đến chỗ nào khác nữa. A-na-hàm là bậc ở trong ba cõi thấy để dứt bỏ kết sử. Ở cõi Dục tư duy dứt bỏ kết sử, nhờ tâm bố thí nên dứt hẳn kết sử không còn sót, không còn sinh cõi Dục. Chỉ còn một lần sinh, một lần chết ở cõi Sắc, cõi Vô sắc, không còn sinh ở bất cứ nơi đâu nữa. Không còn tâm bồn xển, ganh tị, không còn nghĩ đến việc tham đắm sự vinh hoa thế gian. Đầy đủ mọi trí tuệ, sống lâu không chết yếu. Thế nên lời kệ trước, nói: Sống bền của tuệ.

Mãi mãi hành trì là sao? Người có trí tuệ lấy việc giáo hóa chúng sinh làm gốc, muốn thích ứng

khắp bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, nhất định có lợi ích, dấy lên Phật sự. Thế nên lời kệ nói: Mỗi mỗi hành trì.

Đâu cũng được cúng là sao? Là đến cảnh giới ấy thì được chúng sinh cúng dường, bất cứ nơi nào cũng được giáo hóa. Thế nên lời kệ nói: ở bất cứ nơi đâu cũng được cúng dường.



*So (với cõi khác, cõi) đây lợi thế
 Tuệ, tín là trí
 Tài sản quý nhất
 Gia sản vô thường*

So (cõi khác, cõi) đây lợi thế: Lợi thế nghĩ là thân người ở cõi Diêm-phù-lợi, vì sao? Vì ở cõi Diêm-phù-lợi này chư Phật Thế Tôn ra đời, Bích-chi-phật, La-hán, Thần tiên, người đắc đạo, hành đạo, hóa độ chúng sinh vô số. Người ở cõi này thân làm lành, miệng ý làm lành. Lại ở cõi này có đủ tín căn, biết có Phật, Pháp, Tăng, không còn ngu mê, đắm nhiễm trần lao cõi thế, sau khi chết không còn tai nạn gì. Cho nên nói: So (với cõi khác, cõi) này lợi thế.

Tuệ, tín là trí: Có lòng tin, có trí tuệ thì sẽ có đủ tám mươi ngàn hạnh. Lòng tin là gốc để chế ngự tâm, còn trí là anh lạc của thân. Lòng tin sẽ giúp giàu có, còn trí thì thành tựu quả chứng, cho nên nói tuệ, tín là trí.

(Là) tài sản quý nhất: Vật báu chân thật trong các vật báu, là vật báu của trí tuệ. Tốt đẹp nhất, cao quý nhất không gì vượt qua. Vi diệu tột cùng, không thể ví dụ so sánh.

Gia sản vô thường: Tài sản thế gian dù nhiều đến đâu đi nữa cũng có ngày tan biến. Ở trong thành Thạch thất có ba vị cư sĩ, vị thứ nhất tên là Xà-lợi, là người tánh tình kỳ dị, vị thứ hai tên là Bô-đà-mãn và vị thứ ba tên là Bà-ba-na. Ba vị này kết làm anh em. Họ có nhiều vật báu, tài sản vô số. Voi ngựa, bảy báu không hề thiếu thốn. Huyện quan, trộm cướp, lụt lội, hỏa hoạn, mọi tai biến không xâm hại được. Có một vị Bà-la-môn trì trai như rồng Y-la-bát, cầu mong giàu sang, có được nhiều tài sản của báu. Rồng hiện thân bảo vị Bà-la-môn ấy rằng:

– Nay ông siêng năng khổ hạnh, ăn gió uống sương, không ăn cơm gạo vị ngon mà ở nơi đây trì trai để cầu mong điều gì?

Bà-la-môn đáp:

– Tôi ở tại suối thần này và giữ Long trai là vì mong giàu to, được nhiều của báu.

Long vương bảo:

– Ông không nghe sao? Tôi có hai tên gọi: Một là Y-la-bát, hai là Tài vô yểm. Đã gọi là vô yểm (*không chán*) mà lại cầu điều gì nữa nơi tôi?

Bà-la-môn đáp:

– Nếu ngài không ban cho tôi món gì thì dù cho đến chết tôi cũng không về không.

Vua rồng liền lấy ra một khối vàng tử ma thật đẹp trao cho vị Bà-la-môn và bảo:

– Trong thành Thạch thất có vị trưởng lão giàu có, tên ấy họ ấy, từ Thiên Trúc đến. Ông nên đến nhà ông ta, đem món vàng này cùng ông ta cầu của cải.

Vị Bà-la-môn được vàng liền ra đi, đến nhà ông trưởng giả kia, đưa món vàng ấy cho trưởng giả xem. Khi thấy món vàng nọ, vị trưởng giả bảo giấu kín chớ để người khác thấy. Rồi ông vào nhà trong, mời các vị trong bà con họ hàng nói rằng:

– Món vàng này do người ở phương xa tặng cho tôi.

Những người bà con họ hàng bèn ăn uống vui chơi, cất vàng vào kho, nhưng các vật trong kho đều chìm hết xuống đất mà trở về trong kho của rồng kia. Không những cửa cải của hai nhà tả hữu bên cạnh mà cho đến cửa cải của bảy nhà liền nhau cũng đều chìm hết xuống đất. Sự việc ấy đồn khắp bên ngoài, ba vị cư sĩ kia lại nghe nói vua rồng cho Phạm chí vàng và đến thành Thạch thất, khiến kho tàng của bảy nhà giàu có đều chìm hết xuống đất mà trở về cung rồng. Lúc ấy ba vị cư sĩ nói với nhau rằng: “Ba chúng ta, cửa cải vô số, kho tàng tràn đầy, chúng ta có được tài sản ấy là nhờ làm ăn

chân chánh, không lừa gạt người khác, cho nên tài sản ấy không bao giờ bị nước lửa, trộm cướp, phép vua xâm đoạt được”. Người trong thành nghe nói vậy, cho họ là khoe khoang và làm trái luật pháp, nên họ cùng nhau kéo đến nhà ba vị này hỏi:

– Cửa cải của bảy nhà giàu kia đều chui xuống đất mà về cung rồng, nghe nói ba vị nói với nhau rằng: “Cửa cải tài sản của mình có được là do làm ăn chân chánh chứ không phải bởi lừa dối ai”. Vậy có bằng chứng gì đáng tin hay không?

Lúc ấy ba vị cư sĩ mỗi vị đều lấy ra mười cân chia làm sáu phần, trao cho dân chúng và bảy chủ nhà bị mất cửa, rồi đem đến suối rồng ném vàng xuống đó, thì nước bỗng sôi lên sùng sục như vạc nước sôi. Vua rồng kinh sợ liền sai Long nữ đem số vàng ấy trả lại, xin lỗi và khiến những người này trở về. Tiền của do làm ăn chân chánh mới được tồn tại, không bao giờ bị xâm đoạt bởi nước lửa, trộm cướp. Cửa phi nghĩa có được do lừa gạt người, đó là không đúng đạo lý, thì nó bị xâm đoạt bởi nước, lửa, trộm cướp, nhà vua. Bảy nhà kia nằm trong ý nghĩa đó. Cho nên nói: Gia sản là không thường còn (vô thường).



*Muốn thấy chân thật
Ưa nghe nói pháp
Dứt bỏ bỏn xẻn*

Ấy gọi lòng tin.

Muốn thấy chân thật: Nếu có lòng tin vững chắc, đến đánh lễ Thánh hiền, xây dựng tinh xá, tháp, chùa, lễ kính bậc pháp sư cao đức, thăm hỏi nghe lời chỉ dạy, ưa nghe nói pháp như trong kinh nói. Nếu có người dính mắc vào thú vui thế tục không thiếu thứ gì thì đã tạo cho mình năm điều thiếu sót. Năm điều đó là? Người này thích bàn luận việc gia đình, nếu vào trong chúng liền nghe thầy dạy bảo: Hễ người giữ hạnh thì phải giống như bậc Thánh hiền, người này im lặng hồi hận, thề không vào trong chúng, cho rằng những gì mà mình ưa thích thì bị mọi người quở trách, đối với mình không có ích gì, thì vào trong chúng làm chi. Do không vào trong chúng nên không được thấy Hiền thánh, do không thấy Hiền thánh nên không được nghe pháp, do không được nghe pháp nên bị đọa làm phàm phu, rơi vào ba đường ác, đó gọi là điều thiếu sót thứ nhất đối với luật pháp Hiền thánh.

Lại nữa, người này ý còn ham mê ái dục, vui chơi tự do, nếu vào trong chúng nghe các pháp sư nói pháp, đối với những cạn đục làm người này trong tâm hồi hận, thề không vào trong chúng, cho rằng những gì mà mình ưa thích bị mọi người quở trách, đối với mình vô ích, thì vào trong chúng làm gì. Do không vào trong chúng, nên không thấy Thánh hiền, do không thấy Thánh hiền, nên không

được nghe pháp, do không được nghe pháp nên bị đọa làm phàm phu, rơi vào ba đường ác, đó gọi là điều thiếu sót thứ hai đối với luật pháp Hiền thánh.

Lại nữa, người này biết người thân đi xa, tâm thường thương nhớ vào trong chúng, được nghe thầy dạy, đi xa có hại cho sự tu học, biết người thân mong chờ, xa thầy, xa chúng hội, không đến chỗ rớt ráo, người ấy tâm hồi hận thề không vào trong chúng, cho rằng những gì mà mình ưa thích thì bị mọi người chê bai, đối với mình vô ích, thì vào trong chúng làm gì. Do không vào trong chúng nên không thấy Thánh hiền, do không thấy Thánh hiền nên không được nghe pháp, do không được nghe pháp nên bị đọa làm phàm phu, rơi vào ba đường ác, đó gọi là điều thiếu sót thứ ba đối với luật pháp Thánh hiền.

Lại nữa, người này biết người thân của mình bị chúng Tăng tấn xuất vào trong chúng nghe thầy dạy bảo, bèn hồi hận chê trách người thân của mình. Người này tâm hồi hận, thề không vào trong chúng, cho rằng những gì mà mình ưa thích thì bị mọi người chê bai, đối với mình vô ích, thì vào trong chúng làm gì. Do không vào trong chúng, nên không thấy Thánh hiền, do không thấy Thánh hiền nên không được nghe pháp, do không được nghe pháp nên bị đọa làm phàm phu, rơi vào ba đường ác, đó gọi là điều thiếu sót thứ tư đối với luật pháp Thánh hiền.

Lại nữa, người này biết người thân mình sắp chết, cho nên buồn bã, thương yêu không dứt. Nếu vào trong chúng, nghe thầy dạy bảo là sau khi chết, thần thức lìa bỏ thì liền nhập thai. Người này không tin, cho là mất hẳn, sau đó sinh tâm hối hận, thì không vào trong chúng, cho rằng những gì mà mình ưa thích thì bị mọi người chê bai, đối với mình vô ích, thì vào trong chúng làm gì. Do không vào trong chúng, nên không thấy Thánh hiền, do không thấy Thánh hiền nên không được nghe pháp, vì không được nghe pháp nên bị đọa làm phàm phu, rơi vào ba đường ác, đó là điều thiếu sót thứ năm đối với luật pháp Thánh hiền.

Đó là năm điều thiếu sót do không vào trong đại chúng mà gây ra. Thế cho nên nói: Muốn thấy các điều chân thật, phải ưa nghe nói pháp.

Dứt bỏ bỏn xẻn: Trong các thứ dơ bẩn thì tâm bỏn xẻn là dơ bẩn nhất. Người có tâm ô nhiễm thì không thể đến với đạo. Bỏn xẻn, ganh tị ngăn trở tâm bồ thí của người, cắt đứt cội gốc các công đức. Nếu người tu hành, tâm nguội lạnh như tro than, giữ lòng bền chặt như đất, dù gặp tài sản vật báu, vẫn không bao giờ ham muốn, coi tài sản vật báu kia như gạch ngói không khác. Chỉ tin vào đạo, không theo thói điên đảo, cho nên nói: Dứt bỏ bỏn xẻn, ấy gọi lòng tin.



*Tin qua được sông
Phước ấy khó đoạt
Cấm ngăn được trộm
Sa-môn vui đồng.*

Tin qua được sông: Tâm dốc lòng tin thì không có gì cản trở nổi. Như người ta thường nói là: Đi gần, nếu đi xa thì thường bị người ta gạt gẫm. Tiến tới trước thì thật là gian nan, nhưng không sợ gì lời dối gạt. Người đã có lòng tin rồi thì cứ thế mà bước, dù có gặp gian nan vẫn lướt qua dễ dàng. Một người nọ có lòng tin thẳng thắn định qua bên kia sông, bèn hỏi người đi đường rằng:

– Sông này sâu hay cạn?

Đáp rằng:

– Chỉ tới mắt cá chân thôi.

Người này vững niềm tin, liền lội qua sông, thật y như lời người kia nói. Nhờ người này có lòng tin nên sau khi chết, sinh vào nơi nào cũng không trái lời. Người có lòng tin được mọi người tôn kính, cho là người phước đức, cho nên nói: lòng tin có khả năng đưa người ta qua bên kia sông.

Phước ấy khó đoạt: Xưa, có một người phạm vào luật pháp vua, gia sản tài vật đều bị sung vào của quan. Vua ra lệnh cho y phải giao nộp cho quan hết số bộ về tài sản. Người ấy lại đem nộp cho quan số bộ về phước đức. Vua hỏi anh ta:

– Ta ra lệnh cho ngươi nộp số bộ về gia sản!

Sao người lại nộp sổ bộ về phước đức làm gì?

Người kia thưa:

– Sổ bộ về gia sản đời sau của tôi, chính là sổ này. Còn sổ bộ gia sản đời này của tôi thì tùy bệ hạ ghi chép.

Nghe lời ấy, bỗng nhiên tâm ý vua bừng mở sáng ra, bèn đình chỉ, không ghi chép, cho nên nói: Phước ấy khó đoạt.

Cấm ngăn được trộm: Xưa, trong thành Xá-vệ, có một vị trưởng giả, dốc lòng kính tin Tam bảo, có tâm nhân từ, bố thí, che chở chúng sinh, cứu giúp kẻ nghèo thiếu. Một hôm, trời đổ mưa to, sấm sét vang rền, bọn cướp đến nhà ông cướp trộm tài vật, nhưng trưởng giả hay kịp, bảo chúng:

– Người chớ đem tài sản ta đi, vì ta muốn cúng dường Sa-môn.

Nghe lời ấy, tên cướp nháy mắt, ra ám hiệu cho đồng bọn đứng im, không được cử động cướp và tên đầu sổ bảo nhau rồi rút lui. Cho nên nói: Cấm ngăn được trộm, thầy Sa-môn sống an lạc nơi đồng vắng.



Sa-môn thường đến

Người trí an vui

Còn người dốc tin

Thì sinh hoan hỷ.

Sa-môn thường đến: Thấy bậc Sa-môn thì tâm

ý bùng mở sáng ra, cung cấp những gì vị ấy cần, thường hỏi han, cúng dường bốn thứ như y phục, thức ăn, giường nệm, đồ nằm, thuốc men trị bệnh, cho nên nói: Sa-môn thường đến, người trí được an vui.

Còn người dốc tin: Làng xóm bên cạnh, thấy người này làm việc phước đức, đều vui mừng, cùng nhau tu tập điều lành, cho nên nói: Còn người dốc tin.

Thì sinh hoan hỷ: hoặc có người từ xa mới tới, cùng phát tâm hoan hỷ, đích thân thờ phượng, cúng dường. Thầy Sa-môn luôn nhớ suy xét việc ra vào lui tới, với oai nghi lễ tiết, cho nên nói: Thì sinh luôn hoan hỷ.



*Nếu người lo nghĩ
Tham áo cơm người
Người ấy đêm ngày
Ý không yên định.*

Nếu người lo nghĩ: Khi xưa, Đức Phật chưa ra đời, lúc ấy chín mươi chín thứ ngoại đạo phát triển mạnh mẽ khắp nơi. Khi Như Lai ra đời thì mọi thứ tà đạo đều tự mất. Thấy các đệ tử theo Ngài đều được cúng dường, bọn ngoại đạo dị học sinh tâm ganh ghét cạnh tranh. Chúng thấy ai được lợi dưỡng thì bức dọc khổ não, phỉ báng rồi bỏ đi. Đó gọi là ngoại đạo sinh tâm ganh ghét.

Thỉnh thoảng có người, dù đã xuất gia sống trong giáo pháp, nhưng lại không tinh tấn siêng năng, bên ngoài thì giữ giới giống như ngoại đạo, bên trong thì thực hành những việc không thuần khiết, thấy ai được lợi dưỡng thì sinh tâm ganh ghét, bảo rằng ông cũng xuất gia, tôi cũng xuất gia, sao chỉ mình ông được phước, còn tôi thì lại không được. Như có hai vị La-hán nọ, công đức tu hành đầy đủ, không hơn kém nhau, nhưng một vị thì luôn được lợi dưỡng, còn vị kia thì đi khát thực từng nhà, nhưng vẫn không đủ ăn. Rồi vị này sinh tâm ngờ vực: “Vì sao chỉ mình ta, không được ai cúng dường? Sao thầy ấy lại được lợi dưỡng như thế?” Tâm đạo trong sạch mà còn khởi ý nghĩ như vậy, huống là phàm phu thì làm sao không sinh tâm ganh ghét? Chỉ khi nào thành Phật độ tôn trong ba cõi mới không bức tức vì bị hủy nhục. Người được cúng dường không lấy đó làm mừng mà giữ tâm như đất, không lúc nào thêm bớt, cho nên nói: Nếu người lo nghĩ, tham áo cơm của kẻ khác, người ấy suốt đêm ngày, ý không được yên định.



*Nếu người nhỏ sạch
Cội rễ lo nghĩ
Người ấy đêm ngày
Tâm được yên định.*

Nếu người nhỏ sạch: Sợ tội tương lai, không cho phát sinh duyên khổ kiếp sau, nhỏ hết cội gốc,

không còn cho sinh mầm mống cũng lại như vậy. Nếu cắt đứt được cội gốc của sự lo nghĩ thì suốt đêm ngày họ sống trong an ổn. Khi ý đã định, hễ tâm muốn đến đâu thì tùy ý liền được đến. Cho nên nói: Nếu người nhỏ sạch cội gốc lo nghĩ thì người ấy đêm ngày tâm được yên định.



*Không tin, không tu
Ưa bẻ lời ngay
Như múc nước dơ
Đào giếng nổi bùn.*

Không tin, không tu: Vừa không gần gũi, vừa không vâng lời, không nói chuyện qua lại dù cùng làm chung một công việc nào đó. Pháp lành giảm bớt, pháp ác gia tăng, vụng về như kẻ múc nước mà lên tận núi cao, luống nhọc công sức mà không múc được nước. Hay như đào giếng lấy nước, nhưng chỉ đào được mớ đất bùn, không uống được. Cho nên nói: Không có lòng tin, không tu tập, ưa bắt bẻ những lời ngay thẳng, như đi múc nước vụng về, như đào giếng chỉ được nước bùn.



*Hiền trau dôi trí
Ưa nhìn nước trong
Như khéo múc nước
Để yên không quấy.*

Hiền trau giới trí: Bậc hiền chỉ cho đệ tử Phật,

thường gần gũi thờ phụng, cúng dường Tam bảo, thường chiêm ngưỡng, không để thiếu khuyết thì được phước lớn. Người nào chưa đầy đủ giới thân thì có thể được đầy đủ giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát kiến tuệ thân. Như người yêu mến giáo pháp thì đêm ngày họ suy nghĩ, môi miệng khô khan, vẫn đeo đuổi mãi không lìa bỏ. Như nước trong veo mát lạnh không gợn đục, người tu hành cũng lại như vậy, có đầy đủ công đức Từ, Bi, Hỷ, Xả, nghĩ đến tất cả chúng sinh, rộng khắp, không tự vì mình, dứt sạch mọi kết sử, như đục, không sinh ám giới nhập, không còn cội rễ. Cảm nhận thân mát mẻ, không còn hơi ấm, cho nên nói: Bạc Hiên lo trau dồi trí tuệ, ưa nhìn dòng nước trong, như người khéo múc nước, nhớ để lắng yên, không quấy đục.



*Tin, không nhiễm khác
Chỉ Hiền và Nhân
Không tốt, tránh xa
Đúng tốt thì học.*

Tin, không nhiễm khác: Nhiễm là chìm sâu trong kết sử, dâm, nộ, si đầy đủ ăn sâu trong xương tủy. Kẻ ô nhiễm ấy nên tránh xa. Vì sao? Vì lỗi lầm do họ gây ra quá nặng, không đáng học tập, cho nên nói: có lòng tin, không nhiễm mọi thứ khác.

Chỉ Hiền và Nhân: Muốn được đạo tiên phải

lìa xa tám nghiệp thế gian. Người tu hành thanh tịnh, đối với thân mình không nhiễm, cũng không nhiễm mọi thứ khác. Vì sao? Vì gốc nhiễm không nên gần gũi. Cho nên nói: Chỉ Hiền và Nhân.

Không tốt, tránh xa: Nếu là bạn xấu thì nên tránh xa như tránh nhà xí, như tránh chó dữ, trâu điên chạy cuồng, như né tránh ngựa chướng, voi say cuồng, như tránh xa bọn gian manh, trộm cướp, cho nên nói: Thấy người không tốt liền tránh xa.

Đúng tốt thì học: Những người như thế đều là bậc Hiền thánh vâng giữ giới luật, đáng kính đáng quý, trời, người đều tôn trọng, như nước trong veo vừa mát vừa ngọt, như người khao khát muốn được gặp Tỳ-sa-môn, như được của quý báu, không còn lo lắng gì, như người hái bông phải đến vườn bông, người tìm trân báu phải ra biển cả, cho nên nói: Đúng là người tốt thì nên học theo.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 13

Phẩm 12: Sa-Môn

*Ngang dòng, qua bờ
Vô dục như Phạm
Biết hành đã hết
Được đức vô lượng.*

Ngang dòng, qua bờ: Dòng sông này là cội gốc của kết sử, chảy ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp giống như các dòng đều chảy ra biển. Kết sử của phàm phu cũng như vậy, chảy ra các trần lao: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người tu hành phải cầm gươm trí tuệ cắt đứt các kết sử, không còn chảy ra các kết sử trói buộc. Cho nên nói: Cắt ngang dòng kết sử, qua bờ bên kia.

Vô dục như Phạm: Suy nghĩ dứt bỏ hết mọi ái dục, giống như các Phạm chí đêm ngày tinh tấn siêng năng, thân thể khổ nhọc bên những xác chết nằm ngoài trời, ngày đêm nhón chân, kính thờ mặt trời, mặt trăng, mong cầu sinh lên cõi trời Phạm thiên, được phước trời kia, làm Phạm thiên cao cả tôn quý. Cho nên ngay đây, trong cõi đời này, họ

chuyên tâm nhất ý, suy nghĩ cắt bỏ hết ái dục, tu phạm hạnh, trong sạch, cho nên nói: Vô dục như Phạm.

Biết hành đã hết: Người không còn ái dục thì trong ngoài thanh tịnh. Tâm họ không còn bụi nhơ, cho nên nói: Biết mọi hành đã hết sạch.

Được đức vô lượng: Người như thế đó, được sự cúng dường vô lượng. Bồ thí cho tất cả hàng phàm phu không bằng bồ thí cho một vị Tu-đà-hoàn. Vì sao? Vì vị này sẽ dứt tất cả sinh tử, không còn sinh trong ba cõi. Bạc Tư-đà-hàm, A-na-hàm các hạnh đầy đủ, công đức vô lượng. Bồ thí cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, không bằng bồ thí cho một vị A-na-hàm, cho nên nói: Được phước đức vô lượng.



*Người trí lập hạnh
Tinh tấn chứng quả
Tu hành bê trễ
Lại thêm bụi nhơ.*

Người trí lập hạnh: Chẳng hạn tụng tập tinh tấn, nhập định, ngồi thiền, tụng kinh, làm công việc giúp cho đại chúng. Giữ tâm mạnh mẽ, không hề yếu đuối, đêm ngày chăm chỉ, không chút biếng nhác, cho nên nói: Người trí lập hạnh, tinh tấn chứng quả.

Tu hành bê trễ: Người phàm phu xuất gia thì

phải siêng năng, ngày đi kinh hành, đêm thiền định, thực hành theo lời Phật dạy là làm việc giúp đỡ đại chúng, lễ bái tháp miếu. Còn ai lười biếng, không siêng tu ba nghiệp, thì rớt trở lại phàm phu, không đến chỗ rốt ráo, cho nên nói: Tu hành bê trễ.

Lại thêm bụi nhơ: Người phàm phu tu hành không bền bỉ nên dâm, nộ, si thêm nhiều. Đã xuất gia học đạo, nhận của tín thí nhưng không chịu suy tư đạo đức, mà lại luận bàn đủ thứ chuyện vu vơ, làm những việc không chân chánh, không đọc tụng học tập lãnh thọ giáo pháp, cho nên nói: Lại thêm bụi nhơ.



Tu hành bê trễ

Đôi thiện và ác

Phạm hạnh bất tịnh

Không chứng quả lớn.

Tu hành bê trễ: Muốn xây dựng công trình gì thì trước phải nghiên cứu kỹ lưỡng, có vậy mới đạt kết quả, không bao giờ lui sụt giữa chừng. Nhưng người tu hành kia tâm ý thả trôi, không gắng sức nghiên cứu, cũng không chịu đọc tụng, tu tập nên không thành tựu. Không ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp đỡ chúng, cho nên nói: Tu hành bê trễ.

Đôi thiện và ác: Người ta muốn đạt kết quả cho việc làm dù thiện hay ác thì cũng phải lập chí. Ý muốn làm điều thiện thì sẽ thành điều thiện, còn ý

muốn làm điều ác thì sẽ thành điều ác. Tập quen nhiều thói như bắn thì kết sử sẽ theo mình. Còn tập quen nhiều đức tính thiện thì kết sử liền dứt mất. Có người tu khổ hạnh, đủ các oai nghi, lao thân khổ nhọc bên xác chết nằm ngoài trời, kính thờ mặt trời, mặt trăng, tự nướng mình bằng năm thứ lửa, nằm ngủ trên gai nhọn, không ăn uống, chỉ nuốt không khí. Hoặc có người ăn dưa trái để thành tựu ước nguyện, cho nên nói: Đối thiện và ác.

Phạm hạnh bất tịnh: Hoặc có người giữ giới để cầu mong phước trời, cầu sinh lên cõi trời Phạm thiên, hoặc cầu làm trời Đế Thích, Ma vương sáu cõi trời Dục. Hoặc có người giữ giới để được làm Thánh vương, Đế chủ trong bốn châu, cho nên nói: Phạm hạnh bất tịnh.

Không chứng quả lớn: Quả cao nhất trong các quả là giải thoát. Nó tốt cùng cao cả, không có gì sánh nổi. Nhưng chỉ được quả báo mà không được chứng quả. Cho nên nói: Không chứng quả lớn lao.

Thí như nắm cỏ dại, nếu cầm lơ lửng thì rách tay, Sa-môn không giữ giới cầm thì địa ngục ghi tên, chính mình thành kẻ cướp. Giống như người học thuật chiến đấu, phải biết thế cỡi ngựa, đánh xe, phi luân, ném dây, nhảy qua cầu, đều phải biết rành rẽ. Lại phải học cách làm ruộng tại gia, biết cách thu gom cát chứa lúa, biết coi hướng gió khi đốt đồng hoang. Khi cắt lúa phải biết cỏ cứng, mềm. Cỏ cứng thì phải nắm cho chắc, nắm lơ lửng

thì bị rách tay. Cỏ mềm mà có nắm lơ lửng cũng không bị rách tay. Cho nên nói như nắm cỏ dại, nắm lơ lửng thì rách tay. Sa-môn tu tập thì cũng lại như vậy. Không giữ giới vững chắc, trái phạm pháp cấm, hoặc tu hoặc bỏ. Nếu có người tu nhưng trước không học giới, nhập định là đường tắt để phân biệt trí tuệ sáng suốt, rồi thì hoặc hoàn toàn bỏ giới bản, hoặc đánh mất hết phân nửa. Tất cả đều do không làm theo thiện tri thức mà lại gần gũi bạn xấu, vì thế bị đọa vào địa ngục. Cho nên nói Sa-môn không giữ giới cấm thì ngục ghi tên, vì chính mình thành kẻ cướp.



*Như người nhỏ cỏ dại
Nắm chắc không rách tay
Sa-môn giữ giới cấm
Càng đến gần Niết-bàn.*

Như người nhỏ cỏ dại: Về cách học phải biết hết học thuật của thầy dạy, sáu nghề kỹ xảo cũng phải học cho đầy đủ, như khi chiến đấu thì phải đủ dụng cụ chiến đấu. Thân tâm an ổn, tay cầm cung tên, hễ bắn chỗ nào thì đều trúng đích. Nhỏ cỏ dại, cắt lúa, việc thu hoạch lúa thóc, cắt giữ cũng như vậy. Cho nên nói: Nắm chắc thì không rách tay, Sa-môn giữ giới cấm, ngày càng đến gần Niết-bàn. Sa-môn giữ giới vững chắc thì khó lay động như núi không ai lay động dời đi chỗ khác được, không bị ngoại đạo tà kiến phá hoại, đã lìa bạn xấu, mà

cùng thiện tri thức bền bỉ học theo họ, biết chỗ hướng đến Niết-bàn. Đó cũng là Sa-môn giữ giới cấm, dứt bỏ mọi phiền não, đạt được Niết-bàn.



*Khó hiểu, khó thấu
Sa-môn trí kém
Bị nhiều phiền nhiễu
Người ngu bị khổ.*

Khó hiểu, khó thấu: Học đạo để được thành Phật là khó. Xuất gia gặp được thầy chân chánh là khó. Học sự nghiệp Hiền thánh và pháp Vô thượng sâu kín thật là khó, cho nên nói: Khó hiểu, khó thấu suốt.

Sa-môn trí kém: Người thiếu trí tuệ không được làm Sa-môn, vì khi còn sống ở thế tục đã bị đắm nhiễm những việc không chân chánh, không thể lìa bỏ, hoặc nôi niu bếp núc, nhà cửa lung đột không thể bỏ được, hoặc cùng chuyện chăn gối bất tịnh không thể bỏ được, hoặc có vợ mù, tật nguyền, tiểu tụy không thể bỏ được, cho nên Đức Phật nói con ruồi khôn trốn vì lưới nhện, con chim khôn trốn vì lưới giăng, con voi khôn trốn vì khóa sắt cột cứng, ngựa chứng khôn trốn vì dây cương. Người học đạo biết suy xét những điều ấy rồi có khả năng bỏ hẳn gia nghiệp, bỏ cả vợ con, dứt trừ năm dục, xa lìa tám pháp, liền được hành đạo, không còn dính mắc phiền lụy thế gian.

Người kém trí tuệ như ruồi bay vào lưới, như chim mắc bẫy, muốn bay ra rất khó? Cho nên nói: Sa-môn trí kém.

Bị nhiều phiền nhiễu: Hoặc dùng tâm đạo với nhiều phương cách để khuyên bảo mọi người xuất gia học đạo, nhưng họ không chịu tin theo. Người có tâm như lá sen, không bị dính nước, không những khuyên họ xuất gia mà còn khuyên giữ tám giới quan trai, nhưng họ cũng không tin theo. Và, không những khuyên giữ tám giới quan trai mà còn khuyên trong khoảnh khắc nghĩ đến điều thiện thôi, nhưng họ cũng không nghe theo, huống gì là lìa bỏ gia đình đi học đạo, việc ấy không thể thực hiện được.

Như vua ân xá cho người ở tù được ra khỏi ngục mà về. Kẻ chán ngán cảnh sống ngục tù, vừa hay tin ấy, họ muốn ra ngay như ra khỏi nhà lửa đang cháy. Còn kẻ ngu thì quyến luyến cảnh ngục tù không muốn ra. Đức Như Lai xuất hiện trên cõi đời, Ngài mở rộng lòng xót thương khắp thế giới tam thiên đại thiên, cởi bỏ hết mọi sự ràng buộc vững chắc của thế tục, giúp mọi người lần hồi ra khỏi sự sống chết. Người trí là kẻ có mắt, vừa nghe nói có lòng từ ban rải là họ liền bỏ cả gia nghiệp, xuất gia học đạo ngay. Còn kẻ ngu si, thiếu phước, tâm không khai ngộ, đắm nhiễm phiền lụy thế gian, không chịu xuất gia, dù nghe có lòng từ ban rải nhưng họ cũng không cảm kích điều ấy chút nào.

Cho nên nói: Bị nhiều phiền nhiễu, người ngu bị khổ.



*Sa-môn làm việc gì
Buông ý không tự cấm
Mỗi bước thường dính mắc
Chỉ chạy theo tư tưởng.*

Sa-môn làm việc gì: Tu theo pháp Sa-môn là không khởi tâm vọng. Người ngu hiểu lầm, cho rằng Sa-môn phải làm việc gì. Đối với việc chấm dứt tâm vọng không thích xuất gia, cho nên nói: Sa-môn làm việc gì.

Buông ý không tự cấm: Phải tự kiềm chế, không để cho sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chi phối. Như người giữ ngựa non, không cho trâu ra ăn lúa phá hại, như móc sắt điều khiển voi. Tâm người cũng lại như thế, thường phải chế ngự, không cho sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp được dịp làm hại, cho nên nói: Buông ý không tự cấm.

Mỗi bước thường dính mắc: Người tu hành giữ tâm không chặt thì khác gì áo mỏng phát phơ theo chiều gió, hay như sợi lông tơ dễ bị gió thổi là bay. Một ý niệm khởi lên là bao nhiêu vọng tưởng tuôn trào theo muôn mối, bị ba tư tưởng kéo lôi, ba tư tưởng ấy là: Một là tư tưởng về tham dục, hai là tư tưởng về giận dữ, ba là tư tưởng bòn xén ganh ghét. Ba dòng tư tưởng này thật khó chế ngự, vì nó

đi không để lại dấu vết, nó đến cũng không hình bóng. Tư tưởng do tâm sai sử, muốn yên định thì thật là khó được. Cho nên nói: Mỗi bước thường dính mắc, chỉ chạy theo tư tưởng.



*Học khó, bỏ tội khó
Sống tại gia cũng khó
Sống chung hưởng lợi khó
Ra ba cõi gian nan.*

Tỳ-kheo đã xuất gia mà tâm thường đắm nhiễm thế tục, cứ nhớ lại gia nghiệp, không làm việc phước đức, có lúc tự nghĩ sinh tâm hối hận, vì sao xuất gia; tu pháp Sa-môn mà tâm còn lo buồn như người gặp tang. Con nai hoảng sợ bỏ chạy vì tính nó đa nghi, tâm như khỉ vượn. Tâm thầy Tỳ-kheo kia không yên định cũng giống như thế, chỉ nghĩ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sống trái giới luật, không còn đạo tâm, lại chỉ nghĩ những việc phiền lụy thế tục. Do đó tự tích chứa tội lỗi, không đến được nơi vắng lặng hoàn toàn. Cho nên nói: Học đạo đã khó, bỏ tội càng khó. Sống tại gia cũng khó.

Sống chung hưởng lợi khó: Như khế kinh có nói, Đức Phật dạy: “Tỳ-kheo sống nhờ ở quê người là khó, xin thức ăn người nghèo là khó, sống chung cùng hưởng quyền lợi là khó”. Ngày nay, nếu Tỳ-kheo các thầy đã trở thành người khát thực thì phải tự khiêm nhường, đừng kiêu căn theo người, dù

cho được món ngon hay dở chớ sinh lòng khen chê, cho nên nói: Sống chung cùng hưởng lợi dưỡng là khó.

Ra ba cõi gian nan: Trải qua cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, cõi súc sinh. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy xuất gia với mục đích là muốn thoát hẳn ba cõi, không còn sinh lại trong ba cõi nữa. Vì thế mới bỏ cả gia nghiệp, lìa hẳn vợ con là đều muốn dứt hẳn ba cõi, không muốn sinh lại ba cõi. Tỳ-kheo các thầy đã chứa nhóm nghiệp nhân ba cõi từ hồi nào cho đến giờ, chịu khổ vô lượng trải qua vô số kiếp, cho nên nói: Ra khỏi ba cõi là rất gian nan.



*Ca-sa khoác vai
Mà không bỏ ác
Làm mọi điều ác
Là rơi đường ác.*

Ca-sa khoác vai: Hoặc có người học đạo, bên ngoài mặc ca-sa mà trong tâm làm việc bất thiện. Thuở xưa, có rất nhiều thầy Tỳ-kheo sống nơi rừng núi, nơi ít ai lui tới. Trong khi đó, chốn xóm làng quận (huyện) là nơi đầy dẫy vô số. Trong số những vị ấy, có một thầy Tỳ-kheo rất ham thích thức ăn tương, thanh khiết. Thầy mặc ca-sa bằng thứ vải mịn tốt. Đêm ngày luận bàn, tâm không lìa tham dục. Lúc ấy, thần cây, thần núi quán sát biết

được tâm ý thầy Tỳ-kheo ấy sinh khởi ý tưởng tham dục, các vị thần này muốn ngăn cản điều ấy, nên hiện thân người mà nói bài tụng rằng:

*Sợ chết nên tâm sợ
Giả danh làm Sa-môn
Thân mặc ca-sa Tăng
Như trâu già đuôi dài.*

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nghe thần nói bài kệ xong, sinh tâm rất tức giận. Họ liền bảo các thần:

– Ông mắng chúng tôi là trâu già phải không?
Lúc ấy các thần đáp bằng bài kệ:

*Ta không hài tên họ
Cũng không lựa người nào
Ai là người uế hạnh
Là ta nói người ấy.*

Cho nên nói: Áo ca-sa khoác vai.

Mà không bỏ ác: Người tu hành làm đủ các thứ việc ác, không kiềm chế tham dục, không giữ gìn thân, miệng, ý, các giác quan không thanh tịnh, buông lung tự do, không biết thu nhiếp, cho nên nói: mà không bỏ ác.

Làm mọi điều ác: Đêm ngày siêng năng không biếng nhác đối với việc làm ác, như Đức Phật nói trong kinh Cù-đàm: Đức Phật bảo ngài A-nan: “Sau khi Ta Niết-bàn, ở đời vị lai có các Tỳ-kheo thuộc những dòng họ tên tuổi không tu tập, không giữ giới, lại làm các điều ác, thân mặc ca-sa mà

không biết tự kiềm chế.” Cho nên nói: Làm mọi điều ác.”

Là rơi đường ác: Người ác lấy ác tự trói mình, không thể lìa khỏi ác tử. Rồi sau rơi vào ba đường ác, cho nên nói: Là rơi đường ác.



*Người hoàn toàn phạm giới
Dây quần cây bị khô
Việc làm tự hại thân
Bị lửa giận đốt cháy.*

Người hoàn toàn phạm giới: Trong tâm không hề có mảy may giới luật, cũng không có pháp trong sạch, như trong kệ kinh nói: Đức Phật bảo ngài A-nan: “Ta không thấy Điều-đạt còn mảy may pháp trong sạch nào trong tâm. Nếu như trong tâm thầy ấy còn mảy may pháp lành thì Ta đã không báo trước rằng thầy ấy sẽ vào địa ngục.” Như có người bị té xuống hầm xí sâu không còn cựa quậy được nữa, có người thương xót muốn cứu sống cho y, ông này nhìn khắp coi thân y xem còn có chỗ nào sạch, không bị dính phân không và bảo: “Ta muốn kéo nhà người lên khỏi hố xí, nhưng khắp thân ông không có chỗ nào là không dính dơ, không còn chút chỗ sạch”. Tội lỗi của người phạm giới hoàn toàn cũng giống như vậy, cho nên nói: Người hoàn toàn phạm giới.

Dây quần cây bị khô: Như cây Tát-lô cành lá

tươi đẹp sum suê, bị dây leo quấn nên cây điều tàn, khô chết, cho nên nói: Dây quấn cây bị khô.

Việc làm tự hại thân: Tự rước họa để tự giết mình, bị mọi người ganh ghét, không khen ngợi công đức, cho nên nói: Việc làm tự hại thân.

Bị lửa giận đốt cháy: Núi Tuyết ở phía Bắc, có một giống cỏ tên là Y-la-xoa-thiên, khắp thân cây chỗ nào cũng chứa chất độc, theo gió thổi, nó nhả chất độc khiến cỏ cây đều chết hết. Còn dưới biển thì có con cá tên Tự Hại. Nó nằm dưới cỏ rậm ven bờ nước. Gió thổi, cỏ lay động chạm vào thân nó, nó tức giận, lửa giận đốt cháy làm thân thể phình lên, hai ba lần cỏ chạm vào mình thì nó chết. Cho nên nói: Bị lửa giận đốt cháy.



*Gọi là trưởng lão
Không do tuổi già
Thân gầy tóc bạc
Ngu xuân mà thôi.*

Gọi là trưởng lão, không do tuổi già: Hình hài lụ khụ vì tuổi trẻ qua rồi, không biết pháp cấm, cũng không biết đâu là pháp thiện pháp ác, tốt xấu để tiến tu, cũng lại không biết đâu là giới và đâu không phải giới, thế nào là phạm và thế nào là không phạm, không biết thế nào là nhẹ, thế nào là nặng, không biết rõ hai trăm năm mươi giới, oai nghi để tiến tu. Còn như thân hình cần cỗi, mặt

nhân, da dòn, giống như trâu già, voi già, dẫu đến tuổi già, chúng vẫn là ngu xuẩn mà thôi. Có thể nói rằng tuổi ăn khỏe, không phải tuổi trí tuệ. Không tụng kinh, luật, luận, không biết quán sát ba nghiệp, luống tự chịu khổ. Cho nên nói: Gọi là trưởng lão, không do tuổi già.

Thân gãy tóc bạc, ngu xuẩn mà thôi: Thân đã già khụ, mạng sống chỉ còn trong một sớm, một chiều, rồi sẽ đến chỗ vua Diêm-la. Bị vua Diêm-la hỏi, không thể nào đáp được, vì khi còn sống trên đời tâm ngu si đã tự trói mình nên không làm được việc lành nào. Sống lâu trên đời vô ích vì không biết quán sát ba nghiệp, cho nên nói: Thân gãy tóc bạc, chỉ là ngu xuẩn mà thôi.



*Xả bỏ tội, phước
Tịnh tu phạm hạnh
Trong sạch thanh khiết
Gọi là trưởng lão.*

Xả bỏ tội, phước: Phước là được sinh lên cõi trời, cõi người. Tội là đọa vào địa ngục, súc sinh. Nhưng người này đã cắt đứt hết tội phước, không còn sinh trở lại, đã nhổ tận gốc rễ tội phước, không gieo trồng nhân hậu hữu đời tương lai, cho nên nói: Xả bỏ tội, phước.

Tịnh tu phạm hạnh: Tám con đường của Hiền thánh cũng là phạm hạnh. Nương theo phạm hạnh

này mà đến nơi tốt đẹp, diệt hết nguồn gốc mọi đau khổ, cho nên nói: Tịnh tu phạm hạnh.

Trong sạch thanh khiết: Bậc trưởng lão ấy đã đầy đủ pháp già. Xưa, vua Ba-tư-nặc cai trị nhân dân, không được ngoại đạo gần xa kính phục, sáu vị giáo chủ ngoại đạo cùng nhau đến chỗ vua Ba-tư-nặc mà chất vấn rằng:

– Sa-môn Cù-đàm khoe khoang với đời, tự xưng rằng mình là người độc bộ bậc nhất, không có bạn bè. Vua hãy đến chỗ Sa-môn ấy và nói với ông ta rằng: “Này Sa-môn Cù-đàm, ông hãy xét lại coi mình đã chứng được đạo Vô thượng Đăng chánh giác hay chưa?” Nếu ông ta trả lời là đã thành Đăng chánh giác, thì đại vương hãy hỏi ông ta rằng: “Bất-lan Ca-diếp... là những vị đã xuất gia học đạo từ bé thơ, nay tuổi đã già, thân đã yếu đuối, tinh thần mệt mỏi thể mà còn chưa chứng được Phật đạo. Từ khi ông học đạo đến nay chưa được bao lâu, hai mươi chín tuổi mới xuất gia, tự nói rằng tu khổ hạnh sáu năm thì làm sao có thể chứng thành Đăng chánh giác được chứ?”

Lúc bấy giờ, vua Ba-tư-nặc vâng lời chỉ dạy của sáu vị giáo chủ ngoại đạo, ông bèn đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi Ngài, rồi ngồi sang một bên. Giây lát đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến trước Phật bạch:

– Sa-môn Cù-đàm hãy xét coi mình đã chứng được quả vị Đăng Chánh Giác hay chưa?

Đức Phật bảo vua:

– Như đại vương hỏi, thì Ta đã thành đạo Đẳng chánh giác rồi.

– Sáu vị giáo chủ ngoại đạo như Bất-lan... họ đã xuất gia học đạo từ bé thơ, đến nay thì tuổi họ đã cao, tinh thần mệt mỏi, nhưng vẫn chưa được đạo Vô thượng, huống nữa là Cù-đàm. Thuở nhỏ Ngài ở trong cung, tha hồ hưởng năm thứ dục lạc, không chịu đựng sự lạnh lẽo, cho đến khi hai mươi chín tuổi, Ngài mới xuất gia cầu đạo, rồi khoe khoang với mọi người rằng mình được đạo Vô thượng ư?

Đức Phật bảo vua:

– Trên đời này, có bốn việc mà ta không nên xem thường. Bốn điều ấy:

Một là con rắn độc khi giận dữ nổi lên, thì miệng phun nọc độc đốt cháy cả núi non đồng ruộng. Các loài chúng sinh hữu hình đều bị chất độc ấy làm hại. Đó là việc thứ nhất không nên xem thường.

Hai là đốm lửa nhỏ, cũng không nên xem thường, vì nó có khả năng đốt cháy muôn vật. Đó là việc thứ hai không nên xem thường.

Ba là thầy Tỳ-kheo tuổi trẻ, nhưng cũng không nên xem thường vì thầy ấy có thần túc tự tại, biến hóa phi thường, dùng trí tuệ khéo léo dạy dỗ mọi người cũng không cùng cực. Đó là việc thứ ba

không nên xem thường.

Bốn là vị thái tử dù tuổi còn nhỏ cũng không nên xem thường. Vì sao? Vì vị thái tử này có quyền sinh sát tự do, tùy ý truyền lệnh, ai cũng tuân theo. Đó là việc thứ tư không nên xem thường.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật dạy vui mừng hớn hờ, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, trán lạy sát chân Phật rồi ra về. Cho nên nói: Trong sạch thanh khiết, gọi là Trưởng lão.



*Gọi là Sa-môn
Đâu phải cạo tóc
Nói dối tham đắm
Tham dục như phàm.*

Gọi là Sa-môn, đâu phải cạo tóc: Lúc ấy Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyet-kỳ, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Nước Ma-kiệt-đà này được lợi ích tốt đẹp vì có Như Lai và chư đệ tử Hiền thánh vây quanh. Ở trong thành La-duyet-kỳ, thuộc phạm vi nước này, Ta đã nhập hạ ở đây chín mươi ngày. Lúc ấy, tiếng tăm vang khắp mười sáu nước lớn.

Nghe Như Lai khen ngợi như vậy, các đệ tử Hiền thánh và Tỳ-kheo Tăng cùng nhân dân cả nước càng thêm vui mừng, sinh tâm cung kính cúng dường y phục, thức ăn, giường nệm, đồ nằm, thuốc men trị bệnh. Trong khi đó, có vô lượng

chúng sinh tại gia nghèo thiếu, đêm ngày làm không đủ sống, thấy các Tỳ-kheo được cúng dường tự nhiên, các vị này chẳng những tự nuôi mình, lại khỏi phải nộp riêng cho quan. Với suy nghĩ như vậy nên mọi người cùng rủ nhau xuất gia học đạo. Trở thành Sa-môn rồi, họ không có khả năng tu hành theo giáo pháp, đọc tụng Kinh, Luật, A-tỳ-đàm, cũng không ngồi thiền, tụng kinh, làm việc giúp chúng, thọ dụng tín thí mà bàn luận những việc không cần thiết. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Lúc các thầy còn tại gia, không lo gia nghiệp, thiếu thốn y phục, thấy các Tỳ-kheo được cúng dường tự nhiên, các thầy thấy vậy tham đắm nên xuất gia học đạo. Hình tướng là Sa-môn, nhưng tâm như cọp đói. Các thầy có đạo đức gì làm tươi nhuận giáo pháp của Ta?

Lúc ấy, Như Lai liền nói bài kệ:

*Đời gọi thầy Sa-môn
Thầy cũng nói Sa-môn
Thân tuy là Sa-môn
Nhưng như hạc rình cá.*

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, nhận của tín thí, bảo rằng lẽ tự nhiên là như vậy, nhưng nhân quả báo ứng, một khi đã đến rồi thì có ức Phật cũng không cứu nổi. Trong số ấy, những người có căn tánh lạnh lợi, trí tuệ bén nhạy liền tự sửa đổi lỗi

lầm mà vâng lời dạy bảo của Như Lai. Còn những vị căn tánh chậm lụt thì không thể sửa đổi, tự rước họa vào mình. Cho nên nói: Gọi là Sa-môn, đâu phải cạo tóc.

Nói dối tham đắm, tham dục như phàm: Tỳ-kheo các thầy tương ưng với kẻ xấu, bỏ hẳn pháp lành thì thật không phải là Sa-môn. Các thầy tự xưng là Sa-môn, nhưng chỉ giống Sa-môn với pháp phục bên ngoài. Đức Như Lai lại nói bài kệ này:

*Như lìa mà không lìa
Ca-sa trừ, không trừ
Trì bát thật không trì
Chẳng tục, chẳng Sa-môn.
Mây đùn nhưng không mưa
Lúa tốt, không kết hạt
Tỳ-kheo lìa Tỳ-kheo
Như ngày đèn không sáng.*

Cho nên nói: Nói dối tham đắm, tham dục như phàm.



*Gọi là Sa-môn
Mở rộng chánh đạo
Dứt bỏ tâm vọng
Kết thọ không sinh.*

Gọi là Sa-môn: Thuở xưa, có một kẻ ngu tính tình du đãng, không phân biệt được phải quấy, tốt xấu, thấy mấy chục người đang khiêng xác chết ra

ngoài thành, lại thấy mọi người rải hương hoa lên xác chết. Sau đó, người ngu này về nhà nằm ngủ, trước đó y có treo một vò hoa tước kim trên xà nhà, bỗng nhiên lúc ấy, sợi dây bị đứt, hoa rơi vãi trên người. Y cất tiếng kêu người trong nhà đến bảo:

– Nay ta đã chết sao không khiêng đem đi bỏ.

Người nhà hỏi:

– Vì sao người nói rằng mình đã chết?

Y bảo:

– Các người không thấy hoa rải trên mình ta đó ư?

Người nhà đáp:

– Không thấy. Rải hoa lên người sao gọi là chết? Chết là không còn thở ra, thở vào kia chứ! Thân như cây khô, không còn cử động, không còn hơi ấm, thần thức đã đi rồi. Thân thể cứng đờ, không còn làm việc được nữa, như vậy mới gọi là chết. Tuy người nói là chết, chỉ là giống như chết, mà không phải chết thật.

Các Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Nay, Tỳ-kheo các thầy chỉ giống Tỳ-kheo, chứ không phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo chân thật thì phải oai nghi đầy đủ, thấy chút lỗi nhỏ cũng sinh tâm sợ sệt, huống gì là lỗi lớn? Các hạnh lành không thiếu, tâm chí chỉ hướng về ba con đường lớn là đường lên Phật, Bích-chi-phật và A-la-hán. Ai đầy đủ oai nghi giới

luật, như thế mới gọi là Sa-môn. Các thầy cạo râu tóc, tuy bên ngoài mặc ca-sa, nhưng bên trong gian dối, cho nên nói: Gọi là bậc Sa-môn, mở rộng Chánh đạo.

Dứt bỏ tâm vọng, kết thọ không sinh: Các pháp xấu ác đã hoàn toàn dứt hết, không còn phát sinh nữa. Thọ là phần căn bản trong các kết, gốc rễ đã nhổ hết thì cành lá cũng khô chết, cho nên nói: Dứt bỏ tâm vọng, kết sử thọ không còn phát sinh nữa.



*Dứt bỏ điều ác
Gọi là Sa-môn
Phạm chí dứt ác
Sa-môn giữ hạnh
Tự dứt cấu uế
Được gọi là đạo.*

Dứt bỏ điều ác, gọi là Sa-môn: Đã dứt bỏ điều ác như trong khế kinh nói: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Như người đời đều gọi các thầy là Sa-môn! Sa-môn”. Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy. Người ngu gọi chúng con là Sa-môn! Sa-môn”. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: “Nếu đúng như vậy, thì các thầy phải giữ hạnh Sa-môn, như Phạm chí giữ hạnh Phạm chí. Thế nên, Tỳ-kheo thực hành giống như Sa-môn, cũng như Phạm chí. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí việc làm

của họ đều thanh tịnh, ý nguyện điều gì, chắc chắn đúng như tâm nghĩ. Thế nào là pháp Sa-môn, Phạm chí? Pháp Sa-môn, Phạm chí là thân làm việc thanh tịnh, hoặc lại nghĩ như vậy: “Những việc phải làm ta đã làm xong”. Miệng, ý cũng lại như vậy, nhờ đó được dưỡng thọ. Đó gọi là pháp Sa-môn, Phạm chí (*chỗ khác nhau là*) Phạm chí dứt bỏ việc ác, còn Sa-môn giữ hạnh. Phạm chí tu hành thì đứng đầu là thái độ cống cao. Họ cậy vào nghề khéo của mình mà tự bảo nhau: “Bà-la-môn chúng ta được sinh ra từ miệng đấng Phạm thiên, dòng Sát-đế-lợi được sinh từ rún Phạm thiên, dòng Tỳ-xa được sinh ra từ hông Phạm thiên, dòng Thủ-đà-la được sinh từ gót chân Phạm thiên.” Vì cho rằng Phạm thiên là cha nên họ tự khoe khoang, kiêu ngạo, nghĩ rằng mình là bậc nhất.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Pháp Phạm chí thật ra không phải vậy! Người tu phạm hạnh là phải rốt ráo thanh tịnh, dứt bỏ pháp bất thiện. Nhưng nay các Phạm chí rước họa vào thân. Họ chứa nuôi vợ con, trai gái đầy nhà, hạnh của họ không thuần khiết, vậy mà họ lại tự xưng: “Ta sinh ra từ miệng Phạm thiên”. Cho nên nói: Phạm chí dứt ác, Sa-môn giữ hạnh.

Tự dứt cấu uế, được gọi là đạo: Tỳ-kheo tu hành tự dứt sạch mọi ô uế của mình, các pháp ác, bất thiện đều dứt hẳn không còn sót, dạo chơi trong tám phẩm đạo của bậc Thánh hiền. Cho nên nói:

Tự trừ cầu uế, được gọi là đạo. Cầu uế có ba phẩm là: Thượng, trung, hạ. Ba phẩm lại chia thành chín bậc: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ thượng, hạ trung, hạ hạ. Các lớp kết sử ấy làm nhuộm dơ tâm người, phải dứt bỏ hết, tu hạnh thanh tịnh. Hoặc có Phạm chí sinh tâm tà kiến, ý họ bảo rằng bên trong không có nhơ bần, mà nhơ bần ấy đến từ bên ngoài. Hoặc có Phạm chí lợi xuống sông, hoặc xuống ao Tam hoa, hoặc lợi xuống suối của loài người, chẳng phải loài người để tắm gội, rửa sạch hết mọi nhơ bần bên ngoài, nhưng không thể nào dứt bỏ được tâm trói buộc. Đức Thế Tôn dạy rằng: “Nếu người tu phạm hạnh muốn rốt ráo thanh tịnh, dứt bỏ bụi nhơ thì phải giữ chắc trí tuệ bình đẳng Vô thượng mới dứt bỏ được cầu uế kia. Vì sao? Vì bụi nhơ bên ngoài thân là cái mà con người không thích. Dùng nghĩa bậc nhất để dứt bỏ cầu uế thì được các trời, loài người tôn kính. Bụi nhơ ở nhân gian đã làm cho con người rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bụi nhơ ở nhân gian, dù được xông ướp bởi hoa hương, vẫn phát sinh lại như cũ. Còn người đã dứt bỏ hết kết sử, xông ướp bằng hương thơm của giới, mùi thơm ấy thơm mãi, không đâu là không ngửi thấy”. Cho nên nói: Tự dứt cầu uế, được gọi là đạo.



Phẩm 13: Đạo (Phần 1)

*Tám đường chánh rất thẳng
Tứ đế là dấu pháp
Đạo này gọi Vô vi
Dùng đèn diệt tối ái.*

Tám đường chánh rất thẳng: Sao gọi là chánh thẳng? Tứ đế là căn cứ ở nghĩa. Gọi là bốn, vì căn cứ vào nhân quả nên gọi là bốn, vì y cứ vào Tự nên có bốn. Nếu vì ý nghĩa thì nên gọi là ba thay vì bốn. Đã ghi là Khổ thì không có Tập, đã ghi rằng Tập thì không có Khổ. Đó gọi là: 1. Tận, 2. Đạo, 3. Khổ. Duyên quả là bốn, nữa đó là năm. Từ khổ có duyên (nhân) cũng như duyên mới có quả. Đạo cũng như thế, Tận Đế là năm. Nếu y cứ Tự là bốn, thì thành Tám. Trước hết đoạn khổ ở cõi Dục, sau mới đến cõi Sắc, Vô sắc là hai. Cho đến Đạo cũng như thế.

Thành lập nghĩa này lại còn có thuyết khác cho rằng: Nếu từ nghĩa duyên quả thì gọi là năm. Khổ cũng vừa do duyên cũng vừa do quả, khi nó hết thì gọi là dấu khổ, dấu vết của hữu lậu, dấu vết của tham, dấu vết của bợn xén.

Có người vấn nạn rằng: Đạo cũng có duyên, có quả, đều gọi là dấu vết của khổ, cũng gọi là dấu vết của hữu lậu, cũng gọi là dấu vết của bợn xén, vì sao? Ở đây không lập hai đế?

Đáp rằng: Vì muốn ngăn dứt lối lập luận trên,

nên cũng có nhân duyên. Đối với Khổ, Tập kia sinh ra hai luận, vừa không có Khổ, vừa không có Tập. Vì muốn ngăn dứt hai luận này, nên nói có Khổ, có Tập.

Đạo: Có duyên, có quả thì sinh ra lập luận cho rằng: Không có đạo. Để ngăn dứt lối lập luận này, nên nói có Đạo. Thế nên nói có Tứ đế, mà chẳng phải ngũ đế.

Lại có thuyết y cứ vào Tự, nên lập luận này, nói có tám. Đáp rằng: Y cứ vào một tướng của nghĩa Tự thì khổ ở cõi Dục, khổ ở cõi Sắc, Vô sắc đều tự rồi. Hành duyên của cõi Dục, hành duyên của cõi Sắc, Vô sắc thì sau khi nhóm họp thì phát sinh ra tướng. Hành uẩn của cõi Dục đã hết, hành uẩn của cõi Sắc và Vô sắc đã hết, sau khi nhóm họp thì gọi là tướng hưu tức (chấm dứt). Hành đôi của cõi Dục, hành đôi của cõi Sắc, Vô sắc đã hết, sau khi nhóm họp thì gọi là tướng Xuất yếu. Vì thế nên gọi là Tứ đế.

Như người có trí tuệ quán sát biết có phiền lụy hay không phiền lụy, suy nghĩ biết được chỗ xuất ly. Cho nên nói Tứ đế là dấu vết của pháp (pháp tích). Đạo này gọi vô vi Niết-bàn an ổn, vô vi, dứt hết các phiền não, các khổ đều không còn, cho nên nói: Đạo này gọi Vô vi.

Dùng đèn diệt tối ái: Ái hữu cũng có ba thứ là: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Tâm ái bền chắc ấy

trời buộc người có tâm ái, sinh ra các loạn tướng, nhiều thứ khổ não, làm sao cắt đứt? Đáp: Tám con đường của Hiền thánh cắt đứt hẳn, không cho tái sinh, cho nên nói: Dùng đèn diệt tối ái.



*Tuệ là vực thăm
Như gió thổi mây
Đã diệt mọi tướng
Đó là tuệ kiến.*

Tuệ là vực thăm: không phải là có một số vực thăm ghi trong bản đồ. Có chỗ nói phong trần, nói sông sâu. Trần (bụi) làm như thân thể con người, bất kể là già trẻ. Nó khiến người ta không nhìn thấy được vết bẩn dính trên áo. Trên thì che khuất mặt trời, mặt trăng, không thấy ánh sáng, nó làm trở ngại khiến cho người không thể nhìn xa, không phân biệt được thật giả.

Bây giờ vua rồng xót thương kẻ thế gian ngu mê, muốn cho họ thoát khỏi các nạn ấy, bèn rưới xuống một cơn mưa phùn với gió mát thoảng qua quét sạch hết bụi hồng trần, phá tan hết lớp sương mù u ám cho vàng thái dương xuất hiện, cho nên nói: Có trí tuệ là vực thăm, như gió thổi tan mây. Người giữ hạnh ấy chuyên tinh nhất tâm trần tướng bên trong. Có ba thứ tướng là: tướng tham dục, tướng giận dữ, tướng ngu si. Ba thứ tướng này cũng không bị bụi trần làm phát sinh loạn niệm,

làm bại hoại trí tuệ, không tới chỗ rốt ráo. Nó che mắt trí tuệ, không thấy được Tứ đế, làm nhuốm bản pháp thân, khiến không được sáng suốt. Ché ngự được tâm ý, không sinh các tưởng nghĩ, cho nên nói nó đã diệt mọi tưởng, đó là tuệ kiến.



Trí làm thế lâu

Điềm nhiên vô vi

Trí nhận chánh giáo

Hết sinh, già, chết.

Trí làm thế lâu: Là trên hết, là nhiệm mầu, cũng gọi là ba nghĩa. Ba nghĩa: Một là nghĩa sự, hai là nghĩa kiến, ba là nghĩa duyên, cũng gọi là nghĩa thủ, nghĩa nhãn, nghĩa đạo, nghĩa giác, nghĩa Hiền thánh xuất ly, dùng trí tuệ này soi khắp các pháp, giống như vật bên ngoài được soi sáng, vật bên ngoài là mặt trời, mặt trăng, các sao, y phục, cung điện.

Gọi là nhập một thế giới, nhập một nhập, nhập một âm, nhập một đạo, nhập một thế giới là cõi Sắc. Nhập một nhập là sắc nhập. Nhập một âm là sắc âm. Nhập một đạo là đạo hiện tại. Dùng ánh sáng trí tuệ này soi chiếu mười tám giới, hai mươi nhập, năm âm. Và trí tuệ này còn soi khắp cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, làm cho được nhiều lợi ích, được nhiều thành tựu. Cho nên nói: Trí tuệ làm cho thế gian được lâu dài.

Điềm nhiên vô vi: Nương trí tuệ này mà thoát khỏi sinh tử, khéo phân biệt được, không còn do dự. Hơn nữa, còn phân biệt được Tứ đế, không có ngờ vực, cho nên nói (*đưa đến vui*) điềm nhiên vô vi.

Trí nhận chánh giáo, hết sinh, già, chết: Sở dĩ chịu khổ là do có sinh, nếu không sinh thì đâu có khổ? Như mô đất là mục tiêu cho bao mũi tên thi nhau bắn vào, thân này đắm nhiễm các khổ cũng như thế, cho nên nói: Trí nhận được chánh giáo, không còn sinh, già, bệnh, chết nữa.



*Đạo là tám đường thẳng
Bốn câu Thánh để trên
Pháp vô dục tối thượng
Mắt sáng Nhị Túc Tôn.*

Đạo là tám đường thẳng: Ngoại đạo dị học muốn học đạo bằng cách không ăn cơm gạo cho đó là tịnh hạnh, hoặc nằm trên tro, phân, không trang sức thân thể, hoặc khóa thân không che đậy, hoặc nằm trên chông gai, gỏi đầu trên đá cho rướm máu, hoặc bện tóc làm áo, hoặc xem cây lá để bói toán, chú thuật, hoặc thờ nước, lửa, trời, trăng, các sao, hoặc lên núi cao, hoặc xuống dưới sông sâu rồi cho rằng mình đã thành đạo.

Đức Thế Tôn dạy:

– Đó không phải là đạo chân chánh, không phải

là chỗ chí yếu, không phải là điều mà thiện tri thức tu tập. Đạo ấy không có gì hay, không phải là đạo mà Hiền thánh học tu tập.

Đối với các đạo như thế, thì tám phẩm đạo của Thánh hiền là cao cả hơn hết. Cho nên nói: Đạo là tám đường thẳng.

Bốn câu Thánh đế trên: Giống như có rất nhiều ngoại đạo dị học đều tu theo vọng đế, ngày đêm tu khổ hạnh ở nơi thanh vắng, hoặc thờ chim trọc đầu, chim kiêu (cú dữ) cú tai mèo trên núi, hoặc thờ mễn, nai, chó, gà, rắn rít, cho đó là chân thật, được đến cảnh diệt độ, vô vi, vô tác, được đến Niết-bàn, được đến cửa giải thoát, lìa hẳn lo buồn khổ não. Đức Thế Tôn nói: “Đó không phải là đạo chân thật, không phải là chỗ chí yếu. Chân thật đế chính là pháp Tứ đế, được đến chỗ vô vi, dứt hết các phiền não.” Cho nên nói: Bốn câu Thánh đế là trên hết.

Pháp vô dục tối thượng: Như khế kinh nói: “Có ba việc là bậc nhất trên hết: một là Phật, hai là Pháp, ba là Thánh chúng. Gọi là pháp thì có pháp hữu vi, pháp vô vi. Ái nhiễm hết không còn tham dục, dứt hết phiền não là Niết-bàn. Pháp chân thật là cao quý hơn hết, không còn pháp nào hơn”. Cho nên nói: Pháp vô dục tối thượng.

Mắt sáng Nhị Túc Tôn: Có các chúng sinh không chân, hai chân, bốn chân và nhiều chân, có

sắc, không sắc, có tướng, không tướng, cho đến chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng, trong số ấy thì Đức Như Lai là Bạc Tội Tôn, Tội Thượng, không còn ai hơn. Cho nên nói: Mắt sáng Nhị Túc Tôn.



*Tất cả hành vô thường
Trí tuệ mới quán thấy
Nếu giác ngộ khổ này
Hành đạo sạch dấu vết.*

Tất cả hành vô thường: Thay đổi không dừng, không thể nương cậy, như ánh chớp qua mắt, như đập đá thấy xệt lửa rồi tắt ngay, cho nên nói: Tất cả hành vô thường.

Trí tuệ mới quán thấy: Biết tất cả hành pháp đều là ô uế hữu lậu, không phải chân thật, là pháp bị hoại diệt, đều trở về với sự tiêu diệt mất hết, cho nên nói: Trí tuệ mới quán thấy.

Nếu giác ngộ khổ này: Chán ngán nỗi khổ này, không có ý ưa thích nó, nhớ nghĩ cầu giải thoát, là bỏ hẳn tham dục, cho nên nói: Nếu giác ngộ khổ này.

Hành đạo sạch dấu vết: Thường nhớ nghĩ sự tu trì Chánh đạo Vô thượng, điều mà thấy để dứt trừ được, có công năng làm sạch hết mọi dấu vết, cho nên nói: Hành đạo sạch dấu vết.



*Tất cả hành là khổ
Trí tuệ mới quán thấy
Nếu giác ngộ khổ này
Hành đạo sạch dấu vết.*

Tất cả hành là khổ: Từ cõi Dục lên đến Hữu đỉnh, đó là mé khổ. Ở cõi Dục thì mong ra khỏi nạn khổ. Ở cõi Sắc thì thường bị khổ biến dịch. Ở cõi Vô sắc thì bị khổ thọ hành. Thế nên Đức Thế Tôn nói:

– Sinh tử lấy lòng, tất cả đều là khổ, trôi lăn trong năm đường, không thoát khỏi khổ ấy. Ai là kẻ thích sống trong các khổ ấy?

Cho nên nói: Tất cả hành là khổ.

Trí tuệ mới quán thấy: Người học rộng biết nhiều việc xưa nay, thấy rõ ba đời như nhìn hạt châu trong lòng bàn tay, đều được rõ ràng, cho nên nói: Trí tuệ mới quán thấy.

Nếu giác ngộ khổ này: Vì biết khổ này cho nên muốn dứt bỏ. Ý thường nhàm chán, không muốn chung sống với nó, cho nên nói: Nếu giác ngộ khổ này.

Hành đạo sạch dấu vết: Chỉ có đạo Thánh hiền mới có khả năng làm sạch hết dấu vết khổ đau, cho nên nói: Hành đạo sạch dấu vết.



*Tất cả hành là không
Trí tuệ mới quán thấy*

*Nếu giác ngộ khổ này
Hành đạo sạch dấu vết.*

Tất cả hành là không: Các hành pháp đều thay đổi, không thể nương cậy. Nó không đứng yên, sinh liền diệt, trôi chảy không dừng nghỉ. Khổ, không, vô ngã, đều không có tự tánh, tự nó như vậy cũng không phải không như vậy, cho nên nói: Tất cả hành là không.

Trí tuệ mới quán thấy: Như người nhìn xuống mặt nước sạch thì thấy bóng hình mình một cách rõ ràng. Người tu hành cũng lại như vậy, quán sát các hành pháp sinh ra rồi diệt mất, không có gì trở ngại, cho nên nói: Trí tuệ mới quán thấy.

Nếu giác ngộ khổ này: Như từ lúc bắt đầu, chứa nhóm nhiều công hạnh cho đến khi thành đạo, trong thời gian ấy, trải qua gian khổ mà không tự biết. Bị khổ làm mê lầm nên không đến được chỗ rốt cùng. Như ngày nay ta được thành thân người, được gặp Phật ra đời và các Hiền thánh. Ngày nay mới tự giác biết thân năm ấm lấy lòng mãi mãi đắm nhiễm, chẳng phải chân thật. Như ngày nay ta quán sát thân năm uẩn lấy lòng là chỗ nhóm họp bao khổ lụy, cho nên nói: Nếu giác ngộ khổ này.

Hành đạo sạch dấu vết: Dùng trí chưa biết khổ để diệt hết dấu vết, đến chỗ trong sạch rốt ráo, không chút bợn nhơ. Dứt hết cội gốc các khổ, để được thanh tịnh hoàn toàn, cho nên nói: Hành đạo

sạch dầu vết.



*Tất cả hành vô ngã
Trí tuệ mới quán thấy
Nếu giác ngộ khổ này
Hành đạo sạch dầu vết.*

Tất cả hành vô ngã: Vì không còn tham dục, không còn tạo tác nên tất cả hành pháp đều vô ngã. Vì không có gì bền chắc nên tất cả đều vô ngã, vì không có tự do cho nên tất cả pháp đều vô ngã, cho nên nói: Tất cả hành vô ngã.

Trí tuệ mới quán thấy: Đối tượng mà trí tuệ quán sát là pháp ba mươi bảy phẩm đạo. Khi soi gương thì người ta thấy rõ hình bóng mình trong ấy, không có gì trở ngại. Ở đây cũng giống như thế, dùng trí tuệ quán sát thì đều thấy rõ ràng, cho nên nói: Trí tuệ mới quán thấy.

Nếu giác ngộ khổ này: Người tu hành mãi sống trong tối tăm, bị thân năm âm lấy lòng này lừa gạt, chấp là ta có, ta là chỗ kia. Nếu quán sát chân thật thì sinh nhàm chán, mong muốn xa lìa, được giải thoát, cho nên nói: Nếu giác ngộ khổ này.

Hành đạo sạch dầu vết: An trụ trong mười lăm tâm, dùng đạo do kiến đế có được để dứt bỏ vô thường, vô ngã, khổ, không, hết sạch không còn sót chút nào. Bởi bốn hành này từ khổ mà sinh ra khổ đế. Khổ đã biết được dứt bỏ bởi trí chưa biết

khô, cho nên nói: Hành đạo sạch dấu vết.



*Ta đã nói đạo
Dùng tên yêu bản
Phải tự gắng sức
Vâng lời Như Lai.*

Ta đã nói đạo: Hoặc có chúng sinh buông lung biếng nhác, họ tự nói với nhau rằng: “Nếu thân lực Như Lai được tự tại thì tại sao Ngài không giúp chúng ta sớm chứng được đạo quả? Hơn nữa, Ngài đích thân không chấp nhận hình thể của ngã trong đạo”. Như Khế kinh nói: Có vị Phạm chí lạ đến chỗ Thế Tôn hỏi nghĩa này bằng bài kệ như sau:

*Tôi thấy trời, đời người
Phạm chí hành thanh tịnh
Nay tôi lại quay về
Xin giải thích tôi hiểu.*

Bài kệ này có ý nghĩa gì? Đáp rằng Phạm chí kia là người bẩm sinh đần độn, lười biếng, ngoan cố, nhưng lại muốn Sa-môn Cù-đàm nói đạo cho mình nghe để sớm đạt được đạo quả như Ngài, khiến cho mọi kết sử trong bản thân ông chóng được dứt bỏ hoàn toàn. Đức Thế Tôn đáp bằng bài kệ như sau:

*Ta không giải thoát ông
Phạm chí đời tịnh hạnh
Muốn cầu đạo nhiệm mầu*

Như thế được qua dòng.

Bài kệ này có nghĩa gì? Đáp rằng: Phạm chí đã muốn cầu đạo thì phải tự mình, không nhờ người khác mà được, nếu nhờ người khác mà được thì Ta ngồi dưới gốc cây, khả năng diệt trừ mọi các kết sử của tất cả chúng sinh. Ta dùng tâm Đại từ che chở chúng sinh. Phạm chí nên biết rằng: Nếu không biết gốc bệnh mà cho làm thuốc, nhưng lại muốn lành bệnh thì không bao giờ có việc ấy. Ở đây, cũng như vậy, không tu đạo mà mong được quả báo, diệt trừ kết sử, thì việc ấy không bao giờ có. Như vị thầy thuốc giỏi xét kỹ gốc bệnh rồi mới bốc thuốc. Có vậy, người bệnh mới khỏi bệnh, không bao giờ sai lầm. Ở đây cũng như vậy, dùng đạo Hiền thánh quán xét gốc bệnh mà bốc thuốc, thì kết sử trong thân mới được dứt hẳn.

Có Tỳ-kheo trong tâm tự nghĩ: “Đức Như Lai xuất hiện ở đời, dùng tâm Đại từ đại bi che chở khắp chúng sinh thì ta đâu cần phải tự thân hành đạo cho cực nhọc, trong khi ta bị kết sử bức hại, không thể giải thoát được? Nếu Như Lai ban rải tâm Từ bi cho tất cả, thì chính Ngài sẽ giảng nói đạo lý cho ta, vì sao Ngài lại không diệt trừ kết sử cho riêng mỗi mình ta?”.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm thầy Tỳ-kheo kia, cho nên Ngài nói: Ta đã nói đạo.

Dùng tên yêu bản: Ta đã biết trước sau này sẽ

nói với người rằng: Như vị thầy thuốc giỏi kia, trước hết phải học phương thuốc, xét kỹ gốc bệnh, không sai sót chút nào, sau đó mới bốc thuốc. Ở đây cũng thế, trước chứng đạo quả, biết kết sử của mình đã dứt hẳn, không còn sót, rồi sau đó mới nói về bệnh kết sử từng món một cho người nghe, là bốc thuốc đạo, không bao giờ bị trần lao che kín nữa. Ta đã bắn mũi tên bén nhọn vô thượng vào mục tiêu kết sử kia. Cho nên nói: Dùng tên yêu bắn.

Phải tự gắng sức: Người giảng đạo nói đạo cho người nghe nhắm hướng thẳng tới chứ không theo sự tà vạy rồi cho rằng thành đạo là dễ, mà được quả chứng. Như Lai Thế Tôn cũng như thế, nói đạo cho người nghe một cách vô hình, vô vi, không tạo tác, là Niết-bàn an ổn, dứt hết các phiền não, nói ra đúng với giáo pháp, cũng không luống dối, như cha thương con, thường xuyên chăm sóc, nuôi dạy, chọn chỗ ráo, bỏ chỗ ẩm ướt, lại cho những thức ngon ngọt, nhưng các con lại buông lung, không nghe lời cha dạy bảo, tham đắm năm thứ dục lạc, không theo chánh giáo. Như Lai Thế Tôn cũng như thế, giảng nói sâu rộng pháp cam lộ cho chúng sinh nghe, lại dùng nhiều phương cách tạm thời khéo léo nói lại các pháp nhiệm mầu, nhưng chúng sinh không chịu nhận lãnh. Cho nên nói: Phải tự mình gắng sức, vâng theo lời dạy của Như Lai.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 14

Phẩm 13: Đạo (Phần 2)

*Ta đã nói đạo
Nhỏ gai ái cứng
Phải tự gắng sức
Vâng lời Như Lai.*

Lời dạy của Như Lai không bao giờ lặp lại, hễ Ngài nói ra điều gì là thành giáo pháp. Ngài cũng không nói lại những gì đã nói, giọng điệu khoan thai, không bao giờ vội vã hấp tấp. Pháp được giảng nói luôn theo đúng với nghĩa. Xem phẩm Thọ Hóa Ứng Vấn trong quyển Xuất Diệu ở trước, có đoạn rằng: “Pháp nào nhất định đến hóa độ? Là pháp đã nói, đang nói, thường xuyên bày hiện”. Cho nên nói: Ta đã nói đạo.

Nhỏ gai ái cứng: Ái chính là một chứng bệnh làm cho người ta rơi vào đường ác, không thể nương cậy vào nó. Qua đó, ta phải tự chế ngự mình bằng phương pháp Chỉ Quán, không khởi tâm tham ái. Cũng như mũi tên tẩm thuốc độc cắm vào ngực người, không nhổ ra được, mũi tên tham ái

này cũng giống như vậy, nó cắm vào thức tâm con người, không thể nhổ ra được. Cho nên nói: Nhổ gai ái cứng.

Phải tự gắng sức: Thường nghĩ đến sự tinh tấn, tìm cách thức khéo léo, chí hướng đến Vô thượng, không bao giờ hối tiếc nửa chừng, cũng không lui sụt, cho nên nói: Phải tự gắng sức.

Vâng lời Như Lai: Những lời dạy mà Như Lai nói ra, thì thượng, trung, hạ, đều tốt lành, nghĩa lý rất sâu xa, đầy đủ các công đức, tu được phạm hạnh, cho nên nói: Vâng lời Như Lai.



*Đạo này không còn sót,
Thanh tịnh do thấy đế
Hướng đến dứt các khổ
Làm tan rã ma binh.*

Đạo này không còn sót (chút hữu lậu nào): Kinh Trường A-hàm chép: Bảy Đức Phật Như Lai Đẳng Chánh Giác cũng nói dòng dõi, tên họ của cha mẹ bảy đời, tuổi thọ sống lâu hay ngắn ngủi, đệ tử nhiều hay ít, thần túc, trí tuệ khi còn trong bụng mẹ.

– Đức Tỳ-bà-thi Như Lai, Bạc Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, con người sống lâu tám muôn tuổi, Ngài sinh từ dòng Bà-la-môn, lược nói pháp yếu. Thị giả là Vô Ưu. Lúc nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Nhẫn nhục là bậc nhất”,

nói rộng như trong kinh.

– Thức Khí Như Lai, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ngài sinh vào dòng Bà-la-môn, con người sống lâu bảy muôn tuổi, nói lược pháp yếu. Thị giả tên Cát Tường Hạnh. Khi nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Mắt không nhìn”, có nói rộng như trong kinh.

– Đức Tỳ-xá-bà Như Lai, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ngài sinh vào dòng Sát-đế-lợi, con người sống lâu sáu muôn tuổi, nói lược pháp yếu. Thị giả tên Hưu Tức. Khi nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Không hại cũng không giết”, có nói rộng như trong kinh.

– Đức Câu-lưu Tôn Như Lai, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ngài sinh trong dòng Bà-la-môn, con người sống năm muôn tuổi, nói lược pháp yếu. Thị giả tên Phật-đề. Khi nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Thí như ong hút nhụy hoa”, có nói rộng như trong kinh.

– Đức Câu-na-hàm Mâu-ni, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ngài sinh vào dòng Sát-đế-lợi, con người sống lâu bốn muôn tuổi, nói lược pháp yếu. Thị giả tên Cát Tường. Khi nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Cũng không va chạm”, có nói rộng như trong kinh.

– Đức Ca-diếp Như Lai, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ngài sinh trong dòng

Bà-la-môn, con người sống lâu hai muôn tuổi, nói lược pháp yếu. Thị giả tên Đẳng Đồ. Khi nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Chớ làm các điều ác”, có nói rộng như trong kinh.

– Còn Ta ngày nay là Thích-ca Văn Phật Như Lai, Bạc Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, sinh trong dòng Sát-đế-lợi, con người sống trăm tuổi, nói lược pháp yếu. Thị giả tên là A-nan. Khi nhóm họp đại chúng nói giới thì nói: “Giữ gìn miệng là bậc nhất”, có nói rộng như trong kinh.

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn nói rõ nguồn gốc bảy Đức Phật, cùng với tên họ, dòng dõi, cha mẹ bảy đời của bảy vị Phật, đệ tử ít nhiều, nói về ngọn ngành của giới. Các thầy Tỳ-kheo nghe Phật nói đều nghĩ như vậy: “Tên họ, dòng dõi của chư Phật quá khứ đều không giống nhau, đệ tử theo hầu cũng có khác nhau, giới cấm của việc hành đạo cũng có khác nhau. Vì đạo không đồng nên pháp cũng có khác”. Đức Như Lai Thế Tôn biết rõ ý nghĩ trong tâm các Tỳ-kheo nên Ngài liền ở giữa đại chúng nói bài kệ:

*Đạo này không còn sót
Thanh tịnh do thấy Đế
Hương đến dứt các khổ
Làm tan rã ma binh.*

Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng ở đời quá khứ, cũng nhờ đạo này mà tự giác ngộ, chỉ dạy các

đệ tử dứt bỏ kết sử, dụng cờ giải thoát, đánh trống pháp lớn. Sinh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm, không còn tái sinh. Biết đúng như thật rồi, nhập vào cảnh giới vô ưu, không còn bị sinh, già, bệnh, chết, vắng lặng Niết-bàn, cũng không sinh và diệt, không còn qua lại. Cho nên nói: Đạo này không còn sót, thanh tịnh do thấy Đế.

Hướng đến dứt các khổ: Bạc Tư-đà-hàm hướng, bậc đắc Tư-đà-hàm, bậc A-na-hàm hướng, bậc đắc A-na-hàm. Thành tựu trực hạnh, thành tựu giác hạnh, thành tựu các thứ nghiệp. Chí không điên đảo, dần dần đến với đạo. Cho nên nói: Hướng đến dứt các khổ.

Làm tan rã ma binh: Ma có những thứ trói buộc gì? Là ở cõi Dục chúng trói buộc làm đắm nhiễm con người, ở trong cõi này phải tìm cách dứt hẳn chúng, không còn sót, dứt lại dứt, bỏ lại bỏ, hết lại hết, cao lại cao, gỡ lại gỡ để qua loài ma, đuổi đến ranh giới cuối cùng của chúng là cõi Sắc, Vô sắc, cho nên nói: Làm tan rã ma binh.



*Chỉ đúng, không còn lỗi
 Một đường, như thác đổ
 Như Năng Nhân nhập định
 Thường nói đạo giữa chúng.*

Chỉ đúng không còn lỗi: Tiến thẳng đến cảnh giới vô vi, là đường tắt đến Niết-bàn. Vượt qua

sinh tử, không lui sụt giữa chừng. Đứng trên bờ sinh tử ngoảnh lại nhìn chúng sinh, muốn cùng họ quay về, đã đến bờ kia thì không còn lui sụt nữa. Cho nên nói: Chỉ đúng, không còn lỗi.

Một đường, như thác đổ: Như suối lắng trong vừa sâu lại vừa thấu đáy, có hằng ức trăm ngàn chúng sinh đang đói khát đều được cho đủ, không còn nghĩ đến đói khát nữa. Lấy vị ngọt của giáo pháp dứt trừ kết sử cũng như vậy. Nương vào đạo Hiền thánh, hằng ức trăm ngàn chúng sinh đang đói khát đạo, nhờ pháp vị cam lộ mà họ được no đủ tất cả, không bao giờ còn nghĩ đến đói khát nữa, dứt bỏ cả kết sử, không bao giờ còn phiền não. Không làm việc bất thiện, không cho nó phát sinh lại nữa, cho nên nói: Một đường, như thác đổ.

Như Năng Nhân nhập định: Đức Thích-ca Văn Phật Như Lai, Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác, khi lắng ý nhập định thì có bốn việc xảy ra:

1. Tự vui sướng với pháp hiện tại.
 2. Vui chơi trong pháp cúng.
 3. Cứu giúp việc nguy khốn, định tâm không bị tán loạn.
 4. Khuyến tấn chắc chắn đến chỗ rốt ráo.
- Cho nên nói: Như Năng Nhân nhập định.

Thường nói đạo giữa chúng: Muốn làm cho các đệ tử không lầm lẫn đối với giáo pháp, cứu vớt họ ra khỏi sinh tử, đến chỗ vô vi, tắm gội sạch sẽ,

không dính bụi nhơ, thoát hẳn luân hồi, không khởi lên tám pháp, cũng không gây ra bốn trăm lẻ bốn bệnh, cho nên nói: Thường nói đạo giữa chúng.



*Vào Đạo thấy sinh tử
Hành đạo được giúp sức
Đạo này độ đáng độ
Qua dòng đến bờ kia.*

(Một phen) **Vào Đạo thấy sinh tử**: Ai giác biết được cội gốc sinh tử. Đức Thế Tôn vốn thực hành hạnh Bồ-tát, đó là giác biết được cội gốc sinh tử, về sau giảng nói pháp nhiệm mầu cho đệ tử nghe. Ai có khả năng phân biệt được đâu là pháp cần nhơ? Chỉ có một phen vào đạo mới giác biết được thôi, cho nên nói: (một phen) Vào Đạo thấy sinh tử.

Hành Đạo được giúp sức: Bồ-tát ở trong chúng khởi tâm đại từ bi, thương xót tất cả chúng sinh như mẹ thương con, giảng nói đạo sâu xa, giúp họ được giải thoát, cho nên nói: Hành đạo được giúp sức.

Đạo này độ đáng độ: Ở đời quá khứ, các Đức Phật, Bích-chi-phật, Thanh văn, đều nhờ Đạo này mà vượt qua biển ái dục. Chư Phật Thế Tôn thời tương lai như Ngài Di-lặc, hóa độ không thể tính lường A-tăng-kỳ chúng sinh. Cho nên nói: Đạo này độ những người đáng độ.

Qua dòng đến bờ kia: Đức Thích-ca Văn Phật Như Lai ở hiện tại là Bạc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đã hóa độ không thể tính lường A-tăng-kỳ chúng sinh, cho nên nói: Qua dòng đến bờ kia.



*Đạo rốt ráo thanh tịnh
 Vì dứt gốc sinh tử
 Biện tài vô số cõi
 Phật nói là được đạo.*

Đạo rốt ráo thanh tịnh: Rốt ráo có hai nghĩa: 1- Sự rốt ráo. 2-Định rốt ráo. Sự rốt ráo là mọi việc đều thực hiện xong xuôi, không còn ngờ vực. Định rốt ráo là đạo chơi trong các định, xuất định này lại nhập vào định khác. Như vậy, trải qua cả mấy ngàn muôn thứ định. Ý muốn có sự cảm động nào thì thành tựu tùy ý. Cho nên gọi là định rốt ráo, vì hạnh chân chánh này có khả năng dứt bỏ các pháp mà tâm nghĩ, cắt đứt mọi kết sử, làm cho được thanh tịnh. Như chiếc áo dơ được giặt sạch, ở đây cũng như thế, là dùng tám loại nước giải thoát thanh tịnh để gội rửa tâm như bản, hoàn toàn không còn dính bụi như, cho nên nói: Đạo rốt ráo thanh tịnh.

Vì dứt gốc sinh tử: Người có sinh đương nhiên phải có già chết. Cũng vì có sinh mà chúng sinh cứ trôi lăn trong năm đường, cũng do thân thức biến chuyển mãi không ngừng, cho nên nói: Vì dứt gốc sinh tử.

Biện tài vô số cõi: Thần thông, công đức của Như Lai đủ sức giáo hóa thích ứng đối với các chúng sinh ở mọi chốn. Ngài sử dụng trí tuệ biện tài, trong vô lượng vô số cõi nước quán xét chúng sinh có người căn tánh chậm lụt hay bén nhạy, có hư có thật, có người tu theo hạnh chân chánh, người không tu theo hạnh chân chánh, Như Lai đều biết rõ, cho nên nói: Biện tài vô số cõi.

Phật nói là được đạo: Thế giới có ba nghĩa là: 1. Âm thể, 2. Khí thể, 3. Chúng sinh thể.

Âm thể là thân năm âm lầy lùng. Khí thể là ba ngàn đại thiên cõi nước. Chúng sinh thể là loại chúng sinh hữu hình cho đến bốn loại chúng sinh, đều gọi là chúng sinh thể.

– Ai có khả năng phân biệt biết rõ loại chúng sinh này?

Đáp rằng:

– Chỉ có Đức Như Lai là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác mới có khả năng biết được, như người ta xem trái xoài để trong lòng bàn tay, trọng lượng bao nhiêu cũng đều biết rõ. Như Lai là Bạc Đăng Giác cũng lại như vậy, Ngài quán xét cội gốc tâm ý các loài chúng sinh, đều phân biệt rõ, cho nên nói: Phật nói là được đạo.



*Các nguồn chảy về biển
Nước chảy đâu cũng đầy,*

*Nên vì trí nói đạo
Thẳng đến uống cam lộ.*

Các nguồn chảy về biển: Có con sông lớn tên Hằng-già từ suối lớn A-nậu, từ miệng con bò chảy ra. Có con sông lớn Tân-đầu, cũng bắt nguồn từ suối A-nậu, từ miệng con sư tử chảy ra. Có con sông lớn Bà-xoa cũng bắt nguồn từ suối A-nậu, từ miệng con ngựa chảy ra. Có con sông lớn Tư-đà, cũng bắt nguồn từ suối lớn A-nậu-đạt, từ miệng con voi chảy ra.

Sông Hằng-già được Phạm chí tôn thờ, coi là khuôn phép. Ngoại đạo dị học bàn với nhau rằng: Nếu có người tu học nào, đi cách xa ngoài sông Hằng-già một trăm do-tuần, rồi từ xa, gọi tên sông Hằng-già ba lần: “Hằng-già! Hằng-già! Hằng-già!” thì tất cả các tội lỗi đều tan biến hết, dù cách xa ngoài trăm do-tuần, như rần lột da, bỏ lớp da cũ. Nước sông Hằng-già đều chảy ra biển, lắng trong không có các thứ nhơ uest. Cho nên nói: Các nguồn nước chảy về biển.

Nước chảy đâu cũng đầy: Các nguồn nước đều chảy ra biển đêm ngày không ngừng nghỉ, rồi từ biển nước lại đến núi non khô cằn, rồi từ núi non khô cằn nước lại chảy đến núi Tuyết là chỗ góc xuất phát. Cứ như thế dần dần trở lại cội nguồn. Ngày đêm chảy mãi, giáp vòng rồi trở lại từ chỗ bắt đầu, biển cũng không thêm mà các nguồn nước thì cứ chảy mãi không ngừng, cho nên nói: Nước

chảy đâu cũng đầy.

Nên vì trí nói đạo: Chư Phật, Thế Tôn đều được gọi là Thiện Thệ, đã đến chỗ Niết-bàn dứt hết mọi phiền não, đã đến bên kia bờ giác ngộ, không còn sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, khổ não, cũng không có đối lạnh khổ nhọc, vì không còn các khổ này nên gọi là Thiện Thệ, cho nên nói: Nên vì trí nói đạo.

Thẳng đến uống cam lộ: Được tiến đến cảnh giới Niết-bàn, để tìm nước cam lồ. Như các nguồn nước chảy ra biển thì chỉ còn gọi là biển mà thôi, nó đã đầy đủ tính chất của biển. Pháp luật của bậc Hiền thánh này cũng lại như vậy, dần dần đi đến cảnh giới Niết-bàn, cho nên nói: Thẳng đến Niết-bàn uống cam lộ.



*Trước chưa nghe pháp luân
Nói pháp thương chúng sinh
Xin tôn thờ pháp ấy
Lạy đáng vượt ba cõi.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn nai, vùng đất của Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Ở đó, có con sông tên Bà-lê, do đó đặt tên nước là Ba-la-nại. Vườn nai của vị Tiên có các vị Thần tiên tu học đã đắc đạo, chúng được năm thứ thần thông, đều đến tu học ở nước ấy. Đây là nơi mà người thuần thiện ở, không phải là chỗ ở của người

thường. Lúc bấy giờ, vua nước ấy ra đồng trông đi săn bắn, gặp bảy nai ngàn con bị mắc trong lưới. Vua ra lệnh cho bộ binh bao vây giáp vòng. Bảy nai sợ hãi tuân chạy kêu la thất thanh. Đột nhiên, có một con nằm bẹp xuống, giấu mình trong bụi rậm cạnh đó.

Khi ấy Đức Phật Thích-ca còn tu hạnh Bồ-tát, sinh trong bảy nai ấy và làm nai đầu đàn. Lúc đó nai đầu đàn bảo bảy nai:

– Các người hãy an tâm, đừng lo sợ gì hết, ta đã có cách là cầu xin vua thương tình. Chúng ta sẽ sống cả.

Con nào cũng tuân lệnh. Nai chúa liền đến trước vua quỳ gối xin thương tình. Thoáng thấy nai từ xa đi lại, vua ra lệnh cho các quan đứng hầu bên cạnh đều không được ra tay giết hại con nai này. Con nai kêu gào, quỳ ngược nhìn vua thưa:

– Tôi thấy vua muốn giết hết ngàn con nai để ăn thịt trong một ngày. Nay, thịt nai nóng đã được cất chứa lâu ngày. Mong vua thương tình, mỗi ngày giết một con để nấu bếp thôi. Không phiền vua sai người đi bắt mà nai tự đến bếp nộp mình chịu chết. Thịt thì được cung cấp không gián đoạn bao giờ, mà nai lại được sinh sản thêm nhiều.

Vua hỏi nai:

– Có phải người là nai đầu đàn, lớn nhất trong đàn chăng?

Đáp:

– Dạ phải. Tôi là nai lớn nhất.

Vua lại hỏi:

– Người đã suy nghĩ kỹ chưa?

Đáp:

– Dạ, tôi đã suy nghĩ kỹ.

Vua liền bỏ bầy nai ở đó, dẫn đoàn đi săn về thành.

Lúc ấy Bò-tát dẫn năm trăm con nai lên đường, Điều-đạt cũng dẫn năm trăm con nai lên đường. Mỗi ngày sai một con nai đến nộp mạng cho nhà bếp của vua. Theo thứ lớp, đến phiên Điều-đạt ra lệnh cho nai đến chỗ vua, nhưng gặp phải con nai đã có chữa mấy tháng, mà theo thứ lớp phải nộp mình cho nhà bếp của vua.

Nai mẹ đến trước nai đầu đàn trình bày một cách buồn khổ:

– Theo thứ lớp đến phiên tôi phải nộp mạng, thật không dám chối từ. Nay tôi sắp sinh, như vậy mẹ con chia lìa. Phiên của tôi đã đến nhưng phiên con tôi chưa đến. Xin ngài cho thay đổi thứ tự, tôi được sắp vào phiên sau.

Điều-đạt nổi giận nói:

– Sao người không đi nộp mạng mau đi! Mà ai thay chết trước cho người?

Nai mẹ kêu gào khóc lóc thê thảm, nó liền đến trước Bò-tát mà trình bày:

– Ngày tôi mang thai sắp mãn, ngày sinh sắp đến. Xin ngài cho con đến phiên sau, sau khi sinh nở sẽ nộp mạng.

Bồ-tát hỏi nai:

– Chúa của người có nghe người trình bày việc này chưa?

Đáp:

– Chúa của tôi không có bằng lòng.

Nghe xong, Bồ-tát thở than hồi lâu mới an ủi con nai kia:

– Người hãy yên tâm, chớ lo sợ! Hôm nay, ta sẽ nộp mạng thay người.

Nai đầu đàn Bồ-tát liền nhóm họp ngàn con nai, tha thiết dạy:

– Các người chớ lười biếng, cũng chớ xâm phạm gạo thóc lúa má của vua.

Biết được điều ấy, Điều-đạt rất tức giận nai mẹ kia, bảo:

– Đã đến phiên người nộp mạng, sao lại từ chối, không chịu chết?

Bấy giờ, nghe Điều-đạt nói, Bồ-tát liền nói:

– Hãy thôi, chớ nói lời ấy, đúng ra nai mẹ đã đến phiên nộp mạng, nhưng vì xót thương nai con còn trong thai, nên chưa muốn chết đó thôi. Nay ta sẽ chịu chết thế cho mạng sống nai con trong thai kia. Đó là điều mà Bồ-tát suy nghĩ.

Bây nai liền đến trước Bồ-tát, đều thưa:

– Lũ chúng tôi xin chết thay ngài, ngài còn sống thì chúng tôi mới được ăn cỏ uống nước, tùy ý rong chơi, không lo sợ điều gì.

Nai đầu đàn theo ý mình, bỏ đàn nai đi nộp mạng. Bầy nai nối nhau đi theo sau nai đầu đàn đến cung vua. Nai đầu đàn vào nhà bếp xin nộp mạng. Thấy nai đầu đàn có hiểu biết rõ ràng, người đầu bếp vội đến tâu với vua:

– Nai đầu đàn vào nhà bếp xin nộp mạng theo thứ lớp, chẳng hay đại vương có cho giết hay không?

Nghe lời ấy, vua té xuống giường. Các quan vội rảy nước cho vua tỉnh lại rồi đỡ vua ngồi dậy. Vua ra lệnh cho các quan:

– Hãy mau dẫn con nai đầu đàn ấy đến đây, ta muốn gặp nó.

Lập tức, nai đầu đàn được dẫn đến trước vua. Vua hỏi nai đầu đàn:

– Bộ cả ngàn con nai đã chết hết rồi sao? Mà ngươi phải đến đây?

Nai đầu đàn thưa:

– Ngàn con nai còn bú, sẽ thành bầy nai to. Mỗi ngày sinh sản thêm nhiều mà không giảm.

Nai đầu đàn lại kể cho vua nghe nguồn gốc của bầy nai này. Vua hết lòng tự trách, giận mình đã sai lầm. Vua bảo:

– Ta là vua loài người, không phân biệt được

giả thật. Ta đã giết oan bao loài chúng sinh.

Nói đến đây vua bảo các quan rằng:

– Hãy truyền lệnh ta cho cả nước biết, hễ ai săn bắn giết hại nai thì sẽ bị tru戮.

Sau đó vua ra lệnh cho nai đầu đàn dẫn bầy nai trở về núi sống yên lành. Vua còn ra lệnh cho cả nước không được ăn thịt nai. Kẻ nào ăn thịt nai sẽ bị chém đầu bêu giữa chợ. Vì lẽ ấy, vua đặt tên cho khu vực này là vườn Nai.

Lúc ấy Đức Thế Tôn đang quay bánh xe pháp ở vườn Nai, cho nên nói: Trước chưa nghe pháp luân.

Nói pháp (chỉ vì lòng) thương chúng sinh:
Đầu tiên, Ngài nói pháp cho năm vị và tám muôn trời, người nghe. Ngài giảng đi giảng lại pháp Tứ đế Chân như. Pháp này vốn chưa ai được nghe, chưa ai được thấy, là pháp mà Sa-môn, Bà-la-môn, Thích, Phạm, chư Thiên, Ma hay thiên ma không thể nói được. Cho nên nói: Nói pháp thương chúng sinh.

Xin tôn thờ pháp ấy: Pháp này được các trời, người đời cung kính. Ngài đi giáo hóa, truyền trao cho cả xứ Diêm-phù-lợi này. Từ sáu tầng trời cõi Dục trở xuống đều nhờ ân cứu giúp.

Hỏi:

– Vì sao Đức Phật chỉ nói pháp cho trời, người nghe, mà không nói pháp cho những chốn khác?

Đáp rằng:

– Vì trời, người đều được thành đạo quả, vượt thứ bậc tu chứng, các sự hiểu biết được tự tại, ngoại trừ người tu pháp Bát quan trai, hay quỷ thần đã quy y Tam bảo, giống như thú nuôi là chim Khur-tân-xà-la mà khuyên siêng tu phạm hạnh.

Xưa, có ba con thú cùng ở trong núi sâu là voi, khỉ và chim Khur-tân-xà-la. Một hôm, voi nói với hai con thú kia:

– Ba anh em ta không biết đối đãi nhau bằng sự kính trọng không có lễ tiết gì cả. Từ nay phải biết nhường nhịn nhau. Trong chúng ta, ai là người lớn tuổi nhất thì được nhường làm anh cả.

Lúc ấy, nơi đó có một cây to vừa cao vừa tỏa bóng rộng, che mát được năm trăm xe bên dưới. Con khỉ tự nói:

– Xưa, tôi ăn cây này khi nó mới ương.

Con voi nói:

– Tôi ăn cây này khi nó mới trồng.

Con khỉ nói: Vậy các bạn hãy nhường tôi là người lớn tuổi hơn hết.

Con voi liền chở con khỉ trên lưng nó.

Chim Khur-Tân-xà-la lại tự nói:

– Xưa, tôi đến phía Bắc núi Tuyết và ăn quả ngon ngọt. Tôi đã đại tiện ở đây, sau đó mọc lên cây này. Vậy, tôi mới là người lớn tuổi nhất, vậy tôi phải được nhường làm anh cả mới đúng!

Thế là khỉ lại cõng con chim trên vai mình mà đi. Kể từ đó, dù ở nước này hay nước khác, thôn này làng nọ, chúng luôn giữ trai giới, đôi đôi cung kính lẫn nhau. Nếu được thức ăn gì chúng đều nhường cho người lớn nhất ăn. Người dân trong làng xóm, thành ấp thấy thế cho là lạ lùng, chưa từng có. Mọi người khắp nơi nhóm họp lại để hỏi cho rõ nguyên do. Ba con thú đều kể lại chuyện ngày xưa chúng đã sống. Dù thân hình to lớn, nhưng voi tuổi còn nhỏ nên nó kính nhường hai con thú kia như con thờ cha. Mọi người cảm động về chuyện ba con thú, nên đều sinh tâm lành. Chim thú mà còn như vậy, huống gì là loài người. Thế rồi mọi người cùng bảo nhau hãy biết kính trên nhường dưới. Từ đó, trong cả nước, người biết hiếu kính nhau rất đông, họ tự thấy cần có ý nghĩa hiếu thuận này, nhưng không thể vượt qua thứ lớp mà chúng thành đạo quả. Chỉ có trời, người là đáng kính thờ hơn hết, cho nên nói: Xin tôn thờ pháp ấy.

Lạy đấng vượt ba cõi: Phát khởi cho chúng sinh bất cứ ở đâu khi nào, hề thấy hình tượng Như Lai thì nên thờ phụng kính lễ. Dù có đi đâu lâu ngày tâm vẫn hướng về Phật, không rời. Ba cõi là: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Ai là người có khả năng vượt qua ba cõi này? Chỉ có Đức Phật, Thế Tôn mới vượt qua được, kể là có đệ tử Thanh văn của ngài, nương nhờ oai thần của Ngài mà vượt ra ba cõi, cho nên nói: Kính lạy Đấng đã vượt ra ba

cõi.



*Ba niệm hãy niệm lành
Ba niệm phải lìa ác
Từ niệm mà có hành
Dứt đó là dứt đúng.*

Ba niệm hãy niệm lành: Lúc nào cũng khởi niệm ngay khi ăn, khi ngủ cũng không quên. Thường phải nghĩ đến điều lành, đầy đủ cội gốc các công đức. Dần dần vượt thứ lớp, được các quả chứng, dứt hết cội gốc sinh tử, dứt hết pháp hữu lậu thành pháp vô lậu, cho nên nói: Ba niệm hãy niệm lành.

Ba niệm phải lìa ác: Lìa được niệm ác thì sẽ được công đức gì? Đáp: không bị nhiễm ô bởi tâm dơ, dứt bỏ các kết sử đắm nhiễm, không còn bị kết sử sai khiến nữa, cho nên nói: Ba niệm phải lìa ác.

Từ niệm mà có hành: Có giác có quán thì rong chơi từ Sơ thiền đến Tứ thiền. Dứt bỏ tâm xấu ác và các pháp bất thiện. Mỗi ngày hạnh càng tiến, không bao giờ lui sụt, cho nên nói: Từ niệm mà có hành.

Dứt đó là dứt đúng: Dùng đoạn trí, trí tuệ để dứt bỏ niệm ác. Thế nào là dứt bỏ? Hoặc bị loạn tưởng đè nén tâm lành, không thực hành theo ba mươi bảy phẩm trợ đạo, che lấp các đạo quả không hiển bày được, như gió bụi thành lình nổi lên che

khuất mặt trời, mặt trăng, không thấy được ánh sáng, rỗng rười nước cam lộ rửa sạch bụi kia thì liền thấy được ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ở đây cũng như vậy, dùng cam lộ của bậc Hiền thánh diệt tâm bụi nhơ, hoát nhiên đại ngộ không còn chút che mờ. Đạo quả Thánh hiền thấy đều hiển lộ, cho nên nói: Dứt đó là dứt đúng.



*Ba quán là chuyển niệm
Sớm được đạo Vô thượng
Được ba, trừ ba tai
Vô lượng tu giữ niệm.*

Ba quán là chuyển niệm: Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc bảy giờ Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, khi chưa thành đạo, Ta đã khởi lên ba ý nghĩ không tốt là nghĩ tham dục, nghĩ giận dữ, nghĩ hại kẻ khác.

Hỏi: Tại sao lúc ấy Bồ-tát nghĩ tham dục, nghĩ giận dữ, nghĩ hại kẻ khác? Đáp rằng: Bồ-tát tu khổ hạnh sáu năm, vì khổ nhọc nên sinh ra lui sụt, tự nhớ lại những ngày trước kia. Nhớ lại những kỷ nhạc ca xướng vui chơi. Từ đó bèn sinh ý tưởng tham dục, lại nghe Điều-đạt khởi ý tưởng tham dục chiếm đoạt các thể nữ trong hoàng cung. Chính lúc ấy, Ta khởi lên ý nghĩ tức giận. Hai ý nghĩ nhơ bẩn ấy hòa nhau trong nội thức, liền sinh ý nghĩ hại kẻ

khác. Hơn nữa, khi Bồ-tát tu khổ hạnh, có hai cô gái Nan-đà và Nan-đà-bà-la đem bơ dầu mè đến thoa thân Bồ-tát. Thân hai cô gái này mềm mại như Thiên nữ, lúc ấy, Ta liền sinh ý tưởng ái dục. Lúc ấy Bồ-tát nghĩ như vậy: “Dù năm người kia cung cấp cho Ta không bỏ nhưng Ta vẫn ra đi, vì đâu khiến mục nữ kia lấy dầu thoa lên mình Ta”. Lúc ấy Bồ-tát liền sinh ý nghĩ giận tức và ý nghĩ hại kẻ khác. Hai ý nghĩ như bản cùng sinh trong nội thức. Lúc ấy Bồ-tát nghĩ như vậy: “Nay, Ta đã sinh ý nghĩ tham dục, tự làm hại mình cũng làm hại kẻ khác, hai việc đều bị tổn”. Tự tổn là mọi công đức lành đều mất. Đó gọi là tự tổn. Còn làm tổn thương người khác là sao? Nếu nhận của tín thí các thứ ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men trị bệnh, không thể tiêu hóa, làm tăng thêm trần lao, không đạt kết quả, các công đức đều thiếu khuyết. Đó gọi là làm tổn hại người khác. Tóm lại, cả hai ý nghĩ như bản hòa nhau liền sinh ý nghĩ hại người khác.

Lúc bấy giờ Bồ-tát nhằm chán hai việc ấy, muốn dứt bỏ ý nghĩ không tốt ấy, bèn dùng sức mạnh nhận nhục hàng phục ma khổ nhọc oán hận, dứt bỏ hấn loạn tưởng, không sinh ý nghĩ ác thì mới mau thành đạo quả, cho nên nói: Ba quán là chuyển niệm.

Sớm chứng đạo Vô thượng: Thế nào là đạo Vô thượng? Được gọi là đạo Vô thượng là chí cầu xuất ly, không có ý tưởng tham dục, không có ý tưởng

giận tức, cho nên nói: Ba quán là chuyển niệm. Sớm được đạo Vô thượng là Bồ-tát khi ngồi dưới gốc cây, Ngài bỏ được ba mươi bốn ý niệm, thành Đạo vô thượng. Được gọi là đạo Vô thượng là vượt qua trời, người, ba ngàn đại thiên thế giới, các loài bò bay máy cựa, trong các loài đó thì Đạo này trên hết, không còn đạo nào hơn. Như trong kinh nói: Bảy vi là một hột. Vi không dài, không ngắn, không tròn, không vuông, không cao, không thấp, không hình tướng, không thể nhìn thấy, nhả thức không thể thấy được. Vì sao? Vì nó vi tế, không thể thấy được. Chỉ có Chuyển luân thánh vương, Bồ-tát Bồ xứ, Hiền thánh có Thiên nhãn mới thấy được. Dù cho có pháp nào nhỏ hơn vật thể rất vi tế này đi nữa, thì Đức Như Lai vẫn biết một cách rõ ràng, cho nên nói: Chứng được đạo Vô thượng.

Được ba, dứt ba tai: Trụ trong Tứ thiền, nhập định thanh tịnh, không khởi lên ý tưởng dính mắc kết sử, vắng lặng buộc niệm, không quên tiến tu, không biếng trễ. Tập trung ý chí, chuyên nhất dứt bỏ kết sử, cho nên nói: Được ba, dứt ba tai.

Vô lượng tu giữ niệm: Trụ trong Sơ thiền, suy nghĩ giữ niệm, hoặc ở Tứ thiền, thu nhiếp pháp trong ngoài, cũng có giữ niệm. Trong Sơ thiền có ý tưởng bất định, có giác, có quán, lay lừng giống như lửa đốt cháy pháp thể. Bên ngoài có ý tưởng bất định bị lửa đốt cháy. Trong Nhị thiền có tư tưởng bất định, tâm ái giống như nước. Bên ngoài

có tư tưởng bất định, bị nước phá vỡ. Trong Thiền thứ ba có tư tưởng bất định, giống như gió có hơi thổi ra, hơi thổi vào. Bên ngoài có tư tưởng bất định liền bị gió lay động. Trong Thiền thứ tư, bên trong không có tư tưởng bất định, không thuộc các pháp bên ngoài. Đã được niệm giữ thì dứt bỏ được vô lượng tư tưởng bất định bên trong. Đối với các Sơ thiên địa, Vô lượng địa mà đi sâu vào Tam-muội này cũng lại như vậy. Nó vô lượng, vô hạn, không thể tính kể. Vô số người đầy đủ các hạnh, cho nên nói: Vô lượng tu giữ niệm.



*Dứt bỏ cầu ba cõi
Gom định, để buộc ý
Sức trí tuệ thiên định
Đã định, gom loạn ngoài.*

Dứt bỏ cầu ba cõi: Từ cõi Dục đến cõi Sắc, cõi Vô sắc đều gọi là ngôi nhà đầy nhơ bẩn, là nơi an trú của chúng sinh. Tìm cách khéo léo thoát ra ba cõi, đó chính là đạo cao thượng, trên hết, vượt ra ba cõi, cho nên nói: Dứt bỏ cầu uế ba cõi.

Gom định, để buộc ý: Không để tâm thô tháo rong ruổi bên ngoài, thường chuyên nhất tâm ý, không để trần cảnh bên ngoài xâm nhập. Vì Tam-muội khó phá hoại được, cho nên nói: Gom định, để buộc ý.

Sức trí tuệ thiên định: Dùng gươm bén trí tuệ

mà cắt đứt các kết sử đến tận nguồn gốc, cho nên nói: Sức trí tuệ thiên định.

Đã định, gom loạn ngoài: Thân mình đã vào định thì có công năng nhiếp phục người bên ngoài, cho nên nói: Đã định, gom loạn ngoài.



*Chứa lành được hạnh lành
Đâu đâu cũng khen ngợi
Được tám phẩm Hiền thánh
Tu đạo, quả cam lộ.*

Chứa lành được hạnh lành: Người muốn học đạo thì phải dụng công từ từ, như Sơ thiền thực hành Nhị thiền là vi diệu, Nhị thiền thực hành Tam thiền là vi diệu, Tam thiền thực hành Tứ thiền là vi diệu. Cho nên nói: Chứa lành được hạnh lành.

Đâu đâu cũng khen ngợi: Như ban ngày, Đức Phật hóa độ dưới gốc cây Thọ vương, mà kinh đã nói, thì chư thiên cõi Đạo-lợi quán sát thế gian từ xa, họ biết được các đệ tử Phật ở làng kia xóm kia, đệ tử tên gì, bởi lòng tin vững chắc mà xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba y pháp, sinh tử đã hết, việc phải làm đã làm xong, phạm hạnh đã lập, không còn vào thai, biết đúng như thật, cho nên nói: Đâu đâu cũng đều khen ngợi.

Được tám phẩm Hiền thánh: Như người học đạo kia, một lòng hướng về con đường tám phẩm của Hiền thánh, đến được cảnh giới Niết-bàn dứt

hết phiền não, vô vi vô tác, cho nên nói: Được tám phẩm Hiền thánh.

Tu đạo, quả cam lộ: Người tu hành kia chính mình hành đạo, là muốn đến cảnh giới an ổn vô thượng, uống nước cam lộ vô thi vô chung. Cam lộ ở đây chính là Niết-bàn dứt hết phiền não. Nếu người học đạo chứng được Niết-bàn ấy, thì không sinh, không già, không bệnh, không chết, cho nên nói: Tu đạo, đạt quả cam lộ.



Phẩm 14: Lợi Dưỡng (Phần 1)

Cây chuối vì lõi chết

Lõi lau, trúc cũng vậy

Lừa, la mang thai, chết

Người do tham bỏ mạng.

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành La-duyệt. Lúc ấy, có vị Tỳ-kheo tên Điều-đạt, thông minh học rộng, ngồi thiền nhập định mười hai năm, tâm không lay động, mười hai hạnh đầu-đà không hề thiếu sót như lúc bắt đầu. Khởi tu pháp quán bất tịnh, hơi thở ra vào rõ ràng, từ pháp bậc nhất thế gian cho đến pháp Đánh đều phân biệt sáng tỏ. Tụng kinh Phật sáu muôn lần, voi chở cũng không hết. Nhưng về sau, lui sụt, dần dần sinh ác niệm. Ý mong được cúng dường, tham đắm lợi dưỡng thế gian, Điều-đạt đến chỗ Thế Tôn, trán lạy sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Trong

giây lát, Điều-đạt bước đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Ngài giảng về phương pháp để tu chứng được thần túc cho con nghe. Nghe được phương pháp ấy con sẽ khéo tu hành để chứng được thần túc, sau đó con sẽ đến các nơi khác để giáo hóa.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tỳ-kheo Điều-đạt:

– Hôm nay sao thầy lại nói về vấn đề thần túc, sao thầy không học tập về ý nghĩa của bốn pháp vô thường: ý nghĩa của vô thường, ý nghĩa của khổ, ý nghĩa của không, ý nghĩa của vô ngã?

Lúc ấy Tỳ-kheo Điều-đạt liền suy nghĩ: “Lý do mà Như Lai không nói cho ta về ý nghĩa thần túc là vì Ngài sợ có kẻ sẽ hơn mình, xấu hổ vì thua người ta”. Điều-đạt liền bỏ đi, đến chỗ ngài Xá-lợi-phất thưa với Xá-lợi-phất:

– Dạ thưa Hiền giả, cúi xin ngài nói về phương pháp tu để chứng được thần túc cho tôi nghe. Nghe được phương pháp ấy tôi sẽ khéo tu hành để chứng được thần túc, sau đó tôi sẽ đến các nơi khác để giáo hóa.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo Điều-đạt:

– Hôm nay sao thầy lại nói về vấn đề thần túc, thầy học thần túc để làm gì? Sao thầy không học về ý nghĩa của bốn pháp vô thường: ý nghĩa của vô thường, ý nghĩa của khổ, ý nghĩa của không, ý nghĩa của vô ngã?

Lúc ấy, Tỳ-kheo Điều-đạt trong tâm suy nghĩ: “Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tự xưng là trí tuệ bậc nhất, nhưng theo ta xét thấy thì trí tuệ của ông ta khác gì lửa đom đóm so với mặt trời mặt trăng, sự tụng tập kinh Phật của ta không có ai bằng mà còn chưa biết được phương pháp tu để chứng được thần túc, huống gì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, làm sao ông ta biết được”. Nghĩ xong, Điều-đạt bỏ đi, đến chỗ ngài Mục-kiền-liên, thưa với ngài:

– Tôi nghe dòng họ cao quý của ngài, thần đức vô lượng, thần túc biến hóa không gì ngăn ngại được. Cúi xin ngài nói về phương pháp tu để chứng được thần túc cho tôi nghe. Nghe được phương pháp ấy tôi sẽ vâng theo mà tu hành, rồi đến các nơi khác để giáo hóa.

Ngài Mục-liên bảo Điều-đạt:

– Thôi đi Điều-đạt! Thầy nghe phương pháp tu để chứng được thần túc ấy làm gì? Tôi nghe người bắt đầu tu hành thì trước phải học ý nghĩa của bốn pháp vô thường: ý nghĩa của vô thường, ý nghĩa của khổ, ý nghĩa của không, ý nghĩa của vô ngã. Lại còn phải tinh tấn tu hành Tứ thiên thì mới có được thần túc.

Nghe nói vậy, Điều-đạt sinh tâm tức giận, nghĩ: “Ông Mục-liên này tự khoe khoang thần túc của mình không ai bằng. Sở dĩ ông ta không nói phương pháp tu để chứng được thần túc cho ta

nghe, vì sợ rằng thần túc của người khác sẽ hơn mình, nếu ta có được thần túc thì ông ấy sẽ mất hết tiếng khen. Thế nên, ông ấy không nói phương pháp để tu chứng được thần túc cho ta nghe”. Tỳ-kheo Điều-đạt trong tâm suy nghĩ: “Hôm nay, ta đã đi xin học phương pháp để tu chứng được thần túc khắp nơi nhưng không ai chịu dạy ta cả. Ta có đứa em là A-nan, nó học rộng, nghe nhiều, đầy đủ mọi công đức. Nó có bốn tâm vô lượng như đại Từ... bao trùm khắp tất cả, rõ xưa, biết nay, ba đời đều thấu suốt, bây giờ ta sẽ đến hỏi về phương pháp tu để chứng được thần túc. Nếu A-nan chỉ cách cho ta, ta sẽ khéo tu hành.” Rồi Điều-đạt liền đến chỗ Tôn giả A-nan, bảo A-nan:

– Anh nghe em biết rành về phương pháp tu để chứng được thần túc phải không? Hãy nói cho anh biết với, anh được thần túc rồi, sẽ đến các nơi khác để giáo hóa.

Bây giờ ngài A-nan liền nói phương pháp để tu chứng được thần túc cho Điều-đạt nghe. Nghe xong, Điều-đạt tìm nơi thanh vắng, chuyên tâm nhất ý, từ thô đi vào tế, lại từ tế trở lại thô, dùng tâm cất thân lên, rồi dùng thân điều khiển tâm, thân tâm hòa hợp, từ từ rời khỏi mặt đất. Lúc đầu tưởng tượng thân mình nhỏ xíu như hạt mè, rồi lớn dần như hạt hồ đào, rồi dần dần cất lên, khỏi mặt đất. Từ mặt đất lên giường, từ giường lên nóc nhà, từ nóc nhà lên đến lưng trời. Giữa lưng trời, Điều-đạt

hiện hiện mười tám thứ thần biến, ẩn hiện tự do, phía trên thân thì phun lửa, phía dưới thân phun nước, phía dưới thân ra lửa, phía trên thân ra nước. Hiện ra ở phía Đông, ẩn mất ở phía Tây, hiện ra ở phía Tây, ẩn mất ở phía Đông. Bốn phương đều cũng như thế. Hoặc chia thân vô số, rồi nhập lại thành một thân.

Lúc bấy giờ, Điều-đạt tự nghĩ: “Giờ đây, ta đã được thần túc. Vách đá ta còn qua được thì không còn gì ngăn ngại. Bây giờ ta hãy hóa thành một đứa trẻ với hình tướng xinh đẹp, nằm chỗ trên đầu, gương mặt tươi hồng như hoa đào.” Rồi đứa bé đến ngồi trên gối của thái tử A-xà-thế, lúc cười, lúc khóc, với tính chất của một đứa trẻ. Nhưng chỉ có A-xà-thế biết đó chính là Điều-đạt mà thôi. Suốt ngày, thái tử vui chơi với nó không biết chán. Hoặc hát ru cho nó ngủ, hay tung mình nó lên rồi đưa hai tay hứng. Lúc ấy, thái tử A-xà-thế thầm nghĩ: “Thần túc của Điều-đạt hơn Sa-môn Cù-đàm kia, có khả năng thực hiện vô số phép biến hóa.” Lúc ấy, mỗi ngày A-xà-thế cấp cho Điều-đạt năm trăm nồi thức ăn, thường xuyên cúng dường, không để thiếu thốn. Bấy giờ, có rất đông Tỳ-kheo thấy thái tử A-xà-thế mỗi ngày cung cấp cho Điều-đạt năm trăm nồi thức ăn như vậy, các thầy bèn cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, lễ lạy sát chân Ngài rồi bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vừa rồi chúng con đi khát

thực trông thấy thái tử A-xà-thế cung cấp cho Điều-đạt năm trăm nôi thức ăn.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo các thầy chớ khởi lên ý nghĩ ấy. Điều-đạt tham lợi cúng dường, vì sao? Vì Điều-đạt được cúng dường thì chẳng những tự giam hãm mình vào vòng tội lỗi, mà còn giam hãm người khác vào vòng tội lỗi, rơi vào vực sâu tội lỗi, cả hai đều mắc tội. Các Tỳ-kheo nên biết, nói là tự giam hãm mình vào vòng tội lỗi là giống như cây chuối kia, kẻ ngu tìm cái lõi không bao giờ được; cây trúc, cây lau cũng lại như vậy; con lừa, con la mang thai cả hai cùng bỏ mạng; người đời vì ham của cải mà sau đó mất mạng. Tỳ-kheo Điều-đạt cũng lại như thế, tham đắm lợi dưỡng, do lợi dưỡng ấy mà tự mất mạng.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Giờ đây Ta sẽ nói thí dụ cho các thầy nghe, người có trí tuệ dựa vào trí tuệ mà tự hiểu.

Xưa, có bảy kên kên sống trong núi sâu, chúng đều còn bú. Kên kên bảo con nó rằng:

– Nếu con muốn học bay lơ lửng trong hư không, hãy nhìn xuống mà thấy đất như cái mâm thì thôi, đừng bay lên cao nữa. Vì sao? Vì trên cao ấy có những luồng gió chướng làm hại các con, đầu não và tứ chi của các con sẽ tản mát khắp nơi.

Lúc ấy, bảy chim non này không nghe theo lời

dạy bảo của bố mẹ chúng. Chúng bay vượt quá cao, bị gió chướng thổi mất mạng, lông cánh vương vãi khắp chốn.

Tỳ-kheo các thầy chớ sinh khởi ý tưởng ấy. Tỳ-kheo Điều-đạt sẽ đón nhận tai ương như thế trong ngày gần đây chứ không xa.

Các Tỳ-kheo lại nên biết, như có bảy rùa, rùa cha mẹ bảo các con rằng:

– Các con hãy tự giữ mình, chớ đến chỗ ấy. Nếu đám thợ săn bắt được các con, họ sẽ phanh thây các con làm năm phần.

Nhưng đám rùa con này không nghe lời cha mẹ dạy, cứ kéo đến chỗ nọ vui chơi, nên bị thợ săn bắt hết. Có một con thoát nạn trở về được. Rùa cha hỏi:

– Các con từ đâu trở về vậy? Các con không đến chỗ ấy chứ?

Rùa con đáp:

– Chúng con rủ nhau đến chỗ ấy chơi, nhưng không thấy thợ săn đâu cả, chỉ thấy một sợi dây dài cột ở sau đuôi thôi.

Rùa cha bảo con:

– Sợi dây ấy đuổi theo sau các con vốn có từ lâu rồi, chứ không phải ngày nay mới có. Tổ tiên, cha mẹ của các con, đều bởi sợi dây ấy mà mất mạng.

Các Tỳ-kheo nên biết, như loài chồn hoang lúc nào cũng rình chờ giống thú nuôi bài tiết ra phân,

chúng lấy đó làm thức ăn. Chúng ăn xong, lại đại tiện ra đó rồi bỏ đi. Tỳ-kheo Điều-đạt vì tham lam nhận lấy của cúng dường cũng lại như vậy, chẳng những tự giam hãm mình vào vòng tội lỗi mà còn giam hãm kẻ khác vào vòng tội lỗi. Các thầy Tỳ-kheo chớ tham đắm cúng dường, như Tỳ-kheo Điều-đạt kia.

Đức Phật lại dẫn thêm thí dụ nữa:

Thuở xưa, ở nước Đại Nguyệt Chi theo phong tục, lễ nghi thông thường là người ta nấu lúa mì với bơ cho heo ăn. Lúc ấy con ngựa tài giỏi trong cung nói với mẹ nó:

– Chúng con luôn luôn hết mình giúp vua, không kể xa gần, không tiếc mạng sống, nhưng chỉ ăn cỏ, chỉ uống nước vũng.

Ngựa mẹ bảo ngựa con:

– Các con cẩn thận, chớ khởi lên ý nghĩ ấy, chớ ưa thích món lúa mì nấu bơ kia, như thế, không bao lâu sẽ có sự linh nghiệm.

Rồi thời tiết nóng bức, năm mới sắp đến, nhà nào cũng trối heo cho vào chảo nước sôi, chúng kêu la thảm thiết. Ngựa mẹ bảo các con:

– Các con còn nhớ chẳng, cái món lúa mì nấu bơ ấy? Muốn chứng nghiệm sự thật, các con hãy đến đó xem.

Các ngựa con đều xét biết, hiểu ra những ý nghĩ trước kia là sai lầm. Giờ tuy vẫn ăn cỏ, khi gặp lúa

mạch thì từ chối không ăn.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Tỳ-kheo Điều-đạt là người có công đức như thế nào mà lại được cúng dường như thế?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các thầy chớ khởi lên ý nghĩa ấy, chớ tham đắm lợi dưỡng, như thế không bao lâu sẽ thấy sự hiệu nghiệm mà Tỳ-kheo Điều-đạt phải gánh chịu.

Khi ấy Đức Thế Tôn quán sát ý nghĩa này, vì muốn thị hiện ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau, cũng muốn làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, nên Ngài nói bài kệ trên trước đại chúng.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 15

Phẩm 14: Lợi Dưỡng (Phần 2)

*Cây chuối vì lõi chết
Lõi lau, trúc cũng vậy,
Lừa, la mang thai, chết
Dũng sĩ tham bỏ mạng.*

Cây chuối vì lõi chết: Bẹ nọ bao bẹ kia, lớp này nôi lớp kia, muốn kiếm cái lõi nó sẽ không bao giờ được. Cây chuối, hễ nháy con là cây chuối mẹ sắp chết. Trúc, lau cũng giống như vậy. Cho nên nói: Cây chuối vì lõi mà chết; lõi lau, trúc cũng vậy.

Dũng sĩ tham bỏ mạng: Dũng sĩ là vị đại tướng mạnh mẽ, có khả năng đẩy lùi giặc bên ngoài, kẻ gian tà bên trong không dám nổi dậy. Người như vậy mới gọi là đại tướng. Nhưng vị đại tướng kia cứ lo nghĩ rằng mình không là người nổi bật hơn mọi người, rồi vì tham, ông đi vào trận sâu không ra khỏi được phải tự bỏ mạng. Hoặc có kẻ, bên trong thì yếu hèn, nhưng bên ngoài thì tỏ ra mạnh dạn. Nếu gặp lúc chiến đấu, thấy địch thì trong tâm sợ hãi. Nhưng khi vua ban thưởng thì cứ nghĩ mình

là người có công lớn nhất, Tỳ-kheo Điều-đạt cũng lại như vậy, thọ nhận của tín thí mỗi ngày năm trăm nôi thức ăn mà tự xưng là mạnh mẽ, cho là mình có khả năng chiến đấu với các quân địch kết sử, nhưng trái lại là rước họa vào thân. Cho nên nói: Dững sĩ tham bỏ mạng.

Lừa, la mang thai, chết: Như con lừa, con la dâm dục quá mạnh, cố tình giao hợp tự gây ra tai họa. Đã tự giết mình lại giết cả con trong bụng. Chính mình không được an lạc thì làm sao đem an lạc lại cho ai? Tỳ-kheo Điều-đạt, do lợi dưỡng ấy, nên sau khi chết sẽ đọa vào ngục A-tỳ, đó gọi là tự giam hãm mình vào vòng tội lỗi. Thế nào gọi là làm cho kẻ khác cũng bị giam hãm vào vòng tội lỗi? Đó là Điều-đạt đã khiến A-xà-thế bỏ thí của cải không kể xiết, nhưng không đưa đến quả báo tốt, không được phước đức. Cho nên nói làm cho kẻ khác cũng rơi vào vòng tội lỗi. Hai tội gộp lại đưa đến bỏ mạng. Cho nên nói: Lừa, la mang thai, chết.



*Như vậy, tham không lợi
Phải biết từ si sinh
Ngu vì thế hại Hiền
Đứng đầu ở địa ngục.*

Như vậy, tham không lợi: Tỳ-kheo Điều-đạt học được phép thần túc, là tự rước họa vào mình.

Nếu Điều-đạt không được thần tức thì tội lỗi kia không đáng kể. Đã tham lợi dưỡng thì không thể đến chỗ rốt ráo, cho nên nói: Như vậy, tham không đưa đến ích lợi.

Phải biết từ si sinh: Hầu hết người phàm phu đều không có ý chí vững chắc, hoặc từ chánh chuyển sang tà mà không tự hay biết. Nếu được của tín thí thì tự lấy làm sung sướng mà không nghĩ đến sau này sẽ chịu quả báo ra sao, cho nên nói: Phải biết việc ấy từ ngu si sinh ra.

Ngu vì thế hại Hiền: Các pháp lành đều là pháp tu tập của Hiền thánh, người ngu không thể tu tập được, cho nên nói: Ngu vì thế làm hại Hiền thánh.

Đứng đầu ở địa ngục: Tỳ-kheo Điều-đạt đã thông suốt hơi thở ra, hơi thở vào, khởi lên ý tưởng bất tịnh, cho đến pháp Đánh cũng lại như thế, vì thần thông, tham đắm lợi dưỡng mà tự giam hãm mình vào vòng tội lỗi, cho nên nói: Đứng đầu ở địa ngục.



*Người ngu ham lợi dưỡng
Cầu mong được tiếng khen
Tại gia thì ganh tị
Đi tu, mong cúng dường.*

Người ngu ham lợi dưỡng: Không thể phân biệt rõ pháp lành. Bên trong sinh tâm ganh tị, bên ngoài mong cúng dường, muốn làm cho bốn bộ

chúng lúc nào cũng cung kính mình. Cho nên nói: Người ngu ham lợi dưỡng.

Cầu mong được tiếng khen: Ngày đêm rình bắt nhà vua, các quan, một ức cư sĩ, dựa vào thế lực cường hào, ham cầu được tiếng khen. Xem xét, suy nghĩ để thích ứng với mọi tình hình, nhằm làm vui lòng người kia để được lợi dưỡng. Hoặc thường ở trong đại chúng, nói chuyện vu vơ muôn thứ, mục đích tỏ ra mình khôn, muốn chỉ có mình là bậc tôn quý, còn những kẻ khác đều là hèn hạ. Trong tâm mong được y phục, thức ăn, giường chõng, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh, còn những người khác không được như vậy. Kinh điển mà Tỳ-kheo Điều-đạt tụng niệm thì sáu muôn thốt voi chở cũng không hết. Suốt mười hai năm thường ở nơi núi vắng rừng sâu, giữ giới vững chắc như giữ bình Cát tường. Nhưng vì tham đắm lợi dưỡng nên bao nhiêu công đức mà Điều-đạt có được đều bị lửa giận dữ thiêu đốt. Cho nên nói: Cầu mong được tiếng khen.

Tại gia thì ganh tị: Hoặc có cư sĩ tại gia, những điều phiền lụy của gia đình tự theo bên mình, nên thường sinh tâm ganh tị, nghĩ rằng: “Nay ta không muốn thấy mặt người giữ giới thanh tịnh. Nếu có người phạm hạnh thanh tịnh đến nhà ta, dù chỉ giây lát nghỉ ngơi, ta cũng sẽ mời ông ta về chỗ cũ ngay, đừng nói gì là ở suốt ngày đêm. Nếu muốn ở lại thì ta cũng không cúng dường.” Cho nên nói: Tại gia

thì sinh ganh tị.

Đi tu, mong cúng dường: Người tu hành kia lại nghĩ rằng: “Nay ta là người xuất gia thanh danh, đạo đức đều vượt hơn mọi người, ngay cả loài bò bay máy cưa, các loài có thân hình hằng ngày đến cúng dường y phục, ăn uống, giường chõng, đồ nằm, thuốc men trị bệnh, khiến người khác không được cúng dường như ta. Nếu thấy người khác được cúng dường thì liền sinh tâm ganh tị như bị mất kho báu.” Cho nên nói: Đi tu mong cúng dường.



*Đừng cậy lợi dưỡng
Vì nhà bỏ tội
Đó không chí ý
Tiếng khen ích gì?*

Đừng cậy lợi dưỡng: Người giữ hạnh phải tinh tấn mạnh mẽ, ít muốn biết đủ với chí hướng thật vững chắc. Thường lựa nơi thanh vắng suy nghĩ quán tưởng về những điều xấu ác, bất tịnh, qua đó suy nghĩ niệm lành. Nếu người ta ở đời mà tham đắm lợi dưỡng, thì tự làm tăng thêm kiêu mạn, biếng nhác, dần dần rơi vào vòng tội lỗi, cho nên nói: Đừng cậy vào lợi dưỡng ấy.

Vì nhà bỏ tội: Đối với bất cứ ai dù nhà vua, trưởng giả, một ức cư sĩ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni đi nữa, cũng không để người ta biết

mình là người xứ nào, gia đình nào, hay nói cho người ta biết về thân đức, giới hạnh đầy đủ của mình, cho nên nói: Vì gia đình mà bỏ tội.

Đó không chí ý: Lìa xa mọi duyên ác, tu tập vô lượng định. Dù gặp việc ác trái với thệ nguyện của mình thì sự nghiệp thực hành cũng không tự vì mình, cho nên nói: Có việc, mà mình không quan tâm.

Tiếng khen ích gì: Phải ẩn kín, không để ai biết mình giữ giới tinh tấn tu hạnh A-luyện-nhã. Mỗi hành động, cử chỉ đều không để cho ai biết. Phiền não đã sạch, tâm ý đã mở tỏ, ghi nhớ mạnh mẽ, ăn nói lành lợi, trí tuệ vô lượng, nhưng không muốn nghe người khen ngợi công đức của mình, cho nên nói: Được tiếng khen có ích gì.



*Người ngu suy tưởng ngu
Ham muốn, kiêu ngạo tăng
Lạ thay lợi dưỡng kia
Đến Niết-bàn khác nhau.*

Người ngu suy tưởng ngu: Người ngu thì thường nghĩ đến việc ác, chỉ mong lợi dưỡng, nhưng đức hạnh mình thì không xứng đáng. Muốn chỉ có mình là người tôn quý nhất giữa đại chúng, phải được mọi người lễ bái cung kính, muốn người khác phải thấp hèn, cho nên nói: Người ngu suy tưởng ngu.

Ham muốn, kiêu ngạo tăng: Người ngay thẳng, thành thật thì nhằm chán lợi dưỡng. Người này giữ giới, học rộng bổ thí, đầy đủ mọi công đức, tri kiến giải thoát, không pháp tu quán nào không nhập. Công đức đã đầy đủ, xứng đáng được cúng dường. Phước đức do hóa độ người có công năng tiêu hóa của cái ấy, lại còn có khả năng cứu giúp họ. Đó gọi là tiếp nối dòng giống Như Lai, kế thừa Hiền thánh, cho nên nói: Ham muốn, kiêu ngạo (ngày càng) tăng.

Lạ thay lợi dưỡng kia: Nó có nghĩa là phi pháp. Người khởi tâm tham đắm lợi dưỡng thì phước đức ngày một tổn giảm, chẳng phải là chỗ cốt yếu, bỏ chánh theo tà, phải biết nó không phải là điều Thánh hiền dạy bảo, cho nên nói: Lạ thay lợi dưỡng kia.

Đến Niết-bàn khác nhau: Đường dẫn đến Niết-bàn rốt cuộc là khác nhau. trước phải học pháp nhiệm màu của thế tục, sau đó, mới học tập đạo pháp của Hiền thánh, kế là chứng được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, cho nên nói: Đến Niết-bàn khác nhau.



*Biết rõ về lợi dưỡng
Tỳ-kheo chân Phật tử
Không ưa thích lợi dưỡng
Thanh vắng dứt tâm loạn.*

Biết rõ về lợi dưỡng: Người tu hành biết lợi dưỡng thật khó tiêu. Nếu thân có tí vết mà còn nhận lãnh của tín thí dồi dào kia thì khác gì chiếc xe đã cũ mục, trục, bánh không còn chắc chắn nên khi chở nặng nó phải sụm thôi. Nhận lợi dưỡng cũng giống như vậy, thân không giữ gìn giới luật mà còn nhận ân người thí, chắc chắn tự rơi vào đường ác. Cho nên nói: Biết rõ về lợi dưỡng.

Tỳ-kheo chân Phật tử: Đệ tử của các Phật quá khứ đầy đủ công đức này. Các đệ tử của chư Phật Thế Tôn đời tương lai cũng sẽ đầy đủ công đức ấy.

Thế nào là đệ tử Phật?

Đáp: Có bốn hạng đệ tử là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Bốn hạng đệ tử ấy nhất định vâng làm theo lời Phật dạy, dù cho ngoại đạo, tà giáo, bọn người ác có biến hóa ra bao nhiêu hình tượng để thử lòng tin của bốn hạng đệ tử này thì cũng không bao giờ họ được dịp phá hoại. Vì sao? Vì bốn hạng đệ tử này đã thấu hiểu chỗ chân thật rồi.

Tại sao hàng phàm phu thấp kém không được gọi là đệ tử Phật? Đáp: Vì tâm họ còn do dự, không quyết định, lúc thì theo lời Phật dạy, lúc lại làm theo ngoại đạo dị học. Hạng người như thế, không được gọi là đệ tử Phật.

Còn các vị đệ tử Hiền thánh này thì gốc rễ kính tin của họ vững chắc, nhất định vâng theo lời Phật

dạy, kính thờ Tam Bảo, đó mới được gọi là đệ tử Phật. Hoặc có chỗ nói là khi có gốc rễ kính tin, không còn ngờ vực, mà Như Lai đã chứng được thì gọi là Tỳ-kheo chân Phật tử.

Không ưa thích lợi dưỡng: Vì sao? Vì Như Lai không nói hai lời. Như trong kinh nói: Ngài bảo các Tỳ-kheo: “Kẻ nào mà trong tâm còn tham đắm lợi dưỡng ngon ngọt thì sẽ đi vào đường ác, không đến với đạo được. Chỉ những ai xa lìa được lợi dưỡng thì họ mới thành đạo chứng quả.”

Hỏi:

– Đã chứng quả A-la-hán thì đầy đủ rồi sao còn phải tu đạo nữa?

Đáp:

– Vì các giác quan chưa đầy đủ sự phân biệt, cho nên đối với pháp lui sụt phải tìm phương cách để đến với gốc không lui sụt, khiến họ trở thành người có gốc không bao giờ lui sụt. Lại phải tìm phương cách để tiến đến chỗ người niệm pháp. Người niệm pháp lại phải tìm phương cách để đến chỗ người hộ pháp. Người có gốc hộ pháp, phải tìm phương cách để đến chỗ người có gốc an trú trong định. Người có gốc an trú trong định phải tìm phương cách đến chỗ người có gốc vô ngại. Cứ như thế, dần dần tiến đến nghiệp công đức. Giống như hạnh vững chắc, bất động, thì tự mình đạt tới Vô nguyện vô tướng không định, cho nên nói: Không

ưa thích lợi dưỡng.

Thanh vắng dứt tâm loạn: Thường phải thực hành năm pháp thanh tịnh nhàn tĩnh: Một là Hỷ, vui mừng đối với pháp mà mình đã đạt được. Hai là An ổn, làm cho chúng sinh an ổn, ngăn chúng sinh làm ác. Ba là Tự thủ, là giữ hạnh mình, không để lỗi lầm. Bốn là Niệm, niệm định không tán loạn. Năm là Đãi, thực hành điều lành, bỏ điều ác. Cõi Dục là nguồn gốc của căn tán loạn. Thế nên phải khéo tìm phương cách, siêng cầu giải thoát, không muốn sinh lại cõi Dục nữa, cho nên nói: ở nơi thanh vắng dứt loạn tưởng.



Muốn sự sống yên

Dứt nghĩ, tự tĩnh

Không biết toan tính

Y phục, uống ăn.

Muốn sự sống yên: Sự sống được yên ổn, có hai việc: một là sự sống của thân, hai là sự sống của trí tuệ. Hễ có sự sống của thân thì có sự sống của trí tuệ, nếu không có sự sống của thân thì làm sao có sự sống của trí tuệ? Như vậy, người tu hành thường phải tự bảo vệ và nuôi dưỡng sự sống trí tuệ, cho nên nói: Muốn sự sống yên.

Dứt nghĩ, tự tĩnh: Thế nào là dứt nghĩ, tự tĩnh mình? Tĩnh mình là giữ giới, học rộng, bố thí. Đó là pháp nhiệm màu. Nếu đối với nghĩa bậc nhất thì

phải tiến tới quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên nói: Phải dứt nghĩ, tự tỉnh.

Không biết toan tính: Thuở xưa, có một thầy Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, trán lạy sát chân Ngài, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép các thầy Tỳ-kheo tự khóa thân đi giáo hóa nhân gian, cho khác lạ thế gian, như thế há không vui sao?

Đức Phật bảo với thầy Tỳ-kheo ấy:

– Ôi! Việc thầy nói là người si mê, là không hợp với giới luật của Hiền thánh, trái ngược với đạo pháp. Khóa thân là pháp của ngoại đạo, dị học Ni-kiền tử, chẳng phải là điều nên làm trong pháp luật Hiền thánh của Ta. Nếu chúng Tăng khóa hình đi trong thế gian thì có khác gì các loài thú nuôi? Không còn biết gì là cao quý thấp hèn, cha mẹ, dòng họ?

Lại có một thầy Tỳ-kheo lạ đến chỗ Đức Thế Tôn, bạch Phật:

– Cúi xin Bạc Đại Thánh cho phép các thầy Tỳ-kheo mặc áo dệt bằng tóc.

Đức Phật bảo thầy Tỳ-kheo ấy:

– Đó là y phục của ngoại đạo dị học, chứ chẳng phải là y phục đúng với pháp luật Hiền thánh của Ta. Người ngu nên biết, mặc thứ áo dệt bằng tóc có năm thứ như bản: một là như bản, hôi hám, hai là khó đến gần, ba là làm lợi ích cho vi trùng, bốn

là sinh nhiều rận rệp, năm là lúc thời tiết nóng bức thì càng nóng lắm, khi gặp tiết trời lạnh thì càng lạnh. Phàm là đạo sĩ thì chỉ nên mặc y Tăng-già-lê thôi, vì nó là vật tượng trưng cho chư Phật, Hiền thánh quá khứ.

Cho nên nói: Không biết toan tính.

Y phục, uống ăn: Đã nói y Tăng-già-lê, sao còn nói y phục, thức ăn?

Đáp:

– Nói y phục là chỉ cho Nê-hoàn-tăng, Tăng-kì-chi, An-đà-vệ, Uất-đa-la-tăng. Còn nói thức uống là gồm có: Mía, nước đường phèn, nước trái bồ đào, nước hắc thạch mật. Còn thức ăn thì gồm có: Nếp, bún gạo khô, lúa mạch, lúa mạch khô, đậu phụ. Thức ăn chính thì cơm, cháo đứng đầu. Các thức ăn uống mà dở thì sinh chán ghét.

Một hôm, vua thỉnh một thầy Tỳ-kheo, rồi bảo quan Thái giám sửa soạn thức ăn uống thật ngon cho Tỳ-kheo dùng giống như thức ăn của mình. Ăn xong, thầy Tỳ-kheo này giã từ vua ra ngoài. Vua hỏi:

– Thầy ăn uống xong chưa?

Đáp:

– Xong rồi.

Vua suy nghĩ: “Thức ăn cúng dường thầy Tỳ-kheo hôm nay chắc dở lắm vì thấy sắc mặt thầy không vui, chắc chắn không còn nghi ngờ gì nữa.”

Vua lại mời thầy Tỳ-kheo này ngày mai lại đến thọ thỉnh. Thầy Tỳ-kheo giã từ vua, trở về tinh xá. Hôm sau, thầy lại vào cung vua, lần này, chính vua sốt nhiều thức ăn cúng dường thầy Tỳ-kheo. Thầy dùng xong, vua hỏi:

– Thế nào đạo sĩ, ngài dùng có ngon miệng chăng?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Cũng như thức ăn mà ta thường ăn.

Trong lòng vua nổi giận, nghĩ rằng thức ăn do chính vua chuân bị thế mà đạo sĩ lại nói: Như thứ mình thường ăn. Vua lại mời thầy Tỳ-kheo hôm sau đến thọ thỉnh. Hôm sau, vua lấy rượu đắng nấu với đậu làm món ăn cho Tỳ-kheo. Thầy Tỳ-kheo dùng xong, vua hỏi:

– Thế nào, Đạo sĩ dùng có ngon miệng không?

Đáp:

– Cũng như thức ăn mà ta thường ăn.

Vua hỏi đạo sĩ:

– Ăn thức ăn ngon, cũng nói là như thức ăn ta thường ăn, ăn thức ăn dở, cũng nói như thức ăn ta thường ăn, chắc có lý do gì, xin nói cho trẫm biết.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

Như hoa cây Chiêm-bặc

Ra dầu dùng bôi xe

Cao hôi, cho bay xa

Há quý ngon bỏ dở.

*Trăm vị giữ mạng sống
Giữ thân thể hành đạo
Rượu đắng nấu vẫn ăn
Toàn mạng đều nhờ nó.*

Nghe xong, trong tâm vua cảm thấy hổ thẹn, không dám nhìn Tỳ-kheo, liền thưa:

– Việc làm của trăm thật xấu hổ vì có ác ý xúc nhiều Hiền thánh. Như người ngu không tự suy nghĩ, mới có ý nghĩ muốn xô ngã núi Tu-di, nhưng không thể hại được Hiền thánh mà lại tự làm tay mình bị thương, dùng cái ca nhỏ mà muốn lường nước biển. Nay trăm đã làm một việc cũng giống như vậy, với ý nghĩ hẹp hòi, thiên lệch mà đo lường tâm rộng lớn của Thánh hiền vương.

Vua lại suy nghĩ: “Người tu hành ăn uống không phải vì ngon miệng mà là để nuôi sống thân mạng, được tu hành đạo, cũng không mong hiện đời được quả báo tốt. Đời này bố thí tốt, sau được quả báo tốt, bố thí ô uế bị quả báo ô uế, như bóng hình.” Vì thế, người trí giả phải bố thí thanh tịnh, không khởi vọng tưởng, cho nên nói: Y phục, uống ăn.



*Không trông mong lợi
Không nịnh hót ai
Không sống nhờ người
Giữ pháp hạnh mình.*

Không trông mong lợi: Thuở xưa, các Tỳ-kheo mới học đạo không bao lâu, tham đắm khát cầu, khát thực được thức ăn đều xấu dở, không ngon. Đi đến nơi nào khát thực nếu được thức ăn, thì cũng sớm hay trễ, làm cho tâm lui sụt, không thể thực tập hành trì, khiến lòng buồn bã, dần dần trở thành gian dối, chuyển sang tu tập pháp thế gian, không còn luận bàn giảng nói khế kinh, luận A-tỳ-đàm nữa. Đức Thế Tôn bảo:

– Tỳ-kheo các thầy hãy quán sát nhân duyên đời trước của mình, mọi thứ đều có quả báo. Như Tỳ-kheo Thi-bà-la và A-na-luật do công đức đầy đủ nên hai vị không mong cầu mà lợi dưỡng có dư. Dù có phước nhưng cũng không nên biểu lộ bằng cử chỉ hành vi, thí như biết được nhân duyên đời trước có cao, thấp cũng không nên khởi tâm ganh ghét.

Cho nên nói: không trông mong được lợi dưỡng.

Không nịnh hót ai: Hạnh phải chuyên nhất, thân tâm tương ưng. Bên ngoài tỏ vẻ ngu khờ nhưng bên trong thì có trí tuệ mạnh mẽ. Ý nghĩ trong tâm và lời nói ra không trái nhau, thường phải xa lánh những ý tưởng bất chính gian tà.

Thuở xưa, tại làng Câu-tú-na-la nước Kế-tân, lúc ấy có một gã thích chuyện gian dối, nịnh hót. Ở địa phương ấy có ngôi chùa tháp tên Bà-bàn-na.

Có một thầy Tỳ-kheo thường cung cấp nước sạch cho Tăng chúng. Thầy Tỳ-kheo này giả vờ làm kẻ gian xảo đang tụ tập nơi chùa chiền. Các Tỳ-kheo đều mặc áo bá nạp, rất nhiều màu sắc, cùng đến thôn ấy để gặp mặt chủ nhà. Sau khi chào hỏi, các thầy đều ngồi qua một bên. Gia chủ buồn khóc nắm vóc gieo sát đất thưa:

– Các Đạo sĩ từ đâu đến nhà kẻ nghèo hèn này vậy? Có phải các ngài đến từ ao hoa sen, hay từ thế giới phương khác đến, hay từ núi Thần tiên đến?

Trong tâm gia chủ rất quý kính các thầy bèn thỉnh các thầy Tỳ-kheo ngày mai đến nhà thọ thực. Các thầy Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi đến đây chỉ vì mình ông đó! Hôm nay vì muốn thành tựu cho nhau, nên chúng tôi không nhận lời người khác thỉnh. Dù ông muốn tìm độ người là chính, nhưng phải tìm ra người có ruộng phước tốt. Ở đây có ngàn ấy người không có lỗi lầm.

Nghe vậy, chủ nhà liền vào bên trong sai người giúp việc:

– Các người hãy mau sửa soạn các thức ăn ngon, vì có nhiều Thần nhân, Đạo sĩ đến đây và ta muốn cúng các vị ấy.

Lúc bấy giờ các thầy Tỳ-kheo nói với người chủ:

– Hiền sĩ có biết không? Chúng tôi đã tu học

nhiều năm, kinh hành, tới lui đều có phép tắc, trong sáu thời đều hành đạo, khác với lúc bình thường. Chúng tôi muốn đi kinh hành từ sáng đến chiều, từ chiều đến sáng hôm sau. Khi mặt trời mọc mới được phép ăn, không trái với giới luật.

Vị Thượng tọa trong chúng vào nói với vị đàn-việt:

– Chỉ có một mình tôi được gọi là ngồi ăn một bữa, ăn uống các món ngon và dưa trái. Lát nữa, đến giờ ngọ trai, ta sẽ chú nguyện cho.

Người đàn-việt nghe vậy vui mừng hơn hở, không kiềm chế được, sắm sửa các thức ăn ngon, để vào bát, đặt dưa trái bên trên, rồi bước tới nhận chú nguyện. Rồi lại lấy bơ, bánh, mật trộn với bột và dâng lên riêng cho vị Thượng tọa. Chờ khi Đạo sĩ ăn xong, ta ăn món còn dư trong bát sẽ được phước.

Tỳ-kheo thọ thực, chú nguyện xong, bèn hỏi đàn-việt:

– Có nước uống gì ngon không?

Vị thí chủ thưa:

– Thức uống nhà nghèo thì có thứ như: Nước Bò đào, mía, thạch mật. Vậy Tôn giả thượng tọa cần thứ nước nào?

Vị đạo sĩ đáp:

– Các thứ nước đàn-việt vừa kể, từ khi sinh đến giờ, tôi chưa uống, chưa được nếm lần nào. Nước

mà tôi hỏi là thứ nước trong vắt kia, là thứ tích lũy nhiều năm ngon ngọt, vị không thay đổi thì ta mới uống.

Người đàn-việt rất ngạc nhiên, khi nghe nói thế bèn suy nghĩ: “Than ôi! Tai họa gây nên sự biến này. Ta khởi lên ý nghĩ này cho rằng các đạo sĩ đều là bậc A-la-hán toàn bách chứng đắc sáu thứ thần thông. Nhưng giờ đây xét qua tung tích của họ, thì họ chính lại là bọn giặc cướp nguy hiểm.” Đàn-việt liền nói với Đạo nhân:

– Từ thuở nhỏ đến giờ, tôi không biết uống rượu, nên đâu dám cúng dường rượu cho Đạo nhân!

Vị Đạo nhân liền lấy tiền trong xa-lặc (*túi*) đưa cho người đàn-việt và bảo:

– Nếu nhà không có rượu thì hãy cầm số tiền này đi mua rượu về cho tôi.

Người đàn-việt nghe nói vậy liền lấy tay bịt lỗ tai lại: “Than ôi, thật lạ lùng, vì sao? Đạo sĩ lại mang bên mình sinh nghiệp này? những người này đều là phường ăn bám vô lại. Đạo sĩ đâu có tâm đạo gì?”, liền nói với Đạo nhân:

– Hãy sai người khác (*đi mua rượu*) vì tôi không phải là đầy tớ của thầy mà thầy sai tôi đến nhà bán rượu? Thực là Đạo nhân ăn bám. Trước đây ta không biết nên bị thầy xem thường. Nay ta không bao giờ để bị thầy lừa dối nữa.

Thầy Tỳ-kheo bảo:

– Thôi đi! Đàn-việt chớ hủy báng như thế, sở dĩ chúng tôi đến đây cũng chỉ vì muốn thức tỉnh mình ông mà thôi. Từ trước đến nay, ông hao tiền tốn của làm việc bố thí nhưng không gặp người chân chánh. Ông hãy bớt giận nghe tôi nói thí dụ.

Đàn-việt thưa:

– Hay lắm, tôi rất muốn nghe.

Tỳ-kheo nói:

– Hãy nghe cho kỹ! Như người giỏi bắn cung, đứng cách xa trăm bước mà bắn sợi lông thì luôn luôn trúng, nếu bắn cao, thấp, trái, phải đều không trúng đích. Còn như lấy mặt đất làm mục tiêu mà bắn thì dù cao thấp, Đông, Tây, Nam, Bắc cũng đều bắn trúng, không sai chạy. Nay đại chúng đây cũng lại như thế, bố thí không lựa chọn thì sẽ gặp được chân nhân, còn nếu lựa chọn để bố thí thì luôn luôn gặp được, phần nhiều uổng công phí của mà không được lợi ích. Trong đại chúng đây có đủ Bốn quả, Bốn song, Tám bối, mười hai Hiền sĩ, đều có đủ cả. Nếu muốn lấy được châu báu thì phải ra biển cả hay lên núi báu Tu-di, muốn cầu Hiền nhân chứng quả A-la-hán thì phải vào trong đại chúng. Đàn-việt hãy nghe cho rõ, ta sẽ nói thêm một thí dụ. Người có trí tuệ thì nhờ thí dụ mà được hiểu.

Ngày xưa, ở cõi nước cao quý này, có một người cư ngụ ở Nam Thiên trúc trở về, y về chung

với một người bạn. Rồi y ăn nằm với nữ chú thuật gia là Xa-bà-la. Lúc y có ý định trở về nhà thì liền bị hóa thành lừa, không thể trở về được. Người bạn bèn bảo:

– Nhiều năm chúng ta vắng nhà, hoàn toàn không có tin tức gì về mọi việc tốt xấu tai biến quê nhà. Ý anh thế nào, có muốn trở về nhà không? Nếu muốn về thì hãy sửa soạn.

Người kia trả lời:

– Tôi nào biết nghĩ xa, nên mới gặp chuyện xui xẻo vì tôi ăn nằm với nữ chú thuật, nên vừa có ý muốn trở về nhà thì liền bị hóa thành lừa. Tâm thần rối loạn, trời đất trống trơn, không còn biết gì là Đông, Tây, Nam, Bắc nữa. Thế nên, không thể về được.

Người bạn bảo:

– Sao anh mê lầm như vậy? Trên đỉnh núi Nam này có một loại cỏ tên là Già-la-ba-la. Nếu ai bị chú thuật trấn áp mà ăn cỏ thuốc ấy vào thì liền trở lại thân người.

Người kia nói:

– Nhưng tôi không biết thứ cỏ ấy, thì phải làm sao bây giờ?

Người bạn bảo:

– Anh cứ đến đó lần lượt ăn rồi sẽ tự gặp nó.

Người này liền nghe theo lời dạy bảo của bạn là nếu bị thành lừa thì đến núi Nam cứ lần lượt ăn

cỏ thì sẽ được trở lại thân người...

Rồi anh này tom góp các thứ châu báu và được cùng bạn, bình yên trở về nhà.

Đàn-việt nên biết, ở đây cũng giống như thế, những người mê lầm một lòng tín thí để cầu chứng quả A-la-hán, nhưng ai là người chứng quả? Ngay đây tìm mãi vẫn không bao giờ gặp được. Vì muốn cầu chân nhân La-hán là phải tìm ngay trong đại chúng, theo thứ lớp cúng dường thì sẽ gặp bậc Hiền thánh, chứng quả không còn ngờ vực gì nữa. Đàn-việt lại phải lắng nghe điều này!

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, bà Đại Ái Đạo, dì ruột của Phật, dùng chỉ vàng dệt thành y, dâng lên cúng dường Phật. Đức Phật bảo bà:

– Muốn bố thí thì hãy vào trong đại chúng, vì sao lại chỉ đối riêng mình Ta? Vì Ta cũng chỉ là một người trong đại chúng mà thôi. Có thể chia nhỏ y này ra rồi mang chỉ vàng ấy dệt thành y và cúng dường cho Thánh chúng.

Như Lai là Đấng Tôn Quý nhất trong ba cõi mà còn không thể nhận của bố thí một cách thiên vị, nên Ngài đã nhường cho Thánh chúng, chứ không lấy riêng về cho mình. Người đàn-việt có nghe vị chủ chùa Bà-bàn-na ở trong thành phía Nam của nước này, từng cung cấp nước cho chúng Tăng chăng?

Người đàn-việt thưa:

– Tôi nghe việc ấy lâu rồi, nhưng từ khi sinh ra đến giờ, tôi chưa gặp mặt người ấy. Giờ đây, tôi mới biết vị ấy là bậc Hiền thánh.

Thầy Tỳ-kheo nói:

– Từ trước đến giờ, có biết bao tệ nạn gian xảo, giả dối, lừa gạt đàn-việt, như tôi so sánh ấy, chẳng phải một người. Từ nay trở đi, nếu đàn-việt muốn làm phước thì phải vào trong đại chúng, lúc đó quả báo mà mình mong cầu sẽ được kết quả.

Lúc bấy giờ thầy Tỳ-kheo liền nói bài kệ:

*Rắn độc, mang trên cổ
Mặc y vẫn như cạp
Đi như hạc rình cá
Im lặng không nói năng.
Không bốn tâm vô lượng
Dối trá gạt chủ nhân
Nên phải lìa nịnh hót
Luyện tinh thần bằng Chân.
Như Lai giáo hóa khắp
Sáng ngời trong ba cõi
Sở dĩ được lợi dưỡng
Bởi có đạo Thánh hiền.
Bồ thí dứt tham tiếc
Hết lòng thờ Tam bảo
Nhờ đó, lìa gian dối
Dùng pháp để dưỡng tính.*

Người đàn-việt liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi,

gieo năm vốc sát đất kính lạy Thánh chúng, xin được sám hối:

– Hôm nay được gọi nhuần những điều mà từ trước đến giờ con chưa được nghe. Tuy nói là cha mẹ, tôn trưởng nhưng cũng không thể chỉ đường. Vì cốt yếu là mong gặp được ân Thánh để dứt bỏ hẳn tâm nơ bản. Từ nay trở đi, nếu bố thí thì không luận ít hay nhiều, đều phải đến trong đại chúng, không dám tự ý. Nay, một lần nữa, con xin tự quy y. Mong các Hiền thánh đều làm thầy con. Con xin cúng dường bốn món y phục, thức ăn, giường ghế, đồ nằm, thuốc men trị bệnh.

Cho nên nói: Không nịnh hót ai.

Không sống nhờ người: Thuở xưa, Tỳ-kheo Điều-đạt cùng năm trăm vị Tỳ-kheo nhận sự cúng dường trọng hậu và các vật lặt vặt, nên thường đến thăm viếng vua không để làm phật lòng vua. Năm trăm thầy Tỳ-kheo này đều nhờ Điều-đạt mà được lợi dưỡng, tự mình không có công đức nên không đáng quý. Nếu phải tự mình đầy đủ các pháp, tự được cúng dường, thì mới là quý. Cho nên nói: Không sống nhờ người.

Giữ pháp hạnh mình: Pháp chỉ cho các pháp lành, phải thường nhớ chúng cho đầy đủ. Không nhận từ kẻ khác và không truyền trao cho kẻ khác. Sa-môn và bạch y phải dùng nội giáo của chính mình mà dứt nghĩ, thường nên tinh tấn, không làm

mất pháp độ. Thường tu học theo chánh pháp không rơi vào tà đạo, cho nên nói: Giữ chắc pháp hạnh của mình.



*Tự có không cậy
Không trông nhờ ai
Tỳ-kheo trông mong
Không được chánh định.*

Tự có không cậy: Phạm người đã giữ gìn công đức thì không thấy mình có công đức, làm mà không thấy mình làm, không cậy vào công đức của mình mà khinh thường người khác là không có công đức. Như các đệ tử của Tỳ-kheo Điều-đạt, họ thật sự không có công đức mà luống nhận của tín thí, đều khởi tâm mong cầu cho rằng mình là tôn quý nhất, không ai bằng. Cho nên nói: Tự có không cậy.

Không trông nhờ ai: Các đệ tử Điều-đạt, mỗi người đều phải biết kiềm chế không được gièm pha nhau, phải khen ngợi danh dự, hễ ai không khen ngợi danh dự thì bị đuổi ra khỏi chúng Tăng, đúng ra phải nói không có công đức mà lại nói không là có công đức. Thế nên Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy đều phải tự giữ gìn cẩn thận, chớ có nói không là mình có công đức, làm những việc không đúng với mình thì sẽ vời lấy tai họa, không đến được chỗ rốt ráo”. Cho nên nói: Không trông

nhờ ai.

Tỳ-kheo trông mong, không được chánh định: Ý thường kiêu hãnh, có sự mong cầu. Tâm ý không chuyên nhất, không làm theo chánh hạnh thì không bao giờ được tâm ý an định. Phàm người nhập định thì quan trọng là phải chuyên ý, không còn niệm nào khác, cho nên nói: Tỳ-kheo còn trông mong kẻ khác thì không đạt chánh định.



*Muốn sự sống yên
Dứt tâm, tự tỉnh
Như chuột trong hang
Ẩn mình tu pháp.*

Muốn sự sống yên: Sự sống yên ổn có nghĩa là nhóm họp các điều lành, mở rộng chỗ sâu kín, để nuôi sự sống, chứ không phải chỉ có ăn với mặc mà thôi. Cho nên nói: Muốn sự sống yên.

Dứt tâm, tự tỉnh: Giữ giới, học rộng, bố thí, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lấy đó làm chuỗi anh lạc để trang sức. Cho nên nói Sa-môn tự tỉnh giác.

Như chuột (trốn) trong hang: Loài chuột bỏ ở sâu trong hang vững chắc không còn lo sợ gì, không bị người ác hay loài côn trùng khác xâm chiếm, sát hại, không bị lửa cháy, nước ngập, cho nên nói: Như chuột trốn trong hang.

Ẩn mình tu (giáo) pháp: Đầy đủ pháp nội cấm

của Sa-môn, ăn mình chỗ thanh vắng, tâm ý thanh thoi vắng lặng, ăn uống tiết chế, biết đủ. Dù loài người hay chẳng phải loài người cũng không có được dịp phá hại mình được. Cho nên nói: Ăn mình tu giáo pháp.



*Muốn sự sống yên
Dứt tâm, tự tĩnh
Đến chỗ biết đủ
Nhớ tu một pháp.*

Muốn sự sống yên: Con người ở khắp trong bốn biển, vượt qua mọi gian nan, càng tăng thêm khổ nhọc, không may mắn việc lành, cho nên nói: Muốn sự sống yên.

Dứt tâm, tự tĩnh: Ăn phải biết đủ, không được mong nhiều. Nếu muốn được y phục, thức ăn, giường ghế, đồ nằm, cũng không bao giờ được mong nhiều. Cho nên nói: Dứt tâm, tự tĩnh.

Đến chỗ biết đủ, nhớ tu một pháp: Một pháp là gì? Một pháp là đối với các pháp lành đều biết đủ, cho nên nói: Nhớ tu một pháp.



*Chế lợi, nhận vừa
Giữ giới, suy nghĩ
Được người trí khen
Thanh khiết, chớ lười.*

Chế lợi, nhận vừa: Cần thận giữ hạnh của

mình, không để bị đả nhiễu theo đường tà. Nếu được lợi dưỡng thì trước hết phải khuyên tín thí cúng dường đại chúng, sau đó mới tự nhận. Phải vì bốn bộ đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hay vì nhà vua, các quan, một ức cư sĩ, trưởng giả giàu có, đêm ngày thừa hỏi, nghe nhận, thường lấy nhường nhịn làm đầu, rồi sau mới đến lượt mình, cho nên nói: Phải tiết chế lợi dưỡng, nhận vừa phải.

Giữ giới, suy nghĩ: Chuyên ý giữ giới, dù mảy may cũng không trái phạm. Ra vào tới lui không mất oai nghi. Giữ tâm tu tập cấm giới như đang gặp kiếp hỏa, cho nên nói: Giữ giới, suy nghĩ.

Được người trí khen: Người có trí tuệ thì ý chí tôn sùng điều cao thượng sáng tỏ, hổ thẹn vì mình không theo kịp điều cao thượng ấy. Thấy có người giữ hạnh thì sẵn sàng giúp đỡ để họ thành tựu hạnh ấy. Và ca tụng, đề cao khen ngợi danh đức của người ấy, cho nên nói: Được người trí khen.

Thanh khiết, chớ lười: Ngày đêm tinh tấn, ngồi, nằm, đi kinh hành vẫn không quên việc làm gốc của mình. Từ sáng đến chiều tối, đến sáng hôm sau, luôn suy nghĩ chỉ quán, dù khi ăn, khi nghỉ cũng không lãng quên, cho nên nói: Thanh khiết, chớ lười nhác.



Tỳ-kheo ba đạt

Giải thoát, vô lậu
Hiểu ít biết ít
Người trí nhớ nghĩ.

Tỳ-kheo ba đạt: Người căn tánh bén nhạy, công đức cao sâu, được giải thoát vô ngại, bỏ tám, trừ nhập. Đó gọi là một minh cũng gọi là một đạt. Khi dứt sạch hết lậu gọi là hai minh. Được các thần thông gọi là ba minh. Lại có thuyết nói: Dứt hết các lậu gọi là một minh. Biết mình sinh ra từ đâu, gọi là hai minh. Tự biết thân đời trước, gọi là ba minh. Cho nên nói: Tỳ-kheo ba đạt (ba minh).

Giải thoát vô lậu: Người giữ hạnh kia đã dứt bỏ già chết. Chết có bốn nghĩa: Một là chết kết sử, hai là chết năm ấm, ba là chết rớt ráo, bốn là chết ở cõi trời Tự tại. Đó là bốn thứ chết. Thầy Tỳ-kheo có ba đạt thì hàng phục hẳn hai thứ ma. Thế nào là hàng phục hai thứ ma? Một là ma kết sử, hai là ma trời. Cho nên nói: Giải thoát vô lậu.

Hiểu ít biết ít: Trí tuệ của bản thân mình rộng khắp không bến bờ, nhưng không ban rải khắp cõi đời, không giao thiệp qua lại với tri thức (thế gian) chỉ có người hiểu biết mới phân biệt được. Cho nên nói: Hiểu ít biết ít.

Người trí nhớ nghĩ: Được các bậc phạm hạnh quý kính, biết rõ thân lực của người ấy, lòng tin được tự tại, không còn gì ngăn trở được. Cho nên nói: Người trí nhớ nghĩ.



*Còn thức ăn uống
Được người cúng dường
Có ra pháp ác
Do ganh cúng dường.*

Còn thức ăn uống, được người cúng dường: Đều do đời trước thích làm việc bố thí mà đời nay sinh vào nhà giàu sang, nhiều tài sản vật báu, tướng mạo xinh đẹp, mặt tươi hồng như hoa đào, trước khi nói đã nhoẻn miệng cười, vẻ mặt lúc nào cũng hòa vui, tâm thức sáng rõ, thông minh trí tuệ, học rộng tài cao, việc gì cũng rõ biết. Đến nơi nào cũng làm nhiều pháp sự. Cho nên nói: Còn thức ăn uống, được người cúng dường.

Có ra ác pháp, do ganh cúng dường: Hoặc có người tu học lần lượt nối tiếp nhau được cúng dường. Theo pháp cúng dường thì từ một người được cúng dường, người sau làm theo lại đến cúng dường, mà không thể phân chia được trí tuệ sâu cạn, đạo đức ít nhiều. Từ đó, người có trí tuệ trở lại tỏ thái độ khinh bỉ, kiêu ngạo, gian dối, thích hư danh, trở lại cung kính lấy chân làm ngụy, cho ngụy là chân, cho mình là phải, người là quấy, phỉ báng lẫn nhau, nghĩ rằng: “Ta có trí tuệ, tài năng hơn người, còn người là kẻ hiểu biết nông cạn”, từ đó tìm dịp giết hại oan uổng người lương thiện, người chết nhiều vô hạn. Khiến cho những người trí ẩn mình không xuất hiện. Kẻ ngu si, gian ác thì

tha hồ buông lung trong đời, cho nên nói: Có ra ác pháp, do ganh cứng đường.



*Nhiều tri thức hợp
Cường mặc pháp y
Chỉ mong ăn uống
Giường ghé, đồ nằm.*

Nhiều tri thức hợp, cường mặc pháp y: Có người gian xảo dối trá mặc y bá nạp, ngoài thì biểu hiện dáng dấp kín đáo, nhưng bên trong thì tâm ý như người đời, cùng ở chung với họ, khi bước đi thì mắt nhìn phía trước không rời. Cho nên nói: Nhiều tri thức hợp, cường mặc pháp y.

Chỉ mong ăn uống, giường ghé, đồ nằm: Có nữ thanh tín đi đường gặp hạng ấy thì đều cung kính, phát sinh tâm lành. Ngay khi thấy thì tín nữ kia như hoa nở tươi dưới ánh mặt trời, tâm ý thương xót, không thể bỏ đi. Hạng người ấy, dù mặc y bá nạp mà lòng như sói lang, như chồn rình chuột, không có giới hạnh mà nhận của thí, không nghĩ gì về đạo đức, lừa dối người đời, không còn biết gì tới kinh điển, giới luật.

Chúng sinh trốn chạy như núi băng lở sụp, như người khát cần nước uống, mình trần được áo, tâm ý cung kính, hi vọng được phước, nghĩa là đối với ruộng phước tốt, không còn tội lỗi. Cho nên nói: Chỉ mong ăn uống, giường ghé, đồ nằm.



*Phải biết tội ấy
Lợi dưỡng đáng sợ
Nhận ít không lo
Tỳ-kheo thanh thân.*

Phải biết tội ấy, lợi dưỡng đáng sợ: Lợi dưỡng là chứng bệnh đã ăn sâu vào xương tủy. Khi chết rơi vào đường ác chắc chắn không còn nghi ngờ. Nhiều nỗi lo sợ, không bao giờ được yên. Nếu sống ở nhân gian thì gặp nhiều tai họa. Muốn tự đề phòng thì không ai sốt sắng giúp đỡ, sống thì sợ chết, đi nơi khác thì sợ giặc. Cho nên nói: Phải biết tội lỗi, lợi dưỡng đáng sợ.

Nhận ít không lo, Tỳ-kheo thanh thân: Hoặc có những người nam, người nữ thuộc dòng họ cao quý giữ lòng tin vững chắc, từ biệt vợ con, xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Tới giờ ôm bát đi khát thực là đem phước đức rộng lớn đến cho chúng sinh, được thức ăn ngon hay dở cũng đều chú nguyện cho thí chủ. Nhờ ân phước này mà tất cả đều được độ thoát. Nhưng đối với người thiếu hiểu biết, không hóa độ cùng khắp, biện tài nhạy bén không biết cách thích ứng lại được tám bộ chúng như trời, rồng, quỷ thần, tôn kính trọng đãi, đến nghe chánh pháp và thọ Tam tự quy với họ, vô số quỷ thần sạch hết các bụi nhơ, được mắt pháp thanh tịnh, cho nên nói: Nhận ít không lo, Tỳ-kheo thanh thân.



Không ăn không sống được
Ai không ăn vật thực
Việc ăn là trước tiên
Biết vậy không nên ganh.

Không ăn không sống được: Tất cả loài chúng sinh có thân hình, đều nương nhờ vào ăn mà sống được. Hoặc có người tham ăn uống, vì cái tham ấy mà có ngàn muôn chúng sinh bị giết hại. Lại có chúng sinh tâm không keo kiệt, đối với những việc ăn uống họ không tha thiết lắm. Sở dĩ như thế là vì họ nghĩ đến tám điều của bậc Đại nhân nên ăn uống chỉ đủ để nuôi thân. Cho nên nói: Không ăn không sống được.

Ai không ăn vật thực: Nhờ ăn mà người ta có hơi thở ra vào, thần thức ổn định, tụng kinh hành đạo. Tuy có bốn cách ăn, nhưng ăn từng miếng là trước hết. Tới lui, đi lại, làm xong mọi việc. Cho nên nói: Ai không ăn vật thực.

Việc ăn là trước tiên: Người tu hành tâm thường quán tưởng thức ăn, thức ăn này từ đâu đem lại, rồi nó sẽ đi về đâu? Phân biệt từng thứ rõ ràng, do ăn mà đắc quả. Cho nên nói: Việc ăn là trước tiên.

Biết vậy không nên ganh: Hoặc có người tu hành ẩn mình nơi núi sâu ở riêng một mình nơi thanh vắng, cô đơn một bóng, không bè bạn. Sống

với một tượng Phật, không có đồ chúng. Sở dĩ họ không ham thích ở đời là vì thấy người ta kích bác nhau cay độc mà biết đề phòng kỹ mọi lo âu khi chưa xảy ra, hoạn nạn xảy ra do có đôi, nước ngập tràn lan từ nơi nguồn. Nếu không có đôi thì ta không có hoạn nạn gì. Thế nên, bậc Thánh nhân dạy người nên sống nơi thanh vắng, tránh nơi ồn náo, nhờ đó không còn ý niệm ganh ghét. Cho nên nói: Biết vậy, không nên ganh tị.



*Ganh trước tổn mình
Sau mới tổn người
Đánh thì bị đánh
Không thể dứt được.*

Ganh trước tổn mình: Như có người té xuống bùn nhơ, không thể trèo lên khỏi hố bùn, mình còn không cứu mình được thì làm sao cứu giúp ai, phải tìm cách cứu nạn ấy. Cho nên nói: Ganh trước tổn mình.

Sau mới tổn người: Khi mình được cứu độ rồi mới tìm cách cứu độ người chưa độ, cho nên nói: Sau mới tổn người.

Đánh thì bị đánh: Đều do tâm người chưa bỏ việc phải quấy. Điều ấy làm rõ luật nhân quả như ngựa mặt lên hư không phun nước miếng, nước miếng trở lại rớt xuống mặt mình, không thể đánh người khác. Tiếng vang là vắng lặng, vô hình, bị

người mắ¹ng nhiế²c, nhưng có âm thanh, tai ta nghe đên hoàn toàn không có hình chấ³t, vì sao trong pháp vắng lặ⁴ng mà lại sinh ra hỷ nộ một cách ngang ngược? Người ngu thiếu suy nghĩ nên sinh ra thức tưở⁵ng, tranh phải quấy với nhau, đưa đến mất mạng, cho nên nói: Đánh thì bị đánh.

Không thể dứt đượ⁶c: Người ngu giữ ý đến chết vẫn không đổi. Nếu gặp lợi dưỡng thì cho là vật sở hữu của mình, đối với lợi dưỡng ấy sinh ra ganh tị nên không có tâm rộng lớn, cho nên nói: Không thể dứt đượ⁶c.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 16

Phẩm 15: Phần Nộ

*Không đáng giận, nổi giận
Không làm lành, làm ác
Họ chịu đau khổ ấy
Đời này và đời sau.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn Cù-sư, nước Câu-xà-di. Lúc bấy giờ, trong làng ấy có rất nhiều Tỳ-kheo ưa thích tranh chấp, đôi bên trợn mắt nhìn nhau, hủ nhục lẫn nhau. Đức Thế Tôn biết được bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy thôi! Các Tỳ-kheo chớ nên tranh chấp. Vì sao? Các thầy nên biết, oán ghét không chấm dứt được oán ghét, chỉ có nhẫn nhục mới chấm dứt oán ghét. Đó là Chánh pháp Như Lai. Vì sao?

Vào thời quá khứ lâu xa, vô số kiếp về trước, vua nước Ca-thi tên là Phạm-ma-đạt và vua nước Câu-tát-la tên Trường Thọ. Lúc ấy, vua Phạm-ma-đạt tập hợp bốn thứ binh như voi, ngựa, bộ binh, chiến xa tấn công vào lãnh thổ vua Trường Thọ. Vua Trường Thọ nghe ngoài biên giới đang có

quân mã đến, cũng vội tập hợp bốn thứ binh: voi, ngựa, bộ binh, chiến xa, rồi đưa quân ra chiến đấu và bắt sống được vua Phạm-ma-đạt, đánh tan quân giặc. Vua Trường Thọ nói với Phạm-ma-đạt:

– Ta tha mạng sống, ngươi hãy về nước, từ nay về sau chớ có làm phản.

Bị đuổi về nước không bao lâu, Phạm-ma-đạt lại tập hợp bốn thứ binh: voi, ngựa, bộ binh, chiến xa, tiến đánh nước Câu-tát-la. Vua Trường Thọ suy nghĩ: “Lần trước chiến đấu, ta đã đánh tan quân giặc, bắt sống và tha mạng cho y, thế mà y không sửa đổi lỗi lầm, nay lại đến xâm chiếm nước ta.” Sau đó, vua Trường Thọ chỉ đem theo vài kỵ binh nhẹ đi chiến đấu với quân Phạm-ma-đạt, nên bị quân Phạm-ma-đạt đánh tan. Vua Trường Thọ nhanh chân chạy thoát, dẫn theo được đệ nhất phu nhân và một vị quan hầu. Vua vào ẩn mình trong núi sâu, nơi không ai lui tới, sống ẩn dật vì sợ có người biết. Bấy giờ vua Trường Thọ lại nghĩ: “Ta ở chốn núi sâu không thể nào sống nổi. Vậy phải học thơ kệ, tập ca vịnh rồi vào nhân gian đi xin để nuôi sống.” Nghĩ vậy, vua liền tập ca vịnh thơ kệ, tự học đánh đàn cầm, đàn sắt, làm cho lời ca lưu loát ăn nhịp với tiếng đàn. Rồi phiêu bạt nơi này chốn nọ, vua sống với nghề ấy.

Lúc bấy giờ, vị quan bậc nhất của vua Phạm-ma-đạt xuất thân từ dòng Phạm chí, nghe trong nước này có hai vợ chồng người ăn mày bị đói lạnh

đang lang thang trong nhân gian dùng tiếng đàn cầm, đàn sắt đi xin ăn để kiếm sống, ông liền sai người kêu lại để nghe âm nhạc. Gã ăn mày vào nhà, hỏi thăm qua lại rồi liền thổi âm nhạc. Vị quan nghe xong, vui mừng hơn hờ không kiếm chế được. Ông liền bảo gã ăn mày:

– Hai vợ chồng ông nghèo khổ, rách rưới, thường thiếu quần áo, thức ăn, hãy ở lại đây dạy cho đám nhỏ học tập. Ta sẽ cấp dưỡng, không để vợ chồng ông thiếu thốn.

Lúc ấy, vị phu nhân đệ nhất của người ăn mày sắp đến ngày sinh. Bà ta sinh ý nghĩ và nói với chồng:

– Thiếp vừa có ý nghĩ, ước chi ta có thứ binh chúng vây quanh thiếp vài vòng, với màn che trướng phủ, thiếp ngủ yên trong ấy. Thiếp muốn được uống nước rửa dao bén. Ngài có những thứ ấy không?

Vua bảo vợ rằng:

– Những gì của hai ta đã bị Phạm-ma-đạt phá tan hết rồi. Đất nước mất rồi thì làm sao có được bốn thứ binh chúng, với trướng màn đẹp, nước rửa dao bén?

Người vợ nói với chồng:

– Nếu ngài không lo những món ấy thì thiếp chết, chứ sống làm gì?

Lúc bấy giờ vị quan liền kêu gã ăn mày bước

ra trôi nhạc. Tiếng đàn cầm hòa lẫn lời ca, cũng có lúc tiếng đàn cầm lồi nhịp lời ca, hoặc lời ca không ăn khớp với tiếng đàn. Vị quan liền hỏi:

– Ta thấy ông trôi nhạc mà không được vui, vậy ông bị bệnh hay lòng có việc gì lo nghĩ chăng?

Người ăn mày đáp:

– Tôi không bệnh hoạn gì, chỉ trong lòng có việc lo nghĩ thôi.

– Vậy, ông lo nghĩ chuyện gì, có thể cho biết được không?

Đáp:

– Vợ tôi đang mang thai, sắp tới ngày sinh, nên nàng nghĩ rằng nàng muốn có được bốn thứ bình chúng vây quanh vài vòng, với màn trướng đẹp, ngủ yên, muốn được uống nước rửa dao bén. Nếu được những thứ đó thì nàng sống, còn không thì nàng chết. Xét trong hoàn cảnh như vậy thì tôi còn sống làm chi?

Vị quan bảo rằng:

– Ông hãy yên lòng, chớ có lo nghĩ. Ta sẽ tạm bày bốn thứ bình chúng.

Y như lời, vị quan liền cho bốn thứ bình chúng vây quanh mấy vòng với màn trướng đẹp, uống nước rửa dao. Ngay lúc ấy, bà sinh một bé trai dung mạo khôi ngô khác thường, có tướng giàu sang. Vị quan thấy vậy liền quỳ gối trước mặt phu nhân, ba lần khen:

–Ồ đẹp quá!

Rồi ông tuyên bố:

– Nước Câu-tát-la lại sinh một Thánh chúa nối ngôi vua, từ nay đất nước được hưng thịnh.

Nói rồi, ông bảo binh lính là không ai được rao truyền việc ấy, nếu ai tiết lộ ra thì sẽ bị chém đầu.

Lúc bấy giờ, Phạm-ma-đạt trộm nghe vua Trường Thọ khải đàn cầm đàn sắt đi ăn xin trong dân gian, liền sai người đi bắt, đem về nhốt vào ngục.

Thái tử Trường Sinh dần dần khôn lớn, rồi đến các nhà các quan, trưởng giả giàu có, tỵ cầu nguyện mà nói:

– Xin các hiền sĩ hãy mở hội bố thí chia nhau làm điều lành. Nếu có chút phước nào thì xin hồi hướng cho vua Trường Thọ để ông sớm thoát khỏi gốc khổ đau này!

Vua Phạm-ma-đạt lại trộm nghe, biết thái tử Trường Sinh là con vua Trường Thọ, đang xin ân cho cha trong dân gian bằng cách khuyên người làm việc lành, mong cho cha sớm thoát khỏi nạn khổ. Vua Phạm-ma-đạt vô cùng giận dữ, liền đem Trường Thọ ra giữa chợ. Trường Sinh theo sau, cầm gươm bén lớn tiếng thưa với cha:

– Con đủ sức cứu cha thoát khỏi ách nạn trong thời gian này.

Vua Trường Thọ bảo:

– Hãy thôi đi con ơi! Người lập hạnh không thấy xấu cũng không thấy tốt.

Nghe nói thế, những người đứng chung quanh cho rằng:

– Vì biết mình sắp kề cái chết nên vua Trường Thọ thốt ra lời thật khùng đó.

Vua Trường Thọ trả lời những người đứng chung quanh:

– Trong những người hiểu biết, chỉ có đứa trẻ này mới hiểu lời tôi vừa nói.

Liên đó, vua Trường Thọ bị chém làm bảy khúc giữa chợ.

Thái tử Trường Sinh thấy trong thân mình, máu phun ra xối xả khắp cả người. Lòng thái tử căm giận nhưng không dám bộc lộ ra bên ngoài. Thái tử lại đến nhà các quan cầu xin thương xót ban ân. Thái tử thưa:

– Cha tôi không có lỗi gì mà bị vua của quý vị giết chết một cách oan uổng. Thi thể cha tôi phơi bày, vất bỏ giữa chợ, không ai thu lượm hình hài tàn liệt chôn cất. Xin các hiền sĩ cùng tôi thu lượm và xây bảy ngôi tháp, cúng dường bằng hương hoa như phép tắc thông thường của thế gian.

Liên theo lời nói ấy, thi hài vua Trường Thọ được thu lượm, xây bảy ngôi tháp cúng dường. Thái tử Trường Sinh thâm nghĩ: “Vua Phạm-ma-đạt bạo ngược vô đạo. Y đã xâm chiếm đất nước

và dân chúng của ta, lại còn đem vua cha ta ra chém giữa chợ. Ta phải trốn ra khỏi nước này, nếu không, chúng bắt được ta thì không thoát khỏi chết chém”. Thái tử liền đưa mẹ trốn ra khỏi nước, đến địa phương khác. Ở đây, thái tử Trường Sinh lại học đàn cầm, đàn sắt với giọng ca dịu dặt. Qua nơi này chôn nọ xin ăn để sống. Thái tử dần dần trở về nước mình. Vua Phạm-ma-đạt nghe nói có một gã ăn mày đi ăn xin có dẫn mẹ theo. Y khảy đàn cầm, đàn sắt xin ăn từng nhà. Lời ca tiếng đàn vang vọng dịu dặt ai nghe cũng say mê. Vua liền sai người gọi gã vào cung sâu, đêm ngày vua nghe âm nhạc không biết thỏa mãn. Nhìn hình dung, tướng mạo, vua coi như con mình đẻ ra.

Lúc bấy giờ vua Phạm-ma-đạt sắp đi săn bắn. Thái tử Trường Sinh đánh xe cho vua đi, thái tử cho xe đi vào những con đường đầy nguy hiểm, không người qua lại, không đi đường lớn, không có binh lính theo hầu. Thái tử suy nghĩ: “Xưa y đánh phá nước ta, cướp đoạt dân ta, giết oan uổng cha ta, hôm nay nếu không báo thù thì còn ngày nào mới ra tay?” Rồi cho xe đi săn vào sâu trong núi. Lúc ấy Phạm-ma-đạt mệt mỏi, muốn được nghỉ ngơi, liền bảo người đánh xe:

– Hãy ngừng xe chỗ này. Ta rất mệt, muốn nghỉ lại một chút.

Theo lời vua, xe được ngừng lại. Vua bảo người đánh xe:

– Hãy ngồi xuống. Ta muốn gói đầu trên bắp vế nhà ngươi.

Vua liền gói đầu trên vế thái tử và ngủ thiếp đi. Thái tử Trường Sinh tự suy nghĩ, miệng nói như vậy:

– Vua Phạm-ma-đạt này là kẻ bạo ngược vô đạo, y đã xâm chiếm, cướp đoạt dân ta, giết cha ta oan uổng, ta muốn báo oán, chính là giờ phút này. Nếu không giết thì còn ngày nào mới ra tay?

Thái tử Trường Sinh tuốt gươm bén kề vào cổ vua, rồi lại ngừng tay vì nhớ lại lời di chúc của vua cha: “Xưa, lúc sắp chết, cha ta có dạy ta: ‘Con nên biết! Người lập hạnh chỉ quý điều tín nghĩa. Nếu làm trái lời cha dặn, thì con không phải là người con hiếu.’ Cha ta còn dạy: ‘Con chớ thấy lỗi người, cũng chớ thấy cái hay của người’. Nếu ta giết tên vua này là trái lời dặn của cha ta!” Thái tử liền tra gươm vào vỏ, đè nén cơn giận.

Lúc ấy vua Phạm-ma-đạt đang trong qua cơn chiêm bao thành linh thức giấc, thân thể ướt đầm mồ hôi, khắp mình nổi ốc. Thái tử Trường Sinh hỏi vua:

– Vừa rồi vua đang ngủ, sao bỗng nhiên thức giấc sợ hãi như thế?

Vua bảo người đánh xe:

– Ngươi muốn biết phải chăng? Khi nãy, ta vừa ngủ thiếp, chiêm bao thấy con vua Trường Thọ là

Trường Sinh tay phải cầm gươm, tay trái nắm lấy đầu tóc ta, rồi đưa dao kề vào cổ ta, mà nói rằng: “Ta muốn báo thù, người có biết không?” Rồi trong chiêm bao vị ấy lại ăn năn trách móc, xưa, lúc vua cha ta sắp lâm chung có tha thiết dạy rằng: “Chỉ có lòng nhẫn nhục mới chiến thắng oán thù.” Vì vậy mà ta thức giấc trong sự sợ hãi.

Người đánh xe thưa vua:

– Xin vua cứ ngủ tiếp, chớ lo sợ hoảng hốt. Vua có biết không? Thái tử Trường Sinh, con vua Trường Thọ, chính là tôi đây. Xưa kia, vua cha tôi cai trị dân bằng luật pháp, không làm ai bị oan uổng. Còn bệ hạ thì bạo ngược, đã xâm chiếm nước tôi, cướp đoạt dân tôi, giết cha tôi chết oan uổng. Nghĩ đến việc báo thù thì ở chốn núi sâu này chính là nơi thuận tiện, hôm nay không trả thù thì ngày nào mới làm được? Đúng là khi này tôi có rút gươm kề vào cổ bệ hạ, nhưng tôi dừng tay vì nhớ lại lời cha tôi dạy bảo: “Con nên biết người lập hạnh chỉ quý điều tín nghĩa, cẩn thận chớ nghĩ đến điều ác.” Một khi điều ác đã nhiễm sâu vào người thì không bao giờ bỏ được. Nếu làm trái lời di chúc của cha thì con không phải là đứa con hiếu. Vì vâng giữ lời dạy của cha tôi nên tôi đã tra gươm vào vỏ!” Hôm nay, tội lỗi trước kia tôi không ghi nhớ. Tôi muốn sớm đưa vua về nước. Khi đến nơi rồi, ý vua muốn giết tôi cũng được.

Rồi hai người cùng ngồi xe trở về cung điện.

Vua Phạm-ma-đạt nhóm họp hết các quan mà bảo:

– Các khanh tính sao, nếu các khanh gặp thái tử con vua Trường Thọ?

Trong số các quan, có người nói:

– Nếu gặp y, thì trước chặt tay chân rồi đem giết đi.

Lại có người nói:

– Lột sống da nó rồi đem giết.

Lại có người nói lấy lửa đốt rồi dùng tên bắn. Họ tranh nhau nói, không thể kể hết.

Lúc bấy giờ, vua Phạm-ma-đạt bảo các quan:

– Thái tử con vua Trường Thọ chính là người này. Các khanh chớ khởi lên ác ý, sinh tâm giết hại vị thái tử này. Vì sao? Vì nhờ người này mà ta còn sống đây.

Sau đó vua Phạm-ma-đạt liền cho tám gọi thái tử Trường Sinh rồi mặc y phục vương giả, đầu đội mũ trời và gả một cô gái cho làm vợ, đưa trở về làm vua nước Câu-tát-la.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ngày xưa các vua luôn kiểm soát ý nghĩ để tự giữ mình. Tu tập hạnh nhẫn nhục như đất, coi kẻ thù như con đỏ, không gây oán thù, huống là các vị đều là con nhà dòng dõi, bởi lòng tin vững chắc mà xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba y pháp. Nhưng lại không thể thực hành nhẫn nhục, cho mình là phải, cho người là quấy. Chuyện bé xé ra

to, hủy nhục lẫn nhau. Vì thế, không nên tranh chấp trong đại chúng.

Có vị Tỳ-kheo bước ra bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài phóng oai thần đến trong chúng Tỳ-kheo này mới biết vị nào ngay thẳng, vị nào tà vạy. Người kia tự ý mắng nhiếc, không nghĩ đến cấm pháp. Chúng con có điều gì không bằng thì sẽ im lặng chịu đựng.

Đức Thế Tôn quán xét thấy các Tỳ-kheo kia không nghe theo lời Ngài dạy bảo, nên Ngài liền bay lên hư không mà về tịnh xá. Ở đây, Ngài nhóm họp Thánh chúng mà nói bài kệ:

*Không đáng giận, nổi giận
Không làm lành, làm ác,
Họ chịu đau khổ ấy,
Đời này và đời sau.*

Không có tội lỗi mà cố tình gây ra tội lỗi thì đời này và đời sau phải chịu đau khổ.



*Trước tự gây tội
Sau hại đến người
Kia đây hại nhau
Như chim sa lưới.*

Trước tự gây tội: Hoặc có chúng sinh tâm thức điên đảo làm lẫn, thường khởi ý nghĩ ác, không ngăn cấm nổi, cho nên nói: Trước tự gây tội.

Sau hại đến người: Người ta sinh khởi ý nghĩ

ác, kết hiểm thù lâu ngày, thường tìm mọi cách suy nghĩ, tính toán, sau đó mới thể hiện điều ác ra bên ngoài. Đã sinh khởi niệm ác thì không còn nghĩ gì về đạo đức, cho nên nói: Sau đó mới gây hại đến kẻ khác.

Thầy Tỳ-kheo kia sinh khởi ý nghĩ ác, lại dùng bài kệ này để trả lời:

*Kết nhiều oán thù
Tai họa lan tràn
Thật không có lỗi
Đâu còn oán thù.*

Cho nên nói: Kia đây hại nhau.

Như chim sa lưới: Xưa, có con chim ưng đầu đàn rình bắt bầy chim sẻ, nhưng chỉ được mỗi một con, tên là Già-tần-xà-lộ, rồi nó vỗ cánh bay cao lên tận đỉnh núi cao. Lúc bấy giờ Già-tần-xà-lộ mới nói với chim ưng rằng:

– Đây là lỗi của tôi, biết nói cùng ai? Nếu tôi thường giữ nghề gốc mà yên ở chỗ cũ thì tôi đâu có bị ngài bắt.

Chim ưng đầu đàn hỏi:

– Nghề gốc và chỗ ở cũ của ngươi là ở đâu?

Chim sẻ bảo chim ưng rằng:

– Chỗ ở cũ của tôi là một gò đất nằm sâu trong kẹt suối đá sâu, bên trên là núi cao, hết lỗi. Nếu tôi cứ ở đó thì không bao giờ bị ông bắt.

Chim ưng đầu đàn bảo chim sẻ rằng:

– Bây giờ ta thả cho người về chỗ cũ, rồi người xem năng lực của ta có thể bắt được người không.

Lúc ấy, chim sẻ liền bay về khe đá, từ xa nói với cho chim ung đầu đàn:

– Nếu được, xin ông hãy xuống đây ta đánh nhau chơi.

Nghe vậy, chim ung đầu đàn nổi giận phùng phùng, dùng hết sức đập cánh thật mạnh rồi từ trên không sà xuống định quắp lấy con chim sẻ. Chim sẻ chui vào khe đá, chim ung đầu đàn va cánh quá mạnh vào khe đá, gãy cánh và chết ngay, cho nên nói: Như chim sa lưới.



Hại người, bị hại

Gây oán, bị oán

Mắng người, người mắng

Đánh người, người đánh.

Hại người, bị hại: Chúng sinh ở đời có chí hướng khác nhau. Thân làm ác thì tự nhiên không ai giúp đỡ, giờ tay đánh người là tự hại mình, cho nên nói: Hại người, bị hại.

Gây oán, bị oán: Lại có các chúng sinh hung dữ, lúc nào cũng nghĩ ác, thường rình chờ điều xấu dở của người, tâm thường suy nghĩ: “Y ở làng ấy, nhà ấy và đã cướp đoạt bò của ta, cưỡng lấy tài sản ta, giết chết bà con ta, chiếm đoạt ruộng vườn ta, nên ta phải rình bắt con nó để trả mối thù sâu.” Suy

nghĩ toan tính, giữ mãi trong lòng việc ấy. Nếu như xuất gia, đạo tâm chưa vững, sự học cạn cợt, trong tâm suy nghĩ là Tỳ-kheo ấy từng ở chung với ta, lấy đồ nằm, ống đựng kim, chìa khóa của ta là sáu vật của Sa-môn, đến nay vẫn chưa trả. Chỉ nghĩ các vật mà không nghĩ đến tu đạo. Không biết hậu báo chột đến, phải rước họa vào thân, cho nên nói: Gây oán, bị oán.

Mắng người, người mắng: Nếu bị người mắng nhiếc, ta mắng lại không tự quán xét, ấy đều bởi ngu si lầm lạc nên gây ra sự mắng nhiếc đó. Chẳng biết lúc mình phải chịu quả báo không còn bao lâu nữa. Người tu hạnh ấy phải phân biệt người mắng chửi mình, coi sự mắng kia đều vắng lặng, hoàn toàn không có hình chất. Nếu người mắng ta thì biết nó là không, bởi vì dù có nghe nhưng vẫn thấy không thật có. Lời mắng chỉ là trống không, còn ta vắng lặng thì có ai là người mắng? Thế nên, hôm nay ta nhẫn nhục, không mắng chửi lại. Dù mắng nhiếc người dữ dội đến đâu đi nữa, thì cũng phải có lúc chấm dứt. Thân bốn đại này tồn tại trên đời không bao lâu, tha hồ hưởng thụ, vì không biết điều ấy nên mãi mãi bước đi trong vô lượng đau khổ, cho nên nói: Mắng người, bị mắng.

Đánh người, người đánh: Người ta ganh ghét nhau, hủy báng việc lành của người. Tính tình không bình thường cho nên vui buồn bất định. Hoặc có người ngu, không gặp thầy dạy bảo, học

thức kém cỏi, tính khí ngu đần, kết oán trong lòng, không bao giờ cỏi mở được. Hạng người như thế ta không nên ở chung, nói năng, ăn uống, dự tiệc với họ. Cho dù có ai khác có ý muốn sửa đổi họ đi nữa thì kết quả hoàn toàn thất bại, ý muốn của mình không đạt được, cho nên nói: Đánh người, bị đánh.



*Sao là Sa-môn
Không biết chánh pháp?
Đời sống ngăn ngủi
Lại kết oán thù.*

Sao là Sa-môn: Sa-môn là người thực hành tâm vắng lặng, lìa khỏi tám nghiệp ở thế gian, ý chí tôn trọng sự thanh tịnh mới được gọi là Sa-môn. Như nay, Sa-môn các thầy là người đắp, mặc pháp phục, nhưng không tu thiền định, sáu căn bít lấp, đối với năm thứ dục lạc thế gian thì tâm mong cầu đắm nhiễm. Nếu bị ai hủy nhục thì hối hận muốn hoàn tục. Nếu vị Sa-môn gặp cảnh vinh hoa đáng yêu thì cũng không vui, nếu gặp cảnh hủy nhục thì cũng không lấy đó làm buồn. Ấy mới gọi là Sa-môn, cho nên nói: Sao là Sa-môn.

Không biết chánh pháp: Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

— Các thầy dù đã xuất gia học đạo nhưng dòng dõi và tâm ý khác nhau. Có người sợ luật pháp vua mà đi xuất gia, có người tránh việc nặng nhọc mà

xuất gia. Những người có tâm như thế, ta không nên gân gỗi họ. Đã được xuất gia rồi phải tu chánh nghiệp. Sáu thời hành đạo, đêm ngày không bỏ phế. Hơn nữa, còn phải suy nghĩ phước đức để hóa độ chúng sinh. Nếu muốn ăn uống thì phải nghĩ đến toàn thể đại chúng, không riêng vì mình. Các thầy là những người tuy nói là đạo hạnh, nhưng trái với chí nguyện. Cho nên bậc Hiền thánh đời quá khứ dạy người pháp y là vật tiêu biểu, vì các Ngài muốn khiến người ta dứt bỏ cái nhớ bản bên trong. Còn các thầy là những người nhớ bản mà mượn pháp y đắp mặc, làm cho hình tướng chân thật bị nhuộm dơ, phá hoại vật tiêu biểu kia.

Cho nên nói: Không biết chánh pháp.

Đời sống ngắn ngủi: Đức Phật bảo các Tỷ-kheo:

– Người ta sống trong cõi đời có năm thứ ác trước này, tuy nói là trăm tuổi, nhưng ngủ nghỉ đã mất hết phân nửa thời gian rồi. Sự sống nhiều nguy hiểm, thọ thân bốn đại giống như bốn con rắn sống chung, lại thêm cả trăm thứ bệnh gây nguy hại cho nó, vui ít khổ nhiều, lo toan muôn mối, đau khổ khó lường. Không thể định tâm, không suy nghĩ chân đạo, trái lại còn sinh tâm kiêu ngạo ganh ghét, đắm theo lời mòn của phàm phu.

Cho nên nói: Đời sống ngắn ngủi.

Lại kết oán thù: Thân người khó được, Đức

Phật ra đời khó gặp, tượng pháp khó gặp. Tuy được làm người nhưng không tinh tấn tu tập thiền định, không thường xuyên tiến tu các phương tiện giữ tâm, mà lại trôi nổi theo dòng đời, lại không làm sáng tỏ Tam bảo, dạy dỗ người học sau, thì ba đường tám nạn khó thoát khỏi, cho nên nói: Lại kết oán thù.



*Người hủy báng nhau
 Từ xưa đến nay
 Biết bao hủy báng
 Có hủy báng kín
 Có hủy báng vừa
 Đời ai cũng hủy.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyệt-kỳ. Lúc bảy giờ Điều-đạt đến chỗ Đức Thế Tôn, trán lạy sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên. Giây lát vị ấy bước ra bạch Phật:

– Con thấy Như Lai nhan sắc đã thay đổi, các giác quan thuần thực, tuổi trẻ đi qua, đã già nua rồi. Vậy cúi xin Đức Thế Tôn ở yên trong tịnh thất mà tự vui với thiền định, giao phó bốn chúng cho con, con sẽ răn dạy không khác gì Thế Tôn, thường xuyên cúng dường bốn thứ không thiếu thốn.

Đức Thế Tôn bảo Điều-đạt:

– Thầy là người si mê, thốt ra lời nói ấy mà không nghĩ đến tai ương sau này. Đối với Tỳ-kheo

Xá-lợi-phất, Mục-liên kia mà Ta còn chưa giao phó chúng Tăng cho, huống gì thầy là một con người như bản tệ ác thì làm sao Ta giao phó Thánh chúng cho thầy được?

Điều-đạt sinh tâm ganh tị, nên khi nghe Thế Tôn nói vậy càng thêm tức giận, tự nghĩ: “Hôm nay, Như Lai khen ngợi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-liên, còn tiểu đệ thì lại khinh miệt là hèn mọn. Vậy ta phải tìm cách phá hoại thầy trò các người để chúng sinh trong đất nước này không còn thấy hình và nghe tiếng nói của các người”. Rồi Tỳ-kheo Điều-đạt liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, trán lay sát chân Phật rồi ra đi. Điều-đạt đến nơi này chốn khác dùng lối nói khôn khéo giả dối làm mê hoặc lòng người, khuyến khích dụ dỗ được vài mươi người tại gia theo mình. Ở khắp mọi nơi, Điều-đạt khuyến khích họ bằng những điều cốt yếu.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số đại chúng đang vây quanh. Điều-đạt bảo với các đệ tử của mình rằng:

– Các thầy đừng nghe những gì Cù-đàm nói. Vì sao? Vì những điều mà Cù-đàm nói không đúng với Chánh pháp. Ta sẽ dạy cho các thầy từng bộ kinh cao sâu, nghĩa lý rất hay. Ta sẽ thường tìm cách để làm rối loạn, tan rã Thánh chúng của Như Lai.

Lúc bảy giờ, Đức Thế Tôn bảo Điều-đạt:

– Hãy thôi! Điều-đạt, ông hãy thận trọng, chớ sinh tâm làm rối loạn, tan rã Thánh chúng, về sau sẽ chịu quả báo đau khổ khó có thể chịu đựng nổi.

Dù nghe vậy, nhưng Điều-đạt vẫn cứ ngoan cố, không sửa đổi hành vi của mình. Đức Thế Tôn biết ý định của Điều-đạt là không đổi tà về chánh được, Ngài liền dùng túc mạng thông để quán sát vô số a-tăng-kỳ những việc đã trải qua trong nhân duyên đời quá khứ. Bảy giờ Điều-đạt dẫn năm trăm đệ tử; Như Lai tự quán sát khi mình còn làm Bồ-tát, cũng dẫn năm trăm đệ tử, cùng đi bên sườn núi Bảo tích.

Các đệ tử của Bồ-tát thì khoan hòa nhân hậu mềm mỏng, Ngài dạy họ tu trì theo chánh pháp, giữ giới cấm. Họ ra vào tới lui đều đúng theo thứ lớp, còn các đệ tử của Điều-đạt thì mỗi người làm một cách. Các đệ tử Điều-đạt dù đã học hết pháp của thầy nhưng nói năng thô lỗ, hễ mở miệng thì đều nổi giận. Điều-đạt bàn luận với đệ tử giống như kẻ oán thù tranh chấp. Các đệ tử chán ngán không muốn theo hầu Điều-đạt nên cùng nhau bỏ đi, đến chỗ Bồ-tát. Bồ-tát hoan hỷ, bảo:

– Ta có một ngàn đệ tử đầy đủ các công đức, khác xa với thế tục, không ai sánh bằng.

Từ đó, Điều-đạt tức giận cùng cực, liền phát thệ nguyện:

– Hôm nay, người này đã dụ dỗ đệ tử ta, làm

tan rã môn đồ của ta. Về sau nếu người này, thành Vô thượng Đăng chánh giác, thì ta sẽ phá hoại đồ chúng của người này không khác gì hôm nay người này phá ta.

Như Lai quán biết Tỳ-kheo Điều-đạt chắc chắn sẽ phá hoại Thánh chúng không còn nghi ngờ gì nữa, Đức Như Lai liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, rời chúng Tăng ra đi. Vì sao? Vì có năm việc không được làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng là: Một là Như Lai còn tại thế không được làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng, thần lực Như Lai không bỏ bản thể. Hai là sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, không được làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng. Nếu có người nói: “Nay ta thành Phật, được Tối chánh giác”, thì tôi sẽ đem vấn đề ấy hỏi rằng: “Đức Phật Thích-ca hiện giờ Ngài đang ở đâu?”. Ba là Đức Phật chưa có lúc nào làm ác nên không được làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng. Bốn là các Tỳ-kheo không đua tranh lợi dưỡng nên không được làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng. Năm là các đệ tử có trí tuệ, có thần túc sống hòa hợp nhau nên không được làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng. Theo pháp thường hằng của chư Phật, Thế Tôn thì các đệ tử trí tuệ thần túc, trong một ngày, Thánh chúng không bao giờ luống qua. Như Lai dùng túc mạng trí quán sát biết chắc Điều-đạt sẽ làm rối loạn, phá hoại chúng Tăng nên Như Lai đã bỏ chúng Tăng mà đi.

Điều-đạt ở lại nói pháp cho Tăng chúng nghe:

— Nếu ai tôn thờ ta là bậc tôn quý thì phải vâng theo lời dạy của ta, tu tập năm pháp. Vì sao? Vì tu năm pháp này thì sớm được giải thoát, cần gì phải làm theo tám hạnh ngay thẳng của Sa-môn Cù-đàm? Năm pháp gồm:

1. Suốt đời luôn giữ ba y.
2. Suốt đời thường phải đi khuất thực.
3. Suốt đời không được ăn máu thịt.
4. Suốt đời thường phải ngủ đêm ở chỗ trống trải dưới gốc cây.
5. Suốt đời không được cầm giữ vàng bạc, vật báu.

Nếu Tỳ-kheo nào tu tập năm pháp ấy thì sẽ sớm được giải thoát, dứt hữu lậu, thành vô lậu, không cần phải làm theo tám hạnh ngay thẳng của Sa-môn Cù-đàm.

Nói xong, Điều-đạt liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, có năm trăm vị Tỳ-kheo liền đi theo Điều-đạt. Đệ tử đứng hầu bên trái Điều-đạt là Kiên-đồ-bà và đệ tử đứng hầu bên phải là Cù-ba-li, họ trở về nơi ở, các đệ tử ngồi bao quanh nghe Điều-đạt nói pháp. Rồi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-liên, sau đó cũng đến trong chúng ấy. Điều-đạt thấy vậy, cất tiếng khen rằng:

— Lành thay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-liên! Ta được lợi ích lớn, biết ta thành Phật là tôn quý

nhất trong ba cõi nên hai vị đệ tử trí tuệ và thần thông tự nhiên hưởng ứng theo ta.

Rồi Điều-đạt liền bảo hai đệ tử đứng hầu bên trái bên phải của mình là Cù-ba... nhường chỗ cho hai vị Xá-lợi-phất, Mục-liên ngồi. Có hai vị Xá-lợi-phất, Mục-liên ngồi hai bên, Điều-đạt ngồi giữa giống như Đức Như Lai. Điều-đạt bảo Xá-lợi-phất, Mục-liên:

– Xương sống ta đau nhức lắm, ta muốn đi ngủ một chút, hai vị hãy nói pháp cho Thánh chúng nghe.

Khi Điều-đạt nằm nghiêng bên hông phải, định ngủ, thì Thiên thần lại kéo ông nằm nghiêng sang bên trái, Thiên thần lại làm cho ông nói những lời lấp vấp, trong khi ông ngáy vang thì một mùi hôi thối bay tận ngoài xa.

Lúc ấy Tôn giả Mục-liên dùng năng lực thần thông bay vọt lên lưng trời, hiện bày mười tám thứ thần biến: Ngồi, nằm, kinh hành, hiện ra rồi biến mất một cách tự do. Hoặc thân trên phun lửa, dưới thân phun nước, hoặc dưới thân phun lửa, trên thân phun nước. Ẩn mất ở phía Đông, hiện ra phía Tây, bốn phương đều như thế. Xong, ngài Mục-liên từ trên hư không trở xuống chỗ cũ. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo hội chúng:

– Thân của Như Lai có vô lượng thần đức, đầy đủ Nhất thiết trí, thông đạt việc quá khứ vô cùng,

hiếu rõ việc vị lai vô tận. Pháp của Như Lai là được quá bảo hiện pháp, sung sướng vô vi. Nó là pháp tu học của người có trí tuệ, người ngu không thể tu học được. Còn Thánh chúng của Như Lai đều là những người đầy đủ giới luật, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, đầy đủ sự đáng tôn kính, đáng quý trọng, phải phụng thờ và cúng dường vì đó là ruộng phước tốt cho chúng sinh.

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Chúng ta là những kẻ si mê, không biết pháp chân chánh, bỏ cái thật chạy theo hào nhoáng, bỏ gốc theo ngọn. Giờ đây xét suy điều hai ngài nói thì thật là pháp ít có trên đời này. Chỉ bằng chúng ta bỏ Điều-đạt mà quay về với hội chúng Như Lai, há không sung sướng hơn ư?”

Ngài Xá-lợi-phất biết tâm niệm những vị này, nên ngài liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, năm trăm vị Tỳ-kheo kia cũng đứng lên, rồi cùng nhau đi theo hai vị Xá-lợi-phất và Mục-liên. Lúc ấy Tỳ-kheo Cù-ba-li dùng chân phải đạp Điều-đạt mà nói:

– Điều-đạt tệ ác, sao ông mê ngủ quá vậy? Hai ông Xá-lợi-phất và Mục-liên đã dẫn đệ tử của ông đi hết rồi.

Điều-đạt thức giấc, vô cùng buồn bực. Cho nên nói: Người hủy báng nhau từ xưa đến nay... *cho đến* đời ai cũng hủy.



*Gãy xương, bị chết
Bò, ngựa, tiền mất
Đất nước tan hoang
Lại được khôi phục.*

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, thân vua Trường Thọ bị chặt thành bảy khúc, đất nước đều bị mất, nhưng vẫn nhẫn nhục, không nghĩ báo oán, tôn kính lẫn nhau, lại xây dựng đất nước như cũ không khác. Tỳ-kheo các thầy phải tự giữ gìn đạo đức, sám hối với nhau. Người lớn làm gương cho người nhỏ noi theo. Tại sao các thầy không biết chánh pháp? Phải nhớ nhẫn nhục, khen ngợi năng lực của sự nhẫn nhục. Những việc làm chân chánh được khen ngợi chân chánh. Các Tỳ-kheo nên biết, từ vô số kiếp đến nay, Ta chứa nhóm công hạnh, thực hành sáu độ không cùng tận, tu hạnh bố thí đến cả đầu mắt tủy não, tài sản, đất nước vợ con, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, đều nhằm mục đích là dứt bỏ ý tưởng tham lam, giận dữ, cho nên nói: Gãy xương bị chết, đất nước tan hoang...



*Nếu người mắng ta
Thắng, ta không thắng
Làm theo ý mình
Thì oán không dứt.*

Nếu người mắng ta: Người tự suy nghĩ kẻ kia mắng ta không theo luật cấm, lấn hiếp người lương thiện. Cho nên nói: Nếu người mắng ta.

Thắng, ta không thắng: Người kia tự suy nghĩ: “Nếu ta đúng pháp thì ta được thắng, nếu ta không đúng pháp thì ta không thắng”, cho nên nói: Thắng, ta không thắng.

Thích ý làm theo: Nếu suy nghĩ như vậy thì càng làm tăng thêm thù oán, vì không chịu suy nghĩ kỹ. Cho nên nói: Làm theo ý mình.

Thì oán không dứt: Người như thế tâm như sắt cứng, không thể hủy hoại, cho nên nói: Thì oán không dứt.



*Không nên oán trả oán
Không thể dứt được oán
Nhẫn nhục dứt được oán
Gọi là pháp Như Lai.*

Không nên (lấy) oán trả oán: Đức Thế Tôn bảo những người đến dự hội:

– Ta nhớ lại từ vô số kiếp đến nay, thù oán có thể dứt được, thân người là khó được, Đức Phật ra đời khó gặp, giống như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới có. Tuy được làm người, xuất gia học đạo cũng không được kết quả. Các thầy đã được thân người, các giác quan không thiếu khuyết, có khả năng nhận lãnh sự giáo hóa, tại sao được sống

trong chánh pháp mà các thầy lại tranh chấp với nhau?

Cho nên nói: Không nên oán trả oán, không thể dứt được oán.

Nhẫn nhục dứt được oán, gọi là pháp Như Lai: Người thực hành nhẫn thì đầu tiên là im lặng. Nếu nghe người kia đã báo thù, nghe người kia mắng chửi thì muốn mắng chửi lại, như thế thì oán không bao giờ dứt được. Yếu gọi là nhẫn mạnh, cũng gọi là thắng, cho nên nói: Nhẫn nhục dứt được oán, gọi là pháp Như Lai.



*Nếu được gần bạn lành
Cùng đi khắp thế giới
Không chất chứa gì khác
Chuyên niệm cùng một ý.*

Nếu được gần bạn lành: Hoặc có chúng sinh đầy đủ lễ nghi, đức hạnh không thiếu, đầy đủ nghĩa vị, đầy đủ nhân hạnh đều do bạn lành giúp cho thành tựu, cho nên nói: Nên được gần bạn lành.

Cùng đi khắp thế giới: Bạn lành như thế thì từ kiếp này đến kiếp khác cùng theo nhau không hề thấy khổ, cho nên nói: Cùng đi khắp thế giới.

Không chất chứa gì khác: Tâm ý con người bình đẳng, không còn tính toán tiền của, cũng không còn lựa chọn bạn thân, cho dù là người bạn xuất thân trong gia đình nghèo hèn, lành dữ, tốt

xấu, cũng không có được lựa chọn, cho nên nói: Không chất chứa gì khác.

Chuyên niệm cùng một ý: Phát tâm cùng nhau thực hành việc lành dốc lòng kính tin đối với Phật, cho nên nói: Chuyên niệm cùng một ý.



*Nếu không có bạn lành
Một mình, không bè bạn
Xem khắp mọi nơi chốn
Riêng tu, không làm ác.*

Nếu không có bạn lành: Bạn thân là người có đức hạnh ngang bằng với mình, đều làm điều lành, mới gọi là bạn thân. Không làm việc lành thì không gọi là bạn thân. Như người đời thường nói người không có bạn thì giống như lừa, trâu. Cùng làm những việc bất thiện nên không gọi là bạn lành, cho nên nói: Nếu không có bạn lành.

Một mình, không bè bạn: Thà ở một mình, tu các hạnh lành, chứ không vì điều ác mà ở chung với người ác, cho nên nói: Một mình, không bè bạn.

Xem khắp mọi nơi chốn: Người muốn quán sát giáo hóa, tiếp xúc với những gì thấy nghe thì dần dần trí tuệ thêm lớn, khi nghe hay nói không bị lầm lẫn, cho nên nói: Xem khắp mọi nơi chốn.

Riêng tu, không làm ác: Cho nên người hiểu biết thích sống nơi yên tĩnh, không ở chỗ ồn náo.

Thuở xưa, có một vị vua nước thù địch, kéo quân đến đánh nước khác, vị quan của nước bên cạnh hay tin liền tâu lên vua:

– Ngoài biên giới bọn giặc đang đến gần phạm vi nước ta.

Vua bảo:

– Ta không gây đau khổ cho họ, tất nhiên họ không bao giờ hại ta.

Giặc càng tiến tới, vị quan lại tâu vua:

– Giặc đã đến gần thành rồi.

Vua nói:

– Giặc không thể xâm chiếm được nước ta.

Bọn giặc đã tràn vào thành, đánh chiếm thành quách. Vị quan lại thưa:

– Giặc đã kè sát, đại vương nên chuẩn bị xuất quân chiến đấu.

Vua nói:

– Ta không làm khổ họ thì không bao giờ hại được ta.

Bọn giặc tiến thẳng vào cung điện. Vị quan lại tâu vua:

– Hiện giờ bọn giặc đã đến, đại vương quyết định thế nào?

Vua liền tắm gội, mặc áo mới, tự mang lương thực, ra thấy vua nước địch, rồi bảo:

– Thành quách cung điện này là của ông, ta

định vào núi tu đạo đức. Ăn chỉ đủ sống, mặc chỉ để che thân.

Lúc ấy vua liền nói bài tụng:

*Ta với áo cơm này
Muốn tìm nơi ẩn tu
Bỏ ngôi, ông làm vua
Ta muốn cầu nhiều phước.
Thà ở trong gộp đá,
Áo xấu, thức ăn dở
Ăn quả thường tu định
Vui cùng với hươu nai,
Không vì ở ngôi vua
Chịu đau khổ mất nước
Người trí sợ đời sau
Không bao giờ làm ác.
Thấy ông cùng binh chúng
Muốn đến giết hại ta
Thân này là đồ mục
Cứ giết, chớ hại dân.*

Nghe lời ấy rồi, vua nước đối địch suy nghĩ, rồi trả lời bằng bài kệ:

*Hay lắm! Bậc Đại giác
Nương pháp tự tiến lên
Cầm mũi tên đức hạnh
Bắn tan chúng binh ta.
Trí tuệ thắng thù oán
Bạn thân ngu ích gì?*

*Cho nên tuệ làm đầu
Trí tuệ cứu giúp khắp.*

Nói xong, vua nước đôi địch liền lui quân mã, dẫn quân trở về nước, trả lại cho chủ cũ các cung điện nhà cửa. Cho nên nói: Xem khắp mọi nơi chốn, riêng tu, không làm ác.



*Nhẫn nhục thắng oán
Lành thắng kẻ ác
Người thắng bố thí
Chỉ thành hơn dối.*

Nhẫn nhục thắng oán: Hai thanh gươm đã ghìm sẵn trong tay thì chắc chắn có tổn hại. Lấy độc trị độc thì phải chết, không còn nghi ngờ. Chỉ có nhẫn nhục mới dứt bỏ được oán, cho nên nói: Nhẫn nhục thắng oán.

(Người) lành thắng kẻ ác: Có bao giờ các thầy nghe lửa lại có tính lạnh chưa? Đáp: “Chưa nghe!”. Việc này cũng như thế, lấy oán mà muốn dứt oán thì không bao giờ có. Cái gì có khả năng dứt oán? Chỉ có điều thiện mới dứt được oán mà thôi, cho nên nói: Người lành thắng kẻ ác.

Người thắng bố thí: Người tu thiện thì công hạnh không thiếu sót. Ý không khởi tướng thì chắc chắn bố thí được. Người kết oán tự rước họa vào thân. Chết đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Sát hại lẫn nhau, chết rồi sống lại. Nếu sinh lên làm

người thì dung mạo xấu xí, bị người khinh thường, mọi mong cầu đều không đạt, cho nên nói: Người thắng, bổ thí.

Chí thành hơn dối: Người hiểu biết, thân hành thì không phạm lỗi của miệng. Nói ra thì đúng luật, không làm xúc nhiều ai. Dù cho phải chết cũng không nói dối, nói thêu dệt để mong được sống, trải qua sự sinh già, chịu vô lượng khổ, mắt thấy tai nghe oán thù rất sâu nặng, cho nên nói: Chí thành hơn dối.



*Học không có bạn
Không có bạn lành
Thà riêng giữ lành
Không chơi người ngu.*

Học không có bạn: Người học rộng phải nương tựa vào thiện tri thức. Từ khi mới phát tâm cho đến lúc được đạo đều phải nương tựa vào thiện tri thức mới được thành tựu. Nếu gặp bạn ác thì chắc chắn làm điều ác. Cho nên nói: Học không có bạn.

Không có bạn lành: Nếu như người học gặp phải thầy bạn xấu thì đêm ngày tranh chấp lấy làm ác làm nghiệp. Cho nên nói: Không có bạn lành.

Thà riêng giữ lành, không chơi người ngu: nếu không có bạn lành thì tâm an trụ vào nơi vắng lặng, xa lìa nơi ồn náo. Nếu nghe tranh chấp thì

thường phải lánh xa, không ưa thích chuyện ấy, cho nên nói: Thà riêng giữ lành, không chơi người ngu.



*Thích giới, học hạnh
Đâu cần có bạn
Riêng lành, không lo
Như voi giữa đồng.*

Thích giới, học hạnh: Người tu hành tâm ưa thích sự vắng lặng. Thường lấy giới cấm làm chuỗi anh lạc trang điểm cho thân. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn can ngăn Tỳ-kheo xứ Câu-chiêm-bi nên chấm dứt việc tranh chấp, nhưng những vị này không chịu vâng lời Phật dạy. Đức Phật biết vậy, Ngài liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, bay lên hư không cách mười hai do-tuần. Ngài trở về tinh xá, đến giữa đại chúng nói bài tụng này:

*Thích giới, học hạnh
Đâu cần có bạn
Riêng lành, không lo
Như voi giữa đồng.*

Lúc ấy Đức Thế Tôn nghĩ: “Các Tỳ-kheo xứ Câu-chiêm-bi thích tranh chấp, hủy báng nhau, nay Ta phải xa lánh họ. Nếu nghe Tỳ-kheo xứ Câu-chiêm-bi đang ở địa phương nào thì Ta sẽ lánh nơi đó qua xứ khác.”

Lúc bấy giờ, có một con voi đầu đàn tách khỏi

đàn voi đến ở ngoài đồng rộng, nó tự nghĩ: “Được lìa bầy và đồng loại, ở một mình nơi đây thật là vui thú. Khi còn ở chung trong bầy, ta thấy bầy voi thường buông lung. Chúng giẫm đạp lên cỏ tươi rồi sau đó ta mới được ăn. Nay ta đi một mình, được uống nước trong, ăn cỏ tốt, không còn lo nghĩ”. Khi ấy, Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ con voi này, Ngài liền ở trước đại chúng nói bài kệ này:

*Con voi giữa bầy voi
Có sáu ngà đầy đủ
Ý nghĩ nó giống Ta
Tiếng lành, thích yên tĩnh.*

Con voi giữa bầy voi: Thân Như Lai cũng gọi là voi có sức mạnh, con voi kia cũng gọi là voi có sức mạnh. Đức Như Lai là Đấng Hùng Lực trên thế gian, Bậc Tôn Quý nhất trong ba cõi. Voi là loài tôn quý nhất trong loài voi, cho nên nói: Con voi giữa bầy voi.

Có sáu ngà đầy đủ: Ngà là uy thế của voi, làm chuôi anh lạc trang sức cho thân voi. Công đức là tướng hảo của Như Lai. Đức Như Lai thấy các Tỳ-kheo xứ Câu-chiêm-bi, tự sinh tâm nhàm chán, như voi chán bầy. Cho nên nói: Riêng lành không lo, như voi giữa đồng.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 17

Phẩm 16: Duy Niệm

*Nhớ hơi thở ra vào
Đầy đủ suy nghĩ kỹ
Đầu cuối đều thông suốt
Y như lời Phật dạy.*

Nhớ hơi thở ra vào: An là hơi thở vào, Ban là hơi thở ra. Người tu hành nên khéo quán xét hai cửa cam lộ: Một là An ban, hai là quán bất tịnh. Hoặc có người chỉ tu An ban, hoặc có người chỉ tu quán bất tịnh. Người tu An ban phải suy nghĩ phân biệt hơi thở ra, hơi thở vào. Hơi thở dài cũng biết, hơi thở ngắn cũng biết. Hơi thở ấm cũng biết, hơi thở lạnh cũng biết. Nếu đếm lộn thì phải đếm một lại từ đầu. Biết rõ ràng từ đầu đến chân, nếu lại đếm lộn thì phải đếm một lại từ đầu. Cứ như thế, đếm đi đếm lại nhiều lần thì tự biết ý mình: Giờ đây ta đã nắm được hơi thở một cách tự tại, muốn cho hơi thở từ tai trái ra được như ý không khó, hoặc từ tai trái trở vào cũng như vậy; từ tai phải ra vào, hoặc từ mũi ra vào, cũng đều được tùy ý. Cuối cùng đây

hơi thở ra trên đỉnh đầu cũng tùy ý. Ấy là hoàn thành phép sổ tức quán. Nếu không thành tựu thì vô não bị bể mà chết. Học tập phép sổ tức như thế mười hai năm, có người thành công, có người thất bại.

Kế đến người tu hành phân biệt suy nghĩ pháp quán bất tịnh. Đến các gò mả ở ngoài thành, quán sát thấy người chết cho thật kỹ lưỡng. Thấy ma này và hình thể ta có gì khác nhau đâu? Rồi trở về tịnh xá ngồi trên giường, hoặc trải đồ ngồi, hoặc ngồi chỗ trống trải, bên trong tự suy nghĩ nhớ lại thấy chết nằm ngoài trời ở bãi tha ma ấy. Thân ta và xác nọ không khác gì nhau. Cứ quán như vậy trải qua mười hai năm. Kết quả là có người chứng được định, có người không. Cho nên nói: Nhớ hơi thở ra vào.

Đầy đủ suy nghĩ kỹ: Người nhập định phải khéo quán xét phân biệt: Một Sổ, hai Tùy, ba Chỉ, bốn Quán, năm Hoàn, sáu Tịnh. Cho nên nói: Đầy đủ suy nghĩ kỹ.

Đầu cuối đều thông suốt: Ngày đêm chăm chú, như lúc đầu không biếng trễ. Đêm sai thì phải bắt đầu lại từ một. Sự thông suốt này không bị sáu căn trần cảnh bên ngoài làm nhuốm bẩn, cho nên nói: Đầu, cuối đều thông suốt.

Y như lời Phật dạy: Như Lai để lại mười hai bộ kinh, phân tích yếu nghĩa đều vì chúng sinh đời

sau, người chưa khai ngộ, thì các trí tuệ tự tại, dứt bỏ mọi mong cầu, cho nên nói: Y như lời Phật dạy.



*Ấy là soi thể gian
Như mây tan trời hiện
Khởi chỉ, học suy nghĩ
Ngồi nằm không quên mất.*

Ấy là soi thể gian, như mây tan trời hiện: Như trăng sáng mùa thu không bị năm thứ che khuất thì sẽ soi chiếu sáng tỏ giữa các sao. Ở đây cũng như vậy, người được định An ban thì ở giữa những người tu hành, sẽ có oai thần, sắc diện sáng chói, không có ai bằng. Cho nên nói: Ấy là soi thể gian, như mây tan trời hiện.

Khởi chỉ, học suy nghĩ: Người được định ý An ban thì thân và ý vững chắc bất động, không bị các tà bên ngoài làm trở ngại. Tâm cũng như vậy, không theo ngoại trần sinh khởi tà niệm. Cho nên nói: Khởi chỉ, học suy nghĩ.

Ngồi nằm không quên mất: Người tu hành được Tam-muội định ý rồi cũng thường suy nghĩ, hoặc nằm hoặc ngồi, lúc nào cũng học tập như lúc đầu, không tạm thời quên bỏ, cho nên nói: Ngồi nằm không quên mất.



*Tỳ-kheo trụ niệm này
Trước lợi thì sau tốt*

*Trước được, sau sẽ thắng
Thề không thấy sinh tử.*

Tỳ-kheo trụ (trong ý) niệm này: Tỳ-kheo là người đã dứt hẳn muôn ý tưởng, ý nghĩ không còn rong ruổi, giữ tâm vững chắc, gom hết các tình ý, thường ở trong định, không sinh ý niệm khác, cho nên nói: Tỳ-kheo trụ niệm này.

Trước lợi thì sau tốt: Trước được an ban, sở tức, thiên định, sau có khả năng vượt qua thứ lớp tu chứng, thoát khỏi ba cõi. Các kết sử trong thân dứt hẳn không còn sót, trong sạch như vàng ròng, hoàn toàn không còn bị bám chặt bản, cho nên nói: Trước lợi thì sau tốt.

Trước được, sau sẽ thắng: Đã có trí đoạn, nhân duyên giáo hóa đã rộng khắp, thân vượt qua hữu lậu, không còn thọ thân đời sau, cho nên nói: Trước được sau sẽ thắng, thề không thấy sinh tử.



*Nếu thấy chỗ thân trụ
Giữ sáu căn hơn hết
Dứt vọng, thường nhất tâm
Thì tự đến Niết-bàn.*

Nếu thấy chỗ thân trụ: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, những người mới học đạo, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sát-lợi, Bà-la-môn trưởng giả, cư sĩ giữ tâm vững chắc thì đến với đạo không khó, cho nên nói: Nếu thấy chỗ thân trụ.

Giữ sáu căn hơn hết: Là đóng kín các giác quan mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý khiến cho sáu căn lắng trong, không còn rối loạn. Giữ gìn sáu căn, không chấp nhận các kiến chấp, cho nên nói: Giữ sáu căn hơn hết.

Dứt vọng, thường nhất tâm: Người tu hành đếm hơi thở ra vào, quán sát các lỗ chân lông, phân biệt mỗi lỗ chân lông một, không làm lẫn, như người có mắt sáng trông vào gương sáng thấy rõ mặt mình, cho nên nói: Dứt vọng, thường nhất tâm.

Thì tự đến Niết-bàn: Cắt đứt sự tuôn chảy của dòng sông kết sử, lìa hẳn thế tục, đến chỗ Niết-bàn bất động, bất biến, không còn qua lại, đắm nhiễm các cõi, cho nên nói: Thì tự đến Niết-bàn.



Có các ý niệm ấy

Tự thân thường lập hạnh

Nếu không được như thế

Sẽ không được ý hành.

Có các ý niệm ấy, tự thân thường lập hạnh: Người giữ hạnh lúc nào cũng tinh tấn, ý không hề mê lầm, tiến lên cầu đạo như gặp kiếp hỏa thiêu, như cứu lửa cháy đầu. Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng cũng không quên lãng, cho nên nói: Có các ý niệm ấy, tự thân thường lập hạnh.

Nếu không được như thế, sẽ không được ý hành: Sống chết dài xa, không có đầu mối, thấu

ngộ Niết-bàn đã lìa ba cõi, quá khứ, hiện tại, vị lai, cho nên nói: Nếu không được như thế, sẽ không được ý hành.



*Đó là theo hạnh gốc
Như thế hết nhọc ái
Nếu thức tỉnh ý niệm
Giải thoát một lòng vui.*

Đó là theo hạnh gốc: Người mới vào đạo, trước hết hoặc là được dạy pháp An ban thủ ý, hoặc dạy pháp quán bất tịnh. Phải xét soi tâm hành giả ưa thích pháp nào, cho nên nói: Đó là theo hạnh gốc.

Như thế hết nhọc ái: Ái là một gốc bệnh khó đào, khó nhổ. Vì sao? Vì ái khó đào, ái khó nhổ, do gốc ái này mà bị trôi lăn trong sinh tử, trải khắp ba cõi, tăng thêm bốn loài chúng sinh, quanh quẩn trong năm đường. Ai là người giác ngộ? Chỉ có người trí tuệ mới giác biết rõ ràng sự khổ não phải chịu trong ba cõi, năm đường, cho nên nói: Như thế hết nhọc ái.



*Nếu thức tỉnh ý niệm
Giải thoát một lòng vui
Pháp hành đúng lúc thấy
Thoát khỏi cõi già chết.*

Nếu thức tỉnh ý niệm: Người tu hành phải luôn

giữ tâm ý cho sáng suốt, không dám ngủ nghỉ, thành tựu các đạo quả. Đạo có được là nhờ giác ngộ, chứ không phải do ngủ nghỉ. Dù đã tỉnh thức rồi, nhưng nếu không buộc ý chuyên nhất thì vẫn không thành đạo quả, ý đã giác tỉnh mà tâm lại chuyên chánh thì thoát ra ba cõi, đến cảnh giới vô dư. Cho nên nói: Nếu thức tỉnh ý niệm.

Giải thoát một lòng vui: Người tu hành ý đã định thì đầy đủ các công đức. Ai không có được định ý thì không thể đầy đủ các đức hạnh. Thuở xưa, có một người dâm dật, ý chỉ nghĩ đến nữ sắc, không thể lìa bỏ để tỉnh thức, luôn tơ tưởng đến dung nhan, muốn nói chuyện và ăn nằm với người nữ. Khi ngủ, anh mộng thấy nhan sắc cũng như nắm tay người nữ ấy đi dạo chơi. Rồi, khi ấy vợ anh bị bệnh, đến nỗi thân xác chỉ còn da bọc xương. Lâu nay, nhà anh vẫn có một Đạo nhân hiểu biết thường đến chơi. Hôm ấy, vợ anh thưa với Đạo nhân:

– Hôm nay tôi bị bệnh, ngày đêm khôn đốn tiêu tụy. Tôi muốn trình bày ý của chồng tôi và chuyện của tôi, có được không?

Vị Đạo nhân nói:

– Chỉ nói là không khổ thôi. Nếu có điều chi phải che giấu, tôi sẽ che giấu không làm lộ ra đâu.

Người đàn bà này nói:

– Chồng tôi bản tánh nặng về dâm dục, không

giờ giấc. Ngày đêm, tôi bị quấy nhiễu mãi về chuyện ấy, kể cả lúc ăn, lúc ngủ cũng không yên. Vì đó mà sinh bệnh, e không sống nổi.

Đạo nhân bảo người vợ:

– Nếu khi chồng bà đến gần bà, thì bà hãy dùng lời này mà nói cho ông ấy biết: “Theo pháp của bậc Tu-đà-hoàn, làm như thế được sao?”

Sau đó, quả đúng như lời, khi người chồng đến gần thì người đàn bà này liền nói:

– Ông đã được đạo Tu-đà-hoàn, làm như thế được sao?

Nghe người vợ nói, người chồng hết sức hổ thẹn, trong tâm suy nghĩ: “Ta quả không xét biết, là bậc Tu-đà-hoàn mà làm vậy sao?” Liền đó, anh ta lắng tâm, đến nơi thanh vắng suy nghĩ đắn đo. Rồi anh chứng được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Tự biết mình đã được dấu Đạo, từ đó, anh không còn chung đụng với người nữ nữa. Lúc ấy người vợ hỏi chồng:

– Vì sao bây giờ anh dứt hẳn tham dục, không còn làm việc ấy với tôi nữa vậy?

Người chồng bảo vợ:

– Tôi xét thấy cô rồi, thì làm sao còn quan hệ ân ái gì được nữa.

Người vợ bảo chồng:

– Ông nói xét thấy tôi, vậy tôi có lỗi gì? Tôi thường giữ trinh tiết, không trái phạm lễ tiết người

nữ, vì sao lại bị ông mắng như thế?

Rồi người vợ liền nhóm họp bà con họ hàng mà thưa rằng:

– Nay chồng tôi đối xử lạnh nhạt bạc bẽo với tôi, cắt đứt tình thân, không còn quan hệ ân ái, lại còn mắng nhiếc là: Tôi xét thấy cô rồi. Giờ đây, giữa bà con họ hàng, tôi xin nói điều ấy ra.

Người chồng bảo:

– Thôi, xin hãy đừng nói, để tôi dẫn chứng thì cô tự rõ.

Rồi người chồng đem về một cái bình có vẽ hình nhiều màu rất đẹp, nhưng trong đó đựng đầy phân, đầy nắp thật kỹ, tỏa hương thơm bên ngoài. Anh đem bình ấy về, trình giữa mọi người, rồi bảo với vợ:

– Cô hãy xét xem còn yêu tôi không? Nếu còn yêu thương tôi thì cô hãy ôm cái bình này vui chơi thỏa thích như yêu mền thân tôi vậy.

Người vợ nghe theo lời chồng ôm cái bình vui chơi thỏa thích, không muốn rời xa. Thấy người vợ đã say đắm cái bình ấy, người chồng liền đập bể cái bình thì một mùi hôi thối bốc lên và giòi tửa bò ra. Anh ta lại bảo vợ:

– Bây giờ cô còn có thể ôm cái bình bể này nữa không?

Người vợ bảo:

– Tôi thà chết, chứ không thể gần cái bình bể

này, thà nhảy xuống hố lửa hay gieo mình sông sâu, hay nhào từ núi cao xuống cho đầu, chân văng ra bốn phía, chứ không bao giờ gần cái bình này được.

Người chồng bảo vợ:

– Trước đây tôi đã nói xét thấy cô rồi, chính là vì đã thấy sự việc này. Tôi xét thấy thân cô còn hơn cái bình bể này, phân biệt suy nghĩ, từ đầu đến chân, trong ba mươi sáu vật thì có gì đáng ham mê?

Lúc bấy giờ, anh liền nói lại bài kệ:

*Bạc dũng nhập định quán
Dơ bản trong thân tâm
Thấy rồi, sinh chán ghét
Như chiếc bình vỡ kia*

Cho nên nói: Giải thoát một lòng vui.

Pháp hành đúng lúc thấy: Người tu hành biết nương tựa thiện tri thức hay được chư Thiên che chở, các tà bên ngoài không xâm nhập được, cầu đạo rất dễ, không sợ gặp hoạn nạn, giống như người đi xa bị lạc mất đường chính, người ấy đi vào con hẻm nhỏ. Người biết rõ đường mới bảo anh ta:

– Đây không phải là đường chính.

Lúc ấy, người lầm đường nghe theo chỉ bảo liền đi theo đường chính, được an ổn trở về. Người tu hành cũng như thế, biết nương nhờ vào thiện tri

thức mà đạt được chánh đạo, cho nên nói: Pháp hành đúng lúc thấy.

Thoát khỏi cõi già chết: Như người đi trên con đường có nhiều sự lo sợ nào là gặp cọp sói, trộm cướp, nào là gặp gian tà ác quỷ, nào là đường đi nguy hiểm mà mình phải đi qua. Những hoạn nạn như thế đến mấy trăm ngàn thứ. Lại gặp thiếu nước uống nữa. Người đi đường nọ tự suy nghĩ rằng: “Nếu trên đường đi gặp một nạn thôi còn khó có thể vượt qua, huống gì là nhiều hiểm nạn?” Người ấy liền tự giữ vững tâm chí, ngày đêm không nghỉ, vượt qua mọi hiểm nạn, an ổn trở về nhà dù mất hết của cải.

Người tu hành quán sát ba cõi đều bị lửa cháy lây lung, nên muốn được ra khỏi, cầu đạo vô vi. Cho nên nói: Thoát khỏi cõi già chết.



*Tỳ-kheo tỉnh ý niệm
Làm theo ý niệm ấy
Đều bỏ hết sinh tử
Dứt được khổ cuối cùng.*

Tỳ-kheo tỉnh ý niệm: Thuở xưa, có một nhóm người đi buôn đi ngang cánh đồng rộng. Đường đi hết sức vất vả mệt mỏi, nên họ ngủ vùi suốt đêm. Bọn cướp kéo nhau định đến cướp của. Lúc bấy giờ, trên hư không có vị thiên thần, dùng bài kệ hỏi người đi buôn:

*Ai thức, còn ai ngủ?
 Ai ngủ, còn ai thức?
 Ai biết, ai phân biệt?
 Thấy báo đúng như nghĩa.*

Lúc ấy, trong những người đi buôn, có một vị Ưu-bà-tắc, là đệ tử thọ ngũ giới của Phật, liền bảo:

*Tôi thức, tôi đang ngủ
 Tôi ngủ, tôi đang thức
 Tôi biết, tôi phân biệt
 Muốn biết nghĩa lý ấy*

Thiên thần lại hỏi:

*Thế nào thức là ngủ?
 Thế nào ngủ là thức?
 Thế nào biết phân biệt?
 Ta muốn nghe nghĩa ấy.*

Vị Ưu-bà-tắc liền trả lời:

*Người giác tám đường Thánh
 Điều ba đời Phật nói
 Đối pháp giác tỉnh ấy
 Tôi còn đang ngủ say.
 Người không biết tám đường
 Pháp ba đời Phật nói
 Với pháp ngủ mê ấy
 Tôi là người tỉnh thức.*

Rồi người ấy bảo với Thiên thần:

– Tôi thức, tôi đang ngủ, tôi ngủ, tôi đang tỉnh thức, tôi biết, tôi phân biệt, muốn biết nghĩa lý ấy.

Thiên thần lại nói:

*Hay lắm, thức mà ngủ
Hay lắm, ngủ mà thức
Hay lắm, biết phân biệt
Hay lắm, nghe nghĩa này.*

Nghe nghĩa ấy rồi, vị Ưu-bà-tắc liền nói với Thiên thần:

– Nhờ ân Thiên thần, mà được an ổn trở về.

Thiên thần liền làm cho bọn cướp đi lạc đường, không biết những người đi buôn đang dừng nghỉ nơi nào. Nhờ đó mà những người đi buôn này vượt qua con đường nguy hiểm, cho nên nói: Tỳ-kheo tỉnh ý niệm.

Làm theo ý niệm ấy: Người tu hành tâm tinh tấn thì ý mong cầu điều gì đều đạt được kết quả thanh tịnh, không vết nhơ, không buông lung, thân mặc áo tinh tấn, tâm có trí tuệ sáng suốt, còn kẻ ngu si tăm tối thì không nhờ đâu mà hiển hiện những điều ấy, cho nên nói: Làm theo ý niệm ấy.

Đều bỏ hết sinh tử: Người tu hành lại tìm cách bỏ các kết sử. Đối với mọi trói buộc dính mắc thì bỏ rồi lại bỏ, lột rồi lại lột, dứt rồi lại dứt, thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, cho nên nói: Đều bỏ hết sinh tử.

Dứt được khổ cuối cùng: ở trong pháp hiện tại mà vượt ra khỏi con người phàm phu, không ở trong trung Bát-nê-hoàn, sinh Nê-hoàn, hành vô

hành Bát-nê-hoàn, bất thượng lưu cứu cánh Nê-hoàn. Người này ở trong pháp hiện tại được Bát-nê-hoàn. Phải bỏ năm thứ Niết-bàn ấy. Vì sao? Trong kinh Tạp A-hàm, Đức Phật dạy: “Các thầy Tỳ-kheo, nay Ta không nói chút nào về tái sinh, dù chỉ trong khoảng thời gian búng ngón tay cũng không nói huống nữa là lâu hơn? Vì sao? Vì chịu khổ sinh phần, do đó mà bị trôi lăn, không thoát khỏi khổ. Các Tỳ-kheo phải quán xét giống như đổ bỏ phân dơ. Chỉ một chút xíu thôi đã là hôi thối rồi, huống nữa là nhiều? Cho nên, các Tỳ-kheo phải tìm cách dứt bỏ sinh phần, thoát hẳn ba cõi. Như thế các Tỳ-kheo phải tu học như thế, nhổ bỏ cội gốc của sinh, không cho phát triển lan tràn.” Những người tu hành nghe lời Phật dạy đều đón nhận và thực hành theo. Trong pháp hiện tại, nhổ được cội gốc của sinh không cho phát triển nữa. Cho nên nói: Dứt được khổ cuối cùng.



Thường phải nghe pháp mầu

Tự tỉnh sáng ý mình

Giác được là Hiền thánh

Không bao giờ lo sợ.

Thường phải nghe pháp mầu: Nói pháp cho người nghe thật là khó gặp. Người đầy đủ giác quan cũng lại khó được. Gặp được bậc Hiền thánh thì ức kiếp mới được một lần. Đức Thế Tôn nói:

– Thuở xưa, Ta chứa nhóm công hạnh trong ức trăm ngàn kiếp mới được nghe pháp. Dù được nghe pháp nhưng thấu biết nghĩa hay của nó thì lại rất khó được. Bảo cho những người đến dự Pháp hội thì phải chuyên ròng một ý mà nghe pháp mầu. Cho nên nói: Thường phải nghe pháp mầu.

Tự tỉnh sáng ý mình: Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài nói pháp cho vô lượng số trăm ngàn chúng sinh vây quanh trước sau nghe, có một người ngủ gục trong đại chúng ấy. Vị Tỳ-kheo ngồi phía trên nhắc thầy Tỳ-kheo ngủ gục kia:

– Sao thầy không tỉnh thức mà nghe Như Lai nói pháp? Cứ ngủ gục làm kinh động đại chúng như thế? Sao thầy không quán xét pháp mầu của Như Lai? Nó ngon ngọt hơn cam lộ, dứt trừ muôn tai họa cho người.

Thầy Tỳ-kheo ngủ gục nghe vậy, im lặng không nói gì, cho nên nói: Tự tỉnh sáng ý mình.

Giác được là Hiền thánh: Giác được việc ngủ gục này giống như trời và đất, cách xa cả ức ngàn muôn lần hơn, không thể dùng thí dụ để so sánh. Hoặc có người tu hành, bị ám cái che đậy, nên dù mắt mở mà vẫn ngủ, các trời giúp đỡ, nhiều lần làm cho họ tỉnh thức. Ngủ nghỉ rình sai voi điên giẫm đạp mạ ba căn lành, trong khi lửa vô thường đang cháy lòng hực thiêu đốt sự sống các loài chúng sinh. Bậc cao quý của loài người nay đã ra đời, ánh

sáng trí tuệ chiếu khắp ba cõi, không đâu không được soi sáng. Bọn giặc cướp kết sử lén trộm hết của lành, gây ra biết bao sự đổi thay không thể ghi cho hết. Ấy là do ngủ nghỉ không thức tỉnh mà ra, cho nên nói: Giác được là Hiền thánh.

Không bao giờ lo sợ: Đối với người tỉnh thức thì muôn thứ tà vạy cũng không làm gì được. Chẳng những người hành đạo giác ngộ là hiền mà kẻ phạm phu ở thế gian cũng nhờ giác ngộ mà làm được nhiều việc. Có khi người thế tục vì mê ngủ mà mất hết của cải, tiền bạc, hay của cải bị xâm chiếm vì chủ nợ, kẻ thù, giặc cướp, nước trôi, lửa cháy. Có lúc người tu mất mở mà vẫn ngủ nên lúc nghe pháp mà lại không nghe, lúc đáng lẽ chứng được đạo quả nhưng lại không chứng được, lúc nên tụng tập ý nghĩa căn bản của đạo giác ngộ, nhưng vì ngủ gục nên đều mất hết. Cho nên nói: Không bao giờ lo sợ.



*Tỉnh thức là lẽ đúng
Ngày đêm thích tu học
Phải hiểu nghĩa cam lộ
Khiến các lậu dứt hết.*

Tỉnh thức là lẽ đúng: Người tu hành suy nghĩ so lường, đêm ngày khen ngợi công đức của sự tỉnh sáng, còn người biếng nhác thì tự khen ngợi sự cần thiết của việc ngủ nghỉ, cho nên nói: Tỉnh thức là

lẽ đúng.

Ngày đêm thích tu học: Người tu hành tinh tấn tự tu tập đêm ngày không ngưng nghỉ. Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng đều không mất thứ lớp, cho nên nói: Ngày đêm thích tu học.

Phải hiểu nghĩa cam lộ: Tám đạo phẩm của Hiền thánh được gọi là cam lộ. Niết-bàn dứt phiền não cũng gọi là cam lộ. Người tu hành, học tập tám chánh đạo của Hiền thánh tiến đến Niết-bàn. Xa lìa tám bất nhân, ham vui ý dục. Sống vắng lặng đạm bạc, vô vi vô tác. Cho nên nói: Phải hiểu nghĩa cam lộ.

Khiến các lậu dứt hết: Lậu nghĩa là gì? Vì sao gọi là nghĩa lậu? Đáp: Nghĩa trụ là nghĩa lậu, thấm qua là nghĩa lậu, từng giọt là nghĩa lậu, tăng lên là nghĩa lậu, chẳng phải cái mà người nên giữ gìn là nghĩa lậu.

Trụ là nghĩa lậu: Chúng sinh ở cõi Dục dùng gì để chế trụ? Đáp: Dùng lậu. Chúng sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc dùng gì để chế trụ? Đáp: Dùng lậu. Cho nên nói trụ là nghĩa lậu.

Vì sao thấm là nghĩa lậu? Đáp: Như nước thấm vào hạt giống, hạt giống nảy mầm, các loài chúng sinh cũng lại như thế, bởi nước ba cõi thấm vào kết sử là cái gốc đời quá khứ, khiến nó nảy mầm. Cho nên thấm là nghĩa lậu.

Từng giọt là nghĩa lậu: Giống như suối mạch,

nhà đột, chảy đầy ngòi lạch suối. Mẹ thương con, nhớ con sữa tự nhiên chảy, cho nên giọt là nghĩa lậu.

Tăng thêm là nghĩa lậu. Thí như ở nhân gian tôn quý lẫn nhau, mỗi hạng cao thấp, sang hèn đều có vị trí. Trên có vua sáng suốt, dưới dân không ăn chơi trác táng. Các loài chúng sinh cũng giống như thế. Họ bị kết sử trói buộc nên không thể thoát khỏi ba cõi, bốn sinh, năm đường. Cho nên tăng lên là nghĩa lậu.

Cái mà loài chẳng phải người thu nhiếp lấy là nghĩa lậu: Như người bị loài chẳng phải người thu nhiếp lấy, nói những lời điên cuồng đáng tránh mà không tránh, nên lìa mà không lìa, đáng giữ mà không giữ, không đáng nắm mà nắm. Các loài chúng sinh này cũng lại như thế, bị kết sử loài chẳng phải người giữ gìn, nói những lời điên cuồng. Cho nên nói: Loại chẳng phải người thu nhiếp lấy là nghĩa lậu.

Khiến các lậu dứt hết: Ý của bậc độ tôn trong cõi trời, người muốn gì thì chắc chắn thành tựu không khó, có được đoạn trí để nhổ hết gốc khổ, đến chỗ rốt ráo, không còn thọ thân ở vị lai, được vô sinh pháp nhẫn, cho nên nói: Khiến các lậu dứt hết.



Dù ai được giàu to

*Vẫn đến quy y Phật
Thế nên đêm ngày phải
Một lòng nghĩ nhớ Phật.*

Dù ai được giàu to: Lợi lộc ở đời bao gồm voi, ngựa, xe, đất nước, tài sản, vợ con vàng bạc, châu báu, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách. Dù gọi là giàu to nhưng đó vẫn chưa phải là thật sự giàu, bởi những thứ ấy dôi gặt mê hoặc người. Do chính nó mà phải phần chí, mất nước, nhà tan, không tránh khỏi họa vào địa ngục, ngã quỷ, súc sinh. Nếu ai biết quay về nương tựa Như Lai thì người ấy sẽ được thoát khỏi nạn địa ngục, súc sinh.

Tự quy y Phật nghĩa là dứt bỏ nghiệp, cho đến không còn tham dục, vượt thứ lớp mà chứng quả, tu theo hạnh Tam thừa, đều được mãn nguyện. Nếu sinh lên cõi trời, cõi người thì được hưởng phước tự nhiên. Nếu ai mới phát tâm tôn sùng Phật đạo thì lại được bốn ý chỉ, bốn ý đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám đạo của Hiền thánh. Đó là ba mươi bảy phẩm đạo, cho nên nói: Dù ai được giàu to.

Hỏi:

— Vì sao chỉ nói người được chứng quả, mà không nói trời, A-tu-luân, Duyệt-xoa, quỷ thần chứng quả?

Đáp:

– Trong các cõi thì cõi người là tôn quý hơn hết, nhiệm mầu hơn hết. Chỉ cần chuyên tâm nhất ý thì liền sẽ dứt hết các lậu kết sử, vượt thứ lớp chứng quả. Con người mới có đủ khả năng đón nhận giáo pháp bậc Hiền thánh, nên chỉ nói đến con người mà thôi.

Vấn đến quy y Phật: Quy y là sao? Tại sao phải tự quy y?

Đáp:

– Nghĩa của quy y là cứu giúp. Lại nữa, nghĩa của quy y là không còn sợ hãi, nghĩa của quy y là thoát khỏi tai nạn, cho nên nói: ***Vấn đến quy y Phật.***

Thế nên đêm ngày phải, một lòng nghĩ nhớ Phật: Tâm người nghĩ ngợi rong ruổi theo muôn mối. Trong khoảnh khắc gây ra vô lượng nghiệp. Lúc nào cũng lo nghĩ không khi nào dừng. Trong đó tự cứu mình, hồi tâm hướng thiện, một lòng nghĩ nhớ Phật, không hề nghĩ đến những thứ khác. Cho nên nói: ***Thế nên đêm ngày phải, một lòng nghĩ nhớ Phật.***



*Dù ai được giàu to
Vấn đến quy y Pháp
Thế nên đêm ngày phải
Một lòng nghĩ nhớ Pháp.*

Pháp có nghĩa là Niết-bàn diệt hết phiền não, nếu có lo sợ thì giúp đến chỗ vô vi, không còn lo

sợ, đạt được đạo nào khó khăn gì. Về pháp hữu vi thì sinh, già, bệnh, chết bức ngặt; Niết-bàn dứt hết phiền não không còn sinh, già, bệnh, chết, cho nên nói: Dù ai được giàu to, vẫn đến quy y Pháp.

Ngày đêm, một lòng nghĩ nhớ đến Pháp: Nói đến pháp thì hiện tại được sự che chở, dứt bỏ các phiền não, là pháp mà người trí tu tập, người ngu không thực hành được, cho nên nói: Ngày đêm, một lòng nghĩ nhớ đến Pháp.



*Dù ai được giàu to
 Vẫn đến quy y Tăng
 Thế nên, ngày đêm phải
 Một lòng nghĩ nhớ Tăng.*

Dù ai được giàu to, vẫn đến quy y Tăng:

Hỏi:

– Nghĩa của quy y là không còn sợ hãi, nhưng trong đại chúng còn sợ hãi, vì sao bảo phải tự quy y chúng Tăng?

Đáp:

– Có đại chúng đã dứt trừ năm nạn, không còn sợ hãi. Năm nạn gồm:

1. Nạn về sống.
2. Nạn về già.
3. Nạn về bệnh.
4. Nạn về chết.
5. Nạn không ưa chúng.

Lìa khỏi năm nạn này thì có thể tự quy y. Thế nào gọi là Chúng? Có các dị chúng ngoại đạo, lũa hình, từ một đến mười người đến vô số người. Thánh chúng của Như Lai tôn quý nhất trong các chúng, cho nên nói: Dù giàu to, vẫn phải đến quy y chúng Tăng. Vì thế, ngày đêm phải một lòng nghĩ nhớ chúng Tăng.



*Những ai biết tự giác
Là đệ tử Cù-đàm
Đêm ngày nghĩ điều ấy
Một lòng quy mạng Phật.*

Những ai biết tự giác: Ban đầu tự trở về nương tựa vào pháp, nghĩa ấy bất định. Giờ đây, nhớ nghĩ đến Phật, nghĩa ấy đã xác định. Hướng về Phật chắc chắn, không bao giờ thay đổi, cho nên nói: Những ai biết tự giác.

Là đệ tử Cù-đàm: Đức Như Lai xuất thân từ dòng họ Cù-đàm, Ngài quán sát những sự việc chưa xảy ra trong đời tương lai, nên Phật nói ý nghĩa này, đời tương lai sẽ có người dòng Bà-sai, không cha mẹ, bỗng nhiên được giàu có, tự cho mình là tôn quý khoe khoang với đời. Như Lai muốn ngăn dứt hạng người ấy phỉ báng kẻ khác nên Ngài nói đệ tử Cù-đàm.

Đêm ngày phải một lòng nghĩ nhớ đến Phật: Một lòng nghĩ nhớ Phật thì tà ma ác quỷ không dám

đến gần xâm phạm, cho nên nói: Ngày đêm một lòng nghĩ nhớ đến Phật.



*Người khéo giác, tự giác
Là đệ tử Cù-đàm
Ngày đêm nghĩ điều ấy
Một lòng nghĩ nhớ Pháp.*

Người khéo giác, tự giác: Đức Phật bảo Tỷ-kheo:

– Nên tự quán xét các pháp, phải dứt bỏ loạn tưởng.

Cho nên nói: Người khéo giác, tự giác là đệ tử Cù-đàm, ngày đêm nghĩ điều ấy, một lòng nghĩ nhớ pháp.



*Người khéo giác, tự giác
Là đệ tử Cù-đàm
Ngày đêm nghĩ điều ấy
Một lòng nghĩ chúng Tăng.*

Người khéo giác, tự giác: Đức Phật bảo đại chúng: “Các thầy đều thấy tất cả đại chúng, thấy bằng trí, chứ không thấy bằng vô trí. Quán xét bằng quán xét, chứ không phải bằng không quán xét, cũng biết chúng của Ta thanh tịnh hay không thanh tịnh.” Cho nên nói: Người khéo giác, tự giác là đệ tử của Cù-đàm, ngày đêm nghĩ điều ấy, một lòng nghĩ chúng Tăng.



*Nghĩ thân, nghĩ vô thường
Nghĩ giới, công đức thí
Nghĩ trời, nghĩ sự chết
Ngày đêm nhớ điều ấy.*

Người tu hành giữ giới cấm hoàn toàn thanh tịnh, không vết nhơ, giống như kim cương không bị phá hoại, cũng như núi Tu-di không ai có thể dời đổi, cho nên nói nghĩ nhớ thân, nghĩ nhớ Vô thường, nghĩ nhớ giới, nghĩ nhớ công đức bố thí, nghĩ nhớ đến trời, nghĩ nhớ đến hơi thở và sự chết. Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều ấy. Nghĩ nhớ bố thí, bố thí có hai thứ: Tài thí và kết sử thí.

Kết sử thí được gọi là cứu cánh thí, vì không biến đổi, không hối tiếc. Tài vật thí là thí chưa phải rốt ráo vì thí rồi còn trở lại hối tiếc. Cho nên nói: Nghĩ nhớ đến bố thí.

Nghĩ nhớ trời: Đệ tử bậc Hiền thánh thì ngày đêm nghĩ nhớ trời, bởi ở cõi này ai giữ giới sẽ được sinh lên đó. Thực hành công đức, không để mất tín căn, đầy đủ các cội gốc công đức, giữ đủ giới âm, cho nên nói: Ngày đêm nghĩ nhớ đến trời.

Nghĩ nhớ thân: Thường quán xét thân này, chứa đầy các chất bất tịnh như uế, cho nên nói: thường nghĩ nhớ thân cho đến nghĩ sự chết cũng lại như vậy.



*Người khéo giác, tự giác
Là đệ tử Cù-đàm
Ngày đêm nhớ điều ấy
Một lòng nhớ không hại.*

Người khéo giác, tự giác, là đệ tử Cù-đàm:

Tất cả chúng sinh đều nghĩ đến mạng sống của mình, quyền luyến vợ con, tham đắm gia nghiệp. Phải tu tập thân, miệng, ý, không hại ai nên mới được tôn là người minh trí, cho nên nói: ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy, một lòng nhớ không hại ai. Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều không khởi tâm giận dữ: Người giận dữ thường khởi tâm loạn tưởng như gương giáo khó kiềm, khó nắm. Người sinh giận dữ thì không thu được kết quả gì, cho nên nói: Ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy, không khởi tâm giận dữ.

Ngày đêm nhớ điều ấy: Mong muốn xuất gia, không thích ở tại gia, tham đắm năm thứ dục lạc. Người tu hành dù đang ở tại gia, nhưng quán sát, thấy tham dục như lửa, ý thường nhằm chán. Ngày đêm suy nghĩ, trong mộng cũng nghĩ đến xuất gia, cho nên nói ngày đêm nghĩ nhớ điều ấy là thường nghĩ đến ý muốn xuất gia. Ngày đêm nghĩ nhớ điều ấy là ngồi thiền chuyên ý vào định. Người mới học tam thiền thì lấy định làm đầu. Thiền là giữ ý, không khởi kết sử, các vọng tưởng vắng lặng, niệm không rong ruổi, cho nên nói: Ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy là ngồi thiền nhất ý. Ngày đêm phải

nhớ nghĩ điều ấy là giữ ý, không dính mắc trần lao, thường ưa vắng lặng, không ở trong nhân gian, ăn mặc đạm bạc, không ưa trang sức, chỉ để giữ mạng sống, tự biết đủ, lo tu đạo, cho nên nói: Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều ấy là giữ ý, không để dính mắc trần lao.

Ngày đêm nhớ nghĩ điều ấy: Không, Vô tướng, Vô nguyện, thường quán xét thân năm ấm này là luống dôi không thật, nơi đáng nương cậy, bởi nó là pháp biến đổi, không tồn tại lâu dài. Vô ngã mà chấp là ngã, hưởng gì là thật có thân? Cho nên nói: Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều ấy là không, vô nguyện, vô tướng.

Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều ấy là bỏ ý mong cầu. Người tu hành, chí nguyện là cầu đạo đức, không tự vì mình, cũng không mong cầu tướng nam, tướng nữ, cũng không mong cầu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên nói: Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều ấy là lìa bỏ ý mong cầu. Ngày đêm phải nhớ nghĩ điều ấy là phải học tập tâm vô tướng. Người học chứng được định vô tướng, đầy đủ pháp luật của Thánh hiền.

Hỏi:

– Người học, ở các giai vị, không thấy có ngã, vô ngã, vì sao không nói đầy đủ luật pháp của Thánh hiền mà chỉ nói định vô tướng?

Đáp:

– Định Vô tướng là ngôi nhà sâu kín của bậc Hiền thánh. Bước vào ngôi nhà ấy thì không còn nghe các hạnh tu lật vật của phạm phu, cho nên nói: Ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy là học tập tâm vô tướng.

Ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy là vào thất mà tư duy: Khi người tu hành mới bước vào hạnh thì học hai thứ tư duy:

1. Dứt bỏ kết sử.

2. Lòng vui sướng trong pháp hiện tại.

Cho nên nói: Ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy là nhập định mà tư duy.



Người khéo giác, tự giác

Là đệ tử Cù-đàm

Ngày đêm nhớ điều ấy

Lòng vui thích Nê-hoàn.

Nê-hoàn là pháp không hề có lo buồn, cũng không thấy có cái gì để hết, lìa hẳn mọi tai họa, cũng không còn phiền não. Không mong cầu, không tưởng nghĩ, cũng không còn tên gọi, hình sắc năm ấm. Không có ngã, hữu ngã, không thấy danh sắc. Tóm lại là trống không, không còn tưởng nghĩ, như bậc Trí đã dạy bảo, cho nên nói: Người khéo giác, tự giác là đệ tử Cù-đàm, ngày đêm phải nghĩ nhớ điều ấy là ý ham thích cái vui Nê-hoàn.



Phẩm 17: Tập (Phần 1)

*Thường nghĩ tự giác ngộ
Cẩn thận, chớ tổn hạnh
Hành yếu tu cũng an
Chớ tạo nghiệp thọ báo.*

Thường nghĩ tự giác ngộ: Hễ người làm việc gì thì trước hết bên trong phải suy nghĩ, so lường thật kỹ.

*Khéo nghĩ rồi thực hành
Cẩn thận, chớ mất mình
Người nghĩ không mất mình
Mất mình thì đau khổ.*

Cho nên nói: Phải suy nghĩ tự giác.

Cẩn thận, chớ để tổn hại hạnh tu của mình: Hễ người ta làm việc gì, khi sự việc đã xong thì lại biếng nhác, không xét đến lẽ phải, không để tâm suy nghĩ. Hoặc lúc tụng đọc cũng không thông suốt, đến khi thi cử thì bỏ chúng trốn mất. Ấy là làm hại cho sự học. Còn người tu thiền mà tâm không trụ định, rong ruổi theo muôn mối như khi vượn vừa buông cành này thì bắt cành kia, đối với luật pháp của bậc Thánh hiền là phạm lỗi rất lớn, cho nên bậc đạt đạo trước thì phải dạy bảo cho người học sau. Khiến cuối cùng họ được đạt đạo, không để cho luống uổng, cho nên nói: Cẩn thận, chớ để mất mình.

Người nghĩ không mất mình: Như người mỗi ngày đọc mười ngàn mà hiểu nghĩa đến một trăm ngàn. Ngày đêm đọc tụng không sót mất câu văn trên dưới, mỗi câu đều rõ ràng, lý không xa nghĩa vào sự vắng lặng của thiền, dù trời long đất lở đi nữa với muôn tiếng động vang rền cũng không lay động được tâm người ấy, cho nên nói: Người nghĩ không mất mình.

Mất mình thì đau khổ: Hạnh không chuyên nhất lại khởi tâm ganh tị nên tự rơi xuống vực thẳm. Tất cả đều do việc làm không chân chính, cho nên nói: Mất mình thì đau khổ.



*Người biết cách làm ăn
Thì được nhiều tài sản.
Người tự quán nghĩa ấy
Thì ý đạt kết quả.*

Người biết cách làm ăn: Người đời phải rong ruổi khắp nơi, vội vội vàng vàng để nuôi mạng sống nên họ ham mê tiền của. Các thầy Tỳ-kheo cũng tìm cách đọc tụng Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm và các Tập tạng. Thầy Tỳ-kheo tu hạnh ngồi thiền nhập vào thiền định đến chỗ vi tế trong bảy ngày, bốn mươi chín ngày không mất thứ lớp, thì với tài sản giáo pháp chẳng những đã được công đức mà còn tăng thêm ích lợi cho hạnh tu. Cho nên nói: Người biết cách làm ăn thì được nhiều tài sản.

Người tự quán nghĩa ấy, thì ý đạt kết quả:
 Người đời suy nghĩ, ai là người giàu có, của cải
 chất chứa, tùy sở thích mà tiêu xài của báu. Còn
 người học đạo thì lìa bỏ vợ con, không màng vinh
 hiển, tự biết công đức đầy đủ, biết rành mạch nghĩa
 lý, ai hỏi đều trả lời được. Người tu thiền lại tự
 quán thấy thiền định vắng lặng, đạt sáu thứ thần
 thông, bay lên hư không, hiện mười tám thứ thần
 biến, hiện ra hay ẩn mất đều tự tại, khiến cho người
 không tin đạo, thấy vậy sinh lòng tin và khi đã tin
 thì người ấy tinh tấn không lui sụt. Cho nên nói:
 Người tự quán nghĩa ấy, thì ý đạt kết quả.



*Ngồi đứng đều tìm cách
 Để tự được định sáng
 Như thợ luyện vàng ròng
 Loại bỏ cặn lắng bẩn
 Không bị chất dơ bám
 Là hảnh nạn già chết.*

Ngồi đứng đều tìm cách để tự được định sáng:
 Ngồi đứng là đối với các nghi ngờ, kết sử, người
 này lười biếng, không xét nghiệp mình. Người lười
 biếng tuy nói đứng dậy nhưng không khác kẻ ngồi.
 Trái lại, người tinh tấn dù nói nằm ngồi, nhưng
 không khác với người đứng. Cho nên nói: Ngồi
 đứng đều tìm cách để tự được định sáng. Thường
 phải chuyên ý tìm đèn sáng thì ánh sáng chiếu
 không bao giờ cùng tận, không chỗ nào không soi

đến, cho nên nói: Tìm đèn sáng là vậy.

Như thợ luyện vàng ròng, loại bỏ cặn lắng bẩn: Trong đại chúng thì thầy hay thợ giỏi đều tập trung ở đó cả. Như vật nhơ bị bụi bám bên ngoài, nếu không được lau sạch thì nó càng nhơ bẩn.

Tâm ý con người cũng như vậy, bị bụi nhơ dâm, nộ, si bám bẩn, nếu không có ánh sáng tinh tấn thì không thể chiếu soi, cho nên nói: Như thợ luyện vàng ròng, loại bỏ cặn lắng bẩn.

Không bị chất dơ bám, lìa hẳn nạn già chết: Người tu hành đã rửa sạch bụi trần, không còn các kết sử. Không bao giờ còn bị sinh khuất phục, không còn bị cái già làm khốn đốn. Không bị vô thường mời gọi, cho nên nói: Không bị chất dơ bám, lìa hẳn nạn già chết.

*Không đáng then lại then
Đáng then lại không then,
Không đáng sợ lại sợ
Đáng sợ lại không sợ
Sinh ra các tà kiến
Chết đọa vào địa ngục.*

Không đáng then lại then: Như người lớn tuổi mới xuất gia tu hành không chịu nghe lời thầy Tỳ-kheo nhỏ tuổi dạy bảo. Khi các thầy Tỳ-kheo trẻ tuổi giảng dạy giáo pháp tùy thuận thì các vị lớn tuổi xấu hổ, tự nghĩ: “Bị mấy ông Tỳ-kheo trẻ tuổi dạy bảo mắc cỡ quá, không biết trốn đi đâu”. Việc

này, lẽ ra không có gì xấu hổ mà lại cho là xấu hổ, cho nên nói: Không đáng thẹn lại thẹn.

Việc đáng thẹn lại không thẹn: Người tu hành không tụng tập kệ kinh, luật, A-tỳ-đàm và các tạp tạng, luống thò của tín thí y phục, thức ăn, thuốc trị bệnh, giường chõng, đồ nằm, cho nên nói: Đáng thẹn lại không thẹn.

Không đáng sợ lại sợ: Nê-hoàn dứt hết phiền não, vắng lặng vô vi, người này lại đi sợ Niết-bàn, không tha thiết thực hành. Trong Nê-hoàn, không có sinh, không có bệnh, không có già, không có chết, cũng không có cõi trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thế mà lại sợ Nê-hoàn như đã nói. Kẻ phàm phu chưa từng nghe rằng: Vốn không, hiện tại không, quá khứ không, tương lai không, cũng không có lo sợ hay an ổn, cũng không có mọi khổ não, mọi biến đổi, xa lìa tất cả hoạn nạn. Thế mà lại sợ những điều ấy, cho nên nói: Không đáng sợ lại sợ.

Đáng sợ lại không sợ: Năm đường sinh tử, dâm, nộ, si lấy lòng, bị lửa thiêu đốt, dần dần tăng thêm sinh, già, bệnh, chết, buồn lo khổ não không thể kể hết. Chẳng những không sợ mà còn tham đắm ba cõi, cho nên nói cái đáng sợ lại không sợ là vậy.

Sinh ra các tà kiến: Tà kiến là việc đáng thẹn mà không thẹn, việc không đáng thẹn mà lại thẹn,

việc đáng sợ mà lại không sợ, việc không đáng sợ mà lại sợ, tất cả những việc ấy đều gọi là tà kiến. Gây ra nghiệp tà kiến nghĩa là khi sống làm những việc tà kiến thì khi chết bị đọa vào đường ác. Ai gây ra nhiều tội lỗi thì vào đường ác, ai gây tội vừa thì vào súc sinh, ai gây tội ít thì vào ngạ quỷ, cho nên nói: Sinh ra các tà kiến, chết đọa vào địa ngục.



*Người trước phạm lỗi
Sau, chừa, không phạm
Là soi thế gian
Như trăng tan mây.*

Thuở xưa, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc bấy giờ, cách ranh giới nước Xá vệ không xa, có người con Phạm chí tên là Vô Hại. Anh này thường theo thầy, bạn học kinh điển của Phạm chí. Thầy mà anh đang thờ phụng là một vị trưởng lão lớn tuổi, tu hành lâu năm. Tuy đã hơn tám mươi tuổi nhưng ông lại cưới một cô vợ trẻ tuổi dung mạo xinh đẹp, việc đi đứng, nói năng của cô đều trang nhã. Chàng Phạm chí Vô Hại cũng là một trượng phu khôi ngô, dung mạo không ai sánh bằng. Lúc bấy giờ, cô vợ trẻ của ông Phạm chí tâm dâm dục lầy lùnh, cô nắm lấy tay anh Vô Hại bảo:

— Tôi rất kính mến đức độ của chàng, muốn giao tình với chàng có được chăng?

Vừa nghe nói, Vô Hại lấy tay bịt lỗ tai mà nói:

– Ta thà bỏ mạng chứ không dám nghe những lời ấy.

Cô gái nọ ví von:

– Như kẻ đang đói khát được người khác cho thức uống ăn chẳng lẽ không phải là buồn ngủ gặp chiếu manh sao? Hiện giờ lửa dâm của tôi đang bùng cháy, xin chàng dùng nước dâm dập tắt, thật là thỏa lòng tôi lắm. Nếu chàng từ chối làm tôi ức lòng mà chết thì chàng học kinh điển mà làm gì?

Vô Hại đáp:

– Thôi đi! Theo ý mẹ trái phạm pháp Phạm chí, chết đọa vào địa ngục, chẳng lẽ tôi nghe theo sao?

Vô Hại liền bỏ chạy ra ngoài cửa. Bấy giờ vợ của Phạm chí vò đầu cho tóc rối, bôi đất cát vào mình, xé nát y phục, ngồi dưới đất gào khóc. Trưởng giả Phạm chí đi về thấy vậy hỏi vợ:

– Ai đã đánh đập nàng ra nông nỗi này?

Cô vợ đáp:

– Phạm chí là đệ tử thân tín của ông.

Phạm chí nghe vậy trong tâm suy nghĩ: “Bây giờ ta không nên đề lộ chuyện này, nếu nó nghe sẽ hại ta. Vậy phải dùng quyền nghi khéo léo để dụ nó, làm cho nó tự giết mạng sống của nó”.

Nghĩ rồi, trưởng giả Phạm chí liền gọi Vô Hại đến bảo:

– Từ trước đến nay chú thuật mà con đã học

đều đã đầy đủ, không thiếu sót gì. Vậy con hãy chọn ngày lành cúng tế các thần chú, sau đó ra đi, tay trái cầm thuẫn, tay phải cầm kiếm, đến những con đường trọng yếu nguy hiểm, gặp người thì giết chết. Khi nào đủ một ngàn người, chặt lấy một ngàn lông tay, xỏ thành râu, thì chú được thành.

Bấy giờ, ác ma sai quỷ Cưu-bàn-trà bảo vệ người ấy giúp đỡ trong việc làm ác. Phạm chí cắt đứt con đường mọi người qua lại, không còn ai dám đi qua nơi ấy nữa, rồi dần dần đến vườn Xà-lê-vi-ni. Dân chúng, gò nông, đến cả nước đều bị tai họa ấy.

Lúc ấy, Phạm chí còn thiếu một lông tay nữa là đủ số.

Bà mẹ của Vô Hại suy nghĩ: “Từ lâu, con ta ở chốn đồng ruộng, chắc chắn nó phải chịu đói lạnh gian khổ”. Rồi bà đem đồ ăn đến khu vườn họ. Thấy mẹ từ xa đang đến, Vô Hại liền nghĩ: “Ta nghe lời thầy dạy, phải làm xong tràng hoa bằng lông tay, nhưng nay còn thiếu một lông tay mới đủ số. Nay gặp dịp mẹ ta đem đồ ăn đến. Nếu ta ăn cơm trước thì chú thuật không thành, còn nếu ta giết mẹ trước thì phạm năm tội nghịch”.

Vô Hại là người đáng được Phật độ. Như Lai là Bạc Ba Đạt, Ngài nhìn thấy chàng Vô hại khởi tâm ngũ nghịch, chắc chắn sẽ giết mẹ, không nghi ngờ gì nữa. Nếu phạm tội ấy thì dù có mười muôn Phật

cũng không cứu nổi, vậy giờ đây Ta phải cứu vớt khổ ấy khiến mạng sống hai mẹ con toàn vẹn, không là điều tốt sao? Đức Phật liền hóa thành một thầy Tỳ-kheo, tay ôm bình bát, ngó xuống đất mà đi. Đức Phật theo con đường tắt đi đến khu vườn nọ. Lúc ấy người đi đường và bọn chăn trâu lên tiếng bảo:

– Xin đứng lại, thầy Sa-môn ơi, chớ đi lối đó! Phía trước đó có tên cướp hung dữ tên là Chỉ Man (*Tràng hoa bằng lông tay*). Từ lâu nay, hắn đã giết không biết bao nhiêu người. Bọn tôi né tránh, không dám léo hánh tới đó. Thầy là bậc Sa-môn một mình yếu đuối, bị hắn giết chết thì thật là đáng thương lắm.

Vị hóa nhân bảo:

– Xin chớ lo! Tên cướp ấy không giết được Ta, bởi Ta có cầm chú, đủ khả năng chế ngự hắn, khiến hắn không hại Ta được.

Nói xong, vị hóa nhân liền đi về phía trước để tới khu vườn. Chỉ Man từ xa trông thấy có vị Tỳ-kheo đi đến. Anh ta vui mừng hơn hờ không kiềm chế được, thầm nghĩ: “Nguyện ước của ta được kết quả, sẽ hoàn thành tràng hoa bằng lông tay mà không phải giết mẹ, chú thuật hoàn thành, ta tạm thời khoan nghĩ đến mẹ và thức ăn. Ta hãy giết thầy Tỳ-kheo kia, rồi hãy ăn.” Nghĩ xong, anh ta tay cầm dao, tay cầm thuẫn, đi ngược về hướng

thầy Tỳ-kheo.

Vô Hại vốn là một tráng sĩ. Anh ta chạy thật nhanh như ngựa phi về hướng Đức Phật. Đức Phật dùng năng lực thần thông khiến Vô Hại đứng tại chỗ. Mặt đất dưới chân Phật như kéo dài ra khiến Vô Hại mệt nhọc vẫn không đuổi kịp Phật. Chỉ Man cất tiếng gọi:

– Hỡi thầy Sa-môn, đứng lại, đứng lại! Tôi muốn hỏi việc.

Vị Tỳ-kheo trả lời:

– Ta đã đứng lại lâu rồi, sao nhà ngươi không đứng lại?

Lúc ấy Chỉ Man hỏi thầy Tỳ-kheo bằng lời kệ:

Sa-môn đi sao nói đứng?

Ta đứng lại nói không đứng?

Sa-môn nên nói nghĩa ấy

Sao thầy đứng, tôi không đứng?

Đức Phật lại dùng bài kệ trả lời:

Chỉ Man, Ta đã đứng

Ta không hại mọi người

Còn ngươi kẻ hung bạo

Sao không sửa tội lỗi?

Nói rộng, như các bài kệ trong Khế kinh. Lúc bấy giờ Chỉ Man liền lấy kiếm, thuận để trên đầu mình và vát trang hoa bằng lông tay kia xuống vực sâu, chấp tay hướng về Như Lai sám hối. Anh lại dùng kệ khen ngợi Phật.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 18

Phẩm 17: Tọa (Phần 2)

*Quy y Bạc Đại Thánh
Muốn thấy bậc Sa-môn
Giờ con muốn hỏi lỗi
Tôi đã gây lâu nay.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn hiện lại sắc tướng oai thần chói sáng. Ngài cầm tay Chỉ Man dẫn về tinh xá Kỳ hoàn, bảo các Tỳ-kheo:

— Các thầy hãy độ cho Chỉ Man này thành Tỳ-kheo.

Như lời Phật dạy, Chỉ Man được độ thành một Đạo nhân.

Sáng hôm sau, thầy đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Lúc bấy giờ, trong cổng thành có một thớt voi cái mang thai sắp sinh, nhưng chưa biết khi nào mới sinh. Khi trông thấy thầy Sa-môn từ xa đến, người chủ voi liền ra đón rước và nói:

— Nếu thầy giúp con voi sinh được ngay bây giờ thì được vào thành khát thực, bằng không có khả

năng giúp voi sinh thì không được vào thành khát thực.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Tôi trước không tụng câu chú cho việc này. Xin ông đợi một chút, tôi về chỗ Đức Thế Tôn học thuộc bài chú, rồi trở lại đây mà đọc thần chú giúp con voi sinh nở.

Lúc ấy Tỳ-kheo Chỉ Man liền về ngay chỗ Phật, đầu mặt lạy dưới chân Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, khi nãy, con vào thành khát thực gặp trong cổng thành có một con voi cái sắp sinh, người chủ voi muốn con đọc chú giúp sức cho voi được sinh, sau đó mới được đi khát thực. Cúi mong Thế Tôn dạy cho con bài chú ấy, giúp con voi sinh, để con được đi khát thực.

Đức Phật bảo Chỉ Man:

– Thầy hãy đến đó dùng lời này mà chú nguyện rằng: Giờ đây, tôi chí thành chú nguyện: “Từ khi sinh ra đến giờ, tôi chưa hề sát sinh”. Nghe lời chí thành này, con voi sẽ sinh ngay, không nhờ nguyên nhân nào khác.

Lúc bấy giờ Ương-quật-ma học lời chú ấy với Phật, liền đến chú nguyện cho voi, voi sinh con được an ổn. Lúc ấy, mọi người đều khen ngợi:

– Tốt đẹp thay! Thật là chuyện lạ lùng nhất trên đời này. Ông Chỉ Man này, từ trước đến giờ giết người nhiều không kể xiết, thế mà ngày nay lại tự

chú nguyện rằng: Từ khi sinh ra đến giờ, tôi không sát sinh. Nghe lời chí thành này, khiến voi sinh ngay, không nhờ nguyên nhân nào khác...

Thầy liền được vào thành, dân chúng trong các hang cùng ngõ hẻm trông thấy Chỉ Man đến, trong số những người ấy, hoặc có người mà cha mẹ, anh em, vợ con họ bị Chỉ Man sát hại. Họ đều chạy đến trả thù, hoặc cầm dao gậy, ngói đá đánh đập Chỉ Man như tử, khiến đầu thầy chảy máu, thân thể đầy thương tích, y rách, bát vỡ. Thầy vội bước nhanh ra khỏi thành, hoàn toàn không xin được món gì. Thầy về chỗ Đức Thế Tôn, trán lạy sát chân Phật rồi trình bày việc ấy. Đức Phật biết lý do tại sao Chỉ Man phải chịu quả báo đến mau quá vậy. Đức Thế Tôn bèn từ từ nói pháp cho nghe, ngay tại chỗ ngồi Chỉ Man chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đầy đủ sáu thứ thần thông.

Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc liền nhóm họp bốn thứ binh: Binh ngựa, binh xe, binh voi, binh bộ, để tiến đánh Ương-quật-ma-la ở khu vườn kia. Nhưng vừa ra khỏi thành Xá-vệ thì vua nghe người đi đường bảo nhau:

— Tên cướp nguy hiểm Ương-quật-ma-la kia đã xuất gia theo giáo pháp Như Lai và được làm Tỳ-kheo rồi.

Vua ra lệnh ngừng binh và vào ngay tinh xá Kỳ hoàn để ra mắt Đức Thế Tôn.

Lúc ấy Đức Phật biết nhà vua đang tới, Ngài liền dùng thần lực che khuất Ương-quật-ma-la, không để hiển lộ. Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Đức Thế Tôn, trán lạy dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi nhà vua:

– Đại vương trang bị đầy đủ chiến cụ, nhóm họp bốn thứ binh định đi đâu?

Nhà vua bạch Đức Phật:

– Trong nước có tên cướp Ương-quật-ma-la, y chiếm cứ nơi hiểm yếu, làm giặc bạo ngược vô đạo nên con nhóm họp bốn binh chúng định đi tiêu diệt hẳn. Nhưng đi dọc đường, con nghe người ta bảo Ương-quật-ma-la đã được Như Lai giáo hóa, được xuất gia. Chẳng hay người ấy hiện giờ ở đâu?

Đức Phật biết ý vua, Ngài liền thu về thần túc để vua trông thấy Ương-quật-ma-la. Vừa trông thấy, vua sợ hãi té nhào xuống đất. Các quan đỡ vua dậy, rảy nước cho vua tỉnh.

Đức Phật bảo vua:

– Đại vương may mắn chỉ gặp sợ hãi nhỏ! Người kia, giờ đã chứng quả A-la-hán rồi. Nếu vua đến khu vườn ấy mà gặp hình thù trước đây của anh ta, cổ đeo tràng hoa kết bằng lông tay, mình mảy dính máu me, tay cầm gươm bén, mặt mày hung ác, thì ngay khi thấy tim gan đại vương sẽ vỡ nát mà chết ngay.

Nhà vua bạch Đức Phật:

– Ngày nay, Đức Như Lai hàng phục người chưa được hàng phục, hóa độ người chưa được độ. Bạch Đức Thế Tôn, con người ấy từng giết vô số mạng người, nhưng tại sao lại chứng quả A-la-hán được?

Đức Phật nói:

– Vô khổ hạnh, có trước sau, có chín muôi, chưa chín muôi, có khởi đầu có chung cuộc.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát nhân duyên đời trước, Ngài bèn nói bài kệ này giữa đại chúng:

Người trước làm ác

Dùng lành dập tắt

Soi sáng thế gian

Mây tan trăng sáng.

Người trước làm ác, dùng lành dập tắt: Như chàng Chỉ Man kia, giết hại vô số ngàn người, nhờ tám phẩm đạo của Hiền thánh diệt trừ tội kia, các điều ác đã sạch hết, hoàn toàn không còn gốc rễ, được rốt ráo thanh tịnh, được pháp không còn sinh khởi, cho nên nói: Người mà trước đây làm ác, thì nay lấy pháp lành dập tắt tội kia.

Soi sáng thế gian, mây tan trăng sáng: Thế gian có ba nghĩa:

1. Chúng sinh thế gian.
2. Khí thế gian.
3. Âm thế gian.

Như trăng mùa thu với muôn sao vây quanh,

trong đó chỉ có vàng trắng chiếu sáng xa gần, như thầy Tỳ-kheo gây nhiều tội ác, nay các điều ác đã hết, tu hành thanh tịnh, có khả năng cứu giúp rộng lớn đối với đại chúng, cho nên nói: Người đó soi sáng cõi thế gian, như mây tan trăng sáng.



*Người trước làm ác
Dùng lành dập tắt
Ưa đắm thế gian
Hãy nhớ nghĩa Không.*

Người trước làm ác, dùng lành dập tắt: Làm việc ác đều do ưa đắm. Vợ của Phạm chí làm việc ác đối với Vô Hại đều do tâm tham ái, cho nên nói: Người trước làm ác, dùng lành dập tắt.

Ưa đắm thế gian, hãy nhớ nghĩa Không: Tâm tham ái sâu dày vững chắc, trôi lăn trong ba cõi, chịu bốn cách sinh, đi vào năm đường, đều do ưa mến đắm đuối, không thể rời bỏ. Người tu hành phân biệt biết rõ hư vọng, không chân thật, tất cả đều vắng lặng, không đáng nương cậy, cho nên nói: Ưa đắm thế gian, hãy nhớ nghĩa Không.



*Tuổi trẻ bỏ nhà
Siêng tu pháp Phật
Soi sáng thế gian
Mây tan trăng sáng.*

Trong kệ kinh của Phật, có thí dụ về người nài

voi. Khi ấy, người nài voi, dạy đám voi con: “Nếu ham vui nơi đồng trống, không bị ai kiềm chế, thì phải chết nơi đồng trống ấy”. Lại có đám voi lớn tuổi hơn, không bị kiềm chế, về sau cũng chết trên cánh đồng ấy. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi cũng giống như vậy, không được dạy bảo nên phải bỏ mạng. Hạng Tỳ-kheo trưởng lão, không được dạy bảo nên phải bỏ mạng. Các thầy Tỳ-kheo nên biết ở đây cũng như vậy.

Voi mới lớn được huấn luyện rồi chết, đám voi lớn tuổi hơn được huấn luyện rồi chết. Tỳ-kheo tuổi trẻ được dạy bảo rồi chết. Tỳ-kheo trưởng lão được dạy bảo, chúng được pháp Thánh hiền rồi chết.

Tỳ-kheo tuổi trẻ hăng hái tu pháp Phật, không chút thiếu sót lỗi lầm, đầy đủ Phật pháp. Thế nào là đầy đủ? Là vượt thứ lớp mà chứng quả Vô thượng, cho nên nói: Tuổi trẻ bỏ nhà, hăng hái tu pháp Phật.

Soi sáng thế gian, mây tan trăng sáng: Như trăng mùa thu soi khắp xa gần.



Tuổi trẻ bỏ nhà

Siêng tu pháp Phật

Ưa đắm thế gian

Hãy nhớ nghĩa Không.

Tuổi trẻ bỏ nhà: Người dứt bỏ tham dục, ưa

đắm được các Trời, A-tu-luân cung kính hầu hạ, các Da-lưu-la, Càn-đạp-hòa đều đến thờ phụng, cúng dường, cho nên nói: Ưa đắm thế gian, hãy nhớ nghĩa Không.



*Sống không gây phiền
Chết không buồn lo
Thấy đạo, mạnh mẽ
Được vậy lo gì.*

Sống không gây phiền, chết không buồn lo: Từ khi sinh ra đến giờ, không sát sinh, trộm cắp, dâm dật, không phạm mọi điều tà, khi sắp chết, thần thức lắng trong, không kinh sợ, cũng không thấy địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Không thấy ác quỷ, chỉ thấy các điều lành, cho nên nói: Sống không gây phiền, chết không buồn lo.

Thấy đạo, mạnh mẽ, được vậy lo gì: Người thấy đế kia đã thoát khỏi năm nạn, dù sống trong cảnh lo buồn nhưng vẫn an nhiên vô vi, cũng không buồn than, kêu khóc, sinh ra các khổ não, cho nên nói: Thấy đạo, mạnh mẽ, được vậy lo gì.



*Sống không gây phiền
Chết không buồn lo
Thấy đạo, mạnh mẽ
Sáng soi bà con.*

Sống không gây phiền, chết không buồn lo:

Từ khi sinh ra đến giờ, không làm mọi chuyện ác vì cha mẹ, anh em, bà con họ hàng, cho nên nói: Sáng soi bà con.



*Dứt pháp như tôi
Học pháp sạch trong
Qua vực, không lui
Không nương, ngăn dứt
Không còn đắm vui
Dứt dục, không lo.*

Dứt pháp như tôi, thế nào là pháp như tôi?

Đáp: Tất cả các kết sử trói buộc, bụi như, tất cả các pháp bất thiện, pháp lui sụt. Các thứ đắm nhiễm sinh tử sẽ dứt, đã dứt, dứt hẳn, cho nên nói: Dứt pháp như tôi.

Học pháp sạch trong: Thế nào là pháp sạch trong?

Đáp: Là ngừng ý, dứt ý, năm căn, năm lực, thần túc, bảy giác ý, tám chánh đạo, ba mươi bảy phẩm. Nếu có pháp nào là sinh tử, được ra khỏi ba cõi cũng gọi là pháp sạch trong. Cho nên nói: Học pháp sạch trong.

Qua vực, không lui: Vì sao gọi là vực? Gọi vực là vì nó làm cho người ta trôi lăn trong ba cõi, sinh tử thêm nhiều. Bởi vực sâu này mà trôi lăn mãi trong vòng sinh tử không biết bao nhiêu lần, đọa trong ba đường tám nạn, cho nên Đức Thế Tôn

dạy: “Cần phải thoát khỏi bốn vực sâu mà cầu đạo Vô thượng”. Cho nên nói: Qua vực, không lui.

Không nương, ngăn dứt: Thế nào là nương cậy? Nương cậy là nương pháp tham dục, bất thiện. Thế nên, Như Lai bảo: “Bỏ nương cậy, không dính mắc, mới gọi là tu hành chân chính”. Cho nên nói: Không nương, ngăn dứt.

Không còn đắm vui: Không đắm nhiễm năm thứ dục lạc, gần gũi pháp luật Thánh hiền, không bao giờ lìa bỏ, cho nên nói: Không còn đắm vui.

Dứt dục, không lo: Người ta không đạt được vô vi đều do có tâm tham dục, đắm nhiễm nữ sắc, sinh tâm nhớ nhung sắc đẹp kia với tóc, lông, móng tay, răng, tròn trịa đẹp đẽ. Người tu hành phải giữ tâm, dứt bỏ ý nghĩ ấy, dục tưởng liền dứt, không còn lầy lùng, cho nên nói: Dứt dục không lo.



Ý ái dục là ruộng

Dâm, nộ, si: hạt giống

Ai làm việc cứu đời

Được phước không thể lường.

Ý ái dục là ruộng: Thí như ruộng cần đất hoang, nếu không cải tạo đất, thì cỏ tranh, năng, cỏ ống đua nhau mọc lan tràn làm hại lúa non. Nếu lúa giống không xanh tốt thì không trúng mùa. Người đắm nhiễm ái dục cũng như vậy, cho nên nói: Ý ái dục là ruộng.

Dâm, nộ, si: hạt giống: Người đang tu tập rèn luyện đức hạnh, phải thường tự quán xét: “Nếu người gieo giống công đức thì phải gieo vào đâu để được quả báo tốt?”

Đáp:

– Người bố thí bước vào hoàn toàn Không thì ít, mà người bố thí bước vào Không thì nhiều.

– Tại sao bố thí bước vào Không hoàn toàn ít?

Đáp:

– Các hàng ngoại đạo dị học và Phạm chí lừa thể Ni-kiền tử... và người ngu bố thí mong cầu phước báo, họ chỉ được lợi bằng một phần mười sáu. Như ruộng cần hại lúa tốt, Phạm chí có hạnh như bản thì làm hại gốc lành, bị dâm, nộ, si che phủ nên không sinh đạo quả, cho nên nói: Dâm, nộ, si là hạt giống.

Ai làm việc cứu đời được phước không thể lường: Đức Như Lai nói về phước đức của việc bố thí cho Thánh chúng. Trong đại chúng, có người diệt được ái dục thì sự bố thí của họ dù ít, vẫn được phước báo vô lượng, được quả báo nhiều không thể kể xiết, cho nên nói: Ai làm việc cứu đời được phước không thể lường.



*Như mảnh ruộng khô cần
Cỏ giện dũ tràn lan
Nên phải dứt giện dũ*

Bố thí báo vô lượng.

Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ giận dữ tràn lan: Tại sao gọi là ruộng khô cằn? Gọi là khô cằn là vì không những tự hại mình còn hại kẻ khác. Tự hại mình là vì giận dữ lấy lòng thì sắc mặt biến đổi, tính tình đổi khác, cho nên nói tự hại mình. Mà còn hại kẻ khác: giận dữ lấy lòng thì làm hại kẻ khác, cho đến bỏ mạng. Vì vậy nói: Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ giận dữ tràn lan.

Nên phải dứt giận dữ, bố thí báo vô lượng: Người ta do giận dữ về sau phải chịu quả báo của sự giận dữ. Người ta do giận dữ mà mất nước, tan nhà. Trái lại, người làm việc nhân nghĩa, ban bố phước đức mà không giận dữ thì được phước vô lượng, cho nên nói: Nên phải dứt giận dữ, bố thí báo vô lượng.



*Như mảnh ruộng khô cằn
Cỏ ngu si mọc đầy
Nên phải dứt ngu si
Thì được báo vô lượng.*

Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ ngu si mọc đầy: Như người mù không trông thấy cao nguyên hay đồng bằng, cũng không thấy màu tốt màu xấu, xanh vàng đỏ trắng. Các loại chúng sinh này cũng giống như vậy, bởi bị vô minh tăm tối tự trói buộc nên không thấy pháp Tứ đế, pháp thiện, bất thiện.

Nó che lấp trí tuệ sáng suốt và ba mươi bảy phẩm đạo. Ngoại đạo dị học và các Phạm chí bị si mê che lấp, không biết đạo chân chánh. Thánh chúng của Như Lai hoàn toàn không bị sự trói buộc ấy, cho nên nói: Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ ngu si mọc đầy.

Nên phải dứt ngu si, thì được báo vô lượng:
 Người tu hành muốn thoát khỏi ngu si, thì phải tìm nơi đâu?

Đáp:

– Thì phải tìm nơi Thánh chúng của Như Lai. Vì sao? Vì Thánh chúng đã quán xét ngọn ngành, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tốt, hoặc xấu. Phân biệt bốn đế bằng mắt sáng tỏ, trí giác, không mảy may sai chạy. Bỏ thí cho Thánh chúng của Như Lai là một tập thể, không còn ai ngu si nên được phước vô lượng, cho nên nói: Nên phải dứt ngu si, thì được báo vô lượng.



*Như mảnh ruộng khô cằn
 Cỏ kiêu mạn mọc đầy
 Nên phải dứt kiêu mạn
 Thì được báo vô lượng.*

Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ kiêu mạn mọc đầy: Ngoại đạo dị học rất kiêu mạn. Cho nên Như Lai nói bài kệ rằng:

Bà-la-môn kiêu mạn

*Khi đời này chết đi
Sẽ sinh trong sáu đường
Gà, heo, chó, sói, lừa,
Địa ngục nữa là sáu.*

Bồ thí cho những người này thì không được phước báo gì, cho nên nói: Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ kiêu mạn mọc đầy.

Nên phải dứt kiêu mạn, thì được báo vô lượng: Trong Đại pháp của Như Lai phải dứt bỏ kiêu mạn (phách lối). Như khi đắp y, ôm bát vào làng khát thực thì tự nhún mình như cô gái dòng Chiên-đà-la, dù mặc áo quý, giá trị cả ngàn vàng đi nữa, nhưng khi cô đến nhà người khác cũng phải tựa cửa đứng chờ, chứ không dám bước vô nhà. Thầy Tỳ-kheo không kiêu mạn cũng như vậy, vốn xuất thân từ dòng họ giàu sang nhưng tự kham khổ, tu theo pháp khát sĩ, chế ngự tâm ý như cầm gươm bén, tay ôm bình bát như người đi xin ăn trong xã hội. Người trong cõi Diêm-phù-lợi này lấy mái tóc làm đẹp thì Sa-môn của ta lại cạo bỏ râu tóc. Người trong cõi Diêm-phù-lợi tham nhiều đồ mặc thì hàng Sa-môn trong sạch lại nhuộm y của mình thành màu sắc xấu. Người trong cõi Diêm-phù-lợi, ai phạm tội mới bị đày vào núi sâu, còn Sa-môn thì lấy núi sâu, rừng rậm làm nhà. Người không tham dục giữ hạnh như thế, hướng gì là người hướng quả mà tâm có thể đổi dời hay sao? Cho nên nói: Nên phải dứt kiêu mạn, thì được báo vô lượng.



*Như mảnh ruộng khô cằn
Cỏ tham dục mọc đầy
Nên phải dứt tham dục
Thì được báo vô lượng.*

Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ tham dục mọc đầy: Người có tâm keo kiệt tham lam đến chết cũng không thay đổi. Có khi do keo kiệt tham lam mà bị chết yểu. Cho nên người hiểu biết thì dứt bỏ keo kiệt, tham lam, cho nên nói: Như mảnh ruộng khô cằn, cỏ tham dục mọc đầy. Vì thế nên phải dứt bỏ tham dục, thì được báo vô lượng.



*Sáu, vua tăng thượng
Đứng đầu đảm nhiệm
Không nhiệm, giải thoát
Nhiệm là ngu si.*

Sáu, vua tăng thượng: Sao gọi là vua? Đó là ý thức. Theo thứ lớp mà đếm thì nó đứng thứ sáu, tính ngược, cũng là sáu. Nói tăng thượng là bởi khi ý thức tác động thì năm thức kia động theo thành năm căn. Có thể nói tất cả hoạt động của các giác quan đều bởi ý thức tạo ra, như trong khế kinh của Phật nói thì, năm giác quan, mỗi giác quan đều có cảnh giới, chúng không lẫn lộn nhau, cũng không xâm lấn nhau.

Ý thức đứng đầu năm giác quan, bởi nó có mặt

trong năm giác quan ấy, sai khiến năm giác quan không bao giờ ngưng hoạt động. Trong năm căn thì ý thức vượt hơn và nhiệm mầu, vì thế gọi nó là vua. Cho nên nói: Sáu là vua tăng thượng.

Đứng đầu đám nhiễm: Sao gọi là nhiễm? Nhiễm là nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên nói: Đứng đầu đám nhiễm.

Không nhiễm, giải thoát: Thế nào là không nhiễm? Không nhiễm là bậc A-la-hán. Tuy nói bậc Tu-đà-hoàn, các bụi nhơ sạch hết, được mắt pháp trong sạch, nhưng chưa hoàn toàn trong sạch. Phải là bậc A-la-hán mới trong sạch hoàn toàn, cho nên nói: Không nhiễm thì giải thoát.

Nhiễm là ngu si: Bởi kẻ ngu sống mãi theo thói quen, mê đắm vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Điều đáng suy nghĩ thì không suy nghĩ, cho nên nói: Nhiễm là ngu si.



*Dựng xương cốt làm thành
Máu huyết để tô trát
Cửa giác quan mở hết
Giặc kết sử tung hoành.*

Dựng xương cốt làm thành, máu huyết để tô trát: Thành ở đây nghĩa là lấy thân năm ấm làm vách tường, xương cốt là rào vách tô bằng máu. Nếu đem mọi cái bên trong này phơi bày ra ngoài thì sinh khởi quán ác lộ, không đắm nhiễm thân,

khởi ý tưởng không đáng ưa thích, bởi vì đó chỉ là lớp da che phủ xương cốt tạo ra hình dáng đẹp đẽ. Người hiểu biết quán xét thì thấy không có một vật gì đáng tham, cho nên nói: Dựng xương cốt làm thành, máu huyết để tô trát.

Cửa giác quan mở hết, giặc kết sử tung hoành: Mắt mở nhận lấy hình tượng bên ngoài.

Hỏi:

– Ai mở?

Đáp:

– Do không suy nghĩ nên khiến giặc kết sử xâm nhập cướp đi của cải căn lành. Tai, mũi, miệng, thân, tâm cũng như vậy. Ý căn mở rộng ra nên giặc kết sử mới xâm nhập, cho nên nói: Cửa giác quan mở hết, giặc kết sử tung hoành.



*Có duyên thì thêm khổ
Quán ba nhân trời buộc
Dứt bỏ nhờ Thánh chúng
Trừ ngu không từ ngoài.*

Có duyên thì thêm khổ: Đời trước có nhân duyên đời này thêm khổ. Đời trước nếu không có nhân duyên thì khổ từ đâu mà sinh? Như có suối nguồn chảy ra mới thành sông, ngòi. Ở đây cũng như vậy, vì đời trước có nhân duyên cho nên khổ phát sinh, dần dần tăng lên đến bốn trăm lẻ bốn hoạn nạn, cho nên nói: Có duyên thì thêm khổ.

Quán ba nhân trói buộc: Như kẻ ngu bị giam hãm và bị sai làm việc không ở yên. Ở đây cũng như vậy, là thân năm ấm lầy lừng bị kết sử trói buộc, ưu sầu khổ não sai khiến tâm thức không đứng yên. Rồi lại bị bốn trăm lẻ bốn bệnh, cho nên nói: Quán ba nhân trói buộc.

Dứt bỏ nhờ Thánh chúng: Muốn bỏ thí với lòng tin phải đến trong đại chúng, thí ít mà được phước nhiều. Như bậc trượng phu khỏe mạnh có khả năng đánh lui kẻ địch bên ngoài, mới gọi là mạnh mẽ, lại được ban thưởng, vượt trên mọi người. Chúng Thánh hiền của Như Lai cũng như vậy, như biển cả thu nạp nước muôn sông cũng không bỏ một dòng nước nhỏ nào. Thánh chúng ấy, nếu có ai đến cúng dường thì cũng không lấy làm vui, nếu không có ai đến cúng dường thì cũng không lấy làm buồn, cho nên nói: Dứt bỏ nhờ Thánh chúng.

Trừ ngu không từ ngoài: Người ngu mê trên thế gian đã điên đảo từ lâu nay, chấp có tôi, ta, tham đắm năm ấm, cho là thân thật có. Như có người chưa hề bị rắn độc cắn nên không chịu né tránh. Người không biết mình bị kết sử trói buộc, nên cứ gây tạo nghiệp. Từ đó, bị bụi nhơ bên ngoài nhuộm bẩn, cho nên nói: Trừ ngu không từ ngoài.

Vì sao gọi là tạp? Nói tạp là bởi nghĩa của các bài kệ được giảng nói khác nhau. Các bài kệ khác có nghĩa đơn giản không đồng với ở đây nói, cho

nên nói là tập.



Phẩm 18: Thủy

*Tâm tịnh được niệm
Không còn tham vui
Đã qua vực si
Như nhận bỏ ao.*

Tâm tịnh được niệm, không còn tham vui:

Buộc tâm vào sự thanh tịnh, thường tìm phương cách hay nhất để ra khỏi ba cõi. Quán xét sự sinh tử như huyễn, như hóa, thường hay lo sợ, tâm như lửa đốt, cho nên nói: Tâm tịnh được niệm, không còn tham vui.

Như nhận bỏ ao: Biết trong ao ấy có nhiều việc đáng sợ, lại bị thợ săn thường đến gây kinh hoàng, nên chim chóc bỏ ao, bay đi nơi khác, tránh các hoạn nạn kia, cho nên nói: Như nhận bỏ ao.

Đã qua vực si: Vực ngu si che lấp đến tận xương tủy, phải tìm phương cách dứt sạch chúng không để sót, cho nên nói: Đã vượt qua vực ngu si, như chim nhận kia, từ trên không tạm đáp xuống, tìm cách ra khỏi đường ác, đến nơi vô vi. Thí như chim nhận nghĩa là sợ các thứ chim bay trên trời, né tránh những sự nguy hiểm ấy mà tìm nơi vô vi, cho nên nói: Thí như chim nhận. Từ trên không tạm thời đáp xuống nghĩa là có khả năng bay xa gần, không có gì cản trở, tránh nguy hiểm, đến nơi

an ổn. Cho nên nói từ trên không tạm thời đáp xuống, để tìm cách ra khỏi đường ác, đến nơi vô vi. Đệ tử Hiền thánh của Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác, dứt bỏ điều ác cho người, tìm cách ra khỏi đường dữ, tu theo nghiệp lành, dứt bỏ tất cả kết sử. Cho nên nói tìm cách ra khỏi đường ác, đến nơi vô vi, cũng gọi là Nê-hoàn dứt hết phiền não, không còn sinh diệt, mọi đăm nhiễm đều dứt hết, thường tồn không biến đổi, cũng không bị mất đi. Người tu hành được định, bị già bệnh ép ngặt, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh thường làm khổ thân mình, nhằm chán thân bốn đại, xả bỏ thân năm ấm, đến chốn vô vi.



*Không tu phạm hạnh
Trẻ không chữa của
Kẻ ngu ham ngủ,
Thủ cũ, không đổi.*

Một thưở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đắp y, ôm bát, Ngài cùng thị giả là A-nan thấy trong cội Diêm-phù có hai cụ già ốm yếu lụm cùm cất bước. Thấy vậy, Đức Thế Tôn mỉm cười. Bấy giờ, ngài A-nan sửa lại y phục, gói phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật:

– Đức Phật không mỉm cười một cách vô cớ. Ngài mỉm cười chắc chắn có lý do, xin Ngài nói ý

nghĩa.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông có thấy hai cụ già thân tướng đã già nua cằn cỗi kia không? Nếu như hai cụ già này, ở trong nước Xá-vệ này, từ lúc còn trẻ biết để dành của cải thì họ là người giàu bậc nhất trong nước Xá-vệ. Nếu họ từ bỏ gia nghiệp vợ con, xuất gia học đạo, thì thành bậc A-la-hán.

Nếu thuở nhỏ để dành của cải thì ngày nay, hai cụ già này cũng trở thành người giàu đứng thứ nhì, trong thành Xá-vệ này. Nếu xuất gia học đạo thì cũng chứng quả A-na-hàm.

Nếu hai cụ già này tuổi trung niên, để dành của cải đến bây giờ, thì họ cũng đủ sức trở thành người giàu đứng thứ ba. Nếu xuất gia học đạo thì họ cũng chứng quả Tư-đà-hàm. Ta xót thương hai cụ già này đi ngược với ước mong ban đầu, bỏ gốc theo ngọn, cho nên giờ đây đói rét khổ nhọc, muôn thứ tai ương ủa đến.

Đức Thế Tôn quán xét ý nghĩa đó và làm ngọn đèn sáng lớn cho chúng sinh đời sau nên ở trước đại chúng, Ngài nói bài kệ:

*Không tu phạm hạnh
Trẻ không dành của
Như hạc bờ ao
Đứng đó ích gì?*

Như con hạc già đứng rình bên bờ ao chờ cá

nhảy lên bờ mỗ ăn, suốt ngày mệt mỏi chờ đợi, nhưng không bao giờ được cá ăn, chờ mãi không thôi, tự đi đến cái chết.

Già có lối sống của già, trẻ có sức sống của trẻ. Con hạc kia lấy lối sống lúc già xử sự như còn trẻ, nên suốt ngày không có cá ăn, bởi nó cứ nghĩ lối bắt cá lúc còn trẻ, không ngờ cái già đã đến rồi. Hai cụ già lớn tuổi kia cũng giống như vậy, tự nhớ lại lúc trai tráng, họ chỉ lo ca múa vui chơi bài bạc, không biết nghĩ tới cái già của ngày nay. Rồi ôm gối ngồi xồm, nhớ lại bao việc đã qua, không chịu sống theo lối già, cứ mãi nhớ thời trai trẻ, nên bị nó lừa gạt muôn điều, cho nên nói: Như hạc rình mồi bờ ao, đứng mãi ở đó, có ích gì.



*Chớ khinh ác nhỏ
Gây họa không lường
Giọt nước tuy nhỏ
Lâu dần đầy hồ
Tội lỗi tràn đầy
Cũng từ tội nhỏ.*

Chớ khinh thường điều ác nhỏ, bởi nó sẽ gây họa khôn lường: Người ta làm việc ác, dù nhỏ nhưng chớ nên coi thường, như rắn rít độc dù nhỏ, nhưng chúng cắn chết người, bởi chất độc ngấm khắp cơ thể mà bỏ mạng. Thuốc độc dù ít nhưng người nào ăn phải là chết ngay. Ở đây cũng vậy,

làm việc ác dù nhỏ, nhưng nó hại đến chánh hạnh của người tu, khiến ta không đến được chỗ rốt ráo, bởi không lo nghĩ đến ngày mai nên phải chịu quả báo. Ngày qua ngày, không chịu sửa đổi, không nghĩ đến việc dứt bỏ điều ác nên chúng càng thêm lớn, cho nên nói: Chớ khinh thường điều ác nhỏ, bởi nó sẽ gây họa khôn lường.

Giọt nước tuy nhỏ, lâu dần đầy hồ: Như hồ chứa nước lớn hứng từng giọt nhỏ xuống, từng giọt nối nhau dần dần cũng đầy hồ. Cho nên nói: Giọt nước tuy nhỏ, lâu dần đầy hồ.

Tội lỗi tràn đầy, cũng từ tội nhỏ: Kẻ ngu sống theo thói quen từ nhỏ đến lớn, ngày này qua ngày khác ham chơi theo thói ấy không ngờ tai họa đến, cho nên nói: Tội lỗi tràn đầy, cũng từ tội nhỏ mà ra.



*Chớ khinh lành nhỏ
Cho là không phước
Giọt nước tuy nhỏ
Lâu dần đầy hồ
Phước báo tràn đầy
Cũng từ phước nhỏ.*

Chớ khinh lành nhỏ, cho là không phước: Như có người hiền thiện đến chùa tháp lễ bái cầu phước, hoặc thắp nhang, đốt đèn sáng, quét dọn sạch sẽ, hoặc ca múa xướng hát, treo phướn lọng

bằng lụa từ một đồng tiền trở lên. Lại khuyến khích mọi người, khiến họ phát tâm bồ thí. Từ một vốc trở lên, cúng dường Thánh chúng. Hoặc cúng dường cảnh dương, nước tinh khiết với lòng thanh tịnh. Hoặc châm dầu mỡ cho đèn sáng mãi. Những việc làm nho nhỏ như vậy, nhưng chớ coi thường, bởi dựa vào lòng chí thành mà được quả báo vô lượng. Như thắp một ngọn đèn xua tan bóng tối trong nhà, không thấy dấu vết bóng tối, như thắp loại nhang thơm quý giá để xua tan mùi hôi thối, không biết mùi hôi ấy tan biến đi đâu, gươm bén dù nhỏ nhưng chặt được cây độc to. Ở đây cũng như vậy, người làm điều lành dù ít, nhưng có công năng trừ được tội nặng, phước đó giúp họ qua lại cõi trời, cõi người, không còn khổ não. Từ đó, biết họ được phước vô lượng, hiện tại có thể biết, như từng giọt nước nhỏ nối nhau không dứt mà dần dần đầy hồ. Người mạnh mẽ làm việc phước thì dần dần thành tựu, cho nên nói: Phước báo tràn đầy, cũng từ phước nhỏ.



*Như người muốn sang sông
Phải cột bè cho chắc
Nói qua nhưng không qua
Người thông thái qua rồi.*

Phải cột bè cho chắc: Như chúng sinh muốn vượt qua vực sâu thì họ kết bè mà qua, hoặc dùng ghe bầu dục mà qua, hoặc dùng trái nổi, ghe nhỏ

mà qua hoặc dùng cỏ cây làm bè, đều được qua bờ bên kia, không có gì trở ngại, cho nên nói: Như người muốn sang sông, phải cột bè cho chắc.

Nói qua nhưng không qua: Vực sâu ái dục như vực nước sâu chảy ra thành sông, chảy đều thế giới cho đến ba cõi, đến bốn loài, khắp năm đường. Lại chảy đến sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cho nên nói: Nói qua nhưng không qua.

Người thông thái qua rồi: Người thông thái chỉ cho Phật, Bích-chi-phật. Những vị này dù đã vượt qua vực sâu cuộc đời nhưng đó không phải chuyện lạ. Vì sao? Vì vực thăm của cuộc đời là không cùng, ai vượt qua được vực thăm ái dục thì đó mới là chuyện lạ, cho nên nói: Người thông thái qua rồi.

Phật, Thế Tôn qua sông

Phạm chí qua bờ kia

Tỳ-kheo xuống vực thăm

Thanh văn kết chặt bè.

Thuở xưa, có hai kiến trúc sư Phạm chí, họ xây cất ngôi thành Ba-la-lị-phát-đa-la to lớn. Công việc xây cất trang trí đã xong, họ liền thỉnh Đức Phật và Tăng chúng vào thành để cúng dường, nhưng chưa đặt tên cho các cổng ra vào. Vị Phạm chí thăm nghĩ: “Nếu Sa-môn Cù-đàm từ cửa này đi ra thì đặt tên là cửa Cù-đàm”. Còn như Đức Như Lai đến từ sông Hằng thì nên đặt tên bờ nước ấy là bến Cù-đàm. Khi ấy, Phạm chí lại suy nghĩ: “Nếu qua sông

thì không biết Như Lai dùng phương tiện gì, Ngài dùng bè hay dùng ghe bầu dục, hay dùng trái nổi, hay dùng ghe nhỏ”. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn biết những ý nghĩ trong tâm Phạm chí nên Ngài liền dùng năng lực thần thông thành linh bay qua sông với chúng Tăng. Khi ấy, giữa đại chúng, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Phật, Thế Tôn qua sông
Phạm chí qua bờ kia
Tỳ-kheo xuống vực tắm
Thanh văn kết chặt bè.*

Đức Phật nói kệ xong, các Tỳ-kheo trở về tịnh xá. Phạm chí nghe những lời Phật dạy, họ vui mừng làm theo.



*Suối dòng làm gì?
Nước thường đầy yên
Nhỏ gốc rễ ái
Còn mong muốn gì?*

Suối này dòng vào việc gì, nước thường đầy, đứng yên: Ba cõi coi như suối, ái dục cũng là suối. Nước thường đầy, đứng yên là tất cả mọi kết sử đều nhóm họp trong suối ái dục, cho nên nói suối dòng làm gì, nước thường đầy, đứng yên?

Nhỏ gốc rễ ái, còn mong muốn gì: Người tu hành có khả năng nhỏ sạch gốc rễ ái dục, không còn sinh tử. Như loại cây độc hại, rễ nó hoàn toàn

bị đào lên hết, không còn sống được, cũng không có lá cành, ái dục cũng như vậy, gốc rễ nó bị đào lên hết, không còn cành lá. Còn mong muốn gì là không còn thọ thân, không còn tái sinh đời sau, cho nên nói: Còn mong muốn gì.



Tài công lái thuyền
Thợ cung sửa sừng
Thợ mộc bào gỗ
Người trí điều thân.

Tài công lái thuyền: Sửa lại cây đà cho chắc, trám bít lỗ thủng không cho nước rịn vào, để đưa người ở bờ bên này sang bờ bên kia. Thợ làm cung nỏ thì sửa uốn các dây gân cho ăn khớp với đầu sừng, khi lửa nóng, các dây gân không bị đứt, cho nên nói: Tài công lái thuyền, thợ cung nỏ uốn nắn sừng.

Thợ mộc bào gỗ: Dây mực căng thẳng, cao thấp như nhau, ý muốn, xây dựng nhà cửa được thành tựu, cho nên nói: Thợ mộc bào gỗ.

Người trí điều thân: Thường sống với chánh giáo, không hủy phạm pháp luật. Tìm cầu nghĩa vị, học pháp của bậc thượng nhân, cho nên nói: Người trí điều thân.



Giống như suối sâu
Trong ngoài trong suốt

*Nghe pháp như vậy
Người trí vui mừng.*

Như suối sâu, trong ngoài trong suốt:
Nói kệ là vì qua thí dụ, người trí sẽ tự hiểu. Hoặc có suối sâu nhưng không trong, thường đục, cũng có suối vừa sâu vừa trong, tự soi chiếu mọi hình ảnh, cho nên nói: Giống như suối sâu, trong ngoài trong suốt.

Nghe pháp như vậy, người trí vui mừng: Thuở xưa, có vị vua nhàm chán sách vở và sự nghiệp ở đời, ông đến chùa tháp, nghe giảng chánh pháp. Lúc ấy, có thầy Tỳ-kheo tên là Tượng Lực đã chứng quả A-la-hán, theo thứ lớp đến phiên nói pháp. Lúc ấy vị vua này đầu trùm khăn, chân mang giày vào trong chúng nghe pháp. Vị Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán bảo nhà vua:

– Ngày xưa, Đức Phật có dạy: “Không được nói pháp cho người mang giày nghe”.

Vua bực tức liền cởi giày ra. Vị Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán lại bảo nhà vua:

– Thuở xưa, Đức Như Lai cũng có dạy là không được nói pháp cho người bịt đầu nghe.

Nghe lời ấy, vua liền nổi giận dữ, trong tâm nghĩ rằng: “Hôm nay ta bị thầy Tỳ-kheo này làm nhục, có lẽ thầy Tỳ-kheo này thấy ta bị hói đầu nên muốn làm nhục ta. Nếu Tỳ-kheo này nói pháp mà không lọt tai ta thì ta sẽ chém đầu.” Lúc ấy vị vua

liền cởi bỏ khăn trùm đầu và giục Sa-môn:

– Xin thầy hãy mau nói pháp cho ta nghe.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, cũng dạy là không được nói pháp cho những người giận dữ nghe. Giờ đây vua đang giận dữ làm sao tôi dám nói pháp? Vậy vua hãy bình tâm lắng nghe tôi nói thí dụ này. Như dòng suối đục, nước sôi trào mãi không thôi. Nay, nhà vua cũng như vậy, tâm ý chao đảo, rối loạn thì làm sao mà nghe pháp được.

Nhà vua nghe vậy tự lấy làm hổ thẹn, liền sinh tâm cung kính, thầm nghĩ: “Thầy Tỳ-kheo này là bậc thánh nên mới soi xét thấy rõ lòng người như vậy”. Vua liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, gồi phải quỳ sát đất, trán lạy sát chân thầy Tỳ-kheo, thưa:

– Cúi xin bậc Thánh nói pháp cho con nghe, khiến tám thân nhơ bẩn này được nhờ ân che chở.

Thưa xong, vua liền trở lại chỗ ngồi, chờ nghe pháp. Lúc ấy thầy Tỳ-kheo liền nói cho nhà vua nghe bài kệ này:

*Giống như suối sâu
Trong ngoài trong suốt
Nghe pháp như vậy
Người trí vui mừng.*

Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo lại nói pháp cho vua nghe, khiến tâm vua vui mừng, hớn hở, lòng tin sâu phát sinh, gốc đạo không bị lay động, cho nên nói:

Nghe pháp như vậy, người trí vui mừng.



*Tâm nhân như đất
Như núi không động
Như suối trong veo
Trí tâm không loạn.*

Tâm nhân như đất: Như mặt đất này vừa nhận những đồ sạch vừa nhận đồ không sạch, nhưng đất không nghĩ rằng: Ta nên loại bỏ vật này, chấp nhận vật kia. Người trí giữ hạnh cũng như vậy, nếu có ai đến khen tặng cũng không lấy đó làm vui, nếu có ai đến chê bai bêu xấu cũng không lấy đó làm nhục, buồn rầu, thấy điều lành không vui, nghe điều ác không nổi giận, cho nên nói: Tâm nhân như đất.

Như núi không lay động: Như dãy núi đứng chơ vơ sáng tỏ bình yên, gió bão giận dữ vẫn không làm lay động. Bậc Thánh hiền cũng lại như vậy, không vì thiếu bốn thứ cúng dường mà tâm có thêm bớt mừng lo, cho nên nói: Như núi không lay động.

Như suối trong veo, tâm trí không loạn: Như dòng suối trong vắt, trong ngoài đều trong suốt, không bị dòng nước nhỏ làm đục. Người trí cũng như vậy, bên trong không phạm sai lầm, mọi gian tà bên ngoài khó xâm nhập. Tâm ý người ấy cứng chắc như kim cương không thể phá hoại, cho nên nói: Như suối trong veo, tâm trí không rối loạn.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 19

Phẩm 19: Hoa

*Ai chọn được đất
Bỏ gương lấy trời
Chỉ nói Pháp cú
Như lựa hoa đẹp?*

Như Lai nói bài kệ này nhằm gây thắc mắc, nhưng không ai có khả năng hỏi han, cho nên Đức Phật lại nói: Ai chọn được đất, bỏ gương lấy trời, chỉ nói Pháp cú, như chọn hoa đẹp? Đức Phật dùng bài kệ trả lời:

*Người học chọn đất
Bỏ gương lấy trời
Khéo nói Pháp cú
Hái được hoa đức.*

Người học có khả năng lựa chọn đất: Chỉ cho bậc A-la-hán hướng. Thế nào gọi là đất? Đất chỉ cho hạt giống ái dục. Người học có lòng tin chọn lựa đất tốt, nhổ bỏ gốc rễ ái dục và tự đạt được đạo quả, cho nên nói: Người học chọn đất.

Bỏ gương lấy trời: Người học đạo, tu hành từ

thế gian này, trên đến các trời phải tìm gốc ái mà nhổ hẳn nó, không cho dư sót. Trời, quỷ thần, tám bộ tướng quân, hễ ai còn gốc ái thì đều nhổ bỏ hết, cho nên nói: Bỏ gương sinh lên cõi trời.

Khéo nói Pháp cú, hái được hoa công đức: Cú thân, vị thân phân biệt nghĩa lý, mổ xẻ từng phần bằng trí vô ngại. Cởi mở hết các trói buộc, như người học hái các hoa đẹp để làm tràng hoa trang điểm, đem bán thì được nhiều tiền, ngắm mãi không chán. Người khéo nói pháp cú cũng vậy, là giảng rộng chỗ sâu kín, chọn lấy những điều nhiệm mầu, cho nên nói: Khéo nói Pháp cú.



*Phá rừng chớ đốn cây
Trong rừng lắm ghê sợ
Phá rừng tên rừng mất
Không rừng gọi Tỳ-kheo.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy Đức Phật đang nói pháp cho vô số chúng đang vây quanh trước sau để nghe, thì có một người, lòng tin vững chắc, bỏ vợ con, gia nghiệp và bà con họ hàng, đi xuất gia học đạo, cầu làm Sa-môn. Lúc ấy, ở trước đại chúng, vị này nhớ lại những thú vui năm thứ dục lạc ngày xưa, những bóng hình gái đẹp như chồn vờn trước mặt. Bộ phận sinh dục nổi dậy, trong tâm rất xấu hổ, thầy liền đến nơi vắng vẻ

dùng dao chặt bỏ bộ phận sinh dục, máu chảy đầm dề, thầy ngất xỉu, không tự hay biết.

Bây giờ Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Các thầy hãy xem người si mê kia, những điều cần gom lấy thì không gom lấy, cái không cần phải chặt bỏ lại đi chặt bỏ. Ai muốn chặt bỏ thì phải chặt bỏ các phược kết sử, chứ sao lại chặt bỏ bộ phận sinh dục?

Do vậy, Như Lai liền nói ba bài kệ sau:

*Phá rừng chớ đón cây
Trong rừng lắm ghê sợ
Khoảng rừng chưa phá
Cột trói lắm người.
Phá rừng chớ đón cây
Trong rừng lắm ghê sợ
Tâm cột chưa mở
Như ghé bám mẹ.*

Khoảng rừng chưa phá, cột trói lắm người: Chưa dứt bỏ hết kết sử trói buộc, các ý nghĩ vọng tưởng rong ruổi, không thể chuyên nhất, cho nên nói: Khoảng rừng chưa phá, trói cột nhiều người.

Tâm cột chưa mở: Như người tu khổ hạnh thường ưa thích chốn núi rừng. Vì sao? Vì nhờ nơi non vắng ấy mà thành đạo, cho nên nói: Tâm cột chưa mở.

Như ghé bám mẹ: Như con ghé mới đẻ, không khi nào rời xa mẹ, các loài chúng sinh này

cũng lại như vậy, các kết sử chưa dứt hết thì mọi nghi ngờ vẫn đeo đuổi, cho nên nói: Như ghé bám mẹ.



*Phải dứt quyền luyến
Như hoa ao thu
Dứt dẫu thọ giáo
Phật nói Niết-bàn.*

Phải dứt quyền luyến, như hoa sen trong ao thu: Ái dục đã nhuốm vào tâm thần thì sinh bệnh không tìm được đầu mối, giống như màu hoa sen vừa tươi vừa đẹp, ai trông thấy đều yêu thích. Khi thu sang hoa héo, lòng người xa lánh, không ai còn ham thích nữa, cho nên nói: Phải dứt quyền luyến, như hoa sen mùa thu.

Dứt dẫu, thọ giáo: Dứt dẫu chỉ cho bậc Hiền thánh, lãnh thọ sự răn dạy chân chính, từ đầu không có gì sai trái, nên pháp lành ngày càng thêm nhiều, pháp ác ngày càng giảm ít. Vì sao? Vì Đức Phật nói Niết-bàn an vui. Trong Niết-bàn, không có khổ não, không có các hoạn nạn bức não thân, cho nên nói: Phật nói Niết-bàn an vui.



*Như hoa đẹp vừa ý
Sắc đẹp hương tinh khiết
Người nói khéo như thế
Chắc chắn được quả báo.*

Bấy giờ, bởi xót thương chúng sinh nên Đức Phật giảng nói pháp này, âm thanh trong suốt, lời không sợ sệt, giảng nói pháp thượng, trung, hạ đều lành cho chúng sinh nghe, nghĩa vị đầy đủ, tịnh tu phạm hạnh, nghĩa lý sâu xa, người trí phân biệt, đã thực hành chuyên chánh, dạy người cũng thế, đều thuận chánh pháp, không trái nghĩa lý. Đức Thế Tôn nói được đầy đủ quả báo, cho nên nói: Như hoa đẹp vừa ý, sắc đẹp hương tinh khiết, người nói khéo như thế, chắc chắn được quả báo.



*Như ong hút hoa
Không hại hương sắc
Chỉ lấy vị thôi
Khát thực cũng thế.*

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói bài kệ này cho các Tỳ-kheo tu hạnh khát thực nghe. Người khát thực nhìn xem người đối diện mặt mày hiền hay dữ, đẹp hay xấu. Thấy ai xinh đẹp thì nhìn chăm chăm không rời, thấy ai xấu thì không thèm nhìn. Nghe gì thơm thì mũi ngửi hoài, nghe mùi hôi thối thì bỏ đi. Cứ nhớ sắc đẹp, hương thơm kia, cho đến đã trở về phòng mà đêm ngày vẫn còn mơ tưởng.

Quán thấy tâm các Tỳ-kheo như vậy, nên Ngài bảo các Tỳ-kheo:

– Vì sao các thầy không làm như ong hút mật hoa, nó chỉ hút vị ngọt rồi bay đi, không làm hại

hương sắc. Các thầy nên biết: Mùi thơm, mùi hôi, hoặc hiền, hoặc dữ, hoặc đẹp, hoặc xấu, có ích lợi gì đâu. Nhà lớn, nhà nhỏ, giàu có hay nghèo nàn, tâm các thầy như thế thì thân người này, phụ rầy người kia, vì sao không làm giống như người có lòng nhân đã làm?

Cho nên nói: Như ong hút mật hoa, không làm hại hương sắc, chỉ lấy vị rồi đi, người có lòng nhân vào xóm khát thực cũng như vậy. Làm nhiều hoa báu kết thành ngọc Diêu kỳ, như đệ tử của thợ kết tràng hoa giỏi, thường gom nhóm nhiều loại hoa làm tràng hoa đem bán để kiếm sống. Các Tỳ-kheo thấy họ làm như vậy liền tự làm tràng hoa chưa từng có. Đức Thế Tôn bảo các thầy đều hãy làm tràng hoa, chính lúc các thầy làm như vậy thì các thầy đã tạo ra vô số công hạnh cho nên mới được thân người này. Thế thì sao không làm việc phước đức, tự tu tập bố thí, suy nghĩ về những điều răn dạy, tinh tấn trì giới, giữ gìn phạm hạnh. Cho nên nói: Làm nhiều hoa báu kết thành ngọc Diêu kỳ, chứa nhóm phước đức thì đời sống trở thành tốt đẹp.



*Ngu tụng ngàn chương
Không hiểu một câu
Trí hiểu một câu
Thì hiểu trăm nghĩa.*

Ngu tụng ngàn chương, không hiểu một câu: Người ngu không có trí, không có sự hành trì, không có cái thấy đúng, không có mắt, không tu học rộng, họ chỉ có chút hiểu biết cạn cợt, chỉ tham ăn, nên cả ngàn câu không hiểu được câu nào, cho nên nói: Ngu tụng ngàn chương, không hiểu một câu.

Trí hiểu một câu, thì hiểu trăm nghĩa: Người trí có mắt, có cái thấy đúng, có khả năng suy nghĩ tinh tế, hiểu nghĩa gốc và tất cả nghĩa xung quanh, biết rõ pháp này phải như thế, không nên như thế, cho nên nói: Trí hiểu một câu, thì hiểu trăm nghĩa.



*Như hoa khi trời mưa
Chồi nụ mới phô bày
Dâm, nộ, si cũng vậy
Tỳ-kheo được giải thoát.*

Như hoa khi trời mưa, chồi nụ mới phô bày: Như khi trời mưa, thì hoa cỗi trời nở ra cũng không giảm, lá hoa rụng xuống, mầm mọc thêm tốt, cho nên nói: Như hoa khi trời mưa, chồi nụ mới phô bày.

Dâm, nộ, si cũng vậy, Tỳ-kheo được giải thoát: Các Tỳ-kheo không phải vì sợ vua mà làm Đạo nhân, không phải vì sợ bọn cướp bóc mà làm Đạo nhân, không phải vì sợ thiếu nợ mà làm Đạo nhân, không phải vì sợ bệnh tật mà làm Đạo nhân,

không phải vì sợ làm việc nặng nhọc mà làm Đạo nhân. Các thầy làm Đạo nhân là bởi chán ngán nỗi khổ thế gian mà làm Đạo nhân, muốn thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết mà làm Đạo nhân, có phải vậy không?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy.

– Vì sao các thầy không suy nghĩ dứt bỏ dâm, nộ, si? Dứt bỏ kết sử, không sống với nó. Phải khắc nhổ chúng ra, diệt trừ chúng để được kết quả. Được kết quả hai nghiệp là gì? Là tự vì mình và vì người khác. Tự vì mình là dùng pháp lành xông ướp thân mình, vì người khác là như thọ nhận của tín thí về y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men, chữa bệnh, khiến tín thí không tổn giảm mà được phước. Cho nên nói: Dâm, nộ, si cũng vậy, Tỳ-kheo được giải thoát.



*Như đào cái ao
Ở gần đường cái
Trong ao mọc sen
Thơm tho vừa ý.*

Như đào cái ao, ở gần đường cái: Ao là nơi các thứ dơ bẩn đều đổ xuống đó, người ta thấy chán ngán, chẳng dám đến gần. Ai đi ngang qua cũng đều né tránh, không thềm nhìn, cho nên nói: Như đào cái ao, ở gần đường cái.

Trong ao mọc sen, thơm tho vừa ý: Màu sắc đầy đủ, mùi thơm đầy đủ, mọi người trông thấy đều ưa thích, vừa lòng, không màng đến nó xuất xứ ở đâu, chỉ ngắm nghĩa đóa hoa ấy. Tại sao đất nhơ bẩn như vậy lại mọc lên đóa hoa đẹp như vậy? Thật là lạ lùng, trên đời ít có, cho nên nói: Trong ao mọc sen, thơm tho vừa ý.



*Sinh tử như vậy
Phàm phu trong đó
Người trí ra khỏi
Là đệ tử Phật.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, trong sáu thời của một ngày một đêm, Đức Thế Tôn quán sát thấy có nhiều chúng sinh đã được Phật độ, nhưng rơi trở lại cuộc sống phàm phu, đối với Phật pháp có thiếu sót lớn. Đức Phật dùng Thiên nhãn nhìn thấy trong thành Xá-vệ, có một anh nọ thuộc dòng Chiên-đà-la, sống bằng nghề đồ phân. Đến giờ, Đức Thế Tôn đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Theo thứ lớp, Ngài đến nhà anh Chiên-đà-la nọ. Lúc ấy anh đồ phân từ xa nhìn thấy Đức Phật đến trong lòng hổ thẹn, bèn né tránh Phật mà bước qua con hẻm khác. Bỗng nhiên Như Lai đi ngược lại phía anh. Anh này thầm nghĩ: “Ta gánh phân hôi thối, dơ bẩn, bây

giờ làm sao dám gặp Đức Thế Tôn?” Anh ta lại muốn tránh Phật bằng cách chạy đến bên đầm nước, gióng đứt, thùng phân bể, phân hôi thối dơ bẩn đổ tràn ra đất. Sợ chủ đất nổi giận nên anh này định bỏ chạy thì từ phía xa, anh nghe Đức Phật gọi:

– Hôm nay Ta đến đây vì ngươi, sao ngươi chạy đi đâu?

Anh kia trả lời:

– Mình mấy con dơ bẩn hôi thối, không dám đến gần Thế Tôn, nên con định bỏ chạy. Xin Đức Thế Tôn hiểu cho là con sớm mất cha mẹ, bà con họ hàng thất lạc, không vợ không con, cô đơn cùng khổ, phải làm việc đổ phân sống qua ngày. Chẳng hay Đức Thế Tôn vì sao lại dạy bảo con, Ngài lại có lòng thương xót mà nói chuyện với kẻ tội lỗi này.

Đức Thế Tôn bảo:

– Con hãy theo Ta, Ta muốn độ cho con làm Sa-môn.

Anh thưa với Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, kẻ sống trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà cũng được xuất gia sao?

Đức Thế Tôn bảo anh:

– Từ vô số kiếp đến nay, Ta tu vô số công hạnh là cầu được thành Phật, chính là vì những người tội lỗi.

Nói xong, Đức Thế Tôn dùng năng lực thần

thông nắm lấy tay anh này, bay lên hư không, đưa anh đến bên bờ sông Hằng tắm gội, thân thể được sạch sẽ. Đức Phật lại dùng năng lực thần thông đưa anh ta về tinh xá Kỳ hoàn, dạy các Tỳ-kheo độ cho anh này làm Sa-môn. Các Tỳ-kheo vâng lời độ cho anh này làm Sa-môn.

Sau khi xuất gia, thầy Tỳ-kheo này thâm nghĩ: “Ta xuất thân từ giai cấp thấp hèn, may nhờ chút phước mà được ném mùi đạo. Giờ đây, ta không thể tự cầu thì phải cầu học nơi người có đạo, nếu không thì sau này sẽ rơi vào đời sông hèn mọn còn tệ hơn bây giờ.” Nghĩ vậy, nên thầy tự cố gắng tinh tấn mỗi ngày một tiến. Chưa đầy mười ngày thầy đã chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đầy đủ sáu thứ thần thông, xuất hiện hay biến mất một cách tự tại. Thầy đến chỗ tảng đá vuông thật to, ngồi chính giữa tảng đá vá y cũ.

Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật độ người đồ phân dòng Chiên-đà-la liền suy nghĩ: “Đức Phật xuất thân từ dòng họ Thích giàu sang danh giá, các đệ tử Ngài đều xuất thân từ bốn giai cấp: giai cấp Trưởng giả, giai cấp Bà-la-môn, giai cấp Sát-đế-lợi. Những vị này vào cung thọ nhận cúng dường, ta gieo năm vóc sát đất lễ dưới chân các vị ấy. Nay nghe tin Như Lai độ cho giai cấp Chiên-đà-la làm Sa-môn, làm sao ta cúi đầu kính lạy họ cho được. Vậy ta phải đến trách cứ Như Lai.” Nghĩ xong, vua tự sửa soạn xa giá đến chỗ

Như Lai. Khi sắp đến nơi thì nhà vua trông thấy một thầy Tỳ-kheo đang ngồi trên tảng đá vuông, vá y cũ, có năm trăm vị trời cõi Tịnh cư vây quanh kính lễ. Vua đi thẳng đến chỗ thầy Tỳ-kheo hỏi:

– Phiền thầy, xin nhờ thầy đến thưa với Đức Thế Tôn là có vua Ba-tư-nặc đang ở ngoài này, mong được gặp Thế Tôn.

Nghe lời ấy, thầy Tỳ-kheo liền đi xuyên qua tảng đá và xuất hiện trong đất tịnh xá của Như Lai, bước đến bạch Phật:

– Vua Ba-tư-nặc hiện đang ở ngoài muốn yết kiến Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

– Bây giờ, thầy hãy ẩn vào đất ở đây và xuất hiện trên tảng đá kia, báo nhà vua rằng: “Nên biết đã đúng lúc”.

Vị Tỳ-kheo liền y lời Đức Phật dạy, xuất hiện trên tảng đá, báo nhà vua:

– Đức Như Lai có dạy: “Đại vương nên biết đã đúng lúc”.

Vua Ba-tư-nặc lại nghĩ: “Sở dĩ ta đến đây, là muốn hỏi về người đồ phân kia, bây giờ ta bỏ điều định hỏi ấy. Tại sao thầy Tỳ-kheo này lại có thể đi vào trong tảng đá cứng như vậy, xuất hiện và biến mất một cách tự tại. Ta phải hỏi xem thầy Tỳ-kheo này là ai mới được.” Lúc bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền cởi bỏ đồ trang sức và đi đến chỗ Phật, trán lạy

sát chân Ngài, rồi ngồi sang một bên. Giây lát, vua đứng dậy đến trước Phật, bạch:

– Thầy Tỳ-kheo khi nãy là ai? Sao Tỳ-kheo ấy có năng lực thần thông qua lại trong tảng đá không hề trở ngại như thế?

Đức Phật bảo vua:

– Đó chính là người đồ phân, giờ đây người ấy có năng lực thần thông như vậy.

Bấy giờ, do nhân duyên này, Đức Thế Tôn liền nói hai câu kệ:

*Như cái ao ở chỗ đất xấu dơ bẩn
Trong ao mọc lên một bông sen thơm
ngát.*

– Thế nào đại vương, là người có mắt, có hái đóa hoa ấy chăng?

Nhà vua bạch Phật:

– Vâng, bạch Đức Thế Tôn, đóa hoa hết sức thơm ngát sẽ hái để trang sức, vật dơ bẩn kia phải coi như bào thai mẹ, trong bào thai ấy, sản sinh ra hoa công đức.

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc chấp tay, bước đến bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đúng như vậy, Tỳ-kheo ấy chóng được lợi ích tốt đẹp, bởi nhờ ân Phật dạy mà được xuất gia, đã được xuất gia lại được thần túc biến hóa không thể suy nghĩ, bàn luận. Từ nay trở đi, cho đến suốt đời, con thỉnh thầy Tỳ-kheo

này cúng dường bốn thứ vật dụng, không để thiếu thốn.

Cho nên nói: Người có trí tuệ ưa thích xuất gia làm đệ tử Phật.



*Như người hái bông
Chuyên ý không rơi
Ngủ thôn nước cuốn
Bị chết kéo lôi.*

Như người hái bông chuyên chú không để rơi mất: Thuở xưa, có rất nhiều người hái bông ở ngoài đồng, những người biết bông đẹp họ tranh nhau hái bông đẹp, cho nên nói: Như người hái bông, chuyên chú không để rơi mất.

Ngủ trong thôn nước cuốn, bị chết kéo lôi: Lúc ấy, những người đi hái bông, trở về nhà mệt mỏi ngủ say không hay nên bị nước lũ nhận chìm chết hết, cho nên nói: Ngủ trong thôn nước cuốn, bị chết kéo lôi.



*Như người hái bông
Chuyên ý không rơi
Ý muốn không thỏa
Cùng khổ khốn đốn.*

Như người hái bông, chuyên ý không để rơi mất: Lúc ấy mọi người đi hái bông đẹp, tranh nhau đi khắp nơi hái bông đẹp. Phải hái các hoa thật

thơm để mừng lễ hội, cho nên nói: Như người hái bông, chuyên ý không để rơi mất.

Ý muốn không thỏa mãn, cùng khổ khôn đồn:

Hái bông là muốn tha hồ vui chơi với năm thứ dục lạc, không ai biết sự biến đổi về sau bởi không quán sát như thế. Khi sự biến đổi xảy ra thì ngày chết đã đến. Chừng đó mới biết là khôn đồn, cho nên nói: Ý muốn không thỏa mãn, cùng khổ khôn đồn.



*Như người hái bông
Chuyên ý không rơi
Chưa được tài nghiệp
Bị khổ khôn đồn.*

Như người hái bông, chuyên ý không để rơi mất: Lúc ấy, dân chúng nghèo khổ, thiếu thốn, phải hái bông đem bán để kiếm sống, cho nên nói: Như người hái bông, chuyên ý không để rơi mất.

Chưa được tài nghiệp, bị khổ khôn đồn:

Người siêng năng làm việc kiếm tiền, nhưng ước mong chưa thỏa, hy vọng chưa đầy, liền bị nghèo khổ ép ngặt. Rồi bỏ thân này, lại thọ thân sau. Ấy là do không chịu suy nghĩ cho nên cứ bỏ thân này thọ thân khác, cho nên nói: Chưa được tài nghiệp, bị khổ khôn đồn.



Quán thân đồ nung

*Ngựa ảo giữa đồng
Đoạn ma tràng hoa
Không thấy thần chết.*

Quán thân như đồ nung: Các món đồ nặn ra dễ vỡ, nếu bê đi mà không chú ý thì dễ bị vỡ, là pháp bị mài mòn tiêu diệt, không thể nương cậy được, đều đi đến chỗ tan biến. Dần dần chứa nhóm mà trở thành gò đống. Thân bốn đại này cũng như vậy, không đáng nương cậy, đều đi đến chỗ tan biến. Là pháp bị mài mòn tiêu diệt, không được lâu dài, sẽ được vất bỏ ngoài gò mả, cho nên nói: Thân như đồ nung (dễ bể).

Ngựa ảo giữa đồng: Ánh nắng gay gắt làm lóa mắt người nên nhìn ngoài đồng thấy có ngựa chạy. Người ta muốn chạy đến đó tìm nhưng không thấy chúng, chỉ luống tự mệt nhọc mà không được gì. Người biết rõ thì thấy các pháp thấy đều như vậy. Không thể cưỡng lại được, không bền chắc, không đáng nương cậy, cho nên nói: Như ngựa ảo giác giữa đồng.

Đoạn ma tràng hoa: Ma tự xưng là Tự tại thiên tử, họ đeo tràng hoa bện bằng tóc. Nhờ thấy đế (thấy sự thật) nên suy nghĩ dứt bỏ kết sử, dứt bỏ rồi thì dứt bỏ luôn sự dứt bỏ. Không còn nhắm đến cõi trời Tự tại, cũng không còn bị các trời kéo lôi nữa, cho nên nói: Không còn thấy thần chết.



*Thân như chùm bọt
Pháp huyễn tự nhiên
Đoạn ma tràng hoa
Không thấy thân chết.*

Thân chùm bọt nước: Như chùm bọt không tồn tại lâu dài, không đáng nương cậy. Tay vừa chạm thì liền tan vỡ, không thể giữ được. Thân bốn đại này cũng như vậy. Không có sức mạnh nào chống lại được, cũng không bền chắc, cho nên nói: Thân này như chùm bọt nước.

Pháp huyễn tự nhiên: Như vật huyễn hóa làm mê lầm người ta. Không phải chân, không phải thật, nhưng kẻ ngu thì đắm mê cho là mình có thật. Người trí quán xét biết không có một thứ nào đáng đắm mê, cho nên nói: Pháp huyễn hóa tự nhiên.

Đoạn ma tràng hoa: Người thấy đế, suy nghĩ sự dứt bỏ, hết hẳn kết sử, không còn ưa thích lời chúng và gần gũi chúng, cho nên nói: Đoạn ma tràng hoa.

Không thấy thân chết: Người thấy đế suy nghĩ kết sử đã hết, là vua một mình đi qua ba cõi, sống chết tự tại, không bị Tự tại thiên tử câu thúc ghi sổ, cho nên nói: Không còn thấy thân chết.

Hiểu thân và tham là một không khác, người học đạo có khả năng từ bỏ sự chấp có vững chắc, như chọn hoa Ưu-đàm-bát, thầy Tỳ-kheo vượt qua hai bên, như rắn lột da cũ.

Người học đạo có khả năng từ bỏ sự chấp có vững chắc: Ý niệm vững chắc về có là gì, đó là năm thứ dục lạc. Tâm ý đắm mê không thể lìa bỏ, khiến cho chúng sinh khởi tâm đắm mê, trôi lăn trong năm đường, hết vòng thì trở lại ban đầu. Thân này mất đi lại thọ thân khác. Trên đời này thứ gì là vững chắc? Đó chính là thân năm ấm lấy lòng. Năm dục còn khiến cho chúng sinh suốt ngày ham thích, không thể xa lìa được. Nhưng người học đạo tâm chấp khư khư, người có khả năng buông bỏ cái có vững chắc chính là bậc Hiền thánh có khả năng xả bỏ năm ấm lấy lòng và năm thứ dục lạc. Đó gọi là thích ứng theo hạnh của Hiền thánh, cho nên nói: Người học đạo có khả năng từ bỏ sự chấp có vững chắc.

Như chọn Ưu-đàm-bát: Người khéo phân biệt thì họ lựa chọn hoa đẹp, tìm hoa Ưu-đàm-bát. Nhưng rồi thân thể tinh thần mệt nhọc vất vả vẫn không tìm được. Tâm mệt mỏi chán nản liền bỏ đi, cho nên nói: Như chọn hoa Ưu-đàm-bát.

Thầy Tỳ-kheo vượt qua hai bên: Tỳ-kheo có nghĩa là phá các kết sử, không màng đến thân tướng, mặc y ôm bát khát thực, độ người. Vượt qua hai bên nghĩa sáu căn trong ngoài, sáu nhập bên trong, sáu trần bên ngoài. Cho nên nói thầy Tỳ-kheo vượt qua hai bên.

Như rắn lột da cũ: Bậc Hiền thánh đã vượt qua ba cõi kiên cố, là đạo của Hiền thánh. Bậc

Thánh có thể bỏ đạo Hiền thánh, bước vào ngôi thành Niết-bàn vô vi, cho nên nói như rắn lột bỏ da cũ.



Phẩm 20: Mã Dụ

*Như ngựa luyện thuần
Theo ý người muốn
Tín, giới tinh tấn
Phải có pháp định
Nhẫn hòa, ý định
Dứt hết các khổ.*

Như ngựa luyện thuần, làm theo ý người muốn: Như có người giỏi huấn luyện ngựa, dùng roi da không chế ngựa, khiến nó làm theo ý muốn của mình, không chệch đường đi chính. Tính của ngựa là bướng bỉnh, nhưng một mực rất sợ roi, nó thường biết giữ mình, không để phạm lỗi, cho nên nói: Như ngựa được luyện thuần, làm theo ý người muốn.

Tín, giới, tinh tấn, phải có pháp định: Thầy Tỳ-kheo tu hành cũng như bên trong ngựa kia, thường suy nghĩ sợ mình có phạm lỗi, lại sợ bậc phạm hạnh đến quở trách nên một lòng tin, hướng về Phật, Pháp, Tăng, tinh tấn vững chắc không thể phá hoại. Ý thường ở trong định, phân biệt các pháp, cũng không để mình bị làm lỗi, cho nên nói: Tín, giới tinh tấn, phải có pháp định.

Nhẫn hòa, ý định: Người tu học siêng năng chế ngự các giác quan, không để buông lung. Các giác quan đều được tự tại, năng lực nhẫn nhục đầy đủ. Nếu bị người hủy báng, xung tưng, khen tặng, chê bai, khổ vui đều không sinh tâm tức giận, cũng không mắc vào phải quấy, cho nên nói: Nhẫn hòa, ý định.

Dứt hết các khổ: Hữu dư, vô dư đều dứt bỏ hết để bước vào Niết-bàn, cho nên nói: Dứt hết các khổ.



*Nhờ đó trụ định
Như người luyện ngựa
Dứt giận, hết lậu
Là hưởng phước trời.*

Nhờ đó trụ định: Người tu thiền định gom hết các giác quan, giữ tâm không cho rối loạn, tâm không còn nghĩ gì khác. Pháp mà tâm nghĩ cũng không rong ruổi, cho nên nói: Nhờ đó mà an trụ trong định.

Như người luyện ngựa: Như người huấn luyện ngựa, khi thấy con ngựa dữ hung hăng khó dạy thì anh ta cho nó ngậm hàm thiếc, buộc dây cương rồi đánh bằng roi. Sau đó nó mới thuần, làm theo ý muốn của anh ta, không còn trở ngại, cho nên nói: Như người luyện ngựa.

Dứt giận, hết lậu: Các sự giận dữ đã hết, không

còn phiền não, không còn thọ thân sau, không còn tái sinh nữa, cho nên nói: Dứt giận, hết lậu.

Là hưởng phước trời: Suốt ngày đêm, các trời che chở, bảo vệ các vị La-hán nói công đức. Họ từ bỏ ngôi vị sang trọng trên trời mà xuống cõi người này để khen ngợi công đức của Hiền thánh, lần lượt truyền bá rộng khắp, ai cũng nghe biết, cho nên nói: Là hưởng phước trời.



*Không tự do buông lung
Khi ngủ thường giác tỉnh
Ngựa ôm đưa ngựa khỏe
Bỏ ác là Thánh hiền.*

Không tự do buông lung, khi ngủ thường giác tỉnh: Như người tu hành tâm không buông lung, khen ngợi công đức không buông lung, ưa sống nơi vắng vẻ, không thích nơi ồn náo, thấy ai buông lung thì khuyên nhủ, giúp họ từ bỏ tham. Người buông lung không có được cội gốc lành, thường mất mát của cải. Khi ngủ thường giác tỉnh, nhớ kinh điển Phật, lời Như Lai nói. Nếu ai ngủ nhiều thì bị tổn giảm, những vật đáng lẽ thành tựu, thì lại bị hư hoại, những vật không nên thành tựu lại thành tựu, cho nên nói: Không tự do buông lung, khi ngủ thường giác tỉnh.

Ngựa ôm đưa ngựa khỏe, bỏ ác là Thánh hiền: Như hai con ngựa cùng chạy về một hướng,

con ngựa mập chạy nhanh, con ngựa ốm còi chạy không kịp bạn, nhưng con ngựa ốm lại bước vào đường chánh trước và sắp đến đích, còn con ngựa mập lại đến sau vì nó phi quá mau hơn con ngựa ốm (*mau nhưng đi chệch đường*). Loại chúng sinh này cũng lại như vậy, có người căn tính lanh lợi tham đắm ngủ nghỉ không chịu tu học, còn người căn tính chậm lụt, nhưng tâm siêng năng tu học, không để mình buông lung, cho nên nói: Ngựa ốm đua với ngựa khỏe, bỏ ác là Thánh hiền.



Người biết hổ thẹn

Trí tuệ đầy đủ

Dễ giục tiến lên

Như roi thúc ngựa.

Người biết hổ thẹn, đầy đủ trí tuệ: Như người tu học sợ không bằng chúng bạn, nên được một phần thì mong được một phần nữa để càng tiến lên. Khi thực hành thiếu sót một điều thì tự thấy hổ thẹn ngay (thâm nghĩ): “Xưa kia, ta bị duyên nghiệp gì mà tu hành không đạt kết quả.”, rồi buồn phiền tự trách mình như là mang tang cha mẹ, tâm thương đứt bỏ các pháp ác bất thiện, cho nên nói: Người biết hổ thẹn, đầy đủ trí tuệ.

Dễ giục tiến lên, như roi thúc ngựa: Có khả năng đứt bỏ hết các điều ác, nhổ hẳn cội gốc nó, không cho bụi trần che phủ Người được như vậy

thì dễ đạt đạo, cho nên nói: Dễ giục tiến lên. Ngựa hay là do người huấn luyện ngựa, y chế ngự con ngựa hung dữ, khiến nó trở nên thuần cương, nó biết trước được nơi mà người ta muốn đến đó, cho nên nói: Như roi thúc ngựa hay.



*Như ngựa luyện đúng
Đáng để vua cỡi
Điều được người tôn
Được sự thành tín.*

Như ngựa được huấn luyện đúng cách: Trong chuồng ngựa của vua có ba loại ngựa, loại nhất, loại hai và loại ba. Cả ba loại đều được chăm sóc, cho ăn không khác nhau. Loại ngựa nhất thì vua thường coi ngó, loại ngựa hai thì sai người chăm sóc, loại ngựa ba thì sai tôi coi sóc, cho nên nói: Như ngựa được huấn luyện đúng cách.

Xứng đáng để vua cỡi: Dùng vàng bạc trang sức, các thứ anh lạc, vua ngồi trên lưng ngựa, ngựa bước đi khoan thai. Nó theo ý vua, không bao giờ trái ý hay làm lẫn, cho nên nói: Xứng đáng để vua cỡi.

Tự điều phục mình thì được người tôn kính: ở trong đại chúng được tôn là bậc thượng bởi không phạm lỗi lầm. Là người bậc nhất, không gì thí dụ được, cũng không ai sánh được, cho nên nói: Tự điều phục mình được mọi người tôn kính.

Được sự thành tín: Nghe người khác chê bai, hủy báng nhưng không có tâm buồn rầu, trái lại còn thương xót họ, bởi nghĩ sau này họ sẽ chịu tai ương, còn mình thì không bao giờ giận dữ, cũng không tức tối. Không sinh tâm ác với người đối diện, cho nên nói: Được sự thành tín.



*Tuy thường điều phục
Nnhư ngựa mới kia
Nnhư voi rất hiền
Không bằng tự điều.*

Tuy thường điều phục: Như người huấn luyện ngựa, từ nhỏ y đã biết sự phát triển của ngựa, con nào giỏi, con nào nhón nhác, chậm lụt y đều biết rõ cả. Con này dễ điều phục, con kia khó điều phục, con này có tính gấp gáp, con kia có tính trì hoãn. Bởi có khả năng phân biệt như vậy nên được gọi là giỏi xem ngựa, cho nên nói: Tuy thường điều phục.

Nnhư ngựa mới kia: Người huấn luyện ngựa, lại biết ngựa hung dữ không thể điều phục nó, mới được huấn luyện nên nó chạy Đông chạy Tây, chưa đầy mười ngày thì nó đã được điều phục tốt trở thành ngựa hay. Còn con nào ngoan cố, không thể điều phục được thì bán cho người khác để kéo củi, chở rau cỏ, cho nên nói: Nnhư ngựa mới kia.

Nnhư voi rất hiền: Là loài có thân thể to nhất trong các loài thú, nhưng tâm ý nó biết nghe lời

điều khiển, dù thân nó sần sùi. Nó được mọi người ưa thích, ngắm nhìn không thỏa mãn, cho nên nói: Như voi hết sức hiền.

Không bằng tự điều phục: Người có khả năng tự điều phục, dứt bỏ những điều sai quấy, tà vạy, được các trời, người đời, chư Phật, Thế Tôn, người có thần thông đặc đạo kính trọng, cho nên nói: Không bằng tự điều phục.



*Kia không thể nương
Chỗ người không đến
Chỉ người tự điều
Mới đến chỗ điều.*

Kia không thể nương, chỗ người không đến: Không thể nương vào thừa này để đến cảnh giới vô úy, cũng không thể nương vào thừa này để đến nơi an ổn, cũng không thể nương vào đây để đến chỗ không có tai ương hoạn nạn, cho nên nói: Kia không thể nương.

Chỉ người tự điều, mới đến chỗ điều: Người tự điều phục mình thì thần thức mau đến chỗ ổn định, giúp kẻ không điều phục được điều phục, mới giúp kẻ không chân chánh được chân chánh, an trụ mãi trong vô vi, không còn bị lo buồn vui giận, cho nên nói: Chỉ người tự điều, mới đến chỗ điều.



Kia không thể nương

*Chỗ người không đến
Chỉ người tự điều
Diệt tất cả ác.*

Kia không thể nương, chỗ người không đến:
Không thể nương vào thừa này để tránh khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cũng không có khả năng vượt khỏi tám nạn, cho nên nói: Kia không thể nương, chỗ người không đến.

Chỉ người tự điều, diệt tất cả ác: Người tự điều phục thì mọi điều lành tựu về, rất được tự tại đối với các kết sử. Có khả năng diệt hết dấu vết của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên nói: Chỉ người tự điều, diệt tất cả ác.



*Kia không thể nương
Chỗ người không đến
Chỉ người tự điều
Thoát tất cả khổ.*

Kia không thể nương, chỗ người không đến:
Nương vào thừa này, không thể chấm dứt hết gốc khổ đề từ bờ bên này sang bờ bên kia. Vì sao? Bởi thừa này không đến chỗ rốt ráo, cũng không phải thừa của nghĩa bậc nhất, cho nên nói: Kia không thể nương, chỗ người không đến.

Chỉ người tự điều, thoát tất cả khổ: Hết hẳn các khổ, không còn sinh tử, cho nên nói: Chỉ người tự điều, thoát tất cả khổ.



*Kia không thể nương
Chỗ người không đến
Chỉ người tự điều
Được đến Nê-hoàn.*

Kia không thể nương, chỗ người không đến: Không biết dấu vết, hướng là biết Nê-hoàn mà có thể thấy được? Việc đó không đúng, cho nên nói: Kia không thể nương, chỗ người không đến.

Chỉ người tự điều, được đến Nê-hoàn: Hiểu rõ Nê-hoàn cũng tự vắng lặng, chuyên tâm một bề, không có niệm nào khác, cho nên nói: Chỉ người tự điều, được đến Nê-hoàn.



*Thường tự điều phục
Như dừng ngựa rong
Tự phòng chế mình
Nghĩ vượt nguồn khổ.*

Thường tự điều phục: Nghĩa là tự điều phục, bỏ ác chính là lành. Như kinh chép. Đức Phật bảo Chú-na rằng: “Nếu không tự điều phục mình, ý không chuyên nhất, mà muốn điều phục người khác thì không thể có được.” Muốn điều phục người thì trước phải tự điều phục mình, cho nên nói: Thường tự điều phục.

Như dừng ngựa rong: Như người huấn luyện ngựa, khôn khéo cầm cương con ngựa chạy rong,

né tránh nguy hiểm đến nơi an toàn, cho nên nói: Như dừng ngựa chạy rong.

Tự phòng chế mình, nghĩ vượt nguồn khổ:
 Các hạnh đã đầy đủ nên không còn các khổ, mà vượt qua sự biểu hiện của các khổ. Sự biểu hiện của các khổ là gì? Đó chính là Nê-hoàn dứt hết phiền não. Ở đó không còn các khổ nóng bức, cho nên nói: Tự phòng chế mình, nghĩ vượt nguồn khổ.



*Tự mình lo phòng hộ
 Tự nương, tự vượt qua
 Nên chính mình cẩn thận
 Thương buôn mua ngựa tốt.*

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, thành La-duyet. Lúc bấy giờ, vị thầy thuốc tài ba là Kỳ-vực (Jivaka) thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ thực, ngoại trừ ngài Bàn-đặc. Vì sao? Vì trong bốn tháng mà Bàn-đặc học mãi vẫn không nhớ được hai chữ chổi quét. Lúc bấy giờ Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng đến nhà Kỳ-vực và an tọa theo thứ lớp.

Kỳ-vực liền đứng dậy dâng nước rửa tay. Đức Như Lai không nhận nước sạch ấy. Kỳ-vực bạch Đức Phật:

- Chẳng hay vì sao Như Lai không nhận nước?
- Đức Phật bảo Kỳ-vực:
- Hôm nay, trong chúng không có Bàn-đặc cho

nên Ta không nhận nước.

Kỳ-vực bạch Đức Phật:

– Tỳ-kheo Bàn-đặc trong bốn tháng học mãi mà vẫn không tụng được hai chữ chổi quét, trong khi bọn chần bò, chần dê còn tụng được cả bài kệ, vậy cần gì phải thỉnh Tỳ-kheo ấy?

Đức Phật bảo Kỳ-vực:

– Nếu ông không thỉnh Bàn-đặc thì Ta không nhận nước sạch.

Vâng lời Phật dạy, ông Kỳ-vực cho người đi thỉnh Bàn-đặc.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Thầy hãy trao bát cho Bàn-đặc.

Đức Phật lại bảo Bàn-đặc ngồi yên tại chỗ, từ xa trao bát vào tay Như Lai.

Bấy giờ, Kỳ-vực thấy năng lực thần thông của Bàn-đặc như vậy thì ông ăn năn tự trách mình: “Than ôi, ta đã làm to, nỡ hủy nhục bậc Hiền thánh. Hôm nay mới biết không thể sai phạm lời ăn tiếng nói là vậy”. Ông liền sinh tâm cung kính hướng về Tỳ-kheo Bàn-đặc mà lơ là với năm trăm vị kia.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói rộng về nguyên nhân đời trước. Thuở xưa cách nay vô số kiếp, lúc đó ông Kỳ-vực làm nghề lái ngựa, chuyên buôn bán trao đổi ngựa. Khi đem một ngàn con ngựa đến xứ kia để bán, thì dọc đường có một con ngựa đẻ con. Ông lái ngựa liền đem chú ngựa con ấy cho người

và thúc đàn ngựa lên đường. Đến nơi ông lái ngựa ra mắt nhà vua xứ ấy.

Vua hỏi người lái ngựa:

– Ta xem bây ngựa ngàn con này, đều là ngựa thường cả. Nhưng trong đó, có một con trong khi cất tiếng hí thì khác với những con ngựa còn lại. Con ngựa ấy chắc chắn sinh một con ngựa quý, tài giỏi nhất. Con ngựa con ấy, khi nuôi lớn lên giá bằng cả ngàn con ngựa này. Nếu có con ngựa ấy, thì ta mua hết bây ngựa này, bằng không có con ngựa ấy thì ta không mua con nào hết.

Người lái ngựa thưa với nhà vua:

– Từ khi vượt đường xa đến đây, thần không nhớ được con ngựa đẻ.

Vua bảo người này:

– Ta có đọc sách coi tướng ngựa, chỉ cần nghe tiếng ngựa mẹ hí thì ta biết con của nó giỏi hay dở.

Người lái ngựa cố nhớ lại:

– Gần bên vệ đường, chính con ngựa cái này đã đẻ con ngựa con quý giá đó và ta đã đem cho người bên đường.

Riêng con ngựa con kia, chưa đầy mười ngày, nó nói bằng tiếng người, bảo người chủ:

– Nếu ông lái ngựa đến đây đòi tôi thì ông hãy đổi tôi bằng năm trăm con ngựa. Nếu không có năm trăm con ngựa thì ông chớ giao tôi cho ông ấy.

Vài hôm sau, ông lái ngựa tìm đến. Ông đến bên người nuôi giùm ngựa mà nói:

– Anh đã có công nuôi dưỡng khó nhọc, nay tôi đem một con ngựa tốt để chuộc chú ngựa con này, xin ông đổi lại cho tôi.

Người kia trả lời:

– Tôi vốn không chống việc ông muốn bắt con ngựa con này lại, nhưng sau khi ông lên đường, từ ấy đến nay tôi nuôi chú ngựa này hết sức gian khổ. Nếu bây giờ ông đem năm trăm con ngựa đến chuộc, tôi mới đổi lại cho ông chú ngựa này.

Đúng như đòi hỏi, người lái ngựa dùng năm trăm con ngựa để chuộc chú ngựa ấy về.

Đức Phật bảo Kỳ-vực:

– Trước ông bạc đãi chú ngựa con, đem nó cho kẻ khác. Về sau, ông mới đem năm trăm con ngựa mà chuộc về. Trước bạc đãi mà sau tôn quý. Nay ông cũng làm như vậy, là mời năm trăm vị Tỳ-kheo mà chừa một mình Bàn-đặc ra. Nay trở lại quý chuộng Bàn-đặc mà lơ là với năm trăm vị kia. Nhân duyên này lâu lắm rồi, chứ không mới có bữa nay. Cho nên nói: Như thương buôn mua ngựa tốt.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỀN 20

Phẩm 21: Giận Dữ

*Dứt giận, bỏ kiêu mạn
Vượt qua các kết sử
Không đắm mê danh sắc
Trừ hữu đâu còn gì?*

Dứt giận, bỏ kiêu mạn: Ai giận dữ thì làm hư hại công đức lành của mình. Sở dĩ người ta tranh giành quyền lợi nhiều ít, tan nhà, mất nước, dòng họ tiêu tan cũng đều do giận dữ mà ra cả. Còn về kiêu mạn thì cần phải dứt bỏ, dù đã hay đang, vẫn tiếp tục dứt bỏ nó đi, cho nên nói: Dứt giận, bỏ kiêu mạn.

Vượt qua các kết sử: Giận dữ, kiêu mạn là gốc của mọi kết sử. Chặt gốc thì không còn cành lá, cho nên nói: Vượt qua các kết sử.

Không đắm mê danh sắc: Phải trừ bỏ cho hết, nếu còn danh sắc thì chúng sinh vẫn còn ý tưởng ham mê dục lạc. Tất cả đều do danh sắc mà người ta trôi lặn, nói xấu nhau, như: “Thề diện của ta có danh vọng, tiếng tăm hơn nó! Thề diện, danh vọng

của nó thua ta!”. Cho nên nói: Không đắm mê danh sắc.

Trừ hữu đâu còn gì: Hữu là tên của kết sử. Bởi chưa vượt qua hữu đề đến vô nên cứ bị kết sử sai khiến, bị kết trói buộc, bị kết phược ràng buộc. Người tu hành lấy lắng yên để chỉ quán, dứt hẳn không còn sót, vượt qua hữu đề đến vô. Cho nên nói: Trừ hữu đâu còn gì.



*Dứt giận chó để khởi
Dục sinh phải ngăn dứt
Nhỏ dần gốc vô minh
Tu để vui bậc nhất.*

Dứt giận chó để khởi: Giận dữ như lửa bùng, phải nhớ là mau dập tắt ngay. Nếu để nó cháy lan thì gây nhiều thiệt hại. Giận dữ khởi lên thì họa đến. Như người cầm lửa đi ngược gió, thì lửa sẽ tự đốt cháy thân mình. Cho nên nói: Dứt giận chó để khởi.

Dục sinh phải ngăn dứt: Tâm tham dục vừa phát sinh thì tìm cách không cho nó sinh, như rắn độc muốn bò ra khỏi hang, cần phải chế ngự ngay, không cho nó cắn người bừa bãi. Tâm tham dục cũng như vậy, vừa sinh là phải dứt bỏ ngay, không cho dấy khởi, cho nên nói: Dục sinh phải ngăn dứt.

Nhỏ dần gốc vô minh: Vô minh là bóng tối lớn nhất trên đời này. Nó phủ kín tâm thức, không mở

ra được. Phải tìm phương cách và với tâm mạnh mẽ mà nhổ sạch gốc, không cho nó sống, cho nên nói: Nhổ dần gốc vô minh.

Tu đế vui bậc nhất: Sở dĩ người tu không mau chứng đạo là vì còn bị dâm, nộ, si nhiễm ô thân tâm. Ba kết sử này nhờ bốn Đế mà dứt bỏ nhưng chưa đạt đến chân đế. Ai không dứt bỏ ba kết sử này thì từ vô số kiếp cho đến bây giờ, họ không hề được niềm vui vô vi. Khi đạt được Tứ đế thì bây giờ mới là vui, cho nên nói: Tu Tứ đế là vui bậc nhất.



*Dứt giận được ngủ ngon
Giận hết không còn lo
Giận là gốc độc hại
Ngon ngọt là Tỳ-kheo.
Hiền thánh dứt bỏ hết,
Dứt hết thì ngủ ngon.*

Dứt giận được ngủ ngon: Hễ ai giận dữ thì ngày đêm không ngủ được, như bị rấn cắn, như bệnh trở cơn, như mất tiền của. Đó là tướng mạo của giận dữ. Ai không còn giận dữ thì không thấy những điều khổ não, được nằm yên ngủ say, không hay trời sáng, như uống nước cam lộ, tâm thức lặng lẽ, cho nên nói: Dứt giận được ngủ ngon.

Giận hết không còn lo: Người có tâm giận dữ thì ngay trong hiện tại đêm ngày lo buồn như có

tang cha mẹ, như mất tài sản của báu. Giận dữ đã dứt thì không còn lo rầu khổ não nữa, cho nên nói: Giận hết không còn lo.

Giận là gốc độc hại: Gốc trong các độc hại thì không gì hơn giận dữ. Khi người đang nổi giận phùng phùng thì các công đức đều bị che kín không hiển lộ ra được, cho nên nói: Giận là gốc độc hại.

Ngon ngọt là Tỳ-kheo: Đã nhổ gốc rễ của độc hại và không trồng các thứ độc hại ấy nữa, cây thuốc quý mọc lên, như cam lộ kia, dứt trừ được các thứ dơ bẩn xấu xa. Cho nên nói: Ngon ngọt là Tỳ-kheo.

Hiền thánh dứt bỏ được, dứt hết thì ngủ ngon: Hiền thánh là đệ tử của các Đức Phật, các điều ác đã dứt hết, các điều lành gom về. Họ đã diệt hết cội gốc sinh ra giận dữ và không gây ra những giận dữ mới. Ý không còn sinh khởi nhớ nghĩ về giận dữ, được ngủ ngon, không còn u sầu, cho nên nói: Hiền thánh dứt bỏ được, dứt hết thì ngủ ngon.



*Người nổi giận dữ
Làm lành, chẳng lành
Sau dứt giận dữ
Nhớ lại chuyện cũ
Như lửa bùng cháy.*

Người nổi giận dữ, làm lành, chẳng lành:

Như người bị giận dữ ràng buộc thì tâm ý điên đảo sai lầm, không còn hiểu biết gì. Giống như kẻ mù, không thấy núi cao đất bằng, kẻ giận dữ cũng giống như vậy, bị giận dữ ràng buộc thì không còn thấy cái gì lành, cái gì ác, cái gì tốt, cái gì xấu nữa, cho nên nói: Người nổi giận dữ, làm lành, chẳng lành.

Sau dứt giận dữ, nhớ lại chuyện cũ, như lửa bùng cháy: Như người lạc đường thì quan trọng là đổi ngay hướng đi. Người tức giận mau dứt bỏ là trên hết. Bên trong, thấy hổ thẹn nên tự ăn năn, trách mình. Giận dữ là một thứ luống dối, vì sao ta sinh tâm giận dữ làm gì? Từng cơn tức giận nói nhau không bao giờ dứt giống như lửa bùng. Tâm ý đổi thay hối hận, hổ thẹn bởi bị cơn nóng giận sai khiến, cho nên nói: Sau khi dứt giận dữ, nhớ lại chuyện cũ, như lửa bùng cháy.



*Không biết hổ thẹn
Lại ưa nổi giận
Bị giận ràng buộc
Như tối mất đèn.*

Không biết hổ thẹn: Người bị cơn giận bốc lên thì không còn biết cao thấp, không biết xấu hổ, như người điên khùng. Suốt ngày, mọi người bu quanh chế nhạo làm trò cười, không tự hay biết. Có những chuyện đáng giấu giếm lại nói toạc ra bằng lời điên cuồng, không góc rể, cho nên nói: Không biết hổ

thẹn.

Lại ưa nổi giận: Việc làm của người ưa nổi quạu không trong sạch sáng tỏ là bởi tâm họ chứa đầy cặn cẩu như bùn, không biết nhờ đâu để tu phạm hạnh, cho nên nói: Lại ưa nổi giận.

Bị giận ràng buộc, như tối mất đèn: Người nổi quạu bị cơn giận dữ nổi lên nên thấy ngày như đêm, trời đất tối tăm, chẳng còn thấy gì. Chính mình đã không sáng suốt thì dù cả ngàn mặt trời chiếu sáng cũng vô ích, cho nên nói: Bị giận ràng buộc, như tối mất đèn.



*Đó không phải sức mạnh
Người lấy giận làm mạnh
Giận là pháp phạm phu
Không biết làm theo lành.*

Đó không phải sức mạnh, người lấy giận làm mạnh: Sở dĩ nóng giận nổi lên là do việc phi nghĩa, trong tâm tự nghĩ: “Chuyện ta làm là đúng, chuyện hấn làm là sai.” Đến khi bị mọi người vặn hỏi thì anh này trốn trước, nên bị lũ trẻ chế nhạo, bấy giờ mới biết là mình sai trái. Điều quý là thắng bằng lý lẽ, bằng ngay thẳng. Sức mạnh của cơn giận không thể nương cậy, cũng không vững chắc, nó chỉ làm bại hoại tánh lành của con người, cho nên nói: Sức mạnh đó không phải là sức mạnh, bởi đó là người lấy nóng giận làm sức mạnh.

Giận là pháp phạm phu, không biết làm theo lành: Mất hết gốc lành, nói ra thành lời độc ác. Không suy trước nghĩ sau, gặp chuyện là thốt ra mắng chửi bằng lời thô lỗ, lấy tức giận làm đầu. Hễ người có đức hạnh thì xa gần ai cũng khen ngợi, vui mừng, chắc chắn có tiếng lành đồn xa. Nay nói về hạng người tức giận thì chỉ nghe tiếng xấu, không có tiếng tốt. Dù có bao nhiêu điều lành đi nữa, nhưng đều bị sự tức giận che lấp, không hiển bày ra được, cho nên nói: Giận là pháp phạm phu, không biết làm điều lành.



*Có sức gần binh
Không sức gần mềm
Nhẫn là trên hết
Phải thường nhẫn nhịn.*

Có sức gần binh, không sức gần mềm: Tự cậy sức mạnh của mình, cho là bậc nhất, bị kẻ yếu coi khinh, vẫn nhẫn nhịn, không trả thù. Nếu bị đánh đập cũng không nổi giận. Người có sức mạnh chơi với nhau, kẻ yếu sức cùng đến với nhau, người có sức mạnh không bao giờ rấp tâm, trái lại kẻ yếu thế thì ý họ mong muốn có được sức mạnh, cho nên nói: Có sức thì gần binh, không có sức thì gần người mềm mỏng.

Nhẫn là trên hết, phải thường nhẫn nhịn: Nhẫn là không thấy lỗi người, không thấy phải

trái, đó gọi là nhẫn. Không ỷ mình mạnh mà lấn hiếp kẻ yếu, vì nếu khinh thường kẻ yếu thì bị mọi người chê cười, cho nên nói: Nhẫn là trên hết, phải thường nhẫn nhịn.



*Bị chúng khinh thường,
Có sức nên nhẫn,
Nhẫn là trên hết,
Phải thường nhẫn nhịn.*

Bị chúng khinh thường: Như có người bị đại chúng khinh thường, trong khi người có trí tuệ thì có khả năng nhẫn nhịn. Vì sao? Vì người kia yếu thế, cô đơn, không chỗ hướng về há để cho họ vì một người mà sinh tâm giận dữ hay sao? Cho nên nói: Bị chúng khinh thường, người có sức mạnh nên nhẫn.

Nhẫn là trên hết, phải thường nhẫn nhịn: Nhẫn là sức mạnh bậc nhất, trên đời này không có thứ gì hơn nhẫn. Dù cho thần thông chiếu sáng, thành đạo tướng hảo, cũng đều là nhờ sức mạnh của nhẫn. Đạt được ba minh biết đời này đời sau, chiếu sáng vô cùng thì cũng bởi sức mạnh của nhẫn, cho nên nói: Nhẫn là trên hết, phải thường nhẫn nhịn.



*Tự mình và người kia
Đáng sợ, không thể cứu*

*Nếu biết họ nổi giận
Thì dứt lỗi trong ta.*

Tự mình và người kia, đáng sợ, không thể cứu: Người suy nghĩ trước tự quán xét mình, rồi sau mới nhìn sắc mặt người kia thì sẽ phân biệt được tính của người này là xấu ác, tính của người kia là tốt lành. Thường tự cẩn thận, không làm những việc ác, sợ quả báo đời sau chịu khổ vô lượng. Từ đời này cho đến đời sau, không có giải thoát, cho nên nói: Tự mình và người kia, đáng sợ, không thể cứu.

Nếu biết họ nổi giận, thì dứt lỗi trong ta: Biết người kia nổi giận, sắc mặt hầm hầm thì ta liền im lặng trong tâm tự nghĩ: “Nếu ta và người ấy tranh chấp nhau đó là điều không đúng, vậy bây giờ ta nên im lặng không tranh chấp với người ấy là đúng nhất”. Cho nên nói: Nếu biết họ nổi giận, thì dứt lỗi trong ta.



*Cả hai thực hành nghĩa
Ta và người cũng vậy
Nếu biết họ tức giận
Thì dứt lỗi trong ta.*

Cả hai thực hành nghĩa, ta và người cũng vậy: Vừa vì mình mà cũng vì người khác, vừa tự giữ gìn cho mình mà cũng giữ gìn cho người khác. Thường tự suy nghĩ để tránh hai việc là:

1. Sợ ngay trong đời này ta bị tai ương.
2. Sợ kiếp sau mang quả báo.

Cho nên nói: Cả hai thực hành nghĩa, ta và người cũng vậy.

Nếu biết họ tức giận, thì dứt lỗi trong ta:
Chính mình thấy người ấy tức giận dữ dội, hoặc thấy người ấy cầm ngói đá định ném vào ta, ta cũng chuẩn bị ngói đá để chống cự. Nếu có một người tay cầm gậy tron chạy đến muốn tranh chấp. Chiếc gậy mà người ấy cầm liền hóa thành con dao. Người ấy thấy vậy liền ném con dao xuống đất. Khi ấy, có vị vua đang ngồi trên lầu cao, xa thấy người ấy ban đầu cầm bó cỏ, nhưng cỏ lại biến thành dao, người ấy vừa thấy dao cũng lại ném xuống đất.

Vua liền cho gọi người ấy đến để hỏi lý do “Vì sao trước người cầm bó cỏ, bó cỏ biến thành dao, rồi người quăng dao xuống đất như thế?”

Người ấy thưa: “Thần có nghe trong kinh Phật nói: Đức Phật bảo thị giả: “Ta sắp đi vào cõi vắng lặng vô vi. Sau đó, là thời Ngũ đánh phỉ thế (*ngũ trước ác thế*) chúng sinh tranh chấp nhau, gạch đá họ cầm trong tay liền hóa thành dao, kiếm.” Từ lâu, hạ thần chứa nhóm điều lành, không dám làm ác, cho nên hạ thần quăng dao xuống đất.” Nghe những lời ấy, vua rất cảm kích, khen là việc chưa từng có. Vua liền ban thưởng cho người ấy và cấp

cho nhà ở. Cho nên nói: Nếu biết họ tức giận, thì dứt lỗi trong ta.



*Cùng làm hai nghĩa
Ta sao người vậy
Ngu nói không sức
Quán pháp cũng thế.*

Cùng làm hai nghĩa, ta sao người vậy:
Thường giữ gìn thân mình cũng là giữ gìn cho người ấy, như giữ gìn của báu. Trong tâm tự suy nghĩ, hàng phục tâm mình, không gây hại cho họ, cũng khiến cho người ấy không làm gì hại ta. Hai bên giữ gìn lẫn nhau, không để gây ra lỗi lầm, cho nên nói: Cùng làm hai nghĩa, ta sao người vậy.

Ngu nói không sức, quán pháp cũng thế:
Người ngu tâm trí tối tăm, không xét sự việc sẽ xảy đến. Người tranh chấp cứ mãi tranh chấp, chưa có sự hòa giải, còn thường hòa thì không có lời tranh cãi. Người trí xét thấy không nên tranh cãi, vì có tranh cãi thì chắc chắn có tổn hại. Dù được khen ngợi là kẻ chiến thắng, nhưng đâu bằng lúc đầu chưa tranh chấp, cho nên nói: Ngu nói không sức, quán pháp cũng thế.



*Nếu ngu thắng trí
Nói lời thô ác
Muốn thường chiến thắng*

Phải nên im lặng.

Nếu ngu thắng trí, nói lời thô ác: Thường làm bạn với người xấu, phá hoại người lành tốt, nói ra thì toàn lời ác, cả ngày không làm được một điều lành, điều ác này nối tiếp điều ác kia, tội lỗi chất cao như núi. Đồng loại khen ngợi, ai cũng giành phần thắng, như thế thì gọi là xấu xa dơ bẩn, không đến nơi tốt ráo, cho nên nói: Kẻ ngu thắng bậc Trí, nói lời thô lỗ, độc ác.

Muốn thường chiến thắng, phải nên im lặng: Bậc Hiền thánh im lặng được người trí khen ngợi. Kẻ ác đến làm hại mình cũng không lấy đó làm buồn, nếu được danh vọng, yêu thương cũng không lấy đó làm vui. Ai mắng chửi, không mắng chửi lại, thực hành nhẫn nhục làm chính. Nếu bị ai đánh đập thì cũng im lặng chịu đập chứ không đánh trả lại, cho nên nói: Muốn thường chiến thắng, phải nên im lặng.



*Phải tu lời người trí
Không kết bạn với ngu
Chịu đựng lời thô bỉ
Nên nói nhẫn trên hết.*

Phải tu lời người trí: Quán sát kẻ hơn mình, cẩn thận không làm trái lời người ấy dạy bảo. Không tranh chấp với người thấp hèn, huống gì tranh chấp với người hơn mình. Làm như vậy là

không đúng. Vì sao? Vì người trí đáng được tôn trọng, là người cao thượng, không có lỗi lầm, cho nên nói: Phải tu lời người trí.

Không kết bạn với ngu: Bởi cùng loại hút nhau, bạn lành đi với bạn lành, bạn ác chơi với bạn ác. Người lành nghe nói kẻ ác thì tránh đi. Kẻ ác nghe điều lành thì hủy báng. Chư Phật, Hiền thánh và các vị đắc đạo đều khen ngợi công đức của việc không tranh chấp, cho nên nói: Không kết bạn với ngu.

Chịu đựng lời thô bỉ: Kẻ xấu ác không biết quý trọng thân mình nên bị người khác ghét bỏ. Tánh hạnh hạng người này luôn bạo ngược hung ác, nếu tranh chấp với họ thì bị mọi người chê cười. Như thế họ đã tự làm nhục mình, bạn bè không khen ngợi, bị mọi người chê trách. Tại sao đem thân vàng ngọc đổi với gạch đá? Ấy là người trí nhận nhịn làm thinh. Cho nên nói: Chịu đựng lời thô bỉ.

Nên nói nhẫn trên hết: Bạc Hiền thánh đầy đủ các thứ nghiệp. Các căn lành vô lậu đều đã đầy đủ. Thấy ai làm chuyện dơ bẩn thì tự giữ gìn tâm mình và nghĩ: Nay ta đâu thể giống với kẻ ấy được? được gặp vô số bậc Thánh là cũng nhờ nhẫn. Đêm ngày phòng bị đầy đủ như sống trong lửa cháy. Ý niệm tu thiện mỗi ngày muốn thêm nhiều, các lỗi xấu mỗi ngày một giảm, cho đến khi hết hẳn, cho nên nói: Nhẫn nhục là trên hết.



*Khi giận chó buông lời
Trong chúng như chỗ vắng
Người giận như lửa cháy
Hoàn toàn không tỉnh biết.*

Khi giận chó buông lời: Ta có thân này là bởi chứa nhóm vô số hạnh nghiệp mới được. Đã được thân người với thiết căn đầy đủ, thường phải khen ngợi Phật, Pháp, Tăng, Thánh chúng, hầu hạ cha mẹ, tôn kính thầy học. Đêm ngày tụng tập khế kinh sâu xa mẫu nhiệm, vì sao? Vì Đức Phật có thí dụ rằng: Lưỡi là thanh kiếm, cây kích vờl lấy tai họa. Bởi lưỡi mĩa mai, châm chọc mà đến nỗi họ hàng bị tận diệt. Lưỡi có mười tên, lời nói đặc biệt, khác lạ. Được người tôn trọng, giao nhiệm vụ cũng bởi lời nói mà ra, cho nên nói: Khi giận dữ chó nên buông lời.

Trong chúng như chỗ vắng: Người tu học phải thường cẩn thận giữ gìn lỗi của miệng. Dù ở trong đại chúng hay ở nơi vắng vẻ, khi nói phải mềm mỏng, không gây tổn thương ý người khác. Lời nói phải rào đón trước sau hợp lý, không gây phiền phức nặng nề cho mọi người cho nên nói: ở trong chúng như ở chỗ vắng vẻ.

Người giận như lửa cháy, hoàn toàn không tỉnh biết: Như kẻ xấu ác, thường thích nổi giận, họ bị giận dữ che đậy nên không tự thấy được mình,

họ chỉ tự làm ô nhục, tổn hại cho mình, không có ích lợi cho đời. Tự bị ràng buộc trong cẩu ghét, không tự tẩy rửa được. Một ngày làm ác là chứa nhóm tai ương cho nhiều kiếp, hưởng là trọn đời làm ác, mà mong chúng được đạo quả, thì không bao giờ được, cho nên nói: Người nóng giận như lửa cháy, hoàn toàn không tỉnh biết.

Đế (thật) bảo, chớ nóng giận

Ai xin, nghĩ bố thí

Ba nghiệp có chỗ định

Tự nhiên sống trên trời.

Đế (lời chân thật) bảo: chớ nóng giận: Người tu hành chí thành thì được mọi người cung kính, được mấy ngàn muôn người nhớ nghĩ, công đức ấy đều do không tức giận mà có.

Ai xin, nghĩ bố thí: Lòng không bòn xén, nên có ai đến xin đều thí cho không trái ý họ. Đó gọi là người rộng mở cõi lòng. Người đến xin không vì tham cầu, gieo duyên đời sau, khi duyên lành chứa nhóm đầy đủ, thì tự nhiên chúng được đạo thánh, cho nên nói: Ai đến xin thì nghĩ bố thí.

Ba nghiệp có chỗ định, tự nhiên sống cõi trời: Ba nghiệp làm những việc không tội lỗi thì chắc chắn được sinh lên cõi trời hay cõi người. Qua lại, xuống lên đều không sinh nơi thấp hèn. Giống như có người dạo chơi từ nơi này sang chốn nọ, từ khu vườn này sang khu vườn khác, năm thứ dục lạc vui

chơi, không bao giờ lo buồn. Người này đã đóng cửa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, mở đường tắt giữa cõi trời, cõi người, tiến tu công đức, mau đến vô vi, cho nên nói: Ba nghiệp có chỗ định, tự nhiên sống trên cõi trời.



*Dứt ý đâu còn giận
Tự xét sống trong sáng
Đẳng trí định giải thoát
Biết rồi không còn giận.*

Dứt ý đâu còn giận: Người học dứt ý, hàng phục những ý nghĩ thô tục, xấu xa, tâm như tro lạnh, thân như cây khô. Thấy vui mừng trước mắt không hề để lòng. Tâm như ngọn núi sáng rõ, không thể lay động, cho nên nói: Ý đã dứt thì đâu còn giận.

Tự xét sống trong sáng: Người tu học tự xét, tự nuôi mạng sống mình, thường lấy vô lậu để tự làm đẹp, tự giữ gìn, không tham đắm vinh hoa ở đời, cho nên nói: Tự xét mình, sống trong ánh sáng.

Đẳng trí định giải thoát, biết rồi không còn giận: Người tu hành thực hành bình đẳng giải thoát chứ không thực hành vô đẳng giải thoát, vì vô đẳng giải thoát là chỉ cho người đã dứt bỏ ái dục trong đời. Người bình đẳng giải thoát thì không bao giờ còn giận dữ. Tất cả bợn nhơ của kết sử giận dữ đã được dứt bỏ hẳn, cho nên nói: Đẳng trí định giải

thoát, biết rồi không còn giận.



*Hễ người làm ác
Giận có báo giận
Giận không báo giận
Thắng, khiêu chiến thua.*

Hễ người làm ác, giận có báo giận: Hễ người làm ác thì đôi bên đều chịu tai ương, giống như lửa đồng, đi về phía trước thì bị cháy. Trước có giận dữ rồi mới sinh ra giận dữ, trước có tâm ác rồi mới sinh ra tâm ác. Cho nên nói: Hễ người làm ác, giận có báo giận.

Giận không báo giận, thắng khiêu chiến thua: Ngày xưa, vua Ba-tư-nặc nuôi dưỡng các binh nô. Lăn nọ, vua sai họ đi đánh nước khác. Nhờ giỏi về cách chiến đấu nên họ đến đánh xứ nào cũng đều chiến thắng.

Sau khi họ ra đi, vợ con họ bèn thỉnh các Đạo nhân đến cúng dường để cầu nguyện. Các thầy nói pháp nhiệm màu cho họ nghe, họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau đó, những người đi đánh giặc trở về, vợ họ bảo:

— Sau khi chàng đi đánh giặc, chúng tôi thỉnh các Đạo nhân đến cúng dường để cầu nguyện. Cầu nguyện cho các chàng an ổn sớm trở về. Các Đạo nhân ấy có giảng pháp cho bọn thiếp nghe, bọn thiếp đều đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Vậy các chàng

cũng nên thỉnh các thầy.

Các chàng trai liền nghe lời vợ thỉnh các Đạo nhân đến cúng dường, nói pháp. Các chàng trai này cũng chứng quả Tu-đà-hoàn.

Thời gian sau, quân giặc lại xâm lấn biên giới. Vua ra lệnh cho các chàng trai này phải đi đánh giặc. Các chàng trai nghe lệnh ấy, trong tâm suy nghĩ: “Chúng ta đều đã chứng được đạo đế, từ bi thương xót tất cả, không làm hại các loài chúng sinh. Thế thì làm sao chúng ta có thể đến đó để đánh giết bọn giặc kia?” Rồi họ lại suy nghĩ: “Nếu không tuân lệnh vua thì phải tội chết mà còn liên lụy đến vợ con. Vậy ta thà ra trận mà chết hơn là chết ở đây thêm hại cho vợ con”.

Rồi họ liền lên xe, xông thẳng ra chiến trận. Các vị trời, rồng cảm ứng, khiến quân giặc bị phá tan. Các vị này bình yên trở về. Vua hết sức vui mừng, từ đó bốn phương thanh bình, cho nên nói: Giận không quả báo giận, thắng khiêu chiến thua.



*Nhân thắng oán thù
Thiện thắng bất thiện
Người thắng bố thí,
Chân thành thắng dối.*

Nhân thắng oán thù: Thuở xưa, vua A-xà-thế nhóm tập hợp bốn thứ binh qua đánh thành Xá-vệ. Bây giờ vua Ba-tư-nặc cũng nhóm hợp bốn thứ

binh, xua quân ra ngoài thành chiến đấu, phá tan quân giặc, bắt sống vua A-xà-thế. Vua đến chỗ Thế Tôn, bạch rằng:

— Con của người chị con là A-xà-thế phản nghịch, vô đạo, sinh khởi ác ý đem quân đến đánh phá đất nước con. Vốn không thù oán lại sinh thù oán. Vốn không chiến tranh tự sinh ra chiến tranh. Nay con tha tội, thả A-xà-thế cho về nước. Vì sao? Bởi nể tình người chị nên tha cho hắn.

Cho nên nói: Nhẫn nhục thắng oán thù.

Thiện thắng bất thiện: Người không có công đức mà thích khoe khoang rằng: Tôi hiểu biết nhiều, anh hiểu biết ít, thật sự không có kỹ thuật mà nói là mình có. Thật sự không có phương lược gì mà nói dối rằng mình biết nhiều phương lược. Đến khi gặp việc thì quay mặt trốn lánh như trùng dế nhũi đầu xuống đất, còn khi thấy người tài giỏi thì họ đứng chết trân như đông thịt, không có thần thức, cho nên người hiểu biết khuyến khích người chưa nhóm sự tu học. Sự tu học là ngôi nhà quý báu của tinh thần, tâm ý tự tại, thấu suốt mọi điều, cũng nhờ sự tu học mà được đầy đủ. Đến như xây dựng đất nước, phép tắc cai trị đúng sai, cũng nhờ sự học vấn. Cho nên nói: Thiện thắng bất thiện.

Người thắng bố thí: Thắng chính là chiến thắng tâm bợn xén tham lam kia. Ai không có căn bản đạo đức thì ưa ganh hiềm ghét đức. Thấy ai bố

thí thì tiếc giùm của cải. Thường nghĩ rằng: “Ta cho kẻ ấy, không biết sau này ta có trông mong được gì ở họ không?” Chỉ người nào có niềm tin thì mới thực hành bố thí được, họ không lựa chọn, không mong cầu quả báo, kẻ đến xin đứng chận cửa vẫn không hạn chế, người khắp nơi tụ họp đến cũng không tiếc dù một chút nhỏ, cho nên nói: Người thắng nên bố thí.

Chân thành thắng dối: Người tu hành chân thật thì dòng họ bà con đều được khen ngợi, mọi nơi đều hay biết, còn kẻ nói dối thì ai cũng không thích thấy, ai cũng chán ghét, cho nên nói: Chân thành thắng dối trá.



*Không giận dữ, không hại
Luôn nghĩ hạnh chân thành
Kẻ ngu tự sinh giận
Thường có sự kết oán.*

Không giận dữ, không hại, luôn nghĩ hạnh chân thành: Người tu hành biết thời, biết pháp, nơi nào nên tránh né thì biết mà né tránh, nơi nào nó thể tới thì biết mà tới. Lời nói chân thành, không dối gạt ai nên được mọi người kính trọng, cho nên nói: Không giận dữ, không gây hại, luôn nghĩ tu hạnh chân thành.

Kẻ ngu tự sinh giận, thường có sự kết oán: Thói quen của người ngu thì đứng đầu là giận dữ.

Giận dữ ở trong lòng, chưa hề xả bỏ, như đục chữ trên đá, từng nét rõ ràng, không bị gió mạnh xóa nhòa, cho nên nói: Kẻ ngu tự sinh giận dữ, thường có sự kết oán.



*Tự ngăn cơn giận
Như dừng xe chạy
Là đánh xe giỏi
Bỏ tối ra sáng.*

Tự ngăn cơn giận, như dừng xe chạy: Giận dữ phát sinh liền dập tắt, đó gọi là kẻ có sức mạnh trong loài người. Như xe ngựa đang chạy mau, người đánh xe có khả năng làm cho ngừng lại. Đó là người đánh xe giỏi, cho nên nói: Tự ngăn cơn giận, như dừng xe chạy.

Đó là người đánh xe giỏi, bỏ tối bước ra sáng: Người đánh xe giỏi ở đây, không phải chỉ cho người giỏi đánh xe cộ hay người nài voi giỏi mà chính là người tự giữ ý niệm, không để phân tán, lắng tâm không khởi, chí hướng đến vô vi, không đắm mê phiền lụy cuộc đời. Vì mọi người mà vị ấy nhận lãnh trách nhiệm nặng nề, làm ruộng phước tốt, đáng kính, đáng quý, là bậc cao cả nhất xứng đáng cúng dường. Cho nên nói: Là người đánh xe giỏi, bỏ tối bước ra ánh sáng.

*Sa-môn và Đạo
Làm thế: Ái, niệm*

*Tạp, thủy, hoa, hương
Ngựa, giận là mười.⁷*



Phẩm 22: Như Lai (Phần 1)

*Tự chứng Tối Chánh Giác
Không nhiễm tất cả pháp
Trí nhất thiết không sợ
Ngôi vô sư tự nhiên.*

Tự chứng Tối Chánh Giác: Thuở xưa, sáu vị giáo chủ ngoại đạo là những người tham đắm lợi dưỡng ở đời, họ tranh nhau tự tôn, cho rằng mình mới là cao tốt. Khi nghe Đức Phật ra đời với oai thần công đức hơn người, sáu vị giáo chủ ngoại đạo nhóm họp lại, cùng kết lời thề: “Trên đời này không ai sánh bằng sáu người chúng ta, nhưng gần đây nghe có Phật ra đời, oai thần công đức vượt hơn chúng ta, vậy thì chúng ta phải kết nghĩa, đồng lòng một ý, nói năng không trái ngược nhau. Có vậy, chúng ta mới thắng ông Cù-đàm kia”.

Sau đó, họ liền sai một người đến quan sát Như Lai, coi sắc mặt ông ta có giống như con người hay không. Người ấy đến nơi, nhìn mãi Như Lai mà không biết chán, rồi trở về báo với sáu vị giáo chủ những gì mình trông thấy:

– Dung nhan của Cù-đàm thật là ít có trên đời này. Oai đức thần thông của Ngài sáng chói hơn

7. Mười tên gọi các phẩm trước, đến đây là hết.

mặt trời mặt trăng, theo sự thấy biết của tôi thì không gì tỷ dụ được.

Sáu vị giáo chủ lại nghĩ: “Cù-đàm xuất thân từ dòng vua chúa, thì sự khôi ngô đẹp đẽ kia cũng chẳng có gì là lạ. Bây giờ ta nên sai một người khác đến đó xem xét dung mạo vô úy của Cù-đàm, coi ông ta có hấp tấp, cum rúm gì chăng?” Người ấy liền đến xem tướng thấy Đức Như Lai như sư tử đầu đàn giữa bầy thú, không có chút gì lo sợ cả. Người này trở về báo lại với sáu vị giáo chủ:

– Cù-đàm ngự giữa đại chúng, như sư tử đầu đàn trong bầy thú, không chút sợ hãi.

Sáu vị giáo chủ lại nghĩ: “Người ngu ít thấy sự việc đó nên ham mê vẻ rực rỡ của Cù-đàm rồi bu quanh ông ta đó thôi. Đây cũng là chuyện thường tình, có chi lạ đâu? Bởi ông Cù-đàm xuất thân từ trong cung vua, có sáu muôn thể nữ vui chơi đêm ngày. Không có môn học nào, pháp thuật nào mà ông không học qua, nên có thể khiến cho mọi người bu đến nghe ông ta nói. Hơn nữa ông cũng là người lịch lãm chứ đâu phải người tầm thường”. Sáu vị giáo chủ phái một người thông suốt nhiều việc đến chỗ Như Lai quan sát. Người này đến nơi, nghe thấy đủ cả, trở về thưa với sáu vị giáo chủ:

– Những gì mà ông Cù-đàm giảng nói là thông suốt xưa nay, biết trước vô cùng, thấy sau vô tận, phân tích nghĩa lý sáng tỏ, lý lẽ không phiên toái

nặng nề.

Nghe xong, sáu vị giáo chủ lại nghĩ: “Trên đời có nhiều người ăn nói lanh lợi mau mắn, làm vui lòng người, nhưng không có nghĩ lý, không thể tìm kiếm, nghiên cứu”. Rồi sáu vị giáo chủ lại sai người khác đến xem xét Cù-đàm, chờ khi mọi người lặng yên nghe Cù-đàm nói pháp thì làm rối loạn lên, không chịu nghe. Với ý định như vậy, y đến nơi xem xét, thấy các đại chúng đang khát khao nghe pháp, tâm ý chuyên nhất, chiêm ngưỡng Như Lai không hề chớp mắt. Rồi anh ta trở về, thưa với sáu vị giáo chủ:

– Những điều mà Cù-đàm giảng nói như nước cam lộ, mọi người khát ngưỡng lắng nghe không biết thỏa mãn.

Sáu vị giáo chủ lại nghĩ: “Học trò mới tu tập, tất nhiên tâm ý ban đầu, bao giờ cũng mạnh mẽ, lâu dần về sau sẽ giảm sút, điều ấy có chi lạ đâu?”

Rồi họ lại sai một người khác đến xem xét Cù-đàm, coi có nghĩa lý nào sâu xa hay chỉ là những lời cạn cợt không đầu mối. Sáu vị giáo chủ liền sai một người học giỏi tài cao đến nơi, y nghe đầy đủ những gì Cù-đàm nói, rồi trở về thưa với sáu vị giáo chủ:

– Những gì mà Cù-đàm giảng nói rộng lớn như biển không bờ, còn những gì mà bọn ta thấy thì như nước trong dấu chân trâu. Nay, tôi muốn đến

xin làm đệ tử Ngài, không biết những người khác như thế nào.

Sáu vị giáo chủ ngoại đạo trước sau phái nhiều người đến chỗ Như Lai. Lại có vô số chúng sinh nhóm họp tranh nhau đến chỗ Như Lai, họ liền được nghe Đức Phật nói bài kệ này:

*Tự chứng Tối Chánh Giác
Không nhiễm tất cả pháp
Trí nhất thiết không sợ
Ngôi vô sư tự nhiên.*

Tự chứng Tối chánh giác: Giác ngộ tất cả các pháp, không có việc nhỏ nào mà không suy xét đến. Dùng năng lực thần thông mà biết đúng một cách như thật, cho nên nói: Tự chứng Tối Chánh Giác.

Không nhiễm tất cả pháp: Không bị tám pháp sau đây làm ô nhiễm: Lợi, suy hao, khen, chê, ca tụng, gièm pha, khổ, vui. Cho nên nói: Không nhiễm tất cả pháp.

Trí nhất thiết không sợ: Xa lìa tất cả tai họa, không còn các khổ não. Không bị nước lụt, lửa cháy, trộm cướp nhận chìm, mà là vượt ra khỏi mọi khổ nạn, một mình vui điều lành, không lo buồn, cho nên nói: Trí nhất thiết không sợ.

Ngôi vô sư tự nhiên: Một mình làm vua cõi nước ba ngàn đại thiên. Không có bạn bè, không ai ngang bằng, huống là người hơn Ngài, cho nên nói:

Ngôi vô sự tự nhiên.



*Một mình, không ai sánh
Tự đạt được chánh đạo
Như Lai trời, người tôn
Đủ tất cả trí lực.*

Một mình, không ai sánh: Ta dùng Thiên nhãn xem cõi nước ba ngàn đại thiên, thấy không có ai sánh bằng như Ta, quán sát cùng khắp thì không có ai ngang hàng với Ta, huống gì có người muốn vượt hơn Ta? Điều ấy không thể có được, cho nên nói: Một mình, không ai sánh bằng.

Tự đạt được chánh đạo: Ta tìm chánh đạo, không có thầy dạy trao, cũng không có bạn bè, Ta đi một mình không sợ điều gì, cho nên nói: Tự đạt được chánh đạo.

Như Lai trời, người tôn: Vì sao gọi là Như Lai? Như Lai là **Như** quá khứ Đẳng chánh giác mà **Lai** (đến). Ta từ đó mà đến, trong ba A-tăng-kỳ kiếp tu hành khổ hạnh, hoặc bố thí đất nước, tài sản, vợ con, đầu, mắt, tủy não, có khả năng tự cứu giúp. Từ trong sự tu tập ấy mà đến cho nên gọi là Như Lai. Lại vì có ý nghĩa là từ trong Pháp tánh Như Lai mà đến cõi đời này cho nên Như Lai như chư Phật, Thế Tôn quá khứ, có đủ mười lực, bốn thứ không sợ hãi, mười tám pháp bất cộng, thù thắng đại Từ, đại Bi. Hóa độ tất cả nhưng không

rời khỏi tánh Như. Nay Ta cũng như thế nên gọi là Như Lai.

Vì sao gọi là được trời, người tôn kính? Đáp: Được trời, người tôn kính là vì trời, người nhờ Như lai mà tu nghiệp lành, vượt qua thứ lớp mà chứng thánh đạo, dứt hết hữu lậu thành vô lậu, ba đạt thần thông không có gì ngăn ngại, cho nên nói: Như Lai trời, người tôn.

Đủ tất cả trí lực: Là năng lực di thể của Như Lai, di thể của Như Lai có một trăm hai mươi tiết, mỗi tiết có một trăm hai mươi tám cánh tay. Thần lực là năng lực nhũ bộ, chứ không phải năng lực thần thông, cho nên nói: Đủ tất cả trí lực.



Ta là Thế Tôn

Dứt lậu, không dâm

Các trời và người

Thấy đều Từ tâm.

Ta là Thế Tôn: Thế có ba thứ: một là âm thế, hai là khí thế, ba là chúng sinh thế. Vì sao gọi là không đấm? Có ba nghĩa:

1. Dứt bỏ kết sử nên gọi là không đấm.
2. Xứng đáng nhận lãnh của tín thí nên gọi là không đấm.
3. Không còn hạt giống nghiệp trong ba cõi, cũng không còn cội rễ, cũng không còn sinh nên gọi là không đấm.

Cho nên nói: Ta là không đằm.

Dứt lậu, không dâm: Nghĩa vô thượng không có gì vượt hơn, cũng không có ai ngang bằng. Giác ngộ tất cả các pháp, không pháp vi tế nào không biết, không pháp nhỏ nhiệm nào không thông đạt. Lại nữa, có khả năng giải đáp mọi thắc mắc của tất cả chúng sinh đang ngồi nghe pháp, cho nên nói là nghĩa vô thượng.

Chư Phật nhiều như vô số cát của sông Hằng, đời quá khứ có tuổi thọ rất lâu dài, đệ tử đông không kể xiết, cõi nước trong sạch, không dơ bẩn. Nay Ta không nghĩ rằng mình có nhiều năng lực thần thông hơn chư Phật quá khứ. Vì sao? Vì thần thông và trí lực là một, chứ không phải hai, nhưng tâm chúng sinh tự có thêm bớt, cho nên nói: Dứt lậu, không dâm.

Các trời và người, thấy đều Từ tâm: Trong các Trời, Người đời, Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma tròi, Đế Thích, Phạm vương, bốn vị vua trời, Ta là Bạc Độc Tôn, Độc Ngộ, không ai sánh bằng. Cho nên nói: Các trời và người, thấy đều từ tâm sinh ra.

Lúc ấy, đệ tử của sáu vị giáo chủ nghe Đức Phật nói bài kệ này xong, ai có tâm vững chắc thì liền xin xuất gia, còn ai tâm còn do dự thì họ trở về chỗ thầy họ, trình bày đủ những điều nghe thấy:

– Vị ấy là Bạc Tôn Quý trong ba cõi, thống lãnh cả mười phương, thật không có ai có thể sánh bằng.

Vậy tất cả chúng ta, mỗi người hãy đi mỗi nơi, tìm chỗ sống an ổn.



*Ta không có thầy dạy
Một mình, không bạn bè
Chứa một hạnh làm Phật
Tự nhiên thông đạo Thánh.*

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi dưới cội cây, được Phạm thiên kính thỉnh, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nước Ba-la-nại. Khi ấy, Phạm chí Ưu-tỳ từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, nghĩ rằng: “Hôm nay, vẻ mặt của Cù-đàm vui vẻ, trong ngoài sáng sủa là vì có gì? Thầy của Cù-đàm là ai, Cù-đàm học đạo với ai, học pháp gì, tu kỹ thuật gì?” Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ cho Phạm chí nghe:

*Ta không có thầy dạy
Một mình, không bạn bè
Chứa một hạnh làm Phật
Tự nhiên thông đạo Thánh.*

Ta không có thầy dạy: Như Lai là Bạc Chí Chân Đăng Chánh Giác thấu suốt ba đời, không có việc gì không biết. Vì những chúng sinh chưa giác ngộ đời sau mà Ngài nói bài kệ này. Sau khi Ta diệt độ, sẽ có hai thầy Tỳ-kheo một vị tên là Ma-ha-tăng-kỳ và vị kia là Bà-sái-thẩm-ti, tự xưng mình là Văn-thù-sư-lợi và Phật Thích-ca. Vì muốn

trừ bỏ sự do dự của họ nên Đức Phật nói bài kệ này.

Lại có thuyết nói: Các ngoại đạo dị học, đều đặt ra luận này: Sa-môn Cù-đàm có nghe pháp với A-lan, Ca-lan, rồi sau mới thành đạo, vì muốn trừ bỏ sự do dự ấy, cho nên nói: Ta không có thầy dạy bảo.

Một mình, không bạn bè: Như Lai là Bạc Đăng Chánh Giác, thấu suốt ba đời, quá khứ, hiện tại, vị lai, không có việc gì là không xét biết. Vào đời vị lai có hai bộ chúng Tỳ-kheo, bộ thứ nhất gọi là Ma-ha-tăng-kỳ, bộ thứ hai gọi là Bà-sái-thâm-ti, họ bỏ gốc theo ngọn. Ở cảnh giới có con người thì Đức Phật ra đời. Đức Phật không xuất hiện ở hai nơi: một là phương dưới gồm địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đau khổ và phương trên là cõi trời chỉ thọ hưởng vui thú. Sự giáo hóa của Như Lai không chỗ nào không khắp. Nếu có một chỗ nào mà không được sự giáo hóa của Như Lai thì không gọi là Phật. Thế mà hai bộ kia bảo rằng Đức Phật không giáo hóa khắp nơi. Năng lực thân thông của Như Lai có thể bay lên đỉnh núi Tu-di, sự giáo hóa cùng khắp, như vậy không có cùng cực, cho nên nói: Một mình, không bạn bè.

Chứa một hạnh làm Phật: Ngài trở thành Bạc Chánh Giác cao tột trong ba cõi. Đức Phật ra đời tại cõi Diêm-phù-lợi sinh ở giữa nước, chứ không phải ở biên giới. Đức Phật sinh ở cõi

Diêm-phù-lợi này là vì cỗi Diêm-phù-lợi này là trung tâm điểm của ngàn ức cỗi Diêm-phù-lợi ở bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc. Thần lực cỗi nước này vượt hơn các cỗi khác. Các cỗi khác xoay chuyển bánh xe pháp không bằng cỗi này, cho nên nói: Chứa một hạnh làm Phật.

Tự nhiên thông đạo Thánh: Dứt bỏ kết sử nóng bức, lạnh nhạt không còn hơi ấm với nó. Người có tâm lo rầu thì sắc mặt thường không vui, người không có tâm lo rầu thì sắc mặt thường vui hòa. Đức Như Lai Thế Tôn cũng như vậy, mọi khổ não đã hết, không còn mọi nhiệt não, cho nên nói: Tự nhiên thông suốt đạo Thánh.

Khi ấy, Phạm chí Ưu-tỳ bước ra bạch Phật:

– Giờ đây, Ngài tự xưng là Bạc Tối Thắng phải chăng?

Lúc đó Đức Phật liền trả lời Phạm chí bằng bài kệ này:

*Ta thắng, không thọ ác
Hơn tất cả thế gian
Trí rộng lớn không bờ
Ta, bậc mở trí người.*

Ta thắng, không thọ ác, hơn tất cả thế gian: Thắng được mọi điều ác trên đời này gọi là thắng. Nhưng thắng ấy chưa phải là thắng, chỉ khi nào dứt hết các lậu hoặc, kết sử, các kết sử hết hẳn mới gọi là Thắng. Khi ấy thì riêng mình làm vua cả thế giới,

không có ai sánh bằng, cho nên nói: Ta đã tối thắng, không còn chịu ác, hơn tất cả thế gian.

Trí rộng lớn không bờ: Ta, bậc mở trí người:
Thế gian đầy pháp ác, người ta bị sa đọa theo tội ác mình đã làm. Ta đã diệt hẳn chúng, chúng được pháp nhãn bất khởi. Hoàn toàn chấm dứt việc thọ thân đời sau với mười hai nhân duyên níu kéo, cho nên nói: Trí rộng lớn không bờ bến, Ta là Bậc Tối Thắng, mở trí cho người.

Khi ấy Phạm chí Ưu-tỳ bước đến bạch Phật:

– Bây giờ, Cù-đàm định đi đâu?

Đức Phật trả lời bằng bài kệ sau đây:

*Ta đến Ba-la-nại
Để đánh trống Cam lộ
Và quay bánh xe pháp
Chưa từng có ai quay.*

Phạm chí lại hỏi Đức Phật:

– Ngài suy nghĩ kỹ rồi chứ?

Đức Phật bảo Phạm chí:

– Như Lai không nói hai lời.

Nghe xong, Phạm chí cúi đầu, rẽ sang đường khác mà đi.

*Trí không sống kẻ ngu
Xét thế, tùy hóa độ
Giảng nói không vết nhơ
Dứt hẳn không ai hơn.*

Trí không sống kẻ ngu, xét thế tùy hóa độ:

Đức Phật và các đệ tử trước quán sát thế gian coi ai là người đáng được độ và ai không đáng được độ. Quán sát cùng khắp coi ai có khả năng nhận lãnh sự giáo hóa, ai không có khả năng nhận lãnh, ai là người có gieo trồng gốc giải thoát, ai là người không gieo trồng gốc giải thoát, cho nên nói: Người trí không sống với kẻ ngu, xem xét thế gian tùy theo căn cơ mà giáo hóa.

Giảng nói không vết nhơ, dứt hẳn không ai trên: Không còn vết nhơ chỉ cho Bát thánh đạo, dứt hẳn chỉ cho Nê-hoàn dứt hết phiền não. Bạc Thánh ra đời tiếp độ chúng sinh, thường sử dụng Bát thánh đạo. Từ đầu đã không lìa hạnh vô lậu, cho nên nói: Giảng nói không vết nhơ, dứt hẳn không ai trên.



Mạnh mẽ nói lớn

Chánh pháp Như Lai

Pháp thuyết, nghĩa thuyết

Giác ngộ an mãi.

Mạnh mẽ nói lớn, chánh pháp Như Lai: Người mạnh mẽ chỉ cho Đức Phật và các đệ tử Đức Phật. Đức Thích-ca đã mạnh mẽ vượt qua chín kiếp, nên gọi là mạnh mẽ. Sáu vị giáo chủ ngoại đạo buông lung, thích tu những việc không đúng pháp, không theo chánh luật. Những lời Như Lai giảng nói, những pháp Như Lai thực hành đều vượt

ngoài pháp thế gian, cho nên nói: Mạnh mẽ nói lớn, chánh pháp Như Lai.

Pháp thuyết, nghĩa thuyết, giác ngộ an mãi: Pháp người chẳng phải là pháp, mọi người chê cười, mọi người ghét bỏ. Pháp thuyết, nghĩa thuyết do Như Lai giảng nói khiến người nghe vui mừng, dứt hết buồn rầu nhiệt não, hoàn toàn không còn khổ nạn, thường được an ổn, tâm thức lạnh nhạt, cho nên nói: Pháp thuyết, nghĩa thuyết, giác ngộ an mãi.



*Mạnh mẽ lập nhất tâm
Xuất gia, thường dứt bỏ
Các trời thường che chở
Đức Phật khen, thọ ký.*

Mạnh mẽ lập nhất tâm: Người tu hành định ý nhất tâm, không còn nghĩ điều gì khác. Các công đức đầy đủ, ý không bị loạn động, người nhập định thì mong cầu điều chi đều có kết quả, cho nên nói: Mạnh mẽ lập nhất tâm.

Xuất gia thường dứt bỏ: Xuất gia chẳng những là từ giã vợ con, dứt bỏ năm thứ dục lạc, mà còn tu đạo thượng giới, ra khỏi cõi Dục, lìa khỏi Sơ thiên, tu pháp không sinh diệt, cho nên nói: Xuất gia thường dứt bỏ.

Các trời thường che chở: Người nhập định thì các trời che chở, thờ phụng kính lễ, muốn làm cho

người ấy tăng thêm công đức, cho nên nói: Các trời thường che chở.

Được Phật khen, thọ ký: Từ cõi này cho đến cõi trời Tịnh cư đều khen ngợi người lập căn. Chúng sinh ở cõi Diêm-phù-lợi vui mừng, được lợi ích tốt lành. Như Lai hiện tại nói rộng pháp vị, chúng sinh được độ không thể tính kể, cho nên nói: Được Phật khen, thọ ký.



*Ở trong cõi trời, người
Khen ngợi Đẳng Chánh Giác
Mau được tự giác tỉnh
Thân cuối, không tái sinh.*

Ở trong cõi trời, người, khen ngợi Đẳng Chánh Giác: Các trời và người đời thường ca tụng công đức của Đức Phật. Mọi người đều hiến dâng lòng thành lên sự thành tựu của Đức Phật, không hề lui sụt, cho nên nói: ở trong cõi trời, người, khen ngợi Đẳng Chánh Giác.

Mau được tự giác tỉnh: Các loài chúng sinh khen ngợi việc chưa từng có. Công đức của Như Lai rất kỳ lạ, đặc biệt, tất cả chúng con cho rằng Như Lai ngồi trên tòa này làm sao có thể đi qua vô lượng trăm ngàn thế giới mà giáo hóa chúng sinh, không lấy đó làm mệt mỏi, cho nên nói: Mau được tự giác tỉnh.

Thân cuối, không tái sinh: Đức Phật thọ thân

lần cuối cùng, khi sắp nhập Niết-bàn, Như Lai tự khen ngợi và bảo A-nan:

– Đây là thân cuối cùng, Như Lai không còn thọ sinh, bởi Như Lai nhập vào vô vi vắng lặng hoàn toàn, không còn bị sinh diệt nữa. A-nan nên biết, Ta xem hết mọi nơi trên dưới, không trung, Ta không còn thọ sinh ở đâu nữa bởi sinh phần đã chấm dứt. Nay A-nan, Ta không còn đảm nhiệm tục lụy, Ta không còn trở lại trong đời sống quay cuồng hỗn tạp của thế gian này. Cho nên nói: Thân cuối, không tái sinh.



*Các Đức Phật quá khứ
Và các Phật vị lai
Đẳng Chánh Giác hiện tại
Thường dứt khổ chúng sinh.*

Trong kinh Tập A-hàm nói:

Thuở ấy, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Người đời ở chung mà không cung kính nhau thì rất khổ. Ta thường nghĩ rằng: “Ở trên đời này, có ai, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn mà hơn Ta thì Ta sẽ thờ phụng cung kính cúng dường. Ta nên quán sát xem vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng cho Ta cung kính?” Nay các Tỳ-kheo, khi đó, Ta lại nghĩ rằng: “Thuở xưa, Ta thành Phật là bởi bốn ý đã

ngưng, bốn ý đã dứt, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám trực hạnh. Nay Ta thờ phụng cúng dường như tôn kính bậc trưởng thượng. Các Đức Phật Thế Tôn nhiều như số cát sông Hằng đời quá khứ cũng đều nhờ những pháp này mà thành Bậc Tối Chánh Giác. Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đời vị lai, cũng nhờ những pháp này mà được thành đạo. Hiện nay, Ta là Bạc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, cũng nương nhờ những pháp này mà thành tựu đạo quả. Ngày nay, chính Ta suy nghĩ phân biệt những pháp ấy. Cho nên nói: Các Đức Phật quá khứ và các Đức Phật vị lai, Đẳng Chánh Giác hiện tại, thường dứt khổ chúng sinh.

Cùng nhau kính trọng Pháp

Đã kính và nay kính

Hoặc là sẽ cung kính

Đó pháp yếu của Phật.

Đức Phật nói bài kệ trên là muốn trích dẫn sự cung kính trong ba đời.



Nếu muốn tự cầu yếu

Chánh thân là bậc nhất

Cung kính đối Chánh pháp

Thường nhớ lời Phật răn.

Nếu muốn tự cầu yếu, chánh thân là bậc nhất: Người muốn thành đạo thì phải tự cầu pháp yếu. Tiên tới trên đường đạo và cung kính các

pháp. Nhớ nghĩ những lời răn dạy của chư Phật quá khứ nhiều như số cát sông Hằng. Những lời răn dạy ấy như hiện ở trước mắt, không hề sót mất, cho nên nói: Nếu muốn tự cầu pháp xuất ly thì chánh thân là bậc nhất, cung kính đối chánh pháp, thường nhớ lời Phật răn dạy.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỀN 21

Phẩm 22: Như Lai (Phần 2)

*Những ai không tin Phật
Những loại chúng sinh đó
Phải rơi vào đường hiểm
Như buôn gặp La-sát.*

Những ai không tin Phật: Cõi Diêm-phù-lợi có rất đông người đi buôn, họ rủ nhau xuống biển tìm châu báu. Ngay khi trở về, họ gặp sóng to gió lớn nổi lên đánh chiếc thuyền bể tan, lại có những người nung chiếc thuyền đã vỡ, theo sức gió thổi, thuyền họ bị lạc vào cõi La-sát. Có rất nhiều nữ quỷ La-sát, mặt mày xinh đẹp, lại trang sức thân thể bằng các râu chuỗi anh lạc ra tiếp đón những người khách buôn:

– Lành thay! Các chàng trai vừa đến, nơi đây có nhiều tài sản vật báu, minh châu như ý vô giá, các thứ châu báu không có ai coi giữ, các anh cứ tùy ý lấy. Bọn chúng tôi không có chồng, mà các anh lại không có vợ, các anh hãy ở lại đây, để chung hưởng vui thú với chúng tôi. Khi gió đã lặng

sóng đã im, các bạn lành cùng nhau trở về quê nhà không xa. Các anh nên biết rằng: Ngày đêm sóng biển đánh ầm ầm không có phương hướng nhất định. Nếu thấy bên trái có con đường để đi, thì hãy cẩn thận chớ đi theo con đường ấy. Hãy coi con đường phía trái là một giắc chiêm bao, không nên kể cho ai nghe.

Khi ấy, trong những người đi buôn, có một người khôn ngoan, thông hiểu, trong tâm suy nghĩ: “Các cô gái này nói về chuyện con đường bên trái, không chừng ta gặp cơ may đây”. Anh này liền sắp đặt âm mưu. Đến chiều tối, anh và cô gái nọ cùng nằm chung ân ái. Rình khi cô gái nọ say ngủ, anh ta thức dậy và đi theo con đường bên trái. Mới đi chừng vài dặm thì anh nghe trong thành nọ có tiếng kêu gào oán trách của hằng ngàn muôn người. Họ kêu gọi cha mẹ, anh chị em gái, vợ con của mình rằng sao bỏ cội Diêm-phù-lợi mà đến đây chịu chết như thế? Nghe xong, người đi buôn khắp mình nổi óc, nhưng anh nhiếp giữ tâm ý, tiến thẳng đến chỗ thành. Quan sát cùng khắp, anh thấy vách thành bằng sắt đúc, cũng không có cửa nẻo, chỗ ra vào. Cách thành không xa, có cây Thi-lệ-sur cao lớn. Anh vội chạy đến, leo lên cây, thấy trong thành, có mấy ngàn muôn người đang khóc lóc kêu gào. Anh liền hỏi vói vào người bên trong:

– Vì sao lại kêu réo cha mẹ, anh em như thế?

Người trong thành trả lời:

– Bọn chúng tôi ra khơi tìm châu báu, bị gió thổi trôi giạt. Lại bị các nữ quỷ La-sát dỗi gạt làm cho rơi vào thế giới quỷ và bị nhốt trong thành vững chắc này. Trước đây có đến năm trăm người, bị giết lần hồi, hiện giờ chỉ còn hai trăm năm mươi người còn sống. Anh chớ tưởng rằng các cô gái ấy là người, thật sự bọn chúng đều là quỷ La-sát!

Nghe xong, anh này vội tuột xuống, trở về trong xóm các cô gái nọ, lén đến nằm bên cạnh cô gái kia. Sáng bữa sau, anh liền nói với đồng bạn:

– Tôi có chuyện kín muốn nói, các bạn hãy đến chỗ vắng. Cần thận, chớ để ai đi theo.

Nghe vậy, mọi người đều hưởng ứng. Đến chỗ khuất, anh này liền nói:

– Các bạn biết không, đêm rồi, tôi cứ thức mắc, không biết tại sao các cô gái kia cứ ân cần nhắc nhở chúng ta chớ đi theo con đường phía bên tay trái. Chờ khi cô gái nọ ngủ say, tôi mới lén ngồi dậy đi qua bên đó, tôi thấy một cái thành bằng sắt rất lớn, cả trăm người bị nhốt trong đó đang gào khóc. Tôi leo lên ngọn cây và từ xa hỏi có sự thì người trong thành bảo rằng: “Thuyền chúng tôi bị loài cá Ma-kiệt phá vỡ, gió to sóng lớn đưa chúng tôi lạc tới cõi quỷ này và bị nhốt trong tòa thành sắt cao đến mấy mươi trượng.” Rồi người ấy khuyên tôi hãy mau về nhà khéo tìm cách. Vậy, bây giờ các bạn tính sao?

Các người đi buôn trả lời:

– Tôi hôm qua sao anh không hỏi lại người ấy có cách gì để mọi người và chúng ta được trở về nhà cho an ổn?

Anh này nói:

– Tôi qua, khi trở về, tôi quên hỏi chuyện ấy. Tôi nay, tôi sẽ lên đến đó để hỏi lại.

Nói xong, mọi người đều trở về nơi mình đang ở. Người có hiểu biết kia, đêm nay cũng ân ái với cô gái nọ. Đợi cô ngủ say, anh lén ngồi dậy, đến nơi, leo lên cây và hỏi những người trong thành:

– Các ông có cách gì để giúp mọi người chúng tôi trở về cõi Diêm-phù-lợi chăng?

Người trong thành nói:

– Bọn tôi, ai này đều muốn trở về cõi Diêm-phù-lợi, nhưng thành sắt này thì có nhiều lớp, không thể phá tan được. Còn cái chết thì đang tới từng ngày, không thể tránh khỏi. Chỉ có anh, là người đang ở ngoài, may ra tìm được ít cách để có thể trốn thoát mà trở về quê cũ. Sáng sớm ngày rằm, có một con ngựa đầu đàn ăn toàn gạo nếp tự nhiên, từ Uất-đơn-việt nó sẽ đến nước quỉ này, rồi đứng trên núi cao, tự cất tiếng hô to ba lần rằng: “Có ai muốn về cõi Diêm-phù-lợi không?” Khi nghe tiếng gọi của con ngựa đầu đàn ấy thì anh nên đến kính lễ nó và xin được về quê cũ.

Nghe xong, người hiểu biết này liền trở về, kể

lại hết sự việc cho mọi người nghe, họ bảo:

– Bây giờ, chúng ta đi ngay được chăng?

Người hiểu biết nói:

– Phải đợi đến ngày rằm kia ngựa đầu đàn mới đến, ta mới đi được.

Quả nhiên, chưa đầy mấy hôm sau, con ngựa đầu đàn bay đến trên đỉnh núi cao. Nó hô to ba lần: “Có ai muốn trở về cõi Diêm-phù-lợi không?” Tiếng nó vang rất xa. Nghe tiếng nó, những người đi buôn này liền đến chỗ con ngựa đầu đàn, thưa:

– Chúng tôi, đều muốn trở về quê cũ. Mong ông giúp chúng tôi được trở về.

Ngựa đầu đàn nói:

– Các vị hãy chú ý nghe lời ta nói! Các vị, những ai muốn trở về quê cũ thì lòng dạ phải chuyên chánh mới về được. Lòng ai không chuyên chánh thì không về được, bởi các cô gái này sẽ ẵm bồng các con trai, con gái đuổi theo các vị, kêu khóc thảm thiết. Trong các vị, những ai khởi tâm luyến ái, dù đang ngồi trên lưng tôi đi nữa, vẫn không thể trở về được. Nếu ai đã dứt bỏ được ân ái, chuyên tâm nhất ý, không còn chút quyền luyến thì chỉ cần chú ý nắm một sợi lông của ta thì cũng được trở về quê cũ.

Đúng như lời ngựa đầu đàn nói, các cô gái kia kéo đến, bảo các người chồng rằng:

– Thân hèn mọn của bọn tôi có sá gì, nhưng vì

sao các anh nữ bỏ con cái của chúng ta?

Rồi họ xúi đám con trai, con gái đến ôm cổ cha mà kêu la khóc lóc inh ỏi: “Sao cha nữ bỏ chúng con mà định đi đâu?” Những người tâm còn luyện ái thì cuối cùng không trở về được. Chỉ có một người có đại trí sư tử là được trở về an ổn. Cho nên nói: Những ai không tin Phật, những loại chúng sinh như vậy, phải rơi vào đường hiểm, như người buôn gặp quỷ La-sát.

Những ai tin Phật: Như loại chúng sinh này, an ổn trở về đều nhờ ngựa đầu đàn cứu thoát, thì chỉ có một người có trí sư tử là được an ổn trở về, còn những người khác thì bởi tâm luyện ái nên phải chịu tai ách. Khi ấy các La-sát ẵm con trai, con gái đuổi theo những người đi buôn Sư Tử này cùng khắp mọi nơi và bảo những người trong thôn ấp rằng: “Sư Tử là chồng tôi, cùng tôi sinh con đẻ cái, nhưng nay bỏ tôi, trốn đi, không biết đang ở đâu. Mọi người nghe nói bèn hỏi Sư Tử rằng:

– Ta thấy vợ anh tánh tình, dung mạo xinh đẹp tuyệt diệu trong tất cả mọi người, đám con trai con gái rất đáng thương, vì sao anh lại bỏ chúng nó?

Sư Tử trả lời:

– Đó không phải là người, mà là quỷ La-sát! Chúng nó sống trên một vùng biển nhỏ, ăn thịt vô số những người đi buôn nhiều không kể xiết. Mấy trăm người bạn tôi, hiện đang bị nhốt trong thành

bằng sắt, chỉ một mình tôi là người may mắn được thoát khỏi. Bây giờ, quỷ La-sát cái này đuổi theo tôi, muốn hại tôi, tôi sợ không thoát khỏi nó.

Nói xong, người ấy lại đi về phía trước, trở về quê cũ. Con quỷ La-sát này cũng đuổi theo, nó đến nước của anh này rồi đến trước vua thừa:

– Thiếp và chàng Sur Tử là vợ chồng, sinh được đám con này, mong cậy nhờ mai sau. Chẳng ngờ, hôm nay anh ấy bỏ trốn đi. Dù anh ấy không muốn chung sống với thiếp thì cũng phải có bốn phận nuôi nấng đám con thơ này. Phần thiếp, tuổi còn trẻ thì còn có thể thích ứng được.

Vua cho đòi Sur Tử đến hỏi sự thật:

– Vợ ngươi còn trẻ, mặt mày xinh xắn, đám con thì đẹp đẽ khác thường, đều có tướng quân tử. Thế tại sao ngươi nỡ bỏ chúng, không chịu chấp nhận?

Sur Tử tâu vua:

– Chúng chẳng phải người mà là quỷ La-sát ăn thịt người, chúng biến hóa ra hình người trai gái đeo dính theo thân. Nó đợi ai vô ý là giết thân ngay. Trước đây, thân dân năm trăm người đi buôn ra biển tìm châu báu, tất cả đều bị quỷ La-sát ăn thịt. Chỉ có thân là người duy nhất thoát được. Nay lại bị theo đuổi nữa, không biết sẽ tính sao đây?

Vua bảo Sur Tử rằng:

– Nếu ngươi không muốn cô ấy làm vợ nữa thì đem đến cho ta!

Sư Tử nói:

– Cô ấy thật sự không phải người mà là quỷ La-sát. Nếu sau này có chuyện tai ách gì thì đừng oán trách.

Sư tử lại nói với các quan đứng hầu vua:

– Nữ quỷ La-sát cái này đến đây chắc chắn sẽ hại vua, nay vua không tin lời mà lại cho vào cung sâu. Như thế thì không bao lâu, vua và những người trong cung đều thành tro bụi.

Vua tức giận bảo Sư Tử:

– Cô gái kia đẹp như ngọc nữ cõi trời, tại sao lại nói là quỷ La-sát? Người hãy mau ra khỏi thành, để ta tự xem xét.

Vua đem cô gái quỷ La-sát vào nội cung. Cửa cấm cung khép chặt, một đêm qua nhanh. Sáng hôm sau, đến giờ ăn, nhưng cửa cung vẫn chưa mở. Các quan nói với nhau rằng: “Vua mới nạp cung phi, lòng còn say mê nên chưa mở cửa”. Sư Tử nói:

– Không phải thế đâu! Có lẽ vua cùng phu nhân và các thể nữ đã bị quỷ La-sát ăn thịt hết rồi, nên cửa không mở đấy.

Mọi người liền lấy thang cao leo tường vào trong thì thấy thân ma và hài cốt chất đầy mấy gian nhà. Lại thấy một cái lỗ sâu mới đào. Các quan hỏi Sư Tử:

– Bây giờ vua chết, người cả cung đều bỏ mạng. Xương chất đống không thể phân biệt ai là

ai. Biết xác vua đâu mà chôn cất?

Sư tử nói:

– Nên gom xương lại thành đồng rồi hỏa thiêu. Chỉ nói là chôn vua, còn những người khác thì không tính.

Chôn cất xong, các quan trách Sư Tử:

– Chính người đã đem quỉ La-sát về giết vua hại nước, cung điện tiêu tan, bây giờ người tính sao?

Sư tử đáp:

– Tôi đã nói trước đây rằng cô gái ấy không phải người, mà là quỉ La-sát. Sau này có tai ương gì chớ trách tôi, giờ đây sao các ngài còn trách tôi như vậy?

Các quan và dân chúng bước đến thưa với Sư Tử:

– Nay vua chết, không ai nối ngôi. Vậy cúi mong ngài lên ngôi để cai trị nhân dân khiến đất nước được bình yên mãi mãi để chúng tôi có chúa mà tôn thờ.

Sư Tử bảo:

– Nếu các vị muốn cử tôi làm vua thì phải nghe lời tôi, nếu không nghe lời tôi thì bị quỉ La-sát ăn thịt hết.

Mọi người dù thân tướng khác nhau nhưng đều khen là hay lắm và cùng nhau nghe lời vua dạy bảo. Vua bảo các quan:

– Bọn nữ quỷ La-sát ngủ nghỉ đúng giờ, ta nên nhóm họp các thứ binh, gióng thuyền ra biển đánh úp bọn chúng.

Cả triều đình liền lên đường đánh úp bọn nữ quỷ La-sát, lớn nhỏ đều chết không còn sót một tên nào. Rồi quay sang phá sập thành sắt kia, giải thoát cho những người trong ấy. Nhờ đó nhân dân sống giàu sang tự nhiên với nhiều của báu vật lạ không kể xiết. Nhân đó, đặt tên thành là Sư Tử di lạc. Các quỷ La-sát khác thì di chuyển về phía Tây núi Thiết vi, còn nhóm ở phía Đông Thiết vi thì sống theo luật pháp người thường của phong tục địa phương. Nếu có ai không thờ phụng Phật thì đem giao cho quỷ ở phía Tây ăn thịt. Từ đó đến nay, Phật pháp hưng thịnh, người đắc đạo vô số. Cho nên nói: Những kẻ tin Phật, như loại chúng sinh này, an ổn về nhà đều nhờ ngựa đầu đàn cứu thoát.

Lại nữa, ở cõi nước ấy, theo tục lệ thông thường thì khi vua sinh thái tử hoặc mười, hoặc trăm, hoặc đến vô số vị đều cho xuất gia học đạo, tụng tập kinh Phật, thuộc lòng ba tạng, sau đó mới thôi đời sống tu học trở về làm vua. Những người con nào không biết chữ Phạm, không học thông kinh điển thì không bao giờ được lên làm vua. Và phải ở ngoài các bãi sông, cho nên gọi là bãi sông Sư tử.



Như Lai, không ai sánh

*Tư duy hai quán hạnh
Nơi vắng quán hai hạnh
Trừ tối, vượt thần tiên.*

Như Lai không ai sánh: Như Lai sống ở trên đời với oai thần công đức vô lượng. Có khả năng bay lên hư không, chúng sinh được giáo hóa không hạn lượng. Dẫn dắt chúng sinh, chỉ rõ mắt tuệ, giáo dục nuôi dưỡng chúng sinh bằng bốn tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, ai gặp Phật đều được độ thoát, cho nên nói: Như Lai, không ai sánh bằng, tư duy hai quán hạnh, nơi thanh vắng quán hai hạnh, trừ tăm tối, vượt hơn Thần tiên.



*Khéo được, được tự tại
Ái hết, không chứa nhóm
Tâm giải thoát, vô lậu
Ban ân tuệ trời, người.*

Khéo được, được tự tại: Chúng sinh sống trong sự lầm than, trôi lăn trong năm đường, bảy sóng kết sử nhồi dập, muốn đến với đạo thì không biết đường nào mà đến, vì vậy: Như Lai không bỏ tâm hoằng thệ, cứu vớt khổ nạn, chỉ bày cho tất cả chúng sinh ngôi nhà tự tại, cho nên nói: Khéo được, được tự tại.

Ái hết không chứa nhóm: Được bốn món không sợ hãi, dứt hẳn ái dục, cho nên nói: Ái dục dứt hết không còn chứa nhóm.

Tâm giải thoát vô lậu: Tâm được giải thoát mãi mãi, không có gì trở ngại, lại được vô lậu, dứt hẳn các cấu uế, cho nên nói: Tâm giải thoát vô lậu.

Ban ân tuệ trời, người: Tất cả chúng sinh đều đến quy ngưỡng, cho nên Thánh nhân tùy thời giáo hóa, cứu giúp, không thiếu sót, cho nên nói: Ban ân tuệ cho cả trời, người.



*Như người đứng đỉnh núi
Nhìn khắp xóm làng người
Quán sát pháp cũng thế
Như lên lầu ngắm vườn
Người lo dứt không lo
Giúp biết đường sinh tử.*

Như người đứng đỉnh núi, nhìn khắp xóm người: Như người có mắt sáng nhìn hết cả xóm làng, thấy kẻ ngồi, người đi, kẻ ra vào, đi lại, người khóc lóc, kẻ múa hát, đều thấy rõ hết. Đức Như Lai Thế Tôn cũng như vậy, Ngài đứng trên đỉnh núi trí tuệ nhìn thấy chúng sinh trong năm đường, thấy ai trí tuệ thông minh, ai ngu si, ai đến được, ai không đến được, đều phân biệt rõ ràng mà đến đó giáo hóa họ, cho nên nói: Như người đứng trên đỉnh núi nhìn bao quát cả xóm làng của người bên dưới.

Quán sát pháp cũng thế, như lên lầu ngắm vườn: Đức Như Lai dùng Thiên nhãn nhìn thấy khắp tất cả, như lên lầu cao thì thấy rõ mọi thứ,

phân biệt ai dễ độ, ai khó độ, ai có thể nói thì nói, không thể nói thì im lặng, tùy từng đối tượng mà giúp họ được thành đạo, cho nên nói: Quán sát pháp cũng thế, như lên lầu cao ngắm vườn hoa.

Người lo dứt không lo, giúp biết đường sinh tử: Đức Như Lai quán sát ai có lo rầu, ai không lo rầu, ai ít hiểu biết, ai nhiều hiểu biết. Ngài dạy bảo chúng sinh khiến họ biết đường sinh tử, cho nên nói: Người lo dứt không lo, giúp họ biết đường sinh tử.



Phẩm 23: Văn

*Khéo nghe, hành giỏi
Ưa thích vắng lặng
Việc làm không sai
An như Sa-môn.*

Khéo nghe, hành giỏi: Người học rộng được mọi người khen hay, khen giỏi. Người có hiểu biết thì việc làm chắc chắn tốt đẹp, cho nên nói: Khéo nghe pháp, thực hành giỏi.

Ưa thích vắng lặng: Cầu mong ra khỏi cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Không ưa nơi ồn ào, không có gì trói buộc, ý chí hướng về nơi thanh vắng. Cho nên nói: Ưa thích vắng lặng.

Việc làm không sai: Mọi việc làm của thân, miệng, ý luôn thuận theo chánh lý, không bao giờ sai trái. Tốt đẹp nhất, nhiệm màu nhất, không ai

hơn được, cho nên nói: Việc làm không sai trái.

An như Sa-môn: Thuận theo hạnh Sa-môn, không làm ngược với hạnh Sa-môn. Như những điều Sa-môn thực hành, như những điều Sa-môn tu tập, cho nên nói: An ổn như bậc Sa-môn.



*Kẻ ngu không hay biết
Ưa hành pháp bất tử
Người khéo liễu các pháp
Bệnh giống như cây chuối.*

Kẻ ngu không hay biết, ưa hành pháp bất tử: Điều mà kẻ ngu tu tập là thường tu tập theo thói xấu, không phân biệt được pháp thiện, pháp ác. Cái gì tốt, cái gì xấu, hoàn toàn không biết, không kể các pháp vô thường biến đổi, ăn chơi bồi bổ tâm thân cho là sống ngàn năm không, muôn vật thường còn lâu dài, cho nên nói: Kẻ ngu không hay biết, ưa hành pháp bất tử.

Người khéo biết các pháp, bệnh giống như cây chuối: Dù khéo biết các pháp, nhưng qua tai là thành lỗi, như cây chuối gặp gió là tàu lá cụp ngay, như người bệnh rất nặng mà uống nhầm thuốc độc, cho nên nói: Người khéo biết các pháp, bệnh giống như cây chuối.



*Như nóc nhà kín mít
Tối tăm không thấy gì*

*Tuy có nhiều màu sắc
Có mắt vẫn không thấy.*

Như nóc nhà kín mít, tối tăm không thấy gì:
Giống như khi xây nhà không trổ cửa sổ, trong ngoài tối om, không thấy ánh sáng, cho nên nói: Như nóc nhà kín mít, tối tăm không thấy gì.

Tuy có nhiều màu sắc, có mắt vẫn không thấy: Bên trong tuy có bày la liệt nhiều thứ đồ vật màu sắc đẹp rực rỡ, người có mắt bước vào đó vẫn không thấy gì, cho nên nói: Tuy có nhiều màu sắc, có mắt vẫn không thấy.



*Như có người nào đó
Hiểu biết rộng đi nữa
Không học thì không biết
Pháp lành và pháp ác.*

Như có người nào đó, hiểu biết rộng đi nữa:
ở đời như có hàng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sát-lợi, trưởng giả, cư sĩ, dân thường có tâm ý sáng suốt nhưng trước không chịu học thì không biết được pháp lành hay pháp ác. Dù là bậc Trí tuệ rộng lớn đi nữa nhưng trước không nghe pháp thì cũng không biết được điều gì, cho nên nói: Nếu không nghe pháp thì không biết được pháp lành, pháp ác.



*Như có người cảm được
Thấy hết các sắc tướng*

*Nghe xong, đều biết hết
Hương về thiện hay ác.*

Như có người cầm đuốc, thấy hết các sắc tướng: Như người hiểu biết, tay cầm đèn sáng, có khả năng phân biệt được tất cả các sắc tướng tốt xấu, cho nên nói: Như có người cầm đuốc, thấy hết các sắc tướng.

Nghe xong đều biết hết, hương về thiện hay ác: Người học đạo, sau khi nghe pháp thì liền biết rõ các pháp lành, pháp ác, pháp gần pháp xa, hữu ký vô ký, thấy đều biết rõ, cho nên nói: Nghe xong đều biết hết, hương về thiện hay ác.



*Dù là bậc học rộng
Nhưng giới không giữ tròn
Bị pháp luật bắt tội
Sự học còn thiếu sót.*

Dù là bậc học rộng, nhưng giới không giữ tròn: Nhờ học rộng biết nhiều, nên phân biệt các pháp một cách khéo léo, nhưng đối với giới cấm không hết lòng giữ gìn, có sự trái phạm, không được đầy đủ, cho nên nói: dù là bậc học rộng, nhưng giới không giữ tròn.

Bị pháp luật bắt tội, sự học còn thiếu sót: Người giữ giới luật lấy pháp luật mà buộc tội. Người này phạm luật, không thực hành chánh pháp, bị mọi người chê bai, làm những việc đáng

hồ thẹn, cho nên nói: Bị pháp luật bắt tội, sự học còn thiếu sót.



*Người tu dù ít học
Giới cấm giữ vẹn toàn
Được pháp luật khen ngợi
Sự học còn thiếu sót.*

Người tu hành dù ít học, cấm giới giữ vẹn toàn: Người giữ giới đầy đủ, không chút sai sót, nhưng không tu học rộng, cho nên nói: Người tu hành dù ít học, cấm giới giữ vẹn toàn.

Được pháp luật khen ngợi, sự học còn thiếu sót: Người giữ giới được mọi người khen ngợi, như nói: ở ngôi làng ấy có người giữ giới đáng kính đáng quý, ngày đêm siêng năng hành đạo, không bỏ phế. Nhưng không học rộng, biết nhiều chuyện xưa nay, nhưng sự tu học còn thiếu sót, cho nên nói: Được pháp luật khen ngợi, sự học còn thiếu sót.



*Tuy có học ít, nhiều
Giữ giới không toàn vẹn
Bị quả trách cả hai
Ước nguyện họ không thành.*

Tuy có học ít nhiều, giữ giới không toàn vẹn: Sự học kém cỏi, giới luật không đầy đủ, bị mọi người chê cười, nhưng người tu nhân thừa thì họ

chỉ làm một hạnh nên không thể bảo người ấy nhỏ hết gốc lành được. Có người sinh tâm xót thương họ, nghĩ rằng sau khi chết họ phải chịu vô lượng khổ não trong đăm dài sinh tử, cho nên nói: Tuy có học ít nhiều, giữ giới không vẹn toàn, bị quả trách cả hai, ước nguyện họ không thành.



*Người trí tuệ học rộng
Giữ giới đều vẹn toàn
Được khen ngợi cả hai
Nguyện ước đều thành tựu.*

Người học rộng giữ giới đầy đủ, không phạm các điều ác thì được các vị Trời, Người, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, Chân-đà-la, Ma-hu-lặc... thấy đều cung kính, thờ phụng. Cho nên nói: Người trí tuệ học rộng, giữ giới đều vẹn toàn, được khen ngợi cả hai, nguyện ước đều thành tựu.



*Học rộng, thờ Chánh pháp
Trí tuệ, thường định ý
Như vàng Diêm-phù kia
Ai nói có tì vết?*

Học rộng, thờ chánh pháp: Suy nghĩ chánh pháp, không hề thiếu sót, phân biệt ý nghĩa một câu giảng nói ra vô lượng, nhưng cũng có khả năng nói tóm lược lại thành một câu, cho nên nói: Học rộng, thờ chánh pháp.

Trí tuệ, thường định ý: Trí tuệ sáng suốt phân biệt, muốn dứt hết dục hữu lậu, đến chỗ vô vi. Cũng không tạo tác, thành tựu trí vô lậu của bậc Hiền thánh. Tâm thường an trụ trong thiền định vắng lặng, không có những tư tưởng loạn động, cho nên nói: Trí tuệ, thường định ý.

Như vàng Diêm-phù kia: Những thứ vàng khác thì xấu tạp, thường có tí vết, còn vàng Diêm-phù này thì trong ngoài không có tí vết, cũng không có bụi nhơ, cho nên nói: Như vàng Diêm-phù kia.

Ai nói có tí vết: Như người giới hạnh thanh tịnh, trong ngoài trong sạch, hành vi không thiếu khuyết, không có gì sai trái lỗi lầm, không ai có thể chê cười người tu hành ấy, cho nên nói: Ai nói có tí vết?



Có người khen sắc mình

Có người khen danh đức

Ấy đều gọi tham dục

Tự nhiên không hay biết.

Trong kinh có chép: Như Lai, Thế Tôn từ trước đã thành tựu hai nghiệp:

1. Mắt biết sắc.

2. Tai biết tiếng.

Người ngu nghe lầm bảo:

1. Như Lai đắm mê sắc.

2. Như Lai tham âm thanh.

Tiếng nói của Như Lai giống như tiếng chim Phạm-yết-tỳ. Đức Phật nói: “Không phải vậy. Lời Ta nói khác, nghĩa không phải như thế, người có trí tuệ phân biệt hiểu được nghĩa của Như Lai nói. Như Lai chứa nhóm công hạnh trải qua vô số kiếp, trước phải thanh tịnh mắt đối với sắc, tai đối với tiếng, sau đó mới tu các hạnh khác”. Cho nên nói: Có người khen sắc mình, có người khen danh đức, ấy đều gọi tham dục, tự nhiên không hay biết.



*Trong không tự biết
Ngoài không thấy gì
Trong không thấy quả
Bị tiếng dẫn đi.*

Thuở xưa, vua Ba-tư-nặc tập họp bốn thứ binh, chờ lúc đêm không có ai mới ra khỏi thành. Khi ấy, có một thầy Tỳ-kheo tên là La-bà-na-bạt-đề cất tiếng ngâm nga thanh tao giữa đêm khuya vắng vẻ khiến cho bốn thứ binh ai cũng nghe. Vua Ba-tư-nặc ở trong binh chúng liền nghĩ: “Nếu ngày mai ta gặp được thầy Tỳ-kheo ngâm vịnh ấy thì ta sẽ thưởng ba trăm ngàn lượng vàng”. Rồi vua dần dần đến gần, trong tâm thầm nghĩ: “Âm thanh dường như gần đây, nhưng không biết xuất phát từ đâu. Xoay mình bước tới thì vua gặp người ấy. Ông đang nằm trong một cái rương, vua liền tặng cho ông ba hạt châu. Cho nên nói:

*Trong đã tự biết
Ngoài không thấy gì
Trông thấy rõ quả
Bị tiếng dẫn đi.
Trong đã không biết
Ngoài có thấy vật
Hai quả đều thành
Bị tiếng dẫn đi.
Trong có hiểu biết
Ngoài có thấy vật
Người có trí sáng
Không đi theo tiếng.*

Lúc bảy giờ, vua Ba-tư-nặc bước đến bạch Phật:

– Đạo nhân vừa ngâm vịnh lúc nãy, hiện đang ở đâu? Con muốn gặp người ấy.

Đức Phật bảo vua:

– Nếu nhà vua muốn gặp vị ấy thì chớ sinh tâm biếng nhác, kiêu mạn.

Đức Phật liền sai người gọi thầy Tỳ-kheo đến. Vừa trông thấy, vua liền sinh tâm hối tiếc. Tiếc rằng lời hứa đêm qua là quá xa xỉ, vua liền tặng ba viên ngọc quý, nhưng trong tâm vẫn còn tiếc rẻ. Vua liền bạch Phật:

– Thầy Tỳ-kheo này vốn thực hành công đức gì mà có giọng ngâm rất hay như vậy? Và bởi gây ra tội gì mà phải chịu thân mình bé xiu như vậy? Cúi

xin Đức Thế Tôn nói rõ về việc ấy.

Đức Phật liền dùng túc mạng trí quán xét vị lai, quá khứ, hiện tại, rồi bảo nhà vua:

– Thuở xưa vào thời quá khứ lâu xa, khi ấy, con người sống đến hai vạn tuổi, nhân dân sống thương kính nhau, rất khiêm tốn giúp đỡ nhau. Lúc ấy, có Đức Phật tên là Ca-diếp. Sau khi đi giáo hóa cùng khắp Ngài liền nhập diệt. Bấy giờ, từ nhà vua cho đến các quan, dân chúng ai cũng sinh lòng kính tiếc, nên xây dựng một ngôi tháp cao và rộng để cúng dường. Khi ấy, người này đứng bên cạnh, nói: “Xây ngôi tháp này làm gì cho cao rộng như vậy?” Ngay trong đêm ấy, người ấy liền treo một cái linh trên ngọn cây trước tháp và phát nguyện rằng: “Nếu đời sau, ta sinh ra ở bất cứ nơi nào, tiếng nói của ta đều trong trẻo vang thấu đến cõi trời Phạm thiên. Gặp bậc Thánh hiền được dứt hết các lậu và trong các đệ tử ta được tiếng nói trong trẻo.” Vì có ác cảm khi thấy xây tháp rộng lớn nên mắc quả báo chịu thân hình bé xiu như vậy và nhờ thầy treo linh trên tháp, nên được quả báo là có giọng nói rất hay.

Trong đã tự biết: Tự quán sát thân mình bên trong không có gì. Nếu có cái gì tốt đẹp thì đều phân biệt được. Bên trong tự biết là biết sáu giác quan bên trong, cho nên nói: Trong đã tự biết.

Ngoài có thấy vật: Quán xét bên ngoài thân phân biệt rõ từng thứ một, như thấy lộ, cắt chặt

đâm cũng không có cảm giác vì biết nó luống dối. Lại nói: Bên ngoài thấy vật là bên ngoài thấy sáu nhập. Cho nên nói: Ngoài có thấy vật.

Người có trí sáng: Phân biệt bên trong, bên ngoài thân, suy nghĩ từng thứ một, khéo léo quán xét không ngăn ngại, hiểu biết tất cả, dùng trí tuệ quán xét thì không có gì tất cả, cho nên nói: Người có trí sáng.

Không đi theo tiếng: Tiếng nói của con người là đầu mối gây loạn động niệm lành của người ta. Người nhập định thì tiếng động bên ngoài không nhập vào, những loạn bên trong không phát tác ra ngoài. Biết rõ tiếng động kia như hư không, cho nên nói: Không đi theo tiếng. Hiểu rõ bốn câu kệ có ý nghĩa như vậy.



*Nhĩ thức nghe nhiều tiếng
Nhãn thức thấy nhiều vật
Thấy nghe không bền chắc
Sự nhờ nghĩa rõ lý.*

Nhĩ thức nghe nhiều tiếng: Hoặc nghe kinh Phật, hoặc nghe ngoại đạo dị học ngâm nga thơ tụng, nghe hay thì chấp nhận, nghe dở thì bỏ đi, cho nên nói: Nhĩ thức nghe nhiều tiếng.

Nhãn thức thấy nhiều vật: Nhãn thức cũng thấy nhiều việc tốt, xấu, hình ảnh đẹp, hình ảnh xấu, cho nên nói: Nhãn thức thấy nhiều vật.

Thấy nghe không bền chắc, sự nhờ nghĩa rõ lý: Nếu thấy, nghe, nghĩ, biết thì đều phân biệt rõ ràng. Thấy thì nói là thấy, nghe thì nói là nghe, cho nên nói: Thấy nghe không bền chắc, sự nhờ nghĩa rõ lý.



*Biết chắc thì nói nhanh
Nghe trí định tâm mau
Ai không dùng trí, định
Mau đưa đến buông lung.*

Biết chắc thì nói nhanh: Người khéo suy nghĩ thì nói không lầm lẫn, khiến người nghe, không quên mất thì nên làm theo hạnh này, cho nên nói: Biết chắc thì nói nhanh.

Nghe trí định tâm mau: Tất cả đều do nghe mà sau đó được định. Khi ý đã định thì đến đâu cũng không bị ngăn ngại, cho nên nói: Nghe bằng trí thì định tâm mau.

Ai không dùng trí, định mau đưa đến buông lung: Người buông lung cho nên làm ác, không nghĩ đến những việc về sau. Không hề nghĩ đến kiếp sau, cũng như đổ lúa vào lửa mà mong thấy được mầm mạ, việc đó hoàn toàn không có được, hay như lấy khối đất nhỏ mà cản sông, mong ngăn dòng nước, việc ấy hoàn toàn không thể có được. Người sống buông lung thì tâm ý và hành động bạo ngược, mà mong mảy may điều lành, ta cũng

không thấy bao giờ, cho nên nói: Ai không dùng trí, định mau đưa đến buông lung.



*Hiền thánh vui Chánh pháp
Việc làm hợp lời nói
Dùng nhãn suy nghĩ định
Ý lắng nghe bền chắc.*

Hiền thánh vui Chánh pháp: Niềm vui ứng với pháp Hiền thánh, chưa hề lìa bỏ, suốt đời tu tập, ý không nhàm đủ, đó đều là những lời giảng nói của chư Phật, Hiền thánh, cho nên nói: Hiền thánh vui Chánh pháp.

Việc làm hợp lời nói: Thực hành đúng với pháp cấm, không hề trái phạm lỗi lầm. Cho nên nói: Việc làm hợp lời nói.

Dùng nhãn suy nghĩ định: Nghe lời người chỉ bảo, một lòng vâng làm theo. Không sinh tâm ganh ghét kia, đây. Nghe lời nói tốt thì hết lòng nhận tưởng. Đêm ngày tụng tập không lìa định ý. Cho nên nói: Dùng nhãn suy nghĩ định.

Ý lắng nghe bền chắc: Pháp mà Đức Phật nói thì từ đầu đến cuối, nghĩa bậc thượng, trung, hạ, suốt ngày tụng đọc, không bao giờ quên sót. Cho nên nói: Ý lắng nghe bền chắc.



Phẩm 24: Ngã

Nên học lời lành

Sa-môn ngồi, đứng
Vui ngồi một chỗ
Mong dứt tâm vọng.

Nên học lời lành: Ngày đêm tụng tập lời hay tiếng tốt, góp nhặt những điều quan trọng giúp đời, cho nên nói: Nên học lời lành.

Sa-môn ngồi, đứng: Thầy Tỳ-kheo thường suy nghĩ: “Nên phân biệt trên dưới, không ngồi lẫn chỗ của người khác, đây là chỗ ngồi ăn, đây là chỗ ngồi hành đạo. Ta nên ngồi đây hay đi chỗ khác”. Cho nên nói: Sa-môn ngồi, đứng.

Vui ngồi một chỗ: Chuyên nhất tâm ý mong cầu được định, phân biệt các nhận thức, giữ gìn các căn. Một buổi ngồi thiền mà tâm ý loạn động thì không phải là một buổi ngồi. Nếu tâm ý không rong ruổi theo cảnh bên ngoài thì có khả năng vượt ra khỏi cảnh giới ma, cho nên nói: Vui ngồi một chỗ.

Mong dứt tâm vọng: Giấu kín tâm thức, người không giữ gìn tâm ý thì nhiều loạn tưởng, khiến lại thọ thân trong ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không gặp được Tam bảo, chư Phật, Thế Tôn. Không gặp những vị phạm hạnh thanh tịnh. Không biết hô then, từ một đời cho đến trăm ngàn đời. Mong dứt tâm vọng thì không còn sinh tử, cho nên nói: Mong dứt tâm vọng.



*Ngồi, nằm một mình
 Riêng mình, không bạn
 Phải tự hàng phục
 Riêng vui núi rừng.*

Ngồi, nằm một mình: Hàng phục trong ngoài, sinh từ lấy lòng. Dù nằm ngồi một mình nhưng tâm ý không trụ định thì không phải là nằm ngồi. Lại phải còn suy nghĩ hoạn nạn trong ba cõi, thường giữ tâm ý, không để phân tán, cho nên nói: Ngồi, nằm một mình.

Riêng mình, không bạn: Tâm luôn định một chỗ dù ở trong chúng hay nơi vắng vẻ. Khi đi, khi ngồi, tâm không rong ruổi. Như người tu hành đúng giờ đi khát thực, bên trong thâm nghĩ: “Từ đâu có món ăn này?” Người nhận thí nên tìm cách báo ân, phải tự biết đủ. Lại nên nghĩ công đức của thân tướng Phật. Giữ ý nhấn nhục, không cho phân tán. Giữ tâm được như vậy là có khả năng vào xóm làng mà hóa độ chúng sinh, không sinh khởi loạn tưởng. Như vậy có khác gì người đang sống ở chốn núi rừng, cho nên nói: Riêng mình, không bạn.

Phải tự hàng phục: Thường tự dứt vọng, không để tâm rong ruổi, lúc nào cũng cân nhắc sự việc bên ngoài, bên trong để tự hàng phục mình, thì được các trời, người đều thờ phụng, cúng dường, tám bộ quỷ thần lúc nào cũng ủng hộ, được Phật, Thế Tôn khen ngợi, cho nên nói: Phải tự hàng phục.

Riêng vui núi rừng: Giữ tâm chuyên ý, thường vui vắng lặng. Dù ở trong đại chúng nhưng tâm thì như hư không. Dù trời rung đất chuyển tâm vẫn không rối loạn. Như vậy, mới hợp với Thánh điển Như Lai, cho nên nói: Riêng vui núi rừng.



*Ngàn muôn quân địch
Một người đánh thắng
Không bằng tự thắng
Là thắng trong thắng.*

Ngàn muôn quân địch, một người đánh thắng: Như trong chúng sinh có một người đánh thắng cả ngàn quân địch, nhưng không tự hàng phục mình được thì không gọi là thắng, chỉ là đọa lạc chứ không đến chỗ rốt ráo. Tự giữ gìn tâm ý, trong ngoài đều hàng phục, vượt qua thứ lớp đến cảnh giới vô vi. Thắng hết mọi oán thù, không còn lo sợ gì, đó mới gọi là thắng. Dứt bỏ được kết sử trong ba cõi, nhổ bỏ hoàn toàn cội gốc của nó không còn sót mới gọi là người mạnh mẽ. Cội gốc kết sử trong ba cõi đã dứt bỏ không còn sót, không tạo nghiệp mới. Có khi một người thắng cả ngàn người, hay thắng cả đến muôn người, vẫn không phải là người mạnh mẽ, bởi kẻ ấy vẫn còn trong sinh tử, chưa lìa khỏi tám nạn, cho nên nói: Ngàn muôn quân địch, một người đánh thắng, không bằng tự thắng, là thắng trong thắng.



*Tự thắng trên hết
Như chúng sinh kia
Ai tự thắng mình
Các hạnh đầy đủ.*

Tự thắng trên hết: Người ta ở đời, nếu ai biết tự hàng phục mình thì tinh thần không lằm lẩn. Lại được Trời, Rồng, Quỷ thần, Kiên-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chiên-đà-la cúng dường. Thiên ma Ba-tuần dù thống lãnh sáu tầng trời đi nữa cũng không có dịp làm hại người ấy, cho nên nói: Tự thắng là trên hết.

Như chúng sinh kia: Như người tu hành chẳng những tự mình ham mê tu học, mà còn khuyên giúp người khác tu hành. Bên trong, tâm người ấy không sinh bợn nhơ, cảnh trần bên ngoài không xâm nhập được. Như vậy mới ứng hợp với thanh tịnh vô vi, cho nên nói: Như những chúng sinh kia.

Ai tự thắng mình, các hạnh đầy đủ: Người có mười tên gọi khác nhau. Hoặc gọi chúng sinh, ta, người, thọ mạng, là loài có hình tướng, đều gọi là chúng sinh. Nếu các loài chúng sinh ấy biết tự hàng phục mình, không sinh các ý tưởng đối với cảnh trần bên ngoài, thì đó là nghĩa bậc nhất, không có hình tướng có thể thấy được. Ai muốn cầu đạo vô vi thì phải tự hàng phục mình, không sinh mười tám bản tri, không còn rơi rớt trong các cõi, đó

cũng gọi là người tự hàng phục. Các giác quan đầy đủ, công đức vẹn toàn, lúc nào cũng hành đạo, không để mất thì giờ, cho nên nói: Ai tự thắng mình, các hạnh đầy đủ.



*Chẳng Trời, Càn-đạp-hòa
Chẳng Ma và Phạm thiên
Bỏ thắng là hơn hết
Nhu Tỳ-kheo trí tuệ.*

Chẳng Trời, Càn-đạp-hòa, chẳng Ma và Phạm thiên: Có người trên đời này cúng tế các vị trời để cầu ban ân giáng phước. Hoặc có người thờ Kiền-đạp-hòa tu hạnh thanh tịnh. Hoặc thờ cúng Thiên ma mong được giàu sang, hoặc thờ Phạm thiên, gọi trời ấy là đạo. Ngoại đạo dị học tâm luôn nghĩ tưởng đến Phạm thiên. Nguồn gốc chúng sinh đều phát sinh từ Phạm thiên, vì thế nên phải tôn thờ Phạm thiên. Đức Như Lai nói: “Đó không phải là đạo chân chính mà là con người tự mê hoặc mình, lại còn khiến kẻ khác rơi vào đường tà. Đạo ấy cũng không vững bền, không thể nương cậy. Gọi là đạo chân chánh phải là bậc Tỳ-kheo có trí tuệ, giữ tâm thanh tịnh, không còn lậu hoặc kết sử, nói pháp cho mọi người nghe, không có tâm phân biệt kia đây. Ý như hư không, không thể tiêu hoại, căn tánh lạnh lợi bén nhạy, không bị ngăn ngại. Những điều tâm nghĩ nhớ, không có việc gì trải qua mà không khắc ghi rõ ràng”. Cho nên nói: Không phải

Trời, Càn-đạp-hòa, không phải Ma, không phải Phạm thiên, bỏ thắng mới là hơn hết, như Tỳ-kheo có trí tuệ.



*Trước phải sửa mình
Sau mới sửa người
Người tự sửa mình
Là cao hơn hết.*

Trước phải sửa mình, sau mới sửa người:
Người tu tập thì giữ mình là hơn hết. Ngày thì giảng dạy, đêm thì kinh hành. Hết lòng chăm chú, không lúc nào lười biếng, rồi sau đó mới có thể dạy bảo chúng sinh cho họ được bước vào đại đạo. Như trong kệ kinh của Phật có dạy: Đức Phật bảo Quân Đầu: “Như người bị rớt xuống bùn sâu mà muốn tìm cách kéo kẻ khác đang chìm đắm thì không thể được. Như người không giới hạnh lại muốn dạy bảo mọi người thì cũng không có việc ấy... điều này có nói rộng như trong kinh.” Như đồ chứa lạnh lặn thì đựng nước không bị chảy, người có tâm tánh điềm đạm thì mới có khả năng thọ nhận chánh pháp cao sâu, cũng có khả năng giáo hóa tất cả chúng sinh. Ai được nghe pháp cũng đều tin tưởng, ưa thích, cho nên nói: Trước phải sửa mình, sau mới sửa người, người tự sửa mình, là cao hơn hết.



*Trước tự sửa mình
Sau mới sửa người
Tự sửa đổi mình
Không hại người trí.*

Hễ người tu hành muốn hoàn tất sự tu học thì không nên dụng công luống uổng, không nề khổ nhọc, tin vào sức mình, bình đẳng không hai. Siêng năng tinh tấn, mỗi ngày có thêm tin tức tốt lành mới. Gần gũi người trí thức sáng suốt, không theo bạn bè xấu ác. Phàm người có trí tuệ đều nhờ trí tuệ của bậc Minh triết thành nhân. Không có thầy thì không đạt kết quả, cho nên nói: Không làm hại người trí.

*Phải tự tu hành
Nghe lời thầy dạy
Mình không được dạy
Làm sao dạy người?*

Phải tự tu hành, nghe lời thầy dạy: Như người tu hành đầy đủ các hạnh, dùng văn, giới, thí, tuệ để tự trang nghiêm mình. Nghĩ nhớ thiên định Tam-muội, dứt hết các pháp hữu lậu, sau đó mới giáo hóa tất cả, khiến người nghe pháp tự mình quy y, dốc lòng kính tin, không còn nghi ngờ, cho nên nói: Phải tự tu hành, nghe lời thầy dạy.

Mình không được dạy, làm sao dạy người: Như người tu học không tìm được thầy giỏi, không ai dắt dẫn thì bị trở ngại. Nếu gặp được thầy giỏi

thì sẽ tự tu hành, chắc chắn đạt được nguyện ước, không việc gì không thành công. Như người giỏi huấn luyện ngựa, gặp ngựa hay thì nuôi và huấn luyện kỹ lưỡng, còn gặp ngựa dữ thì phải đánh. Sau đó biết ngựa giỏi, ngựa dở khác nhau. Người hiền, kẻ ngu cũng như vậy. Người lành sinh lên cõi trời, kẻ ác đọa xuống địa ngục, lần lượt chịu đựng các thứ tội khổ, sự đau đớn nhọc nhằn trong các đường ấy nói sao cho hết. Như người đi xa thì cầu phước lành che chở, muốn tới đâu đều được như ý muốn. Cho nên nói: Phải tự tu hành, nghe lời thầy dạy, mình không được dạy, làm sao dạy người?



*Nghĩ tự tu hành
 Khiến người tin, hiểu
 Ý ta đã chuyên
 Điều người trí làm.*

Nghĩ tự tu hành: Thường phải chuyên tinh, khiến cho ý không rối loạn, diệt hết dấu vết của mười nghiệp ác của thân, miệng, ý khiến cho vô số chúng sinh khát ngưỡng lắng nghe điều mình giảng nói và tu hành theo, cho nên nói: Nghĩ tự tu hành.

Khiến người tin, hiểu: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Sát-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ nghe lời dạy chân chánh, tâm ý kính tin, ưa thích, không bao giờ chống đối, cho nên nói: Khiến người tin, hiểu.

Ý ta đã chuyên, điều người trí làm: Như người học nghề, hễ ý chuyên chú thì thành đạt. Nếu không gặp thầy giỏi thì mình bị thất bại không thể tự cứu. Khi ý đã chuyên thì trong mọi hành động cử chỉ đều được trời, người kính mến. Nếu đến nơi khác thì ai thấy cũng vui mừng, không bao giờ lui sụt giữa chừng, cho nên nói: Ý ta đã chuyên, điều người trí làm.



*Vì mình hay vì người
Nhiều kẻ không thành tựu
Có người biết việc này
Sửa mình mới dạy người.*

Vì mình hay vì người, nhiều kẻ không thành tựu: Người tu hành do nghiệp tà kiến mà mình đã tu, rồi lấy trí hiểu sai của mình mà bắt kẻ khác phải học theo, cho nên bị sai lầm không đến chỗ vô vi. Nếu lại có người bản thân họ chuyên nhất, tu hạnh chánh đạo, rồi đem sự hiểu biết ấy dạy cho mọi người thì người được dạy sẽ tin hiểu không dụng công luống uổng, cho nên nói: Vì mình hay vì người, nhiều kẻ không thành tựu.

Có người biết việc này: Điều mà người trí làm là phải tìm xét bản hạnh như lời Phật dạy. Nếu không làm lợi cho mình thì sao làm lợi cho người được? Người tu hành cần phải nghĩ nhớ, quán xét vô thường, khổ, không, vô ngã, hiểu rõ tất cả đều

chẳng phải thật có, kia vô ngã, không, há có thân ư? Bởi thế, Thánh nhân dạy pháp tắc cho mọi người, làm người dẫn đường chỉ dạy phải lấy lời thiết yếu mà nói những răn cấm cho mọi người biết, cho nên nói: Có người biết việc này, sửa mình mới dạy người.



*Thân chỉ sống với đạo
Nào có chứa làm lỗi
Đều đã được hàng phục
Người trí nói nghĩa ấy.*

Thân chỉ sống với đạo: Người tu chuyên ròng khắc kỷ nên đáng tôn đáng quý, không có chuyện nào không thành công. Mọi cử chỉ hành động đều không gặp sự hung ác bạo ngược, thường được các Trời, Người, Ròng, Quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Chiên-đà-la, Ma-huru-lặc cúng dường, che chở, khiến không gặp hoạn nạn, cho nên nói: Thân chỉ sống với đạo, nào có chứa làm lỗi.

Đều đã được hàng phục, người trí nói nghĩa ấy: Như người kính mến pháp sâu kín, đạt được nghĩa bậc nhất, vượt khỏi ba cõi, liền được thành tựu bốn ý chỉ, bốn ý đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám phẩm đạo Hiền thánh. Đó là pháp môn cam lộ của Như Lai, người có ước nguyện thì được bốn thứ cúng dường y phục, thức ăn uống, giường đồ nằm, thuốc men trị bệnh, cho

nên nói: Đều đã được hàng phục, người trí nói nghĩa ấy.

Nói tóm lại, bài kệ thành ba câu, văn giống như một. Chỉ có người mở trí thì được pháp ấy, đó là câu thứ nhất. Pháp có hai nghĩa: Một là danh tự, nghi thể; hai là bốn quả Sa-môn nghĩa bậc nhất. Người trí được giới ấy đó là câu thứ hai. Giới có hai thứ là: Một là hai trăm năm mươi giới, hai là giới thân vô lậu. Người trí được khen ngợi, đó là câu thứ ba. Khen cũng có hai nghĩa: Một là sự khen của thể tục, hai là sự khen ngợi của nội tạng. Tục là nói năng lưu loát, mặt mày xinh tươi, không làm thương tổn ý kẻ khác. Người nghe pháp thì vui mừng tin nhận, ưa thích nghe pháp.

Giới thân vô lậu: Việc làm không sai trái, thường gặp bậc Thánh hiền, xa lánh tám chỗ không yên tĩnh. Ai thấy thì tâm ý khai mở. Họ bảo nhau cùng khen ngợi công đức. Tên tuổi người trí ai cũng biết, đó là câu thứ tư. Người có tu học thì người đời biết tiếng, đạo cũng biết tiếng.

Người trí được vui ấy: Có hai thứ vui là vui đời và vui đạo. Ở thế tục thường hưởng phước đức, xuất gia được đàn-việt thí chủ cúng dường y phục, thức uống ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh. Vui đạo là vui hưởng phước đức thiên định, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám đạo Hiền thánh.

Người trí được tuệ ấy: Tuệ có hai thứ: Một là

Tuệ thể tục, hai là Tuệ của đạo. Tuệ thể tục là phân biệt tên các sự vật không lúng túng. Tuệ của đạo là chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Được các căn vẹn toàn, Không, Vô tướng, Vô nguyện, cho nên nói: Người trí được tuệ ấy.

Người trí đạt được tâm: Tâm là gốc của tất cả việc làm, nếu tâm bất chánh, rong ruổi theo muôn thứ, dính mắc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu ai hàng phục, giữ tâm không loạn, thì sẽ thành tựu đạo quả vô vi. Người tu hành hàng phục tâm ý, suy nghĩ, nhiều kiếp bị tâm mê hoặc, trải qua kiếp số không lường trong sinh tử đều do tâm. Giờ đây ta biết được việc làm của tâm thì không để nó sai khiến tạo ra các nghiệp mới nữa.

Người trí đạt được đạo: Chúng sinh trôi lăn hết kiếp này qua kiếp khác, nhiều không kể hết. Như trong khế kinh nói: Chúng sinh vào địa ngục nhiều hơn số bụi trên mặt đất. Như hôm nay ta đã vượt qua ba cõi, dùng Thiên nhãn nhìn thấy các loại chúng sinh, cho dù loài nhỏ nhất bò, bay, máy, cựa cũng luôn luôn giết hại lẫn nhau, không bao giờ dứt. Như người thợ gốm, chân đạp cho bánh xe quay vòng mà thành đồ gốm. Có vật bể khi đang còn trên bánh xe quay, hoặc bể khi đặt trên mặt đất, hoặc bể khi cho vào lò nung. Con người cũng như vậy, cho nên người học phải nghĩ đến việc tu. Lại dẫn lời kinh: “Ta dùng Thiên nhãn nhìn xem chúng

sinh, kẻ được sinh lên cõi trời như đất dính trên móng tay, ít không đáng kể.” Cho nên nói: Người trí đạt được đạo, ở trên cõi trời dạo chơi lâu dài.

Nếu có người ở lâu trên cõi trời thì có ba điều hơn người mới sinh lên là: 1. Tuổi thọ, 2. Sắc đẹp, 3. Phước lộc. Cho nên nói:

Ở lâu trên cõi trời dạo chơi lâu dài. Ở lâu trên cõi trời thì hưởng phước báo, cùng nhau vui chơi, nhìn phía Đông thì quên phía Tây. Cho nên nói: ở lâu trên cõi trời hưởng phước.

Ở lâu giữa thân tộc như ánh sáng mặt trời rọi xuyên mây, sinh ra cha mẹ, anh chị em, trong ngoài đều được kính mến, dứt bỏ hết mọi trói buộc, có khả năng dứt bỏ tất cả, các kết sử dứt hẳn không còn sót, mọi trói buộc ái nhiễm đều dứt bỏ hết. Cho nên nói: Dứt bỏ tất cả các kết sử, ở giữa sự lo rầu mà ta không lo rầu, tâm luôn cởi mở đối việc phải quấy, biết rõ vô thường.

Ăn ái biệt ly là việc thường ở thế gian. Hễ có vui chắc chắn có khổ, có sinh chắc chắn có chết, không sinh thì không chết, đâu thể tránh khỏi. Do ý nghĩa ấy suy ra lo rầu là gì, vui nọ từ đâu đến? Cho nên nói: ở giữa nơi lo rầu, nhưng mình không lo rầu, tâm như tro tàn nguội lạnh.

Cảnh giới vô vi dứt hẳn các đường dữ, đường dữ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chôn biên giới, mọi rợ cũng gọi là đường dữ. Cho nên nói: Dứt hết

các đường dữ, thoát tất cả khổ, thoát tám gốc khổ là sinh, già, bệnh, chết, ghét phải gặp, ân ái chia lìa, mong ước không đạt.

Tóm lại, khổ bởi thân năm âm lấy lừng. Người tu hành đối với các khổ ấy mà thoát được thì Niết-bàn là bậc nhất, vô vi, không tạo tác, không có những sự biến đổi, cho nên nói: Gọi là Nê-hoàn.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 22

Phẩm 25: Nói Rộng

*Dù tụng ngàn chương
Không hiểu ích gì.
Thà hiểu một câu
Nghe xong chứng đạo.*

Dù tụng ngàn chương, không hiểu ích gì:
Người ta ở đời có nhiều người học cao học rộng mà không hiểu nghĩa lý. Lại cũng không hiểu nghĩa vị, nghĩa câu. Giống như có người vác nhiều cây cối đến trăm ngàn bó, rất cực nhọc, nhưng không biết dùng vào việc gì, cho nên nói: Dù tụng ngàn chương, không hiểu ích gì.

Thà hiểu một câu, nghe xong chứng đạo:
Thuở xưa có người chứa nhiều tiền của, lúa thóc đầy bồ. Vì muốn đi xa nên bán lúa thóc ấy, đổi lấy vô lượng châu báu. Sau lại đổi châu báu ấy lấy nhiều bạc tốt, ý còn ngại nhiều nên đổi bạc tốt lấy vàng tử ma, ý vẫn còn ngại nhiều nên đổi vàng tốt lấy hạt châu ma-ni như ý. Khi vừa ý rồi thì so với trước khi đổi chẳng có khác gì. Ở đây cũng như

thế, dù học nhiều nhưng một câu một chữ không hiểu, trong khi đó, chỉ cần hiểu một nghĩa là đạt kết quả, cho nên nói: Thà hiểu một câu, nghe xong chứng đạo.



*Thuộc đến ngàn câu
Pháp nghĩa đầy đủ
Chẳng bằng một câu
Mà dứt tâm vọng.*

Thuộc đến ngàn câu, pháp nghĩa đầy đủ: Phần nhiều người tu học hiểu được nghĩa vị nhưng không thể suy nghĩ chủ đích của nghĩa cho nên sai lầm, không đến chỗ rốt ráo, vì thế nên nói rằng: Thuộc đến ngàn câu, pháp nghĩa đầy đủ.

Chẳng bằng một câu, mà dứt tâm vọng: ở thế gian có nhiều người học cao hiểu nhiều, có khả năng suy nghĩ một câu, hiểu trăm ngàn nghĩa, các nghĩa liên lạc nhau không mất đầu mối. Do vậy dần dần đạt đến đạo vô vi, cho nên nói: Chẳng bằng nghe một câu, mà dứt tâm vọng.

Lại nữa, dù sống trăm năm, nhưng hủy phá giới luật, tâm không yên định thì không bằng chỉ sống trong một ngày mà cúng dường người giữ giới.

Lại nữa, dù sống trăm năm, nhưng hủy phá giới luật thì mất ba việc: Ngồi thiền, tụng kinh, giúp đỡ người khác. Những hạng người ấy không nên gán gũi; hạng người ấy sống lâu trên đời chỉ để chứa

nhóm vô lượng tội ác, chết đọa địa ngục chịu vô lượng khổ, như xe lửa nóng, lò nung, núi dao, rừng kiếm, súc sinh, ngạ quỷ cũng như vậy. Cho nên nói: Dù sống trăm năm, nhưng hủy giới luật, tâm không yên định.

Không bằng chỉ sống trong một ngày mà cúng dường người giữ giới là người giữ giới, tu hành định ý trong một ngày được vô số vô lượng công đức, không thể thí dụ so sánh. Người ấy sống lâu trên đời chứa nhóm vô lượng công đức. Nếu sinh lên cõi trời thì hưởng phước tự nhiên, cho nên nói: Không bằng chỉ sống một ngày mà cúng dường người giữ giới.



*Dù sống trăm năm
Nhưng không tuệ, định
Không bằng một ngày
Có định, tuệ sáng.*

Dù sống trăm năm, nhưng không tuệ, định: ở đời có nhiều người không biết hổ thẹn, không khác gì lục súc như lạc đà, lừa, voi, ngựa, heo, chó... chúng sống không tôn ti trên dưới. Người không có trí tuệ được ví như các loài ấy. Kẻ ngu bị bao vây trong tối tăm, không thấy được ánh sáng, cho nên nói: Dù sống trăm năm nhưng không tuệ, định.

Không bằng một ngày, có định, tuệ sáng: Người có tuệ sáng hiểu sâu pháp luật kinh điển, từ

một câu cho đến cả ngàn nghĩa, suy nghĩ kỹ lưỡng không cho là khó, cho nên nói: Không bằng sống một ngày, có định, tuệ sáng.



*Dù sống cả trăm năm
Biếng nhác, không tinh tấn
Không bằng sống một ngày
Siêng năng không hèn yếu.*

Dù sống cả trăm năm, biếng nhác không tinh tấn: ở thế gian có người tâm thường biếng nhác nên mọi việc làm không thành tựu. Chính mình đã bị đọa lạc lại còn khiến cho kẻ khác chìm trong sinh tử. Kẻ tự nhận chìm thì mất năm phần pháp thân, không đến được đại đạo vô vi. Tự mình làm đường lại dạy người làm cho họ chìm trong sinh tử. Nếu thọ nhận y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh của tín thí thì không thể tiêu hóa, từ khi sinh cho đến khi chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Dù được sinh làm người thì cũng sinh nơi biên địa, sinh ra không gặp Phật, dính mắc vào tám nạn như thế trí biện thông, ... Vì sao? Vì do đời trước không chứa nhóm phước đức, cho nên nói: Dù sống cả trăm năm, biếng nhác không tinh tấn.

Không bằng sống một ngày, siêng năng không hèn yếu: ở thế gian có người tinh tấn mạnh mẽ hiểu thế gian là vô thường, thân người khó

được, Phật ra đời khó gặp, sinh ở trung tâm đất nước cũng khó được, các giác quan đầy đủ cũng khó được, xin làm Sa-môn trong pháp Thánh hiền cũng khó được nghe pháp chân thật, cũng không gặp người có trí tuệ. Người hiểu như vậy phải tinh tấn cầu đạo quả, đạt đến Niết-bàn, cũng không phải là điều khó. Nhờ tu tập đầy đủ nên người này sẽ thành tựu pháp thân vô lậu, cho nên nói: Không bằng sống một ngày, siêng năng không hèn yếu.



*Dù sống cả trăm năm
Không biết việc sinh, diệt
Không bằng sống một ngày
Hiểu rõ việc sinh diệt.*

Dù sống cả trăm năm, không biết việc sinh diệt: Người ta sống trên đời bị vô minh trói buộc, không thể mở ra được. Trong thời gian trăm năm ấy họ gây ra vô lượng tội, cũng không biết sinh là gì, diệt là gì, tuy được xuất gia học đạo, nhưng sống trong pháp của Như Lai mà không hiểu rõ pháp sinh diệt, vì vậy vẫn là phàm phu, không tới được vô vi, đó không phải là việc làm của Sa-môn Tỳ-kheo, xa lìa kho tàng Như Lai, không gần được rương báu của Phật. Cho nên nói: Dù sống cả trăm năm, không biết việc sinh diệt.

Không bằng sống một ngày, hiểu rõ việc sinh diệt: Người ta sống ở đời quán sát các pháp tất cả

đều luống dối. Sinh ra không biết tại sao sinh, diệt cũng không biết tại sao diệt. Nhưng nếu phân biệt rõ mỗi thứ thì hiểu được cội gốc, đến ngày lâm chung không còn lo lắng sợ hãi điều gì. Đối với nơi sẽ sinh về, thần thức không làm lạc, gặp được Thánh hiền, nghe pháp được giải thoát, cho nên nói: Không bằng sống một ngày, hiểu rõ việc sinh diệt.

Tóm lại, quán sát sự khổ đau từ đâu sinh ra. Người ta ở đời nào biết bởi đâu có khổ, bởi đâu hết khổ. Tuy là Tỳ-kheo, nhưng không biết việc làm của Tỳ-kheo, cho nên nói: Quán sát sự khổ đau từ đâu sinh ra.

Nên quán sát hữu lậu hết: Người không biết rõ hữu lậu nên bị giam giữ mãi trong ba cõi, năm đường, trôi lăn trong sinh tử không lúc nào ra khỏi. Người trí tu tập quán sát hữu lậu này, biết từ đâu sinh ra và bằng cách nào để dứt bỏ nó; việc sinh ra biết từ đâu mà sinh; diệt biết từ đâu mà diệt thì sẽ dần dần đến cảnh giới Vô lậu.

Lại phải quán sát hành tích bất động. Nếu có người không đủ khả năng quán xét hành tích bất động nên tự mình bị rơi vào sinh tử. Tuy là Sa-môn nhưng không có hạnh Sa-môn, dù là Bà-la-môn nhưng không có hạnh Bà-la-môn. Bởi bốn việc nhân duyên nên tuy là pháp sâu kín nhưng nếu có người học quán sát biết rõ hành tích bất động, thì tâm không lay động, cũng không dời đổi, dần dần

tới được bến bờ vô vi.

Lại phải quán xét hành tích bất tử. Như người ta ở đời, không biết rõ sinh tử, nên họ chết là thần thức ra đi, gió tan lửa diệt, khiến cho linh hồn tan mất, thân thể cứng đờ, không còn gì ở trong ấy. Nhưng người học đạo tu tập, mặc ba pháp y cạo bỏ râu tóc, nhưng không thể quán sát chết thể nào là chết, sinh thể nào là sinh, cũng không thể tu phạm hạnh thanh tịnh. Hành tích bất tử nghĩa là Niết-bàn dứt hết phiền não, ấy là bước vào cõi vô vi, lặng lẽ vui sướng, không còn sinh, không còn già, không còn bệnh, không còn chết, cho nên nói phải quán xét hạnh bất tử.

Lại nữa, phải quán xét hành tích thanh tịnh, đạo là thanh tịnh không hề nhơ bẩn. Đạo này có công năng gột rửa nhơ bẩn, chứ không phải gom nhóm dơ bẩn.

Kế đến là người học phải suy xét bầu trời trên cao kia, pháp này, không phải là cái thấy biết từ chỗ nhìn quen của người đời, đối với tất cả các pháp cao thượng, tôn quý nhất, không gì sánh bằng, đó chính là Niết-bàn dứt hết phiền não.

Người tu hành quán xét cội gốc dấu vết cam lộ nên không còn ý tưởng đói khát, không còn ý tưởng nóng bức. Ai không thấy điều ấy thì mãi mãi rơi vào sinh tử, không đạt được bản tâm. Còn đối với người không đạt được vị cam lộ thì phước

nghiệp đầy đủ, đem của mình thí cho người, không hề hối tiếc.



*Dù sống đến trăm tuổi
Ở núi rừng, thờ lửa
Chẳng bằng trong khoảnh khắc
Giữ hạnh, tự tu hành.*

Dù sống đến trăm tuổi, ở núi rừng, thờ lửa:

Thuở xưa, có các Phạm chí khổ hạnh ép xác, họ sống ngoài đồng hoang hay núi sâu cúng tế thần lửa. Lúc nào cũng chiêm ngưỡng, lễ bái, không trái với nghi lễ thờ lửa. Họ lựa củi sạch, hoa trái tốt, đốt các loại hương thơm cúng dường, mong được ân phước. Khi ấy, các Phạm chí tự nghĩ lại: “Ta ở trong núi rừng tu luyện phép lạ, một lòng thờ thần lửa đã trăm năm rồi, nay đã đến lúc phải thử xem ân phước của thần lửa đến mức độ nào. Nếu thần lửa biết sự cúng thờ bấy lâu thì sẽ hiện ra cho thấy. Nếu không có ân phước thì cúng thờ làm gì cho mệt.” Khi ấy, vị Phạm chí tâm không nghĩ xa, ông đưa hai tay rờ lửa đang cháy phừng. Tay bị cháy, cánh tay đau nhức không thể diễn tả được. Ông thầm nghĩ: “Ta thờ cúng thần lửa đã ngàn ấy năm, thật là vô cùng luống uổng. Thật, ta đã đem thân này mà rước lấy tai họa khổ sở.”

Khi ấy, có thầy Tỳ-kheo tu đạo ở cách khu rừng đó không xa, bảo Phạm chí:

– Phạm chí nên biết, tính chất của lửa là nóng cháy chứ nào biết ân nuôi dưỡng cao thấp chi đâu. Nếu nay Phạm chí muốn học đạo thì tôi có vị thầy Thánh nhân là bậc tôn quý nhất trong ba cõi. Khi Ngài đi thì như nhẹ bước trên hư không, không hề trở ngại, khi Ngài ngồi thì ánh sáng phát ra, soi khắp mười phương. Phạm chí hãy đến đó ra mắt Ngài, nếu ông nghe được pháp môn sâu kín thì từ bờ này sẽ đến bờ bên kia.

Vị Phạm chí nghe xong, tâm ý mở tỏ, liền được thầy Tỳ-kheo dẫn đến chỗ Đức Phật. Vị Phạm chí trán lay sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Khi ấy Đức Thế Tôn quán sát Phạm chí này là người đáng được độ nên Ngài liền nói bài kệ giữa đại chúng:

*Dù sống đến trăm tuổi
Ở núi rừng thờ lửa
Chẳng bằng trong khoảnh khắc
Giữ phạm hạnh tu hành.*

Khi ấy tâm Phạm chí được rộng rang giải thoát, các thứ bụi nhơ đều dứt sạch, được mắt pháp trong sạch. Đức Phật bảo Phạm chí:

– Ông ở chốn núi rừng cả trăm năm thờ cúng các thần chỉ luống công, không đến được chỗ rốt ráo. Giờ đây ông đã biết đâu là chân đạo thì chẳng bằng trong giây lát, chính mình giữ hạnh tu hành. Người ta ở đời cố giữ cái ngu cho đến chết không bỏ, thờ cúng thần lửa không tự tỉnh biết, cứ mãi ôm

cái ngu đi vào bóng tối, không thể tự sửa đổi. Nếu ai biết việc ấy không chân thật, thường suy nghĩ rằng: “Các thứ bệnh đang hành hạ kia từ đâu tới và nó đi về đâu? Tất cả đều không phải pháp chân thật, nếu được như vậy mà nhận lãnh bốn thứ cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh, thì mới có thể tiêu hóa, không có lỗi lầm.” Cho nên, người thờ phụng cúng dường bông đẹp hương thơm, hương nhiều loại, cờ phướn bằng lụa là mới được phước đức không thể kể. Trăm năm thờ lửa không bằng trong giây lát như thời gian búng ngón tay mà thực hành tâm Từ, phước này tôn quý nhất không có gì hơn, khó cân, khó lường, không thể dùng thí dụ để so sánh, khác gì so sánh hạt cải với núi Tu-di, chút nước dầu chân trâu mà so với biển cả bao la, chút bụi dính trên móng tay mà so với mặt đất mênh mênh, chút lửa đom đóm mà so với ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Công đức của tâm từ là như vậy, hướng gì là trong trăm năm tu đức đầy đủ. Nương vào phước ấy, dù trải qua trăm ngàn kiếp vẫn không bị đọa vào phạm phu. Chúng sinh đều kính thờ, mong mỏi, đều bởi kiếp trước chứa nhóm công hạnh từ tâm mà được như vậy, cho nên nói: Không bằng trong giây lát mà thực hành tâm Từ.



*Tháng này sang tháng khác
Kẻ ngu chỉ lo ăn*

*Họ không kính tin Phật
Mười sáu không được một.*

Tháng này sang tháng khác, người ngu chỉ lo ăn: Có những người chỉ ham ăn để nuôi thân mạng, không biết nghĩ đến tai ương hoạn nạn đời sau. Tính chất của bốn đại khác nhau, thần thức ở trong đó phân biệt được phải trái, người trí biết đúng sự thật, kẻ ngu hiểu trái ngược, không biết đời này đời sau, không biết việc làm thiện ác, trôi lăn trong ba đường, tám nạn không lúc nào ra khỏi, cho nên nói: Tháng này sang tháng khác, kẻ ngu chỉ lo ăn.

Họ không kính tin Phật, mười sáu không được một: Nếu có ai trong một ngày, nửa ngày hay khoảng thời gian, nửa thời gian của khoảng búng ngón tay, mà hết lòng tin Phật, tâm không dòi dôi thì họ được phước khó lường không thể tính kể, không thể dùng thí dụ để so sánh. Phước đến từ chỗ âm thầm, không hình, không tướng, bỗng nhiên tự đến công đức vô cùng, cho nên nói: Họ không kính tin Phật, mười sáu phần không được một phần.

Tóm lại, bởi họ không tin pháp cho nên mười sáu phần không được một phần. Trong ngàn muôn ức kiếp thường nghe tiếng pháp, pháp ở đây là Niết-bàn dứt hết phiền não. Như kinh nói: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nay Ta nói cho các thầy nghe ba thứ tôn quý bậc nhất:

1. Phật là Đáng Tôn Quý bậc nhất.

2. Pháp là thứ tôn quý bậc nhất.

3. Tăng là người tôn quý bậc nhất.

Vì sao nói Đức Phật là đáng tôn quý bậc nhất? Có các loài chúng sinh có chân, không chân, một chân, hai chân, bốn chân, cho đến nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, cho đến phi tướng, phi phi tướng thì trong ấy, Như Lai là Bạc Tôn Quý, là bậc trên hết, không còn ai trên Ngài. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu ai dốc lòng tin Phật thì đó là người có lòng tin bậc nhất, vì là người có lòng tin bậc nhất nên họ được phước bậc nhất, vì được phước bậc nhất, nên được làm người giàu sang tôn quý nhất trên cõi trời hay cõi người. Cho nên nói Đức Phật là Đáng Tôn Quý bậc nhất.

Vì sao nói Pháp là thứ tôn quý bậc nhất? Pháp có hai loại là pháp hữu vi và pháp vô vi; là pháp dứt hết phiền não, không còn tham dục, không còn sinh diệt, là pháp Niết-bàn; là thứ tôn quý, là thứ trên hết không có gì hơn. Những ai kính pháp ấy là người có lòng tôn kính bậc nhất, vì là người có lòng tôn kính bậc nhất cho nên được phước bậc nhất. Bởi được phước bậc nhất, nên được làm người giàu sang, tôn quý nhất trên cõi trời hay cõi người, cho nên nói: Pháp là thứ tôn quý bậc nhất.

Vì sao nói Tăng là người tôn quý bậc nhất? Trong đại chúng đông đảo người tu hợp cùng các đệ tử tùy tùng thì Như Lai là Đáng Tôn quý, là

Đáng trên hết, không còn ai hơn. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu ai dốc lòng kính tin Tăng chúng thì đó là tôn quý bậc nhất. Vì có lòng kính tin bậc nhất, nên họ được phước bậc nhất, vì được phước bậc nhất nên được làm người giàu sang tôn quý nhất trên cõi trời hay cõi người, cho nên nói: Tăng là người tôn quý bậc nhất.

Người không có từ tâm, mười sáu không được một: Các loài chúng sinh đêm ngày bị trói buộc trong nọc độc của tham sân, chúng ăn nuốt lẫn nhau. Bởi có tâm giận dữ đối với cha mẹ nên họ đâu có lòng từ mà che chở chúng sinh? Việc ấy không bao giờ có được, cho nên nói: Người không có từ tâm, mười sáu không được một.

Không thương xót chúng sinh, mười sáu không được một: Như nơi này xứ nọ, có biết bao tên họ con người, không thể tính kể, nhưng nếu có người nhập định lòng từ mà giáo hóa cứu giúp cùng khắp, không hề lựa chọn kẻ tốt người xấu, ai đáng cho, ai không đáng cho mà là bố thí bình đẳng không hai, như nhau không khác, như vậy mới gọi là bố thí chân thật. Cho nên nói: Không thương xót chúng sinh, mười sáu không được một.

Hoặc có cõi nước gọi chúng sinh ấy là loài bò, bay, máy, cựa, trong hạng ấy ai là người mạnh mẽ, không nề gian lao, thường cung cấp cho cõi nước ấy những thứ cần dùng, không để họ thiếu thốn, đó gọi là tâm bố thí, còn loài bò, bay, máy, cựa kia, do

không có thần kỳ nên mười sáu phần không được một phần.

Bởi không tu theo chánh pháp nên chúng sinh bị rơi vào ngoại đạo, dị học Ni-kiền tử ... mà tự cho là tôn quý. Ngoại đạo này, họ dùng sắt dát mỏng quấn quanh bụng tự khoe khoang với người đời, rồi họ bảo với nhau rằng: “Các Sa-môn đạo sĩ dòng họ Thích này là những kẻ ngông cuồng ở thế gian. Họ cạo đầu, đắp y phủ vai trái, tự cho mình là tôn quý. Chúng ta xét thấy quả đó chính là điềm xấu xuất hiện ở đời, lừa gạt người đời, đâu có gì là tôn quý. Nếu ai bố thí cho hạng người ấy thì sau này sẽ bị quả báo như bản, bất tịnh. Nằm chiêm bao thấy họ thì khi thức dậy sẽ gặp điều xấu, hướng gì là đi đường gặp mặt họ.” Thế nên, Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: “Nếu ai kính tin chánh pháp không bị đứt mất thì dù có gặp trăm ngàn gian khổ các nạn, tâm cũng không thay đổi, một lòng tin tưởng, không làm theo tà kiến sai lầm. Đó mới gọi là chánh pháp Như Lai. Ai không tin thì trong mười sáu phần chưa được một phần. Nếu ai có lòng tin đối với chánh pháp thì được phước vô lượng không thể tính lường. Hơn cả trăm ngàn vạn ức lần, không thể dùng thí dụ để so sánh”.

Thế nào gọi là mười sáu phần chưa được một phần? Khi nói mười sáu là nói đến mười sáu nước lớn, vì nói về sống với nhân nghĩa thì không có nơi nào hơn mười sáu nước trong cõi Diêm-phù này.

Nơi đây có những người hiểu biết những việc xưa nay, giảng nói nhiều nghĩa sâu kín, luôn luôn giải quyết xử, dứt hẳn. Tên mười sáu nước ấy là:

1. Ương-già.
2. Mặc-kê-đà Bình-sa vương.
3. Ca-thi.
4. Câu-tát-la Ba-tư vương.
5. Tổ-ma.
6. Tu-la-tra.
7. Ác sinh vương Bạt-tha.
8. Bạt-la Ưu Điền vương.
9. Át-ba.
10. A-bà-đàn-đề Ưu-đà-la-diên vương.
11. Cưu-lưu.
12. Bát-giá-la A-câu-lam vương.
13. Trác-nan
14. Gia-bát-na.
15. Kiếm-phù.
16. Vốn thiếu nước 16.

Mười sáu nước lớn này thông suốt muôn lẽ, mọi việc chẳng hề sai lầm, biện bác nhanh chóng. Khi học thì không rối rắm nặng nề mà lại đạt được nghĩa cao siêu. Nghiên cứu đến nơi đến chốn, giảng nói truyền bá nghĩa lý rộng rãi không cùng. Trong mười sáu nước này, người thường hành bố thí, tâm kính mến nghĩa lý cao siêu thì họ chỉ đi

qua mười sáu nước tự nhiên cũng đủ thành tựu được oai nghi lễ tiết rồi, không cần ai dạy, không cần bắt chước ai.



*Ai lo cúng thần linh
Nhiều năm mong được phước
Thì trong bốn phần kia
Kẻ ấy không được một.*

Ai lo cúng thần linh, nhiều năm mong được phước: Ngoại đạo dị học điên đảo tà kiến, ngu mê không tỉnh ngộ, suốt năm lo cúng tế thần linh thì tốn hao của cải của người dân không thể kể xiết. Họ đã ném bao nhiêu đồ ăn ngon ngọt vào lửa, họ cho là được phước, ai dè mắc họa. Đó là bởi họ giữ chặt sự si mê của mình, không tự sửa đổi, cho nên sau khi chết đọa vào nơi tăm tối, không thấy được ánh sáng rực rỡ của trí tuệ, cho nên nói: thì trong bốn phần kia, kẻ ấy không được một. Vì thế Thánh nhân từ từ dạy bảo, chỉ đường dẫn lối, dẫn dắt người ngu mê được đến nơi an ổn, làm việc lành trong giây lát mà có giá trị hơn cả năm.



Phẩm 26: Thân (Gần gũi)

*Không tin, tâm ganh ghét
Làm đôi bên tranh chấp
Điều người trí dứt bỏ
Ngu làm cho là vui.*

Không tin, tâm ganh ghét, làm đôi bên tranh chấp: Người ta ở đời, lòng tin không vững chắc, lại cũng không tin Phật, Pháp, Tăng, Chân như, Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo thì dù tài sản chất chứa cao tới trời đi nữa vẫn không đáng nương cậy. Ngày lia đời thì của cũng không mang theo được. Vì đời này không chịu bỏ thí, nên không làm được công đức gì. Rốt cuộc vẫn như cũ không có gì đổi mới. Như có loài chim chỉ ưa ăn thịt, trên núi có loại cây mà lá nó giống như màu thịt, nên ngày đêm con chim cứ rình chụp, nó ngóng cổ dài ra. Trên cây thì lá ấy giống thịt, nhưng lá vẫn là lá thôi. Con chim kia cứ bị mê lầm trói buộc không tự giác ngộ, nó cứ chờ mãi không thôi nên phải chết đói. Vì sao? Đều bởi tâm tham không chịu sửa đổi.

Nghe lời người này đi nói lại cho người kia, nghe lời người kia đi nói lại cho người này, khiến cho hai bên tranh chấp, làm cho mọi việc không thành tựu. Trong tâm ganh ghét sinh ra bụi nhơ, cho nên nói: Không tin, tâm ganh ghét, làm đôi bên tranh chấp.

Điều người trí dứt bỏ: Người trí biết lẽ tiết nên xa lánh mọi hiềm nghi, không sống trong mê loạn, không gần gũi người ngu dù chỉ trong khoảnh khắc, huống gì là mãi sống gần với hạng người ấy? Người trí là người biết những việc xưa nay, hiểu rành mọi chuyện đề phòng khi chưa xảy ra. Mọi việc làm không sai trái, ý nghĩ và lời nói ăn khớp

nhau, lời nói không mắc lỗi lầm. Biết rành nghĩa sâu kín, ý không lầm lẫn. Chỉ từ ý nghĩa một câu mà giảng nói truyền bá vô số những điều mà người không hiểu, cho nên nói: Điều người trí dứt bỏ.

Ngu làm cho là vui: Dù cho có người có tâm tốt khuyên răn dạy bảo cho người chưa hiểu biết tiến lên. Họ dùng chánh đạo dạy bảo cho thấy được cửa đạo, nhưng những người chưa hiểu biết này không nghe lời chỉ dạy mà còn nghi ngờ, chúng coi địa ngục là nhà ở tốt mà không hề suy nghĩ về gốc tai ương kiếp sau, nên làm điều ác, không làm việc lành. Bởi vậy mà lần hồi堕 vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho nên nói: Ngu làm cho là vui.



*Kính tin, không ganh ghét
Tinh tấn, tin, học rộng
Được người trí kính trọng
Hiện thánh cho là vui.*

Kính tin, không ganh ghét: Như có người tin sâu Phật pháp, Thánh chúng, dốc lòng tin hiểu Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không a dua, nịnh hót mà tâm ý mềm mỏng, thờ phụng cung kính các vị phạm hạnh, ngày lo siêng năng tụng tập, đêm thì kinh hành. Vị ấy chăm chú, tinh tấn nhưng không mất oai nghi, sắc mặt vui tươi hòa ái, trước cười sau nói, không làm thương tổn ý người khác, cho nên nói: Kính tin, không ganh ghét.

Tinh tấn, tin, học rộng: Người tu hành thì trên hết phải là tinh tấn, huống gì là người học rộng, thu thập sự thấy nghe sâu rộng về giới, tuệ, bố thí khắp cả. An ổn vô vi, chỗ nào cũng là đạo tràng. Giảng nói chỉ bày những điều mình biết cho người đến học, cho nên nói: Tinh tấn, tin, học rộng.

Được người trí kính trọng: Thường phải gần gũi học hỏi. Giới thân chưa vẹn toàn thì cố gắng cho vẹn toàn. Định thân, tuệ thân, kiến thân, kiến giải thoát thân chưa tròn đủ thì cố gắng làm cho tròn đủ, cho nên nói: Được người trí kính trọng.

Hiện thánh cho là vui: Người tu hành gần gũi bậc Hiền thánh, không nề gian lao khổ nhọc. Dù có gặp bảy ngàn ức tai nạn vẫn không màng thân mạng. Dù gặp khổ đến như vậy, vẫn không bị phân tâm cho nên nói: Hiện thánh cho là vui.



*Không gần các bạn xấu
Không gần người phi pháp
Gần gũi thiện tri thức
Thường được gặp chánh pháp.*

Không gần các bạn xấu: Nếu người tu hành mà gặp các bạn xấu thì hành động xấu mỗi ngày gia tăng, đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Dù cho việc làm trước kia chân chánh, tâm ý trong sạch như tấm lụa trắng cũng bị nhuộm dơ bẩn. Nếu có người ưa thích chó, heo, dê, tâm không xa lìa

thì chúng cũng mãi đeo đẳng bên mình, không rời. Điều mà heo, chó ưa thích thì trên hết là dọn hốt phân dơ, nhà xí chuồng heo là ao tắm của chúng, chúng dính đầy dơ bẩn. Gần gũi bạn xấu cũng giống như vậy. Đeo đẳng theo chúng thì không bao giờ được một điều lành, cho nên nói: Không gần các bạn xấu.

Không gần người phi pháp: Kẻ sống phi pháp thì có năm tội không cứu được là: Không giới luật, không niềm tin, không nghe chánh pháp, không có trí tuệ, không bố thí. Hạng người như vậy chớ nên gần gũi họ. Ai theo làm bạn với họ thì đọa vào đường ác, không đến cảnh giới tốt đẹp được, cho nên nói: Không gần người phi pháp.

Gần gũi thiện tri thức: Việc tu học mỗi ngày có kết quả mới, mở lời thì ôn hòa mềm mỏng, tương ứng với tâm ý. Có làm điều gì thì không tổn thương ý người khác. Cười trước khi nói, lời nói khớp nhau, cho nên nói: Gần gũi thiện tri thức.

Thường được gặp Chánh pháp: Gặp Chánh pháp chỉ cho gặp Phật, Bích-chi-phật, Thanh văn. Không có chúng sinh nào hơn Phật, ngoài Phật thì không ai hơn Bích-chi-phật, ngoài Bích-chi-phật thì không có chúng sinh nào hơn Thanh văn. Những ai có lòng tin đối với ba bậc ấy thì đạt đến chỗ rốt ráo, không rơi vào ba đường hiểm nạn, cho nên nói: Thường được gặp Chánh pháp.



*Đi đường phải đề phòng
 Người giữ giới học rộng
 Lo liệu vô số việc
 Nghe lời dạy bảo hay
 Điều phân biệt khác nhau*

Đi đường phải đề phòng: Như nhiều người cùng đi trên đường phải đề phòng khi mở lời hỏi. Trong khoảng đồng trống có nhiều quỷ thần. Nếu nói những lời ác thì quỷ thần sẽ được dịp làm hại ta; còn nói những điều lành thì quỷ thần theo ủng hộ, nơi mình đến sẽ không gặp kẻ ác, cũng không gặp kẻ cướp, cho nên nói: Đi đường phải đề phòng.

Người giữ giới học rộng: Tin nhận lời Phật dạy, lấy tâm làm đầu. Như lời Phật dạy các thầy Tỳ-kheo là hãy tu Tam-muội, chánh thọ định ý. Dù đi hay ngồi cũng không để trái phạm lỗi lầm, sẽ được các vị trời, quỷ thần đến ủng hộ. Vì sao? Bởi biết vâng lời Phật dạy, cho nên nói: Người giữ giới học rộng.

Lo liệu vô số việc: Ngày đêm suy nghĩ, ngồi thiền tụng kinh, giữ giới, học rộng, bố thí. Cho nên nói: Lo liệu vô số việc.

Nghe lời dạy bảo hay, điều phân biệt khác nhau: Như người tu hành nghe lời dạy bảo hay thì tâm ý không lầm loạn. Các câu văn hợp nhau nên thành tựu các đạo quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-

na-hàm, A-la-hán. Căn lành thêm nhiều, đến được đạo vô vi, cho nên nói: Nghe lời dạy bảo hay, đều phân biệt khác nhau.



*Gần xấu tự nhận chìm
Gần lành được tiếng khen
Người tốt thường tự tốt
Là nhờ thân chân chính.*

Gần xấu tự nhận chìm: Như có người gần gũi bạn ác thì mỗi ngày một tổn giảm, không đến chỗ tốt ráo. Như giữa đêm chỉ có bóng tối, không có ánh sáng. Gần gũi bạn ác cũng giống như vậy, căn lành ngày một hao mòn, pháp ác ngày càng tăng, cho nên nói: Gần kẻ xấu là tự nhận chìm.

Gần lành được tiếng khen: Những gì mà người cao thượng làm thì được khen ngợi. Như ngày trăng rằm, ánh sáng chiếu xa không chỗ nào không có ánh sáng. Người tu pháp lành cũng giống như vậy, tiếng tốt đồn xa, đâu đâu cũng biết, cho nên nói: Gần người lành được tiếng khen.

Người tốt thường tự tốt: Việc làm chuyên chánh, tu đạo Vô thượng. Như bậc Tu-đà-hoàn thì mong tu pháp Tư-đà-hàm, bậc Tư-đà-hàm thì mong tu pháp A-na-hàm. Bậc A-la-hán thì tự chuyển biến thêm nhiều các công đức lành, cho nên nói: Người tốt thường tự tốt.

Là nhờ thân chân chánh: Phải tìm cách hay,

làm các công đức trang nghiêm thân mình. Trong tâm muốn được tiếng khen đồn xa, muốn các vị trời và người đời kính trọng thì phải tự cẩn thận, chớ khởi phiền não mà giữ, cho nên nói: Là nhờ thân chân chánh.



*Người lành thì trọn lành
Đó do gần người lành
Trí tuệ là trên hết
Giữ giới thường vắng lặng.*

Người lành thì trọn lành, đó do gần người lành: Người trí nương vào trí tuệ để thành đạo Thánh. Như vàng ròng tử ma trong ngoài tinh sạch, đúc thành món đồ gì đều được cả. Người trí cũng vậy, gần gũi Thánh hiền, để lại lời dạy cho đời được tồn tại mãi mãi, cho nên nói: Người lành thì trọn lành, đó do gần người lành.

Trí tuệ là trên hết, giữ giới thường vắng lặng: Người tu hành thì trước phải cầu pháp của bậc Thượng nhân, cho nên nói: Trí tuệ là trên hết, giữ giới thường vắng lặng.



*Như cá sống nước động
Người tham liền bắt lấy
Ưa thích nào biết tanh
Gần ác cũng như thế.*

Như cá sống nước động, người tham liền bắt

lấy: Như có đàn cá tụ tập chỗ nước hôi hám, khó đến gần, người có tâm tham đắm không màng hôi thối, có thấy gì là dơ dáy đâu; kẻ ngu cố chấp cho là cá ngon lắm, không dè ăn lâu ngày có hại cho thân, mùi thối tỏa ra bên ngoài. Người quen sống với thói ác cũng giống như vậy. Gần gũi người xấu ác thì ta thành kẻ xấu ác, căn lành hao mòn và hành động ác ngày càng thêm nhiều, cho nên nói: Như cá sống nước đọng, người tham liên bắt lấy, ưa thích nào biết tanh, gần ác cũng như thế.



*Cây Mật quỳ, lá Hoắc
Chúng sinh đi hái lấy
Xông lá, thơm bay xa
Gần lành cũng như thế.*

Cây Mật quỳ, lá Hoắc, chúng sinh đi hái lấy: Như có người khéo xem xét, họ đi hái lá về, dù không đào được rễ nó, nhưng hái được lá thơm có mùi hương thơm ngát, dù cho để nơi nào, rồi đem chúng đi, chỗ ấy vẫn còn thơm mãi. Tu học với thiện tri thức, cũng giống như vậy. Công đức tốt để thành người ngày càng chứa nhóm lên nhiều, cho nên nói: Cây Mật quỳ, lá Hoắc, chúng sinh đi hái lấy, xông lá, mùi thơm bay xa, gần lành cũng như vậy.



Chính mình không làm ác

*Mà gần gũi kẻ ác
Bị mọi người cười chê
Tiếng xấu ngày thêm nhiều.*

Chính mình không làm ác, mà gần gũi kẻ ác:
ở thế gian có nhiều người không làm những việc xấu như dâm dật, trộm cắp, tánh không uống rượu cờ bạc, ăn chơi, nhưng người ấy lại thường ngồi trong quán rượu, hoặc vào các động mãi dâm, hay ngồi trong nhà chứa bài bạc, người chủ trông thấy cho rằng: “Anh này muốn làm những việc không đúng pháp này, nhưng còn nhút nhát đó thôi. Anh này trước kia rất trong sạch, sao bây giờ lại muốn làm những việc không đúng pháp này?” Tiếng xấu về anh, đồn vang khắp nơi. Nhiều người truyền rao với nhau như vậy, họ chê bai, tiếng đồn xấu ngày càng thêm nhiều. Cho nên nói: Chính mình không làm ác, mà gần gũi kẻ ác, bị mọi người chê cười, tiếng xấu ngày thêm nhiều.



*Thấy gì đáng học, học
Biết gì nên gần, gần
Tên độc nằm trong bao
Người tốt bị ô nhiễm
Người mạnh khỏe trừ dơ
Không làm bạn kẻ ác.*

Thấy gì đáng học, học; biết gì nên gần, gần:
Trên thế gian đời, có nhiều người chưa tự biết xét

mình, ý không giữ chắc mà làm theo những việc ác; không được dạy bảo, nên thấy việc thì làm theo, thấy việc ác thì làm theo việc ác, thấy điều thiện thì làm theo điều thiện. Dem sự hiểu biết của mình mà chỉ dạy người khác. Tự thân không sửa đổi thì làm sao sửa đổi cho người. Giống như mũi tên độc làm ô nhiễm kẻ khác. Chính mình làm ác lại dạy người làm ác. Người trí quán sát những việc đó nên không bao giờ làm ác, cho nên nói: Thấy gì đáng học thì học, biết những gì nên gần thì gần, tên độc nằm trong bao, người tốt bị ô nhiễm, người mạnh khỏe trừ dơ, không làm bạn kẻ ác.



*Cho nên biết quả báo
 Người trí phân biệt rõ
 Không đáng thân không làm
 Nên làm theo người hiền
 Tỳ-kheo thực hành đạo
 Chịu khổ, dứt các lậu.*

Cho nên biết quả báo, người trí phân biệt rõ:
 Chúng sinh tạo nghiệp khác nhau nên quả báo khác nhau, hoặc như cây Hắc tuy tầm thường nhưng dùng làm thuốc quý, hoặc như tội nặng nhưng dễ cứu. Chỉ có người tỉnh biết mới diệt trừ được. Những gì mà người trí làm thì tự xét rõ ràng, nếu có lỗi lầm thì tự sửa đổi. Như ngựa ương ngạnh thì phải đánh bằng roi, sau đó mới điều phục. Việc làm của người trí cũng giống như vậy. Điều hiềm khích

phát sinh thì tự hồi hận không, cho nên nói: Bậc Thánh biết quả báo, người trí phân biệt rõ.

Không đáng thân không làm, nên làm theo người hiền: Không đáng thân là những việc làm phi nghĩa. Miệng luôn nói lời dạy bảo nhưng không bao giờ có ảnh hưởng tốt, đem đến việc ác cho người lấy đó làm thích thú. Những ai làm việc ác đó thì trôi lăn trong đêm dài sinh tử, chịu khổ vô lượng, thần thức điên đảo sai lầm, tâm ý bị phiền não nóng bức. Người hiền là bậc hiểu biết mọi việc, không còn lâm lạc điều gì, làm khuôn mẫu cho người, ăn nói thông thạo không lúng túng. Dem trí tuệ sáng của mình mà chỉ bày cho chúng sinh. Ai nghe âm thanh ấy đều được độ thoát, cho nên nói: Không đáng thân không làm, nên làm theo người hiền.

Tỳ-kheo thực hành đạo, chịu khổ, dứt các lậu: Người tu hành giữ gìn tâm ý, các nghiệp lành đầy đủ, tám phẩm của bậc Hiền thánh, đạo Thánh của Như Lai là hạnh thường tu hành của chư Phật, Thế Tôn. Lại dùng pháp chịu đựng khổ đau của Hiền thánh để dứt các hữu lậu, trở thành vô lậu, cho nên nói: Tỳ-kheo thực hành đạo, chịu khổ, dứt các lậu.



*Kẻ ngu dù cả đời
Thờ phụng người trí sáng
Vẫn không biết pháp chân*

Như muông mức thức ăn.

Người ngu trên đời này, dù có ở chung với người trí trong trăm năm nhưng tâm ý họ mờ mịt, không biết đâu là pháp chân, thế nên bậc Thánh dùng cái muông để thí dụ, suốt ngày mức thức ăn, nhưng chính nó thì không biết mùi vị của thức ăn. Dụ cho kẻ ngu kia, dù được sống với Thánh hiền, nhưng tâm ý mê lầm, không đạt được chánh giáo. Sống tạm trên đời mà không có ích lợi gì, cho nên nói: Kẻ ngu dù cả đời thờ phụng người trí sáng, vẫn không biết pháp chân, như muông mức thức ăn.



*Người trí trong giây lát
Phụng thờ bậc Thánh hiền
Biết mỗi mỗi pháp chân
Như lười biết các vị.*

Người trí tu học, tâm ý lanh lợi, nghe một điều mà biết tới muôn điều, đoán trước những việc chưa xảy ra. Việc làm đúng lúc không hề lầm lẫn. Phân biệt mọi việc không lúng túng, như lười nếm các vị ngọt, mặn, nhạt đều biết. Việc người tu học làm, tìm rõ gốc ngọn, biết rõ pháp trắng, pháp đen. Biết nguyên nhân vì sao sinh bệnh, biết nguyên nhân nhờ đâu hết bệnh, biết điều này điên đảo, điều kia không điên đảo, biết rõ hết tất cả để bốc thuốc Thánh, cho nên nói: Người trí trong giây lát phụng

thờ bậc Thánh hiền, biết mỗi mỗi pháp chân, như lưỡì biết các vị.

Nói lược việc này, do người không có trí tuệ hiểu biết nên làm những việc của kẻ ngu; họ không có mắt nên gọi là người ngu; chỉ có người trí mới biết rõ việc ấy. Mắt chính là mắt của bậc Thánh hiền; chỉ có người trí mới có loại mắt ấy. Họ không biết pháp chân do Tam-da-tam-phật nói. Người không biết pháp chân, chính là kẻ ngu.



*Người trí ngay một câu
Giảng nói hàng trăm nghĩa
Kẻ ngu tụng ngàn câu
Không hiểu nghĩa một câu.*

Người trí ngay một câu, giảng nói hàng trăm nghĩa: Người trí giữ tâm thấu đạt rõ ràng đạo thuật, sống trong thiên cảnh không rối loạn để tinh luyện thần thức, đầy đủ bốn biện tài, dứt hẳn phiền não. Chỉ hỏi nghĩa một câu mà thấu nghĩa của trăm ngàn chương, cho nên nói: Người trí ngay một câu, giảng nói hàng trăm nghĩa.

Kẻ ngu tụng ngàn câu, không hiểu nghĩa một câu: Kẻ ngu tâm ý họ mê lầm từ tối đi vào tối, không thấy được ánh sáng rực rỡ, nên dù tụng ngàn chương vẫn không hiểu nghĩa một câu. Thế nên, người trí xa lánh họ, không làm việc với họ, cho nên nói: Kẻ ngu tụng ngàn câu, không hiểu nghĩa

một câu.



*Hiếu rành nghĩa một câu
Điều người trí tu học
Kẻ ngu thích xa là
Lời chân Phật nói ra.*

Thuở xưa, có thầy Tỳ-kheo đến chỗ Phật, bạch:

– Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng Từ bi thương xót chỉ dạy con những điều con chưa hiểu, mong Ngài nói pháp thích ứng với lòng người, để khi nghe pháp xong tâm ý con được bừng sáng mà được độ thoát.

Khi ấy Đức Thế Tôn lược nói nghĩa, bảo Tỳ-kheo ấy:

– Những gì không phải là thầy thì nên bỏ.

Vị Tỳ-kheo bạch Phật:

– Con đã hiểu.

Đức Phật hỏi vị Tỳ-kheo:

– Nghĩa mà Ta vừa nói, thầy hiểu ra sao?

Thầy Tỳ-kheo bạch:

– Sắc không phải là của ta, cho nên con bỏ nó.

Đức Phật bảo:

– Hay lắm! Đúng như lời thầy vừa nói.

Cho nên nói: Hiếu rành nghĩa một câu, điều người trí tu học.

Kẻ ngu thích xa là, lời chân Phật nói ra: Bạc

Thánh ở đời dạy bảo chúng sinh bằng đại đạo bình đẳng. Nhưng kẻ ngu thì tâm mê, thần thức khó sửa đổi. Có kẻ thấy Như Lai thì lấy tay che mắt, hay có kẻ nghe pháp mà lỗ tai như bít. Hay có kẻ thấy dấu chân Như Lai có vết bánh xe tròn in trên đất thì họ dùng chân xóa đi. Những hạng người như vậy là tội lỗi sâu dày vững chắc, khó thay đổi được. Chư Phật, Thế Tôn nhiều như số cát sông Hằng đời quá khứ đã nói pháp trong cảnh Vô dư. Nhưng hạng chúng sinh ấy giữ khư khư kiến chấp ngu si của mình lâu ngày, dù cho cam lộ rải xuống lan tràn, nhưng họ vẫn không thấy, không nghe. Chết thân này, thọ thân khác, lăn lộn trong sinh tử, không lúc nào ra khỏi. Đó là do vô minh ngu hoặc trói buộc.



*Oán ghét có trí, thắng
Không theo nghĩa bạn thân
Kẻ ngu dạy điều trái
Dẫn đến đường địa ngục.*

Oán ghét có trí, thắng: Người có tâm oán ghét nhưng tự biết lầm lỗi ấy, với bản tính sáng suốt, họ biết đề phòng những chuyện chưa xảy ra, thường tự nghĩ rằng: “Nếu giờ đây ta làm những việc không đúng pháp dù chỉ tự hại mình, không gây hại cho ai, nhưng chắc chắn vẫn có nhiều oán thù, suy nghĩ để báo thù thì sức ta không làm nổi. Biết phải làm sao? Chẳng bằng thực hành tâm Từ bi thì sẽ thắng được oán thù.” Cho nên nói: Oán ghét,

nhưng có hiểu biết thì thắng.

Không theo nghĩa bạn thân: Người bạn thân mà tâm ý còn nghi ngờ, điên đảo, ý ưa thích dạy bảo mọi người cùng chung vui với họ, ghét thì cùng ghét, ưa thì cùng ưa, sau chịu quả báo đọa vào địa ngục, cho nên nói: Không theo nghĩa bạn thân, kẻ ngu dạy điều trái, dẫn đến đường địa ngục.



*Người ngu cho mình ngu
Nên biết đó người trí
Người ngu cho mình khôn
Là ngu nhất trong ngu.*

Người ngu cho mình ngu, nên biết đó người trí: Người ngu tự suy nghĩ, ăn năn mình không bằng người, nghĩ rằng những việc ta làm thật không đúng pháp, gieo trồng các gốc tội, mở toang cửa địa ngục, đóng kín đường Niết-bàn, ngày đêm tha thiết tự trách: “Ngày nay ta sống trong đời bị các kết sử trói buộc, phiền não làm ô nhiễm, bỏ thân này thọ thân khác, cứ thế trôi lăn trong sinh tử, không ra khỏi ba cõi.” Nghĩ vậy nên tự ăn năn, quở trách đi tìm thầy tìm bạn, dần dần đến chỗ vô vi, cho nên nói: Người ngu cho mình ngu, nên biết đó người trí.

Người ngu cho mình khôn là ngu nhất trong ngu: Kẻ ngu ở trên đời thường tự khen ngợi mình, cho rằng: “Ta mới là tôn quý, còn kẻ khác không

thông đạt bằng ta. Đời này và đời sau, không có tội gì cả. Sự hiểu biết của ta hiếm có trên đời”. Hạng ấy tự tán dương tên tuổi mình và bôi bác đức hạnh người khác. Họ nào biết nạn khổ trong sinh tử, chỉ tu hạnh phàm phu, cho nên nói: Người ngu cho mình khôn là kẻ ngu nhất trong những người ngu.



*Có người khen kẻ ngu
Chê bai người có trí
Chê trí, còn có hơn
Khen ngu không cao thượng.*

Có người khen kẻ ngu: Việc làm của người ngu là được mọi người khen ngợi thì không hề phân biệt việc làm kia là cao quý hay thấp hèn, lành hay ác. Thế nên việc đáng lẽ khen thì lại đi chê trách, cho nên nói: Có người khen kẻ ngu.

Chê bai người có trí: Dù bị hủy báng nhưng người trí không buồn phiền, bởi tự biết quả báo do oan đối đời trước mà ra, cho nên nói: Chê bai người có trí, chê trí còn có hơn.

Khen ngu không cao thượng: Người ta sống trên đời này, kết thành phe nhóm ngu hoặc, nên hề nghe ai khen họ thì họ vui mừng hơn hờ, không kiềm chế được, không biết rằng lâu ngày có hại cho thân, cho nên nói: Khen ngu không cao thượng.



Chớ nghe người ngu nói

*Chớ sống chung kẻ ngu
Vớì họ nhiều tai nạn
Như sống vớì kẻ thù.*

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong thành La-duyệt-kỳ (Vương xá). Một hôm, Ngài cùng đi trên đường vớì thị giả A-nan. Khi thấy Điều-đạt từ phía trước đang đi lại, Đức Phật liền bảo A-nan:

– Chúng ta nên rẽ sang ngã khác, không nên gặp người ngu kia.

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

– Vì sao hôm nay Thế Tôn sợ gặp Điều-đạt này như vậy? Sao lại phải rẽ qua ngã khác?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ta tự nhớ lại thuở xưa, nhờ phước đức Ta đã tạo ra mà được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Giác; Ta không thấy ma, hoặc các vị trời, ngoại đạo dị học, Sa-môn, Phạm chí nào có khả năng làm cho Như Lai sợ, việc ấy không bao giờ có. Khi Ta ngồi dưới cội Bồ-đề, các kết sử chưa dứt hết thì ác ma Ba-tuần sai mười tám bộ chúng, hiện ra đầu người mình thú, vượn khỉ, sư tử, cọp, rắn độc và mọi hình thù ghê rợn khác, rồi đẩy núi, phun lửa, mặc giáp sắt, quơ kiếm, dao, xà mâu cùng nhau gầm rống inh ỏi, như lấp kín trời đất. Chúng cố làm cho Ta lo sợ. Nhưng Ta vẫn không hề làm lay động Ta dù một mảy lông, huống chi là bây giờ, Ta đã thành Chánh đẳng giác, là Bạc Tôn Quý trong ba

cõi, lẽ nào lại sợ kẻ ngu Điều-đạt kia, việc ấy không bao giờ có.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Chớ nghe người ngu nói
Chớ sống chung kẻ ngu
Ở chung với người ngu
Như sống với kẻ thù
Nên lựa nơi ở riêng
Sống với người thân thiết.*

Người ta ở trên đời này, nên sống chung với người có trí tuệ sáng suốt, ra thì hoan hỷ vào thì cùng vui. Đối đãi với nhau cung kính như cha mẹ, anh em không khác, giống như người thân, tâm ý khoan dung, nhờ cung kính nhau như vậy nên đều đến chỗ vô vi, cho nên nói: Nên chọn nơi ở riêng, sống với người thân thiết.



*Nên thờ người học rộng
Và cả người giữ giới
Là bậc Thượng trong người
Như trăng giữa muôn sao.*

Nên thờ người học rộng và cả người giữ giới:
Người học rộng hiểu rõ thế gian vô thường, thấy suốt ba cõi, biết quả báo đời này, đời sau, tự biết các công đức đầy đủ, thường gần gũi bậc Hiền và người giữ giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải

thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ. Cho nên nói: Nên thờ người học rộng và cả người giữ giới.

Là bậc Thượng trong người, như trăng giữa muôn sao: Năm phần pháp thân chưa đầy đủ phải cố gắng thực hành đầy đủ, là bậc tôn quý nhất trong đại chúng không ai sánh nổi, như trăng giữa muôn sao, ánh sáng soi chiếu khắp nơi, không có gì sánh bằng, cho nên nói: Là bậc thượng trong người, như trăng giữa muôn sao.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 23

Phẩm 27: Nê-Hoàn

*Như rùa giấu sáu phần
Tỳ-kheo giữ ý tưởng
Không cây, không hại kia
Vắng lặng, không nói năng.*

Như rùa giấu sáu phần, Tỳ-kheo giữ ý tưởng:
Như rùa thần kia sợ chết, nên hề thấy kẻ thù là giấu sáu bộ phận vào trong mai, nó nghĩ thầm: “Nếu ta không giấu sáu bộ phận thì sẽ bị thợ săn bắt, hoặc bị chặt đầu, hoặc chặt hai chân trước, hoặc chặt hai chân sau, hoặc chặt đuôi của ta. Nếu ta không đề phòng thì chắc chắn là chết không còn nghi ngờ”. Thầy Tỳ-kheo tu hành cũng giống như vậy, vì sợ sinh tử mà nhiếp ý loạn tưởng, thường nghĩ: “Nay ta được làm người sống tạm, không có bao lâu? Nếu không tự thu nhiếp tâm ý thì bị ma Ba-tuần, ma tham dục, Tự tại thiên tử sẽ được dịp làm hại ta, cho nên nói: Như rùa giấu sáu bộ phận, Tỳ-kheo giữ tâm ý mình.

Không cây, không hại ai, vắng lặng không nói

năng: Không nương cậy vào các kết sử và các hành động tà kiến điên đảo. Nếu muốn nương thì chỉ được nương vào Tứ thánh đế mà thôi, bởi nó giúp ta mau đến nơi an ổn như ý muốn. Như người bệnh lâu ngày, gầy ốm nằm trên giường, đại tiểu tiện ngay trên đó, hay như người già, quá gầy ốm, không thể đi lại, cần phải có người khỏe mạnh đến dìu đi thì cũng có thể đến mình muốn đến một cách an ổn. Các loài chúng sinh cũng giống như thí dụ vừa nói, các căn chậm lụt, không hết lòng thiết tha đối với các nghĩa sâu kín. Nếu như gặp được bạn lành nương cậy giúp đỡ thì dần dần thoát được vòng sinh tử. Đó là lời Thế Tôn dạy bảo người sau: “Chớ nương cậy vào sinh tử mà sinh tâm mưu hại. Không nương cậy, không mưu hại thì mới thành dấu đạo”. Cho nên nói: Không cậy, không hại kia.

Vắng lặng, không nói năng: Giống như lửa cháy ánh sáng đỏ rực, nó đốt cháy cả núi rừng, cây cỏ, cành lá, không còn sót thứ gì. nhưng sau khi lửa rụi tàn thì không còn chút dấu vết của lửa. Kẻ phạm phu cũng giống như vậy. Họ bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy gốc lành công đức không sót chút nào. Công đức đã hết lại khiến kẻ kia không đến được chỗ rốt ráo. Nếu như chúng được quả A-la-hán thì dứt sạch các phiền não, lửa dâm, nộ, si tắt ngấm vĩnh viễn, chính mình đã chứng đạo mới có khả năng độ người khác. Cho nên nói: Vắng lặng, không nói năng.



*Nhẫn nhục là bậc nhất
Phật nói Niết-bàn trên
Không còn chút nóng bức
Diệt phiền não Sa-môn.*

Thuở xưa, khi Đức Phật Thích-ca còn làm Bồ-tát, Ngài ở nơi núi sâu, không ai lui tới. Ngài khổ công tu hành nhẫn nhục, trong tâm buộc niệm, các vọng tưởng không sinh. Khi ấy, vua Ca-lam-phù đi dạo chơi, dẫn theo cung nhân nữ vui chơi năm thứ dục lạc, đàn cầm đàn sắt, trỗi các kỹ nhạc, tha hồ tự do. Vua nghe nhạc đến mệt mỏi nên ngủ say. Các cung nhân nữ đều túa ra đi hái hoa đẹp. Họ trông thấy ở phía xa có vị Bồ-tát đang ngồi dưới gốc cây, khuôn mặt khôi ngô, sắc như hoa đào nở. Ai trông thấy trong lòng cũng hớn hở. Ngài ngồi sáng rực như mặt trời mới mọc chiếu sáng khắp nơi, như mặt trăng ở trên không, ngự trị giữa ngàn sao. Các thể nữ thấy vậy đua nhau đều chạy đến quỳ lạy, rồi đứng qua một bên. Lúc bấy giờ Bồ-tát từ từ mở mắt nhìn, oai nghi khoan thai, từ tốn dần dặt bằng cách nói pháp màu cho nghe, Ngài dạy:

– Ái dục là việc bất tịnh, phiền não là họa lớn. Hễ người bị tham dục làm nhuộm dơ thân mình thì về sau bị đọa vào loài bò câu, chim sẻ, hôi hám dơ bẩn, đọa vào đường ác. Đó không phải là điều mà Thánh hiền chân nhân tu học. Các cô nên biết, người ưa dâm dục sẽ phải chịu quả báo xe lửa, lò

than.

Bồ-tát dùng nhiều cách như vậy để giảng nói sự nhớ bản của ái dục. Khi đó, vua Ca-lam-phù thức dậy nhìn bốn phía không thấy các thể nữ, vua liền rút gươm bén, lên ngựa phóng nhanh đi tìm, một lát sau thì nhìn thấy Bồ-tát đứng xa với thần thái ung dung và các thể nữ đang ngồi vây quanh. Trong tâm vua tự nghĩ: “Người này khôi ngô ít có trên đời, chắc hẳn đã tư thông với các thể nữ của ta”. Vua rất tức giận, ghen tuông, lửa sân bốc cháy, không còn kể gì lý lẽ, vua đến trước mặt Bồ-tát, hỏi:

– Ông là vị Tiên, ở đây tu đạo thuật, đã được Đệ nhất thiên chưa?

Bồ-tát trả lời:

– Thưa đại vương, chưa.

Vua lại hỏi:

– Vậy ông đã được Thiên thứ hai, thứ ba, thứ tư, không xứ, thức xứ, bất dụng xứ, hữu tướng, vô tướng xứ chưa?

Đáp:

– Thưa đại vương, chưa.

Vua nói:

– Ông ở đây tu đạo thuật mà các pháp ấy chưa được một thì ở đây làm cho cho uổng phí tháng ngày.

Bồ-tát đáp:

– Sở dĩ tôi bỏ gia đình, sự nghiệp ở đây để học đạo, là muốn tu định nhẫn nhục.

Vua lại nghĩ: “Người này đã tu học lâu năm ở đây, vừa thấy sắc mặt ta, biết ta giận dữ, cho nên bảo ta rằng mình tu hạnh nhẫn nhục. Vậy, giờ đây ta phải thử xem có đúng như vậy chẳng. Hễ thử pháp nhẫn nhục thì không thể dùng món ăn ngon hay kỹ nhạc mà có thể biết được, mà phải dùng tới sự oai nộ đau đớn gây thương tích cho ông ta mới thấy rõ được.” Vua liền bảo vị Tiên:

– Nếu ông thực hành nhẫn nhục thì đưa tay phải ra, ta muốn thử xem.

Bồ-tát坦然 đưa tay mặt ra. Lúc ấy, vua rất tức giận, không màng đến quả báo đời sau, liền rút gươm chém đứt tay phải, kể là tay trái của Bồ-tát, rồi chặt chân phải, kể là chân trái của Bồ-tát, cắt tai, xẻo mũi Bồ-tát. Vua hỏi:

– Giờ đây, chí ông mong cầu điều gì?

Vị Tiên đáp:

– Nay tôi thực hành nhẫn nhục, không buông rời giây phút, dù cho vua có nghiền nát thân tôi như hạt cải thì tôi cũng không bao giờ lui sụt mà đánh mất tâm Từ bi nhẫn nhục. Người mà bị tâm tức giận làm ô nhiễm thì sau khi thân bị hủy hoại máu sẽ tuôn lênh láng, nay tôi đạt được pháp nhẫn nhục, dù thân bị hủy hoại thì mỗi nơi thương tích kia sẽ chảy ra chất sữa cả. Đó là sự chứng nghiệm cho

hạnh nhẫn nhục của tôi.

Cách đó không xa, cũng có vị Tiên học đạo với mấy trăm đồ chúng, nghe Bồ-tát bị vua hủy hoại thân thể, ông và đồ chúng liền đến vây quanh hỏi han:

– Ngài có đau đớn lắm chăng?

Bồ-tát đáp:

– Thừa không!

Các vị tiên lại hỏi:

– Thân thể Ngài bây giờ chia làm bảy phần, có sao Ngài nói là không đau nhức?

Bồ-tát đáp:

– Người nào tâm đau nhưng thân không đau, thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Còn người nào thân đau nhưng tâm không đau thì người đó sẽ thành Vô thượng Tối chánh giác.

Khi ấy các vị Tiên đều khen:

– Hay lắm! Đức nhẫn của bậc Thần tiên này là tuyệt diệu, không còn ai hơn. Người có căn tánh lành lợi, nuôi lớn phước đức, chắc chắn sẽ đạt được ước nguyện trong thời gian không lâu.

Cho nên nói: Nhẫn nhục là bậc nhất.

Phật nói Niết-bàn trên: Pháp vi diệu trong các pháp không gì hơn Niết-bàn. Niết-bàn không có sinh, già, bệnh, chết, diêm nhiên vô vi, tất cả ý niệm sinh diệt không còn, là pháp cao thượng trong các pháp không có pháp nào hơn. Cho nên nói:

Phật nói Niết-bàn trên.

Không còn chút nóng bức: Đã bỏ gia đình, vợ con, bỏ năm thứ dục lạc, tám nghề nghiệp ở đời, không đoái hoài đến vinh hoa thế tục, xuất gia học đạo thì vì sao ở trong Phật pháp lại làm một chúng sinh nóng bức? Cho nên nói: Không còn chút nóng bức.

Diệt phiền não làm Sa-môn: Đã làm Sa-môn thì phải tương ưng với nghĩa bậc nhất, phải theo pháp Sa-môn, không vượt thứ lớp. Không còn tâm ganh ghét, lừa dối, che chở kẻ khác như chính thân mình. Ai không nghe lời khuyên dạy thì họ tinh tấn học đạo, cho nên nói: Diệt phiền não làm Sa-môn.



Chớ nói lời thô lỗ

Nên nói lời lưu loát

Kẻ ít học vắn hỏi

Khuất phục bởi học rộng.

Chớ nói lời thô lỗ: Khi Đức Phật còn tại thế, Ngài nói pháp cho Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Nay Mục-liên, khi nói pháp cho người nghe thì nên nói đúng như pháp, không nói nhiều nghĩa lẫn lộn nhau. Khi nói chánh pháp thì tâm ý ngay thẳng, chớ ngó hai bên. Không thể nói lan man, nói chuyện không gấp rút (*ra khỏi sinh tử*)? Vì sao như vậy? Vì những lời nói thô lỗ thì có nhiều sơ hở lỗi lầm, sau này mắc quả báo một thân trăm đầu như

Tỳ-kheo Ca-tỳ-la không khác.

Cho nên nói: Chớ nói lời thô lỗ.

Nên nói lời lưu loát: Thông thạo thiên văn địa lý, các sao đẩu dờ, điềm dữ xuất hiện, thông hết sáu nghề, hiểu rõ sách vở. Mọi hành động không suy tính chính đáng thì bị người trí chê bai, ngờ vực. Nếu quở trách thì càng thêm giận dữ, hạng người như thế không nên gần gũi, cho nên nói: Nên nói lời lưu loát.

Kẻ ít học vặn hỏi bị khuất phục bởi người học rộng: Con người ta tự cho mình phải, cho người khác là trái vốn đã có từ lâu đời. Họ bảo: “Lời ta nói là đúng, lời ông ấy nói là sai”; cho mình cao, cho người thấp, sinh ra tức giận. Như có hai kẻ gièm chê Phật, một người thì tin lời dạy mà không suy xét, người kia thì không tin bởi các căn chậm lụt. Hai người này đã trồng gốc rễ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu sinh làm người thì sáu giác quan không đầy đủ, lời nói bị ngọng nghịu, cà lăm, cho nên nói: Kẻ ít học vặn hỏi, (bị) khuất phục bởi học rộng.



*Ai hay nổi phiền não
Như đồ đựng bị lũng
Trôi lăn trong sinh tử
Chìm đắm không ngày ra.*

Ai hay nổi phiền não, như đồ đựng bị lũng:

Như người cố chấp kiến thức ngu si của mình cho đến chết vẫn không sửa đổi, họ bị kết sử trói buộc, loạn tưởng điên đảo, đem những lời răn dạy đổi thành tà kiến để tự trói buộc mình. Họ như đồ đựng bị nứt lung, mọi thứ chứa bên trong đều bị rỉ chảy, không còn gì, tự mình sống trong bụi như bị nhuốm bẩn, cho nên nói: Ai hay nổi phiền não, như đồ đựng bị lung.

Trôi lăn trong sinh tử, chìm đắm không ngày ra: Ai không biết lo nghĩ xa thì chắc chắn phải chịu tai ương. Như người thợ gốm cho bánh xe quay vòng không ngừng, chúng sinh trôi lăn mãi trong sinh tử muốn ra khỏi đó thì vô cùng khó khăn, không có gì để thí dụ được, cho nên nói: Trôi lăn trong sinh tử, chìm đắm không ngày ra.



*Nếu không nổi phiền não
Như đồ đựng lành lặn
Như thế đến Niết-bàn
Không bị bụi như che.*

Nếu không nổi phiền não, như đồ đựng lành lặn: Nếu mình chuyên tâm, không khởi tham đắm, cởi bỏ các trói buộc của kết sử thì đạt trí tuệ vô lậu, bốn ý chỉ, bốn ý đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám phẩm đạo của bậc Thánh hiền. Như đồ đựng lành lặn chứa đựng được các thứ, ai thấy cũng ưa thích, cho nên nói: Nếu không nổi

phiền não, như đồ đựng lành lặn.

Như thế đến Niết-bàn, không bị bụi nhơ che: Người không có các căn bã phiền não như thế thì sẽ đến được chỗ Niết-bàn dứt hết các kết sử, hoàn toàn vắng lặng, hoàn toàn dứt bật, không còn sinh diệt, cho nên nói: Như thế đến Niết-bàn, không bao giờ bị bụi nhơ che mờ.



*Không bệnh lợi bạc nhất
Biết đủ là giàu nhất
Biết gần, bạn bạc nhất
Niết-bàn là vui nhất.*

Không bệnh lợi bạc nhất: Ở đời có nhiều người từ nhỏ đã thường bị bệnh, đó là do nhân quả báo ứng đời trước.

Thuở xưa, có hai người thương buôn mạo hiểm đến xứ khác làm ăn. Chưa mấy chốc đã được giàu to. Một người bị bệnh nặng, tất cả tiền của đều đem ra trị bệnh hết sạch. Khốn cùng mà bệnh vẫn không thuyên giảm. Còn người kia thì không hề bệnh hoạn gì nên không bị hao tổn đồng nào. Dù giàu to, nhưng anh ta vẫn than thở:

– Cửa cải ta có được không đáng kể.

Anh trở về quê nhà một cách an ổn, không hao tổn gì cả, thế mà ngày đêm vẫn kêu ca:

– Ta không có tài lợi.

Bà con họ hàng đến khuyên can anh:

– Nay ông không bị bệnh hoạn gì, được trở về nhà một cách yên ổn, sao còn kêu ca than trách rằng chẳng có tài lợi. Mạng sống được yên ổn là vật báu quý nhất trong các vật báu.

Cho nên nói: Không bệnh lợi bậc nhất.

Biết đủ là giàu nhất: Như trong Luật tạng có nói: ‘Ở đời, có hai hạng người không hề biết thỏa mãn bao giờ,’ hai hạng người ấy là:

1. Người có của mà tiêu xài hoang phí.
2. Người có của mà giấu kỹ.

Nếu trong cõi Diêm-phù này, trời mưa bảy báu tràn ngập thế gian, thì hai hạng người ấy vẫn không biết đủ. Người không dứt bỏ tâm ham muốn thì tham đắm vào tiền của, dù có được vẫn cứ mong cầu bởi không bao giờ biết thỏa mãn. Chỉ có người thực hành đạo lý, biết rõ vô thường, biết nó là không thật mới không màng đến của báu. Biết mọi thứ đều là huyền hóa, không tồn tại lâu dài, như lửa đá nháng xẹt qua mắt, đổi thay nhanh chóng như vậy không dừng bao giờ, cho nên nói: Biết đủ là giàu nhất.

Biết gần, bạn bậc nhất: Người cùng biết nhau, lấy chân tình làm gốc. Trước là tin, sau là nghĩa mà sống chung. Thuở xưa, có một người nọ thâm tình chí thiết, chỉ sống với bạn, không màng đến anh em ruột thịt. Quan sai lính cấm phòng đến mời người ấy. Anh này trong khi đang say rượu, giết

chết người sứ kia. Anh liền chạy đến nhà người bạn kể hết việc ấy cho bạn nghe:

— Nay tôi khôn đốn nguy ngập không nơi dung thân, chỉ mong được anh che chở để tránh khỏi tai nạn nguy khôn.

Nghe xong, người bạn này kinh ngạc:

— Ôi! Việc của anh nguy hiểm lắm, khó có thể giấu được. Thôi, anh mau về đi, chớ ở đây lâu. Nếu chuyện này bị phát giác thì tội của tôi không phải nhỏ. Anh có anh em, bà con hiển vinh, có sao lại nhắm vào tôi mà lại quên đi tình cốt nhục?

Nghe vậy, người ấy liền trở về nhà, đến nhà anh em, lay xuống đất rồi tự trình bày lỗi lầm của mình đã gây ra cho người anh biết. Bà con họ hàng nghe qua liền an ủi anh ta:

— Chớ có lo sợ, ta sẽ tìm cách giúp thoát khỏi nạn này.

Bà con họ hàng liền nhóm họp lại, sửa soạn xe cộ xong xuôi, mọi người cùng anh lên đường qua xứ khác. Họ cùng cất nhà, chung sống đối đãi nhau tốt đẹp hơn gấp nhiều lần hơn khi còn ở quê nhà, ngày càng giàu lên với vô số kẻ ăn người ở, cho nên nói: Biết gần là bạn bậc nhất.

Niết-bàn là vui nhất: Trong Niết-bàn không bao giờ có các khổ, kết sử trần lao không bao giờ còn, tất cả đều hoàn toàn dứt hết, cho nên nói: Niết-bàn là vui nhất.



*Đói là nạn lớn nhất
Hành là khổ bậc nhất
Biết như thật điều ấy
Niết-bàn là vui nhất.*

Đói là nạn lớn nhất: Thuở xưa, vua Bình-sa bị con là A-xà-thế nhốt trong ngục kín, cắt hết mọi tin tức, lương thực. Nhà vua đói khổ không biết tỏ cùng ai. Vua chợt nhớ đến Phật, lại nhớ lời Phật dạy, khi ấy vua liền đọc lên rằng:

*Lời dạy cao cả
Lan truyền khắp nơi
Mọi người truyền học
Thật không biết chán.
Không ai bằng Ngài
Lời dạy tốt đẹp
Thân bị khổ ngặt
Không gì hơn đói.*

Khổ trong các thứ khổ, không gì hơn đói, cho nên nói: Đói là nạn lớn nhất.

Hành là khổ bậc nhất: Người ta ở đời, chí hướng khác nhau, việc làm khác nhau, nhưng ai nấy đều biết đói lạnh, cực khổ là khốc liệt hơn hết đối với thân mình. Từ khi thọ thân là phải chịu cảnh tăm tối trong thai. Nếu bị tội hành hình thì thân thể bị xẻ ra, biết bao khổ não. Nếu giác quan đầy đủ vẫn bị hao mòn với già bệnh, bởi thọ thân

thì thần thức đi theo, phải chịu quả báo thiện ác. Tất cả mọi khổ ấy đều do hành động đã gây ra mà có, cho nên nói: Hành là khổ bậc nhất.

Biết như thật điều ấy, Niết-bàn là vui nhất:
 Người tu hành mong cầu vắng lặng hoàn toàn, lìa hẳn các tai họa, sống an ổn vô vi, không còn phiền não khổ đau, cho nên nói: Biết như thật những điều ấy, Niết-bàn vui thứ nhất.



*Người hướng lành thì ít
 Người theo ác thì nhiều
 Biết như thật điều ấy
 Cầu mau tới Niết-bàn.*

Người hướng lành thì ít: Dù có làm lành đi nữa nhưng cũng không theo ý muốn. Nếu các hạnh nguyện đầy đủ thì lúc ấy các vị trời cho rằng chỉ có cõi người là cõi thiện. Loài người cho rằng cõi trời là ngôi nhà phước. Như trong các kệ kinh nói, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các trời tự biết năm điềm lành ứng hiện, nên họ cùng nhau nhóm họp. Các vị trời ấy bảo rằng: “Ông chết ở đây, nguyện sinh về cõi lành, đến nơi ấy rất vui sướng, được lợi ích lành, vì được an ổn, vô vi”.

Khi ấy, có thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao các vị trời ở cõi lành mau được lợi ích lành, an ổn, vô vi? Nghĩa ba

câu này thế nào?

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

– Là căn lành của đạo được đầy đủ. cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, sống trong chánh pháp, không thích lệ thuộc cuộc sống tại gia mà xuất gia học đạo, đó gọi là cội lành của Tỳ-kheo và các vị trời.

Lại hỏi:

– Thế nào gọi là an ổn vô vi?

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

– Nương vào Tứ thánh để suy nghĩ phân biệt, đó gọi là an ổn vô vi của Tỳ-kheo và các vị trời. Ở đời người hành đạo tu thiện thì ít.

Cho nên nói: Người hướng lành thì ít.

Người theo ác thì nhiều: Vì sao? Vì các loài chúng sinh làm điều ác thì nhiều, không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tăng, cũng không phân biệt được thiện ác tốt xấu, chỉ lo vun trồng cội gốc của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Từ bóng tối bước vào bóng tối, không có lúc ra khỏi, giống như người mù cầm đuốc, chiếu sáng mọi nơi mà chính mình thì không thấy được ánh sáng, cho nên nói: Người theo ác thì nhiều.

Biết như thật điều ấy, cầu mau tới Niết-bàn: Người có căn tánh lành lợi thì sự tỉnh ngộ cũng khác nhau. Có người vừa nghe qua là tỉnh ngộ, có người thấy hình tướng mà chợt hiểu. Thế nên, bậc Thánh truyền giáo rộng khắp, cho thuốc tùy theo

bệnh, không sai lầm. Trong ấy, những người có căn tánh lạnh lợi nhìn đời thay đổi muôn vẻ nên họ khó sống chung nhau một nơi, nhưng trên cầu đạo vô vi như cứu lửa cháy đầu. Vì sao? Vì họ sống nơi thanh vắng an ổn, hoàn toàn hợp với sự vắng lặng, thần thức lắng trong, bất động, cho nên nói: Biết như thật điều ấy, cầu mau tới Niết-bàn.



*Có nhân sinh cõi lành
Tạo duyên sinh đường ác
Có tu chứng Niết-bàn
Như vậy, đều có duyên.*

Có nhân sinh cõi lành: Thế nào là Duyên (điều kiện)? Duyên là thí, giới, văn, tuệ, tư duy, oai nghi của thanh tín sĩ, oai nghi của người xuất gia, oai nghi của bậc Đại đạo, xả bỏ dấu vết hạnh lành. Đó là nền tảng cho nhân duyên đến với Đạo, cho nên nói: Có nhân sinh cõi lành.

Tạo duyên sinh đường ác: Là vì nguyên có nào? Như người có tâm ôm lòng ganh ghét, không có tâm bố thí, phạm giới sát sinh, ăn trộm. Họ gây mười việc ác như vậy, không thể sửa đổi, đến nỗi堕 vào ba đường ác, cho nên nói: Tạo duyên sinh đường ác.

Có tu chứng Niết-bàn: Niết-bàn được tới bằng con đường chân chánh của Thánh hiền. Dứt bỏ các kết sử, thẳng đến vô vi. Không đi theo đường Hiền

thánh này thì không thể nào tới đó được. Như các ngoại đạo Phạm chí nói với nhau:

– Trên đời này mọi chuyện không có nhân duyên, cũng không có gốc ngọn. Có là tự nhiên có, không là tự nhiên không. Làm sao biết được như vậy? Như ở ngoài đồng rộng mọc nhiều gai nhọn nào thì đâu phải do thợ khéo tay chuốt cho chúng nhọn đâu? Như nai hay trăm thứ chim thú đậu trên cây, bộ lông xen màu sắc đẹp để khác nhau như vậy, há có phải bởi con người tô vẽ ra hình thể của chúng đâu? Nói về phẩm loại thì tính chất của chúng khác nhau. Tính của đất là mềm, tính của đá là cứng, nào phải mềm cứng là bởi người làm ra đâu? Tất cả đều không có nhân duyên gì cả mà là tự nhiên sinh ra như vậy.

Những loại mê chấp như vậy, đã có từ lâu đời. Họ truyền dạy nhau đến bây giờ vẫn không dứt, cho nên Đức Thế Tôn nói:

– Việc ấy có điều kiện cả chứ không phải hoang đường, còn nổi khổ ngay đây là bởi nhân duyên gì? Chúng sinh tu mười điều lành thì nơi họ ở đất đai bằng phẳng tốt đẹp, khi ấy hàm hồ, bờ cao, gai góc, cỏ mọc, tự nhiên cũng bằng phẳng, không còn gai góc. Còn nếu chúng sinh làm mười điều ác thì khi ấy đâu đâu cũng đầy cỏ gai, bờ cao vực thẳm, rần rít trùng độc sinh sôi nảy nở vô số. Đó là do đời trước chứa nhóm nhiều tội ác mà có ra như vậy.

Cho nên nói: Như vậy, đều có duyên.



*Nai về đồng cỏ
Chim bay lên trời
Nghĩa bởi phân biệt
Chân nhân về diệt.*

Thuở xưa, Đức Thế Tôn ngự trong hang đá Nhân đế, bên cạnh vườn trái ngọt, thuộc nước Ma-kiệt.

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh trong sạch không chút bợn nhơ thấy có bầy nai đang bị thợ săn rượt, chúng phóng nhanh vào rừng sâu. Đức Phật lại dùng Thiên nhãn nhìn thấy bầy chim tránh lưới, nên chúng bay lên hư không. Đức Như Lai lại dùng Thiên nhãn thấy các thầy Tỳ-kheo luận bàn ý nghĩa với thái độ hòa nhã, thông đạt và ngay trong đêm ấy họ lại suy nghĩ về mười hai nhân duyên, suy xét kỹ lưỡng ý nghĩa của sự thuận nghịch, gốc ngọn. Đức Như Lai cũng dùng Thiên nhãn thấy thầy Tỳ-kheo khác suốt đêm nghĩ thật kỹ lại rồi vào thiền định giải thoát. Tới lúc gần sáng thì bao mê lầm tăm tối bị quét sạch hết, nhập vào Niết-bàn vô dư. Ấy bởi thần lực của mắt mà Như Lai thấy hết.

Bảy giờ Đức Thế Tôn quán xét ý nghĩa đó, là nhân duyên sinh khởi, muốn đệ tử giảng nói, truyền bá giáo pháp của Ngài cũng như muốn

chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian, muốn cho chúng sinh đời sau thấy được ánh sáng rực rỡ ấy, nên Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ này:

*Nai về đồng cỏ,
Chim bay lên trời,
Nghĩa theo phân biệt,
Chân nhân về diệt.*



*Không có tâm biếng nhác
Yếu hèn, có chỗ đến
Muốn đến được Niết-bàn
Đốt cháy mọi trói buộc.*

Không có tâm biếng nhác, yếu hèn có chỗ đến: Trong kinh A-hàm, Đức Phật bảo các Tỷ-kheo:

– Nếu pháp này người tinh tấn tu hành, không biếng nhác. Pháp tu đã có nhưng do biếng nhác nên không tự tiến lên được, làm sao có phương tiện tốt để đến Niết-bàn. Như người có bản tính yếu hèn lại không có hai mắt, thì đâu dám ngủ qua đêm giữa đồng trống, nơi có nhiều tên cướp, đường hiểm trở khó vượt qua. Muốn vượt qua đoạn đường đầy hiểm nạn đó, phải là những người can đảm, khỏe mạnh, mới tự cứu mình được, yên thân không lo sợ thứ gì. Những kẻ ngu si tà ý, tâm tin theo những kiến chấp điên đảo thì không bao giờ vượt qua chỗ hiểm nạn ấy. Chỉ người có mắt trí tuệ, thấy phương

chước hay của bậc Thánh mới có thể đến được cảnh giới vô vi, cho nên nói: Không có tâm biếng nhác, yếu hèn có chỗ đến, muốn đến được Niết-bàn, đốt cháy mọi trói buộc.



*Tỳ-kheo mau tát thuyền
Tát hết thuyền nhẹ trôi
Dứt hẳn tâm tham dục
Thì đến được Niết-bàn.*

Ngày xưa, có thầy Tỳ-kheo muốn qua sông. Thầy gặp nhằm chiếc thuyền cũ mục không qua được. Khi ấy, anh thợ đóng thuyền nói với thầy Tỳ-kheo:

— Đạo sĩ muốn có phương tiện đi, thì hãy dùng công sức mình tát hết nước trong thuyền, thuyền nhẹ nổi phiêu thì đi đến đâu cũng được.

Khi ấy thầy Tỳ-kheo dùng hết sức mình tát hết nước trong thuyền ấy, cuối cùng thầy sang được bờ bên kia. Thu vén y áo, chỉnh tề oai nghi, thầy dần dần đến gần bên Phật, thầy lạy trán sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Như Lai biết thầy là người đáng được độ, nhưng Ngài chỉ liếc nhìn kỹ thầy rồi thôi, bậc Bích-chi, La-hán cũng không sánh được thầy Tỳ-kheo này. Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Tỳ-kheo mau tát thuyền
Tát hết thuyền nhẹ trôi*

*Dứt hẳn tâm tham dục
Thì đến được Niết-bàn.*

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Bây giờ, các thầy hãy suy nghĩ những điều khó khăn trước mắt, lại lo sợ những điều đáng băn khoăn cho đời sau. Thuyền chỉ cho thường pháp của thế gian đầy nguy hiểm, quyền biến độ thoát chúng sinh không lấy đó làm mỗi mệ. Thân này thật như món đồ đựng chứa toàn chất bất tịnh, sao không vất bỏ nó đi? Hãy tát cạn hết những tật bệnh hữu lậu, dứt bỏ dâm, nộ, si, ngòi thuyền Thánh hiền mà đến Niết-bàn.



*Của ta vốn là không
Xưa có, mà nay không
Chẳng không, cũng chẳng có
Như nay không thể được.*

Của ta vốn là không, xưa có mà nay không: Hàng ngoại đạo dị học thấy biết khác nhau, nhưng ai cũng cho mình là đúng. Ta vốn tên đó, họ đó tuy có mà không, tuy không mà có. Không có mà tự nhiên sinh ra, cho nên nói: Của ta vốn là không, xưa có mà nay không.

Chẳng không, cũng chẳng có: Chẳng không chỉ cho quá khứ. Cũng chẳng có chỉ cho vị lai, như nay không thể được chỉ cho hiện tại. Những kẻ khư khư kiến chấp ngu mê của mình đâu là Sa-môn

Phạm chí. Họ đi trên lối mòn tà kiến mà không tự sửa đổi. Vì sao? Vì họ không hiểu đạo Niết-bàn là nghĩa bậc nhất, họ tin theo tà kiến chứ không tin Niết-bàn, cho nên nói: Của ta vốn là không, xưa có mà nay không, chẳng không cũng chẳng có, như nay không thể được.



*Khó thấy để bất động
Khéo quán sát phân biệt
Phải xét tận nguồn ái
Đó chính là mé khổ.*

Khó thấy để bất động, khéo quán sát phân biệt: Niết-bàn dứt hết phiền não, rất là vi diệu. Nó không hình tướng nên không thấy được. Pháp hữu vi chuyển động không dừng, còn pháp vô hình thì không chuyển động. Chỉ có Đức Như Lai, Bích-chi-phật và Thanh văn mới có thể khéo quán sát phân biệt rõ từng thứ một bằng con mắt trí tuệ, cho nên nói: Khó thấy để bất động, khéo quán sát phân biệt.

Phải xét tận nguồn ái, đó chính là mé khổ: Biết rõ cội gốc của ái dục đã gây nên bao nhiêu bệnh thì đối với chúng phải nhổ đứt hết, không để sót chút nào, cho nên nói: Phải xét tận nguồn ái, đó chính là mé khổ.



Dứt ái, bỏ tham dục

*Sông cạn, không còn chảy
Biết rõ gốc ái này
Đó chính là mé khổ.*

Dứt ái, bỏ tham dục: Ái dục là một thứ bệnh, nó là gốc của mọi hoạn nạn. Nhờ nhờ bỏ gốc ái mà cành lá cũng lụi tàn. Đối với chúng phải nhờ dứt hết không để sót chút nào, làm cho gốc ái dục tự tiêu diệt không còn phát sinh trở lại nữa. Ái nhiễm là đầu mối sinh ra dòng chảy tham dục, như dòng sông chảy xiết, nhận chìm các loài chúng sinh, hằng ức ngàn muôn chúng sinh bị bỏ mạng không thể cứu giúp. Một khi dòng sông khô cạn rồi thì chúng sinh qua lại không hề bị ảnh hưởng đến tính mạng, cho nên nói: Dứt ái, bỏ tham dục, sông cạn không còn chảy.

Biết rõ gốc ái này, đó chính là mé khổ: Ái là hình chất, dục là cành lá, si là sự thấm ướt. Nếu người tu hành mà khéo suy nghĩ quán sát thì có khả năng cắt đứt chúng, vượt khỏi mé khổ, cho nên nói: Biết rõ gốc ái này, đó chính là mé khổ.



*Thấy phải là thật thấy
Nghe phải là thật nghe
Biết phải là thật biết
Đó chính là mé khổ.*

Vì sao nói: ***Thấy phải là thật thấy?*** Vì sao nói chẳng phải thấy chẳng phải thấy? Như có người

mắt thấy sắc phân biệt gốc sắc, suy nghĩ biết là do điều kiện nên không khởi ý tưởng mê đắm. Chẳng phải thấy thật chẳng phải thấy nghĩa là như kẻ ngu kia mắt thấy sắc liền sinh nhãn thức. Như vậy, dù y thấy chẳng bằng thì như không thấy. Vì sao? Vì do mắt thấy nên sinh ra nhãn thức, cho nên nói: Thấy phải là thật thấy.

Nghe phải là thật nghe: Như người nghe âm thanh vi diệu mà không khởi tâm mê đắm, cho nên nói: Nghe phải là thật nghe.

Biết phải là thật biết: Như có người phân biệt rõ thức thân, gieo trồng căn lành, buông bỏ cội gốc không lành. Dứt hẳn các phiền não, không gây ra nghiệp mới nữa, cho nên nói: Biết phải là thật biết, đó chính là mé khổ.



*Y ninh di nê
Đà tĩ đà la tĩ
Ma tiết hậu tiết
Nhất thiết tỳ la lê
Đó chính là mé khổ.*

Thuở ấy, Đức Phật nói pháp cho bốn vị vua trời nghe. Có hai người hiểu tiếng ở vùng kinh đô, còn hai người kia không hiểu. Đối với hai người không hiểu này, Đức Phật dùng tiếng nước Đàm-mật-la mà nói pháp Tứ đế cho họ nghe. Dù nói tiếng Đàm-

mật-la nhưng chỉ có một người hiểu, còn một người không hiểu. Phật lại dùng tiếng nước Di-lê-xa nói cho pháp người này nghe: “Ma tiết hậu tiết, Nhất thiết tỳ la lê”, nhờ vậy mà bốn vị vua trời đều thông hiểu pháp Tứ đế, ngay nơi chỗ ngồi họ chứng được pháp nhãn Nhu thuận.



*Không thân, dứt vọng tưởng
Khổ đau được mát mẻ
Các hành đều dứt hẳn
Thức tưởng không còn khởi
Đó chính là mé khổ.*

Không thân, dứt vọng tưởng: Thân này không bền chắc mà là pháp bị tiêu diệt. Thân này không bền chắc, nhất định phải ly tán, chỉ có năm phần pháp thân là bền chắc. Ý từ vọng tưởng sinh, vọng tưởng sinh ra muôn thứ bệnh. Nếu dứt được vọng tưởng là tương ưng với đạo chân, cho nên nói: Không thân, dứt vọng tưởng.

Khổ đau được mát mẻ: Các loài chúng sinh trôi lăn trong biển sinh tử, mà biển ấy có bốn sông hồ đổ vào không bao giờ đầy. Ấy là bởi gốc đau khổ nên phải chịu nhiều nguy khổn. Chúng sinh tương tàn sát hại lẫn nhau, đều do đau khổ mà đưa đến các tai họa ấy. Chỉ có người trí mới không gây ra nỗi đau khổ ấy, cho nên nói: Khổ đau được mát mẻ.

Các hành đều dứt hẳn: Sự thọ nhận tâm thức của con người là bởi hành sinh ra. Hành nghiệp càng lớn thì thành muôn thứ bệnh. Hành động thiện thì đưa đến cõi thiện, hành động ác thì đưa đến cõi ác. Mọi việc làm của người trí không gây ra gốc hành, cho nên nói: Các hành đều dứt hẳn.

Thức tưởng không còn khởi: Thức tưởng rong ruổi gây ra muôn thứ bệnh. Cho nên bậc Thánh giữ gìn tâm ý không để tán loạn. Nếu khởi thức thì sinh nhiều gốc si mê. Dùng ba trăm thứ thuốc chữa trị trăm thức. Buổi mai dùng trăm thứ thuốc, trưa dùng trăm thứ thuốc, chiều dùng trăm thứ thuốc, để dứt bỏ vọng tưởng. Lại dùng đánh nhãn thuộc Thánh hạnh vô lậu mà dứt bỏ vọng tưởng, cho nên nói: Thức tưởng không còn khởi.

Có nương tựa thì có dao động. Có động thì không diệt được. Không diệt được thì cái biết không bao giờ thỏa mãn. Bởi cái biết không diệt trừ được nên không thấy được quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì không có quá khứ, hiện tại, vị lai nên không có sinh tử, vì không có sinh tử nên không có sầu lo khổ não. Do khổ ấm này mà sinh ra các thứ bệnh. Bởi sinh khởi các kết sử, trói buộc người tu hành, cần có nơi nương tựa. Nương tựa chỉ cho các loại có hình thể như núi sông, vách đá, những gì mà mắt thấy được đều gọi là nương tựa. Ai có khả năng diệt khổ ấm (*thân khổ*) mới tương ưng với nghĩa bậc nhất. Đối với nghĩa bậc nhất thì không

thấy có qua lại, chu toàn. Bởi không còn qua lại, chu toàn nên không còn sinh tử. Ai không hiểu điều ấy thì họ sinh khởi trần lao; sinh, già, bệnh, chết mỗi ngày thêm lớn. Từ đó mà sinh ra muôn điều lo buồn khổ não, tìm kiếm không thấy được manh mối. Xoay vần sinh nhau mà thành thân năm ấm khổ đau. Chấm dứt vòng sinh diệt kia chỉ có con đường Niết-bàn mà thôi. Hoặc có Tỳ-kheo hữu sinh, hữu thật, hữu vi; hoặc có Tỳ-kheo vô sinh, vô thật, vô vi. Tỳ-kheo bất vi, vô vi cũng không còn sinh. Nếu không còn sinh, không có thật, không có hữu vi thì nhân vì sinh, nhân vì thật, nhân vì hữu vi mà nói vô vi. Nếu chúng sinh không có nạn khổ này thì trước sau, Như Lai không bao giờ nói cái vui của Niết-bàn dứt trừ hết phiền não.



Biết gốc ngọn của sinh

Hữu vi biết vô vi

Bị sinh già trôi buộc

Suy già khó ngăn được.

Biết gốc ngọn của sinh: Trong kinh Trung A-hàm có nói về gốc ngọn lớn của ái dục. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nếu sinh mà không có sinh thì Ta không nói cho mọi người nghe về pháp sinh làm gì. Dưới cho đến các loài cá ở dưới nước, rồng có tính rồng, quỉ có tính quỉ, trời có tính trời, người có tính người.

Như vậy đó, A-nan vì biết có sinh nên ta nói sinh vậy.

Cho nên nói: Biết gốc ngọn của sinh.

Hữu vi biết vô vi: Không hình, không dạng, không thể quán sát về pháp biến đổi, cho nên nói: Hữu vi biết vô vi.

Bị sinh, già trôi buộc: Người ta sống trên đời này, khi già suy thì biết sẽ chết. Già, chết là hai thế lực vây ngặt, không ai thoát khỏi, cho nên nói: Bị sinh, già trôi buộc.

Suy già khó ngăn được: Các việc dâm dục, giận dữ, ngu si, kiêu mạn, ganh ghét, bị già bệnh sai khiến, do đó mà sinh ra, cho nên nói: Suy già khó ngăn được.



*Không ăn không sống được
Ai không ăn thức ăn?
Ăn là việc trước tiên
Rồi sau mới tu đạo.*

Các loài chúng sinh trên đời này đều nhờ ăn mà sống. Người không ăn thì không thể hành đạo, cho nên nói: Không ăn không sống được.

Ai không ăn thức ăn: Biết đời sống là vô thường, biết thức ăn từ đâu mà có, xét rõ chân đế không còn nghi ngờ, nên người nhận và kẻ bố thí không còn nghi ngờ, cho nên nói: Ai không ăn thức ăn?

Ăn là pháp cặn bã trong sinh tử, hễ có thân thì bị hệ lụy bởi việc ăn, cho nên nói: Ăn là việc trước tiên.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ta biết các Nhập không phải đất, không phải nước, không phải lửa, không phải gió, cho đến không phải thức, không phải không, không phải bất dụng, không phải thức, không phải hữu tướng vô tướng, không phải đời này, đời sau, không bằng sự soi sáng của mặt trời, mặt trăng. Các loại như vậy, chẳng phải nhân duyên mà đến được. Trong đó, người có kiến chấp điên đảo mong được giải thoát.

Hàng Ni-kiền tử dạy bảo nhau:

– Ai muốn giải thoát thì nhập thất có chiều cao sáu mươi khuỷu tay, rộng một trăm do-diên, sẽ được giải thoát.

Đức Phật quán sát nghĩa đó, vì muốn dứt bỏ mọi nghi ngờ về sinh tử, cũng như ngăn chặn những ý tưởng điên đảo của Ni-kiền tử nên Ngài nói việc này. Vì muốn dứt trừ sự ngờ vực cho đời sau nên Ngài rộng nói việc này:

– Mặt trời, mặt trăng không một lúc cùng sáng, tà và chánh không thể cùng hưng thịnh. Điều ấy quá rõ, cho nên này các Tỳ-kheo, Ta cũng không nói việc lòng vòng qua lại, sinh tử khởi diệt. Đó là gốc của mé khổ vậy.

*Địa chủng và nước, lửa
 Khi đó gió không thổi
 Ánh sáng không soi chiếu
 Thì không thấy sự thật.*

Người được hóa độ thì hoặc nương người có năng lực hoặc nhờ sự cứu giúp. Nếu độ cho hạng giàu sang thì không cần lời nói, còn độ kẻ được độ thì họ hoát nhiên tỉnh ngộ, không cần bậc thầy chỉ bảo. Người khiêm hạ cung kính trên dưới tự nhiên được tỉnh ngộ, cho nên nói: Ánh sáng không soi chiếu thì không thấy sự thật.



*Không trăng, không có sáng
 Không trời, không có sáng
 Quán sát kỹ việc này
 Hợp với hạnh Phạm chí.*

Không trăng, không có sáng, không trời, không có sáng: Như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng bị bụi che nên không thể truyền bá rộng lời dạy của mình. Như tầng trời Đao-lợi và tầng trời Cứu cánh thì ánh sáng tự có, không phải ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Ấy đều nhờ công hạnh chất chứa từ nhiều kiếp trước mà có như vậy, cho nên nói: Không trăng, không có sáng, không trời, không có sáng.

Quán sát kỹ việc này, hợp với hạnh Phạm chí: Phạm chí là người vượt ngoài ba cõi, đức hạnh vẹn

toàn, nên gọi là Phạm chí, cho nên nói: Quán sát kỹ việc này, hợp với hạnh Phạm chí.



*Sắc tươi đẹp thông dong
Thoát khỏi mọi khổ não
Chẳng sắc, chẳng không sắc
Được giải thoát mọi khổ.*

Có sắc, không sắc đều sống trong gốc khổ. Ai thoát khỏi khổ này thì giải thoát các khổ, cho nên nói: Sắc tươi đẹp thông dong, thoát khỏi mọi khổ não.



*Rốt ráo không lo sợ
Thoát buộc, không còn nghi
Chưa bẻ gai ái dục
Làm sao biết thân họa?*

Rốt ráo không lo sợ: Rốt ráo có hai việc: Một là dụng rốt ráo, hai là tự nhiên rốt ráo. Tâm ngay thẳng thì không sợ sự cong vạy, cho nên nói: Rốt ráo không lo sợ.

Thoát buộc, không còn nghi: Dứt bỏ các kết sử, dứt sạch không còn sót. Sinh tử dài lâu, xoay vần trong năm đường, quay lộn không bờ mé, không biết pháp hỏ thẹn sỉ nhục, cho nên nói: Thoát khỏi trói buộc, không còn hồ nghi.

Chưa bẻ gai ái dục, làm sao biết thân họa: Người ta sống trên đời tạo nghiệp khác nhau. Chưa

dứt được hữu dục, có ba: 1. Dục hữu; 2. Sắc hữu; 3. Vô sắc. Nói gai ái dục chỉ cho gai đường tà. Đánh đập là nặng hay bị thương là nặng? Cho nên nói: Chưa bẻ gai ái dục, làm sao biết thân họa.



*Cái gọi là rốt ráo
Dứt dẫu là bậc nhất
Dứt hết các tướng đắm
Lời nói không làm lẫn.*

Cái gọi là rốt ráo, dứt dẫu là bậc nhất: Rốt ráo là pháp trên hết trong các pháp, không còn gì vượt hơn. Bệnh nặng nhất trong các bệnh là trói buộc, dính mắc, tâm ái dục dứt hẳn, không còn sót, cho nên nói: Cái gọi là rốt ráo, dứt dẫu là bậc nhất.

Dứt hết các tướng đắm, lời nói không làm lẫn: Về Tướng thì sinh tham dục là tướng, giận dữ là tướng, ngu si là tướng. Trong các kinh có ghi:

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

— Cù-đa nên biết, các tướng về dục, nộ, si là gốc của hành. Khi các tướng này đã dứt hẳn không còn sót, cũng không còn sinh ý tướng nghĩ đến tham dục nữa thì lời nói ra không bao giờ làm lẫn. Vì sao? Vì hành có khi hết có khi chưa hết, vì thế lập ra việc dạy bảo đời sau.

Cho nên nói: Dứt hết các ý tướng mê đắm, lời nói không làm lẫn.



*Biết tiết chế hay không
Tối thắng buông bỏ hành
Tâm dứt suy nghĩ hành
Như đập bể vỏ trứng.*

Biết tiết chế hay không: Tiết là hành hữu vi. Không biết tiết chế thì lâu ngày ôm bệnh, không suy nghĩ chánh đạo, sáu giác quan bị bít kín, không hiểu nghĩa đạo, cho nên nói: Biết tiết chế hay không.

Tối thắng buông bỏ hành: Đức Chí Chân Đẳng chánh giác là bậc tối thắng, đã buông bỏ ba cõi, không còn tạo nghiệp nữa, cho nên nói: Tối thắng buông bỏ hành.

Tâm dứt suy nghĩ hành, như đập bể vỏ trứng: Như có người nhập định bất cứ khi nào, bởi ý đã định nên thành tựu đạo quả. Như các loài sinh bằng trứng, khi bỏ vỏ là nó đã thành hình, ở đây cũng vậy, là buông bỏ nghiệp cũ thì thành tựu hạnh vô lậu, cho nên nói: Tâm dứt suy nghĩ hành, như đập bể vỏ trứng.



*Thí pháp hơn các thí
Vui pháp hơn các vui
Sức nhẫn hơn các sức
Ái hết, khổ để mau.*

Thí pháp hơn các thí: Vì sao nói thí pháp là hơn hết trong các thứ bố thí? Thí pháp là việc lành,

việc tốt, không có các tai họa. Chúng sinh nghe pháp, tâm ý được mở sáng, ai cũng được giải thoát. Về tài thí, thì một là người có đầy đủ, hai là người chê bai tức giận, bởi tâm bố thí của người có cao thấp khác nhau. Như Đức Phật nói pháp nhiệm mầu cho vua Bình-sa nghe, khi ấy có tám muôn vị trời, mười hai ngàn người dân Ma-kiệt. Đức Phật lại nói pháp nhiệm mầu cho Thích Đề-hoàn Nhân nghe trong hang đá thì tám muôn vị trời đều nghe được pháp nhiệm mầu, các căn đều thông đạt, không còn bị trở ngại, cho nên nói: Thí pháp hơn các thí. Về tài thí, ngày nay người thọ thí được rồi lại mong cầu, trong đó có người mong cầu sinh lên cõi trời, người ấy nghe pháp từ kiếp này sang kiếp khác không có cùng tận, cho nên nói: Thí pháp hơn các thí.

Vui pháp hơn các vui: Người ở thế tục được hưởng vui, đó là gốc của loạn tướng, đó chính là tạo nhân địa ngục. Về vui pháp thì thông đạt giảng nói, ai hỏi thì đáp không lúng túng. Diễn đạt thông suốt quán ý cuộn cuộn chảy vào tai, cho nên nói: Vui pháp hơn các vui.

Sức nhẫn hơn các sức: Thuở xưa, có vị vua nước bên cạnh, dấy binh đi đánh nước địch. Các quan bèn tâu vua:

— Nước bên cạnh dấy binh sang đánh nước ta, hiện giờ đã đến gần, cúi xin bệ hạ hãy chuẩn bị để nghênh chiến.

Vua bảo các quan:

– Đó là việc không quan trọng, cần gì các khanh phải nghĩ chuyện nghênh chiến?

Quân giặc đã đến gần, đánh phá cổng thành. Các quan lại tâu vua:

– Hiện nay giặc đã tới bên ngoài. Xin vua là đáng sáng suốt hãy nghĩ kỹ lo liệu.

Vua bảo các quan:

– Dù giặc đã tới bên ngoài nhưng cũng không đáng lo xa, mỗi người hãy tự lo cho mình, không cần lo việc công này.

Khi quân giặc bạo ngược đã vào bên trong thành, các quan lại thưa vua:

– Giờ đây đã vào bên trong thành rồi, chẳng hay đức vua sáng suốt chuẩn bị gì chưa?

Nhà vua bảo các quan:

– Việc ấy nhỏ nhặt đâu đáng cho bề trên nghe.

Vua nước bên cạnh đã tiến đến cung điện. Các quan lại thưa vua:

– Hiện giờ vua nước bên cạnh đã tiến đến cung điện, chẳng hay bậc Thánh tôn có lo lắng gì chưa?

Nhà vua đáp:

– Nay ta đang sống trên đời mà mọi thứ đều biến chuyển không ngừng. Cái gì thịnh thì chắc chắn có suy, có gặp gỡ thì có chia lìa, ta phải cởi bỏ vương phục, đổi hình dạng như kẻ ăn mày. Ta tự lui vào chốn núi sâu, suy nghĩ đạo đức để tự vui.

Nếu ông vua bạo ác kia muốn bắt sống ta, giết chết thân này thì ta không hề chối tội của mình. Vì sao? Vì mất nước, mất dân là chỉ do một người. Nay ta chết mà muôn dân khỏi nạn, há không phải là hạnh phúc lớn của ta sao?

Khi ấy, vua nước địch nghe vậy, khen là việc chưa từng có, bèn nói lớn:

– Hay lắm, hay lắm đại vương! Từ xưa đến nay, không ai sánh bằng ngài. Ta tuy chiến thắng nhưng không sánh bằng ngài, ngài đã mở lòng quảng đại nhân từ, không màng vinh hoa thế gian. Từ nay trở đi, xin ngài trở về cai trị nước của mình.

Rồi hai vua cai trị, đối xử với nhau như chính mình không khác, cho nên nói: Sức nhân hơn các sức.

Ái hết, khổ đế mâu: Ái dục chính là nguồn gốc của mọi kết sử. Người học đạo thì trước phải dứt bỏ ái kết, sau đó dần dần bước vào con đường vô lậu, cho nên nói: Ái hết, khổ đế mâu.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỀN 24

Phẩm 28: Quán (Suy xét)

*Khéo quán xét lỗi mình
Để lỗi không bày ra
Ai nấy có hiềm khích
Như bụi nhẹ bay kia.*

Khéo quán xét lỗi mình: Người ta chỉ thấy lỗi xấu của kẻ khác mà không thấy lỗi xấu của mình. Cho mình phải, cho người trái, gièm pha lẫn nhau, như quan Điền trường coi việc thu lúa thóc, khen ngợi coi trọng kẻ ở gần, coi thường người ở xa, cho nên nói: Khéo quán xét lỗi mình, để lỗi mình không bày ra. Ai nấy có hiềm khích, như bụi nhẹ bay kia.



*Nếu khoe mình không lỗi
Hai việc sẽ cùng đến
Chỉ thấy người làm lỗi
Thường có tâm nguy hại
Nhìn xa không thấy gần.*

Người ta sống trên đời phần nhiều tự khen ngợi mình, tự khoe khoang công đức mình, đời không

ai bằng. Những việc ta thực hành như giới, văn, tuệ, thí là tôn quý, là đặc biệt, là không ai sánh bằng, cho nên nói: Nếu khoe mình không lỗi.

Hai việc sẽ cùng đến: Như kẻ đánh bài lận, hề kẻ gian lận thì thắng, người ngay thẳng thì thua. Người giữ hạnh, tu đức cũng như vậy, là tự biết lỗi lầm của mình không để ai thấy, cho nên nói: Hai việc sẽ cùng đến.

Chỉ thấy người làm lỗi, thường có tâm nguy hại: Người không tự xét, chỉ thấy việc bên ngoài, các pháp bất thiện, những tai họa xấu ác, rơi vào đường ác, không đến cõi lành, gieo khổ địa ngục, ngã quỉ súc sinh, cho nên nói: Chỉ thấy người làm lỗi, thường có tâm nguy hại.

Đất trời cách biệt nhau, không thấy pháp chân, không thấy pháp chẳng phải chân, cho nên nói: Nhìn xa không thấy gần.



*Biết then, thọ hơn hết
 Điều ham ăn bị bắt
 Lực sĩ không sợ hãi
 Hạng ấy sống ngắn ngủi.*

Biết then là hơn hết: Người ta sống trên đời này, không biết hổ then, không kiêng sợ điều gì, như trâu chạy rong không hề sợ hãi. Người ngu dân cũng giống như vậy, họ sinh tâm làm mọi chuyện không hề sợ hãi, cho nên nói: Biết then, thọ hơn

hết.

Điều ham ăn bị bắt: Như điều bay trên cao, nhưng do ham ăn, nào biết tránh né lưới bẫy. Chúng sinh cũng giống như vậy, tham đắm tài sắc không biết thỏa mãn, cho nên nói: Điều ham ăn bị bắt.

Lực sĩ không sợ hãi: Như người lực sĩ không biết sợ hãi, giữa chốn đông người muốn làm gì thì làm, không ai bằng. Nếu ai đến trách mắng khuyên can thì tâm liền tức giận giết chết người ấy, cho nên nói: Lực sĩ không sợ hãi.

Hạng ấy sống ngắn ngủi: Người ta sống trên đời này, có thói quen khinh người quý mình. Chỉ chấp vào điên đảo, mê lầm không tỉnh ngộ. Xâm phạm đồ đạc của Tam bảo, ý mình làm càn. Những hạng người ấy, sống không dừng lâu, cho nên nói: Hạng ấy sống ngắn ngủi.



*Biết thẹn, không hết thọ
Thường cầu hạnh thanh tịnh
Oai nghi không thiếu sót
Phải xét thọ chân tịnh.*

Biết thẹn không hết thọ: Người biết hổ thẹn thì không tha thiết lắm đối với chuyện cơm áo, tiền của có được đều ban bố cho mọi người. Áo thô cơm dở, không ưa trang sức. Giữ thân sống tạm qua ngày, không mong cầu giàu sang, cho nên nói:

Biết thẹn không hết thọ.

Thường cầu hạnh thanh tịnh: Mọi việc làm đều thanh tịnh, không gây ra những việc tà vạy. Thân, miệng, ý khớp với hạnh vô thượng. Cũng biết giữ gìn sự thanh tịnh bên ngoài nên nói ra lời gì đều vừa lòng người đối diện, không làm tổn hại người khác, cho nên nói: Thường cầu hạnh thanh tịnh.

Oai nghi không thiếu sót: Gom nhiếp các giác quan, không để rong ruổi, cho nên nói: Oai nghi không thiếu sót.

Phải xét thọ chân tịnh: Mọi hành động cử chỉ, nói năng, ăn uống là để nuôi mạng sống, cho nên nói: Phải xét thọ chân tịnh.



*Thế gian đều mù tối
Có mắt, ít có tai
Bầy chim sa vào lưới
Sinh thiên có mấy ai?*

Thế gian đều mù tối: Như kẻ mù không thấy hình sắc đẹp xấu, cao nguyên hay đồng bằng, chúng sinh trong thế gian này cũng giống như thế, họ bị dâm, nộ, si che lấp, không thấy việc làm thiện ác, không biết tốt xấu, cũng lại không biết pháp dữ, pháp lành; ý tự mê lầm, không mong cầu điều thiện. Cho nên nói: Thế gian đều mù tối.

Có mắt, ít có tai: Trong kinh Trường A-hàm

chép:

Đức Phật bảo Phạm chí Trường Trảo:

– Trên đời này, rất ít người tu thiện. Tóm lại chúng sinh tà kiến điên đảo nhiều hơn đất trên mặt đất. Không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tỳ-kheo Tăng, không biết cha mẹ, cũng không biết trên dưới, cao thấp, chúng sinh chánh kiến thì ít như đất dính trên móng tay. Hiểu biết dù không sai lầm nhưng nguyện ước không giống nhau. Như ngoại đạo Phạm chí Ni-kiền tử xuất gia học đạo, ai cũng đều cho mình là cao quý, sách vở khác nhau, mong cầu giải thoát. Họ chấp chặt ý ngu mê nên không đạt được đại đạo. Người chánh kiến không có bao nhiêu.

Cho nên nói: Có mắt, ít có tai.

Bầy chim rơi vào lưới: Như người thợ săn giăng lưới, giương bẫy bắt chim. Họ bắt được vô số loài chim thú, thoát khỏi lưới chỉ có một, hai con. Chúng sinh được sinh lên cõi trời cũng giống như vậy, chỉ một, hai người được hưởng phước trời. Như trong kinh Tạp A-hàm có viết:

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Chúng sinh bị đọa vào địa ngục nhiều như đất trên mặt đất. Hết khổ địa ngục này thì sinh qua địa ngục khác; ngã quỷ, súc sinh cũng giống như vậy. Chúng sinh được sinh lên cõi trời ít như đất dính trên móng tay.

Cho nên nói: Như chim sa vào lưới, sinh Thiên có mấy ai.



*Quán suy hao ở đời
Chỉ thấy các sắc đổi
Kẻ ngu tự buộc mình
Bị mê tối trời buộc,*

Quán suy hao ở đời, chỉ thấy các sắc đổi:
Người ta sống trên đời sự thay đổi có trăm ngàn thứ, việc làm không giống nhau, thế gian có ba thứ: 1. Khí thể gian; 2. Âm thể gian; 3. Chúng sinh thể gian.

Khí thể gian chỉ cho ba ngàn đại thiên, cõi nước.

Chúng sinh thể gian chỉ cho chúng sinh trong ba cõi, bốn cách sinh, năm đường.

Âm thể gian là sắc âm, vô sắc âm. Trong ba cõi thì chú trọng cõi chúng sinh. Vì sao nói pháp suy hao? Suy hao là do dâm, nộ, si làm suy hao, giống như những người đi buôn đến phương xa, gặp cướp bóc, bị cướp mất hết tiền của báu vật, các loài chúng sinh này cũng giống như vậy, bị dâm, nộ, si, cướp đoạt hết hàng hóa tiền bạc căn lành. Mọi người đều trông thấy sự suy hao ấy, có hằng ngàn muôn chúng sinh thoát khỏi sự cướp bóc ấy, cho nên nói: Quán suy hao ở đời, chỉ thấy các sắc đổi.

Kẻ ngu tự buộc mình, bị mê tối trời buộc: Ở

đời có nhiều người việc làm khác nhau, thường bị trói bởi hai phược; một là kết sử phược, hai là âm phược, do hai thứ này trói buộc, vô minh che kín, cho nên không có khả năng vượt thứ lớp chứng quả, dứt sạch hữu lậu, thành vô lậu. Như người có tội bị giam trong ngục, không thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng, các loài chúng sinh này cũng giống như vậy họ bị giam hãm trong căn nhà vô minh, bị dâm, nộ, si trói buộc, muốn cầu giải thoát cũng khó được, cho nên nói: Kẻ ngu tự buộc mình, bị mê tối trói buộc.

Cũng không thấy hành quán, cũng không có gì của ta, bởi tính quán xét nên không thấy được cội gốc công đức. Lại dùng trí biết tâm người khác để thoát khỏi nạn này, nhưng không có một căn lành nào thì làm sao thoát khỏi được. Như có kẻ rớt xuống hầm xí, bị phản nhor dính đầy khắp mình, lại có người lòng Từ bi thương xót muốn cứu kẻ đó, bèn tìm chỗ sạch trên mình để đưa tay kéo lên, nhưng khắp mình không còn chỗ nào sạch cả, đành phải bỏ đi. Người vô lậu quán xét chúng sinh, tìm xem có chút căn lành nào để cứu vớt chữa trị, nhưng xem khắp thì không thấy có gốc lành nào để cứu chữa cả. Bậc Thánh nhân tự nghĩ mà than: “Chao ôi! Toàn là những người suy hao!” Tội nặng đến như thế, cho nên nói: Cũng không thấy hành quán, cũng không có gì của ta.



*Chúng sinh đều có ngã
Bởi ngã sinh tai họa
Mỗi mỗi đều không thấy
Bị gai tà kiến đâm.*

Chúng sinh đều có ngã, bởi ngã sinh tai họa:
Trên đời này có nhiều người tâm tính điên đảo, các loài chúng sinh do ngã tạo tác, từ ngã phát sinh. Lại có người nói: Do cái khác mà sinh, do cái khác mà có, cho nên nói: Chúng sinh đều có ngã, bởi ngã sinh tai họa.

Mỗi mỗi đều không thấy, bị gai tà kiến đâm:
“Mỗi mỗi” là chỉ cho ngoại đạo Phạm chí, họ không suy nghĩ chánh kiến mà tin theo tà kiến điên đảo, cho nên nói: Mỗi mỗi đều không thấy, bị gai tà kiến đâm.



*Quán nhân duyên gai này
Bởi chúng sinh nhiễm đắm
Ta làm chẳng của kia
Kia làm chẳng của ta.*

Quán nhân duyên gai này: Gai ở đây là gai tà kiến, nhân duyên chỉ cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người. Trời và người mỗi cõi khác nhau là bởi tạo nghiệp khác nhau, cho nên nói: Quán nhân duyên gai này.

Bởi chúng sinh nhiễm đắm: Ngoại đạo dị học đem ngày chăm chú, vội vàng, đều tự cho mình

chân chính, tin theo tà kiến điên đảo. Không thể buông bỏ để trở về đường chánh, cho nên nói: Bởi chúng sinh nhiễm đắm.

Ta làm chẳng của kia, kia làm chẳng của ta:
Họ đều tự cho mình là chân chánh, cùng nhau sai lầm, các loại chúng sinh đều do ta làm ta tạo, chẳng phải của người kia. Lại tự nghĩ: “Người kia tạo, người kia làm, chẳng phải của ta.” Cho nên nói: Ta làm chẳng của kia, kia làm chẳng của ta.



*Chúng sinh bị mạn trối
Nhiễm đắm vào kiêu mạn
Bị kiến chấp mê lầm
Không khỏi bờ sinh tử.*

Chúng sinh bị mạn trối, nhiễm đắm vào kiêu mạn: Người nọ tự nghĩ về tánh ý mình rồi sinh tâm kiêu ngạo: “Ta là bậc tối tôn, tối thượng giữa mọi người. Trong họ hàng bà con, nếu nhìn về ruộng vườn, nhà cửa, tôi tớ, gia sản thì không ai bằng ta”, giữ khư khư tánh kiêu ngạo ấy không bao giờ lìa bỏ, cho nên nói: Chúng sinh bị mạn trối, nhiễm đắm vào kiêu mạn.

Bị kiến chấp mê lầm, không khỏi bờ sinh tử:
Kẻ chấp theo thường kiến thì không tương ưng với kẻ chấp theo đoạn diệt kiến, kẻ chấp đoạn diệt kiến thì không tương ưng với kẻ chấp theo thường kiến. Cả hai hạng người này đều không thể ra khỏi sinh

tử để đến bờ vô vi, cho nên nói: Bị kiến chấp mê lầm, không khỏi bờ sinh tử.



*Đã kịp và sẽ kịp
Cả hai bị trần cấu
Quen với cội gốc bệnh
Học những gì phải học.
Xét những người giữ giới
Bậc phạm hạnh thanh tịnh
Chăm sóc người đau ốm
Đó là cội bờ mé.*

Trên thế gian có những chúng sinh tâm tà kiến lẫy lừng, tham đắm vào ái dục, không thể lìa bỏ. Khi tu hành khiết dục thanh tịnh thì họ khởi tâm kiêu mạn, không tự sửa đổi. Đó gọi là bờ mé thứ hai. Đó gọi là các bậc Hiền tăng thêm các đắm trước.

Đã kịp và sẽ kịp: Loại có thân hoặc loại không có thân, cả hai đều còn phiền não, một là phiền não tà kiến, hai là phiền não ái dục, bị kết sử sai khiến, không thể lìa bỏ được, cho nên nói: Cả hai đều bị trần cấu.

Quen với cội gốc bệnh: Chỉ cho ngoại đạo dị học, họ luyện tập kỹ thuật làm cho mình tiến lên.

Học những gì phải học: Có các chúng sinh học các kỹ thuật như cỡi ngựa, đánh xe và làm đầy đủ vô số việc. Làm đủ những việc ấy mới được giải

thoát, cho nên nói: Học những gì phải học.

Xét những người giữ giới: Hoặc có Phạm chí vâng giữ giới cấm; hoặc có người giữ giới quạ, họ cất tiếng như quạ kêu; hoặc có người giữ giới chim trọc đầu thì lúc nào họ cũng quỳ mọp bắt chước tiếng kêu của chim trọc đầu; hoặc có người giữ giới nai thì họ phát ra âm thanh như nai. Cho nên nói: Xét những người giữ giới.

Bậc phạm hạnh thanh tịnh: Hàng ngoại đạo dị học kia họ tự nói với nhau rằng cứ hai người một tu hành tịnh hạnh thì liền được giải thoát, đến nơi thanh tịnh. Còn như ai thờ lửa, thờ mặt trời, mặt trăng, thờ thần châu báu, cỏ thuốc, y phục, cung điện, nhà cửa thì sau này sẽ được đến cõi vô vi, cho nên nói gọi là bờ mé thứ nhất.

Trên thế gian có chúng sinh tâm tà kiến lẫy lừng, tham đắm ái dục không thể lìa bỏ. Về dục thanh tịnh, nếu người ngoài tu tập, có phạm dục không lỗi. Đó gọi là bờ mé thứ hai. Gọi là các bậc Hiền tăng thêm các đấm trước, nếu hiểu rõ việc này thì không còn bị trôi lăn.

Người có mắt nhìn xem: Người có mắt chỉ cho chư Phật, Thế Tôn. Ai có lòng tin, thì có khả năng quán sát sự trôi lăn trong sinh tử không dừng, cho nên nói: Người có mắt nhìn xem. Ai xóa bỏ được hai bên này thì không còn đấm nhiễm, không khởi trần lao, đây gọi là bờ mé.



*Phải quán bọt trên nước
Và quán ngựa lóa nắng (giữa đồng)
Như thế, không quán thân
Thì không thấy thân chết.*

Phải quán bọt trên nước, và quán ngựa lóa nắng: Bọt nước kia không tồn tại lâu. Thuở xưa, có nàng công chúa được vua cha quý yêu, không bao giờ rời khỏi tầm mắt ông. Khi ấy, trời mưa to, bong bóng nổi trên mặt nước. Thấy những bong bóng ấy công chúa thích lắm. Nàng thưa cùng vua cha:

– Con muốn được những bong bóng trên nước ấy để kết thành tràng đội đầu.

Vua bảo công chúa:

– Bong bóng nước không thể giữ gìn, làm sao lấy được để xỏ thành tràng?

Công chúa thưa:

– Nếu không xỏ được thành tràng thì con sẽ tự sát.

Nghe công chúa nói vậy, nhà vua liền vời các tay thợ giỏi đến bảo:

– Các khanh là tay thợ giỏi, không chuyện gì không làm được. Vậy thì hãy mau mau lấy bong bóng nước xỏ thành tràng cho con gái ta đeo. Nếu không làm được thì các người sẽ bị chém đầu.

Người thợ liền thưa vua:

– Chúng tôi không thể lấy bong bóng để xỏ thành tràng được.

Nhưng trong số đó, có một người thợ già tự nói mình có khả năng làm chuyện ấy, ông liền bước đến thưa vua:

– Thần có thể lấy bong bóng nước để xỏ thành tràng cho bệ hạ.

Vua nghe vậy mừng rỡ, gọi công chúa đến bảo:

– Hiện giờ, có một người có khả năng xỏ râu bong bóng nước cho con, con hãy tự đến xem.

Công chúa nghe lời vua ra ngoài để xem. Khi ấy, người thợ già bèn thưa với công chúa:

– Tôi vốn không phân biệt được bong bóng nào tốt, bong bóng nào xấu. Cúi mong công chúa hãy tự mình chọn lấy rồi đưa tôi, tôi sẽ xỏ thành râu cho.

Công chúa liền đưa tay vớt bong bóng, nhưng hễ vừa vớt là bong bóng bể ngay, không vớt được cái nào. Cứ vớt như vậy cả ngày vẫn không được cái nào. Công chúa mỏi mệt, bỏ đi, đến thưa với vua cha:

– Bong bóng giả dối không tồn tại lâu, thôi cha hãy xỏ cho con râu vàng ròng, suốt ngày đêm không bao giờ héo tàn.

Bong bóng nước làm mê làm mất người, dù có hình chất nhưng vừa sinh thì liền diệt, dương diệm, ngựa lóa nắng cũng giống như vậy. Con người khát

vọng ái dục, mệt nhọc rồi bỏ mạng. Thân người luống dối, vui ít, khổ nhiều, là pháp bị tiêu diệt, không tồn tại lâu dài, đổi đời biến động trên đời nào có bao lâu, rồi cũng bị thần chết dòm ngó? Cho nên nói: Phải quán bọt trên nước và quán ngựa lóa nắng, như thế không quán thân thì không thấy thần chết.



*Phải quán bọt trên nước
Và quán ngựa lóa nắng
Như thế, không quán đời
Thì không thấy thần chết.*

Không quán đời: Thân năm âm lấy lòng, không tồn tại lâu mà sẽ bị hoại diệt. Nếu ai diệt được thân năm âm này thì không gặp thần chết.



*Như vậy, phải quán thân
Như xe vua nhiều màu
Kẻ ngu rất đắm nhiễm
Người lành muốn lánh xa.*

Như vậy, phải quán thân, như xe vua nhiều màu: Như xe vua đi có tô vẽ nhiều màu, tuy có hình sắc nhưng không bền chắc, không thể chở nặng được, cho nên nói: Như vậy, phải quán thân, như xe vua nhiều màu.

Kẻ ngu rất đắm nhiễm, người lành muốn lánh xa: Kẻ ngu tham đắm thân này, còn người trí thì xa

bỏ đi như bỏ phân dơ, cho nên nói: Kẻ ngu rất đắm nhiễm, người lành muốn lánh xa.



*Như vậy, nên quán thân
Như xe vua nhiều màu
Kẻ ngu rất đắm nhiễm
Người trí thì xa lìa.*

Người trí biết có dao động nên tâm không ưa thích, ý thường muốn xa lìa như tránh xa hỏa tai, cho nên nói: Người trí thì xa lìa.



*Như vậy, nên quán thân
Biết nguyên nhân gây bệnh
Bệnh, ở chung kẻ ngu
Đâu đáng để nương cậy?*

Người ta sinh ra từ bào thai là do nhân duyên đời trước, có người nhiều bệnh, có người ít bệnh, hình tướng tốt xấu khác nhau, cho nên nói: Như vậy, nên quán thân, biết nguyên nhân gây bệnh, bệnh ở chung kẻ ngu, đâu đáng để nương cậy.



*Nên quán hình tượng vẽ
Tóc xanh ngọc Ma-ni
Kẻ ngu duyên theo đó
Không cầu đến bờ kia.*

Nên quán hình tượng vẽ, tóc xanh như ngọc Ma-ni: Dùng các chất thơm gội tóc. Mùi thơm gội

tóc bay xa, cho nên nói: Nên quán hình tượng vẽ, tóc xanh như ngọc Ma-ni.

Kẻ ngu mãi quyền luyện, không cầu đến bờ kia: Kẻ ngu bị trời buộc, không thể xa lìa được, không có phương tiện khéo léo nào để đến bờ bên kia. Bờ bên kia là Niết-bàn dứt hết phiền não, cho nên nói: Kẻ ngu mãi quyền luyện, không cầu đến bờ kia.



*Nên quán hình tượng vẽ
Tóc xanh ngọc Ma-ni
Kẻ ngu duyên theo đó
Người trí lại nhàm chán.*

Người có trí tuệ phân biệt quan sát tinh vi, suy nghĩ tính lường, không khởi tâm đắm nhiễm, cho nên nói: Người trí lại nhàm chán.



*Giọng dùng màu vẽ hình
Trang điểm thân dơ xấu
Kẻ ngu bám vào đó
Không chịu cầu tự độ.*

Thuở xưa, có một người giàu có, nhiều tài sản vật báu. Ông trưởng giả tự nghĩ: “Các Đạo nhân tuổi còn trẻ, tình dục chưa dứt, nay ta nên thỉnh các vị ấy đến nhà, sai các cô gái dâng đồ cúng dường. Nếu ai có dục tình là ta biết ngay.” Ông liền tới chùa thỉnh các đạo sĩ tuổi trẻ đến nhà trưởng giả.

Các cô gái trang điểm, mặc áo mới đều ra lễ bái, khởi tâm cung kính. Khi ấy, có vị La-hán đã chứng được sáu thứ thần thông biết sự việc ấy, ngài liền hóa thành một người chết, xương cốt máu thịt tan biến hết, đầu lâu, tay chân mỗi nơi một món. Khi ấy vị La-hán bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Các thầy phải chuyên tâm cầu giải thoát. Chớ nhìn nữ sắc, chớ khởi tâm dơ bẩn.

Khi ấy, vị trưởng giả thấy điềm lạ kia, khen là việc chưa từng có, trong tâm tự trách, biết việc mình làm là sai quấy, ông bèn gieo năm vốc sát đất, xin sám hối:

– Hôm nay con mới biết pháp nhiệm mầu.

Còn các cô gái thì hổ thẹn liền chạy về nhà. Khi ấy vị La-hán bảo vị trưởng giả:

– Phật pháp sâu rộng mênh mông không bờ bến, ngày nay ông đem trí lượng của phàm phu mà đo lường bậc Thánh, đó là điều không đúng lý, khác gì lấy cục đất mà so sánh với núi Tu-di, lấy thăng mà muốn đo lường nước biển.

Lúc bấy giờ, vị Tỳ-kheo liền nói bài kệ này:

*Gượng dùng màu vẽ hình
Trang điểm thân như xấu
Kẻ ngu bám vào đó
Không tự cầu độ thoát.
Chải tóc rẽ tám phần
Mắt lành, tai đeo ngọc*

*Kẻ ngu bị đắm nhiễm
Không tự cầu độ thoát.*

Nói hai bài kệ xong, thầy Tỳ-kheo đứng dậy ra đi. Lúc ấy vị trưởng giả và các cô gái kia tâm lạnh tự phát sinh, cung kính Tam bảo, sau này mỗi vị đều thành tựu dấu đạo.



*Đắm mê dục, nhiễm dục
Không rõ kết sử bám
Không cho khởi kết sử
Phải lợi dòng dục hữu.*

Đắm mê dục, nhiễm dục: Ở đời, mọi người đều có chí hướng khác nhau. Có người nhẹ về ái dục, có người nặng về ái dục. Ai nặng về ái dục thì không đạt được pháp của bậc Thánh hiền, cho nên nói: Đắm mê dục, nhiễm dục.

Không rõ kết sử bám: Các tâm lý tham ganh, bòn xén, là bệnh nặng nhất trong các thứ bệnh. Nó vào sâu trong xương tủy, không thầy thuốc nào chữa được. Chết chứa tài sản ức muôn nhưng không chịu bố thí, khi chết không mang theo được một đồng tiền. Nếu ai tu hành mà còn tham lam, ganh tỵ thì thân không có oai thần, chịu cảnh nghèo nàn, bà con họ hàng không hòa thuận, bị mọi người khinh thường, cho nên nói: Không rõ kết sử bám.

Không cho khởi kết sử, phải lợi dòng dục hữu: Dòng nước dục có bốn thứ, với mỗi việc khác

nhau, bốn thứ ấy là gì?

Dòng nước ái dục (*dục lưu*).

Dòng nước hữu lậu (*hữu lưu*).

Dòng nước vô minh (*vô minh lưu*).

Dòng nước kiến chấp (*kiến lưu*).

Các loài chúng sinh chìm đắm trong sinh tử đều do bốn dòng nước này nhận chìm. Vì không thể lội qua bốn dòng nước kết sử này cho nên cứ mãi trôi lăn trong năm đường, cho nên nói: Không cho khởi kết sử, phải lội dòng dục hữu.



Trên tất cả vô dục

Phải xét đại quán này

Như thế có giải thoát

Cho ai chưa được độ.

Trên tất cả vô dục: Trên là cõi Sắc, cõi Vô sắc. Dục là cõi Dục. Đối với ba cõi này không còn ba độc, nên ở trong đó được giải thoát hẳn, cho nên nói: Trên tất cả vô dục.

Phải xét đại quán này: Người vô dục là đệ tử bậc nhất của Phật. Đức Phật có bốn hạng đệ tử mà A-la-hán là hơn hết, đáng tôn, đáng quý, không có ai hơn, cho nên nói: Phải xét đại quán này.

Như thế có giải thoát: Bậc Thánh tu hành không phải vì mình, được tự tại đối với bốn kết sử, không dính mắc vào hành vi của thân, miệng, cho nên nói: Như thế có giải thoát.

Cho ai chưa được độ: Từ xưa đã trải qua tai nạn sinh tử chưa được độ thoát, nay phải tìm cách vượt ra ba cõi, không còn thọ thân bốn đại nữa, cho nên nói: Cho ai chưa được độ.



*Không phải vườn, thoát vườn
Thoát khỏi lại vô vườn
Phải quán sát người này
Thoát buộc lại bị buộc.*

Thuở xưa, Đức Phật ngự trong vườn Ni-câu-loại, thuộc nước Thích-xí-sưu-ca-duy-la-kiệt. Khi ấy, đã đến giờ, Đức Thế Tôn đắp y ôm bát cùng thị giả A-nan đi vào thành Ca-duy-la-kiệt khát thực. Khi ấy chàng trai Nan-đà đang đứng trên lầu cao, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn vào thành khát thực, chàng liền vội xuống lầu, đến chỗ Phật, lễ lạy sát chân Phật, bạch:

– Như Lai sinh từ giai cấp giàu sang ở vùng kinh thành, rồi sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương, vì sao tự làm nhục mình bằng cách ôm bát đi khát thực như vậy?

Khi ấy, Nan-đà lấy bình bát của Như Lai đem vào thành để những món ăn ngon. Sau khi thấy Nan-đà vào nhà, Đức Phật liền bảo Tôn giả A-nan:

– Nay Ta đi về phía vườn Ni-câu-loại. Nan-đà trở ra thì chớ nhận lại bình bát. Ông hãy nói với Nan-đà rằng: Chính Nan-đà phải đem bát đến tận

chỗ Như Lai.

Nan-đà nghe Tôn giả nói lại như vậy nên phải đi theo sau mà giao bát. Vợ Nan-đà chạy theo sau nói với:

– Hãy mau trở về sớm để ăn cơm, chớ đi lâu.

Nan-đà đi không bao lâu, người vợ còn sai người đưa thư là xong thì về ngay chớ ở lâu. Sở dĩ trịnh trọng như vậy là cô sợ Nan-đà bỏ nhà đi xuất gia.

Nan-đà ôm bát đến chỗ Thế Tôn, hai tay dâng bình bát lên cho Thế Tôn:

– Cúi xin Ngài nhận lãnh, bây giờ con muốn trở về nhà.

Đức Phật bảo Nan-đà:

– Người đã đến đây, thì bây giờ nên xa gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Cớ sao lại từ chối mà muốn trở về nhà?

Khi ấy Như Lai dùng năng lực oai thần bắt buộc Nan-đà phải xuất gia học đạo, nhốt trong tịnh thất, không trở về nhà. Như vậy, trải qua bao tháng ngày, theo thứ lớp đến phiên trực, bây giờ là đến phiên Nan-đà. Nghe vậy, trong tâm Nan-đà vui mừng: “Nay đến phiên ta trực, sự việc được thông dong. Nhân lúc rồi việc này ta nên trốn về nhà.” Rồi phiên trực đến, Nan-đà lo múc nước, quét đất, đâu đó đều xong hết. Khi ấy, Thiên thần theo che chở Nan-đà làm cho nước múc đầy tự nhiên đổ tràn

hết ra đất, cỏ rác lại mọc lan nhanh, các cửa đang đóng bỗng nhiên mở toang ra hết. Nan-đà thầm nghĩ: “Ta thuộc gia cấp vương giả, tài sản vật báu nhiều không thiếu chi. Nay ta cứ trốn về nhà, nếu có mất mát thứ gì thì ta sẽ đền sau, bây giờ ta nên lén theo đường tắt, vì cậ²p theo đường lớn có thể gặp Như Lai.”

Nghĩ rồi, Nan-đà cỡi ba pháp y, mặc y phục thế tục vội vã đi nhanh. Đi chưa bao lâu thì gặp Như Lai đi lại ngược chiều. Vừa trông thấy, Nan-đà vội chạy núp sau cây to để giấu mình. Như Lai dùng năng lực thần thông khiến cây nọ đứng sau Nan-đà. Nan-đà chạy quanh kiếm nơi ẩn núp nhưng không có. Khi ấy Đức Thế Tôn lại dùng năng lực thần thông nhổ cây đại thọ treo lơ lửng trên hư không. Nan-đà núp vào rễ cây che mình. Như Lai liền đến trước mặt Nan-đà hỏi:

— Có việc gì Nan-đà đến đây vậy?

Nan-đà xấu hổ không đáp. Như Lai hỏi Nan-đà hai ba lần:

— Ông muốn đi đâu, sao im lặng không nói?

Bấy giờ Nan-đà mới nói:

— Muốn về nhà thăm vợ.

Đức Phật bảo Nan-đà:

— Người học đạo nhưng tâm không chuyên nhất, tâm ái dục tham đắm, không nghĩ đến họa bị thiêu thân ở đời sau.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Không phải vườn, thoát vườn
Thoát khỏi lại vô vườn
Phải quán sát người này
Thoát buộc lại bị buộc.*

Giờ đây, Ta dẫn ông lên cõi trời đạo chơi, ông nên tự chuyên tâm, chớ có lo sợ. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng năng lực thần túc, nắm tay Nan-đà bay lên cõi trời. Trông thấy một cung điện bằng bảy thứ báu vàng bạc trái đầy, ngọc nữ hầu hạ nhiều không tính kể, chỉ thuần là nữ, không có người nam, họ cũng không có chồng, khi ấy Nan-đà bạch Phật:

– Tại sao cung điện cõi trời này đầy vui sướng không đâu sánh bằng, điện đường bằng bảy chất báu, đàn trống kỹ nhạc reo vang, vui thú chưa hề thấy từ trước đến giờ, nhưng sao Thiên nữ ở đây lại không có chồng? Cúi mong Thế Tôn giải đáp cho thắc mắc của con.

Đức Thế Tôn bảo Nan-đà:

– Ông hãy đến đó hỏi sự thật, các Thiên nữ sẽ nói cho ông nghe.

Nan-đà vâng lời Đức Phật dạy liền đến chỗ cung điện kia, tình thật hỏi các Thiên nữ:

– Thiên nữ quý cô tự nhiên hưởng phước, với điện đường bằng bảy chất báu, vui chơi năm thứ âm nhạc, chẳng hay chồng quý cô hiện đang ở đâu?

Các Thiên nữ đáp:

– Ngài không biết sao? Ở cõi Diêm-phù-lợi, thành Ca-duy-la-kiệt, có người em cùng cha của Đức Phật Thích-ca tên là Nan-đà, sau khi chết sẽ sinh lên cõi trời này. Người ấy là chồng của chúng tôi.

Nghe vậy, Nan-đà mừng thầm, người mà Thiên nữ nói chính là ta rồi. Nan-đà liền trở về chỗ Phật, bạch hết việc ấy lên Đức Thế Tôn:

– Bạch Đức Thế Tôn, các cung điện này và ngọc nữ hầu hạ đều là của con hết.

Đức Phật bảo Nan-đà:

– Người phải mau tu phạm hạnh thì không bao lâu sẽ sinh lên đây hưởng phước tự nhiên.

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng năng lực thần túc, tay dắt Nan-đà xuống dạo chơi ở địa ngục. Đi ngang qua núi Thiết vi, thấy có một con khỉ cái mù, Đức Phật bảo Nan-đà rằng:

– Nàng Tôn-đà-lợi vợ ngươi có giống con khỉ cái mù này chăng?

Nan-đà bạch Phật:

– Thôi, thôi! Xin Thế Tôn chớ nói lời ấy, đâu thể sánh con khỉ mù này với nàng được? Bởi Tôn-đà-lợi là cô gái đẹp nhất trong các cô gái đẹp, sáu mươi bốn nghề không nghề nào nàng không biết.

Đức Thế Tôn bảo Nan-đà:

– So sánh con khỉ cái mù này với Tôn-đà-lợi,

rồi so sánh Tôn-đà-lợi với các Thiên nữ thì cách xa nhau ngàn muôn lần, không thể dùng thí dụ để so sánh.

Rồi Đức Phật dắt Nan-đà đến địa ngục, chỉ cho ông thấy bao nhiêu cảnh khổ đau, nào tra khảo đánh đập bằng roi gậy, chất độc, nhiều không thể tính kể. Có tám địa ngục lớn nung nấu người tội. Mỗi địa ngục lớn có mười sáu ngàn nhỏ bao quanh. Núi dao, rừng kiếm, xe lửa, lò than, đốt nướng, chung nấu khổ đau khó có thể nói hết. Có một cái vạc lớn, ngục tốt đứng chung quanh, lửa cháy phừng phừng, nước sôi sùng sục, nhưng không thấy người tội nào. Nan-đà bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay vì sao ở các địa ngục kia đều có người tội, còn trong cái vạc to này, lại không thấy người tội?

Đức Phật bảo Nan-đà:

– Ông hãy tự đến đó hỏi các ngục tốt, họ sẽ nói cho ông nghe lý do.

Nan-đà vâng lời Phật dạy, liền đến hỏi ngục tốt:

– Vì sao trong cái vạc này không người tội?

Ngục tốt đáp:

– Ở cõi Diêm-phù-lợi, con vua Chân Tịnh đã đắc đạo, người em cùng cha với Ngài tên là Nan-đà, là người buông lung, ham mê dâm dục. Tự ý mình giàu có, khinh chê mọi người. Sau khi y chết sẽ bị đọa vào vạc to này, trải qua nhiều kiếp mới

thoát khỏi. Ông nên biết việc ấy là như vậy.

Nghe vậy, Nan-đà nổi ốc khắp mình, toàn thân run rẩy, mặt biến sắc. Nan-đà đến chỗ Phật, bạch:

– Cúi mong Đấng Thiên Nhân Sư che chở ba cõi, nay con thấy việc ấy, lòng rất kinh sợ. Nan-đà liền ở trước Phật nói bài kệ:

*Nay bỏ ngôi cõi trời
Không tạo gốc sinh tử
Mong khỏi khổ địa ngục
Xin nói Niết-bàn lặng.*

Khi ấy Đức Thế Tôn dần dần nói pháp mầu cho Nan-đà nghe, hãy sống đời vô vi, sẽ đến được đạo tràng.



*Áo xanh, che lọng trắng
Nhà vua ngồi một xe
Thấy người hết bụi nhơ
Thoát hẳn các trói buộc.
Nhiều người cầu tự quy
Thần sông, núi, cỏ, cây
Vườn hoa và đình thần
Mong thoát các khổ nạn.*

Người có tâm lo sợ thì ý mê không tỉnh biết. Gặp chuyện thì cúng kiến van xin, không biết đâu là thật giả.

Thuở xưa, ở nước Nguyệt Chi, có vị vua tên Ác Thiểu, cả thiên hạ đều quy phục ông. Mẫu hậu dạy

vua:

– Nếu con gặp hiểm nạn lâm nguy thì cẩn thận, chớ đi vào phía trái ngôi chùa. Phải nhớ đi vào ở phía tay phải, hãy cẩn thận, chớ trái lời mẹ dạy.

Khi ấy, vua Ác Thiểu dẫn binh chúng đi đánh thành Thuần Tây. Chính tay vua cầm gươm giết ba ức người, chưa tới bốn ức người, trong khi quy định là phải đủ năm ức người. Sau đó, vua thua trận, phải cỡi voi chạy trốn. Chợt trông thấy bức hình Phật, ông nhớ lời mẹ dạy, bèn quày voi đi vòng phía tay phải. Quân địch thấy vậy liền rút về nước. Thấy giặc lui, vua liền đuổi theo sát, phá được giặc, trở về.

Nhớ lời Phật dạy, vua liền quy y Phật, là Bạc Tôn Quý, là Bạc Cao Thượng không ai sánh bằng, nếu ta không đi theo phía tay phải thì làm sao phá được giặc, cho nên nói: Nhiều người cầu tự quy, thần sông, núi, cỏ cây, vườn hoa và đền thần, mong thoát các khổ nạn.



*Đó chẳng quy y thượng
Thì chẳng được lợi lành
Nếu có người quy y
Không thoát tất cả khổ.
Nếu ai quy y Phật
Quy y Pháp và Tăng
Tu tập pháp Tứ đế*

*Thấy biết với trí tuệ.
 Nhân khổ, duyên khổ sinh
 Nên vượt gốc khổ này
 Tám phẩm đạo Thánh hiền
 Dứt hết, được cam lộ.
 Đó là quy y thượng
 Thì sẽ được lợi lành
 Nếu có người quy y
 Được thoát tất cả khổ.*

Người tu hành chỉ có tín và giới. Khi gốc tin đã có thì không hủy phá giới luật. Nếu ai quy y Tam bảo thì mọi nguyện đều thành tựu, được trời, người cúng dường, tự chứng được đạo, hưởng phước nhiều kiếp. Ai không có nơi nương tựa thì giống như cây không có gốc. Nếu có nơi nương tựa thì mọi việc đều kết quả.



*Quán, đã quán, sẽ quán
 Không quán thì nên quán
 Đã quán lại quán nữa
 Quán rồi không quán nữa.*

Quán là bốn lẽ chắc thật chân như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Người tu hành phải quán bốn lẽ chắc thật chân như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Quán là hiện tại, đã quán là quá khứ, sẽ quán là vị lai, sinh khởi trần lao đều do ba đời, trôi lăn trong sinh tử, không chứng được đạo, cho nên nói: Quán, đã quán, sẽ

quán.

Không quán thì nên quán: Không quán là không thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Như vậy, phải quán thật kỹ, xét thật sâu, biết một cách rạch ròi. Từ đó, không còn thấy bốn lẽ chắc thật chân như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, cho nên nói: Không quán thì nên quán.

Đã quán lại quán nữa: Tin tưởng và phân biệt Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Mỗi món đều suy nghĩ, nghiên cứu ý nghĩa của nó.

Quán rồi không quán nữa: Đã quán đã biết, không còn suy nghĩ nữa, cho nên nói: Không quán thì nên quán, quán rồi không quán nữa.



*Quán rồi lại quán nữa
Phân biệt bản tính nó
Tính lấy ngày làm đêm
Thân báu hoại, không lâu.*

Quán rồi lại quán nữa: Quán có hai thứ: một là quán tài sản, hai là quán nghĩa bậc nhất. Nếu quán tài sản thì càng tăng thêm kết sử, còn quán nghĩa bậc nhất thì dứt hết hữu lậu, trở thành vô lậu, cho nên nói: Quán rồi lại quán nữa.

Phân biệt bản tính nó: Có những người tánh hạnh khác nhau. Có nhiều cõi nước nên không phải chỉ có một giáo pháp. Bậc Thánh phân biệt mỗi pháp ấy, có người tâm ý tỏ ngộ, có người tâm ý

không tỏ ngộ, có người vừa tỏ ngộ vừa không tỏ ngộ. Tính tình mỗi người khác nhau nên tỉnh ngộ có mau chậm. Thế nên bậc Thánh dùng đạo dạy bảo, siêng năng tu hành, đêm ngày không biếng trễ, cho nên nói: Phân biệt bản tính nó.

Tính lấy ngày làm đêm: Các loài chúng sinh tánh hạnh khác nhau, có người suy nghĩ cội gốc hạnh lành, có người không suy nghĩ cội gốc hạnh lành. Gọi là tính ngày làm đêm.

Thân báu hoại, không lâu: Về tài sản ở thế gian, theo pháp thường ở đời thì suốt ngày gom góp rồi cũng phải hoại diệt, còn tài sản căn lành thì không bao giờ hoại diệt. Thế nên luật bản nói: Nên đổi thân không quý báu lấy thân quý báu, đổi tài sản không quý báu lấy tài sản quý báu, đổi mạng sống không quý báu lấy mạng sống quý báu, cho nên nói: Thân báu hoại, không lâu.



*Quán rồi, không quán nữa
Dù thấy cũng không thấy
Như thấy mà không thấy
Quán mà cũng không thấy.*

Quán rồi, không quán nữa: Người tu hành suy nghĩ diệu quán. Người đắc đạo quán sát biết người tu hành ấy, cũng không có diệu quán để suy nghĩ. Người đắc định có hai loại: một người được quán, một người không được quán. Lại có bậc Đạo sư

quán sát người tu hành, có người tương ưng với Thánh Đế, nếu không suy nghĩ quán sát rộng khắp thì không tương ưng với Thánh Đế, cho nên nói: Quán rồi, không quán nữa.

Quán mà cũng không thấy: Có nhiều người suy nghĩ tu tập đạo hạnh, lại quán sát những vật ở đời quá khứ lâu xa, có người đạt được, có người không đạt được. Mỗi thứ đều phân biệt sáng tỏ, không lẫn lộn, cho nên nói: Quán mà cũng không thấy.



Thế nào thấy, không thấy?

Sao nói thấy, không thấy?

Vì đâu thấy, không thấy?

Nhờ đâu khởi kiến chấp?

Thế nào thấy, không thấy: Hành nhân tu pháp chấp có, là pháp thường thanh tịnh. Không thấy là không thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo, cho nên nói: Thấy, không thấy.

Sao nói thấy, không thấy: Người tu hành chỉ thấy có một duyên, có người duyên theo sắc, có người duyên theo sắc, thanh, hương, vị. Có người suy nghĩ, có người không suy nghĩ, cho nên nói: Vì sao nói thấy, không thấy.

Vì đâu thấy, không thấy: Như có hai người các hạnh đã đầy đủ, công đức vẹn toàn nên dù sống trong sinh tử nhưng không yếu hèn, tâm muốn dứt

bỏ kết sử, không bị trở ngại. Nhưng một người thì tâm ý thiên lệch nên không đạt được rốt ráo. Một người không thấy phiền não để dứt bỏ nó, một người thì không thấy mình đang sống trong vòng sinh tử, cho nên nói: Vì đâu thấy, không thấy.

Nhờ đâu khởi kiến chấp: Nhờ pháp Thánh hiền mà tự thấy nghĩa xuất ly, mọi cầu mong đều đạt kết quả, không có gì trở ngại, cho nên nói: Nhờ đâu khởi kiến chấp.



*Nếu như không quán khổ
Thường phải tự quán sâu
Giải thoát cội nguồn khổ
Gọi là quán sáng màu.*

Nếu như không quán khổ: Như người học đạo không thấy khổ, không, vô thường, vô ngã, cũng không phân biệt các hành ấm, nên bị đọa lạc. Tự quán sự như bản bất tịnh trong thân, từ đầu cho đến chân, không có một thứ nào đáng ham mê. Ta có ngã về ta, sắc có ngã về sắc, cũng không phân biệt gốc ngọn của sắc, cho nên nói: Nếu như không quán khổ, thường phải tự quán sâu.

Giải thoát cội nguồn khổ, gọi là quán sáng màu: Hiểu rõ nghĩa khổ, không, vô thường, vô ngã. Thân là tai họa, đầy dẫy nhiều thứ bệnh. Người tu hành suy nghĩ, ý không rối loạn, biết rõ nguồn gốc sinh bệnh. Thân sống tạm trên thế gian, hợp thành

bởi bốn đại, từ vô số kiếp đến nay không thấy được ánh sáng rực rỡ, đó là do ngu si lầm mê trói buộc. Ta nay đã thoát khỏi, không còn gây những nghiệp duyên nữa, cho nên nói: Giải thoát cội nguồn khổ, gọi là quán sáng màu.



*Ai khiến kẻ phàm phu
Không thấy gốc các hạnh
Do đó mà quán sát
Xưa tối, thấy ánh sáng.*

Ai khiến kẻ phàm phu, không thấy gốc các hạnh: Thế gian mờ mịt không thấy ánh sáng rực rỡ là do ai tạo ra. Chúng sinh cứ đi luẩn quẩn không biết được đường chánh. Hiện có khổ về âm, giới, nhập của thân bốn đại nhưng kẻ ngu thì đắm nhiễm nó, không tin là tai họa. Họ sinh khởi tà kiến, càng tăng thêm trần lao. Công việc chính của người tu hành là tự quán sát, đêm ngày suy nghĩ dứt bỏ kết sử. Xưa tan bóng tối để thấy ánh sáng rực rỡ. Gốc của ánh sáng rực rỡ này, không hề có rễ của bóng tối. Đó là do không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tỳ-kheo Tăng, cũng không biết bốn đế chân như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Không tu hạnh thanh tịnh của cảnh giới, cho nên nói: Ai khiến kẻ phàm phu không thấy gốc các hạnh.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 25

Phẩm 29: Ác Hạnh

Chớ làm điều ác

Hãy làm điều lành

Giữ ý thanh tịnh

Là lời Phật dạy.

Chớ làm điều ác: Chư Phật, Thế Tôn dạy người đời sau về đạo ba thừa. Không phải làm điều ác mà đạt được đạo, mà phải làm điều lành mới đạt được đạo mẫu, cho nên nói: Chớ làm điều ác.

Hãy làm điều lành: Người tu hành tu mọi điều lành. Chỉ tự làm đẹp mình bằng cách thực hạnh đầy đủ các công đức. Thấy điều ác thì tránh, thường làm việc lành. Lành là dùng món thuốc hay Chỉ Quán mà chữa bệnh loạn tưởng, cho nên nói: Hãy làm điều lành.

Giữ ý thanh tịnh: Tâm là gốc mọi hành động, vởi lấy nhiều gốc tội. Cả một trăm lẻ tám món kết sử cội gốc nặng nề khó thoát, chúng trói chặt tâm người. Dục, nộ, si lấy lòng, kiêu mạn, bön xén, ganh ghét là các phiền não, khi mắc những thứ

bệnh đó thì tâm bất tịnh. Người tu hành nắm chắc ý mình, tự rèn luyện tâm ý, không khởi loạn tưởng. Cứ thực hành như thế không ngừng nghỉ thì thành tựu gốc đạo, cho nên nói: Giữ ý thanh tịnh.

Là lời Phật dạy: Như Lai giảng dạy giới cấm khác nhau. Giới để xem xét thân, nhiếp phục tâm. Đức Phật ra đời này rất khó gặp, như hòa Ưu-đàm-bát ngàn muôn ức kiếp mới nở một lần. Cho nên Như Lai để lời răn dạy giáo hóa, các bậc Thánh nói nhau cho đến ngày nay. Không thể không tu giới cấm, bổ thí không thể không làm. Ta thành Phật làm vua thế giới ba ngàn đều nhờ giới cấm, bổ thí mà nên, cho nên nói: Là lời Phật dạy.



*Bố thí được phước báo
Không có tâm giận dữ
Dùng lành dứt bỏ ác
Dục, nộ, si không còn.*

Thuở xưa, em song sinh của ngài Mục-kiền-liên là người giàu có, nhiều tài sản vật quý, bảy báu đầy đủ. Vàng bạc, châu ngọc, xa cừ, mã não, chân châu, hổ phách, kho lẫm tràn đầy, kẻ ăn người ở nhiều không kể xiết. Khi ấy ngài Mục-liên đến nhà người em bảo:

— Nghe nói em là người bòn xén, không thích bố thí. Đức Phật thường nói: Ai bố thí thì được phước báo vô lượng. Nay, em nên bố thí để hưởng

phước vô lượng.

Nghe vậy, người em mở kho bồ thí. Đồng thời cũng cất một kho mới để mong được quả báo tốt. Nhưng bồ thí chưa đầy mười hôm thì của cải hết sạch. Kho cũ trống trơn, kho mới chẳng có gì. Người em buồn khổ đến hỏi anh:

– Trước, nghe lời anh dạy bồ thí thì được phước báo lớn, không dám trái lời, em đã bồ thí hết của kho rồi. Mọi người nghèo thiếu đều được ban cho cùng khắp, nhưng tài sản vật báu không còn, kho cũ trống trơn, kho mới không có gì. Há không phải anh đã gieo nghi ngờ cho em sao?

Ngài Mục-liên nói:

– Thôi, thôi! Hỡi con người có dòng họ cao quý kia, đừng thở than kể lể, chớ để cho những kẻ dị học tà kiến nghe được những lời thô thiển ấy. Nếu phước đức mà có hình tướng thì cả không gian này cũng không chứa hết, giờ đây, ta tạm dùng phương cách để chỉ cho em thấy quả báo nhiệm mầu. Nếu muốn thấy, hãy đi theo ta.

Khi ấy ngài Mục-liên dùng năng lực thần thông, nắm tay người em dẫn lên tầng trời thứ sáu. Ở đó có cung điện bằng bảy chất báu, trước sau có ao tắm, gió thoảng đưa hương. Kho tàng đầy ngập không thể kể xiết, ngọc nữ hầu hạ mấy ngàn muôn người. Toàn là người nữ, không có nam giới, các cô gái này không có chồng. Người em thừa với

Mục-liên:

– Vì sao cung điện nguy nga như thế, mà không thấy bóng người nam nào hết, chỉ thuần là người nữ như thế?

Mục-liên đáp:

– Em hãy đến hỏi họ thì sẽ tự biết.

Ông liền đến hỏi:

– Các Thiên nữ nên biết, ta có điều muốn hỏi, xin nói cho ta biết.

Các Thiên nữ nói:

– Ông cần hỏi điều gì?

Người ấy hỏi:

– Vì sao cung điện do bảy báu hợp thành này, nguy nga lộng lẫy giữa trời, ai có công đức gì được hưởng phước ấy? Xin giải thích cho tôi để dứt hẳn thắc mắc.

Thiên nữ đáp:

– Ông có biết không? Chúng tôi ở đây đã nhiều năm rồi, được hưởng phước tự nhiên, không nơi nào hơn, ông muốn biết chồng của chúng tôi là ai thì hãy phát tâm bố thí. Giờ đây tôi xin nói cho biết: Cối Diêm-phù-lợi, ở nước Ca-tỳ, vị đệ tử thần thông của Đức Phật Thích-ca tên là Mục-liên. Ông ấy có người em là một trưởng giả giàu có. Người em này ưa bố thí giúp kẻ nghèo nàn không thiếu sót ai. Sau khi chết, người ấy sẽ sinh lên đây để làm chồng chúng tôi. Cung điện bảy báu này và bọn

chúng tôi đây chính là quả báo của sự bố thí.

Nghe vậy, người này vui mừng, liền sinh tâm lành. Ông trở về chỗ ngài Mục-liên kể hết sự việc.

Ngài Mục-liên bảo người em:

– Thế nào, con người thuộc dòng dõi cao quý kia, bố thí có quả báo hay không có quả báo?

Người em lấy làm hồ thẹn, xin sám hối. Khi trở về nhân gian, ông thực hành bố thí không ngừng nghỉ, cho nên nói: Bố thí được phước báo.

Không có tâm giận dữ: Người ta ngầm chứa chất độc bên trong, rình hại kẻ làm ác, phá rối người làm lành. Hạng người như vậy, chớ nên gần gũi họ, giống như tro phủ lửa, tuy mắt không thấy, nhưng đập nhằm thì phỏng chân. Họ không giữ thân, ngang nhiên hủy phá giới cấm. Đời hiện tại chỉ sống theo ý mình, không hay sự thương tổn, sự thương tổn cho con người đã có từ xưa. Hoặc trước hiềm hận, hoặc chợt sinh giận dữ, chợt sinh giận dữ thì còn tha thứ được. Chứ kẻ trước ôm lòng hiềm thù thì không nên gần gũi họ. Vì sao? Bởi kẻ có âm mưu thì chắc chắn họ gây thương tổn ngay sau đó. Những người ngu mê cứ theo nhau và gây tai họa. Bên ngoài họ khoe khoang trắng trợn, bên trong âm mưu với nhau. Họ tâng bốc khen ngợi nhau, kết thành bạn ác. Không đạt ý muốn còn phải mất mạng, gia nghiệp tài sản đều sung công. Họ bị ai nấy ghét bỏ, không ưa nghe tên họ, cho nên nói:

Không có tâm giận dữ.

Dùng lành dứt bỏ ác, dục, nộ, si không còn: Thiện là đạo phẩm của Hiền thánh. Nương vào đạo phẩm này thì giống như bốn dòng nước đã bị ngăn lấp, không còn lo sợ nữa. Diệt và vượt qua các thứ tà ác không để chúng sống lại nữa. Khi gặp tai họa nói ra lời độc ấy, dâm, nộ, si phát sinh. Nhổ bứt ba gốc ác, trồng ba nghiệp lành, ham tu, tâm kính tin tu hành đạo lý quán sát, bước vào bốn quả Thánh có khó gì? Cho nên nói: Dùng lành dứt bỏ ác, dục, nộ, si không còn.



*Riêng mình, chớ theo ngu
Kết bạn, theo người trí
Người trí dứt điều ác
Như ngỗng chọn sữa uống.*

Riêng mình, chớ theo ngu: Riêng mình là ở một mình nơi thanh vắng, tâm không phân tán. Suy nghĩ gốc lành, buộc niệm trước mặt. Nếu muốn có bạn sống chung thì nên theo người lành, chớ theo kẻ ác, cho nên nói: Riêng mình, chớ theo ngu.

Kết bạn, theo người trí: ở thế gian có nhiều người kính mến bậc Hiền thánh cao thượng, luôn theo người có trí tuệ, giữ giới, tinh tấn, biện tài sâu sắc thì có khả năng giảng dạy đạo giáo không mệt mỏi, cho nên nói: Kết bạn, theo người trí.

Người trí dứt điều ác: Người có trí tuệ biết rõ

chuyện xưa nay. Lời nói ra đều mang lợi ích cho người. Thế nên, đêm ngày chuyên chú suy nghĩ đạo mầu, tiếp nhận trí sáng. Khi nói năng dạy bảo phải bằng công đức lành, dứt bỏ các điều ác, cho nên nói: Người trí dứt điều ác.

Như ngỗng chọn sữa uống: Thuở xưa, có người bắt được nhiều ngỗng từ trứng mới nở, nuôi lớn dần. Lớn rồi ngỗng sinh sản vô số. Cách nuôi ngỗng là hòa sữa với nước cho uống. Khi ăn, theo thói quen của nó là dùng mũi thối cho nước qua một bên, còn lại chất sữa, bèn uống chất sữa ấy. Loài chim không có răng nhưng vẫn phân biệt, loại bỏ nước, chỉ uống sữa. Nay, các Tỳ-kheo có thể không được như vậy được sao? Nên lựa chọn điều lành, dứt bỏ điều ác, như ngỗng biết rõ ngon dở, cho nên nói: Như ngỗng chọn sữa mà uống.



*Quán thế gian biến đổi
Biết dấu pháp sinh diệt
Hiền thánh không thích đời
Ngu không sống với hiền.*

Quán thế gian biến đổi: Có ba thứ thế gian: Một là khí thế gian, hai là âm thế gian, ba là chúng sinh thế gian.

Ba thứ thế gian này là căn nhà vững chắc để chứa bệnh. Trong ngoài vững chắc không có thuốc nào chữa khỏi. Bên trong thì bốn trăm lẻ bốn bệnh

cùng lúc phát sinh. Bên ngoài thì những loài có chất độc như rắn rít trăm chân, bò cạp, sói, cạp cắn, mổ, chích. Nhiều thứ biến đổi, mỗi việc khác nhau. Các loại nước, lửa, giặc cướp, oán thù, thậm đến gây tổn hại, cho nên nói: Quán thế gian biến đổi.

Biết dấu pháp sinh diệt: Biết dấu sinh diệt có hai: Một là dấu kết sử, hai là dấu năm ấm. Ai diệt được hai thứ đó thì tương ưng với vô vi, cho nên nói: Biết dấu pháp sinh diệt.

Hiện thánh không thích đời, ngu không sống với hiện: Bạc Hiện thánh dứt hẳn các điều ác, không sống với kẻ tục. Chim hạc bay cao không ham thích gò nông. Loài tinh tinh ưa sạch, không ở chuồng dơ. Bạc Thánh hiện cũng như vậy, không ở chung với kẻ tục để hưởng thú vui với họ. Kẻ ngu ưa điều ác, không sống với các bậc Hiện, cho nên nói: Hiện thánh không thích đời, ngu không sống với hiện.



*Biết rõ vị niệm đãi
Suy nghĩ nghĩ dừng nghỉ
Không còn tưởng nóng, đói
Thì phải uống pháp vị.*

Biết rõ vị niệm đãi: Trải qua vô số kiếp sinh tử cho đến nay, chưa từng được vị niệm đãi này. Trên thế gian có nhiều mùi vị ngon ngọt đặc biệt, như đường mía, nho tươi, những thứ như thế nhiều

không kể hết. Thường thức bất cứ khi nào không hề thỏa mãn, nhưng không thể nhờ đó mà đạt được vô vi. Vị niệm đãi này miệng chưa hề nếm, một khi gặp được thì hoàn toàn không còn đói khát. Những vị khác cứ xoay vần trong sinh tử, rơi vào ba đường, muốn được thoát ra thật khó, cho nên nói: Biết rõ vị niệm đãi.

Suy nghĩ nghĩa dừng nghỉ: Người tu hành giữ ý chuyên nhất, lắng tâm thiền định, tâm nghĩ về pháp không hề làm loạn, từ đầu đến cuối, không biết manh mối, cho nên nói: Suy nghĩ nghĩa dừng nghỉ.

Không còn tưởng nóng, đói: Tham dục nóng, tức giận là nóng, ngu si là nóng, đói khát là nóng. Nếu dứt trừ được cái nóng đói khát này thật là việc rất khó, nếu uống hết nước bốn biển lớn mà mong hết khát là việc chưa từng thấy. Nhưng muốn dứt cơn khát kia, không bao giờ còn phát sinh nữa thì chỉ có tám vị giải thoát lắng trong, mới tiêu trừ được cái gốc của những sự đói khát, cho nên nói: Không còn tưởng nóng bức, đói khát.

Thì phải uống pháp vị: Trong các thứ bổ thí thì pháp thí là hơn hết, trong các vị thì pháp vị là hơn hết. Ai được pháp vị này thì pháp thân họ không lìa gốc lành, dứt trừ các khổ đói khát của thế tục. Người muốn tu học để cầu giải thoát mà không được vị cam lộ chí yếu, lại ngồi không chẳng tu tập, không tự siêng năng mà muốn đạt đạo là việc

rất khó, cho nên nói: Thì phải uống pháp vị.



*Ai không hại tâm mình
Cũng không hủy ý chí
Dùng lành dứt hẳn ác
Không sợ dọa đường ác.*

Ai không hại tâm mình, cũng không hủy ý chí: Người mới lập hạnh thì trước phải tu pháp lành. Ban đầu, ý còn do dự vừa tin, vừa không tin. Ý mạnh mẽ nên khi nghe liền tin hiểu, còn ý nghi ngờ thì không đạt được pháp, người ấy chắc chắn phải trải qua sinh tử, ức Phật qua đi cũng không mong gì được độ. Nếu không làm hại tâm mình, không hủy ý chí mình thì muốn được chí đạo là việc rất dễ, người muốn tu học mà chuyên tâm nhiếp ý thì đạt kết quả. Như người ít học nghe người kia có pháp, bèn đi đến đó tham học, nhưng giữa đường gặp nhiều hoạn nạn, không thể vượt qua được. Nhưng người này một lòng nhớ nghĩ người kia thì thân tâm thông đạt nhau. Vì sao? Vì người kia đã có thân thông, tâm niệm và thân hình theo nhau, cho nên nói: Ai không hại tâm mình, cũng không hủy ý chí.

Dùng lành dứt hẳn ác, không sợ dọa đường ác: Người tu hành tôn sùng đạo nghiệp, thấy được cội gốc thể tục thì mọi chuyện hiện ra trước mắt, dù có căn lành thì đó cũng là hạnh hữu lậu của thể

tục, nếu không khởi ý tưởng đắm nhiễm mà cầu pháp tu cao hơn thì người ấy không bao giờ sợ đọa vào đường ác, cho nên nói: Dùng lành dứt hẳn ác, không sợ đọa đường ác.



*Người muốn luyện tinh thần
Cần phải thường tu sửa
Người trí dễ khắc điểm
Gọi người hùng trên đời
Nếu gần gũi người ấy
An ổn, không lo buồn.*

Người muốn luyện tinh thần, cần phải thường tu sửa: Người học đạo lâu ngày thì bên ngoài có vẻ tầm thường ngờ nghịch nhưng bên trong thì đạo lực vững vàng. Hoặc có người ẩn tu nơi núi rừng, hoặc có người giả điên khùng đi khắp nơi. Hành động dù khác nhau nhưng tâm cứu đời thì như nhau. Ấy là không quan tâm đến hình tướng bên ngoài, là luyện thuần tinh thần định ý, không làm lẫn. Người tu hành quyền hiện thiên biến vạn hóa, mục đích là tìm cách dẫn dắt chúng sinh đến ngôi nhà Trăm luyện. Nhà ở đây chỉ cho kinh thành vắng lặng vô vi Niết-bàn, cho nên nói: Người muốn luyện tinh thần, cần phải thường tu sửa.

Người trí dễ sửa đổi, gọi người hùng trên đời: Người có căn tánh bén nhạy, lanh lợi, nói ra là thành khuôn mẫu, chắc chắn muốn cho các chúng

sinh được mình hóa độ có được bốn biện tài: luận nói thông thạo về ý nghĩa, luận nói thông thạo về pháp, luận nói thông thạo về sử dụng ngôn từ, luận nói thông thạo về ứng đối. Hai thứ luận nói thông thạo về ý nghĩa và luận nói thông thạo về pháp thuộc về nội pháp. Còn hai thứ luận nói thông thạo về sử dụng ngôn từ, luận nói thông thạo về ứng đối thuộc về ngoại pháp, cho nên nói: Người trí dễ sửa đổi, gọi người hùng trên đời.

Nếu gần gũi người ấy, an ổn, không lo buồn:
 Người tu phải giữ gìn các oai nghi tới lui, qua lại. Nhờ vậy, không làm mất lễ tiết, như muôn hoa đua nở tỏa hương khắp miền. Người tu hành cũng giống như vậy, giới luật, học rộng, bố thí, các môn tông trì, ý định, không loạn. Nếu gần gũi những vị ấy thì không còn sai trái, nhờ đó đầy đủ Thánh vô lậu, cho nên nói: Nếu gần gũi người ấy, an ổn, không lo buồn.



*Dứt bật, không ai hơn
 Mềm mỏng, không thô tháo
 Thối tan các pháp ác
 Như gió thổi lá rụng.*

Dứt bật, không ai hơn, mềm mỏng không thô tháo: Các giác quan đầy đủ, lời nói ra chính đáng, không thô lỗ, oai nghi lễ tiết không dễ sơ mất. Người như vậy khó ai bằng, cũng không có ai hơn,

cho nên nói: Dứt bật, không ai hơn, mềm mỏng không thô tháo.

Thôi tan các pháp ác, như gió thổi lá rụng:
 Người tu hành giữ tâm vững vàng không động. Có lòng tin bền bỉ, không trái phạm mảy may, dứt bỏ các pháp ác, mỗi ngày một thêm điều lành. Ngày đêm thu nhiếp, không để bụi dính. Như sắt rỉ sét nhưng nhờ chà rửa mà sáng ra. Tâm người nhiều lớp bợn nhơ, phải dùng trí tuệ chiếu soi, cho nên nói: Thôi tan các pháp ác, như gió thổi lá rụng.



*Vô có sợ người ấy
 Hủy báng người thanh tịnh
 Bỏ ác được sức mạnh
 Gió thổi tan mây khói.*

Vô có sợ người ấy, hủy báng người thanh tịnh: Người tu học thì việc trên hết là quét sạch bụi nhơ phiền não. Người tu hành quét sạch bụi nhơ chỉ tu thanh tịnh công đức đầy đủ, sợ gì không đạt đạo. Tâm không bợn xén, ganh ghét, tôn sùng gốc đạo thì hoát nhiên tự ngộ. Đó là nhờ thông đạt thấu hiểu các yếu chỉ sâu kín. Người thanh tịnh không có kết sử. Kẻ ngu hủy báng cho là bất tịnh, hủy báng bậc Thánh hiền, phải chịu tội vô trách, đó là do phước báo chưa nhóm mà có được, cho nên nói: Vô có sợ người ấy, hủy báng người thanh tịnh.

Bỏ ác được sức mạnh, gió thổi tan mây khói: Người đời ngu mê, họ cho ác là tốt. Do vậy, tội ác ngày càng chất cao như núi Thái, tạo tội địa ngục, ngạ quỷ, tạp súc sinh, cho nên nói: Bỏ ác được sức mạnh, gió thổi tan mây khói.



*Hành vi của người
Ai nấy tự biết
Người lành làm lành
Kẻ ác làm ác.*

Hành vi của người, ai nấy tự biết: Người tu hành có nhiều chí hướng, điều gì ác thì tự biết là ác, điều gì thiện thì tự biết là thiện. Làm thiện hay ác dù mình không tự biết thì vẫn mắc quả báo gấp nhiều lần hơn, làm lành được phước không bao giờ hết, làm ác mắc tội gấp nhiều lần hơn. Người thanh tịnh thì được quả báo thanh tịnh, người không thanh tịnh thì chịu quả báo không thanh tịnh. Khi sắp chết thì thiện ác rõ ràng, nếu Thánh thần đến rước thì thấy cung điện, nhà cửa, vườn hoa, ao tắm, thần thức không lầm lộn. Hoặc thấy y phục, đồ trang sức tự nhiên mặc vào người. Thiên nữ vây quanh cùng nhau vui chơi, lại ánh sáng chiếu soi không hề trở ngại. Còn người chất chứa điều ác thì khi sắp chết thần thức rối loạn. Họ chỉ thấy lửa cháy bùng bùng với những gươm, kích, hoặc thấy chim cú rử, chồn cáo, quỷ La-sát, yêu mị, cọp sói, thú dữ. Lại thấy núi đao rừng kiếm, gai góc, hầm

hố, quỉ dữ vây quanh, cho nên nói: Người lành làm lành, kẻ ác làm ác.



*Người nào làm ác
Sau chịu quả báo
Nếu không làm ác
Sau không lo gì.*

Người nào làm ác sau chịu quả báo: Người làm ác tự vờ lấy tai họa. Cha mẹ, anh em, thân tộc không thể chịu tội thay mình. Chính mình không làm ác thì sau không mắc quả khổ. Người này, khi sinh ra là gặp thánh, hưởng phước. Cha mẹ, anh em cũng không thay mình hưởng vui. Ý tự trong sạch không hệ lụy đến người. Tự thực hành thanh tịnh thì tự mình được quả báo, cho nên nói: Người nào làm ác sau chịu quả báo, nếu không làm ác, sau không lo gì.



*Biết mình tịnh, bất tịnh
Lo gì người khác tịnh
Người ngu không rèn luyện
Như sắt dùi kim cương.*

Biết mình tịnh, bất tịnh, lo gì người khác tịnh: Tự mình thanh tịnh thì mới có thể khiến người khác thực hành thanh tịnh. Hạnh mình chưa hoàn toàn thì làm sao khiến người khác được hạnh thanh tịnh? Cho nên nói: Biết mình tịnh, bất tịnh, lo gì

người khác tịnh.

Người ngu không rèn luyện, như sắt dùi kim cương: Việc mà người ngu làm thì cả ngày vẫn không hết. Một ngày tạo tội đọa lạc nhiều kiếp. Dù gặp Thánh hiền vẫn không được cứu độ. Như sắt dùi mà gặp kim cương thuần chất thì bỏ công mà không được gì, cho nên nói: Người ngu không rèn luyện, như sắt dùi kim cương.



*Nếu mắt thấy không lệch
Người khôn tìm phương cách
Người trí khéo ở đời
Không làm các điều ác.*

Nếu mắt thấy không lệch: Người tu hành thì quan trọng là tinh chuyên, nếu mắt thấy sắc, không sinh nhãn thức, dù xấu hay tốt, ý vẫn bình đẳng. Nếu thấy sắc đẹp, cũng không khởi tâm đắm nhiễm, nếu thấy người xấu cũng không buồn chán, cho nên nói: Nếu mắt thấy không lệch.

Người khôn tìm phương cách: Mắt thấy sắc kia biết không phải chân thật, mà nó là pháp rồi sẽ bị tiêu diệt, dời đổi không dừng. Hễ có sống thì có chết, có thường thì có diệt. Kẻ ngu quen thói đắm nhiễm, bị người trí chê cười, cho nên nói: Người khôn tìm phương cách.

Người trí khéo ở đời, không làm các điều ác: Người trí khi dạy dỗ thì quyền biến hóa độ không

phải chỉ có một cách, đề phòng điều ác vô hình, nuôi lớn phước đức tự nhiên, giữ hạnh không hề lụy đến đời, lời nói không tổn thương hình chất, khi còn sống thì chu toàn, chưa được bao lâu, mà đời sống qua mau, như có điều hổ thẹn. Nhưng nếu được sống lâu, cũng không khoe khoang. Khi còn sống trên đời cho đến khi chết, không hề làm điều ác nào, cho nên nói: Người trí khéo ở đời, không làm các điều ác.



*Lái buôn sợ giữa đường
Bạn ít, hàng hóa nhiều
Vượt qua chỗ hiểm nạn
Lại lo xe gãy trục.*

Lái buôn sợ giữa đường, bạn ít, hàng hóa nhiều: Thuở xưa, có rất nhiều người đi buôn, mạo hiểm vượt đường xa, họ đi qua cánh đồng hoang vắng đầy hiểm nạn, trên đường ấy có bọn cướp không thể nào tránh khỏi. Mang theo của cải vật báu mà không có tư lương, đồng bạn, lại cũng không có khí giới để phòng thân. Bạn ít mà của cải nhiều nên tâm rất lo sợ, tinh thần bấn loạn. Nhưng rồi có một người hiểu biết bảo các bạn:

— Anh em chớ sợ hãi, tôi sẽ tính kế để thoát khỏi nạn này.

Nghe vậy những bạn kia bình tĩnh trở lại. Cho nên nói: Lái buôn sợ giữa đường, bạn ít, hàng hóa

hiều.

Vượt qua chỗ hiểm nạn, lại lo xe gãy trục:
Đường đầy hiểm nạn lại không gặp bạn lành. Bỏ đường cái mà đi vào đường tắt nhỏ hẹp thì không đến nơi. Giữa đường gặp nạn hư xe, bạn đi trước không ngoái nhìn bạn theo sau, đành bỏ nhau. Do vậy, Đức Thế Tôn mượn chuyện này làm thí dụ để giúp cho người đời sau hiểu rõ tội phước. Người được hóa độ không còn chút trở ngại. Người giảng dạy không tốn công mình, cho nên nói: Vượt qua chỗ hiểm nạn, lại lo xe gãy trục.



*Có thân không bị ghê
Không bị độc làm hại,
Độc làm gì được ghê,
Không ác nào không gây.*

Như Điều-đạt ở tại thành La-duyệt, khởi tâm mưu hại Đức Phật, sau đó, sự vụ bại lộ, ai cũng biết.

Khi ấy, vua A-xà-thế nói với Điều-đạt:

– Ông nên ra khỏi nước, đừng sống ở đây nữa. Mười sáu nước lớn đều nghe biết việc ông làm. Họ hỏi tại sao ở đất nước này lại có Điều-đạt gây ra các tội ác, khởi tâm giết hại đối với Như Lai.

Nghe vậy, Điều-đạt buồn bã, trong lòng không yên, liền trở về quê cũ. Oán trước chưa tan lại bị lòng giận tức trói buộc. Ông đường đột vào nội

cung của Bồ-tát, nói với bà Cù-di:

– Nay tôi suy tôn bà lên chức Đệ nhất phu nhân, không biết Thánh nữ có bằng lòng không?

Nghe xong, Cù-di bảo Điều-đạt:

– Trước hết, ta muốn nắm tay phải của cháu.

Điều-đạt liền đưa tay cho bà nắm thì xương cổ tay ông bị bẻ nát, năm ngón tay phún máu. Khi ấy Điều-đạt hôn mê hồi lâu mới tỉnh. Bà Cù-di bảo:

– Ngoài sức khỏe của Thái tử Tất-đạt thì không ai mạnh hơn ta. Nếu ta đấu vật với người thì thân thể người sẽ tan nát như cám bụi, như người lực sĩ với một ngón tay xô ngàn cây ngã, tha hồ bóp vụn ra, có khó gì?

Rồi Điều-đạt quay người bước vào cung điện, ngồi trên giường của Bồ-tát. Thấy vậy, cung nhân đều giận ghét. Họ liền chạy đến kéo ông ta khỏi giường, làm bị thương khoan bụng trái, không đi đứng được. Gia nhân bỏ ông lên xe chở về nhà ông. Những người dòng họ Thích đều ghét ông, họ cùng đến nói với Điều-đạt:

– Nay Điều-đạt, ông nên sửa đổi, đến sám hối với Phật.

Nghe vậy, Điều-đạt thâm nghĩ ra kế độc, ông bí mật nhờ người làm móc sắt mà trên đầu tẩm thuốc độc. Bên ngoài ông tỏ vẻ mềm mỏng dễ thương, nhưng bên trong tâm vẫn tức giận. Khi ấy, Điều-đạt nhớ lời Phật nói: “Sa-môn Cù-đàm thường nói

lời này: Có thân không bị ghẻ, không bị độc làm hại, độc làm gì được ghẻ, không ác nào không gây.” Bấy giờ, ta nên đến đó, giả bộ sám hối, dùng móc sắt móc chân ông ta, chất độc lan qua máu thì chắc chắn ông ta sẽ chết. Gia nhân cho ông lên xe, đưa đến chỗ Phật. Khi còn cách Thế tôn khoảng hai mươi một nhận thì ông bảo người hầu:

– Cho ta xuống đây, ta muốn đi bộ.

Ông liền bước xuống đất, lập tức, lửa từ dưới đất vọt lên bao kín thân, đưa ông vào ngục, cho nên nói: Có thân không bị ghẻ, không bị độc làm hại, độc làm gì được ghẻ, không ác nào không gây.



*Nhiều người làm việc ác
Chắc chắn lụy đến thân
Khéo bố thí ân đức
Việc này thật khó làm.*

Nhiều người làm việc ác, chắc chắn lụy đến thân: Ở đời có nhiều người làm điều ác, không hợp với Thánh đế. Họ làm nghề mổ heo, đánh cá, nuôi heo, nuôi gà, giăng bẫy để bắt hươu nai. Làm giặc cướp giết hại, trói lại đem giao cho ngục tốt. Hay Chân-đà-la làm những dây thòng lọng bắt chim bay. Các chúng sinh làm việc ác như vậy nhiều không kể xiết. Hạng người ấy vì thân mà gây họa. Sau khi chết, đọa vào địa ngục chịu khổ khó lường, cho nên nói: Nhiều người làm việc ác, chắc chắn

lụy đến thân.

Khéo bố thí ân đức, việc này thật khó làm: Người nào tự quán sát thiện ác báo ứng đời trước đời sau, rộng bố thí cho kẻ nghèo, đem bố thí cho người, việc này thật khó, cho nên nói: Khéo bố thí ân đức, việc này thật khó làm.



*Lành thay người tu thiện!
Hay lắm làm ác quá!
Người ác làm ác dễ
Người ác làm lành khó.*

Lành thay người tu thiện: Người lành tu hạnh lành là lẽ tự nhiên, không nên gàn gổ những người làm ác. Người làm lành được chư Phật che chở, các vị trời và con người ai cũng kính quý. Đến nơi nào cũng không bao giờ xa lìa thiện tri thức. Cho nên nói: Lành thay người tu thiện.

Hay lắm làm ác quá: Người làm ác thì càng ngày càng tăng chứ không giảm, như cỏ dại không trồng vẫn tự mọc, dù cho dùng cuộc giầy sạch hết, nhưng chúng vẫn mọc lại không dứt, cho nên nói: Hay lắm làm ác quá.

Người ác làm ác dễ, người ác làm lành khó: Như hạng Chân-đà-la thường vác thầy ma đem bỏ ngoài nghĩa địa, tâm thường vui thích, không chút sợ hãi. Lòng càng vui hơn, lấy đó làm vui. Như người coi ngục, giữ các gông xiềng, ngày đêm làm

ác mà tự cho là cao quý. Các bậc Hiền thánh nhìn thấy các việc đó cho là đại họa. Cũng như người đáng tội chết, lúc dẫn ra giữa chợ, thì mỗi bước đi của anh ta là đi gần đến cái chết. Ba cõi khổ sở, có gì mà ham thích? Cho nên nói: Người ác làm ác dễ, người ác làm lành khó.



*Kẻ ngu cho mình đúng
Như ác chưa chín muối
Khi ác thật chín muối
Phải chịu mọi khổ não.*

Kẻ ngu cho mình đúng, như ác chưa chín muối: Người ngu tự nghĩ việc mình làm là đúng. Còn việc người làm là sai. Thấy ai làm lành thì ganh ghét. Khi gốc tội đã đủ, tâm si mê đã chín muối thì sau đó mới biết việc mình làm là sai. Nay ta làm ác không phải cha mẹ ta làm, cũng không phải anh em dòng họ gây nên, khi chịu tội thì ăn năn không kịp. Không phải trời, không phải quỷ, không phải Sa-môn, Phạm chí gây ra. Nay ta tự biết cội gốc của tội thì trên không oán trời, dưới không trách đất, cam lòng chịu tội, không biết làm sao, cho nên nói: Kẻ ngu cho mình đúng, như ác chưa chín muối.

Khi ác đã chín muối, phải chịu mọi khổ não: Người chứa nhóm điều ác bị vào địa ngục chịu quả báo mười ba thứ lửa dữ bao quanh thân, chết rồi

sống lại, muốn chết hẳn cũng không được, phải đền cho hết tội cũ không còn sót chút nào, rồi sau đó mới được ra khỏi địa ngục. Còn loài súc sinh thì bị ngu si che lấp, không biết chân đạo. Cổ sưng, cụp lưng, xỏ mũi, xiềng đầu, trói cột tay chân. Còn sinh vào ngục quỷ thì lúc nào cũng đói khát, bụng như núi Thái nhưng cổ thì nhỏ như lỗ kim, thân cao bốn mươi dặm, trong gang tấc mà cách xa muôn ngàn. Nếu sinh lên làm người thì nghèo nàn khốn khổ, áo không đủ che thân, cơm không no bụng. Cho nên nói: Khi ác đã chín muồi, phải chịu mọi khổ não.



*Người hiền thấy điều ác
Không bị ác bức ngặt
Nếu ác không chín muồi
Người ác xét điều ác.*

Người hiền thấy điều ác, không bị ác bức ngặt: Người tu hành thấy ai làm ác thì thường xuyên quở trách, can ngăn, đó là việc làm không tốt, sẽ bị xoay vần trong sinh tử không biết ngày ra khỏi. Gây ra cội gốc tội lỗi trong ba đường ác, cho nên nói: Người hiền thấy điều ác, không bị ác bức ngặt.

Nếu ác không chín muồi, người ác xét điều ác: Như người làm ác, sau đó sám hối rằng: “Ôi, việc ta làm là sai lầm, bị người ghét bỏ, nay việc ta làm là sai, chẳng lẽ ta cố chấp sai lầm của mình ư?

Vậy thì từ nay sửa đổi, coi điều ác là như bản”. Cho nên nói: Nếu ác không chín muối, người ác xét điều ác.



*Người hiền xét điều ác
Cho đến hiền chưa muối
Nếu hiền đã chín muối
Người hiền tự xét nhau.*

Người hiền xét điều ác, cho đến hiền chưa muối: Người hiền giữ giới, các công đức đầy đủ, học rộng, trí tuệ, nói năng không sơ hở. Lời nói ra mềm mỏng, thường thực hành chân thật. Thực hành bốn tâm vô lượng, thương xót tất cả mọi loài. Thấy mình có chút lỗi nhỏ liền lo sợ, hướng chỉ là gây ra tội lớn, cho nên nói: Người hiền xét điều ác, cho đến hiền chưa muối.

Nếu hiền đã chín muối, người hiền tự xét nhau: Người hiền tự xét, tự quán tánh hạnh mình: Nay ta được cúng dường như vậy là bởi nhân tu đời trước học nhiều mà nên. Nếu đời trước không gieo trồng phước đức, ra ân bố đức thì ngày nay đâu được hưởng phước như vậy. Nếu ngày nay không cẩn thận thực hành lại những đức ấy thì thân đời sau không có phước nào để dựa nương. Rồi lại trôi lăn trong sinh tử, lại phải tìm cách chứa nhóm công hạnh, qua thời gian lâu mới thành tựu. Nỗi gian nan trong thế gian ấy không thể đo lường,

không thể tính toán mà biết được. Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng không thấy không nghe. Bởi việc làm của mình mà bị đọa, đến nay vẫn chưa thoát. Cho nên nói: Nếu hiền đã chín muồi, người hiền tự xét nhau.



*Tuy người làm việc ác
Nhưng không phải thường làm
Ý không thích việc ác
Bởi biết ác là khổ.*

Tuy người làm việc ác, nhưng không phải thường làm: Người làm việc ác thường biết sửa đổi.

Nếu chịu khổ trong ba đường tám nạn mà cầu ra khỏi cũng rất khó được. Thế nên, người trí chế ngự bằng giới cấm, phòng khi việc chưa xảy ra. Nếu bị quả báo thì cũng nhẹ.

Nếu đọa vào địa ngục nước sôi cũng nguội bớt, nước lạnh cũng bớt lạnh, chịu khổ không lâu. Đó là nhờ ăn năn, biết được gốc tội.

Nếu làm súc sinh thì mang vác không nặng, thường được ăn uống, không bị khổ đau. Nếu làm ngựa quỉ, ngựa quỉ có bốn loại, sinh làm ngựa quỉ cao quý, cơm áo tự nhiên.

Nếu được làm người thì giàu có sang trọng, không đói khát thiếu thốn. Nếu sinh lên cõi trời thì hưởng phước ít, khi ăn thì che miệng, then mình ít

phước, cho nên nói: Tuy người làm việc ác, nhưng không phải thường làm.

Ý không thích việc ác, bởi biết ác là khổ: Người tu học thấy việc ác thì tâm không ưa thích. Tự giữ gìn tâm ý không để phân tán.

Tội dù nhỏ nhất nhưng quả báo lớn như núi Thái, đóm lửa dù nhỏ nhưng có thể đốt cháy núi rừng. Do vậy nên người trí thường lo liệu đề phòng, biết cội nguồn của tội ác là đầu mối của các khổ, cho nên nói: Ý không thích việc ác, bởi biết ác là khổ.



*Nếu người làm việc phước
Thì nên làm thường xuyên
Tâm ưa thích việc phước
Khéo được hưởng phước báo.*

Nếu người làm việc phước thì nên làm thường xuyên: Suốt đời người sở dĩ nghèo nàn là bởi đời trước bị mê lầm trong bốn xén. Cho nên bậc Thánh tùy từng loài mà dạy bảo: “Trước lấy bố thí làm đầu. Dù đang nghèo khó nhưng cũng phải bố thí ít nhiều để đền bù tội lỗi đời trước. Dù không có tiền của cũng nên ra sức làm việc, tu bố đền miếu, giúp đỡ mọi người, không lúc nào để thiếu vắng việc làm phước. Nghĩ đến điều lành chỉ trong khoảnh khắc còn được như thế, huống là chính mình thực hành công đức.” Cho nên nói: Nếu

người làm việc phước thì nên làm thường xuyên.

Tâm ưa thích việc phước, khéo được hưởng phước báo: Người tu phước thường được thắm nhuần. Thấy ai làm lành thì thay họ mừng vui, liền xuất tiền của khuyên người làm phước. Chính mình được phước tốt tiếng đồn xa. Ai thấy cũng vui mừng, đều sinh tâm kính mến. Sinh ra liền gặp Thánh hiền, không đọa vào tám chỗ không nhân. Cho nên nói: Tâm ưa thích việc phước, khéo được hưởng phước báo.



*Trước làm chủ tâm lành
Gìn giữ cội gốc ác
Do đó, tạo phước nghiệp
Tâm ưa thích việc ác.*

Trước làm chủ tâm lành, gìn giữ cội gốc ác: Tâm lành đầy đủ, không để phân tán. Buộc niệm trước mặt như bung chén dầu đầy. Phải luôn luôn chú tâm như tránh bọn cướp, lửa cháy. Nên dùng lý vô thường, khổ, không, vô ngã để dứt bỏ tâm dơ, tẩy gội cho sạch sẽ, cho nên nói: Trước làm chủ tâm lành, gìn giữ cội gốc ác.

Do đó tạo phước nghiệp, tâm ưa thích việc ác: Người không làm lành để làm tư lương cho đời sau, thì khi chết sẽ bị lửa đốt thân, lúc nào cũng làm ác không tự sửa đổi. Cho nên nói: Do đó tạo phước nghiệp, tâm ưa thích việc ác.



*Làm ác dù rất ít
Đời sau chịu khổ nhiều
Chịu quả báo vô biên
Như chất độc trong bụng.*

Làm ác dù rất ít, đời sau chịu khổ nhiều: Tâm ý con người không vững vàng nên việc làm không thiện không ác, nhưng ít nhiều là tội hoặc biết hoặc không biết, nhưng đều phải chịu quả báo, không tránh khỏi oan đối. Không biết hổ thẹn, không cầu xuất ly để ra khỏi thế đạo. Cho nên nói: Làm ác dù rất ít, đời sau chịu khổ nhiều.

Chịu quả báo vô biên, như chất độc trong bụng: Có bao nhiêu bợn nhơ, bụi trần nhiễm tâm thì phải chịu tội vô biên. Hoặc xúc nhiều người, khiến sinh ra việc làm ác, do đó tự vùi lấp vô biên tội. Hoặc chia lìa bà con, tranh chấp nhà cửa, có vô số các khổ não như vậy, cho nên nói: Chịu quả báo vô biên, như chất độc trong bụng.



*Làm phước dù ít
Sau hưởng phước to
Được quả báo lớn
Như trồng có trái.*

Làm phước dù ít, sau hưởng phước to: Người làm phước quan trọng ở chỗ phát tâm chứ không phải tài vật nhiều hay ít. Dù bỏ thí tài vật nhiều mà

trong tâm tiếc rẻ thì sau này được phước không đáng kể. Bồ thí tài vật dù ít nhưng tâm bình đẳng, vì khắp tất cả chứ không phải vì mình thì sau này hưởng phước không thể tính kể, cho nên nói: Làm phước dù ít, sau hưởng phước to.

Được quả báo lớn, như trồng có trái: Sau hưởng phước trời tự nhiên, nhan sắc ung dung tự tại, thường sinh ở kinh đô, không ở biên giới quê mùa. Nói năng không phật lòng ai. Tiền của dồi dào, không tâm ghét ganh. Nếu ở tại gia thì tu phước đức, họ hàng hòa thuận, còn nếu xuất gia dứt bỏ ân ái, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, học đạo gian khổ, dứt bỏ tâm mong cầu giàu sang danh vọng, tiếng tăm, diệt sạch hữu lậu, thành hạnh vô lậu, vượt thứ lớp chứng đạo, các công đức đầy đủ, phước tuệ tròn đầy, như nông phu gieo trồng được mùa thu hoạch; kho lẫm tràn đầy, lòng vui phơi phới, trong tâm hớn hởi vì thấy công lao không luống uổng, cho nên nói: Được quả báo lớn, như trồng cây có trái.



*Không lỗi mà cố hại
Không giận mà cố lấn
Đối với mùi phẩm xứ
Bèn thú hưởng về đó.*

Không lỗi mà cố hại, không giận mà cố lấn:
Nhu có người không có tâm giận dữ, ganh ghét

kiêu mạn, nhưng kẻ ngu si lại khởi tâm mưu hại người ấy.

Chư Phật, Thế Tôn từ bi thương xót tất cả, thấy ai khổ thì đến cứu nạn, khởi tâm nghĩ nhớ đến các loài chúng sinh, như mẹ thương con. Cho nên nói: Không lỗi mà cố hại, không giận mà cố lán.

Đối với mười phẩm xú, bèn thú hướng về đó:
Mười phẩm xú là: 1. Không cứu; 2. Ngọn lửa; 3. Ngọn lửa lớn; 4. Sợi dây; 5. Kêu khóc; 6. Kêu khóc dữ dội; 7. Đẳng hại; 8. Đẳng mạng; 9. Súc sinh; 10. Ngạ quỷ. Nếu có chúng sinh tâm ác lầy lùnh sau khi chết, không rời khỏi mười nơi ấy. Cho nên nói: Đối với mười phẩm xú, bèn thú hướng về đó.



*Đau đớn nói lời thô
Thân này phải hư hoại
Các bệnh làm khốn đốn
Tâm loạn không yên định.
Bà con chia lìa nhau
Tài sản hao phí hết
Bị vua quan cướp lấy
Mong mỗi không mãn nguyện.
Lại còn vô số biến
Phải bị lửa thiêu đốt
Thân hoại, không trí tuệ
Cũng đến mười nơi kia.*

Ba bài kệ trên đây, do chính Đức Như Lai nói

ra. Ông Điều-đạt đại khờ bảo vua A-xà-thế cho voi uống rượu say để nó giày đạp Ngài. Khi ấy, Thế Tôn liền nói bài kệ cho voi nghe như sau:

*Làm ác chớ nói không
Làm hoai, nói không tội
Nơi khuất, nói không tội
Ấy đều có chứng nghiệm.*

Việc làm ác của người ta có nặng nhẹ. Ý tưởng đầy ắp điều ác, không thể lìa bỏ, không tìm cách thoát ly, cất chứa giấu giếm, cũng không bày tỏ cho ai biết. Bởi vậy, Đức Thế Tôn dạy bảo người đời sau: Làm ác, chớ nói không, làm hoai, nói không tội, nơi vắng khuất, nói không tội, ấy đều có chứng nghiệm.

Người ta có ý tìm nơi khuất lấp để làm việc tội lỗi, thì đương thời có thể tránh khỏi mầm mống của sự phỉ báng, nhưng đời sau, chắc chắn không thoát khỏi quả báo, oan đối, cho nên nói: Nơi vắng khuất, nói không tội, ấy đều có chứng nghiệm.



*Làm ác nói có lo
Làm hoai, cũng nói lo
Nơi khuất, cũng nói lo
Báo kia cũng có lo.*

Người làm ác ban đầu ý lấy lòng không tự biết. Lúc ấy tâm còn hăng hái bảo: Phải hành động như thế.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền dẫn một thí dụ, như lúc mặt trời mới lặn, núi sông cây cỏ mờ bóng dần dần, cho đến khi trời tối, ở đây những người mê chấp cũng giống như thế, thân và miệng gây ra các tội gốc bất thiện, đến ngày lâm chung thì tội ác kia càng tối tăm nặng nề, mỗi người đều tự mình dần dần đến chỗ tối tăm để chịu quả báo. Cho nên nói: Làm ác, nói có lo, làm hoài cũng nói lo, nơi khuất cũng nói lo, báo kia cũng có lo.



*Đây lo, kia cũng lo
 Làm ác cả hai lo
 Kia lo, kia chịu báo
 Thấy hành mới xét biết.*

Đây lo, nghĩa là cái lo hiện tại; lo kia là cái lo đời sau. Đây lo là chỉ cho không chết, không qua đời; kia lo là đã chết, đã qua đời. Cho nên nói: Đây lo, kia cũng lo, làm ác cả hai lo, kia lo kia chịu báo, thấy hành mới xét biết.



*Đây vui, kia cũng vui
 Làm phước, cả hai vui
 Kia vui, kia được báo
 Thấy hành, tự thanh tịnh.*

Thuở xưa, vua Lưu Ly dấy binh đánh chiếm Ca-duy-la-kiệt (Ca-tỳ-la-vệ) giết hại nhân dân, bắt nhốt bảy ngàn người. Các bậc Thánh chứng đạo

đều bị chôn chân, cho voi dữ chà đạp giết hại. Nói lược việc ấy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Vua Câu-tát-la lật lọng tráo trở, trái ngược với lời dạy của bậc Thánh, không hợp với đạo lý chân thật, nên gây ra tội lỗi nặng nề, vì thế cho nên bảy ngày sau, ông ta tự mắc quả báo; dòng vua nước Câu-tát-la tuyệt tự, không còn người nối dòng; lửa địa ngục Vô trạch cháy phừng, bao phủ vua và đám tùy tùng trong ấy. Tất cả những người ấy đều bị đọa vào địa ngục Vô trạch.

Vua Lưu Ly nghe nói vậy ngay trong ngày đó, vua vội vã cùng với bốn thứ binh và cung nhân thế nữ ra khỏi kinh thành để tránh tai họa. Ông đến sông Hằng, giăng buồm lên thuyền, cho là đã thoát nạn. Bấy giờ, lửa dữ từ địa ngục Vô gián cháy phừng tiếp lấy những người ấy, tất cả đều vào địa ngục, không ai thoát được.

Về chuyện trước khi đi lánh nạn, vua Lưu Ly kéo quân vào trong thành Xá-vệ. Từ xa ông nghe tiếng đàn ca xướng hát vui chơi năm thứ dục lạc. Ông hỏi các quan đứng hầu:

– Nhà ai mà tiếng ca hát vui chơi vang đến đây vậy?

Các quan thưa:

– Đó là tiếng âm nhạc vang lại từ nhà thái tử Kỳ-đầu.

Vua liền cho người đi mời thái tử Kỳ-đầu đến.

Rồi vua bảo:

– Nay ta đi chinh phạt chiến đấu với giặc, lo nghĩ việc nước, vậy mà Kỳ-đầu vui chơi năm thức dục lạc. Nếu ta thua trận thì ông ta lên làm vua, chớ gì?

Thái tử Kỳ-đầu nghe vua gọi liền đến ngay. Vua bảo thái tử:

– Ta đi đánh giặc, tâm lo muôn việc. Còn ông ở nhà vui chơi năm thức dục lạc!

Dứt lời, vua rút gươm chém Kỳ-đầu, đem xác quăng đi. Sau khi chết, Kỳ-đầu sinh lên cõi trời. Trong khi đó, ở nội cung, các kỹ nữ vẫn vui chơi năm thứ dục lạc nào biết chủ mình đã bỏ mạng. Khi ấy, trên cung trời, các thế nữ vẫn vây quanh Kỳ-đầu, cũng vui chơi năm thứ dục lạc với thái tử.

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn nhìn thấy vương tử Kỳ-đầu hưởng phước báo cả hai nơi. Ngài liền ở trước đại chúng nói bài kệ:

*Đây vui, kia cũng vui
Làm phước, cả hai vui
Kia vui, kia được báo
Thấy hành, tự thanh tịnh.*

Khi ấy Đức Thế Tôn lại nói về vua Lưu Ly, bằng bài kệ:

*Đây nấu, kia cũng nấu
Làm tội, cả hai nấu
Kia nấu, kia chịu báo*

Thấy hành, tự nghiệm mình.

Khi ấy Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thấy vua Lưu Ly đang ở trong địa ngục bị khảo tra đánh đập bằng roi gậy năm độc thật khổ sở. Rồi Đức Thế Tôn nói bài kệ:

*Làm phước, không làm ác
Bồi đời trước tu hành
Không hề sợ đường chết
Như thuyền lướt trên dòng.*

Thuở xưa, khi Đức Phật chưa thành Đẳng Chánh Giác, Ngài còn là Bồ-tát hiệu là Nhất Thiết Thí, thuộc dòng Bà-la-môn. Khi ấy Bồ-tát tự trối mình, đến cung vua nước địch. Vua nước địch bảo: “Nay nhà ngươi sợ ta”. Lúc ấy, Nhất Thiết Thí nói bài kệ:

*Làm phước, không làm ác
Bồi đời trước tu hành
Không hề sợ đường chết
Như thuyền lướt trên dòng.*

Thuở xưa, có loài quỷ ăn thịt người, quỷ này làm vua trên cõi người, ngày nào cũng nấu món thịt người cho vua ăn. Ông chinh phục chín mươi chín nước láng giềng, để cung cấp món ăn cho quỷ La-sát, đã có hai mươi một người bị đem làm thịt. Chín mươi chín vua mới thưa với vua La-sát rằng:

– Ở nước gần bên, có vị vua tên Thiện Túc ưa làm việc bố thí, tu hạnh Bồ-tát. Ai xin gì đều cho,

không trái ý người xin. Nếu đại vương bắt được ông ấy, thì bọn tôi cam chịu chết, không còn tiếc hận trong muôn một.

Khi ấy vua người La-sát dẫn binh quí đến đó, rình chờ cơ hội ra tay. Khi đó thì vua Thiện Túc đang dạo chơi ở ao tắm trong vườn.

Có một vị Phạm chí, bỏ gia đình tu học theo ngoại đạo. Khi sắp lên đường, ông thưa với cha mẹ:

– Nay con xa nhà tìm bạn học hỏi, chưa biết khi nào về. Trong thời gian đó, nếu nhà có thiếu hụt thì hãy đến mượn nhà vua, khi con về sẽ trả lại.

Sau thời gian học xong, Phạm chí trở về nhà thì ông chỉ thấy nhà trống trơn, không một ai ở đó. Ông sang nhà bên cạnh hỏi:

– Ông biết cha mẹ, anh chị em tôi hiện giờ ở đâu không?

Người hàng xóm nói:

– Sau khi ông đi rồi thì tiền của vay mượn của vua, không đền trả đủ, nên cả nhà ông bị vua bắt nhốt vào ngục hết rồi. Muốn đến thăm, thì bây giờ đã đúng lúc.

Người này tự nghĩ: “Nhà nghèo mà gặp việc ngặt, lại không có của cải, nếu ta đến ngục thăm cha mẹ thì sẽ bị bắt giữ, cũng chịu đau khổ, không khỏi phép vua. Vậy ta phải ở ngoài cải trang, thay đổi y phục, lén đến xin bồi thường tài vật của quan, chắc sẽ được khỏi tội.” Người này lại nghĩ: “Ồ

nước bên cạnh, có vua Thiện Túc, tu hành đạo đức, tâm bố thí không bao giờ dứt, ta phải đến đó chí thành nói hết mọi chuyện, chắc sẽ được giúp đỡ, đủ tài vật bồi thường cho vua.” Người ấy liền đến vua Thiện Túc, xin cứu giúp. Nhà vua nói:

– Hay lắm! Ta sẽ giúp cho ngươi, nhưng đợi ta tắm xong, sẽ đem của bố thí cho ngươi hãy chờ một chút. Chớ lo, ta không nuốt lời đâu. Khi vừa đến ao thì nhà vua bị binh quỷ kia bắt được. Nhà vua ngó ngoái ra sau, buồn bã rơi lệ. Vua quỷ hỏi:

– Ta nghe nói ông là người nhân hòa bác ái, giúp đỡ không sót một ai, dù gặp nạn khôn đồn, sao ông lại buồn bã như vậy?

Vua trả lời:

– Ta cả đời thực hành bố thí, chưa bao giờ có sự hối tiếc. Vừa rồi, có ông Phạm chí nhờ ta giúp đỡ, đang đứng trong vườn kia. Ta đã hứa nhưng chưa kịp bố thí cho ông ta. Do vậy, nên ta buồn bã!

Vua quỷ thưa với vua Thiện túc:

– Vua giữ tâm thành tín, không hề bội tín. Vậy nay ta thả cho vua làm việc bố thí, xong rồi hãy trở lại đây. Nếu làm đúng vậy thì mới biết vua có giữ chữ tín hay không.

Vua Thiện Túc được trở về cung, bèn mở kho lấy của bố thí theo ý người kia. Rồi vua đến ngay chỗ vua quỷ đang đợi. Vua quỷ nói:

– Ông không sợ ta sao? Sao biết sẽ chết mà còn

trở lại đây?

Vua Thiện Túc nói với vua quỉ bài kệ:

*Làm phước không làm ác
Bởi đời trước tu hành
Không hề sợ đường chết
Như thuyền lướt trên dòng.*

Nghe kệ xong, vua quỉ cảm thấy hổ thẹn, bèn sửa đổi tâm tánh và việc làm của mình, suy nghĩ phải tu pháp cội gốc lành. Vua quỉ liền nói với vua Thiện Túc:

– Nay ta nghe những điều ông nói, quả trong loài người khó có người như ông. Nay ta buông tha chín mươi chín vị vua kia. Ta sẽ xuống ngôi, xin Ngài hãy lên ngôi cai trị theo chánh pháp. Ta dẫn binh quỉ cùng về nước cũ, nếu ta được mạnh khỏe sẽ đến thăm Ngài.

Rồi hai bên chia tay nhau, mỗi người trở về nơi mình ở. Muôn dân vui mừng, đất nước sống trong sự thanh bình, cùng nhau thực hành mười điều lành, không làm mười điều ác. Vua Thiện Túc vẫn chứa nhóm công hạnh của mình không ngừng nghỉ. Sau này thành Phật dưới cây Bồ-đề. Ngài lại nói bài kệ:

*Làm phước, không làm ác
Bởi đời trước tu hành
Không hề sợ đường chết
Như thuyền lướt trên dòng.*



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 26

Phẩm 30: Song Yếu

*Đom đóm chiếu đêm tối
Là khi trời chưa mọc
Nhưng khi mặt trời lên
Thì đom đóm tắt mất.*

Quán xét ý nghĩa này nên Đức Như Lai nêu ra thí dụ để người đời sau hiểu rõ việc ấy. Giống như con đom đóm ở chỗ tối thì ánh sáng của chúng soi thật xa, nó cho rằng không con gì soi sáng bằng mình. Nhưng sau khi mặt trời mọc lên ở phương Đông với trăm ngàn tia sáng thì lúc đó không còn đom đóm sáng nữa. Ánh sáng chúng rút lui im lặng, cho nên nói: Đom đóm chiếu đêm tối, là khi trời chưa mọc, nhưng khi mặt trời lên thì đom đóm tắt mất.



*Xét ánh sáng trong đời
Như Lai chưa ra đời
Phật phát sáng rực rỡ
Thì sáng kia không còn.*

Hạnh tu của ngoại đạo Phạm chí khác nhau. Có người biết được đôi điều là nhờ suy xét, nhờ nhập định. Hoặc có người nghe dạy bảo mà tỉnh ngộ. Ba hạng ấy, tự khoe khoang cho rằng mình là tôn quý. Vì sao? Vì bởi Như Lai chưa ra đời. Nhưng khi Như Lai giáng thân vào cõi đời, phát ánh sáng rực rỡ giáo hóa cùng khắp thì khi đó, ngoại đạo Phạm chí tự nhiên tiêu mất. Đạo của họ không còn lưu hành, cũng không còn oai thần, cho nên nói: Đom đóm chiếu sáng đêm tối, là khi mặt trời chưa mọc, nhưng khi mặt trời lên thì đom đóm tắt mất.



*Không chắc cho là chắc
Bền chắc, nghĩ không bền
Họ không đạt bền chắc
Do sinh khởi tà kiến.*

Không chắc cho là chắc: Các loài chúng sinh luyến mến sinh tử, hoặc tự sinh ý nghĩ muốn sống mãi ở thế gian, đắm mê năm thứ dục lạc, để tự vui chơi, cho là bền chắc. Cho nên nói: Không chắc cho là chắc.

Bền chắc, nghĩ không bền: Hạng tà kiến cố chấp lâu đời, họ truyền trao nhau và phát triển luận thuyết ấy. Họ lén nghe nhà Phật nói Niết-bàn là không sinh diệt, không còn ý nghĩ sinh diệt, không có hát ca nhảy múa, hay bà con họ hàng gì hết, cũng không có vườn cây ao tắm, tới lui qua lại.

Không có những thứ ấy thì có gì bền chắc đâu? Đức Phật bảo: “Không phải vậy”.

Hạng người này tâm điên đảo tà vạy chưa dứt bỏ. Không có gì bền chắc hơn Niết-bàn. Hạng ấy lại chê khinh cho Niết-bàn là không bền chắc, cho nên nói: Bền chắc nghĩ không bền.

Họ không đạt bền chắc, do sinh khởi tà kiến:
Niết-bàn dứt hết phiền não, không có các thứ tai họa, vắng lặng, vô vi, ngưng thần, bất động, cũng không biến đổi, người ngu không hiểu cho là không chân thật, cho nên nói: Họ không đạt bền chắc, do sinh khởi tà kiến.



*Bền chắc, biết bền chắc
Không bền, biết không bền
Người ấy tìm bền chắc
Lấy sửa mình làm gốc.*

Nếu ai hiểu Niết-bàn dứt hết phiền não không sinh, không diệt, cũng không lừa gạt, gian dối người đời, là ngôi nhà nghỉ ngơi vĩnh viễn của chư Phật, Thế Tôn. Nếu có người bước vào ngôi nhà đó hết sức quý mến ngôi nhà ấy thì nó cũng không vui lên. Ai chê bai tàn tệ thì nó cũng không buồn. Nó lánh xa những tà kiến khác lạ, không đi chung đường với tà chấp. Nó thăm thăm bao la như thái hư dứt hẳn không còn sinh khởi. Nó là nơi người trí yêu mến, không phải là pháp mà kẻ ngu tu tập

được. Muốn tới ngôi nhà ấy, chỉ phải đi bằng đường tắt Bát chánh. Phải vượt qua mười hai sườn núi lớn để vượt qua bên kia bờ sinh tử đầy hiểm nguy, để tinh thần lặng yên vô vi. Liếc mắt nhìn sự khổ đau thăm thẳm, khổ thay, ngu hoặc cứ lan tràn, cho nên nói: Bền chắc biết bền chắc, không bền biết không bền. Người ấy tìm bền chắc, lấy sửa mình làm gốc.



*Kẻ ngu cho bền chắc
Lại bị chín kết buộc
Như chim sa vào lưới
Do ái nhiễm sâu chắc.*

Kẻ ngu cho bền chắc: Người ta ở tâm ngu mê khó sửa đổi. Có kẻ nói thân này là bền chắc. Có kẻ bảo kết sử vốn bền chắc, đối với những thứ ấy sinh ý tưởng không phân biệt được đâu là chân, đâu là giả. Có người dù đã xuất gia học đạo, nhưng vẫn làm những việc tà vạy, cho nên nói: Kẻ ngu cho bền chắc.

Lại bị chín kết buộc: Người tu đạo phải lìa bỏ gia đình, nhưng lại gặp phải ác tri thức chỉ dạy đường tà nên vừa bỏ trời buộc cũ thì lại bị trời bằng chín kết sử. Khác nào con ngài đâm đầu vào lửa mà không biết hậu hoạn, ấy là bởi ái nhiễm quá sâu chắc, cho nên nói: Lại bị chín kết buộc, như chim sa vào lưới, do ái nhiễm sâu chắc.



*Nhiều kẻ còn ngờ vực
 Đời này và đời sau
 Thiên định dứt được hết
 Không nào, tu phạm hạnh.*

Nhiều kẻ còn ngờ vực: Người tu hành quán tưởng thân ma tuôn chảy chất bất tịnh, dứt bỏ tâm nghi ngờ, ganh ghét. Nghe pháp thì được lòng tin, không còn phải suy nghĩ, cho nên nói: Nhiều kẻ còn ngờ vực.

Đời này và đời sau: Đời này là thân hiện tại, đời sau là thân sau. Nay là hiện giờ, sau là đời sau. Đối với đời này đời sau không sinh tâm hồ nghi do dự, tương ưng với định ý, cho nên nói: Đời này và đời sau.

Thiên định dứt được hết: Người nhập định, tâm ý vững chắc, dứt bỏ hết phiền não, không sinh khởi ý tưởng đắm trước. Cho nên nói: Thiên định dứt được hết.

Không nào, tu phạm hạnh: Không bị kết sử làm phiền não, giữ ý trong sạch, tâm thường nhất như. Cội gốc công đức đã tu vượt hơn mọi người, cho nên nói: Không nào, tu phạm hạnh.



*Không nhiễm trần, lìa trần
 Giữ gìn y phục ấy
 Không chế ngự không đến
 Đó không phải pháp phục.*

Người tu đạo thường có tâm ô nhiễm bởi chưa dứt bỏ tâm dâm, nộ, si. Dù mặc ca-sa nhưng không dứt bỏ ba độc. Thế nên không đến được đạo. Cho nên nói: Không nhiễm trần, là trần.

Giữ gìn y phục ấy: Chỉ có bậc Thánh hiền ngăn chặn mọi điều ác mới xứng đáng mặc y phục chân pháp. Không phải bộ y phục ấy thì không mặc, cho nên nói: Giữ gìn y phục ấy, không chế ngự không đến, đó không phải pháp phục.



*Nếu dứt trừ bợn nhơ
Tu giới, định, tuệ thấy
Suy nghĩ nghiệp chính ấy
Thì nên mặc ca-sa.*

Nếu dứt trừ bợn nhơ, tu giới, định, tuệ thấy: Người tu học dứt trừ bợn nhơ là chính, ba độc kết sử, hết hẳn không còn sót. Dù chứng La-hán mà không nhập định ý, nên vô ký xảy ra mới biết mình sai lầm. Phải tu giới, trừ cấu uế, không để mất tâm đạo, cho nên nói: Nếu dứt trừ bợn nhơ, tu giới, định, tuệ thấy.

Suy nghĩ nghiệp chính ấy, thì nên mặc ca-sa: Người nhập định chắc chắn có lợi ích. Những gì tâm suy nghĩ đều đạt kết quả. Các Trời, Người, Thiên ma, Đế Thích, Phạm vương, bốn vị vua trời ai cũng tôn kính phụng thờ. Cho nên nói: Suy nghĩ nghiệp chính ấy, thì nên mặc ca-sa.



*Không dùng lời mềm mỏng
Gọi là có chỗ đến
Người có bộ mặt đẹp
Nhưng trong lòng gian dối.*

Không dùng lời mềm mỏng, gọi là có chỗ đến:
ở thế gian có nhiều người nói năng với người khác trong tâm đầy gian trá nhưng bên ngoài làm ra vẻ ngu khờ, cho nên nói: Không dùng lời mềm mỏng, gọi là có chỗ đến.

Người có bộ mặt đẹp, nhưng trong lòng có gian dối: Thuở xưa, vua Ba-tư-nặc, khi đi dạo cảnh, thấy có hai vị Phạm chí học đạo gian khổ. Họ thờ mặt trời, mặt trăng, cúng tế nước lửa. Thấy vậy, vua liền đến chỗ Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn, con vừa dạo chơi, thấy hai vị Phạm chí học đạo kham khổ thật khó ai sánh kịp.

Đức Phật bảo vua:

– Muốn biết người tu công đức, giữ giới vẹn toàn ra sao thì phải sống chung, xem xét kỹ oai nghi cử chỉ của họ, tìm xem những lời nói như thế nào, rồi sau đó mới biết là họ có giữ giới hay không giữ giới.

Nghe lời ấy, vua thấy hổ thẹn liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, trán lạy sát chân Phật rồi ra về. Khi trở về cung điện, vua bảo vị quan đang đứng hầu:

– Người hãy mau đến gọi hai vị Phạm chí, hiện

ở sau vườn ta đến đây, để ta quan sát họ, để suy xét coi họ tu khổ hạnh cầu đạo có thật hay là làm chuyện dối trá, không hợp lý.

Vâng lời, vị quan liền đi mời hai vị kia đang ở sau vườn. Ở trên lầu cao vua theo dõi hành động của họ. Vua nhận ra, họ chỉ hành đạo một cách dối trá. Vua cùng hồ thẹn ăn năn. Từ đó, lòng tin thêm vững, vua càng ưa thích đạo Phật. Vua liền ra lệnh cho cả nước biết: Nếu ai cung cấp thờ phụng bọn ngoại đạo dị học thì đều bị tru lục, không được tự do.

Vua đến chỗ Phật, lễ lạy sát chân Phật, ăn năn lỗi lầm cũ, từ nay trở đi, cung kính cúng dường Tam bảo bốn thứ cần dùng, cho đến trọn đời, không trái lời thệ ấy. Cho nên nói: Người có bộ mặt đẹp, nhưng trong lòng gian dối.



*Nếu dứt bỏ cầu uế
Nhỏ hẳn cội gốc nó
Người trí dứt cầu uế
Gọi là có sắc đẹp.*

Nếu dứt bỏ cầu uế, nhỏ hẳn cội gốc nó: Người đời thường có tâm gian dối. Có kẻ đi tu mặc pháp phục nhưng bên trong làm những việc không chân chánh. Ai dứt bỏ được những điều ấy mới tương ưng với đạo, cho nên nói: Nếu dứt bỏ cầu uế, nhỏ hẳn cội gốc nó.

Người trí dứt cầu uế, gọi là có sắc đẹp: Người trí tu pháp phải tương ưng với đạo. Không làm những việc không đúng pháp thì người tu quý trọng. Sắc mặt người trí sáng sủa, mọi người kính trọng, cho nên nói: Người trí dứt cầu uế, gọi là có sắc đẹp.



*Không bởi sắc chải chuốt
Nhìn qua biết lòng người
Đời, nhiều kẻ trái đạo
Chơi bời khắp đó đây.
Như vòng bằng vàng giả
Trong đó, toàn chất đồng
Sống không biết kiêng dè
Trong bản, ngoài bất tịnh.*

Không bởi sắc chải chuốt, nhìn qua biết lòng người: ở đời có nhiều người ham chải chuốt nhan sắc. Khi nói chuyện với người thì lời hay ý đẹp, nhưng bên trong thì giả dối, tâm nghĩ và miệng nói khác nhau. Tuy cùng là người, nhưng tánh hạnh mỗi người khác nhau, bên ngoài như bậc Hiền, nhưng bên trong nhiều hiểm độc, nên khi mới gặp thì khó phân biệt được người hiền, kẻ ngu. Như ban đêm thấy lửa, từ xa thấy ánh sáng nhưng khi đến cầm nắm thì bị cháy tay. Đây cũng như vậy, là bên ngoài có dáng đẹp nhưng bên trong lửa giận dữ đang cháy, cho nên nói: Không bởi sắc chải chuốt, nhìn qua biết lòng người.

Đời, nhiều kẻ trái đạo, chơi bời khắp đó đây:

Kẻ ngu đời sau càng nhiều xảo trá, đi đến hủy báng bậc Thánh hiền. Gian dối muôn thứ, lừa dối người đời. Nói năng với người nhưng sắc mặt không ngay thẳng; nói ra là thành thơ, biện luận vô ngại, dám làm chuyện trái ngược giữa chốn đông người, ai nhìn cũng phui mắt, cho nên nói: Đời, nhiều kẻ trái đạo, chơi bời khắp đó đây.

Như vòng bằng vàng giả, trong đó, toàn chất đồng: Kẻ xảo trá có nhiều mưu kế. Chúng dùng khói xông đồng, còn đẹp hơn vàng ròng, lừa dối người đời tham lam tài vật. Do vậy, Như Lai nêu ra thí dụ này. Như kẻ làm vàng giả kia gom về nhiều lợi, kẻ gian trá cũng giống như vậy. Họ dùng lời ngon ngọt khuyến dụ đàn-việt, để được bốn thứ cúng dường, không thiếu thốn về y phục, ăn uống, giường nằm, thuốc trị bệnh. Dù được sự cúng dường ấy, nhưng sau đó phải đèn bồi, bị uống nước đồng sôi, chịu khổ não lâu dài, tội vẫn chưa hết. Cho nên nói: Như vòng bằng vàng giả, trong đó, toàn chất đồng.

Sống không biết kiêng dè, trong bản, ngoài bất tịnh: Như bọn gian trá kia, chúng cùng vây cánh đi khắp đó đây, ai thấy cũng kính trọng. Nhưng bọn cướp bạo ngược, chúng phá hoại nhiều làng xóm, nên rồi ai nấy biết chúng không phải người chân chánh. Cho nên nói: Sống không biết kiêng dè, trong bản, ngoài bất tịnh.



*Tham ăn không điều độ
Ba chuyển mình mới đi
Như heo nuôi trong chuồng
Thường phải chịu bào thai.*

Tham ăn không điều độ (phì nộn), ba chuyển mình mới đi: Như người ngu kia, đứng đầu trong chúng, nhận lãnh sự cúng dường của người, họ nuôi thân xác đến nỗi phì nộn quá mức, không thể xoay chuyển được; còn đàn-việt thí chủ thì thường xuyên kính lễ. Người ngu giả vờ ngồi thiền tư duy, bởi vậy, được nhiều người cúng dường. Thế nên Đức Phật lấy chuyện này làm thí dụ, như heo được nuôi nằm ăn mãi, không cựa động, nó không biết ít lâu sau sẽ bị mổ thịt. Bỏ thân này, thọ thân khác nối tiếp không dứt, cho nên nói: Tham ăn không điều độ, ba lần chuyển mình mới đi, như heo nuôi trong chuồng, thường phải chịu bào thai.



*Người chuyên nhất ý mình
Uống ăn biết vừa đủ
Cốt để giữ thân này
Nuôi mạng để chứng đạo.*

Bài kệ trên đây do Đức Phật nói cho vua Ba-tư-nặc nghe vào thuở xưa. Bởi nhiều đời tu phước nên vua Ba-tư-nặc được báo ứng là ở phía sau vườn nhà vua bỗng nhiên mọc lên một cây mía, lúc nào

nó cũng thơm chất ngọt. Ở trong vườn, tự nhiên mọc lên một loại lúa nếp, có cả trăm bông, hái hoài vẫn mọc lại. Nhà vua hưởng phước, ăn thứ lúa ấy mãi vẫn không biết chán, nên thân thể phì nộn ra, thở hỏn hển, không thể xoay chuyển cơ thể được. Khi ấy vua đến chỗ Phật cúi người vái chào rồi ngồi qua một bên. Lúc đó, Đức Thế Tôn bèn nói bài kệ:

*Người chuyên nhất ý mình
Uống ăn biết vừa đủ
Cốt để giữ thân này
Nuôi mạng để chứng đạo.*

Nghe vậy, vua vui mừng hơn hở, không kiềm chế được liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi từ biệt Đức Phật rồi trở về cung. Vua bảo người đầu bếp:

– Nếu dọn cơm lên trước mặt ta, nhà ngươi phải đọc bài kệ trên, ta mới ăn. Từ nay trở đi, việc ấy là một phép tắc thường ngày của ta.

Từ đó vua ăn ít lại nên thân thể nhẹ nhàng, không còn thấy khổ sở khi lui tới như xưa.



*Quán tịnh để tự tu
Các căn không đầy đủ
Uống ăn không thỏa mãn
Ấy phẩm hạnh phạm phu
Ý tham dục dần tăng
Như nhà lũng nước dột.*

Quán tịnh để tự tu, các căn không đầy đủ: Người tu hành, từ đầu, ý đã không bền chắc. Khi nghĩ đến tóc, lông, răng, móng của mình thì ưa thích cho là trong sạch, nổi lên ý niệm ham muốn. Từ đó càng thêm giận dữ, ngu si càng sâu hơn, không gom giữ các căn, các căn bất định. Buông lung, tự do, đánh mất đạo sáng như lửa phùng đồ thêm dầu. Xét cho kỹ thì đó đâu phải là cách dập tắt lửa. Muốn dập tắt hẳn lửa dâm, nộ, si, không còn cháy trở lại nữa thì phải quán tưởng nước bất tịnh chảy ra từ thân ma kia. Cho nên nói: Quán tịnh để tự tu, các căn không đầy đủ.

Uống ăn không thỏa mãn, ấy phẩm hạnh phạm phu: Người tu hành xin xỏ không biết chán, được bao nhiêu đem cất giấu, tâm bôn xển không dứt bỏ nên sau khi chết rơi vào hàng phạm phu tầm thường. Cho nên nói: Uống ăn không thỏa mãn, ấy phẩm hạnh phạm phu.

Ý tham dục dần tăng, như nhà lũng nước đột: Người tu giữ chặt kiến chấp ngu si của mình, không biết tạo căn lành, ý tham dục lấy lòng không tự sửa đổi, nên lại phải trải qua tai nạn sinh tử. Như mái nhà lợp không kỹ nên khi trời đổ mưa, nước tuôn xuống làm dơ bẩn cả áo quần. Tính người cũng vậy, ý không vững chắc, thấm rịn chất dâm, nộ, si. Cho nên nói: Ý tham dục dần tăng, như nhà lũng nước đột.



*Nên quán hạnh bất tịnh
 Các căn không thiếu sót
 Ăn uống biết vừa đủ
 Có tin, giữ tinh tấn
 Không buông lung ý dục
 Như gió thổi núi Thái.*

Nên quán hạnh bất tịnh, các căn không thiếu sót: Người tu hành chế ngự tâm ý, không ăn không ngồi rồi, mà phải quán xét thân này rịn chảy ra chất bất tịnh, phân biệt từng thứ, nói gọn là ba mươi sáu thứ trong thân đều như bần, bất tịnh. Từ đầu đến chân, không có thứ nào đáng tham cả, gom giữ các giác quan, không cho phạm lỗi lầm, cho nên nói: Nên quán hạnh bất tịnh, các căn không thiếu sót.

Ăn uống biết vừa đủ, có tin, giữ tinh tấn: Người tu hành giữ gìn tâm ý, được niềm tin vô lậu. Ai ăn nhiều thì hai mắt lờ đờ không nhập định được. Tâm tin mạnh mẽ mới tinh tấn vượt hơn mọi người, liền được chứng quả, cho nên nói: Ăn uống biết vừa đủ, có tin, giữ tinh tấn.

Không buông lung ý dục, như gió thổi núi Thái: Người tu hành giữ ý, không sinh khởi các loạn tưởng. Tham dục là gốc tai họa, chủ sinh ra mọi tai họa. Thân tâm rối loạn thì trí không được sáng. Sau khi chết bị khổ đốt cháy thân. Biết rõ mọi nạn khổ ấy thì nên giữ gìn tâm ý, chớ cho nó chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp. Ngoài chế ngự sáu trần, trong gom nhiếp sáu căn, trong ngoài

thanh tịnh, không ý dục lâu an trụ vững chắc, không hề bị lay động dù cuồng phong thổi tới, tâm như kim cương không thể phá vỡ. Cho nên nói: Không buông lung ý dục, như gió thổi núi Thái.



*Vắng lặng là nơi vui
Nhưng người lại không thích
Người vô dục ở đó
Người còn dục không ở.*

Vắng lặng là nơi vui: Sở dĩ Thánh nhân nói lời này là vì muôn người tu mau đạt đạo. Ở nơi thanh vắng, ý được chuyên nhất, không bị chi phối bởi giờ giấc nào nên suy tư dễ đạt kết quả. Nghe được tiếng vang của từng ý niệm, như người cất tiếng gọi, cho nên nói: Vắng lặng là nơi vui.

Nhưng người lại không thích: Hạng người như thế đều là phàm phu, tâm họ đắm nhiễm ái dục, không thể lìa bỏ, họ ham mê nữ sắc cho là có hưởng dụng thật sự, đến khi sắp chết mới biết không phải thật, cho nên nói: Nhưng người lại không thích.

Người vô dục ở đó: Sở dĩ gọi bậc Thánh là vì các vị ấy không còn những sự trói buộc của các kết sử, dâm, nộ, si đã được dứt bỏ rỗng rang, sạch như vàng cõi trời, cũng không bị vật gì ngăn che. Nếu ở trong xóm làng nào thì giáo hóa giáp khắp hết. Đến giờ thì ôm bát khát thực gieo phước để hóa độ

chúng sinh. Thí chủ cúng dường ít nhiều đều chú nguyện cho họ. Đàn-việt thí chủ nghe tiếng vị ấy là nghe đạo giáo, tâm được sáng tỏ. Nếu gặp Bích-chi-phật vị ấy tung bình bát lên hư không, hóa hiện mười tám thứ thần biến. Thân tuy ở giữa mọi người nhưng tâm vị ấy ở chốn vắng lặng. Cho nên nói: Người vô dục ở đó.

Người còn dục không ở: Người ham mê ái dục thì tâm ý họ luôn có nỗi ham mê. Như kẻ mắc tội bị giam trong ngục, quan chưa xét xử, qua nhiều năm tháng, ý muốn ra khỏi ngục, thì rất khó được? Kẻ ham hồ dâm dật cũng như vậy, bị tâm si mê trói nhốt trong ngục ái dục, không gặp được thứ thuốc của bậc Thánh vô lậu. Muốn được cứu giúp cũng rất khó được! Cho nên nói: Người còn dục không ở.



*Nơi rừng vắng lặng
Bờ cao đất bằng
Ứng chân đi qua
Ai cũng được ân.*

Nơi nào bậc Chân nhân ở thì chắc chắn nơi ấy có sự ứng hiện điềm lành. Bốn vị vua thần đất thường đến ủng hộ. Nơi có các vị ấy ở không bị tai họa. Phước đức có thể dứt trừ mọi điều ác, những điều tai hại không phát sinh, đó là nhờ nơi ấy có bậc Thánh ở, oai thần các Ngài khiến như vậy. Cho

nên nói: Nơi rừng vắng lặng, bờ cao đất bằng, ứng chân đi qua, ai cũng được ân.



*Khó dòi, khó lay động
Như núi Tuyết nặng kia
Chẳng Hiền thì không hiện
Như bắn tên nhà tối.*

Bạc Thánh hiền tâm không lay động: Ý muốn làm việc gì thì chắc chắn được, không khó. Giống như trên các núi thuộc quý tranh nhau mọc, tùy ý hái về, biết thứ nào độc hại. Thế nên người trí nói các công đức đầy đủ. Cho nên nói: Khó dòi, khó lay động, như núi Tuyết nặng kia.

Chẳng Hiền thì không hiện, như bắn tên nhà tối: Bởi không có thiện tri thức, không gần gũi thiện tri thức nên nghe điều ác thì không nói ra nguồn gốc của nó, còn nghe điều lành thì không khen ngợi công đức của nó, giống như ở trong nhà tối bắn tên. Cho nên nói: Chẳng Hiền thì không hiện, như bắn tên nhà tối.



*Bạc Hiền có ngàn vị
Người trí ở tông tâm
Nghĩa lý rất sâu xa
Người trí phân biệt được.*

Bạc hiền có ngàn vị, người trí ở tông tâm: Bạc

Hiền là người biết phân biệt, nghe nghĩa một câu thì giảng nói vô số pháp biện tài, suy nghĩ phân biệt đều nhờ quán xét, luyện tập. Cho nên nói: Bạc hiền có ngàn vị, người trí ở tòng tâm.

Nghĩa lý rất sâu xa, người trí phân biệt được: Phân biệt các pháp không mất thứ lớp, tìm hiểu suy xét các pháp nghĩa lý sâu xa. Biết các pháp sinh ra từ đâu và diệt đi về đâu. Phân biệt nghĩa lý từng pháp không sai sót. Cho nên nói: Nghĩa lý rất sâu xa, người trí phân biệt được.



*Có nhiều loài chúng sinh
Không bắn và không gặ
Nay quán nghĩa lý này
Kẻ phạm giới hổ thẹn.*

Có nhiều loài chúng sinh, không bắn và không gặ: Gặ là chỉ người tu hành phi pháp. Cho nên nói: Có nhiều loài chúng sinh, không bắn và không gặ.

Nay quán nghĩa lý này, kẻ phạm giới hổ thẹn: Người căn tánh lạnh lợi bén nhạy quán xét biết là thường, vô thường, tịnh hay không tịnh. Cho nên người giới đức đầy đủ thì được khen ngợi là tịnh. Kẻ phạm giới khi nghe người trí dạy bảo thì cho là mình bị chế nhạo, lời kia không phải là lời dạy chân thành. Rồi chính mình không dám xưng tên họ gốc gác, cũng không dám tự hạ mình để khen

ngợi người trí. Như người bắn giỏi biết phân biệt người bắn tên giỏi hơn mình mà học theo. Vì sao? Vì khi muốn giúp kẻ ác sửa đổi hành vi thì người tu thiện phải tôn sùng chánh pháp. Cho nên nói: Nay quán nghĩa lý này, kẻ phạm giới hồ thẹn.



*Quán hữu biết lo sợ
Biến đổi biết hữu vô
Cho nên không ưa hữu
Phải nghĩ xa lìa hữu.*

Quán hữu biết lo sợ, biến đổi biết hữu vô: Hữu là lo sợ không thể nương cậy, cái như thật thì không bao giờ rời bỏ. Cho nên nói: Quán hữu biết lo sợ, biến đổi biết hữu vô.

Cho nên không ưa hữu, phải nghĩ xa lìa hữu: Người ta không ai ưa cội gốc của khổ. Nhưng cũng không nghĩ những điều do nghiệp gốc gây ra. Cho nên nói: Cho nên không ưa hữu, phải nghĩ xa lìa hữu.



*Không tin, không thay đổi
Khoét tường mà ăn trộm
Dứt ý trông chờ kia
Nên gọi người mạnh mẽ.*

Không tin, không thay đổi: Như có các đệ tử Phật, không có ý chí tin sâu, vì sao? Vì người ấy không tin Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng, cũng không

tin Khô, Tập, Diệt, Đạo. Diệt là Niết-bàn dứt hết phiền não. Kẻ kia không tin, cũng không kính thờ. Cho nên nói: Không tin, không thay đổi.

Khoét tường mà ăn trộm: Người tu hành khoét vách tường ba cõi hữu lậu vượt ra, vì trong ba cõi trao đổi phước đức vui mừng. Cho nên nói: Khoét tường mà ăn trộm.

Dứt ý trông chờ kia, nên gọi người mạnh mẽ: Dứt bỏ ý tưởng lợi dưỡng, không còn mong mỏi. Đây là bậc sĩ trong loài người, không ai hơn được. Cho nên nói: Dứt ý trông chờ kia, nên gọi người mạnh mẽ.



*Dứt bỏ duyên cha mẹ
Nhà vua và hai thứ
Diệt hết cả cảnh giới
Vô cầu là phạm hạnh.*

Dứt bỏ duyên cha mẹ: Như Lai nói điều này là muốn chỉ rõ tâm ái dục đã dứt hẳn không còn sót, không còn phát sinh lại nữa. Cho nên nói: Dứt bỏ duyên cha mẹ.

Nhà vua và hai thứ: Nói đến vua là muốn nói đến sự kiêu mạn. Hai thứ chỉ cho Giới luật và Tà kiến. Phải dứt bỏ tâm kiêu mạn này, chớ để nó phát sinh. Cho nên nói: Nhà vua và hai thứ.

Diệt hết cả cảnh giới, vô cầu là phạm hạnh: Như Lai nói điều này là muốn nói tâm kiêu mạn

của mình đã dứt hẳn không còn sót, tu hành phạm hạnh. Cho nên nói: Diệt hết cả cảnh giới, vô cầu là phạm hạnh.



*Nếu người không chỗ nương
Biết kẻ ấy chuộng ăn
Không, Vô tướng, Vô nguyện
Suy nghĩ lấy làm hạnh.*

Nếu người không chỗ nương: Người tu hành không còn các kết sử, cũng không cất giấu chúng. Cho nên nói: Nếu người không chỗ nương.

Biết kẻ ấy chuộng ăn: Người đời dựa vào ăn để sống, biết nắm cơm bỏ vô miệng, biết rõ gốc ngọn xuất phát của nó. Lại người ham ăn sinh ý tưởng mê đắm, như tám da trâu sông kia. Ý tưởng ham ăn giống như đồng lửa. Còn ý thức nghĩ đến ăn thì như dao kiếm. Người tu hành cầm nắm cơm phải quán xét ngọn nguồn nó, hoặc tự tay cầm hoặc ở trong bát. Suy nghĩ kỹ lưỡng miếng ăn từ đâu sinh ra, từ đâu mà diệt. Nếu quán sát những chất như bản rõ do vật thực tiêu hóa ra thì không còn tham ưa. Cho nên nói: Biết kẻ ấy chuộng ăn.

Không, Vô tướng, Vô nguyện, suy nghĩ lấy làm hạnh: Như chúng sinh kia nhập vào ba cửa giải thoát (Không, Vô tướng, Vô nguyện) suy nghĩ đạo pháp không lìa tâm ý. Cho nên nói: Không, Vô tướng, Vô nguyện, suy nghĩ lấy làm hạnh.



*Chim bay trong không
Không để dấu vết
Như người tu hành
Không cầu nơi đến.*

Chim bay trong không, không để dấu vết:

Chim bay trong không đều gọi là phượng hoàng, không hề thấy dấu vết trong hư không, tới lui qua lại đều không nơi chốn. Cho nên nói: Chim bay trong không, không để dấu vết.

Như người tu hành, không cầu nơi đến:

Người tu hành quán sát nghĩa lý này, đều không phân biệt phương hướng đi đến như Đông, Tây, Nam, Bắc. Cho nên nói: Như người tu hành, không cầu nơi đến.



*Ai dứt được gốc hữu
Không nương việc chưa đến
Không, Vô tướng, Vô nguyên
Suy nghĩ lấy làm hạnh.*

Người tu hành trong các cõi cắt đứt cội gốc hữu, nói về hữu thì có Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu, đều dứt hẳn phiền não không còn sót và không còn sinh khởi nữa. Cho nên nói: Ai dứt được gốc hữu.

Không nương việc chưa đến: Không biết việc chưa xảy ra và sự thay đổi hưng, suy. Cho nên nói:

Không nường việc chưa đến.

Không, Vô tướng, Vô nguyên, suy nghĩ lấy làm hạnh: Mặc ba áo giải thoát, bước vào cửa dứt hết phiền não, lấy đó làm vui không bao giờ lìa bỏ. Cho nên nói: Không, Vô tướng, Vô nguyên, suy nghĩ lấy làm hạnh.



*Ít có chúng sinh
Không theo đường tắt
Có vượt, không vượt
Chết rất khó thoát.*

Ít có chúng sinh, không theo đường tắt: Ít có chúng sinh, sinh vào nơi kinh đô, cũng lại ít có chúng sinh gặp được Hiền thánh. Cho nên nói: Ít có chúng sinh, không theo đường tắt.

Có vượt, không vượt: Có nhiều chúng sinh muốn vượt khỏi thế gian, nhưng ít ai vượt khỏi, không biết cội gốc sinh tử, có, không, phải, quấy. Ấy là do thấp hèn cận đục nên không đạt được tánh hạnh. Cho nên nói: Có vượt, không vượt.

Chết rất khó thoát: Người ta ham sống, chỉ thấy trước mắt, không biết con đường đưa đến cái chết đầy dẫy nạn khổ, cũng không suy nghĩ hạnh nghiệp thoát khỏi thế gian. Cho nên nói: Chết rất khó thoát.



Các hữu bình đẳng nói

*Cùng quán sát các pháp
Dứt hết các kết sử
Không còn có nóng bức.*

Các hữu bình đẳng nói, cùng quán sát các pháp: Người ta sống ở đời quán xét phải trái, đầy đủ các pháp, không có cao thấp. Cho nên nói: Các hữu bình đẳng nói, cùng quán sát các pháp.

Dứt hết các kết sử, không còn có nóng bức: Như người tu hành suy nghĩ đo lường để dứt bỏ các kết sử và ý tưởng tham đắm thì không còn tai họa nóng bức nữa. Cho nên nói: Dứt hết các kết sử, không còn có nóng bức.



*Đi đường không còn lo
Lúc nào cũng giải thoát
Tất cả kết sử hết
Không còn các phiền não.*

Đi đường không còn lo, lúc nào cũng giải thoát: Người tu hành tu đức tự nhiên, hết mọi khổ não, không sinh trần cấu. Cho nên nói: Đi đường không còn lo, lúc nào cũng giải thoát.

Tất cả kết sử hết, không còn các phiền não: Như người tu hành giữ tâm bền chắc nên kết sử dứt hẳn, không còn sót. Cho nên nói: Tất cả kết sử hết, không còn các phiền não.



Không tạo, không có tạo

*Tạo nghiệp, chịu phiền não
 Chẳng tạo, chẳng không tạo
 Trước lo, sau cũng vậy.*

Không tạo, không có tạo, tạo nghiệp, chịu phiền não: Người trước gây tội mà biết rõ là phi pháp, rồi bày tỏ với mọi người sám hối, không tự che giấu thì sau này có thọ thân nhưng không bị khổ não. Cho nên nói: Không tạo, không có tạo, tạo nghiệp, chịu phiền não.

Chẳng tạo, chẳng phải tạo, trước lo, sau cũng vậy: Người trước đó gây tội, nhưng liền sám hối ngay thì đến ngày lâm chung thân thức không bị làm lẫn rối loạn. Có thiện thân che chở, không lạc vào đường ác. Cho nên nói: Chẳng tạo, chẳng không tạo, trước lo, sau cũng vậy.



*Nếu tạo nghiệp tốt lành
 Việc làm không lo âu
 Tạo nghiệp vui và tạo
 Sinh cõi trời hưởng vui.*

Nếu tạo nghiệp tốt lành, việc làm không lo âu: Người tu hạnh lành, các công đức đầy đủ, được mọi người tôn kính, ai cũng tôn thờ. Sau khi chết sinh lên cõi trời tốt đẹp. Cho nên nói: Nếu tạo nghiệp tốt lành, việc làm không lo âu. Tạo nghiệp vui và tạo, sinh cõi trời hưởng vui.



*Cũng không biết luận bàn
 Hiền thánh không sai khác
 Nếu lại biết luận nghị
 Lời nói không vết nhơ.*

Cũng không biết luận bàn, Hiền thánh không sai khác: Như người tu hành không biết nghị luận, không phân biệt cú nghĩa nên trước đại chúng không giữ oai nghi phép tắc, hiền, ngu không phân biệt. Cho nên nói: Cũng không biết luận bàn, Hiền thánh không sai khác.

Nếu lại biết luận nghị, lời nói không vết nhơ: Lời nói không vết nhơ, dứt bỏ các ý tưởng tham đắm, trong tâm vui vẻ, được khen ngợi vô lượng. Những pháp vị được nghe làm no đủ tất cả. Không vào các đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu khổ não. Cho nên nói: Nếu lại biết luận nghị, lời nói không vết nhơ.



*Nên nói lời đúng pháp
 Nên dựng cờ Tiên nhân
 Cờ pháp là Tiên nhân
 Tiên nhân là cờ pháp.*

Nên nói lời đúng pháp: Giảng nói, truyền bá cho người nghe, câu văn đầy đủ, xoay vần dạy bảo nhau. Tiên nhân chỉ cho chư Phật, Thế Tôn. Nói danh thân, cú thân, phân biệt từng thứ một không có sai lầm, muốn khiến cho chánh pháp tồn tại lâu

dài trên thế gian. Cho nên nói: Nên nói lời đúng pháp, nêu dựng cờ Tiên nhân, cờ pháp là Tiên nhân, Tiên nhân là cờ pháp.



*Hoặc mắng bằng im lặng
Hoặc mắng trước đám đông
Hoặc mắng không phát tiếng
Đời, không ai không mắng.*

Hoặc mắng bằng im lặng: Trong tâm họ hừng hực cháy lời nguyên rửa không thôi. họ mong đối phương gặp nạn nước lửa, trộm cướp. Họ suy nghĩ bên trong những ý ác đó, không để lộ ra bên ngoài. Cho nên nói: Hoặc mắng bằng im lặng.

Hoặc mắng trước đám đông: Họ lớn tiếng to lời, không kể tôn ti. Cho nên nói: Hoặc mắng trước đám đông.

Hoặc mắng không phát tiếng: Những kẻ có quyền giữa đám đông, cũng không lớn tiếng mắng chửi ngay mặt. Cho nên nói: Hoặc mắng không phát tiếng; đời, không ai không mắng.



*Một chê, một khen
Chỉ lợi tên mình
Chẳng có, chẳng không
Cũng không thể biết.*

Một chê, một khen, chỉ lợi tên mình: Các công đức lành nuôi dưỡng thân này, nếu được cúng

dường cũng không mừng, còn bị gièm chê làm nhục cũng không buồn. Quá khứ qua rồi, tâm lành không mất. Tương lai chưa đến, chưa có điềm xảy ra, hiện tại không dừng trụ, sẽ lại chuyển dời. Cho nên nói: Một chê, một khen, chỉ lợi tên mình, chẳng có, chẳng không, cũng không thể biết.



Người trí khen ngợi

Hoặc tốt hay xấu

Người trí không sai

Tuệ định giải thoát

Như vàng Tử ma

Trong ngoài trong suốt.

Người trí khen ngợi, hoặc tốt hay xấu: học rộng thấy rộng, giảng nói một nghĩa không ai bằng được, đều mong đắc độ, giúp cho thần thức lìa khổ. Cũng như Như Lai, khi đi thì chân cách mặt đất bốn tấc, dấu in trên đất hiện ra rõ ràng. Trong dấu chân đó, loài sâu trùng có hình, đều nhờ ánh sáng đó mà được độ. Trong bảy ngày, chúng được yên ổn hoàn toàn không có các khổ, không bị ai làm tổn hại. Như vàng ròng Tử ma, trong ngoài sáng sạch trong suốt, không có vết nhơ. Cho nên nói: Người trí khen ngợi, hoặc tốt hay xấu, người trí không sai, tuệ định giải thoát, như vàng Tử ma, trong ngoài trong suốt.



*Giống như núi vững sáng
Không bị gió lay động,
Người trí cũng như thế
Không động bởi khen, chê.*

Giống như núi vững sáng: Núi đứng cao chót vót, vững chắc, hoàn toàn không bị gió thổi lay động. Đức Như Lai ở trên đời dứt bỏ hết tám pháp thế gian, không bị lay động bởi khen chê. Có một Phạm chí học rộng hiểu nhiều, không việc gì không biết, nghe Phật ra đời không bị khen chê làm động, giữ tâm như đất, không ghi nhớ mọi việc xấu tốt. Phạm chí đến chỗ Phật, mắng nhiếc Như Lai đủ điều, sau đó khen ngợi bằng nhiều lời hay ho, nhưng tâm Như Lai vẫn an nhiên không động. Cho nên nói: Giống như núi vững sáng, không bị gió lay động, người trí cũng như thế, không động bởi khen chê.



*Như cây không có rễ
Không cành huống có lá
Người mạnh mẽ cõi trời
Ai dám chê đức ấy?*

Như cây không có rễ, không cành huống có lá: Vô minh là gốc rễ, cội nguồn của các thứ tai họa. Ái dục sinh cành lá để tà kiến nảy sinh. Cho nên nói: Như cây không có rễ, không cành huống có lá.

Người mạnh mẽ cõi trời, ai dám chê đức ấy?

Người mạnh mẽ chỉ cho Đức Phật, Thế Tôn đã thoát khỏi sự trói buộc, không còn thọ thân trong bào thai, không những ở kiếp này và còn bao kiếp sau nữa. Cho nên nói: Người mạnh mẽ cõi trời, ai dám chê đức ấy.



*Không nhờ, không có trụ
Hố thân gieo giống khổ
Không ái là trên hết
Trời lẫn người không biết.*

Không nhờ, không có trụ: Dứt bỏ các kết sử, hết hẳn không còn sót. Có kết sử thì có trụ. Không có kết sử thì không trụ. Không còn hố thân thì không còn hạt giống khổ. Cho nên nói: Không nhờ, không có trụ, hố thân gieo giống khổ.

Không ái là trên hết, trời lẫn người không biết: Như Lai ngồi thiền an nhiên vào định, Tam-muội chánh định, tự ẩn mất thân hình. Các vị trời và các bậc Thánh muốn biết Như Lai ở đâu thì không thể được. Cho nên nói: Không ái là trên hết, trời lẫn người không biết.



*Như màn lưới, rùng cây
Không ái hướng việc khác
Phật có vô lượng hạnh
Không còn dấu vết gì.*

Như màn lưới, rừng cây: Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nay Ta nói cho các thầy nghe về gốc rễ cành lá sum suê của cây ái dục phải khéo suy nghĩ,... nói rộng như trong khế kinh, trôi lăn trong sinh tử, mê đắm năm đường.

Cho nên nói: Như màn lưới, rừng cây.

Không ái hướng việc khác: Đức Như Lai thành đạo dứt hẳn không còn ái dục, ra khỏi hẳn năm đường, không còn ở trong ba cõi, không thọ thân bằng bốn cách sinh. Cho nên nói: Không ái hướng việc khác.

Phật có vô lượng hạnh, không còn dấu vết gì: Phật là Đấng đã giác ngộ tất cả pháp, không có việc gì không biết, không thông suốt. Ngài tu bốn ý dứt, bốn ý lìa, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám chánh đạo, giảng nói rộng khắp, không có cùng cực, không ai cao hơn, không thể đo lường sâu xa, không gì sâu hơn, sâu xa không thể thăm dò được. Còn kết sử thì còn dấu vết, hết kết sử thì hết dấu vết. Bởi có chân nên người ta mới đi bốn hướng, bốn góc, trên dưới. Kết sử có dấu vết là bước vào ba cõi, rong ruổi trong năm đường, không thoát khỏi sinh tử. Kết sử hết dấu vết là không còn ở trong ba cõi, tám nạn. Cho nên nói: Phật có vô lượng hạnh, không còn dấu vết gì.



*Nếu người không muốn sinh
Sinh nhưng không thọ hữu
Phật có vô lượng hạnh
Không còn dấu vết gì.*

Nếu người không muốn sinh, sinh nhưng không thọ hữu Bỏ thân này thọ thân khác, cứ trải qua mãi trong sinh tử, với ước, ngàn muôn thân sống chết, vô lượng không thể kể xiết. Nay thành đạo rồi, không còn thọ thân, không còn chịu các khổ não. Cho nên nói: Nếu người không muốn sinh, sinh nhưng không thọ hữu. Phật có vô lượng hạnh, không còn dấu vết gì.



*Nếu muốn dứt tướng ấy
Trong ngoài không các nhân
Cũng không qua sắc tướng
Bốn Ứng không thọ sinh.*

Nếu muốn dứt tướng ấy, trong ngoài không các nhân: Tướng gồm có Dục tướng, Sắc tướng và Vô sắc tướng. Người tu hành dứt hẳn không cho sinh lại, cũng không còn gây ra kết sử trong ba cõi, trong ngoài thanh tịnh, không tạo bụi nhơ. Cho nên nói: Nếu muốn dứt tướng ấy, trong ngoài không các nhân.

Cũng không qua sắc tướng, không sinh bốn sắc tướng: Như người tu hành quán xét sắc quá khứ, sắc quá khứ tạo ra sắc vị lai, sắc vị lai tạo ra

sắc hiện tại. Hiện tại gây ra sắc, mỗi mỗi phân biệt bốn sắc vô hữu. Như vua Chuyển luân thánh vương thống trị bốn thiên hạ, thân vua có tướng Đại nhân, đầy đủ vẻ đẹp. Người tu hành quán thân vua như thân mình không khác, không vì thân tướng tốt đẹp mà sinh khởi ý tưởng thân tướng tốt đẹp. Không vì thân tướng xấu xí mà sinh khởi ý tưởng thân tướng xấu xí. Không thấy mình là người kia, không phải người kia, người kia là mình, chẳng phải mình. Cũng lại không thấy phải quấy là phải hay chẳng phải, đều không còn ý tưởng về tốt, xấu. Dứt hẳn bốn tướng ấy, không theo nó. Cho nên nói: Cũng không qua sắc tướng, bốn ứng không thọ sinh.



Bỏ trước, bỏ sau

Bỏ giữa, vượt hữu

Tất cả đều bỏ

Không còn sống chết.

Bỏ trước, bỏ sau, bỏ giữa, vượt hữu: Bỏ trước nghĩa là bỏ ám tri nhập kết sử trói buộc ở quá khứ. Bỏ sau nghĩa là bỏ ám tri nhập kết sử trói buộc ở vị lai. Bỏ giữa, vượt hữu nghĩa là bỏ ám tri nhập kết sử trói buộc ở hiện tại. Bỏ tất cả là ngay thân này được đạo vô vi, làm vua cõi ba ngàn, làm phép tắc cho mười phương. Mọi việc đều xong theo ý mình, không còn thọ thai, biết đúng như thật. Cho nên nói: Bỏ trước, bỏ sau, bỏ giữa, vượt hữu. Tất

cả đều bỏ, không còn sống chết.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 27

Phẩm 31: Lạc (Vui)

Thắng thì oán hết

Thua thì tự khinh

Dứt thì vui sướng

Không tâm thắng, thua.

Thắng thì oán hết, thua thì tự khinh: Như kẻ thù đêm ngày rình rập đối phương, bởi y có mối thù lớn với đối phương. Đời này qua đời khác không xả bỏ mối oán thù ấy. Như vậy trải qua trăm ngàn thân, báo oán mới dứt, kẻ thua tự khinh. Cho nên nói: Thắng thì oán hết, thua thì tự khinh.

Dứt thì vui sướng, không tâm thắng, thua: Tất cả kết sử hết hẳn không còn. Lại không còn khởi lên ý tưởng mê đắm. Cũng không có tâm hơn, thua. Ta thắng, nó thua, hay nó thắng, ta thua. Hoàn toàn không còn tâm phân biệt ta người. Cho nên nói: Dứt thì vui sướng, không tâm thắng, thua.



Nếu quấy rối người khác

Tìm an vui ở đời

*Thì trở thành oán thù
Không bao giờ thoát khổ.*

Nếu quấy rối người khác, tìm an vui ở đời:
Trên đời này, có nhiều kẻ giữ khư khư tâm mê lầm, tâm thù oán sâu xa, xúc não, quấy rối kẻ khác, lấy đó làm chuyện vui thú cho mình, cho bà con dòng họ mình. Chuyện này như gieo giống đắng mà mong được trái ngọt. Thật uổng công, tốn thì giờ vô ích. Cho nên nói: Nếu quấy rối người khác, tìm an vui ở đời.

Thì trở thành oán thù, không bao giờ thoát khổ: Như chột đánh lộn giết người, chuyện đó còn tha thứ. Còn như có tâm ác độc âm mưu hại người thì phải tránh xa hạng người ấy. Hạng người ấy chắc chắn rơi vào đường dữ. Vì sao? Vì họ khư khư giữ sự ngu muội của mình, không buông bỏ. Cho nên nói: Thì trở thành oán thù, không bao giờ thoát khổ.



*Quá ưa thích ái dục
Đánh đập các chúng sinh
Để mong tìm an vui
Thì đời sau không vui.*

Quá ưa thích ái dục: Tất cả chúng sinh đều ưa thích an vui chứ không ưa khổ não. Thấy khổ thì mọi người không ưa thích. Tự mình giết và vào bảo người giết, tự mình dâm dật và bảo người dâm dật.

Tự mình nói dối, nói thêu dệt, dạy người nói láo, nói thêu dệt. Tự mình ăn cắp, dạy người khác ăn cắp. Cho nên nói: Quá ưa thích ái dục.

Đánh đập các chúng sinh: Việc làm không đúng pháp, gây oan uổng cho mọi người, ý lấy việc gây hại cho người làm gốc. Cho nên nói: Đánh đập các chúng sinh.

Để mong tìm an vui, thì đời sau không vui: Người làm ác đều vì bản thân mình. Bỏ thân này thọ thân khác chịu các khổ não, trải qua sinh tử, đắm chìm trong năm đường. Sinh nơi nào thì tội khổ vẫn đi theo. Cho nên nói: Để mong tìm an vui, thì đời sau không vui.



*Ai muốn được vui sướng
Chớ đánh đập chúng sinh
Để mong tìm an vui
Thì đời sau được vui.*

Ai muốn được vui sướng, chớ đánh đập chúng sinh: Tất cả chúng sinh đều ưa thích sự an vui, không ưa thích sự khổ. Thấy người bị khổ thì sinh tâm Từ bi thương xót với bốn tâm bình đẳng, coi kẻ khổ ấy như con đẻ của mình. Từ đây, không khởi tâm oán giận đánh đập chúng sinh, sống ở đời ai cũng cầu yên thân. Nếu bây giờ ta xúc não, làm phiền nhiễu cho kẻ khác thì đời sau chịu vô số oan đời, cho nên nói: Ai muốn được vui sướng, chớ

đánh đập chúng sinh, để mong tìm an vui thì đời sau được vui.



*Ưu pháp, ưa tu hành
Cẩn thận, chớ làm ác
Khéo thực hành chánh pháp
Đời này, đời sau vui.*

Người ta ở đời làm việc đạo pháp thì chọn pháp lành, bỏ pháp ác, đi đây đó để tìm thiện tri thức, để được dạy bảo những lời hay. Đến nơi nào cũng làm cho pháp sự được hưng thịnh. Cho nên nói: Ưu pháp, ưa tu hành, cẩn thận chớ làm ác, khéo thực hành chánh pháp, đời này, đời sau vui.



*Giữ pháp, hành chánh pháp
Hành pháp được báo lành
Đúng theo luật pháp dạy
Hành pháp, không đọa ác.*

Giữ pháp, hành chánh pháp, hành pháp được báo lành: Chính mình có khả năng giữ gìn pháp khiến không để rơi mất thì được phước báo đời sau. Cho nên nói: Giữ pháp, hành chánh pháp, hành pháp được báo lành.

Đúng theo luật pháp dạy, hành pháp không đọa ác: Người tu hành tự giữ mình bằng chánh pháp. Sinh nơi nào cũng không gặp tai họa xấu ác. Từ nhỏ đến lớn đều được phước. Hưởng hết phước

trời, sinh xuống cõi người lại được hưởng phước. Cho nên nói: Đúng theo luật pháp dạy, thực hành chánh pháp, không bị đọa đường ác.



*Giữ pháp, hành chánh pháp
Như dù lọng che thân
Đúng theo luật pháp dạy
Hành pháp, không đọa ác.*

Người tu hành giữ gìn pháp sâu xa, là những lời dạy hay, diệt trừ các ám cái như giữa trời nắng mà được dù lọng tốt đẹp, được ân cứu giúp. Cho nên nói: Giữ pháp, hành chánh pháp, như dù lọng che thân, đúng theo luật pháp dạy, hành pháp, không bị đọa.



*Làm ác đọa địa ngục
Phải rơi vào đường ác
Phi pháp tự nhận chìm
Như tay cầm rắn độc.*

Làm ác đọa địa ngục, phải rơi vào đường ác:
Người làm ác chứ không phải cha mẹ, anh em, bà con họ hàng làm, do tội lỗi chính mình làm gây ra. Tạo tội thì tự mình chịu tai ương, không ai thay thế cho mình được. Kiến chấp của ngoại đạo, dị học khác nhau. Theo kiến chấp của ngoại đạo thì mình tạo tội nhưng kẻ khác phải chịu quả báo. Cho nên nói: Làm ác đọa địa ngục, phải rơi vào đường ác.

Phi pháp tự nhận chìm, như tay cầm rắn độc:

Như người trong tay cầm rắn độc, hoặc dùng chú thuật mà bắt nó, hoặc dùng cỏ thuốc mà bắt nó, hoặc được thầy dạy cách dùng tay cầm rắn độc để chơi. Chú thuật hết hiệu nghiệm thì bị rắn cắn, chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ súc sinh, trôi lăn trong sinh tử không lúc nào ra khỏi. Cho nên nói: Phi pháp tự nhận chìm, như tay cầm rắn độc.



Bất luận pháp, phi pháp

Hai việc đều có báo

Phi pháp vào địa ngục

Chánh pháp sinh cõi trời.

Bất luận pháp, phi pháp, hai việc đều có báo:

Các loài chúng sinh làm những việc lành dữ, không tự giác biết quả báo của tai ương và phước đức, người làm lành, không biết có quả báo của việc lành, người làm ác không biết có quả báo của việc ác. Như người được thức ăn có lẫn chất độc, khi được là ăn ngay, không biết trong đó có chất độc. Chất độc lan mạnh làm hại thân. Người làm ác cũng giống như vậy, ngay lúc ấy là ngon miệng, nhưng về sau bị tai ương, đến nỗi mất mạng không đến được cõi lành. Người có mắt sáng nhìn thức ăn biết liền. Thấy món ấy là sạch, không có chất độc nên lấy ăn, do vậy không bị nạn khổ về sau. Cho nên nói: Bất luận pháp và phi pháp, hai việc đều có quả báo. Phi pháp vào địa ngục. Chánh pháp sinh

cõi trời.



*Thí và giảng một chỗ
Việc ấy trí không khen
Vừa thí vừa giảng lại
Hai việc ấy ngang nhau.*

Thuở xưa, trong thành Xá-vệ có một vị trưởng giả tên Tới Thắng, lại có vị trưởng giả khác tên Nan Hàng, cả hai vị đều tham lam bòn xén nhất trong nước, tài sản vật quý rất nhiều, bảy thứ báu đầy đủ, voi ngựa, xe cộ, kẻ ăn, người ở, lúa thóc ruộng vườn nhiều không kể xiết. Nhà của hai ông đều có bảy lớp cửa, họ ra lệnh cho người giữ cửa không cho một người hành khất nào lọt vào sân nhà. Ở trên thì hai ông cho phủ lưới sắt để chim chóc khỏi bay vào ăn thóc lúa. Bốn vách tường nhà đều bằng sắt vì sợ chuột khoét cắn phá đồ đạc.

Lúc ấy, năm vị đại Thanh văn theo thứ lớp đến giáo hóa hai vị trưởng giả, các vị này từ dưới đất vọt lên dạy họ pháp thí, nhưng hai vị này nghe rồi đều không chịu thực hành. Sau đó Đức Phật tự đến, ngồi nằm trên hư không, phát ra ánh sáng rực rỡ, nói pháp nhiệm mầu cho họ nghe. Họ nghe pháp nhưng lòng vẫn chưa thấu đạt. Họ thầm nghĩ: “Phật đến nhà ta chẳng lẽ để Ngài về tay không. Thôi, hãy vào kho lấy một tấm dạ bố thí Như Lai.”

Nghĩ xong, ông trưởng giả liền đứng dậy vô kho lựa một tấm dạ xấu, không dè lại nhằm tấm dạ tốt. Ông để tấm đó lại, lấy tấm khác, nhưng tình cờ tấm này lại càng tốt hơn tấm trước. Tâm ý cứ giằng co nhau không thể quyết định được.

Ngay trong ngày ấy, A-tu-luân chiến đấu với trời Đao-lợi, hễ trời thắng thì A-tu-luân thua, còn A-tu-luân thắng thì các trời thua.

Khi ấy Đức Phật dùng Thiên nhãn quán thấy tâm ông trưởng giả, có lúc tâm bố thí thắng, có lúc tâm bòn xén thắng, nên Ngài nói bài kệ:

*Thí và giăng một chỗ
Việc ấy trí không khen
Vừa thí vừa giăng lại
Hai việc ấy ngang nhau.*

Trưởng giả từ xa nghe lời ấy, tâm rất hổ thẹn, lời Như Lai nói chính là vì ta. Ông liền mở kho lấy tấm dạ tốt bố thí. Còn trưởng giả Nan Hàng thì lấy năm trăm lạng vàng ra bố thí. Tâm ý mở to, mỗi người đều thấy đạo mầu.



*Người gặp trăm ngàn việc
Dứt bỏ oán kiêu mạn
Bố thí lòng thanh tịnh
Là người mạnh hơn hết.*

Người gặp trăm ngàn việc, dứt bỏ oán kiêu mạn: Người tu mà ở tại gia thì cứ mãi đắm mê tài

sản sự nghiệp, bận rộn các việc, tâm không yên định, cho nên người muốn tu đạo thì phải lìa bỏ gia nghiệp, dứt bỏ kiêu mạn, không khởi ý tưởng mê đắm. Khi bố thí chớ cầu đền ân. Khiêm cung tự hạ mình, tu các cội gốc công đức. Khinh thường người khác, coi trọng mình là tai họa. Do vậy, bậc Thánh dạy hãy ở nơi thanh vắng, sau đó tu tập chân đạo. Cho nên nói: Người gặp trăm ngàn việc, dứt bỏ oán kiêu mạn.

Bố thí lòng thanh tịnh là người mạnh hơn hết: Bố thí có năm công đức. Dứt bỏ tâm kiêu mạn tự đại, ý thường trong sạch, không còn nhớ bản. Cho nên nói: Bố thí lòng thanh tịnh là người mạnh hơn hết.



*Nhân ít được thắng nhiều
Giữ giới thắng lười biếng
Có lòng tin bố thí
Đòi sau quả báo tốt.*

Nhân ít được thắng nhiều, giữ giới thắng nhiều lười biếng: Có nhiều người lòng tin quá ít, tâm giận dữ lấy lòng, giữ giới, nhân nhục cũng lại quá ít. Ai thực hành được nhân nhục thì chiến thắng được oán thù. Người giữ giới thì thắng được biếng nhác. Như ngài A-na-luật có lần bố thí cho vị Bích-chi-phật nên trong chín mươi kiếp không hề bị đọa vào đường ác. Sau sinh vào nhà họ Thích,

là em chú bác với Phật, đi xuất gia học đạo và chứng đắc đạo quả. Cho nên nói: Nhẫn ít được thắng nhiều, giữ giới thắng nhiều lười biếng, có lòng tin bố thí, đời sau quả báo tốt.



*Vui thay phước báo lớn
Ước nguyện đều thành tựu
Mau được diệt bậc nhất
Dẫn vào bờ Vô vi.*

Vui thay phước báo lớn, ước nguyện đều thành tựu: Người tu phước là do đời trước lập nguyện mà ra. Hễ gặp ruộng phước là gieo, dù ít nhưng sâu gặt vô lượng. Nếu như đời trước xúc phạm, làm phiền nhiễu Thánh hiền, tâm bố thí không thuần nhất, không có tâm bình đẳng thì kiếp sau nên được làm người dung mạo sẽ xấu xí, bị mọi người khinh chê. Làm ác chịu quả khổ, làm lành hưởng quả lành. Cho nên nói: Vui thay phước báo lớn, ước nguyện đều thành tựu.

Mau được diệt bậc nhất (Niết-bàn) dẫn vào bờ Vô vi: Các kết sử dứt hết, các công đức đầy đủ, trong sạch sáng suốt, trong ngoài đều thanh tịnh, ý mong cầu nghĩa bậc nhất thì nghĩa liền thành tựu. Muốn được mãi mãi đi vào nơi Hư vô thì liền được ngay, không không có gì trở ngại, cho các ác ma tà vạy bên ngoài muốn đến hủy hoại người có phước đức này thì chúng cũng không làm gì được. Giống

như xưa, ma vương dẫn mười tám ức chúng, một thân trăm đầu, hình tượng đáng sợ như cọp, sói, sư tử, rắn độc, cùng kéo đến dọa nhát Như Lai, nhưng phước lực của Như Lai khiến các ma phải tiêu tan. Ma vương rút lui rồi, Đức Thế tôn liền nói bài kệ này:

*Vui thay phước báo lớn
Ước nguyện đều thành tựu
Mau được diệt bậc nhất
Dần vào bờ Vô vi.*



*Nếu ai tìm phương tiện
Thánh hiền ban trí tuệ
Dứt hết cội gốc khổ
Nên biết được may lớn.*

Ai tìm được phương tiện, thánh hiền ban trí tuệ: Người học muốn tu tập pháp Thánh hiền thì phải tinh tấn mạnh mẽ, ý không phân tán. Sau mới ứng hợp với đạo Thánh hiền. Cho nên nói: Ai tìm phương tiện, Thánh hiền ban trí tuệ.

Dứt hết cội gốc khổ, nên biết được may lớn: Khổ chính là năm ấm lấy lòng, dứt được khổ ấy là ứng hợp với đạo pháp. Cho nên nói: Dứt hết cội gốc khổ, nên biết được may lớn.



*Ưa pháp, ngủ yên lành
Tâm ý thuần thanh tịnh*

*Pháp do Hiền thánh dạy
Được người trí ưa thích.*

Người học tu hành đạt được pháp sâu xa, phân biệt rõ ràng nghĩa câu. Tâm ý điềm nhiên lặng lẽ, không còn ý tưởng nào khác. Nhập định nhất tâm, không bị các tà ma làm lay động. Giáo pháp do Hiền thánh dạy, miệt mài tu tập không thể lìa bỏ. Những điều người trí tu tập không phải là điều kẻ ngu luận bàn được. Cho nên nói: Ưa pháp ngủ yên lành, tâm ý thuần thanh tịnh, pháp do Hiền thánh dạy, được người trí ưa thích.



*Nếu người tâm ưa thiền,
Thì cũng ưa vắng lặng
Cũng ưa bốn ý chỉ
Cùng với bảy giác ý
Cùng bốn thân tức kia
Tám phẩm đạo Hiền thánh.*

Nếu người tâm ưa thiền thì cũng ưa vắng lặng: Người tu hành sở dĩ ưa thích thiền định là muôn từ cõi Niết-bàn vô dư mà bước vào Diệt độ. Không sinh, không diệt. Cho nên nói: Nếu người tâm ưa thiền thì cũng ưa vắng lặng.

Cũng ưa bốn ý dứt, cùng với bảy giác ý: Ngăn dứt kết sử không cho sinh khởi gọi là ý dứt. Có sự giác ngộ nên gọi là giác ý. Cho nên nói: Cũng ưa bốn ý dứt, cùng với bảy giác ý.

Cùng bốn thần túc kia, tám phẩm đạo Hiền thánh: Pháp thần túc cũng cắt đứt được kết sử. Đối với pháp hiện tại được an lạc vô vi, tu tập tám phẩm đạo Hiền thánh. Đối với pháp hiện tại cũng cắt đứt kết sử, được an vui lợi ích tốt đẹp. Cho nên nói: Cùng bốn thần túc kia, tám phẩm đạo Hiền thánh.



*Khéo vui với năm cơm
Khéo vui với pháp phục
Khéo vui với kinh hành
Vui ở trong rừng núi.*

Khéo vui với năm cơm, khéo vui với pháp phục: Như người tu hành đã được trí tuệ, dứt bỏ tất cả, phân biệt rõ ý tưởng về ăn, ý không còn mê đắm. Khi ăn, món ngon hay dở đều không sinh tâm khen chê. Pháp phục ngay thẳng, không trái với cách phục sức do bậc Tiên thánh chế ra. Cho nên nói: Khéo vui với năm cơm, khéo vui với pháp phục.

Khéo vui với kinh hành, vui ở trong rừng núi: Như trong kệ kinh của Phật có nói: người đi kinh hành được năm công đức. Năm công đức gồm:

1. Có khả năng đi xa được.
2. Thức ăn tự nhiên tiêu hóa.
3. Mau tiêu hóa thức ăn.
4. Không bệnh.
5. Người đi kinh hành mau được thiền định.

Người tu đạo được pháp nhiệm màu bốn đế chân như, nghe pháp, tâm ngộ, liền vào chốn núi sâu vắng bóng người, để tu tập các thiền định, ở trong thế giới Niết-bàn vô dư mà nhập Niết-bàn. Cho nên nói: Khéo vui với kinh hành, vui ở trong rừng núi.



*Đã đến nơi an vui
Hiện pháp được vô vi
Bởi vượt các lo sợ
Các đắm nhiễm thế gian.*

Đã đến nơi an vui, hiện pháp được vô vi: Như người tu hành tự vui với pháp chân thật trong thế giới Niết-bàn hữu dư. Lần hồi đến được cảnh giới Niết-bàn dứt hết phiền não. Cho nên nói: Đã đến nơi an vui, hiện pháp được vô vi.

Bởi vượt các lo sợ, các đắm nhiễm thế gian: Đã thấy được đạo, vượt các khổ nạn, vượt khỏi các đắm nhiễm thế gian, ra ngoài ba cõi. Làm ruộng phước an lành cho chúng sinh. Cho nên nói: Bởi vượt các lo sợ, các đắm nhiễm thế gian.



*Khéo vui với niệm đăi
Khéo quán sát các pháp
Đẹp thay đời không hại
Nuôi dưỡng các chúng sinh.
Vui đời không ái dục*

*Vượt các tâm đắm nhiễm
Dứt tâm kiêu mạn mình
Đây là vui bậc nhất.*

Đức Như Lai giáng thần vào cung vua, Ngài quán sát thế gian là vô thường, muôn vật như huyễn, cho nên Ngài xả bỏ ngôi vua vào núi sâu học đạo, tu khổ hạnh nhiều năm, ngồi dưới cây Bồ-đề thành Đẳng chánh giác. Rồi sau đó, bảy đêm bảy ngày Ngài nhìn cây Bồ-đề không nháy mắt. Khi ấy Như Lai liền đứng dậy đi đến chỗ rừng đầu đàn Văn Lâm, tới cung điện của rừng này và nói bài kệ trên. Nghe kệ, tâm ý rừng được mở tỏ. Mở mắt thấy thân Như Lai, chua xót gạt lệ, tự nhớ kiếp trước hèn mọn, nên nói bài kệ:

*Khéo vui với niệm đăi
Khéo quán sát các pháp
Đẹp thay đời không hại
Nuôi dưỡng các chúng sinh.
Vui đời không ái dục
Vượt các tâm đắm nhiễm
Dứt tâm kiêu mạn mình
Đó là vui bậc nhất.*



*Người già giữ giới, vui
Có tin đầy đủ vui
Vui phân biệt nghĩa thú
Vui không làm điều ác.*

Người già giữ giới vui: Người học đạo, dù tuổi già nhưng không nề khổ nhọc, không có tâm lui sụt, dù tuổi còn trẻ nhưng mắt thấy vinh hoa ở thế gian lại chán ngán. Đạo ở trong tâm chứ không luận già trẻ, chỉ có tâm cứng cõi mới đến được đạo. Nếu có tín tâm thì đến đâu không được? Cho nên nói: Người già giữ giới vui.

Có tin đầy đủ vui: Người có lòng tin thì bốn việc không làm lay động. Dù có hóa thành thân Phật với ánh sáng rực rỡ, muốn đến dỗi gạt cũng không thể làm cho thân tâm bị lay động. Cho nên nói: Có tin đầy đủ vui.

Vui phân biệt nghĩa thú: Người nào nói năng giỏi đều do việc làm đời trước, qua ức, ngàn muôn kiếp mới được biện tài như vậy. Mỗi lời dạy nói ra đều rõ ràng các nghĩa. Mỗi ý nhắm tới đều không mất đầu mỗi thứ lớp. Từ ý nghĩa của một câu có thể giảng rộng hằng trăm ngàn nghĩa, không bao giờ có những lời lẽ nào thô tục cho nên nói: Vui phân biệt nghĩa thú.

Vui không làm điều ác: Người không làm điều ác thì sinh lên cõi trời, cõi người hưởng phước. Cho nên nói: Vui không làm điều ác.



Đời có cha mẹ vui

Nhóm họp hòa cũng vui

Đời có Sa-môn vui

Chí lạng vui cũng vậy.

Đời có cha mẹ vui, nhóm họp hòa cũng vui:

Như trong khế kinh Phật có nói: Công ân sâu nặng của cha mẹ không thể ghi chép cho hết. Nếu người con hiếu muốn báo ân đó, vai phải cõng cha, vai trái cõng mẹ từ khi sinh ra, đến khi lớn lên đi khắp trời đất, trải qua trăm ngàn kiếp cũng không thể báo ân cha mẹ dù chỉ một ngày. Vì sao? Vì nhờ cha mẹ nuôi lớn thân này, ta mới mở sáu giác quan thấy được cuộc đời. Mẹ nhường khô, nằm ướt, luôn luôn che chở bảo vệ cho con, vì thế nếu người con hiếu muốn báo ân thì trăm ngàn phần cũng chưa được một. Cho nên nói: Đời có cha mẹ vui, nhóm họp hòa cũng vui.

Đời có Sa-môn vui, chí lạng vui cũng vậy:

Xuất gia học đạo, dứt bỏ ân ái, xa lìa gia nghiệp, thường hành ba nghiệp, không mất chí nguyện, lại được trăm ngàn chúng sinh kính mến, nhớ tưởng, thường xuyên cúng dường, cung cấp những món cần dùng. Phạm chí xuất gia tu hành gian khổ chỉ nhằm cởi bỏ sự trói buộc. Mọi việc làm đều thanh tịnh. Không gây việc ác. Cho nên nói: Đời có Sa-môn vui, chí lạng vui cũng vậy.



Chư Phật ra đời vui

Nói pháp nhận được vui

Chúng Tăng hòa cũng vui

Hòa thì luôn an vui.

Chư Phật ra đời vui: Như Lai ra đời thật khó được gặp, như hoa Ưu-đàm-bát mấy ngàn muôn kiếp mới nở một lần. Chúng sinh thấy hoa Ưu-đàm-bát thì cũng vui cả mừng, bảo nhau rằng: “Không bao lâu nữa Như Lai ra đời. Điềm lành đã hiện đâu có sai? Kinh sách xưa đã có ghi chép rằng: Nếu khi hoa này xuất hiện ra đời thì không bao lâu nữa Như Lai sẽ ra đời. Các trời, loài người đều vui mừng. Bày đủ các món cúng dường, chiêm ngưỡng hình dung sáng rõ của Như Lai”. Cho nên nói: Chư Phật ra đời vui.

Nói pháp nhận được vui: Đức Phật mới thành đạo, các tướng đầy đủ, bốn mươi chín ngày lặng yên nhập định. Không giảng nói pháp vị cho chúng sinh nghe. Sau đó, Phạm thiên thưa thỉnh, Ngài mới giảng nói pháp lành cho bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các hàng Trời, Rồng, Kiền-đạp-hòa, A-tu-luân, Chiên-đà-la, Ma-hu-lặc, loài người và chẳng phải loài người, giảng nói pháp lành, chúng sinh nhờ ân đều được cứu giúp. Cho nên nói: Nói pháp nhận được vui.

Chúng Tăng hòa cũng vui, hòa thì luôn an vui: Chúng không phải là một người, mà là bốn, tám, hoặc đến vô số. Chúng của Như Lai là bậc nhất. Chúng của Như Lai có tứ song, tám bối, mười hai hiền sĩ. Chúng sinh cùng nhau đến cúng dường. Nếu kính trọng Thánh chúng thì được phước vô

lượng. Bởi ruộng phước này mà sinh ra đạo quả, vừa ngon vừa đẹp, không khô xốp, mọi mong cầu đều toại nguyện. Điều mà các bậc Thánh quý trọng trên hết chính là Hòa. Cho nên nói: Chúng Tăng hòa cũng vui, hòa thì luôn an vui.



*Giữ giới đầy đủ vui
Học rộng, biết nhiều vui
Thấy bậc chân nhân vui
Bước chân giải thoát vui.*

Giữ giới đầy đủ vui: Có các chúng sinh gặp người giữ giới thì thờ phụng cúng dường, thường chiêm ngưỡng, về sau được phước báo, ở yên trong vô vi, vui sướng tự do. Cho nên nói: Giữ giới đầy đủ vui.

Học rộng, biết nhiều vui: Chúng sinh gặp được người học rộng, biết nhiều, họ tiếp nhận lời dạy của vị ấy, hiểu rõ không bỏ sót danh thân, cú thân, vị thân, nghĩa lý thông đạt, suy tìm các nghĩa, nghe liền tỉnh ngộ, không cần nghe lại lần nữa. Cho nên nói: Học rộng, biết nhiều vui.

Thấy bậc chân nhân vui, bước đi giải thoát vui: Nếu có chúng sinh trông cội gốc công đức từ kiếp trước, nay gặp bậc Hiền thánh, bậc A-la-hán, được định Diệt tận và định vắng lặng, nếu chúng sinh bố thí cho bậc chân nhân ấy thì hiện đời được quả báo tốt, tiền bạc tài sản dồi dào, mong cầu

nguyện gì cũng thỏa ý, không có ước muốn nào không đạt kết quả. Họ không bao giờ còn đắm nhiễm các kết sử. Cho nên nói: Thấy bậc chân nhân vui, bước đi giải thoát vui.



Vui bởi nước trong mát
Vui pháp tài nhóm họp
Vui được trí tuệ sáng
Vui do dứt mạn, tà.

Vui bởi nước trong mát: Như nước sông trong lành mát mẻ, tiếng chảy êm đềm, nước ngon ngọt, không làm hại ai. Người học ưa thích nó nên được đầy đủ nhiều thứ. Cho nên nói: Vui bởi nước trong mát.

Vui pháp tài nhóm họp: Cửa cái gom về đúng phép, không trái lý. Do vậy, cửa ấy không bị huyện quan tịch thu, không bị trộm cướp chiếm đoạt, không bị nước trôi lửa cháy. Vì sao? Vì tài lợi ấy thu được bằng chánh pháp, không phải ép uổng chúng sinh mà tự nhiên được như vậy. Cho nên nói: Vui pháp tài nhóm họp.

Vui được trí tuệ sáng: Như người học kia được trí tuệ bậc nhất của thế gian nên có khả năng phân biệt tất cả các pháp, vàng trí tuệ ấy phát ra, ai nhận được liền tỉnh ngộ. Cho nên nói: Vui được trí tuệ sáng.

Vui do dứt mạn, tà: Ai kiêu mạn thì ưa khinh

miệt kẻ khác. Từ nhiều kiếp đến nay gieo trồng công đức lành, nhưng không được tốt ráo đều do sinh tâm tức giận. Cho nên nói: Vui do dứt mạn, tà.



*Vui được thấy Hiền thánh
Cùng gặp nhau cũng vui
Không sống với kẻ ngu
Cho nên vui mãi mãi.*

Vui được thấy Hiền thánh, cùng gặp nhau cũng vui: Bậc Hiền thánh đạt đạo đầy đủ, các công đức viên mãn, nhiều kiếp tu học chứa nhóm công hạnh nên được mọi người cung kính. Kính thờ bậc Hiền thánh sau được an vui, của cải vô số. Mọi người trong nhà hòa thuận, bà con họ hàng ngày càng đông đảo. Cho nên nói: Vui được thấy Hiền thánh, cùng gặp nhau cũng vui.

Không sống với kẻ ngu, cho nên vui mãi mãi: Người lành tu đức, tìm kiếm bạn lành, thấy bạn xấu thì tìm cách xa lìa. Vì sao? Vì bản tính kẻ ác là không bao giờ làm lành. Họ làm cho kẻ khác bị rơi vào chỗ tăm tối, không cho thấy ánh sáng rực rỡ. Cho nên nói: Không sống với kẻ ngu, cho nên vui mãi mãi.



*Không sống với kẻ ngu
Trải qua biết bao ngày*

*Khó ở chung với họ
Như ghét mà gặp hoài
Ở chung người khôn, dễ
Như gặp gỡ người thân.*

Không sống với kẻ ngu, trải qua biết bao ngày: Nếu người tu hành sống với kẻ ngu thì đêm ngày đọa lạc rơi vào sinh tử. Dù ức Phật quá khứ cũng không cứu vớt được. Cho nên nói: Không sống với kẻ ngu, trải qua biết bao ngày.

Khó ở chung với họ, như ghét mà gặp hoài: Ghét mà phải gặp là khổ nạn, đều do vô minh cả, bởi không theo thầy lành, không ở chung với thiện tri thức. Cho nên nói: Khó ở chung với họ, như ghét mà gặp hoài.

Ở chung người khôn, dễ, như gặp gỡ người thân: Điều mà người trí tu học chắc chắn cao thượng, nên mọi người trông thấy đều vui mừng. Cười trước, nói sau, vui tươi hòa nhã, trong ngoài hòa thuận không hề tranh chấp. Cho nên nói: ở chung người khôn, dễ, như gặp gỡ người thân.



*Khó gặp bậc tôn quý
Không uổng việc thác sinh
Nếu sinh vào nơi đâu
Nhà ấy chắc chắn mừng.*

Khó gặp bậc tôn quý, không uổng việc thác sinh: Ưc ngàn muôn kiếp không thể gặp được. Bậc

Tôn quý chính là Phật, Thế Tôn. Nơi Ngài sinh ra là vua cha thanh tịnh, mẹ chân chánh, gia đình giàu có, tài sản vật báu rất nhiều, bảy báu đầy đủ vàng bạc châu báu xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, voi, ngựa, xe, không thiếu thốn thứ gì. Cho nên nói: Khó gặp bậc Tôn quý, không uổng việc thác sinh.

Nếu sinh vào nơi đâu, nhà ấy chắc chắn mừng: Quyền thuộc đầy đủ, sống ở kinh đô, không phải biên giới. Cho nên nói: Nếu sinh vào nơi đâu, nhà ấy chắc chắn mừng.



*Tất cả được ngủ ngon
Phạm chí được diệt độ
Không bị dục làm nhiễm
Thoát hẳn mọi ràng buộc.
Dứt hết điều xấu, tốt
Hàng phục phiền não trong
Dứt hẳn, được ngủ ngon
Tâm thức đều trong sáng.*

Thuở xưa, sau khi Đức Phật thành đạo không bao lâu, Ngài độ cho năm vị trước, kế đó năm vị bên dòng sông xóm quê, rồi đến mười ba hiền sĩ, ba mươi bảy người trong chúng... cộng chung lúc ấy là sáu mươi một đệ tử Phật.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị đệ tử:

– Các vị nên đi giáo hóa khắp nơi, độ người trong cõi Diêm-phù-lợi này. Ta muốn riêng mình

đến bên bờ sông độ ba ông Ca-diếp thầy trò cả thầy ngàn người. Kế độ hai ông Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Kế đến độ vua Bình-sa, ở vườn trúc Calan-đa thuộc thành Vương xá.

Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc đến thành La-duyet hỏi vợ cho con. Ông tạm ngụ nơi nhà ông trưởng giả Tọa Đại, gặp lúc các tôi trai, tớ gái trong nhà vị này đang làm việc của mỗi người, có người chẻ củi, đốt lửa nấu thức ăn, có người bày biện chỗ ngồi, trải các tấm thảm. Bấy giờ trưởng giả tự mình bày biện một tòa ngồi cao, treo phướn lông bằng lụa, dầu thơm rưới đất.

Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi vị trưởng giả kia:

– Hôm nay, nhà ông bày biện tiếp đãi khách quý không phải lễ nhỏ. Có phải để đón Quốc vương đến nhà chăng? Hay là sắp làm đám cưới cho con hay gả con đây? Xin nói cho tôi được biết.

Chủ nhà trả lời:

– Hôm nay tôi bày biện các thức ăn ngon, trời, người không thể lường biết được, cũng không phải để đón vua, các quan đại thần, cũng không phải để cưới dâu hay gả con chi cả, mà tôi bày biện các thức ăn uống thịnh soạn này là để sáng sớm thỉnh Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng đến nhà cúng dường.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe danh hiệu Phật và Tỳ-kheo Tăng, khắp mình nổi ốc, vừa buồn vừa vui. Ông liền đến chỗ Phật, lễ lạy sát chân Ngài rồi

ngồi qua một bên. Trong giây lát ông đứng dậy, bước ra bạch Phật:

– Cúi thưa Bậc Thiên Tôn, Ngài đi đứng tới lui vẫn nhẹ nhàng, khỏe mạnh chứ? Mong được nghe lời Ngài để ở tại đây con được ngủ yên.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói bài kệ này cho ông Cấp Cô Độc nghe:

*Tất cả được ngủ ngon
Phạm chí được diệt độ
Không bị dục làm nhiễm
Thoát hẳn mọi ràng buộc.
Dứt hết điều xấu, tốt
Hàng phục phiền não trong
Dứt hẳn, được ngủ ngon
Tâm thức đều trong sáng.*



*Cẩn thận chớ đắm dục
Phải giữ gìn hạnh tu
Phải nghĩ bỏ thế gian
Quản sát việc vui sướng.*

Cẩn thận chớ đắm dục, phải giữ gìn hạnh tu:
Người học đạo không chịu khổ nhọc thì không thành công. Cần phải chịu đựng gian khổ rồi sau mới thành công. Cần lìa bỏ thiên thế tục và giải thoát thế tục, mà tu thiên vô lậu và giải thoát vô lậu. Cho nên nói: Cẩn thận chớ đắm dục, phải giữ gìn hạnh tu.

Phải nghĩ bỏ thế gian, quán sát việc vui sướng: Người được cái vui nhỏ thì lại tìm cái vui lớn hơn. Cho nên nói: Phải nghĩ bỏ thế gian, quán sát việc vui sướng.



*Như niềm vui thế tục
Và cái vui cõi trời
Đó gọi là ái hết
Mười sáu chưa được một.*

Như niềm vui thế tục và cái vui cõi trời: Cái vui thế tục là cái vui cõi Dục, cái vui cõi trời là vui cõi Sắc. Chúng sinh hai cõi ấy sống trong đêm dài sinh tử, mê lầm trong năm đường, không biết đâu là bản chân, tham đắm quả báo của phước thiên thế tục, trôi lăn trong năm đường, giáp vòng thì trở lại đầu, cho là được đạo, diệt độ hoàn toàn, không còn sinh tử. Cho nên nói: Như niềm vui thế tục và cái vui cõi trời.

Đó gọi là ái hết, mười sáu chưa được một: Người tu hành trước phải nhổ bỏ gốc ái dục, bẻ gãy hết cành lá, giữ tâm lo sợ việc chưa xảy ra, sau mới được vui vô lậu, tâm tự tại an nhiên. Thế nhưng trong mười sáu phần chưa được một phần. Cho nên nói: Đó gọi là ái hết, mười sáu chưa được một.



*Hãy bỏ gánh nặng đi
Không tạo gánh nặng nữa*

*Gánh nặng khổ cuộc đời
Bỏ được vui sướng nhất.*

Hãy bỏ gánh nặng xuống, không tạo gánh nặng nữa: Như người gánh nặng phải trải qua bao chỗ hiểm nạn, vật nặng mang gánh kia thật ra không có giá trị bởi nó không phải hàng hóa cần kíp cho thế gian. Chúng không phải vàng bạc, vật quý, xa cừ, mã não, châu báu, hồ phách. Đó không phải là hàng hóa cần yếu cho đời. Người bên đường can ngăn:

– Vật mà anh đang gánh đâu phải là vật báu thật, sao không bỏ đi để tìm cái chân thật?

Người này liền bỏ đi, tìm cái chân thật. Quan sát chúng sinh cũng giống như vậy, là gánh nặng thân năm ấm đi trong cõi Dục, trôi lăn trong sinh tử không thể ra khỏi được. Bạc Thánh nói:

– Hiện nay người mang thân năm ấm như bản, hôi thối sao gánh vác nó làm gì? Hãy mau bỏ đi, tìm cái nhẹ hơn.

Khi ấy chúng sinh liền tìm cách bỏ thân cõi Dục mà thọ thân cõi Sắc. Đã thọ thân cõi Sắc rồi, bạc Thánh đến dạy bảo:

– Cần bỏ thân này để đến với trí tuệ vô lậu, năm phần pháp tánh.

Cho nên nói: Hãy bỏ gánh nặng đi xuống, không tạo gánh nặng nữa, gánh nặng khổ cuộc đời, bỏ được vui sướng nhất.



*Dứt hết các ái dục
Và diệt tất cả hành
Diệt luôn gốc năm ấm
Không sinh lại ba cõi.*

Như người tu hành quán sát bằng trí tuệ vô lậu, dứt bỏ ái dục cõi Dục, ái dục cõi Sắc, ái dục cõi Vô sắc, nghiệp của thân, của miệng, của ý. Dứt hẳn ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý. Hiểu rõ gốc ngọn sinh khởi của năm ấm, không còn đắm mê các hành vi tạo tác trong ba cõi. Cho nên nói: Dứt hết các ái dục và diệt tất cả hành, diệt luôn gốc năm ấm, không sinh lại ba cõi.



*Nghĩa sinh khởi thì vui
Bạn lành được phước vui
Kia diệt, vui vắng lặng
Xoay vần cho mọi người
Khổ lầy vui làm gốc.*

Nghĩa sinh khởi thì vui, bạn lành được phước vui: Như người đi buôn gian khổ nhọc xác, xông pha mạo hiểm để có được của báu, bình yên trở về nhà, bà con họ hàng đón mừng. Nam nữ lớn nhỏ thấy đều hơn hở. Bạn bè cũng được nhờ ân. Nếu người ấy lại rộng lòng bố thí cho khắp tất cả mọi người không còn các khổ, lầy vui làm gốc. Bà con họ hàng vui sướng không thể lìa bỏ. Cho nên nói:

Nghĩa sinh khởi thì vui, bạn lành được phước vui, kia diệt, vui vắng lặng, xoay vần cho mọi người, khổ lấy vui làm gốc.



*Như lò lửa kia
Bốc cháy hừng hực
Dần dần tắt ngấm
Không biết lửa đâu?
Những người thấy điều đó
Ra khỏi bùn ái dục
Đi cũng không nơi chốn
Do được vui bất động.*

Như lò than kia, bốc cháy hừng hực: Như thợ rèn đốt cháy sắt nóng. Nó nóng hừng hực không đến gần được. Do vậy, bậc Thánh quán sát thấy lửa dâm, nộ, si của chúng sinh tự đốt cháy họ nhưng họ không hay biết. Cho nên nói: Như lò than kia, bốc cháy hừng hực.

Dần dần tắt ngấm, không biết lửa đâu? Như hòn sắt nóng kia lần lần nguội đi, không biết sức nóng tan biệt đi đâu, cũng không biết cái lạnh từ đâu đến. Cho nên nói: Dần dần tắt ngấm, không biết lửa đâu?

Người thấy những điều đó, ra khỏi bùn ái dục: Người tu hành được đặng giải thoát không còn gì ngăn ngại, ra khỏi bùn sâu ái dục thì xa lìa bờ bến sinh tử. Cho nên nói: Người thấy những

điều đó, ra khỏi bùn ái dục.

Đi cũng không nơi chốn, do được vui bất động: Hạng người như vậy thì tinh thần mờ tối, thức thể nhập với không, cũng không còn biết Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn góc, trên dưới. Đến cũng không biết từ đâu, đi cũng không biết về đâu, giống như hòn sắt nóng dần dần nguội đi, không biết cái nóng tan biến về đâu, cũng không biết cái lạnh từ đâu đến. Cho nên nói: Đi cũng không nơi chốn, do được vui bất động.



*Trong đó không nổi giận
Luôn thay đổi không ngừng
Dứt lo, không còn buồn
Lặng lẽ quán thế gian.*

Trong đó không nổi giận: Giận làm nhiễm ô tâm người, không đến được đạo. Chỉ có người không còn phiền não mới thoát khỏi tâm giận dữ. Cho nên nói: Trong đó không nổi giận.

Luôn thay đổi không ngừng: Ở đời người ta tạo nghiệp có nặng, nhẹ khác nhau. Hoặc có người thâm hứa với lòng là không gây ra kết sử, hoặc có người biết mà cố phạm để trần lao nổi lên. Do vậy, bậc Thánh dạy bảo kẻ hậu sinh, là bởi muốn người tu hành biết sửa đổi lỗi lầm cũ, dứt họa ngày mai. Người ưa thích tu học thì rèn tập sự quý báu của tâm chưa bị đọa lạc, sẽ đến được ngôi nhà thánh.

Rồi sau đó mới biết sự đáng tôn sùng của Thánh pháp, pháp như thì chớ gàn. Cho nên nói: Luôn thay đổi không ngừng.

Dứt lo không còn buồn: Như người tu hành nhỏ sạch hết gốc lo buồn, nên tương ứng với gốc vui, lặng lẽ quán sát sự thay đổi của cuộc đời, như ngựa ảo ngoài đồng bởi nắng lóa. Cho nên nói: Dứt lo không còn buồn, lặng lẽ quán thế gian.



*Có vui, không có khổ
Học rộng, hiểu chánh pháp
Nếu bị tổn hại gì
Là bởi người tham sắc.*

Có vui, không có khổ, học rộng hiểu chánh pháp: Như người nhập định, đêm ngày thiền tư, tâm không lìa định, dạo chơi trong Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khi ấy, thân dù có gian khổ, nhưng tinh thần vắng lặng vô vi, không bị thương tổn. Như người tu kia không có tâm giận dữ, từ bi thương xót chúng sinh như mình, không khác. Cho nên nói: Có vui, không có khổ, học rộng, hiểu chánh pháp.

Nếu bị tổn hại gì, là bởi người tham sắc: Như người tu học quán sát cội gốc thì thấy bệnh dâm, nộ, si là đầu mối mọi tai họa, đều khởi lên tâm ý tham dục, giận dữ, cùng nhiễm ô nhau, trở thành tai họa lớn. Không thể ra khỏi sinh, già, bệnh, chết,

lo buồn, khổ não, nguồn gốc các tai họa. Cho nên nói: Nếu bị tổn hại gì, là bởi người tham sắc.



*Không kết đời sống vui
Đại pháp biết gốc kết
Người nên biết vết kết
Tâm mọi người bị trôi
Cũng trôi bởi gốc sắc.*

Người không kết sử thì dâm, nộ, si hết, không còn ưa thích thế tục bởi nó là gốc của các kết sử. Tâm oán thù giận dữ cũng không còn sinh khởi. Kẻ sáng trí suy xét và cắt đứt những thứ bệnh kia. Chính mình hết bệnh lại chữa trị cho kẻ khác khỏi bệnh. Cũng không còn dính mắc vào các sắc, tâm không lay động bởi khen chê, được mất. Cho nên nói: Không kết đời sống vui, đại pháp biết gốc kết, người nên biết vết kết, cũng trôi buộc gốc sắc.



*Tất cả chịu khổ nhục
Tất cả hưởng niềm vui
Tâm hơn, thua nổi dậy
Rốt cuộc không được gì.*

Tất cả chịu khổ nhục, tất cả hưởng niềm vui:
Khi gặp khốn đốn, thì tâm không thanh thoi. Nhìn sắc mặt người thường sợ hãi thất chí. Người thông dong thì muốn điều gì đều được ngay, như vang theo tiếng. Cho nên nói: Tất cả chịu khổ nhục, tất

cả hưởng niềm vui.

Tâm hơn, thua nổi dậy, rốt cuộc không được gì: Người ta sống ở đời khi giàu sang, lúc nghèo hèn không thường hằng, hoặc làm Chuyển luân thánh vương, nhưng về sau chuyển làm các vua nhỏ, khi cao lúc thấp, khi tôn quý lúc hèn mọn. Chỉ có đạo Thánh hiền là không cao thấp sang hèn. Cho nên nói: Tâm hơn, thua nổi dậy, rốt cuộc không được gì.



*Những ai muốn sống vui
Nhẫn được báo nhẹ kia
Nhẫn là nhẫn với người
Không nhẫn với các hữu.*

Tóm lại, nói lược nghĩa ấy: Không hại mà sinh hại, không nã mà sinh nã, không đáng giận mà giận. Không oán mà gây oán. Như trên không khác.



*Những ai muốn sống vui,
Đáng mê làm không mê
Mê là đối với người
Riêng ta không bị mê.
Những ai muốn sống vui
Mình không còn kết sử
Phải sống bằng niệm thực
Như tầng trời Quang âm*

*Thường ăn bằng ý niệm
 Ý thân không tựa nương.
 Thân đã bị khổ vui
 Kia đây không đốt cháy
 Từng trải vui, có vết
 Không vết, sao từng trải.*

Thân đã bị khổ vui, kia đây không đốt cháy:
 Người tu đạo nương tựa cạnh thành phố, làng mạc, hoặc ở chỗ đồng trống không có bóng người. Có khi gặp cảnh khổ, mọi người đau lòng, khi gặp cảnh vui thì cũng không lấy đó làm vui. Không khởi tâm vui, phát sinh mười hai thứ bệnh. Kia là chỉ sáu trần, đây là chỉ sáu giác quan. Cho nên nói: Thân đã bị khổ vui, kia đây không đốt cháy.

Có từng trải chuyện vui, có vết tích, không vết tích, sao có từng trải: Người ta sống trên đời này tâm thường buông lung, trước từng trải sau vui thì tăng thêm gốc tội. Có khi đọa vào địa ngục với từng trải vui kia. Không từng trải thì không có vết tích, cũng lại không có địa ngục từng trải vui. Cho nên nói: Có từng trải chuyện vui, có vết tích, không có vết tích sao có từng trải?



*Chỗ có bậc Thánh hiền
 Không đắm dục như bản
 Dù cho gặp khổ vui
 Vẫn không khởi tâm hại.*

Chỗ có bậc Thánh hiền, không đắm dục như bản: Bậc Thánh ở đời thường tự che giấu tung tích mình. Không đắm mê những ý tưởng tham dục, không sinh khởi chất bản tham dục. Thánh hiền ở đây chỉ cho bậc A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên nói: Chỗ có bậc Thánh hiền, không đắm dục như bản.

Dù cho gặp khổ vui, vẫn không khởi tâm hại: Tuy gặp khổ, vui nhưng vẫn không khởi những ý tưởng mê đắm. Cho nên nói: Dù cho gặp khổ vui, vẫn không khởi tâm hại.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 28

Phẩm 32: Tâm Ý

*Khinh thường khó giữ
Bị dục chiếm đóng
Hàng tâm là tốt
Nhờ hàng nên yên.*

Khinh thường khó giữ: Sở dĩ Như Lai xuất hiện ở đời chính là muốn hàng phục tâm người, dứt bỏ mọi hành động như bản. Như người tu hành thường tự suy nghĩ luận bàn với tâm, tâm đưa đến nhiều tai họa, làm cho người ta bị đọa vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Cho nên nói: Khinh thường khó giữ gìn.

Bị dục chiếm đóng: Người tu hành quán sát nguyên nhân sinh bệnh đều có nghiên cứu nguồn gốc tham dục thì chính là tâm ý. Giống như kẻ trộm cướp nường nấu nơi hiểm trở để đi ăn cướp, nếu không có nơi hiểm trở thì không do đâu mà sinh tai họa, tham dục cũng như vậy. Tâm là hang ổ, xoay vần rong ruổi nên trở thành tai họa. Cho nên nói: Bị dục chiếm đóng.

Hàng tâm là tốt, nhờ hàng nên yên: Người hàng phục được tâm thì không màng đến cuộc sống, đi đến đâu cũng được kính trọng, sau khi chết phiền não dứt hết, tâm ý mở tỏ, được Niết-bàn. Cho nên nói: Hàng tâm là tốt, nhờ hàng nên yên.



*Như cá trên đất khô
Bởi lìa khỏi vực sâu
Tâm thức rất hoảng sợ
Các ma dẫn rong ruổi.*

Như cá trên đất khô, bởi lìa khỏi vực sâu: Như con cá nhảy khỏi vực sâu, oằn oại trên mặt đất. Khi tâm ý ta bị phiền não bức bối, không được tự tại cũng giống như vậy. Cho nên nói: Như cá trên đất khô, bởi lìa khỏi vực sâu.

Tâm thức rất hoảng sợ, các ma dẫn rong ruổi: Giống như con cá trên bờ kia giấy đành đập, không được tự tại, tâm cũng như vậy, rong ruổi theo các kết sử, không thể tự dừng lại được, nên bị các thứ tà được dịp làm hại. Cho nên nói: Tâm thức rất hoảng sợ, các ma dẫn rong ruổi.



*Tâm chạy, không một chỗ
Giống như ánh mặt trời
Bậc Trí chế ngự được
Như móc ngăn voi dữ.*

Tâm chạy, không một chỗ, giống như ánh

mặt trời: Như mặt trời vừa mọc ánh sáng chiếu khắp bốn phương. Tâm cũng giống như vậy, rong ruổi theo sắc, thanh, hương, vị xúc, không thể tự kiềm chế làm cho không rong ruổi. Như con voi dữ hung bạo khó chế ngự kia, người ta dùng móc thép cứng chế ngự nó. Cho nên nói: Tâm chạy, không một chỗ, giống như ánh mặt trời, bậc Trí chế ngự được, như móc ngăn voi dữ.



*Nay, ta bàn tâm này
Không bền, không thể thấy
Nay ta muốn dạy răn
Cẩn thận, chớ sinh lỗi.*

Nay ta bàn tâm này, không bền, không thể thấy: Người tu hành chuyên tâm một chỗ, cột tâm trước mặt, dùng nhiều phương tiện dạy bảo, trách sửa tâm. Tâm, chính mi mà từ vô số kiếp, ta phải trải qua sinh tử, bỏ thân này thọ thân khác nhiều, không kể hết, hoặc ở trong ba đường tám nạn, hoặc qua lại trong cõi trời, cõi người, nay ta được làm người, lại được gặp Thánh pháp phải lìa bỏ các ý tưởng đắm nhiễm xưa nay, dùng mọi cách dạy bảo, trách sửa tâm này. Lại bảo tâm rằng: Người là thứ mong manh không đáng nương cậy. Nhận xét như vậy, cho nên phải dứt hết mọi ái kết sử. Cho nên nói: Nay ta bàn tâm này, không bền, không thể thấy, nay ta muốn dạy răn, cẩn thận, chớ sinh lỗi.



*Tâm, người chớ đạo đi
Theo ham hố buông lung
Ta gom trọn người lại
Như chế ngự voi dữ.*

Tâm, người chớ đạo đi, theo ham hố buông lung: Tâm là một thứ do dự không đứng yên, nó dính vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, như khi vượn ham mê đưa trái, chúng buông cành này nắm bắt cành kia, ý không đứng một chỗ. Tâm cũng như vậy, muôn thứ sinh ra một cách ngang trái, tạo tác các tội, không thể xả bỏ. Cho nên nói: Tâm, người chớ đạo đi, theo ham hố buông lung.

Ta gom trọn người lại, như chế ngự voi dữ: Ta sẽ dùng pháp quán bất tịnh gom nhiếp tâm ý, không cho rong ruổi. Như chế ngự voi dữ, không cho chạy lung tung. Cho nên nói: Ta gom trọn người lại, như chế ngự voi dữ.



*Sinh tử vô số lượng
Qua lại không đầu mối
Tìm người thọ cát nhà
Thường phải thọ bào thai.*

Sinh tử vô số lượng, qua lại không đầu mối: Người ta sống chết trải qua nhiều kiếp không thể tính kể. Hoặc đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trong đó chịu khổ không thể kể xiết. Cho nên nói:

Sinh tử vô số lượng, qua lại không đầu mối.

Tìm người thợ cắt nhà, thường phải thợ bào thai: Bởi không diệt hết nghiệp nhân cho nên qua lại không dứt. Bị ràng buộc bởi thân tướng mập mạp trắng trẻo, tham đắm hình sắc nên thường vào bào thai. Cho nên nói: Tìm người thợ cắt nhà, thường phải thợ bào thai.



*Quán kỹ nhà này
Không còn cắt nữa
Cột kèo gãy hết
Lâu đài tan hoang.*

Quán kỹ nhà này: Nó mong manh, không bền chắc, chắc chắn phải hư hoại bởi nó là pháp bị hao mòn tiêu diệt, dù cho núi cao, biển cả rồi cũng tan hoang.

Không còn cắt nữa: Vì sao? Bởi biết nguồn gốc của bệnh, lại không muốn thọ thân, tạo ngôi nhà năm ấm. Cho nên nói: Quán kỹ nhà này, không còn cắt nữa.

Cột kèo gãy hết, lâu đài tan hoang: Sở dĩ nói về ý này là nói về cội gốc kết sử. Thân chết bốn đại tan lìa, vạn vật không hội hợp lâu. Ở đây nói về người thành đạo, sau khi chết thần thức ra đi vắng lặng trống không. Chi tiết thân thể mỗi thứ trở về cội gốc của chúng. Đất trở về với đất, nước trở về với nước, lửa trở về với lửa, gió trở về với gió.

Thần thức đi vào vô vi, không còn lo sợ phải thọ thân khác. Cho nên nói: Cột kèo gãy hết, lâu đài tan hoang.



*Tâm lìa tạo tác
Khoảng giữa đã diệt
Tâm luôn xáo động
Khó giữ gìn được.*

Tâm lìa tạo tác: Tạo tác là đầu mối kết sử. Sở dĩ chúng sinh chìm đắm trong sinh tử, đều do tạo tác mà đưa đến những tai biến như vậy. Bậc Thánh ra đời tinh tấn, tự dứt bỏ cội gốc tạo tác, không cho sinh trở lại. Cho nên nói: Tâm lìa tạo tác.

Khoảng giữa đã diệt: Pháp ba đời dứt hẳn không còn. Cho nên nói: Khoảng giữa đã diệt.

Tâm luôn xáo động: Như trong khế kinh của Phật có nói: Nay Ta nói về nguồn gốc của tâm, nó lao xao lăng xăng. Một ngày một đêm có chín trăm chín mươi chín ức niệm. Các niệm tưởng đều khác nhau, tạo nghiệp khác nhau. Cho nên nói: Tâm luôn xáo động.

Khó giữ gìn được: Trong khoảnh khắc phát tâm làm thiện hay ác, nếu tâm nghĩ thiện thì có ảnh hưởng đến liền, không có gì ngăn ngại, còn như tâm nghĩ ác thì như vang theo tiếng, muốn giữ gìn cũng không thể được. Như các loài thú dữ: Cọp, sói, rắn rít, bò cạp mà muốn chúng che chở nhau,

khiến chúng không làm ác, thì điều ấy từ trước đến giờ chưa từng nghe. Cho nên nói: Khó giữ gìn được.



*Người trí tự sửa mình
Như thợ vót tên thẳng
Có giận thì biết giận
Có giận biết có giận.*

Người trí tự sửa mình, như thợ vót tên thẳng: Người tu hành trước phải sửa đổi bản thân mình, thường biết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã. Dùng sáu hạnh suy niệm để tự răn mình, không để tà vạy. Như người thợ khéo tay, vót thẳng mũi tên, không để gút mắc, có công năng chế ngự địch, không có gì khó. Cho nên nói: Người trí tự sửa mình, như thợ vót tên thẳng.

Có giận thì biết giận, có giận biết có giận: Oán oán càng thêm oán, dùng oán để dứt oán thì xưa nay chưa hề có. Vậy phải dứt oán diệt oán, sau đó mới biết là không còn oán. Cho nên nói: Có giận thì biết giận, có giận biết có giận.



*Chính ý mình tạo
Chẳng phải cha mẹ
Bỏ tà được định
Làm phước chớ lùi.*

Ý làm các việc, vì thân mà gây họa. Ác này do

tâm gây ra, không phải cha mẹ, anh em, họ hàng, tôi tớ gây ra. Xét rõ điều này mới biết rằng bởi tà kiến mà sinh ra trần lao này. Lại không giữ gìn làm cho tâm khỏi rối loạn. Cho nên nói: Chính ý mình tạo, chẳng phải cha mẹ, bỏ tà được định, làm phước chớ lùi.



*Nhà lợp không kỹ
Trời mưa bị đột
Không sửa hạnh mình
Rịn dâm, nộ, si.*

Như ở đời, người ta xây dựng cung điện, nhà cửa nếu lợp nóc không kỹ thì lúc trời mưa chỗ nào cũng bị đột. Người không sửa đổi việc làm của mình cho đúng thì tâm duyên theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Bởi không suy nghĩ pháp quán bất tịnh nên nước tam độc chảy lan ra ngoài. Cho nên nói: Nhà lợp không kỹ, trời mưa bị đột, không sửa hạnh mình, rịn dâm, nộ, si.

Đều ứng thành kệ, nói lược yếu nghĩa: Ngu si cũng vậy, giận dữ cũng vậy, ganh tị cũng vậy, kiêu mạn cũng vậy, ái kết cũng vậy.



*Nóc nhà lợp kỹ
Trời mưa không đột
Người biết sửa mình
Hết dâm, nộ, si.*

Như người thợ khi xây cất cung điện, nhà cửa lợp rất kỹ lưỡng nên khi trời mưa không dột được. Người biết sửa mình, dứt bỏ dâm, nộ, si, không cho chúng chảy ra, các hoạn nạn đều dứt hết. Đều ứng thành kệ, nói lược yếu nghĩa: Ngu si cũng vậy, giận dữ cũng vậy, ganh tị cũng vậy, kiêu mạn cũng vậy, ái kết cũng vậy.



*Tâm là gốc pháp
Tâm quý, tâm khiến
Tâm nghĩ điều ác
Vừa nói, làm ngay
Tội khổ theo mình
Như xe cán đường.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Từ nay trở đi, trước khi ăn phải đọc kệ khuyến thực.

Trong thành Xá-vệ có hai người ăn mày đã đến ăn xin khi Tăng chúng chưa nói kệ khuyến thực, trong đó có một người ăn mày tâm ganh tị lấy lòng, bèn phát khởi tâm ác, ý nguyện thầm rằng: “Nếu ngày sau được làm vua, ta sẽ cho xe cán bể đầu các Đạo nhân này.”

Sau khi chúng Tăng đọc kệ, người ăn mày được ban cho nhiều đồ ăn. Ra ngồi bên đường, anh ta ăn no nê rồi nằm ngủ say. Bỗng có mấy trăm chiếc xe chạy ngang qua đó, cán bể đầu anh này. Sau khi

chết đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng.



*Tâm là gốc pháp
Tâm quý, tâm khiến
Tâm nghĩ điều lành
Vừa nói, làm ngay
Phước vui tự theo
Như bóng theo hình.*

Lúc ấy người ăn mày thứ hai trong tâm thầm nghĩ: “Nếu sau này được giàu sang, làm vua, ta sẽ cúng dường cho Thánh chúng này không hề thiếu thốn”. Khi ấy, anh ăn mày này được nhiều đồ ăn vừa ý, anh liền ra ngoài rồi nằm ngủ dưới gốc cây, tinh thần yên tĩnh, không có loạn tưởng.

Lúc bấy giờ, trong nước ấy, vua vừa qua đời, không có con nối dõi. Các quan họp lại bàn:

– Nay trong nước không có chủ, lại không ai nối ngôi dễ khiến lòng dân chúng ly tán. Không bao lâu sẽ nhà tan nước mất. Do vậy cần phải hỏi các ngài: ‘Ai có mưu kế gì khiến đất nước toàn vẹn, dân không đi nơi khác xin nói cho biết’.

Trong đó, một vị quan trí tuệ sáng suốt bậc nhất báo dân chúng:

– Chúng ta mất chúa, không có người kế vị. Vậy nay cử sứ giả đi tuần trong nước nếu gặp được ai có tướng oai nghiêm phước lộc đầy đủ thì sẽ mời về nối ngôi vua.

Sứ giả liền đi xem xét, thấy dưới một gốc cây nọ, có một người nằm ngủ. Ánh nắng xé nghiêng nhưng bóng cây không dời. Bóng cây vẫn che mát trên thân người ấy như một cái lọng, sứ giả thấy vậy liền dừng lại xem. Thật là một sự việc lạ lùng, trên đời này không ai hơn. Người này rất xứng đáng được nối ngôi vua.

Sứ giả đến đánh thức người ấy và mời lên xe đưa về triều làm vua. Mọi người tung hô vạn tuế. Từ đó đất nước thanh bình thịnh vượng.

Đức Thế Tôn quán xét hai ý nghĩa trên, liền nói bài kệ này:

*Tâm là gốc pháp
Tâm quý, tâm khiến
Tâm nghĩ điều ác
Vừa nói, làm ngay
Tội khổ theo mình
Như xe cán đường.
Tâm là gốc pháp
Tâm quý, tâm khiến
Tâm nghĩ điều lành
Vừa nói, làm ngay
Phước vui theo mình
Như bóng theo hình.*



*Niệm không biết ngừng
Không dứt vô biên*

*Phước ngăn được ác
Giác là bậc Hiền.*

Niệm không biết ngừng, không dứt vô biên: Người tu hành buông thả tâm ý rong ruổi, không thể chuyên nhất, ngay trong khi nghe pháp cũng không chú tâm chuyên nhất. Không dứt vô biên là rãn việc trộm cắp, thân tà vạy. Cho nên nói: Niệm không biết ngừng, không dứt vô biên.

Phước ngăn được ác, giác là bậc Hiền: Người tích chứa điều lành, dứt bỏ tâm dâm, nộ, si, kiêu mạn, người như thế tu đạo dễ dàng. Nhờ phước báu ấy dần dần đến đạo tràng. Cho nên nói: Phước ngăn được ác, giác là bậc Hiền.



*Không có ý bất tịnh
Và giận dữ như người
Người muốn biết được pháp
Tam da tam Phật nói,
Ai dứt bỏ công cao
Tâm ý rất thanh tịnh
Bỏ được tâm tổn hại
Mới nghe được chánh pháp.*

Chư Phật, Thế Tôn thường dùng Thiên nhãn quán xét những việc trong ba đời, biết rõ đời vị lai, chúng sinh mê lầm, tự kiêu, khinh miệt kẻ khác, không kính thờ Tam bảo. Ta ra đi rồi, lời dạy vẫn còn đó. Là những người dòng dõi, các thầy phải

truyền dạy kinh điển của Ta cho người đời sau, chúng sinh nào nghe đến đều được cứu độ.

Bấy giờ, trong vườn Kê-đầu, thuộc nước lớn Ba-la-lê, có một thầy Tỳ-kheo được mấy ngàn muôn người bao quanh trước sau. Ngài ngồi trên tòa cao nói pháp giáo hóa. Chúng sinh nào nghe đến đều được cứu độ. Tùy theo công hạnh mình hướng đến mà đều thỏa nguyện. Người nước ngoài đều phải theo luật lệ trong nước này là ai muốn vào chùa lễ Phật, nghe pháp đều phải dỡ mũ ra. Bấy giờ có vị vua bị hói đầu và trên đầu có ghẻ, chân lại mang giày, tự ý mình bậc giàu sang quý tộc, nên ông quân tám nỉ trên đầu nghe kinh. Nhà vua bảo:

– Xin thầy Tỳ-kheo nói pháp cho ta nghe.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Như Lai có dạy rằng: Không được nói pháp cho người chân mang giày dép.

Vua nghe thế bực tức liền cởi giày ra và bảo:

– Xin thầy Tỳ-kheo hãy mau nói pháp cho vui lòng ta. Làm trái ý ta thì bị chém đầu.

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Giới cấm của Như Lai có dạy rằng: Không được nói pháp cho người trùm khăn trên đầu nghe.

Nghe lời ấy, nhà vua càng thêm tức giận, lửa sân bùng bùng, bảo thầy Tỳ-kheo:

– Ông muốn làm nhục ta chăng? Cứ cố tình chối từ là sao? Bấy giờ ta để đầu trần, nghe ông nói

pháp đây. Nếu không cởi mở những ngờ vực của ta thì thân ông bị chém đứt làm ba khúc.

Khi ấy, thầy Tỳ-kheo nói cho nhà vua nghe bài kệ:

*Không có ý bất tịnh
Và giận dữ như người
Người muốn biết được pháp
Tam da tam Phật nói,
Ai đứt bỏ cống cao
Tâm ý rất thanh tịnh
Bỏ được tâm tổn hại
Mới nghe được chánh pháp.*

Nghe bài kệ, nhà vua lộ vẻ hồ thẹn, liền đứng dậy, năm vóc gieo sát đất, tự quy y sám hối, mong được dứt trừ lỗi của thân, miệng, ý. Quý thẳng chấp tay, vua thưa với thầy Tỳ-kheo:

– Chẳng hay bài kệ này là do chính Như Lai nói hay là tôn nhân biết rõ tâm ta nên nói ra?

Thầy Tỳ-kheo đáp:

– Bài kệ này chính là do Như Lai nói ra, đến nay đã lâu lắm rồi, không phải mới nói đâu.

Nhà vua tự suy nghĩ: “Hay lắm! Bậc Thánh với trí tam đạt biết hết mọi việc. Ngài biết cả đến mai sau có hạng như ta, với tâm giận dữ, tổn hại. Giờ đây xin sám hối một lần nữa, không dám gây ra nghiệp mới”.

Khi ấy thầy Tỳ-kheo dần dần nói pháp sâu cho

nhà vua nghe. Nghe xong, ngay tại chỗ ngồi, nhà vua dứt sạch hết các phiền não, được mắt pháp thanh tịnh, thấy pháp, được pháp, không còn lo sợ gì nữa.



*Tâm không ý trụ
Cũng không biết pháp
Mê đắm việc đời
Không có chánh trí.*

Tâm không ý trụ, cũng không biết pháp: Như nước chảy xiết khó có thể ngăn lại. Ra khỏi mạch phun, dòng nước chảy mãi suốt đêm ngày. Muốn đưa nó chảy ngược về nguồn thì không thể được. Người như thế không biết chánh pháp, cũng không biết cái gì đáng thành tựu để thành tựu và cái gì cần bỏ để bỏ, khác gì kẻ điếc nghe nhạc ngũ âm, người mù cầm đuốc. Cho nên nói: Tâm không ý trụ, cũng không biết pháp.

Mê đắm việc đời, không có chánh trí: Như người tu hành tham ưa thế gian, tin theo tà kiến điên đảo, hoặc thờ các thần nước, lửa, trời, trăng. Cúng tế tổ tiên, cha mẹ, anh em, trong tâm mong được công đức chánh pháp, khác nào kẻ muốn xây nhà trên hư không, làm sao thực hiện được? Như trong kinh nói: Sát sinh để cúng tế đều là gieo nhân khổ hại. Cho nên nói: Mê đắm việc đời, không có chánh trí.



*Ba sáu dòng nước chảy
Cùng tâm ý hữu lậu
Thường sinh khởi tà kiến
Nương kết sử dục tướng.*

Ba sáu dòng nước chảy: Về ba mươi sáu thứ tà thì tà của thân có ba, ba cõi mỗi cõi có một. Biên kiến có ba: Dục giới có một, cõi Sắc có một, cõi Vô sắc có một. Tà kiến có mười hai: Cõi Dục có bốn, cõi Sắc có bốn, cõi Vô sắc có bốn. Trộm về Kiến có mười hai: Cõi Dục có bốn, cõi Sắc có bốn, cõi Vô sắc có bốn. Trộm về giới có sáu: Cõi Dục có hai, cõi Sắc có hai, cõi Vô sắc có hai, cộng chung tất cả là ba mươi sáu. Ba mươi sáu thứ ấy làm cho người đời mê lầm, không thấy chánh kiến. Bởi vậy, người trí phòng lo việc chưa xảy ra. Cho nên nói: Ba sáu thứ dòng nước chảy, cùng tâm ý hữu lậu, ba sáu tâm tà kiến do tâm sinh ra, nó lan tràn thành muôn mối, trở thành tà kiến. Cho nên nói: Cùng tâm hữu lậu.

Thường sinh khởi tà kiến, nương kết sử dục tướng: Tà kiến này là chấp thường kiến, đoạn diệt kiến. Hai tà kiến này không tương ưng nhau. Chấp thường kiến thì không tương ưng với chấp đoạn diệt. Chấp đoạn diệt thì không tương ưng với chấp thường. Kiến chấp của hai người khác nhau là do tà kiến mà đưa đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Lại sinh khởi ba ý tướng là ý tướng về dục, ý tướng về

sân, ý tưởng về vô minh. Cho nên nói: Thường sinh khởi tà kiến, nương vào kết sử dục tưởng.



*Bỏ ý, buông cội gốc
Người theo ý lưu chuyển
Giây lát mất tiếng tăm
Như chim bỏ rừng vắng.*

Bỏ ý, buông cội gốc, người theo ý lưu chuyển: ở đời có nhiều người ưa thích ngũ âm. Như mắt thấy sắc, khởi lên nhãn thức bèn thành nhãn căn. Tai nghe tiếng, khởi lên nhĩ thức bèn thành nhĩ căn. Mũi ngửi mùi, khởi lên tỉ thức bèn thành tỉ căn. Miệng nếm vị sinh khởi khẩu thức, bèn thành khẩu căn. Thân biết trơn láng, sinh khởi thức thân bèn thành thân căn. Ý biết pháp sinh khởi ý thức, bèn thành ý căn. Cho nên nói: Bỏ ý, buông cội gốc, người theo ý lưu chuyển.

Giây lát mất tiếng tăm, như chim bỏ rừng vắng: Người ta phạm lỗi, không lo nghĩ về sau. Làm lành lâu ngày có thể mất đi trong giây lát. Bị các đàn-việt thí chủ thấy, chê bai. Họ bảo nhau: “Chúng ta vốn nghĩ họ là người giới đức thanh tịnh đầy đủ, có sao bây giờ chỉ thấy toàn là tội lỗi”. Rồi họ cùng nhau bạc đãi xem thường, không kính trọng nữa, giống như đàn chim thường ngủ đêm trong rừng rậm, ham mê trái ngọt hoa thơm, khi trái ngọt hoa thơm đã hết, mạnh con nào con nấy

bay đi. Kẻ phạm giới cũng giống như thí dụ ấy. Phước hết, tội đến tự phải tan lìa. Cho nên nói: Giây lát mất tiếng tăm, như chim bỏ rừng vắng.



*Tu học chỗ vắng lặng
Cẩn thận chớ theo dục
Chớ nuốt hòn sắt nóng
Khóc la chịu quả báo.*

Tu học chỗ vắng lặng, cẩn thận chớ theo dục:
Thường phải giữ gìn mọi hành động của tâm ý. Không để bị ý dục lôi kéo. Lòng dục khiến người ta mê mờ không phân biệt tôn ti. Cho nên nói: Tu học chỗ vắng lặng, cẩn thận chớ theo dục.

Chớ nuốt hòn sắt nóng, khóc la chịu quả báo:
Như lửa thiêu đốt đau nhức tận xương tủy, chết rồi đọa địa ngục, khổ sở muôn bề, ôm cột đồng cháy, nuốt hòn sắt nóng, kêu khóc thảm thiết, biết tỏ cùng ai. Cho nên nói: Chớ nuốt hòn sắt nóng, khóc la chịu quả báo.



*Nên khởi mà không khởi
Ý sức không tinh tấn
Tự làm thân người hèn
Biếng nhác không trí tuệ.*

Nên khởi mà không khởi: Nói về Phật, thiện tri thức, nhưng không tạo công đức lành. Tuy sinh gặp thời, nhưng không làm gì có ích cho người.

Trời mưa bảy thứ báu đầy ngập thế giới, nhưng kẻ ngu thì tâm ý mê mờ, nào biết nhặt lấy của báu ấy. Thường được thân người nhưng không biết lo xa. Tuy được gọi là người, nhưng sống vô ích. Ở đây cũng như thế, gặp được Phật ra đời giảng nói pháp sâu xa, người ngu giữ khư khư sự mê lầm của mình không chịu nghe tin nhận những điều chân lý. Cho nên nói: Nên khởi mà không khởi.

Ý sức không tinh tấn: Như có người tu hành có năng lực nhận sự giáo hóa của Phật nhưng lại biếng nhác không tinh tấn. Cho nên nói: Ý sức không tinh tấn.

Tự làm thân người hèn, biếng nhác không trí tuệ: Tự chìm mình vào sinh tử, không nghĩ đến tai họa đời sau. Tuy gặp Phật ra đời, gặp thiện tri thức, gặp bậc Hiền thánh nhưng không chịu lãnh thọ trí tuệ, phân biệt nghĩa thú. Cho nên nói: Tự làm thân người hèn, biếng nhác không trí tuệ.



*Loạn quán và chánh quán
Đều từ ý sinh ra
Nếu giác biết tâm quán
Tâm ngu thường rồi loạn.*

Loạn quán và chánh quán, đều từ ý sinh ra:
Loạn quán là quán dục, quán giận dữ và quán vô minh. Người tu hành lìa bỏ các quán ấy mà tu tập chánh quán. Khi có chánh quán định ý thì siêu việt

trên hết trong các định tối thắng. Chỉ có bậc Thánh đã dứt hết các lậu, không còn đắm trước thì mới đạt được thứ định ấy. Cho nên nói: Loạn quán và chánh quán, đều từ ý sinh ra.

Nếu giác biết tâm quán, tâm ngu thường rồi loạn: Người tinh tấn tu học phải quán xuất ly. Quán Không, Vô tướng, Vô nguyên, rửa sạch tâm dơ, buông bỏ tám việc thế tục. Tu tâm thanh tịnh, hiểu các tướng hảo. Luôn luôn vắng lặng, lời dạy bảo ra tốt đẹp không ai bì kịp. Bón đến như thế lúc nào cũng tu tập. Người ngu giữ khư khư sự mê muội của mình nên tâm ý thường loạn động. Như chất nước ngon ngọt, nhưng kẻ ngu cho là cay đắng, chẳng lẽ phải chờ bậc Thánh cạy miệng đổ vào? Cứ khư khư giữ sự mê làm thì khó có thể sửa đổi như vậy. Cho nên nói: Nếu giác biết tâm quán, tâm ngu thường rồi loạn.



*Người trí quán như vậy
Giữ cho niệm chuyên nhất
Than ôi ! Ý không đắm
Chỉ Phật mới dứt được.*

Người trí quán như vậy, giữ cho niệm chuyên nhất: Người trí giảng nói pháp nhiệm mầu, phá tan nghi ngờ, dứt bỏ sự khó khăn, rọi sáng lòng người. Sống chung với mọi người mà riêng mình không bạn. Thường hỏi mọi người ai có gì thắc mắc ta sẽ

dùng lửa trí tuệ rục rở để đốt cháy hết những mối nghi ngờ của mọi người. Luôn luôn quán sát tâm không rời loạn. Người học đạo tu hành nên lấy đó làm sự nghiệp. Cho nên nói: Người trí quán như vậy, giữ cho niệm chuyên nhất.

Than ôi! Ý không đắm, chỉ Phật mới dứt được: Người tu hành được định Tam-muội, bỏ hết những việc hữu lậu thế tục. Lại cũng bỏ luôn định ý giải thoát là cội gốc điều lành của thế tục. Ai làm được việc ấy? Chỉ có Phật, Thế tôn mới bỏ được mà thôi. Cho nên nói: Than ôi! Ý không đắm, chỉ Phật mới dứt được.



*Quán thân như bình không
Tâm yên như tường thành
Dùng tuệ đánh với ma
Giữ thẳng, chớ để mất.*

Quán thân như bình không: Như cái bình cũ kỹ, trong ngoài không bền chắc, tuy còn dùng đựng đồ được, nhưng không được bao lâu. Thân bốn đại này cũng giống như vậy, thường phải khổ đau, hư hoại, không được bao lâu, như cái bình cũ kia, dù đựng đồ tốt hay đựng đồ xấu nó cũng phải đi đến chỗ hoại diệt, về với tro than. Tám thân mong manh này cũng giống như vậy, có khi thọ thân tốt đẹp, có khi thọ thân xấu xí, nếu nhập lãnh điều lành thì đó là công đức lành để trang điểm cho thân, còn

nếu nhận lãnh điều xấu ác thì đó là bỏ nghiệp lành, tâm bị ô nhiễm. Sau khi chết, thân bị vất ngoài gò mả. Cho nên nói: Quán thân như bình không.

Tâm yên như tường thành: Sở dĩ xây thành vững chắc, đào hào sâu là để chống lại bọn trộm cướp hại dân. Tâm cũng giống như vậy, phải chống giữ tâm không cho giặc kết sử trói buộc. Thành có vững chắc thì giặc mới không có cơ hội đánh phá, tâm ngay thẳng không tà vạy thì kết sử không có cơ hội làm phiền não. Cho nên nói: Tâm yên như tường thành.

Dùng tuệ đánh với ma: Kỹ thuật đã hoàn bị, sáu nghệ đã đầy đủ thì có khả năng chiến đấu với ma trời Tự tại. Cho nên nói: Dùng tuệ đánh với ma.

Giữ thẳng chớ để mất: Đã thẳng tâm, nộ, si, không còn ý tưởng nào khác, thường buộc ý trước mặt, không có tâm nào khác. Cho nên nói: Giữ thẳng chớ để mất. Tóm lại, quán sát thế gian cũng giống như vậy.



*Quán thân như chum bột
Như ngựa đồng năng lóa
Dùng tuệ đánh với ma
Giữ thẳng chớ để mất.*

Giống như chum bột nước vừa có đó liền vỡ mất, không tồn tại được lâu. Thân bốn đại này cũng giống như vậy, tụ lại thì thành thân người, phân tán

ra thì thành khí. Vốn nhờ cha mẹ mà có được thân bốn đại, nhưng nếu suy xét tận cùng ngọn ngành thì đều là không. Tìm thì không thấy ở trước, kiếm mãi vẫn không thấy ở sau. Sinh diệt tiếp nối mãi. Sinh sinh rồi diệt, sinh sinh rồi sinh, diệt diệt rồi diệt, diệt diệt rồi sinh, sinh không thấy sinh, diệt không thấy diệt. Phàm phu quen theo sự hiểu biết điên đảo, không giác ngộ. Cho nên nói: Quán thân như chùm bọt, như ngựa đồng năng lóa, dùng tuệ đánh với ma, giữ thắng chớ để mất. Tóm lại, quán sát thể gian cũng giống như vậy.



*Tâm nhớ bảy giác ý
Quyết ý không sai trái
Phải bỏ ý ngu lầm
Vui với nhãn bất khởi
Hết lậu, không còn nhớ
Ở đời mà diệt độ.*

Tâm nhớ bảy giác ý, quyết ý không sai trái: Như người tu hành, tu tập pháp giác ý, lúc nào cũng nghĩ đến nó, không hề buông rời. Cho nên nói: Tâm nhớ bảy giác ý, quyết ý không sai trái.

Phải bỏ ý ngu lầm, vui với nhãn bất khởi: Nếu có chúng sinh không khởi tâm Từ bi đối với tất cả chúng sinh thì không đến được đạo và thành tựu được gì, phải bỏ ý ngu lầm, không đắm mê những ý tưởng về sắc, mới thích ứng với đạo chân, vui với

xả và pháp nhãn bất khởi, không còn tâm sinh diệt là bước vào nhà đạo. Cho nên nói: Tâm nhớ bảy giác ý, quyết ý không sai trái.

Hết lậu không còn nhớ, ở đời mà diệt độ:
 Người tu hành hết hữu lậu thành vô lậu, tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, ở trong pháp hiện tại được tự tại. Hạng người như vậy được vào cảnh vô vi bước vào Niết-bàn. Vắng lặng mãi mãi, không còn sinh trở lại nữa. Cho nên nói: Hết lậu không còn nhớ, ở đời mà diệt độ.



*Phải tự giữ ý mình
 Như trâu Li giữ đuôi
 Bỏ thí cho tất cả
 Không bao giờ lìa vui.*

Phải tự giữ ý mình, như trâu Ly giữ đuôi:
 Tâm luôn hành đạo, tạo tác không đầu mối, thường phải gom nhiếp tâm ý, không để gây lỗi lầm, như con trâu Ly lúc nào cũng giữ gìn cái đuôi của nó, sợ bị đứt mất, thà mất mạng sống và mất sự nghỉ ngơi chứ không để cho cái đuôi của mình bị chấm xuống đất. Tỳ-kheo học đạo cũng giống như thế, thà bỏ thân mạng chứ không phạm giới. Cho nên nói: Phải tự giữ ý mình, như trâu Li giữ đuôi.

Bỏ thí cho tất cả, không bao giờ lìa vui: Phải sinh tâm Từ bi thương xót tất cả chúng sinh. Xem kẻ oán thù như con đỏ. A-tu-luân, Ca-lưu-la,

Chiên-đà-la, Ma-hư-lặc, Nhân và Phi nhân không có dịp làm hại người ấy. Tự nhiên hưởng phước, vui sướng vô cùng. Cho nên nói: Bồ thí cho tất cả, không bao giờ lìa vui.



*Một voi ra khỏi bầy
Voi sáu ngà trong voi
Tâm tâm tự bình đẳng
Vui một mình đồng trống.*

Thuở xưa, các thầy Tỳ-kheo ở Câu-thâm ưa tranh chấp, không hề vui vẻ. Họ không thích cảnh núi rừng vắng vẻ. Khi ấy Đức Thế Tôn thường đến quở trách, can ngăn, nhưng họ không nghe. Như Lai thường nói pháp, họ cũng không nghe. Ngài bỏ đi đến một nơi, không xa chỗ Ngài có một con voi sống một mình lặng lẽ nơi núi rừng thanh vắng. Con voi thầm nghĩ: “Khi ta ở trong bầy bị đàn voi quấy nhiễu, ăn thì ăn cỏ xấu, uống thì uống nước đục. Nay ta ở nơi đây, không bị quấy nhiễu vui sướng làm sao!” Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Một voi ra khỏi bầy
Voi sáu ngà trong voi
Tâm tâm tự bình đẳng
Vui một mình đồng trống.*

Nói kệ rồi, Đức Như Lai bèn bỏ ra đi.



Không có tâm làm hại

*Vì tất cả mọi người
Tâm từ vì chúng sinh
Không ai oán giận mình.*

Không có tâm làm hại, vì tất cả mọi người:
Dứt bỏ tất cả tâm ghét bỏ thù hận, Từ bi thương xót tất cả các loài chúng sinh. Cho nên nói: Không có tâm làm hại, vì tất cả mọi người.

Tâm từ vì chúng sinh, họ không có oán giận:
Coi thân mình như thân họ không có khác nhau. Không để lòng dù lời khen hay chê, không có tâm oán giận, cũng không có ý làm hại. Một lòng hướng về chúng sinh, lo nghĩ canh cánh bên lòng, không bao giờ lìa bỏ họ. Cho nên nói: Tâm từ vì chúng sinh, họ không có oán giận.



*Tâm từ thương một người
Thì được các gốc lành
Phải nên vì tất cả
Hiền thánh khen phước cả.*

Tâm từ thương một người: Như trong khế kinh của Phật có nói: Nếu có người bố thí cho tất cả chúng sinh, lại thêm tâm Từ bi bố thí cho một người thì người nào được phước nhiều? Thầy Tỳ-kheo đáp rằng: “Người thực hành tâm Từ bi thương xót nghĩ nhớ chúng sinh được phước rất nhiều”. Cho nên nói: Tâm từ thương một người thì được các gốc lành.

Phải nên vì tất cả, Hiền thánh khen phước cả:

Bồ thí cho một người mà phước còn khó lường nổi, huống gì bồ thí cho tất cả các loài chúng sinh? Thì phước này là vô hạn, vô lượng, không thể tính kể. Nó lớn gấp muôn ức lần không thể lấy gì để thí dụ cho được. Cho nên nói: Phải nên vì tất cả, Hiền thánh khen phước cả.



*Từ bi khắp tất cả
Thương các loài chúng sinh
Tu hành tâm Từ bi
Đời sau vui không cùng.*

Từ bi khắp tất cả, thương các loài chúng sinh:

Người thực hành từ bi phát tâm bình đẳng, đối với tất cả chúng sinh trên mặt đất này thì có tâm Từ bi thương xót tất cả chúng sinh, về sau chịu thân người hưởng vui không bao giờ nhàm chán. Nếu sinh trên cõi trời thì hưởng phước tự nhiên, nhìn Đông thì quên Tây, các ngọc nữ vây quanh nhiều không kể hết. Nếu sinh làm người thì giàu có sang trọng thuộc bốn chủng tộc cao quý, bảy báu đầy đủ không thiếu món chi. Cha mẹ là người chân chánh, không phải hạng hèn mọn. Cho nên nói: Từ bi khắp tất cả, thương các loài chúng sinh, tu hành tâm Từ bi, đời sau vui không cùng.



Nếu với tâm hớn hở

*Vui mừng không biếng nhác
Tu tập các pháp lành
Thì đạt được an ổn.*

Nếu với tâm hớn hở, vui mừng không biếng nhác: Người tu hành dứt hết dâm, nộ, si, giữ ý vững chắc không bỏ bản nguyện; tất cả công đức có được đều bố thí cho hết quả vô lượng đạo chánh đẳng giác, chứ không lấy phước này mà cầu làm Chuyên luân thánh vương hay các vua chư hầu. Lại cũng không cầu làm Đế Thích, Phạm vương, cũng không mong làm ma hay ma vương, mà chỉ mong Niết-bàn tận diệt, vô vi, vô tác, là pháp sinh vô diệt; cho nên nói: Nếu với tâm hớn hở, vui mừng không biếng nhác, tu tập các pháp lành thì đạt được an ổn.



*Dứt hết được vui mừng
Thân, miệng, ý tương ưng
Đạt được đẳng giải thoát
Tỳ-kheo dứt ý vui
Tất cả các kết hết
Không còn có trần lao.*

Dứt hết được vui mừng, thân, miệng, ý tương ưng: Tâm người đã dứt thì các bệnh đều hết, không còn tạo các nghiệp của thân, miệng, ý nữa. Bố thí, trì giới, nhiếp ý, thọ trai đều cầu đạo vô vi, người xuất gia tu tập phước nghiệp, buông bỏ thế trí biện thông, tu tập bốn biện tài, để được tám pháp giải

thoát. Thầy Tỳ-kheo tu tập nên theo sát bậc Hiền thánh. Cho nên nói: Dứt hết được vui mừng, thân, miệng, ý tương ưng.

Ở đây nói Kết là vì nó trói buộc tâm người, các kết trói buộc nhau, như con ngà tự trói lấy nó. Trói buộc tâm người nên không thấy được ánh sáng rực rỡ. Xua tan trần cấu kia thì tự mình soi thấy. Cho nên nói: Tất cả các kết hết, không còn có trần lao.



*Dù cho năm nhạc âm
Không làm vui ý người
Không bằng một tâm chánh
Hướng về pháp bình đẳng.*

Dù cho năm nhạc âm, không làm vui ý người:
Người tu hành chí an trụ trong thiền định. Phân biệt thân này là nơi hội tụ của thành bại. Dù cho các vị trời có trời kỹ nhạc để làm cho tâm người này lay chuyển, thì việc đó không thể được. Vì sao? Vì tâm chánh kiến, không còn điên đảo. Cho nên nói: Dù cho năm nhạc âm, không làm vui ý người, không bằng một tâm chánh, hướng về pháp bình đẳng.



*Được ngủ ngon hơn hết
Cũng không chấp có ngã
Những ai tâm ưa thiên
Thì không vui ý dục,*

Được ngủ ngon hơn hết, cũng không chấp có

ngã: Người tu hành không chấp tôi, ta, không đắm nhiễm hiển vinh, chức tước. Thà nằm co ro trong giá lạnh trên đất, chứ không để tâm trời buộc mà được nằm giường cao với màn trướng vây quanh. Cho nên nói: Được ngủ ngon hơn hết, cũng không chấp có ngã.

Những ai tâm ưa thiên, thì không vui ý dục: Người nhập định thì tâm không đòi dòi. Khi đang nhập định thì vắng lặng, không một âm thanh. Cả ngàn xe cùng lúc rầm rộ chạy qua cũng không thể làm người nhập định xa lìa chánh thọ. Vì sao? Vì lòng từ của người này đã lan khắp. Cho nên nói: Những ai tâm ưa thiên, thì không vui ý dục.



*Ý hơn hở hơn hết
Cũng không thấy có ngã
Những ai tâm ưa thiên
Thì không vui ý dục.*

Ý hơn hở hơn hết: Người không thấy có ngã, phân biệt thân bốn đại này từ trong ngoài, từ nơi có nó ra, hiểu rõ mỗi món đều không chân thật. Cho nên nói: Ý hơn hở hơn hết, cũng không thấy có ngã, những ai tâm ưa thiên, thì không vui ý dục.



*Các kết sử đã hết
Như núi không thể động
Trong nhiễm nhưng không nhiễm*

Trong giận nhưng không giận.

Các kết sử đã hết, như núi không thể động:

Như người tu hành các kết sử đã hết hẳn, trong ngoài thấu suốt, không còn bận nhơ. Ý chí vững vàng như kim cương, không hư hoại được, cũng như núi Thái, không có gì làm lay động được. Vì sao? Vì tâm được giữ gìn vững chắc. Sống trong đục lặc mà không nhơ, sống trong tai họa mà không lo sợ. Cho nên nói: Các kết sử đã hết, như núi không thể động, trong nhiễm nhưng không nhiễm, trong giận nhưng không giận.



*Những ai có tâm ấy
Đâu biết dấu vết khổ
Không hại cũng không nhiễm
Giữ giới luật đầy đủ
Uống ăn tự biết đủ
Và giường ghế, đồ nằm
Tu tâm, tìm phương tiện
Là điều chư Phật dạy.*

Những ai có tâm ấy, đâu biết dấu vết khổ: Như người tu hành rèn luyện kỹ tâm mình, loại bỏ các thứ nhơ bẩn. Mục đích là dứt bỏ các kết sử, mỗi ngày một tiến lên không biếng trễ. Khi ấy, đâu biết có dấu vết của khổ? Cho nên nói: Những ai có tâm ấy, đâu biết dấu vết khổ.

Không hại cũng không nhiễm, giữ giới luật

đầy đủ: Không hại cho mình cũng không làm hại kẻ khác. Giới luật nói ra không mất thứ lớp mạch lạc. Chính mình lo tu đức, đem đức ấy mà dạy cho người khác. Cho nên nói: Không hại cũng không nhiễm, giữ giới luật đầy đủ.

Uống ăn tự biết đủ và giường ghế, đồ nằm: Như người tu hành lượng định sức ăn mà xin, cũng không tham ăn, chỉ để nuôi thân, hành đạo mà thôi. Như dùng dầu mỡ bôi trục xe cho nó chạy, muốn chở nặng cũng được tới nơi, như người bị ghẻ lấy thuốc dán dán vào. Dán là để ghẻ mới không sinh ra nữa, mà ghẻ cũ thì mau lành, cho nên nói: Uống ăn tự biết đủ và giường ghế, đồ nằm.

Tu tâm, tìm phương tiện, là điều chư Phật dạy: Người tu chọn lấy nghĩa cốt yếu, gấp rút tu hành đề tâm hướng lên. Cho nên nói: Tu tâm, tìm phương tiện, là điều chư Phật dạy.



*Người tu quán tướng tâm
Phân biệt ý niệm đãi
Đã được vào thiên định
Thì hưởng sự an vui.*

Người tu quán tướng tâm: Như người tu hành biết cội nguồn của tâm, nên nó vừa mống khởi là diệt ngay, không để nó lớn mạnh. Biết sự tới, lui của niệm đãi mà phân biệt thiện ác và những việc tu hành nhiều kiếp đến nay. Cho nên nói: Người tu

quán tướng tâm.

Đã được vào thiên định, thì hưởng sự an vui:
 Về người nhập định, tại sao nói là người nhập định? Định có ba nghĩa mà Thiên là đứng đầu tiên. Như vua thống lĩnh bốn phương, chỉ giàu có của thế gian mà không giàu về của cải đạo đức. Người thiên định thì giàu của cải đạo đức mà không giàu về của cải thế gian. Gọi là của cải đạo đức đó là ba mươi bảy phẩm, thiên định Tam-muội là gốc các căn lành. Vui có hai nghĩa: Vui tịnh và vui bất tịnh. Vui bất tịnh là thức ăn uống, áo quần, đồ trang sức, hương hoa, phấn sáp, tranh ảnh, phước lọng... đó gọi là vui bất tịnh. Còn vui tịnh là nhập định chánh thọ. Vắng lặng vô vi, không còn ý tưởng nào khác. Đó gọi là vui tịnh. Cho nên nói: Đã được vào thiên định, thì hưởng sự an vui.



*Giữ ý tự trang nghiêm
 Ghét người mà thương mình
 Gặp lo mà không khổ
 Người trí xét an trụ.*

Giữ ý tự trang nghiêm, ghét người mà thương mình: Người tu hành thường giữ gìn không kết sử mê đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không cho vọng tưởng xen lẫn vào đó. Lại dùng hoa ba mươi bảy phẩm, bảy giác ý để trang nghiêm mình. Cho nên nói: Giữ ý tự trang nghiêm, ghét kia mà

thương mình.

Gặp lo mà không khổ, người trí xét an trụ:
 Người tu hành vui bởi bước vào cõi vô úy. Người trí lắng thần suy xét lẽ chân thật mà không lay động. Cho nên nói: Gặp lo mà không khổ, người trí xét an trụ.



*Ai không giữ gìn tâm
 Bị tà kiến làm hại
 Tâm ý lại dao động
 Hạng ấy vào nẻo chết.*

Ai không giữ gìn tâm, bị tà kiến làm hại:
 Người tu không giữ gìn đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, người ấy tu tập theo đường tà, nên bị đọa vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ai không tu theo tà kiến thì được sinh lên cõi trời, cõi người. Sống ở kinh đô, không phải ở biên giới và tám nơi không yên tịnh. Cho nên nói: Ai không giữ gìn tâm, bị tà kiến làm hại.

Tâm ý lại dao động, hạng ấy vào nẻo chết:
 Người tu hành sở dĩ làm đường là đều do ám cái che đây, không nhìn thấy được ánh sáng trí tuệ. Lại thêm dao động, năm triền cái che đây nhiều lớp như mây mù, muốn có trí tuệ sáng suốt thì không thể được. Sau khi qua đời phải vào nẻo chết. Cho nên nói: Tâm ý lại dao động, hạng ấy vào nẻo chết.



*Vì thế phải giữ tâm
 Tu các hạnh thanh tịnh
 Chánh kiến thường ở trước
 Biết rõ pháp sinh diệt.*

Vì thế phải giữ tâm, tu các hạnh thanh tịnh:
 Người tu hành phải thường giữ gìn tâm ý, thực hành pháp oai nghi, xả bỏ phi pháp, đáng đi thì đi, đáng ngồi thì ngồi. Lui tới qua lại không để mất oai nghi. Cho nên nói: Vì thế phải giữ tâm, tu các hạnh thanh tịnh.

Chánh kiến thường ở trước, biết rõ pháp sinh diệt: Người tu đức nên tự biết rõ, như trong nhà có tài vật thì người chủ tự biết rõ. Người hành đạo cũng giống như vậy, bước vào tám con đường chánh, cầm cương xe ô uế bốn ngựa, đốt sáng đèn định tuệ, soi sáng ngôi nhà ba độc tám tối, biết rõ nguyên nhân sinh diệt. Đưa tâm ý mình về một chỗ nhất định, không có gì trở ngại. Trong hoàn cảnh như vậy, giữ đạo nào có khó chi? Cho nên nói: Chánh kiến thường ở trước, biết rõ pháp sinh diệt.



*Tỳ-kheo trừ ngủ nghỉ
 Hết khổ, không còn tạo
 Hàng tâm uống thuốc pháp
 Giữ tâm không rong ruổi.*

Tỳ-kheo trừ ngủ nghỉ, hết khổ, không còn tạo:
 Thầy Tỳ-kheo tu quán hạnh, dứt bỏ tai họa do ngủ

ngỉ che đậy. Dứt các mé khổ, không tạo khổ mới. Cho nên nói: Tỳ-kheo trừ ngũ ngỉ, hết khổ, không còn tạo.

Hàng tâm uống thuốc pháp, giữ tâm không rong ruổi: Thường phải giữ gìn tâm thì nguyện ước thành tựu, ngang hàng bậc Thánh. Tu hạnh vô lậu được thành tựu đó là nhờ biết hàng tâm và tẩy trừ hết bợn nhơ, sống không buông lung, không gây rắc rối cho ai, đó là việc làm rất cần thiết của người tu hành. Cho nên nói: Hàng tâm uống thuốc pháp, giữ tâm không rong ruổi.



*Tâm chúng sinh mê lầm
Đều chịu khổ địa ngục
Hàng tâm, được an vui
Giữ tâm không rong ruổi.*

Tâm chúng sinh mê lầm, đều chịu khổ địa ngục: Mê lầm do tâm sai khiến, gieo trồng cội gốc địa ngục, trải qua vô số ức ngàn muôn kiếp bị mổ xẻ lột da, chịu khổ vô lượng. Cho nên nói: Tâm chúng sinh mê lầm, đều chịu khổ địa ngục.



*Giữ tâm không rong ruổi
Tâm là cửa các mâu
Giữ không để lọt mất
Liên tới cửa Niết-bàn.*

Tâm chánh thì đạo còn, nếu theo tà vạy thì có

cao thấp. Chúng sinh ngu si không phân biệt chân, ngụy. Do vậy bị đọa lạc không đạt đạo. Người còn lậu hoặc thì ý mê lầm cho rằng đạo là không, vì thế không tự giác. Tâm là gốc của đạo, hư vô vắng lặng, đó là pháp tuyệt cùng cao quý, rốt ráo của các hạnh; thoát hẳn ba cõi, không còn ở trong ba cõi; dứt hết các khổ não, không còn tái sinh. Cho nên nói: Giữ tâm không rong ruổi, tâm là cửa của các lậu, giữ không để lọt mất, liền tới cửa Niết-bàn.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 29

Phẩm 33: Sa-Môn

*Tỳ-kheo khát thực
Đủ ăn, không chứa
Được trời, người khen
Sống sạch, không nhớ.*

Tỳ-kheo khát thực, đủ ăn, không chứa: Thầy Tỳ-kheo tu hạnh khát thực thường nghĩ rằng: “Nay ta chỉ xin đủ ăn mà thôi, không để dư, chấp làm của cải. Nếu có dư món gì thì bố thí cho người khác, không để lại lâu.”

Như trong giới cấm của Phật có nói: “Cha mẹ tuổi cao già bệnh nằm tại giường, hay các Tỳ-kheo đồng tu bị bệnh nặng, không thể đi tới lui thì cho phép khát thực về cho người già bệnh, bất luận nhiều hay ít.”

Cho nên nói: Tỳ-kheo khát thực, đủ ăn, không chứa.

Được trời, người khen, sống sạch, không nhớ: Tỳ-kheo tu hành ít muốn biết đủ, đến giờ khát thực, không cất chứa gì. Các vị trời che chở người

ấy, khen ngợi công đức. Tiếng tốt đồn khắp bốn phương, ai cũng nghe biết, họ bảo rằng:

– Thầy Tỳ-kheo này sống trong sạch, không bận nhơ cho nên được các vị trời ca ngợi công đức.

Người giữ giới sau khi chết chắc chắn sinh lên cõi trời, dân chúng cõi trời tăng thêm, giảm bớt chúng A-tu-luân. Cho nên nói: Được trời, người khen, sống sạch, không nhơ.



*Tỳ-kheo hành Từ
Yêu kính pháp Phật
Thâm nhập chỉ quán
Diệt hành được an.*

Thầy Tỳ-kheo giữ gìn tâm ý, thực hành bốn tâm bình đẳng, dùng tâm Từ bi thương xót che chở tất cả, yêu kính Tam bảo, không mất lòng tin tưởng, đi sâu vào chỗ phân biệt chỉ quán hướng đến. Khắt thực mọi nơi, giáo hóa khắp chốn. Sở dĩ như vậy là nhằm dứt bỏ lòng tham, chế ngự tâm ý, không màng vinh hiển, không thiết lợi dưỡng. Hết hản sinh tử, dứt các nghiệp ác, từ đó vượt tới không, đó gọi là an vui hoàn toàn. Cho nên nói: Tỳ-kheo hành từ, yêu kính pháp Phật, thâm nhập chỉ quán, diệt hành được an.



*Tỳ-kheo hết các ái
Dứt ái, bỏ cống cao*

*Vô ngã, đẹp tôi, ta
Nghĩa này, ai không quý?*

Tỳ-kheo hết các ái, dứt ái, bỏ cống cao: Thầy Tỳ-kheo tu khổ hạnh dứt hết những ý tưởng mê đắm sắc cõi Dục, sắc cõi Sắc, sắc cõi Vô sắc và ái cõi Dục, ái cõi Sắc, ái cõi Vô sắc. Dứt sạch hết kiêu mạn, các tà kiến điên đảo trong ba cõi. Cho nên nói: Tỳ-kheo hết các ái, dứt ái, bỏ cống cao.

Vô ngã, đẹp tôi, ta, nghĩa này ai không quý? Thầy Tỳ-kheo tu khổ hạnh không còn dính mắc trong ba cõi. Hiểu biết trong ngoài đều không có chủ thể. Kẻ chấp ngã lại đi cầu phước, tuy bây giờ được thỏa lòng nhưng sau này sẽ bị đọa lạc. Còn ở phàm phu nên không thấy được tôi, ta của mình, hiểu rõ muôn vật trong ngoài đều vắng lặng, vậy cái gì tôi ta, tôi ta là cái gì. Khi bị người trói cột và bị mắng chửi thì đều vắng lặng, không hề có gì. Khi bị người mắng chửi thì tiếng vang có qua có lại, nhưng ở khoảng giữa, trong, ngoài đều không có. Cho nên nói: Vô ngã, đẹp tôi, ta, nghĩa này, ai không quý?



*Nên biết pháp này
Xuất ly của thân
Như voi đánh trận
Tỳ-kheo tập hành.*

Nên biết pháp này, xuất ly của thân: Tỳ-kheo

tập hành được nhiều pháp xuất ly, chọn tu đức lành để bồi đắp vào những chỗ chưa đủ. Ai muốn đến nơi thì phải do con đường này mà tìm đạo, bởi nơi nào có lỗ hang ắt có đường đi, con đường xuất ly chính là Tứ đế chân như. Cho nên nói: Nên biết pháp này, xuất ly của thân.

Như voi đánh trận, Tỳ-kheo tập hành: Như con voi hung dữ được cho uống rượu say, thả nó chạy thẳng về phía kẻ thù, dù bị tên nhọn bắn đến chết nó vẫn không lùi bước, cần phải bắt lại để đưa về chuồng cũ, sở dĩ như thế là bởi voi chỉ sợ người nài trên lưng nó, chứ nó không sợ giặc ngoài. Thầy Tỳ-kheo tu hành cũng giống như thế, phải vâng theo lời dạy của bậc Đạo sư, giấu kín trong lòng, suy đi xét lại, không để sai sót ý nghĩa. Cho nên nói: Như voi đánh trận, Tỳ-kheo tập hành.



*Không sống trọn kiếp
Trong giăng co tâm
Giữ mình, nghĩ để
Tỳ-kheo an vui.*

Người tu học đã được bốn thần túc, ngày đêm tu tập. Ý muốn sống một kiếp hay hơn một kiếp là tùy ý mình muốn, không có điều gì khó. Người này thoát hẳn các trói buộc, thường giăng co với tâm, không để nó rong ruổi. Dứt bỏ mọi mong muốn, tâm phải quấy, lìa hẳn ái dục. Cũng không còn thấy

hầm hố ba cõi, sau đó mới tương ưng với hạnh vô hại. Cho nên nói: Không sống trọn kiếp, trong giảng co tâm, giữ mình nghĩ Đê, Tỳ-kheo an vui.



*Nhớ người thân, bạn bè
Chánh mạng, không xen tạp
Bố thí nơi đáng thí
Cũng giữ đủ oai nghi
Tỳ-kheo đủ các hạnh
Mới dứt được mé khổ.*

Người tu hành được thành tựu đều do bè bạn, công đức đầy đủ, tiếng thơm vang khắp bốn phương, người được lãnh thọ mỗi ngày mỗi mới. Việc làm chân chánh, không để dính mắc bên ngoài. Khi bố thí thì cúng dường Phật, Tỳ-kheo Tăng, Sư trưởng, các bậc Tôn túc. Vì sao? Vì những hạng người này đều có oai nghi, giữ gìn các lễ tiết, biết nguyên nhân của khổ. Cho nên nói: Nhớ người thân, bạn bè, chánh mạng không xen tạp, bố thí nơi đáng thí, cũng giữ đủ oai nghi, Tỳ-kheo đủ các hạnh, mới dứt được mé khổ.



*Tay chân chớ trái phạm
Bớt nói, cẩn thận làm
Trong tâm vui định ý
Giữ hạnh gọi Tỳ-kheo.*

Ở đời có nhiều kẻ hung bạo dữ dằn chuyên làm

ác, cung tay múa chân đánh đấm gây thương tích. Bên trong thả lỏng sáu giác quan, mê đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hạng ấy dù được hành đạo vẫn không tương ưng với pháp hạnh, tiến lên thì không có pháp gì để tu, thụt lùi thì mất oai nghi Hiền thánh. Như người vác thầy ma không thể nào đứng thẳng được. Các Tỳ-kheo này cũng giống như vậy, có khả năng tự giữ tâm chuyên nhất, việc làm tùy thuận, ngồi thiền định ý, sáu thời hành đạo không mất bản hạnh. Cho nên nói: Tay chân chớ trái phạm, bớt nói, cẩn thận làm, trong tâm vui định ý, giữ hạnh gọi Tỳ-kheo.



*Ưu pháp, muốn pháp
Suy nghĩ pháp an
Tỳ-kheo nương pháp
Chánh đáng, không phí.*

Người học tu hành phân biệt các pháp, thấy pháp, được pháp đi sâu vào quán pháp. Hoặc nằm hoặc ngồi, các thần qua lại, suy nghĩ pháp an. Tỳ-kheo nương pháp mà được diệt độ, đối với các Thánh đạo được ích lợi, không phí tổn. Ngày càng thêm ích lợi, không hề bị tổn giảm, cũng giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài trên cõi đời này. Cho nên nói: Ưu pháp, muốn pháp, suy nghĩ pháp an, Tỳ-kheo nương pháp, chánh đáng không phí.



*Phải học nhập Không
Tỳ-kheo chốn vắng
Vui với không người
Quán pháp bình đẳng.*

Người tu hành mà chấp thân năm ấm này là thường còn, bền chắc, không hư hoại nên không chịu lìa bỏ mà còn sinh khởi trần lao. Nhưng người tu hành biết phân biệt năm ấm trong ngoài đều không, nếu ở ngoài gò mả, đồng trống, dưới gốc cây suy nghĩ cội gốc các pháp, cầu được đạo quả thì trước hết nên tu tập về thể không, mới tương ưng với đạo chân.

Khi xưa, các đạo sĩ ở trong thất ngôi thiên về Không, bên ngoài, ngài Tu-bồ-đề yêu cầu mở cửa. Người bên trong hỏi: “Ai đó?” Tu-bồ-đề đáp: “Người đời đặt tên giả là Tu-bồ-đề đây. Cái mà người ưa thích là đàn cầm, đàn sắt, ca hát nhảy múa. Đó là cái mà người ưa thích. Còn cái mà người không ưa thích là thiên định đêm hơi thở cột ý vào một chỗ, đó là những điều người đời không nghĩ tới”. Cho nên nói: Phải học vào không, Tỳ-kheo chốn vắng, vui với không người, quán pháp bình đẳng.



*Phải gần năm ấm
Hàng ý như nước
Thanh tịnh hòa vui*

Là vị cam lộ.

Người mới học quán sát thân năm ấm này đều là bại hoại, không có một thứ nào đáng ham thích, phân biệt các giác quan đều không bền chắc, ý luôn bình đẳng, sắc mặt hòa vui, trong sạch, không tì vết, dứt các mé khổ. Cho nên nói: Phải ngăn năm ấm, hàng ý như nước, thanh tịnh hòa vui, là vị cam lộ.



*Như núi rất cao kia
Không lay động bởi gió
Tỳ-kheo dứt ngu si
An trụ không nghiêng động.*

Giống như ngọn núi sáng rõ không bị bốn thứ gió làm lay động, thầy Tỳ-kheo hết ngu si cũng giống như vậy. Không bị lung lạc bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cho nên nói: Như núi rất cao kia, không lay động bởi gió, Tỳ-kheo dứt ngu si, an trụ không lay động.



*Tất cả danh, sắc
Không thật, chớ làm
Không gần, không mến
Đó là Tỳ-kheo.*

Danh sắc, lục nhập là những thứ mà người tu hành cần xả bỏ. Cái của ta, cái chẳng phải của ta đều không thật có. Không gần các pháp mong

manh. Pháp có nhiều thứ, có thứ chân thật, có thứ mong manh. Pháp chân thật thì cứ vớt biết bao người, còn pháp mong manh thì là pháp thói thường của thế tục. Thầy Tỳ-kheo đầy đủ các pháp này được gọi là thích ứng với chân thật. Cho nên nói: Tất cả danh sắc, thật, chớ lằm, không gần, không mền, đó là Tỳ-kheo.

Tỳ-kheo không chỉ cạo (tóc)

Kiều mạn, không giới

Bỏ tham, nghĩ đạo

Mời xúng Tỳ-kheo.

Dứt tâm không cạo (tóc)

Buông lung, không tin

Dứt được các khổ

Sa-môn bậc thượng.

Khi ấy, đến giờ khát thực, Đức Thế Tôn ôm bát chinh đồn y phục, đi đến nhà người Bà-la-môn, dòng họ Ba-la-đọa tu hạnh khát cầu. Khi ấy Phạm chí thấy Phật từ xa, bèn tụng khen:

Tôi là khát sĩ

Thầy cũng khát sĩ

Giữa hai chúng ta

Ai là người hơn?

Lúc đó Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Tỳ-kheo không chỉ cạo (tóc)

Kiều mạn, không giới

Bỏ tham, nghĩ đạo

*Mời xưng Tỳ-kheo.
 Dứt tâm khôngạo
 Buông lung, không tin
 Dứt được các khổ
 Sa-môn bậc Thượng.*

Phạm chí nghe kệ xong liền đem tiền của ra cúng dường Đức Thế Tôn. Bấy giờ Như Lai không nhận và bảo Phạm chí:

– Ta nói kệ ấy không nhằm ca tụng lời ông khen, vậy thì đâu có lý do gì Ta nhận tài vật ông cho?

Vị Phạm chí nói:

– Thưa Ngài, bây giờ tôi biết bố thí vật này cho ai đây?

Đức Thế Tôn nói:

– Ông nên đem những thứ ấy để nơi sạch sẽ, hoặc chỗ đất không có cỏ, hoặc bỏ vào nước sạch.

Vị Phạm chí vâng lời Như Lai dạy bèn đem những thứ ấy bỏ xuống sông, thì nước sông bỗng sôi lên và phát ra những tiếng lạ, dần dần chỗ ấy phát ra ánh sáng rực rỡ. Phạm chí thấy vậy hớn hở vui mừng không kiềm chế được. Như Lai liền nói pháp bốn đế chân như, ngay nơi chỗ ngồi, Phạm chí dứt hết phiền não, được mắt pháp thanh tịnh.



*Tỳ-kheo được định Từ
 Tin nhận lời Phật dạy*

*Được hoàn toàn vắng lặng
Không thân, chớ nên nhìn.*

Tỳ-kheo có tâm Từ thì ở có giải thoát, phân biệt muôn hạnh, không việc gì không thấu suốt. Nếu lại có người thấy các loài chúng sinh như binh bộ, binh voi, binh ngựa, binh xe chiến đấu với nhau, thì người nhập tâm Từ thương xót tất cả, cứu vớt chúng sinh đến bờ vô vi. Giống như cái cân ngang bằng, bình đẳng không hai, nhờ Như Lai mà có được bốn tâm vững chắc, không thể nghiêng động. Như trưởng giả Tôi Thắng và các Tỳ-kheo chiêm ngưỡng Đức Phật không biết thỏa mãn, dù cho có hóa Phật ở trước mặt cũng không thể làm tâm nghiêng động. Người tu hành được vết tích của diệt tận thì không còn phiền não, biết nơi nào đáng gần thì gần, nơi nào đáng theo thì theo. Như vậy thì lấy hạnh nghiệp diệt tất cả dấu vết làm gốc.

Tóm tắt những điều cốt yếu là như vậy, các gốc kết sử bị lửa thiêu rụi là như vậy, dần dần theo thứ lớp dứt bỏ cội gốc các kết sử là như thế, có nhiều Phạm chí đến được Niết-bàn.

*Tâm hoan hỷ vui mừng
Như người nghĩ mến yêu
Tỳ-kheo thường vui sướng
Đều Không, không gốc nguồn.*

Người tu hành vui mừng hơn hờ, không biếng nhác. Khi nghe chuyện mừng, vị ấy không lấy làm

vui, khi nghe chuyện ác cũng không lấy làm buồn. Tỳ-kheo nhập định không có rối loạn, thường tự suy nghĩ từ vô số kiếp đến giờ tu hành các công đức, không để mất cội gốc căn lành, xét tận cùng cội nguồn của Không thì không có bến bờ. Cho nên nói: Tâm hoan hỷ vui mừng, như người nghĩ mến yêu, Tỳ-kheo thường vui sướng, đều Không, không gốc nguồn.



*Dứt thân và dứt ý
Giữ miệng, cũng rất tốt
Bỏ tục gọi Tỳ-kheo
Lên khỏi vực, không ngại.*

Người tu hành gìn giữ oai nghi, không để mất phép tắc, giữ bốn lỗi của miệng không để gây lỗi lầm, không cho tâm ý rong ruổi. Lời dạy bảo ra không thô bỉ, trước cười sau nói, vừa lòng người. Người, rời bỏ cuộc sống thế tục gọi là Tỳ-kheo. Thế nào là Tỳ-kheo? Là người lìa bỏ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Dứt dâm, nộ, si. Cho nên nói: Dứt thân và dứt ý, giữ miệng cũng rất tốt, bỏ tục gọi Tỳ-kheo, lên khỏi vực, không ngại.



*Không thiên, không trí
Không trí, không thiên
Đạo nhờ thiên, trí
Được gần Niết-bàn.*

Người học vấn trước phải tụng bốn bộ A-hàm, ba tạng đầy đủ, sau mới gọi là thiên định. Đó là trí thế tục. Không trí không thiên là vô lậu tuệ quán thì chắc chắn có nơi đến, không hề trở ngại. Nếu người nào hoàn toàn đầy đủ hai việc này thì đã đến gần Niết-bàn.

Cho nên nói: Không thiên không trí, không trí không thiên, đạo nhờ thiên, trí, được gần Niết-bàn.



*Thiên không buông lung
Không bị dục loạn
Không uống đồng sôi
Tự nào đốt mình.*

Như người tu hành giữ thân, miệng, ý, ít muốn biết đủ, không quá ân cần, dù được y phục, thức ăn, giường ghế, đồ nằm, thuốc men trị bệnh chỉ để nuôi thân, chứ không tham luyến vinh hiển ở đời, oai nghi lễ tiết không mất chừng mực. Giường ghế, đồ nằm thường biết dùng đủ thì không bị quả báo nước đồng sôi rót vào miệng ở đời sau. Cho nên nói: Thiên không buông lung, không bị dục loạn, không uống đồng sôi, tự nào đốt mình.



*Tự giữ thân, miệng mình
Giữ ý không làm ác
Lại giữ gìn giới cấm
Nên gọi là Tỳ-kheo.*

Người tu hành thân không làm ác, miệng không mắng chửi, ý không ganh ghét, đầy đủ ba việc ấy mới gọi là Tỳ-kheo. Cho nên nói: Tự giữ thân, miệng mình, giữ ý không làm ác, lại giữ gìn giới cấm, nên gọi là Tỳ-kheo.



*Nhiều người tu pháp lành
Bảy giác ý làm gốc
Đó gọi là pháp mẫu
Gọi là Định Tỳ-kheo.*

Người tu hành khéo tu pháp lành, trước được vô lậu, dứt hết gốc khổ, lại được đóa hoa bảy Giác ý. Dần dần đến được vô vi, gần kề Niết-bàn. Cho nên nói: Nhiều người tu pháp lành, bảy Giác ý làm gốc. Đó gọi là pháp mẫu, gọi là Định Tỳ-kheo.



*Như những điều hiện nói
Tự biết hết nguồn khổ
Đó gọi là gốc lành
Là Tỳ-kheo vô lậu.*

Trong pháp hiện tại này tự quán sát rõ ràng, tìm cầu phương cách khéo léo để dứt hết mé khổ, dứt hết mé khổ chỉ cho Niết-bàn dứt hết phiền não. Thế nên các giác quan đầy đủ, thành tựu hạnh vô lậu. Mọi việc làm như ý, không có sai trái lỗi lầm. Cho nên nói: Như những điều hiện nói, tự biết hết nguồn khổ, đó gọi là gốc lành, là Tỳ-kheo vô lậu.



*Không nhờ sức giữ giới
Và nhờ nghĩa học rộng
Dù cho được định tuệ
Không dính mắc lời văn
Tỳ-kheo có giữ gìn
Đều là hạnh vô lậu.*

Người tu hành không phải chỉ tinh tấn nhẫn nhục là đủ, mà phải lấy nhất tâm, trí tuệ mong cầu giải thoát, cũng lại không nhờ học rộng hiểu nhiều mà được giải thoát, biết pháp nội ngoại đến được vô vi, phải được định thể tục rồi sau đó mới đến mé nhiệm màu. Lại phải đến nơi núi rừng thanh vắng, gặp gỡ các thiện tri thức, nói cho biết đường tắt chân chánh, khỏi lạc đường tà. Thầy Tỳ-kheo nên biết là người này tu tập pháp vô lậu. Nhờ vậy mà hết được mé khổ, đều là bậc lậu tận A-la-hán, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, không còn trải qua các khổ não. Cho nên nói: Không nhờ sức giữ giới và nhờ nghĩa học rộng, dù cho được định tuệ, không dính mắc lời văn, Tỳ-kheo có giữ gìn, đều là hạnh vô lậu.



*Nên quán vui Chánh giác
Chớ gần hạng phàm phu
Quán việc hiện đời này
Phân biệt thân năm ấm.*

Người tu học quán vui Chánh giác để tự an vui, không cần hạng phàm phu, vì sao? Vì cảnh sống phàm phu làm sao có niềm vui ấy? Quán sát việc đời này là biết có loài chúng sinh sinh ra như thế, diệt mất như thế, tới lui như thế, biết nguyên nhân của khổ này là do phân biệt năm ấm thành bại gây ra. Cho nên nói: Nên quán vui chánh giác, chớ gần hạng phàm phu, quán việc hiện đời này, phân biệt thân năm ấm.



*Làm việc đáng làm
Phải tự ngăn mình
Bỏ nhà giải thoát,
Lòng còn đắm nhiễm.
Những ai biếng trễ
Nhọc ý chẳng trừ
Không phải phạm hạnh
Sao được báu lớn?*

Người tu hành còn khởi các ý tưởng mê đắm nên sinh ra gốc kết sử, hoặc có phân biệt chấp trước, có hệ lụy đời này, đời sau nhưng vẫn không thoát khỏi khổ, Tỳ-kheo chớ dính mắc, tự cho đó là hạnh thanh tịnh. Các Sa-môn, Bà-la-môn nào không biết pháp xuất ly thì ta không nói những người này đáng được độ thoát. Sở dĩ như thế là bởi họ chưa buông lìa được sự trói buộc gây ra. Các thầy Tỳ-kheo nên biết: Không có mà nói có thì đó là tà kiến, không phải pháp chân thật. Vì sao? Vì

do gốc thân năm ấm mà sinh ra bệnh này, vì có bệnh này nên lại sinh ra nghiệp ác. Do những bệnh ấy mà không được hết mé khổ, Tỳ-kheo phải biết, xét tận cội nguồn, hiểu rõ vô thường là pháp thay đổi.

Người tu học quán sát pháp này là không bền chắc, là không thật có, biết được không có thân thì biết sinh tử. Không bị ma chết phá. Khi đã thắng nó rồi thì không tạo nghiệp nữa. Phải dứt cho hết các nghiệp. Đó gọi là mé khổ, không có gì hơn được.



*Tâm được an nghỉ mãi
Tỳ-kheo nên nhiếp ý
Để hết già, bệnh, chết
Thoát khỏi ma trói buộc.*

Người tu hành hết hẳn các kết sử đắm nhiễm thì không còn tạo nghiệp. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không còn trong lòng, tự biết tội hết, không còn thọ thai, lìa hẳn cảnh giới ma, cũng không tương ưng với dục trần nữa. Cho nên nói: Tâm được an nghỉ mãi, Tỳ-kheo nên nhiếp ý, để hết già, bệnh, chết, thoát khỏi ma trói buộc.



*Tâm được vắng lặng mãi
Tỳ-kheo nên nhiếp ý
Để hết già, bệnh, chết*

Không còn thọ hữu nghiệp.

Nghiệp là sự hệ lụy của sinh tử. Sở dĩ trôi nổi xoay lăn mãi trong năm đường là bởi tâm ý mê lầm, không diệt được hết cội gốc nó. Cho nên nói: Tâm được vắng lặng mãi, Tỳ-kheo nên nhiếp ý, để hết già, bệnh, chết, không còn thọ hữu nghiệp.

Người tu hành giữ ý thường được cứu giúp, phải biết tìm phương tiện để tự cứu mình.



*Đã nhỏ bỏ gốc ái
Tỳ-kheo nên nhiếp ý
Đã hết già, bệnh, chết
Không còn thọ hữu nghiệp.*

Ái là thứ bệnh gây nhiều nguy hiểm nhất. Ái ở cõi Dục có hai thứ: Một là thực ái, hai là dục ái. Còn cõi Sắc, cõi Vô sắc thì thiên vị ái. Cho nên nói: Đã nhỏ bỏ gốc ái.



*Không có tâm kết sử
Tỳ-kheo hành nhiếp ý
Đã hết già, bệnh, chết
Không còn thọ hữu nghiệp.*

Kết sử là gốc các hành pháp, tuôn chảy ra những chất nhơ bẩn. Cho nên nói: Không có tâm kết sử, Tỳ-kheo nên nhiếp ý, đã hết già, bệnh, chết, không còn thọ hữu nghiệp.



*Không còn đoạn gốc hữu
Tỳ-kheo hành nhiếp ý
Đã hết già, bệnh, chết
Không còn thọ hữu nghiệp.*

Đã vượt qua sinh tử thì không còn thọ thân hậu hữu nữa.



*Tỳ-kheo hành nhiếp ý
Đã hết già, bệnh, chết
Không còn thọ hữu nghiệp
Đã ra khỏi cõi ma.*

Lìa hẳn cõi ma, không còn ở trong cõi Dục, đã giải thoát hẳn không còn thọ thân hậu hữu.



*Đã thắng rừng rậm gai
Xua tan lời mắng chửi
Giống như dựa núi Thái
Tỳ-kheo không chịu khổ.*

Đã thắng rừng rậm gai: ở đây sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không còn nữa. Còn rừng gai là gì? Là những bệnh dâm, nộ, si, chúng là cội gốc. Chỉ có chư Phật, Thế Tôn mới dứt bỏ được mà thôi, dù ai mắng nhiếc, ta hiểu đó chẳng có hình dáng chi, trong tâm suy nghĩ rằng: “Thân này là vật gây bao khổ não, trong ngoài đều không có chủ, biết rõ thân như vậy thì đâu còn gì để tham đắm. Một bệnh sinh ra thì là kéo theo bốn trăm lẻ bốn bệnh. Đó là

tai nạn bên trong của thân, còn tai nạn bên ngoài thì gai góc rùng rậm là những hủy nhục, hoặc bị đánh đập. Những chuyện ấy là từ ngoài đến. Như rắn rít độc hại, trùng trăn chân, đều từ ngoài đến, làm cho thân khổ. Còn như núi Thái thì không thể dùng huyền chú, pháp thuật làm cho nó lay động.” Thế nên, Tỳ-kheo muốn lìa cội gốc các khổ thì chỉ có bốn đế chân như. Thầy Tỳ-kheo không biết khổ vui. Cái gọi là không biết khổ vui là khi khổ đến thì không lấy đó làm cay đắng. Vui đến thì không lấy đó làm mừng. Cho nên nói: Đã thắng rừng rậm gai, xua tan lời mắng chửi, giống như dựa núi Thái, Tỳ-kheo không chịu khổ.



*Không nghĩ đời này, sau
Xem đời như mộng ảo
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Như người tu hành sáng suốt biết rõ đời này, đời sau, đều thay đổi không ngừng. Cho nên nói: Không nghĩ đời này, đời sau, xem đời như mộng ảo, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.



*Cắt đứt cội gốc ái
Khô cạn suối dục sâu
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Sở dĩ nói thí dụ này là vì muốn giúp người tu hành biết được sự sâu cạn mà liệu định chánh hạnh cho thuận với pháp. Khi ấy Đức Thế Tôn dạy về đạo đức là bởi e chúng sinh đời sau không rõ về gốc ái dục. Cho nên phải nói rõ nguyên nhân sinh ra ái dục. Cho nên nói: Cắt đứt cội gốc ái, khô cạn suối dục sâu, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.

Nói lựa chỗ cốt yếu thì dục, dâm, nộ, si, kiêu mạn cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn đối với ai ham đắm hồ dục thì nói về dục, đối với kẻ ưa giận thì nói về giận dữ, đối với kẻ si thì nói về si.



*Cắt đứt được năm dục
Cắt đứt gốc rễ dục
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Như có người bị trời thì sầu khổ buồn rầu vô hạn. Sau đó, y được tha, khỏi khổ sở. Do đó, Như Lai lấy đó làm thí dụ để chúng sinh đời sau biết rõ, cho nên Ngài nói: Cắt đứt được năm dục, cắt đứt gốc rễ dục, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.



*Cắt đứt được năm kết
Nhỏ gai nhọn ái dục
Tỳ-kheo thắng kia, đây*

Như rắn lột da cũ.

Năm kết sử là kết tham dục, kết giận hờn, kết ngủ nghỉ, kết chơi giỡn và kết nghi ngờ. Năm kết sử này che lấp tâm người, nên không thấy được ánh sáng trí tuệ. Nó khiến người ta tối tăm, không thấy được ánh trí tuệ bị dập tắt thì xoay vần mãi trong các cõi, không đến được Niết-bàn. Cho nên nói: Cắt đứt được năm kết, nhổ gai nhọn ái dục, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.

Nhổ gai nhọn ái dục: Gai có ba thứ là gai dục, gai giận dữ và gai vô minh. Phải dứt cho hết sạch, không cho chúng phát sinh trở lại. Từ đó, không còn pháp sinh diệt, dứt bỏ năm cái. Cho nên nói: Nhổ gai nhọn ái dục.



*Nhiều người không gia sản
Dứt cội gốc bất thiện
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Người tu hành chịu khổ nhọc lâu ngày, tu đức Bồ-tát suốt ngày không buông bỏ. Bỏ nhà xuất gia học đạo, không ham mọi vinh hiển ở đời. Cho nên nói: Nhiều người không gia sản, dứt cội gốc bất thiện, Tỳ-kheo thắng kia đây, như rắn lột da cũ.



*Những người không nóng bức
Nhổ bỏ gốc bất thiện*

*Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Nóng bức nghĩa là: nóng bức về ham muốn, nóng bức về tức giận và nóng bức về ngu dốt. Trong ba thứ nóng bức ấy thì nóng bức về tức giận là hơn hết. Lửa đốt cháy từ cội Dục lên đến cội Sơ thiên. Ba độc thiêu đốt từ cội Dục cho đến cội Vô sắc. Ai dứt trừ được ba độc ấy thì đến được niềm vui vô vi bậc nhất. Cho nên nói: Những người không nóng bức, nhờ bỏ gốc bất thiện, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.

*Dứt dục không còn sót
Như nhỏ vật không chắc
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Người mê đắm ái dục đều phải bỏ mạng. Vì sao? Vì bởi tâm ý bị mê mờ gây ra cho nên bậc Thánh nhân trước cấm ngăn việc đắm dục. Cho nên nói: Dứt dục không còn sót, như nhỏ vật không chắc, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.

Nói lược điều cốt yếu đối với tham dục, giận dữ, ngu si, kiêu mạn cũng giống như vậy.



*Ái dục chảy tràn lan
Như rắn ngậm chất độc
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Người chạy theo tâm ái dục không tự kiềm chế, dần dần từ cõi Dục cho đến ba cõi, trôi lăn trong năm đường, không thoát khỏi bốn loài. Sở dĩ nói Tỳ-kheo thắng kia, đây thì kia chỉ cho sáu trần, đây chỉ cho sáu giác quan. Tỳ-kheo dứt được kia, đây thì như rắn lột bỏ da cũ.



*Nhiều người dứt tướng quán
Trong không tâm gây tạo
Tỳ-kheo thắng kia, đây
Như rắn lột da cũ.*

Quán có ba thứ là quán dục, quán giận dữ, quán vô minh. Nếu ai dứt được các thứ ấy thì được gọi là Đạo sĩ. Cho nên nói: Nhiều người dứt tướng quán, trong không tâm gây tạo, Tỳ-kheo thắng kia, đây, như rắn lột da cũ.



*Giữ giới gọi Tỳ-kheo
Có, không là hành thiền
Người tu xét tận gốc
Vô vi là vui nhất.*

Tỳ-kheo tu hành lấy oai nghi làm gốc. Giới để kiềm chế hành động của thân, đắp mặc ba pháp y. Thực hành đúng theo phép tắc, không trái với bậc Tiên thánh. Định ý có, không mới gọi là thiền, không bỏ giả danh. Như người tu hành khi lãnh thọ thì tin hiểu, phân biệt ý nghĩa, tìm nói vui sướng

vô vi. Không có các khổ đối lạnh khổ nảo. Cho nên nói: Giữ giới gọi Tỳ-kheo, có, không là hành thiện, người tu xét tận gốc, vô vi là vui nhất.



*Tỳ-kheo lo nhần lo
Biết rõ giường, đồ nằm
Giữ niệm không buông lung
Dứt hữu ái không sót.*

Tỳ-kheo tu hành gặp chuyện vui không lấy làm mừng, gặp chuyện khốn khó không cho là khổ, tâm không thêm bớt bởi lợi dưỡng, suy hao, chê bai, khen ngợi. Ở nơi thanh vắng, ngồi thẳng nhất ý, tâm không rong ruổi. Dứt bỏ các kết sử, không có ý niệm dính mắc. Cho nên nói: Tỳ-kheo lo nhần lo, biết rõ giường đồ nằm, giữ niệm không buông lung, dứt hữu ái không sót.



Phẩm 34: Phạm Chí (Phần 1)

*Gọi là Phạm chí
Không chỉ khóa thân
Ở hiểm, nằm gai
Mời gọi Phạm chí.*

Khi ấy, có một vị Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, trán lay sát chân Ngài, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, từ nay trở đi, xin Ngài cho phép các đệ tử đều khóa thân, không mặc y phục.

Đức Thế Tôn dạy:

– Hãy thôi! Đó là chỗ sai trái của kẻ ngu, không đúng với pháp luật. Đó là pháp tu của Phạm chí, không phải là sự tu hành của giáo pháp Ta. Con người biết xấu hổ mới có tôn ti cao thấp, biết có cha mẹ, anh em. Vì sao lại trần truồng đi khắp nơi?

Khi ấy, lại có một vị Tỳ-kheo khác đến chỗ Phật, trán lạy sát chân Ngài rồi bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, từ nay trở đi, xin Ngài cho phép các Đạo nhân được để tóc.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

– Hãy thôi! Đó là chỗ sai trái của kẻ ngu, không đúng với pháp luật. Đó là pháp tu của Phạm chí, không phải là sự tu hành của giáo pháp Ta.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến chỗ Đức Thế Tôn, trán lạy sát chân Ngài rồi bạch Phật:

– Xin ngài cho phép các Đạo nhân được bôi tro trắng lên mình.

Lại có Tỳ-kheo khác bạch Phật:

– Từ nay về sau xin Thế Tôn cho phép các Đạo nhân nuốt hơi khỏi phải ăn.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

– Từ nay trở đi xin Ngài cho phép các Đạo nhân khóa thân nằm ngoài trời.

Đức Phật bảo:

– Hãy thôi! Đó là chỗ sai trái của kẻ ngu.

Lại có thầy Tỳ-kheo khác đến chỗ Phật, trán lạy

sát chân Ngài rồi bạch Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn từ nay trở đi, xin Ngài cho phép các Đạo nhân xuống ao tắm gội thanh tịnh.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

– Không thể dùng cách ấy để tới đạo được.



Bỏ thân không nương

Không tụng lời lạ

Dứt bỏ cả hai

Đó gọi Phạm chí.

Thuở xưa, Đức Phật ngự trong vườn nai, nơi của một vị Tiên thuộc nước Ba-la-nại. Khi ấy Ngài hóa độ cho năm thầy Tỳ-kheo chưa bao lâu. Bấy giờ, nước Ba-la-nại có vị trưởng giả tên là Dạ-du, là người thuộc giai cấp cao quý, tài sản vật báu rất nhiều, mặt mày khôi ngô, trên đời hiếm có ai bằng. Một ngày nóng bức, ông quán sát hiểu lý vô thường, tự suy nghiệm kẻ nam, người nữ thân thuộc trong nhà như những thân ma không có gì đáng để tâm cả, thấy thân mình giống như gò mả không khác. Ông liền đứng dậy và nói rằng: “Ta quá ngu, không biết mọi vật đều là ảo hóa cả.”

Khi ấy trưởng giả liền tự lìa bỏ gia đình, chạy ra khỏi thành, ông cởi bỏ đôi giày lưu ly đáng giá một muôn đồng tiền, liền qua sông, đến chỗ Phật, trán lạy sát chân Ngài rồi đứng qua một bên và

bạch Phật:

– Việc đời nhiều thay đổi chẳng phải một muôn vật huyền hóa không đáng nương cậy, nay con tự quy y muốn tìm nơi vô vi an vui.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Hay lắm! Hay lắm! Này người con nhà dòng dõi, thật là một việc rất lớn lao trong pháp Hiền thánh! Đó chính là sự mong ước của ông.

Bấy giờ vị trưởng giả nghe Đức Phật dạy vui mừng hơn hờ không kiềm chế được. Đức Thế Tôn dần dần nói pháp cho nghe. Ngài nói về bố thí, giữ giới, sinh lên cõi trời. Dục là một ý tưởng không trong sạch, phiền não là tai họa lớn.

Trưởng giả nghe pháp rồi, ngay từ chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, chứng được mắt pháp thanh tịnh, vì đã thấy pháp, chứng pháp, đầy đủ các pháp. Ông liền đứng dậy, lại tự quy mạng, trán mặt lay sát chân Ngài, bạch:

– Cúi mong Bạc Trời trong các trời cho phép con được xuất gia học đạo.

Đức Phật bảo:

– Hay lắm, Tỳ-kheo!

Râu tóc vị ấy tự rơi rụng, tự nhiên thân mặc pháp phục, lại nghe nói pháp, chứng quả A-la-hán.

Khi đó cha mẹ, anh trai, em trai, em gái của trưởng giả đang lên đường với xe voi, xe ngựa đuổi theo ông, để tìm cho được trưởng giả Dạ-du. Đến

bờ sông, thấy đôi giày lưu ly của ông bỏ lại, người cha trầm nghĩ: “Có lẽ con ta đã qua sông không còn nghi ngờ gì nữa, sở dĩ ta biết như thế là vì hiện giờ đôi giày lưu ly đáng giá ức muôn con ta bỏ lại đây. Giờ đây ta qua sông tìm nó.” Ông liền qua sông. Từ xa thấy Đức Thế Tôn, ánh sáng rực rỡ, ông liền đến chỗ Phật, trán lạy sát chân Phật, rồi bạch Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn cho biết là Ngài có thấy chàng thanh niên Dạ-du đi ngang qua đây chăng?

Đức Phật dùng thần túc che khuất Tỳ-kheo Dạ-du để cha ông không thấy. Ngài bảo trưởng giả:

– Ông đi tìm con không bằng chính mình tìm lại mình. Ông hãy mau ngồi xuống, Ta sẽ nói pháp cho ông nghe.

Trưởng giả liền ngồi xuống, Đức Phật nói pháp, ngay tại chỗ ngồi, trưởng giả dứt sạch hết bụi trần, chứng được mắt pháp thanh tịnh.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền xuất định khiến cha thấy con.

Người cha bảo con:

– Con hãy mau trở về nhà, mẹ con đang buồn khổ sợ con không trở về.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Hãy thôi! Này trưởng giả, ông đừng nói lời đó. Thế nào trưởng giả, như có người tu hành đang ở giai vị còn tu học, chưa hết ái dục, về sau đạt đến

bậc vô học, không còn tu học nữa. Giờ đây muốn cho người đã đạt vô học ấy trở về giai vị tu học như trước, ý trưởng giả nghĩ thế nào việc ấy có nên chăng?

Trưởng giả đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, không nên.

Đức Phật bảo trưởng giả:

– Con ông ngày nay đã không còn dính mắc, trụ ở giai vị vô học rồi. Trưởng giả nên biết: Người không còn dính mắc thì làm sao còn trở về nhà để thọ hưởng năm thứ dục lạc cho được?

Trưởng giả nghe vậy trong lòng vui mừng hơn hở, liền đứng dậy, năm vóc gieo sát đất, tự quy y bậc Chân nhân hoàn toàn không còn dính mắc.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói cho trưởng giả nghe bài kệ:

*Bỏ thân không nương
Không tụng lời lạ
Dứt bỏ cả hai
Đó gọi Phạm chí.*



*Đời này hạnh sạch
Đời sau không nợ
Không tu, không bỏ
Đó gọi Phạm chí.*

Ai chấp vào tà kiến thì đến chết họ vẫn không sửa đổi. Người chấp thường thì không tương ưng

với người chấp đoạn diệt. Người chấp đoạn diệt thì không tương ưng với người chấp thường. Nếu bỏ được kiến chấp ấy mới không dính mắc vào ba cõi. Cho nên nói: Đời này hạnh sạch, đời sau không nhớ, không tu, không bỏ, đó gọi Phạm chí.



*Khổ dựa vào ái
Tâm không dính mắc
Đã bỏ đã chính
Là diệt hết khổ.*

Người mới tu hành dù đã được vào đạo, nhưng chưa thể phân biệt suy nghĩ về đạo quả, phải rành rẽ từng thứ, không đánh mất đầu mối, pháp gì chưa đạt thì cố gắng đạt, pháp gì chưa có thì cố gắng có. Cho nên nói: Khổ dựa vào ái, tâm không dính mắc, đã bỏ, đã chính, là diệt hết khổ.



*Những người không chỗ nương
Thường tu tập chánh kiến
Luôn nghĩ dirt hữu lậu
Đó gọi là Phạm chí.*

Như con voi to chui ra từ cửa nhỏ, muốn ra khỏi thành, nhưng nó chui không lọt cửa này, mọi người thấy vậy ngạc nhiên bèn bảo voi rằng: “Người đã chui ra từ lỗ nhỏ được, qua lại không khó, nhưng muốn ra khỏi thành thì lại không được!” Do vậy bậc Thánh lấy đó làm thí dụ, nhiều người tuy được

xuất gia tu tập đạo pháp, nhưng không thể dứt hết hữu lậu, đạt được vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát. Cho nên nói: Những người không chỗ nương, thường tu tập chánh kiến, luôn nghĩ dứt hữu lậu, đó gọi là Phạm chí.



*Kẻ ngu để râu tóc
Cùng giường ghé, đồ nằm
Trong lòng còn ham trước
Trau chuốt ngoài, tìm gì?*

Kẻ ngu, không tự giác tỉnh nên để mái tóc dài. Cạo râu tóc nghĩa là cạo bỏ kết sử, chứ chẳng phải chỉ cạo bỏ râu tóc. Kẻ ngu để tóc dài để làm đẹp.

Theo pháp của chư Phật nhiều như cát sông Hằng đời quá khứ truyền trao cho nhau là cạo bỏ râu tóc, pháp phục chỉnh tề. Việc ấy, từ xưa đã có, chứ chẳng phải ngày nay mới có. Ngày nay, kẻ ngu tham đắm đồ nằm, nhưng trong pháp của ta thì chỉ được sử dụng ba pháp y, không chứa y dư, ở dưới gốc cây hay nơi gò mả là chuyện thường, nói rộng như trong giới bốn. Trong tâm tà kiến, khởi ý tham trước, trau chuốt bề ngoài cho là không vết nhơ, hãy xả bỏ mê lầm ấy mà về với đạo, pháp này không mê lầm. Cho nên nói: Kẻ ngu để râu tóc, cùng giường ghé, đồ nằm, trong lòng còn tham trước, trau chuốt ngoài, tìm gì?



*Ăn mặc đơn sơ
Vâng giữ pháp hạnh
Chón vắng suy nghĩ
Ấy là Phạm chí.*

Người tu hành ăn mặc y phục xấu xí, không tham đắm trau chuốt, suy nghĩ pháp hành, tâm không tham cầu. Ít nói năng, không tranh chấp kia đây. Cho nên nói: Ăn mặc đơn sơ, vâng giữ pháp lành, chón vắng suy nghĩ, ấy là Phạm chí.



*Kiến chấp qua lại
Đọa vực chịu khổ
Riêng mình lên bờ
Không ưa lời người
Chỉ diệt không khởi
Đó gọi Phạm chí.*

Người chấp nhặt chỗ ngu si của mình, ý không khai ngộ thì không thể vượt thứ lớp chứng quả. Thường có tâm hiềm nghi bất tịnh, đó không phải là người tịnh hạnh. Ai dứt hết hữu lậu hoàn toàn không còn sót thì đó gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Kiến chấp qua lại, đọa vực chịu khổ, riêng mình lên bờ, không ưa lời người, chỉ diệt không khởi, đó gọi Phạm chí.



*Rẽ dòng vượt qua
Vô dục như Phạm (thiên)*

*Dùng trí dứt hết
Đó gọi Phạm chí.*

Nếu dùng nước tắm gội thân thể mà được đạo, như vậy là nước được đạo chứ không phải tắm gội mà được đạo. Cho nên phải phân biệt các pháp thấu đáo ý nghĩa của nó, thanh tịnh không vết nhơ, dùng trí tuệ diệt hết kết sử, không còn sót. Cho nên nói: Rẽ dòng vượt qua, vô dục như Phạm, dùng trí dứt hết, đó gọi Phạm chí.



*Không bởi nước mà tịnh
Nhiều kẻ lo tắm gội
Hãy dứt các pháp ác
Đó gọi là Phạm chí.*

Người tắm gội không thể gội rửa được các thứ dơ trong bụng. Phải dứt bỏ hết pháp ác, không gây ra nữa. Đó gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Không bởi nước mà tịnh, nhiều kẻ lo tắm gội, hãy dứt các pháp ác, đó gọi là Phạm chí.



*Không phải cạo (tóc): Sa-môn
Khen tặng thành Phạm chí
Phải bỏ các điều ác
Đó gọi là Đạo nhân.*

Sa-môn chưa hẳn là những người cạo râu tóc mà là những ai bên trong có chánh hạnh tương ứng với luật pháp mới gọi là Sa-môn. Còn nếu Phạm

chí cả ngày khen tốt mà được sinh lên cõi trời Phạm thì tất cả mọi người đều được sinh lên đó. Thật ra, muốn sinh lên đó chỉ có những ai có khả năng dứt bỏ các điều ác, tu phạm hạnh thanh tịnh. Cho nên nói: Không phải cạo tóc mà là Sa-môn, khen tặng mà thành Phạm chí, phải bỏ các điều ác, mới gọi là Đạo nhân.



*Dứt bỏ hai điều
Thanh tịnh không vết
Bỏ các dục kết
Mới gọi Phạm chí.*

Bỏ hết tất cả pháp ác, trong mọi chốn ra vào tới lui giáp khắp, không nói những lời khiến giết hại tất cả chúng sinh, không gây tổn thương cho họ, thanh tịnh không tì vết, hoàn toàn không còn mọi trói buộc. Cho nên nói: Dứt bỏ hai điều, thanh tịnh không vết, bỏ các dục kết, mới gọi Phạm chí.



*Bỏ ác là Phạm chí
Làm chánh là Sa-môn
Bỏ việc nhơ của mình
Đó gọi là xuất gia.*

Việc làm của Phạm chí là bỏ các pháp ác, trong ngoài thấu suốt, các câu uế hết hẳn, không tâm trông mong, không cống cao với mọi người, tâm định không đổi dời, giác ngộ cội nguồn tất cả các

pháp. Phạm hạnh đã lập, mọi việc đã làm xong, không còn thọ thân đời sau, tu hạnh thanh tịnh không có lỗi lầm. Cho nên nói: Bỏ ác là Phạm chí, làm chánh là Sa-môn, bỏ việc nhơ của mình, đó gọi là xuất gia.



*Người không tâm mê lầm
Không mạn, không ngu si
Không tham, không ngã tưởng
Đó gọi là Phạm chí.*

Người ta sống ở đời tâm không huyền hoặc, các Phạm chí tự nói rằng: “Trong trăm kiếp một lần đi qua biển lớn tự nhiên có huyền hoặc ăn nuốt người trong thiên hạ.” Bỏ các kiêu mạn, không sinh khởi ý tưởng mê đắm, Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã dứt bỏ tám pháp thế gian, không đắm nhiễm thế gian nên cũng gọi là Tỳ-kheo, cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Phật. Cho nên nói: Người không tâm mê lầm, không mạn, không ngu si, không tham, không ngã tưởng, đó gọi là Phạm chí.



*Ta không nói Phạm chí
Nhờ cha mẹ sinh ra
Kẻ ấy nhiều vết nhơ
Dứt hết là Phạm chí.*

Nói Phạm chí do cha mẹ sinh có nhiều vết nhơ

nghĩa là hoặc lại xuất gia, lìa các thế tục, tu hạnh thanh tịnh, không lựa chọn, bồ thí bình đẳng không hai, không tạp tướng thí, hoặc có người khi bồ thí cầu mong làm vua, sinh lên cõi trời. Đó gọi là bồ thí với tạp tướng. Còn bồ thí không có tạp tướng là bồ thí vì tất cả mọi người chứ không phải vì mình. Cho nên nói: Ta không nói Phạm chí, nhờ cha mẹ sinh ra, kẻ ấy nhiều vết nhơ, diệt hết là Phạm chí.



*Thân, miệng và ý
Sạch không lỗi lầm
Nhiếp được ba hạnh
Đó là Phạm chí.*

Nói lời êm ái, không mắng nhiếc ai, phân biệt nghĩa thú như xem hạt châu trong bàn tay. Giọng nói dịu dàng trong suốt khiến ai cũng thích nghe, được nhiều thành tựu, thanh tịnh không lỗi lầm, không gây rắc rối cho ai. Cho nên nói: Thân, miệng và ý, sạch không lỗi lầm, nhiếp được ba hạnh, đó là Phạm chí.



*Bị mắng, bị đánh,
Im chịu, không giận
Có sức nhẫn nhục
Đó là Phạm chí.*

Hễ đánh người thì bị người đánh, lại mắng chửi người thì bị người mắng chửi lại, đó là do không

có nhĩn mà ra, hễ ai nhĩn được thì đó là kẻ thắng trong cuộc chiến. Nhĩn là món thuốc hay trị lành các thứ bệnh. Nếu bị ai mắg nhiếc thì im lặng không trả lời. Cho nên nói: Bị mắg bị đánh, im chịu không giận, có sức nhĩn nhục, đó là Phạm chí.



KINH XUẤT DIỆU

QUYỂN 30

Phẩm 34: Phạm Chí (Phần 2)

*Nếu bị hiếp đáp
Chỉ nghĩ giữ giới
Tự điều phục thân
Đó là Phạm chí.*

Nếu có người bị kẻ khác hiếp đáp thì không khởi tâm ác, không sinh ý giận dữ mà lo giữ giới, học rộng, hàng phục ý thức. Thân hình ngay thẳng, tâm bình đẳng thì đạo pháp thường còn. Cho nên nói: Nếu bị hiếp đáp, chỉ nghĩ giữ giới, tự điều phục thân, đó là Phạm chí.



*Lành, dữ ở đời
Dài ngắn lớn nhỏ
Không thủ, không xả
Đó là Phạm chí.*

Đời nhiều việc rắc rối, muốn biết tình ý người, trước nên xét lời họ nói. Họ nói lành, nói dữ đều không để tâm, cũng không thấy có dài ngắn rộng hẹp, cũng không thấy có thủ, có xả. Đầy đủ những

hạnh như vậy mới gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Lành, dữ ở đời, dài ngắn lớn nhỏ, không thủ không xả, đó là Phạm chí.



*Thân là gốc hành
Miệng, ý không phạm
Giữ được ba nghiệp
Đó là Phạm chí.*

Thân không giết hại, miệng không mắng chửi, ý không ganh ghét. Trong cõi đời có năm thứ trược ác này mà đầy đủ ba hạnh đó, thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Thân là gốc hành, miệng, ý không phạm, giữ được ba nghiệp, đó là Phạm chí.



*Tới cũng không vui
Đi cũng không buồn
Trong chúng lìa chúng
Đó là Phạm chí.*

Người tu hành phải giữ cho tâm bền chắc, đối với khen chê tâm không hề lay động. Thấy có ai đến cũng không vui, thấy có người đi cũng không buồn, dù ở giữa đại chúng hay ở một mình. Tâm thường bình đẳng, không có cao thấp. Cho nên nói: Tới cũng không vui, đi cũng không buồn, trong chúng lìa chúng, đó là Phạm chí.



Tới cũng không vui

*Đi cũng không buồn
Không lo, thanh tịnh
Đó là Phạm chí.*

Nếu có niệm yêu mến hay không có niệm yêu mến cũng đều không vui. Vì sao? Vì sợ tâm bị đắm nhiễm, sinh khởi nhân duyên. Nếu thấy ai ra đi thì tự nghĩ rằng: “Ta đôi với người ấy đều không trái phạm gì. Trong ngoài thanh tịnh, vọng tưởng không khởi, đó gọi là Phạm chí”.

Cho nên nói: Tới cũng không vui, đi cũng không buồn, không lo, thanh tịnh, đó là Phạm chí.



*Dứt bỏ ân ái
Lìa nhà, vô dục
Nghệp ái đã hết
Đó là Phạm chí.*

Như người tu tập đạo pháp là dứt hẳn ân ái, xa lìa gia đình, dứt bỏ ái dục, đi xa không trở ngại. Dứt hết nghiệp ái và lỗi lầm trong ba cõi. Nếu đầy đủ được như thế mới gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Dứt bỏ ân ái, lìa nhà vô dục, nghiệp ái đã hết, đó là Phạm chí.



*Mới đó, không đó
Các thứ đều không
Lìa bỏ tham dục
Đó là Phạm chí.*

Đó ở đây chỉ cho sáu nhập bên ngoài. Không đó ở đây chỉ cho sáu nhập bên trong. Người tu hành giữ tâm quán sát các căn trong ngoài đều vắng lặng, lìa bỏ tham lam, dâm dục, sáu căn không khởi mê đắm. Làm đầy đủ những hạnh căn bản ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Mới đó, không đó, các thứ đều không, lìa bỏ tham dục, đó là Phạm chí.



*Mới đó, không đó
Các thứ đều không
Không đắm ba cõi
Đó là Phạm chí.*

Người đã lìa bỏ gia đình thì chớ sống chung với thế tục. Nếu xuất gia mà không tu theo chánh pháp, phá giới không tinh tấn, không lo học rộng, không xông xáo làm việc, cũng không suy nghĩ đến lợi dưỡng ở tương lai. Ai làm đầy đủ những điều ấy gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Bỏ được sản nghiệp, nhổ gốc ái dục, không tham biết đủ, đó là Phạm chí.



*Như nay đã biết
Xét tận mé khổ
Không còn tham dục
Đó là Phạm chí.*

Đối với pháp hiện tại có khả năng phân biệt

được pháp nhiệm màu, không có các điều ác. Biết khổ đứng đầu các thứ bệnh, dứt bỏ được chúng tương ưng với pháp nhiệm màu, đối với pháp hiện tại không tương ưng với ý dục. Dứt hẳn giận dữ, ngu dốt không còn sót, ra khỏi mọi trói buộc. Có đầy đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Như nay đã biết, xét tận mé khổ, không còn tham dục, đó là Phạm chí.



*Đối với tội, phước
Dứt hẳn hai thứ
Không lo, không phiền
Đó là Phạm chí.*

Nhờ phước hữu lậu thế tục, công đức lành mà được sinh làm người, bởi thế không ra khỏi sinh, già, bệnh, chết. Rồi lại gây tội ác và gieo trồng cội gốc ba độc nên phải sống trong sinh tử. Hai thứ tội, phước không đáng để ta tham đắm, dứt bỏ hai thứ ấy, không còn trần cấu. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Đối với tội, phước, dứt hẳn hai thứ, không lo không phiền, đó là Phạm chí.



*Đối với tội, phước,
Dứt hẳn hai thứ
Không đắm ba cõi
Đó là Phạm chí.*

Đối với phước và tội, không ham muốn, không mê đắm, vui với thiên định trung gian và vui với thiên định vô sắc, người tu hành không còn mê đắm, không mê đắm cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Đối với tội phước, dứt hẳn hai thứ, không đắm ba cõi, đó là Phạm chí.



*Giống như lá bông sen
Lấy kim khâu hạt cải
Không bị dục làm nhiễm
Đó gọi là Phạm chí.*

Giống như lá bông sen không dính nước, người tu hành cũng giống như vậy, đã xa lìa ham muốn, không còn mê đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cũng như dùng kim khâu các hạt đậu xanh cùng với những hạt cải với nhau, điều này khó được. Người tu hành không còn dâm dục. Tóm lại là không bị các điều ác làm nhiễm. Cho nên nói: Cũng như lá bông sen, dùng kim khâu hạt cải, không bị dục làm nhiễm, đó gọi là Phạm chí.



*Tâm vui không bận
Như trăng tròn đầy
Đã dứt chê bai
Đó gọi Phạm chí.*

Giống như mặt trăng tròn đầy trong suốt không

vết nhơ, không bị che bởi năm thứ, các sao chung quanh, chiếu sáng cùng khắp. Tỳ-kheo tu hành thanh tịnh, dứt hẳn năm thứ che đậy, không còn năm kết sử. Tâm được giải thoát, các giác đạo phẩm. Các định chánh thọ luôn ở bên mình. Trong đó, riêng mình tôn quý, không có các tì vết, xả bỏ tám pháp thế gian, khen chê đã dứt, ai có đủ những điều ấy gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Tâm vui không bợn, như trăng tròn đầy, đã dứt chê bai, đó gọi là Phạm chí.



*Như trăng sáng tỏ
Lơ lửng giữa trời
Không đắm tham dục
Đó là Phạm chí.*

Như trăng mùa thu, không bị năm thứ che tối, trong suốt không vết nhơ, chiếu sáng cùng khắp. Tỳ-kheo tu hành cũng giống như vậy, không bị che lấp bởi năm kết dâm, nộ, si. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Như trăng sáng tỏ, lơ lửng giữa trời, không đắm tham dục, đó là Phạm chí.



*Tranh cãi, không cãi
Chạm mà không giận
Ác đến khéo xử
Đó gọi Phạm chí.*

Người nhập định không hề tranh chấp, nhất tâm thiền định, an vui với niệm đãi, tự giữ gìn năm hạnh mới gọi là định. Nếu có kẻ ác ý đến hại mình thì hãy dùng điều tốt đối đãi tốt với họ. Cho nên nói: Tránh cãi, không cãi, chạm mà không giận, ác đến khéo xử, đó là Phạm chí.



*Hiếu tuệ nhiệm màu
Nói đạo, không nói
Hiếu, hành nghĩa cao
Đó là Phạm chí.*

Có nhiều người nghe dự trù, tính toán về muôn vật, phân biệt nghĩa thú, mỗi mỗi đều rõ ràng, hiểu rõ chỗ đến của Đạo, cái gì nên thành tựu thì thành tựu, cái gì đáng bỏ thì bỏ. Hiếu hành nghĩa cao, nghĩa cao ở đây chỉ cho Niết-bàn dứt hết phiền não. Người nào đầy đủ các pháp ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Hiếu tuệ nhiệm màu, nói đạo, không nói, hiếu hành nghĩa cao, đó là Phạm chí.



*Sống giữa đời này
Khất thực nuôi sống
Không ngã, không đắm
Không mất phạm hạnh
Trí không bến bờ
Đó là Phạm chí.*

Có người con nhà cao sang, từ bốn giai cấp xuất

gia học đạo, bỏ tâm kiêu mạn, bỏ ý cống cao thực hành khiêm hạ, không đắm nhiễm bả vinh hoa phú quý, tới lui khắp đó đây, để làm hưng thịnh việc Phật, tôn thờ Tam bảo. Nếu khi được cúng dường y phục, giường ghế, đồ nằm, thuốc men trị bệnh thì liền chú nguyện cho thí chủ đời đời hưởng phước, hoặc dùng thần túc bay lên hư không hiện mười tám pháp thần biến, thí chủ trông thấy không ai không vui mừng. Rồi họ thọ pháp đều được khai ngộ. Người nào đầy đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Sống giữa đời này, khát thực nuôi sống, không ngã, không đắm, không mất phạm hạnh, trí không bến bờ, đó là Phạm chí.



*Nếu dứt ái dục
Bỏ nhà, bỏ ái
Bỏ dứt dục lậu
Nên gọi Phạm chí.*

Người tu hành dứt hết ái dục. Có người gần gũi cửa đạo nhưng chưa bỏ được ái dục, hoặc có Phạm chí chưa được rốt ráo, ý dục chưa hết, tham đắm năm dục. Dù được gọi là Phạm chí nhưng chưa dứt bỏ được dục ái. Có những người tu hành dứt hẳn được dục lậu, không quen theo ân ái. Nếu ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Nếu dứt ái dục, bỏ nhà, bỏ ái, đoạn dứt dục lậu, nên

gọi Phạm chí.



*Thương xót mọi người
Giúp họ trong sợ
Không hại, làm ích
Đó gọi Phạm chí.*

Cốt yếu các hạnh thì bốn tâm bình đẳng là gốc, thường phải sinh tâm Từ bi thương xót che chở chúng sinh, thấy ai lo sợ buồn rầu thì đến giáo hóa an ủi, khiến họ được an ổn hoàn toàn, không làm hại ai mà còn sinh tâm cúng dường. Nếu ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Thương xót mọi người, giúp họ không sợ, không hại làm ích, đó gọi Phạm chí.



*Tránh oán, không oán
Không gây thương tổn
Bỏ các tà vạy
Nên gọi Phạm chí.*

Người tu hành chí hướng hành động khác nhau, đều dụng tâm bình đẳng, coi kẻ thù như con đỏ, tâm Từ bi xem mọi người bình đẳng không hai. Tâm nhẫn giống như đất, ngang bằng như cân. Xem loài bò bay, máy cưa như chính thân mình, nghĩ chúng như cha mình, mẹ mình, con mình và chính mình không khác. Người nào có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Tránh

oán, không oán, không gây thương tổn, bỏ những tà vạy, nên gọi Phạm chí.



*Ở trước, ở sau
Khoảng giữa đều không
Không nắm, không bỏ
Gọi là Phạm chí.*

Có người ở đời vị lai không làm việc ác, đã không làm, sẽ không làm. Quá khứ không làm các điều ác, những việc ác ấy đã không làm, sẽ không làm, hiện không làm. Ở khoảng giữa làm các điều ác, không làm các điều ác, đã, hiện, sau cũng không làm. Người tu có khả năng bỏ việc làm ác thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Ở trước, ở sau, khoảng giữa đều không, không nắm, không bỏ, gọi là Phạm chí.



*Dứt dâm, nộ, si
Các ác kiêu mạn
Kim khâu hạt cải
Gọi là Phạm chí.*

Người tu hành bị dục làm nheo tâm mình, do vậy mà không được sự vắng lặng của đạo; nếu dứt bỏ các pháp bất thiện như kiêu mạn... thì dần dần sẽ đến cảnh giới Niết-bàn. Như dùng kim khâu hạt cải thì không bao giờ được, tâm người kia cũng giống như vậy, không bị dâm, nộ, si trói buộc làm trở

ngại, người nào có đủ những việc như vậy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Dứt dâm, nộ, si, các ác kiêu mạn, kim xâu hạt cải, gọi là Phạm chí.



*Thành nhờ hào mà chắc
Qua lại chịu các khổ
Muốn lợi qua bờ kia
Không chịu nghe lời ai
Chỉ cần diệt, không khởi
Đó gọi là Phạm chí.*

Sinh tử lâu xa, chịu khổ vô số, chỉ có người thiên định mới vượt khỏi nạn sinh tử này, dứt ý tà nghi, không còn do dự, bỏ kết sử phiền não được kết sử thanh tịnh. Ai có được những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Thành nhờ hào mà chắc, qua lại chịu các khổ, muốn lợi qua bờ kia, không chịu nghe lời ai, chỉ cần diệt không khởi, đó gọi là Phạm chí.



*Người dứt được ái
Đời này, đời sau
Nghiep ái đã hết
Đó là Phạm chí.*

Gốc ái chưa nhổ hết thì không đạt đạo. Gốc ái đã chặt đứt rồi mới hành đạo được. Người muốn cầu đạo mà không dứt bỏ hết kết sử ba cõi thì không đạt đạo, nếu nhổ bỏ được gốc ái dục rồi sau

mới đạt đạo. Ai có được những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Người dứt được ái, đời này đời sau, nghiệp ái đã hết, đó là Phạm chí.



*Người không trông mong
Đời này, đời sau
Vì không trông mong
Nên gọi Phạm chí.*

Về trông mong thì muôn vật trong trời đất đều là niềm hy vọng của con người, nhưng niềm hy vọng này chưa cắt đứt như thân hiện đời này chưa chết vẫn còn trên đời, nếu sau này chết đi thì thân thức ra đi không còn hy vọng gì. Người nào có đầy đủ các công đức này thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Người không trông mong, đời này đời sau, vì không trông mong, nên gọi Phạm chí.



*Tự không hay biết
Trời, Càn-đạp-hòa
Thấy biết vô lượng
Đó gọi Phạm chí.*

Khi Đức Phật Như Lai ngồi thiền thì các vị trời, loài người không bao giờ biết lúc ấy Đức Phật đang ở đâu? Có một vị Tỳ-kheo tên là Đa-kỳ-xà đến chỗ Đức Thế Tôn, ca ngợi Như Lai bằng kệ:

*Quy mạng Bạc Tôn Quý
Quy mạng Bạc Trên Hết*

*Nay không rõ Thế Tôn
 Vào cõi thiên thứ mấy?
 Cúi xin Trời Trong Trời,
 Giảng rộng ý nghĩa ấy.*

Đức Như Lai tự nói:

– Trong những bậc Phạm hạnh thì không có ai hơn Ta được. Sở dĩ biết như vậy là nhờ thiên định giải thoát chánh thọ định ý. Theo pháp bình thường của thế gian thì các Trời, Rồng, Thần không thể biết Ta đang ở đâu hướng chi khi Ta đang làm Phật sự là của nhiệm mầu của trí tuệ thì Trời, Rồng, Quỷ thần làm sao biết được Ta ở đâu?

Cho nên nói: Tự không hay biết, Trời, Càn-đạp-hòa, thấy biết vô lượng, đó gọi Phạm chí.



*Tự biết kiếp trước
 Thấy cõi trời, người
 Biết gốc sinh khởi
 Trí, tâm vắng lặng.*

Tự biết những việc xảy ra trong vô số kiếp trước, quán biết những việc từ địa ngục lên đến cõi trời, kẻ khác thì không thể được. Chỉ có Đức Phật, Như Lai Chí Chân Đẳng Giác nhìn thấy tam thiên đại thiên thế giới như hạt châu trong lòng bàn tay, biết rõ gốc sinh ra khởi, thấu suốt tận cội nguồn. Người có trí khôn lanh nhạy bén thì mau chứng quả A-la-hán. Tùy theo ý muốn không hề trở ngại. Cho

nên nói: Tự biết kiếp trước, thấy cõi trời người, biết gốc sinh khổ, tâm mãi vắng lặng.



*Tự biết tâm giải thoát
Khỏi dục, không mê đắm
Ba minh đã đầy đủ
Đó gọi là Phạm chí.*

Người tu hành biết tâm nghĩ gì, người giải thoát, người chưa giải thoát đều biết rõ, giải thoát hẳn các dục tưởng. Ba minh gồm tự biết kiếp trước, được Thiên nhãn, phiền não hết sạch. Nếu ai có những điều ấy thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Tự biết tâm giải thoát, khỏi dục không mê đắm, ba minh đã đầy đủ, đó gọi là Phạm chí.



*Tự biết việc kiếp trước
Biết nhân duyên chúng sinh
Như Lai, Phật không đắm
Đó gọi là Phạm chí.*

Bấy giờ Đức Như Lai biết vô số việc, quán sát tánh hạnh của chúng sinh, mỗi mỗi đều rõ ràng, ai sống ai chết thấy đều biết rõ. Như trời mưa thấm nhuần khắp thế giới, khi ấy Đức Thế Tôn quán sát các loại sinh tử cũng giống như vậy, ai sống ai chết đều biết rõ ràng.

Khi ấy Đức Thế Tôn cùng ngài Xá-lợi-phất

đang ở trong thất vắng lặng. Khi ấy, có người đã chết, đang ở trong tình trạng trung âm, tinh thần không dời đổi. Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Bây giờ thầy hãy quán xét xem thần thức của thân trung âm này nó từ đâu đến và di chuyển đến đâu.

Bây giờ ngài Xá-lợi-phất liền nhập định tứ thiền xem thần thức người ấy đi đâu và di chuyển về đâu. Khi đó ngài Xá-lợi-phất không biết thần thức người ấy từ đâu đến và di chuyển về đâu.

Bây giờ Đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Sự thấy biết của thầy không đến được cảnh giới chư Phật, chỗ đến của thần thức người này cách đây vô số thế giới, năng lực thần thông của thầy không thể thấy được.

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Thầy thử xem xét thần thức của người đó sẽ sinh về đâu?

Bây giờ ngài Xá-lợi-phất lại nhập Tam-muội nhưng không biết thần thức ấy đi về đâu. Ngài Xá-lợi-phất liền xuất định, đến bạch Đức Phật:

– Hôm nay, con nhập định quán sát khắp thế giới nhưng không biết thần thức này đi về đâu.

Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

– Hôm nay, thần thức này phải qua cả ức thế giới để sinh vào nhà đó, tên đó, họ đó... Sự thấy biết của Như Lai thì Thanh văn, Bích-chi-phật

không thể sánh kịp. Thần thông biết được kiếp trước, chỉ có Như Lai, Bạc Chánh Đẳng Giác mới có được thần thông biết được kiếp trước này mà thôi. Cho nên nói: Tự biết việc kiếp trước, biết nhân duyên chúng sinh, Như Lai, Phật không đấm, đó gọi là Phạm chí.



*Dứt tất cả kết sử
Cũng không còn nóng bức
Như Lai, Phật không đấm
Đó gọi là Phạm chí.*

Có các chúng sinh đã dứt bỏ tất cả kết sử, La-hán, Bích-chi-phật tuy đã dứt bỏ kết sử nhưng vẫn còn tương tự kết sử. Chư Phật, Thế Tôn thì không còn tương tự, vì thế mà nói Như Lai Phật không đấm.

Cho nên nói: Dứt tất cả kết sử, cũng không còn nóng bức, Như Lai, Phật không đấm, đó gọi là Phạm chí.



*Bạc Tiên nhất trong rồng
Đại tiên tôn quý nhất
Vô số Phật tầm gọi
Đó gọi là Phạm chí.*

Tiên nhân là người đã chứng được năm thần thông, là bậc tôn quý nhất giữa trời, người, không có ai bằng. Trong ngoài thấu suốt, không còn chút

tì vết. Tiên cũng gọi là voi, khi nuôi nó đến lúc trưởng thành thì thân nó to nhất trong loài thú. Nó có ý chí mạnh mẽ đẩy lùi quân địch.

Vô số Phật tắm gội: Tắm gội ở đây là tắm gội trong ao Bát giải thoát, rửa sạch các bụi nhơ, không còn kết sử. Như Lai đưa cánh tay ra, tay duỗi đến đâu thì bụi nhơ không hề bám dính, kẻ ác rình rập Như Lai nhưng không được dịp làm hại. Cho nên nói: Bạc tiên nhất trong rồng, đại tiên tôn quý nhất, vô số Phật tắm gội, đó gọi là Phạm chí.



*Sở hữu đều không
Vượt dòng vô lậu
Từ đây sang bờ
Đó là Phạm chí.*

Người tu hành vượt ngoài tất cả các pháp, biết một cách chắc thật rằng mọi thứ trên đời này đều không thật. Về Dòng thì dòng có bốn tên:

1. Dòng chảy ham muốn,
2. Dòng chảy nghiệp,
3. Dòng chảy ngu dốt,
4. Dòng chảy những kiến chấp sai lầm.

Ai lội qua bốn dòng chảy ấy thì được vô lậu. Bạc La-hán, Bích-chi vẫn còn suy tư về Không, Vô tướng, Vô nguyện, Nhẫn, Noãn, Đánh pháp. Tuy có thể suy nghĩ hữu lậu, pháp thế tục thì vẫn còn tâm kết sử, hoặc có khi muốn nghĩ đến vô lậu thì

trước phải nghĩ đến hữu lậu. Bởi vậy, đối với chỗ sâu kín của Như Lai thì có thiếu sót lớn. Như Lai là Bạc Đại Thánh cột ý trong định, từ có đến không, đối với phép quán vô lậu không hề có thiếu sót. Chúng được các Tổng trì, nhớ dai không quên. Mười lục, bốn vô úy, đại từ đại bi, ba vô ngại đạo và hạnh thần túc. Đó là những pháp mà Như Lai tu, các vị La-hán, Bích-chi-phật không làm được. Cho nên nói: Sở hữu đều không, vượt qua dòng vô lậu, từ đây đến bờ, gọi đó là Phạm chí.



*Không thiên, không nói
Cũng không nghĩ ác
Thiên trí thanh tịnh
Đó là Phạm chí.*

Người tu hành không nghĩ đến ác thiên. Người nhập thiên không nói năng, thường suy nghĩ pháp lành. Nếu bị người mắng nhiếc thì chỉ lo giữ pháp của mình. Nếu được vị tương ưng thiên và trung gian thiên thì giữ chặt tâm ý không bị rối loạn buồn khổ. Ai có đủ những việc ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Không thiên, không nói, cũng không nghĩ ác, thiên trí thanh tịnh, đó gọi Phạm chí.



*Tỳ-kheo áo, gò mả
Quán sát dục không thật
Ngồi gốc cây thanh vắng*

Đó gọi là Phạm chí.

Có bốn thứ áo gò mả:

1. Áo mặc từ nhà đi xuất gia học đạo,
2. Vải do đàn-việt, thí chủ cúng dường,
3. Y bá nạp kết thành bởi những miếng vải nhặt được,
4. Vải lượm được ở gò mả dơ bẩn không sạch.

Lúc mới học đạo, mặc y từ nhà ra đi, quán sát ái dục không thật nên Ngài từ bỏ sáu muôn vị phu nhân, bỏ ngôi vua Chuyển luân xuất gia học đạo, ở nơi thanh vắng, ngồi dưới cây Bồ-đề, hàng phục ma vương, phá tan mười tám ức bọn chúng. Ai có đủ những việc ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Tỳ-kheo mặc áo gò mả, quán sát dục không thật, ngồi dưới gốc cây thanh vắng, đó gọi là Phạm chí.



*Người không hiểu biết
Không hề nói năng
Thân lạnh không ấm
Đó gọi Phạm chí.*

Đức Như Lai ra đời, không việc gì mà Ngài không biết, không thấu suốt.

Không hề nói năng: Dứt hẳn nghi ngờ, không còn do dự, các phiền não, kết sử dứt hẳn, đạt tới cam lộ vắng lặng. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Người không hiểu biết, không nói

năng, thân lạnh không ấm, đó gọi Phạm chí.



*Lìa bỏ gia đình
Không có lo nhà
Được cam lộ vắng
Đó là Phạm chí.*

Gia đình là nơi dân chúng yên ở, được sống tự do. Từ đó sinh ra sự trói buộc về nhà cửa. Thế nên Đức Phật dạy người học đạo là phải lìa bỏ gia đình, sống nơi thanh vắng để cầu được đạo cam lộ vắng lặng. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Lìa bỏ gia đình, không có lo nhà, được cam lộ vắng, đó là Phạm chí.



*Dứt bỏ việc đời
Không nói lời thô
Nghĩ tám Thánh đạo
Đó gọi Phạm chí.*

Đức Như Lai Thế Tôn ánh sáng rạng rỡ. Ngài xoay bánh xe pháp lần đầu là độ cho tám muôn vị trời, hai vị vua, bảy vị Phạm chí, kế độ cho vua Bình-sa nước Ma-kiệt-đà và mười hai ngàn người trong hang đá thuộc nước ấy. Rồi lại độ cho mười hai ngàn vị trời Thích Đề-hoàn Nhân ở nước Câu-thi-na-kiệt. Cuối cùng độ ông Tu-bạt.

Sau khi Đức Phật diệt độ sẽ có hai vị La-hán ra đời tên là Ưu-ba-quất, trong khoảng thời gian đó

cứu giúp chúng sinh đông không thể kể xiết, giảng nói pháp Bát chánh đạo không trở ngại. Cho nên nói: Dứt bỏ việc đời, không nói lời thô, nghĩ tám Thánh đạo, đó gọi Phạm chí.



*Một bóng đi xa
Ẩn kín, không hình
Khó hàng, hàng được
Đó gọi Phạm chí.*

Người tu hành sinh khởi ý tưởng không bờ bến, ý niệm phân tán vô biên. Thân đang ở đây nhưng tâm thì ở ngoài biển khơi. Bởi vậy, người muốn quán xét và biết hình tướng của ý nghĩ thì thật là khó. Tâm ý rong ruổi, chỉ tích tắc đã vượt qua mấy ngàn muôn ức núi sông. Thế nên nói: Một bóng đi xa.

Lại có người hỏi:

— Tâm có mười đại địa pháp mà tâm là pháp thứ mười. Vì sao nói một bóng đi xa?

Đáp rằng:

— Tâm thường theo nhân duyên mà đi hay đứng yên, như tâm đang duyên theo sắc và thanh thì khi ấy nó không duyên theo hương, vị, xúc, pháp. Tâm đang duyên theo hương thì khi ấy nó không duyên theo sắc, thanh, vị, xúc, pháp.

Khi tâm duyên theo vị, thì khi ấy nó không duyên theo sắc, thanh, hương, xúc, pháp.

Khi tâm duyên theo xúc, thì khi ấy nó không duyên theo sắc, thanh, hương, vị, pháp.

Khi tâm duyên theo pháp, thì khi ấy nó không duyên theo sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Khi tâm đang duyên theo sắc thì tâm là gốc các pháp. Như khi vua làm lễ vũ nghi thì quan khách ai nấy đều đã có mặt, chỉ lấy tiếng là vua. Ở đây cũng giống như thế, tâm tạo ra mười pháp nhân duyên nhưng đều không có tên, cũng như chim bay được trên trời là nhờ ở sáu cái lông ông lớn, nhưng chỉ có chim được tiếng chim bay. Ở đây cũng giống như vậy, tâm vốn vô hình cũng không ăn náu nơi đâu, người trần mắt thịt không thể thấy được mà phải nương vào thân năm ấm này mới thấy sự hoạt động của tâm. Khi thân năm ấm tan hoại thì tâm sẽ lìa xa, tâm khi ấy cũng không hình chất gì. Tâm rất khó dạy bảo, như cái khoan gỗ dùng để khoan sắt cứng. Thế nên bậc Thánh để lại lời dạy cho hậu sinh, muốn làm chủ tâm thì sáng phải uống nhiều thứ thuốc, trưa phải uống nhiều thứ thuốc, chiều phải uống nhiều thứ thuốc. Phải dùng Không, Vô tướng, Vô nguyện, chỉ quán dứt hết phiền não để chữa trị tâm thì mới lành bệnh được. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Một bóng đi xa, ẩn kín, không hình, khó hàng hàng được, đó gọi Phạm chí.



*Không sắc không thể thấy
 Đây cũng không thể thấy
 Hiểu rõ câu nói này
 Nghĩ thì có lý do
 Giác biết, kết sử hết
 Đó gọi là Phạm chí.*

Không sắc không thể thấy: Thế nào là tâm? Tâm gây họa khiến thân phải chịu tai ương. Như voi ngựa bướng bỉnh hung hãn không kiềm chế được. Kẻ có mắt sẽ đánh đập chúng, khiến chúng đau đớn mới dạy bảo được. Tâm con người đã gây biết bao khổ họa, nó dẫn con người vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khi làm được người thì sinh vào nhà thấp hèn, mặt mày xấu xí, bị mọi người ghét bỏ. Cho nên nói: Không sắc, không thể thấy, đây cũng không thể thấy, hiểu rõ câu nói này, nghĩ thì có lý do, giác biết kết sử hết, đó gọi là Phạm chí.

Chư Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời là muốn hàng phục cái tâm dữ dần, xấu ác đó. Chư Phật, Thế Tôn thương xót tất cả chúng sinh. Lòng từ rộng lớn che phủ khắp nơi, dù sống trên thế gian nhưng không hề đắm nhiễm.



*Lấp sông sinh tử
 Nhân nhục vượt qua
 Tự biết ra khỏi
 Đó gọi Phạm chí.*

Người tu hành bị năm dục trôi buộc, trôi lăn trong dòng sông sinh tử. Cần phải nhờ Bạc Đại Thánh chỉ dạy, dùng quyền nghi dẫn từ bờ này đến bờ kia. Như Lai hiện thân ra đời không việc gì Ngài không quán sát kỹ, cốt yếu là dắt dẫn người có duyên sau đó mới nhập diệt. Hâm chỉ cho hâm kiêu mạn. Nếu ai vượt qua hâm này thì không bị kiêu mạn trôi buộc. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Lấp sông sinh tử, nhần nhục vượt qua, tự biết ra khỏi, đó gọi Phạm chí.



*Phải cầu vượt qua dòng
Phạm chí không tham dục
Trong tự xét các căn
Người tự cho Phạm chí
Mà biết rõ như thế
Mới gọi là Phạm chí.*

Người tu hành không lấp dòng sông ái dục, bốn sử, bốn vực, tiến đến đạo màu rất khó. Như nước lụt lớn gây thật hại, Phạm chí còn tham dục thì chết sẽ đọa vào đường ác, cho nên Đức Như Lai dạy phải dứt bỏ tham, cũng nói cho biết dục vốn là cội nguồn dơ bẩn, bất tịnh. Và phải dứt bỏ các tà vạy, chớ để rong ruổi, ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Phải cầu vượt qua dòng, Phạm chí không tham dục, trong tự xét các căn,

người tự cho Phạm chí, mà biết rõ như thế, mới gọi là Phạm chí.



*Trước phải bỏ mẹ
Vua và hai quan
Thắng mọi cảnh giới
Đó là Phạm chí.*

Trước phải bỏ mẹ: Tâm ái dục rong ruổi chính là nguồn cội. Ý thức vô lậu có công năng chữa dứt bệnh ấy, hết hẳn không còn tái lại. Vua chỉ cho tâm ngã mạn. Hai quan chỉ cho trộm cắp và thân kiến. Thắng mọi cảnh giới là đối với tất cả các kết sử người này có khả năng dứt trừ hết tai nạn của kết sử được gọi là Phạm chí.

Cho nên nói: Trước phải bỏ mẹ, vua và hai quan, thắng mọi cảnh giới, đó là Phạm chí.



*Phạm chí không đánh
Phạm chí không lung
Phạm chí la đánh
Thả rồi cũng la.*

Phạm chí chỉ cho bậc La-hán. Không được dùng tay hay dao gậy mà đánh bậc Chân nhân này. Phạm chí không buông lung chỉ cho bậc Chân nhân này, thường phải cúng dường y phục, thức ăn uống, giường ghế, đồ nằm, thuốc men trị bệnh. Bốn thứ cúng dường không hề thiếu thốn. Phạm chí la đánh

là người làm ác, thả rồi cũng la cũng chỉ cho kẻ làm ác đó. Không nên cúng dường cho những kẻ gian ác ấy y phục, thức ăn uống, giường ghế, đồ nằm, thuốc men trị bệnh. Ai có đủ những điều ấy thì gọi là Phạm chí. Cho nên nói: Phạm chí không đánh, Phạm chí không buông, Phạm chí la đánh, thả rồi cũng la.



*Nhiều người biết pháp sâu
Không luận già hay trẻ
Xét kỹ giữ giới tin
Như Phạm chí thờ lửa.*

Thuở xưa, khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đi giáo hóa khắp nơi. Khi ấy các thầy Tỳ-kheo không chịu học rộng. Đức Thế Tôn bèn suy nghĩ rằng: “Nay các Tỳ-kheo nhiều vị có tâm biếng nhác, ý không tinh tấn”. Ngài lại tự quán sát các việc trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai... Ngài biết đời vị lai sẽ có Tỳ-kheo tật đố, giận dữ, không thuận theo lời Phật dạy, họ phỉ báng, làm tổn giảm pháp Như Lai, khinh mạn thầy, cũng không kính trọng người nói pháp. Do đó, Đức Thế Tôn quán xét đời sau, e rằng trong giáo pháp do Ngài để lại có các Tỳ-kheo già trẻ không phân biệt trên dưới lớn nhỏ, các vị già thì cậy ta lớn tuổi, các vị trẻ thì tự ý mình thông minh. Các vị lớn tuổi thì tự khoe: “Những điều mà tôi thấy biết các thầy đâu thấy biết được. Kiến thức các thầy như lửa đom đóm.” Còn các vị trẻ thì tự

cho rằng già tối tăm đần độn, tính tình lắm cảm, biết đâu mà lường. Như Lai dạy rằng: “Phải tự giữ giới. Cũng như Phạm chí thờ lửa, đốt lửa năm chỗ, ngày đêm phụng thờ không hề sai buổi. Hương hoa rực rỡ cúng dường mọi thứ.”

Cho nên nói: Nhiều người biết pháp sâu, không phải già hay trẻ, xét kỹ, giữ giới, lòng tin như Phạm chí thờ lửa.



*Nhiều người biết pháp sâu
Mà Bạc Đăng Giác nói
Xét kỹ giữ giới tín
Như Phạm chí thờ lửa.*

Trải qua ức ngàn muôn kiếp Như Lai mới ra đời một lần, nên việc gặp Phật ra đời rất khó, cho nên người tu phải giữ giới và lòng tin, không mất phép tắc như Phạm chí thờ lửa.

Thuở xưa, khi còn tại thế, Đức Phật dạy các Tỷ-kheo:

– Từ nay trở đi không được học sách vở ngoại đạo, dị học. Vì sao? Vì sách họ nói toàn những nghĩa lý không chân chánh, cũng không phải là cội gốc giúp ta đạt đạo. Cho nên nói: Nhiều người biết pháp sâu, mà Bạc Đăng Giác nói. Xét kỹ giữ giới tín, như Phạm chí thờ lửa. Chân thành quy mạng Phật.



*Bên ngoài pháp của mình
 Phạm chí là trên hết
 Tất cả các hữu lậu
 Đều dứt sạch, không sót,
 Hoặc lại quán sát khổ
 Đều dứt sạch, không sót,
 Hoặc lại quán hội hợp
 Đều dứt sạch, không sót,
 Hoặc lại quán nhân duyên
 Đều dứt sạch, không sót.*

Bên ngoài pháp của mình: Người tu hành quán sát rõ tất cả các pháp đều có liên quan, không việc nào không biết, giống như Phạm chí quán sát rõ ràng thiên văn, địa lý, các sao thay đổi. Tất cả các trong hữu lậu đều dứt sạch, không còn sót. Quán sát các khổ đau dù tốt hay xấu tất cả đều dứt hết. Quán sát sự hội hợp chắc chắn có nhân duyên chia lìa. Tạm có rồi cũng trở về với sự diệt mất.



*Cũng như gốc nội pháp
 Phạm chí là bên ngoài
 Nếu nằm chung giường nệm
 Như Bà-câu-lư kia.*

Nội pháp nghĩa là đối với pháp Tứ đế chân như, phân biệt mỗi thứ, không mất thứ lớp mạnh mỗi. Phạm chí đối với trong mà cho là ngoài. Cho nên nói: Cũng như gốc nội pháp, Phạm chí là bên

ngoài, nếu nằm chung giường nệm, như Bà-câu-lư kia.

Tỳ-kheo Bà-câu-lư từ khi xuất gia đến nay, chưa hề nói cho người nghe ý nghĩa của bốn câu, dù cho có ngồi chung với Tỳ-kheo ấy cũng không được nghe Tỳ-kheo ấy nói chánh pháp. Từ khi sinh ra cho đến khi già đã tám mươi một hạ, chưa từng chứa nuôi Sa-di đệ tử hay những người sai khiến khác. Nếu vì người thì tâm chí luôn tinh khiết. Ông đặt chí ở hư vô, để tâm vào nơi vắng lặng. Cho nên nói: Nếu nằm chung giường nệm, như Bà-câu-lư kia.



*Giống như nội pháp
Phạm chí bên ngoài
Biết sinh biết già
Chuyển biến phải chết.*

Nội pháp ở đây là không lừa dối người. Nhất định không nghiêng động, nhất định không tà vạy, chỉ có Như Lai mới vượt qua cảnh giới này, để khi chết không còn thọ thân sau và biết đúng như thật. Cho nên nói: Giống như nội pháp, Phạm chí bên ngoài, biết sinh biết già, chuyển biến phải chết.



*Trời chiếu ban ngày
Trăng soi ban đêm
Binh giáp chiếu lính*

*Thiên chiếu người tu
 Khi Phật ra đời
 Chiếu mọi chỗ tối.*

Trời chiếu ban ngày: Khi mặt trời mới mọc phát ra trăm ngàn muôn tia sáng, làm cho trăng sao không còn sáng nữa. Nhưng khi mặt trời lặn thì trăng và các sao tranh nhau tỏa sáng, đều chiếu soi khác nhau, ánh sáng bất đồng. Như vị đại tướng, khi quân hai bên đối đầu thì cả hai cùng điều võ dương oai quyết một phen thắng bại, cờ xí giáo kích tua tủa, chuông trống rền vang, còn người tu thiên nhập định có khả năng dời chuyển núi non, tát biển lấy bùn, với tay nắm bắt cả mặt trời, mặt trăng, có năng lực thần thông như thế, nhưng không tự khoe khoang. Các vị này dù có công đức như thế vẫn không bằng Như Lai. Đức Phật xuất hiện ở thế gian đầy đủ tướng tốt, phát ra ánh sáng rực rỡ khắp nơi. Ánh sáng luôn soi chiếu, đêm ngày không dứt. Kẻ đui, điếc, câm, ngọng hay bị tra khảo đánh đập đau đớn mà thấy được ánh sáng này thì tự nhiên hết đau khổ. Cho nên nói: Trời chiếu ban ngày, trăng soi ban đêm, binh giáp quân lính, thiên chiếu người tu, khi Phật ra đời, chiếu mọi chỗ tối.



*Phạm chí không phải thế
 Có niệm lo, không lo
 Như như ý xoay chuyển*

Mọi người hết hồ nghi.

Phạm chí không phải thế: Tâm ý mê đắm pháp thù thắng nhiệm mầu, khi thấy chuyện vui không lấy làm mừng, thấy chuyện buồn không lấy làm lo, như như ý xoay chuyển, thường tự nhớ điều lành, mọi người tự dứt ác, được tu tập Thánh đế, phân biệt các kết sử.

Cho nên nói: Phạm chí không phải thế, có niệm lo, không lo, như như ý xoay chuyển, mọi người hết hồ nghi.



*Sinh ra các pháp sâu
Phạm chí tu nhập định
Tự cởi bỏ lưới nghi
Thân biết khổ đau ấy.*

Khi Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác mới thành Phật, trong thời gian bảy ngày Ngài thiền định chánh thọ suy tư thêm về mười hai nhân duyên, phân biệt rõ từng thứ một, biết sinh biết diệt. Khi ấy, Như Lai xuất định nói kệ:

*Sinh ra các pháp sâu
Phạm chí tu nhập định
Tự cởi bỏ lưới nghi
Thân biết khổ đau ấy.*

Do tu tập chứa nhóm công đức nên hôm nay Ta thành Đẳng chánh giác. Đây là sự thật không hề dối trá.

Phạm chí tu nhập định: Dứt bỏ các pháp ác, xé tan lưới nghi, đối với các pháp sâu xa thì được trí vô ngại. Bởi vậy, ý tưởng rất tự tại, hiểu rõ cội nguồn đau khổ. Biết sâu xa pháp nhân duyên, chỉ là pháp tập hợp, giả dối không thật. Tóm lại, phải quán sát pháp nhân duyên, lại phải quán pháp diệt tận. Tất cả các pháp đều là tập hợp, tất cả các pháp đều từ khổ đau, phải biết diệt tận, không tạo hữu lậu.



*Sinh ra các pháp sâu
Phạm chí tu nhập định
Chiếu sáng cả thế gian
Như mặt trời trên không.*

Chánh pháp có công năng thành tựu cho người, phi pháp không có công năng thành tựu cho người. Ngày đêm suy nghĩ luôn đề trong tâm. Thân, miệng, ý không bao giờ trái phạm, người nào đầy những pháp ấy thì có khả năng chiếu sáng khắp cả, ban bố pháp mình đã chứng được cho chúng sinh, giống như mặt trời sáng giữa hư không, chiếu soi khắp nơi, nếu ai thấy đều được sự sáng sủa. Cho nên nói: Sinh ra các pháp sâu, Phạm chí tu nhập định, chiếu sáng cả thế gian, như mặt trời trên không.



Sinh ra các pháp sâu

*Phạm chí tu nhập định
Đẩy lui hết ma quân
Như Phật là các nhơ.*

Sinh ra các pháp sâu: Như Lai đã thành Bạc Đẳng Chánh Giác, đầy đủ ba mươi bảy Đạo phẩm. Thân, miệng, ý nghiệp đều tương ưng với vô lậu, hàng phục ma oán, mọi việc đều đúng pháp. Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác đã thoát khỏi tất cả kết sử.



SỐ 213

PHÁP TẬP YẾU TỤNG KINH

*Biên soạn: Tôn giả Pháp Cúu. Hán dịch: Đồi Tống, Sa-
môn Thiên Tức Tai, người vùng Trung Ấn.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: Hữu Vi

*Người giác ngộ phiền não
Nên phát tâm hoan hỷ
Lắng nghe tôi kết tập
Kệ pháp của Phật dạy
Đây là Phật, Thế Tôn
Bậc Thầy Nhất thiết trí
Từ bi vì chúng sinh
Giảng rộng lời chân thật.
Tất cả hành vô thường
Đều là pháp sinh diệt
Đã sinh rồi phải diệt
Tịch diệt là an lạc.
Xếp đồ trong phòng tối
Nhờ đốt ngọn đuốc sáng
Không dùng đèn trí soi
Thì phiền não phủ mãi.
Thân hình của con người*

Sẽ tan rã khắp nơi
Xương trắng màu bồ câu
Xem có gì đáng vui!
Như người vào đầu đêm
Thần thức vào thai mẹ
Ngày thay đổi nhiều lần
Đi qua không trở lại.
Sáng sớm thấy việc tốt
Tối đến đã không còn
Đêm qua vừa trông thấy
Đêm nay đã mất rồi.
Giàu sang rất phồn thịnh
Vô thường không hẹn giờ
Khi thần chết đến bắt
Không lựa người sang hèn,
Có kẻ chết trong thai
Hoặc vừa sinh đã chết
Tráng niên không thoát chết
Già cả cũng vậy thôi.
Tuổi già và thiếu niên
Cùng với hạng trung niên
Đều bị thần chết viếng
Tại sao không sợ hãi?
Mạng như trái đã chín
Sợ biết rụng lúc nào
Đã sinh phải có tử
Ai thoát khỏi luật này.
Ví như người thợ gốm

Nặn đất làm chén lu
Vật ấy rồi phải vỡ
Mạng người cũng như vậy.
Như người chơi đàn giỏi
Vang nhiều tiếng du dương
Dây đứt tiếng không còn
Mạng người cũng như vậy.
Như tù nhân bị nhốt
Trói dẫn đến pháp trường
Mỗi bước hướng về chết
Mạng sống cũng như vậy.
Như sông cuộn cuộn chảy
Trôi đi không quay lui
Đời người cũng như vậy
Qua rồi không trở lại.
Hoạn nạn hợp thành thân
Đời sống nhiều khổ não
Mạng người cũng như vậy
Bị già chết quản thúc
Công đức đã tạo thành
Đời đời được an lạc.
Như lấy gậy rẽ nước
Nước hợp trở lại ngay
Như người cầm gậy đi
Chăn bò cho ăn uống
Mạng người cũng như vậy
Nuôi sống về cõi chết.
Người nào muốn lập đức

Chớ buông trôi ngày đêm
Đã được làm thân người
Nhất tâm nhớ cái chết.
Mất ngủ nên đêm dài
Mỏi mệt thấy đường dài
Ngu mê sinh tử dài
Vì ít nghe diệu pháp.
Có con và có tiền
Tham tiếc khi bị mất
Kẻ ngu không tự xét
Con, tiền nào có đâu!
Trăm ngàn không thể đếm
Nam nữ sang và giàu
Tích tụ nhiều tài sản
Rồi cũng bị tiêu diệt.
Phú quý ngoài thánh tài
Vô thường luôn chi phối
Như người bị mù mắt
Không thể tự quan sát
Tụ tập rồi tan rã
Cao tốt phải rơi xuống
Có sống rồi phải chết
Hữu tình đều như vậy
Làm ác đọa địa ngục
Tu thiện thì sinh Thiên
Người nào thường tu thiện
Lậu tận chứng Niết-bàn.
Chư Phật và Bồ-tát

Duyên giác cùng Thanh văn
Còn bỏ thân hữu vi
Huống chi loài hữu tình.
Không lên trời xuống biển
Hay trốn vào hang núi
Không có ở nơi nào
Thoát được, không bị chết.
Tất cả pháp hữu vi
Ngay trong đời hiện tại
Quá khứ và tương lai
Đều đi về diệt tận.
Bậc Trí thoát trói buộc
Thường chánh niệm quán sát
Tư duy đạo Vô lậu
Gọi là bậc Chân trí.
Như tù nhân bị trói
Không theo ý muốn được
Như xe cũ bị hư
Không lâu thấy tan rã
Già cả sắc suy tàn
Yêu nhà như bị trói
Bỗng nhiên thân chết bất
Kẻ ngu nào biết gì.
Tuy sống đến trăm năm
Cái chết vẫn đi theo
Bị già bệnh áp bức
Hoạn nạn đến cuối đời
Tuổi già, khổ trói thân

Ngày đêm nhiều phiền não
Đau đớn đến ngàn lần
Như cá rơi vào lửa.
Sông rạch không ngừng chảy
Trôi nhanh không quay lại
Tiếc giữ thân rỉ mủ
Thương yêu nào giữ được.
Bốn đại hợp thành thân
Vô thường nào giữ mãi
Khi địa chủng tan rã
Thần thức cũng vô dụng.
Thân này nhiều chướng não
Rỉ mủ luôn đau bệnh
Người ngu mê tham đắm
Không mong cầu Niết-bàn.
Tuy nói đang năm này
Mùa đông, hạ vẫn trôi
Phàm phu tham thế lạc
Trong đó không kinh sợ.
Cha mẹ và anh em
Vợ con cùng quyến thuộc
Vô thường đến lôi đi
Không ai cứu giúp được.
Thế nên các hữu tình
Sống trong tham vinh lạc
Vô thường già bệnh đến
Bất giác sinh khổ não.
Cạo tóc làm Bí-sô

*Cần phải tu chỉ quán
Ma vương không hại được
Vượt đời đến bờ kia.*



Phẩm 2: Ái Dục

*Dục, ta biết gốc người
Ý do tư tưởng sinh
Ta không tư duy người
Thì dục không hiện hữu.
Do dục sinh phiền não
Do dục sinh sợ hãi
Ly dục được giải thoát
Không sợ, không phiền não.
Do ái sinh phiền não
Từ ái sinh sợ hãi
Ly ái được giải thoát
Không sợ, không phiền não.
Trái trước ngọt sau đắng
Ái dục cũng như vậy
Sau chịu khổ địa ngục
Thiên đốt vô số kiếp.
Ngu mê tham ái dục
Luyến ái với vợ con
Bị ái nhiễm trói buộc
Chắc chắn khó thoát ly.
Hiền thánh chỉ ái dục
Trang bị thêm trói buộc*

Xa lìa hẳn vợ con
Chắc chắn được lợi ích.
Tham dục khó giải thoát
Ly dục, chân xuất gia
Không tham, hưởng khoái lạc
Bậc Trí không tham muốn.
Người thế gian tham dục
Chỉ suy nghĩ điều quấy
Ai điều phục được mình
Gọi là chân ly dục.
Người nào luôn tham dục
Bị trói khó giải thoát
Dùng tuệ phân biệt rõ
Đoạn phiền não không sinh.
Thường sống trong chánh niệm
Tịch tịnh, dễ trừ dục
Tự chế dùng pháp, giới
Không phạm, thiện tăng trưởng.
Kẻ thường sống tham dục
Ngu làm thêm tật xấu
Niệm định không phóng dật
Từng bước chứng vô lậu.
Giây phút tu chỉ quán
Thoát ly nhiều tội cấu
Ngã mạn tự tiêu trừ
Giải thoát được an lạc.
Người nào không đoạn dục
Như da rơi vào lửa

Giây phút bị cháy tiêu
Chịu tội vô số kẻ.
Bí-sô cần thận dục
Phóng dật nhiều lo buồn
Ai thoát ly ái dục
Chánh niệm hưởng an lạc.
Không chán sao biết đủ
Không biết đủ, sao vui?
Không vui, tất lo buồn
Có ái, làm sao vui!
Tịch tịnh, đủ trí tuệ
Đạo vô lậu lớn mạnh
Tham ái không biết chán
Tai nạn trong phi pháp
Thấy sắc tâm mê loạn
Không tự quán vô thường
Ngu cho là mỹ thiện
Chẳng biết sắc không thật.
Ngu lấy tham tự trối
Không cầu sang bờ kia
Tham tài vì ái dục
Hại người, hại cả mình.
Các diệu dục ở đời
Dục ấy vui rất ít
So với vui cõi trời
Ca-ly-lê-ba-nô
Các núi đều bằng vàng
Cũng như núi Thiết vi

*Đây vẫn không biết chán.
 Chánh giác biết tận cùng
 Quả báo khổ trong đời
 Đều do nhân tham dục
 Người trí khéo điều phục
 Cần phải học như vậy.*



Phẩm 3: Tham

*Quá tham biểu hiện rõ
 Chúng sinh nghi, lo nghĩ
 Ai tăng thêm ý tham
 Tự trói buộc thêm chặt.
 Khéo quán sát lý tham
 Tiêu trừ nghi, lo nghĩ
 Vứt bỏ tham ái kia
 Trói chắc mấy cũng đứt.
 Dùng lưới dục tự vây
 Đem lọng ái tự che
 Ý ngu tự trói mình
 Như cá mắc lưới câu
 Chết theo mãi mạng sống
 Như bê theo bò mẹ
 Người tham đắm phóng dật
 Như vượn gặp trái cây.
 Ý tham rất vững chắc
 Thích thú, lại thích thú
 Chìm đắm trong tham ái*

Tư tưởng thêm vương vít.
Tham dục sâu không đáy
Làm tăng thêm già chết
Tham dục nhiều hư dối
Tham dục thêm bòn xén
Ai dùng tuệ phân biệt
Chánh quán được an lạc.
Vì tham bị sinh tử
Bôn ba ư chạy tới
Quần sinh không mất tuệ
Không thể tự quan sát.
Ngu mê tham chấp trước
Trầm luân nào biết gì
Ai tu hạnh Du-già
Ma vương không tìm được.
Tham lam khó tiêu diệt
Như bò con yêu mẹ
Bỏ tham hết luân hồi
Ly tham đắc giải thoát.
Do tham tăng tranh cãi
Vì ái bị chê nhiều
Bí-sô tu chỉ quán
Chứng đắc quả tịch tịnh.
Ý tham như ruộng tốt
Thuận mưa gió, lớn nhanh
Ai xa lìa tham ái
Phiền não không quấy phá.
Nếu có ít tham dục

Như giọt nước trên sen
Người dễ trừ phiền não
Được gọi là bậc Trí.
Chặt cây không bứng gốc
Chặt rồi vẫn mọc lại
Diệt tham không tận gốc
Diệt rồi sinh lại ngay,
Diệt tham như làm ruộng
Cày bừa bỏ cỏ rác
Thương mạ, không nhổ cỏ
Hạt lúa sẽ không chắc.
Tâm tham và tâm ái
Xét rõ từ một gốc
Làm ác phải chịu khổ
Sao không sinh hối hận?
Tánh tham hạt giống đầu
Tánh ái thọ bào thai
Hữu tình luyện ái mãi
Khó thoát được luân hồi.
Chư Thiên và loài người
Vì ái nên ở đây
Các kết sử theo ái
Không ngừng giây phút nào.
Qua rồi sinh buồn lo
Đọa địa ngục mới biết
Theo dòng ái không ngừng
Lưới dục che vết thương
Thêm đói khát vương vữu

*Luôn luôn tăng khổ thọ.
 Ví như tự làm tên
 Lại làm mình bị thương
 Tên bên trong cũng vậy
 Tên ái hại hữu tình.
 Ai hiểu biết như vậy
 Ái khổ duyên sinh hữu
 Không dục, không hữu tưởng
 Bí-sô thật giải thoát.*



Phẩm 4: Phóng Dật

*Giới là đường cam lộ
 Phóng dật là đường chết
 Không tham thì bất tử
 Mất đạo là tự sát.
 Bạc Trí giữ đạo thẳng
 Không bao giờ mê loạn
 Không tham được hỷ lạc
 Từ đó đắc Thánh đạo.
 Hằng tư, tu thiện pháp
 Thường tự giữ kiên cố
 Bạc Trí cầu tịch tịnh
 Được kiết tường tối thượng.
 Mê say như tự nhốt
 Bỏ được là bậc Hiền
 Đã lên lầu trí tuệ
 Thoát ách nạn được an.*

Người trí xem kẻ ngu
Ví như núi với đất
Nên bỏ tâm kiêu mạn
Người trí học tuệ sáng.
Hành động không phóng dật
Khắc kỷ điều phục tâm
Khéo làm ngọn đèn trí
Tự phá tan tối tăm
Thường sống trong chánh niệm
Ý tịnh dễ diệt trừ.
Tự chế sống đúng pháp
Không làm mất tiếng tốt
Chuyên tâm không phóng dật
Học tập giới Mâu-ni.
Không gân pháp hữu lậu
Không thân cận phóng dật
Không trông gốc tà kiến
Không tăng ác trong đời.
Chánh kiến đạo tăng thượng
Quan sát bằng tuệ trí
Trải qua trăm ngàn đời
Không bị đọa địa ngục.
Người tu tránh phóng dật
Kẻ ngu, hành động xấu
Chỉ quán không tán loạn
Như tài chủ giữ kho.
Đừng tham ưa tranh cãi
Cũng chớ đắm dục lạc

Tư duy không phóng dật
Chắc chắn được an lạc.
Không làm theo phóng dật
Chế ngự lâu đến cùng
Phóng dật bị ma bắt
Như sư tử bắt nai.
Phóng dật có bốn việc
Ưa phạm vào vợ người
Một ngục, hai ít phước
Ba bị chê, bốn ngu.
Vô phước đọa nơi ác
Sợ lại sợ ít vui
Phép vua xử tội nặng
Chết rồi đọa địa ngục.
Không tạo ra gốc tình
Không làm theo tình cảm
Không nghĩ đến đường tà
Việc kẻ ngu mong cầu.
Bậc Trí như đèn sáng
Kẻ tối theo ngọn đuốc
Hướng dẫn người thế gian
Như mắt dắt người mù.
Ai hành động bất thiện
Như người không có mắt
Đi đường rất khó khăn
Đường hiểm lòng sợ hãi.
Ai tăng trưởng thiện pháp
Ma vương không hại được

Lậu tận chứng tịch diệt
Được quả vị chân thật.
Ai tăng trưởng pháp ác
Bị ma vương sai khiến
Mất đạo tịch diệt rồi
Chịu khổ vô cùng tận.
Gọi là người trì pháp
Nào phải học tụng nhiều
Ai chỉ nghe một ít
Hành đủ là trì pháp.
Tuy học tụng nhiều nghĩa
Phóng dật, không làm đúng
Như kẻ đếm bò người
Khó hưởng Sa-môn quả.
Ai nghe ác, nhẫn chịu
Nói và làm đáng khen
Tiêu trừ tham, sân, si
Họ được Sa-môn tánh.
Tán thán không phóng dật
Chê bai kẻ phóng dật
Được quả báo trời người
Nơi tối thượng thù thắng.
Người nào không phóng dật
Được bậc Trí ngại khen
Phát triển hành động thiện
Thường sinh các pháp thiện.
Ai sống theo phóng dật
Hiện đời không ích gì

Sao an nhiên như vậy
Lại cho là có trí.
Bí-sô phải cẩn thận
Phóng dật nhiều nạn lo
Như voi bị sa lầy
Khổ quá sâu khó cứu.
Bí-sô phải cẩn thận
Phóng dật nhiều nạn lo
Quét sạch các tội trần
Như gió thổi lá rụng.
Bí-sô phải cẩn thận
Phóng dật nhiều nạn lo
Trói sâu trong kết sử
Như lửa đốt củi khô.
Bí-sô phải cẩn thận
Phóng dật nhiều nạn lo
Từng bước theo thứ lớp
Diệt tận các kết sử.
Bí-sô phải cẩn thận
Phóng dật nhiều nạn lo
Giải rõ nghĩa từng câu
Tịch tịnh an ninh mãi.
Bí-sô phải cẩn thận
Phóng dật nhiều nạn lo
Ai tiêu trừ phiền não
Được pháp lạc Niết-bàn.
Không phát sinh phóng dật
Cần phải tu thiện pháp

Đời này đến đời sau
Được sống với pháp lạc.
Không phát sinh phóng dật
Phiền não tự nhiên tiêu
Học tập vững thiện pháp
Quyết định chứng Niết-bàn.
Hành động luôn phóng dật
Không lúc nào chịu ngừng
Khi chết đọa địa ngục
Đau khổ cũng chẳng ngưng.
Không nghĩ đến phóng dật
Không hành động phóng dật
Ngủ cũng không phóng dật
Đây là giới ngăn che.
Cách ly, không tương ưng
Khiến không quên chánh niệm
Thường điều phục tà niệm
Trần cấu tất tiêu trừ.
Bí-sô phải cẩn thận
Trì giới chớ phá hoại
Khéo hộ trì tự tâm
Đời này và đời sau.
Bí-sô chớ phóng dật
Bỏ nhà theo lời Phật
Giữ sạch quân vô thường
Như voi vượt khỏi ao.
Y pháp Tỳ-ni này
Không nghĩ làm phóng dật

*Phá nát vòng sinh tử
Vĩnh viễn hết khổ não.*



Phẩm 5: Ái Lạc

*Luyến ái sinh buồn lo
Luyến ái sinh sợ hãi
Ai không còn luyến ái
Nào có sợ, buồn lo.
Luyến ái sinh ưu sầu
Luyến ái sinh sợ hãi
Ai viễn ly luyến ái
Dứt sạch hết cuồng loạn.
Người sống trong ưu sầu
Cuộc đời khổ vô cùng
Vì nhớ nghĩ ân ái
Không nhớ thì không buồn.
Thế nên không nên nhớ
Nhớ chính là khổ lụy
Không nên bị ràng buộc
Vào nhớ hay không nhớ.
Nhớ thương tìm phương pháp
Nhưng không đúng không làm
Lập tuệ làm việc lớn
Tự chứng Đệ nhất tôn.
Chớ thân cận người yêu
Không gần gũi kẻ ghét
Yêu không gặp thì khổ*

Gần ghét tất ưu sầu
Yêu, ghét sinh sâu khổ
Tiêu diệt thiện căn người.
Luyến ái đến đời sau
Bạc bẽ nhiều thân quyến
Sống trong ưu sầu hận
Thương phải là thật khổ.
Nhớ sắc đẹp màu vàng
Sống riêng trên cõi trời
Vui tận cùng, hại đến
Bị Diêm vương bắt đi.
Người nào suốt ngày đêm
Diệt ý luyến ái sắc
Tự đào bứng gốc ái
Không còn đi đường chết.
Hình sắc đẹp hay xấu
Sắc đáng yêu hay không
Nếu tham đắm vào sắc
Đều bị phóng dật sai.
Người tự nhớ ái dục
Không gặp phải việc ác
Điều này khó xảy ra
Yêu thích là gốc ác.
Ai nhớ nghĩ đến dục
Cần phải khéo hộ trì
Như phòng hộ biên cương
Xây tường hào chắc chắn.
Như giữ thành biên cương

Trong ngoài đều chắc chắn
Phải tự phòng hộ mình
Sau đó không hối hận
Khi lỗi sinh ưu phiền
Không lâu đọa địa ngục.
Tâm tìm khắp các hướng
Cùng với cả trung ương
Chẳng có chúng sinh nào
Yêu kẻ khác hơn mình
Dem mình so mạng khác
Thế nên chớ hại người.
Mọi người đều sợ chết
Ai cũng sợ dao gậy
Ví dụ tha thứ mình
Chớ giết chớ đánh đập.
Ví như người đi xa
An toàn trở về nhà
Thân quyến cũng vui mừng
Chào đón nhau tốt đẹp.
Người ra phước làm thiện
Đến đâu cũng thành đạt
Tự hưởng nhiều quả phước
Như thân quyến đến mừng
Học tập theo giáo pháp
Cấm chế tâm bất thiện.
Gần đạo ai cũng mến
Xa đạo chẳng ai thân
Gần đạo và xa đạo

Chỗ đi đến khác nhau
 Gần đạo thì sinh Thiên
 Xa đạo đọa địa ngục.
 Ưa pháp, thành tựu giới
 Thành tín, vui tu tập
 Thường tự răn bảo mình
 Được mọi người yêu kính.
 Được mọi người kính trọng
 Đều do chính mình làm
 Đời này được tiếng khen
 Đời sau sinh cõi trời.
 Dạy giáo pháp khiến làm
 Ngăn cấm việc phi pháp
 Được người thiện kính yêu
 Kẻ ác sẽ xa lánh.
 Người thiện và bất thiện
 Hai hạng này không ngoài
 Thiện thì sinh cõi trời
 Bất thiện đọa địa ngục.



Phẩm 6: Trì Giới

Người trí luôn giữ giới
 Được ba loại phước báo
 Được tiếng khen và lợi
 Đời sau sinh cõi trời.
 Nên gần bậc Trì giới
 Hộ giới, trí sáng ra

Được thành tựu chánh kiến
 Đời này được an tịnh.
 Trì giới được khoái lạc
 Làm thân không phiền não
 Đêm ngủ được nhẹ nhàng
 Thức dậy luôn hoan hỷ.
 Giới đến già, chết yên
 Thiện giới hộ an lành
 Tuệ là báu của người
 Phước đức thoát giặc nạn.
 Pháp gì thiện trọn đời?
 Pháp gì làm an tĩnh?
 Pháp gì báu của người?
 Pháp gì trộm không lấy?
 Giới pháp an trọn đời
 Giới pháp làm an tĩnh
 Tuệ là báu của người
 Phước không bị mất trộm.
 Tu giới, hành bố thí
 Làm phước gieo ruộng tốt
 Nhờ đó đến bờ kia
 Thường đến chỗ an lạc.
 Bí-sô lập Giới đức
 Hộ trì các căn môn
 Ăn uống biết tiết độ
 Ngủ thức luôn tỉnh giác
 Ý thường sống giác ngộ
 Ngày đêm tinh cần học

Lậu tận, tâm minh giải
Đạt đến đạo Niết-bàn.
Bậc Trí giữ cấm giới
Chuyên tâm tu trí tuệ
Bí-sô không phiền não
Đắc quả cuối thoát khổ.
Dùng giới điều phục tâm
Thủ hộ chánh định ý
Trong tu học chỉ quán
Chánh niệm đạt chánh trí.
Trừ bỏ các tội lỗi
Hết mạn, chớ sinh nghi
Trọn đời cầu giới pháp
Chớ xa lìa Thánh niệm.
Giới, định, tuệ, giải thoát
Cần phải khéo quan sát
Đã thoát ly trần cấu
Phiền não hết, không sinh.
Sống thanh bạch giải thoát
Ngu si bị diệt tận
Siêu việt cảnh giới ma
Như mặt trời chiếu sáng.
Ngã mạn và si mê
Bí-sô phải tránh ngay
Ba học Giới, Định, Tuệ
Cầu đủ chớ tránh xa.
Đã không sống phóng dật
Chớ tưởng niệm các trần

Nhờ vậy bỏ ấm, cái
 Không sinh các chướng kia.
 Bí-sô trì cấm giới
 Thường thấy học như vậy
 Đi thẳng đường Niết-bàn
 Mau đắc đạo thanh tịnh.
 Hương Phù dung, Chiên-đàn
 Hương hoa không ngược gió
 Hương đức tỏa ngược gió
 Đức người tiếng thơm vang .
 Ô-bát-phước-ly-sử
 Da-la-nga, Chiên-đàn
 Các loại hương hoa ấy
 Không sánh bằng hương Giới,
 Người nào hằng trì giới
 Thanh tịnh không phóng dật
 Chánh trí đắc giải thoát
 Gọi là nơi an lạc.
 Đạo này thật tối thượng
 Trừ thiên định của ma
 Đạt đến đường Bát chánh
 Đức Hiền thánh khó lường.



Phẩm 7: Thiện Hành

Xem chừng thân làm ác
 Chân chánh giữ gìn thân
 Người thân không làm ác

*Thường tu tập thiện hạnh.
Xem chừng miệng nói ác
Chân chánh giữ gìn miệng
Người miệng không nói ác
Miệng thường nói lời thiện.
Xem chừng ý nghĩ ác
Chân chánh giữ gìn ý
Người ý không nghĩ ác
Ý thường nghĩ điều thiện.
Thân không được làm ác
Miệng không được nói ác
Ý không được nghĩ ác
Và những pháp xấu ác.
Thân tu tập việc thiện
Miệng cũng tu việc thiện
Ý tu tập việc thiện
Không còn dục và lậu.
Thân thường tu thiện hạnh
Miệng, ý cũng như vậy
Đời này và đời sau
Luôn được sống chỗ thiện.
Nhân từ không giết hại
Thường giữ thân làm thiện
Đắc địa vị vô tận
Đến đâu cũng an ổn.
Không giết là nhân từ
Cẩn thận, lời không dối
Đắc địa vị vô tận*

Đến đâu cũng an ổn.
Trước đây, thân làm ác
Nay phải tự hồi hận
Thân không phóng dật nữa
Trí sinh, tội tiêu diệt.
Trước đây, miệng nói ác
Nay phải tự hồi hận
Nếu không nói dối nữa
Trí sinh, tội tiêu diệt.
Trước đây, ý nghĩ ác
Nay phải tự hồi hận
Tâm ý thường thanh tịnh
Trí sinh, tội tiêu diệt.
Rất thận trọng hành động
Rất thận trọng lời nói
Ý nghĩ rất thận trọng
Cẩn thận các quan hệ
Nơi này là bất tử
Đến đâu cũng an vui.
Lành thay, giữ gìn thân
Lành thay, giữ lời nói
Lành thay, giữ gìn ý
Lành thay, giữ tất cả
Bí-sô hộ trì khắp
Diệt hết cảnh giới khổ.
Giữ miệng ý thanh tịnh
Thân không làm việc ác
Thanh tịnh ba nghiệp này

Là đạo của Phật dạy.



Phẩm 8: Ngũ Ngôn

*Nói dối đọa địa ngục
 Có làm nói không làm
 Hai tội đều phải chịu
 Do nghiệp tự dẫn đi.
 Người ôm lòng bạo ác
 Búa trong miệng đưa ra
 Thế nên tự chém thân
 Đều do nói lời ác.
 Người nói pháp tự vui
 Miệng nói vô lượng nghĩa
 Nếu giúp người có thai
 Ta không ngại chú nguyện.
 Nói xấu, nói xấu lại
 Cả hai đều là xấu
 Thích tranh cãi bằng miệng
 Không ai an ổn cả.
 Tranh vì chút lợi nhỏ
 Như mất cả tài bảo
 Do đó sinh tranh đấu
 Ý hướng đến đường ác
 Trăm ngàn Ni-la-phù
 Và ba mươi sáu ngục.
 Phỉ báng bậc Hiền thánh
 Miệng ý phát điều ác*

Vô đạo đạo đường ác
Tự tăng khổ địa ngục.
Lánh ngu, tu ý nhân
Niệm sự thật, không phạm
Ai dựa vào giàu có
Sống mượn danh Hiền thánh
Kẻ ngu đạo đường ác
Còn muốn làm tà kiến.
Đã mất dịp tốt này
Lại van vái nguyện cầu
Không sao thấy Thánh đế
Huống chi đạt cứu cánh.
Tre trúc khi sinh trái
Là tự hại thân mình
Nên nói ra lời thiện
Không diễn giáo pháp ác
Từ thiện được giải thoát
Làm ác không thoát được.
Hiểu rõ là bậc Hiền
Nên thoát khỏi đường ác
Bí-sô ý khiêm tốn
Phải giữ lời trung tín
Nói đúng nghĩa, đúng pháp
Ngôn ngữ thật dịu dàng
Khéo nói pháp Hiền thánh
Nói pháp như Hai pháp
Nói niệm như Ba niệm
Nói để như Bốn đế

Người nói lời như vậy
 Tất tâm ý an vui.
 Không khắc bạc chúng sinh
 Thế nên nói lời thiện
 Lời nói hợp với ý
 Cũng làm cho hoan hỷ
 Không nên gây ác ý
 Nói ra mọi người vui.
 Nói thành thật ngọt ngào
 Thuyết pháp không gì hơn
 Nói thật nghĩa như pháp
 Là lập nền móng đạo.
 Người nói đúng lời Phật
 Phước này được diệt độ
 Vì thoát được bờ khổ
 Nên nói là cao thượng.



Phẩm 9: Nghiệp

Phải viên ly một pháp
 Là người nói dối trá
 Không ác nào không làm
 Đời sau không thoát khổ.
 Thà nuốt viên sắt nóng
 Khát uống nước đồng sôi
 Không lấy thân vô giới
 Ăn vật của tín thí.
 Người phạm giới phóng dật

Như cục thịt giữa đời
Không tàm quý sợ tội
Sau thọ khổ địa ngục.
Người nào sợ quả khổ
Không thích hành động khổ
Chớ tạo các nghiệp ác
Nhớ vậy để sửa đổi.
Hằng say làm việc ác
Tự làm bảo người làm
Không thoát khỏi quả khổ
Muốn tránh nào có được.
Không lên trời xuống biển
Không vào giữa lòng núi
Những nơi này không thể
Thoát nạn ác đã gây.
Chúng sinh có khổ nào
Không thoát khỏi già chết
Chỉ có bậc Nhân trí
Tội không trói buộc được.
Nói dối cầu của cải
Từ đó làm bất chánh
Vu oan người lương thiện
Mưu hại bậc Thiện sĩ
Tội trói những hạng ấy
Chìm sâu trong hố hiểm.
Người nào biết hành động
Xử tốt với kẻ xấu
Làm vậy lợi cho mình

Không bao giờ thất bại.
Thân cử động thế nào
Chỉ có bóng đi theo
Đi đứng hay qua lại
Hình bóng không lìa thân
Không những bóng tùy thân
Thân cũng không rời bóng
Như hành động thiện ác
Luôn theo thân không mất.
Tham đắm ăn vị độc
Không theo lời Phật dạy
Bị hại vì chất độc
Sau mới tự giác ngộ.
Tâm ngu không khai ngộ
Làm ác, không theo Phật
Chịu đau khổ địa ngục
Mới chịu hiểu lời dạy.
Khinh thường việc làm ác
Đã làm, thân phải chịu
Khóc than nhận tội báo
Tội tùy theo hành động.
Ác, không nhận quả ngay
Như vắt lấy sữa bò
Tội âm thầm theo ta
Như tro che trên lửa.
Ác, không nhận quả ngay
Như lưỡi kiếm bén nhọn
Không nghĩ đến đời sau

*Sẽ chịu quả báo khổ.
 Ác bị ác trời buộc
 Làm ác không tự giác
 Gặp ác, biết ác đến
 Nhận ác do làm ác.
 Như sắt sinh rỉ sét
 Trở lại ăn thân sắt
 Tâm mình sinh ra ác
 Ác hại lại thân mình.*



Phẩm 10: Chánh Tín

*Tín, tà, giới, bố thí
 Thượng sĩ khen pháp này
 Đạo này, Minh trí dạy
 Được sinh lên Thiên giới.
 Ngươi không tu phạm hạnh
 Cũng không khen bố thí
 Chánh trực, tùy hỷ thí
 Người ấy đời sau vui.
 Tín làm người chân chánh
 Niệm pháp được sống an
 Chánh tín, được cao thượng
 Đức, sống lâu có trí.
 Gì làm người cao thượng
 Làm gì được hoan hỷ
 Việc gì quan trọng nhất
 Sống thọ, thọ nào hơn?*

Tín làm người chân chánh
Niệm pháp sống an ổn
Chân thật, tâm cao thượng
Đức, sống lâu có trí.
Có tín tài, có đạo
Tự chứng pháp diệt độ
Nghe hiểu sinh trí tuệ
Được thoát hết triền phược.
Chánh tín theo giới pháp
Hành trì bằng tâm tuệ
Vững mạnh vượt sân hận
Từ đó thoát vực sâu.
Tín làm giới thành tựu
Được sống lâu trí tuệ
Đến đâu cũng làm vậy
Luôn luôn được cúng dường.
Bố thí lẫn tranh đấu
Bậc Trí không làm vậy
Khi thí, không tranh đấu
Hãy thí, chớ nghi ngờ.
Cách này ngoài thế lợi
Tuệ tín là mẹ trí
Tài này, báu xuất thế
Còn gia sản không bền.
Muốn gặp bậc Chân chánh
Ưa thích nghe giáo pháp
Phải bỏ tâm xan cầu
Đây là Tín tối thượng.

Tín làm vượt sông hữu
Phước này không bị mất
Ngăn chặn được kẻ trộm
Vui Sa-môn an tịnh.
Được Sa-môn đi đến
Người trí thấy vui mừng
Và người chánh tín khác
Nghe thì sinh hoan hỷ.
Ai có lòng áo nã
Tham ăn mặc của người
Ngày đêm họ say mê
Không sao chứng chánh định.
Ai trừ diệt lòng tham
Như chặt cây thốt nốt
Người ấy ngày hay đêm
Đều đắc được chánh định.
Bất tín, chẳng tu hành
Tìm lỗi trong lời nói
Như lấy nước suối trong
Lại quây bùn trong suối.
Bậc Trí tín mới làm
Vui nhận dòng thanh tịnh.
Như khéo lấy nước suối
Chọn trong, không gây đục.
Tín trí không hại người
Gần Trí và Hiền nhân
Tránh xa kẻ không tốt
Thân học người tốt đẹp.

Ưa tín và không ưa
 Yên lặng tự suy nghĩ
 Lánh xa kẻ bất tín
 Tín làm theo nhân đức.
 Vô thường và dục tham
 Phóng dật cùng ái lạc
 Giới, thiện hạnh, ngữ ngôn
 Tín, nghiệp là mười phẩm.



Phẩm 11: Sa-Môn

Đoạn lậu, hàng phục tặc
 Ly dục gọi phạm hạnh
 Không phạm giới Mâu-ni
 Nguyên nào cũng mỹ mãn.
 Ai tu hành lơ là
 Làm thiện lẫn bất thiện
 Phạm hạnh không thanh tịnh
 Không thể đắc quả lớn.
 Ai hành động trì hoãn
 Ý lười, hãy trừ đi
 Tu tập hạnh thanh tịnh
 Chứng đến quả Vô dư.
 Như người cầm kiếm bén
 Không chặt, tắt đứt tay
 Sa-môn không tự chế
 Phải rơi địa ngục ngay.
 Lại như cầm kiếm bén

Giữ chặt, không đứt tay
 Sa-môn giữ cấm giới
 Đã đến gần Niết-bàn.
 Chẳng hiểu thì khó đoạn
 Sa-môn ít trí tuệ
 Các tướng quấy nhiễu hoài
 Kẻ ngu bị khổ não.
 Sa-môn, chẳng nét hạnh
 Phóng ý, không tự chế
 Dính mắc theo từng bước
 Chỉ chạy theo vọng tưởng,
 Học khó, trừ tội khó
 Sống tại gia cũng khó
 Lợi hòa đồng quân khó
 Không gian nan nào bằng.
 Thân mặc áo ca-sa
 Không từ bỏ việc ác
 Thường nghĩ, thường làm ác
 Kẻ này đọa đường ác.
 Vì sợ hãi, sợ tội
 Giả danh làm Sa-môn
 Thân mặc Tăng-già-chi
 Như lột vỏ Sa-la.
 Gọi là bậc Trưởng lão
 Không phải vì tuổi già.
 Thân suy, râu tóc bạc
 Nhưng ngu không biết tội.
 Người biết rõ tội phước

Thân tịnh, tu phạm hạnh
Đức sáng xa thuần khiết
Đây gọi là Trưởng lão.
Gọi là bậc Sa-môn
Chẳng vì cạo râu tóc
Nói dối, nhiều tham ái
Có dục như phàm phu.
Đời gọi người Sa-môn
Người cũng xưng Sa-môn
Bộ dạng giống Sa-môn
Ví như cò rình cá
Như ly, thật không ly
Ca-sa trừ không trừ
Trì bát thật không trì
Phi tục, phi Sa-môn.
Gọi là bậc Sa-môn
Tiêu diệt tội Đột-la
Giữ cả điều lỗi nhỏ
Mới là Chân phạm hạnh.
Gọi là bậc Sa-môn
Ngăn tâm, diệt vọng tưởng
Tiêu trừ hết uế cấu
Nên gọi người xuất gia.



PHÁP TẬP YẾU TỤNG KINH

QUYỂN 2

Phẩm 12: Chánh Đạo

*Chánh đạo Tứ thánh đế
Quán sát bằng trí tuệ
Phá hoại ái luân hồi
Như gió thổi bụi bay.
Người thấy được Thánh đế
Nên tịch tịnh quán sát
Diệt phiền não tà kiến
Như mưa sạch bụi trần.
Bát chánh, đạo Tối thượng
Tứ đế gom thiện pháp
Đạo này là vô vi
Đèn trí chiếu ngu tối.
Đạo là tám chân diệu
Thánh đế trên bốn câu
Pháp vô dục tối thượng
Mắt sáng quan sát rõ
Trí làm cho giải thoát
Hỷ lạc chứng vô vi
Người biết thọ chánh pháp*

Đoạn hẩn sinh già chết.
Tất cả hành vô thường
Quán đúng vậy bằng tuệ
Ai giác ngộ đau khổ
Đường này, đạo thanh tịnh.
Tất cả hành đều khổ
Thấy đúng vậy bằng tuệ
Ai giác ngộ đau khổ
Đường này, đạo thanh tịnh.
Tất cả hành đều không
Thấy đúng vậy bằng tuệ
Ai giác ngộ đau khổ
Đường này, đạo thanh tịnh.
Tất cả pháp vô ngã
Thấy đúng vậy bằng tuệ
Ai giác ngộ đau khổ
Đường này, đạo thanh tịnh.
Ta đã dạy Đạo đế
Tên ái đã bắn rồi
Phải nỗ lực tự thân
Thọ trì đúng lời Phật.
Ta đã dạy Đạo đế
Nhỏ tên ái cứng bén
Phải nỗ lực tự thân
Thọ trì đúng lời Phật.
Đạo này không pháp khác
Tịnh do thấy sự thật
Hướng đến diệt các khổ

Phá tan hết ma quân.
Đạo này không lệch nhau
Thấy đúng là chứng quả
Hương đèn diệt các khổ
Phá tan hết ma quân.
Đạo này không có lỗi
Một hương như thác chảy
Như Năng Nhân nhập định
Diễn đạo pháp giữa chúng.
Thấy rõ hết sinh tử
Chứng đạo vì cứu trợ
Đạo này qua, đi qua
Vượt dòng đến bờ kia
Đạo cứu cánh thanh tịnh
Cạn sạch nguồn sinh tử.
Biện tài không biên giới
Thấy rõ, tuyên thuyết đạo
Tiến đến uống cam lộ
Trước chưa nghe pháp luân
Chuyển vì thương chúng sinh
Kẻ lễ bái phụng sự
Dạy họ vượt ba cõi
Niệm thiện trong ba niệm
Ba niệm, xa niệm ác
Từ niệm mới hành động.
Diệt, chính là chánh đoạn
Niệm tam quán là chuyển
Đạt đến đạo Vô thượng

Được ba trù, ba nhóm
 Tu niệm đến vô lượng
 Trừ được cấu ba hữu.
 Giữ ý đưa đến định
 Sức trí tuệ thiên định
 Đã định, diệt ngoại loạn
 Pháp thế gian sinh diệt.
 Tất cả đều vô biên
 Giác đạo chứng giải thoát
 An lạc vô cùng tận.
 Chứa thiện được quả thiện
 Được tán thán danh dự
 Đạt tám phẩm Hiền thánh
 Quả chứng của đường tu.



Phẩm 13: Lợi Dưỡng

Trổ buồng, cây chuối chết
 Lau chết vì ra bông
 La mang thai nên chết
 Người tham lợi mạng vong.
 Như vậy, tham rất hại
 Do ngu si sinh ra
 Ngu vì tham hại đức
 Đầu rơi vãi trên đất.
 Tham lợi, tánh không thiện
 Bí-sô chó ham muốn
 Trú xứ nhiều luyến ái

Mong cầu người cúng dường.
Tại gia và xuất gia
Nhiều tộc họ ngu si
Tham lợi sinh tật đố
Ta phải hàng phục nó.
Ngu vì suy tưởng ngu
Ngày đêm dục mạn tăng
Khác thay được lợi dưỡng
Không đồng hướng giải thoát
Người nói việc tri túc
Bí-sô chân Phật tử
Không tham đắm danh dự
Hoan hỷ là người trí.
Không tham ái gì cả
Không nịnh bợ người khác
Không sống lệ thuộc người
Phải tự giữ pháp hành.
Tự lợi vẫn không tham
Huống chi danh kẻ khác
Trăm vị như dầu xe
Nuôi thân để hành đạo.
Bí-sô tham lợi dưỡng
Không đắc Tam-ma-địa
Tri túc thường tịch tịnh
Thành tựu được chỉ quán.
Bí-sô lánh danh lợi
Biết đủ chẳng tham cầu
Ba y, ăn tiết độ

Chánh mạng, sống an vui.
Bí-sô không bỏ lợi
Như sống cùng rắn độc
Ngủ hay thức đều sợ
Đều do tham tà mạng.
Bí-sô không bỏ lợi
Vui này rất hạ liệt
Phải quán sát các pháp
Thiếu trí khó giải thoát.
Cẩn thận thường y giới
Trí giả khen không tham
Tịnh hạnh chánh căn lực
Cần phải tự tư duy.
Đắc đầy đủ ba minh
Giải thoát chứng Vô lậu
Kẻ trí hẹp, biết cạn
Biết lấy đâu nhớ nghĩ.
Họ đối với ăn uống
Sống dựa vào người khác
Mà có pháp ác sinh
Do ganh tị lợi dưỡng.
Lợi mình kết nhiều oán
Uống mặc ba pháp y
Chỉ mong ăn uống ngon
Không phụng hành Phật dạy
Phải biết lỗi lầm này
Lợi dưỡng thật đáng sợ
Trí cạn không xét kỹ

*Bí-sô phải bỏ tham.
 Bí-sô dạy xuất gia
 Phải điều phục ba nghiệp
 Không sống bằng tà mạng
 Tâm khéo luôn tư duy.
 Bệnh nhỏ cũng khó chịu
 Lợi dưỡng rất khó bỏ
 Cứng dường, tâm không động
 Trời, Rồng đều kính lễ.*



Phẩm 14: Oán Gia

*Không oán lại gây oán
 Tạo nghiệp nói xấu người
 Ngu mê bị luân hồi
 Đời này đến đời sau.
 Trước tạo nghiệp hữu lậu
 Sau làm hại đến người
 Cả hai làm hại thân
 Như chim sa vào lưới.
 Phá người là tự phá
 Oán gia gặp oán gia
 Hủy người là tự hủy
 Giận người là tự giận.
 Hạnh Sa-môn thế nào
 Không biết gốc Chánh pháp
 Mạng sống bị ngăn ngại
 Bỏ oán lại kết oán.*

Chúng cùng nhau hủy báng
Đều nói lời giận dữ
Nhẫn, tâm vui bình đẳng
Nhẫn này không sánh được
Xương nát thì qua đời
Bò ngựa chết tiền mất
Nước bị chia thì loạn
Đoàn kết thì thành công.
Các người đừng gây ác
Pháp này hết oán thù
Người oán ta nhẫn thọ
Thật xứng danh bậc Trí.
Kẻ ngu mê ưa khoái
Ai biết vậy thì thắng
Hiện tại không ý oán
Tương lai không hận thù.
Dùng oán thù trả oán
Không sao được hạnh phúc
Nhẫn nhục oán tự tiêu
Đây là pháp Như Lai.
Nếu bị người mắng chửi
Để họ thắng, ta thua
An lạc theo ý ấy
Oán phải tự chấm dứt.
Người nào cùng bạn lành
Cùng đi trong thế gian
Không giữ chút oán nào
Phải nhớ đồng ý họ.

Nếu không có bạn lành
 Thà đi lại một mình
 Để du lịch khắp nơi
 Độc thiện không gây ác.
 Học không bạn bằng mình
 Lại không có thân hữu
 Thà hành thiện một mình
 Không làm bạn kẻ ngu.
 Thích giới học pháp hành
 Cần gì lắm bạn bè
 Như rồng thích vực sâu
 Voi ưa nơi đồng trống.



Phẩm 15: Ưc Niệm

Niệm thở vào thở ra
 Tư duy khắp sự thật
 Thường hành theo tuần tự
 Hiểu được lời Phật dạy.
 Đi đứng luôn tỉnh giác
 Nằm ngồi đều chánh niệm
 Người này chiếu sáng đời
 Như mây tan trăng hiện.
 Bí-sô phải ghi nhớ
 Hiện tại lợi, tương lai
 Đạt đến chỗ Tối thắng
 Thoát khỏi cảnh tử sinh.
 Ai thấy ngay thân này

Do sáu xúc hoạt động
Bí-sô thường nhất tâm
Nên tự biết Niết-bàn
Vì có các niệm này
Tự thân luôn đạt hạnh
Ai không làm như vậy
Không đạt được ý hành.
Người làm theo bản hạnh
Vượt qua buồn vì ái
Ý niệm luôn thức tỉnh
Nhất tâm định hoan hỷ.
Ý niệm luôn thức tỉnh
Giải thoát nhất tâm lạc
Tùy thời hành các pháp
Vượt qua cõi sinh tử.
Bí-sô tâm thức tỉnh
Cùng ý niệm tương ưng
Đoạn sinh tử phiền não
Chứng đắc quả Viên tịch.
Thường lắng nghe diệu pháp
Tự thức tỉnh ý mình
Hiểu vậy là bậc Hiền
Không còn bị sợ hãi.
Ý luôn luôn tỉnh giác
Học tập cả ngày đêm
Giải thoát, pháp cam lộ
Quyết định đắc Vô lậu.
Người nào được thiện lợi

Nhờ quy y Đức Phật
 Thế nên ngày hay đêm
 Thường nhất tâm niệm Phật
 Người nào được thiện lợi
 Vì quy y chánh pháp
 Thế nên ngày hay đêm
 Thường nhất tâm niệm Pháp.
 Người nào được thiện lợi
 Nhờ quy y Tăng bảo
 Thế nên ngày hay đêm
 Thường nhất tâm niệm Tăng.
 Thanh văn của Cù-đàm
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Thường nhất tâm niệm Phật.
 Thanh văn của Cù-đàm
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Thường nhất tâm niệm Pháp.
 Thanh văn của Cù-đàm
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Thường nhất tâm niệm Tăng.
 Đề tử Đức Năng Nhân
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Thường nhất tâm niệm Giới.
 Đề tử Đức Năng Nhân

*Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Thường nhất tâm niệm Thí.
Đệ tử Đức Năng Nhân
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Thường nhất tâm niệm Thiên.
Đệ tử Đức Năng Nhân
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Thường nhất tâm niệm Thân.
Đệ tử Đức Năng Nhân
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Nhất tâm niệm Tĩnh lự.
Đệ tử Đức Năng Nhân
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Nhất tâm niệm Bất sát.
Đệ tử Đức Năng Nhân
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Nhất tâm niệm Không trộm.
Đệ tử Đức Năng Nhân
Luôn chánh niệm tỉnh giác
Nên cả ngày và đêm
Nhất tâm niệm Không.*

*Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Nhất tâm niệm Vô tướng.
 Đệ tử Đức Năng Nhân
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Nhất tâm niệm Vô nguyên.
 Đệ tử Đức Năng Nhân
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Nhất tâm niệm Xuất thế.
 Đệ tử Đức Năng Nhân
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Nhất tâm niệm Ý lạc.
 Đệ tử Đức Năng Nhân
 Luôn chánh niệm tỉnh giác
 Nên cả ngày và đêm
 Nhất tâm niệm Viên tịch.*



Phẩm 16: Thanh Tịnh

*Tự giác ngay đương niệm
 Khi làm chớ hư vọng
 Tu tập thật ổn định
 Khi kết quả chân thật.
 Làm người phải tìm cách
 Tự làm ra tài sản*

Người tự quán cũng vậy
Nguyện làm đạt kết quả.
Năm ngòì tìm phương pháp
Đi đứng luôn tinh tấn
Như thợ luyện vàng ròng
Trừ vô minh trần cấu.
Không bị tối che đậy
Thoát hẳn khổ già chết.
Không xấu hổ lại hổ
Xấu hổ lại không hổ
Không nên sợ lại sợ
Phải sợ lại không sợ.
Sống làm người tà kiến
Chết phải đọa địa ngục.
Người trước đây phóng dật
Sau bỏ không phạm nữa
Là ánh sáng chiếu đời
Như mây tan trăng hiện.
Người trước đây phóng dật
Sau bỏ không phạm nữa
Dùng thiện trừ phóng dật
Là ánh sáng chiếu đời.
Người nào làm tội ác
Tu thiện thì tội diệt
Thế gian do đạ̉m trước
Nên không nhớ nghĩa này.
Xuất gia khi trẻ tuổi
Cầu pháp Phật vì diệu

Là ánh sáng chiếu đời
Như mây tan trắng sáng.
Đời này không gây hại
Khi chết không lo buồn
Thấy đạo nên không sợ
Thoát khổ được an ổn.
Đời này không gây hại
Khi chết không lo buồn
Thấy đạo nên không sợ
Hơn hết trong quyền thuộc.
Diệt trừ nghiệp ô trược
Chỉ tu hạnh bạch tịnh
Vượt ái được thanh tịnh
Vứt bỏ hạnh uế ác.
Trì giới thường thanh tịnh
Bồ-sa-tha thanh tịnh
Ba nghiệp hằng thanh tịnh
Thanh tịnh gọi xuất gia.
Ý ái dục là ruộng
Dâm, nộ, si là giống
Bố thí người vượt đời
Được phước đức vô cùng.
Ví như ruộng xấu ác
Sân nhuế mọc chẳng chặt
Thế nên phải dọn uế
Đạt kết quả vô cùng.
Ví như ruộng xấu ác
Ngu mạn sinh chẳng chặt

Thế nên phải bỏ mạn
 Đạt kết quả vô cùng.
 Ví như ruộng xấu ác
 Keo kiệt mọc chẳng chít
 Nên phải bỏ keo kiệt
 Đạt kết quả vô cùng.
 Ví như ruộng xấu ác
 Ái lạc mọc chẳng chít
 Thế nên phải đoạn ái
 Đạt kết quả vô cùng.
 Sáu tâm vương là chủ
 Ái nhiễm là thân quyến
 Không nhiễm thì thoát ái
 Nhiễm trước là ngu si.
 Thành này xây bằng xương
 Trang trí bằng máu thịt
 Nếu mở rộng các cửa
 Giặc kết tất tung hoành.
 Có duyên thì tăng khổ
 Quán mười hai duyên ấy
 Diệt nó do trí đức
 Không phải nhờ ngu ngoài.



Phẩm 17: Thủy Dụ

Tịnh tâm thường ghi nhớ
 Không còn có tham ái
 Đã vượt vực ngu si

Như ngỗng ở ao khô.
 Tâm đã quyết vớt bỏ
 Bay lượn tận hư không
 Tu hành xuất thế gian
 Phá tan chúng ma quân.
 Trẻ không tu phạm hạnh
 Già không giữ tài sản
 Ngu si tham ngủ nghỉ
 Do ta không tu thiện.
 Trẻ không tu phạm hạnh
 Già không giữ tài sản
 Uyên ương giữ ao không
 Giữ vậy chẳng ích gì!
 Đừng khinh tội ác nhỏ
 Cho là không quả báo
 Giọt nước tuy rất nhỏ
 Chảy dần đầy lu to
 Nghiệp ác tăng từ từ
 Từng chút thành to lớn.
 Đừng khinh việc thiện nhỏ
 Cho là không phước báo
 Giọt nước tuy rất nhỏ
 Chảy dần đầy lu to
 Nghiệp thiện tăng từ từ
 Từng chút thành to lớn.
 Như người vượt qua sông
 Cột bè thật kiên cố
 Đã qua hay chưa qua

Thông suốt chính là qua.
Phật Thế Tôn đã qua
Phạm chí đang đi qua
Bí-sô vào ao sâu
Thanh văn cột chắc chắn
Cần suôi này làm gì
Nước luôn luôn có đầy
Nhỏ sạch nguồn gốc ái
Còn hướng đến dục gì!
Tài công điều khiển thuyền
Thợ làm cung uốn tên
Thợ mộc bào chuốt gỗ
Bậc Trí giỏi điều thân.
Như dòng suôi sâu sạch
Trong suốt đến tận đáy
Nghe pháp được thanh tịnh
Bậc Trí sinh hoan hỷ.
Như dòng suôi sâu sạch
Trong suốt đến tận đáy
Người trí nghe Diệu pháp
Hoan hỷ không cùng tận.
Tâm nhẫn như mặt đất
Bất động như hư không
Nghe pháp như kim cương
Hưởng vị thoát luân hồi.



Phẩm 18: Hoa

Ai tự chọn cảnh giới
 Bỏ địa ngục sinh Thiên
 Thuyết giảng pháp cú hay
 Như khéo nhặt hoa đẹp.
 Hữu học chọn cảnh giới
 Bỏ địa ngục sinh Thiên
 Giỏi thuyết giảng Pháp cú
 Như giỏi nhặt hoa đẹp.
 Dọn rừng chớ chặt cây
 Từ rừng sinh sợ hãi
 Dọn rừng hết không còn
 Bí-sô đặc viên tịch.
 Dọn rừng không sạch gốc
 Từ rừng sinh sợ hãi
 Còn chút nào chưa chặt
 Làm ý sinh triền phược.
 Dọn rừng chẳng sạch gốc
 Từ rừng sinh sợ hãi
 Tâm bị trói khó thoát
 Như bê luyến ái mẹ.
 Phải đoạn luyến ái như
 Nhổ gốc sen ao khô
 Thọ trì lời Phật dạy
 Hoan hỷ vui Viên tịch.
 Như hoa thật vừa ý
 Sắc đẹp nhưng không hương
 Lời nói thật hoa hòe

Không làm được, vô ích.
Như hoa thật vừa ý
Sắc đẹp hương thơm lừng
Lời nói thiện cũng vậy
Làm có kết quả tốt.
Ong lấy mật rồi bay
Không hoại hương sắc hoa
Vị Bí-sô cũng vậy
Khi vào ra xóm làng
Không chống họ tốt xấu
Chớ nhìn làm không làm
Hãy tự xét thân mình
Làm đúng hay không đúng.
Như ruộng nương nhờ bản
Ở gần bên đại lộ
Trong ấy hoa sen mọc
Thơm sạch rất vừa ý.
Có sinh phải có chết
Phàm phu thích một bên
Bậc Trí tuệ vượt ra
Thật Thanh văn Phật tử.
Tập hợp nhiều hoa đẹp
Kết thành vòng rực rỡ
Chúng sinh tạo căn lành
Đời sau sống thù thắng
Hoa mặt lý xinh đẹp
Mạt-câu-la thanh tịnh
Trừ sạch tham dục sân

Bí-sô thơm tịnh khiết.
 Như người hái hoa đẹp
 Ý đắm đuối không rời
 Vì say ngủ, lự trôi
 Bị tử thần bắt hết.
 Như người hái hoa đẹp
 Tâm đắm đuối không rời
 Ý muốn không biết chán
 Thường phải bị khốn cùng.
 Như người hái hoa đẹp
 Tâm đắm đuối không rời
 Chưa thu hoạch tài bảo
 Đã bị khốn cùng rồi.
 Thần chết không bắt gặp
 Tuệ sáng như tịnh hoa
 Bí-sô đến bờ kia
 Như rắn lột vỏ cũ.
 Ai trờ tham, sân, si
 Như bứng gốc hoa độc
 Bí-sô đến bờ kia
 Như rắn lột vỏ cũ.
 Nếu cắt đứt gốc tham
 Như hoa nổi trên nước
 Bí-sô đến bờ kia
 Như rắn lột vỏ cũ.
 Nếu cắt đứt gốc sân
 Như hoa nổi trên nước
 Bí-sô đến bờ kia

Như rắn lột vỏ cũ.
Nếu cắt đứt gốc si
Như hoa nổi trên nước
Bí-sô đến bờ kia
Như rắn lột vỏ cũ.
Như người kết vòng hoa
Ý tham đắm không chán
Bị độc hại suốt đời
Ba căn thường triền phược.
Quán thân như đồ đất
Pháp huyễn như bóng ngựa
Phá bầy hoa của ma
Thoát khỏi đường thân chết.
Thân này như bọt nổi
Biết là pháp huyễn hóa
Phá bầy hoa của ma
Thoát khỏi đường thân chết.
Chặt đứt gốc ngã mạn
Như hoa nổi trên nước
Bí-sô đến bờ kia
Như rắn thoát vỏ cũ.
Chặt đứt gốc keo kiệt
Như hoa nổi trên nước
Bí-sô đến bờ kia
Như rắn lột vỏ cũ.
Chặt đứt gốc tham ái
Như hoa nổi trên nước
Bí-sô đến bờ kia

Như rắn lột vỏ cũ.
 Ai không còn phiền não
 Được quả của nhân lành
 Bí-sô đến bờ kia
 Như rắn lột vỏ cũ.



Phẩm 19: Mã Dụ

Ngựa được huấn luyện thuần
 Hành động theo ý muốn
 Tín giới và tinh tấn
 Định pháp yếu đầy đủ
 Được nghĩa đúng của pháp
 Xử dụng lợi vô cùng
 Nhất tâm hành hòa nhẫn
 Thoát khỏi khổ luân hồi.
 Ý nhẫn hòa được định
 Đoạn trừ được khổ não
 Từ đó an trú định
 Như ngựa luyện thuần thực.
 Đoạn sân đặc vô lậu
 Như ngựa đã thuần thực
 Vượt xấu đến chỗ bằng
 Sau thọ sinh cõi trời.
 Tự chế giữa buông lung
 Tỉnh thức giữa say ngủ
 Tuấn mã so ngựa hèn
 Bạc hiền đức bỏ ác.

Ai sống có tâm quý
Trí tuệ tất thành tựu
Dễ khuyên bảo tiến bộ
Như roi với ngựa thuần.
Như ngựa đã thuần thực
Được nhà vua sử dụng
Người tự chế được nghe
Lời thành tín bậc Hiền.
Tuy thường được luyện tập
Như người mới cỡi ngựa
Cũng như rồng voi giỏi
Chẳng bằng tự luyện mình.
Người không biết cỡi ngựa
Không thể đi đến nơi
Chỉ người tự điều phục
Mới đến chỗ mong muốn.
Người không biết cỡi ngựa
Không thể đi đến nơi
Chỉ người tự điều phục
Mới diệt tất cả khổ.
Người không biết cỡi ngựa
Không thể đi đến nơi
Chỉ người tự điều phục
Được đến đường viên tịch.
Phải thường tự điều phục
Như kiềm chế ngựa lông
Người tự ngăn niệm được
Vượt qua cảnh giới khổ

Như ngựa xừng vua cỡi
 Địa vị ấy khó có
 Bí-sô khéo điều phục
 Giải thoát tất cả khổ.
 Chỉ người tự điều phục
 Ý giỏi như ngựa hay
 Cũng như rồng voi lớn
 Tự điều là tối thượng.
 Như vua cỡi ngựa trí
 Thật ít có trong nước
 Bí-sô khéo điều phục
 Đoạn sạch được triển phước.
 Chỉ người tự điều phục
 Tài giỏi này vô song
 Cũng như rồng voi giỏi
 Từng niệm đến bờ kia.
 Tự điều, làm thầy mình
 Tự quy cầu, tự độ
 Nên hết sức cẩn thận
 Như buôn mua ngựa trí.



Phẩm 20: Sân Hận

Trừ sân dứt ngã mạn
 Viễn ly các phiền não
 Không đắm nhiễm danh sắc
 Không có bạn oan gia.
 Trừ sân được ngủ yên

Hết hận không lo buồn
Sân là độc căn bản
Bí-sô làm cam lộ
Hiền thánh phải trừ sạch
Hết sân ngủ an lành.
Người nổi tâm sân nộ
Gây nhiều nghiệp bất thiện
Ai trừ hận theo sau
Lửa trí cháy mạnh lên.
Không tà lại không quý
Lại ưa sinh sân nộ
Người bị sân trôi buộc
Như nhà tối mất đèn.
Dùng sức mạnh sân hận
Sức ấy không phải sức
Sân là pháp tâm thường
Không biết khéo hưởng ứng.
Có sức gần quân mạnh
Không sức khiếp nhược lùi
Nhân được là thượng tướng
Phải nhân chớ yếu hèn.
Bị mọi người khinh thường
Chịu nhân là có sức
Nhân được rất cao thượng
Không được nhân vì yếu.
Ta đôi với người khác
Kinh sợ nên không ngăn
Biết họ quá sân hận

Phải diệt lỗi trong ta.
Cả hai làm một việc
Ta giúp họ cũng vậy
Như biết họ sân hận
Nên nhân lỗi của họ.
Cả hai làm hai việc
Ta nhân họ cũng vậy
Ngu cho ta hèn yếu
Quán pháp cũng như vậy.
Nếu ngu thắng bậc Trí
Chỉ bằng lời thô ác
Người muốn thường đắc thắng
Bình tĩnh trước lời nói.
Học tập theo bậc Trí
Không thân cận kẻ ngu
Nhân trước lời xấu ác
Nên nói nhân đứng đầu.
Khi giận không phát ngôn
Yên lặng giữa mọi người
Người bị giận bùng lên
Chẳng biết mình làm gì.
Nói đúng, không sân hận
Thấy xin, nghĩ việc cho
Ba phần có chỗ định
Tự nhiên ở Thiên cung.
Ngăn ý làm sao sân
Sáng suốt tự giữ gìn
Các trí định giải thoát

Biết rõ không còn sân.
 Ai hành động ác ý
 Nộ có quả báo nộ
 Bị nộ không đáp lại
 Là thắng, kẻ đầu thua.
 Nhẫn nhục thắng oán hờn
 Thiện thắng kẻ bất thiện
 Người thắng vì làm thiện
 Chân thành thắng dối trá.
 Không sân và không hại
 Thường nhớ hạnh chân thật
 Kẻ ngu tự sinh sân
 Oán thù thường tồn tại
 Ai ngăn chặn được sân
 Như ngăn xe chạy bậy
 Thế nên khéo huấn luyện
 Bỏ tôi vào ánh sáng.
 Sa-môn và Chánh đạo
 Lợi dưỡng, oán, ức niệm
 Thanh tịnh, thủy và hoa
 Mã, nhuế là mười phẩm.



Phẩm 21: Như Lai

Tự chứng Chánh giác đến Tối thượng
 Không nhiễm tất cả pháp thế gian
 Đủ Nhất thiết trí, sức vô úy
 Tự mình giác ngộ, không cần thầy.

Tự chứng Chánh giác đến Tối thượng
 Không nhiễm tất cả pháp thế gian
 Đủ Nhất thiết trí, sức vô úy
 Tự giác, không thầy làm bảo chứng.
 Thiện thế tự chứng không ai bằng
 Ứng hiện trong đời, dạy Chánh đạo
 Như Lai, tối tôn giữa trời người
 Trí tuệ, thần thông đều viên mãn.
 Ta là Phật, Thế Tôn
 Đoạn lậu, không dâm dục
 Chư Thiên và Người đời
 Tất cả tùy tâm Ta.
 Ta không thầy làm chứng
 Độc nhất không bạn bè
 Tích nhiều hạnh thành Phật
 Tự nhiên thông Thánh đạo.
 Ta thắng tất cả ác
 Thắng tất cả thế gian
 Trí tuệ rộng vô biên
 Dẫn đầu việc dạy bảo
 Nay đến Ba-la-nại
 Muốn đánh trống cam lộ
 Sẽ vận chuyển pháp luân
 Chưa có người nào chuyển.
 Bạc Trí không theo ngu
 Xem đời, tùy thuận dạy
 Giảng thuyết đạo Vô cầu
 An ổn không gì hơn.

*Sư tử rống dũng mãnh
Chánh pháp của Như Lai
Thuyết pháp và thuyết nghĩa
Người giác mãi an ninh.
Dũng mãnh hành thiên định
Xuất gia ngày đêm diệt
Chư Thiên thường ủng hộ
Được Phật khen, thọ ký.
Trời người đổi vị ấy
Tán dương Chánh Đẳng Giác
Tu tập tự giác nhanh
Thân tối hậu lìa thai
Thuyết chư Phật quá khứ
Và chư Phật tương lai
Hiện tại Chánh Đẳng Giác
Diệt trừ khổ chúng sinh.
Tất cả đều trọng pháp
Đã kính và đang kính
Và sẽ sinh cung kính
Với pháp yếu của Phật.
Ai muốn cầu pháp yếu
Đầu tiên là tự thân
Tin, kính trọng Chánh pháp
Nhớ giáo, giới của Phật
Những kẻ không tin Phật
Như những hạng mù tối
Sẽ rơi vào đường ác
Như thương nhân gặp quỷ.*

Lái thuyền vượt qua nước
 Tinh tấn làm cầu đồ
 Người lệ thuộc dòng họ
 Giải thoát là dũng mãnh.
 Như Lai không ai bằng
 Ai hết không còn gì
 Tâm vô lậu giải thoát
 Dạy tuệ cho trời người.
 Tư duy hai quán hạnh
 Khéo quán hai nhàn tịnh
 Trừ si, vượt Thần tiên
 Chứng đắc được tự tại.
 Như người trên đỉnh núi
 Nhìn khắp người xóm làng
 Quán sát pháp cũng vậy
 Như lên lầu xem cảnh.
 Người nào thường quan sát
 Phiền não không thể sinh
 Giáng mưa pháp cam lộ
 Thấm ướt không cùng tận.



Phẩm 22: Đa Văn

Đa văn phải hành trì
 Tu giỏi không phiền não
 Tu tập tiêu nghiệp chướng
 Sa-môn đắc Diệu quả.
 Ngu mê không hiểu biết

Ưa làm phép bất tử
Người hiểu biết rõ pháp
Thân bệnh như cây chuối.
Như căn phòng che kín
Tối tăm không thấy gì
Tuy có các sắc đẹp
Có mắt cũng không thấy.
Có một người nào đó
Học rộng trí biết nhiều
Không nghe thì không biết
Thiện pháp và ác pháp.
Ví như cầm đuốc sáng
Thấy rõ hết màu sắc
Nghe rồi biết thông suốt
Chỗ đến của thiện ác.
Tuy xưng là Đa văn
Giới cấm không đầy đủ
Có lỗi nơi Pháp luật
Nên sự học thiếu sót.
Hành giả tuy học ít
Giữ giới cấm đầy đủ
Được khen có Pháp luật
Nhưng sự học thiếu sót.
Tuy học có nhiều ít
Trì giới không hoàn toàn
Cả hai đều bị chê
Sở nguyện đều bị mất.
Đa văn giữ kiên cố

Hành luật làm tường rào
Tinh tấn khó chê bai
Từ đó tam học thành.
Đa văn thường hành pháp
Trí tuệ thường định ý
Như vàng ròng Diêm-phù
Ai nói lỗi vị ấy?
Trí rộng vì nghe nhiều
Giới luật giữ hoàn toàn
Cả hai đều được khen
Học đạt hết kết quả.
Đa văn như gương báu
Chiếu soi tất cả pháp
Tự soi và soi người
Cả hai đều hoan hỷ.
Đa văn như chuỗi ngọc
Trước trang sức tự thân
Mọi người sinh hoan hỷ
Yêu thích không cùng tận.
Có người khen mình đẹp
Kẻ ca ngợi đức mình
Đây đều do tham dục
Nên không hiểu biết gì.
Nghe vì biết Pháp luật
Giải nghi và thấy đúng
Nhờ nghe bỏ phi pháp
Đạt đến chỗ bất tử.
Người trong không biết gì

Ngoài cũng không thấy gì
 Trong không thấy chứng gì
 Nên sống theo tiếng nói.
 Bên trong đã biết rõ
 Ngoài không thấy được gì
 Hai quả đều đã thành
 Nên sống theo tiếng nói.
 Bên trong có hiểu biết
 Bên ngoài thấy rõ ràng
 Người có trí thấy rõ
 Sống không cần theo tiếng.
 Nghe nhiều bằng nhĩ thức
 Thấy nhiều bằng nhãn thức
 Thấy nghe không chắc chắn
 Ý nghĩa sự thành lý
 Trí vững nói xác quyết
 Nghe hiểu ý quyết định.
 Người tâm trí bất định
 Làm vội vã, phóng dật
 Hiền thánh vui nơi pháp
 Hành động đúng lời nói
 Dùng nhân tư duy không
 Nghe rồi, ý kiên cố.



Phẩm 23: Tự Kỷ

Thường tập nói lời thiện
 Ngồi nghĩ khi đứng dậy

An lạc ngồi một mình
Muốn cầu ngăn tâm ý.
Nằm ngồi đều một mình
Đi một mình không bạn
Phải tự hàng phục tâm
Tự vui sống núi rừng.
Một người chiến thắng được
Đến hàng ngàn quân địch
Không bằng thắng tâm mình
Là chiến thắng tối thượng.
Tự thắng là cao thượng
Như tâm chúng sinh kia
Tự thắng là Đại sĩ
Các hạnh được đầy đủ.
Chẳng trời Ngạn-đạt-phước
Chẳng phải Ma, Phạm thiên
Không tranh thắng tối thượng
Như Bí-sô trí tuệ.
Trước tự mình chân chánh
Sau mới dạy người chánh
Ai tự mình chân chánh
Mới là bậc Thượng sĩ.
Trước tự mình chân chánh
Sau mới dạy người chánh
Ai tự mình chân chánh
Không uổng gọi Chân trí.
Tự mình khắc chế mình
Theo đó giáo huấn người

*Ta không nghe giáo huấn
Làm sao giáo huấn người.
Tự chuyên tâm tu tập
Làm cho người tin hiểu
Ta khắc kỷ chuyên tâm
Sự tu học bậc Trí.
Vì ta hoặc vì người
Phần nhiều không thành tựu
Nên phải học thế này
Tự chánh mới dạy người.
Hành đạo giữ thân an
Khi ấy sao dạy người
Vì ta bị hàng phục
Người trí học nghĩa này.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Được pháp người Chân trí.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Được danh dự, lợi lạc.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Được trí làm bậc Trời.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác*

Người tự làm thầy mình
Sinh Thiên hưởng lạc lâu.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Tối thắng trong thân tộc.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
An lạc trong phiền não.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Trừ tất cả ràng buộc.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Phá tan các đường ác.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Thành bậc Thầy chân trí.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác
Người tự làm thầy mình
Giải thoát tất cả khổ.
Lấy tâm ta làm thầy
Không lệ thuộc thầy khác

*Người tự làm thầy mình
Mau chứng quả Viên tịch.*



PHÁP TẬP YẾU TỤNG KINH

QUYỂN 3

Phẩm 24: Quảng Thuyết

*Tuy nói trăm câu kệ
Cú nghĩa không chân chánh
Không bằng hiểu một câu
Nghe được liền giải thoát.
Tuy nói trăm câu kệ
Không sáng, có ích gì!
Không bằng hiểu một nghĩa
Nghe xong được an tịnh.
Tuy hiểu nhiều câu kệ
Không thực hành, vô ích
Không bằng hành một câu
Tu tập đến đắc đạo.
Ai sống đến trăm năm
Phá giới ý không định
Không bằng sống một ngày
Cúng dường bậc Trì giới.
Ai sống cả trăm năm
Biếng nhác không tinh tấn
Không bằng sống một ngày*

*Dũng mãnh hành tinh tấn.
Ai sống cả trăm năm
Không quán pháp sinh diệt
Không bằng sống một ngày
Hiếu rõ pháp sinh diệt.
Ai sống cả trăm năm
Không quán sự thành bại
Không bằng sống một ngày
Xem kỹ, biết chỗ tránh.
Ai sống cả trăm năm
Không thấy câu vô lậu
Không bằng sống một ngày
Được thấy đạo Vô lậu.
Ai sống cả trăm năm
Không thấy câu bất động
Không bằng sống một ngày
Được thấy đạo Bất động.
Ai sống cả trăm năm
Không thấy câu khó thấy
Không bằng sống một ngày
Được thấy đạo Vi diệu.
Ai sống cả trăm năm
Không thấy câu vô sinh
Không bằng sống một ngày
Được thấy đạo Vô sinh.
Ai sống cả trăm năm
Không thấy câu vô tác
Không bằng sống một ngày*

Được thấy đạo Vô tác.
 Ai sống cả trăm năm
 Không thấy câu tối thượng
 Không bằng sống một ngày
 Được thấy đạo Tối thượng.
 Ai sống cả trăm năm
 Không thấy câu tịch diệt
 Không bằng sống một ngày
 Được thấy đạo Tịch diệt.
 Ai sống cả trăm năm
 Không thấy câu cam lộ
 Không bằng sống một ngày
 Được nếm vị Cam lộ.
 Ai sống cả trăm năm
 Không thấy câu vô cầu
 Không bằng sống một ngày
 Được thấy đạo Thanh tịnh.
 Ai sống cả trăm năm
 Không thấy câu ly cầu
 Không bằng sống một ngày
 Ly cầu đắc giải thoát.
 Ai sống cả trăm năm
 Té thân lửa trong rừng
 Không bằng thời gian ngắn
 Chánh kiến được giải thoát.
 Tháng khác đến tháng này
 Kẻ ngu cho ăn uống
 Kẻ ấy không tin Phật

Mười sáu không được một.
Người nào cầu tế thần
Nhiều năm mong được phước
Kẻ ấy trong bốn phần
Chẳng được một phần phước.
Tháng khác đến tháng này
Kẻ ngu cho ăn uống
Nhưng tâm không Từ mẫn
Mười sáu không được một.
Tháng khác đến tháng này
Kẻ ngu cho ăn uống
Họ không biết pháp số
Mười sáu không được một.
Tháng khác đến tháng này
Thường làm hội bình đẳng
Kẻ ấy không tin Phật
Mười sáu không được một.
Tháng khác đến tháng này
Thường làm hội Bình đẳng
Kẻ ấy không tin Pháp
Mười sáu không được một.
Tháng khác đến tháng này
Thường làm hội Bình đẳng
Kẻ ấy không tin Tăng
Mười sáu không được một.
Hàng tháng tế ngàn lần
Luôn bố thí bình đẳng
Họ không tâm Từ mẫn

Mười sáu không được một.
Hàng tháng tế ngàn lần
Luôn bố thí bình đẳng
Không thương loài nhuyển động
Mười sáu không được một.
Hàng tháng tế ngàn lần
Luôn bố thí bình đẳng
Nếu không tâm Từ niệm
Mười sáu không được một.
Hàng tháng tế ngàn lần
Luôn bố thí bình đẳng
Còn mang tâm oán hận
Mười sáu không được một.
Hàng tháng tế ngàn lần
Luôn bố thí bình đẳng
Không thấy pháp trạch diệt
Mười sáu không được một.
Hàng tháng tế ngàn lần
Trọn đời không bỏ sót
Không bằng trong giây phút
Nhất tâm niệm Chân pháp.
Một niệm phước vô biên
Hơn là tế trọn đời.
Tuy sống đến trăm năm
Cúng tế đến Thần lửa
Không bằng trong giây phút
Cúng dường Phật, Pháp, Tăng.
Phước cúng trong một niệm

Hơn họ tế trọn đời.



Phẩm 25: Thiện Hữu

*Dối trá ưa đồ kỵ
So đo tranh đấu người
Ngu lầy vầy làm vui
Bậc Trí không hiềm khích.
Thành thật không đồ kỵ
Tinh tấn, Tín, Đa văn
Được người trí kính hầu
Hiền thánh cũng ưa thích.
Không thân thầy bạn xấu
Không học tập phi pháp
Thân cận thầy bạn thiện
Thường học tập Chánh pháp.
Đi đường nhớ ngăn ý
Chớ suy nghĩ lung tung
Lắng nghe lời dạy thiện
Bậc Trì giới đa văn.
Biết từng việc khác nhau
Gần ác tự đọa lạc
Làm thiện được danh dự
Người tốt luôn tự tốt.
Đây do thân chân chánh
Người thiện luôn làm thiện.
Nhờ thân cận với thiện
Nên trí tuệ tối thượng*

Trì giới đạt tịch diệt.
Như cá đã ươn thối
Kẻ tham tranh nhau lấy
Ý chẳng biết mùi hôi
Gân ác cũng như vậy.
Lá Đa-nga-ba-la
Hương thơm bay khắp nơi
Chúng sinh đến nhặt lấy
Làm thiện cũng như vậy.
Thân cận thầy bạn ác
Tội xấu ngày đêm tăng
Như heo thân nhơ nhớp
Tự nhớp gây nhớp người.
Tự mình không làm ác
Nhưng thân cận kẻ ác
Bị mọi người khinh chê
Danh ác ngày đêm tăng.
Xem mãi thì làm theo
Quen biết thì thân cận
Giữ tên độc trong người
Người sạch cũng bị dơ.
Bậc dũng trừ ô uế
Không làm bạn với ác
Người trí phải phân biệt
Nên biết rõ quả báo.
Không thân, cẩn thận học
Học phải gần người hiền
Bí-sô tu hành đạo

Nhân khô, hết các lậu.
Kẻ ngu dầu trọn đời
Thân cận người trí tuệ
Vẫn không biết Chánh pháp
Nnhư muông mủc thức ăn.
Người trí trong chốc lát
Thân cận bậc Thánh hiền
Biết rõ hết Chánh pháp
Như lưỡi nếm biết vị.
Bậc Trí chỉ một câu
Giảng ra vô lượng nghĩa
Kẻ ngu tụng ngàn lời
Không hiểu nghĩa một câu.
Hiểu đúng nghĩa một câu
Người trí tu học theo
Kẻ ngu thích xa vờ
Cho là đúng lời Phật.
Theo người trí dù oán
Không theo ngu dù bạn
Kẻ ngu dạy trái đạo
Đưa dân đến địa ngục.
Người ngu nói mình ngu
Nên biết còn có trí
Kẻ ngu tự xưng trí
Là ngu nhất trong ngu.
Ai khen ngợi kẻ ngu
Khinh chê mắng người trí
Chê trí còn có tiến

*Khen ngu, mãi thấp hèn.
 Chớ thấy nghe người ngu
 Chớ sống chung kẻ ngu
 Nạn sống với kẻ ngu
 Như ở với oán thù.
 Nên chọn nơi sống chung
 Như hội họp người thân
 Nên thân cận phụng sự
 Bạc Đa văn trì giới
 Cao thượng giữa mọi người
 Như trăng giữa muôn sao.*



Phẩm 26: Viên Tịch

*Như rùa giấu sáu chi
 Bí-sô giữ ý tưởng
 Không ý thế, hại người
 Không nói về chứng đắc.
 Nhân nhục Đệ nhất đạo
 Phật dạy quả Tội thượng
 Lòng phiền não hại người
 Không gọi là Sa-môn.
 Ngôn ngữ chớ thô bạo
 Lời nói phải thông suốt
 Ít học, họ luận nạn
 Tất bị họ khuất phục.
 Phiền não thường phát sinh
 Như lu vò bị nứt*

*Lưu chuyển mãi sinh tử
Chìm mãi không lúc thoát.
Phiền não không còn sinh
Như lu chắc nguyên lành
Như vậy đến viên tịch
Vĩnh viễn không trần cấu.
Không bệnh, ích lợi nhất
Biết đủ giàu có nhất
Thân tín bạn tốt nhất
Viên tịch, quả vui nhất.
Đói là bệnh nặng nhất
Hành là khổ đau nhất
Biết đúng thật như vậy
Niết-bàn an vui nhất.
Lời Phật dạy vi diệu
Truyền rộng không cùng tận
Đời dạy nhau tu tập
Thật chẳng khi nào chán.
Do vậy Vô Thượng Sĩ
Ngài dạy bảo thế này
Đau khổ hành hạ thân
Chẳng gì hơn đói, bệnh.
Theo thiện thì quá ít
Theo ác thì quá nhiều
Như thật tri việc này
Mau cầu đến Viên tịch.
Có duyên sinh cõi thiện
Có duyên sinh đường ác*

Có duyên nhập Niết-bàn
Như vậy đều có duyên.
Nai đi về đồng rộng
Chim bay về hư không
Lẽ phải nhờ phân biệt
Chân nhân hướng tịch diệt.
Không với tâm lười biếng
Khiếp nhược mà thành công
Việc cầu quả Niết-bàn
Thiên đốt các trời buộc.
Bí-sô mau tát nước
Nhờ tát thuyền nhẹ đi
Hãy đoạn tham dục tình
Sau đó đến Viên tịch.
Ta có, gốc từ không
Trước có, nay ta không
Chẳng không cũng chẳng có
Như nay, chẳng được gì.
Khó thấy nghĩa bất động
Khéo quán đến bất động
Sẽ thấy tận nguồn ái
Đây là tận cùng nghiệp.
Đoạn ái trừ dục vọng
Cạn dòng không còn chảy
Thấy rõ gốc ái này
Gọi là chấm dứt khổ.
Không thân kiến, diệt tướng
Hết khổ được mát mẻ

Đã chấm dứt các hành
Thức tưởng không sinh nữa
Như thật tri như vậy
Gọi là chấm dứt khổ.
Sống vọng động không tịnh
Không tịnh, không an vui.
Không động được khinh an
Tịnh mới đắc Viên tịch.
Chẳng phải do qua lại
Qua lại hết sinh diệt
Trừ lão tử phiền não
Đoạn khổ được Niết-bàn.
Ta không còn qua lại
Không đến cũng không đi
Không mất cũng không sinh
Nơi này là Viên tịch.
Trí biết tận gốc ngọn
Hữu vi biết hữu vi
Triền phược của sinh tử
Phiền não khó chế phục.
Đây là thân tứ đại
Tập hợp năm uẩn khổ
Quán sát rõ Khổ đế
Hết khổ chứng Niết-bàn.
Các pháp không qua lại
Qua lại hằng sinh diệt
Già, bệnh, chết lưu chuyển
Vô lậu chứng Viên tịch.

Bí-sô hữu sinh đời
Hữu tạo hạnh vô tác
Hữu vô sinh, hết hữu
Vô tác, hành không còn.
Bí-sô, Ta đã biết
Không thể vào các Địa
Không thể vào Không xứ
Không thể vào Dụng xứ
Vô tướng phi tướng xứ
Không đời này đời sau
Không do Nhật nguyệt tướng
Không đến cũng không đi.
Từ ăn sinh ra hữu
Từ ăn sinh khổ vui
Ai diệt được chỗ này
Diệt trừ hết đau khổ.
Không ăn mạng không còn
Ai nhịn được ăn uống
Thường lấy ăn làm đầu
Sau đó mới đạt đạo.
Không, địa, thủy, hỏa chủng
Nơi ấy gió không thổi
Sáng, lửa không chiếu tới
Cũng không thấy chỗ sinh
Không trăng, chẳng ánh sáng
Không mặt trời chiếu sáng
Quán sát kỹ việc này
Mới đúng với Viên tịch.

Sắc đoạn chính, thông thả
 Thoát hết tất cả khổ
 Phi sắc, phi vô sắc
 Được thoát khổ số một.
 Cứu cánh không còn sợ
 Thoát triền không hồ nghi
 Chưa chặt gai hữu dục
 Sao biết thân là bệnh.
 Cứu cánh có nghĩa là
 Viên tịch là đệ nhất
 Chặt hết các vọng tưởng
 Văn cú không nhâm lẫn.
 Biết tự chế hay không
 Nhất là bỏ hữu, hành
 Trong tự tư duy hành
 Như trứng bọc phân mô.
 Thí pháp, thí tội thượng
 Pháp lạc, lạc tội thượng
 Dao nhân, dao tốt nhất
 Ái diệt, vui Niết-bàn.



Phẩm 27: Quán Sát

Xem kỹ lòng hiềm khích
 Không cho chúng ra ngoài
 Hiềm khích không ngăn lại
 Như vệt nắng bụi bay.
 Ai tự xưng không lỗi

Tội phước đồng thời đến
Chỉ thấy lỗi của người
Ôm mãi tưởng vô minh.
Biết tà sống lâu nhất
Tham làm sao trói buộc
Không sợ đến lực sĩ
Mạng sống luôn kéo dài.
Biết tà sống vô cùng
Luôn cầu hạnh thanh tịnh
Uy nghi không thiếu sót
Nên sống với chân tịnh.
Thế gian mù tối nhiều
Có trí mắt rất hiếm
Bầy chim sa vào lưới
Ít con thoát lên trời.
Quán thế pháp suy tàn
Chỉ thấy sắc biến chuyển
Kẻ ngu tự lệ thuộc
Bị tối tăm trói buộc
Không thấy rõ các hành
Biết hành không có thật.
Chúng sinh đều có ngã
Từ đó sinh đau khổ
Chẳng ai hiểu được nhau
Không thấy gai tà kiến.
Quan sát do gai này
Chúng sinh nhiễm trước nặng
Ta tạo họ không có

Họ tạo ta chẳng có.
Chúng sinh bị mạn trối
Tham đắm nơi kiêu mạn
Bị mê hoặc bởi kiến
Không thoát cảnh sinh tử.
Đã đắc và sẽ đắc
Cả hai bị trần cấu
Vì tập theo gốc bệnh
Hãy xét điều đã học.
Xem những người trì giới
Bậc thanh tịnh phạm hạnh
Người săn sóc bệnh nhân
Đó là đến sát bờ.
Hãy quán bọt trên nước
Và quán bóng ngựa hoang
Quán thân không khác vậy
Thân chết cũng không đến.
Hãy quán bọt trên nước
Và quán bóng ngựa hoang
Quán đời không khác vậy
Không thấy thân chết đến.
Như vậy phải quán thân
Như xe vua nhiều sắc
Kẻ ngu bị nhiễm trước
Hãy tìm cách lánh xa.
Như vậy phải quán thân
Như xe vua nhiều sắc
Kẻ ngu bị đắm nhiễm

Người trí xa lánh nó.
Như vậy phải quán thân
Nguyên nhân của các bệnh
Bệnh và ngu hội hợp
Nhờ cậy chúng sao được.
Hãy xem hình tượng vẽ
Ma-ni, tóc xanh biếc
Kẻ ngu lệ thuộc vào
Không cầu sang bờ kia.
Hãy xem hình tượng vẽ
Ma-ni, tóc xanh biếc
Kẻ ngu lệ thuộc vào
Bậc Trí thì chán ghét.
Dùng hình vẽ sắc sỡ
Trang điểm thân hôi hám
Kẻ ngu lệ thuộc vào
Nên không cầu tự độ.
Móng tay, tóc tám phần
Đôi mắt, vòng đeo tai
Kẻ ngu đắm nhiễm vào
Cũng không cầu tự độ.
Tham dục nhiễm vào dục
Không xét duyên kết sử
Sống vứt bỏ kết sử
Sẽ vượt qua dòng dục.
Từ vườn thoát khỏi vườn
Khỏi vườn lại vào vườn
Hãy quan sát người này

Thoát rồi bị trôi lại.
Nay bỏ ngôi vua trời
Không tạo gốc sinh tử
Cầu thoát khổ địa ngục
Xin dạy vui Niết-bàn.
Mặc áo xanh, lọng trắng
Đi riêng một chiếc xe
Xem họ chưa đoạn cấu
Hãy tìm cách đoạn triền.
Nhiều người cầu quy y
Thần núi sông cây rừng
Đền miếu và tế thần
Mong thoát khỏi khổ nạn
Đây quy y không đúng
Cũng không được ích lợi
Quy y những nơi này
Không thoát tất cả khổ.
Ai tự quy y Phật
Chánh pháp, Bí-sô Tăng
Tu tập bốn Thánh đế
Thấy đúng với trí tuệ
Khổ và nhân sinh khổ
Sẽ thoát gốc khổ này.
Tám thánh đạo Hiền thánh
Cảnh cam lộ diệt tận
Là quy y Tối thượng
Hoàn toàn lợi, an lạc
Ai quy y chỗ này

Được thoát tất cả khổ.
Quán, đã quán, sẽ quán
Chưa quán cũng sẽ quán
Quán rồi quán trở lại
Quán mà không quán lại
Thì quán quán trở lại
Phân biệt tánh gốc nó
Lấy ngày cho là đêm
Không lâu thân tan hoại.
Quán mà không quán lại
Tuy thấy cũng không thấy
Như thấy mà không thấy
Quán nhưng vẫn không thấy.
Thế nào thấy không thấy
Sao nói thấy không thấy
Vì sao thấy không thấy
Thấy gì nhân đó thoát?
Do không quán sát khổ
Hãy tự quán sát sâu
Để thoát nguồn gốc khổ
Đó là quán minh diệu
Ai làm cho phạm phu
Không quán gốc các hành
Quán sát rõ các hành
Bỏ tối thấy sáng lớn.



Phẩm 28: Tội Chương

*Không làm các nghiệp ác
Phụng hành các việc thiện
Tự thanh tịnh tâm ý
Là lời chư Phật dạy.
Bố thí được phước báo
Không giữ tâm phân nộ
Dùng thiện diệt xấu ác
Tham, sân, si không còn.
Độc hành chớ theo ngu
Hợp quần nên theo trí
Bậc Trí diệt điều ác
Như hạc chọn sữa uống.
Quán sát đời chuyển biến
Biết pháp luôn sinh diệt
Hiền thánh vui khác đời
Kẻ ngu khác bậc Hiền.
Hiểu biết vị mong nhớ
Tư duy việc chấm dứt
Không tưởng nhiệt nảo đôi
Sẽ hưởng được pháp vị.
Người không làm hại tâm
Không hủy hoại ý mình
Dùng thiện diệt hẳn ác
Không lo theo ác đạo.
Người muốn luyện tinh thần
Cần phải thường tu tập
Bậc Trí dễ điều luyện*

Đáng bậc Hùng trong đời.
Thường thân cận vị ấy
An ổn không sầu não
Chấm dứt hết lỗi lầm
Nhu hòa không hung bạo
Thối bay các pháp ác
Như gió cuốn rụng lá.
Vô có sợ kẻ khác
Hủy báng bậc Thanh tịnh
Theo ác bị quả ác
Như ngược gió thổi khói.
Người làm thiện hay ác
Đều tự biết rõ ràng
Tu thiện được quả thiện
Làm ác đọa cõi ác.
Xét mình tịnh hay không
Nghĩ người tịnh làm gì
Kẻ ngu không tự luyện
Như sắt dùi thép cứng.
Mắt thấy việc sai trái
Người sáng suốt tìm cách
Bậc Trí sống trong đời
Không làm các việc ác.
Người buồn đi đường sợ
Bạn ít hàng hóa nhiều
Đi qua nơi hiểm nạn
Lo gãy trục thành linh.
Thân không bị vết thương

Không bị nhiễm độc hại
Bị thương sao ngăn độc
Không ác nào không làm.
Thân làm nhiều việc ác
Tất khổ lụy vì thân
Làm thiện, rãi ân đức
Việc này rất là khó.
Lành thay! Người tu thiện
Hại thay! Vì quá ác
Ác làm ác rất dễ
Ác làm thiện rất khó.
Ngu huênh hoang mình đúng
Khi ác chưa thành thực
Khi ác chín muồi rồi
Các khổ hiện đầy đủ.
Bậc Hiền thấy việc ác
Không bị ác làm quen
Việc ác chưa chín muồi
Kẻ ác xem biết ác
Bậc Hiền quan sát ác
Hiền vẫn không quen ác
Như người quen việc hiền
Hiền quan sát việc hiền.
Người tuy làm việc ác
Nhưng không siêng năng làm
Tâm ý họ không vui
Biết ác đưa đến khổ.
Người đã làm việc phước

Phải luôn luôn làm thêm
Với họ thỏa ý nguyện
Ưa thích quả báo phước.
Trước làm theo tâm thiện
Quản thúc căn bản ác
Do vậy hưng phước nghiệp
Vui do tâm ngăn ác.
Hiện đời làm ác nhỏ
Sau phải chịu khổ nhiều
Chịu tai họa vô biên
Như độc nằm trong bụng.
Làm phước tuy nhỏ ít
Sau hưởng phước đức lớn
Sẽ nhận quả báo lớn
Như trồng được quả tốt.
Cố khinh người không lỗi
Cố hại người không sân
Sẽ trong mười loại này
Phải chịu trong một loại
Thống khổ phải rên la
Thân thể bị thương tổn
Các bệnh luôn hành hạ
Tâm loạn, ý bất định
Dòng họ bị ly tan
Tài sản hao tổn hết
Bị giặc cướp đoạt hết
Sở nguyện không thành tựu
Gặp vô số tai biến

Bị lửa thiêu đốt cháy
Thân chết, không trí tuệ
Phải chịu trong mười loại.
Làm ác chớ nói không
Làm ác nói không tội
Che giấu tội đã làm
Đây sẽ có quả báo.
Nói lời ác có buồn
Làm mãi cũng than thở
Che giấu kín cũng than
Nhân buồn quả tất buồn.
Nay buồn đời sau buồn
Làm ác cả hai buồn
Gây buồn chịu quả báo
Thấy vậy mới suy nghĩ.
Nay vui đời sau vui
Làm phước cả hai vui
Làm phước được quả phước
Thấy thanh tịnh của mình.
Nay nóng đời sau nóng
Làm tội hai đời nóng
Nhân nóng thọ báo nóng
Thấy vậy tự kiểm nghiệm.
Làm phước không làm ác
Đều do sớm hành pháp
Không sợ vào đường chết
Như thuyền vượt qua sông.



Phẩm 29: Tương Ứng

Dạ quang chiếu trong đêm
 Khi mặt trời chưa mọc
 Nhật quang tỏa ánh sáng
 Ánh dạ quang bị mất.
 Ngoại đạo chiếu ánh sáng
 Khi Phật chưa xuất hiện
 Phật xuất thế, sáng ngời
 Vượt ngoại đạo, Thanh văn.
 Không vững chắc tưởng vững
 Vững chắc tưởng không vững
 Sau không được vững chắc
 Vậy nên sinh tà kiến.
 Vững chắc biết vững chắc
 Không vững biết không vững
 Bị người cầu vững chắc
 Căn bản tự sửa trị.
 Kẻ ngu cho là vững
 Lại bị chín kết trói
 Như chim sa vào lưới
 Vì tham ái quá sâu.
 Những kẻ tâm hồ nghi
 Đời này và đời sau
 Thiên định trừ hết nghi
 Phạm hạnh không áo não.
 Từ trần thoát khỏi trần
 Ai mặc pháp phục này
 Không chế ngự, không chứng

*Không xứng mặc pháp phục.
Ai trừ được cấu uế
Tu những Giới, Định, Tuệ
Tư duy hợp hành động
Thật đáng mặc ca-sa.
Lời nói không nhu hòa
Chỉ có danh to lớn
Người bề ngoài khéo đẹp
Bên trong tâm xảo nguy.
Ai bỏ được việc này
Vĩnh viễn nhỏ tận góc.
Bậc Trí trừ các uế
Mới gọi là khéo đẹp
Không lấy vẻ thông dong
Cho là hiểu ý người.
Đòi nhiều kẻ phi pháp
Phóng túng trong thế giới
Kẻ kia như vàng giả
Bên trong toàn là đồng
Phóng túng không e ngại
Trong uế, ngoài bất tịnh.
Tham ăn không tiết độ
Thường lăn lóc qua lại
Như heo nuôi trong chuồng
Mãi mãi chịu luân hồi.
Người biết giữ ý mình
Ăn uống biết tri túc
Chỉ mong để nuôi thân*

Dưỡng mạng để hành đạo.
Quán tịnh mà tự tịnh
Các căn lành không đủ
Tham ăn không biết chán
Mãi mãi là phàm phu.
Thay đổi theo ý dục
Như nhà đột mưa vào
Nên quán bất tịnh hạnh
Các căn lành không thiếu.
Ăn uống biết tiết độ
Có tín luôn tinh tấn
Không buông lung ý dục
Như gió thổi Thái sơn.
Nơi vắng thật đáng ưa
Nhưng người không ưa vắng
Không muốn sống chỗ ấy
Xử sở của không dục.
Thật khó lay khó động
Như núi tuyết lớn kia
Chẳng hiện thì không hiện
Như đêm, tìm nhà tối.
Bậc Hiền có số ngàn
Người trí ở từng lâm
Nghĩa lý rất thâm sâu
Người trí đều phân biệt.
Có nhiều hạng chúng sinh
Chẳng tìm thì không gặp
Hãy xét nghĩa lý này

Người không giới bị nhục.
Quán hữu biết sợ hãi
Thay đổi biết hữu không
Thế nên không ưa hữu
Nên nhớ viễn ly hữu.
Không tin có nhân quả
Nên đào tường trộm cướp
Trừ ý hy vọng ấy
Gọi là bậc Dũng sĩ.
Trừ duyên cha và mẹ
Nhà vua và hai loại
Diệt hết cảnh giới ấy
Vô cầu là phạm hạnh.
Ai không dựa vào đâu
Biết họ rất sang giàu
Không, Vô tướng, Vô nguyện
Tư duy để tu hành.
Chim bay trên không trung
Không để lại vết chân
Như kẻ đi đi mãi
Lời nói không đến đâu.
Ai đoạn được gốc hữu
Không theo điều chưa đúng
Không, Vô tướng, Vô nguyện
Tư duy để thi hành.
Ít có các chúng sinh
Phần đông không thuận tánh
Có kẻ thoát không thoát

Vì diệt rất là khó.
Những lời dạy bình đẳng
Quản sát hết từng pháp
Đoạn tận các kết sử
Không còn có nhiệt não.
Đi đường không ưu phiền
Trọn ngày được giải thoát
Sạch tận hết kết sử
Không còn có phiền não.
Như chim bay trên không
Thật tự do không ngại
Như người chứng vô lậu
Không, Vô tướng, Vô nguyện
Như chim bay trên không
Thật tự do vô ngại
Hành giả đến bờ kia
Không, Vô tướng, Vô nguyện.
Không tạo không tạo hữu
Kẻ tạo chịu phiền não
Chẳng nên tạo, vẫn tạo
Trước buồn, sau cũng buồn
Người tạo việc thiện mỹ
Đã làm không lo buồn
Tạo mà tạo việc vui
Sinh Thiên hưởng hoan lạc.
Hư không không dấu vết
Sa-môn không tà ý
Chúng sinh đều thích ác

Duy Phật tịnh vô uế.
Hư không không dấu vết
Sa-môn không tà ý
Thế gian đều vô thường
Phật vô ngã, ngã sở.
Chư Thiên và Người đời
Tất cả hạnh tương ưng
Giải thoát tất cả khổ
Ly ái, miễn luân hồi.
Chư Thiên và Người đời
Tất cả hạnh tương ưng
Viễn ly các nghiệp ác
Không bị đạo ác thú.
Không hiểu biết lý luận
Chẳng biết ai Hiền thánh
Ai biết luận nghĩa lý
Lời nói không chỗ sai.
Nói đúng pháp hợp lý
Như dựng cờ Tiên nhân
Cờ pháp là Tiên nhân
Tiên nhân là cờ pháp.
Hoặc có yên lặng mắng,
Hoặc có giữa chúng mắng
Hoặc có chưa nói mắng
Đời khó không bị mắng.
Một khen và một chê
Chỉ vì danh hay lợi
Chẳng danh và chẳng lợi

Cũng chẳng biết thế nào.
Lời bậc Trí tán dương
Thuận theo tốt và xấu
Bậc Trí không khuyết lậu
Tuệ định đắc giải thoát.
Như vàng ròng tử kim
Trong ngoài đều thuần chất
Cũng như núi An minh
Không bị gió lay động
Bậc Trí cũng như vậy
Khen chê không làm động.
Như cây không có rễ
Cành lá không mọc được
Bậc dũng kiện thoát triền
Ai chê được đức họ
Không cầu ướ, không trụ
Đào giống khổ khỏi thân
Tối thắng không còn ái
Trời người không biết được.
Như bao vây khu rừng
Không còn chút ái nào
Phật có vô lượng hạnh
Không ai tìm vết được.
Nếu không còn dục sinh
Có sinh vẫn không thọ
Phật có vô lượng hạnh
Không ai tìm vết được.
Ai diệt hết dục tưởng

*Hết các nhân trong ngoài
Cũng không còn sắc tướng
Không bị thọ tứ sinh,
Bỏ trước và bỏ sau
Bỏ giữa, thoát khỏi hữu
Bỏ hết tất cả rồi
Không còn chịu sinh già.*



PHÁP TẬP YẾU TỤNG KINH

QUYỂN 4

Phẩm 30: Lạc

*Cố thắng thì gây oán
Chịu thua thì tự khinh
Ngưng ý thì an vui
Không còn tâm thua thắng
Ai quấy nhiễu người khác
Cầu an lạc cho mình
Chắc chắn gây oán thù
Không sao được giải thoát.
Ưa thích nơi ái dục
Cầm gây hại chúng sinh
Để cầu cho mình an
Đời sau không an lạc.
Người muốn được hoan lạc
Không gây hại chúng sinh
Để cầu được hoan lạc
Đời sau được an lạc.
Ưa pháp ưa học hành
Chớ học hành pháp ác
Người giỏi biết hành pháp*

Đời này, đời sau vui.
Người hộ pháp hành pháp
Tu pháp được thiện báo
Pháp này đúng Luật giáo
Hành pháp không đến ác.
Người hộ pháp hành pháp
Như dù che trên thân
Pháp này đúng Luật giáo
Hành pháp không đến ác.
Làm ác đọa địa ngục
Chỗ sinh là đường ác
Làm phi pháp tự hại
Như tay nắm rắn độc.
Đừng cho pháp, phi pháp
Có kết quả như nhau
Phi pháp vào địa ngục
Chánh pháp đưa sinh Thiên.
Thí và tranh đồng chỗ
Đức này, trí không khen
Khi thí và khi tranh
Cả hai cũng như nhau.
Gặp trăm ngàn nguy biến
Trừ hết kiêu mạn oán
Khi thí tâm thanh tịnh
Trượng phu là tối thắng.
Nhẫn ít, được thắng nhiều
Giới thắng nhiều biếng nhác
Người có tín tuệ thí

Sau đó hưởng quả thiện
Khoái lạc gây quả phước
Sở nguyện đều thành tựu.
Mau được đệ nhất diệt
Từ từ vào vô vi
Nếu biết cầu phương tiện
Hiện thánh trí tuệ thí.
Làm cạn hết nguồn khổ
Nên biết được quả lớn
Khéo ổn định pháp ái
Tâm khiết ý thanh tịnh
Pháp Hiền thánh giảng dạy
Bậc Trí rất ưa thích.
Ai tâm thích thiên định
Và thích không sinh khởi
Cũng thích bốn Ý chỉ
Và thích bốn Giác ý
Và bốn pháp Thần túc
Tám Chánh đạo Hiền thánh,
Vui thích ăn đạm bạc
Vui thích với pháp y
Vui thích đi kinh hành
Vui thích nơi rừng vắng.
Đã đạt đến an lạc
Hiện pháp chứng vô vi
Vượt qua các sợ hãi
Thoát nhiễm trước thế gian
An vui nơi chánh niệm

*Quán sát giới các pháp
Lành thay, sống không hại
Nuôi dưỡng các chúng sinh.
Sống không ưa ái dục
Vượt các ý nhiễm trước
Diệt sạch tâm kiêu mạn
Đây là vui số một.
Già có giới là vui
Có tín, vui hoàn toàn
Phân biệt ý nghĩa vui
Không tạo các ác nghiệp.
Đời có cha mẹ vui
Gặp nhau hòa hợp vui
Đời có Sa-môn vui
Chỉ an tịnh cũng vui.
Vui thay Phật ra đời
Nghe giảng pháp rất vui
Chúng Tăng hòa hợp vui
Hòa thì luôn an ổn.
Trì giới đầy đủ vui
Học rộng biết nhiều vui
Được gặp Thánh nhân vui
Giải thoát luân hồi vui.
Nước đức trong mắt vui
Pháp tài tự tu vui
Được trí tuệ sáng vui
Diệt mạn không tà vui.
Được gặp bậc Hiền vui*

Hội họp càng vui hơn
Không cùng ngu làm việc
Tất an lạc mãi mãi.
Không cùng ngu làm việc
Trải qua vô số ngày
Cùng ngu sống chung khó
Như gặp kẻ oán tặc.
Cùng trí ở chung dễ
Như thân quyến gặp nhau
Khó gặp được người trí
Không uổng cuộc sống này.
Như sinh đến chỗ nào
Nhà ấy tất được mừng
Tất cả được an ổn
Phạm chí giữ diệt độ
Không bị nhiễm bởi dục
Thoát được hết các nơi
Diệt hết các tai họa
Hàng phục nội phiền não
Chấm dứt hẳn thù miên
Tâm thức được thanh tịnh.
Cẩn thận tham đắm lạc
Hộ trì việc sắp làm
Phải niệm xả trong đời
Quản sát việc khoái lạc
Khoái lạc của thế gian
Với an lạc cõi trời
Lạc nhất đời, so trời

Không bằng phần mười sáu.
Muốn bỏ gánh nặng xuống
Đừng tạo thêm nghiệp nữa
Nặng gánh đời thì khổ
Bỏ xuống rất an lạc.
Đoạn hết các ái dục
Và diệt tất cả hành
Diệt luôn gốc năm uẩn
Không luân hồi ba cõi.
Vui tập hợp việc nghĩa
Vui bạn bè hưởng phước
Vui tịch nhiên mát mẻ
Truyền đến khắp mọi người.
Khổ sinh ra từ lạc
Như ngọn lửa trong lò
Bùng lên cháy rực rỡ
Rồi từ từ tiêu diệt.
Không biết chỗ họ đến
Người tri kiến như vậy
Thoát khỏi bùn ái dục
Không còn có chỗ đi.
Đã đạt vui bất động
Trong nguy biến không ngừng
Vẫn an nhiên không sân
Trừ ưu không còn buồn.
Tịch nhiên quán sát đời
An vui không phiền não
Học tập nhiều chánh pháp

Tà kiến bị tổn giảm.
Nhiều người tham đắm sắc
Không kết, được trường thọ
Phật pháp biết nguồn kết
Người phải biết vết kết.
Nhiều người tâm bị trôi
Cột chặt vào góc sắc
Tất cả khổ theo thọ
Tất cả lạc do ta.
Không quan tâm thắng bại
Vì cuối chẳng được gì
Những người muốn sống vui
Nhẫn nhục với kẻ khinh
Nhẫn là nhẫn với người
Không nhẫn với các hữu.
Những người muốn sống vui
Với mê hoặc không mê
Mê hoặc với người khác
Tự ta không mê hoặc.
Những người muốn sống vui
Trọn đời không kết sử
Sẽ ăn bằng niệm thực
Như chư Thiên Quang âm.
Thường ăn bằng chánh niệm
Thân tâm không phiền não
Chúng sinh thấy khổ vui
Thánh pháp không tổn hoại.
Xử có xúc sinh lạc

Không xứ nào có xúc
 Như Bí-sô trong định
 Không vương một cấu gì
 Chúng sinh gặp khổ vui
 Nhưng không tự giác tri.
 Như Lai và Đa văn
 Kỹ thân, Quảng, Thiện hữu
 Viên tịch, Quán, Tội chướng
 Tương ưng, Lạc mười phẩm.



Phẩm 31: Hộ Tâm

Tâm tinh vi khó điều
 Vì che chở bởi dục
 Hàng phục tâm là thiện
 Hàng được thì khinh an.
 Như cá trên đất khô
 Ra ngoài vực nước sâu
 Tâm thức rất sợ hãi
 Mau chạy khỏi chúng ma.
 Tâm chẳng ở một chỗ
 Như ánh sáng mặt trời
 Bạc Trí chế ngự tâm
 Như móc điều voi dữ.
 Ta bàn luận tâm này
 Tinh vi khó thấy được
 Nay Ta muốn giáo giới
 Cần thận chớ sinh lỗi.

Chớ thả tâm đi rong
Phóng dật theo ý ông
Ta phải quản lý nó
Như chế ngự voi dữ.
Sinh tử thật vô cùng
Luân hồi không đầu mối
Tìm cầu xây nhà mãi
Vẫn phải thọ bào thai.
Hãy xem cư xá này
Đừng tạo thêm phòng nữa
Cột kèo đã hư rồi
Thì lâu đài sụp đổ.
Tâm đã thoát các hành
Ở giữa là tâm ta
Tâm hoạt động mau lẹ
Khó giữ, khó điều phục.
Người trí tự huấn luyện
Như thợ uốn tên thẳng
Có sân biết mình sân
Có sân biết sân gì.
Ý này do mình làm
Cha mẹ chẳng liên can
Trừ tà đến chánh định
Làm phước chớ thoái lui.
Mái nhà lợp không kín
Trời mưa dột dễ dăng
Người hành động không nghĩ
Thường theo dâm, nộ, si.

Mái nhà được lợp kín
Trời mưa không bị dột
Người hành động biết nghĩ
Không còn dâm, nộ, si.
Tâm là gốc các pháp
Tâm chủ, tâm tạo tác
Tâm ai nghĩ việc ác
Nói ác, hành động ác
Tội khổ tự đi theo
Như xe lăn theo vết.
Tâm là gốc các pháp
Tâm chủ tâm tạo tác
Ai tâm nghĩ việc thiện
Nói thiện, hành động thiện
Hạnh phúc luôn đi theo
Như bóng không rời hình
Không dùng ý bất tịnh
Để phần nộ với người.
Người muốn biết Chánh pháp
Do Chánh Đẳng Giác dạy
Phải diệt trừ cao ngạo
Tâm ý rất thanh tịnh
Xả bỏ lòng hại người
Mới được nghe Chánh pháp.
Tâm ý không yên tịnh
Cũng không biết thiện pháp
Mê say việc thế gian
Không có chánh tri kiến.

Ba mươi sáu dòng chảy
 Theo tâm ý hữu lậu
 Luôn luôn có tà kiến
 Ý theo dục tưởng kết.
 Thả ý bỏ thiện căn
 Người buông lung theo ý
 Tham nhỏ, bỏ tiếng thom
 Như chim bỏ núi rừng.
 Sống yên tịnh tu học
 Cẩn thận chớ theo dục
 Đừng nuốt viên sắt nóng
 Kêu gào vì đau khổ.
 Nên tu chẳng chịu tu
 Ý sức chẳng siêng năng
 Tự làm người hèn mọn
 Lười biếng chẳng hiểu gì.
 Loạn quán và chánh quán
 Đều do ý phát sinh
 Thường biết, tâm quán sát
 Tâm ngu thường thường loạn
 Bạc Trí quán như vậy
 Chánh niệm chuyên tâm làm
 Khó thay ý không vương
 Chỉ Phật mới diệt trừ.
 Quán thân như bình rỗng
 Tâm vững như giữ thành
 Dùng tuệ đánh với ma
 Chiến thắng chớ để thua.

*Quán thân như bọt tu
Như bóng nắng, ngựa hoang
Dùng tuệ đánh với ma
Chiến thắng chớ để thua.
Tâm niệm bảy Giác chi
Giữ ý không tán loạn
Phải vứt ý ngu hoặc
Vui nơi Vô sinh nhẫn.
Diệt sạch hết hữu lậu
Đời này giữ diệt độ
Phải giữ tâm ý mình
Như trâu Mao giữ đuôi.
Có thí xả tất cả
Luôn luôn được an lạc
Một rỗng vượt các rỗng
Rỗng sáu nanh trong bảy
Tâm tâm tự bình đẳng
Vui sống riêng hoang dã.
Không dùng tâm ác hại
Làm khổ cho mọi người
Tâm từ cho chúng sinh
Họ không có oán hận.
Từ tâm với một người
Đạt được các gốc thiện
Rãi tâm từ đến khắp
Hiện thánh khen phước nhất.
Tâm từ rải khắp nơi
Thương yêu các chúng sinh*

Tu tập với tâm Từ
 Sau được vui vô cùng.
 Ai với ý dừng bước
 Hoan hỷ không biếng nhác
 Tu tập các pháp thiện
 Đạt đến chỗ an ổn.
 Tự mình sống hoan hỷ
 Thân, miệng, ý tương ưng
 Đã chứng đẳng giải thoát
 Bí-sô vui tịnh ý.
 Các kết sử không còn
 Không còn có trần lao
 Dầu có năm loại nhọc
 Không thể thỏa ý người
 Không bằng một tâm chánh
 Hướng đến pháp bình đẳng.
 Đắc thiện nhãn tối thắng
 Không còn chấp có ngã
 Những ai ưa thiên định
 Không ưa thích ý dục.
 Ý hân hoan tối thắng
 Cũng không thấy có ngã
 Những ai tâm ưa thiên
 Ý không còn thích dục
 Đã đoạn sạch các kết
 Như núi không lay động.
 Trong trước không nhiễm trước
 Giữa sân không nổi sân

Ai có tâm như vậy
Không còn gặp khổ nữa.
Không nhiễm ô, gây hại
Giữ giới luật đầy đủ
Ăn uống biết tiết độ
Tri túc chỗ nằm ngồi
Tìm cách tu tập ý
Là lời chư Phật dạy.
Hành giả quán tướng tâm
Chánh niệm theo dõi ý
An trú vào thiên định
Thân lạc tâm hoan hỷ.
Trang nghiêm bằng giữ ý
Đó kỵ thêm loạn tâm
Gặp việc buồn, không khổ
Bậc Trí xét kỹ vậy.
Người chẳng giữ gìn tâm
Bị hại vì tà kiến
Và tâm ý trạo cử
Chúng đưa đến đường chết.
Thế nên phải giữ tâm
Tu các hạnh thanh tịnh
Chánh kiến luôn hiện tiền
Phân biệt pháp sinh diệt.
Bí-sô hàng thù miên
Hết khổ không tạo nữa
Hàng tâm được hỷ lạc
Giữ tâm chẳng buông lung.

*Chúng sinh tâm sai lầm
 Phải chịu khổ địa ngục
 Hàng tâm đến an lạc
 Hộ tâm chớ buông lung.
 Hộ tâm chớ buông lung
 Tâm nhiều cửa tinh vi
 Giữ không cho chạy thoát
 Phải trong đường Niết-bàn.*



Phẩm 32: Bí-Sô

*Bí-sô khi khát thực
 Đã được không cất giữ
 Trời người đều tán dương
 Sống thanh tịnh không lỗi.
 Bí-sô vì Từ bi
 Ái kính theo lời Phật
 Thâm nhập diệu chỉ quán
 Diệt uế hạnh mới an.
 Bí-sô diệt các ái
 Dứt ái bỏ cống cao
 Vô ngã, vô ngã sở
 Như vậy ai chẳng thân.
 Phải biết pháp hành này
 Đường xuất ly thân khổ
 Như voi chống cừơng địch
 Bí-sô luôn tu tập.
 Người khó sống trọn kiếp*

Sống, nội tâm tranh nhau
Giữ thân theo Đạo để
Bí-sô sống an tịnh.
Xem mọi người như bạn
Chánh mạng không tạp loạn
Cho biết cho đúng chỗ
Sống đầy đủ uy nghi.
Bí-sô hạnh hoàn bị
Mới thoát cảnh giới khổ
Thích pháp, ý muốn pháp
Tư duy pháp an ổn.
Bí-sô y pháp hành
Chân chính chớ bỏ quên
Nên học nhập không định
Bí-sô thường an tịnh.
Ái lạc gây lâm lỗi
Quán sát pháp bình đẳng
Chế ngự nơi năm uẩn
Ngăn ý như nước chảy.
Thanh tịnh luôn hòa duyệt
Là uống vị cam lộ
Như núi to vững chắc
Gió không lay động được.
Bí-sô trừ ngu si
Không sao bị khuynh động.
Tất cả các danh sắc
Đều phát sinh ngu hoặc
Không thân cận luyến ái

Là Bí-sô chân chính.
Bí-sô chỉ cạo tóc
Kiêu mạn không Giới luật
Xả tham tư duy đạo
Mới đúng chân Bí-sô.
Cạo tóc chẳng ngăn tâm
Phóng dật không chỉ tín
Diệt trừ được khổ não
Là Sa-môn tối thắng.
Bí-sô đặc định Từ
Thọ trì lời Phật dạy
Đạt đến chỗ diệt tận
Chớ thân cận, không nhìn.
Tâm vui rất hỷ lạc
Thêm vào những niệm thọ
Bí-sô nhiều an lạc
Do không còn nguồn dục.
Hộ trì thân và ý
Giữ miệng làm việc thiện
Bí-sô thoát thế gian
Vượt khổ không còn ngại.
Không thiện, không trí tuệ
Không tuệ, không có thiện
Đạo sinh từ thiện trí
Được gần đường Niết-bàn.
Hành thiện không phóng dật
Chớ để dục loạn tâm
Đừng uống nước đồng sôi

Tự gây khổ thiêu thân.
Thường tự giữ thân miệng
Giữ ý không làm ác
Sau đắc giới như pháp
Đúng hiệu là Bí-sô.
Có tu những thiện pháp
Bảy giác chi là gốc
Với diệu pháp như vậy
Là Bí-sô chân chính.
Đang sống đúng lời dạy
Tự biết tận nguồn khổ
Đây gọi là gốc thiện
Chính Bí-sô vô lậu.
Không y sức Trì giới
Cũng chẳng dựa Đa văn
Giả như được Định ý
Chẳng chấp vào sở đắc.
Bí-sô tự y thị
Ta chứng hạnh Vô lậu
Hãy quán Chánh giác lạc
Chớ lùi xuống phàm phu.
Hãy quán cuộc đời này
Phân biệt từ năm uẩn
Tu tập chớ làm ác
Dùng mãnh tự chế tâm.
Bỏ nhà để giải thoát
Ý lại bị nhiễm trước
Không tinh tấn tu tập

Phiền não thật khó trừ
Chẳng tịnh tu phạm hạnh
Sao chứng đắc quả báo
Tâm ý được an ổn?
Bí-sô nhiếp thân tâm
Đã thoát già, bệnh, chết
Không còn bị luân hồi.
Đã diệt tham ái tướng
Bí-sô nhiếp thân tâm
Đã thoát già, bệnh, chết
Không còn bị luân hồi.
Tâm kết sử không còn
Bí-sô nhiếp thân tâm
Đã thoát già, bệnh, chết
Không còn bị luân hồi.
Chưa đoạn hết gốc hữu
Bí-sô nhiếp thân tâm
Đã thoát già, bệnh, chết
Không còn bị luân hồi.
Đoạn trừ ba gốc độc
Bí-sô nhiếp thân tâm
Đã thoát già, bệnh, chết
Không còn bị luân hồi.
Đã thoát khỏi ma giới
Vượt khỏi rừng gai góc
Trừ sạch lời mạ lỵ
Như dựa núi Diệu cao
Bí-sô không còn khổ.

*Quán hiện tại, tương lai
Như mộng huyễn, không đắm
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Đoạn hết nguồn gốc ái
Cạn sạch suối dục sâu
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Trừ diệt hết năm dục
Chặt hết gốc rễ dục
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Trừ diệt hết năm kết
Bẻ gãy gai ái dục
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Không còn tạo nghiệp nhà
Chặt sạch gốc bất thiện
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Không còn các phiền não
Chặt sạch gốc bất thiện
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Đoạn dục không còn sót
Không còn bị giam giữ
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.*

Ái như nước chảy tràn
Như rắn ngậm nọc độc
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Ngoài đoạn hết các tướng
Trong không tạo nhiễm tâm
Bí-sô thoát tất cả
Như rắn lột vỏ cũ.
Ai đoạn hết gốc tham
Gọi là chân Bí-sô
Hàng phục quân ma-la
Không còn khổ luân hồi.
Ai đoạn hết gốc sân
Gọi là chân Bí-sô
Giải thoát các phiền não
Không còn khổ luân hồi.
Ai đoạn hết gốc si
Gọi là chân Bí-sô
Viễn ly hết phiền trược
Không còn khổ luân hồi.
Ai đoạn hết gốc mạn
Gọi là chân Bí-sô
Thoát ly hẳn nhiễm ái
Không còn khổ luân hồi.
Ai đoạn tận keo kiệt
Gọi là chân Bí-sô
Tin, ưa thích Chánh giác
Không còn khổ luân hồi.

*Tâm tham làng sát nhân
Bí-sô phải tư duy
Ai viễn ly làng ấy
Phật khen chân Bí-sô.
Tâm sân làng sát nhân
Bí-sô phải tư duy
Ai viễn ly sân hận
Phật khen chân Bí-sô.
Tâm si làng sát nhân
Bí-sô phải tư duy
Ai viễn ly ngu si
Phật khen chân Bí-sô.
Tâm mạn làng sát nhân
Bí-sô phải tư duy
Ai viễn ly kiêu mạn
Phật khen chân Bí-sô.
Keo kiệt làng sát nhân
Bí-sô phải tư duy
Ai viễn ly keo kiệt
Phật khen chân Bí-sô.
Điều phục niệm tham ái
Như thuốc giải nọc rắn
Bí-sô phá hoại ái
Như rắn lột vỏ cũ.
Điều phục niệm sân hận
Như thuốc giải nọc rắn
Bí-sô phá hoại sân
Như rắn lột vỏ cũ.*

Điều phục niệm ngu si
Như thuốc giải nọc rắn
Bí-sô viên ly si
Như rắn lột vỏ cũ.
Điều phục niệm kiêu mạn
Như thuốc giải nọc rắn
Bí-sô viên ly mạn
Như rắn lột vỏ cũ.
Điều phục niệm keo kiệt
Như thuốc giải nọc rắn
Bí-sô vớt keo kiệt
Như rắn lột vỏ cũ.
Nếu tham dục phát sinh
Chặt như phá lau sậy
Phiền não sâu như biển
Bí-sô phải tinh tấn.
Nếu sân hận phát sinh
Chặt như phá lau sậy
Phiền não sâu như biển
Bí-sô phải tinh tấn.
Nếu như si phát sinh
Chặt như phá lau sậy
Phiền não sâu như biển
Bí-sô phải tinh tấn.
Nếu kiêu mạn phát sinh
Chặt như phá lau sậy
Phiền não sâu như biển
Bí-sô phải tinh tấn.

Nếu keo kiệt phát sinh
 Chặt như phá lau sậy
 Phiền não sâu như biển
 Bí-sô phải tinh tấn.
 Trì giới là Bí-sô
 Biết không mới hành thiên
 Hành không xét tận gốc
 Vô vi lạc tối thượng.
 Bí-sô sống kham nhẫn
 Trì túc vật nằm ngồi
 Tu tập không phóng dật
 Trì hết không còn ái.



Phẩm 33: Phạm Chí

Gọi là bậc Phạm chí
 Chẳng phải vì trần trướng
 Ở chỗ hiểm, nằm gai
 Mà gọi là Phạm chí.
 Không chấp thân, ngang ngược
 Không tụng lời dị đoan
 Trì sạch hết pháp ác
 Mới gọi là Phạm chí.
 Đời này gây nhân tịnh
 Đời sau không quả xấu
 Không làm các pháp ác
 Mới gọi là Phạm chí.
 Ai gân gũ ái dục

Nhưng tâm không tham trước
Bỏ dục sống chân chính
Là diệt tận đau khổ.
Ai không dựa tà kiến
Luôn tu tập chánh kiến
Chánh niệm diệt hữu lậu
Được gọi là Phạm chí.
Kẻ ngu bện nhiều tóc
Sửa sang chỗ nằm ngồi
Trong tâm ý tham luyến
Ngoài trang sức làm gì.
Mặc y phục tâm thường
Thân hành trì pháp thiện
Nơi yên, tự suy nghĩ
Được gọi là Phạm chí.
Thấy phàm phu đến đi
Đọa lạc, thọ khổ não
Chỉ muốn đến bờ kia
Không thích nói nhiều lời
Diệt trừ ác không sinh
Được gọi là Phạm chí.
Vượt qua dòng sông ái
Vô dục như Phạm thiên
Minh hạnh diệt hết lậu
Nên gọi là Phạm chí.
Nước không thể làm sạch
Như nhiều người tắm rửa
Ai trừ sạch ác pháp

Được gọi là Phạm chí.
Chẳng nói hay, cạo tóc
Là Sa-môn Phạm chí
Ai diệt hết các ác
Mới thật là Đạo nhân.
Ai hành động song song
Thanh tịnh không như bản
Đoạn các dục trói buộc
Mới gọi là Phạm chí.
Xuất gia làm Phạm chí
Chân chánh là Sa-môn
Vứt những hành động ác
Nên gọi là xuất gia.
Người không ý huyển hoặc
Không kiêu mạn, không nghi
Không tham, không chấp ngã
Mới gọi là Phạm chí.
Ta không nói Phạm chí
Là do cha mẹ sinh
Người diệt trừ lầm lỗi
Mới chính là Phạm chí.
Thân, miệng cùng với ý
Thanh tịnh không lỗi lầm
Ai hộ trì ba nghiệp
Mới gọi là Phạm chí.
Bị mắng chửi đả kích
Im lặng không nổi giận
Có sức nhẫn nhục lớn

Mới gọi là Phạm chí.
Ai bị khinh, xâm phạm
Vẫn chánh niệm, giữ giới
Thân chánh tự điều phục
Mới gọi là Phạm chí.
Thiện ác theo đời gọi
Là dài ngắn lớn nhỏ
Ai không nhận, không cho
Mới gọi là Phạm chí.
Thân hành động theo thiện
Miệng, ý không phạm lỗi
Ba nghiệp đều tốt đẹp
Mới gọi là Phạm chí.
Được không vương vui mừng
Mất không bị lo buồn
Yên tĩnh giữa đông người
Mới gọi là Phạm chí.
Vì đoạn trừ ân ái
Xuất gia không ái dục
Ai không còn ái dục
Mới gọi là Phạm chí.
Thích nó thì mất nó
Nó, thích nó đều không
Ai từ bỏ tham dục
Mới gọi là Phạm chí.
Thích nó thì mất nó
Nó, thích đều hư vọng
Không nhiễm ba chỗ ác

Mới gọi là Phạm chí.
Ai từ bỏ gia nghiệp
Bừng nhổ gốc ái dục
Không tham sống tri túc
Mới gọi là Phạm chí.
Nay biết tận cùng
Nguồn gốc của đau khổ
Không còn tâm ái dục
Mới gọi là Phạm chí.
Với tôi cùng với phúc
Trừ sạch vượt cả hai
Không ưu, không trần cấu
Mới gọi là Phạm chí.
Đối với tội và phúc
Trừ sạch vượt cả hai
Không nhiễm trước ba chỗ
Mới gọi là Phạm chí.
Cũng như những cánh hoa
Dùng kim xỏ hạt cải
Không bị nhiễm bởi dục
Mới gọi là Phạm chí.
Tâm hy không bụi trần
Như mặt trăng tròn đầy
Trừ sạch hết chê bai
Mới gọi là Phạm chí.
Như trăng sáng rực rỡ
Lơ lửng trên không trung
Không bị nhiễm ái dục

Mới gọi là Phạm chí.
Tránh xa không tranh cãi
Bị xúc phạm không giận
Bị ác, đáp bằng thiện
Mới gọi là Phạm chí.
Hiếu sâu, tuệ vi diệu
Nói rõ chánh, tà đạo
Hiếu tận nghĩa vô thương
Mới gọi là Phạm chí.
Những người trong thế gian
Xin ăn để sinh sống
Ai vô ngã, vô trước
Làm đúng hạnh Phạm chí
Nói và trí không cùng
Mới gọi là Phạm chí.
Ai vứt bỏ ái dục
Xuất gia, bỏ các thọ
Vì đoạn trừ dục lậu
Mới gọi là Phạm chí.
Từ mãn với chúng sinh
Làm chúng không sợ hãi
Không hại, cho thêm thiện
Mới gọi là Phạm chí.
Tránh oán không gây oán
Không thương tổn loài nào
Trừ diệt bỏ tà kiến
Mới gọi là Phạm chí.
Ở trước và ở sau

Ở giữa cũng không có
Không tháo động, chánh hạnh
Mới gọi là Phạm chí.
Virt bỏ dâm, nộ, si
Kiêu mạn, những ác hạnh
N như kim xỏ hạt cải
Mới gọi là Phạm chí.
Thành lấy hào làm vũng
Qua lại chịu khổ đau
Muốn vượt qua bờ kia
Chẳng nên nghe người khác
Chỉ diệt dục không sinh
Mới gọi là Phạm chí.
Ai đoạn trừ ái dục
Đời này và đời sau
Có ái phải diệt sạch
Mới gọi là Phạm chí.
Hữu tình không mong cầu
Đời này và đời sau
Vì không còn mong cầu
Nên gọi là Phạm chí.
Thức của ta không biết
Thiên nhân Ngạn-đạt-phước
Biết quán xét nhiều điều
Mới gọi là Phạm chí.
Quy y Nhân Trung Tôn
Quy mạng Nhân Trung Thượng
Không biết nay Thế Tôn

*Tu nhân những thiền gì
Cầu mong Thiên Trung Thiên
Dạy pháp và luật ấy
Đế tự biết túc mạng
Thấy được đường trời người
Biết khổ, trừ nhân khổ
Tâm trí được tịch diệt.
Tự biết tâm giải thoát
Thoát dục không còn vương
Đã thành tựu ba Minh
Nên gọi là Phạm chí.
Tự biết rõ túc mạng
Biết nhân quả hữu tình
N như Lai giác vô trước
Nên gọi là Phạm chí.
Đoạn trừ hết kết sử
Phiền não cũng không còn
N như Lai giác vô trước
Nên gọi là Phạm chí.
Bậc trên rồng, Tiên nhân
Đáng Đại Tiên tối tôn
Phục vụ vô số Phật
Nên gọi là Phạm chí.
Hết sạch các phiền não
Vượt dòng churning vô lậu
Từ đây đến bờ kia
Nên gọi là Phạm chí.
Bí-sô áo phấn tảo*

*Quán sát dục không thật
Sống gốc cây, chỗ vắng
Nên gọi là Phạm chí.
Nếu chẳng ai biết mình
Vẫn im lặng, không nói
Bình thản sống cô độc
Nên gọi là Bí-sô.
Vứt bỏ dây thế tục
Xuất gia không sợ gì
Thường uống vị cam lộ
Nên gọi là Phạm chí.
Đoạn tuyệt với việc đời
Miệng không nói lời bậy
Sống theo tám Chánh đạo
Nên gọi là Bí-sô.
Một mình đi nơi xa
Ẩn kín không tung tích
Tự điều việc khó điều
Nên gọi là Phạm chí.
Vô hình không thể thấy
Có cũng không thể thấy
Người hiểu biết câu này
Chánh niệm từ nguyên nhân
Tỉnh giác đoạn kết sử
Nên gọi là Phạm chí.
Vượt qua sông sinh tử
Kham nhẫn vượt thế gian
Tự giác thoát hào khô*

Nên gọi là Phạm chí.
Phải làm cạn dòng nước
Phạm chí không còn dục
Trong tự xét tình ý
Nên gọi là Phạm chí
Ai biết rõ như vậy
Mới gọi là Phạm chí.
Học trước phải rời mẹ
Tránh vua, lìa hai quan
Chiến thắng các cảnh giới
Nên gọi là Phạm chí.
Người hiểu rõ giáo pháp
Không kể già hay trẻ
Biết đúng giữ giới, tín
Như Phạm chí thờ lửa.
Quán pháp trong ra ngoài
Phạm chí là tối thượng
Tất cả các hữu lậu
Tận cùng không còn gì.
Hoặc quán sát các pháp
Tận cùng không còn gì,
Hoặc quán sát hòa hợp
Tận cùng không còn gì,
Hoặc quán sát nhân duyên
Tận cùng không còn gì.
Cũng như trong gốc pháp
Phạm chí ở bên ngoài
Nếu dùng chung giường, nệm

Như quỉ Bạc-câu-la
Cũng như trong gốc pháp
Phạm chí chỉ bên ngoài
Biết sinh, biết già, bệnh
Đi dần đến đường chết.
Mặt trời chiếu sáng ngày
Mặt trăng chiếu ban đêm
Áo giáp sáng binh lính
Thiên định sáng Đạo nhân
Phật xuất hiện trong đời
Chiếu sáng hết tối tăm.
Phạm chí diệt không còn
Có niệm buồn, không buồn
Tâm chuyển động như ý
Diệt hết các nghi ngờ.
Phát sinh các pháp sâu
Phạm chí tu tập thiền
Giải trừ lưới nghi ngờ
Thân biết rõ thống khổ.
Phát sinh các pháp sâu
Phạm chí tu tập thiền
Chiếu soi khắp thế gian
Như mặt trời trên không.
Phát sinh các pháp sâu
Phạm chí tu tập thiền
Chế ngự quân địch ma
Như Phật phá chúng ma.
Hộ tâm và Bí-sô

Phẩm Phạm chí cuối cùng
Nói theo thứ tự phẩm
Đầy đủ ba mươi ba.

Hết các kệ Phật pháp do Thánh giả Pháp Cứu
tập.



SỐ 214

PHẬT NÓI KINH CHÓ DỮ

*Hán dịch: Đồi Ngô Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt chi.*

Đức Phật trụ trong núi Kỳ-xà-quật tại thành La-duyet-kỳ vào ngày mười lăm trong tháng thuyết giới.

Tôn giả A-nan quỳ thẳng bạch Phật:

— Hiện nay Đức Phật giáo hóa cho tất cả những kẻ ngu si tối tăm trong năm đường, làm cho họ được thoát ra khỏi đường ác. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, để lại trong thế gian xá-lợi và mười hai bộ loại kinh điển làm cho các đệ tử nương theo uy thần của Phật, truyền bá kinh giới của Phật, giáo hóa mọi người, truyền trao giới pháp, khiến mọi người cùng dường không khác gì Phật.

Đức Phật dạy:

— Người nào thọ giới với đệ tử của Ta, mà trở lại ganh ghét vị thầy ấy, người ấy từ trong cảnh giới ác đến đây.

Ngài A-nan thưa:

— Vì sao gọi là cảnh giới ác?

Đức Phật bảo A-nan:

– Vào thời Phật quá khứ, có một chó dữ cắn lại chủ nó. Đức Cổ Phật thấy vậy, từ bi chú nguyện cho con chó. Chó dữ thấy uy thần của Phật nên vui mừng. Con chó này hiện đang ở địa ngục Nê-lê, chịu tội chưa hết. Sau khi Ta Niết-bàn, chó hết tội, nhờ trước đây có niệm vui mừng với Phật nên được sinh vào loài người, theo thọ giới với đệ tử của Ta. Chính từng làm chó dữ, khi thọ giới vẫn còn tập khí đời trước nên cắn lại bậc Trí. Nếu có người thọ giới với thầy, lại phỉ báng nói xấu thầy, nói trái với hạnh của Ta. Người như vậy cũng như chó dữ cắn lại chủ. Người ác phỉ báng lại thầy mình, kẻ ấy đời trước từng là chó dữ.

Tôn giả A-nan hỏi Đức Phật:

– Chó đã hết tội được sinh vào loài người, vì sao còn cắn lại bậc Trí?

Đức Phật bảo A-nan:

– Con chó ấy được sinh làm người, thọ giới pháp của Phật, được dạy bảo, nhưng tham lợi dưỡng cúng dường, ngu si không hiểu, nên có hành động hủy báng thầy mình, phỉ đọa ngũ nghịch, ác xú. Nay A-nan, hãy lắng nghe, Ta sẽ dạy rõ cho ông.

A-nan đáp:

– Vâng, con xin nghe.

Đức Phật dạy:

– Có người trì Phật pháp giới hạnh, dạy người

thờ phụng Phật nhưng lại làm cho họ đọa vào địa ngục.

A-nan kinh hãi đứng dậy, quỳ thẳng bạch Phật:

– Vì sao dạy người đẽ vào Phật đạo, lại bị đọa vào địa ngục?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông có tin lời Phật dạy không?

A-nan thưa:

– Con tin lời Phật dạy!

Đức Phật nói:

– Ông tin lời Phật, vì sao nghe có người thọ giới sẽ bị đọa địa ngục lại kinh sợ cho rằng nếu họ không bị đọa địa ngục thì lời Phật không đúng.

A-nan đứng dậy làm lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, sau đó quỳ dưới chân Phật thưa:

– A-nan không hiểu, chưa biết căn tính con người, xin Đức Phật giảng giải về ý tứ việc dạy người bị đọa địa ngục?

Đức Phật bảo A-nan:

– Sau này vào thời cuối cùng, có đệ tử Ta làm thầy nhưng biếng nhác, không siêng năng học, không có trí tuệ, tham uế dục, được người cúng dường tiền tài lương thực của cải, đem ra tiêu xài, không tinh tường Phật pháp, a dua với người, thấy người tham lam giết hại, không truyền cho họ giới bất sát. Thấy người uống rượu, không ngăn họ, ít nhiều gì cũng đều cho uống. Làm thầy khi truyền

giới pháp cho người, lại nói: “Nên cúng ít nhiều tiền vật để làm phước” với ý muốn được vật chất của người; đây là bán giới, làm cho người phát sinh sự khinh nhờn, không tinh tấn giữ giới, nên phạm các tội sát sinh lớn. Người làm thầy như vậy là dắt họ vào địa ngục Nê-lê vì làm trái lời dạy sáng suốt của Phật, làm cho Thiên thần hộ Phật pháp không ủng hộ họ, bị ma quỷ gây bệnh nặng, hoặc khi chết phải đền tội, đọa vào địa ngục.

A-nan hỏi Đức Phật:

– Người mới phát tâm, chẳng may gặp phải thầy ác, vì không sáng suốt, cho là Chánh pháp như vậy nên thọ trì lời thầy ác đưa đến ngu si không hiểu. Sau đó, họ gặp Minh sư, có thể thọ giới lại không?

Đức Phật dạy:

– Trong giáo pháp của Ta, cực kỳ rộng, nếu biết sám hối thì được thanh tịnh. Người mới phát ý, tâm thường tối tăm bị lầm bởi thầy ác, thật vì tự thân không biết, phải thọ giới lại cho thanh tịnh mới được vào Phật pháp, vì khi không biết không hiểu thì chưa phải đệ tử Phật, chỉ là người có chút ít thiện trong thế gian, không có công đức lớn.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ làm lễ.



SỐ 215

PHẬT NÓI KINH THÍ DỤ BẦY TRÂU

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa-môn Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Thí như bầy trâu tánh thuần thực, đến nơi được thả, biết chọn cỏ mềm để ăn, uống nước sạch. Lúc đó, có một con lừa nghĩ thế này: “Bầy trâu này tánh thuần thực, đến nơi được thả chúng biết chọn cỏ mềm để ăn, uống nước sạch. Nay, ta cũng bắt chước chúng chọn cỏ mềm để ăn, uống nước sạch.” Nghĩ như vậy nên lừa gia nhập bầy trâu, nhưng chân trước nhảy cẫng lên, quấy phá các trâu khác, cũng bắt chước tiếng trâu rống: “Ta cũng là trâu, ta cũng là trâu”, nhưng vẫn không thay đổi tiếng lừa. Nó bị bầy trâu dùng sừng húc chết, rồi bỏ đi.

Cũng vậy, có Tỳ-kheo nào không tinh tấn tu sửa các ác pháp, chẳng phải Sa-môn mà tự xưng Sa-môn, không tu theo phạm hạnh mà tự xưng là tu phạm hạnh, không học hỏi Đa văn, thường giữ tà kiến, không đầy đủ uy nghi, khi đi đứng tới lui,

quay lại cúi ngửa, mặc y mang bát đều không đúng pháp nên không được thọ nhận y phục, thức ăn uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh. Thấy Tỳ-kheo khác tinh tấn tu tập thiện pháp, thành tựu hạnh Sa-môn giữa chúng Sa-môn, tu tập phạm hạnh, đa văn bác học, nhờ tu theo thiện pháp nên uy nghi đều thiện, đi đứng tới lui, quay lại cúi ngửa, mặc y mang bát đều đúng pháp nên được thọ nhận y phục, thức ăn uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, Tỳ-kheo ác hạnh này suy nghĩ: “Các chúng Tỳ-kheo này tinh tấn tu tập thiện pháp, ở với chúng Sa-môn, thành tựu Sa-môn hạnh, ở với chúng phạm hạnh thành tựu phạm hạnh, đầy đủ uy nghi, đi đứng tới lui, quay lại cúi ngửa, mặc y mang bát đều đúng pháp đầy đủ nên được thọ nhận y phục, thức ăn uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh đều đầy đủ, vậy nay ta gia nhập vào chúng ấy, ta cũng sẽ được nhận y phục, thức ăn uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc trị bệnh”.

Bấy giờ ác Tỳ-kheo tu tập theo ác pháp, không có Sa-môn hạnh tự xưng Sa-môn; không phạm hạnh tự xưng phạm hạnh; ít học tập có các ác kiến, liền gia nhập vào số đông các Tỳ-kheo tinh tấn tu tập kia, muốn bắt chước uy nghi lễ tiết, đi đứng tới lui, quay lại cúi ngửa, mặc y mang bát, như các vị Tỳ-kheo vi diệu tinh tấn tu tập thiện pháp, đi đứng tới lui, quay lại cúi ngửa, mặc y mang bát kia và nói lên:

– Ta là Sa-môn, ta là Sa-môn.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vì diệu đều biết rõ Tỳ-kheo này không tinh tấn tự xưng tinh tấn; chẳng phải Sa-môn tự xưng Sa-môn, không tu phạm hạnh tự xưng phạm hạnh; không đa văn có các tà kiến. Các Tỳ-kheo vì diệu liền tấn xuất kẻ ấy ra ngoài cương giới:

– Người hãy đi đi, không được sống chung với chúng ta.

Như những con trâu tánh tình thuần thực kia trực xuất con lừa.

Do vậy, này các Tỳ-kheo, hãy từ bỏ phi Sa-môn hạnh, phi Bà-la-môn hạnh; hãy khéo đọc tụng thọ trì các thiện hạnh Sa-môn, thiện hạnh Bà-la-môn. Này các Tỳ-kheo nên học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



SỐ 216

PHẬT NÓI KINH CHUYỆN CÁ LỚN

*Hán dịch: Đồi Đông Tấn, Sa-môn Trúc Đàm Vô Lan,
người xứ Thiên trúc.*

Nghe như vậy:

Một thời Đức Thế Tôn ở rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Vương xá.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Ngày xưa, có những cá lớn sống trong một dòng nước. Cá lớn ra lệnh cá nhỏ:

– Các người không được rời nơi này đi đến chỗ khác vì sẽ bị kẻ ác bắt.

Cá nhỏ không nghe lời dạy của cá lớn, tùy tiện đi đến nơi khác.

Người đánh cá dùng mỗi mắc vào lưới tơ giăng bắt những cá này. Cá nhỏ thấy vậy, chạy về chỗ cá lớn. Khi cá lớn thấy cá nhỏ về, hỏi chúng:

– Các người có rời chỗ này đi đến nơi khác không?

Cá nhỏ đáp:

– Vừa rời chúng tôi đi đến chỗ kia và mới trở về.

Cá lớn hỏi:

– Các người đến chỗ kia mà không bị lưới bắt hay sao?

Cá nhỏ đáp:

– Chúng tôi đến chỗ kia, không bị người bắt, nhưng thấy từ xa có dây tơ dài theo sau chúng tôi.

Cá lớn bảo cá nhỏ:

– Các người đã bị hại. Vì sao? Sợ tơ mà các người thấy từ xa đi theo sau chính là vật ngày xưa đã hại hết tổ tiên cha mẹ chúng ta. Nay, các người chắc chắn bị hại. Các người không còn là con ta nữa.

Khi ấy, cá nhỏ đều bị người đánh cá bắt hết lên bờ. Như vậy cá nhỏ vì kiêu căng nên bị chết.

Cũng vậy, có một Tỳ-kheo mặc y mang bát du hành khát thực trong làng xóm, làm phước độ chúng sinh, nhưng không hộ trì thân khẩu ý, không hộ trì các căn, ý không chuyên nhất. Trong lúc đang khát thực trong làng xóm, Tỳ-kheo đó thấy những cô gái xinh đẹp tuyệt trần, sắc đẹp như hoa đào, liền sinh tâm dâm dục. Với tâm dâm này làm cho thân, miệng, ý bốc cháy. Vì này với thân, miệng, ý bốc cháy, từ nơi làng xóm khát thực trở về trú xứ, phát sinh dục tưởng, nên đến chỗ Tỳ-kheo Tôn trưởng, đem sự việc này thưa với các vị Tỳ-kheo.

Các vị Tỳ-kheo Tôn trưởng bảo Tỳ-kheo đó:

– Ông phát sinh dâm tưởng, điều đó là bất tịnh.

Này Tỳ-kheo hãy quán bất tịnh.

Các vị Tỳ-kheo Tôn trưởng dạy đến ba lần như vậy.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo đó với thân, miệng, ý bốc cháy, lại đi vào làng xóm khát thực, thấy những cô gái xinh đẹp tuyệt trần, sắc đẹp như hoa đào, nên sinh tâm dâm dục. Với tâm dâm dục này, thân, miệng, ý bốc cháy. Vị ấy với thân, miệng, ý bốc cháy, sau khi khát thực ở làng xóm xong, trở về trú xứ, đến chỗ các vị Tỳ-kheo Tôn trưởng, đem sự việc này thưa với các vị ấy.

Tỳ-kheo Tôn trưởng bảo Tỳ-kheo đó:

— Về sau ông không còn là Tỳ-kheo trong chúng của ta.

Khi ấy Tỳ-kheo đó không kịp xả giới, vội mặc y phục thể tục, thích thú trong ái dục. Như vậy là Tỳ-kheo đó đã bị ma quản thúc, làm theo ý muốn của Ba tuần, không thể thoát khỏi sinh, lão, bệnh, tử ưu bi khổ não.

Như thế, các Tỳ-kheo có đầy đủ lợi dưỡng thì rất nguy hiểm, rất khổ, rất đáng sợ. Do đó bị đọa vào đường ác, không thể đạt đến chỗ vô thượng. Này các Tỳ-kheo phải học như vậy. Đã được lợi dưỡng phải xả bỏ, chưa được lợi dưỡng không nên sinh ý tham cầu, các Tỳ-kheo phải học như vậy.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



SỐ 217

PHẬT NÓI KINH THÍ DỤ

*Hán dịch: Đại Đường, Tam tạng
Pháp sư Nghĩa Tịnh.*

Như vậy tôi nghe:

Một thời Đức Bạc-già-phạm ở rừng Thệ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Thất-la-phạt.

Giữa đại chúng, Đức Thế Tôn bảo vua Thắng Quang:

– Nay đại vương, Ta sẽ lược nói ví dụ cho vua nghe về những tai hại trong sinh tử do tham luyến mùi vị năm dục. Đại vương hãy lắng nghe, suy nghĩ ghi nhớ kỹ.

Thời quá khứ cách đây vô lượng kiếp, có một người đi trong vùng hoang dã bị voi dữ rượt, sợ hãi chạy nhưng không có nơi ẩn núp. Ông ta thấy một cái giếng trống, bên cạnh có rễ cây, nên đu theo rễ cây leo xuống, treo thân trong lòng giếng. Có hai con chuột trắng và đen đang cùng nhau cắn rễ cây, bốn thành giếng có bốn con rắn độc muốn mổ người ấy, đáy giếng có rồng độc. Lòng vừa sợ rồng, rắn độc, vừa sợ rễ cây bị đứt, thì có năm giọt mật từ trên cây rơi vào miệng người này. Nhưng

cây bị lay động nên có bầy ong bay xuống muốn chích anh ta. Lửa rừng lại lan tới đốt cháy cây này.

Nhà vua thưa:

– Người kia vì sao bị khổ vô cùng, mà còn tham chút mật kia?

Thế Tôn dạy:

– Đây đại vương, nơi hoang dã dụ đêm dài cho vô minh mê mông lâu dài. Người kia dụ cho phàm phu. Voi dụ cho vô thường. Giếng dụ cho sinh tử. Rễ cây nguy hiểm bên bờ dụ cho sinh mạng. Hai con chuột trắng đen dụ cho ngày đêm. Cắn rễ cây dụ cho bị chết trong từng niệm. Bốn rắn độc dụ cho bốn đại. Mật dụ cho năm dục. Ong dụ cho tà tư duy. Lửa dụ cho già, bệnh. Rừng độc dụ cho sự chết. Đại vương, nên biết sinh, già, bệnh, chết thật đáng sợ hãi, thường phải suy nghĩ, không để cho năm dục xâm chiếm.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Hoang dã đường vô minh
Người chạy dụ phàm phu
Voi lớn dụ vô thường
Giếng là bờ sinh tử
Rễ cây dụ mạng sống
Ngày đêm là hai chuột
Cắn rễ, chết từng niệm,
Bốn rắn là bốn đại
Giọt mật dụ năm dục*

*Ong nọc tà tư duy
 Lửa như là già bệnh
 Rong độc sự khổ chết,
 Bạc Trí xét việc này
 Mau nhàm chán sống khổ
 Tâm không tham nắm dục
 Mới gọi người giải thoát.
 Sống trong biển vô minh
 Thường bị thân chết rượt
 Nên biết đấm thanh sắc
 Mãi mãi là phàm phu.*

Khi vua Thắng Quang nghe Đức Phật giảng về tai họa của sinh tử, được điều chưa từng có, sinh tâm nhàm chán, chấp tay cung kính, nhất tâm chiêm ngưỡng, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai đại từ vì con giảng giải pháp nghĩa vi diệu như vậy, con xin thọ trì.

Đức Phật dạy:

– Lành thay, lành thay! Nay đại vương, nên làm đúng lời nói, chớ nên phóng dật.

Vua Thắng Quang và đại chúng đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.



SỐ 218

PHẬT NÓI KINH VUA QUÁN ĐÁNH

*Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Thi Hộ, người
xứ Tây Thiên trúc.*

Một thời Đức Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Ngài đem sự việc này bảo các Bí-sô:

— Các ông nên biết, có ba vị vua Sát-đế-lợi, trong ba thời gian, tại ba địa phương, thọ lễ quán đánh làm vua. Ba vị vua này, suốt đời luôn luôn ghi nhớ việc này. Những gì là ba?

Vị vua thứ nhất tuổi nhỏ sức yếu, nương theo pháp quán đánh, tại địa phương nào đó thọ pháp quán đánh làm vua. Sau khi được quán đánh, vị này ghi nhớ việc này suốt đời.

Vị vua thứ hai công lực trung bình, nương theo pháp quán đánh, tại địa phương nào đó thọ pháp quán đánh làm vua. Sau khi được quán đánh, vị này ghi nhớ việc này suốt đời.

Vị vua thứ ba có uy lực lớn, dũng mãnh hơn hết, hàng phục tất cả kẻ địch, được mọi người tin phục, vì tối thắng nên sống an ổn tốt đẹp, nương theo pháp quán đánh, tại địa phương nào đó thọ pháp quán đánh làm vua. Sau khi được quán đánh,

vị này ghi nhớ việc này suốt đời.

Này các Bí-sô, cũng vậy, trong ba thời gian, tại chỗ nào đó thực hiện việc tu chứng, luôn luôn ghi nhớ việc này trọn đời. Thế nào là ba?

Có Bí-sô phát tâm chánh tín, bỏ nhà xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa. Đây là vị thứ nhất ở chỗ nào đó tu tập pháp Bí-sô, trọn đời luôn luôn ghi nhớ việc này.

Có Bí-sô tu tập các hạnh thù thắng để chứng đắc tịch diệt, đoạn trừ các pháp tập khởi, sau khi thấy biết, xa trần rời cấu, đối với các pháp, đắc pháp nhãn tịnh. Đây là vị thứ hai ở nơi nào đó tu tập pháp Bí-sô, trọn đời luôn luôn ghi nhớ việc này.

Có Bí-sô đã đoạn trừ các hữu lậu, tăng trưởng vô lậu, đắc tâm giải thoát, đắc tuệ giải thoát, tự biết mình chứng đắc, đã thành tựu: “Ta sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau”. Đây là vị thứ ba ở nơi nào đó chứng đắc thánh quả, trọn đời luôn luôn ghi nhớ việc này.



SỐ 219

PHẬT NÓI KINH THẦY THUỐC

*Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Thi Hộ, người
xứ Tây Thiên trúc.*

Như vậy tôi nghe:

Khi đó, Đức Thế Tôn ở nước Xá-vệ, cùng với chúng Bí-sô.

Đức Thế Tôn bảo các Bí-sô:

— Các thầy nên biết, lương y trong đời biết bệnh biết thuốc có bốn điều kiện. Ai đầy đủ bốn điều, được gọi là y vương. Những gì là bốn?

1. Biết bệnh gì cần dùng thuốc gì.
2. Biết nguyên nhân bệnh và theo đó dùng thuốc.
3. Bệnh đã sinh, trị cho hết.
4. Trị tận gốc bệnh, không cho phát sinh trở lại.

Đó là bốn điều kiện. Thế nào là biết bệnh gì cần dùng thuốc gì? Trước hết biết rõ bệnh trạng và nên dùng thuốc gì để trị liệu làm cho an ổn.

Thế nào là biết nguyên nhân của bệnh và tùy theo đó dùng thuốc? Biết bệnh ấy do gió sinh ra, hay do hoàng đản, hay do đờm sinh, hay do mắc nghiệm sinh, hay do gân cốt sinh, hay do không

tiêu hóa. Biết rõ các nguyên nhân gây bệnh, tùy theo đó dùng thuốc trị, làm cho an ổn.

Thế nào là bệnh đã sinh, trị cho hết? Biết bệnh ấy ở mắt hay ở mũi tùy trường hợp trị cho hết, hoặc dùng khói xông, hay nhỏ nước vào mũi mà hết bệnh, hoặc từ lỗ mũi dẫn khí ra, hoặc mưa ra, hoặc làm cho ra mồ hôi, cho đến các phần trong thân thể, tùy theo đó trị. Biết những nơi làm cho hết bệnh, giỏi dùng thuốc trị, làm cho an ổn.

Thế nào là trị tận gốc bệnh, không cho phát sinh nữa? biết rõ gốc bệnh, với bệnh trạng như vậy cần trị liệu như vậy, gắng sức làm những việc đáp ứng kịp thời để trị hết bệnh và sau này vĩnh viễn không tái phát, làm cho được an ổn.

Như vậy là bốn điều kiện biết bệnh, biết thuốc.

Đức Như Lai, Bạc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác cũng như vậy, xuất hiện trong thế gian, tuyên bố bốn loại pháp được vô thượng. Những gì là bốn? Là Khổ thánh đế, Tập thánh đế, Diệt thánh đế, Đạo thánh đế. Bốn đế này, Đức Phật biết như thật nên thuyết giảng cho chúng sinh, làm cho đoạn trừ pháp sinh. Do pháp sinh gốc khổ đã đoạn nên già, bệnh, chết, ưu bi khổ não, các khổ đều bị tiêu diệt hẳn. Đức Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác vì lợi ích này nên tuyên bố pháp được vô thượng, làm cho chúng sinh được thoát ly khổ não. Nay các Bí-sô, như vua Chuyển luân có đầy đủ bốn

loại binh, nên được tự tại như ý, Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác cũng như vậy.

Phật nói kinh này xong, các Bí-sô hoan hỷ phụng hành.

